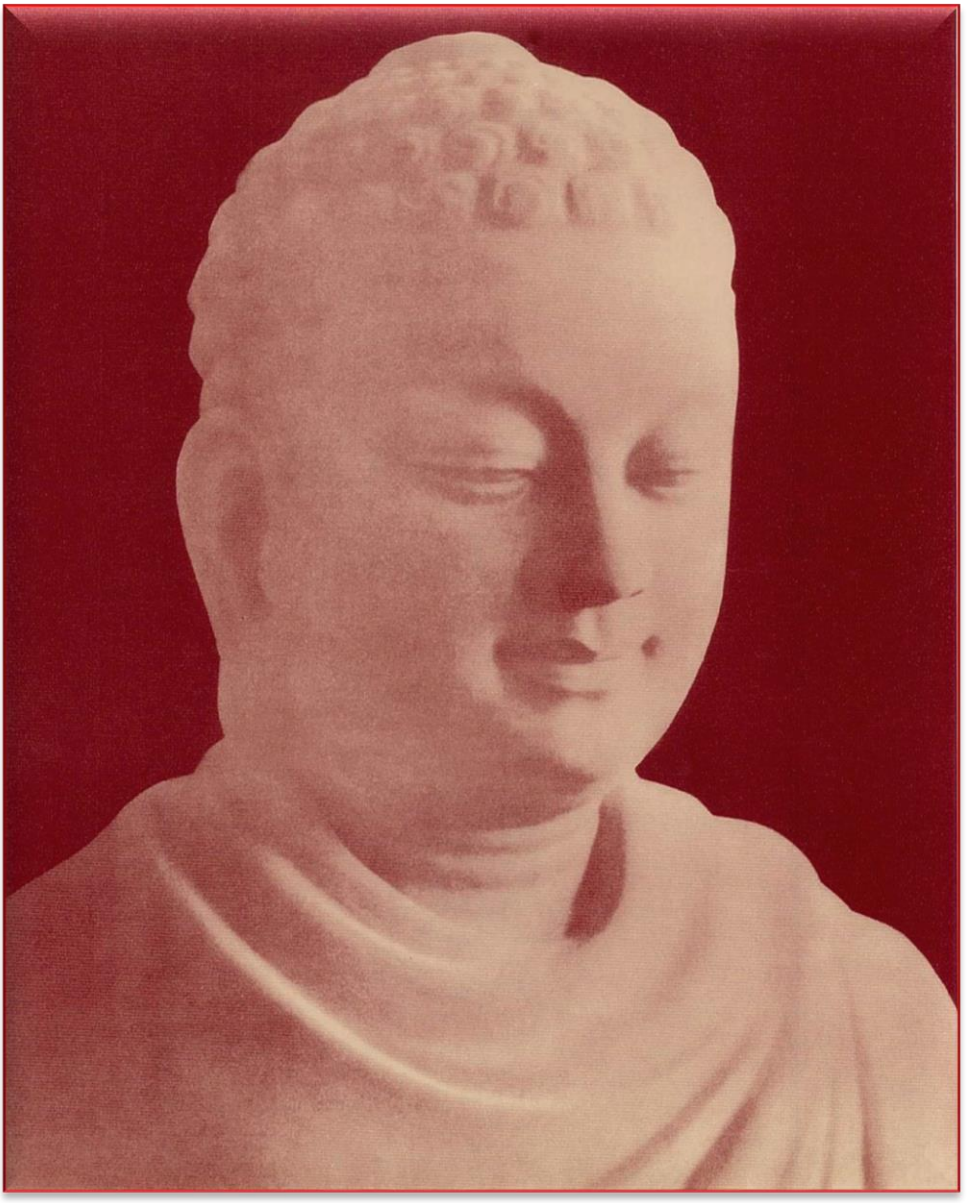


NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 85

BỘ THÍCH KINH LUẬN

III

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)

   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...

2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn

   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.

  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 85

BỘ THÍCH KINH LUẬN III

SỐ 1509 (tt)

(QUYỂN 61 → 95)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

MỤC LỤC
THÍCH KINH LUẬN 3 – T085

SỐ 1509 (TT) 3
LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ 3
QUYỂN 61 3
GIẢI THÍCH PHẨM BA MƯƠI CHÍN: TÙY HỶ 3
TRƯỚC NÓI PHƯỚC ĐỨC LÌA NĂM UẨN, NAY NÓI PHƯỚC ĐỨC TỰ TÁNH KHÔNG 19
QUYỂN 62 29
GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI : CHIẾU SÁNG 29
GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI MỐT: TIN TƯỞNG, CHÊ BAI 41
QUYỂN 63 50
GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI MỐT (TIẾP): TIN TƯỞNG, CHÊ BAI ... 50
GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI HAI: TÁN THÁN THANH TỊNH 59
QUYỂN 64 69
GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI HAI (Tiếp): TÁN THÁN THANH TỊNH 69
GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI BA: VÔ TÁC THẬT TƯỚNG 73
QUYỂN 65 87
GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI BA (Tiếp): VÔ TÁC THẬT TƯỚNG 87
GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI BỐN: CÁC BA LA MẬT 96
QUYỂN 66 109
GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI LĂM: TÁN THÁN TÍN HẠNH..... 109
QUYỂN 67 124
GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI LĂM (Tiếp): TÁN THÁN TÍN HẠNH.. 124
QUYỂN 68 140
GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI SÁU: VIỆC MA 140
GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI BẢY: HAI BÊN KHÔNG HÒA HỢP 151
QUYỂN 69 157
GIẢI THÍCH PHẨM 47 (Tiếp): HAI BÊN KHÔNG HÒA HỢP 157
GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI TÁM: PHẬT MẪU 168
QUYỂN 70 177
GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI TÁM (Tiếp): PHẬT MẪU 177
GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI CHÍN: HỎI VỀ TƯỚNG 185
QUYỂN 71 200
GIẢI THÍCH PHẨM NĂM MƯƠI: VIỆC LỚN SANH KHỞI..... 200
GIẢI THÍCH PHẨM NĂM MƯƠI MỐT: THÍ DỤ..... 207
GIẢI THÍCH PHẨM NĂM MƯƠI HAI: THIỆN TRI THỨC 212

GIẢI THÍCH PHẨM NĂM MƯƠI BA: ĐI ĐẾN NHẤT THIẾT TRÍ 223
QUYỂN 72 227
GIẢI THÍCH PHẨM NĂM MƯƠI BỐN: ĐẠI NHƯ 227
QUYỂN 73 250
GIẢI THÍCH PHẨM NĂM MƯƠI LĂM: CHẲNG THỐI CHUYỂN 250
GIẢI THÍCH PHẨM NĂM MƯƠI SÁU: CHUYỂN, BẤT THỐI CHUYỂN 262
QUYỂN 74 270
GIẢI THÍCH PHẨM 56 (Tiếp): CHUYỂN, BẤT THỐI CHUYỂN 270
GIẢI THÍCH PHẨM NĂM MƯƠI BẢY: TIM ĐÈN 278
QUYỂN 75 291
GIẢI THÍCH PHẨM NĂM MƯƠI BẢY (Tiếp): DỤ CÂY ĐÈN 291
GIẢI THÍCH PHẨM 58: TRONG MỘNG NHẬP TAM MUỘI 299
GIẢI THÍCH PHẨM NĂM MƯƠI CHÍN: HẰNG GIÀ ĐỀ BÀ 309
QUYỂN 76 313
GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI: HỌC KHÔNG, KHÔNG THỦ CHỨNG313
GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI MỐT: 320
TRONG MỘNG KHÔNG CHỨNG 320
QUYỂN 77 331
GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI MỐT (Tiếp): TRONG MỘNG KHÔNG CHỨNG 331
GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI HAI: CÙNG HỌC 342
GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI BA: BÌNH ĐẲNG HỌC 348
QUYỂN 78 357
GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI BỐN: NGUYỆN VUI MỪNG 357
GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI LĂM: KHEN NGỢI 368
QUYỂN 79 373
GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI LĂM (Tiếp): KHEN NGỢI 373
GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI SÁU: CHÚC LỤY 380
QUYỂN 80 393
GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI BẢY: PHƯƠNG TIỆN VÔ TẬN 393
GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI TÁM: 399
SÁU ĐỘ THU NHIẾP NHAU 399
QUYỂN 81 406
GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI TÁM (Tiếp): 6 ĐỘ THU NHIẾP NHAU 406
QUYỂN 82 424
GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI CHÍN: ĐẠI PHƯƠNG TIỆN 424
QUYỂN 83 444
GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI CHÍN (tiếp): ĐẠI PHƯƠNG TIỆN 444
GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI: BA TUỆ 449

QUYỂN 84 461
GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI (tiếp): BA TUỆ 461
QUYỂN 85 480
GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI MỐT: ĐẠO THỌ 480
GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI HAI: HẠNH BỒ-TÁT 488
GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI BA: GIEO TRỒNG CĂN THIỆN 495
QUYỂN 86 499
GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI BỐN: HỌC KHẮP 499
GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI LĂM: THỨ LỚP HỌC 515
QUYỂN 87 520
GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI LĂM (Tiếp): THỨ LỚP HỌC 520
GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI SÁU: MỘT NIỆM ĐỦ MUÔN HẠNH .. 531
QUYỂN 88 544
GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI BẢY: SÁU DỤ 544
GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI TÁM: BỐN NHIẾP 551
QUYỂN 89 570
GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI TÁM (Tiếp): BỐN NHIẾP 570
GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI CHÍN: KHÉO THÔNG SUỐT 580
QUYỂN 90 595
GIẢI THÍCH PHẨM TÁM MƯƠI: THẬT TẾ 595
QUYỂN 91 614
GIẢI THÍCH PHẨM TÁM MƯƠI MỐT: CHIẾU SÁNG 614
QUYỂN 92 630
GIẢI THÍCH PHẨM TÁM MƯƠI HAI: LÀM THANH TỊNH CÕI PHẬT . 630
QUYỂN 93 642
GIẢI THÍCH PHẨM 82 (Tiếp): LÀM THANH TỊNH CÕI PHẬT 642
GIẢI THÍCH PHẨM TÁM MƯƠI BA: CHẮC CHẮN 651
QUYỂN 94 659
GIẢI THÍCH PHẨM TÁM MƯƠI BA (Tiếp): CHẮC CHẮN 659
GIẢI THÍCH PHẨM TÁM MƯƠI BỐN: BỐN ĐẾ 668
QUYỂN 95 678
GIẢI THÍCH PHẨM TÁM MƯƠI LĂM: BẢY THÍ DỤ 678
GIẢI THÍCH PHẨM TÁM MƯƠI SÁU: BÌNH ĐẲNG 685

**

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 85

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN

SỐ 1509 (tt)

(QUYỂN 61 → 95)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1509 (tt)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 61

GIẢI THÍCH PHẨM BA MƯƠI CHÍN: TÙY HỶ

KINH: Bấy giờ Di-lặc Bồ-tát ma-ha-tát nói với Tuệ-mạng Tu-bồ-đề rằng: Có Bồ-tát ma-ha-tát đem phước đức tùy hỷ cho tất cả chúng sanh để cùng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì không Sở đắc. Nếu đem phước đức của Thanh văn Bích-chi Phật, hoặc phước đức bố thí, trì giới, tu định, tùy hỷ của tất cả chúng sanh so với Bồ-tát ma-ha-tát đem phước đức tùy hỷ cho tất cả chúng sanh để cùng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì phước này tối thượng, đệ nhất, tối diệu, vô thượng không thể sánh bằng, Vì sao? Vì Thanh văn, Bích-chi Phật và tất cả chúng sanh được phước đức do bố thí, trì giới, tu định, tùy hỷ, đều vì tự điều phục, tự thanh tịnh, tự độ mà khởi tu Bốn niệm xứ, cho đến Tám thánh đạo phần, không, vô tướng, vô tác; còn công đức Bồ-tát là tùy hỷ hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì điều phục hết thảy chúng sanh, vì thanh tịnh hết thảy chúng sanh, vì độ hết thảy chúng sanh mà khởi tu.

Bấy giờ Tuệ-mạng Tu-bồ-đề thưa Di-lặc Bồ-tát rằng: Các Bồ-tát ma-ha-tát nhớ đến vô lượng vô biên vô số các đức Phật diệt độ trong mười phương vô lượng vô biên vô số thế giới, từ khi mới phát tâm cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vào Vô dư Niết-bàn cho đến khi Pháp tận, ở khoảng trung gian ấy tạo các thiện căn tương ưng Sáu Ba-la-mật và thiện căn của Thanh văn, hoặc phước đức bố thí, trì giới, tu định và, thiện căn vô lậu của các bậc hữu học, vô học; giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn, Nhất thiết trí, đại từ đại bi và vô lượng vô số các Phật pháp khác của chư Phật; và học từ pháp của chư Phật thuyết, được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, Bích-chi Phật đạo, vào Bồ-tát ma-ha-tát vị, và thiện căn của các chúng sanh khác, đem tất cả phước đức tùy hỷ với tất cả thiện căn ấy hòa hợp lại, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là tối thượng, đệ nhất, tối diệu, Vô

thượng, không gì sánh bằng. Tùy hỷ như vậy rồi, đem phước đức tùy hỷ ấy, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu có Thiện nam tử tu Bồ-tát đạo, nghĩ rằng: "Tôi đem tâm này hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác", ấy là sanh tâm duyên sự. Nếu Thiện nam tử chấp thủ tướng mà hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có thể được như sở niệm chăng?

Bồ-tát Di-lặc nói với Tu-bồ-đề: Thiện nam tử ấy tu Bồ-tát đạo, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy là tâm duyên sự, nếu thiện nam tử chấp thủ tướng như vậy, thì không thể được sở niệm.

Tu-bồ-đề nói với Bồ-tát Di-lặc: Nếu các sự các duyên không có gì của chính nó mà thiện nam tử ấy, tu Bồ-tát đạo thủ tướng thiện căn của chư Phật mười phương, từ khi mới phát tâm cho đến khi pháp tận, và đối với các thiện căn của Thanh văn, thiện căn của bậc học, vô học, tất cả phước đức tùy hỷ hòa hợp hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì vô tướng, thì Bồ-tát ấy không có điên đảo; không có tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo: vô thường cho là thường; không có tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo: bất tịnh cho là tịnh, khổ cho là vui, vô ngã cho là ngã. Hoặc như duyên như sự, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng như vậy, tâm hồi hướng cũng như vậy. Thí Ba-la-mật, Giới, Nhẫn, Tấn, Thiền, Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến Mười tám pháp không chung, cũng như vậy.

Nếu như vậy, thế nào là duyên? Thế nào là sự? Thế nào là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Thế nào là thiện căn? Thế nào là tâm tùy hỷ hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

LUẬN: Trong bảy phẩm trước Phật sai Tu-bồ-đề nói Bát-nhã, giữa chừng Đế-thích hỏi nhiều, nói nhiều việc công đức. Nay Di-lặc thuận theo bổn ý Phật, trở lại muốn sai Tu-bồ-đề, nhân pháp tùy hỷ mà nói rộng Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, Đế-thích nghe trên kia nói cúng dường Bát-nhã bằng hoa hương, kỹ nhạc, phan lọng, được phước rất nhiều, vô cùng vui mừng.

Nghĩ rằng: "Các thứ cúng dường ấy chỉ chúng ta sắm được, chẳng phải người xuất gia có được". Thế nên Di-lặc muốn dẹp cái tâm tự cho mình nhiều của ấy, nên nói Tu-bồ-đề, Bồ-tát chỉ đem tâm tùy hỷ, là hơn cả sự bố thí và các công đức vô lậu của Thanh văn, Bích-chi Phật và tất cả chúng sanh, huống gì hương hoa cúng dường kinh quyển.

Phước đức tùy hỷ là, không nhọc thân miệng làm các công đức, chỉ đem tâm phương tiện thiện xảo, thấy người khác tu phước, vui mừng theo, nghĩ rằng: Giữa hết thảy chúng sanh, người tu phước hành đạo được, là

rất thù thắng, nếu lìa phước đức thì người và súc sanh đồng hành ba việc: Dâm dục, uống ăn, chiến đấu.

Người hành đạo tu phước được chúng sanh tôn trọng thương kính, thí như lúc nóng bức, có trăng tròn mát mẻ, không ai không ưa ngước xem, cũng như trước ngày đại hội chuẩn bị kỹ nhạc, thức ăn ngon đầy đủ, người ở gần xa đều hân hoan phó hội. Người tu phước cũng như vậy.

Phước đức làm nhân duyên được hai thứ vui là vui thế gian và vui xuất thế gian. Xuất thế gian là các pháp vô lậu, tuy không có phước báo, song hay sanh phước đức, nên gọi là phước đức. Thế nên hữu lậu vô lậu, đều gọi là phước đức.

Lại nữa, phước đức là gốc của Bồ-tát ma-ha-tát, hay làm cho mãn nguyện, được tất cả thánh nhân tán thán, Bị người vô trí hủy báng, chỗ người trí đạo đi, người vô trí xa lìa. Do nhân duyên phước đức nên được làm vua người, Chuyển luân Thánh vương, vua Trời, A-la-hán, Bích-chi Phật, chư Phật Thế Tôn; Đại từ Đại bi, Mười lực, Bốn điều không sợ, Trí thất thiết chủng, tự tại vô ngại, đều từ trong phước đức sanh.

Các thứ phước đức như vậy, vì được chánh kiến nên hoan hỷ theo. Lại nữa, Bồ-tát tự suy nghĩ: Ta nên đem vui cho tất cả chúng sanh,
nên thấy chúng sanh tự tu hành phước đức; thế nên tâm sanh hoan hỷ.

Lại nữa, tất cả chúng sanh hành thiện, tương tợ với ta, ấy là cùng ta đồng bạn, thế nên hoan hỷ.

Các Bồ-tát ma-ha-tát đối với chư Phật trong mười phương ba đời, và Bồ-tát, Thanh văn, Bích-chi Phật, và tất cả chúng sanh tu phước, bố thí, trì giới, tu định, đối với các phước đức ấy, sanh tùy hỷ phước đức, thế nên gọi là phước đức. Đem phước đức tùy hỷ ấy chung với hết thảy chúng sanh, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Chung với hết thảy chúng sanh là, phước đức ấy không thể đem cho hết thảy chúng sanh, mà có thể cho quả báo, nghĩa là Bồ-tát đã được quả báo phước đức, là các thứ vui thế gian như đem y phục, uống ăn v.v... làm lợi ích chúng sanh. Bồ-tát do phước đức mà thân miệng thanh tịnh, được người tín thọ, nói pháp cho chúng sanh, khiến được Mười thiện đạo, Bốn thiền v.v... làm cho lợi ích đời sau, và cuối cùng thành Phật, được quả báo phước đức, thân có Ba mươi hai tướng, Tám mươi vẻ đẹp tùy hình, ánh sáng vô lượng, người xem không chán, thanh tịnh vô lượng, phạm âm nhu hòa, các Phật pháp giải thoát vô ngại, thị hiện ba việc (Biết tha tâm, hiện thần lực, thuyết giáo môn - N.D) độ vô lượng vô số chúng sanh, sau khi vào Niết-bàn nát thân thành xá-lợi, để cho người cúng dường, lâu về sau đều khiến cho đắc đạo. Ấy là quả báo có thể đem cho hết thảy chúng sanh.

Do trong quả nói nhân, nên nói đem phước đức cho chúng sanh chung hưởng. Nếu phước đức có thể đem cho người, thì chư Phật từ khi mới phát tâm nhóm các phước đức, đem cho người hết, sau lại tạo lại hay sao! Thể thiện pháp không thể đem cho người, nay chính dùng sức vô úy không não hại thí chúng sanh.

Ấy gọi là phước đức tùy hỷ của Bồ-tát ma-ha-tát so với ba thứ phước đức của Thanh văn, Bích-chi Phật và chúng sanh, là tối thắng, tối thượng đệ nhất, tối diệu, vô thượng, không thể sánh bằng.

Trong đây nói nhân duyên tối thắng: Là phước đức Nhị thừa là tự điều phục, tự thanh tịnh, tự độ thoát. Giữ giới là tự điều phục, tu thiền là tự thanh tịnh, trí tuệ là tự độ thoát.

Lại nữa, tự điều phục là tu chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng; tự thanh tịnh là tu chánh niệm, chánh định; tự độ là tu chánh kiến, chánh tư duy, chánh phương tiện.

Lại nữa, do bố thí nên tự điều phục, do trì giới nên tự thanh tịnh, do tu định nên tự độ thoát.

Tu định là nhân duyên gần của pháp vô lậu. Pháp vô lậu là Ba mươi bảy phẩm, ba giải thoát môn. Bố thí, trì giới là nhân duyên xa, nên không giải thích. Phước đức tùy hỷ của Bồ-tát tuy không có siêng năng mệt nhọc, mà vì độ chúng sanh nên hơn.

Hỏi: Thật không độ hết thảy chúng sanh, cớ sao nói độ hết thảy chúng sanh hơn?

Đáp: Lực công đức của chư Phật, Bồ-tát, có thể độ hết thảy chúng sanh, chỉ vì chúng sanh không có nhân duyên hòa hợp, ví như lửa lớn, thường có sức đốt, chỉ vì củi không ở gần cho nên không cháy, gần thì cháy hết.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề lấy trí tuệ rốt ráo không, nạn hỏi Di-lặc Bồ-tát: Niệm đến phước đức tùy hỷ hồi hướng Vô thượng đạo của chư Phật, ấy là niệm việc quá khứ, việc ấy có được như sở niệm chăng?
Di-lặc dùng hai nhân duyên để đáp: Không!

1. Quá khứ vô lượng vô số kiếp, chư Phật diệt độ đã lâu, không còn để lại gì, còn Bồ-tát hoặc không có trí túc mạng, hoặc có mà không thể biết kịp, chỉ theo như chỗ được nghe mà ức tưởng phân biệt, cho nên không được như sở niệm.
2. Chư Phật và công đức đều ra ngoài ba cõi, ba đời, bặt dứt đường nói năng hý luận, như tướng Niết-bàn rốt ráo không, thanh tịnh.

Tùy hỷ là phân biệt công đức thiện căn của chư Phật và chư đệ tử, tâm hồi hướng ấy và đạo Vô thượng chẳng phải thật, cho nên đáp không!

Tu-bồ-đề nạn rằng: Nếu không có việc ấy, mà Bồ-tát ức niệm phân biệt thì phải rơi vào điên đảo, nếu việc ấy thanh tịnh, rốt ráo không, mà ức niệm thì cũng rơi vào điên đảo, công đức của chư Phật quá khứ cũng như vậy, không có phân biệt, không có khác, làm sao được tùy hỷ theo? Đây lược nói nghĩa, rộng thì như Kinh nói: Nghĩa là Tu-bồ-đề hỏi Di-lặc Bồ-tát ma-ha-tát: Nếu Bồ-tát niệm các đức Phật đã diệt độ trong mười phương vô lượng vô biên vô số thế giới quá khứ, là Bồ-tát muốn phát khởi công đức tùy hỷ. Phật là chủ công đức, cho nên ức niệm Phật, nghe kinh sách nói, có danh hiệu Phật quá khứ, nên nhân nôi danh hiệu ấy, ức niệm rộng đến hết thảy Phật quá khứ.

Từ khi mới phát tâm là, bắt đầu phát tâm lập nguyện ta sẽ độ hết thảy chúng sanh. Tâm ấy tương ưng với ba thiện căn là không tham, không sân, không si, thiện căn tương ưng các thiện pháp và thiện căn khởi thân nghiệp, khẩu nghiệp, hòa hợp pháp ấy, gọi là phước đức. Từ khi mới phát tâm tu sáu Ba-la-mật, vào Bồ-tát vị, được mười địa, cho đến ngồi đạo tràng, trong đó, Bồ-tát tu phước đức hòa hợp được Phật đạo, cho đến vào vô dư Niết-bàn. Sau khi diệt độ, xá-lợi và giáo pháp lưu lại, đều là công đức tự thân Phật hòa hợp. Nhân nôi chư Phật, người Đại thừa tu sáu Ba-la-mật và tương ưng phước đức. Tương ưng là trừ sáu Ba-la-mật, các pháp hành khác của Bồ-tát đều nhiếp vào trong sáu Ba-la-mật; cho nên nói tương ưng với sáu Ba-la-mật hòa hợp, nếu người cầu Thanh văn, Bích-chi phật thì gieo trồng phước đức bố thí, trì giới, tu định v.v..

Người Thanh văn, Bích-chi Phật có hai hạng:

1. Hạng hết lậu gọi là vô học.
2. Hạng được đạo, lậu hoặc chưa hết, gọi là học.

Hai hạng người này có thiện căn hơn các phước đức, cho nên chỉ nói thiện căn.

Trên nói người cầu Nhị thừa là chỉ chung cả phàm phu, thánh nhân;
đây nói vô học là thuần chỉ về thánh nhân.

Tướng tốt là sắc pháp vô ký, chẳng phải là công đức lành, nên chỉ nói năm uẩn vô học (tức năm pháp uẩn giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến - ND) của Phật.

Đại từ, đại bi và Phật pháp, nghĩa như trong phẩm đầu đã nói. Pháp của Phật nói, học Pháp ấy được quả Tu-đà-hoàn, cho đến vào

Bồ-tát vị là, sau khi Phật diệt độ, từ trong giáo pháp lưu lại mà được đạo, thế nên nói lại.

Và các chúng sanh khác gieo trồng căn lành là, trong khi Phật ở đời và giáo pháp lưu lại chính là nhân duyên phước đức của trời, người và cho

đến súc sanh.

Bốn đoạn phước đức trên, tâm hành giả duyên khắp, rồi ức niệm tùy hỷ, cầu Phật đạo, nên hồi hướng, gọi là tùy hỷ vô thượng, tối thượng, không thể sánh bằng.

Hỏi: Người cầu Phật đạo cớ sao không tự tạo công đức mà lại đem tâm tùy hỷ.

Đáp: Các Bồ-tát có sức phương tiện, nên đối với công đức người khác cực nhọc tạo được, phát tâm tùy hỷ, mà phước đức hơn người tạo ra.

Lại nữa, phước đức tùy hỷ này tức là phước đức thật. Vì sao? Vì ức niệm quá khứ Phật tức là niệm Phật tam-muội, cũng là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên trong sáu niệm. Nhân tu giới thanh tịnh, vào thiền định, khởi lên trí tuệ rốt ráo, hòa hợp lại nên khởi lên tâm hỷ chân chánh. Cho nên không chỉ tùy hỷ mà thôi, cũng là tu hành Phật pháp ấy.

Các duyên là sở duyên của tâm tùy hỷ, tức là công đức của chư Phật và hết thảy chúng sanh tạo được.

Các sự là gốc của sở duyên. Phước đức là trú xứ của công đức. Sở duyên, tức chư Phật và chúng sanh, cùng đất đai, núi rừng, tinh xá trú xứ, đều gọi là Sự.

Có thể được như sở niệm chăng? Di-lặc đáp: Không. Tu-bồ-đề nói với Di-lặc: Nếu các sự các duyên không có gì của chính nó, cớ sao không rơi vào điên đảo? Điên đảo là ba loại phân biệt về bốn điên đảo (vô thường chấp thường, khổ cho là vui, bất tịnh chấp tịnh, vô ngã chấp ngã - ND).

Điên đảo ấy là thí dụ. Không có Phật mà ức tưởng niệm Phật, giống như vô thường mà tưởng niệm thường, bất tịnh mà tưởng niệm tịnh.

Hỏi: Kiến là gốc điên đảo, như người được Sô quả, có thể khởi tưởng điên đảo, tâm điên đảo, chứ không có kiến điên đảo, Vì khi thấy Tứ đế thì đã dứt kiến hoặc?

Đáp: Điên đảo ấy khi sanh khác, khi dứt khác. Khi sanh thì tưởng khởi trước, thứ đến tâm, sau hết kiến. Khi dứt thì trước dứt kiến, thấy lý Tứ đế liền dứt. Thể tính điên đảo là tướng của kiến, thấy lý Tứ đế liền dứt, còn tưởng và tâm điên đảo là người học chưa lìa dục, quên ức niêm (thất niệm) nên thủ lấy tướng tịnh, khởi ra các kiết sử, khi trở lại được chánh niệm, liền dứt như trong kinh nói thí dụ: Như nước giọt trên sắt nóng, liền tiêu mất. Sai lầm nhỏ nên giả gọi là điên đảo, chẳng phải thật điên đảo. Thế nên nói người phàm phu có ba điên đảo, học nhân có hai điên đảo.

Lại nữa, các duyên, các sự như thật rốt ráo không, ức niệm cũng không, Bồ-đề cũng không, tâm tùy hỷ cũng không, Thí Ba-la-mật cho đến

Mười tám pháp không chung cũng không. Nếu các pháp một tướng tức là vô tướng, thì trong đó thế nào là duyên, thế nào là sự, thế nào là tâm hồi hướng Vô thượng đạo?

KINH: Di-lặc Bồ-tát nói với Tu-bồ-đề: Nếu các Bồ-tát ma-ha-tát tu lâu sáu Ba-la-mật, cúng dường chư Phật nhiều, trồng căn lành; gần gũi thiện tri thức, khéo học pháp tự tướng không; các Bồ-tát ấy không thủ tướng duyên ấy, sự ấy; đem phước đức tùy hỷ với các thiện căn của chư Phật mà hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Vì pháp không hai chẳng phải không hai, chẳng phải tướng chẳng phải phi tướng, chẳng phải khả đắc chẳng phải bất khả đắc, chẳng nhơ chẳng sạch, chẳng sanh chẳng diệt, ấy mới gọi là hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trái lại nếu Bồ-tát tu sáu Ba-la-mật không lâu, không cúng dường chư Phật nhiều, không trồng thiện căn, không gần gũi thiện tri thức, không khéo học pháp tự tướng không, Bồ-tát ấy tâm thủ tướng các duyên ấy, các sự ấy, đem phước đức tùy hỷ với các thiện căn của chư Phật, mà hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì như vậy, không gọi là hồi hướng.

Tu-bồ-đề! Nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật cho đến nghĩa Nhất thiết chủng trí như vậy, tức là nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, không nên đem nói cho hàng Bồ-tát tân học. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy có chút ít tâm thanh tịnh tin vui cung kính, đều quên mất, chỉ nên nói cho hàng Bồ-tát ở địa vị bất thối chuyển. Nếu người có được thiện tri thức thủ hộ, hoặc người đã cúng dường chư Phật nhiều, trồng các thiện căn, thì nên nói nghĩa Bát-nhã cho đến nghĩa Nhất thiết chủng trí cho họ, tức là nói nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; người ấy nghe pháp ấy, tâm không thối chuyển, không kinh, không hãi, không sợ.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nên đem phước đức tùy hỷ, nên hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như vậy, tức là Bồ-tát dụng tâm tùy hỷ công đức, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm ấy tận diệt biến lìa, các duyên ấy, các sự ấy các thiện căn ấy cũng tận diệt biến lìa.

Trong đây thế nào là tâm tùy hỷ? Thế nào là các duyên? Thế nào là các sự? Thế nào là tùy hỷ các thiện căn hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Hai tâm không cùng có, tâm tánh ấy cũng không thể được hồi hướng, Bồ-tát làm sao đem tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, biết như vầy: Bát-nhã Ba-la-mật không có pháp, cho đến Thí Ba-la-mật cũng không có pháp, sắc không có pháp, thọ, tưởng, hành, thức cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không có pháp thì Bồ-tát ma-ha-tát

nên như vậy tùy hỷ công đức hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu hồi hướng được như vậy, thì gọi là đem công đức tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Ý Di-lặc cho các pháp sâu xa vi diệu, nghĩa là không hoại các pháp tướng, mà đem tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng đạo, việc ấy rất khó. Tâm người phàm phu cang cường không thể hành pháp ấy, thế nên Di-lặc đáp: Nếu hành giả tu sáu Ba-la-mật lâu ngày, thì có công đức thâm hậu nên bất động, nghĩa là tin được, làm được, cúng dường chư Phật nhiều, trồng căn lành, nhóm vô lượng vô biên vô số công đức, bẻ gãy kiết sử, tâm được nhu nhuyến, đó là nhân duyên đời trước, đời nay gặp được thầy tốt, đồng học tốt, cũng tự học các pháp thật tướng không có phương tiện thiện xảo nên không chấp trước không ấy.

Do vô lượng nhân duyên như vậy, nên pháp tuy vô tướng, mà có thể khởi tâm tùy hỷ, hồi hướng Vô thượng đạo, thí như sắt tuy cứng chắc, vào lò lửa thì mềm, tùy ý làm đồ dùng. Tâm Bồ-tát cũng như vậy, tu sáu Ba-la-mật lâu ngày được thiện tri thức thủ hộ, tâm được nhu nhuyến, đối với các duyên các sự, các thiện căn của chư Phật quá khứ, không thủ tướng, mà khởi tâm tùy hỷ, dùng vô tướng hồi hướng Vô thượng đạo.

Vô tướng là dừng được pháp chẳng hai chẳng không hai, cho đến chẳng sanh chẳng diệt. Trái với vô tướng trên đây, là không thể hồi hướng.

Di-lặc biết Tu-bồ-đề ưa nói không, nên nói: Nghĩa tùy hỷ của Bát-nhã Ba-la-mật như vậy, không nên đem nói ở trước hàng tân học Bồ-tát. Vì sao? Vì nếu người có ít thiện căn phước đức, nghe nói pháp rốt ráo không, liền chấp không, nghĩ rằng nếu các pháp rốt ráo không, không có gì của chính nó, thì ta làm phước để làm gì, như vậy là bị mất tiền nghiệp. Vì vậy nên đối với Bồ-tát mới phát tâm, trước hãy dạy thủ tướng tùy hỷ, dần dần được trí tuệ, mới có thể thật hành vô tướng tùy hỷ. Thí như chim con, lông cánh chưa thành, không thể ép khiến bay cao, sáu thứ lông cánh thành tựu thì mới bay xa được.

Đối với Bồ-tát ở địa vị bất t hối, vào pháp vị, được pháp nhẫn, có thể tin, có thể làm, mới nói cho. Nếu người tu sáu Ba-la-mật lâu ngày, thân cận thiện tri thức, bên trong có phước đức, bên ngoài có nhân duyên trợ lực, thì tuy chẳng phải ở địa vị bất thối, có thể tin có thể làm. Hai hạng người này, nghe nói Bát-nhã thì tâm thanh tịnh; tùy hỷ tín thọ, như người đói khát lâu ngày, được đồ ăn uống ngon, như quá nóng được mát, quá lạnh được ấm; tâm rất ưa thích hoan hỷ. Hai hạng Bồ-tát này cũng như vậy, được trí tuệ vô tướng ấy, nghĩ rằng: Ta nhân trí tuệ này mà độ được vô lượng chúng sanh, đâu có kinh hãi sợ sệt! Sợ sệt từ trong tâm ta sanh

ra! Trong vô tướng, các pháp tướng còn không, huống gì có ta để mà quyết định thủ lấy tướng các pháp, nghe nói hết thảy pháp vô tướng, thì sanh sợ sệt?

Đến đây nói nghĩa thể tùy hỷ xong, sau sẽ dùng mỗi mỗi môn sai khác để giải thích sự ấy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề, Bồ-tát nên tư duy như vầy: Dùng tâm ấy hồi hướng Vô thượng đạo, song tâm ấy niệm niệm biến dị tận diệt, không có thì gian ngưng trụ, còn các duyên, các sự, tức là chư Phật và thiện căn quá khứ, các duyên và sự chư Phật ấy đã diệt lâu rồi, tâm tùy hỷ nay diệt, đã diệt không khác, thế nên trong kinh nói dùng tâm ấy hồi hướng, thì tâm ấy tận diệt. Như vậy vì đều đi vào quá khứ, vì vào thật tướng các pháp, nên không có phân biệt là tâm, là duyên, là sự, là thiện căn. Nếu hồi hướng được như vậy, là chánh hồi hướng.

Lại nữa, trong một lúc hai tâm không hòa hợp, khi có tâm tùy hỷ thì không có tâm Bồ-đề, hết thảy tâm tướng rốt ráo không, không thể lấy tâm chấp thủ tướng hồi hướng. Vì sao? Vì Bồ-tát biết Bát-nhã Ba-la-mật không, không có định pháp. Như Bát-nhã Ba-la-mật, hết thảy pháp cho đến Vô thượng đạo cũng như vậy. Khi ấy dứt pháp ái, bỏ tâm chấp trước, đối với không, không tranh luận, ấy gọi là Bồ-tát chánh hồi hướng.

KINH: Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân nói với Tu-bồ-đề: Bồ-tát mới phát tâm nghe việc ấy, sẽ không kinh hãi sợ sệt chăng? Tu-bồ-đề! Thế nào là Bồ-tát mới phát tâm làm các thiện căn, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Lại thế nào là đem phước đức tùy hỷ hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Tu-bồ-đề đáp: Thích-đề-hoàn-nhân! Nếu Bồ-tát mới phát tâm tu Bát-nhã Ba-la-mật, không chấp thủ Ba-la-mật ấy, vì không sở đắc, vì vô tướng, cho đến Thí Ba-la-mật cũng như vậy. Phần nhiều tin hiểu nội không, cho đến phần nhiều tin hiểu vô pháp hữu pháp không, phần nhiều tin hiểu Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung. Thường thân cận tri thức, thiện tri thức ấy nói cho nghĩa sáu Ba-la-mật, mở bày phân biệt, dạy bảo như vậy, khiến thường không lìa Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến khi được vào pháp vị Bồ-tát, trọn không lìa Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến không lìa Thí Ba-la-mật, không lìa Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung. Cũng dạy việc của ma, nghe các việc của ma rồi, tâm không thêm không bớt. Vì sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát ấy không chấp thủ hết thảy pháp. Bồ-tát ấy cũng thường không lìa chư Phật, cho đến khi được Bồ-tát vị, ở trung gian ấy trồng các thiện căn, do thiện căn ấy nên sanh vào nhà Bồ-tát, cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không

lìa thiện căn ấy.

Lại nữa, Bồ-tát ma-ha-tát mới phát tâm, đối với công đức dứt đường sanh tử, dứt các hý luận, đạo, tận, bỏ gánh nặng, dứt gai nhọn xóm làng, dứt các hữu kiết sử, chánh trí được giải thoát của chư Phật trong mười vô lượng vô biên vô số thế giới, và công đức của các đệ tử Phật làm, hoặc là các thiện căn của dòng lớn Sát-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ, trời Tứ Thiên vương, cho đến trời Tịnh-cư, tất cả công đức thiện căn ấy hòa hợp cân lượng, đem tâm tùy hỷ tối thượng, đệ nhất, tối diệu, vô thượng, vô đẳng đẳng, mà hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Di-lặc Bồ-tát nói với Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát mới phát tâm, niệm đến thiện căn của chư Phật và đệ tử, mà tùy hỷ công đức, tối thượng, đệ nhất, tối diệu, vô thượng, vô đẳng đẳng, và tùy hỷ rồi, nên hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì làm sao Bồ-tát không rơi vào tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo?

Tu-bồ-đề đáp: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát niệm Phật và Tăng, mà nôi đó không sanh Phật tưởng, Tăng tưởng, không có thiện căn tưởng, dùng tâm ấy hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà trong tâm ấy cũng chẳng sanh tâm tưởng, Bồ-tát hồi hướng như vậy thời gọi là tưởng không điên đảo, tâm không điên đảo, kiến không điên đảo.

Nếu Bồ-tát ma-ha-tát nghĩ đến thiện căn của Phật và Tăng, mà thủ tướng, thủ tướng rồi hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì Bồ-tát như vậy gọi là tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Nếu Bồ-tát dùng tâm ấy nghĩ đến các thiện căn của Phật và Tăng, khi tâm ấy niệm, liền biết nó tận diệt, nếu tận diệt, thì pháp ấy không thể được hồi hướng, tâm hồi hướng được dùng cũng là tướng tận diệt, chỗ hồi hướng cũng là tướng tận diệt. Nếu hồi hướng như vậy, gọi là chánh hồi hướng, chẳng phải tà hồi hướng, Bồ-tát ma-ha-tát nên hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như vậy.

Lại nữa, nếu Bồ-tát ma-ha-tát nghĩ đến thiện căn của chư Phật và đệ tử; thiện căn của người phàm phu biết nghe pháp, hoặc thiện căn của chư Thiên, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già biết nghe pháp; hoặc thiện căn của dòng lớn Sát-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ, Trời bốn Thiên vương, cho đến Trời A-ca-nị-sắc biết nghe pháp, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đem tất cả công đức ấy hòa hợp cân lường, tùy hỷ tối thượng, đệ nhất, Vô thượng, vô đẳng đẳng; hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Khi ấy Bồ-tát nếu biết như vầy: "Các pháp ấy tận diệt, chỗ hồi hướng cũng tự tánh không", và hồi hướng được như vậy, thì gọi là chân hồi hướng Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, nếu Bồ-tát biết như vầy: "Không có pháp có thể hồi hướng. Vì sao? Vì hết thảy pháp tự tánh không". Và hồi hướng được như vậy, gọi là chánh hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như vậy, Bồ-tát ma-ha-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật cho đến Thí Ba-la-mật không rơi vào tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Vì sao? Vì Bồ-tát không chấp trước hồi hướng, cũng không thấy chỗ tâm Bồ-đề đem các thiện căn hồi hướng, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát hồi hướng Vô thượng.

LUẬN: Hỏi: Bồ-tát mới phát tâm nghe việc ấy, sẽ không kinh hãi sợ sệt chăng? Nghĩa này trước đã hỏi đáp, sao nay còn hỏi?

Đáp: Trên kia, tuy Di-lặc nói với Tu-bồ-đề không nên đem nói cho hàng Bồ-tát tân học, chỉ nói cho hàng Bồ-tát bất thối và người tu lâu. Vì hai hạng người ấy, nghe rồi có thể tin làm. Đã nói nhân duyên của chánh hồi hướng mà còn nói pháp không, cho nên Đế-thích nghi: "Trong chúng có hạng mới phát tâm làm sao lại nói không làm cho họ sợ hãi". Tu-bồ-đề muốn thành tựu lời Di-lặc nói, muốn khiến hàng mới phát tâm chánh hồi hướng, nên đáp với Đế-thích: Nếu Bồ-tát mới phát tâm, tuy không tin làm sáu Ba-la-mật, không cúng dường chư Phật, song vì có lợi căn, gặp được thiện tri thức, do có hai nhân duyên ấy, nên đủ sức chánh hồi hướng. Thế nên nói với Đế-thích: Bồ-tát mới phát tâm, tu Bát-nhã Ba-la-mật, không chấp thủ Bát-nhã ấy, vì không sở đắc, vì rốt ráo không,
nên Bát-nhã Ba-la-mật cũng chẳng được, chẳng trước, cho đến Thí Ba-la-mật cũng như vậy.

Phần nhiều tin hiểu nội không là, thường tu ưa vào tam-muội quán nội không, nên tin hiểu, cho đến đối với mười tám pháp không chung, phần nhiều tin hiểu cũng như vậy.

Tướng mạo thiện tri thức, trước đã nói, trong đây chỉ nói rõ người hay nói theo nghĩa sáu Ba-la-mật, người nghe nghĩa ấy rồi, thường không rời Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến khi được vào Bồ-tát pháp vị; có người tu lâu vào Bồ-tát vị, có người mới phát tâm vào Bồ-tát vị.

Lại nữa, đối với Bồ-tát mới phát tâm ấy, thiện tri thức nói cho nghe việc Ma, nghe việc Ma xong, không tăng không giảm, nhờ khéo tu tập tướng các pháp. Nếu Ma muốn phá, là vì muốn phá "không", thì "không" không có phá; nếu có tăng ích, thì như huyễn như mộng, tăng ích cái gì, thế nên nói không tăng không giảm.

Do nhân duyên ấy, nên thường không lìa chư Phật, thường sanh nhà Bồ-tát, đời đời không rời thiện căn, cho đến khi chứng Vô thượng đạo.

Bồ-tát mới phát tâm ấy được có nhân duyên như vậy nên cùng Bồ-tát phát tâm đã lâu không khác.

Lại nữa, tùy hỷ hồi hướng là, hàng Bồ-tát mới phát tâm đối với đoạn đạo của chư Phật trong mười phương vô lượng vô số thế giới quá khứ là dứt đường sanh tử, vào Vô dư Niết-bàn. Vì các hý luận dứt nên nói là dứt các hý luận; lấy tam-muội không không v.v... xã tám Thánh đạo phần, nên nói là đạo tận; năm uẩn hay sanh khổ não nên nói là gánh nặng. Có hai lối xả năm uẩn: 1. Trong Hữu dư Niết-bàn, xả phiền não, là nhân duyên của năm uẩn. 2. Trong Vô dư Niết-bàn, xả quả năm uẩn (tức là năm uẩn). Hết thảy nhà bạch y cư sĩ gọi là Xóm làng; người xuất gia nương hàng bạch y cư sĩ mà sống, song nhà bạch y có thứ gai năm dục. Vì ăn nên đi vào rừng cây quả có gai nhọn, để lấy quả nên bị gai chích. Như người mang guốc gỗ đạp gai, thì gai bị đạp gãy, ấy là chư Phật lấy guốc thiền định trí tuệ đạp gãy gai năm dục, gọi là đoạn dứt năm hạ phần kiết (tham, sân, thân kiến, giới thủ, nghi - N.D). Kiết sử hữu phần dứt hết, gọi là đoạn năm thượng phần kiết, (sắc ái, vô sắc ái, trạo cữ, kiêu mạn, vô minh - N.D) Trí tuệ tương ưng với các pháp thật tướng Kim Cang tam-muội, dứt hết thảy phiền não và tập khí, nên nói là chánh trí được giải thoát. Như vậy đều gọi là tán thán.

Công đức của quá khứ chư Phật và đệ tử làm là, đệ tử có ba hạng là Bồ-tát, Bích-chi Phật, Thanh văn, dòng lớn Sát-lợi cho đến trời Tịnh-cư. Nôi ấy trồng thiện căn, là bốn nôi làm nhân ruộng phước, là nôi gieo phước đức, tâm tùy hỷ với phước đức hòa hợp cân lường, tối thượng, không thể sánh, hồi hướng Vô thượng đạo, tâm hồi hướng ấy chẳng phải chánh, chẳng phải tà, Vì cớ sao? Nay Di-lặc hỏi Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát mới phát tâm, niệm đến công đức chư Phật, rồi hồi hướng Vô thượng đạo, làm sao không đọa vào điên đảo? Tu-bồ-đề đáp: Hoặc Bồ-tát ấy vì Bát-nhã Ba-la-mật làm sức phương tiện nên đối với chư Phật không sanh Phật tưởng, và đối với thiện căn của các đệ tử không sanh thiện căn tưởng. Vì hết thảy pháp do hòa hợp sanh, không có tự tánh, nên không có pháp nhất định, gọi là Phật, thế nên không sanh Phật tưởng v. v... tâm hồi hướng ấy, cũng không sanh tâm tưởng. Thế nên Bồ-tát không đọa vào điên đảo. Trái với đây tức là đọa vào điên đảo.

Lại nữa, Bồ-tát lấy tâm ấy niệm chư Phật và các thiện căn, khi tâm ấy diệt tận liền biết diệt tận, tâm diệt tận không được hồi hướng. Vì sao? Vì biến mất diệt hoại. Tâm ấy cũng vào cửa vô thường đến trong pháp tánh, trong pháp tánh không có phân biệt là tâm, là phi tâm, là Phật, là thiện căn, là Vô thượng đạo. Tâm hồi hướng, tướng hồi hướng, tướng diệt

tận cũng như vậy. Sơ tâm là tâm ức niệm đến công đức tùy hỷ của chư Phật quá khứ, hậu tâm là tâm hồi hướng. Nếu hồi hướng được như vậy, gọi là chánh hồi hướng.

Hỏi: Sô tâm, hậu tâm là tướng sanh diệt, có thể vô thường, còn chỗ hồi hướng là Vô thượng đạo, ở vào thì vị lai, làm sao nói diệt tận?

Đáp: Ông không nghe tôi đáp trước kia, vào cửa vô thường đến trong pháp tánh, trong đó không nói diệt tận là vô thường, chỉ nói thật tướng các pháp là diệt tận. Trước cũng đã nói Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ra khỏi ba đời, vượt quá ba cõi, không có tướng chấp thủ. Hồi hướng được như vậy, gọi là chánh hồi hướng.

Lại nữa, chẳng phải chánh, chẳng phải tà hồi hướng là, Bồ-tát đối với thiện căn của chư Phật quá khứ, cho đến Vô thượng, không thể sánh, hồi hướng Vô thượng đạo. Có Bồ-tát biết việc ấy đều tận diệt, biết chỗ hồi hướng cũng tự tánh không; biết diệt, biết không, là chân hồi hướng. Nếu pháp quá khứ vô thường, thì vì vô thường nên không thể hồi hướng nơi pháp tự tánh không. Nếu pháp quá khứ "không", không, thì không thể hồi hướng trong pháp tự tánh không. Dùng trí tuệ như vậy mà hồi hướng, ấy gọi là chánh hồi hướng.

Lại nữa, nếu Bồ-tát biết hết thảy pháp nhân duyên sanh, nên không có tự lực thường trú, tự pháp tướng bất động, huống gì có tạo tác, vì không có tạo tác nên trong hết thảy pháp, không có pháp hồi hướng pháp, thì ấy gọi là chánh hồi hướng.

Bồ-tát như vậy, tuy tu thiện pháp sáu Ba-la-mật, cũng không rơi vào điên đảo Vì không chấp trước hết thảy pháp.

KINH: Lại nữa, nếu Bồ-tát ma-ha-tát biết phước đức được khởi tạo xa lìa Năm uẩn, Mười hai nhập, Mười tám giới, cũng biết Bát-nhã Ba-la-mật là tướng xa lìa, cho đến Thí Ba-la-mật là tướng xa lìa, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không là tướng xa lìa, Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung là tướng xa lìa, thì tâm tùy hỷ của Bồ-tát ma-ha-tát khởi lên phước đức như vậy, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Nếu Bồ-tát đối với phước nghiệp đã tu tạo, như thật biết rõ nó lìa uẩn xứ giới, cũng lìa Bát-nhã Ba-la-mật đa, cho đến Bố thí Ba-la-mật đa, cũng lìa nội không cho đến vô tánh hữu tánh, cũng lìa Bốn niệm trụ cho đến Mười tám pháp không chung thì Bồ-tát ma-ha-tát ấy, đối với phước nghiệp đã tu tạo, như thật biết rõ rồi, thâm tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề - N.D)

Lại nữa, Bồ-tát ma-ha-tát ấy tùy hỷ phước đức, biết tùy hỷ phước đức tự tánh xa lìa, cũng biết chư Phật xa lìa Phật tánh, các thiện căn cũng

xa lìa tánh thiện căn, Bồ-đề tâm cũng xa lìa tánh Bồ-đề tâm, hồi hướng cũng xa lìa tánh hồi hướng, Bồ-tát cũng xa lìa tánh Bồ-tát, Bát-nhã Ba-la-mật cũng xa lìa tánh Bát-nhã Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật, cũng xa lìa tánh Thí Ba-la-mật, cho đến Mười tám pháp không chung cũng xa lìa tánh Mười tám pháp không chung. Bồ-tát ma-ha-tát nên như vậy tập hành Bát-nhã Ba-la-mật lìa tướng, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát từ trong Bát-nhã Ba-la-mật sanh tùy hỷ phước đức.

Lại nữa, Bồ-tát ma-ha-tát, đối với thiện căn của chư Phật quá khứ đã diệt độ, nếu muốn hồi hướng, nên hồi hướng như vầy, nghĩ rằng: "Như tướng chư Phật diệt độ, tướng các thiện căn cũng như vậy, tướng pháp diệt độ cũng như vậy, ta dụng tâm hồi hướng, tướng tâm ấy cũng như vậy", nên biết đó là hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, không đọa vào tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, chấp thủ tướng thiện căn của chư Phật mà hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, thì như vậy không gọi là hồi hướng. Vì sao? Vì chư Phật và thiện căn quá khứ, chẳng phải duyên tướng, chẳng phải duyên vô tướng. Nếu Bồ-tát ma-ha-tát cũng thủ tướng như vậy, mà gọi là thiện căn hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề thì Bồ-tát ma-ha-tát như vậy, bị đọa vào tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo.

Nếu Bồ-tát ma-ha-tát đối với chư Phật và thiện căn, và các tâm, không thủ tướng mà lấy các thiện căn hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề thì Bồ-tát ma-ha-tát ấy, không đọa vào tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo.

Bấy giờ Bồ-tát Di-lặc hỏi Tu-bồ-đề: Làm sao Bồ-tát ma-ha-tát đối với các thiện căn không thủ tướng, có thể hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề?

Tu-bồ-đề đáp: Vì sự ấy, nên biết Bồ-tát ma-ha-tát trong khi học Bát-nhã Ba-la-mật nên có Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện, nếu phước đức ấy lìa Bát-nhã Ba-la-mật thì không được hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Vì sao? Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật chư Phật không thể có được, các thiện căn không thể có được, tâm hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề cũng không thể có được. Trong đây, khi Bồ-tát ma-ha-tát tập hành Bát-nhã Ba-la-mật, nên suy nghĩ như vầy: Thân chư Phật và đệ tử quá khứ đã diệt, các thiện căn cũng diệt, ta nay thủ tướng phân biệt chư Phật, các thiện căn và các tâm, thủ tướng như vậy mà hồi hương Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, chư Phật không hứa cho. Vì sao? Vì thủ tướng là có sở đắc, nghĩa là đối với chư Phật quá khứ có thủ tướng phân biệt, thế

nên Bồ-tát ma-ha-tát, muốn lấy các thiện căn hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, không nên có sở đắc, không nên thủ tướng. Như vậy hồi hướng, nếu có đắc, và thủ tướng hồi hương, thì chư Phật không cho đó là có lợi ích lớn. Vì sao? Vì hồi hướng ấy tạp độc; thí như đồ ăn ngon có tạp độc, tuy có sắc đẹp, hương thơm, được người tham ưa mà tạp độc, kẻ ngu si nào vui mừng, tham sắc đẹp hương thơm của nó khối miệng, khi đồ ăn sắp tiêu hóa, phải bị chết, hoặc gần như chết. Cũng như vậy, nếu thiện nam tử thiện nữ nhân, không khéo lãnh thọ, không khéo thủ tướng, không khéo đọc tụng, không hiểu đúng nghĩa thì sẽ dạy người khác rằng: Thiện nam tử các ông! Mười phương các đức Phật quá khứ vị lai, hiện tại, từ khi phát tâm trở đi, cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vào Vô-dư Niết-bàn, cho đến khi chánh pháp diệt tận, giữa khoảng trung gian ấy, làm các thiện căn trong khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, làm các thiện căn trong khi tu Thiền Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật, làm các thiện căn trong khi tu Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc, Bốn niệm xứ, cho đến Tám Thánh đạo phần, Mười lực Phật cho đến Mười tám pháp không chung, làm các thiện căn nghiêm tịnh cõi Phật thành tựu chúng sanh, và giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn, trí nhất thiết chủng, pháp không sai lầm, hạnh thường xả của Phật, và các đệ tử có gieo trồng thiện căn nơi dây, và việc chư Phật thọ ký sẽ làm Bích-chi Phật, ở nôi đây các Trời, Rồng, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già v.v... gieo trồng thiện căn...

Bao nhiêu phước đức ấy đem phối hợp cân lường, phát tâm tùy hỷ và hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì sự hồi hướng ấy vì tâm thủ đắc pháp tướng nên như đồ ăn có tạp độc. Thủ đắc pháp thì trọn không thể có hồi hướng chân chánh. Vì sao? Vì pháp có tạp độc ấy có tướng, có động chuyển, có hý luận. Hồi hướng như vậy thì báng Phật, không theo lời Phật dạy, không theo pháp thuyết. Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy cầu Phật đạo, nên học như vầy: Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, từ khi phát tâm cho đến khi chánh pháp diệt tận, và các đệ tử khi tu Bát-nhã Ba-la-mật có làm thiện căn, cho đến tu trí nhất thiết chủng như trên nói, đều đem công đức tùy hỷ các thiện căn ấy hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thành được hồi hướng chân chánh Các thiện nam tử, thiện nữ nhân, cầu Phật đạo hành bát-nhã Ba-la-mật, mà không muốn báng Phật thì nên hồi hướng các phước đức như vầy: Như chư Phật biết, trí tuệ vô thượng là tướng các thiện căn, là tánh các thiện căn, tôi cũng tùy hỷ như vậy; như chư Phật biết tôi cũng hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng

Chánh giác như vậy. (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Làm sao đối với công đức thiện căn kia, phát khởi tâm tùy hỷ hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề? Tu-bồ-đề đáp: Thiện nam tử, thiện nữ nhân, ở Bồ-tát thừa, tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, nếu muốn không báng Phật Thế Tôn, mà phát tâm tùy hỷ hồi hướng, nên suy nghĩ rằng: Như các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác với Phật trí Vô thượng, liễu đạt biết khắp công đức thiện căn, có tánh như vậy, có tướng như vậy, có pháp như vậy, mà vẫn có thể tùy hỷ, thì ta nay cũng nên tùy hỷ như vậy; như các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác với Phật trí Vô thượng biết khắp, nên đem sự nghiệp phước đức như vậy mà hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, ta nay cũng nên hồi hướng như vậy - N.D)

Thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu đạo Bồ-tát, nên như vậy hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu hồi hướng được như vậy, thì là không báng Phật, như lời Phật dạy, như pháp Phật thuyết.

Bồ-tát ma-ha-tát ấy hồi hướng như vậy, thì không có tạp độc.

LUẬN: Phước đức khởi lên ngoài năm uẩn đó là trước kia chỉ nói việc quá khứ, nay nói việc tự khôi lên phước đức tùy hỷ. Nếu biết trong phước đức không có năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, tuy tu các pháp Bát-nhã Ba-la-mật v.v... cũng biết tướng không, tướng xa lìa; phước đức như vậy, gọi là hồi hướng chân chánh.

Lại nữa, Bồ-tát ma-ha-tát, biết ở trong phước đức tùy hỷ, tánh phước đức tùy hỷ tự xa lìa các tướng. Chư Phật và thiện căn, và phát khởi tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm hồi hướng, các pháp hành Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ-tát, đều tự tánh không, như vậy gọi là hồi hướng chân chánh.

Phước đức tùy hỷ là nói chung tất cả tướng phước đức. Còn thiện căn, tùy hỷ khởi phước đức, là nói tướng riêng.

Bồ-tát tự duyên theo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà mình cầu mong, ấy gọi là tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Kết quả công đức của tâm tùy hỷ, Bồ-tát chỉ cầu Vô thượng đạo, ấy gọi là tâm hồi hướng.

Hành giả, trong năm uẩn chỉ giả danh tự là Bồ-tát, còn các pháp Bát-nhã Ba-la-mật, như trước đã nói.

----------o0o----------

TRƯỚC NÓI PHƯỚC ĐỨC LÌA NĂM UẨN, NAY NÓI PHƯỚC ĐỨC TỰ TÁNH KHÔNG

Lại nữa, Bồ-tát nhớ đến nhân duyên niệm Phật quá khứ, mà sanh phước đức nên hồi hướng như vầy: Như chư Phật quá khứ vào Vô-dư Niết-bàn, vô tướng, không hý luận, tánh thường tịch diệt, phước đức và tâm hồi hướng này cũng như vậy. Hồi hướng như vậy gọi là chánh hồi hướng, không rơi vào điên đảo.

Lại nữa, nếu bồ-tát đối với công đức của Phật quá khứ, mà thủ tướng phân biệt hồi hướng, ấy không gọi là hồi hướng. Vì sao? Vì có tướng là một bên, không có tướng là một bên; lìa hai bên ấy hành trung đạo mới là thật tướng chư Phật. Thế nên nói chư Phật quá khứ không rơi vào số hữu tướng, cũng không rơi vào số vô tướng. Nếu thủ tướng như vậy, không gọi là hồi hướng, thì rơi vào điên đảo. Trái với trên đây gọi là không rơi vào điên đảo.

Vì việc ấy khó nên Di-lặc hỏi lại: làm sao không thủ tướng các pháp mà lại có thể hồi hướng? Tu-bồ-đề không quyết định đáp được nên nói với Di-lặc: Vì lẽ ấy nên Bồ-tát nên học Bát-nhã Ba-la-mật, tìm lấy sức phương tiện; phước đức lìa Bát-nhã Ba-la-mật thì không hồi hướng được. Trong hết thảy pháp, chỉ một pháp thật mà không hư dối, đó là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Theo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tu hành đạo không hư dối, mới có thể được. Đạo không hư dối tức là Bát-nhã Ba-la-mật.

Thế nên nói lìa Bát-nhã Ba-la-mật thì phước đức ấy không thể hồi hướng được. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo không, không có phân biệt. Phước đức hoặc lìa Bát-nhã Ba-la-mật, hoặc không lìa Bát-nhã Ba-la-mật, đều không thể hồi hướng được. Bồ-tát nên nghĩ rằng: Thân chư Phật và đệ tử quá khứ, và các thiện căn phước đức đều đã diệt, ta nay thủ tướng phân biệt bảo đó là chư Phật, là đệ tử, là thiện căn, là phước đức tùy hỷ, thủ tướng như vậy mà hồi hướng, ta không làm như vậy, vì khác với thật tướng các pháp; vì thọ quả báo lâu đã diệt tận rồi, chẳng chóng đến Phật đạo, vì có sở đắc. Đối với chư Phật quá khứ mà ức tưởng phân biệt, tức là lỗi lớn! Nghĩa là chư Phật quá khứ không, không có, mà ta cứ ức tưởng phân biệt, thí như đồ ăn tạp độc, đồ ăn là chỉ công đức tùy hỷ, độc là chỉ sự thủ tướng, cho nên sanh ra các phiền não ái và kiến.

Sắc đẹp là, nhờ nhân duyên phước đức mà được làm vua người, vua chuyển luân, vua trời, được phước vui.

Hương thơm là, được danh dự tốt, giàu sang, thế lực, hàng phàm phu vô trí đều tham muốn.

Người ngu si là, Bồ-tát mới phát tâm mà tâm chấp trước thủ tướng.

Ăn vào vui mừng là, nhờ nhân duyên phước đức mà được giàu, vui trong cõi người cõi trời, thọ hương sự giàu vui đó.

Khi đồ ăn sắp tiêu hóa, phải bị khổ hoặc chết, hoặc gần như chết là, khi phước vui ấy bị vô thường phá hoại, thì ưu sầu bèn chết, hoặc như chết tức là chịu các khổ não.

Lại nữa, hoặc chết, hoặc như chết là, tự mất mạng gọi là chết, mất đồ vật tham đắm gọi là như chết.

Lại nữa, hoặc chết hoặc như chết là, khổ não nhiều, mất trí tuệ mạng, là chết, chướng ngại làm thiện đạo là như chết.

Trong Kinh này Tu-bồ-đề tự nói: Người vô trí không xét kỹ lãnh thọ, không thủ lấy sự thật, chỉ đắm vào ngôn ngữ.

Không xét kỹ thủ tướng là, không phân biệt đúng như pháp.

Không xét kỹ đọc tụng là, quên mất câu chữ, hoặc tự mình quên mất, hoặc lãnh thọ không đầy đủ.

Không hiểu đúng nghĩa là, không nắm được ý kinh.

Vị thầy thiểu trí như vậy, giáo hóa đệ tử rằng: "Các thiện nam tử! Mười phương chư Phật quá khứ, vị lại, hiện tại, từ khi mới phát tâm cho đến khi hồi hướng như vậy" thì là hủy báng Phật, không theo Phật dạy, không theo lời Pháp. Trái với trên đây gọi là chánh hồi hướng.

Lại nữa, chánh hồi hướng là, Bồ-tát nghĩ rằng: Như mười phương ba đời chư Phật biết, dùng trí tuệ Vô thượng biết các tướng thiện căn, trong hết thảy người trí, Phật là hơn cả, Phật biết các thiện căn, tức là thật tướng; như chỗ Phật biết, ta cũng dùng tướng thiện căn như vậy hồi hướng. Thí như nhắm bắn đất, không khi nào không trúng, nếu nhắm bắn vật khác thì hoặc trúng hoặc không trúng, như chỗ chư Phật biết mà tùy hỷ, thì cũng như nhắm bắn đất, khi nào cũng trúng, còn nếu dùng cách khác mà hồi hướng thì như nhắm bắn vật khác, có khi trúng khi không.

Hồi hướng như vậy là không hủy báng Phật.

KINH: Lại nữa, thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Phật đạo, khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, có các thiện căn, nên hồi hướng như vầy: Như sắc không ràng buộc vào cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, pháp không ràng buộc thì không gọi là quá khứ, không gọi là vị lai, không gọi là hiện tại, như thọ, tưởng, hành, thức không ràng buộc vào cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, pháp không ràng buộc thì không gọi là quá khứ, không gọi là vị lai, không gọi là hiện tại. Mười hai nhập, Mười tám giới cũng như vậy. Như Bát-nhã Ba-la-mật không ràng buộc vào cõi Dục, không ràng buộc vào cõi Sắc, không ràng buộc vào cõi Vô sắc, pháp không ràng buộc thì không gọi là

quá khứ, vị lai, hiện tại. Thiền Ba-la-mật cho đến Thí Ba-la-mật cũng như vậy; nội không cho đến vô pháp hữu pháp không cũng như vậy.

Bốn niệm xứ không ràng buộc vào cõi Dục, cõi Sắc cõi Vô sắc, pháp không ràng buộc thì không gọi là quá khứ, vị lai, hiện tại; cho đến Tám thánh đạo phần cũng như vậy; Mười lực Phật cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Như chân như, pháp tánh, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, thật tế, tánh bất khả tư nghì, giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến uẩn, trí nhất thiết chủng, pháp không sai lầm, hạnh thường xả, không ràng buộc vào cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, pháp không ràng buộc thì không gọi là quá khứ, vị lai, hiện tại. Hồi hướng ấy, chỗ hồi hướng và hành giả đều không ràng buộc cũng như vậy.

Chư Phật cũng không ràng buộc, các thiện căn cũng không ràng buộc, thiện căn của các Thanh văn, Bích-chi Phật cũng không ràng buộc, pháp không ràng buộc thì không gọi là quá khứ, vị lai, hiện tại.

Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, như vậy biết sắc không ràng buộc vào ba cõi, pháp không ràng buộc thì không gọi là quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu pháp không gọi là quá khứ, vị lai, hiện tại thì không thể dùng pháp thủ tướng có sở đắc mà hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh Giác. Vì sao? Vì sắc vô sanh, nếu pháp vô sanh thì không có pháp, không có pháp, thì không thể hồi hướng. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, Bốn niệm xứ cho đến pháp không sai lầm, hạnh thường xả không ràng buộc vào ba cõi; pháp không ràng buộc thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu pháp chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, thì không thể dùng pháp thủ tướng có sở đắc mà hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì pháp ấy vô sanh, nếu pháp vô sanh thì không có pháp, không có pháp thì không thể hồi hướng.

Nếu Bồ-tát ma-ha-tát hồi hướng như vậy, thì không tạp độc.

Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Phật đạo, do thủ tướng pháp mà đem các thiện căn hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy gọi là tà hồi hướng. Nếu tà hồi hướng thì không được chư Phật ngợi khen. Dùng tà hồi hướng ấy thì không thể đầy đủ Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, không thể đầy đủ Bốn niệm xứ cho đến Tám Thánh đạo phần, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, Phật mười lực cho đến pháp không sai lầm, hạnh thường xả; không thể đầy đủ nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh. Nếu không thể nghiêm tịnh

cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, thì không thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì hồi hướng có tạp độc.

Lại nữa, Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, nên nghĩ như vầy: Như Phật biết rõ các thiện căn hồi hướng, là chân hồi hướng, ta cũng nên dùng pháp tướng ấy mà hồi hướng, ấy gọi là chánh hồi hướng.

Bấy giờ, Phật khen Tu-bồ-đề: Lành thay, lành thay! Như việc ông làm, là làm việc Phật làm, vì các Bồ-tát ma-ha-tát nói về pháp nên hồi hướng, vì vô tướng, vô đắc, vô xuất, vô cấu, vô tịnh, vô pháp tánh, tự tướng không, thường tánh không, pháp tánh, như như, thật tế.

Tu-bồ-đề! Nếu chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới, đều được mười thiện đạo, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông, ý ông nghĩ sao? Chúng sanh ấy được phước nhiều chăng?

Rất nhiều! Bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Không như vậy, Thiện nam tử, thiện nữ nhơn ấy, đối với các thiện căn mà tâm không chấp trước, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mới là tối thượng, đệ nhất, tối diệu, vô thượng, vô đẳng đẳng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới, đều làm Tu-đà-hoàn, cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật; hoặc có thiện nam tử, thiện nữ nhân, suốt đời cúng dường cung kính, tôn trọng tán thán, y phục, ẩm thực, đồ nằm, thuốc men, cung cấp sự cần dùng cho
các vị ấy, ý Tu-bồ-đề nghĩ sao? Thiện nam tử, thiện nữ nhơn ấy, do nhân duyên ấy được phước đức nhiều chăng?
Rất nhiều! Bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Không như vậy, Thiện nam tử, thiện nữ nhơn đối với các thiện căn, tâm không chấp trước, mà hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mới là tối thượng, đệ nhất, tối diệu, vô thượng, vô đẳng đẳng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới, đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mỗi mỗi chúng sanh số như cát sông Hằng trong mười phương, trải kiếp số như cát sông Hằng, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường Bồ-tát ấy các y phục, ẩm thực, đồ nằm, thuốc men, cung cấp sự cần dùng, ý Tu-bồ-đề nghĩ sao? Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, do nhân duyên nầy, được phước nhiều chăng?

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Vô lượng vô biên vô số , không thể lấy thí dụ so sánh.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu phước đức ấy có hình tướng, thì mười phương thế giới số như cát sông Hằng không dung chứa hết.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Lành thay, Lành thay! Như lời ông nói. Tuy như vậy, cũng không bằng thiện nam tử, thiện nữ nhơn, đối với các thiện căn, tâm không chấp đắm, mà hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mới là tối thượng, đệ nhất, tối diệu, vô thượng, vô đẳng đẳng, công đức của sự không chấp trước hồi hướng ấy so với công đức trước, hôn gấp trăm, gấp ngàn, gấp trăm ngàn vạn ức, cho đến tốn số thí dụ không thể sánh kịp. Vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhơn trước thủ tướng đắc pháp, mà tu mười thiện đạo, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông; chấp thủ tướng đắc pháp mà cúng dường Tu-đà-hoàn, cung kính, tôn trọng, tán thán, y phục, ẩm thục, đồ nằm, thuốc men, cho đến chấp thủ tướng mà cúng dường Bồ-tát.

Bấy giờ, trời Tứ thiên vương cùng hai vạn các thiên tử, chấp tay lễ Phật mà thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát tối đại hồi hướng là vì sức phương tiện, vì không sở đắc, vì pháp vô tướng, vì pháp vô giác, nên hồi hướng các thiện căn đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hồi hướng như vậy, không rơi vào hai bên".

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân cũng cùng với vô số trời Ba mươi ba và các chư thiên, cầm hoa trời, anh lạc, hương bột, hương nước, áo trời, phan lọng, trống trời, kỹ nhạc để cúng dường Phật, và thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát tối đại hồi hướng là vì có sức phương tiện, vì không sở đắc, vì pháp vô tướng, vì pháp vô giác, nên hồi hướng các thiện căn đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hồi hướng như vậy, không rơi vào hai bên".

Vua trời Tu-dạ-ma cùng với ngàn thiên tử, vua trời Đâu-suất-đà, hóa-lạc, Tha-hóa-tự-tại, mỗi mỗi cùng với ngàn thiên tử, cúng dường Phật xong thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát tối đại hồi hướng, là vì có sức phương tiện, vì không Sở đắc, vì pháp vô tướng, vì pháp vô giác, nên hồi hướng các thiện căn đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hồi hướng như vậy, không rơi vào hai bên".

Bấy giờ các Phạm thiên cùng với vô số trăm ngàn ức na-do-tha chư Thiên, đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật, phát âm thanh lớn thưa rằng: Chưa từng có! Bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát được Bát-nhã Ba-la-mật thủ hộ, do sức phương tiện nên hôn các thiện nam tử, thiện nữ nhân thủ tướng, có sở đắc trước kia".

Trời Quang Âm cho đến Trời A-ca-nị-sắc, cùng với vô số trăm ngàn vạn ức na-do-tha chư Thiên, đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật, phát âm thanh lớn thưa rằng: "Chưa từng có! Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát được Bát-nhã Ba-la-mật thủ hộ, do lực phương tiện nên hơn thiện

nam tử thiện nữ nhơn thủ tướng, có sở đắc trước kia".

Bấy giờ, Phật bảo Trời Tứ thiên vương, cho đến Trời A-ca-nị-sắc, các thiên tử rằng: "Nếu có chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới, đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, tất cả Bồ-tát ấy, nghĩ đến đến thiện căn của chư Phật và Thanh văn, Bích-chi Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, từ khi mới phát tâm cho đến khi trụ pháp vị, các thiện căn có được ở khoảng trung gian ấy, và thiện căn của tất cả chúng sanh có được là do bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, trí tuệ, Thí Ba-la-mật, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn, vô lượng Phật pháp như vậy, hết thảy hòa hợp lại mà tùy hỷ, tùy hỷ rồi hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, thì hồi hướng như vậy, vì thủ tướng, có sở đắc.

Lại có thiện nam tử, thiện nữ nhân, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, niệm đến chư Phật, Thanh văn, Bích-chi Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, từ khi mới phát tâm cho đến khi trụ pháp vị, các thiện căn có được ở khoảng trung gian ấy, và thiện căn của hết thảy chúng sanh có được là do bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, trí tuệ, Thí ba-la-mật cho đến vô lượng Phật pháp, hết thảy hòa hợp cân lường mà tùy hỷ, do không sở đắc, do pháp không hai, do pháp vô tướng, do pháp không nhiễm trước, do pháp vô giác, nên sự tùy hỷ này là tối thượng, đệ nhất, tối diệu, vô thượng, vô đẳng đẳng, tùy hỷ, tùy hỷ rồi hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề thì công đức của thiện nam tử, thiện nữ nhân này hơn công đức của thiện nam tử, thiện nữ nhân trước kia gấp trăm, gấp ngàn, gấp trăm ngàn ức, cho đến tốn số thí dụ không thể sánh kịp.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế Tôn dạy các thiện nam tử, thiện nữ nhân hòa hợp các thiện căn, cân lường tùy hỷ, hồi hướng là tối thượng, đệ nhất, tối diệu, vô thượng, vô đẳng đẳng. Vậy, bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là tùy hỷ tối thượng cho đến vô đẳng đẳng?

Phật dạy: Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, đối với các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại không thủ không xả, không niệm chẳng phải không niệm, không đắc chẳng phải không đắc, trong các pháp ấy cũng không có pháp sanh pháp diệt, hoặc nhơ, hoặc sạch, các pháp không tăng không giảm, không đến không di, không hợp không tán, không vào không ra; như đối với tướng các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, như, như tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, ta cũng tùy hỷ như vậy, tùy hỷ rồi hồi hướng đến vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, thì hồi hướng như vậy là tối thượng, đệ nhất, tối diệu, vô thượng, vô đẳng đẳng.

Tu-bồ-đề! Pháp tùy hỷ này so với các tùy hỷ khác hơn gấp trăm, gấp ngàn, gấp trăm ngàn ức, cho đến tốn số thí dụ không thể sánh kịp.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, cầu Phật đạo, đối với chư Phật, Thanh văn, Bích-chi Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, từ khi mới phát tâm cho đến khi trụ pháp vị, ở khoảng trung gian ấy, có được thiện căn hoặc bố thí cho đến trí tuệ, Thí Ba-la-mật cho đến vô lượng Phật pháp, và thiện căn của tất cả chúng sanh khác có được, nếu muốn tùy hỷ, hãy nên tùy hỷ như vầy, nghĩ rằng: Bố thí với giải thoát bằng nhau; giới, nhẫn, tinh tấn, thiền, trí với giải thoát bằng nhau; sắc và giải thoát bằng nhau; thọ, tưởng, hành, thức với giải thoát bằng nhau; nội không với giải thoát bằng nhau; cho đến vô pháp hữu pháp không cũng cùng với giải thoát bằng nhau; bốn niệm xứ với giải thoát bằng nhau; cho đến tám Thánh đạo phần cũng cùng với giải thoát bằng nhau; mười lực Phật với giải thoát bằng nhau; cho đến trí nhất thiết chủng cũng cùng với giải thoát bằng nhau; giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn cũng cùng với giải thoát bằng nhau; tùy hỷ với giải thoát bằng nhau; các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại với giải thoát bằng nhau; mười phương chư Phật với giải thoát bằng nhau; chư Phật hồi hướng với giải thoát bằng nhau; chư Phật với giải thoát bằng nhau; chư Phật diệt độ với giải thoát bằng nhau; đệ tử chư Phật Thanh văn, Bích-chi Phật với giải thoát bằng nhau; đệ tử chư Phật diệt độ với giải thoát bằng nhau; chư Phật pháp tướng với giải thoát bằng nhau. Các Thanh văn, Bích-chi Phật pháp tướng với giải thoát bằng nhau. Hết thảy các pháp tướng với giải thoát bằng nhau. Ta đem công đức tùy hỷ theo tướng các thiện căn ấy mà hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, cũng cùng với giải thoát bằng nhau; Vì chẳng sanh chẳng diệt.

Tu-bồ-đề! Như vậy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát tùy hỷ công đức tối thượng, đệ nhất, tối diệu, vô thượng, vô đẳng đẳng. Tu-bồ-đề! Bồ-tát thành tựu công đức tùy hỷ như vậy sẽ mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Mười phương chư Phật và đệ tử như số cát sông Hằng, hiện tại có thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Phật đạo, suốt đời cúng dường chư Phật và đệ tử ấy tất cả những thứ cần dùng, như y phục, ẩm thực, đồ nằm, thuốc men, và cung kính, tôn trọng, tán thán, sau khi chư Phật ấy diệt độ, lại ngày đêm siêng tu cúng dường hương hoa cho đến lọng tàn, kỹ nhạc và cung kính, tôn trọng, tán thán mà sự cúng dường ấy vì thủ tướng, có sở đắc và sự trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ vì thủ tướng, có sở đắc.

Lại có thiện nam tử, thiện nữ nhân, phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, tu Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, do sức phương tiện không thủ tướng, không sở đắc, hồi hướng các thiện căn đến vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, phước đức ấy tối thượng, đệ nhất, tối diệu, vô thượng, vô đẳng đẳng, hôn phước đức trước kia gấp trăm, gấp ngàn, gấp trăm ngàn ức, cho đến tốn số thí dụ không thể sánh kịp.

Như vậy Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, vì sức phương tiện, hồi hướng các thiện căn đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, vì không thủ tướng, không sở đắc.

LUẬN: Bồ-tát nên nghĩ rằng: Các pháp từ sắc cho đến hạnh thường xả, không ràng buộc vào ba cõi, cho nên không nhiếp thuộc ba đời. Chư Phật và đệ tử, và các công đức tâm tùy hỷ, chỗ hồi hướng, pháp dùng để hồi hướng, người hồi hướng cũng như vậy, ấy gọi là chánh hồi hướng.

Bấy giờ Bồ-tát nghĩ rằng: Nếu sắc ra ngoài ba cõi, không nhiếp vào ba đời, thì không thể thủ tướng, có sở đắc mà hồi hướng. Vì sao? Vì sắc ấy ra ngoai ba cõi, tức là sắc thật tướng, tướng sơ sanh, tướng hậu sanh không thể có được như trong phẩm phá sanh nói: Nếu pháp vô sanh, tức là không có gì của chính nó, không có tâm hồi hướng, làm sao hồi hướng đến tâm Bồ-đề vô sở hữu? Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến hạnh thường xả cũng như vậy, ấy gọi là không tạp độc hồi hướng, tức là vô tướng vô đắc hồi hướng.

Tạp độc là không được chư Phật tán thán, không thể đầy đủ sáu Ba-la-mật, cho đến không thể được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Lại nữa, Bồ-tát nên nghĩ rằng: Như chỗ biết của mười phương ba đời chư Phật, nên sanh tâm như vậy, mềm như vậy quán như vậy, hồi hướng như vậy, công đức ấy đi thẳng đến Vô thượng đạo, ta cũng tùy hỷ hồi hướng như vậy, Bồ-tát ấy chắc được tùy hỷ hồi hướng thật, không hư dối. Như trước đây nói nhân duyên, là lược nói các phẩm hồi hướng, (Bồ-tát lễ Phật có ba bậc: 1. Sám hối tội. 2. Tùy hỷ hồi hướng. 3. Khuyến thỉnh chư Phật) nói rộng thì vô lượng vô biên.

Lành thay, Lành thay! Ông làm việc Phật làm là, Phật khi mới phát tâm thệ độ hết thảy chúng sanh. Tu-bồ-đề tuy là A-la-hán nhưng hay giúp Phật thuyết pháp, mở đạo Bồ-tát, thế nên khen lành thay, lành thay.

Lại nữa, Phật tự nói nhân duyên. Vì các Bồ-tát mà nói pháp nên hồi hướng, vì dùng vô thượng, dùng trí tuệ vô tướng vô phân biệt, hòa hợp công đức hồi hướng. Vì trái với trên kia, nên gọi là vô tướng.

Vô tướng có ba: Tướng giả danh, Tướng pháp và Tướng vô tướng. Tướng giả danh là như xe, nhà, rừng, tốn quân, như chúng sanh đối với các pháp hòa hợp còn có tên gọi. Vì vô minh nên chấp thủ tướng tên giả ấy, khởi lên nghiệp phiền não. Tướng pháp là các pháp năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới v.v..., mắt thịt trông thấy, có mắt tuệ trông thấy thì không có, cho nên pháp cũng là vọng ngữ hư dối, nên bỏ, nên xa lìa. Lìa hai tướng ấy, ngoài ra chỉ có Tướng vô tướng. Có người chấp thủ tướng vô tướng ấy, theo đuổi thủ tướng trở lại sanh kiết sử, thế nên cũng không nên thủ tướng vô tướng. Lìa ba thứ tướng ấy nên gọi là vô tướng. Nếu không có tướng, thì trong ấy không có gì được, không được nên không xuất ra; nếu pháp không được không xuất tức là không nhơ không sạch; nếu pháp không nhơ không sạch, tức là không có tánh pháp; nếu pháp không có tánh, tức là tự tướng không; nếu pháp tự tướng không, tức là pháp thường tự tánh không; nếu pháp thường tự tánh không, tức đồng với pháp tánh, như như, thật tế. Dùng pháp như vậy hòa hợp, tùy hỷ phước đức hồi hướng, cho nên Phật khen lành thay, lành thay.

Lại có nhân duyên nói lành thay; đó là tùy hỷ phước đức có lợi ích lớn, có quả báo lớn cho chúng sanh.

Thế nào là lợi ích lớn? Đó là Phật dạy Tu-bồ-đề, hoặc có chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới tu mười thiện cho đến năm thông.

Hỏi: Vì sao chỉ trời Tứ thiên vương và Đao-lợi trong cõi Dục, và trời Phạm vương có nhiều chư thiên cùng đi đến Phật, còn bốn cõi trời khác ở cõi Dục lại ít có chư thiên cùng đi đến?

Đáp: Trời Tứ thiên vương và Đao-lợi nương ở trên đất gần với Phật, lại năm thứ dục lạc không bằng các cõi trên, lúc Phật sanh, lúc tu khổ hạnh, lúc hàng Ma, lúc đắc đạo, lúc chuyển Pháp luân, thường đến cúng dường Phật, cho nên nhiều. Còn bốn cõi trời Dục giới kia, cung điện ở hư không, không thuộc đất, năm thứ dục lạc tốt đẹp, nhiễm đắm sâu xa, nên không thể đi đến nhiều. Lại trời Đâu-suất tuy có lợi căn ưa pháp, mà ở cõi trời ấy thường có Bồ-tát nhất sanh bổ xứ (còn một đời là bổ vào chỗ Phật) thuyết pháp, nên không đi đến. Phạm thiên tuy ở xa, mà lìa dục, có tánh ưa pháp sâu, Phật là vua pháp, cho nên thường đi đến Phật nhiều. Lại nữa, vua Phạm thiên là chủ cõi Sắc. Vì thỉnh Phật bắt đầu Chuyển xe pháp, nên cùng chúng đông đảo đi đến. Các Trời cõi Sắc khác, đều gọi là Phạm thiên.

Hỏi: Trước đã mỗi mỗi nói nhân duyên của chánh hồi hướng, chánh hồi hướng tức là tối thượng, sao nay còn hỏi lại?

Đáp: Trên kia nôi nôi nói rộng, nay nói lược; đó là ba đời mười

phương hết thảy pháp, tâm quyết định biết, đối với pháp ấy không sanh không diệt, hết thảy pháp không thể có được, không thể ức niệm. Vì không thể có được, không thể ức niệm, nên không thủ không xả, nhiếp vào trong thật tướng các pháp. Suy nghĩ rằng: Như thật tướng các pháp, ta cũng như vậy, tùy hỷ phước đức hồi hướng, không phân biệt các pháp, không phá hoại pháp tánh ấy gọi là tối thượng hồi hướng. Vì sao? Vì quả báo thường không cùng tận.

Hỏi: Sáu Ba-la-mật và các pháp mỗi mỗi tướng khác nhau, hoặc có sắc tướng hoặc không sắc tướng, còn giải thoát thì có hai là hữu vi giải thoát, vô vi giải thoát, làm sao các pháp cùng với giải thoát bằng nhau?

Đáp: Trước tôi đã nói, người phàm phu do mắt thịt, sáu thức điên đảo quán xét nên thấy tướng khác nhau, nếu dùng mắt tuệ quán xét các pháp, thấy đều hư vọng, duy Niết-bàn là chân thật. Giải thoát hữu vi thuộc vô vi, tùy theo vô vi nên gọi là giải thoát.

Người như thật đắc đạo, gọi là đạo nhân, nay người chưa đắc thì phép ăn mặc tùy theo người đắc đạo, nên cũng gọi là đạo nhân. Như Vô-dư Niết-bàn, không sanh không diệt, không vào không ra, không nhơ không sạch, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải thường chẳng phải vô thường, tướng thường tịch diệt, dứt tâm thức, quán sát dứt tướng nói năng, chẳng phải pháp chẳng phải phi pháp. Vì không có tướng gì, mắt tuệ quán xét hết thảy pháp cũng tướng như vậy, ấy gọi là sáu Ba-la-mật cùng với giải thoát bằng nhau. Thế nên trong Phật pháp, nói giải thoát là quý, thường trí tuệ quý hôn giải thoát. Trong đây Phật phân biệt nói: Nếu một người trải qua vô lượng vô số kiếp, tu sáu Ba-la-mật, vì dùng tâm có sở đắc, tu tập các thiện căn, còn một người dùng tâm không sở đắc, chỉ đem tâm tùy hỷ, nhớ đến công đức người khác, mà hồi hướng đến Vô thượng đạo, thì người trước không kịp được một trong trăm ngàn vạn phần của người sau này. Vì sao? Vì phước đức trước có hạn lượng, còn phước đức sau không có hạn lượng; phước đức trước có khi hết, phước đức sau không có khi hết; phước đức trước có tạp độc, phước đức sau không có tạp độc; phước đức trước theo sanh tử, phước đức sau theo Niết-bàn; phước đức trước không nhất định hoặc làm Phật hoặc thối lui, phước đức sau nhất định đi đến, chắc chắn mau làm Phật, có các sai khác như vậy. Thế nên bốn hạng người: Hoặc người phàm phu cầu cái vui thế gian, hoặc người Thanh văn hoặc Bích-chi Phật cầu cái vui Niết-bàn, hoặc Bồ-tát ma-ha-tát cầu Phật quả, đều nên tùy hỷ sanh phước đức như vậy. Hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, như trong phẩm này nói.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 62

GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI : CHIẾU SÁNG

KINH: Bấy giờ, Tuệ-mạng Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Ấy là Bát-nhã Ba-la-mật!

Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật có thể chiếu rõ hết thảy pháp, vì rốt ráo thanh tịnh.

Bạch đức Thế Tôn! Nên lễ Bát nhã Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật, không dính mắc ba cõi.

Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật trừ các tối tăm, vì hết thảy phiền não vọng kiến đã trừ.

Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật là tối thượng trong hết thảy pháp trợ đạo.

Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật an ổn, vì dứt được hết thảy khổ não sợ hãi.

Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật hay cho ánh sáng, vì có năm mắt trang nghiêm.

Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật hay chỉ đạo các chúng sanh tà kiến xa lìa nhị biên.

Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật là trí nhất thiết chủng, Vì hết thảy phiền não và tập khí dứt.

Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật là mẹ các Bồ-tát ma-ha-tát, vì hay sanh ra các Phật pháp.

Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật chẳng sanh chẳng diệt, vì tướng nó không.

Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật lìa xa sanh tử, vì chẳng phải thường chẳng phải diệt.

Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật làm thủ hộ kẻ không được cứu hộ, vì bố thí tất cả trân bảo.

Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật đầy đủ lực, vì không có gì có thể phá hoại.

Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật hay chuyển xoay bánh xe

pháp, ba lần chuyển mười hai hành tướng, vì hết thảy các pháp không chuyển không trở lại.

Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật hay chỉ bày các pháp tánh, vì vô pháp hữu pháp không.

Bạch đức Thế Tôn! Nên làm sao cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật? Phật dạy: Nên cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật như cúng dường Thế Tôn, nên lễ Bát-nhã Ba-la-mật như lễ Thế Tôn. Vì sao? Vì Thế Tôn không khác Bát-nhã Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật không khác Thế Tôn; Thế Tôn tức là Bát-nhã Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật tức là Thế Tôn. Trong Bát-nhã Ba-la-mật ấy xuất sanh chư Phật, Bồ-tát, Bích-chi Phật, A-la-hán, A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn. Từ trong Bát-nhã Ba-la-mật xuất sanh mười thiện đạo, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần. Từ trong Bát-nhã Ba-la-mật ấy sanh ra mười lực Phật, mười tám pháp không chung, đại từ, đại bi, trí nhất thiết chủng.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân tâm suy nghĩ rằng: Vì nhân duyên gì Xá-lợi-phất hỏi việc ấy? Suy nghĩ xong, nói với Xá-lợi-phất: Vì nhân duyên gì nên hỏi việc ấy?

Xá-lợi phất nói với Thích-đề-hoàn-nhân: Kiều-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát được Bát-nhã Ba-la-mật thủ hộ, có sức phương tiện thiện xảo, nên đối với thiện căn tạo tác được ở khoảng trung gian từ khi mới phát tâm cho đến khi trụ pháp vị của chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai, tất cả hòa hợp lại mà tùy hỷ hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì nhân duyên ấy, nên tôi hỏi việc ấy.

Này Kiều-thi-ca! Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát hơn Thí Ba-la-mật, Giới, Nhẫn, Tấn, Thiền Ba-la-mật, ví như người mù bẩm sanh, hoặc trăm, hoặc ngàn, hoặc trăm ngàn người mà không có ai dẫn trước thì không thể theo đường đi vào thành. Kiều-thi-ca! Năm Ba-la-mật cũng như vậy, lìa Bát-nhã Ba-la-mật thì như người mù bẩm sanh không kẻ dắt thì không thể đi đường, không thể được trí nhất thiết chủng.

Này Kiều-thi-ca! Nếu năm Ba-la-mật được Bát-nhã Ba-la-mật dẫn đạo, thì bấy giờ năm Ba-la-mật gọi là có mắt, có Bát-nhã Ba-la-mật dẫn đạo, được gọi là Ba-la-mật.

Thích-đề-hoàn-nhân nói với Xá-lợi-phất: Như lời Ngài nói, có Bát-nhã Ba-la-mật dẫn đạo năm Ba-la-mật nên được gọi là Ba-la-mật. Thưa Xá-lợi phát! Nếu không có Thí Ba-la-mật, thì năm Ba-la-mật cũng không được gọi là Ba-la-mật, nếu không có Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, thì năm Ba-la-mật cũng không được gọi là

Ba-la-mật. Nếu như vậy, cớ sao chỉ tán thán Bát-nhã Ba-la-mật? Xá-lợi-phất đáp: Đúng vậy, đúng vậy! Kiều-thi-ca! Không có Thí Ba-la-mật thì năm Ba-la-mật không được gọi là Ba-la-mật; không có giới Ba-la-mật, Nhẫn, Tấn, Thiền Ba-la-mật thì năm Ba-la-mật không được gọi là Ba-la-mật. Nhưng Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Bát-nhã Ba-la-mật thì có thể đầy đủ Thí Ba-la-mật, Giới, Nhẫn, Tấn, Thiền Ba-la-mật. Vì vậy nên, Kiều-thi-ca! Bát-nhã Ba-la-mật là tối thượng, đệ nhất, tối diệu, vô đẳng, vô đẳng đẳng đối với năm Ba-la-mật.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Làm sao sanh Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Vì sắc chẳng sanh nên Bát-nhã Ba-la-mật phát sanh; vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh nên Bát-nhã Ba-la-mật phát sanh; vì Thí Ba-la-mật chẳng sanh nên Bát-nhã Ba-la-mật phát sanh, cho đến vì Thiền Ba-la-mật chẳng sanh nên Bát-nhã Ba-la-mật phát sanh; vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, mười lực Phật cho đến Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí chẳng sanh nên Bát-nhã Ba-la-mật phát sanh. Như vậy vì các pháp chẳng sanh nên Bát-nhã Ba-la-mật phát sanh.

Xá-lợi-phất thưa: Bạch Thế Tôn! Tại sao vì sắc chẳng sanh nên Bát-nhã Ba-la-mật phát sanh? Cho đến vì các pháp chẳng sanh nên Bát-nhã Ba-la-mật phát sanh?

Phật dạy: Vì sắc không khởi không sanh, không được không mất, cho đến vì hết thảy pháp không khởi, không sanh, không được, không mất nên Bát-nhã Ba-la-mật phát sanh.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Sanh Bát-nhã Ba-la-mật như vậy, hợp với những pháp gì?

Phật dạy: Không hợp với gì cả, vì vậy nên được gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Không hợp những pháp gì?

Phật dạy: Không hợp với pháp bất thiện, không hợp với pháp thiện, không hợp với pháp thế gian, không hợp với pháp xuất thế gian, không hợp với pháp hữu lậu, không hợp với pháp vô lậu, không hợp với pháp có tội, không hợp với pháp không tội, không hợp với pháp hữu vi, không hợp với pháp vô vi, Vì cớ sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật không, vì được các pháp nên sanh. Vì thế nên đối với các pháp không hợp.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật ấy, cũng không hợp Tát-bà-nhã.

Phật dạy: Đúng vậy, Kiều-thi-ca! Bát-nhã Ba-la-mật cũng không

hợp Tát-bà-nhã, cũng không được.

Thích-đề-hoàn-nhân thưa: Bạch đức Thế Tôn! Tại sao Bát-nhã Ba-la-mật cũng không hợp Tát-bà-nhã, cũng không được?

Phật dạy: Bát-nhã Ba-la-mật không như danh tự, không như tướng, không như pháp khởi tác hợp.

Thích-đề-hoàn-nhân thưa: Nay hợp thế nào?

Phật dạy: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát như không thủ, không thọ, không trú, không trước, không dứt, hợp như vậy, cũng không chỗ hợp. Như vậy, Kiều-thi-ca! Bát-nhã Ba-la-mật tùy hợp với hết thảy pháp, cũng không chỗ hợp.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật: Chưa từng có vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật ấy vì hết thảy pháp chẳng khởi, chẳng sanh, chẳng được, chẳng mất nên phát sanh.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, nghĩ rằng: "Bát-nhã Ba-la-mật hoặc hợp với hết thảy pháp, hoặc không hợp" thì Bồ-tát ấy đã bỏ Bát-nhã Ba-la-mật, xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Lại có nhân duyên Bồ-tát ma-ha-tát bỏ Bát-nhã Ba-la-mật, xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật, nếu Bồ-tát ma-ha-tát nghĩ rằng: "Bát-nhã Ba-la-mật ấy không có gì của chính nó, không hư, không kiên cố " thì Bồ-tát ma-ha-tát ấy bỏ Bát-nhã Ba-la-mật, xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật. Tu-bồ-đề! Vì nhân duyên ấy, nên lìa bỏ Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Tin Bát-nhã Ba-la-mật là không tin pháp gì?

Phật bảo Tu-bồ-đề! Tin Bát-nhã Ba-la-mật thì không tin sắc, không tin thọ, tưởng, hành, thức; không tin mắt cho đến ý; không tin sắc cho đến pháp; không tin nhãn giới cho đến ý thức giới; không tin Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật; không tin nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; không tin bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo phần, không tin mười lực Phật, cho đến mười tám pháp không chung; không tin Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm quả, A-la-hán quả, Bích-chi Phật đạo; không tin Bồ-tát đạo, không tin Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, cho đến Nhất thiết chủng trí.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Tại sao khi tin Bát-nhã Ba-la-mật, thì không tin sắc cho đến trí nhất thiết chủng?

Phật bảo Tu-bồ-đề! Vì sắc không thể có được nên tin Bát-nhã Ba-la-mật, thì không tin sắc; cho đến vì Nhất thiết chủng trí không thể có được nên tin Bát-nhã Ba-la-mật, không tin Nhất thiết chủng trí. Vì thế cho

nên Tu-bồ-đề khi tin Bát-nhã Ba-la-mật, thì không tin sắc cho đến không tin Nhất thiết chủng trí.

LUẬN: Ở trên Phật cùng với Di-lặc, Tu-bồ-đề, Thích-đề-hoàn-nhân, chung nói ý nghĩ tùy hỷ. Xá-lợi-phất tuy im lặng, lắng nghe nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật tùy hỷ ấy thâm thâm, vô lượng, vô biên, lợi ích lớn cho chúng sanh, tuy hết lậu hoặc được tịch diệt, mà phát tâm hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy chấp tay, bạch Phật rằng: "Làm được sự tùy hỷ, dứt các hý luận, lợi ích vô lượng chúng sanh, khiến vào Phật đạo, ấy là Bát-nhã Ba-la-mật". Phật ấn khả lời ấy, nên nói "Phải"! Trong Bát-nhã Ba-la-mật nói thật tướng các pháp, trong thật tướng các pháp không có cấu trược hý luận, nên gọi là rốt ráo thanh tịnh, rốt ráo thanh tịnh nên có thể chiếu khắp hết thảy năm pháp tạng là quá khứ, vị lai, hiện tại, vô vi và bất khả thuyết.

Thế nên Xá-lợi-phất thưa: Bạch Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật có thể chiếu khắp hết thảy pháp, vì rốt ráo thanh tịnh. Bát-nhã Ba-la-mật hay thủ hộ Bồ-tát, cứu các khổ não, làm mãn sở nguyện. Như vua Trời Phạm Thiên thủ hộ ba ngàn đại thiên thế giới, cho nên chúng sanh đều kính lễ.

Bùn ba độc trong ba cõi không làm ô nhiễm, nên nói là không dính mắc ba cõi.

Phá hết thảy một trăm lẻ tám phiền não ái nhiễm v.v... sáu mươi hai kiến chấp là ngã kiến v.v... nên nói là phá vô minh tối tăm.

Trong các pháp, trí tuệ hôn cả; trong trí tuệ, Bát-nhã Ba-la-mật hôn cả, lấy trí tuệ làm gốc, phân biệt ba mươi bảy phẩm như bốn niệm xứ v.v... nên nói trí tuệ là tối thượng trong tất cả pháp trợ đạo.

Dứt được các khổ não sợ hãi sanh, già, bệnh, chết, nên nói là an ổn.

Trong Bát-nhã Ba-la-mật ấy thu nhiếp năm mắt, nên nói là hay cho ánh sáng.

Xa lìa nhị biên, hữu biên, vô biên v.v... nên nói hay chỉ bày chánh đạo.

Bồ-tát trụ ở Kim Cang tam-muội dứt hết thảy tập khí phiền não vi tế, khiến không còn sót lại, được vô ngại giải thoát, nên nói là trí nhất thiết chủng.

Lại nữa, biết tướng chung, tướng riêng của hết thảy pháp, biết nhân duyên của trí nhất thiết chủng, nên nói là trí nhất thiết chủng.

Hay sanh mười phương ba đời vô lượng Phật pháp, nên nói là mẹ các Bồ-tát.

Trong tất cả pháp vì mỗi mỗi tự tướng không, nên nói là bất sanh bất diệt.

Đoạn và thường là gốc các kiến chấp, các kiến chấp là gốc các kiết

sử, các kiết sử là gốc khổ trong hết thảy sanh tử; thế nên nói là xa lìa sanh tử.

Hay làm cho chúng sanh tin các thiện pháp bảo của Tam bảo, được các thiện pháp bảo nên được cái vui thế gian, xuất thế gian. Vì hay làm cho chúng sanh được hai thứ vui nên nói là người cứu hộ cho người không ai cứu hộ.

Tướng Bát-nhã Ba-la-mật ấy cho đến mười phương chư Phật, không thể phá hoại. Vì sao? Vì rốt ráo không thể có được, huống gì người khác làm sao phá hoại. Cho nên nói là đầy đủ Ba-la-mật.

Trong Bát-nhã Ba-la-mật ấy, vì không có tự tánh, nên nói các pháp không chuyển vận trong sanh tử, không trở lại vào Niết-bàn. Chẳng sanh nên chẳng chuyển vận, chẳng diệt nên chẳng trở lại. Cho nên nói hay chuyển vận pháp luân ba lần chuyển mười hai hành tướng. Nghĩa pháp luân ba lần chuyển mười hai hành tướng như trên đã nói.

Tất cả pháp có hai phần là hoặc có hoặc không có. Trong Bát-nhã Ba-la-mật ấy, có cũng không nên thủ, không có cũng không nên thủ, lìa có và không có ấy tức là thực tánh các pháp, cho nên nói là hay chỉ bày các pháp tánh.

Do vô lượng nhân duyên như vậy, tán thán Bát-nhã sau sẽ nói rộng.

Tướng Bát-nhã Ba-la-mật ấy là vô tướng, có người tâm chưa thuần thục, cố tìm định tướng của Bát-nhã, không thể được, bèn sanh tâm kiêu mạn. Thế nên Xá-lợi-phất hỏi: Nên làm sao cúng dường? Phật dạy: Nên cúng dường Bát-nhã như cúng dường Phật. Vì người ta từ xa xưa lại đây đắm sâu vào tướng chúng sanh, đối với pháp tôn quý, tình mỏng nên nói như cúng dường Phật.

Người trí xem Phật với Bát-nhã không khác nhau. Vì sao? Vì Bát-nhã được tu tập liền biến thành Nhất thiết trí. Trong đây Phật tự nói nhân duyên. Trong Bát-nhã Ba-la-mật ấy xuất sanh Hiền Thánh, xuất sanh mười thiện đạo v.v... và pháp thế gian xuất thế gian cho đến trí nhất thiết chủng.

Bấy giờ Đế-thích khởi niệm ấy là ý rằng: Vì Xá-lợi-phất là người lâu tận lìa dục, mà như tuồng người chấp trước pháp tán thán Bát-nhã. Nay Xá-lợi-phất tự nói nhân duyên: Bồ-tát vì được Bát-nhã thủ hộ, dùng sức phương tiện, hay tùy hỷ phước đức hồi hướng mà không phá hoại tướng Bát-nhã Ba-la-mật. Việc ấy quá hy hữu, nên tôn kính Bát-nhã Ba-la-mật và hỏi Phật làm sao cúng dường?

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Bát-nhã Ba-la-mật tự có thế lực nên hôn năm Ba-la-mật kia.

Hỏi: Năm Ba-la-mật kia nên dùng năm người mù ví dụ là đủ, cớ sao

nói đến trăm ngàn người?

Đáp: Trong đây cốt nói thế lực Bát-nhã, không luận nhiều ít.

Lại nữa, nếu nói dẫn đạo năm người thì không đủ quý, nên nói dẫn đạo trăm ngàn người.

Lại nữa, Ba-la-mật như trong hiền kiếp tam-muội có tám mươi bốn ngàn Ba-la-mật; nói rộng thì vô lượng.

Hỏi: Thí Ba-la-mật cũng có mắt. Vì sao? Vì tin có tội phước phá vô minh tà kiến, cho nên bố thí, cớ sao ví dụ người không có mắt?

Đáp: Ở trong bố thí, trí tuệ là khách từ ngoài đến, không phải chủ thể chính, ví như bốn đại thường hòa hợp, không được rời nhau, các Ba-la-mật hòa hợp với nhau cũng như vậy.

Không thể theo đường đi đến thành, con đường là con đường mười địa Bồ-tát, thành là trí nhất thiết chủng và các Phật pháp.

Lại nữa, con đường là tám Thánh đạo phần, thành là Niết-bàn. Như người mù tuy có đủ sức lực tay chân, mà không thể tùy ý đi đến, được người có mắt sáng dẫn dắt mới tùy ý đi đến, thành tựu mọi việc. Năm Ba-la-mật tuy mỗi mỗi có thể làm nên việc, nếu không được Bát-nhã chỉ đạo, thì còn không được hai thừa, huống gì đạo Vô thượng. Năm Ba-la-mật được Bát-nhã Ba-la-mật dẫn đạo, nên được gọi là Ba-la-mật, cho đến thành Phật đạo.

Đế-thích hỏi: Ông tự nói các Ba-la-mật hòa hợp, giúp đỡ cho nhau như bốn đại không được rời nhau, như vậy thì Bát-nhã Ba-la-mật cũng phải chờ năm pháp kia, cớ sao đây chỉ nói nhờ Bát-nhã nên năm pháp kia được gọi là Ba-la-mật?

Đáp: Tuy sáu pháp hòa hợp giúp đỡ cho nhau, mà lực Bát-nhã Ba-la-mật lớn, nên năm pháp kia nhân đó được gọi là Ba-la-mật; ví như hợp các thứ thuốc đã tán thành bột, tuy các thứ thuốc đều có lực dụng, nhưng thế của đá lớn hôn nên gọi là thạch tán. Lại như đại quân đánh giặc, tuy mỗi người đều có sức, mà sức chủ tướng lớn hơn; nên chủ được gọi là tướng.

Xá-lợi-phất đã hỏi việc cúng dường Bát-nhã, nay hỏi: Hành giả làm sao phát sanh Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật đáp: Nếu hành giả quán thấy tướng các pháp sắc v.v... chẳng sanh, thì phát sanh Bát-nhã Ba-la-mật.

Xá-lợi-phất lại hỏi: Làm sao quán thấy sắc chẳng sanh nên Bát-nhã Ba-la-mật phát sanh?

Đáp: Sắc do nhân duyên hòa hợp sanh khởi, hành giả biết sắc hư vọng không để khởi lên, Vì không khởi nên không sanh, không sanh nên

không được, không được nên không mất.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất ý hỏi: Bát-nhã không có chỗ làm duyên phát sanh, hành giả cũng không có sanh, như vậy Bát-nhã hợp với pháp gì? Cuối cùng về trụ chỗ nào? Được quả báo gì?

Đáp: Tướng Bát-nhã Ba-la-mật vô sanh, cho nên không có hợp. Nếu Bát-nhã Ba-la-mật có pháp hợp, hoặc thiện, hoặc bất thiện v.v... thì không gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Không hợp vào đâu, nên vào trong Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Nếu như vậy, Đế-thích đã biết tất cả pháp không hợp, cớ sao chỉ hỏi về Tát-bà-nhã không hợp?

Đáp: Đế-thích quí trọng, đắm sâu Bát-nhã ấy, còn đối với Tát-bà-nhã thì chưa dứt ái, nên nói cho đến Tát-bà-nhã cũng không hợp ư?

Phật đáp: Bát-nhã Ba-la-mật với Tát-bà-nhã cũng không hợp, vì tất cả pháp rốt ráo không sanh. Trong đây Phật phá tà kiến chấp đoạn diệt, nên nói hợp; Bát-nhã Ba-la-mật không như người phàm phu chấp tướng chấp danh, hợp với pháp hữu vi tác khởi như tâm hợp tâm Phật.

Hỏi: Thế nào như hợp tâm Phật?

Đáp: Biết tất cả tướng hư dối, nên không chấp tướng; biết trong tất cả pháp có tội lỗi vô thường nên không thọ; tâm chấp tôi ta trói buộc thế gian đều là tướng động, nên không trụ; hay sanh các thứ khổ não, sau biến đổi, nên không đắm trước; tất cả thế gian điên đảo, quả báo điên đảo không thật, như nhuyễn, như mộng, không diệt đi đâu, nên không đoạn. Thế nên Phật không chấp trước pháp, không sanh tâm cống cao, vào trong tướng lành rốt ráo không, thâm nhập tâm đại bi, để cứu chúng sanh, Bồ-tát nên hợp như tâm Phật.

Đế-thích hoan hỷ tán thán rằng: Hy hữu! Bát-nhã Ba-la-mật ấy không phá hoại các pháp, chẳng sanh, chẳng sanh, chẳng được, chẳng mất, mà có thể thành tựu Bồ-tát, khiến được đi đến thành Phật.

Tu-bồ-đề thưa: Nếu Bồ-tát dùng tâm có sở đắc như vậy mà phân biệt Nhất thiết trí v.v... tất cả pháp hoặc hợp hoặc không hợp, thì Bồ-tát ấy làm mất Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật ấn khả lời nói ấy! Như vậy lại có nhân duyên, Bồ-tát nếu thủ lấy lời ông nói, tất cả pháp không có hợp, chẳng hợp, thủ lấy tướng không ấy, nói rằng Bát-nhã không, không có gì của chính nó, không kiên cố, thì cũng mất Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề biết tướng Bát-nhã Ba-la-mật là không thể có được, cho nên hỏi nếu tin Bát-nhã Ba-la-mật, là tin pháp gì? Bát-nhã Ba-la-mật không cũng không thể có được, thì tâm quyết định tin nơi pháp gì?

Phật dạy: Tất cả pháp sắc v.v... không thể tin. Vì sao? Vì tất cả pháp sắc v.v... tự tánh không thể có được, cho nên không thể tin.

KINH: Tu-bồ-đề thưa Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật gọi là đại Ba-la-mật!

Này Tu-bồ-đề! Vì nhân duyên gì Bát nhã ba la mật gọi là đại Ba la mật?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật đối với sắc không tác ý lớn, không tác ý nhỏ, đối với thọ, tưởng, hành, thức không tác ý lớn, không tác ý nhỏ; đối với mắt cho đến ý, sắc cho đến pháp, nhãn thức giới cho đến ý thức giới không tác ý lớn, không tác ý nhỏ; đối với Thí Ba-la-mật cho đến Thiền Ba-la-mật không tác ý lớn, không tác ý nhỏ; đối với nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, không tác ý lớn, không ác ý nhỏ; đối với bốn niệm xứ cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, không tác ý lớn, không tác ý nhỏ; đối với các Phật pháp không tác ý lớn không tác ý nhỏ; đối với Phật không tác ý lớn không tác ý nhỏ.

Bát-nhã Ba-la-mật ấy, đối với sắc không tác ý hợp, không tác ý tán; đối với thọ, tưởng, hành, thức không tác ý hợp, không tác ý tán; cho đến đối với chư Phật không tác ý hợp, không tác ý tán. Đối với sắc không tác ý vô lượng, không tác ý chẳng phải vô lượng. Đối với sắc không tác ý rộng, không tác ý hẹp, không tác ý sắc có lực, không tác ý sắc không có lực, cho đến đối với chư Phật không tác ý có lực, không tác ý không có lực.

Bạch đức Thế Tôn! Do nhân duyên ấy, nên Bát-nhã Ba-la-mật được gọi là đại Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát tân học, nếu không xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật, không xa lìa Thiền Ba-la-mật, không xa lìa Tấn Ba-la-mật, không xa lìa Nhẫn Ba-la-mật, không xa lìa Giới Ba-la-mật, không xa lìa Thí Ba-la-mật, nhưng suy nghĩ như vầy: Bát-nhã Ba-la-mật ấy không tác ý sắc lớn, không tác ý sắc nhỏ; cho đến đối với chư Phật không tác ý lớn, không tác ý nhỏ; đối với sắc không tác ý hợp, không tác ý tán, không tác ý sắc vô lượng, không tác ý chẳng phải sắc vô lượng, không tác ý sắc có lực, không tác ý sắc không có lực, cho đến đối với chư Phật không tác ý có lực, không tác ý không có lực. Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát ấy nếu nghĩ như vậy là không thật hành Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì đó chẳng phải tướng Ba-la-mật, nghĩa là tác ý sắc lớn nhỏ, cho đến đối với chư Phật tác ý lớn nhỏ, sắc có lực, không có lực, cho đến chư Phật có lực không có lực.

Bạch đức Thế Tôn! Vì Bồ-tát ma-ha-tát ấy dùng trí có sở đắc nên có

lỗi lớn, tức là khi thật hành Bát-nhã Ba-la-mật, mà tác ý sắc lớn, tác ý sắc nhỏ cho đến đối với chư Phật tác ý có lực, tác ý không có lực. Vì sao? Vì có tướng sở đắc, thì không có Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Vì sao? Vì chúng sanh chẳng sanh, nên Bát-nhã Ba-la-mật cũng chẳng sanh; cho đến vì Phật chẳng sanh nên Bát-nhã Ba-la-mật chẳng sanh.

Vì chúng sanh tánh không có, nên Bát-nhã Ba-la-mật tánh không có, vì sắc tánh không có, nên Bát-nhã Ba-la-mật tánh không có; cho đến Phật tánh không có, nên Bát-nhã Ba-la-mật không có.

Vì chúng sanh chẳng phải pháp nên Bát-nhã Ba-la-mật chẳng phải pháp; Vì sắc chẳng phải pháp nên Bát-nhã Ba-la-mật chẳng phải pháp, cho đến vì Phật chẳng phải pháp nên Bát-nhã Ba-la-mật chẳng phải pháp.

Vì chúng sanh không nên Bát-nhã Ba-la-mật không; vì sắc không nên Bát-nhã Ba-la-mật không; cho đến vì Phật không nên Bát-nhã Ba-la-mật không.

Vì chúng sanh lìa tướng nên Bát-nhã Ba-la-mật xa lìa; tướng vì sắc lìa tướng nên Bát-nhã Ba-la-mật lìa tướng; cho đến vì Phật lìa tướng nên Bát-nhã Ba-la-mật lìa tướng.

Vì chúng sanh không có nên Bát-nhã Ba-la-mật không có; vì sắc không có nên Bát-nhã Ba-la-mật không có; cho đến vì Phật không có nên Bát-nhã Ba-la-mật không có.

Vì chúng sanh không thể nghĩ bàn nên Bát-nhã Ba-la-mật không thể nghĩ bàn; vì sắc không thể nghĩ bàn nên Bát-nhã Ba-la-mật không thể nghĩ bàn; cho đến vì Phật không thể nghĩ bàn nên Bát-nhã Ba-la-mật không thể nghĩ bàn.

Vì chúng sanh không diệt nên Bát-nhã Ba-la-mật không diệt; vì sắc không diệt nên Bát-nhã Ba-la-mật không diệt; cho đến vì Phật không diệt, nên Bát-nhã Ba-la-mật không diệt.

Vì chúng sanh không thể biết nên Bát-nhã Ba-la-mật không thể biết; vì sắc không thể biết nên Bát-nhã Ba-la-mật không thể biết; cho đến vì Phật không thể biết nên Bát-nhã Ba-la-mật không thể biết.

Vì chúng sanh lực không thành tựu nên Bát-nhã Ba-la-mật lực không thành tựu; vì sắc lực không thành tựu, nên Bát-nhã Ba-la-mật lực không thành tựu; cho đến vì Phật lực không thành tựu nên Bát-nhã Ba-la-mật lực không thành tựu.

Bạch đức Thế Tôn! Do nhân duyên ấy nên Bát-nhã Ba-la-mật của các Bồ-tát được gọi là đại Ba-la-mật.

LUẬN: Tu-bồ-đề nghe lời Phật dạy, cởi mở tâm nghi, tán thán Bát-nhã Ba-la-mật rằng: "Bát-nhã ấy gọi là đại Ba-la-mật".

Phật trở lại hỏi Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao? Vì sao gọi là đại Ba-la-mật?

Tu-bồ-đề đáp: Vì đối với các pháp sắc v.v... không tác ý lớn, không tác ý nhỏ. Tâm phàm phu đối với các pháp tùy ý tác ý lớn nhỏ, như người gặp khi cấp bách thì tâm họ rút nhỏ lại, khi an ổn giàu vui thì tâm họ mở rộng ra.

Lại như trong tám pháp bội xả, vì theo tâm mà ngoại sắc biến thành hoặc lớn hoặc nhỏ.

Lại như người phàm phu, đối với sắc, mắt, thấy chẳng phải sắc cũng bảo là sắc, như nghiệp, lượng, số , pháp một, khác v.v... hợp làm sắc, ấy gọi là đối với sắc tác ý lớn. Có người mắt thấy sắc, chỗ thấy được gọi là sắc, chỗ không thấy được, không gọi là sắc.

Có người nói: Sắc thô, hư dối chẳng phải thật sắc, chỉ các vi trần thường có mới gọi là sắc thật, vi trần khi hòa hợp lại giả danh là sắc, ấy gọi là đối với sắc tác ý nhỏ.

Có các nhân duyên như vậy, phàm phu đối với sắc hoặc tác ý lớn, hoặc tác ý nhỏ, theo ức tưởng phân biệt, cho nên phá hoại pháp tánh. Còn Bát-nhã Ba-la-mật thì tùy theo sắc tánh mà quán đúng thật, không tác ý lớn, nhỏ, chẳng hợp, chẳng tán, trong Bát-nhã Ba-la-mật không nói sắc vi trần hòa hợp lại liền có sắc danh, mà chỉ có giả danh, không có sắc có định tướng, thế nên không hợp không tán.

Sắc vô biên nên vô lượng; không chỗ nào không có sắc, không lúc nào không có sắc, cho nên không có lượng.

Sắc là pháp có tạo tác, trong Bát-nhã Ba-la-mật không cho là vì vi trần hợp lại nên có sắc thô, không vì sắc thô tán ra nên trở vi trần. Thế nên nói không hợp không tán.

Pháp sinh khởi thì có phân biệt trù lượng nhiều ít, không được nói là chẳng hợp chẳng tán vô lượng, như đối với người phàm vì "không" nên nói vô lượng, vì thật nên nói có lượng. Bát-nhã Ba-la-mật xa lìa "không" "thật", nên nói chẳng phải lượng chẳng phải vô lượng.

Người phàm phu theo tâm ức niệm mà được hiểu, cho nên đối với sắc tác ý rộng tác ý hẹp, còn Bát-nhã Ba-la-mật quán tướng thật pháp không theo tâm nên chẳng phải rộng chẳng phải hẹp.

Người phàm phu không biết do nhân duyên hòa hợp sanh các pháp, cho nên nói sắc có lực, như hợp các sợi làm dây, người không biết bảo dây có lực. Lại như tường đổ giết người, nói tường có lực. Nếu mỗi mỗi phân tán thì không có lực. Bát-nhã Ba-la-mật biết tướng hòa hợp nên không nói một pháp có lực, không nói không có lực. Vì thế nên gọi là đại

Ba-la-mật.

Lại có nhân duyên lớn nếu Bồ-tát không xa lìa sáu Ba-la-mật, thì đối với các pháp sắc v.v... không tác ý lớn, không tác ý nhỏ, chỉ hành Bát-nhã Ba-la-mật, thì tâm tán loạn không điều hòa nhu thuận, thường sanh nghi hối tà kiến, mất tướng Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu Bát-nhã cùng với năm Ba-la-mật hòa hợp thực hành thì điều hòa nhu thuận không sai lầm, thành tựu được mọi việc, thí như tám Thánh đạo phần, chánh kiến là đạo, nhưng nếu không có bảy việc kia trợ giúp thì không thành sự, cũng không gọi là chánh kiến. Vì thế nên Phật nói tất cả các thiện pháp, đều do nhân duyên hòa hợp cọng sanh, không có một pháp nào độc một mình tự sanh ra. Thế nên khi hòa hợp thì mỗi mỗi đều có lực, chỉ lực có lớn nhỏ, ấy gọi thật hành Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu Bồ-tát, trong sáu Ba-la-mật mà chỉ hành Bát-nhã Ba-la-mật phân biệt các pháp sắc v.v... hoặc lớn hoặc nhỏ thì người ấy liền rơi vào chỗ dùng có sở đắc, rơi vào hữu biên; nếu với các pháp sắc v.v... không phân biệt hoặc lớn hoặc nhỏ, lìa năm Ba-la-mật thì đắm vào tướng "không" chẳng lớn chẳng nhỏ v.v... ấy! Trước phân biệt các pháp lớn nhỏ, có sở đắc, là sai; nay đắm vào tướng "không" chẳng lớn chẳng nhỏ, cũng là sai, Vì cớ sao? Vì trong đây Tu-bồ-đề nói nhân duyên có tướng sở đắc cho đến nói không có Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Vì sao? Vì thượng Chánh đẳng Bồ-đề là tướng tịch diệt, tướng không sở đắc, tướng rốt ráo thanh tịnh. Tướng có Sở đắc là sanh các hý luận cạnh tranh.

Tất cả pháp không sanh không diệt, không có tướng sở đắc, như ngã, chúng sanh, tìm khắp mười phương cũng không thể có được, chỉ có giả danh, thật chẳng sanh. Vì chúng sanh chẳng sanh nên Bát-nhã Ba-la-mật cũng như tướng chúng sanh, phá tâm điên đảo chấp tôi ta, nên chẳng sanh chẳng diệt. Như các pháp sắc v.v... tìm tướng sanh không thể có được, nên chẳng sanh.

Hai pháp thu nhiếp hết thảy pháp là chúng sanh và pháp. Hai pháp ấy do nhân duyên hòa hợp sanh nên chỉ có giả danh, không có định tánh. Nếu pháp không có định tánh, pháp ấy tức là vô sanh. Vì hai pháp ấy vô sanh, cho nên biết các pháp sắc v.v... cũng vô sanh.

Chúng sanh pháp không có tự tánh, không có gì của chính nó, "không" lìa tướng, không thể nghĩ bàn, không diệt, không thể biết, cũng như vậy.

Vì lực chúng sanh không thành tựu nên lực Bát-nhã Ba-la-mật không thành tựu là, trước nói tất cả pháp tự nhân duyên hòa hợp sanh, mỗi mỗi không có tự lực. Bát-nhã Ba-la-mật biết các pháp mỗi mỗi không có tự lực, nên không có tự tánh; không có tự tánh nên không.

Bát-nhã Ba-la-mật từ các pháp sanh, nên không có tự lực. Vì không có tự lực, nên cũng đồng các pháp rốt ráo không. Thế nên nói chúng sanh và pháp, lực không thành tựu nên Bát-nhã Ba-la-mật lực cũng không thành tựu.

Hỏi: Trước nói đối với các pháp sắc v.v... không tác ý có lực, không tác ý vô lực, cớ sao nay lại nói chúng sanh và các pháp sắc v.v... lực không thành tựu nên Bát-nhã Ba-la-mật lực cũng không thành tựu?

Đáp: Ở trên nói Bát-nhã quán các pháp không tác ý có lực, không tác ý vô lực, người nghe cho rằng Bát-nhã Ba-la-mật hay khởi lên sự quán sát ấy, tức là có lực, cho nên trong đây nói lực chúng sanh và sắc v.v... không thành tựu nên lực Bát-nhã Ba-la-mật cũng không thành tựu.
Có các nhân duyên như vậy, nên gọi là đại Ba-la-mật.

----oOo-----

GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI MỐT: TIN TƯỞNG, CHÊ BAI

KINH: Bấy giờ Tuệ-mạng Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Có Bồ-tát ma-ha-tát tin hiểu Bát-nhã Ba-la-mật, vị ấy ở chỗ nào mạng chung sanh đến nôi đây? Thời gian phát tâm Vô thượng Chánh Bồ-đề đến nay bao lâu? Cúng dường bao nhiêu Phật? Tu Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật đến nay thời gian bao nhiêu? Mà nay có thể tùy thuận hiểu nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu?

Phật bảo: Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát ấy đã cúng dường mười phương chư Phật, nay sanh đến đây; Bồ-tát ấy phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề đến nay đã vô lượng vô biên vô số kiếp; Bồ-tát ma-ha-tát ấy từ khi mới phát tâm, thường tu Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật; cúng dường vô lượng vô biên, bất khả tư nghì vô số chư Phật, nay sanh đến đây.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hoặc thấy hoặc nghe Bát-nhã Ba-la-mật nghĩ rằng ta thấy Phật theo Phật nghe pháp

Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát ấy thường tùy thuận hiểu nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, vì vô tướng, vô nhị, không sở đắc.
Tu-bồ-đề bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật ấy, có thể nghe, có thể thấy chăng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bát-nhã Ba-la-mật không có ai nghe, không có

ai thấy. Bát-nhã Ba-la-mật, không nghe không thấy, vì các pháp ám độn. Thiền Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, không nghe không thấy, vì các pháp ám độn! Nội không, không nghe không thấy, vì các pháp ám độn! Cho đến vô pháp hữu pháp không, không nghe không thấy, vì các pháp ám độn. Bốn niệm xứ không nghe không thấy, vì các pháp ám độn! Cho đến tám Thánh đạo phần, không nghe không thấy, vì các pháp ám độn! Phật mười lực cho đến mười tám pháp không chung, không nghe không thấy, vì các pháp ám độn.

Tu-bồ-đề! Phật đạo, không nghe không thấy, vì các pháp ám độn.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ấy tu Phật đạo bao lâu là có thể tập hành Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm như vậy?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Trong đây nên phân biệt. Nầy Tu-bồ-đề! Có Bồ-tát ma-ha-tát mới phát tâm là tập hành được Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm, tập hành Thiền Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật, do sức phương tiện, đối với các pháp không phá hoại gì, chẳng thấy các pháp không có lợi ích, cũng trọn không xa lìa sự tập hành sáu Ba-la-mật, cũng không xa lìa chư Phật, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, nếu muốn dùng lực thiện căn cúng dường chư Phật, liền được theo ý, trọn không sanh vào trong bụng người mẹ, trọn không lìa các thần thông, trọn không sanh các phiền não và tâm Thanh văn, Bích-chi Phật. Từ một cõi Phật đến một cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, nghiêm tịnh cõi Phật.

Tu-bồ-đề! Các Bồ-tát ma-ha-tát như vậy, có thể tập hành Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu.

Tu-bồ-đề! Có Bồ-tát ma-ha-tát, thường thấy chư Phật, hoặc vô lượng trăm ngàn vạn ức, ở tại chỗ chư Phật tu Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ, vì đều do có sở đắc, nên khi Bồ-tát ấy nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm liền từ giữa chúng đứng dậy, bỏ đi, không cung kính Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm và chư Phật. Bồ-tát ấy nay ngồi ở giữa chúng này, nghe Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm ấy không vui, bèn bỏ đi. Vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, đời trước, khi nghe Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm đã bỏ đi, nên đời nay nghe Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm cũng bỏ đi, thân tâm không hòa. Người ấy gieo nghiệp nhân duyên ngu si; gieo nghiệp nhân duyên ngu si ấy, nên nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm thì chê bai. Vì chê bai Bát-nhã Ba-la-mật nên chê bai chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, chê bai Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí. Người ấy chê bai Nhất thiết trí của ba đời chư Phật, nên tạo

nghiệp phá pháp. Vì nhân duyên của nghiệp phá pháp tập hợp, nên phải đọa vào trong đại địa ngục trải vô lượng trăm ngàn vạn ức năm. Nghiệp của người phá pháp ấy, từ một đại địa ngục đến một đại địa ngục, nếu khi kiếp lửa nổi lên thì lại sanh đến trong đại địa ngục ở phương khác. Tại đây từ một đại địa ngục đến một đại địa ngục, nếu khi kiếp lửa nổi lên, lại sanh đến trong đại địa ngục ở phương khác nữa. Tại đây từ một đại địa ngục đến một đại địa ngục, như vậy trải khắp mười phương, tại đây nếu khi kiếp lửa nổi lên chết ở đó, nếu nhân duyên của tội nghiệp phá pháp chưa hết thì trở lại trong đại địa ngục ở đây. Tại đây cũng từ một đại địa ngục đến một đại địa ngục, chịu vô lượng khổ. Tại đây, kiếp lửa nổi lên, lại phải sanh đến trong mười phương thế giới khác, chịu khổ vì tội nghiệp phá pháp ở trong súc sanh cũng như ở trong địa ngục. Khi trọng tội mỏng dần, hoặc được sanh làm người, phải sanh vào nhà người mù bẩm sanh, sanh vào nhà hạng Chiên-đà-la, sanh vào nhà hạ tiện làm nghề dọn cầu tiêu, khiêng thây chết, hoặc không có mắt, hoặc một mắt, hoặc mắt mờ, không lưỡi, không tai, không tay, nôi xứ sở sanh ra không có Phật, không có pháp, không có đệ tử Phật. Vì sao? Vì gieo nghiệp phá phách, tích tập đầy đủ nặng dày, nên chịu quả báo ấy.

Bấy giờ Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Năm tội nghịch cùng với tội phá pháp giống nhau chăng?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Không nên nói giống nhau. Vì sao? Vì nếu có người nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm ấy, mà chê bai không tin, nói rằng: "không nên học pháp ấy, đó là phi pháp, chẳng phải lành, chẳng phải Phật giáo, chư Phật không nói lời ấy". Người ấy tự mình chê bai Bát-nhã Ba-la-mật, cũng dạy người khác chê bai Bát-nhã Ba-la-mật, tự hoại thân mình, cũng hoại thân người khác; tự uống thuốc độc giết mình, cũng cho người khác uống thuốc độc; tự làm mất thân mình, cũng làm mất thân người khác; tự không biết không tin, chê bai Bát-nhã Ba-la-mật, cũng dạy người khiến không biết không tin.

Xá-lợi-phất! Người như vậy, ta không cho nghe danh tự Bát-nhã, huống gì mắt thấy. Vì sao? Vì nên biết người ấy là người làm nhơ pháp, bị rơi vào suy vi, ô trược, tánh hắc ám. Người như vậy, nếu có ai nghe lời người ấy nói, tin dùng lời người ấy, cũng chịu khổ như vậy.

Xá-lợi-phất! Nếu người phá Bát-nhã Ba-la-mật thì nên biết người ấy là người phá pháp.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế Tôn nói người phá pháp chịu trọng tội, mà không nói người ấy thân thể lớn nhỏ?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Không cần nói người ấy thọ thân lớn nhỏ. Vì

sao? Vì người phá pháp, nếu nghe nói thọ thân lớn nhỏ, thì liền thổ huyết nóng, khổ hoặc chết, hoặc gần chết, người phá pháp ấy, nghe nói thân như vậy, có trọng tội như vậy, người ấy bèn rất sầu ưu, như mũi tên găm vào tim, dần dần khô héo, nghĩ rằng: Vì tội phá pháp mà phải mang thân rất xấu, chịu khổ vô lượng như vậy. Vì vậy, nên Phật không cho Xá-lợi-phất hỏi người ấy thọ thân thể lớn nhỏ.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Mong Phật nói cho, để làm giới răn sáng suốt cho đời vị lai, khiến biết được vì chất chứa nghiệp phá pháp, nên phải bị mang thân rất xấu và chịu khổ như vậy.

Phật bảo Xá-lợi-phất: Người đời sau nếu nghe người chất chứa nghiệp phá pháp đầy đủ nặng dày ấy phải chịu vô lượng khổ rất lâu trong đại địa ngục, nghe thời gian chịu khổ vô lượng rất lâu ấy, là đủ làm giới răn sáng suốt cho đời vị lai.

Xá-lợi-phất bạch Phật ràng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thiện tánh, nghe pháp ấy đủ lấy làm nương dựa, thì thà mất mạng, chớ trọn không phá pháp. Tự nghĩ, nếu ta phá pháp thì sẽ chịu khổ như vậy.

LUẬN: Xá-lợi-phất nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật vi diệu sâu xa, nghe được còn khó, huống chi thực hành! Vì thế nói: Người tin hiểu Bát-nhã thật là hy hữu. Cho nên thưa đức Thế Tôn: Người tin hiểu được Bát-nhã ấy ở chỗ nào mạng chung sanh đến đây? Xá-lợi-phất nghĩ rằng: Người ấy phải là người từ thế giới tốt đẹp mạng chung, mà sanh đến đây. Người ấy không phải là người mới phát tâm, không phải là người ít cúng dường Phật, không phải ít tu sáu Ba-la-mật, người ấy chắc chắn là người đại đức, chưa phải thánh mà có thể biết được thánh pháp. Vì thế nên hỏi, đã phát tâm bao lâu, cúng dường bao nhiêu Phật, tu sáu Ba-la-mật bao lâu, mà có thể tin hiểu nghĩa Bát-nhã sâu thẳm. Vị Bồ-tát ấy đối với các pháp không thủ tướng, không chấp trước không, tu không hạnh, hòa hợp năm Ba-la-mật, tu Bát-nhã Ba-la-mật, dùng tâm đại từ bi, vì hết thảy chúng sanh nên tu Bát-nhã Ba-la-mật. Từ trong thế giới thanh tịnh của mười phương chư Phật mạng chung, mà sanh đến đây, là vì độ chúng sanh hữu duyên, làm nhân duyên cho đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Tuy có người chết sanh ở đây, song chỉ người từ chỗ Phật ở tha phương đến đây là quý. Vì từ khi phát tâm lại đây trải vô lượng vô sô số kiếp chứa nhóm phước đức sâu dày, nên có thể tin hiểu tùy thuận nghĩa lý thâm sâu.

Có người tuy phát tâm đã lâu từ vô lượng vô số kiếp, song không tu công đức, cho nên đây nói, từ khi phát tâm lại đây, thường tu sáu Ba-la-mật. Vì phước đức thường tu sáu Ba-la-mật nên có thể được thấy, được

cúng dường vô lượng vô số Phật.

Vị Bồ-tát ấy thành tựu bốn nhân duyên trên nên được vô lượng vô biên phước đức và trí tuệ. Do nhân duyên phước đức ấy, nên các phiền não mỏng, tâm được nhu nhuyến, các căn tín và tuệ được lanh lợi của Bồ-tát, thêm đắc lực dần, nên thâm nhập Bát-nhã Ba-la-mật, chán ghét việc thế gian. Nếu thấy kinh quyển Bát-nhã, thì liền sanh tâm như thấy Phật; hoặc mở kinh tìm nghĩa thì liền sanh tâm như từ Phật nghe. Do thành tựu tín lực tuệ lực, nên tùy thuận hiểu nghĩa Bát-nhã thâm sâu; nghĩa là hết thảy pháp vô tướng, ra khỏi mười hai nhập, hai pháp, không hai pháp, tâm không chấp trước, gọi là không sở đắc.

Lược nói ba tướng là tùy thuận hiểu nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề nghe nói: Thấy kinh quyển như thấy Phật, đọc kinh văn như nghe lời Phật, như tuồng có chấp trước, cho nên hỏi: Bát-nhã có thể thấy, có thể nghe ư? Ý Tu-bồ-đề cho Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo không, thì mắt trời, tai trời còn không thấy nghe được, huống gì mắt thịt, tai thịt; mắt tuệ xuất thế gian cũng không thấy được, huống gì mắt thế gian!

Phật thuận theo ý ấy mà đáp: Bát-nhã Ba-la-mật không thể thấy nghe được. Trong đây nói nhân duyên: Các pháp vào Bát-nhã Ba-la-mật đều một tướng, là vô tướng, trong đó không phân biệt người nghe người thấy, và có thể nghe, có thể thấy.

Người phàm phu trong ba cõi phân biệt ấy là mắt, là sắc, là tai, là tiếng, sáu căn là lợi, sáu trần là độn. Các pháp sắc v.v... là độn; tuệ v.v... là lợi. Các pháp vào trong Bát-nhã Ba-la-mật, như trăm sông đổ về biển, đều là một vị, thế nên nói Bát-nhã Ba-la-mật không thể thấy, không thể nghe. Vì các pháp độn, nên từ Thí Ba-la-mật cho đến Phật đạo, Tu-đà-hoàn cho đến Phật cũng như vậy.

Lại nữa, chúng sanh lìa pháp thì không nghe được, không thấy được; pháp lìa chúng sanh cũng không nghe được, không thấy được.

Hỏi: Trên kia đã hỏi Bồ-tát phát tâm bao lâu, cúng dường bao nhiêu Phật, mà có thể tùy thuận hiểu nghĩa thâm sâu; cớ chi nay còn hỏi lại?

Đáp: Trên kia Phật nói Bát-nhã, không nghe, không thấy, cũng nói thấy kinh quyển Bát-nhã như thấy Phật, đọc Bát-nhã như theo Phật nghe nói về hai tướng. Bát-nhã ấy, cũng nói có thể nghe, có thể thấy, cũng nói không thể nghe, không thể thấy. Thế nên trở lại hỏi Phật: Bồ-tát tu hành bao lâu mà có được phương tiện có thể hành theo có, có thể hành theo không; hành theo có mà không đọa vào ba cõi, hành theo không mà không đọa vào đoạn diệt, có thể hành theo tướng Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật đáp: Có, việc ấy không nhất định, nên phải phân biệt nói: Hoặc

có Bồ-tát mới phát tâm, liền tập hành được sáu Ba-la-mật thậm thâm.

Tập hành là nhất tâm tín thọ thường hành, nhờ sức phương tiện là (trí tuệ) tuy tập hành, sáu Ba-la-mật, làm nhân duyên sanh khởi phước đức, mà tâm không chấp trước.

Các pháp không thể phá hoại là tín lực, trí tuệ lực của Bồ-tát rất lớn, nên nghe pháp Đại thừa thâm sâu, liền tin, nghe pháp Thanh văn cũng tin, nghe pháp tại gia xuất gia của ngoại đạo, cũng không phá hoại, mà từ trong đó phát xuất hai thứ lợi: 1. Là phân biệt thị đạo phi đạo, bỏ phi đạo, hành theo thị đạo. 2. Là hết thảy pháp vào trong Bát-nhã Ba-la-mật thì không thị, không phi, không phá bỏ, không lãnh thọ.

Không thấy các pháp không có lợi ích là, tức trên kia từ trong đó phát xuất hai thứ lợi. Phước đức ấy đầy đủ nên trọn không xa lìa sáu Ba-la-mật, cho đến nghiêm tịnh cõi Phật.

Có Bồ-tát tuy mới phát tâm mà tín thọ sâu xa Bát-nhã Ba-la-mật. Có Bồ-tát phát tâm đã lâu, cúng dường ngàn vạn ức chư Phật, mà vì dùng tâm có sở đắc tu sáu Ba-la-mật, nên không tín thọ Bát-nhã Ba-la-mật. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Người ấy ở đời quá khứ nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu thẳm, không tin không thọ, từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi, nên nay Phật nói cho, cũng không không tin không thọ. Vì quả báo của tội phá Bát-nhã Ba-la-mật, nên nói người ấy vì nghiệp không tin không thọ, nên làm nhân duyên khởi lên nghiệp ngu si. Vì nghiệp ngu si nên nghi hối tà kiến, tâm chấp trước càng tăng thêm, tâm chấp trước càng tăng thêm nên ở giữa đại chúng chê bai phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật. Vì phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật nên phá Nhất thiết trí của mười phương Phật. Vì tội phá Nhất thiết trí của mười phương chư Phật, nên khi chuyển đổi thân bị đọa đại địa ngục.

Đại địa ngục là địa ngục A-tỳ (Vô gián) chịu ưu sầu khổ não trong vô lượng trăm ngàn vạn ức vô số kiếp, ưu sầu là tâm khổ, khổ não là thân khổ.

Từ một đại địa ngục đến một đại địa ngục là, như do phước đức nên ở trên có trời Lục dục; do tội nghiệp nhân duyên cũng như vậy, dưới có tám đại địa ngục. Tám đại địa ngục, mỗi mỗi có mười sáu địa ngục nhỏ, trong đó ngục A-tỳ lớn nhất. Ngoài ra, dưới trời Tứ thiên vương, cũng như vậy. Trong ba ngàn đại thiên thế giới có trăm ức núi Tu-di, có trăm ức địa ngục A-tỳ. Thế nên nói từ một đại địa ngục A-tỳ đến một đại địa ngục A-tỳ. Như người từ hội này đến hội khác.

Lại như người vào chánh vị, từ trời đến nhân gian thọ vui, từ cõi người trở lại cõi trời thọ vui. Nếu ở đây kiếp lửa nổi lên, tội kia chưa hết,

thì phải chuyển đến chịu tội trong đại địa ngục ở mười phương thế giới khác. Nếu ở nơi đó, kiếp lửa nổi lên lại phải chuyển đến phương khác. Ở phương khác kiếp lửa nổi lên, lại trở lại sanh vào địa ngục A-tỳ ở đây, triển chuyển như trước.

Tội phá Bát-nhã Ba-la-mật ấy giảm bớt, thì triển chuyển sanh vào loài súc sanh khổ nhọc. Ở đó kiếp lửa nổi lên, lại phải sanh vào loài súc sanh tại thế giới khác, triển chuyển chịu khổ. Nơi kia kiếp lửa nổi lên, lại sanh lại nơi đây, lại triển chuyển như trước.

Tội bớt nhẹ dần, được làm thân người, thì sanh vào hạ tiện, tức là sanh vào nhà người đui bẩm sanh, không muốn thấy Bát-nhã Ba-la-mật, khinh chê người thuyết pháp nên phải sanh vào hạ tiện Chiên-đà-la, làm người dọn phân, khiêng thây chết v.v... chê bai người thuyết pháp nên chịu họa không có lưỡi, không muốn nghe pháp nên chịu họa không có tai; cầm cờ không phất xem như không có tay. Người ấy tuy tâm mến Phật, nhưng vì ngu si vô trí nên hay diệt mẹ Phật (tức Bát-nhã) phá hoại pháp tạng. Vì phá hoại pháp tạng nên sanh vào chỗ không có Phật Pháp Tăng.

Hỏi: Sao không nói sanh trong loài ngạ quỷ?

Đáp: Người phá hoại ấy, phần nhiều do hai phiền não là sân nhuế và ngu si. Vì xan tham nên đọa ngạ quỷ, ở đây không có xan tham, nên không nói.

Hỏi: Cớ sao Xá-lợi-phất nói năm tội nghịch với tội phá pháp giống nhau?

Đáp: Xá-lợi-phất là người Thanh văn thường nghe nói năm tội nghịch rất nặng đọa địa ngục A-tỳ, chịu khổ một kiếp. Người Thanh văn không hiểu rõ cúng dường Bát-nhã được quả báo lớn, lại không biết hủy báng Bát-nhã bị tội lớn, cho nên nêu năm tội nghịch, so sánh hỏi giống nhau chăng? Đáp rằng: Không giống nhau. Vì cách nhau xa lắm. Vì sao? Vì người hủy báng Bát-nhã, tự mất lợi lớn, cũng làm người khác mất; tự xa lìa Bát-nhã, cũng khiến người khác xa lìa; tự phá hoại thiện căn cũng phá hoại thiện căn của người khác; tự xoa độc tà kiến, cũng xoa độc tà kiến vào người khác; tự mất thân mình cũng làm mất thân người. Vì tự không biết, vì đắm trước pháp ái, nên tự phá cũng khiến người khác phá Bát-nhã Ba-la-mật. Như cha mẹ thương con, ân đức cùng cực trong một đời, lại vì có nhân duyên nên thương yêu, còn Bồ-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật thâm tâm ái niệm chúng sanh trong vô lượng đời. Cha mẹ nghĩ đến con, không thể đem một con mắt cho, còn người tu Bát-nhã Ba-la-mật đem đầy mắt tủy não chất quá núi Tu-di thí cho chúng sanh trong vô lượng kiếp. Làm thân Phật chảy máu, giết A-la-hán là chỉ hoại thân xác thịt, chứ

không hoại pháp thân, phá hoại Tăng chỉ làm xa lìa quyến thuộc, đó là tán thán năm pháp không phá hoại Bát-nhã; thế nên không được cho năm tội nghịch giống với tội phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật.

Bát-nhã Ba-la-mật hay khiến người làm Phật, nên tội hủy hoại Bát-nhã không thể lấy gì mà ví dụ được. Thế nên đối với người phá Bát-nhã, Ta không muốn cho nghe danh tự Bát-nhã, huống gì cho mắt thấy, người phá Bát-nhã ấy, hoặc do phước đức đời trước, học rộng nghe nhiều, giàu sang oai đức, khéo nói năng, các quyến thuộc Ma, thường đi theo hỗ trợ. Bồ-tát chưa được địa vị bất t hối, thấy kia được nhiều người cúng dường, có nhiêu đệ tử xuất gia tại gia, thế nên nếu có ai khen ngợi danh tiếng người ấy, còn không muốn nghe, huống gì thân cận lễ bái, lãnh thọ lời giáo huấn. Vì sao? Vì Bồ-tát muốn tăng trưởng thiện pháp, lợi ích chúng sanh, còn người ấy chỉ muốn phá pháp, khiến chúng sanh đọa vào chỗ suy vi ô trược, hai việc trái ngược nhau.

Suy vi ô trược là, như người mắc chứng suy, tuy mặc áo đẹp, đồ ăn ngon, thường không có sắc lực, tuy siêng năng làm việc, mà tài sản mỗi ngày hao mòn. Vì người ấy phá hoại pháp bảo tối thượng của chư Phật, nên tuy thân nghiệp, khẩu nghiệp lành, trì giới, bố thí, đọc kinh, mà pháp lành không hề tăng trưởng, như nước bùn đục, soi không thấy mặt cũng không thể uống. Với người ấy không nên thân cận, nếu thân cận thì dễ nhiễm trước. Người ấy vì phá pháp nên tà kiến nghi hối thường nhiễu loạn tâm. Pháp được nghe trước, ái trước sâu nặng, không hiểu tướng Bát-nhã Ba-la-mật, nên nói Bát-nhã Ba-la-mật không có gì, trống không, không bền chắc, không có tội phước. Vì tâm kia bị ô trược tán loạn ngăn che như vậy, nên không thấy được tướng thật pháp thanh tịnh.

Tánh hắc ám là trong Phật pháp, pháp thiện gọi là bạch, pháp bất thiện gọi là hắc. Người ấy thường chứa nhóm pháp bất thiện, nên thành tánh bất thiện. Nếu có tín thọ lời người ấy, thì tội người kia cũng đồng.

Hỏi: Cớ sao Xá-lợi-phất hỏi người kia thọ thân lớn nhỏ, mà Phật không đáp?

Đáp: Xá-lợi-phất đã nghe thời tiết và nơi chốn thọ tội, song không nghe nói thân kia lớn nhỏ, ý muốn nghe Phật nói thân kia lớn. Lại như thân Đế-thích cao mười dặm, thọ vui đầy khắp, nên muốn biết thân thọ tội lớn thì thọ khổ cũng nhiều. Có hai nhân duyên nên Phật không nói:

1. Là trên đã nói kia ở trong hai đường ác chịu khổ lâu đời, nay lại nói thân kia to lớn xấu xí, người ta hoặc không tin; người không tin sẽ chịu khổ kịch liệt lâu dài.

2. Là nếu tin lời Phật thì lo sợ lớn, vì lo sợ nên gió nổi lên, thổ huyết

nóng mà chết. Hoặc như chết là, giả sử không chết nhưng thân thường khô héo. Nếu không tin đời sau chịu trọng tội, nên Phật không nói.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Nay tuy Vì hai nhân duyên nên không nói, mong thương xót người vị lai mà nói.

Phật dạy: Nếu người có tánh bạch tịnh thiện căn, là đủ làm chỗ nương tựa. Tánh bạch tịnh là trái với tánh hắc ám. Nương tựa là nghe nói chịu khổ liền không dám làm. Nếu không tin, thì tuy thân lớn cũng không tin; nếu tin nghe trên nói chịu khổ lâu dài là đủ để tin, trong ba nghiệp nên nhiếp hộ thân khẩu ý.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 63

GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI MỐT (TIẾP): TIN TƯỞNG, CHÊ BAI

KINH: Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, nên khéo nhiếp nghiệp thân miệng ý, không chịu các khổ như vầy: Hoặc không thấy Phật, hoặc không nghe pháp, hoặc không gần gũi Tăng, hoặc sanh trong thế giới không có Phật, hoặc sanh vào nhà bần cùng trong cõi người, hoặc bị người ta không tin thọ lời mình nói.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Vì chất chứa nghiệp miệng, nên có trọng tội phá pháp ấy chăng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Vì chất chứa nghiệp miệng nên có trọng tội phá pháp ấy.

Tu-bồ-đề! Người ngu si ấy xuất gia thọ giới trong Phật pháp, mà phá Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, chê bai không lãnh thọ.

Tu-bồ-đề! Nếu phá Bát-nhã Ba-la-mật, chê bai Bát-nhã Ba-la-mật, là phá Nhất thiết trí của mười phương chư Phật; phá Nhất thiết trí thì là phá Phật bảo; phá Phật bảo nên phá Pháp bảo; phá Pháp bảo nên phá Tăng bảo. Phá Tam Bảo thì là phá chánh kiến thế gian; phá chánh kiến thế gian là phá bốn niệm xứ, cho đến phá trí nhất thiết chủng; phá trí nhất thiết chủng, thì mắc vô lượng vô biên vô số tội; mắc vô lượng vô biên vô số tội thì chịu vô lượng vô biên vô số ưu khổ.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng; Bạch đức Thế Tôn! Người ngu si chê bai phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu có mấy nhân duyên?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Có bốn nhân duyên, người ngu si ấy chê bai phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Những gì là bốn?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Người ngu si ấy bị Ma sai khiến muốn chê bai phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, ấy là nhân duyên đầu. Người ngu si ấy không tin pháp sâu, không tin không hiểu, tâm không được thanh tịnh; ấy là nhân duyên hai. Người ngu si ấy muốn chê bai phá hoại Bát-

nhã Ba-la-mật thâm sâu, người ngu si ấy đi theo ác tri thức, tâm chìm đắm lười biếng, chấp chặt năm thọ uẩn, ấy là nhân duyên ba. Người ngu si ấy muốn chê bai phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu. Người ngu si ấy nhiều sân giận, tự cao khinh người, ấy là nhân duyên bốn. Tu-bồ-đề! Vì bốn nhân duyên ấy người ngu si muốn chê bai phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu.

LUẬN: Hỏi: Nghiệp miệng là phá pháp; cớ sao nói nhiếp giữ ba nghiệp thân, miệng, ý?

Đáp: Nghiệp ý là gốc của nghiệp miệng, nếu muốn nhiếp nghiệp miệng, trước phải nhiếp nghiệp ý, nghiệp ý nhiếp, nên nghiệp thân, nghiệp miệng cũng lành, nghiệp thân miệng lành, thì nghiệp ý cũng lành.

Trong đây Tu-bồ-đề nói nhân duyên chẳng chịu các khổ ấy, như là không được thấy Phật v.v... Người đời cho nghiệp thân là nặng, nghiệp miệng là nhẹ, nên Tu-bồ-đề hỏi: Chỉ do nghiệp miệng mà bị tội như thế ư? Phật nhân ý đó, nên khai thị rằng: Người ngu si tự không có việc chi cấp bách, cũng không ai khiến làm, cũng không được gì, mà tự đem lưỡi mình gây tội như vậy, thật là người đại cuồng! Người cuồng ấy đời vị lai, ở trong pháp của Ta xuất gia, người xuất gia có năm chúng, người thọ giới có bảy chúng; người Thanh văn ấy chấp trước pháp Thanh văn. Phật pháp quá năm trăm năm sau, phân biệt ra có năm trăm bộ phái, từ đó trở đi, vì tìm tướng quyết định của các pháp, chấp lấy pháp mình, không biết Phật Vì sự giải thoát nên thuyết pháp, mà cứ chấp chặt ngôn ngữ, nên khi nghe nói Bát-nhã các pháp rốt ráo không, thì như dao cắt tâm, đều cho rằng pháp quyết định như vậy, sao nay lại nói không có! Ở nôi Bát-nhã Ba-la-mật không có đắc không có trước tướng, lại đắc lại trước tướng, rồi chê bai phá hoại cho là chẳng phải Phật giáo. Phật vì thương xót chúng sanh nên nói là đạo là phi đạo. Nay trong Bát-nhã thì đạo hay phi đạo, đều là một tướng, tức là vô tướng. Thế nên trước tiên sanh ý nghi ngờ, sau tâm quyết định sanh tà kiến đối với pháp không. Tà kiến đắc lực nên ở giữa đại chúng nôi nôi đều chê bai hủy hoại Bát-nhã Ba-la-mật. Vì hủy hoại Bát-nhã Ba-la-mật nên phá các công đức Nhất thiết trí v.v... của mươi phương ba đời chư Phật. Phá công đức Phật tức là phá Tam bảo, phá Tam bảo thì phá nhân duyên an lạc của thế gian,

đó là chánh kiến của thế gian; nếu phá chánh kiến của thế gian thì phá nhân duyên an lạc của xuất thế gian. Chánh kiến của xuất thế gian là bốn niệm xứ, cho đến trí nhất thiết chủng. Pháp ấy là nhân duyên vô lượng vô biên phước đức, phá pháp ấy thì mắc vô lượng vô biên tội. Mắc vô lượng vô biên tội, nên chịu vô lượng vô biên ưu sầu khổ não.

Hỏi: Trước đã nói nhân duyên phá pháp, đó là ái trước pháp, sao Tu-bồ-đề lại còn hỏi?

Đáp: Trước trong luận nói, nay trong kinh nói, trước nói không khắp, nay nói rộng khắp, đó là bốn nhân duyên: Người ấy bị ma sai khiến, hoặc Ma hoặc Ma dân đến vào trong tâm kia, chuyển đổi thân miệng, khiến hủy phá Bát-nhã Ba-la-mật, như Phật ba lần hỏi A-nan cũi Diêm-phù-đề vui, sống lâu cũng vui? Nhưng vì bị Ma vào thân nên ba lần A-nan không đáp lời Phật. A-nan được Sô quả, còn bị ma quấy huống gì người phàm!

Lại nữa, Ma có bốn thứ: Ma ngũ uẩn, Ma phiền não, Ma chết, Ma thiên tử tự tại. Trong bốn loại ma này, phần nhiều là Ma phiền não, Ma thiên tử tự tại, xúi đừng tin Bát-nhã, tham đắm pháp mình, ganh tị pháp khác; ngu si điên đảo nên hay hủy phá Bát-nhã Ba-la-mật.

Có người nói: Nhân duyên đầu là Ma phiền não, nhân duyên thứ tư là Ma thiên tử. Bị hai loại Ma ấy xúi sử nên gọi là Ma sai khiến. Chấp chặt tà kiến tham ái pháp mình, tuệ căn ám độn, không hiểu Phật ý, không tin không thọ Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, cho nên phá. Người có lợi căn kham tín thọ được, ma không đến được, chỉ có theo lời ác sư nên cũng phá Bát-nhã. Có người tuy thuộc ác tri thức mà kiết sử mỏng, nên siêng tinh tấn, có thể tin Bát-nhã Ba-la-mật. Cho nên hai việc hợp lại làm một, cũng thuộc ác tri thức, cũng đắm sâu năm uẩn, kiết sử dày, tâm sanh lười biếng, cho nên không tin Bát-nhã; người ấy đời đời chứa nhiều sân hận, thành tánh. Tướng trạng của sân là tướng bất tín, người ấy cương cường tự cao, khinh hèn người thuyết pháp, nghĩ rằng: Trí và đức của ta như vầy mà còn không hiểu được, huống chi người ngu si làm sao biết được. Vì tâm sân hận kiêu mạn nhiều ấy nên phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật.

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, người không siêng tinh tấn, gieo căn bất thiện, tương đắc với bạn ác, thì khó tin khó hiểu.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, người không siêng tinh tấn, gieo trồng căn bất thiện, tương đắc với bạn ác, thì khó tin khó hiểu.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật ấy Vì sao thâm sâu, khó tin khó hiểu?

Tu-bồ-đề! Sắc chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì không có tánh sở hữu là sắc. Thọ, tưởng, hành thức chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì không có tánh sở hữu là thọ, tưởng, hành, thức. Thí Ba-la-mật chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì không có tánh sở hữu là Thí Ba-la-mật. Giới Ba-la-mật

chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì không có tánh sở hữu là Giới Ba-la-mật. Nhẫn Ba-la-mật ấy chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì không có tánh sở hữu là Nhẫn Ba-la-mật. Tấn Ba-la-mật chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì không có tánh sở hữu là Tấn Ba-la-mật. Thiền Ba-la-mật chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì không có tánh sở hữu là Thiền Ba-la-mật. Bát-nhã Ba-la-mật chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì không có tánh sở hữu gì, ấy là Bát-nhã Ba-la-mật?

Tu-bồ-đề! Nội không chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì không có tánh sở hữu là nội không; cho đến vô pháp hữu pháp không chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì tánh không có Tánh sở hữu gì, ấy là vô pháp hữu pháp không. Bốn niệm xứ chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì không có tánh sở hữu là bốn niệm xứ; cho đến Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì không có tánh sở hữu là Nhất thiết chủng trí.

Tu-bồ-đề, sắc bản tế chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì bản tế, không có tánh sở hữu là sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí nhất thiết chủng bản tế chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì bản tế, không có tánh sở hữu là trí nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề! Sắc hậu tế (đời sau) chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì sắc hậu tế không có tánh sở hữu là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí nhất thiết chủng hậu tế, chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì hậu tế, không có tánh sở hữu gì, ấy là trí nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề! Sắc hiện tại chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì hiện tại, không có tánh sở hữu là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí nhất thiết chủng, hiện tại chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì hiện tại, không có tánh sở hữu là trí nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật, người không siêng tinh tấn, không trồng căn lành, tương đắc với bạn ác, giải đãi ít tiến, ưa quên, không có tuệ thiện xảo phương tiện, thật khó tin khó hiểu.

Tu-bồ-đề! Đúng vậy, đúng vậy! Bát-nhã Ba-la-mật ấy, người không siêng tinh tấn, không trồng căn lành, tương đắc với bạn ác, hệ thuộc với ma, giải đãi ít tiến, ưa quên, không có tuệ thiện xảo phương tiện, thật khó tin khó hiểu. Vì sao? Vì sắc tịnh, quả cũng tịnh; thọ, tưởng, hành, thức tịnh, quả cũng tịnh; cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tịnh, quả cũng tịnh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Vì sắc tịnh tức Bát-nhã Ba-la-mật tịnh, Bát-nhã Ba-la-mật tịnh tức sắc tịnh; thọ, tưởng, hành, thức tịnh, tức Bát-nhã Ba-la-mật tịnh, Bát-nhã Ba-la-mật tịnh tức thọ, tưởng, hành, thức tịnh; cho

đến trí nhất thiết chủng tịnh tức Bát-nhã Ba-la-mật tịnh; ; Bát-nhã Ba-la-mật tịnh tức trí nhất thiết chủng tịnh. Sắc tịnh với Bát-nhã Ba-la-mật tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại; cho đến trí nhất thiết chủng tịnh với Bát-nhã Ba-la-mật tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Không hai tịnh nên sắc tịnh, không hai tịnh cho đến trí nhất thiết chủng tịnh. Vì sao? Vì không hai tịnh ấy với sắc tịnh, cho đến trí nhất thiết chủng tịnh, không hai không khác. Vì ngã tịnh, chúng sanh tịnh, cho đến kẻ biết, kẻ thấy tịnh, nên sắc tịnh; thọ, tưởng, hành, thức tịnh cho đến trí nhất thiết chủng tịnh. Vì sắc tịnh cho đến trí nhất thiết chủng tịnh, nên ngã, chúng sanh, cho đến kẻ biết, kẻ thấy tịnh. Vì sao? Vì ngã, chúng sanh cho đến kẻ biết, kẻ thấy tịnh với sắc tịnh cho đến trí nhất thiết chủng tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại.

LUẬN: Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: "Bát-nhã Ba-la-mật ấy rất sau thẳm, người giải đãi, theo ác tri thức, trồng giống căn bất thiện, khó tin, còn trái với đây, gọi là tin Bát-nhã Ba-la-mật" Phật chấp nhận lời đó.

Tu-bồ-đề lại hỏi: Bát-nhã Ba-la-mật ấy rất sâu thẳm thế nào nên khó tin?

Phật đáp: Các pháp sắc v.v... không trói không mở. Ba độc là trói, ba cửa giải thoát là mở. Ba độc phiền não ấy hư vọng không thật, do nhân duyên hòa hợp sanh, không có tự tánh cho nên không trói, Vì không trói nên không mở. Phá ba độc nên ba cửa giải thoát cũng không.

Lại nữa, thủ trước các pháp, khởi lên hết thảy điên đảo phiền não là trói. Nếu sự trói có tự tánh nhất định thì không thể mở. Nếu nó thật có nhất định, ai phá được nó. Nếu phá thì bị rơi vào đoạn diệt, còn nếu các phiền não điên đảo thủ tướng, là hư dối không thật, thì cũng không có gì để dứt.

Lại nữa, tất cả tâm tâm số pháp (tức tâm sở) ức tưởng phân biệt, thủ tướng, đều bị trói trong các duyên, nếu ở vào trong thật tướng các pháp, biết chúng đều hư dối, như phẩm trên nói: Tướng trạng của tâm thanh tịnh là chẳng phải tâm tướng. Sự trói ấy "không" nên sự mở cũng không. Có các nhân duyên như vậy, nên các pháp sắc v.v... không trói không mở.

Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Các pháp sắc v.v..., là pháp hữu vi tạo tác, do nhân duyên hòa hợp sanh, không có định tánh; nên kinh nói các pháp sắc v.v... không có tánh sở hữu là sắc v.v...

Lại nữa, các pháp sắc v.v... trong ba đời không trói không mở, như

đã phá ở đoạn phá ba đời trong Trung luận.

Khi ấy, Tu-bồ-đề, biết Bát-nhã Ba-la-mật chẳng phải sâu thẳm, chẳng phải không sâu thẳm, như trong phẩm sau nói: Nếu bảo Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu thẳm, thì đó là xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật. Vì thế nên bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Người ác cho Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu thẳm khó hiểu, người ấy chẳng phải người lành. Người ác không tương ưng với Bát-nhã, không nhất tâm siêng tinh tấn, không gieo trồng thiện căn hiểu Bát-nhã Ba-la-mật, đi theo ác sư phá hoại Bát-nhã. Giải đãi là tham đắm cái vui thế gian, không ưa xuất thế gian, người như thế, nếu có tinh tấn, thì quá ít không đủ nói: Bị các phiền não loạn tâm cho nên ưa quên. Tướng thiện không thiện không phá, kiêu mạn không trừ, tà kiến hý luận, nên tìm thật tướng các pháp, không biết phân biệt tướng các pháp tốt xấu, ấy gọi là không có tuệ thiện xảo phương tiện.

Có các ác pháp như vậy, nên người ấy khó hiểu Bát-nhã sâu thẳm v.v... Phật chấp nhận ý ấy, nên nói: Đúng vậy, đúng vậy.

Hỏi: Trong lời Tu-bồ-đề không có Ma sự, sao trong lời Phật nói lại có thêm chuyện Ma?

Đáp: Tu-bồ-đề nói thẳng nhân duyên trong ngoài không đầy đủ, nay Phật nói đầy đủ rằng: Người ấy bị Ma sai sử. Phật lại muốn nói tướng sâu thẳm khó hiểu, bảo với Tu-bồ-đề: Các pháp sắc v.v... tịnh, nên quả cũng tịnh. Bốn niệm xứ là quả của các pháp sắc v.v.... Vì sao? Vì quán các pháp sắc v.v... bất tịnh, vô thường v.v... đầu tiên được thân niệm xứ. Các niệm xứ khác nói như trên. Trong đó tánh của bốn niệm xứ là vô lậu, dứt hết các phiền não là Niết-bàn, cho nên thanh tịnh. Thấy quả tịnh nên biết nhân cũng tịnh.

Hỏi: Trước nói nhờ quán sắc v.v... bất tịnh, vô thường v.v... được thân niệm xứ, cớ sao nay nói quả tịnh nên nhân cũng tịnh

Đáp: Quán bất tịnh là cửa vào ban đầu, chẳng phải thật quán. Thế nên quán bất tịnh không ở trong mười sáu thánh hạnh. Trong mười sáu thánh hạnh quán vô thường, khổ, không, vô ngã, chẳng phải quán bất tịnh. Điên đảo chấp tịnh nên sanh dâm dục, phá tịnh nên nói bất tịnh, chứ chẳng phải thật, cho nên quán bất tịnh không đưa vào mười sáu thánh hạnh, nó chỉ được giải quán (Chứ không phải thật quán -N.D)

Trong Bát-nhã không quán thường, không quán vô thường, không quán tịnh, không quán bất tịnh v.v... Thường, vô thường, tịnh, bất tịnh, không thật v.v... các quán hý luận ấy diệt, ấy là thật tướng sắc. Thật tướng sắc vốn tịnh, nên quả cũng tịnh.

Lại nữa, trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bát-nhã Ba-la-mật như

hư không, rốt ráo thanh tịnh, không có nhiễm ô, ấy là Bát-nhã Ba-la-mật. Quán thật tướng các pháp sắc v.v... chẳng sanh chẳng diệt, tu sáu Ba-la-mật, bốn niệm xứ như vậy có thể được Bát-nhã Ba-la-mật. Bát-nhã Ba-la-mật ấy có ba nhân duyên là chánh quán, chánh hạnh, chánh tu. Thế nên nói Bát-nhã Ba-la-mật tịnh nên các pháp sắc v. v... tịnh; vì các pháp sắc v.v... tịnh, nên Bát-nhã Ba-la-mật tịnh. Vì sao? Vì các pháp sắc v.v... với Bát-nhã Ba-la-mật ở trong thật tướng thì không hai không khác. Vì không dị không biệt, không lìa không tán, nên chẳng dứt chẳng hoại.

Lại nữa, như "Ngã" tìm khắp trong mười phương ba đời, không thể có được, chỉ trong năm uẩn chỉ có giả danh. Chúng sanh cho đến kẻ biết kẻ thấy cũng như vậy.

Giống như "Ngã" là không, không có gì của chính nó, thanh tịnh, nên các pháp cũng như vậy.

KINH: Lại nữa, Tu-bồ-đề! Vì tham tịnh nên sắc tịnh, cho đến trí nhất thiết chủng tịnh. Vì sao? Vì tham tịnh và sắc tịnh cho đến trí nhất thiết chủng tịnh, không hai không khác. Vì sân, si tịnh nên sắc tịnh, cho đến trí nhất thiết chủng tịnh. Vì sao? Vì sân, si và sắc tịnh cho đến trí nhất thiết chủng tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Vì vô minh tịnh nên các hành tịnh, các hành tịnh nên thức tịnh; thức tịnh nên danh sắc tịnh, danh sắc tịnh nên lục nhập tịnh; lục nhập tịnh nên xúc tịnh; xúc tịnh nên thọ tịnh; thọ tịnh nên ái tịnh, ái tịnh nên thủ tịnh; thủ tịnh nên hữu tịnh; hữu tịnh nên sanh tịnh; sanh tịnh nên lão tử tịnh, lão tử tịnh nên Bát-nhã Ba-la-mật tịnh, Bát-nhã Ba-la-mật tịnh nên cho đến Thí Ba-la-mật tịnh; Thí Ba-la-mật tịnh nên nội không tịnh, nội không tịnh nên cho đến vô pháp hữu pháp không tịnh; vô pháp hữu pháp không tịnh nên bốn niệm xứ tịnh; bốn niệm xứ tịnh, nên cho đến Nhất thiết trí tịnh, Nhất thiết trí tịnh, nên Nhất thiết chủng trí tịnh. Vì sao? Vì Nhất thiết trí tịnh và Nhất thiết chủng trí tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật tịnh nên sắc tịnh, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật tịnh nên Nhất thiết trí tịnh, vì Bát-nhã Ba-la-mật tịnh ấy và Nhất thiết trí tịnh, không hai không khác.

Tu-bồ-đề! Vì Thiền Ba-la-mật tịnh cho đến Nhất thiết trí tịnh; Tấn Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật tịnh nên cho đến Nhất thiết trí tịnh; vì nội không tịnh nên cho đến Nhất thiết trí tịnh; vì bốn niệm xứ tịnh nên cho đến Nhất thiết trí tịnh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Vì hữu vi tịnh nên vô vi tịnh. Vì sao? Vì hữu vi tịnh và vô tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Vì quá khứ tịnh nên vị lai, hiện tại tịnh; vì vị lai tịnh nên quá khứ hiện tại tịnh; vì hiện tại tịnh nên quá khứ vị lai tịnh. Vì sao? Vì hiện tại tịnh và quá khứ vị lai tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại.

LUẬN: Hỏi: Phật dạy ba độc là cấu uế bất tịnh; cớ sao trong đây nói vì tham dục v.v... tịnh, nên sắc v.v... cũng tịnh

Đáp: Phật dạy thật tánh của ba độc thanh tịnh, nên các pháp sắc v.v... cũng thanh tịnh. Vì ba độc tịnh và sắc v.v... tịnh, không hai không khác. Muốn nói rộng ba độc thanh tịnh và nhân duyên quả báo của ba độc thanh tịnh, nên nói vì vô minh tịnh nên các hành cũng tịnh.

Vô minh tịnh là vì vô minh rốt ráo không, như trong đoạn mười dụ phá vô minh nói. Từ mười hai nhân duyên cho đến trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Nên vì sắc v.v... vô minh v.v... các pháp thanh tịnh, nên Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh. Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh, nên pháp Sở hành của các Bồ-tát như Thiền Ba-la-mật cho đến trí nhất thiết chủng đều thanh tịnh. Thiền Ba-la-mật v.v... cũng như vậy.

Lại nữa, vì mười tám không không nên sắc v.v... cho đến trí nhất thiết chủng không; vì cho đến trí nhất thiết chủng không, nên mười tám không cũng không. Trí nhất thiết chủng không lìa mười tám không, mười tám không không lìa trí nhất thiết chủng. Thế nên nói không hai không khác.

Không tức là thanh tịnh. Nay sắc cho đến trí nhất thiết chủng, một pháp làm đầu, các pháp khác mỗi mỗi đều làm đầu, triển chuyển đều thanh tịnh.

Lại nữa, vì các pháp nhiều vô lượng, nên lược nói pháp hữu vi, vô vi. Thật tương của pháp hữu vi tức là pháp vô vi. Như hành giả thanh tịnh tìm tướng Thường, Lạc, Ngã, Tịnh trong các pháp không thể có được. Nếu không thể có được, ấy là thật biết pháp hữu vi; thật biết không thể có được, tức là pháp vô vi. Thế nên nói pháp hữu vi thanh tịnh nên pháp vô vi thanh tịnh.

Lại nữa, nhân pháp hữu vi nên biết pháp vô vi; thánh nhân được pháp vô vi ấy, nói tướng pháp hữu vi. Thế nên nói vì pháp hữu vi thanh tịnh nên pháp vô vi thanh tịnh, pháp vô vi thanh tịnh nên pháp hữu vi thanh tịnh. Pháp hữu vi ở trong ba đời, nên nói đời quá khứ thanh tịnh nên đời vị lai cũng thanh tịnh; đời vị lai thanh tịnh nên đời quá khứ cũng thanh tịnh. Vì sao? Vì như đời quá khứ phá hoại tán diệt, không có gì nên không, đời vị lai chưa sanh chưa có nên không, ba đời không có nên hiện tại cũng không có. Vì sao? Vì có trước có sau, mới biết có hiện tại.

Lại nữa, pháp hữu vi niệm niệm sanh diệt, nên không có lúc nào ngưng trụ, lúc ngưng trụ không có, nên không có đời hiện tại. Vì ba đời không, nên pháp hữu vi không, vì pháp hữu vi không nên pháp vô vi không. Không tức là rốt ráo thanh tịnh, không phá không hoại, không hý luận như hư không.

Như vậy Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh, là pháp tạng của chư Phật ba đời. Vì tội phá hoại ngôn thuyết văn tự có khả năng tuyên thật tướng Bát-nhã ấy, nên đọa địa ngục.

Hỏi: Nếu không tin Bát-nhã bị đọa địa ngục, tin thì được làm Phật. Nếu người phạm năm tội nghịch, phá giới, tà kiến, lưỡi biếng, mà tin Bát-nhã, người ấy có được thành Phật không? Lại có người trì giới, tinh tấn, mà không tin Bát-nhã, tại sao đọa địa ngục?

Đáp: Phá Bát-nhã có hai cách: Bát-nhã chính miệng Phật nói ra, đệ tử tụng tập, chép thành kinh quyển, người ngu báng bổ rằng: Đó chẳng phải Phật nói, mà là Ma hoặc Ma dân nói, và là thủ bút của người tà kiến chấp đoạn diệt, trau chuốt miệng lưỡi nói ra; hoặc cho rằng tuy là Phật nói song trong đó nơi nơi người khác thêm thắt vào, hoặc có người tâm chấp trước phân biệt, chấp thủ tướng mà nói Bát-nhã Ba-la-mật, miệng tuy nói không, mà tâm đắm hữu. Trong các người phỉ báng ấy, người hủy phá đầu bị đọa vào đại địa ngục, vì không hiểu được ý Bát-nhã của thánh nhân nói; người phá hủy thứ hai là người tâm chấp trước nghị luận nên không gọi là hủy phá Bát-nhã; như ông Điều Đạt làm thân Phật chảy máu, mà thầy thuốc Kỳ Vực cũng làm thân Phật chảy máu, tuy đồng làm chảy máu, mà tâm khác nhau, nên một người mắc tội, một người được phước. Như vẽ tượng Phật, một người vì thấy tượng không đẹp nên phá để vẽ lại, một người vì ác tâm nên phá, do tâm khác nhau nên một người được phước, một người mắc tội. Người phá Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy.

Lại nữa, hoặc có người phá Bát-nhã, tuy tâm không sân hận, không khinh Phật, mà chỉ vì tâm ức tưởng phân biệt cho rằng pháp ấy sâu xa do bậc Nhất thiết trí nói, thì lẽ phải có ý nghĩa thâm diệu, chứ sao lại nói tất cả đều không? Phật lấy tâm vô trước, vì độ chúng sanh nên nói pháp, còn người ấy vì tâm chấp trước thủ tướng, nên khởi nghiệp miệng chê bai, phá hoại Bát-nhã, khởi nghiệp thân, lấy tay chỉ chỏ bài bác, chỉ chỏ hủy báng đuổi đi. Trái với hai thứ bất tín này nên gọi là hai thứ tin: 1. Biết thật nghĩa Bát-nhã mà tin, được quả báo như Kinh nói. 2. Tin ngôn ngữ văn tự của Kinh quyển; được công đức ít. Vì tà kiến tội nặng nên tuy thân, khẩu nghiệp trì giới tốt cũng đi theo ác tâm tà kiến; như Phật tự nói thí dụ: Như trồng giống đắng, tuy vẫn do bốn đại tạo thành, vẫn là vị đắng, người tà

kiến cũng như vậy, tuy trì giới, tinh tấn, vẫn thành pháp ác. Trái với đây, gọi là chánh kiến, người tạo năm tội nghịch, tội ác thường che, tâm còn nghi ngờ nghiệp báo đời này đời sau, huống gì tin được Bát-nhã thậm thâm. Tuy chép Kinh quyển cúng dường, mong khỏi tội ác, vẫn cách Bát-nhã rất xa. Hoặc nhờ có nhân duyên thanh tịnh, gặp thiện tri thức, đời trước chứa nhóm phước đức, lợi trí đệ nhất, tin Bát-nhã Ba-la-mật, nên có thể được quả báo như Kinh nói. Như vua A-xà-thế có tội giết cha, mà nhờ Phật và Văn-thù Sư-lợi thiện tri thức, nên trừ được trọng tội, được như Kinh nói quả báo Bát-nhã, là được thọ ký đạo Vô thượng.

--oOo----

GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI HAI: TÁN THÁN THANH TỊNH

KINH: Bấy giờ, Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Tịnh ấy rất sâu xa.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.
- Xá-lợi-phất thưa: Pháp gì tịnh nên thanh tịnh ấy rất sâu xa.

Phật dạy: Vì sắc thanh tịnh nên thanh tịnh ấy rất sâu xa; thọ, tưởng, hành, thức tịnh nên bốn niệm xứ tịnh cho đến tám Thánh đạo phần tịnh; mười lực Phật tịnh, cho đến mười tám pháp không chung tịnh; Bồ-tát tịnh Phật tịnh nên Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí tịnh, nên tịnh ấy rất sâu xa.

- Bạch đức Thế Tôn! Tịnh ấy sáng suốt.
- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.
- Xá-lợi-phất thưa: Pháp gì tịnh nên tịnh ấy sáng suốt?
- Phật dạy: Bát-nhã Ba-la-mật tịnh nên tịnh ấy sáng suốt, cho đến Thí Ba-la-mật tịnh nên tịnh ấy sáng suốt; bốn niệm xứ tịnh cho đến Nhất thiết trí tịnh, nên tịnh ấy sáng suốt.
- Bạch đức Thế Tôn! Tịnh ấy không tương tục!
- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.
- Xá-lợi-phất thưa: Pháp gì không tương tục, nên tịnh không tương tục?
- Phật dạy: Sắc không đi, không tương tục, nên tịnh ấy không tương

tục. Cho đến trí nhất thiết chủng không đi, không tương tục, nên tịnh ấy không tương tục.

- Bạch đức Thế Tôn, tịnh ấy không nhơ.
- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.
- Xá-lợi-phất thưa: Pháp gì không nhơ, nên tịnh ấy không nhơ?
- Phật dạy: Sắc tánh thường tịnh, nên tịnh ấy không nhơ, cho đến trí nhất thiết chủng tánh thường tịnh, nên tịnh ấy không nhơ.
- Bạch đức Thế Tôn, tịnh ấy vô đắc vô trước (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Vô hiện quán - N.D)
- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.
- Xá-lợi-phất thưa: Pháp gì vô đắc vô trước, nên tịnh ấy vô đắc vô trước?
- Phật dạy: Sắc vô đắc vô trước; nên tịnh ấy vô đắc vô trước, cho đến trí nhất thiết chủng vô đắc vô trước, nên tịnh ấy vô đắc vô trước.
- Bạch đức Thế Tôn! Tịnh ấy vô sanh.
- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.
- Xá-lợi-phất thưa: Pháp gì vô sanh, nên tịnh ấy vô sanh?
- Phật dạy: Sắc vô sanh nên tịnh ấy vô sanh, cho đến trí nhất thiết chủng vô sanh, nên tịnh ấy vô sanh.
- Bạch đức Thế Tôn! Tịnh ấy không sanh trong cõi Dục!
- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.
- Xá-lợi-phất thưa: Tại sao tịnh ấy không sanh trong cõi Dục?
- Phật dạy: Vì tánh cõi Dục không thể có được, nên tịnh ấy không sanh trong cõi Dục.
- Bạch đức Thế Tôn! Tịnh ấy không sanh trong cõi Sắc!
- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.
- Xá-lợi-phất thưa: Tại sao tịnh ấy không sanh trong cõi Sắc?
- Phật dạy: Vì tánh cõi Sắc không thể có được, nên tịnh ấy không sanh trong cõi Sắc.
- Bạch đức Thế Tôn! Tịnh ấy không sanh trong cõi Vô sắc.
- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.
- Xá-lợi-phất thưa: Tại sao tịnh ấy không sanh trong cõi Vô sắc?
- Phật dạy: Vì tánh cõi Vô sắc không thể có được; nên tịnh ấy không sanh trong cõi Vô sắc.
- Bạch đức Thế Tôn! Tịnh ấy vô tri.
- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.
- Xá-lợi-phất thưa: Tại sao tịnh ấy vô tri?
- Phật dạy: Vì các pháp bổn tánh độn (sáu căn là lợi, sáu trần là độn), nên tịnh ấy vô tri.
- Bạch đức Thế Tôn! Sắc vô tri nên tịnh ấy tịnh!

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.
- Xá-lợi-phất thưa: Tại sao sắc vô tri nên tịnh ấy tịnh?
- Phật dạy: Vì sắc tự tánh không, nên sắc vô tri, nên tịnh ấy tịnh.
- Bạch đức Thế Tôn! Thọ, tưởng, hành, thức vô tri nên tịnh ấy tịnh.
- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.
- Xá-lợi-phất thưa: Tại sao thọ, tưởng, hành, thức vô tri, nên tịnh ấy tịnh?
- Phật dạy: Vì thọ, tưởng, ềnh, thức tự ính khơng, ăn vơ tri, ăn tịnh ấy tịnh.
- Bạch đức Thế Tôn! Vì hết thảy pháp tịnh, nên tịnh ấy tịnh!
- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.
- Xá-lợi-phất thưa: Tại sao vì hết thảy pháp tịnh, nên tịnh ấy tịnh?
- Phật dạy: Vì hết thảy pháp không thể có được, nên hết thảy pháp tịnh nên tịnh ấy tịnh.
- Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật đối với Tát-bà-nhã không thêm không bớt.
- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.
- Xá-lợi-phất thưa: Tại sao Bát-nhã Ba-la-mật đối với Tát-bà-nhã không thêm không bớt?
- Phật dạy: Pháp tướng thường trú, nên Bát-nhã Ba-la-mật với Tát-bà-nhã không thêm không bớt.
- Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật ấy tịnh, đối với các pháp không chấp thọ.
- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.
- Xá-lợi-phất thưa: Tại sao Bát-nhã Ba-la-mật tịnh, đối với các pháp không chấp thọ?
- Phật dạy: Vì pháp tánh bất động nên Bát-nhã Ba-la-mật tịnh, đối với các pháp không chấp thọ.

LUẬN: Tịnh ấy rất sâu xa là, tịnh có hai thứ: 1. Trí tuệ tịnh. 2. Pháp sở duyên tịnh. Hai tịnh này đối đãi nhau; lìa trí tịnh không có duyên tịnh, lìa duyên tịnh không có trí tịnh. Vì sao? Vì tất cả tâm tâm số pháp đều do duyên sanh, nếu không có duyên thì trí không sanh, thí như không có củi thì lửa không cháy được, và do có trí mới biết duyên là tịnh, không có trí thì không biết duyên tịnh. Trong đây trí tịnh và duyên tịnh đối đãi nhau; đó là pháp thường của thế gian. Trong đây cốt nói thật tướng các pháp vốn tự thanh tịnh, lìa trí lìa duyên. Vì theo sở duyên của tâm tâm số pháp thì ô nhiễm chẳng thanh tịnh, thí như món ăn ngon trăm vị để chung với đồ độc, thì không thể ăn.

Thật tướng các pháp thường tịnh, chẳng phải Phật làm, chẳng phải Bồ-tát, Bích-chi Phật, Thanh văn và phàm phu thế gian làm ra, có Phật không có Phật, tướng nó vẫn thường trú không hoại; nó ở trong pháp điên đảo hư dối và quả báo, thì ô nhiễm không tịnh.

Thanh tịnh ấy có nhiều danh tự, hoặc gọi là như, hoặc gọi là pháp tánh, thật tế, Bát-nhã Ba-la-mật, hoặc gọi là đạo, hoặc gọi vô sanh vô diệt, không, vô tướng, vô tác, vô trí, vô đắc, hoặc gọi là rốt ráo không v.v... vô lượng vô biên danh tự như vậy.

Xá-lợi-phất quán tướng Bát-nhã Ba-la-mật ấy tuy không thể thấy, không thể nghe, không thể nói, không thể phá hoại, nhưng hủy báng thì mắc vô lượng tội, tín thọ tu hành thì được quả báo Vô thượng.

Xá-lợi-phất phát tâm hoan hỷ hy hữu bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Tịnh ấy rất sâu xa.

Phật dạy: Điều ông thấy cho là hy hữu, trong thật tướng còn quá hơn điều ông thấy. Trong tất cả pháp rốt ráo thanh tịnh không dính mắc, cho đến thể thanh tịnh cũng không dính mắc, ấy gọi là rốt ráo thanh tịnh.

Lại nữa, ông chủ thanh tịnh, là chư Phật trong ba đời mười phương, chư Phật cũng không dính mắc thanh tịnh ấy; thế nên nói rốt ráo thanh tịnh.

Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh, hay làm cho hết thảy Hiền Thánh dứt vô biên khổ. Được lợi ích lớn mà cũng không dính mắc Bát-nhã Ba-la-mật.

Có vô lượng nhân duyên rốt ráo thanh tịnh như vậy nên tịnh ấy rất sâu xa.

Xá-lợi-phất hỏi: Pháp gì rốt ráo thanh tịnh nên tịnh ấy rất sâu xa?

Phật đáp: Các pháp sắc v.v... rốt ráo thanh tịnh nên tịnh ấy rất sâu xa. Vì sao? Vì các pháp sắc v.v... gốc ngọn nhân quả thanh tịnh, nên tịnh ấy rất sâu xa, như phẩm trên nói: Bồ-tát quán hạnh đối với sắc v.v... đã dứt nên được thanh tịnh như vậy. Do thế nên gọi sắc v.v... thanh tịnh. Tịnh ấy hay phá hý luận vô minh đối với hết thảy pháp, hay giúp cho trí tuệ rốt ráo không được sáng suốt, thế nên nói là thanh tịnh sáng suốt. Tu hành diệu pháp của Bồ-tát như Thí Ba-la-mật v.v... nên được thanh tịnh sáng suốt ấy. Tịnh ấy hay đưa đến Hữu dư Niết-bàn nên nói là thanh tịnh sáng suốt; đưa đến Vô dư Niết-bàn nên nói tịnh ấy không tương tục.

Trước dùng ba Tam-muội không không v.v... bỏ các thiện pháp, thọ mạng tối hậu tự nhiên chấm dứt, năm uẩn không đi cũng không tương tục, nên tịnh ấy không tương tục. Vì một trăm lẻ tám phiền não không thể ngăn che làm ô nhiễm tịnh, nên nói là tịnh vô cấu.

Thật hành đạo các pháp thật tướng bất nhị ấy, từ tâm khổ pháp nhẫn cho đến tâm thứ mười lăm, gọi là Đắc; tâm thứ mười sáu, (Tâm quán lý Tứ đế qua mười sáu đoạn là khổ pháp nhẫn, khổ pháp trí; tập pháp nhẫn, tập pháp trí; diệt pháp nhẫn, diệt loại Nhẫn, diệt loại trí; đạo loại Nhẫn, đạo loại trí - ND) được quả Sa-môn, gọi là Trước (trước là đắm trước vào chỗ chứng đắc không đọa lạc).

Lại nữa, tu sáu Ba-la-mật, cho đến khi sanh tâm nhu thuận nhẫn, gọi là đắc, phát sanh vô sanh, vô sanh pháp nhẫn, vào Bồ-tát vị, gọi là trước. Đối với pháp thanh tịnh ấy, dùng tâm vô sở đắc, không có hai việc ấy, nên gọi là Không đắc không trước.

Tu pháp như vậy, biết hết thảy pháp rốt ráo không; vì rốt ráo không, nên không thủ tướng, vì không thủ tướng, nên không khởi làm ba nghiệp; vì không làm ba nghiệp nên không sanh vào thế gian. Thế gian tức ba cõi, trong đây vì hai nhân duyên nên không sanh:

1. Ba thứ sanh nghiệp không khởi lên.
2. Ba cõi tự tánh không thể có được.

Trong đây Phật tổng nói nhân duyên, tức là ba cõi tự tánh không, nên nói sắc v.v... trong ba cõi tự tánh không thể có được, tịnh ấy vô tri, vì các pháp ám độn, như phẩm trên đã nói. Hết thảy pháp tánh thường chẳng sanh, vì chẳng sanh nên không thể có được, vì không thể có được nên rốt ráo thanh tịnh.

Xá-lợi-phất được Thanh văn Ba-la-mật, còn Phật là bậc Nhất thiết trí, nhân hai vị hỏi đáp, nên các Bồ-tát tham trước Bát-nhã Ba-la-mật; vì thế Xá-lợi-phất muốn dứt lòng tham trước Bát-nhã Ba-la-mật của họ, nên nói: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật tuy có công đức như vậy, vì rốt ráo thanh tịnh, nên nói đối với Tát-bà-nhã cũng không ích không tổn, như trong mộng huyễn, tuy có được mất, cũng không ích không tổn, thí như hư không rốt ráo thanh tịnh không có gì, song cũng nhân hư không mà có việc thành tựu, và cũng không được nói hư không có tạo tác, cũng không được nói hư không không có lợi ích.

Thí Ba-la-mật nhân Bát-nhã Ba-la-mật mà có Sở tác, thế nên nói Bát-nhã Ba-la-mật không ích không tổn.

Bát-nhã Ba-la-mật quán hết thảy pháp có loại bất tịnh, vô thường, khổ, không, vô ngã, bất sanh, bất diệt, chẳng phải bất sanh, chẳng phải bất diệt v.v... đủ các nhân duyên tán thán, dứt hý luận về các quán, dứt đường ngôn ngữ, nên nói Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh, không chấp thủ đối các pháp.

Dứt hý luận về các quán, dứt đường ngôn ngữ, tức là vào tướng pháp

tánh, thế nên trong đây nói pháp tánh bất động.

KINH: Bấy giờ, Tuệ-mạng Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Vì ngã tịnh nên sắc tịnh.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Tu-bồ-đề thưa: Vì nhân duyên gì mà ngã tịnh nên sắc tịnh, rốt ráo tịnh?

- Phật dạy: Ngã không có gì của chính nó nên sắc không có gì của chính nó, rốt ráo tịnh.

- Bạch đức Thế Tôn! Ngã tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức tịnh.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Tu-bồ-đề thưa: Vì nhân duyên gì nên ngã tịnh; thọ, tưởng, hành, thức tịnh nên rốt ráo tịnh?

- Phật dạy: Ngã không có gì của chính nó, nên thọ, tưởng, hành, thức không có gì của chính nó, nên rốt ráo tịnh.

- Bạch đức Thế Tôn! Ngã tịnh nên Thí Ba-la-mật tịnh, ngã tịnh nên Giới Ba-la-mật tịnh, ngã tịnh nên Nhẫn Ba-la-mật tịnh, ngã tịnh nên Tấn Ba-la-mật tịnh, ngã tịnh nên Thiền Ba-la-mật tịnh.

- Bạch đức Thế Tôn! Ngã tịnh nên Bát-nhã Ba-la-mật tịnh. Ngã tịnh nên Bốn niệm xứ tịnh. Ngã tịnh nên cho đến Tám thánh đạo phần tịnh. Ngã tịnh nên mười lực Phật tịnh. Ngã tịnh nên cho đến mười tám pháp không chung tịnh.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Tu-bồ-đề thưa: Vì nhân duyên gì, nên Thí Ba-la-mật tịnh, ngã tịnh cho đến mười tám pháp không chung tịnh?

- Phật dạy: Vì ngã không có gì của chính nó, nên Thí Ba-la-mật không có gì của chính nó, cho đến mười tám pháp không chung không có gì của chính nó, nên tịnh.

- Bạch đức Thế Tôn! Ngã tịnh nên Tu-đà-hoàn quả tịnh; ngã tịnh nên Tư-đà-hàm quả tịnh; ngã tịnh nên A-na-hàm quả tịnh; ngã tịnh nên A-la-hán quả tịnh; ngã tịnh nên Bích-chi Phật đạo tịnh; ngã tịnh nên Phật đạo tịnh.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

Tu-bồ-đề thưa: Vì nhân gì ngã tịnh, nên Tu-đà-hoàn quả tịnh, Tư-đà-hàm quả tịnh, A-na-hàm quả tịnh, A-la-hán quả tịnh, Bích-chi Phật đạo tịnh, Phật đạo tịnh?

- Phật dạy: Vì tự tướng không.

- Bạch đức Thế Tôn! Ngã tịnh nên Nhất thiết trí tịnh.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Tu-bồ-đề thưa: Vì nhân duyên gì ngã tịnh nên Nhất thiết trí tịnh?

- Phật dạy: Vì vô tướng vô niệm.

- Bạch đức Thế Tôn! Vì hai tịnh nên vô đắc vô trước.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Tu-bồ-đề thưa: Vì nhân duyên gì, do hai tịnh nên vô đắc vô trước, là rốt ráo tịnh?

- Phật dạy: Vì không nhơ không sạch.

- Bạch đức Thế Tôn! Vì ngã vô biên nên sắc tịnh, thọ, tưởng, hành, thức tịnh.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Tu-bồ-đề thưa: Vì nhân duyên gì ngã vô biên nên sắc tịnh? Thọ, tưởng, hành, thức tịnh?

- Phật dạy: Vì rốt ráo không, vô thỉ không.

- Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát biết được như vậy, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Bát-nhã Ba-la-mật.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Tu-bồ-đề thưa: Vì nhân duyên gì Bồ-tát ma-ha-tát biết được như vậy, gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Bát-nhã Ba-la-mật?

- Phật dạy: Vì biết đạo chủng.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật, do sức phương tiện (trí tuệ) thì nghĩ rằng: Sắc chẳng biết sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng biết thọ, tưởng, hành, thức; pháp quá khứ chẳng biết pháp quá khứ, pháp vị lai chẳng biết pháp vị lai, pháp hiện tại chẳng biết pháp hiện tại.

- Phật dạy: Bồ-tát ma-ha-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật do sức phương tiện không nghĩ rằng: "ta thí cho người kia, ta trì giới, trì giới như vậy; ta tu Nhẫn, tu Nhẫn như vậy; ta tinh tấn, tinh tấn như vậy; ta nhập thiền, nhập thiền như vậy; ta tu trí tuệ, tu trí tuệ như vậy; ta được phước đức, được phước đức như vậy; ta sẽ vào pháp vị Bồ-tát, ta sẽ làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, sẽ được trí nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề, Bồ-tát ma-ha-tát! Ấy tu Bát-nhã Ba-la-mật, do sức phương tiện, không có các ức tưởng phân biệt: nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, vô thỉ không, tán không, tánh không, chư pháp không, tự tướng không.

Tu-bồ-đề, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật; do sức phương tiện nên không có chướng ngại.

LUẬN: Ban đầu Phật sai Tu-bồ-đề nói Bát-nhã, nếu có lời nói gì,

không nên tìm nhân duyên của nó, nếu người khác nói thì nên tìm nhân duyên. Xá-lợi-phất đã hỏi tướng thanh tịnh, Phật tác chứng, nay Tu-bồ-đề nói tướng thanh tịnh, Phật cũng tác chứng.

Ngã thanh tịnh nên năm uẩn thanh tịnh là, như ngã rốt ráo không có gì của chính nó, không thể có được, năm uẩn cũng như vậy, rốt ráo không, tức là ngã thanh tịnh. Năm uẩn thanh tịnh khó hiểu, ngã "không" dễ hiểu, nhưng năm uẩn "không" khó hiểu, thế nên lấy việc dễ hiểu dụ việc khó hiểu.

Sáu Ba-la-mật cho đến mười tám pháp không chung; quả Tu-đà-hoàn cho đến Phật đạo cũng như vậy. Vì ngã tịnh nên pháp cũng tịnh.

Hỏi: Trên nói ngã không có gì của chính nó nên sắc cho đến mười tám pháp không chung cũng không có gì của chính nó, nay cớ sao nói quả Tu-đà-hoàn cho đến Phật đạo, tự tướng không?

Đáp: Ngã do nhân duyên hòa hợp giả gọi là sanh, đối với vô ngã có điên đảo chấp ngã, thế nên nói ngã hư dối, không có gì của chính nó. Vì năm uẩn thuộc ở nhân duyên, nên không có gì của chính nó. Thí Ba-la-mật v.v... tuy thiện mà là pháp hữu vi tạo tác, còn Bồ-tát thấy đúng thực nên nói là không có gì của chính nó, quả Tu-đà-hoàn v.v... là pháp vô vi, pháp vô vi tự tướng không, nghĩa là vô sanh vô diệt, vô trú vô dị, thế nên không nói là không có gì của chính nó, chỉ nói là tự tướng không.

Lại nữa, vì nôi pháp hữu vi vì tà hạnh nhiều nên nói là không có gì của chính nó, trong pháp vô vi vì không sanh diệt, không tà hạnh, nên nói là tự tướng không.

Ngã tịnh, trí nhất thiết chủng tịnh là, vì Bồ-tát hiểu sâu nên vô tướng vô niệm. Vô tướng là vô tướng tam-muội, vô niệm là đối với vô tướng tam-muội cũng không niệm.

Nay Tu-bồ-đề biết Bát-nhã Ba-la-mật thật thanh tịnh, nên bạch Phật vì hai tịnh nên vô đắc vô trước.

Thanh tịnh có hai thứ: 1. Dùng nhị pháp thanh tịnh. 2. Dùng bất nhị pháp thanh tịnh. Nhị pháp thanh tịnh là danh tự thanh tịnh; dùng bất nhị pháp thanh tịnh là chân thanh tịnh.

Phật dạy: Tướng các pháp rốt ráo không, tại sao dùng nhị pháp thanh tịnh, có đắc có trước? Trong đây nói nhân duyên; tức là hết thảy pháp không nhơ không sạch. Trong hai thanh tịnh, phân biệt là nhơ là sạch.

Vì ngã vô biên nên năm uẩn thanh tịnh là, như ngã không, vì không nên vô biên, năm uẩn cũng như vậy.

Hỏi: Thường nói vì rốt ráo thanh tịnh, nay cớ sao lại nói rốt ráo không, vô thỉ không?

Đáp: Rốt ráo không tức là rốt ráo thanh tịnh. Vì người ta sợ không, nên không nói chữ không, mà nói chữ thanh tịnh.

Trong đây nói ngã vô biên, ngã tức là chúng sanh, chúng sanh không. Vì sao? Vì vô thỉ không.

Nói biết được như vậy ấy gọi Bát-nhã là, có thể thấy chúng sanh không, pháp không, hết thảy pháp rốt ráo không, ấy gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Bát-nhã Ba-la-mật tức là rốt ráo thanh tịnh. Chư Phật thường đáp rốt ráo không, thế nên hỏi: Nếu rốt ráo không, sao còn nói Bồ-tát biết được như vậy, gọi là Bồ-tát Bát-nhã? (đây nạn rốt ráo không, Vì rốt ráo không thì không có biết).

Phật dạy: Biết đạo chủng. Bồ-tát tuy biết hết thảy pháp rốt ráo không, song muốn làm chúng sanh biết được rốt ráo không ấy, để xa lìa tâm chấp trước. Chỉ vì phá tâm chấp trước nên nói rốt ráo không, chứ chẳng phải thật có nhất định (nói rốt ráo không, tức là đáp về Đạo chủng trí).

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Người tu Bát-nhã nghĩ rằng: Sắc chẳng biết sắc v.v... Ý Phật, Bát-nhã không có định tướng, chỉ vì Đạo chủng trí nên phân biệt nói (1. Nhất thiết trí, là trí của Nhị thừa, biết tổng tướng các pháp, tức là biết tướng không, nhiều trường hợp nhứt thiết cũng là trí của Phật. 2. Đạo chủng trí, là trí của Bồ-tát, biết đạo pháp mỗi mỗi sai biệt; 3. Nhất thiết chủng trí, là trí của Phật, sáng suốt viên mãn, thông đạt tổng tướng biệt tướng, biết pháp hóa đạo dứt hoặc sai khác. Đúng thật ba trí không rời nhau -N.D). Khiến Bồ-tát hành Bát-nhã có phương tiện nên pháp tuy rốt ráo không, cũng biết rằng sắc chẳng biết sắc v.v... như vậy. Quán hết thảy pháp rốt ráo không, chỉ
có trí tuệ năng quán tồn tại, không nên rốt ráo không, Vì dẫn đạo của tâm chấp trước chúng sanh nên khiến vào rốt ráo không.

Phật đáp: Nếu Bồ-tát tu Bát-nhã có phương tiện, thì có thể quán pháp bên ngoài rốt ráo không, sắc chẳng biết sắc v.v..., bên trong tự quán nội tâm cũng với lực phương tiện như vậy. Nếu khi tu bố thí, không khởi tâm nghĩ rằng: Ta thí cho, người kia nhận lấy.

Trước đây Tu-bồ-đề nói sắc chẳng biết sắc, là hết thảy pháp không, cho nên không biết nhau. Không biết nhau nên không làm. Phá hai sự tức là phá người nhận và vật bố thí (hai sự này đều ở bên ngoài). Nay thì phá người cho, cho đến phá ngã. Tu trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Trong đây nói nhân duyên; Bồ-tát tu Bát-nhã, nhờ sức phương tiện nên không phân biệt như vậy. Vì nội không nên cho đến tự tướng không, mười ba không ấy phá các pháp trọn hết, còn năm thứ "không" sau là tổng tướng,

ấy gọi là Bồ-tát không có chi ngăn ngại. Không có chi ngăn ngại là vì lấy mười tám không ấy mà không hết thảy pháp, không có chi ngăn ngại.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 64

GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI HAI (Tiếp): TÁN THÁN THANH TỊNH

KINH: Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân hỏi Tu-bồ-đề: Thế nào là pháp chướng ngại của thiện nam tử khi cầu đạo Bồ-tát?

Tu-bồ-đề đáp: Kiều-thi-ca! Có thiện nam tử, thiện nữ nhân, cầu đạo Bồ-tát, chấp thủ tâm tướng, tức là thủ tướng Thí Ba-la-mật, thủ tướng Giới Ba-la-mật, tướng Nhẫn Ba-la-mật, tướng Tấn Ba-la-mật, tướng Thiền Ba-la-mật, tướng Bát-nhã Ba-la-mật; thủ tướng nội không, ngoại không, nội ngoại không, cho đến tướng vô pháp hữu pháp không; thủ tướng bốn niệm xứ cho đến tướng tám Thánh đạo phần; thủ tướng mười lực Phật cho đến tướng mười tám pháp không chung; thủ tướng chư Phật; thủ tướng thiện căn của chư Phật, hòa hợp hết thảy phước đức ấy, thủ tướng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Kiều-thi-ca! Ấy gọi là sự chướng ngại của thiện nam tử, thiện nữ nhân khi cầu Bồ-tát đạo. Vì sự ấy nên không thể không bị chướng ngại khi tu Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Kiều-thi-ca! Vì sắc tướng không thể hồi hướng; thọ, tưởng, hành, thức không thể hồi hướng, cho đến trí nhất thiết chủng tướng không thể hồi hướng.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khai thị, giáo hóa, làm lợi ích, vui mừng cho người khác về Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, khai thị, giáo hóa, làm lợi ích, vui mừng cho người khác về thật tướng hết thảy các pháp, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Bồ-tát đạo khi tu Thí Ba-la-mật, thì không nên phân biệt rằng: "Ta bố thí, ta trì giới, ta nhẫn nhục, ta tinh tấn, ta nhập thiền, ta tu trí tuệ; ta tu nội không, ngoại không, nội ngoại không, cho đến ta tu vô pháp hữu pháp không; ta tu bốn niệm xứ, cho đến ta tu Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề".

Thiện nam tử, thiện nữ nhân, nên như vậy khai thị, giáo hóa, làm lợi ích, vui mừng cho người khác về Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Nếu khai thị, giáo hóa làm lợi ích, vui mừng về Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề như vậy, thì tự không có sai lầm, cũng như Phật thuyết pháp, khai thị, giáo hóa

làm lợi ích, vui mừng làm cho thiện nam tử, thiện nữ nhân xa lìa mọi pháp chướng ngại.

Bấy giờ Phật tán thán Tu-bồ-đề: Lành thay! Như ông vì Bồ-tát nói các sự chướng ngại. Tu-bồ-đề! Ông nay lại nghe ta nói tướng chướng ngại vi tế. Tu-bồ-đề! Hãy nhất tâm khéo nghe!

Phật bảo Tu-bồ-đề: Có thiện nam tử, thiện nữ nhân, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề mà thủ tướng niệm Phật. Tu-bồ-đề! Tướng có thể thủ đều là tướng chướng ngại.

Lại, đối với thiện căn có được của chư Phật ở khoảng trung gian từ sơ phát tâm cho đến khi vào pháp vị mà thủ tướng ức niệm; thủ tướng ức niệm rồi, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Tu-bồ-đề, tướng có thể thủ, đều là tướng chướng ngại.

Lại, đối với các thiện căn của chư Phật và đệ tử, và thiện căn của chúng sanh khác mà thủ tướng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề thì tướng có thể thủ đều là tướng chướng ngại. Vì sao? Vì không nên thủ tướng mà ức niệm chư Phật, cũng không nên thủ tướng mà nghĩ đến thiện căn của chư Phật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật ấy rất sâu xa.

Phật dạy: Vì thường xa lìa hết thảy pháp.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Con sẽ kính lễ Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bát-nhã Ba-la-mật ấy không khởi không tác, nên không có năng đắc.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Hết thảy pháp cũng không thể có được.

Phật dạy: Hết thảy pháp một tánh, chẳng phải hai tánh. Tu-bồ-đề! Một pháp tánh ấy cũng vô tánh. Vô tánh ấy tức là tánh, tánh ấy không khởi không tác. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát, nếu biết các pháp một tánh là vô tánh, không khởi không tác, thì xa lìa hết thảy tướng chướng ngại.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật ấy khó biết khó hiểu.

Phật dạy: Như lời ông nói, Bát-nhã Ba-la-mật ấy không có kẻ thấy, không có kẻ nghe, không có kẻ biết, không có kẻ hiểu, không có kẻ đắc. Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật ấy không thể nghĩ bàn.

Phật dạy: Như lời ông nói, Bát-nhã Ba-la-mật ấy, không từ tâm sanh, không từ sắc, thọ, tưởng, hành, thức sanh, cho đến không từ mười tám

pháp không chung sanh.

LUẬN: Hỏi: Nếu trái với vô ngại gọi là ngại thì cớ sao Đế-thích lại hỏi ngại?

Đáp: Pháp chướng ngại của Bồ-tát vi diệu, hợp vào các thiện pháp, người lợi căn hiểu được, người độn căn không hiểu. Vì khó hiểu nên ở trước Phật còn hỏi lại: Pháp chướng ngại là những gì? Đó là Bồ-tát phân biệt về tâm xan lẫn, tâm bố thí, tâm bỏ xan lẫn, tâm thủ tướng bố thí; ấy gọi là thủ tâm tướng, biết vật bố thí quý tiện, biết tu tập bố thí có thể cho tất cả. Thủ tướng về các thiện pháp bố thí Ba-la-mật, cho đến phước đức tùy hỷ ấy, tuy là diệu, song do trong chấp ngã, ngoài chấp pháp, nên rơi vào pháp chướng ngại, thí như thức ăn tuy thơm ngon nhưng ăn quá thì sinh bệnh.

Trong đây Tu-bồ-đề nói nhân duyên tướng các pháp sắc v.v... rốt ráo không, nên không thể hồi hướng đạo Vô thượng được.

Trên nói tướng chướng ngại, nay nói tướng không chướng ngại, tức là Bồ-tát muốn giáo hóa đạo Vô thượng cho người khác, phải đem thật pháp khai thị, giáo hóa làm lợi ích, vui mừng. Nghĩa của thị, giáo, lợi, hỷ, như trước đã nói.

Thật pháp là, dứt các ức tưởng phân biệt, nên nói khi bố thí, không phân biệt rằng ta cho, v.v... Nếu giáo hóa được như vậy, được hai thứ lợi: 1. Tự không có sai lầm. 2. Cũng như pháp Phật chứng được đem giáo hóa người khác.

Trái với vô lượng tướng chướng ngại như vậy, gọi là tướng không chướng ngại.

Hỏi: Phật đã tán thán Tu-bồ-đề nói về tướng không chướng ngại, nay cớ sao còn tự nói tướng chướng ngại vi tế?

Đáp: Phật cứ theo lực Tu-bồ-đề mà tán thán, ông là người bỏ chúng sanh mà có thể nói được tướng chướng ngại của Bồ-tát. Tướng chướng ngại vi tế, lực Tu-bồ-đề không thể biết tới được; thế nên Phật tự nói: Tướng chướng ngại vi tế, ông hãy nhất tâm khéo nghe. Vì sao vậy? Bồ-tát dùng tâm thủ tướng niệm Phật, đều là chướng ngại.

Tướng vô tướng là, Bát-nhã Ba-la-mật, Phật từ trong Bát-nhã xuất sanh, cũng là tướng vô tướng. Tâm chấp trước thiện căn, thủ tướng hồi hướng, là quả báo có tận cùng của thế gian, bị tạp độc nên không thể được đạo Vô thượng.

Hỏi: Trên nói chướng ngại thô nói là chấp thủ tướng, nay trong chướng ngại vi tế cũng nói là chấp thủ tướng, có gì sai biệt?

Đáp: Trên nói ta là người cho, kia là kẻ nhận, nay chỉ nói thủ tướng.

Lại nữa, nay nói các Bồ-tát niệm Phật tam-muội, nên tướng vi tế, sự chướng ngại trong người có tâm vi tế, ấy gọi là chướng ngại vi tế.

Tu-bồ-đề biết điều Phật dạy thâm diệu, chẳng phải mình biết được, thế nên tán thán: "rất sâu xa".

Phật dạy: Hết thảy pháp thường xa lìa tướng.

Phật dạy: Bát-nhã ấy lìa hết thảy pháp, lìa hết thảy pháp, nên tướng vi tế không vào trong Bát-nhã Ba-la-mật được.

Tu-bồ-đề hoan hỷ thưa: Con sẽ làm lễ Bát-nhã. Ý Tu-bồ-đề nghĩ rằng: "Ta hiểu được tướng Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu thẳm, nên phát tâm, ta nên làm lễ".

Phật dạy: Bát-nhã Ba-la-mật ấy không khởi không tác, nên mười phương như Hằng hà sa Phật còn không nói được, huống ông là người Thanh văn làm sao nói được.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Chẳng phải chỉ Bát-nhã mà hết thảy pháp đều vô tri vô đắc.

Phật dạy: Các pháp một tánh không hai. Một tánh tức là tánh rốt ráo không. Không hai là không có vừa rốt ráo vừa không rốt ráo. Một pháp tánh tức là vô tánh, không nên chấp trước, không nên thủ tướng rốt ráo không. Vì sao? Vì do nhân duyên hòa hợp sanh.

Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Nếu vô tánh tức là tánh, vì không khởi không tác, tức sự khổ đời sau không còn tiếp nối. Biết được Bát-nhã Ba-la-mật như vậy, mọi chướng đều xa lìa. Nếu xa lìa các chướng ngại, thời tự tại được Vô thượng đạo.

Tu-bồ-đề nghe nói như vậy, nghĩ rằng: Ta cho là được, Phật bảo chẳng được, Bát-nhã Ba-la-mật ấy khó hiểu khó biết?

Phật đáp: Chẳng phải riêng ông khó, mà hết thảy chúng sanh không có ai thấy, không có ai nghe, không có ai biết, không có ai hiểu, không có ai được. Mũi, lưỡi, thân không biết, ý không hiểu không được. Bát-nhã Ba-la-mật ấy vượt quá sáu cách biết của mắt, tai, v.v... nên nói là khó hiểu. Tu-bồ-đề, vào trong Bát-nhã sâu xa, trí lực cùng cực, nên nói là chẳng thể nghĩ bàn.

Phật dạy: Bát-nhã ấy chẳng phải tâm sanh, chẳng phải năm uẩn sanh, cho đến chẳng từ mười tám pháp không chung sanh, vì không tướng sanh.

Hỏi: Nếu nói từ tâm sanh, cớ sao lại nói năm uẩn? Trong năm uẩn thức uẩn tức là tâm?

Đáp: Trước nói tâm là lược nói, sau nói năm uẩn v.v... là nói rộng. Năm uẩn cho đến mười tám pháp không chung, có thể làm nhân duyên

cho Bát-nhã chứ không thể sanh Bát-nhã, thí như gió mạnh trừ mây, làm cho mặt trời mặt trăng xuất hiện, chứ không thể làm ra mặt trời mặt trăng.

-oOo-

GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI BA: VÔ TÁC THẬT TƯỚNG

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bát-nhã Ba-la-mật ấy không làm.

Phật dạy: Vì tác giả không thể có được; sắc không thể có được, cho đến hết thảy pháp không thể có được.

-Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu Bát-nhã Ba-la-mật, nên tu thế nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu Bát-nhã Ba-la-mật, không tu sắc, là tu Bát-nhã Ba-la-mật, không tu thọ, tưởng, hành thức là tu Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến không tu trí nhất thiết chủng, là tu Bát-nhã Ba-la-mật. Không tu sắc thường vô thường là tu Bát-nhã Ba-la-mật; cho đến không tu trí nhất thiết chủng thường vô thường là tu Bát-nhã Ba-la-mật. Không tu sắc hoặc khổ hoặc vui, là tu Bát-nhã Ba-la-mật; cho đến không tu trí nhất thiết chủng hoặc khổ hoặc vui, là tu Bát-nhã Ba-la-mật. Không tu sắc là ngã phi ngã là tu Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến không tu trí nhất thiết chủng là ngã phi ngã, là tu Bát-nhã Ba-la-mật. Không tu sắc tịnh bất tịnh là tu Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến không tu trí nhất thiết chủng tịnh bất tịnh, là tu Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì sắc ấy không có tánh sở hữu, làm sao có thường vô thường, khổ, vui, ngã, vô ngã, tịnh, bất tịnh! Thọ, tưởng, hành, thức cũng không có tánh sở hữu, làm sao có thường vô thường, cho đến tịnh bất tịnh! Cho đến trí nhất thiết chủng không có tánh sở hữu, làm sao có thường vô thường, cho đến tịnh bất tịnh! (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Còn không thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức, huống thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức hoặc thường hoặc vô thường v.v... N.D)

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, không tu sắc chẳng đầy đủ (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Viên mãn - N.D) là tu Bát-nhã Ba-la-mật; không tu thọ, tưởng, hành, thức chẳng đầy đủ, là tu Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến không tu trí nhất thiết chủng chẳng đầy đủ là tu Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì sắc chẳng đầy đủ ấy chẳng gọi là sắc, như vậy cũng chẳng tu, là tu Bát-nhã Ba-la-mật; thọ, tưởng, hành, thức chẳng đầy đủ, thì chẳng gọi là thức, như vậy cũng chẳng tu, là tu Bát-nhã Ba-la-mật; cho đến không tu trí nhất thiết chủng chẳng đầy đủ thì không gọi là trí nhất thiết chủng, như vậy cũng chẳng tu, là tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Thật chưa từng có, bạch đức Thế Tôn! Khéo nói tướng chướng ngại không chướng ngại (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Tướng chấp trước không chấp trước - N.D) của thiện nam tử, thiện nữ nhân khi cầu Bồ-tát đạo.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Tu-bồ-đề! Phật khéo nói tướng chướng ngại không chướng ngại của thiện nam tử, thiện nữ nhân khi cầu Bồ-tát đạo.

Lại nữa, Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, không tu sắc chẳng chướng ngại, là tu Bát-nhã Ba-la-mật; (hoặc theo Kinh Đại Bát Nhã ghi: Không chấp trước không tu sắc, là tu Bát-nhã Ba-la-mật - N.D) không tu thọ, tưởng, hành, thức chẳng chướng ngại, là tu Bát-nhã Ba-la-mật; không tu mắt chẳng chướng ngại, là tu Bát-nhã Ba-la-mật; không tu tai, mũi, lưỡi, thân chẳng chướng ngại, là tu Bát-nhã Ba-la-mật; không tu ý chẳng chướng ngại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; không tu Thí Ba-la-mật chẳng chướng ngại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; không tu Giới Ba-la-mật chẳng chướng ngại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; không tu Nhẫn Ba-la-mật chẳng chướng ngại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; không tu Tấn Ba-la-mật chẳng chướng ngại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; không tu Thiền Ba-la-mật chẳng chướng là tu Bát-nhã Ba-la-mật; không tu Bát-nhã Ba-la-mật; chẳng chướng ngại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; cho đến không tu trí nhất thiết chủng chẳng chướng ngại là tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật như vậy, biết sắc là chẳng chướng ngại, biết thọ, tưởng, hành, thức là chẳng chướng ngại; cho đến biết trí nhất thiết chủng là chẳng chướng ngại, biết quả Tu-đà-hoàn chẳng chướng ngại, biết quả Tư-đà-hàm chẳng chướng ngại, biết quả A-na-hàm chẳng chướng ngại, biết Bích-chi Phật đạo chẳng chướng ngại, biết A-la-hán quả chẳng chướng ngại biết đạo Vô thượng
Chánh đẳng Bồ-đề chẳng chướng ngại. (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Như thật biết rõ sắc không có tướng chấp trước không chấp trước v.v... N.D).

Bấy giờ, Tuệ-mạng Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Thật chưa từng có, bạch đức Thế Tôn! Pháp thậm thâm ấy, nếu nói cũng chẳng tăng chẳng giảm, nếu không nói cũng chẳng tăng chẳng giảm. (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Pháp tánh thậm thâm rất là hy hữu, hoặc nói hoặc không nói đều không tăng không giảm - N.D).

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Pháp thậm thâm ấy, nếu nói cũng chẳng tăng chẳng giảm, nếu không nói cũng chẳng tăng chẳng giảm; thí như Phật trọn đời hoặc khen hoặc chê hư không, khi khen hư không không tăng không giảm, khi chê hư không cũng không tăng không

giảm.

Tu-bồ-đề! Thí như đối với người huyễn, khi khen không tăng không giảm, khi chê cũng không tăng không giảm, khi khen không mừng, khi chê không lo. Tu-bồ-đề! Các pháp tánh cũng như vậy, hoặc nói hoặc không nói cũng như cũ không đổi khác.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Các Bồ-tát ma-ha-tát tu hành rất là khó, khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật không lo, không mừng, mà tập hành được Bát-nhã Ba-la-mật, đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề cũng không thối chuyển. Vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Vì tu hành Bát-nhã Ba-la-mật giống như tu hư không, như trong hư không, không có Bát-nhã Ba-la-mật, không có Thiền, không có Tấn, không có Nhẫn, không có Giới, không có Thí Ba-la-mật; như trong hư không, không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; cũng không có nội không, ngoại không, nội ngoại không, cho đến vô pháp hữu pháp không; không có bốn niệm xứ cho đến không có tám Thánh đạo phần; không có mười lực Phật cho đến mười tám pháp không chung; không có quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán; không có Bích-chi Phật đạo, không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Nên kính lễ các Bồ-tát ma-ha-tát ấy phát đại thệ nguyện trang nghiêm (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Mặc áo giáp công đức -N.D)

Bạch đức Thế Tôn! Các vị ấy muốn độ chúng sanh là như muốn độ hư không.

Bạch đức Thế Tôn! Các Bồ-tát ma-ha-tát ấy phát đại nguyện trang nghiêm là vì chúng sanh như hư không v.v... mà phát đại nguyện trang nghiêm.

Bạch đức Thế Tôn! Các vị ấy phát đại thệ nguyện trang nghiêm muốn độ chúng sanh, là như muốn nhấc hư không lên. (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Các Bồ-tát ma-ha-tát vì cứu vớt chúng sanh ra khỏi khổ sanh tử, mà mặc áo giáp công đức, siêng tinh tấn cũng như cất hư không để lên chỗ cao hơn - N.D).

Bạch đức Thế Tôn! Các Bồ-tát ma-ha-tát có sức tinh tấn lớn muốn độ chúng sanh nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Bạch đức Thế Tôn! Các Bồ-tát ma-ha-tát đại thệ nguyện trang nghiêm muốn độ chúng sanh nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Bạch đức Thế Tôn! Các Bồ-tát ma-ha-tát đại dõng mãnh vì độ chúng sanh như hư không nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Vì nếu đầy chư Phật trong ba ngàn đại thiên thế giới

nhiều như tre, lau, mía, lúa, mè, rừng cây, hoặc một kiếp, hoặc non một kiếp thuyết pháp, mỗi mỗi đức Phật độ vô lượng vô biên vô số chúng sanh, khiến vào Niết-bàn. Chúng sanh ấy tánh cũng chẳng giảm, cũng chẳng tăng. Vì sao? Vì chúng sanh không có gì của chính nó, vì chúng sanh xa lìa tướng; cho đến chúng sanh được chư Phật trong mười phương thế giới độ thoát cũng như vậy.

Bạch đức Thế Tôn, do nhân duyên ấy, con nói như vầy: Người ấy muốn độ chúng sanh nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, là muốn độ hư không.

Khi ấy có một Tỳ-kheo nói rằng: Muốn kính lễ Bát-nhã Ba-la-mật, trong Bát-nhã Ba-la-mật tuy không có pháp sanh, không có pháp diệt, mà có giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn; có các Tu-đà-hoàn, các Tư-đà-hàm, các A-na-hàm, các A-la-hán, các Bích-chi Phật, có các Phật; có Phật bảo, Pháp bảo, Tỳ-kheo Tăng bảo, có Chuyển pháp luân.

LUẬN: Tu-bồ-đề nghe Phật dạy Bát-nhã Ba-la-mật không có tướng khởi, tướng tác, nên nay ở trước Phật, nói Bát-nhã Ba-la-mật không làm gì. Nếu không làm là không thể dứt các phiền não, không thể tu tập các thiện pháp. Trong đây Phật nói nhân duyên: Từ tác giả cho đến hết thảy pháp đều không thể có được. Kẻ biết còn không có huống gì kẻ làm.

Tu-bồ-đề nói: Nếu Bồ-tát không tu hết thảy pháp, không được hết thảy pháp, hoặc thường hoặc vô thường, cho đến hoặc tịnh hoặc bất tịnh, ấy gọi là tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Hết thảy pháp là, từ sắc cho đến trí nhất thiết chủng, ấy là pháp hành của Bồ-tát. Đối với pháp ấy, người vô trí hành các pháp thường v.v..., người trí hành các pháp vô thường v.v... Bát-nhã Ba-la-mật khai thị thật tướng các pháp, nên không nói các pháp là thường vô thường, vô thường tuy phá được điên đảo chấp thường; trong Bát-nhã không thọ nhận pháp đó, vì nó có thể sanh tâm chấp trước, tư duy trù lượng, tìm định tướng thường vô thường, không thể có được.

Hỏi: Sắc v.v... là pháp có tội lỗi có thể quán nó bất tịnh, khổ, còn các thiện pháp khác, làm sao quán nó bất tịnh, khổ?

Đáp: Đó là bất tịnh, khổ về mặt danh tự, như pháp tốt lành an ổn theo ý, gọi là thanh tịnh khoái lạc, pháp không an ổn theo ý gọi là bất tịnh, khổ. Đối với pháp lành người vui thích thì cho là tịnh, vui; người chán ghét không mừng thì cho là bất tịnh, khổ.

Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Nếu lìa các phép quán, chắc sẽ đầy đủ Bồ-tát đạo ư? Thế nên Phật dạy: Nếu không tu sắc v.v... chẳng đầy đủ (viên mãn)

là tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Sắc đầy đủ là đối với sắc pháp v.v... ức tưởng phân biệt thường, vô thường v.v... ấy gọi là đầy đủ.

Sắc không đầy đủ là, đối với sắc pháp v.v... dùng quán vô thường v.v... phá thường v.v... ấy gọi là không đầy đủ, vì thiếu thường v.v... Nay đối với sắc cũng không tu vô thường quán, nên nói là không tu sắc ... không đầy đủ, ấy là tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, có người nói đầy đủ là Bồ-tát bổ xứ thật quán đúng như sắc, cho đến trí nhất thiết chủng, ấy gọi là đầy đủ, ngoài ra là không đầy đủ. Nếu Bồ-tát không tu sắc v.v... không đầy đủ, tức là tu Bát-nhã Ba-la-mật đầy đủ. Vì sao? Vì sắc chẳng đầy đủ, tức là phi sắc, vì sắc chẳng phải tướng thường.

Phật dạy: Đưa chúng sanh ra khỏi thường, đặt trong không sở hữu, vì theo âm thanh ngữ ngôn nên nói thật thanh tịnh; cũng không tu như vậy, ấy là tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Khéo nói đạo phi đạo nên Tu-bồ-đề nói: Hy hữu! Ngại là phi đạo, vô ngại là đạo (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Chấp trước là phi đạo, không chấp trước là đạo - N.D).

Phật xem tâm chúng hội phần nhiều hồi hướng đến "không", biết Bát-nhã Ba-la-mật không có tướng ngại, nên nói không tu sắc v.v... vô ngại, là tu Bát-nhã Ba-la-mật. Tu được như vậy, đối với sắc pháp v.v... vô ngại.

Tu-bồ-đề tuy không cứu xét cùng tột lý rốt ráo không, mà thường vui nói pháp "không" hy hữu ấy trái với hết thảy pháp thế gian. Phật chấp nhận lời Tu-bồ-đề nói; hoặc nói hoặc chẳng nói, đều không tăng không giảm, là thật tướng các pháp. Nếu lấy thân nghiệp hủy hoại cũng không thể làm cho khác đi, huống gì dùng miệng nói, Vì tướng thường chẳng sanh, thí như hư không. Hư không là Bát-nhã Ba-la-mật, người huyễn là hành giả, hành giả tuy do tội nghiệp nhân duyên sanh, là pháp hư dối, vì hợp với Bát-nhã Ba-la-mật nên không có khác, như các thứ màu sắc, đến bên núi Tu-di, đồng là kim sắc. Thật tướng các pháp không thể biết, không thể nói, cho nên hoặc nói hoặc không nói, đều vẫn như cũ không đổi khác.

Bấy giờ Tu-bồ-đề nghĩ rằng: "Nếu các pháp rốt ráo không, không có sở hữu như hư không, cho đến không có tướng vi tế, mà Bồ-tát hay tu tập thiện pháp, được đạo Vô thượng, việc ấy khó tin khó nhận". Nghĩ như vậy rồi bạch Phật rằng: Việc các Bồ-tát làm rất khó, làm được việc khó làm, cho nên phải lễ bái, đó là hay phát thệ nguyện lớn trang nghiêm. (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Mặc áo giáp công đức - N.D). Tu-bồ-đề với tâm

cho là hy hữu nói: Bồ-tát ma-ha-tát vì Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề mà đại thệ trang nghiêm, nên tất cả trời người đều nên lễ bái.

Hỏi: Làm sao biết đó là đại thệ trang nghiêm?

Đáp: Trong đây Tu-bồ-đề tự nói thí dụ: Như có người vì hư không nên siêng tu tinh tấn, vì lợi ích nên đại thệ trang nghiêm. Bồ-tát vì lợi ích chúng sanh nên siêng tu tinh tấn cũng như vậy. Bạch đức Thế Tôn! Nếu có người muốn độ hư không, Bồ-tát ma-ha-tát muốn độ chúng sanh cũng như vậy.

Hỏi: Chỉ một việc cớ sao nói lại?

Đáp: Lợi ích là, chưa được Niết-bàn, chỉ làm cho được trí tuệ, thiền định v.v..., vui đời này, đời sau. Muốn độ là, làm cho được hết lậu hoặc, thành đạo Tam thừa, vào Vô dư Niết-bàn. Như hư không, không sanh không diệt, không khổ không vui, không mở không trói, vì không có sở hữu, chúng sanh cũng như vậy. Thế nên nói: Bạch đức Thế Tôn! Vì độ chúng sanh hư không nên đại thệ, trang nghiêm. Như hư không, không có sắc không có hình, nếu có ý muốn rốt ráo không, là khó. Chúng sanh pháp cũng rốt ráo không như vậy, mà Bồ-tát muốn đưa chúng sanh ba cõi vào trong Niết-bàn, thế nên gọi là đại thệ trang nghiêm.

Tu-bồ-đề lại tán thán Bồ-tát ấy có sức tinh tấn lớn, không theo tâm tà nghi, nên tuy chưa được Phật đạo, chưa diệt các kiết sử, mà có thể dõng mãnh lớn, tu được Bồ-tát đạo, vì chúng sanh như vậy, chúng sanh cũng không. Thí như lấy các màu sắc muốn vẽ lên hư không. Trong đây Phật nói nhân duyên chúng sanh không, là chư Phật mười phương như hằng hà sa, dùng sức thần thông vì chúng sanh mà trải vô lượng kiếp thuyết pháp, mỗi mỗi Phật độ vô lượng vô số chúng sanh vào Niết-bàn; giả sử như vậy, đối với chúng sanh không có giảm ít đi. Nếu thật có chúng sanh, thật có giảm ít, thì lẽ đáng chư Phật có tội làm giảm ít chúng sanh. Nếu chúng sanh thật "không", chỉ vì nhân duyên hòa hợp nên có chúng sanh giả danh, không có định tướng, nên bấy nhiêu Phật độ chúng sanh, thật chúng sanh không giảm ít. Nếu không độ cũng không tăng, thế nên chư Phật không có cái lỗi làm giảm ít chúng sanh. Thế nên nói Bồ-tát muốn độ chúng sanh là muốn độ hư không.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo, nghe nói tướng rốt ráo không, vừa kinh hãi vừa mừng nói: Tôi sẽ lễ bái Bát-nhã Ba-la-mật; trong Bát-nhã Ba-la-mật không có pháp có tướng thật nhất định, mà vẫn có chúng sanh và quả báo.

KINH: Bấy giờ, Thích đề hoàn nhân nói với Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát tu tập Bát-nhã Ba-la-mật, là tu tập pháp gì?

Tu-bồ-đề đáp: Kiều-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát tu tập Bát-nhã Ba-la-mật là tu tập "không".

Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật, bạch đức Thế Tôn, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật, thân cận, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, con sẽ thủ hộ thế nào?

Bấy giờ Tu-bồ-đề nói với Thích-đề-hoàn-nhân: Kiều-thi-ca, vả chăng ông thấy pháp ấy có thể thủ hộ chăng?

Thích-đề-hoàn-nhân đáp: Thưa không, Tu-bồ-đề! Tôi không thấy pháp ấy có thể thủ hộ.

Tu-bồ-đề nói: Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân tu hành như lời trong Bát-nhã Ba-la-mật nói, tức là thủ hộ, nghĩa là thường không xa lìa, đúng như Bát-nhã Ba-la-mật nói mà tu hành, thì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, hoặc người hoặc chẳng phải người, không tìm được chỗ thuận tiện để phá, nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, không xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật.

Kiều-thi-ca! Nếu người muốn thủ hộ kẻ tu hành Bát-nhã Ba-la-mật là muốn thủ hộ hư không.

Kiều-thi-ca! Ý ông nghĩ sao? Ông có thể thủ hộ chiêm bao, rán nắng, bóng, tiếng vang, sự huyễn hóa chăng?

Thích-đề-hoàn-nhân đáp: Không thể thủ hộ.

Nếu người muốn thủ hộ các Bồ-tát ma-ha-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, chỉ luống tự khổ nhọc.

Kiều-thi-ca! Ý ông nghĩ sao? Có thể thủ hộ sự biến hóa của Phật chăng?

Thích-đề-hoàn-nhân thưa: Không thể thủ hộ.

Nếu người muốn thủ hộ các Bồ-tát ma-ha-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy.

Kiều-thi-ca! Ý ông nghĩ sao? Có thể thủ hộ pháp tánh, thật tế, như như, bất khả tư nghì tánh chăng?

Thích-đề-hoàn-nhân thưa: Không thể thủ hộ.

Nếu người muốn thủ hộ các Bồ-tát ma-ha-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật, cũng như vậy.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân hỏi Tu-bồ-đề: Làm sao Bồ-tát ma-ha-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật, biết thấy các pháp như mộng, như rán nắng, như bóng, như tiếng vang, như huyễn, như hóa? Các Bồ-tát ma-ha-tát đúng như chỗ biết thấy nên không nghĩ mộng, không nghĩ đó là mộng, không nghĩ dùng mộng, không nghĩ ta mộng. Đối với rán nắng, bóng, tiếng vang, huyễn, hóa cũng như vậy.

Tu-bồ-đề nói: Kiều-thi-ca! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật, không nghĩ sắc, không nghĩ đó là sắc, không nghĩ dùng sắc, không nghĩ ta là sắc, Bồ-tát ma-ha-tát ấy cũng có thể không nghĩ mộng, không nghĩ là mộng, không nghĩ dùng mộng, không nghĩ ta mộng; cho đến hóa cũng không nghĩ hóa, không nghĩ đó là hóa, không nghĩ dùng hóa, không nghĩ ta hóa. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy; cho đến Nhất thiết trí, không nghĩ Nhất thiết trí, không nghĩ là Nhất thiết trí, không nghĩ dùng Nhất thiết trí, không nghĩ ta là Nhất thiết trí. Bồ-tát ấy cũng có thể không nghĩ mộng, không nghĩ là mộng, không nghĩ dùng mộng, không nghĩ ta là mộng, cho đến hóa cũng vậy.

Như vậy Kiều-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát biết các pháp như mộng, như rán nắng, như bóng, như tiếng vang, như huyễn, như hóa.

LUẬN: Đế-thích liền hỏi: Tu-bồ-đề theo Phật được nghe dạy Bát-nhã thậm thâm, vì tu tập pháp gì?

Tu-bồ-đề đáp: Các pháp đều qui về Niết-bàn, nên hãy tu tập các pháp không, thế nên nói muốn tu tập Bát-nhã Ba-la-mật hãy tu tập không. Đế-thích là vua của người trời, đối với thế gian tự tại, có thể giúp cho sự cần thiết, nguyện làm kẻ thủ hộ. Nghe Bát-nhã Ba-la-mật ấy, hoan hỷ bạch Phật rằng: Con sẽ làm việc thủ hộ gì? Tùy theo chỗ người kia cần, con sẽ đều giúp cho. Tu-bồ-đề và một Tỳ-kheo theo pháp xuất gia, chỉ kính lễ mà thôi. Các ác quỷ thường xúc não người ấy, Ma hoặc Ma dân thường xúc não người tu, thế nên hỏi Phật: Con sẽ lấy việc gì thủ hộ, hoặc tự mình thủ hộ, hoặc sai đệ tử, hoặc sai quan thuộc hầu hạ, tùy theo Phật dạy.

Tu-bồ-đề biết Bát-nhã Ba-la-mật có vô lượng lực, lại biết ý Phật muốn khiến cho Bát-nhã Ba-la-mật Phật quý trọng, không cần thọ ân, cho nên nói với Đế-thích: Kiều-thi-ca, trong Bát-nhã Ba-la-mật, tất cả đều không, như huyễn, như mộng, vả ông thấy nhất định có một pháp có thể thủ hộ ư?

Đế-thích đáp: Thưa không.

Nếu có một pháp có thể thấy, thì không gọi là Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo không. Nếu có một pháp không thể thấy, tại sao tôi sẽ làm việc gì để thủ hộ?

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Nếu người tu an trú như trong Bát-nhã Ba-la-mật nói, tức là thủ hộ. Nếu Bồ-tát nhất tâm tín thọ như trong Bát-nhã Ba-la-mật nói, tư duy nhớ nghĩ đúng, vào thiền định quán thật tướng các pháp, được trí tuệ về rốt ráo không, tương ưng với vô sanh pháp nhẫn, vào địa vị Bồ-tát. Người như vậy không tiếc thân mạng, huống gì vật bên ngoài? Người này không cần thủ hộ. Thủ hộ là ngăn các điều khổ não, khiến được

an vui. Người này lìa hết thảy pháp thế gian, nên không có ưu sầu khổ não; được việc thế gian không lấy làm mừng, mất việc thế gian không lấy làm lo, nghĩa là thường không lìa hạnh Bát-nhã Ba-la-mật như đã nói. Nếu người tu một thời gian, sau trở lại bị mất, thì nên cần thủ hộ; nếu thường không lìa Bát-nhã Ba-la-mật như đã nói, thì không cần thủ hộ. Như quỷ Dạ-xoa Già-la lấy nắm tay đánh trên đầu Xá-lợi-phất, trong lúc Xá-lợi-phất vào Diệt tận định, không biết đau. Khí phần của Bát-nhã Ba-la-mật tức là Diệt tận định. Thế nên người hoặc phi nhân không thể tìm được thuận tiện để phá.

Lược nói có hai nhân duyên không cần thủ hộ, mà hoặc người hoặc phi nhân không tìm được thuận tiện để phá:

1. Đối với thân cho đến hết thảy pháp đều chán lìa, vì không có ta, không có của ta, nên không dính mắc gì, như chém cỏ cây, không sanh ưu sầu.

2. Được Vô thượng diệu pháp nên được mười phương chư Phật, Bồ-tát, chư thiên thủ hộ.

Lại nữa, thí như người muốn thủ hộ hư không, đối với hư không, mưa không thể hại, nắng gió không thể khô, đao trượng không thể cắt; nếu có người muốn thủ hộ hư không, thì chỉ luống tự mình khổ nhọc, đối với hư không vô ích. Nếu người muốn thủ hộ Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, muốn làm cho việc này được rõ ràng nên hỏi ông có thể thủ hộ hư không và người thấy trong mộng, và bóng, tiếng vang,
huyễn hóa chăng? Đáp: Thưa không, vì pháp ấy chỉ dối tâm và mắt, tạm hiện ra liền mất, làm sao thủ hộ được! Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, quán năm uẩn hư dối như mộng. Như pháp vô vi, như như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì tánh không thể thủ hộ cũng không có lợi ích. Bồ-tát tu Bát-nhã biết thân giống như như như, pháp tánh, thật tế không phân biệt, khi được lợi cúng dường không mừng, khi phá hoại mất không lo, người như vậy đâu cần thủ hộ?

Bấy giờ Đế-thích tham quý trí tuệ như mộng ấy, còn Bồ-tát được lực trí tuệ ấy không cần sự thủ hộ bên ngoài, cho nên hỏi Tu-bồ-đề: Làm sao Bồ-tát biết pháp không ấy như mộng? Đúng như điều được biết thấy không nghĩ đến mộng v.v... là, mộng huyễn v.v... dụ cho năm uẩn, người chấp trước năm uẩn, không chấp trước mộng. Muốn khiến lìa việc chấp trước, nên lấy việc không chấp trước làm ví dụ. Muốn khiến quán năm uẩn như mộng, nhưng đối với mộng lại sanh chấp trước nên Đế-thích hỏi như mộng cũng không chấp trước là mộng. Đối người phàm phu lấy mộng dụ năm uẩn, họ lại chấp trước mộng mà nói rằng: “Chắc chắn có mộng,

sinh ra trong khi ngủ", thế ấy gọi là nghĩ đến mộng. mộng ấy xấu, mộng ấy tốt, phân biệt như vậy, ấy gọi là nghĩ đến mộng ấy. Mộng được việc tốt thì tâm cao, được việc xấu, thì tâm sầu, lại dùng mộng ấy để thí dụ, mà hiểu được thật trí tuệ như mộng, ấy gọi là nghĩ đến dùng mộng. Nghe thí dụ ấy, nói ta nhân mộng ấy mà biết được các pháp như mộng, ấy gọi là nghĩ đến ta mộng. Các thí dụ khác cũng như vậy.

Bấy giờ Tu-bồ-đề đáp Đế-thích: Nếu hành giả không nghĩ đến sắc là không nghĩ đến sắc, ấy là sắc người, sắc phi nhân, sắc cây, sắc núi, là sắc bốn đại, sắc bốn đại tạo ra v.v... không nghĩ đến sắc ấy, hoặc thường hoặc vô thường v.v... cũng không vì sắc nên sanh tâm kiêu mạng; không nghĩ đến sắc là của ta, mà vào cửa vô ngã, thẳng đến trong thật tướng các pháp. Người ấy có thể không nghĩ đến mộng v.v... dùng các thí dụ mộng v.v... phá tâm chấp năm uẩn, phá chấp trước nên đối với mộng cũng không sai lầm. Nếu không thể phá chấp trước sắc, người ấy đối với sắc có sai lầm, đối với mộng cũng sai lầm. Thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Huyễn, ráng nắng, tiếng vang, bóng, hóa v.v... cũng như vậy. Các Bồ-tát biết các pháp như mộng, đối với mộng cũng không nghĩ đến tưởng.

KINH: Bấy giờ do thần lực Phật nên trong ba ngàn đại thiên thế giới các trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời hóa-lạc, trời Tha-hóa-tự-tại, trời Phạm thiên, trời Phạm phụ, trời Phạm chúng, trời Đại phạm, trời Thiểu quang, cho đến trời Tịnh cư, chư thiên ấy dùng hương Chiên-đàn trời từ xa rãi lên trên Phật, đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật, lui đứng một bên.

Bấy giờ, trời Tứ thiên vương, trời Đế-thích, và trời Ba mươi ba, vua Phạm thiên cho đến các trời Tịnh cư, nhờ thần lực Phật nên thấy được ngàn đức Phật ở phương Đông thuyết pháp; cũng tướng mạo như vậy, danh tự như vậy, nói phẩm Bát-nhã Ba-la-mật ấy. Các Tỳ-kheo đều có tự hiệu Tu-bồ-đề, các người vấn nạn phẩm Bát-nhã Ba-la-mật đều có tự hiệu Thích đề hoàn nhân, phương Nam, Tây, Bắc bốn góc trên dưới cũng mỗi mỗi ngàn đức Phật hiện ra như vậy.

Bấy giờ, Phật bảo Tu-bồ-đề: Di-lặc Bồ-tát ma-ha-tát, khi được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, cũng sẽ ở tại chỗ này thuyết Bát-nhã Ba-la-mật, như trong hiền kiếp các Bồ-tát ma-ha-tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, cũng sẽ ở tại chỗ này thuyết Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Di-lặc Bồ-tát ma-ha-tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, dùng tướng gì, nhân gì, nghĩa gì nói nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Di-lặc Bồ-tát ma-ha-tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, sẽ thuyết pháp như vầy: Sắc chẳng phải thường chẳng phải vô thường; sắc chẳng phải khổ chẳng phải vui, sắc chẳng phải ngã chẳng phải vô ngã, sắc chẳng phải tịnh chẳng phải bất tịnh. Sẽ thuyết pháp như vầy: Sắc chẳng phải trói chẳng phải mở. Sẽ thuyết pháp như vầy: Thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thường chẳng phải vô thường cho đến chẳng phải trói chẳng phải mở. Sẽ thuyết pháp như vầy: Sắc chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Sẽ thuyết pháp như vầy: Sắc rốt ráo tịnh; Thọ, tưởng, hành, thức rốt ráo tịnh, cho đến Nhất thiết trí rốt ráo tịnh.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật ấy thanh tịnh.

Phật dạy: Vì sắc thanh tịnh nên Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh.

Bạch đức Thế Tôn! Vì sao sắc thanh tịnh nên Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh; vì sao thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh?

Phật dạy: Nếu sắc không sanh không diệt, không nhơ không sạch, ấy là sắc thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức không sanh không diệt, không nhơ không sạch, ấy là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Vì hư không thanh tịnh nên Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh.

Bạch đức Thế Tôn! Tại sao vì hư không thanh tịnh nên Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh?

Phật dạy: Hư không không sanh không diệt nên thanh tịnh, Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Vì sắc không ô nhiễm nên Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh, vì thọ, tưởng, hành, thức không ô nhiễm nên Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh.

Bạch đức Thế Tôn! Tại sao vì sắc không ô nhiễm nên Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức không ô nhiễm nên Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh?

Phật dạy: Như hư không, không thể ô nhiễm nên hư không thanh tịnh.

Bạch đức Thế Tôn! Vì sao như hư không, không thể ô nhiễm nên hư không thanh tịnh?

Phật dạy: Hư không, không thể chấp thủ nên hư không thanh tịnh.
Vì hư không thanh tịnh nên Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề vì hư không có thể nói nên Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh.

Bạch đức Thế Tôn! Vì sao hư không có thể nói nên Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh?

Phật dạy: Nhân nơi hư không mà có hai âm thanh xuất hiện. Nên Bát-nhã Ba-la-mật cũng như hư không, vì có thể nói nên thanh tịnh. Tu-bồ-đề! Vì hư không không thể nói nên Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh.

Lại nữa, vì như hư không không thể đắc, nên Bát-nhã Ba-la-mật thanh thịnh.

Bạch đức Thế Tôn! Vì sao như hư không không thể đắc, nên Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh?

Phật dạy: Như hư không không có tướng Sở đắc, Bát-nhã Ba-la-mật cũng như hư không, không có tướng Sở đắc nên thanh tịnh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Hết thảy pháp chẳng sanh chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch nên Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh.

Bạch đức Thế Tôn! Vì sao hết thảy pháp chẳng sanh chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch nên Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh?

Phật dạy: Vì hết thảy pháp rốt ráo thanh tịnh nên Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh.

LUẬN: Bát-nhã Ba-la-mật tuy đều thậm thâm, song trong phẩm này nói rõ ràng thật tướng các pháp, nên chư thiên trong ba ngàn đại thiên thế giới đem các đồ cúng dường đến cúng dường Phật, rồi đứng một bên.

Hỏi: Chính chư thiên trên kia, nay trở lại ư?

Đáp: Có người nói: Việc đã làm lâu nên đi rồi trở lại. Có người nói: Còn có trời mới đến. Vì muốn khiến tín thọ Bát-nhã, nên mười phương mỗi mặt đều có ngàn đức Phật hiện. Người ấy có nhân duyên đại phước đức nên thấy được ngàn đức Phật, và nhờ thần lực của Phật mà mọi người tại hội đều thấy mười phương Phật. Chỗ thấy của trời người có hạn, không phải oai thần của Phật thì không do đâu thấy được chư Phật kia. Người ở trước Phật nói pháp, đều có tự hiệu Tu-bồ-đề, những người nạn vấn đều có tự hiệu Thích-đề-hoàn-nhân. Lấy tự hiệu đồng nhau như vậy có ngàn người.

Khi ấy Tu-bồ-đề, Đế-thích đều hoan hỷ nói: Chẳng phải riêng tôi có thể nói có thể hỏi. Phật muốn chứng minh việc ấy nên dẫn rộng việc ấy, nói Di-lặc và Bồ-tát trong Hiền kiếp, ở nước Ma-già-đà, thành Vương-xá, núi Kỳ-xà-quật nói Bát-nhã Ba-la-mật. Như trong Kinh nói: Di-lặc Bồ-tát đem đại chúng đi đến núi Kỳ-xà-quật, lấy ngón chân mở đỉnh núi, thân

cốt Ma-ha Ca-diếp mặc áo Tăng-già-lê, cầm gậy tích mang bình bát từ núi đi ra, Di-lặc nói với đại chúng rằng: Có đức Phật Thích-ca Mâu-ni thời quá khứ, lúc con người sống trăm tuổi thì người này là người biết đủ ít muốn, tu hạnh Đầu đà đệ nhất trong hàng đệ tử, đủ sáu thần thông, được ba minh; thường thương xót lợi ích chúng sanh, nên dùng lực thần thông, khiến thân cốt ấy tồn tại đến nay. Nhân nôi thân nhỏ ấy còn được lợi như vậy, huống gì thân các ông lớn, thân lớn lại sanh vào đời tốt, mà không thể tự lợi.

Bấy giờ, Di-lặc nhân việc ấy mà nói pháp rộng rãi, khiến vô lượng chúng sanh được dứt hết khổ.

Do việc ấy, biết Di-lặc ở trong núi Kỳ-xà-quật thuyết pháp Bát-nhã Ba-la-mật, chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều nói, hãy nên tín thọ.

Tu-bồ-đề hỏi: "Di-lặc lấy tướng gì, nhân gì, lấy pháp môn gì để nói?" Phật dạy: Nói như Ta nói. Các pháp sắc v.v... chẳng phải thường chẳng phải vô thường, chẳng phải trói chẳng phải mở, như đã nói trước đây. Cũng không nói sắc quá khứ, vị lai, hiện tại. Như Niết-bàn ra ngoài ba cõi, các pháp sắc v.v... cũng như vậy, như trước đây nói hết thảy pháp như tướng Niết-bàn. Di-lặc cũng như vậy.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề hoan hỷ bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!
Bát-nhã Ba-la-mật ấy thanh tịnh đệ nhất.

Phật dạy: Vì các pháp sắc v.v... thanh tịnh nên Bát-nhã tịnh. Vì nhân quả giống nhau.

Các pháp sắc v.v... thanh tịnh là sắc pháp không mất nghiệp nhân duyên và không thủ đắc các pháp nhất định thật có tướng sanh, nên chẳng sanh chẳng diệt. Vì tướng các pháp thường không ô nhiễm nên chẳng nhơ chẳng sạch. Trong đây nói thí dụ, là muốn làm cho sự việc rõ ràng. Như hư không, bụi và nước không dính, vì tánh nó thanh tịnh. Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, vì chẳng sanh chẳng diệt nên thường thanh tịnh. Như hư không, không thể bị ô nhiễm, Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Tuy có tà kiến hý luận, không thể làm ô nhiễm; đao gậy việc dữ không thể phá hoại; không có sắc không có hình nên không thể chấp thủ. Không thể chấp thủ thì không thể ô nhiễm.

Lại nữa, các Bồ-tát trú trong trí biện tài vui nói không ngại, vì chúng sanh nói mười hai bộ kinh, tám mươi bốn ngàn pháp tụ đều là một việc Bát-nhã Ba-la-mật, mà phân biệt nói ra nhiều cách. Thế nên nói Bát-nhã Ba-la-mật có thể nói, thanh tịnh như hư không, nhân nói hư không và hang núi, có người từ miệng phát ra âm thanh giữa khoảng trống, nhân nôi hai âm thanh nên gọi là tiếng vang. Như tiếng vang giữa không, tiếng nôi

miệng cũng như vậy. Hai thứ tiếng ấy đều hư dối không thật; mà người ta cho tiếng là thật còn vang là hư dối. Bát-nhã cũng như vậy. Hết thảy pháp đều rốt ráo không, như huyễn, như mộng; pháp phàm phu, pháp thánh đều là hư dối. Tiểu Bồ-tát cho pháp phàm phu là hư dối, pháp thánh là thật.

Hỏi: Cả hai đều hư dối, cớ sao tiểu Bồ-tát cho pháp phàm phu là hư dối, pháp thánh là thật?

Đáp: Pháp thánh do công đức trì giới, thiền định, trí tuệ, tu tập mà thành, cho nên cho là thật, vì pháp phàm phu tự nhiên có, như vang tự nhiên phát ra, chẳng phải do người làm nên cho là hư dối. Chúng sanh từ vô thỉ lại đây, chấp trước thân này, tiếng từ thân phát ra cho là thật; tiểu Bồ-tát vui sâu thiện pháp nên cho là thật.

Lại nữa, như giữa hư không, không có tướng âm thanh ngữ ngôn, nên không thể nói âm thanh ngữ ngôn đều là pháp làm ra, còn hư không là pháp không làm ra. Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Thâm nghĩa đệ nhất rốt ráo không, không có ngôn thuyết, hết thảy đường ngôn thuyết dứt.

Lại nữa, như hư không, không có tướng sở đắc, chẳng đắc có, chẳng đắc không có. Hoặc có, thì không có tướng như trước phá tướng hư không; hoặc không có, thì chính nhân nơi hư không tạo ra vô lượng việc. Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Tướng có, tướng không có đều bất khả đắc nên thanh tịnh.

Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật, nhân ức niệm đúng các pháp mà phát sanh, ức niệm đúng là rốt ráo "không" thanh tịnh, nên hết thảy pháp chẳng sanh chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 65

GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI BA (Tiếp): VÔ TÁC THẬT TƯỚNG

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật và thân cận, nhớ nghĩ đúng, thì trọn không bị bệnh mắt, tai, mũi, lưỡi, thân; thân không tàn tật, cũng không suy già, trọn không bị hoạnh tử. Vô số trăm ngàn vạn ức chư Thiên, Trời Tứ thiên vương, cho đến Trời Tịnh cư, đều đi theo nghe, lãnh thọ. Sáu ngày trai là mỗi tháng mồng 8, 23, 14, 15, 29, 30, chư thiên tụ hội; thiện nam tử làm pháp sư, tại chỗ thuyết Bát-nhã Ba-la-mật, chư Thiên đều tập đến. Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy ở giữa đại chúng nói Bát-nhã Ba-la-mật, được phước đức vô lượng vô biên vô số, không thể nghĩ bàn, không thể cân lường.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, nếu trong sáu ngày trai mỗi tháng là mồng 8, 23, 14, 15, 29, 30, mà ở trước chư thiên ấy thuyết Bát-nhã Ba-la-mật, thì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy được phước đức vô lượng vô biên vô số , không thể nghĩ bàn, không thể cân lường. Vì sao? Tu-bồ-đề! Vì Bát-nhã Ba-la-mật là trân bảo lớn. Thế nào là trân bảo lớn? Là Bát-nhã Ba-la-mật ấy, cứu được địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ và người bần cùng, hay cấp cho dòng lớn Sát-lợi, Bà-la-môn, đại gia cư sĩ; cấp cho Tứ thiên vương thiện xứ, cho đến phi hữu tưởng, phi vô tưởng xứ; cấp cho quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, Bích-chi Phật đạo, Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Vì sao? Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật có nói rộng đến mười thiện đạo, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật. Nói rộng nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, nói rộng mười lực Phật, cho đến trí nhất thiết chủng. Từ trong pháp ấy học, xuất sanh ra dòng Sát-lợi, Bà-la-môn, đại gia cư sĩ; xuất sanh ra Trời Tứ thiên vương, Trời Ba mươi ba, Trời Dạ-ma, Trời Đâu-suất-đà, Trời hóa-lạc, Trời Tha-hóa-tự-tại, Trời Phạm Thân, Trời Phạm Phụ, Trời Phạm

Chúng, trời Đại Phạm, Trời Quang, Trời Thiểu Quang, Trời Vô lượng quang, Trời Quang Âm, Trời Tịnh, Trời Thiểu Tịnh, Trời Vô lượng tịnh, Trời Biến tịnh, trời A-tra-bà-già, Trời Phước Sanh, Trời Quảng Quả, Trời Vô tưởng, Trời Vô phiền, Trời Vô nhiệt, Trời Thiện Kiến, Trời Thiện Hiện, Trời Sắc cứu cánh, Trời Không vô biên xứ, Trời Vô Sở hữu xứ, Trời Phi hữu tưởng, Phi vô tưởng xứ. Học từ trong pháp ấy, được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, được Bích-chi Phật đạo, được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Tu-bồ-đề! Vì vậy, nên Bát-nhã Ba-la-mật gọi là trân bảo lớn (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Bát-nhã Ba-la-mật như vậy gọi là bảo tạng lớn, trân bảo công đức xuất thế gian, đều nương Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm mà xuất hiện - N.D). Trong trân bảo Ba-la-mật không có pháp khả đắc, hoặc sanh hoặc diệt, hoặc nhơ hoặc sạch, hoặc thủ hoặc xả; trong trân bảo Ba-la-mật cũng không có pháp hoặc thiện hoặc bất thiện, hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc hữu vi hoặc vô vi. Tu-bồ-đề! Vì vậy nên gọi là trân bảo Ba-la-mật không sở đắc.

Tu-bồ-đề! Trân bảo Ba-la-mật ấy không có pháp làm ô nhiễm được. Vì sao? Vì pháp ô nhiễm không thể có được. Tu-bồ-đề! Vì vậy gọi là vô nhiễm Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không biết như vậy, cũng không phân biệt như vậy, cũng không được như vậy, cũng không hý luận như vậy, thì có thể tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, cũng có thể lễ kính chư Phật, từ một nước Phật đi đến một nước Phật, cúng dường cung kính, tôn trọng tán thán chư Phật; dạo qua các cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, nghiêm tịnh cõi Phật.

Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật ấy, đối với các pháp không có lực, không có phi lực, cũng không nhận, cũng không cho, không sanh không diệt, không nhơ không sạch, không tăng không giảm. Ba-la-mật ấy cũng chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, không bỏ cõi Dục, không trú cõi Dục, không bỏ cõi Sắc, không trú cõi Sắc, không bỏ cõi Vô sắc, không trú cõi Vô sắc. Bát-nhã Ba-la-mật ấy không cho cũng không bỏ Thí Ba-la-mật, không cho cũng không bỏ Giới Ba-la-mật, không cho cũng không bỏ Nhẫn Ba-la-mật, không cho cũng không bỏ Tấn Ba-la-mật, không cho cũng không bỏ Thiền Ba-la-mật, không cho cũng không bỏ Bát-nhã Ba-la-mật, không cho cũng không bỏ nội không, cho đến không cho cũng không bỏ vô pháp hữu pháp không, không cho cũng không bỏ Bốn niệm xứ, cho đến không cho cũng không bỏ Tám Thánh đạo phần; không cho cũng không bỏ Phật lực, cho đến không cho cũng

không bỏ quả Tu-đà-hoàn, cho đến không cho cũng không bỏ quả A-la-hán, không cho cũng không bỏ Bích-chi Phật đạo, cho đến không cho cũng không bỏ trí nhất thiết chủng.

Bát-nhã Ba-la-mật ấy không cho pháp A-la-hán, không bỏ pháp phàm phu; không cho pháp Bích-chi Phật, không bỏ pháp A-la-hán; không cho pháp Phật, không bỏ pháp Bích-chi Phật.

Bát-nhã Ba-la-mật ấy không cho pháp vô vi, không bỏ pháp hữu vi. Vì sao? Vì có chư Phật hoặc không có chư Phật, tướng các pháp ấy thường trú không biến dị, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, thường trú không lầm không mất.

LUẬN: Hỏi: Hoặc thọ trì, nhớ nghĩ đúng Bát-nhã, còn có các hoạn nạn, làm sao nói không bị bệnh mắt v.v...?

Đáp: Việc này, phẩm công đức và địa ngục ở trên đã nói rộng. Đó là nói nghiệp chẳng phải chắc chắn thọ báo, nên không có các hoạn nạn, lại thường thọ trì, nhớ nghĩ đúng; thật hành Bát-nhã như đã nói, nên không có các hoạn nạn; thí như thuốc hay trị được các bệnh, nếu không chữa trị thích hợp, thì không lành bệnh, không phải lỗi tại thuốc. Lại như người tuy có khí cụ, mà không ngăn được nạn, chẳng phải lỗi tại khí cụ, người tu cũng như vậy, đời trước tội nặng, đời nay không tu đúng như điều được nói, nên không có thế lực Bát-nhã, chứ chẳng phải lỗi tại Bát-nhã.

Hỏi: Trên Trời cũng có Bát-nhã Ba-la-mật, cớ sao chư thiên trong sáu ngày trai, đi theo người mang thân bất tịnh, cầu nghe nói Bát-nhã? Đáp: Trên Trời có kinh quyển, truyền nghe như vậy, chẳng phải chính Phật nói. Nếu có thì trên Trời Đao-lợi, Trời Đâu-suất sẽ có. Vì sao? Vì khi A-tu-la chiến đấu với Trời Đao-lợi, Phật dạy Đế-thích ông nên tụng niệm Bát-nhã, còn trên Trời Đâu-suất thường có Bồ-tát bổ xứ, nói cho hàng chư thiên, nên có thể có Bát-nhã. Chư Thiên cõi Sắc, thân và y phục nhẹ mỏng vi tế, thường ưa yên lặng, hưởng mùi vị thiền định, cho nên không thể có kinh quyển Bát-nhã. Chư Thiên đắm hai thứ vui là vui ngũ dục và vui thiền định; không thể siêng chép, thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật. Còn người cõi Diêm-phù-đề, thường tinh tấn, viết chép, trì tụng, thọ học, nhớ nghĩ đúng, như kinh nói người cõi Diêm-phù-đề do ba nhân duyên mà hôn chư Thiên và người cõi Uất-đơn-việt (Bắc Cu-lô châu):

1. Có thể đoạn dâm dục.
2. Có sức nhớ biết.
3. Tinh tấn dõng mãnh.

Người cõi Diêm-phù-đề hay viết chép, đọc tụng, thọ trì nên chư thiên xuống đến lễ bái kinh quyển Bát-nhã, hoặc muốn nghe nói.

Lại có người nói: Trên Trời nếu có kinh quyển, còn từ xa đi đến cúng dường, thì phước đức tăng thêm, cầu Bát-nhã Ba-la-mật không biết chán đủ. Cũng có Trời, Bồ-tát muốn làm cho Bát-nhã tôn trọng, nên xuống đến, muốn làm cho chúng sanh càng thêm tin kính, chư Thiên còn đi đến, huống gì chúng ta! Hành giả hoặc nghe mùi thơm, hoặc thấy ánh sáng, có những việc hy hữu như thấy, cho nên thâm tâm tin ưa Bát-nhã.

Lại người chưa lìa dục, ác quỷ, Ma dân thường tìm chỗ hở, làm cho rơi vào chỗ ác. Từ Trời Tứ thiên vương cho đến Trời Tịnh cư, là chư Thiên có sức lớn đến, thì tiểu quỷ tránh đi. Bồ-tát thường sanh đại tâm thanh tịnh, như phẩm trước nói, thế nên đi đến theo pháp sư.

Sáu ngày trai, chư Thiên đi đến xem tâm người, ngày mười lăm, ngày ba mươi, trở lại báo với chư thiên.

Lại nữa, sáu ngày trai ấy là sáu ngày ác, làm cho người suy xấu, nếu có người trong các ngày ấy thọ tám giới, trì trai, bố thí, nghe pháp, khi ấy chư thiên hoan hỷ, tiểu quỷ không được dễ dàng phá hoại, lợi ích người tu. Ngày ấy pháp sư lên tòa cao thuyết pháp. Có các nhân duyên như vậy, nên chư thiên đều đến. Người thuyết pháp tán thán vô lượng vô biên pháp vô thượng, tức là Bát-nhã Ba-la-mật, cũng được vô lượng vô biên phước đức. Nếu nói cho người, người độn căn, phước đức mỏng, nên được phước ít, nói cho chư Thiên, chư Thiên lợi căn, phước đức nhiều, ruộng phước tốt, nên được phước nhiều. Nên Phật dạy người tu trong các ngày trai ở giữa chư Thiên và đại chúng nói Bát-nhã, được phước vô lượng. Trong đây Phật hứa nhận lời Tu-bồ-đề nói, lại tự nói vô lượng nhân duyên của phước đức, đó là đại trân bảo Ba-la-mật. Như ngọc báu như ý hay thỏa mãn ước nguyện của mọi người, còn Bát-nhã Ba-la-mật này hay làm thỏa mãn ước nguyện của tất cả chúng sanh, tức lìa khổ được vui.

Lìa khổ là, Bát-nhã Ba-la-mật hay cứu vớt chúng sanh địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ và người nghèo cùng.

Cho vui là, cho dòng lớn Sát-lợi, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Pháp lành là, nhân duyên của cái vui ấy, ở trong Bát-nhã Ba-la-mật có nói rộng. Đó là mười thiện đạo, cho đến Nhất thiết trí, cũng như ngọc như ý, hay phát xuất y phục, ẩm thực, vàng bạc v.v... tùy ý cần dùng, Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, hay làm cho được mười thiện đạo, cho đến Nhất thiết trí, dòng lớn Sát-lợi cho đến Phật. Vì việc ấy nên gọi là trân bảo Ba-la-mật.

Lại nữa, trân bảo Ba-la-mật là, như người được ngọc như ý, thì tùy ý cần chi đều được nấy; mất nó thì ưu não, còn Bát-nhã Ba-la-mật này chẳng sanh chẳng diệt, thường không mất; đời đời cho chúng sanh vui,

cuối cùng làm cho được thành Phật. Như người được ngọc như ý thì tâm tự cao, khinh thường người khác, ấy là nhân duyên suy hoại, nếu người được Bát-nhã Ba-la-mật thế gian, cũng phân biệt như vậy, đắm các thiện pháp, bỏ các ác pháp, sanh tâm cao ngạo, khinh miệt người khác, thì đó là mở cửa các tội. Còn trong trân bảo Bát-nhã Ba-la-mật, xuất thế gian Bát-nhã Ba-la-mật, không phân biệt lành chẳng lành, ấy gọi là đại trân bảo Ba-la-mật, hay làm lợi ích chúng sanh, rốt ráo không ưu não. Trân bảo Ba-la-mật ấy, thiện pháp còn không làm ô nhiễm, huống gì pháp bất thiện! Như trong đây nói, như vậy cũng chẳng có kẻ biết, như trên nói tướng Bát-nhã, cũng không khởi lên là biết, không khởi lên là kẻ biết, không thủ tướng, cũng không sanh tâm chấp đắm; không phân biệt, không tìm định tướng; ấy gọi là không có tội lỗi, không có pháp ái, dứt các hý luận. Như vậy, người chân thật tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, dùng pháp lễ Phật, tự được lợi ích thật pháp, nên hay làm lợi ích chúng sanh; hay tự lìa ác, hay khiến chúng sanh lìa ác. Cho nên nghiêm tịnh được thế giới Phật; do lực phương tiện không Sở đắc, nên biết pháp tướng rốt ráo tịch tịnh, nhưng hay vì chúng sanh nên phân biệt các thiện pháp.

Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh, nên không có lực, không có phi lực, thí như hư không tuy không có pháp, mà nhân nôi hư không mới có được sở tác. Không có một pháp gì có tướng nhất định có thể thủ trước, nên không có lực; được thật tướng các pháp, đối các thiện pháp không ngại, cho đến hàng phục Ma quân mà thành Phật, chẳng phải không có lực.

Chẳng thọ lãnh chẳng cho, chẳng sanh chẳng diệt v.v... cho đến chẳng bỏ pháp hữu vi, chẳng cho pháp vô vi, cũng như vậy. Trong đây nói nhân duyên: Có Phật không có Phật, pháp tánh vẫn thường trú thế gian.

Các pháp tánh tức là thật tướng các pháp, thật tướng các pháp là Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu lấy thường vô thường mà tìm thật tướng các pháp, đều là sai lầm. Nếu người vào trong pháp tánh, thì không có sai lầm; vì pháp tánh thường nên chẳng diệt chẳng mất.

KINH: Bấy giờ các thiên tử đứng ở giữa hư không, phát âm thanh lớn, nhảy nhót vui mừng, lấy hoa Ưu-bát-la, hoa Ba-đầu-na, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lị rãi trên Phật, nói như vầy: Chúng con ở cõi Diêm-phù-đề, thấy Phật chuyển pháp luân lần thứ hai, trong ấy vô lượng trăm ngàn thiên tử, được vô sanh pháp nhẫn.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Pháp luân ấy chẳng phải chuyển lần thứ nhất, chẳng phải chuyển lần thứ hai. Bát-nhã Ba-la-mật chẳng vì chuyển nói mà xuất hiện, chẳng vì qui hoàn mà xuất hiện, vì vô pháp hữu pháp không.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Tại sao vì vô pháp hữu pháp không nên Bát-nhã Ba-la-mật chẳng vì chuyển nói chẳng vì quy hoàn nên xuất hiện?

Phật dạy: Bát-nhã Ba-la-mật, tướng Bát-nhã Ba-la-mật không; cho đến Thí Ba-la-mật, tướng Thí Ba-la-mật không; nội không, tướng nội không không, cho đến vô pháp hữu pháp không, tướng vô pháp hữu pháp không không; bốn niệm xứ, tướng bốn niệm xứ không, cho đến tám Thánh đạo phần, tướng tám Thánh đạo phần không; mười lực Phật, tướng mười lực Phật không, cho đến mười tám pháp không chung, tướng mười tám pháp không chung không; quả Tu-đà-hoàn, tướng quả Tu-đà-hoàn không; quả Tư-đà-hàm, tướng quả Tư-đà-hàm không; quả A-la-hán, tướng quả A-la-hán không; Bích-chi Phật đạo, tướng Bích-chi Phật đạo không; trí nhất thiết chủng, tướng trí nhất thiết chủng không.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát là đại Ba-la-mật. Vì sao? Vì tuy hết thảy pháp tự tướng không, mà các Bồ-tát ma-ha-tát nhân nơi Bát-nhã Ba-la-mật chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, cũng không có pháp có thể được chuyển pháp luân, cũng không có pháp có thể chuyển, cũng không có pháp có thể hoàn; ở trong đại Ba-la-mật ấy, cũng không có pháp có thể thấy. Vì sao? Vì pháp ấy không thể có được, hoặc chuyển hoặc hoàn, vì hết thảy pháp rốt ráo chẳng sanh. Vì sao? Vì tướng không, không thể chuyển, không thể hoàn; tướng vô tướng không thể chuyển không thể hoàn, tướng vô tác, không thể chuyển không thể hoàn. Nếu nói Bát-nhã Ba-la-mật được như vậy, giáo hóa, chiếu soi, khai mở, chỉ bày, phân biệt hiển hiện, giải thích, cạn dễ, người giáo hóa được như vậy, gọi là thanh tịnh nói Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không có người nói, cũng không có người lãnh thọ, cũng không có người chứng. Nếu không có nói, không có thọ, không có chứng, cũng không có người diệt hoại, đối với người thuyết pháp ấy cũng không có phước điền rốt ráo nhất định.

LUẬN: Chư thiên nghe nói Bát-nhã, rất vui mừng nhảy nhót, chư thiên thân nhẹ căn lợi, phân biệt chấp tướng, biết có nhẹ nặng, nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh, thật tướng bình đẳng, đại lợi ích cho chúng sanh, không chi hôn được, nên nhảy nhót vui mừng, khởi thân nghiệp khẩu nghiệp, mang đồ cúng dường, hoa sen v.v... cúng dường Phật, nói rằng: Chúng con ở tại cõi Diêm-phù-đề, thấy Phật chuyển pháp luân lần thứ hai.

Hỏi: Ban sơ thuyết pháp khiến người đắc đạo, gọi là chuyển pháp luân, sao nay nói pháp luân chuyển lần thứ hai? Nếu do Phật nói gọi là

chuyển pháp luân; đều là pháp luân, chứ đâu có giới hạn lần thứ hai?

Đáp: Ban sô thuyết pháp gọi là định thật một pháp luân, nhân chuyển nói ban đầu cho đến khi pháp tận, chung gọi là chuyển. Chư Thiên thấy trong chúng hội nay có nhiều người phát tâm Vô thượng đạo, được vô sanh pháp nhẫn, vì thấy lợi ích ấy, nên tán thán nói chuyển pháp luân thứ hai. Sô chuyển pháp luân, tám vạn chư Thiên được vô sanh pháp nhẫn, một mình A-nhã Kiều-trần-như được Sô đạo quả (Dự-lưu), nay vô lượng chư thiên được vô sanh pháp nhẫn, thế nên nói chuyển pháp luân thứ hai; nay chuyển pháp luân giống như Sơ chuyển.

Hỏi: Nay chuyển pháp luân, nhiều người đắc đạo, Sô chuyển pháp luân người đắc đạo ít, cớ sao lấy lớn dụ nhỏ.

Đáp: Việc của chư Phật có hai thứ: 1. Mật. 2. Hiển. Sô chuyển pháp luân, người Thanh văn thấy tám vạn một người được Sơ đạo quả, hàng Bồ-tát thấy vô lượng vô số người được Thanh văn đạo, vô số người gieo nhân Bích-chi Phật đạo, vô lượng vô số người phát tâm Vô thượng đạo, vô lượng vô số người tu sáu Ba-la-mật đạo, được các môn tam-muội Đà-la-ni sâu xa, mười phương vô lượng chúng sanh được vô sanh pháp nhẫn. Vô lượng vô số chúng sanh trụ từ Sô địa cho đến Thập địa, vô lượng vô số chúng sanh được nhất sanh bổ xứ, vô lượng vô số chúng sanh được ngồi đạo tràng, nghe pháp ấy mau thành Phật đạo.

Có bất khả tư nghì tướng như vậy, ấy gọi là tướng mật chuyển pháp luân, thí như mưa lớn, cây lớn thì hưởng nhiều, cây nhỏ thì hưởng ít, Vì vậy nên biết Sô chuyển pháp luân cũng lớn. Lấy sau thí dụ trước, không có lỗi.

Chuyển pháp luân chẳng phải một chẳng phải hai là vì rốt ráo không, và vì quả báo chuyển pháp luân là Niết-bàn nên nói như vậy, ấy là trong nhân nói quả. Pháp luân tức là Bát-nhã Ba-la-mật, tướng Bát-nhã Ba-la-mật không khởi không tác, cho nên không chuyển không
hoàn. Như trong mười hai nhân duyên, nói vô minh rốt ráo không, nên không thể thật sanh ra các hành v.v... vô minh hư vọng điên đảo, không có thật nhất định, cho nên không có pháp có thể diệt. Nói pháp sanh thế gian nên gọi là chuyển. Nói pháp diệt thế gian, nên gọi là hoàn. Trong Bát-nhã Ba-la-mật không có hai việc ấy, nên nói không chuyển không hoàn. Vì vô pháp hữu pháp không; vô chuyển là hữu pháp không, vô hoàn là vô pháp không.

Hỏi: Cớ gì Tu-bồ-đề hỏi câu: Vì hữu pháp không, nên Bát-nhã Ba-la-mật không vì chuyển, không vì hoàn mà xuất hiện; nhưng Phật lại lấy "không" mà đáp?

Đáp: Có người nói: Các pháp có bốn tướng:

1. Nói có.
2. Nói không.
3. Nói cũng có cũng không.
4. Nói chẳng phải có chẳng phải không.

Vì tà ức niệm đối bốn thứ ấy nên có thứ tà hạnh. Chấp trước bốn thứ ấy nên gọi là tà đạo; vì chánh ức niệm đối bốn thứ ấy nên có chánh hạnh, cũng không chấp bốn chánh hạnh nên gọi là chánh đạo. Trong đây vì phá chấp tướng phi hữu phi vô, nên gọi là vô pháp hữu pháp không. Phật dạy: Cho đến phá phi hữu phi vô, nên nói là không có chuyển không có hoàn. Phá phi hữu phi vô có hai cách:

1. Dùng ba câu trên phá.
2. Dùng thật tướng Niết-bàn phá.

Tu-bồ-đề! Tuy biết Phật dùng thật tướng Niết-bàn phá hữu vô, trong đó có Bồ-tát mới phát tâm, hoặc còn sai lầm, nên lấy ba câu phá phi hữu phi vô; đối với vô pháp hữu pháp không trở lại sanh tà kiến, nên Phật nói hữu pháp vô pháp cũng tự tướng không, thế nên nói Bát-nhã Ba-la-mật không chuyển không hoàn. Trong Bát-nhã Ba-la-mật không có tướng Bát-nhã Ba-la-mật, vì hết thảy pháp không có tướng, cho đến Thí Ba-la-mật cũng như vậy, nội không cho đến tướng trí nhất thiết chủng không cũng như vậy.

Bấy giờ Tu-bồ-đề và đại chúng hoan hỷ tán thán Bát-nhã Ba-la-mật nói rằng: Đại Ba-la-mật tức là Bát-nhã Ba-la-mật.

Đại Ba-la-mật là hết thảy pháp tuy tự tánh không mà Bát-nhã Ba-la-mật hay lợi ích cho Bồ-tát, làm cho chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề; tuy được cũng không sở đắc, tuy chuyển pháp luân cũng không sở chuyển.

Hỏi: Nếu các pháp không, Bát-nhã Ba-la-mật không, Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề cũng không, thì không nên tán thán Bát-nhã là đại Ba-la-mật?

Đáp: Trong đây nói hết thảy pháp tự tánh không, nên trong tự tánh không cũng không có tự tánh không, thế nên gọi là đại Ba-la-mật. Nếu không có tướng không, không nên vấn nạn. Vì rốt ráo không, nên không có gì để phá, mà vẫn làm các thiện pháp để chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đây là nói theo thế tục, chẳng phải đệ nhất nghĩa.

Chư Phật tuy thuyết pháp làm cho người khác đắc đạo, phá phiền não, từ đây đến kia, gọi là chuyển, nay các phiền não của chúng ta hư dối điên đảo, vọng ngữ không có tướng nhất định, thì đoạn cái gì? Nếu không

đoạn cái gì, thì cũng không có chuyển có hoàn, thế nên nói tuy chuyển pháp luân cũng không có chuyển, hoàn. Vì sao? Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật ấy, không có pháp để cho năm mắt có thể thấy được, hoặc chuyển hoặc hoàn, vì hết thảy pháp từ xưa đến nay rốt ráo chẳng sanh; là tự tánh không, rốt ráo không, chẳng phải tướng chuyển, chẳng phải tướng hoàn. Vì sợ đọa thường kiến nên chẳng chuyển, vì sợ đọa đoạn kiến nên chẳng hoàn; vì sợ đọa hữu nên chẳng chuyển; vì sợ đọa vô nên chẳng hoàn; vì sợ đắm thế gian nên chẳng chuyển, vì sợ đắm Niết-bàn nên chẳng hoàn.

Tự tánh không, rốt ráo không, mười tám không, vô lượng các không như vậy, là môn không giải thoát chẳng chuyển chẳng hoàn; môn vô tướng, vô tác giải thoát cũng như vậy. Vào ba môn giải thoát ấy, bỏ tâm chấp ta, chấp của ta, ấy gọi là được giải thoát. Có được tâm không thủ tướng, không chấp trước như vậy, mới thuyết, giáo, chiếu v.v... của Bát-nhã Ba-la-mật. Thuyết là, hoặc làm sách văn, học miệng truyền nói; Giáo là, tán thán Bát-nhã khiến người thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng. Chiếu là, như người cầm đèn chiếu vật, nếu người không biết Bát-nhã, lấy ánh sáng trí tuệ chiếu soi khiến biết. Khai là, như kho báu đóng cửa, tuy có vật tốt, mà không lấy được, nếu mở cửa thì tùy ý lấy, như người nghi ngờ không tin Bát-nhã, mở cánh cửa tà nghi, bẻ chốt cửa vô minh, thì người ấy tùy ý lấy. Thị là, như người mắt thấy không rõ, lấy ngón tay chỉ cho biết tốt xấu. Như người ít tin ít trí, chỉ cho biết là đạo hay chẳng phải đạo, là có lợi hay thất lợi v.v... Phân biệt là, phân biệt các pháp là thiện hay bất thiện, là tội hay phước, là thế gian hay Niết-bàn. Kinh sách chỉ nói lược, khó hiểu khó tin, phân biệt giải nói rộng rãi cho họ được tin hiểu. Hiển hiện là, Phật vì mỗi mỗi chúng sanh thuyết mỗi mỗi pháp hoặc có khi chê bai thiện pháp, hỗ trợ pháp bất thiện, nhằm tới khiến
chúng sanh được hiểu. Thuyết pháp là, nói ý thú của Phật thích ứng với chúng sanh, khiến biết tướng nhẹ nặng. Giải thích là, như vật báu ở trong đãy, buộc miệng lại thì người chẳng biết, nếu vì người thì mở cái đãy kinh quyển giải thích lý nghĩa. Lại như vật nặng, làm cho nhẹ, dùng các nhân duyên thí dụ giải thích gốc ngọn, làm cho dễ hiểu. Thiển dị là, như nước sâu khó lội qua, có người phân tán nước ấy làm cho cạn, thì lội qua dễ dàng. Bát-nhã Ba-la-mật như nước rất sâu, lấy sức luận nghị phương tiện giảng giải nói làm cho cạn dễ, cho đến người tiểu trí cũng tin hiểu được. Có thể lấy mười việc là thuyết, giáo, chiếu v.v... ở trên để giảng nói nghĩa rất sâu xa ấy, gọi là thanh tịnh nói Bát-nhã Ba-la-mật.

Trong đệ nhất nghĩa, thật không có thuyết, vì rốt ráo không, nên không có thuyết, không có thuyết nên không có tín thọ, không có tín thọ

nên không có chứng, không có chứng nên không có diệt các phiền não, nếu không có diệt các phiền não, thì không có ruộng phước.

Thọ là tín thọ, đọc tụng tu pháp ấy được quả Sa-môn, vào vô sanh pháp nhẫn, ấy gọi là chứng. Khi chứng thì các phiền não dứt, được hữu dư Niết-bàn; được hữu dư Niết-bàn nên chắc chắn đó là ruộng phước. Chắc chắn là các pháp đồng tánh với Niết-bàn, cho nên nói cũng không có ruộng phước chắc chắn.

-oOo-

GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI BỐN: CÁC BA LA MẬT

KINH: Bấy giờ, Tuệ-mạng Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật vô biên là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Ví như hư không vô biên.

- Bạch đức Thế Tôn! Bình đẳng Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì các pháp bình đẳng.

- Bạch đức Thế Tôn! Lìa Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật. (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Bát-nhã Ba-la-mật đa như vậy là vô biên Ba-la-mật đa.

Phật dạy: Đúng vậy! Thí như hư không, không biên tế. Bát-nhã Ba-la-mật đa như vậy là bình đẳng Ba-la-mật đa; Phật dạy: Như vậy, vì hết thảy pháp tánh bình đẳng. Bát-nhã Ba-la-mật đa như vậy là viễn ly Ba-la-mật đa; Phật dạy như vậy, vì rốt ráo không v.v... N.D). Phật dạy: Vì rốt ráo không.

- Bạch đức Thế Tôn! Chẳng hoại Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì hết thảy pháp chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Không bờ kia Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì không có danh không có thân.

- Bạch đức Thế Tôn! Không chủng Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì hơi thở ra vào chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Bất khả thuyết Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì giác quán chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Vô danh Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì thọ, tưởng, hành, thức, chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Không đi Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì hết thảy pháp không đến.

- Bạch đức Thế Tôn! Không di chuyển Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì hết thảy pháp không nép giấu.

- Bạch đức Thế Tôn! Tận Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì hết thảy pháp rốt ráo tận hết.

- Bạch đức Thế Tôn! Chẳng sanh Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật. Phật dạy: Vì hết thảy pháp chẳng diệt.

- Bạch đức Thế Tôn! Chẳng diệt Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật. Phật dạy: Vì hết thảy pháp chẳng sanh.

- Bạch đức Thế Tôn! Không tạo tác Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì tác giả chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Vô tri Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật. Phật dạy: Vì tri giả chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Chẳng đến Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật. Phật dạy: Vì sanh tử chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Chẳng mất Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật. Phật dạy: Vì hết thảy pháp chẳng mất.

LUẬN: Ba-la-mật vô biên là, Tu-bồ-đề nghe Phật nói nghĩa Ba-la-mật đại trân bảo, nhân đó mà tự tán thán Bát-nhã là đại Ba-la-mật. Lại lấy trí tuệ vào sâu mỗi mỗi pháp môn, quán Bát-nhã Ba-la-mật như nước biển lớn vô lượng vô biên, biết sâu công đức Bát-nhã Ba-la-mật, nhân đó phát tâm đại hoan hỷ. Muốn lấy mỗi mỗi nhân duyên tán thán Bát-nhã; cho nên bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Vô biên Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật. Nghĩa vô biên thì từ đầu phẩm cho đến hết đều là nghĩa vô biên, vì trở ngại nói việc khác nên lược nói. Nếu nói rộng thời vô lượng.

Lại nữa, thường là một bên, vô thường là một bên, ngã vô ngã, có, không, thế gian có biên giới không biên giới, chúng sanh có biên giới không biên giới, các pháp như vậy gọi là tà kiến biên; được Bát-nhã Ba-la-mật thì không có các biên ấy, nên gọi là vô biên.

Lại nữa, thí như chỗ vật cùng tận gọi là biên, hư không, không có sắc không có hình, cho nên vô biên; Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh không có biên, không có tận, không có chỗ thủ, không có chỗ thọ nhân, không có chỗ chắp đắm, thế nên Phật đáp: "Như hư không vô biên nên Bát-nhã Ba-la-mật cũng vô biên".

Bồ-tát được pháp nhẫn, quán hết thảy pháp đều bình đẳng, thế nên

nói vì hết thảy pháp bình đẳng nên nói Bát-nhã Ba-la-mật bình đẳng.

Bồ-tát dùng tâm rốt ráo không, lìa các phiền não, cũng lìa các pháp, thế nên gọi là lìa Ba-la-mật. Bồ-tát dùng Bát-nhã Ba-la-mật ấy tìm tướng chung tướng riêng các pháp, không thấy được có tướng nhất định bằng lông tóc, vì chẳng thể có được, nên đối với hết thảy pháp tâm không chấp trước. Nếu người có tà kiến hý luận, dùng tâm tà kiến chấp trước, muốn phá hoại Bồ-tát, vì Bồ-tát ấy tâm không chấp trước, nên không phá hoại được; ấy gọi là chẳng hoại Ba-la-mật.

Bờ này gọi là sanh tử, bờ kia là Niết-bàn, ở giữa có sông lớn các phiền não, hết thảy người xuất gia, muốn bỏ bờ này tham đắm bờ kia, mà Bát-nhã Ba-la-mật không có bờ kia. Bờ kia là Niết-bàn, không có sắc không có danh, nên nói vì không có sắc không có danh, ấy gọi là không bờ kia Ba-la-mật.

Có hư không thì có hôi thở ra vào, hôi thở ra vào đều từ nghiệp nhân duyên hư dối sanh; thở ra chẳng phải thở vào, thở vào chẳng phải thở ra, niệm niệm sanh diệt, không có thật tướng khả đắc. Vì hôi thở không thể có được, nên hết thảy pháp cũng không thể có được. Không thể có được nên gọi là không chủng (không giới) Ba-la-mật.

Hết thảy pháp tướng không tịch, nên chẳng cần giác quán. Vì không có giác quán thì không có ngôn thuyết, vì không có ngôn thuyết nên nói Bát-nhã Ba-la-mật dứt đường nói năng, ấy gọi là bất khả thuyết Ba-la-mật.

Hai pháp thu nhiếp hết mọi pháp đó là danh và sắc. Bốn đại và bốn đại tạo tác, thu nhiếp về sắc; bốn uẩn thọ, tưởng, hành, thức thu nhiếp về danh. Phân biệt các pháp là, nói Bát-nhã Ba-la-mật là tướng trí tuệ nên nhiếp về danh. Song nay không lìa sắc là danh, không lìa danh là sắc, vì Bát-nhã Ba-la-mật không có tướng biết, nên nói thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể có được, ấy gọi là vô danh Ba-la-mật.

Hết thảy pháp không đi không lại, nên gọi là không đi Ba-la-mật. Bát-nhã Ba-la-mật là pháp tạng của ba đời mười phương chư Phật,

ấn bằng ba pháp ấn, không có trời người phá được, nên gọi là không di chuyển Ba-la-mật.

Các pháp hữu vi, niệm niệm tận diệt, không có lúc ngưng trụ, nếu như vậy, pháp quá khứ chẳng cùng tận, pháp vị lai cũng chẳng cùng tận, pháp hiện tại cũng chẳng ngưng trụ nên chẳng cùng tận. Tướng ba đời cùng tận chẳng thể có được, nên gọi là rốt ráo cùng tận, vì rốt ráo cùng tận nên gọi là tận Ba-la-mật.

Hết thảy pháp sanh trong ba đời chẳng thể có được, cho nên không có sanh, vì không có sanh nên gọi là vô sanh Ba-la-mật, không diệt Ba-la-

mật cũng như vậy.

Tạo tác có hai: 1. Chúng sanh tạo tác. 2. Pháp tạo tác. Chúng sanh tạo tác là bố thí, trì giới v.v... Pháp tạo tác là lửa cháy, nước làm rã nát, tâm thức hay biết. Vì chúng sanh "không" nên không có tác giả. Vì hết thảy pháp độn, tướng không khởi không tác, nên pháp cũng không tạo tác. Vì hai không tạo tác ấy nên gọi là vô tác Ba-la-mật.

Vô tri Ba-la-mật cũng như vậy, vì hết thảy pháp độn nên không biết.

Thiên nhãn thấy có sanh tử, dùng tuệ nhãn không tướng thấy sanh tử chẳng thể có được. Vì sanh tử chẳng thể có được, nên chúng sanh chết đời nay không có đi đến đời sau; chỉ có năm uẩn do nhân duyên của nghiệp đời trước tương tục sanh ra, nên gọi là chẳng đến Ba-la-mật. Bát-nhã Ba-la-mật chẳng làm mất thật tướng các pháp, cũng làm cho hết thảy pháp chẳng mất thật tướng, còn lìa Bát-nhã Ba-la-mật, hết thảy pháp đều mất. Quán thật tướng hết thảy pháp, được Bát-nhã Ba-la-mật, nên gọi là chẳng mất Ba-la-mật.

KINH: Bạch đức Thế Tôn! Mộng Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Cho đến việc thấy trong mộng chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Tiếng vang Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật? Phật dạy: Vì kẻ nghe tiếng chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Bóng Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật. Phật dạy: Vì mặt trong gương chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Sóng nắng Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Dòng nước chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Huyễn Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật. Phật dạy: Vì huyễn thuật chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Chẳng nhơ Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật? Phật dạy: Vì các phiền não chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Chẳng sạch Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Vì phiền não hư dối.

- Bạch đức Thế Tôn! Chẳng ô cấu Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì nơi chỗ chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Không hý luận Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Vì hết thảy hý luận bị phá hoại.

- Bạch đức Thế Tôn! Chẳng niệm Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-

mật?

Phật dạy: Vì hết thảy niệm bị phá.

- Bạch đức Thế Tôn! Bất động Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Vì pháp tánh thường trú.

- Bạch đức Thế Tôn! Không nhiễm Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì biết hết thảy pháp vọng giải (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Vì biết hết thảy pháp hư vọng - N.D).

- Bạch đức Thế Tôn! Chẳng khởi Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Vì hết thảy pháp không phân biệt.

- Bạch đức Thế Tôn! Tịch diệt Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì hết thảy pháp tướng chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Vô dục Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì dục chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Vô sân Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì sân hận không thật.

- Bạch đức Thế Tôn! Vô si Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì vô minh tối tăm dứt.

- Bạch đức Thế Tôn! Không phiền não Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Vì phân biệt ức tưởng hư vọng.

- Bạch đức Thế Tôn! Không có chúng sanh Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì chúng sanh không có.

- Bạch đức Thế Tôn! Đoạn dứt Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Vì các pháp không khởi.

- Bạch đức Thế Tôn! Không có nhị biên Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Vì lìa nhị biên.

- Bạch đức Thế Tôn! Chẳng phá hoại Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì hết thảy pháp chẳng lìa nhau.

- Bạch đức Thế Tôn! Chẳng thủ Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

- Phật dạy: Vì quá địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật.

- Bạch đức Thế Tôn! Chẳng phân biệt Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì các vọng tưởng chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Vô lượng Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.
- Phật dạy: Vì các pháp lượng chẳng thể có được.
- Bạch đức Thế Tôn! Hư không Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì hết thảy pháp không có.

LUẬN: Tu-bồ-đề tán thán Bát-nhã Ba-la-mật, khai thị chúng sanh thế gian không, như mộng. Phật dạy: Mộng cũng chẳng thể có được, nên gọi là mộng Ba-la-mật. Tiếng vang, bóng, sóng nắng, huyễn cũng như vậy. Tâm người cho tiếng là thật, vang là hư giả, bóng thì lấy mặt gương làm thật, tưởng là hư giả; sóng nắng thì lấy gió, bụi, ánh sáng mặt trời làm thật, nước là hư giả; huyễn thì lấy chú thuật làm thật, vật do chú thuật làm ra hư giả.

Tu-bồ-đề tán thán Bát-nhã lấy không làm ví dụ, Phật dạy: Dụ và việc chính đều không, vì việc chính đều không nên dụ cũng không.

Bát-nhã Ba-la-mật ấy không nhơ, đoạn diệt được hết thảy nhơ. Phật dạy: Các phiền não từ xưa lại đây thường không có, nay đoạn cái gì? Thế nên gọi là không nhơ Ba-la-mật.

Ba-la-mật không sạch cũng như vậy.

Không có phiền não tức là sạch, các phiền não dâm dục, sân nhuế v.v... gọi là ô cấu. Bát-nhã Ba-la-mật ấy, tất cả pháp ô cấu không thể làm ô cấu được. Sáu căn là trú xứ của các phiền não, sáu căn và hết thảy pháp là chỗ các phiền não duyên. Vì trú xứ đều chẳng thể có được nên gọi là chẳng ô cấu Ba-la-mật.

Được Bát-nhã Ba-la-mật ấy, hết thảy ức tưởng phân biệt hý luận đều dứt, nên gọi là chẳng hý luận Ba-la-mật.

Vì hết thảy pháp rốt ráo không, không ức, không niệm tưởng; không ức, không niệm tưởng nên gọi là vô niệm Ba-la-mật.

Bồ-tát an trú pháp tánh, tất cả các luận nghị đều không thắng được. Tất cả kiết sử tà kiến không che lấp được, tất cả pháp vô thường phá hoại, tâm không sanh lo; do các nhân duyên như vậy nên gọi là bất động Ba-la-mật.

Hết thảy pháp đều hư vọng, chẳng phải chỉ ái nhiễm, nên gọi là vô nhiễm Ba-la-mật.

Ức tưởng phân biệt là căn bản của tất cả kiết sử. Kiết sử hay tạo nghiệp đưa đến thân sau, biết được ức tưởng phân biệt là hư vọng, thì tất cả nghiệp đưa đến sanh ra thân sau không còn khởi lên nữa, nên gọi là chẳng khởi Ba-la-mật.

Trong Bát-nhã Ba-la-mật không thủ tướng ba độc tịch diệt, mà hết thảy pháp tướng đều chẳng thể có được. Bát-nhã Ba-la-mật ấy, cho đến

đối với thiện pháp còn không tham, huống gì các tham dục khác.

Phật dạy: Vì dục từ xưa lại đây chẳng thể có được, tham dục hư dối, tự tánh chẳng thể có được, nên gọi là vô dục Ba-la-mật, chứ chẳng phải vì lìa dục nên gọi là vô dục.

Tánh sân nhuế rốt ráo không có nên gọi là vô sân Ba-la-mật, chứ chẳng phải lìa sân nên gọi là vô sân.

Đối với hết thảy pháp, vô minh tối tăm bị phá trừ, nên gọi là vô si Ba-la-mật, chứ chẳng phải diệt si nên gọi là vô si.

Ba-la-mật không có phiền não là vì Bồ-tát được vô sanh pháp nhẫn, nên tất cả phiền não dứt.

Phật dạy: Ức tưởng phân biệt là căn bản của phiền não, ức tưởng phân biệt không có, huống gì phiền não, nên gọi là không phiền não Ba-la-mật.

Bát-nhã hay phá cái điên đảo chấp có chúng sanh đối với không có chúng sanh, nên gọi là không có chúng sanh Ba-la-mật.

Phật dạy: Chúng sanh từ xưa lại đây chẳng sanh, vì không có gì của chính nó, nên gọi là không có chúng sanh.

Ý Tu-bồ-đề cho Bát-nhã dứt được hết thảy pháp hữu lậu, nên gọi là đoạn dứt Ba-la-mật.

Phật dạy: Các pháp chẳng khởi chẳng sanh, không tạo tác, tướng các pháp tự nhiên đoạn, nên gọi là đoạn.

Nhị biên là, ngã và vô ngã, đoạn và vô đoạn, pháp khả đoạn và pháp không khả đoạn, thường và đoạn, có và không, vô lượng nhị biên như vậy. Trong Bát-nhã Ba-la-mật không có các biên ấy nên gọi là không có nhị biên Ba-la-mật.

Phật dạy: Các biên ấy từ xưa lại đây không có, chỉ do điên đảo hư vọng chấp trước. Bồ-tát cầu sự thật, cho nên lìa các bên điên đảo. Bát-nhã Ba-la-mật ấy vì nhất tướng không, nên không thể phá.

Phật dạy: Không chỉ Bát-nhã Ba-la-mật mà tất cả pháp đều không có tướng sai khác nhất định, như quả chẳng lìa nhân, nhân chẳng lìa quả; pháp hữu vi chẳng lìa pháp vô vi, Bát-nhã Ba-la-mật chẳng lìa hết thảy pháp, hết thảy pháp chẳng lìa Bát-nhã Ba-la-mật; thật tướng hết thảy pháp tức là Bát-nhã Ba-la-mật, nên gọi là chẳng phá Ba-la-mật. Phá là các pháp mỗi mỗi lìa tán. Hết thảy pháp có các lỗi thường vô thường v.v... thế nên Bát-nhã Ba-la-mật chẳng thủ hết thảy pháp.

Phật dạy: Hết thảy pháp cho đến pháp xuất thế gian thanh tịnh của Nhị thừa, cũng chẳng thủ, nên gọi là Ba-la-mật chẳng thủ. Phân biệt là tâm sanh ra chấp thủ tướng, vọng tưởng phân biệt, Bát-nhã là thật tướng

nên không có vọng tưởng phân biệt ấy.

Phật dạy: Nhân ức tưởng phân biệt mà phân biệt có không, nay chính ức tưởng phân biệt, từ xưa lại đây không có, nên gọi là không có phân biệt Ba-la-mật.

Bát-nhã Ba-la-mật xuất sanh bổn vô lượng, nên gọi là Ba-la-mật vô lượng.

Lại nữa, rốt ráo không, là được Niết-bàn vô lượng, nên gọi là vô lượng.

Lại nữa, trí tuệ không thể đạt đến bờ mé, nên gọi là vô lượng. Lượng gọi là sáu thức trù lượng. Pháp ấy "không", không có tướng,
không có sanh diệt. Vì sao? Vì vật nhiều mà đồ đo lường nhỏ.

Phật dạy: Chẳng phải chỉ Bát-nhã Ba-la-mật ấy vô lượng mà hết thảy pháp sắc v.v... chẳng thể có được, nên đều vô lượng. Như hư không, không có sắc không có hình, không có làm và việc làm; Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Phật dạy: Chẳng phải chỉ hư không, không có gì của chính nó mà các pháp sắc v.v...cũng đều không có gì của chính nó, nên gọi là hư không Ba-la-mật.

KINH: Bạch đức Thế Tôn! Vô thường Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì hết thảy pháp bị phá hoại.

- Bạch đức Thế Tôn! Khổ Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì hết thảy pháp có tướng bức não.

- Bạch đức Thế Tôn! Vô ngã Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì hết thảy pháp không chấp trước.

- Bạch đức Thế Tôn! "không" Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì hết thảy pháp chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Vô tướng Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì hết thảy pháp chẳng sanh.

- Bạch đức Thế Tôn! Nội không Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì nội không chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Nội ngoại không Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì nội ngoại pháp chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Không không Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì pháp không không chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại không Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì hết thảy pháp chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ nhất nghĩa không Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì Niết-bàn chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Hữu vi không Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Vì pháp hữu vi chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Vô vi không Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì pháp vô vi chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Rốt ráo không Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì các pháp rốt ráo chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Vô thỉ không Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì các pháp vô thỉ chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Tán không Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Vì pháp phân tán chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Tánh không Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì pháp hữu vi vô vi chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Các pháp không Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì hết thảy pháp chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Tự tướng không Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì tự tướng xa lìa.

- Bạch đức Thế Tôn! Vô pháp không Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì vô pháp chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Hữu pháp không Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì hữu pháp chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Vô pháp hữu pháp không Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì vô pháp hữu pháp chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Niệm xứ Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì thân, thọ, tâm, pháp chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Như ý túc Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì bốn Như ý túc chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Căn Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì năm căn chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Lực Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì năm lực chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Giác Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì bảy giác phần chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Đạo Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì tám Thánh đạo phần chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Vô tác Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì vô tác chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! "không" Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì không tướng chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Vô tướng Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì tướng tịch diệt chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Bội xả Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì tám bội xả chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Định Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì chín thứ đệ định chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Thí Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì xan than chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Giới Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì phá giới chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Nhẫn Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì nhẫn không nhẫn chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Tấn Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì giải đãi tinh tấn chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Thiền Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì định và loạn chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì si và tuệ chẳng thể có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Mười lực Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì đạt hết thảy pháp không thể khuất phục.

- Bạch đức Thế Tôn! Bốn điều không sợ Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì hết thảy pháp không có chướng ngại.

- Bạch đức Thế Tôn! Phật pháp Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì vượt qua hết thảy pháp Thanh văn, Duyên giác.

- Bạch đức Thế Tôn! Nói như thật Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì tất cả ngữ ngôn đều như thật.

- Bạch đức Thế Tôn! Tự nhiên Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì đối hết thảy pháp tự tại.

- Bạch đức Thế Tôn! Phật Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Vì biết hết thảy pháp, hết thảy chủng (trong Kinh văn, cuối mỗi lời Phật dạy đều có ghi số thứ tự chữ nhỏ, từ một đến chín mươi câu. Chín mươi câu này theo văn trong Đại Bát Nhã đều ghi ngược lại

như: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật như vậy là tự nhiên Ba-la-mật. Phật dạy: Vì đối hết thảy pháp tự nhiên chuyển nói. Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật như vậy là Chánh đẳng giác Ba-la-mật. Phật dạy: Vì đối với hết thảy pháp hiện chứng được vậy. - N.D).

LUẬN: Trong Bát-nhã Ba-la-mật có thánh hạnh quán vô thường nên gọi là vô thường Ba-la-mật. Phật dạy: Chẳng phải chỉ trong Bát-nhã có vô thường, mà vì quán hết thảy pháp vô thường, nên gọi là vô thường Ba-la-mật.

Hỏi: Từ trước lại đây nói Bát-nhã Ba-la-mật pháp tánh thường trú sao nay nói vô thường?

Đáp: Bát-nhã Ba-la-mật là trí tuệ, quán pháp do nhân duyên hòa hợp sanh, là pháp hữu vi nên vô thường, còn chỗ sở duyên của Bát-nhã Ba-la-mật là như, pháp tánh, thật tế, là pháp vô vi nên thường. Tu-bồ-đề nói hữu vi Bát-nhã nên nói Bát-nhã vô thường.

Hỏi: Nếu như vậy cớ sao Phật nói hết thảy pháp tận là phá hoại vô thường; pháp vô vi không có tướng phá hoại?

Đáp: Hết thảy pháp gọi là sáu căn sáu trần, trong ngoài, đều là pháp tạo tác. Pháp tạo tác nên chắc chắn quy về tướng phá hoại; lìa pháp hữu vi không có pháp vô vi, cũng lại không có tướng pháp, chỉ nhân nôi tướng pháp hữu vi nên nói pháp vô vi chẳng sanh chẳng diệt.

Lại nữa, tất cả pháp hữu vi có hai loại:

1. Danh tự tất cả.
2. Thật tất cả.

Tất cả pháp hữu vi phá hoại nên gọi là tất cả vô thường, khổ v.v... cho đến vô pháp hữu pháp không cũng như vậy.

Tu-bồ-đề nói: Tất cả pháp tướng để tán thán Bát-nhã, Phật nêu tất cả pháp ra đáp. Chánh quán bốn thứ thân, thọ, tâm, pháp từ bốn niệm xứ phát sanh. Bốn niệm xứ là cửa ban đầu của bốn đế; bốn đế là cửa ban đầu của bốn quả Sa-môn. Phân biệt quả A-la-hán, tức là ba thừa. Bốn niệm xứ ở trong Bát-nhã Ba-la-mật mỗi mỗi nói rộng. Phật dạy: Chỗ bốn pháp duyên ấy từ xưa lại đây đều chẳng thể có được, nên gọi là niệm xứ Ba-la-mật. Từ bốn Chánh cần cho đến Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy.

Hỏi: Có thể lấy các pháp khác tán thán Bát-nhã, cớ sao lại lấy Bát-nhã tán thán Bát-nhã?

Đáp: Có hai thứ Bát-nhã:

1. Bát-nhã thường trú riêng biệt.
2. Đi chung với năm Ba-la-mật kia có dùng Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề tán thán Bát-nhã Ba-la-mật hữu dụng, có thể phá vô minh tối tăm, có thể cho trí tuệ chân thật, thế nên Phật nói trong thường trú Bát-nhã Ba-la-mật, si và tuệ chẳng thể có được. Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật ấy, ban đầu được mười lực Bồ-tát, sau được mười lực Phật. Thế nên nói là mười lực Ba-la-mật. Phật dạy: Chẳng phải chỉ mười lực là không thể phá hoại, không thể khuất phục, mà thật tướng tất cả pháp, cũng không thể phá hoại, không thể khuất phục. Ý Phật vì chúng sanh nên nói mười lực, chứ lực Phật vô lượng vô biên. Giống như lực Phật, thật tướng tất cả pháp cũng như vậy, không thể khuất phục, nên gọi là mười lực Ba-la-mật. Bồ-tát được lực Bát-nhã Ba-la-mật ấy, có thể ở trước Phật nói pháp luận nghị, huống gì ở chỗ khác; còn chẳng sợ Ma vương, huống gì ngoại đạo, nên gọi là Ba-la-mật không sợ.

Phật dạy: Đạo chủng trí không thối mất; Đạo chủng trí gọi là pháp nhãn, biết tất cả chúng sanh dùng đạo gì mà được Niết-bàn. Bát-nhã Ba-la-mật tướng thường tịch diệt không thể nói, Bồ-tát ấy dùng Đạo chủng trí, để dẫn đạo chúng sanh, nên ở giữa đại chúng cất tiếng rống sư tử. Đạo chủng trí được tăng ích nên không thối mất, không sợ, không tự kiêu mạn cho ta có pháp ấy, nên gọi là Ba-la-mật không sợ.

Tu-bồ-đề theo Phật nghe pháp, tính Không sợ càng sâu, nên tán thán Bát-nhã Ba-la-mật là vô ngại Ba-la-mật. Phật dạy: Chẳng phải chỉ có bốn vô ngại, mà tất cả pháp vào như như, pháp tánh, thật tế, đều là tướng vô ngại. Bồ-tát nhân nói Bát-nhã Ba-la-mật hay chứa nhóm mười lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi các Phật pháp, nên gọi là Phật pháp Ba-la-mật.

Phật dạy: Pháp Thanh văn hôn pháp phàm phu, pháp Bích-chi Phật hơn pháp Thanh văn, Phật pháp tối thắng hơn hết thảy pháp. Như trong tất cả sắc, hư không là rộng lớn. Phật pháp tối thắng không chi sánh kịp, không thể ví dụ, vượt quá tất cả pháp, nên gọi là Phật pháp Ba-la-mật. Như quá khứ Phật tu sáu Ba-la-mật được tướng Như của các pháp, Phật nay cũng như vậy, tu sáu Ba-la-mật được Phật đạo, nên gọi là Đa-đà-a-già-độ (Tathagatatha) Đa-đà-a-già-độ là Như Lai; hoặc gọi là Nói như thật, hoặc gọi là Biết như thật.

Trong đây Phật dạy chẳng phải chỉ Phật nói, gọi là nói như thật, mà tất cả ngôn ngữ đều là như thật, nên gọi là nói như thật Ba-la-mật.

Bát-nhã Ba-la-mật ấy đầy đủ, thân sau tự nhiên làm Phật, nên gọi là Ba-la-mật tự nhiên. Tự nhiên gọi là Phật, vì Phật nói nên gọi là tự nhiên Ba-la-mật.

Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật thật tướng tự nhiên, chẳng do cái khác

làm ra, nên gọi là tự nhiên.

Phật dạy: Phật được lực tự tại đối với các pháp nên gọi là tự nhiên Ba-la-mật.

Đầy đủ mười địa, được mười lực, bốn điều không sợ, chuyển xe pháp, đánh trống pháp, giác tỉnh chúng sanh đang ngủ trong vô minh, nên gọi là Phật Ba-la-mật.

Phật, là người giác ngộ, người biết, sao vậy? Là chánh tri hết thảy pháp, hết thảy chủng (hành tướng) nên gọi là giác. Tất cả pháp là năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới.

Lại nữa, tất cả pháp là kinh sách ngoại đạo, kỹ thuật, thiền định v.v... lược nói có năm thứ: 1. Pháp phàm phu, 2. Pháp Thanh văn, 3. Pháp Bích-chi Phật, 4. Pháp Bồ-tát, 5. Pháp Phật.

Phật, lược biết có hai tướng: Là tổng tướng và biệt tướng. Lại lấy tướng phân biệt, tướng rốt ráo không mà biết rộng tất cả chủng, tất cả chủng là vô lượng vô biên pháp môn. Vì việc ấy nên gọi là Phật Ba-la-mật, chứ không vì lấy Phật thân gọi là Phật Ba-la-mật, mà chỉ lấy trí nhất thiết chủng.

-oOo-

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 66

GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI LĂM: TÁN THÁN TÍN HẠNH

KINH: Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân nghĩ rằng: Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nào, tai được nghe Bát-nhã Ba-la-mật, thì người ấy đời trước đã làm công đức đối với chư Phật, và đã theo cùng thiện tri thức; huống gì thọ trì, thân cận, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, tu hành đúng như lời nói, nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đã từng thân cận chư Phật nhiều; hoặc được nghe thọ trì, nhớ nghĩ đúng, tu đúng như nói, có thể hỏi có thể đáp, nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, Vì đời trước đã cúng dường thân cận chư Phật nhiều, nên nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu thẳm mà không kinh, không hãi, không sợ, nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, trong vô lượng ức kiếp đã tu Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật. Bấy giờ Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân, nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu thẳm ấy, không kinh, không hãi, không sợ, nghe rồi thọ trì, thân cận tu hành đúng như nói, thì nên biết, thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, như Bồ-tát ma-ha-tát không thối chuyển. Vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Vì Bát-nhã Ba-la-mật ấy rất sâu; nếu đời trước tu Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, không lâu, thì không thể tin hiểu Bát-nhã Ba-la-mật sâu thẳm.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân, hủy báng Bát-nhã Ba-la-mật sâu thẳm, thì nên biết, người ấy đời trước cũng hủy báng Bát-nhã Ba-la-mật sâu thẳm. Vì sao? Vì thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, khi nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật sâu thẳm, không tin không vui, tâm không thanh tịnh, nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đời trước không hỏi không nạn Phật và đệ tử nên như thế nào tu Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật; nên tu như thế nào nội không cho đến nên tu như thế nào vô pháp hữu pháp không; nên tu như thế nào bốn niệm xứ, cho đến nên tu như thế nào tám Thánh đạo phần; nên tu như thế nào mười lực Phật, cho đến nên

tu như thế nào mười tám pháp không chung?

Thích-đề-hoàn-nhân nói với Xá-lợi-phất: Bát-nhã Ba-la-mật sâu thẳm ấy, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân tu Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật không lâu, không tu nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, không tu bốn niệm xứ, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, không tu bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, không tu mười lực Phật cho đến mười tám pháp không chung, thì người ấy không tin không hiểu Bát-nhã Ba-la-mật, có gì đáng quái lạ! Đại đức Xá-lợi-phất! Tôi kính lễ Bát-nhã Ba-la-mật, đảnh lễ Bát-nhã Ba-la-mật là đảnh lễ Nhất thiết trí.

Phật bảo Thích-đề-hoàn-nhân: Đúng vậy, đúng vậy! Kiều-thi-ca! Kính lễ Bát-nhã Ba-la-mật là kính lễ Nhất thiết trí. Vì sao? Kiều-thi-ca! Vì Nhất thiết trí của chư Phật đều từ Bát-nhã Ba-la-mật xuất sanh. Nhất thiết trí là Bát-nhã Ba-la-mật. Vì thế, Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn trụ ở Nhất thiết trí, nên trú ở Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn trú ở Đạo chủng trí, nên tập hành Bát-nhã Ba-la-mật. Muốn dứt tất cả kiết sử và tập khí, nên tập hành Bát-nhã Ba-la-mật. Thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn chuyển pháp luân, nên tập hành Bát-nhã Ba-la-mật. Thiện nam tử thiện nữ nhân, muốn được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, nên tập hành Bát-nhã Ba-la-mật. Muốn được Bích-chi Phật đạo, nên tập hành Bát-nhã Ba-la-mật, muốn giáo hóa chúng sanh làm cho được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, Bích-chi Phật đạo, nên tập hành Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu thiện nam tử thiện nữ nhân muốn giáo hóa chúng sanh làm cho được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, hoặc muốn thống nhiếp Tỳ-kheo tăng, nên tập hành Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Thích-đề-hoàn-nhân là vua các trời, trí tuệ lợi căn vượt trội. Vì tin Phật pháp, lại tăng ích gấp bội, như lửa gặp gió, lại càng cháy bừng. Nghe Tu-bồ-đề dùng các nhân duyên khen ngợi Bát-nhã Ba-la-mật, Phật lấy lẽ sâu xa tán thành lời khen ngợi ấy. Đế-thích phát tâm hy hữu nghĩ rằng: Nếu thiện nam tử thiện nữ nhân, tai được nghe kinh Bát-nhã, là người ở đời trước đã cúng dường nhiều chư Phật, làm công đức lớn, nên đời nay gặp được thầy tốt, thiện tri thức đồng học, nhân đời trước cúng dường Phật, duyên đời nay gặp thiện tri thức, nên nghe Bát-nhã Ba-la-mật thì tin được, huống gì còn đọc tụng, suy nghĩ, nhớ nghĩ đúng, tu tập thiền định, trù lượng phân biệt nghĩa lý ý thú, hay thành tựu sự việc. nên biết người ấy, từ nơi chư Phật và đệ tử quá khứ, nghe nghĩa lý Bát-nhã Ba-la-mật liền tín thọ, không hãi, không sợ. Vì sao? Vì người ấy từng trong vô

lượng vô số kiếp tu các công đức sáu Ba-la-mật v.v... cho nên tuy chưa đến địa vị bất thối chuyển, mà đối với thâm pháp chẳng nghi chẳng hối, thí như lông nhỏ khô mới mọc trên ngón tay cái, theo gió thổi qua lại đông tây, còn lông ướt dây thừng cứng thì không lay động. Bồ-tát mới phát tâm cũng như thế, tu đức chẳng lâu, làm phước cạn mỏng, nghe theo lời người khác, không thể tín thọ Bát-nhã Ba-la-mật; nếu tu phước đức lâu, không nghe theo lời người khác, thì có thể tín thọ Bát-nhã Ba-la-mật sâu thẳm, không kinh, không sợ.

Trong khi Đế-thích tư duy niệm tưởng Bát-nhã Ba-la-mật có vô lượng công đức, Xá-lợi-phất biết tâm niệm của Đế-thích nên bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử thiện nữ nhân, tuy chưa vào Bồ-tát vị, mà có thể tín thọ Bát-nhã Ba-la-mật sâu thẳm, không kinh, không sợ, làm đúng như lời nói, ấy là người có phước đức, trí tuệ, tín lực lớn, nên biết như địa vị bất thối chuyển không khác.

Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu, không có tướng có thể thủ, có thể tin, có thể thọ, nếu tín thọ được, đó là hy hữu, như người trồng cây giữa không, là việc rất khó.

Tất cả phàm phu khi được pháp thù thắng thì bỏ việc cũ, như được cái vui thiền định liền bỏ cái vui ngũ dục. Cho đến nương chỗ Hữu đảnh bỏ công đức ở chỗ Vô Sở hữu, không thể không có nôi nương tựa mà có việc bỏ được, như con sâu đo tìm cành, đặt chân trước mới tiến bước chân sau, tận cùng mút cành, không còn chỗ nương tựa, mới trở lui chỗ cũ. Bồ-tát ấy chưa đắc đạo, đối với Bát-nhã Ba-la-mật không có chỗ nương tựa, mà có thể tu phước đức, bỏ năm dục, việc ấy hy hữu! Trong đây nói về nhân duyên là người ấy đời trước đã tín thọ, tu lâu sáu Ba-la-mật, nhóm nhiều các phước đức. Trái với tín thọ là hủy báng Bát-nhã. Như người có phước đức sâu dày, là do tích tập lâu ngày, người không tin mà hủy báng cũng do tập quen lâu ngày.

Hỏi: Nếu đời trước chê bai hủy báng, thì đáng đọa địa ngục, cớ gì lại được nghe Bát-nhã?

Đáp: Có người nói, người ấy tội đọa địa ngục đã hết, trở lại hủy báng, chứ không nói về thân kế tiếp sau.

Có người nói: Gây nghiệp tích chứa sâu nặng, thì mới đưa đến quả báo, còn người này đời trước, tuy chẳng tin, mà tích chứa nghiệp chưa dày, thì chưa chịu quả báo; nhờ phước đức dư thừa được sanh trong loài người, tiếp tục lại không tin.

Lại nữa, có người nói, tội ngũ nghịch, thân kế tiếp mới chắc chắn thọ báo, còn tội khác thì không như vậy, hoặc thân kế tiếp, hoặc thân lâu

sau nữa.

Khi ấy, Đế-thích nói với Xá-lợi-phất: Bát-nhã Ba-la-mật ấy rốt ráo không, không có gì của chính nó, nên rất sâu. Bồ-tát không tu công đức lâu, thì tâm nhiễm trước kiên cố , sức tin nhỏ yếu, nên chẳng tin Bát-nhã Ba-la-mật cho đến Nhất thiết trí, thì đâu đủ cho là quái lạ.

Đế-thích suy nghĩ trù lượng rằng: Tin Bát-nhã Ba-la-mật, phước đức vô lượng, chẳng tin mắc tội rất nặng, người thâm ái Bát-nhã Ba-la-mật nên phát ra lời rằng: Tôi sẽ kính lễ Bát-nhã. Vì sao? Vì kính lễ Bát-nhã Ba-la-mật, là kính lễ Nhất thiết trí, kính lễ Nhất thiết trí là kính lễ ba đời mười phương Phật.

Khi ấy, Phật nhận lời kia, và nói nhân duyên tán thán Ba-la-mật, là tất cả trí tuệ của chư Phật đều từ trong Bát-nhã xuất sanh, thế nên nói: Nếu có Bồ-tát muốn trụ trong Nhất thiết trí cho đến thống nhiếp Tỳ-kheo tăng, thì nên tập hành Bát-nhã Ba-la-mật.

KINH: Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Khi Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, thì thế nào là trú Bát-nhã Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật? Thế nào là trú nội không cho đến vô pháp hữu pháp không? Thế nào là trú bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông? Thế nào là trú bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần? Thế nào là trú Phật mười lực cho đến tám pháp không chung?

Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát làm sao tu hành Bát-nhã Ba-la-mật cho đến Thí Ba-la-mật, nội không cho đến mười tám pháp không chung?

Phật dạy Thích-đề-hoàn-nhân: Lành thay, lành thay! Kiều-thi-ca! Người hỏi được việc ấy, đều là do thần lực Phật. Kiều-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, nếu không trụ sắc là tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, nếu không trụ thọ, tưởng, hành, thức là tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không trụ mắt, tai, mũi, thân, ý, sắc, tiếng, mùi, vị, xúc, pháp, nhãn giới, cho đến ý thức giới, cũng như vậy.

Kiều-thi-ca! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát không trú Bát-nhã Ba-la-mật là tập hành Bát-nhã Ba-la-mật, không trú Thiền Ba-la-mật là tập hành Bát-nhã Ba-la-mật, không trú Tấn Ba-la-mật là tập hành Bát-nhã Ba-la-mật, không trú Nhẫn Ba-la-mật là tập hành Bát-nhã Ba-la-mật, không trú Giới Ba-la-mật là tập hành Bát-nhã Ba-la-mật, không trú Thí Ba-la-mật là tập hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Như vậy, Kiều-thi-ca! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát không trú Bát-nhã Ba-la-mật là tập hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Kiều-thi-ca! Không trú nội không là tập hành nội không cho đến không trú vô pháp hữu pháp không là tập hành vô pháp hữu pháp không, không trú bốn thiền là tập hành bốn thiền, không trú bốn tâm vô lượng là tập hành bốn tâm vô lượng, không trú bốn định vô sắc là tập hành bốn định vô sắc, không trú năm thần thông là tập hành năm thần thông, không trú bốn niệm xứ là tập hành bốn niệm xứ, cho đến không trú tám Thánh đạo phần là tập hành tám Thánh đạo phần, không trú mười lực Phật là tập hành mười lực Phật, cho đến không trú mười tám pháp không chung là tập hành mười tám pháp không chung. Vì sao? Kiều-thi-ca! Vì Bồ-tát đối với sắc không có được chỗ khả trú, khả tập, cho đến mười tám pháp không chung, không có được chỗ khả trú khả tập nôi mười tám pháp không chung.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát không tập hành sắc, nếu không tập hành sắc, ấy gọi là tập hành sắc; thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung, cũng như vậy. Vì sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát ấy quán sắc quá khứ chẳng thể có được, hiện tại chẳng thể có được, vị lai chẳng thể có được; cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật ấy rất sâu.

Phật dạy: Sắc chân như rất sâu nên Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu; thọ, tưởng, hành, thức chân như rất sâu, cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Xá-lợi-phất thưa: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật ấy khó có thể trắc lượng.

Phật dạy: Sắc khó có thể trắc lượng nên Bát-nhã Ba-la-mật khó có thể trắc lượng; thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung khó có thể trắc lượng, nên Bát-nhã Ba-la-mật khó có thể trắc lượng.
Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật ấy vô lượng.

Phật dạy: VÌ sắc vô lượng nên Bát-nhã Ba-la-mật ấy vô lượng, vì thọ, tưởng, hành, thức vô lượng cho đến mười tám pháp không chung vô lượng nên Bát-nhã Ba-la-mật vô lượng.

Phật bảo Xá-lợi-phất: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không tập hành sắc sâu xa là tập hành Bát-nhã Ba-la-mật; không tập hành thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung sâu xa là tập hành Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì tướng sâu xa của sắc (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Sắc tánh - N.D) chẳng phải sắc; tướng sâu xa của thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung, chẳng phải mười tám pháp không chung, như vậy không tập hành, là tập hành Bát-nhã Ba-

la-mật.

Xá-lợi-phất! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi tập hành Bát-nhã Ba-la-mật, không tập hành sắc khó trắc lượng là tập hành Bát-nhã Ba-la-mật; không tập hành thọ, tưởng, hành, thức cho đến không tập hành mười tám pháp không chung khó trắc lượng là tập hành Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì tướng sắc khó trắc lượng thì chẳng phải sắc; tướng thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung khó trắc lượng thì chẳng phải mười tám pháp không chung.

Xá-lợi phất! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi tập hành Bát-nhã Ba-la-mật, không tập hành sắc vô lượng là tập hành Bát-nhã Ba-la-mật, không tập hành thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung vô lượng là tập hành Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì tướng sắc vô lượng thì chẳng phải sắc; tướng thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung vô lượng là chẳng phải mười tám pháp không chung.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật ấy rất sâu khó thấy khó hiểu, không thể nghĩ lường, không nên nói ở trước Bồ-tát mới phát tâm. Vì sao? Vì Bồ-tát mới phát tâm, nghe Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu ấy, hoặc sẽ kinh sợ, tâm sanh nghi hối, chẳng tin chẳng hành Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu ấy, nên nói ở trước Bồ-tát ma-ha-tát ở địa vị bất thối. Bồ-tát này nghe Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu ấy, không kinh, không Sợ, tâm không nghi hối, thì tin tu được.

Thích-đề-hoàn-nhân hỏi Xá-lợi-phất: Nếu ở trước Bồ-tát ma-ha-tát mới phát tâm nói Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu ấy, có những lỗi gì?

Xá-lợi-phất đáp Thích-đề-hoàn-nhân: Kiều-thi-ca! Nếu ở trước Bồ-tát mới phát tâm, nói Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu ấy, hoặc có thể sẽ kinh sợ, chê bai, không tin. Nếu Bồ-tát mới phát tâm nghe Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu, hủy báng không tin, gieo ba nghiệp ác đạo, thì do nghiệp ấy, rất lâu khó được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

LUẬN: Bấy giờ, Đế-thích theo Phật nghe tán thán Bát-nhã Ba-la-mật đầy đủ, nên nay hỏi Phật: Bồ-tát làm thế nào trú Bát-nhã Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật cho đến mười tám pháp không chung.

Phật tán thán: Lành thay! Lành thay! Vì Thích-đề-hoàn-nhân là vua trong chư thiên, nói chắc chắn đáng tin. Hỏi việc ấy, dứt nghi cho đại chúng, thông suốt vô ngại, được lợi ích lớn, nên nói: "Lành thay! Lành thay!".

Lại nữa, Phật cho rằng Đế-thích có thể bỏ được năm dục thượng diệu, cung điện bảy báu, có thể hỏi việc làm của Phật Hiền Thánh, thế nên nói: "Lành thay!" Do thần lực Phật nên ông có thể hỏi được việc ấy. Trong

đây còn có chư thiên thượng diệu, xem Phật có thần đức vô lượng, mà nay Đế-thích ở giữa đại chúng hỏi được việc Phật, ấy là do oai thần của Phật. Như trong kinh Trì Tâm nói: Khi ánh sáng Phật nhập vào thân thì có thể hỏi việc Phật.

Phật đáp: Kiều-thi-ca! Nếu Bồ-tát không trú sắc v.v... ấy là tập hành Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát ấy thấy sắc có các tội lỗi vô thường, khổ v.v... nên không trú sắc, nếu không trú sắc tức là có thể tập hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Người phàm phu hễ thấy sắc thì đắm sắc, khởi phiền não điên đảo, mất đạo Bát-nhã Ba-la-mật ấy. Vì vậy nên không trú, mới có thể tập hành Bát-nhã Ba-la-mật. Đối với năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới cũng như vậy.

Hỏi: Cớ gì mỗi mỗi tự tập hành không trú sáu Ba-la-mật?

Đáp: Sáu Ba-la-mật v.v... đều là pháp lành, pháp tu. Vì vậy nên nói mỗi mỗi tập hành không trú sáu Ba-la-mật v.v..., không trú năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, là tập hành Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu đối với các pháp ấy không trú trước, thì dứt ái trước, Vì dứt ái trước nên tập hành thanh tịnh đối với các pháp sắc v.v...

Trong đây nói nhân duyên không trú trước: vì không có được chỗ trú của sắc pháp v.v..., không có được chỗ tập hành của sắc pháp v.v... Lại nữa, Phật cho việc ấy khó hiểu khó tin nên lại nói nhân duyên: Không tập hành sắc là Bồ-tát thấy tội lỗi của sắc cho nên không trú sắc, không trú nên không tập.

Tập sắc gọi là chấp thủ tướng sắc hoặc thường hoặc vô thường v.v...

Lại nữa, Bồ-tát thường tu thiện pháp, chứa nhóm, tập luyện, thuần hậu chánh ngữ, chánh nghiệp v.v... nên gọi là tập sắc. Nay Bồ-tát muốn tập hành Bát-nhã nên tán hoại sắc ấy, không tập. Vì sao? Vì sắc quá khứ đã diệt, sắc vị lai chưa có, nên không thể tập. Còn sắc hiện tại sanh ra liền diệt không ngưng trụ; nếu nó ngưng trụ được một niệm còn không tập, huống gì niệm niệm diệt. Thế nên trong đây nói lý do việc không tập sắc, là vì sắc ba đời chẳng thể có được. (Tích tập, học đi, học lại, làm đi làm lại mãi gọi là tập - N.D). Cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Nếu quán các pháp được như vậy, tán hoại chẳng thủ tướng, ấy gọi là tập sắc v.v..., tập thật tướng của các pháp sắc v.v...

Bấy giờ, Xá-lợi-phất theo Phật được nghe nghĩa ấy rất hoan hỷ, thâm nhập không trí, bạch Phật rằng: Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu. Phật nhận lời tán thán đó. Vì các pháp "Sắc như" v.v... nên rất sâu.

Phật dạy: Không chỉ mắt thấy sâu, mà lấy Bát-nhã Ba-la-mật phân biệt sắc vào như thật nên rất sâu. Như nước mưa từng giọt, không gọi rất sâu, hợp các dòng vào biển lớn mới gọi là rất sâu. Sắc v.v... cũng như vậy, mắt trời, mắt thịt thấy cạn mà chẳng sâu, nếu lấy mắt tuệ xem, thì sâu không thể lường, rất sâu nên khó thể trắc lượng, chỉ có chư Phật mới thấy tận đáy nó. Rất sâu không thể trắc lượng nên gọi là vô lượng. Không có trí tuệ nhận biết được thật tướng của sắc v.v... Vì có tội lỗi trù lượng sắc hoặc thường hoặc vô thường.

Khi ấy Xá-lợi-phất và các thính giả, nghĩ rằng: Bát-nhã Ba-la-mật không thể trắc lượng, không có lượng, Bồ-tát sẽ tập hành làm sao? Phật biết ý nghĩ ấy, nên bảo Xá-lợi-phất rằng: Bồ-tát ma-ha-tát nếu tập hành sắc v.v... rất sâu, thì mất Bát-nhã Ba-la-mật; nếu không tập hành sắc rất sâu ấy thì được Bát-nhã Ba-la-mật. Kẻ phàm phu độn căn nên nói rất sâu, nếu người có nhất tâm, phước đức, lợi căn, là chẳng phải rất sâu, thí như nước sâu cạn không nhất định, đối với tiểu nhi là sâu, đối người lớn là cạn cho đến như biển lớn, đối người là sâu, đối với vua A-tu-la La-hầu là cạn. Như vậy, đối với phàm phu, người mới phát tâm, người giải đãi là rất sâu, còn đối với bậc bất thối chứa đức lâu ngày thời cạn. Chư Phật như vua A-tu-la La-hầu, đối hết thảy pháp không có sâu, vì được giải thoát vô ngại. Vì thế nên biết vì chúng sanh, vì thời tiết, căn lợi độn, mới tu, tu lâu, giải đãi, tinh tấn nên phân biệt nói sâu cạn. Không thể trắc lượng, không có lượng, cũng như vậy.

Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Sắc v.v... tướng rất sâu là chẳng phải sắc. Vì sao? Vì tâm sợ hãi, thối thất, nghi hối, nên cho sắc là rất sâu, sắc tướng thì không có sâu, như trước nói.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật ấy rất sâu, tướng rất sâu khó thấy khó hiểu.

Hỏi: Trên kia nói Bồ-tát không tập hành rất sâu, là tập hành Bát-nhã Ba-la-mật, sao nay Xá-lợi-phất lại nói rất sâu?

Đáp: Chẳng phải Xá-lợi-phất định tâm nói rất sâu, nắm được ý thú Phật, vì người khác nên nói rất sâu, thế nên trong đây nói: "Bạch đức Thế Tôn! Không nên ở trước Bồ-tát mới phát tâm nói Bát-nhã Ba-la-mật"; Bồ-tát tân học nghe trí tuệ rất sâu ấy thì tâm họ thối mất, nên nói ở trước Bồ-tát bất t hối, vì Bồ-tát bất thối có trí tuệ sâu nên tin chứ không thối mất, thí như chỗ nước sâu không nên bảo tiểu nhi lội qua, chỉ nên bảo người lớn lội qua.

Đế-thích hỏi Xá-lợi-phất: Nếu nói cho Bồ-tát mới phát tâm, có những lỗi gì?

Xá-lợi-phất đáp: Người mới phát tâm thì không tin, tâm thối mất, tâm thối mất nên sanh nghi hối, hãi sợ: "Nếu thọ học pháp nhất thiết không, sao ta sẽ phải rơi vào đoạn diệt? Nếu không thọ học, thế thì lời Phật dạy, sao ta có thể không thọ học?" Thế nên sợ hãi, sanh nghi hối. Nếu tâm định thì sanh ác tà kiến hủy báng. Quả báo hủy báng như thế nào, như đã nói trong phẩm địa ngục. Trong đây kinh lược nói gieo nghiệp nhân về ba ác đạo thì rất lâu khó được Vô thượng đạo.

KINH: Thích-đề-hoàn-nhân hỏi Xá lợi phất: Có chăng Bồ-tát ma-ha-tát chưa được thọ ký, mà nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu thẳm, không kinh, không sợ ư?

Xá-lợi-phất đáp: Đúng vậy, Kiều-thi-ca! Nếu có Bồ-tát ma-ha-tát nghe Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu không kinh, không sợ, nên biết Bồ-tát ấy, không bao lâu, sẽ gặp không quá một hai đức Phật, là được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Phật bảo Xá-lợi-phất: Đúng vậy, đúng vậy! Bồ-tát ma-ha-tát ấy phát tâm tu sáu Ba-la-mật lâu ngày, cúng dường nhiều đức Phật, nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa ấy không kinh, không sợ, nghe liền thọ trì, tu hành như lời Bát-nhã Ba-la-mật nói.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Con muốn nói thí dụ: Như thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Bồ-tát đạo mà ở trong lúc mộng tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, vào thiền định, siêng tinh tấn, đầy đủ nhẫn nhục, thủ hộ giới, hành bố thí, tu hành nội không, ngoại không, cho đến ngồi đạo tràng; thì nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy còn gần Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, huống gì Bồ-tát ma-ha-tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, mà trong lúc tỉnh thức tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, vào thiền định, siêng tinh tấn, đầy đủ nhẫn nhục, thủ hộ giới, hành bố thí, lại không chóng thành Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, ngồi đạo tràng.

Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, thiện căn thành tựu, được nghe Bát-nhã Ba-la-mật, thọ trì cho đến tu hành đúng như nói; nên biết Bồ-tát ma-ha-tát ấy, phát tâm trồng căn lành đã lâu, cúng dường nhiều đức Phật, theo cùng thiện tri thức, người ấy có thể thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật cho đến nhớ nghĩ đúng. Nên biết người ấy gần được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy như Bồ-tát ma-ha-tát ở địa vị bất thối, không động chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề; có thể được Bát-nhã Ba-la-mật sâu thẳm. Được rồi thọ trì, đọc tụng, cho đến nhớ nghĩ đúng.

Bạch đức Thế Tôn! Thí như người muốn đi qua một trăm do tuần,

hoặc hai trăm, ba trăm, bốn trăm do tuần, trải qua đồng vắng đường hiểm, đầu tiên trông thấy các tướng người chăn trâu, cương giới, vườn rừng, thấy các tướng như vậy nên biết sắp đến thành ấp làng xóm. Người ấy thấy tướng kia liền nghĩ rằng: Như tướng ta thấy đó, nên biết thành ấp lang xóm không còn xa, tâm được yên vui, không sợ nạn giặc, trùng dữ, đói khát. Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát cũng như vậy, nếu được Bát-nhã Ba-la-mật sâu thẳm này, thọ trì, đọc tụng, cho đến nhớ nghĩ đúng, nên biết đã gần được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề không lâu. Nên biết Bồ-tát ma-ha-tát ấy, không phải sợ đọa vào địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật. Các tướng thấy trước ấy, đó là Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu, được nghe, được thấy, được thọ trì, cho nên nhớ nghĩ đúng.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

Đúng vậy, đúng vậy! Ông muốn nói nữa, cứ nói.

Bạch đức Thế Tôn! Thí như người muốn thấy biết biển lớn, phát tâm đi đến, chẳng thấy tướng cây, chẳng thấy tướng núi, người ấy tuy chưa thấy biển lớn, song biết biển lớn không còn xa. Vì sao? Vì biển lớn ở chỗ bằng phẳng không có tướng cây tướng núi. Như vậy, bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát nếu nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu thẳm, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng, tuy chưa ở trước Phật được thọ ký kiếp số hoặc trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp, trăm ngàn ức kiếp thành Vô thượng đạo, song Bồ-tát đã tự biết gần được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Vì sao? Vì đã được nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu thẳm, thọ trì, đọc tụng, cho đến nhớ nghĩ đúng.

Bạch đức Thế Tôn! Thí như đầu xuân, các lá cũ trên cây đã rụng, nên biết cây ấy sắp có lá hoa quả mới, trổ ra không lâu. Vì sao? Vì thấy tướng khởi đầu của cây ấy, nên biết không lâu lá hoa quả sẽ trổ ra. Khi ấy người cõi Diêm-phù-đề thấy tướng khởi đầu của cây, đều rất hoan hỷ.

Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát được nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu thẳm, thọ trì, đọc tụng, cho đến nhớ nghĩ đúng, tu hành đúng như nói, nên biết Bồ-tát ấy, căn lành thành thục, cúng dường nhiều đức Phật. Bồ-tát ấy nên nghĩ rằng: Thiện căn đời trước theo đuổi tới Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, do nhân duyên ấy nên được thấy được nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu thẳm, thọ trì, đọc tụng, cho đến nhớ nghĩ đúng, tu hành đúng như nói. Trong đây các thiên tử từng thấy Phật, vui mừng nhảy nhót nghĩ rằng: Trước đây các Bồ-tát ma-ha-tát cũng có thấy các tướng trước khi được thọ ký như vậy, nay Bồ-tát ma-ha-tát này cũng sẽ được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề không lâu.

Bạch đức Thế Tôn! Thí như người mẹ mang thai, thân thể nặng nề

khổ sở, đi bước không tiện, đứng ngồi không yên, ngủ ăn giảm ít, không ưa nói năng, chán việc đã quen, chịu đủ thống khổ. Có người mẹ khác thấy tướng hiện ra trước ấy, biết người kia gần sanh. Bồ-tát ma-ha-tát cũng như vậy, trồng căn lành cúng dường nhiều đức Phật, tu lâu sáu Ba-la-mật, theo cùng thiện tri thức, căn lành thành tựu, được nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu thẳm, thọ trì, đọc tụng, cho đến nhớ nghĩ đúng, tu hành đúng như nói. Các người cũng biết Bồ-tát ma-ha-tát ấy gần được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề không lâu.

Phật bảo Xá-lợi-phất: Lành thay, lành thay! Ông vui nói được, đều nhờ lực Phật.

Khi ấy Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Hy hữu! Bạch đức Thế Tôn! Các đấng Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, khéo phú chúc việc các Bồ-tát ma-ha-tát.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Các Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, an ổn nhiều chúng sanh, làm cho vô lượng chúng sanh được vui, vì thương xót đem an vui lợi ích cho chư thiên nhân loại. Các Bồ-tát ấy khi tu Bồ-tát đạo, lấy bốn việc thu nhiếp vô lượng trăm ngàn chúng sanh, đó là bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, cũng lấy mười thiện đạo thành tựu chúng sanh, tự tu Sô thiền cũng dạy người khác tu Sơ thiền, cho đến tự tu định Phi hữu tưởng Phi vô tưởng xứ, cũng dạy người tu định Phi hữu tưởng, Phi vô tưởng xứ. Tự tu Thí Ba-la-mật cũng dạy người tu Thí Ba-la-mật, tự tu Giới Ba-la-mật cũng dạy người tu Giới Ba-la-mật, tự tu Nhẫn Ba-la-mật cũng dạy người tu Nhẫn Ba-la-mật, tự tu Tấn Ba-la-mật cũng dạy người tu Tấn Ba-la-mật, tự tu Thiền Ba-la-mật cũng dạy người tu Thiền Ba-la-mật, tự tu Bát-nhã Ba-la-mật cũng dạy người tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Bồ-tát ấy được Bát-nhã Ba-la-mật dùng sức phương tiện dạy chúng sanh khiến được quả Tu-đà-hoàn, mà tự mình không chứng; dạy chúng sanh khiến được Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, mà tự mình không chứng; dạy chúng sanh khiến được Bích-chi Phật đạo, mà tự mình không chứng; tự mình tu sáu Ba-la-mật, cũng dạy vô lượng trăm ngàn vạn các Bồ-tát, khiến tu sáu Ba-la-mật; tự mình trú địa vị bất t hối, cũng dạy người trú địa vị bất t hối; tự mình nghiêm tịnh cõi Phật, cũng dạy người nghiêm tịnh cõi Phật; tự thành tựu tuệ giác cho chúng sanh cũng dạy người thành tựu tuệ giác cho chúng sanh; tự mình được Bồ-tát thần thông cũng dạy người khiến được Bồ-tát thần thông; tự mình nghiêm tịnh môn Đà-la-ni cũng dạy người nghiêm tịnh môn Đà-la-ni; tự đầy đủ biện tài vui nói cũng dạy người đầy đủ biện tài vui nói; tự nhiếp thọ sắc thân thành tựu,

cũng dạy người khiến nhiếp thọ sắc thân thành tựu; tự thành tựu Ba mươi hai tướng cũng dạy người thành tựu Ba mươi hai tướng; tự thành tựu đồng chân địa cũng dạy người thành tựu đồng chân địa; tự thành tựu mười lực Phật cũng dạy người khiến tự thành tựu mười lực Phật; tự tu bốn điều không sợ cũng dạy người tu bốn điều không sợ; tự tu mười tám pháp không chung cũng dạy người tu mười tám pháp không chung; tự tu đại từ đại bi cũng dạy người tu đại từ đại bi; tự được trí nhất thiết chủng cũng dạy người khiến được trí nhất thiết chủng; tự lìa hết thảy phiền não và tập khí cũng dạy người lìa hết thảy phiền não và tập khí; tự chuyển pháp luân cũng dạy người chuyển pháp luân.

LUẬN: Khi ấy Đế-thích hỏi Xá-lợi-phất: Có chăng có vị Bồ-tát chưa được thọ ký mà nghe Bát-nhã sâu thẳm ấy, không kinh không sợ?

Xá-lợi-phất đáp: Không có người không được thọ ký nghe Bát-nhã mà có thể tin, nếu người có thể tin, nên biết người ấy sắp được thọ ký, chẳng qua gặp một đức Phật hai đức Phật liền được thọ ký.

Phật hứa khả lời Xá-lợi-phất nói.

Xá-lợi-phất nghe Phật hứa khả lời mình nói, tâm rất hoan hỷ, lại muốn việc ấy được rõ ràng hôn nên nói thí dụ rằng: Tâm trong mộng bị sức ngủ che lấp, chẳng phải chân tâm làm; nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân ở trong mộng phát tâm tu sáu Ba-la-mật, cho đến ngồi đạo tràng, nên biết người ấy phước đức nhỏ, còn gần được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, huống gì Bồ-tát ma-ha-tát trong khi thức, thật phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, tu sáu Ba-la-mật mà không gần được thọ ký.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu người qua lại trong sáu đường sanh tử, hoặc lúc được nghe Bát-nhã Ba-la-mật, thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, thì biết chắc người ấy không lâu sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, như cá nuốt lưỡi câu, tuy còn bôi lội trong ao, nên biết nó ra ngoài ao không lâu. Hành giả cũng như vậy, tin sâu vào Bát-nhã Ba-la-mật, không còn ở lâu trong sanh tử. Trong đây Xá-lợi-phất tự nói thí dụ: Người muốn đi qua đường hiểm. Đường hiểm tức là thế gian. Trăm do tuần tức là cõi Dục. Hai trăm do tuần là cõi Sắc. Ba trăm do tuần là cõi Vô sắc. Bốn trăm do tuần là Thanh văn, Bích-chi Phật đạo.

Lại nữa, bốn trăm do tuần là cõi Dục; ba trăm do tuần là cõi Sắc; hai trăm do tuần là cõi Vô sắc; một trăm do tuần là Thanh văn, Bích-chi Phật.

Muốn ra là, người tín thọ tu hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Trước thấy tướng các pháp là, thấy đại Bồ-tát bỏ cái dục lạc thế gian, thâm tâm vui Bát-nhã Ba-la-mật.

Thấy cương giới là, phân biệt các pháp đây là pháp Thanh văn, đây

là pháp Bích-chi Phật, đây là pháp Đại thừa; như vậy lợi ích nhỏ là Thanh văn, lợi ích lớn là Bồ-tát. Cõi ma là sanh tử, cõi Phật là Bát-nhã Ba-la-mật, nơi cam lộ vị bất tử.

Thấy vườn rừng là, các cái vui thiền định, trí tuệ Phật đạo; vô lượng tướng thiện pháp như vậy.

Thấy xóm làng là nhu thuận pháp nhẫn; ấp là vô sanh pháp nhẫn; thành là Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Được an ổn là, Bồ-tát nghe pháp ấy tư duy trù lượng, tu hành, ta được pháp ấy tâm an ổn, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Giặc là, sáu mươi hai tà kiến chấp ngã v.v...

Trùng dữ là, các phiền não tham ái, sân nhuế v.v...

Không sợ giặc là, người không tìm được thuận tiện để phá.

Không sợ trùng dữ là, phi nhân không tìm được thuận tiện để phá. Không sợ đói là, không sợ không thể được chân trí tuệ thánh nhân.

Không sợ khát là, không sợ không thể được vị pháp lạc của thiền định, giải thoát v.v...

Trong đây tự nói nhân duyên: Bồ-tát ma-ha-tát thấy được tướng đầu tiên, biết không bao lâu sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, không sợ đọa vào đường ác, đói khát chết, không sợ rơi vào địa vị Thanh văn, Bích-chi-Phật.

Phật chấp nhận ví dụ ấy, lấy thô dụ tế, lấy thế gian dụ xuất thế gian.

Còn ba thí dụ kia cũng nên phân biệt nói như trên.

Nước biển lớn là dụ Vô thượng đạo, đất bằng phẳng không có cây núi là dụ quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật.

Trái cây là, dụ Vô thượng đạo, hoa cây là dụ địa vị bất thối.

Đầu xuân lá cũ rụng lại sanh lá mới là dụ các phiền não tà kiến, nghi v.v... dứt; có thể được kinh quyển Bát-nhã Ba-la-mật.

Người mẹ là dụ hành giả; thân trong bào thai là dụ Vô thượng đạo. Tướng sắp sinh là dụ Bồ-tát tu tập Bát-nhã Ba-la-mật lâu ngày.

Chán điều đã tập quen là dụ sợ cái vui dâm dục của thế gian, không còn ưa đắm.

Phật khen lời nói kia: Lành thay!

Khi ấy Tu-bồ-đề nghe Xá-lợi-phất nói được Phật nhận, khen "lành thay", biết ý Phật kính niệm sâu xa Bồ-tát ấy, cho nên bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Rất là hy hữu, khéo phó chúc việc Bồ-tát.

Việc Bồ-tát là, "không" đạo, phước đức đạo, cũng như Phật nói có tổng tướng biệt tướng để ký thác cho A-nan, Di-lặc v.v... sau khi Phật vào Vô dư Niết-bàn, khéo tự phụng hành, dạy bảo chỉ bày, lợi ích chúng sanh,

không để cho sai lầm.

Phật nói nhân duyên khéo phó chúc là, các Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

An ổn nhiều chúng sanh là, trong chúng sanh có vô lượng vô biên vô số, trừ Phật không ai tính biết được.

Người theo Phật, được lợi ích là, không thể đếm biết, gọi là nhiều.

An ổn là, đối với chúng sanh chấp thường thì dạy vô thường, người đắm vui thì dạy về khổ, người chấp thật thì dạy về không, người chấp ngã thì dạy về vô ngã, như vậy gọi là an ổn.

Người phàm phu nghe vậy, đương thời tuy không vui mừng, nhưng lâu dài dứt các phiền não, được cái vui an ổn. Như uống thuốc đắng, đương thời tuy khổ, về sau trừ được bệnh.

Vô lượng chúng sanh được vui là, Bồ-tát cầu Bát-nhã Ba-la-mật khi chưa được thành tựu, vẫn lấy cái vui đời này đời sau làm lợi ích chúng sanh. Như trong kinh Bồ-tát Bản sanh nói: Nếu được Bát-nhã Ba-la-mật, đã diệt các phiền não, cũng lấy cái vui thế gian, vui xuất thế gian làm lợi ích chúng sanh. nếu khi được Vô thượng đạo, thì chỉ lấy cái vui xuất thế gian làm lợi ích chúng sanh.

An vui lợi ích là, chỉ lấy lòng thương xót; an vui lợi ích là lợi ích nhiều cho hàng thiên nhân. Trong các đạo khác vì lợi ích ít nên không nói.

Việc lợi ích là, bốn nhiếp pháp. Lấy tài thí, pháp thí nhiếp thủ chúng sanh.

Ái ngữ có hai:

1. Ái ngữ theo ý.
2. Là người tùy ý người ưa pháp gì nói cho pháp ấy.

Bồ-tát chưa đắc đạo, vì thương xót chúng sanh, tự phá kiêu mạn, tùy ý thuyết pháp. Nếu đã đắc đạo, thì tùy theo pháp có thể độ mà nói. Đối với người giàu tâm cao ngạo, thì khen việc bố thí, rằng người ấy có thể được tài vật, danh tiếng, phước đức, còn nếu khen việc trì giới, chê bai phá giới, thì tâm họ không vui. Như vậy tùy theo pháp thích hợp với họ mà nói.

Lợi hành cũng có hai: Một vì lợi đời nay lợi đời sau mà nói phương pháp nuôi sống, khuyến tu việc lợi. Hai là người không tin dạy khiến tin, phá giới dạy khiến giữ giới, ít hiểu dạy khiến nghe nhiều, người không ưa bố thí dạy khiến bố thí. Người ngu si dạy trí tuệ. Như vậy, lấy thiện pháp làm lợi ích chúng sanh.

Đồng sự là, Bồ-tát giáo hóa chúng sanh, khiến tu thiện pháp, đồng hành với họ; Bồ-tát thiện tâm, chúng sanh ác tâm, hóa được ác tâm của họ

khiến đồng với thiện tâm của mình.

Bồ-tát lấy bốn pháp nhiếp thủ chúng sanh khiến an trú trong mười thiện đạo. Đây là nói rộng nghĩa bốn nhiếp.

Trong hai thứ thí, pháp thí là tùy theo chỗ người ưa thích mà thuyết pháp, đó là đệ nhất trong các ái ngữ. Chúng sanh tham tiếc mạng sống, dạy khiến tu mười thiện đạo, thì được sống lâu.

Trong lợi hành thì trong tất cả cái lợi của bảo vật, pháp lợi là hơn cả. Ấy là lợi hành. Trong đồng sự, đồng hành thiện pháp là hôn cả. Bồ-tát làm mười thiện cũng dạy người làm. Có người nói: Sau hết tự làm mười điều thiện, đồng nghĩa với nhiếp sự thứ tư. Thế nên nói tự làm mười thiện cũng dạy người làm; tự tu Sơ thiền cũng dạy người tu.

Sô thiền v.v... đồng lìa dục, đồng trì giới, nên gọi là nhiếp nhau. Vì nhiếp nhau nên dần dần lấy pháp Tam thừa mà độ, cho đến tu Phi hữu tưởng, Phi vô tưởng xứ, cũng như vậy.

Tự tu sáu Ba-la-mật cũng dạy người tu, nhân nôi Bát-nhã nên cũng khiến chúng sanh được khí phần của Bát-nhã; nghĩa là được Tu-đà-hoàn v.v...

Vì lực phương tiện, nên tự mình không chứng; vì người ấy có lực phước đức và trí tuệ tăng ích nên dạy vô lượng vô số Bồ-tát, khiến an trú sáu Ba-la-mật. Tự mình trú địa vị bất t hối, cũng dạy người khác trú, cho đến tự chuyển pháp luân cũng dạy người khác chuyển pháp luân. Thế nên, ta lấy tâm từ bi, khéo phó chúc việc Bồ-tát không vì tham ái, chấp đắm.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 67

GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI LĂM (Tiếp): TÁN THÁN TÍN HẠNH

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Hy hữu, bạch đức Thế Tôn! Các Bồ-tát ma-ha-tát thành tựu đại công đức đó là vì hết thảy chúng sanh mà tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, muốn được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề Bạch đức Thế Tôn! Làm sao các Bồ-tát ma-ha-tát tu hành đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật chẳng thấy tướng sắc tăng chẳng thấy tướng sắc giảm, chẳng thấy tướng thọ, tưởng, hành, thức tăng; cũng chẳng thấy tướng giảm, cho đến đối với trí nhất thiết chủng cũng chẳng thấy tướng tăng, chẳng thấy tướng giảm thì Bồ-tát ma-ha-tát khi ấy đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật chẳng thấy ấy là pháp, ấy là phi pháp, chẳng thấy ấy là pháp quá khứ, là pháp vị lai, pháp hiện tại, chẳng thấy đó là pháp thiện, pháp bất thiện, pháp hữu ký, pháp vô ký, chẳng thấy đó là pháp hữu vi, pháp vô vi; chẳng thấy cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; chẳng thấy Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến chẳng thấy trí nhất thiết chủng thì như vậy là Bồ-tát ma-ha-tát đầy đủ tu hành Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì các pháp vô tướng, các pháp không, hư dối, không kiên cố, không có kẻ biết, không có kẻ sống lâu.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Điều Thế Tôn nói chẳng thể nghĩ bàn.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Vì sắc chẳng thể nghĩ bàn nên điều nói ra chẳng thể nghĩ bàn; vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể nghĩ bàn nên điều nói ra chẳng thể nghĩ bàn; vì sáu Ba-la-mật chẳng thể nghĩ bàn, nên điều nói ra chẳng thể nghĩ bàn, cho đến vì trí nhất thiết chủng chẳng thể nghĩ bàn, nên điều nói ra chẳng thể nghĩ bàn. Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, biết sắc là chẳng thể nghĩ bàn; thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể nghĩ bàn, cho đến trí nhất thiết chủng là chẳng thể nghĩ

bàn, thì Bồ-tát không thể đầy đủ tu hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật sâu thẳm ấy ai sẽ tin hiểu?

Phật dạy: Nếu có Bồ-tát mà tu lâu sáu Ba-la-mật, trồng căn lành, thân cận cúng dường nhiều đức Phật, theo cùng thiện tri thức thì Bồ-tát ấy có thể tin hiểu Bát-nhã Ba-la-mật sâu thẳm.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát tu lâu sáu Ba-la-mật trồng căn lành, thân cận cúng dường nhiều đức Phật, theo cùng thiện tri thức như thế nào?

Phật dạy: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát không phân biệt sắc, không phân biệt tướng của sắc, không phân biệt tánh của sắc, không phân biệt thọ, tưởng, hành, thức; không phân biệt tướng của thọ, tưởng, hành, thức; không phân biệt tánh của thọ, tưởng, hành, thức. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sắc, tiếng, mùi, vị, xúc, pháp, nhãn giới cho đến ý thức giới cũng như vậy. Không phân biệt cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; không phân biệt tướng, tánh ba cõi. Không phân biệt Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật; nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, mười lực Phật, cho đến mười tám pháp không chung; không phân biệt tướng tánh mười tám pháp không chung; không phân biệt tướng tánh Đạo chủng trí; không phân biệt trí nhất thiết chủng, không phân biệt tướng trí nhất thiết chủng, không phân biệt tánh trí nhất thiết chủng. Vì sao? Tu-bồ-đề! Vì sắc chẳng thể nghĩ bàn, cho đến trí nhất thiết chủng chẳng thể nghĩ bàn. Như vậy, Tu-bồ-đề! Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát tu lâu Bát-nhã Ba-la-mật, trồng căn lành thân cận cúng dường nhiều đức Phật, theo cùng thiện tri thức.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Sắc rất sâu nên Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu; thọ, tưởng, hành, thức rất sâu, cho đến trí nhất thiết chủng rất sâu, nên Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu.

Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật ấy là nôi tích tụ trân bảo, vì có trân bảo quả Tu-đà-hoàn, có trân bảo quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, có trân bảo bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông, bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, mười lực Phật, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp không chung, Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí.

Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật ấy là nơi tích tụ thanh tịnh, vì sắc thanh tịnh nên Bát-nhã Ba-la-mật tích tụ thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh cho đến trí nhất thiết chủng thanh tịnh nên Bát-nhã

Ba-la-mật tích tụ thanh tịnh.

LUẬN: Bồ-tát ấy thành tựu đại công đức là, như trước nói tự mình tu cũng dạy người khác tu.

Lại nữa, nhiều công đức là, đối với chúng sanh chẳng phải bà con lại không có tham lợi, song chỉ vì chúng sanh mà cần khổ tu Bát-nhã Ba-la-mật, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề thì Bồ-tát ma-ha-tát ấy có ân lớn, nên gọi là đại công đức.

Tướng trạng tu Bát-nhã Ba-la-mật, như trong phẩm trước, đã nói rõ các thứ nhân duyên. Nay hỏi tướng trạng tu Bát-nhã đầy đủ. Phật dạy: Tướng trạng tu Bát-nhã đầy đủ cũng như vậy. Vì sao? Nếu Bồ-tát không thấy các pháp sắc v.v... tăng, giảm thì như vậy gọi là đầy đủ. Bồ-tát ấy tuy được mười địa, ngồi đạo tràng nhưng bấy giờ tu Bát-nhã Ba-la-mật đầy đủ, như mộng, như huyễn, chẳng tăng, chẳng giảm, vì rốt ráo "không" cho nên nói.

Lại nữa, nếu Bồ-tát đối với hết thảy pháp, không phân biệt là pháp, là phi pháp, đều là pháp, như nước biển lớn, trăm sông muôn dòng, đều hợp cùng một vị, bấy giờ tu Bát-nhã Ba-la-mật đầy đủ.

Lại nữa, nếu Bồ-tát trông vào pháp không, chẳng thấy pháp có ba đời, thiện bất thiện v.v... chẳng thấy sáu Ba-la-mật, cho đến trí nhất thiết chủng, thì bấy giờ tu Bát-nhã Ba-la-mật đầy đủ. Vì sao? Vì các pháp thật tướng là vô tướng, nếu phân biệt các pháp, thì đó là tướng tà kiến, dùng mười tám "không" nên gọi là các pháp không. Các pháp do nhân duyên hòa hợp sanh cho là có, vì các duyên xa lìa thì tán hoại, nên hư dối. Trong hết thảy pháp hữu vi, vì vô thường không thật, nên gọi là chẳng kiên cố.

Không có kẻ thọ khổ vui là vì chúng sanh không; không có kẻ biết, là không biết khổ vui; không có kẻ sống lâu, sống tức là mạng căn. Có người nói mạng căn ấy có ngã tướng, thế nên sống lâu là ngã. Đối với chúng sanh "không", dùng mỗi mỗi nhân duyên phá, thế nên không có kẻ hành pháp, không có kẻ thọ pháp. nếu quán các pháp không, chúng sanh không, pháp không, như vậy, thì đầy đủ tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề đối với Bát-nhã không có được chỗ nương dựa, như chìm biển lớn, thế nên bạch Phật: Bát-nhã sâu thẳm ấy chẳng thể nghĩ bàn, cái chẳng thể nghĩ bàn ấy cũng chẳng thể nghĩ bàn, vậy ai sẽ tin hiểu được? Nếu chỉ chẳng thể nghĩ bàn còn không thể tin được, huống gì cái chẳng thể nghĩ bàn lại chẳng thể nghĩ bàn?

Phật dạy: Nếu Bồ-tát tu sáu Ba-la-mật lâu, trồng thiện căn lâu, cúng dường thân cận chư Phật lâu, theo cùng thiện tri thức lâu, thì nhờ nhân duyên ấy nên lòng tin bền chắc, có thể tín thọ Bát-nhã Ba-la-mật sâu thẳm.

Trong các phẩm khác nói: Có người mới phát tâm cũng có thể tin Bát-nhã Ba-la-mật sâu thẳm. Nay Phật nói người phát tâm lâu nên có thể tin, vì vậy Tu-bồ-đề hỏi thế nào là phát tâm lâu?

Phật dạy: Nếu Bồ-tát biết tướng Bát-nhã Ba-la-mật rõ ràng, thì không phân biệt tất cả pháp, nghĩa là không phân biệt sắc bốn đại, hoặc sắc do bốn đại tạo ra.

Không phân biệt sắc tướng là, không phân biệt sắc là có thể thấy, tiếng là có thể nghe. Sắc ấy hoặc tốt hoặc xấu, hoặc dài hoặc ngắn, hoặc thường hoặc vô thường, hoặc khổ hoặc vui v.v...; không phân biệt tánh của sắc là, không thấy pháp thường của sắc; tức là không thấy tánh cứng của đất v.v...

Lại nữa, thật tánh của sắc gọi là pháp tánh. Vì rốt ráo không. Bồ-tát không phân biệt pháp tánh, vì pháp tánh là bất hoại. Cho đến trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Hỏi: Tướng đất là cứng, cớ sao nói là tánh?

Đáp: Tướng ấy tích tập thành tánh. Thí như người giận dữ, ngày ngày tập quen mãi thì thành tánh dữ. Hoặc tánh và tướng khác nhau, như thấy khói biết lửa, khói là tướng lửa, chứ chẳng phải lửa. Hoặc tướng và tánh chẳng khác nhau, như nóng là tướng lửa, cũng là tánh lửa. Trong đây Phật nói nhân duyên: Các pháp sắc v.v... chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể nghĩ bàn tức là rốt ráo không, thật tướng các pháp thường thanh tịnh. Tu-bồ-đề nói, tuy Bồ-tát trải ngày tháng năm không lâu, song tu được như vậy, nên gọi là tu lâu.

Tu-bồ-đề nghe Bát-nhã Ba-la-mật còn được lợi ích sâu xa, nên bạch Phật rằng: Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu vì sắc v.v... rất sâu. Tướng sắc v.v... rất sâu như trước đã nói.

Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật là nơi tích tụ trân bảo; tích tụ trân bảo đó là quả Tu-đà-hoàn, vì hay diệt trừ ba ác độc, ba kiết, cho đến chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, hay diệt trừ tất cả phiền não và tập khí, hay đầy đủ tất cả ước nguyện. Các quả vị ấy nương các thiền cho đến trí nhất thiết chủng, nhân và quả hợp lại, nên gọi là trân bảo tích tụ.

Bát-nhã Ba-la-mật ấy là nôi tích tụ thanh tịnh, vì các pháp sắc v.v... thanh tịnh. Đối với sắc pháp v.v... chánh hạnh không tà, gọi là thanh tịnh, không có các tội lỗi, cho đến chẳng chấp trước rốt ráo không, cũng chẳng chấp trước, chẳng thể nghĩ bàn, nên gọi là thanh tịnh tích tụ.

KINH: Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Rất quái lạ! Khi nói Bát-nhã Ba-la-mật thì thường có chướng nạn.

Phật dạy: Đúng vậy! Đúng vậy! Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật sâu thẳm ấy thường có chướng nạn. Vì lẽ ấy, thiện nam tử thiện nữ nhân nếu khi muốn chép Bát-nhã Ba-la-mật, hãy nên chép mau; nếu khi đọc tụng, tư duy, thuyết giảng, nhớ nghĩ, tu hành cũng nên tu hành mau. Vì sao? Vì không muốn để cho các nạn khởi lên trong khi chép, đọc tụng, tư duy, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, tu hành Bát-nhã Ba-la-mật sâu thẳm ấy.

Thiện nam tử thiện nữ nhân, nếu một tháng chép thành hãy nên siêng chép, hoặc hai tháng, ba tháng, bốn tháng, năm tháng, sáu tháng, bảy tháng, hoặc một năm mới chép thành cũng nên siêng chép. Nếu đọc tụng, tư duy, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, tu hành, hoặc một tháng được thành tựu, cho đến một năm được thành tựu, hãy nên siêng năng thành tựu. Vì sao? Vì đối với trân bảo ấy có nhiều chướng nạn khởi lên.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Đối với Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm ấy, ác ma ưa làm chướng nạn không để cho chép, không để cho đọc tụng, suy nghĩ thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, tu hành.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ác ma tuy muốn làm chướng nạn Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm ấy, không để cho chép, đọc tụng, suy nghĩ, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, tu hành, nhưng cũng không thể phá hoại Bồ-tát ma-ha-tát chép Bát-nhã Ba-la-mật cho đến tu hành.

Bấy giờ Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Do lực của ai nên ác ma không thể làm chướng nạn Bồ-tát ma-ha-tát chép Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm cho đến tu hành?

Phật dạy: Do lực của Phật nên ác ma không thể chướng nạn Bồ-tát ma-ha-tát chép Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm cho đến tu hành. Xá-lợi-phất! Cũng là do lực của chư Phật hiện tại trong mười phương thế giới, ủng hộ niệm tưởng Bồ-tát ấy nên làm cho ác ma không thể lưu nạn Bồ-tát ma-ha-tát, khiến không chép thành được Bát-nhã Ba-la-mật cho đến tu hành. Vì sao? Vì trong mười phương thế giới, vô lượng vô biên vô số chư Phật hiện tại ủng hộ niệm tưởng Bồ-tát ấy chép Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm cho đến tu hành. Pháp nhĩ như vậy, không thể làm chướng nạn.

Xá-lợi-phất! Thiện nam tử thiện nữ nhân, nên nghĩ rằng: Ta chép được Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm ấy cho đến tu hành, đều là nhờ lực của mười phương chư Phật.

Xá-lợi-phất thưa: Bạch đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân chép Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm ấy, cho đến tu hành, đều là nhờ lực của Phật. Nên biết người ấy được chư Phật ủng hộ.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Xá-lợi-phất nên biết, nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân chép được Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm ấy cho đến

tu hành đều là nhờ lực của Phật, nên biết cũng là được chư Phật ủng hộ.

Xá-lợi-phất thưa: Bạch đức Thế Tôn! Vô lượng vô biên vô số chư Phật hiện tại trong mười phương, đều biết đều lấy Phật nhãn thấy thiện nam tử thiện nữ nhân ấy khi chép Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm cho đến tu hành.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Vô lượng vô biên vô số chư Phật hiện tại trong mười phương đều biết, đều lấy Phật nhãn thấy khi thiện nam tử thiện nữ nhân ấy chép Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm cho đến tu hành.

Xá-lợi-phất! Trong đây thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Bồ-tát đạo, nếu chép Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm và thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, tu hành đúng như nói, thì nên biết người ấy đã gần Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề không lâu.

Xá-lợi-phất! Thiện nam tử thiện nữ nhân chép Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm ấy và thọ trì, đọc tụng cho đến nghĩ đúng, người ấy đối với Bát-nhã Ba-la-mật, tin hiểu nhiều, cũng cúng dường cung kính, tôn trọng tán thán Bát-nhã Ba-la-mật, và cúng dường hương hoa, anh lạc cho đến phan lọng.

Xá-lợi-phất! Chư Phật đều biết, đều lấy Phật nhãn thấy thiện nam tử thiện nữ nhân ấy. Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy nhờ công đức cúng dường, sẽ được lợi ích lớn, quả báo lớn.

Xá-lợi-phất! Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, do nhân duyên công đức cúng dường ấy nên trọn không bị đọa vào đường ác cho đến khi được địa vị bất thối chuyển, trọn không xa lìa chư Phật. Xá-lợi-phất! Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, do nhân duyên của thiện căn nên cho đến khi được địa vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, trọn không xa lìa sáu Ba-la-mật, trọn không xa lìa nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, trọn không xa lìa bốn niệm xứ, cho đến tám Thánh đạo phần, trọn không xa lìa mười lực cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

LUẬN: Bấy giờ Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Bát-nhã Ba-la-mật ấy là nôi trân bảo tích tụ, hay làm thoả mãn ước nguyện của hết thảy chúng sanh, đó là các cái vui đời nay, vui Niết-bàn, cái vui Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Người ngu si mà lại muốn phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh tích tụ, như ngọc báu Như ý không có tỳ vết, như hư không, không có bụi nhơ. Bát-nhã Ba-la-mật là thanh tịnh tích tụ rốt ráo mà người kia tự khởi lên tà kiến muốn làm chướng nạn phá hoại, thí như người mắt lòa, thấy trân bảo đẹp cho là bất tịnh, mới nghĩ như vậy.

Chướng nạn là, nhân duyên về những việc ma phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật. Phật ấn khả lời Tu-bồ-đề nói: nếu thiện nam tử thiện nữ nhân muốn

chép Bát-nhã Ba-la-mật, hãy chép cho mau, cho đến nhớ nghĩ đúng, khi tu hành đúng như lời nói, cũng hãy tu hành mau. Lý do phải cho mau vì pháp hữu vi không thể tin, vì có sự chướng nạn khởi lên. Bộ loại kinh quyển Bát-nhã Ba-la-mật có nhiều có ít, có thượng trung hạ, như Quang tán Bát-nhã, Phóng quang Bát-nhã, Đạo hành Bát-nhã. Có người viết chép, viết mau viết chậm, có người nhất tâm siêng viết, có người giải đãi không tinh cần, mạng người vô thường, là pháp hữu vi không thể tin.

Đức Phật Thích-ca sanh ra giữa đời ác trược, có nhiều chướng nạn, thế nên nói nếu có thể chép một tháng xong, hãy siêng chép cho xong, chớ bỏ giữa chừng, vì sợ có chướng nạn, cho đến phải chép một năm cũng vậy. Giống như chép, cho đến tu hành cũng phải cho mau. Mau chậm tùy theo người căn lợi độn.

Trong đây Phật lại nói nhân duyên: Thế gian vì trân bảo nên sinh nhiều giặc cướp, Bát-nhã là trân bảo lớn nên có nhiều chướng nạn. Chướng nạn là như tật bệnh, đói khát v.v... song vì ma sự lớn nên nói ma sự chướng nạn. Hoặc ma hoặc ma dân, ác quỷ, gây nhân duyên ác, xâm nhập thân người, nhiễu loạn tâm người, phá người chép Bát-nhã, hoặc khiến người chép mệt mỏi, hoặc xúi việc nước nổi lên, hoặc người chép không ai cúng dường giúp đỡ; có những việc như vậy.

Khi đọc tụng thì thầy trò không hòa hợp; khi thuyết giảng ở giữa đại chúng, hoặc có người đến kể tội lỗi của pháp sư, hoặc nói pháp sư không thể tu hành như lời nói, đâu cần nghe theo. Hoặc nói tuy pháp sư giữ giới mà lại độn căn, không hiểu nghĩa sâu, nếu nghe pháp sư ấy nói trọn không ích gì. Hoặc nói Bát-nhã Ba-la-mật là không, không có gì của chính nó, diệt hết thảy pháp, không có chỗ để tu hành, thí như người trần truồng mà lại tự nói ta mặc áo trời. Có các chướng nạn như vậy, làm cho không thể thuyết giảng.

Không nhớ nghĩ đúng là, ma hiện làm thân đẹp, hoặc hiện làm thiện tri thức, hoặc hiện hình vị Sa-môn đáng tin kính, để nói Bát-nhã Ba-la-mật là không, không có gì của chính nó, tuy có danh từ tội phước mà không có đạo lý. Hoặc nói Bát-nhã Ba-la-mật không, tức có thể chứng Niết-bàn. Những việc như vậy, là việc phá hoại sự nhớ nghĩ đúng, tu hành Phật đạo.

Bồ-tát mới phát tâm, nghe việc ấy, tâm rất kinh sợ: Chúng ta mang thân sinh tử, ma là chủ cõi Dục, oai thế rất lớn, ta làm sao tu Bát-nhã Ba-la-mật để được đạo Vô thượng? Vì thế Phật nói ác ma tuy muốn chướng nạn, cũng không thể phá hoại. Vì sao? Vì nhân duyên lớn thường phá được tiểu nhân duyên, như người lìa dục thường hôn người tham dục, người từ

bi thường hơn người sân nhuế, người trí thường hơn người vô trí. Bát-nhã Ba-la-mật là chân trí tuệ, oai lực rất lớn, còn ma sự hư dối. Bồ-tát tuy chưa được đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật, song được khí phần của Bát-nhã nên ma không thể phá. Vì nhân duyên việc ấy, nên Xá-lợi-phất bạch Phật, do sức ai nên ma không thể phá?

Phật đáp: Do sức Phật. Như giữa hạng người ác thì ma lớn, giữa hạng người thiện thì Phật lớn, giữa hạng người trói buộc, thì ma lớn, giữa hạng người giải thoát thì Phật lớn; giữa hạng người chướng nạn thì ma lớn, giữa hạng người thông đạt thì Phật lớn.

Trước đây nói sức Phật là chỉ đức Phật Thích-ca Văn, sau nói sức Phật là chỉ chư Phật hiện tại trong mười phương, như Phật A-súc, A-di-đà v.v... Giống như giặc ác có các ác khác tương trợ, phép của chư Phật cũng như vậy. Thường vì hết thảy chúng sanh, nên có người phát tâm thì liền ủng hộ. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật mười phương, hay bị người muốn ngăn cản, hoại diệt nên không thể không ủng hộ. Vì sức của các chướng nạn lớn, nên những người chép, đọc, nhớ nghĩ đúng được là đều nhờ sức Phật mười phương thủ hộ.

Xá-lợi-phất nói: Nếu có người viết chép, thọ trì cho đến tu hành, đều được chư Phật ủng hộ. Phật ấn khả lời ấy.

Xá-lợi-phất lại thưa: Bạch đức Thế Tôn! Các thiện nam tử thiện nữ nhân viết chép thọ trì v.v... chư Phật hiện tại trong mười phương đều lấy Phật nhãn thấy biết nhớ nghĩ ư? Phật ấn khả nói như vậy, trước ác ma đến phá hoại, Phật và mười phương thủ hộ, không cho ngăn cản, hoại diệt. Nay lấy Phật nhãn thấy thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, biết người ấy khó có công đức, chưa phá lưới ma mà có thể tu hành Bát-nhã Ba-la-mật là việc lớn, nên mười phương Phật lấy Phật nhãn thấy biết nhớ nghĩ người ấy.

Hỏi: Lấy Thiên nhãn thấy hay lấy Phật nhãn thấy? Nếu lấy Thiên nhãn thấy, cớ sao trong đây nói Phật nhãn? Nếu lấy Phật nhãn, thì chúng sanh hư dối tại sao lấy Phật nhãn thấy?

Thiên nhãn có hai loại: 1. Nhiếp vào Phật nhãn. 2. Không nhiếp. Loại không nhiếp vào Phật nhãn thì thấy chúng sanh hiện tại, vì có hạn lượng. Loại nhiếp vào Phật nhãn thì thấy chúng sanh ba đời không có hạn lượng. Pháp nhãn nhiếp vào Phật nhãn, chỉ thấy các pháp không thấy chúng sanh; tuệ nhãn nhiếp vào Phật nhãn, không thấy pháp, chỉ thấy rốt ráo không.

Hỏi: Thiên nhãn nhiếp vào Phật nhãn là thật hay hư vọng? Nếu hư vọng, Phật không nên lấy cái hư vọng để thấy; nếu thật, thì chúng sanh

không, chúng sanh hiện tại còn không thật, huống gì chúng sanh vị lai, quá khứ?

Đáp: Thiên nhãn nhiếp vào Phật nhãn đều là thật. Chúng sanh đối với Niết-bàn cho là hư vọng, chẳng phải đối với cái thế giới trông thấy cho là hư vọng. Nếu người nào đối với chúng sanh thủ lấy định tướng, thì nói là hư vọng, chẳng phải vì Thế đế nên nói hư vọng. Vì thế, thiên nhãn nhiếp vào Phật nhãn, thì thấy chúng sanh.

Hỏi: Nếu như vậy, cớ sao không lấy tuệ nhãn nhiếp vào Phật nhãn để thấy chúng sanh?

Đáp: Tuệ nhãn mãnh lợi vô tướng, nên tuệ nhãn thường tương ưng với không, vô tướng, vô tác, không nhằm để thấy chúng sanh. Vì sao? Vì năm uẩn hòa hợp giả gọi là chúng sanh. Thí như đối với tiểu nhi, có thể lấy gậy nhỏ đánh, không thể đánh gậy to. Trong đây tán thán Bồ-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật là nói theo Thế đế chứ không phải nói theo Đệ nhất nghĩa.

Hỏi: Pháp đời vị lai chưa có, nghĩ còn biết khó, huống gì mắt thấy?

Đáp: Như pháp quá khứ, tuy đã mất không có gì mà do niệm lực tâm số pháp, nên có thể nhớ việc quá khứ, suốt cả đời trước. Thánh nhân cũng như vậy, có sức thánh trí, tuy pháp chưa sanh khởi mà có thể biết có thể thấy.

Lại nữa, ở trong Bát-nhã thì không phân biệt ba đời, vị lại, quá khứ, hiện tại không khác. Nếu thấy quá khứ, hiện tại thì vị lai cũng có thể thấy; nếu không thấy quá khứ, vị lai thì cũng không thể thấy hiện tại.

Hỏi: Chúng sanh đời mạt pháp ở phương Bắc, lậu kiết chưa hết, là người tội ác, cớ sao Phật thấy, biết, niệm nghĩ?

Đáp: Tướng trạng đại bi của Phật là thương yêu thấu xương tủy. Bồ-tát ấy có thể phát tâm Vô thượng đạo vì chúng sanh, nên Phật xem pháp ấy cuối cùng sẽ hưng thịnh, sau khi Ta Niết-bàn, người ấy sẽ tá trợ Phật pháp, vì thế nên Ta nghĩ, biết đến.

Lại nữa, người cuối cùng ở phương Bắc, sanh ở biên địa đời xấu ác, ba độc xí thịnh, trong kiếp đao binh, Hiền Thánh rất ít, người ấy không biết được nhân duyên tội phước, chỉ nghe theo người, hoặc đọc kinh, bèn hay tín vui cúng dường, mà mau gần đến Vô thượng đạo không lâu, việc ấy là khó, còn nếu gặp Phật ở đời, được địa vị bất thối mà tin hiểu tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không phải là khó.

Có vô lượng các thứ nhân duyên như vậy, nên Phật có thể thấy, nhớ nghĩ, biết: Người ấy có tâm tin hiểu lớn nên có thể cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật. Cúng dường đủ hoa hương v.v... như trước đã nói. Do cúng

dường nên được quả báo lớn, cũng như người hủy báng bị khổ não lớn. Quả báo lớn là Tu-đà-hoàn trọn không bị đọa ba ác đạo. Bồ-tát ấy nhất tâm tin hiểu, cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật, cũng như vậy, do ái niệm chư Phật thường tu niệm Phật tam-muội, nên trọn không rời chư Phật, cho đến khi đạt địa vị bất t hối. Vì giáo hóa chúng sanh mà rời chư Phật, không có lỗi, cũng như trẻ con không rời mẹ nó vì sợ sa vào tai nạn. Vì thường ái niệm sâu xa thiện pháp nên cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, trọn không xa lìa sáu Ba-la-mật.

Được đại quả báo đời nay đời sau như thế.

KINH: Xá-lợi-phất! Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, sau khi Phật Niết-bàn, sẽ truyền đến phương Nam, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di ở đó, sẽ chép Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, sẽ thọ trì, đọc tụng, tư duy, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, và tu hành. Do nhân duyên của thiện căn ấy, nên trọn không rơi vào ác đạo, hưởng cái vui cõi trời cõi người, tăng ích sáu Ba-la-mật, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán chư Phật, tạm dùng Thanh văn, Bích-chi Phật, Phật thừa mà đắc Niết-bàn.

Xá-lợi-phất! Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, từ phương Nam sẽ truyền đến phương Tây. Ở các nôi ấy, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di sẽ chép Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, sẽ thọ trì, đọc tụng, tư duy, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, tu hành. Do nhân duyên của thiện căn ấy nên trọn không sa vào ác đạo, mà hưởng thọ cái vui cõi trời cõi người, tăng ích sáu Ba-la-mật, cúng dường cung kính, tôn trọng, tán thán chư Phật, dần dần dùng thừa Thanh văn, Bích-chi-Phật, Phật mà được Niết-bàn.

Xá-lợi-phất! Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, từ phương Tây sẽ truyền đến phương Bắc, ở đó Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, sẽ chép Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, sẽ thọ trì, đọc tụng, tư duy, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, tu hành. Do nhân duyên của thiện căn ấy nên trọn không sa vào ác đạo, mà hưởng cái vui cõi trời cõi người, tăng ích sáu Ba-la-mật, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán chư Phật, dần dần dùng thừa Thanh văn, Bích-chi Phật, Phật mà được Niết-bàn.

Xá-lợi-phất! Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, bấy giờ phương Bắc sẽ lấy làm Phật sự. Vì sao? Xá-lợi-phất! Pháp Ta lúc thạnh, không có tướng diệt. Xá-lợi-phất! Ta đã niệm tưởng thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật cho đến tu hành; Ta cũng niệm tưởng thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, có thể chép Bát-nhã Ba-la-mật, tôn trọng, tán thán, cung kính, cúng dường, hương hoa cho đến phan lọng.

Xá-lợi-phất! Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, do nhân duyên của

thiện căn ấy, trọn không sa vào ác đạo, mà hưởng cái vui cõi trời cõi người, tăng ích sáu Ba-la-mật, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán chư Phật, dần dần dùng thừa Thanh văn, Bích-chi Phật, Phật mà được Niết-bàn. Vì sao? Xá-lợi-phất! Vì Ta lấy Phật nhãn xem thấy người ấy, Ta cũng khen ngợi tán thán và vô lượng vô số chư Phật trong mười phương thế giới cũng lấy Phật nhãn xem thấy người ấy, cũng khen ngợi tán thán.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, lúc về sau sẽ lưu hành rộng rãi ở phương Bắc ư?

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Xá-lợi-phất! Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, lúc sau sẽ lưu hành rộng rãi ở phương Bắc.

Xá-lợi-phất! Lúc sau ở phương Bắc, thiện nam tử thiện nữ nhân, nếu nghe được Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, hoặc chép, thọ trì, đọc tụng, tư duy, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, tu hành đúng như lời nói thì nên biết, thiện nam tử thiện nữ nhân ấy từ lâu đã phát tâm Đại thừa, cúng dường nhiều đức Phật, trồng thiện căn lâu ngày, đi theo cùng thiện tri thức.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Lúc sau ở phương Bắc sẽ có bao nhiêu thiện nam tử thiện nữ nhân cầu Phật đạo, chép Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, cho đến tu hành như lời nói?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Lúc sau ở phương Bắc tuy có nhiều thiện nam tử thiện nữ nhân cầu Phật đạo, mà ít có người nghe Bát-nhã Ba-la-mật ấy chẳng thối, chẳng kinh, chẳng sợ, chẳng hãi. Vì sao? Vì người ấy đã thân cận cúng dường nhiều chư Phật, hỏi han nhiều đức Phật, người ấy chắc chắn được đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật, đầy đủ bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung.

Xá-lợi-phất! Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, vì căn lành thuần thục nên có thể làm lợi ích nhiều cho chúng sanh, vì Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Vì sao? Vì Ta nay vì thiện nam tử thiện nữ nhân ấy mà nói pháp tương ưng với trí nhất thiết chủng; quá khứ chư Phật cũng vì thiện nam tử thiện nữ nhân ấy mà nói pháp tương ưng với trí nhất thiết chủng.

Do nhân duyên ấy, nên người vào đời sau tiếp tục được tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, cũng vì người khác nói pháp Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, thiện nam tử thiện nữ nhân ấy đều nhất tâm hòa hợp, ma hoặc ma dân còn không thể làm phá hoại tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, huống gì người ác chê bai người tu Bát-nhã Ba-la-mật mà phá hoại tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề kia được.

Xá-lợi-phất! Các thiện nam tử thiện nữ nhân cầu Bồ-tát đạo ấy, nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, được pháp hỷ pháp lạc lớn, cũng an lập

nhiều người nơi thiện căn, vì Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

LUẬN: Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, sau khi Phật diệt độ, sẽ truyền đến quốc độ phương Nam. Phật xuất hiện ở phương Đông, nói Bát-nhã Ba-la-mật, phá ma và ma dân, ngoại đạo, độ vô lượng chúng sanh, vậy sau ở nôi thành Câu-di-na-kiệt, dưới cây song thọ mà diệt độ. Sau đó Bát-nhã Ba-la-mật từ phương Đông truyền đến phương Nam, như mặt trời mặt trăng, năm ngôi sao, hai mươi tám ngôi sao, thường từ phương Đông lần đi đến phương Nam, từ phương Nam lần đến phương Tây, từ phương Tây lần đến phương Bắc, vòng quanh núi Tu-di, lại như thường pháp cúng dường đi quanh theo phía hữu, ứng khắp độ người Diêm-phù-đề. Do nhân duyên ấy nên từ phương Đông đến phương Nam, từ phương Nam đến phương Tây.

Như Phật vì tâm vô trước nên không định ở một chỗ, Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, không định ở một chỗ. Từ phương Tây đến phương Bắc, chúng sanh hai phương này ưa cúng dường viết chép, đọc tụng, cho đến tu hành, hương hoa cho đến phan lọng; được quả báo lớn như trong kinh nói. Sau đó triển chuyển đến phương Bắc, quả báo có được nhờ sự cúng dường ở đây, như trên đã nói.

Xá-lợi-phất! Bát-nhã Ba-la-mật sẽ làm Phật sự ở phương Bắc. Trong đây nói nhân duyên lúc Phật ở đời, hay dứt các nghi hoặc, nên Phật pháp hưng thịnh, không sợ pháp diệt. Sau Phật diệt độ, quá năm trăm năm, chánh pháp lần diệt, bấy giờ Phật sự dần khó. Khi ấy người lợi căn, tụng đọc, nhớ nghĩ đúng, hoa hương cúng dường, còn người độn căn thì viết chép, hoa hương cúng dường. Hai hạng người này, lâu lâu đều sẽ được độ, nên nói sẽ làm Phật sự.

Phật dạy: Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, Ta và mười phương chư Phật đều lấy Phật nhãn thấy, nhớ nghĩ, biết và tán thán.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bát-nhã thâm sâu ấy lưu hành rộng rãi ở phương Bắc ư? Lưu hành rộng rãi là phương Bắc của Diêm-phù-đề rộng lớn. Lại ở phương Bắc có núi Tuyết, núi Tuyết lạnh nên cỏ thuốc có khả năng diệt độc, gạo lúa ăn vào, ba độc không thể phát ra mạnh, không thể phát ra mạnh nên chúng sanh mềm mại, năm căn tín, tấn, niệm, định, tuệ đều có thế lực.

Có các nhân duyên như vậy, phương Bắc tu hành Bát-nhã Ba-la-mật. Người ở đây nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, viết chép thọ trì, cho đến nhớ nghĩ đúng, tu hành đúng như lời nói: Nên biết người ấy từ lâu phát tâm Đại thừa, cúng dường nhiều Phật, trồng căn lành, cùng đi theo thiện tri thức, thế nên có thể ở đời ác mà viết chép, giữ gìn, tín thọ, cho

đến tu hành đúng như lời nói.

Xá-lợi-phất hỏi: Phương Bắc có bao nhiêu người nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, rồi viết chép, đọc tụng, cho đến tu hành đúng như lời nói?

Phật dạy: Bát-nhã thâm sâu ấy khó biết khó làm, tuy có nhiều người phát tâm Vô thượng đạo, được gọi là Bồ-tát, mà ít có người nghe Bát-nhã Ba-la-mật, tâm liền thông đạt, không kinh, không thối mất, tướng trạng của tâm thông đạt không kinh, không sợ, trong đây Phật tự nói: Người ấy thân cận nhiều đức Phật. Người thân cận chư Phật, ở trong vô lượng đời thường thấy chư Phật, cung kính cúng dường.

Vấn nạn là, hỏi thẳng việc kia mà nghi tâm không mở, lại hỏi lại nhiều lần, gọi là nạn. Công đức quả báo người ấy tuy chưa thành, nên biết người ấy đã đầy đủ sáu Ba-la-mật, Ba mươi bảy phẩm cho đến mười tám pháp không chung. Phước đức ấy thuần thục làm lợi ích nhiều cho chúng sanh, đó là do Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, nên được sanh vào nhà giàu, tự làm việc bố thí, dạy người bố thí. Do Nhẫn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, nên khiến vô lượng chúng sanh xuất gia, thọ giới, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Trong đây Phật nói nhân duyên: Người ấy theo ta và chư Phật quá khứ, nghe pháp Đại thừa tương ưng với trí nhất thiết chủng, thế nên đời sau không mất tâm Bồ-đề ấy, cũng giáo hóa người khác, như đốt một ngọn đèn, lần lượt đều đốt. Người ấy các phiền não đã mỏng, không có xan tham, tật đố, sân nhuế, nên không chê bai nhau, thường nhất tâm, hòa hợp; thế nên ma hoặc ma dân, không thể làm trở hoại. Nếu người có chút ít sai lầm thì ma chớp được chỗ dễ như người bị lỡ gặp chất độc. Ma là chúa cõi Dục còn không thể làm trở hoại, huống gì người ác! Hoặc có người làm ác mà chẳng phải ác, như thánh nhân chưa lìa dục. Thế nên nói người ác chê bai Bát-nhã Ba-la-mật, chê bai Bồ-tát.

Lại nữa, các thiện nam tử thiện nữ nhân, vô lượng đời lại đây ưa Phật pháp, đắm sâu thật pháp, tín lực tuệ lực nhiều, nên nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu; có được tâm đại từ bi, nên tùy theo sức chúng sanh, khiến họ vào Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu; hoặc khiến được các nhân duyên của Bát-nhã là các thiện căn bố thí, trì giới v.v... Vì Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, nên thiện nam tử thiện nữ nhân ấy cầu đạo Vô thượng, dạy người khác khiến sanh các thiện căn phước đức.

KINH: Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy ở trước Ta lập thệ nguyện rằng: "Khi ta tu Bồ-tát đạo, sẽ độ vô số trăm ngàn vạn ức chúng sanh, khiến phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chỉ bày, giáo hóa, lợi ích, vui mừng, cho đến khi được thụ ký địa vị bất t hối". Ta biết tâm người ấy

và cũng tùy hỷ.

Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy cũng ở trước chư Phật quá khứ lập thệ nguyện rằng: "khi ta tu Bồ-tát đạo, sẽ độ vô vô số trăm ngàn vạn ức chúng sanh, khiến phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, chỉ bày, giáo hóa, lợi ích, vui mừng, cho đến khi được thọ ký địa vị bất t hối" Chư Phật quá khứ cũng biết tâm người ấy và tùy hỷ.

Xá-lợi-phất, các thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, vì có tâm lớn, lãnh thọ, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng lớn, cũng có thể bố thí lớn, có thể bố thí lớn rồi, trồng căn lành lớn, trồng căn lành lớn rồi, được quả báo lớn. Vì nhiếp hóa chúng sanh nên thọ thân, đối với chúng sanh, có thể bỏ vật Sở hữu trong ngoài. Do nhân duyên thiện căn ấy, phát nguyện muốn sanh đến thế giới tha phương, nôi hiện tại chư Phật đang thuyết Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu. Ở trước chư Phật nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy rồi, cũng ở tại đó chỉ bày, giáo hóa, lợi ích, vui mừng cho trăm ngàn vạn ức chúng sanh, khiến phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Phật đối với pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, không có pháp gì không biết, không có pháp nào như tướng nó mà không biết, không có việc làm gì của chúng sanh mà không biết. Nay Phật đều biết chư Phật và Bồ-tát, Thanh văn quá khứ, cũng như biết mười phương thế giới và chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn hiện tại; cũng biết chư Phật và Bồ-tát, Thanh văn vị lai. Bạch đức Thế Tôn! Đời vị lai có thiện nam tử thiện nữ nhân, siêng cầu sáu Ba-la-mật, thọ trì, đọc tụng, cho đến tu hành, sao có người được có người không được?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Nếu thiện nam tử thiện nữ nhân, nhất tâm tinh tấn siêng cầu, sẽ được các kinh ứng hợp với sáu Ba-la-mật.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Thiện nam tử thiện nữ nhân, người siêng tu như vậy sẽ được kinh thâm diệu ứng hợp với sáu Ba-la-mật ư? Phật bảo Xá-lợi-phất: Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, sẽ được kinh thâm diệu ứng hợp với sáu Ba-la-mật ấy. Vì sao? Vì thiện nam tử thiện nữ nhân vì Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, nên thuyết pháp cho chúng sanh, chỉ bày, giáo hóa, lợi ích, vui mừng, khiến an trụ trong sáu Ba-la-mật. Do nhân duyên ấy, nên thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, chuyển sanh thân sau, dễ được kinh thâm diệu ứng hợp với sáu Ba-la-mật. Được rồi tu hành đúng như lời sáu Ba-la-mật dạy, tinh cần không nghỉ, cho đến khi làm nghiêm tịnh Phật độ, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

LUẬN: Phật dạy: Thiện nam tử thiện nữ nhân, đối với trước Ta và

trước chư Phật quá khứ, lập thệ nguyện rằng: "Ta tu Bồ-tát đạo, sẽ khiến vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sanh, phát tâm Vô thượng đạo, chỉ bày, giáo hóa, lợi ích, vui mừng, khiến được thọ ký địa vị bất t hối". Ta và chư Phật quá khứ biết thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, có tâm lớn, có thể làm việc lớn nên tùy hỷ. Thiện nam tử thiện nữ nhân nghe Phật biết tâm mình thì sanh hoan hỷ, tự nhớ quá khứ việc lập thệ nguyện, càng thêm tinh tấn.

Tâm lớn là, tâm hết thảy chúng sanh đều ưa duyên theo sáu trần: Có người làm phước đức hỗn tạp, nghĩa là trong khi làm phước mà tâm sanh nghi ngờ hối tiếc, quả báo của phước đức ấy tuy được giàu sang, không thể hảo dụng, cũng không thể cho ai, do tội nghiệp nên các căn ám độn, không biết chọn lựa tốt xấu; thiện nam tử ấy khi chưa đắc đạo, do phước đức thanh tịnh nên được ngũ dục thượng diệu, được tùy ý tận dụng, cũng tùy ý cho người khác, hoặc cho người nghèo thiếu, hoặc cúng vào phước điền; nếu gặp được thiện tri thức, nghe Phật pháp, dứt tâm đắm dục, thương xót chúng sanh, vì Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, nên bố thí vật sở hữu trong ngoài, không chút lẫn tiếc; nếu trì giới, khắp làm mười thiện đạo, đầy đủ luật nghi, cọng hành với tâm từ bi; tu các thiện pháp khác cũng như vậy; đem thân tu hành và dẫn dắt người khác tu hành thiện đạo; với nhân duyên phước đức ấy không cầu cái vui ở đời, ở chỗ vua trời, vua người, chỗ giàu sang, song nghe chỗ nào có Phật hiện tại, thì nguyện sanh đến đó; còn Bồ-tát biết rõ thật tướng các pháp, nên không muốn sanh đến các nôi đó; nếu vì chúng sanh thì sanh ở trước mười phương Phật, nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, nghe xong, ở tại đó khai hóa cho vô lượng trăm ngàn chúng sanh, phát tâm Vô thượng đạo.

Xá-lợi-phất không có Nhất thiết trí, nghe nói việc hạnh nguyện của Bồ-tát ba đời, liền phát tâm hy hữu bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Phật đối với các pháp trong ba đời đều biết, từ như như, pháp tánh, thật tế đều biết, tánh hành nghiệp nhân duyên quả báo của chúng sanh đều biết, chư Phật hiện tại, quá khứ, vị lai trong mười phương, và các đệ tử cùng hành sự của đệ tử trong thế giới đều biết. Nhất thiết trí của Phật có lực rất lớn, không thể nghĩ bàn. Ý của Xá-lợi-phất cho rằng đồng là người xuất gia, đều cầu Bát-nhã Ba-la-mật, cớ sao có người được người không được?

Phật đáp: Nếu Bồ-tát thường nhất tâm cầu sáu Ba-la-mật, không tiếc thân mạng, thì người ấy bên trong có tâm tốt, bên ngoài có chư Phật Bồ-tát và chư thiên hỗ trợ. Ý Xá-lợi-phất cho rằng dầu có tinh tấn mà không có Phật ở đời, ma lực lại mạnh, thì Bồ-tát ấy làm sao có được kinh thâm diệu Bát-nhã Ba-la-mật, thế nên lại hỏi có được kinh thâm diệu tương ưng với sáu Ba-la-mật ư?

Phật dạy: Được.

Trong đây nói nhân duyên có được là, thiện nam tử thiện nữ nhân, vì đạo Vô thượng, nên vì chúng sanh mà thuyết pháp, khai thị, giáo hóa, lợi ích, an vui, khiến an trú sáu Ba-la-mật, mở Phật đạo, do quả báo của nghiệp ấy nên khi chuyển sanh thân khác dễ có được kinh thâm diệu tương ưng với sáu Ba-la-mật. Nếu có được thì nên mau chóng thọ trì, cho đến tu hành đúng như lời nói, tinh tấn không bỏ, đời đời không xa lìa. Dùng quả báo sáu Ba-la-mật, làm nghiêm tịnh Phật độ, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, cho đến chứng đạo Vô thượng. Nếu lẫn tiếc pháp, thì thường sanh chỗ biên địa, không có Phật pháp.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 68

GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI SÁU: VIỆC MA

KINH: Bấy giờ Tuệ-mạng Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, tu sáu Ba-la-mật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, nghiêm tịnh Phật độ, Phật đã tán thán nói công đức họ rồi. Bạch đức Thế Tôn! Cớ sao thiện nam tử thiện nữ nhân ấy cầu Phật đạo lại gặp các chướng nạn?

Phật bảo Tu-bồ-đề; Biện tài vui nói không phát sanh liền, nên biết đó là ma sự của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Vì nhân duyên gì biện tài vui nói không phát sanh liền là ma sự của Bồ-tát?

Phật dạy: Có Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, khó đầy đủ sáu Ba-la-mật, vì nhân duyên ấy nên biện tài vui nói không phát sanh liền, đó là ma sự của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Biện tài vui nói vội vã phát khởi, nên biết cũng là ma sự của Bồ-tát.

Bạch đức Thế Tôn! Vì nhân duyên gì, biện tài vui nói vội vã phát khởi, lại là ma sự?

Phật dạy: Bồ-tát ma-ha-tát tu Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật mà đắm vào sự ưa vui thuyết pháp vì nhân duyên ấy, nên biết biện tài vui nói vội vàng phát khởi, là ma sự của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi chép kinh Bát-nhã Ba-la-mật ấy, mà tâm ngạo mạn vô lễ, nên biết đó là ma sự của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi chép kinh Bát-nhã Ba-la-mật mà loạn tâm cười giỡn, nên biết đó là ma sự của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu khi chép kinh Bát-nhã mà bất kính, khinh cười, nên biết đó là ma sự của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu khi chép kinh Bát-nhã mà loạn tâm bất định, nên biết đó là ma sự của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu chép kinh mà mỗi người không hòa hợp, nên biết đó là ma sự của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Thiện nam tử thiện nữ nhân nghĩ rằng: "Ta không được ý vị trong kinh Bát-nhã", liền bỏ đi, nên biết đó là ma sự của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng, hoặc nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật mà tâm ngạo mạn vô lễ, nên biết đó là ma sự của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu trong khi thọ trì, thân cận, nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật, mà lại cười nhau cười đùa, nên biết đó là ma sự của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu trong khi thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng và tu hành kinh Bát-nhã Ba-la-mật, mà khinh miệt cùng nhau, nên biết đó là ma sự của Bồ-tát.

Nếu khi thọ trì, đọc tụng cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật, mà tâm tán loạn thì nên biết đó là ma sự của Bồ-tát.

Nếu trong khi thọ trì, đọc tụng cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật, mà tâm không hòa hợp thì nên biết đó là ma sự của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế Tôn nói thiện nam tử thiện nữ nhân nghĩ rằng: "Ta không được ý vị trong kinh" liền bỏ đi thì nên biết đó là ma sự của Bồ-tát.

Bạch đức Thế Tôn! Vì nhân duyên gì Bồ-tát không được ý vị trong kinh liền bỏ đi?

Phật dạy: Bồ-tát ma-ha-tát ấy, đời trước tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật không được bao lâu, nên người ấy khi nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, suy nghĩ và nói rằng: Ta đối với Bát-nhã Ba-la-mật, không ghi nhớ, tâm không thanh tịnh, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi, nên biết đó là ma sự của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Vì nhân duyên gì, không được thọ ký, khi nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi?

Phật bao Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát chưa vào trong pháp vị, nên chư Phật không thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề cho.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát nghĩ rằng: Ta không có danh tự trong đây, tâm không thanh tịnh, nên biết đó là ma sự của Bồ-tát.

Phật dạy: Bồ-tát chưa được thọ ký, chư Phật không nói đến danh tự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát ấy nghĩ rằng: Trong Bát-nhã Ba-la-mật, không có danh tự nơi sanh của ta, hoặc xóm làng, thành ấp nên

người ấy không muốn nghe Bát-nhã Ba-la-mật, bèn từ trong hội chúng đứng dậy bỏ đi. Người ấy như từ khi khởi niệm, mỗi niệm trừ một kiếp, mới phải lại siêng tinh tấn, cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

LUẬN: Tất cả pháp hữu vi, đều có thêm lên. Thêm lên là trái ngược nhau; trái nhau tức là giặc oán của nhau. Như sức nước được thêm lên thì diệt tắt lửa, sức lửa được thêm lên thì làm tiêu mất nước; cho đến cỏ cây đều có sự hại nhau, huống gì chúng sanh. Bồ-tát ma-ha-tát có tâm đại từ bi, tuy không gây oán với chúng sanh, mà chúng sanh lại gây oán với Bồ-tát, vì thân Bồ-tát là pháp hữu vi, nên có thể làm cho chướng nạn. Ở trên Phật nói công đức Bồ-tát, đó là được chư Phật, Bồ-tát, chư thiên hộ trì, mà chưa nói đến tướng giặc oán, vì Phật thương xót, nên trước tuy đã lược nói, mà nay Tu-bồ-đề thỉnh Phật nói rộng việc chướng nạn. Tuy Phật tâm bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh, hết thảy pháp, song vì Bồ-tát có thể làm lợi ích lớn cho thế gian, nên Phật nói tướng các việc chướng nạn, tốt xấu, lợi hại; là đạo, là chẳng phải đạo. Phật không khiến người tu hành hủy hoại người gây chướng nạn, chỉ khiến giác tri, không theo việc ấy.

Sao gọi là giặc oán? Lược nói: Hoặc chúng sanh, hoặc phi chúng sanh có thể làm trở ngại tâm Vô thượng đạo của Bồ-tát, đều gọi là giặc oán. Phi chúng sanh là tật bệnh, đói khát, lạnh nóng, áp bức trụy lạc, v.v... chúng sanh là ma và ma dân, quỷ dữ, người tà kiến nghi ngờ không tin, người dứt thiện căn, người định kiến có sở đắc, người quyết định phân biệt các pháp, người đắm sâu cái vui thế gian, giặc oán, việc quan, sư tử, hổ lang, thú dữ, trùng độc v.v...

Giặc chúng sanh có hai thứ: Hoặc trong hoặc ngoài. Trong là từ trong tâm sanh, lo sầu không được pháp vị, sanh tà kiến, nghi ngờ, hối tiếc, không tin. Ngoài là như trên nói. Các nạn sự như vậy, Phật gọi chung là ma.

Ma có bốn thứ: Ma phiền não, ma ngũ ấm, ma chết, ma trời.

Ma phiền não là một trăm lẻ tám phiền não, phân biệt rộng có tám mươi bốn ngàn phiền não.

Ma ngũ ấm là do nhân duyên phiền não và nghiệp hòa hợp có được thân này. Bốn đại và bốn đại tạo sắc (sắc, hương, vị, xúc) và nhãn căn v.v... gọi là sắc uẩn; một trăm lẻ tám phiền não các thọ hòa hợp, gọi là thọ uẩn; các tưởng nhỏ lớn, vô lượng, vô sở hữu, phân biệt hòa hợp, gọi là tưởng uẩn. Do tâm phân biệt tốt xấu phát sanh, tâm khởi lên tham dục, sân nhuế, pháp tương ưng, pháp không tương ưng với tâm, gọi là hành uẩn; sáu căn trần hòa hợp sanh sáu thức, sáu thức ấy phân biệt hòa hợp thành vô lượng vô biên tâm, gọi là thức uẩn.

Ma chết là do vô thường nên phá sự tương tục của mạng sống của thân ngũ uẩn, lìa hết ba pháp là thọ, noãn, thức, nên gọi là ma chết.

Ma trời là chủ cõi Dục, đắm sâu cái vui thế gian, vì có sở đắc, nên sanh tà kiến, ganh ghét tất cả thánh hiền, Niết-bàn, đạo pháp. Ấy gọi là ma trời.

Ma là hay cướp mạng. Chỉ Ma chết mới thật sự cướp mạng, các ma kia cũng làm nhân duyên cướp thân mạng, và cũng cướp mạng sống trí tuệ, thế nên gọi nó là kẻ giết.

Hỏi: Một Ma năm ấm đã gồm ba thứ ma, cớ gì nói riêng ra bốn?

Đáp: Thật là một ma, nhưng vì phân biệt nghĩa nó nên có bốn. Ma phiền não là do người ta tham dục, sân nhuế, nên chết và có thể làm nhân duyên cướp mạng sống. Nó là nhân duyên gần cướp mạng sống, nên nói riêng.

Ma trời do nghiệp phước đức hỗn tạp nên được thế lực lớn, do tà kiến nên có thể cướp mạng sống trí tuệ, cũng làm nhân duyên cho sự chết, thế nên nói riêng.

Sức của vô thường chết lớn, không một ai tránh khỏi, rất đáng sợ đáng chán, thế nên nói riêng ma chết.

Hỏi: Vì sao ma làm não loạn người tu?

Đáp: Trước đã nói rộng. Trong phẩm này đều có nói nghĩa bốn thứ ma, chỉ tùy chỗ mà nói.

Lại nữa, ba ma không rời nhau, nêu có năm uẩn thì có phiền não, có phiền não thì thiên ma được chỗ dễ để phá; năm uẩn và phiền não hòa hợp nên có thiên Ma. Thế nên Tu-bồ-đề hỏi Phật: Trên đã tán thán công đức Bồ-tát, cớ sao nay nói Bồ-tát có ma sự khởi lên? Phật đáp: Biện tài vui nói không sanh khởi liền, ấy là ma sự. Nếu Bồ-tát thương xót chúng sanh, lên tòa cao thuyết pháp, mà biện tài vui nói không sanh khởi, thì thính giả ưu sầu nói rằng: Chúng ta cố đi đến nghe mà pháp sư không nói; hoặc nghĩ rằng pháp sư sợ sệt cho nên không thể nói; hoặc bảo pháp sư không biết cho nên không thể nói; hoặc tự nghĩ mình tội lỗi rất nặng nên không nói; hoặc bảo vì không được cúng dường nên không chịu nói; hoặc bảo vì khinh hèn chúng ta nên không nói; hoặc vì quen ưa vui nên
không nói. Do các nhân duyên như vậy, làm cho tâm thính giả bại hoại; vì không vui nên gọi là Ma sự.

Lại nữa, Bồ-tát vì thương xót chúng sanh, đi đến muốn thuyết pháp, thính giả muốn nghe, tâm pháp sư muốn nói, mà miệng không nói được, thấy rõ ràng là Ma sự, như ma xâm nhập tâm A-nan, Phật hỏi ba lần, mà ba lần không đáp, lâu mới đáp.

Trong đây Tu-bồ-đề thưa Thế Tôn: Vì sao biện tài không sanh khởi liền?

Phật đáp: Bồ-tát khi tu sáu Ba-la-mật, khó đầy đủ sáu Ba-la-mật. Vì sao? Vì người ấy do nhân duyên đời trước độn căn, biếng nhác, ma dễ dàng chi p hối; không nhất tâm tu sáu Ba-la-mật, nên biện tài vui nói không sanh khởi liền.

Hỏi: Như biện tài vui nói không sanh khởi liền ấy là Ma sự, nay biện tài vui nói vụt sanh khởi có gì lại là ma sự?

Đáp: Ấy là vì pháp sư ái pháp, đắm pháp, cầu thanh danh, nên tự phóng túng vui nói, không có nghĩa lý, như ngựa lung khó ngăn, lại như nước lớn mênh mông, lẫn lộn mọi đồ nhơ. Thế nên trong đây Phật tự nói: Bồ-tát tu sáu Ba-la-mật mà ưa đắm thuyết pháp, ấy là Ma sự.

Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật vì phá tâm kiêu mạn nên xuất hiện, mà người chép kinh này lại sanh tâm chấp ngã, kiêu mạn, tâm kiêu mạn nên thân cũng tự cao, nghĩa là ngạo mạn vô lễ, khi chép kinh Bát-nhã Ba-la-mật dùng tâm khinh mạn, tâm sân nhuế, giỡn cười bất kính.

Lại nữa, đối với Bát-nhã Ba-la-mật nếu nhất tâm, nhiếp tâm còn khó được, huống gì đem tâm tán loạn mà chép. Khi chép theo miệng người truyền trao, hoặc chép theo kinh quyển, nếu nhất tâm hòa hợp thì được. Nếu người truyền không trao cho, như vậy là không hòa hợp.

Lại nữa, khi xem Bát-nhã Ba-la-mật, phẩm nào cũng nói không, không có điều gì đáng vui, liền nghĩ rằng: "Ta đối với kinh này không được ý vị", bèn bỏ đi. Bát-nhã Ba-la-mật là căn bản của tất cả điều vui, người ấy không được ý vị, ấy là ma sự.

Lại nữa, khi thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, mà ngạo mạn vô lễ, hiện tướng cười cợt, tâm tán loạn, không hòa hợp, như trên nói.

Cùng nhau khinh miệt là, khi theo người lãnh thọ, nhớ nghĩ đúng, mới có việc thầy trò khinh dể nhau; còn khi chép kinh, chỉ có bỏ đi, không khinh dể nhau, thế nên không có khinh miệt.

Hỏi: Đối việc trên, cớ sao chỉ hỏi không được ý vị trong kinh, mà không hỏi việc khác?

Đáp: Bát-nhã Ba-la-mật, được thánh nhân nói ra, khác với phàm phu nói, thế nên người phàm phu không được ý vị. Ý Tu-bồ-đề là, Bát-nhã Ba-la-mật là tích tụ trân bảo thanh tịnh, hay làm lợi chúng sanh, không có tội lỗi, cớ sao người ấy không được ý vị?

Phật đáp: Vì người ấy đời trước tu sáu Ba-la-mật không lâu, vì năm căn tín, tấn v.v... mỏng, nên không thể tin pháp không, vô tướng, vô tác, không nơi nương tựa. Tâm tán loạn khởi lên nói rằng: Phật là bậc Nhất

thiết trí, cớ sao không thọ ký cho ta, liền bỏ đi. Các điều khác dễ hiểu, nên không nói.

Tu-bồ-đề hỏi: Nếu như vậy, cớ sao không thọ ký cho tôi? Phật là bậc đại bi nên thương xót, niệm tưởng, phòng hộ tâm kia khỏi bị đọa ác. Phật dạy: Người chưa vào ngôi pháp, chư Phật không thọ ký. Vì sao? Vì chư Phật tuy biết hết việc lâu xa của chúng sanh, nhưng vì hàng tiên nhân đủ năm thần thông và chư thiên, thấy người chưa có nhân duyên của hành nghiệp thiện đáng được thọ ký mà nếu Phật thọ ký, thì sẽ khinh Phật mà không tin: "không có đủ nhân duyên cớ sao thọ ký cho?"; thế nên người vào ngôi pháp mới được thọ ký. Danh tự và xóm làng người ấy, cũng như vậy. Người ấy từ tòa đứng dậy bỏ đi, tùy kia khởi niệm nhiều ít, mỗi niệm trừ một kiếp, khi trả hết tội, trở lại làm thân người mới sẽ trở lại tu bấy nhiêu kiếp bằng kiếp trả tội.

KINH: Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát học các kinh khác bỏ Bát-nhã Ba-la-mật, thì trọn không thể đạt được trí Nhất thiết chủng. Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy bỏ gốc, vin lấy cành lá, cũng nên biết đó là ma sự của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Những kinh khác là những kinh gì, mà thiện nam tử thiện nữ nhân học không thể đạt đến trí Nhất thiết chủng?

Phật dạy: Ấy là kinh mà hàng Thanh văn cần học; đó là bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám Thánh đạo phần; ba cửa giải thoát là không, vô tướng, vô tác. Thiện nam tử thiện nữ nhân ở trong đó chứng được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán. Ấy là sở hành của Thanh văn, không thể dạt đến trí Nhất thiết chủng.

Như vậy là thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy bỏ Bát-nhã Ba-la-mật mà thân cận các kinh khác. Vì sao? Tu-bồ-đề từ trong Bát-nhã Ba-la-mật xuất sinh các Bồ-tát ma-ha-tát, thành tựu pháp thế gian, xuất thế gian.

Tu-bồ-đề, Bồ-tát ma-ha-tát học Bát-nhã Ba-la-mật, cũng học pháp thế gian, xuất thế gian. Tu-bồ-đề! Ví như chó không theo chủ kiếm ăn, mà lại theo người làm việc kiếm ăn. Như vậy, Tu-bồ-đề! Đời vị lai có thiện nam tử, thiện nữ nhân, bỏ gốc Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu mà vin lấy cành lá các kinh của hàng Thanh văn, Bích-chi Phật hành trì; nên biết đó là ma sự của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề! Thí như có người muốn thấy voi, thấy rồi trở lại đi xem dấu chân nó. Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Người ấy sáng suốt chăng?
Tu-bồ-đề thưa: Không sáng suốt, bạch Thế Tôn.

Phật dạy: Các thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Phật đạo cũng như vậy, đã được nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu rồi bỏ đi, mà thủ lấy kinh cần tu học của hàng Thanh văn, Bích-chi Phật. Tu-bồ-đề! Nên biết đó là ma sự của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề! Thí như người muốn thấy biển lớn, lại đi tìm nước ở dấu chân trâu, nghĩ rằng: "Nước biển lớn có bằng nước này chăng?" Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Người ấy là thông minh chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Không.

Phật dạy: Đời vị lai có thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Phật đạo cũng như vậy, được nghe Bát-nhã Ba-la-mật rồi bỏ đi, mà thủ lấy kinh cần tu học của hàng Thanh văn, Bích-chi Phật; nên biết đó cũng là ma sự của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề! Thí như thợ khéo hoặc học trò của thợ khéo nghĩ muốn làm cung điện thù thắng của trời Đế-thích, lại đo cung điện mặt trời mặt trăng. Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Người ấy là thông minh chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Không.

Đúng vậy, Tu-bồ-đề! Đời vị lai có thiện nam tử, thiện nữ nhân phước đức mỏng cầu Phật đạo, đã được nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu rồi bỏ đi, mà tìm trí Nhất thiết chủng trong kinh của hàng Thanh văn, Bích-chi Phật tu học. Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Người ấy là thông minh chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Không.

Phật dạy: Nên biết đó cũng là ma sự của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề! Thí như có người muốn thấy Chuyển luân Thánh vương, khi thấy mà không biết, sau thấy các tiểu quốc vương, thủ lấy tướng mạo rồi nói rằng: Chuyển luân Thánh vương có khác gì đâu? Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Người ấy là thông minh chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Không.

Tu-bồ-đề! Đời vị lai có thiện nam tử, thiện nữ nhân phước đức mỏng, cầu Phật đạo, được nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu rồi bỏ đi, mà tìm trí Nhất thiết chủng trong các kinh của hàng Thanh văn, Bích-chi Phật cần tu học. Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Người ấy là thông minh chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Không.

Phật dạy: Nên biết đó là ma sự của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề! Thí như người đói được đồ ăn trăm vị, bỏ đi rồi trở lại ăn cơm từ thứ lúa sáu mươi ngày. Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Người ấy là thông minh chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Không.

Phật dạy: Đời vị lai có thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Phật đạo, được nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu rồi bỏ đi, mà tìm cầu trí Nhất thiết chủng trong các kinh của hàng Thanh văn, Bích-chi Phật tu học. Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Người ấy là thông minh chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Không.

Phật dạy: Nên biết đó là ma sự của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề! Thí như người được ngọc ma-ni vô giá, lại đem sánh với ngọc thủy tinh. Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Người ấy là thông minh chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Không.

Phật dạy: Đời vị lai có thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Phật đạo đã được nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu rồi bỏ đi, mà tìm cầu trí Nhất thiết chủng trong các kinh của hàng Thanh văn, Bích-chi Phật tu học. Người ấy là thông minh chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Không! Nên biết đó cũng là ma sự của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề, thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Phật đạo, khi chép kinh Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, mà ưa nói những điều không như pháp, thì việc chép Bát-nhã Ba-la-mật không thành tựu được. Nghĩa là ưa nói sắc, tiếng, mùi, vị, xúc, pháp: Ưa nói trì giới, thiền định, vô sắc định; ưa nói Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật; ưa nói bốn niệm xứ cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Vì cớ sao? Tu-bồ-đề! Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật không có tướng ưa nói. Tu-bồ-đề! Tướng Bát-nhã Ba-la-mật là không thể nghĩ bàn, tướng Bát-nhã Ba-la-mật là không sinh không diệt, tướng Bát-nhã Ba-la-mật là không nhơ không sạch, tướng Bát-nhã Ba-la-mật là không loạn không tán, tướng Bát-nhã Ba-la-mật là không nói không im, tướng Bát-nhã Ba-la-mật là không lời không nghĩa, tướng Bát-nhã Ba-la-mật là không gì có được. Vì sao? Tu-bồ-đề! Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật không có tướng các pháp.

Tu-bồ-đề! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu đạo Bồ-tát, khi chép kinh Bát-nhã Ba-la-mật, vì các pháp ấy làm tán loạn tâm, thì nên biết đó cũng là ma sự của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật có thể chép ư?

Phật dạy: Không thể chép. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật không có tự tánh vậy! Thiền Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật, cho đến trí Nhất thiết chủng không có tự tánh vậy. Nếu tự tánh không có, thì không gọi là tánh. Pháp không có, không thể chép pháp không có.

Tu-bồ-đề! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Bồ-tát đạo, mà nghĩ

rằng: Pháp không có là Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, nên biết đó chính là ma sự của Bồ-tát.

Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Bồ-tát đạo, dùng văn tự chép Bát-nhã Ba-la-mật, mà tự nghĩ rằng: "Ta chép Bát-nhã Ba-la-mật" thì vì chấp văn tự là Bát-nhã Ba-la-mật, nên biết ấy cũng là ma sự của Bồ-tát. Vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Vì Bát-nhã Ba-la-mật không có văn tự; Thiền Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật không có văn tự.

Bạch đức thế Tôn! Sắc không có văn tự; thọ, tưởng, hành, thức không có văn tự; cho đến trí Nhất thiết chủng không có văn tự.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Bồ-tát đạo, chấp không có văn tự là Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến chấp không có văn tự là trí Nhất thiết chủng, nên biết ấy cũng là ma sự của Bồ-tát. Chấp đọc tụng, thuyết giảng, suy nghĩ đúng, tu hành đúng như lời nói cũng như vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Phật đạo mà khi chép kinh Bát-nhã Ba-la-mật khởi tâm nghĩ đến quốc độ, nghĩ đến xóm làng, nghĩ đến thành ấp, nghĩ đến phương hướng, hoặc nghe chê bai thầy mình mà khởi niệm, hoặc nghĩ đến cha mẹ, anh em, chị em, các bà con khác, hoặc nghĩ đến giặc, hoặc nghĩ đến hạng Chiên-đà-la, hoặc nghĩ đến chúng nữ, nghĩ đến dâm nữ, có các dị niệm như vậy làm chướng nạn, ác ma lại làm tăng thêm niệm ấy, phá hoại việc chép kinh Bát-nhã Ba-la-mật, phá hoại việc đọc tụng thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, tu hành đúng như lời nói thì nầy Tu-bồ-đề! Nên biết ấy cũng là ma sự của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Phật đạo, được danh dự, cung kính, bố thí, cúng dường y phục, ăn uống, giường nằm, thuốc chữa bệnh, các thứ đồ vui, các thiện nam tử, thiện nữ nhân trong khi chép kinh Bát-nhã Ba-la-mật hoặc thọ trì, đọc tụng, cho đến nhớ nghĩ đúng mà đắm vào sự thọ dụng thì sự chép kinh Bát-nhã Ba-la-mật nầy cho đến nhớ nghĩ đúng, không được thành tựu, nên biết ấy cũng là ma sự của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Phật đạo, khi chép kinh Bát-nhã Ba-la-mật cho đến tu hành đúng như lời nói, ác Ma khéo léo đem các kinh thâm diệu khác trả cho Bồ-tát, nếu Bồ-tát có trí tuệ thì không nên tham đắm các kinh thâm diệu của ác Ma cho. Vì sao? Vì các kinh ấy không thể làm cho người đạt đến trí Nhất thiết chủng. Trong đây hàng Bồ-tát không có trí tuệ, nghe các kinh thâm diệu khác liền bỏ kinh Bát-nhã Ba-la-mật thâm diệu.

Tu-bồ-đề! Ở trong kinh Bát-nhã Ba-la-mật, Ta đã nói rộng các pháp

phương tiện của Bồ-tát ma-ha-tát, các Bồ-tát ma-ha-tát nên cầu tìm ở trong đó.

Tu-bồ-đề! Nay thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Bồ-tát đạo mà bỏ kinh Bát-nhã Ba-la-mật thâm diệu để cầu các phương tiện trong kinh thâm thuộc Thanh văn, Duyên giác do ma đưa đến thì nên biết ấy cũng là ma sự của Bồ-tát.

LUẬN: Học các kinh khác, bỏ kinh Bát-nhã Ba-la-mật là, có người đối với Sư tăng Thanh văn thọ giới học pháp, lúc đầu không nghe Bát-nhã Ba-la-mật, hoặc có khi nghe ở nơi khác, song vì đắm pháp đã học trước, nên bỏ Bát-nhã Ba-la-mật, cứ ở trong pháp đã học trước mà cầu trí Nhất thiết chủng. Hoặc có đệ tử Thanh văn, trước nghe Bát-nhã Ba-la-mật không biết nghĩa thú, không được ý vị, nên hành đạo Bồ-tát theo kinh Thanh văn; hoặc có người là đệ tử Thanh văn, được nghe kinh Bát-nhã Ba-la-mật, muốn tín thọ, gặp các người Thanh văn khác làm trở ngại, hoại diệt tâm kia, nói rằng: "Kinh ấy trước sau mâu thuẫn nhau, không có tướng nhất định, ông nên bỏ đi, trong pháp Thanh văn đâu phải không có. Luận Lục Túc A-tỳ-đàm và các luận nghị, phân biệt các pháp tướng, tức là Bát-nhã Ba-la-mật; luật Bát thập bộ tức là Giới Ba-la-mật; trong A-tỳ-đàm phân biệt các thiền, giải thoát, các Tam-muội v.v... tức là Thiền Ba-la-mật. Trong kinh Bổn Sinh ở tam tạng tán thán Giải thoát, Bố thí, Nhẫn nhục, Tinh tấn tức là Bố thí, Nhẫn, Tinh tấn Ba-la-mật. Do các nhân duyên như vậy, nên bỏ Bát-nhã Ba-la-mật mà ở trong pháp Thanh văn cầu trí Nhất thiết chủng. Giống như người muốn được gỗ cứng tốt, lại bỏ gốc cành mà lượm lấy nhánh lá. Tuy gọi là gỗ mà không dùng được.

Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật là Tam tạng cội gốc, có được Bát-nhã Ba-la-mật rồi lại vì độ chúng sanh nên nói thêm các việc khác, vì vậy nên gọi là nhánh lá.

Lại nữa, trong kinh Thanh văn tuy nói thật tướng các pháp, mà không rõ ràng, còn trong kinh Bát-nhã Ba-la-mật hiển hiện phân minh, dễ thấy, dễ được, như người vin nhánh lá thì sa rớt, nếu nắm cành gốc thì kiên cố . Nếu chấp kinh Thanh văn thì rơi vào Tiểu thừa, nếu trì kinh Bát-nhã Ba-la-mật thì dễ được Vô thượng đạo. Vì thế, nên nói bỏ gốc cành mà lấy nhánh lá.

Hỏi: Ba mươi bảy đạo phẩm, ba môn giải thoát, trong kinh Bát-nhã cũng có, nay cớ sao chỉ nói ở trong kinh Thanh văn, Bích-chi Phật có?

Đáp: Trong Đại thừa tuy có nói pháp ấy mà hợp với rốt ráo không, tâm không chấp trước, vì không bỏ trí Nhất thiết chủng, tâm đại bi, vì hết thảy chúng sinh mà nói ra, còn trong kinh Thanh văn thì không như vậy

vì chứng đắc quả Tiểu thừa.

Lại nữa, vì Bồ-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật nên có thể làm thành tựu pháp thế gian, xuất thế gian. Thế nên Bồ-tát nếu cầu Phật đạo, hãy nên học Bát-nhã Ba-la-mật, ví như chó vì chủ giữ nhà, đáng nên theo chủ đòi ăn, lại đi theo người ở, đòi ăn. Bồ-tát cũng như vậy. Chó ví người tu, Bát-nhã Ba-la-mật ví người chủ. Trong Bát-nhã có đủ thứ lợi ích, lại bỏ đi tìm trong các kinh khác. Phật muốn làm cho rõ ràng dễ thấy, nên nói thí dụ: Voi, biển lớn, cung điện trời Đế-thích, Chuyển luân Thánh vương, ngọc vô giá, cũng như vậy.

Hỏi: Năm dục sinh ra năm triền cái, vì năm triền cái che lấp trí tuệ, nên không nên vui nói. Cớ sao vui nói sáu Ba-la-mật khác cho đến Vô thượng đạo mà cho rằng không như pháp?

Đáp: Không như pháp là không như thật tướng Bát-nhã Ba-la-mật. Trong thật tướng Bát-nhã Ba-la-mật pháp không có định tướng, làm sao vui nói? Nếu có định tướng thì tâm nhiễm trước vui nói? Chư Phật, Bồ-tát vì tâm đại bi vì chúng sanh mà thuyết pháp, không đắm trước ngôn ngữ, dùng pháp không thể có được, chỉ thị cho chúng sinh tướng rốt ráo không của Bát-nhã Ba-la-mật. Người ấy chép, đọc tụng ... Vì tâm nhiễm trước thủ lấy tướng sáu trần cho đến tướng Vô thượng đạo, nên gọi là không như pháp.

Hỏi: Nếu Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo không, không có gì không thể chép, đọc tụng, như vậy, thì không nên có ma sự?

Đáp: Rốt ráo không, không có gì cũng chẳng phải tướng Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì đó là ma? Trong đây nói, nếu người ấy biết tướng không có gì là tướng Bát-nhã Ba-la-mật thì đó tức là ma sự. Nếu dùng văn tự chép Bát-nhã Ba-la-mật, tự biết rằng ta chép Bát-nhã Ba-la-mật; có tâm nhiễm trước ấy tức là ma sự. Nếu người biết tướng Bát-nhã Ba-la-mật không đem tâm chấp trước chép, đọc, tụng thì nếu có kẻ đến phá; ấy là phá Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, bên trong có ma phiền não, bên ngoài có ma trời, vì nhân duyên của hai việc ấy nên khi chép Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến tu hành đều làm hoại Bát-nhã Ba-la-mật.

Niệm khởi là, nghĩ quốc độ này không an ổn, quốc độ kia giàu vui. Nghĩ đến xóm làng, thành ấp, phương hướng cũng như vậy; hoặc nghe chê bai thầy mình mà bỏ Bát-nhã Ba-la-mật để giúp thầy trừ diệt tướng xấu; hoặc nghe cha mẹ bị tật bệnh, bận việc quan; hoặc nghĩ đến giặc khủng bố, khởi tâm muốn đi đến chỗ khác; nghĩ đến hạng Chiên-đà-la cũng như vậy. Ở chung với giặc, Chiên-đà-la, thì nổi sân hận; ở chung với

chúng nữ dâm nữ thì dục tâm khởi lên. Có các nhân duyên như vậy phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát giác tri, hãy chớ nghĩ, chớ nói.

Hoặc khi chép kinh Bát-nhã Ba-la-mật, người độn căn được sự cung kính, cúng dường nhiều hay sinh tâm ái trước, nghĩ rằng: Ta chép được, hành theo được kinh. Có sự ái trước lợi dưỡng ấy tức là ma sự. Còn người lợi căn thì ma suy nghĩ Bồ-tát lợi căn ấy không ái trước cái vui thế gian, nhất tâm thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật, người ấy ta không thể phá hoại. Ta nay nên đem kinh thâm diệu của Thanh văn làm chuyển đổi tâm kia, khiến thành A-la-hán.

Phật dạy: Kinh Thanh văn tuy sâu xa, không nên tham đắm, thí như cục vàng đốt cháy, sắc tuy đẹp mà không thể cầm. Nếu Bồ-tát không có phương tiện (trí tuệ) không có lợi căn lớn, gặp được kinh này hoan hỷ cho là không, vô tướng, vô tác, làm dứt hết gốc khổ, không còn chi hôn, liền bỏ kinh Bát-nhã Ba-la-mật, ấy cũng là ma sự. Vì sao? Vì trong đây Phật nói nhân duyên rằng: Ở trong Bát-nhã Ba-la-mật nói rộng pháp phương tiện của Bồ-tát, là quán Thanh văn, Bích-chi Phật đạo mà không thủ chứng, vì tâm đại bi nên thật hành ba môn giải thoát, thí như lấy ván sữa hòa với chất độc, thế lực chất độc tiêu tan, không thể hại người. Bát-nhã cũng như vậy, Bồ-tát ở trong Bát-nhã cầu đạo Vô thượng dễ được, ở trong các kinh khác cầu khó được, như chỉ uống chất độc. Thế nên, không nên tìm đạo Bồ-tát trong kinh Thanh văn.

--oOo---

GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI BẢY: HAI BÊN KHÔNG HÒA HỢP

KINH: Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người nghe pháp muốn chép, thọ trì kinh Bát-nhã Ba-la-mật và đọc tụng, hỏi nghĩa, nhớ nghĩ đúng, song người thuyết pháp biếng nhác không muốn nói cho thì nên biết ấy là ma sự của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề! Người thuyết pháp tâm không biếng nhác, muốn bảo chép, thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật, mà người nghe pháp lại không muốn thọ, hai tâm không hòa hợp như vậy thì nên biết ấy là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người nghe pháp muốn chép, thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật, và đọc tụng, cho đến nhớ nghĩ đúng, mà người thuyết pháp lại muốn đi đến phương khác thì nên biết ấy là ma sự.

Tu-bồ-đề! Người thuyết pháp muốn bảo chép, thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật, song người nghe pháp lại muốn đi đến phương khác, hai tâm không hòa hợp như vậy thì nên biết ấy là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người thuyết pháp quý trọng của bố thí y phục, ẩm thực, đồ nằm, thuốc men, vật nuôi sống, mà người nghe pháp thì ít muốn biết đủ, tu hạnh xa lìa, nhiếp niệm tinh tấn, nhất tâm trí tuệ, hai bên không hòa hợp, nên không được chép Bát-nhã Ba-la-mật và thọ trì, đọc tụng, hỏi nghĩa, nhớ nghĩ đúng thì nên biết ấy là ma sự.

Tu-bồ-đề! Người thuyết pháp ít muốn biết đủ, tu hạnh xa lìa, nhiếp niệm tinh tấn, nhất tâm trí tuệ, mà người nghe pháp lại quý trọng của bố thí y phục, ẩm thực, đồ nằm, thuốc men, vật nuôi sống, hai bên không hòa hợp, nên không được chép, thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật và đọc tụng, hỏi nghĩa, nhớ nghĩ đúng, thì nên biết ấy là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Trong khi người thuyết pháp thọ trì mười hai hạnh đầu đà là:

1. Ở chỗ vắng (A-lan-nhã)
2. Thường khất thực,
3. Mặc áo vá,
4. Ngày ăn một bữa ngọ (nhất tọa thực)
5. Ăn có tiết độ,
6. Sau giờ ngọ không uống nước có bã,
7. Ở gò mả,
8. Ở dưới cây,
9. Ở chỗ đất trống,
10. Thường ngồi không nằm,
11. Theo thứ lớp khất thực,
12. Chỉ có ba y.

(Mười hai hạnh này nhiều chỗ ghi sai khác nhau - N.D), còn người nghe pháp lại không thọ trì mười hai hạnh đầu đà, không ở chỗ vắng cho đến không chỉ thọ bay, hai bên không hòa hợp nên không được chép, giữ gìn Bát-nhã Ba-la-mật và đọc tụng, hỏi nghĩ, nhớ nghĩ đúng. Nên biết ấy là ma sự.

Tu-bồ-đề! Trong khi người nghe pháp thọ trì mười hai hạnh đầu đà, ở chỗ vắng cho đến thọ chỉ ba y, còn người thuyết pháp không thọ trì mười hai hạnh đầu đà, không ở chỗ vắng, cho đến không thọ chỉ ba y, hai bên không hòa hợp, không chép, thọ trì Bát-nhã ba la mật và đọc tụng, hỏi nghĩa, nhớ nghĩ đúng được, nên biết ấy là ma sự.

LUẬN: Tất cả pháp hữu vi do nhân duyên hòa hợp sanh, các duyên

ly tán thì không có, thí như dùi đồ để lấy lửa, phải có cái dùi, có đồ mồi là hai thứ để có được lửa. Viết chép Bát-nhã cho đến nhớ nghĩ đúng cũng như vậy, phải có đủ nhân duyên trong ngoài hòa hợp mới thành, nghĩa là thầy và đệ tử phải đồng tâm đồng sự mới chép thành được. Thế nên Phật bảo Tu-bồ-đề, người nghe pháp, phát khởi năm thiện căn là tín, tấn, niệm, định, tuệ. Muốn chép, thọ trì Bát-nhã cho đến nhớ nghĩ đúng, mà người thuyết pháp vì năm triền cái che tâm nên không muốn thuyết!

Hỏi: Nếu vì năm triền cái che tâm nên không muốn thuyết, thế sao làm thầy?

Đáp: Người ấy đắm cái vui thế gian, chẳng quán không, vô thường, tuy tâm hiểu, miệng nói, mà không tự thật hành, còn đệ tử tuy tâm muốn tu mà không hiểu rõ, không có nôi nào khác nên phải hỏi người ấy; hoặc có khi thầy phát tâm từ bi muốn khiến chép, thọ trì Bát-nhã, mà đệ tử ám độn không phát khởi năm thiện căn, đắm cái vui thế gian, nên không muốn nghe lời chép, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã.

Hỏi: Nếu không muốn thọ trì, cớ sao gọi là người nghe pháp?

Đáp: Chỉ nghe lãnh thọ ít nhiều, và đọc tụng mà không rốt ráo thành tựu được, nên chỉ gọi là nghe pháp. Nếu cả hai người đồng có thiện tâm thì có thể được Bát-nhã Ba-la-mật, nếu không đồng có thiện tâm thì chẳng được, ấy gọi là ma sự.

Phiền não bên trong nổi lên, thiên tử ma bên ngoài bèn trợ duyên, xa lìa Bát-nhã, thì Bồ-tát nên giác tỉnh biết đó là ma, ngăn đừng cho khởi. Nếu tự mình thối mất, hãy làm cho đầy đủ lại; nếu đệ tử thối mất, hãy dạy cho được lại.

Lại nữa, hoặc thầy có tâm từ bi mỏng, bỏ đệ tử mà đi đến phương khác, hoặc vì không thích với đất nước, bốn đại chẳng hòa; hoặc vì thiện pháp không được tăng ích, hoặc vì lạnh nóng không hợp, hoặc vì đất đai hoang vu, vì các nhân duyên như vậy mà đi đến phương khác, trong khi đó đệ tử cũng vì các nhân duyên mà không thể đi theo thầy. Có người vì quý trọng lợi dưỡng, như trên nói vì năm triền cái che tâm v.v...

Lại nữa, hai người đều có lòng tin, có giới hạnh, mà một người dùng mười hai hạnh đầu đà để trang nghiêm giới, còn một người không thể.

Hỏi: Vì sao một người không thể?

Đáp: Phật kiết giới, đệ tử thọ trì, mười hai hạnh đầu đà không gọi là giới, thật hành được thì giới được trang nghiêm, không thật hành được không phải là phạm giới, thí như bố thí, làm thì được phước, không bố thí được cũng không có tội. Hạnh đầu đà cũng như vậy. Thế nên, hai bên không hòa hợp, là ma sự.

Mười hai hạnh đầu đà là, hành giả cho việc ở nhà sinh phiền não, nên bỏ cha mẹ, vợ con, quyến thuộc, xuất gia hành đạo, song thầy trò đồng học thì trở lại bị ràng buộc, tâm lại rối loạn, thế nên thọ phép ở chỗ vắng, để thân xa lìa ồn ào, ở chỗ không nhàn.

Xa lìa là gần nhất trong ba dặm, xa hôn nữa càng hay. Được thân xa lìa rồi, cũng nên khiến tâm xa lìa năm dục, năm triền cái.

Nếu nhận lời mời ăn, hoặc ăn cùng chúng Tăng là nhân duyên dễ khởi lên lậu hoặc. Vì sao? Vì nhận lời mời ăn, nếu được mời thì nghĩ rằng ta là người tốt có phước đức nên được mời; nếu không được mời thì chê người kia không hiểu biết, người không đáng mời lại mời, người đáng mời lại không mời. Hoặc tự khinh bạc, áo não tự trách mà sinh buồn khổ. Sự tham ưu đó dễ làm ngăn ngại đạo.

Ăn cùng chúng Tăng là, vào giữa chúng, tất phải theo qui tắc của chúng, xử đốn công việc, đuổi người, liệu lý việc chúng tăng, phân xử sai khiến, thì tâm bị tán loạn, phế bỏ tu đạo. Vì những việc làm não loạn như vậy, nên thọ pháp thường khất thực.

Vì áo đẹp nên phải dong ruổi bốn phương, rơi vào lối sống tà mạng; nếu nhận áo tốt của người cho, thì sanh tâm gần gũi ái trước, nếu không gần gũi ái trước họ thì Đàn-việt hận. Nếu ở giữa chúng nhận được y thì có các lỗi như trên nói. Lại y tốt là chỗ tham đắm của người chưa đắc đạo. Vì y tốt mà chuốc lấy nạn giặc cướp, hoặc phải mất mạng, có những tai hoạn như vậy, nên thọ pháp mặc áo vá xấu xí. Hành giả nghĩ rằng: Tìm một bữa ăn trong một ngày còn nhiều trở ngại, huống gì bữa ăn nhẹ, ăn giữa ngọ, ăn sau ngọ, nếu không tự giảm bớt, thì mất công nữa ngày, không thể nhất tâm hành đạo.

Phật pháp cốt vì tu đạo, không phải vì nuôi thân, như nuôi ngựa nuôi heo, vì thế nên dứt việc thường ăn; thọ pháp ngày ăn một bữa ngọ.

Có người tuy ngày ăn một bữa ngọ, mà tâm tham ăn quá độ, bụng phình hôi thở nghẹt, phế bỏ tu đạo. Thế nên, thọ pháp ăn có tiết độ; tiết độ là lược nói tùy sức ăn được, ba phần chừa lại một phần, thời thân nhẹ nhàng an ổn, dễ tiêu, không có bệnh. Thân không tổn hại, thời việc hành đạo không phế bỏ. Như trong kinh, ngài Xá-lợi-phất nói: "Nếu ta ăn năm miếng sáu miếng, bổ túc thêm nước, là đủ nuôi thân". (Với người Trung Quốc ăn trưa có thể kể mười miếng (?).)

Có người tuy ăn có tiết độ, nhưng quá giờ ngọ còn uống nước có bã thì tâm sanh vui đắm, nên tìm nước gạo, nước quả, nước mật v.v... muốn uống mãi không chán, nên không thể nhất tâm tu tập thiện pháp, như ngựa không buộc dây cương, cứ muốn ăn cỏ quanh quẩn, không chịu lên đường,

nếu có dây cương thì ý muốn ăn cỏ không còn, đi theo ý người. Vì thế, nên thọ pháp sau giờ ngọ không uống nước có xác.

Quán không, quán vô thường là cửa ban đầu bước vào Phật pháp, hay làm chán lìa ba cõi.

Gò mả thường có tiếng khóc lóc buồn than, thây chết bừa bãi, tận mắt thấy cảnh vô thường. Sau đó hoặc thiêu cháy, bị chim thú ăn, không bao lâu tiêu hết. Nhân quán thây chết mà dễ ngộ được tướng vô thường, tướng không của các pháp. Lại ở gò mả, hoặc thấy thây chết tan rã hôi hám bất tịnh, dễ thành được quán chín cách (cửu tưởng quán). Đây là cửa ban đầu để lìa tham dục. Vì vậy nên thọ pháp ở giữa gò mả, quán bất tịnh, vô thường xong, việc đắc đạo thành, bỏ gò mả mà đi đến dưới cây, người chưa đắc đạo, tâm không quá chán, thì hãy thủ lấy tướng thây chết, ở dưới cây suy nghĩ: Như Phật lúc Đản sanh, lúc thành đạo, lúc Chuyển pháp luân, lúc vào Niết-bàn đều ở dưới cây. Hành giả theo phép tắc của chư Phật thường ở dưới cây. Do các nhân duyên như vậy nên thọ pháp ở dưới cây. Do các nhân duyên như vậy nên thọ pháp ở dưới cây.

Hoặc hành giả quán dưới gốc cây không khác gì nửa cái nhà, che im vui mát. Lại nếu sanh tâm ái trước cho rằng ta ở cây này rất tốt, cây kia không bằng, vì sanh tâm lậu hoặc như vậy, nên phải đi đến ở chỗ đất trống, suy nghĩ rằng: Ở dưới cây có hai việc dở: 1. Mưa dột ẩm ướt, 2. Phân chim nhớp thân, trùng độc chung đụng, còn chỗ đất trống thì không có việc dở đó. Ở chỗ đất trống thì mặc y thuyết pháp, tùy ý vui thích. Trăng sáng soi khắp, bầu trời trong sáng, tâm dễ nhập vào "không tam-muội". Trong bốn oai nghi của thân, ngồi là tốt nhất, ăn dễ tiêu hóa, hôi
thở điều hòa. Người cầu đạo, việc lớn chưa thành, giặc phiền não thường rình tìm chỗ, thuận tiện, vậy không nên nằm yên. Nếu đi, nếu đứng thì tâm động khó thu nhiếp, và cũng không thể đi lâu, đứng lâu. Vì thế nên thọ pháp thường ngồi. Nếu khi muốn ngủ, thì hông không dính chiếu.

Hành giả không đắm trước vị ngon, không khinh chúng sanh, tâm bình đẳng thương xót, mà thứ lớp khất thực, không chọn nôi giàu nghèo, nên thọ pháp thứ lớp khất thực.

Hành giả ít muốn biết đủ, áo đủ che thân, không nhiều không ít, nên chỉ có ba y. Người bạch y (hàng mặc trắng tức cư sĩ - N.D) vì cầu vui nên chứa nhiều áo; hoặc có kẻ ngoại đạo tu khổ hạnh trần truồng không biết hổ. Thế nên đệ tử Phật lìa bỏ hai cực đoan ấy, hành xử theo trung đạo.

Chỗ ở chỗ ăn thường dùng hằng ngày nên nhiều việc, còn áo không cần tìm cầu hằng ngày, nên lược nói.

Mười hai hạnh đầu đà ấy là ý Phật muốn khiến đệ tử hành theo đạo,

bỏ cái vui thế gian, nên tán thán mười hai hạnh đầu đà. Ý Phật thường lấy hạnh đầu đà làm gốc, vì có nhân duyên chẳng đặng đừng nên mới cho phép làm các việc khác. Như lúc Phật chuyển động bánh xe pháp, năm Tỳ-kheo mới đắc đạo, thưa Phật rằng: Chúng con nên mặc áo gì? Phật dạy: Nên mặc áo vá. Lại khi thọ giới pháp, phải suốt đời mặc áo vá, khất thực, ở dưới cây, dùng thuốc dư để chữa bệnh. Đối với bốn Thánh chủng xưa, trong đó hạnh đầu đà gồm có ba Thánh chủng.

Phật pháp chỉ lấy trí tuệ làm gốc, không vì sợ khổ làm đầu, cách ấy đều giúp đạo, tùy thuận đạo, nên Phật thường tán thán.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 69

GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI BẢY (Tiếp): HAI BÊN KHÔNG HÒA HỢP

KINH: Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người thuyết pháp có lòng tin có căn lành, muốn chép, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, song người nghe pháp không có lòng tin, phá giới, làm việc ác, không muốn chép, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu; nên biết ấy là ma sự.

Tu-bồ-đề! Người nghe pháp có lòng tin, có căn lành, mà người thuyết pháp, không có lòng tin, phá giới, làm việc ác, hai bên không hòa hợp; nên biết ấy là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người thuyết pháp, có thể bố thí tất cả, tâm không lẫn tiếc, song người nghe pháp tâm lẫn tiếc không thí xả, nên biết ấy là ma sự. Tu-bồ-đề! Người nghe pháp bố thí được tất cả, tâm không lẫn tiếc, còn người thuyết pháp lẫn pháp không bố thí, hai bên không hòa hợp, không được chép, thọ trì, cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật; nên biết ấy là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người nghe pháp muốn cúng dường người thuyết pháp y phục, ẩm thực, đồ nằm, thuốc men, vật cần dùng nuôi sống, song người thuyết pháp không muốn thọ nhận, nên biết ấy là ma sự. Tu-bồ-đề! Người thuyết pháp muốn cung cấp người nghe pháp y phục, cho đến vật cần dùng để nuôi sống, mà người nghe pháp không muốn thọ nhận, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật, nên biết ấy là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người thuyết pháp dễ ngộ, song người nghe pháp ám độn, nên biết ấy là ma sự. Tu-bồ-đề! Người nghe pháp dễ ngộ, mà người thuyết pháp ám độn, hai bên không hòa hợp, không được chép thành, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng được Bát-nhã Ba-la-mật, nên biết ấy là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người thuyết pháp biết nghĩa thứ lớp mười hai bộ kinh, đó là Tu-đa-la cho đến Ưu-ba-đề-xá, song người nghe pháp

không biết nghĩa thứ lớp mười hai bộ kinh, nên biết ấy là ma sự. Hoặc người nghe pháp biết nghĩa thứ lớp mười hai bộ kinh, mà người thuyết pháp không biết nghĩa thứ lớp mười hai bộ kinh, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, nên biết ấy là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người thuyết pháp thành tựu sáu Ba-la-mật, song người nghe pháp không thành tựu sáu Ba-la-mật, hai bên không hòa hợp, không được chép cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, nên biết ấy là ma sự. Hoặc người nghe pháp có sáu Ba-la-mật, mà người thuyết pháp không có sáu Ba-la-mật, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, nên biết ấy là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người thuyết pháp đối với sáu Ba-la-mật, có sức phương tiện, song người nghe pháp đối với sáu Ba-la-mật không có sức phương tiện, hai bên không hòa hợp, không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật, nên biết ấy là ma sự. Hoặc người nghe pháp đối với sáu Ba-la-mật có sức phương tiện, mà người thuyết pháp đối với sáu Ba-la-mật không có sức phương tiện, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật, nên biết ấy là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người thuyết pháp được Đà-la-ni, song người nghe pháp không có Đà-la-ni, hai bên không hòa hợp, không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, nên biết ấy là ma sự. Hoặc người nghe pháp được Đà-la-ni, mà người thuyết pháp không có Đà-la-ni, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, nên biết ấy là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người thuyết pháp muốn khiến chép thọ trì, đọc tụng cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật, song người nghe pháp không muốn chép, thọ trì, đọc tụng cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật, nên biết ấy là ma sự. Hoặc người nghe pháp muốn chép, đọc tụng cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật, mà người thuyết pháp không muốn khiến chép Bát-nhã Ba-la-mật, cho
đến không muốn khiến giảng thuyết, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, nên biết ấy là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người thuyết pháp lìa tham dục, sân nhuế, ngủ nghỉ, giao động, hối hận, nghi ngờ, song người nghe pháp thì tham dục,

sân nhuế, ngủ nghỉ, giao động, hối hận, nghi ngờ, nên biết ấy là ma sự. Hoặc người nghe pháp lìa tham dục, sân nhuế, ngủ nghỉ, giao động, hối hận, nghi ngô, mà người thuyết pháp thì tham dục, sân nhuế, ngủ nghỉ, giao động, hối hận, nghi ngờ, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, nên biết ấy là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Trong khi chép cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, hoặc có người đi đến nói việc khổ thống trong ba đường ác, và khuyên sao người không ở nôi thân này dứt khổ vào Niết-bàn, dùng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy làm gì, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật, nên biết ấy là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Trong khi chép, thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, hoặc có người đi đến tán thán các cõi trời Tứ Thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời hóa-lạc, trời Tha-hóa-tự-tại, trời Phạm cho đến trời Phi hữu tưởng Phi vô tưởng; tán thán Sô thiền cho đến Phi hữu tưởng Phi vô tưởng định, nói rằng: Này thiện nam tử! Dầu ở trong cõi Dục hưởng thọ khối lạc năm dục, ở trong cõi Sắc hưởng thọ cái vui do thiền định phát sanh, ở trong cõi Vô sắc hưởng thọ cái vui tịch diệt, các việc ấy cũng vô thường, khổ, không, vô ngã, là tướng biến đổi, tướng diệt tận, tướng tan rã, tướng ly tán, tướng hoại diệt, sao người không do nơi thân này thủ chứng quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật? Cần gì chịu đủ thứ khổ trong thế gian sanh tử để cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm gì? Hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, nên biết ấy là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người thuyết pháp, sống một mình không hệ lụy, tự tại vô ngại, song người nghe pháp nuôi dưỡng nhiều người, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, nên biết ấy là ma sự. Hoặc người nghe pháp sống một mình không hệ lụy, tự tại vô ngại, mà người thuyết pháp lại nuôi nhiều người, hai bên không hòa hợp, nên không chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, nên biết ấy là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người thuyết pháp nói như vầy: Ngươi theo được ý ta, ta sẽ cho ngươi Bát-nhã Ba-la-mật khiến chép, đọc tụng, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng; nếu không theo ý ta, thì ta không cho ngươi, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành, đọc tụng, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu; nên biết ấy là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người nghe pháp muốn được theo như ý người thuyết pháp, mà người thuyết pháp không chịu, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, nên biết ấy là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người thuyết pháp muốn được tài vật lợi dưỡng, nên đưa cho kinh Bát-nhã Ba-la-mật bảo chép, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng, song người nghe pháp vì lý do ấy nên không muốn làm theo, hai bên không hòa hợp, nên không được chép cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, nên biết ấy là ma sự. Hoặc người nghe pháp vì tài vật lợi dương, nên muốn chép, đọc tụng, thuyết giảng Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, còn người thuyết pháp vì lý do ấy nên không muốn thuyết cho, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành, đọc tụng thuyết giảng Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, nên biết ấy là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người thuyết pháp muốn đi đến chỗ nguy hiểm tánh mạng ở phương xa, song người nghe pháp không muốn đi theo, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, nên biết ấy là ma sự. Hoặc người nghe pháp muốn đi đến chỗ nguy hiểm tánh mạng ở phương xa, mà người thuyết pháp không muốn đi, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, nên biết ấy là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người thuyết pháp, muốn đi đến chỗ đói khát, gạo hiếm, nước không, ở phương xa, song người nghe pháp không muốn đi theo, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, nên biết ấy là ma sự. Hoặc người nghe pháp muốn đi đến chỗ đói khát, gạo hiếm, nước không, ở phương xa, còn người thuyết pháp không muốn đi, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, nên biết ấy là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người thuyết pháp muốn đi đến chỗ giàu vui ở phương xa, người nghe pháp muốn đi theo, người thuyết pháp nói: Này thiện nam tử! Ngươi vì lợi dưỡng mà đi theo ta, ngươi hãy khéo tự suy nghĩ, hoặc được hoặc không được, đừng để hối hận về sau. Vì chút ít lý do đó hai bên không hòa hợp, người nghe pháp nghe nói như vậy tâm sanh chán, nghĩ rằng ấy là đối nghịch không muốn cho ta đi theo, bèn ngưng không đi, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, nên biết ấy là ma sự. Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người thuyết pháp muốn đi qua chỗ đồng trống,
chỗ giặc đáng sợ, chỗ hạng Chiên-đà-la đáng sợ, chỗ thợ săn, thú dữ, rắn

độc đáng sợ, người nghe pháp cũng muốn đi theo, người thuyết pháp nói: Này thiện nam tử! Ngươi cần gì đi đến đó, trong đó có nhiều điều đáng sợ, giặc cho đến rắn độc đáng sợ, người nghe pháp nghe nói như vậy, biết người kia không muốn cho chép, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật, tâm chán không muốn đi theo. Vì chút ít lý do đó, hai bên không hòa hợp, nên biết ấy là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người thuyết pháp có nhiều Đàn-việt, thường đến thăm hỏi, vì nhân duyên ấy, nói với người nghe pháp rằng: Ta có nhân duyên, ngươi nên đi nôi khác. Người nghe pháp biết ý kia bèn ngừng, hai bên không hòa hợp, nên không được chép thành cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, nên biết ấy là ma sự.

LUẬN: Hỏi: Có người chép, thọ trì, đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật, nhưng không tu hành được mà phạm giới, hoặc có việc như vậy, nếu không tin thì tại sao lại đi theo họ thọ pháp?

Đáp: Người ấy không tin Bát-nhã Ba-la-mật nói về rốt ráo không, song vì cầu danh nên đọc tụng, giảng rộng, giống như đệ tử Phật không tin kinh sách ngoại đạo mà cũng giảng nói cho người khác.

Lại nữa, không có tâm tin vui sâu xa về Bát-nhã nên gọi là không tin, chứ chẳng phải hoàn toàn không tin.

Hỏi: Theo pháp thì đệ tử nên cúng dường thầy, cung phụng các điều có được, vì sao lại nói thầy không thể bố thí được?

Đáp: Đệ tử nghĩ rằng: Thầy có vật ít mà không thí xả được, huống gì xả thân, tuy tán thán việc bố thí, đó chỉ là hư dối, thế nên gọi là không hòa hợp. Đệ tử muốn lấy bốn việc cúng dường thầy, và thầy ít muốn biết đủ nên không nhận, hoặc hổ thẹn giống như buôn bán pháp nên không nhận. Hoặc thầy biết nhiều hiểu nhiều không thiếu thứ gì, có thể cung cấp cho đệ tử song đệ tử lại tự nghĩ rằng: Người ta sẽ cho mình tham cơm áo của thầy nên đến thọ pháp, hoặc tự cho mình đức mỏng không tiêu hóa nổi vật của thầy cho. Tâm ấy tuy tốt, mà không thành Bát-nhã, đó cũng là ma sự.

Thầy độn căn là, thầy tụng kinh, chẳng phải thầy hiểu nghĩa; tụng mười hai bộ kinh, cũng là thầy tụng kinh.

Lại nữa, vị thầy có sáu Ba-la-mật nghĩ rằng: Đệ tử là người có tội, độn căn, không hành được sáu Ba-la-mật, say đắm việc thế gian, chỉ có danh đệ tử, không có sự thật. Vị thầy ấy không biết rằng đệ tử sau khi nghe Bát-nhã được việc lớn, chỉ vì hiện tiền không có sáu Ba-la-mật, mà không chịu giáo hóa. Trái lại đệ tử cũng nghĩ rằng lý nghĩa sáu Ba-la-mật, ta cũng tu hành được, còn thầy chỉ nói miệng không thể tu hành, mà không

biết rằng thầy gặp nhân duyên chuyển đổi thân, sẽ thành đại sự; lại không biết rằng thầy có sự lợi ích về đọc tụng, vì thế nên hai bên không hòa hợp.

Lại nữa, đệ tử tin tưởng đắm trước thiện pháp, còn thầy không đắm pháp, dùng phương tiện hành sáu Ba-la-mật, đệ tử bảo thầy không có tâm ưa thích sâu xa sáu Ba-la-mật. Vì sao biết? Vì có khi thầy tán thán sáu Ba-la-mật, có khi vì dứt tâm chấp trước của người mà phá tán thán sáu Ba-la-mật. Trái lại, đệ tử có phương tiện (trí tuệ) cũng như vậy.

Hỏi: Nếu đệ tử được Đà-la-ni, mà thầy không được Đà-la-ni, vì sao làm thầy?

Đáp: Đà-la-ni có nhiều thứ: Có đệ tử được văn trì Đà-la-ni (thứ thần chú nghe đâu nhớ đó - N.D) thọ trì đọc tụng, mà không hiểu nghĩa, vị thầy có thể giải thuyết cho. Hoặc đệ tử có được Đà-la-ni hiểu nghĩa thật tướng các pháp, mà không thể thứ lớp đọc tụng. Hoặc vị thầy được Đà-la-ni văn trì, mà chưa có tâm đại bi, nên khinh thị đệ tử, không thể dạy đạo.

Hỏi: Đệ tử muốn thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật, mà thầy không dạy cho, hoặc có thể có trường hợp là vì sao thầy muốn dạy pháp cho mà đệ tử không nhận?

Đáp: Như trước đáp, vì đệ tử thấy thầy có lỗi, nên không muốn lãnh thọ pháp! Lại vị thầy muốn giáo hóa người trước mặt làm đệ tử, mà người ấy hoặc vì có tà kiến, các điều ác, nên không chịu thọ giáo.

Lại nữa, sở hành của hết thảy chúng sanh nếu đồng nhau thì dễ hòa hợp, còn nếu một người lìa năm dục, một người không lìa nên khinh nhau, khinh nhau nên không hòa hợp. Tất cả chúng sanh đều như vậy.

Lại nữa, trong khi chép tụng, nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật, một người quở trách ba ác đạo, một người tán thán chư thiên. Việc này như trước đã đáp, tuy không thể phá hoàn toàn thiện hạnh người kia, chỉ phá hoại Đại thừa của người kia mà trả pháp Tiểu thừa.

Lại nữa, thầy ít muốn, biết đủ, không ưa tụ tập đông người, còn đệ tử thì có đông người. Vị thầy nghĩ rằng: Đệ tử tuy tốt có thể độ được, mà nuôi đồ chúng nhiều. Trái lại thầy cứ đắm sâu vào thiện pháp, xa lìa đệ tử, đệ tử sống một mình cũng như vậy.

Lại nữa, ý người thuyết pháp là, nếu đệ tử tu hành theo ý ta, hoặc đi hoặc ở, tùy lúc hỏi han v.v... còn người nghe pháp chỉ muốn cầu cái lợi của giáo pháp, không thể hành xử việc chúng, thế là không hòa hợp. Hoặc có khi người nghe pháp theo ý tới lui hỏi han v.v... mà người thuyết pháp không cho, nghĩ rằng: Cần gì việc ấy, tổn công đức ta; ý người nghe pháp cho đó là khinh thị, không hoan hỷ với nhau được. Thế là không hòa hợp.

Lại nữa, vị thầy vì lợi dưỡng nên muốn dạy pháp cho, tâm đệ tử thì

không kính thầy, tại sao thầy lại muốn bán kinh pháp. Trái lại, đệ tử cũng như vậy, vì tài vật lợi dưỡng nên đọc tụng Bát-nhã, chứ chẳng phải tâm thanh tịnh. Thầy biết tâm đệ tử như thế, thì khinh chê không chịu dạy cho. Thế nên không hòa hợp.

Lại nữa, vị thầy muốn đi đến phương xa, trải qua đường hiểm nạn, đệ tử vì tiếc thân mạng không đi theo, nghĩ rằng: Ta có thân vậy sau mới cầu pháp. Trái lại đệ tử muốn đi cũng như vậy, muốn đi đến chỗ đói khát, gạo hiếm, nước không, cũng như vậy.

Lại nữa, vị thầy muốn đi đến chỗ giàu vui, đệ tử không muốn đi theo thầy, mà thầy hoặc hổ thẹn không muốn đem đi, hoặc đệ tử quen thói vui chơi không thể lặn lội đi xa, hoặc đường sá xa thẳm, hoặc thầy biết rõ nước kia, còn đệ tử không hiểu mà cho thầy khen tốt nước kia, chứ chưa chắc có thật như vậy, hoặc nghĩ rằng: Thầy ham ăn uống nên đi. Do các nhân duyên như vậy, thầy nói với đệ tử như người nghe nói những điều ở nước kia, không hẳn có đủ nhân duyên như vậy, hãy tự suy tính, nếu muốn đi thì đi đừng do tài vật giàu vui mà đi, khi đến nước kia không được vừa ý, chớ thán oán. Thầy lại nói người nghe nước kia giàu vui nên đi chứ không phải vì pháp, nên không cần theo ta. Thầy có lòng tốt ngăn đệ tử, mà không biết đó là nhân duyên phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật, đệ tử nghe lời ấy, kính sợ thầy nên không đáp được, liền ngưng không đi, nên không hòa hợp.

Hoặc thầy muốn đi đến nước xa, trong đó có đủ thứ cọp beo, giặc, trộm, nói với đệ tử rằng: Chỗ kia có nhiều tai nạn, người không cần đi, đệ tử nghe rồi ngưng không đi, thầy chỉ biết ở kia có nạn sự nên ngăn đệ tử mà không biết đó là nhân duyên phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Nếu ở nước xa có nhiều nạn, cớ sao thầy đi một mình?

Đáp: Có người trả lời, vì thầy sanh ra ở nước đó, đã chịu quen ở nước đó, có thể tự phòng hộ được. Có người nói: Ở nước kia có thầy giỏi, có kinh sách, nên không tiếc thân mạng rồi đi, thầy nghĩ rằng thân ta chết một mình thì có thể, chứ cớ sao làm oan uổng đệ tử, vì lẽ đó nên ngăn không để đệ tử đi.

Hoặc thầy có nhiều Đàn-việt quen biết, tâm sanh vui đắm, còn đệ tử ít muốn biết đủ, không tham đắm Đàn-việt; thầy thường tùy thì hỏi han Đàn-việt, còn đệ tử chỉ muốn cầu pháp, không ưa việc ấy. Thầy biết ý, nói rằng: Ta có nhân duyên, không nói pháp cho ngươi được. Đệ tử nghe rồi không vui, thầy quí cái duyên thế tục, không qui pháp thế là không hòa hợp.

KINH: Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ác ma hiện làm thân tướng Tỳ-kheo đi

đến, dùng phương tiện phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật, không để cho được chép thành, giữ gìn, đọc tụng, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng : Bạch đức Thế Tôn! Vì nhân duyên gì ác ma hiện làm hình tướng Tỳ-kheo, dùng phương tiện phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật, không để cho được chép thành, giữ gìn, cho đến nhớ nghĩ đúng? Phật dạy: Ác ma hiện làm thân tướng Tỳ-kheo đi đến phá hoại tâm thiện nam tử thiện nữ nhân, làm cho xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật, nói rằng: "Như kinh của ta nói tức Bát-nhã Ba-la-mật, còn kinh này chẳng phải Bát-nhã Ba-la-mật".

Tu-bồ-đề! Trong đây khi các Tỳ-kheo phá hoại, có vị Bồ-tát chưa được thọ ký liền rơi vào nghi hoặc, rơi vào nghi hoặc nên không chép kinh Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu; không thọ, không trì cho đến không nhớ nghĩ thành Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến nhớ nghĩ đúng, nên biết ấy là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ác ma hiện làm thân tướng Tỳ-kheo đi đến chỗ Bồ-tát nói rằng: Nếu Bồ-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật thì thật tế chỉ chứng được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, được Bích-chi Phật đạo. Vì không hòa hợp như thế không chép thành được cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu; nên biết ấy là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Trong khi nói Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, có nhiều ma sự khởi lên, làm chướng nạn Bát-nhã Ba-la-mật, ấy là ma sự. Bồ-tát ma-ha-tát hãy giác tri, giác tri rồi xa lìa. Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Những gì là ma sự làm chướng nạn, Bồ-tát nên phải giác tri, giác tri rồi xa lìa?

Phật dạy: Chính Bát-nhã Ba-la-mật tương tợ, là ma sự khởi lên, Thiền Ba-la-mật tương tợ, Giới Ba-la-mật tương tợ Tấn Ba-la-mật tương tợ, Nhẫn Ba-la-mật tương tợ, Thí Ba-la-mật tương tợ là ma sự khởi lên, mà Bồ-tát nên phải giác tri, giác tri rồi xa lìa.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Các kinh của hàng Thanh văn, Bích-chi Phật, phải hành trì, Bồ-tát ma-ha-tát nên biết đó là ma sự, mà xa lìa nó.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo phần, ba môn giải thoát là không, vô tướng, vô tác, hành trì theo pháp này thì chứng được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật. Các kinh như vậy, ác ma giả hiện làm hình tướng Tỳ-kheo, khéo léo đem cho Bồ-tát. Thế là không hòa hợp, không chép thành Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu được, cho đến nhớ nghĩ đúng, nên biết ấy là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ác ma giả hiện làm thân Phật, sắc vàng tỏa sáng

một trượng, đi đến chỗ Bồ-tát, Bồ-tát ấy vì tham đắm, nên bị hao tổn trí Tát-bà-nhã. Thế là không hòa hợp, không chép thành Bát-nhã Ba-la-mật được, cho đến nhớ nghĩ đúng, nên biết ấy là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ác ma giả hiện làm thân Phật và Tỳ-kheo Tăng, đi đến trước Bồ-tát, Bồ-tát ấy khởi tâm tham đắm, nghĩ rằng: Ta đời sau cũng sẽ làm Tỳ-kheo Tăng, như vậy để thuyết pháp cho người; Bồ-tát tham đắm thân ma nên bị hao tổn trí Tát-bà-nhã, không chép thành Bát-nhã Ba-la-mật được, cho đến nhớ nghĩ đúng, nên biết ấy là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ác ma hóa làm vô số trăm ngàn vạn ức Bồ-tát tu hành Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, rồi chỉ bày cho thiện nam tử, thiện nữ nhân, thiện nam tử thiện nữa nhân ấy thấy rồi tham đắm nên bị hao tổn trí Tát-bà-nhã, không chép thành Bát-nhã Ba-la-mật được cho đến nhớ nghĩ đúng, nên biết ấy là ma sự. Vì sao? Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; cho đến không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật, nếu không có sắc, cho đến không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì trong ấy không có Phật, không có Thanh văn, không có Bích-chi Phật, không có Bồ-tát. Vì sao? Vì hết thảy pháp tự tánh không vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Thiện nam tử thiện nữ nhân, khi chép Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng, nhớ nghĩ đúng, thường có nhiều chướng nạn nổi lên. Tu-bồ-đề! Thí như trong cõi Diêm-phù-đề, những thứ trân bảo, vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mả não, san hô v.v... thường gặp nhiều nạn giặc. Như vậy, Tu-bồ-đề! Thiện nam tử thiện nữ nhân, trong khi chép Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, cho đến nhớ nghĩ đúng, thường gặp nhiều giặc, nhiều chướng nạn khởi lên.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Như vậy, bạch đức Thế Tôn! Trong cõi Diêm-phù-đề các thứ trân bảo, vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mả não, san hô v.v... thường có nhiều giặc, nhiều nạn. Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử thiện nữ nhân cũng như vậy, trong khi chép thành Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu cho đến nhớ nghĩ đúng, thường có nhiều giặc nhiều nạn khởi lên, có nhiều ma sự. Vì sao? Vì người ấy ngu si bị ma sai sử, trong khi thiện nam tử thiện nữ nhân chép Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu cho đến nhớ nghĩ đúng, bị phá hoại làm cho xa lìa.

Bạch đức Thế Tôn! Người ngu si ấy rất ít trí tuệ, nên khi chép Bát-nhã Ba-la-mật cho đến nhớ nghĩ đúng, ma đến phá hoại làm cho xa lìa. Người ngu si ấy tâm không ưa pháp lớn, cho nên không chép Bát-nhã Ba-

la-mật, không thọ, không đọc, không tụng, không nhớ nghĩ đúng, không tu hành như nói, ma cũng phá hoại người khác, khiến cho không được chép thành Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, cho đến tu hành như nói. Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Tu-bồ-đề! Thiện nam tử thiện nữ nhân mới phát tâm Đại thừa, bị ma sai sử, không trồng căn lành, không cúng dường chư Phật, không theo thiện tri thức, nên không chép thành Bát-nhã Ba-la-mật được, cho đến không nhớ nghĩ đúng, nên gây chướng nạn. Thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, ít trí ít tuệ, tâm không ưa Đại thừa, thế nên không thể chép kinh Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, cho đến nhớ nghĩ đúng, vì ma sự khởi lên.

Tu-bồ-đề! Nếu thiện nam tử thiện nữ nhân khi chép được kinh Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, cho đến nhớ nghĩ đúng, thì ma sự không khởi lên, còn có thể đầy đủ Thiền Ba-la-mật cho đến Thí Ba-la-mật; có thể đầy đủ bốn niệm xứ cho đến trí nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề! Nên biết, nhờ Phật lực, thiện nam tử thiện nữ nhân có thể chép kinh Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu cho đến nhớ nghĩ đúng, cũng có thể đầy đủ Thiền Ba-la-mật cho đến Thí Ba-la-mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, đầy đủ bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, đầy đủ Phật lực cho đến trí nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề! Vô lượng vô biên vô số chư Phật trong mười phương hiện tại, cũng hỗ trợ cho thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, khiến chép thành Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu; cho đến nhớ nghĩ đúng. Các Bồ-tát ở địa vị bất thối trong mười phương, cũng ủng hộ phò trợ cho thiện nam tử thiện nữ nhân ấy, chép Bát-nhã Ba-la-mật cho đến nhớ nghĩ đúng.

LUẬN: Ma hiện làm hình tướng đại Sa-môn, có oai đức lớn, làm cho người ta nghe theo lời nó, thường cầm kinh quyển cùng với đông đủ chúng đệ tử, nói với các Tỳ-kheo rằng: Bát-nhã Ba-la-mật, như trong kinh của ta nói mới đúng là Phật nói, còn Bát-nhã ngươi nghe trước đó, không thật, chẳng phải Phật nói, chê bai trước, mỗi mỗi tự tán thán lời mình nói. Bồ-tát độn căn tin thọ lời ấy sanh tà kiến; còn Bồ-tát lợi căn nhưng chưa được thọ ký thì sanh nghi. Vì sao? Vì nghĩ rốt ráo "không", vô tướng của Phật nói, trí tuệ khó hiểu, nên không hòa hợp. Có khi ma nói với Bồ-tát rằng: "Bát-nhã Ba-la-mật, ba cửa giải thoát, nói rộng chỉ là "không". Ông thường tập theo cái không đó, thì trong ấy chứng được; không chưng được thì làm sao làm Phật? Cách làm Phật là trước phải tu bố thí, trì giới v.v... tu phước đức về Ba mươi hai tướng, đến khi ngồi đạo tràng, bấy giờ mới dùng "không". Nghe nói vậy, Bồ-tát hoặc tin hoặc nghi, lìa bỏ Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Vì sao sáu Ba-la-mật tương tợ, gọi là ma sự?

Đáp: Như đã nói trong đoạn nói về Bát-nhã Ba-la-mật tương tợ.

Lại nữa, đem tâm chấp trước mà tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, ấy gọi là tương tợ. Trong kinh Thanh văn, Bích-chi Phật, không có nói từ bi, không cầu Phật đạo, chỉ muốn tự độ, tuy là việc tốt, nhưng phá đạo Bồ-tát, nên gọi là ma sự.

Hỏi: Nếu Bồ-tát thấy thân Phật, thì tín tâm thanh tịnh, tại sao gọi là ma sự?

Đáp: Tất cả phiền não chấp thủ tướng, đều là ma sự. Tiểu Bồ-tát chưa nên thấy Phật thân, ma hiện làm thân Phật rất dẹp, tâm Bồ-tát nhiễm đắm, vì cái thân đẹp ấy nên gắng tu đạo, như người chưa lìa dục, thấy hình con gái trời, tâm nhiễm đắm sâu, không thể hưởng được sự dục lạc cõi trời, mê muội mà chết, thế nên ma được mãn nguyện.

Bồ-tát tuy được chút ít tịnh tâm, mà bỏ mất trí tuệ thật tướng, như người tay cầm ngọc báu nặng cân, có người đem chút ít vàng dối phỉnh, liền bỏ ngọc báu có giá trị lớn, mà nhận lấy vật hèn, ấy gọi là hao tổn. Ma hiện làm thân Phật, dẫn các Tỳ-kheo chỉ cho thấy nhiều vị Bồ-tát tu sáu Ba-la-mật cũng như trên. Trong đây Phật nói lý do hết thảy sắc pháp v.v... tự tánh không.

Lại nữa, chúng hội sanh nghi: "Bát-nhã Ba-la-mật là pháp vô thượng, có lợi ích nhiều, tại sao có người ganh ghét"? Vì thế Phật nói thí dụ: Như trong cõi Diêm-phù-đề vì có vàng bạc, nên có nhiều oán nhiều giặc xuất hiện chớ không vì ngói đá.

Bát-nhã Ba-la-mật là diệu bảo trong kho tàng Phật pháp, vi diệu, thậm thâm, kẻ độn căn giải đãi không thể hiểu được, thế nên hủy báng. Ma vì cho rằng Bát-nhã Ba-la-mật làm cho nhiều chúng sanh vào Niết-bàn nên ma làm giặc oán. Tu-bồ-đề, vui mừng được lãnh thọ lời Phật, thuật lại lời Ngài dạy về kẻ hủy báng phá hoại Bát-nhã.

Bạch đức Thế Tôn! Người cuồng si ấy, bị ma sai sử, không được tự tại, vì thiếu trí nên không thể thông đạt ý Phật. Người ấy không có tâm lớn, không biết pháp vị trong sạch, chỉ biết ba tướng là tham vị, dâm dục, sân nhuế như súc sanh, làm chướng nạn đối với Bát-nhã.

Phật ấn khả lời Tu-bồ-đề nói, nói với Tu-bồ-đề rằng: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát chép Bát-nhã, cho đến nhớ nghĩ đúng, ma sự chẳng khởi lên, nên biết đó là nhờ sức ủng hộ của Phật và chư Phật Bồ-tát trong mười phương, mà có thể đầy đủ năm Ba-la-mật cho đến trí nhất thiết chủng, và cũng là do Phật lực trong hiện tại ở mười phương. Vì sao? Vì ma là chúa tể cõi Dục, đầy đủ phước đức trí tuệ thế gian; ma là căn bản sanh tử thế gian.

Chư thiên cõi Sắc, tuy có tà kiến mà thường vào thiền định, nên tâm nhu nhuyến, không thể có sự phá hoại gì; trong cõi Vô sắc thì vô hình và tâm vi tế, không thể làm gì; còn các trời dưới cõi Dục, không có thế lực nên không thể phá hoại như vậy.

Ma ở cõi Dục do nhân duyên của nghiệp lực đời trước và chỗ ở mà cướp lấy việc làm của người khác.

Chúa giặc gọi là ma, ấy là tướng ma phá hoại việc tốt.

Bồ-tát mới phát tâm, trí tuệ mỏng nên tiếc thân, nếu chư Phật, Bồ-tát mười phương không ủng hộ, tá trợ thì không thành được. Thế nên chư Phật, Bồ-tát, chư thiên là những vị phá hoại ma sự, mà Bồ-tát ấy hoặc biết hoặc không biết, giống như giặc đi quanh thành, người lớn thủ hộ mà trẻ con không hay biết.

Lược nói ma sự như vậy, nói rộng thì vô lượng vô biên. Nhưng ý Phật chỉ muốn khiến hành giả thành đại sự Bát-nhã, thế cho nên thầy trò phải hòa hợp, không nên để ý vào các việc ác.

--oOo-

GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI TÁM: PHẬT MẪU

KINH: Phật bảo Tu-bồ-đề: Thí như người mẹ có hoặc năm con, mười con, hai mươi con, ba mươi con, bốn mươi con, năm mươi con, hoặc trăm hoặc ngàn con, khi mẹ mắc bệnh, các người con siêng năng tìm cầu cứu chữa, nghĩ rằng: "Chúng ta làm sao làm cho mẹ được an, không có việc hoạn nạn đau khổ, không vui; gió, rét, lạnh, nóng, muỗi nhặng, rắn rết xâm phạm thân mẹ là điều lo lắng của chúng ta". Các người con thường tìm đồ vui thích cung dưỡng mẹ. Vì sao? Vì mẹ sanh nuôi chúng ta, chỉ bày cho chúng ta các sự nghiệp thế gian.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Phật thường dùng Phật nhãn quán sát hộ niệm Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, hay chỉ bày thật tướng thế gian; mười phương hiện tại chư Phật cũng lấy Phật nhãn xem thấy Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy hay sanh ra chư Phật, hay cho chư Phật Nhất thiết trí, hay chỉ bày thật tướng thế gian. Vì thế nên chư Phật thường lấy Phật nhãn xem Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy.

Lại vì Bát-nhã Ba-la-mật hay sanh ra Thiền Ba-la-mật, cho đến Thí Ba-la-mật; hay sanh nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; hay sanh bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, hay sanh mười lực cho đến trí

nhất thiết chủng của Phật; Bát-nhã Ba-la-mật hay sanh Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật, chư Phật.

Tu-bồ-đề! Chư Phật đã được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nay được, sẽ được, đều do nhân duyên Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu nên được.

Tu-bồ-đề! Nếu thiện nam tử thiện nữ nhân cầu Phật đạo, mà chép kinh Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, cho đến nhớ nghĩ đúng, chư Phật thường lấy Phật nhãn xem thấy người ấy.

Tu-bồ-đề! Thiện nam tử thiện nữ nhân cầu Bồ-tát đạo, được mười phương Phật thường thủ hộ, làm cho không thối thất Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Như Thế Tôn nói Bát-nhã Ba-la-mật hay sanh ra chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian. Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật làm sao hay sanh chư Phật, hay chỉ bày thật tướng thế gian? Làm sao chư Phật từ Bát-nhã Ba-la-mật sanh ra? Làm sao chư Phật nói tướng thế gian?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Từ trong Bát-nhã Ba-la-mật ấy sanh ra mười lực cho đến mười tám pháp không chung, trí nhất thiết chủng của chư Phật.

Tu-bồ-đề! Do được các pháp ấy nên gọi là Phật, vì Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu có khả năng sanh chư Phật; chư Phật nói năm uẩn là tướng thế gian.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Trong Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu nói tướng năm uẩn thế nào? Trong Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu chỉ bày năm uẩn thế nào?

Tu-bồ-đề! Trong Bát-nhã Ba-la-mật không chỉ bày năm uẩn có phá, có hoại, có sanh, có diệt, có nhơ có sạch, có tăng có giảm, có vào có ra, không chỉ bày quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì sao? Vì tướng "không" không có phá không có hoại; tướng "vô tướng" không có phá không có hoại, tướng "vô tác" không có phá không có hoại. Pháp không khởi, pháp không sanh, pháp không có gì của chính nó, pháp tánh, không có tướng phá, không có tướng hoại. Chỉ bày như vậy.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Phật nói trong Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu chỉ bày thật tướng thế gian.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Chư Phật nhân nói Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu mà biết rõ tâm sở hành của vô lượng vô biên vô số chúng sanh.

Tu-bồ-đề! Trong Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy không có chúng sanh, không có danh tự chúng sanh, không sắc không có danh tự sắc; không có thọ, tưởng, hành, thức; không có danh tự thọ, tưởng, hành, thức;

không có mắt cho đến không có ý, không có cái biết của mắt cho đến cái biết của ý; không có cái xúc chạm của mắt cho đến cái xúc chạm của ý; cho đến không có trí nhất thiết chủng, không có danh tự trí nhất thiết chủng. Như vậy, Tu-bồ-đề, là Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu chỉ bày thật tướng thế gian.

Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy không chỉ bày sắc, không chỉ bày thọ, tưởng, hành, thức; cho đến không chỉ bày trí nhất thiết chủng. Vì sao? Tu-bồ-đề! Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu còn không có Bát-nhã Ba-la-mật huống gì có sắc cho đến trí nhất thiết chủng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Sở dĩ có danh tự số lượng chúng sanh, hoặc có sắc, hoặc không có sắc, hoặc có tưởng, hoặc không có tưởng, hoặc chẳng phải có tưởng chẳng phải không có tưởng, hoặc ở thế giới này, hoặc khắp thế giới mười phương, các chúng sanh trong đó hoặc nhiếp tâm, hoặc loạn tâm, chư Phật đều biết đúng như thật nhiếp tâm, loạn tâm ấy.

Tu-bồ-đề! Làm sao Phật biết tướng nhiếp tâm, loạn tâm của chúng sanh? Do pháp tướng nên biết. Dùng pháp tướng gì nên biết?

Tu-bồ-đề! Trong pháp tướng ấy còn không có tướng pháp tướng, huống gì có nhiếp tâm loạn tâm. Tu-bồ-đề! Do pháp tướng ấy, nên Phật biết chúng sanh nhiếp tâm, loạn tâm.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Phật biết chúng sanh nhiếp tâm, loạn tâm, làm sao biết? Vì tướng tận nên biết, vì tướng không nhiễm ô nên biết, vì tướng tịch diệt nên biết, vì tướng đoạn trừ nên biết, vì tướng tịch tịnh nên biết, vì tướng xa lìa nên biết.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Phật nhân nôi Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu nên biết chúng sanh nhiếp tâm, loạn tâm.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Phật nhân nơi Bát-nhã Ba-la-mật nên chúng sanh mà tâm ô nhiễm, thì như thật biết tâm ô nhiễm; tâm sân hận, tâm ngu si, như thật biết tâm sân hận, tâm ngu si.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Phật biết chúng sanh tâm ô nhiễm, như thật biết tâm ô nhiễm? Tâm sân hận, tâm ngu si, như thật biết tâm sân hận, tâm ngu si?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Tướng như thật của tâm ô nhiễm thì không có tướng tâm ô nhiễm. Vì sao? Vì trong tướng như thật, tâm và tâm số pháp (Tâm Sở) không thể có được, huống gì có được tâm ô nhiễm, tâm không ô nhiễm!

Tu-bồ-đề, tướng như thật của tâm sân hận, tâm ngu si, thì không có tướng sân hận, tướng ngu si. Vì sao? Vì trong tướng như thật, tâm và tâm số pháp còn không thể có được huống gì có được tâm sân hận, tâm không

sân hận, tâm ngu si, tâm không ngu si!

Như vậy, Tu-bồ-đề! Phật do Bát-nhã Bát-nhã Ba-la-mật, nên chúng sanh tâm ô nhiễm, như thật biết tâm ô nhiễm; tâm sân hận, tâm ngu si, như thật biết tâm sân hận, tâm ngu si.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Phật do Bát-nhã Ba-la-mật, nên chúng sanh tâm không ô nhiễm, như thật biết tâm không ô nhiễm; tâm không sân hận, tâm không ngu si, như thật biết tâm không sân hận, tâm không ngu si.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao chúng sanh tâm không ô nhiễm, như thật biết tâm không ô nhiễm; tâm không sân hận, như thật biết tâm không sân hận; tâm không ngu si, như thật biết tâm không ngu si?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Trong tướng tâm không ô nhiễm ấy, tướng nhiễm ô, tướng không ô nhiễm không thể có được. Vì sao? Tu-bồ-đề! Vì hai tâm không cùng có một lần.

Tu-bồ-đề! Phật do Bát-nhã Ba-la-mật, nên chúng sanh tâm không ô nhiễm, như thật biết tâm không ô nhiễm.

Tu-bồ-đề! Trong tướng tâm không sân hận, tâm không ngu si ấy, tâm ngu si, tâm không ngu si không thể có được. Vì sao? Vì hai tâm không cùng có một lần.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Phật do Bát-nhã Ba-la-mật, nên chúng sanh tâm rộng lớn, như thật biết tâm rộng lớn.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Phật do nôi Bát-nhã Ba-la-mật, nên chúng sanh ấy có tâm rộng lớn, như thật biết tâm rộng lớn?

Này Tu-bồ-đề! Phật biết tâm tướng của chúng sanh không rộng không hẹp, không tăng không giảm, không đến không đi; vì tâm tướng lìa, nên tâm ấy không rộng cho đến không đến không đi. Vì sao? Vì tâm ấy không có tự tánh, vậy cái gì rộng cái gì hẹp, cho đến không đến không đi cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Phật do nơi Bát-nhã Ba-la-mật, nên chúng sanh có tâm rộng, như thật biết tâm rộng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Phật do Bát-nhã Ba-la-mật, nên chúng sanh có tâm lớn, như thật biết tâm lớn.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Phật do Bát-nhã Ba-la-mật, nên chúng sanh ấy có tâm lớn, như thật biết tâm lớn?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Phật do Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy tâm chúng sanh có tướng đến tướng đi, không thấy tâm chúng sanh có tướng sanh, tướng diệt, tướng trụ, tướng khác. Vì sao? Vì các tâm ấy không có

tự tánh, vậy thì cái gì đến, cái gì đi, cái gì sanh, diệt, trụ, dị!

Như vậy, Tu-bồ-đề! Phật do Bát-nhã Ba-la-mật nên chúng sanh ấy có tâm lớn, như thật biết tâm lớn.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Phật do Bát-nhã Ba-la-mật nên chúng sanh có tâm vô lượng, như thật biết tâm vô lượng.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Phật do Bát-nhã Ba-la-mật, nên chúng sanh có tâm vô lượng, như thật biết tâm vô lượng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Phật do Bát-nhã Ba-la-mật nên biết tâm chúng sanh ấy, chẳng thấy trụ, chẳng thấy không trụ. Vì sao? Vì tướng tâm vô lượng ấy, không có nơi nương dựa, vậy cái gì có chỗ trụ, không trụ!

Như vậy, Tu-bồ-đề! Phật do Bát-nhã Ba-la-mật, nên chúng sanh có tâm vô lượng, như thật biết tâm vô lượng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Phật do Bát-nhã Ba-la-mật, nên tâm của chúng sanh không thể thấy, Phật như thật biết tâm không thể thấy.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Phật do Bát-nhã Ba-la-mật, nên tâm của chúng sanh không thể thấy, Phật như thật biết tâm không thể thấy?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Tâm chúng sanh là vô tướng, Phật như thật biết vô tướng, vì tự tướng "không" vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Phật biết năm mắt không thể thấy tâm chúng sanh.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Phật do Bát-nhã Ba-la-mật, nên tâm của chúng sanh không thể thấy, Phật như thật biết tâm không thể thấy.

LUẬN: Ở trên nói mười phương chư Phật và đại Bồ-tát ủng hộ người viết chép đọc tụng cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật, không để ma tìm được thuận tiện. Thính giả ở trong hội chúng nghe việc ấy, suy nghĩ rằng: "Chư Phật chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tướng tịch diệt, đối với các pháp và chúng sanh không có yêu ghét, vậy cớ sao ủng hộ người viết chép, giữ gìn cho đến nhớ nghĩ đúng?" Vì thế nên Phật bảo Tu-bồ-đề vì họ nói thí dụ như đứa con vì biết ân mà thủ hộ mẹ nó. Bát-nhã là mẹ của mười phương chư Phật, nếu có ma v.v... chướng nạn, muốn phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật, chư Phật tuy hành tướng tịch diệt, nhưng vì thương xót chúng sanh, vì biết ân, nên đem tâm từ bi thường niệm, dùng Phật nhãn thường thấy, mà thủ hộ người tu hành Bát-nhã, khiến được tăng ích, không mất Phật đạo. Trong đây Phật nói nhân duyên: Các Hiền Thánh và pháp của Hiền Thánh đều từ trong Bát-nhã sanh ra.

Hỏi: Tu-bồ-đề hỏi bốn việc, cớ sao Phật đáp thẳng ba việc, mà

không nói chư Phật từ trong Bát-nhã sanh ra?

Đáp: Bát-nhã sanh ra chư Phật, chư Phật từ Bát-nhã sanh, nghĩa không khác.

Có người nói các pháp hòa hợp sanh ra Bát-nhã Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật sanh ra chư Phật. Có người tu hành Bát-nhã Ba-la-mật và các hạnh khác mà được thành Phật. 1. Nói về tác giả, 2. Nói về pháp. Hoặc nói cành gãy làm chết người, hoặc nói cây gãy làm chết người, hai việc ấy giống nhau, cho nên không đáp riêng. Hoặc Bát-nhã Ba-la-mật sanh ra chư Phật, tức là nói chư Phật từ Bát-nhã sanh.

Hỏi: Như các kinh khác nói vì năm uẩn bị phá hoại nên gọi là thế gian, sao trong đây nói Bát-nhã Ba-la-mật giải bày năm uẩn, không có tướng phá hoại sanh diệt?

Đáp: Kia là việc Tiểu thừa, đây là pháp Đại thừa. Trong pháp Tiểu thừa phần nhiều nói vô thường, trong pháp Đại thừa phần nhiều nói pháp không. Trong pháp Tiểu thừa trước nói vô thường, sau nói pháp không, trong pháp Đại thừa mở đầu liền nói pháp không. Trong pháp Tiểu thừa nói vô thường làm chúng sanh sợ hãi, Đại thừa thì không như vậy, thế nên không có phá hoại, sanh diệt. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Không, vô tướng, vô tác, trọn không phá hoại. Trong Bát-nhã Ba-la-mật chỉ bày tướng thế gian như vậy.

Lại nữa, năm uẩn gọi là chúng sanh thế gian, có hình sắc dễ biết, còn tâm và tâm số pháp vô hình khó biết, thế nên Phật nói với Tu-bồ-đề, tâm Sở hành của vô lượng vô số chúng sanh Phật đều biết. Trong Bát-nhã tuy không có chúng sanh và các pháp sắc cho đến trí nhất thiết chủng, song do lực phương tiện Bát-nhã mà biết được tâm sở hành của chúng sanh. Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo không, nên không chỉ bày sắc pháp cho đến trí nhất thiết chủng. Trong đây Phật nói nhân duyên: Trong Bát-nhã Ba-la-mật còn không có tướng Bát-nhã, huống gì có sắc pháp v.v...

Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật chỉ bày tướng thế gian là tất cả chúng sanh hoặc sắc hoặc vô sắc. Sắc là chúng sanh ở cõi Dục cõi Sắc; Vô sắc là chúng sanh ở cõi Vô sắc, Hữu tưởng là trừ cõi trời Vô tưởng và cõi trời Phi Hữu tưởng Phi Vô tưởng, ngoài ra là hữu tưởng; vô tưởng là chúng sanh ở cõi trời vô tưởng; Phi hữu tưởng phi vô tưởng là chúng sanh ở cõi trời Hữu đảnh.

Thế giới ở đây là thế giới ba ngàn đại thiên. Khắp cả mười phương là vô lượng vô biên thế giới khác. Chúng sanh ba đời trong sáu đường tại các thế giới ấy nhiếp tâm hay loạn tâm, Phật đều biết rõ.

Tu-bồ-đề hỏi xong, tâm nghi ngờ quái lạ: Chư Phật thường ưa hành pháp "không" tịch tịnh, sao nay biết khắp vô thỉ vô biên chúng sanh nhiếp tâm, loạn tâm? Tâm Phật chỉ có một làm sao trong một lúc biết hết vô lượng tâm chúng sanh? Vì vậy nên hỏi Phật vì sao biết? Phật đáp: Do trí tuệ biết thật tướng các pháp nên biết chúng sanh nhiếp tâm, loạn tâm.

Tu-bồ-đề hỏi: Thế nào là thật tướng các pháp? Đáp: Đó là rốt ráo không. Rốt ráo không ấy, tánh rốt ráo không thể có được, huống gì nhiếp tâm loạn tâm.

Hỏi: Trong thật tướng các pháp rốt ráo không, không có phân biệt tâm và tâm số pháp, làm sao Phật biết được tâm ấy?

Đáp: Trong đây Phật tự nói: Tánh các pháp thật tướng cũng không thể có được, lấy trí tuệ ấy biết chúng sanh nhiếp tâm loạn tâm. Vì sao? Vì nếu "tánh không" có thể có được, nên mới có nạn vấn, còn "tánh không" không thể có được làm sao nạn vấn, nay Phật đã vượt qua hết thảy pháp do ức tưởng phân biệt hư vọng, an trú nôi thật tướng, nên như thật biết tâm hết thảy chúng sanh, còn tâm chúng sanh vì trú trong pháp hư vọng, nên không thể như thật biết các chúng sanh khác. Trước lược nói biết tâm kẻ khác, sau phân biệt chúng sanh nhiếp tâm, loạn tâm, gọi là tâm có ba độc, tâm không có ba độc, tâm rộng lớn vô lượng, không thể thấy ra vào co duỗi v.v...

Tu-bồ-đề hỏi từng việc, ban đầu đáp do thật tướng các pháp nên biết nhiếp tâm, loạn tâm, kế đáp do tận, do không có ô nhiễm, do tịch diệt, đoạn tịch tịnh, ly tướng nên biết.

Tận là, tuệ quán vô thường. Bồ-tát tu hành tuệ tâm quán vô thường ấy, lìa bỏ ô nhiễm của thế gian; dùng thế gian đạo ngăn dứt kiết sử, nên gọi là Diệt; Dùng vô lậu đạo để dứt, nên gọi là Đoạn; đoạn các kiết sử xong, quán Niết-bàn tịch tịnh, lìa tướng. Do nhân duyên ấy được thật tướng các pháp; do thật tướng các pháp, biết chúng sanh nhiếp tâm loạn tâm, đều là thật tướng.

Lại nữa, tâm ấy niệm niệm sanh diệt, ở đời vị lai không có nên không thể biết, hiện tại niệm niệm diệt, không có lúc ngừng, nên không thể biết, người phàm phu thủ lấy tướng mà phân biệt, đối với ba đời, ức tưởng vọng thấy, cho là biết được tâm niệm.

Quán theo tận môn tức là rốt ráo không, rốt ráo không nên không đắm trước gì, khi ấy đắc đạo. Biết thật tướng các pháp, đối với các pháp không vọng tưởng phân biệt, thì như thật biết tâm người khác.

Tâm nhiễm ô là, hết thảy pháp vào trong pháp tánh đều là thanh tịnh, thế nên nói trong thật tướng của tâm ô nhiễm không có tâm ô nhiễm. Vì

sao? Vì trong tánh như thật không có tâm, không có tâm số pháp huống gì có tâm ô nhiễm. Tâm sân hận, tâm ngu si cũng như vậy. Trong tướng tâm không có ô nhiễm, trong ấy không có tướng trạng tâm ô nhiễm. Tâm ô nhiễm từ xưa nay không có, nên cũng không có tâm chẳng ô nhiễm, tâm không ô nhiễm là tướng tịch diệt, không có phân biệt gì.

Trong đây Phật tự nói nhân duyên Tu-bồ-đề! Vì hai tâm không cùng có, theo pháp của chúng sanh, thì tâm tâm thứ lớp sanh, khi tâm không ô nhiễm thì tâm không ô nhiễm. Vì sao? Vì tâm ô nhiễm quá khứ đã diệt, vị lai chưa có, hiện tại không có, thì không có tâm ô nhiễm. Tâm ô nhiễm không có nên cũng không có tâm chẳng ô nhiễm, vì pháp đối đãi không có. Thế nên trong thật tướng không ô nhiễm, không có tâm ô nhiễm, tâm chẳng ô nhiễm; không có tâm sân hận, không có tâm ngu si cũng như vậy. Tâm rộng hẹp thêm bớt đều là vì chúng sanh thủ tướng phân biệt. Phật không biết như vậy. Vì sao? Vì tâm ấy không sắc không hình, không có trú xứ, niệm niệm diệt, thì không có rộng hẹp thêm bớt sai khác.

Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Tánh và tướng của tâm không có, nên rộng hẹp v.v... không thể có được. Nghĩa của rộng, hẹp, thêm, bớt, lớn, nhỏ là như trong đoạn bốn tâm vô lượng đã nói.

Tâm vô lượng là, tâm rộng tâm lớn tức là vô lượng. Lại duyên vô lượng chúng sanh nên gọi là vô lượng. Lại duyên pháp Niết-bàn vô lượng nên gọi là vô lượng. Lại tâm tướng không thể chấp thủ, nên gọi là vô lượng. Như có mắt có sắc làm nhân duyên nên nhãn thức sanh, thức ấy không ở mắt, không ở sắc, không ở chặng giữa, không ở đây không ở kia, thế nên không có trú xứ. Nếu thật không có trú xứ thì làm sao có thể tạo tác gì, hoặc tốt hoặc xấu, như việc thấy trong mộng, không thể tìm tướng chắc thật nhất định của nó. Tâm cũng như vậy, không có chỗ nương tựa, nên không có tướng nhất định, nên gọi là vô lượng. Rộng và lớn cũng theo nghĩa mà phân biệt như vậy.

Hỏi: Nếu biết tâm không thể thấy, sao Phật nói như thật, biết tâm không thể thấy?

Đáp: Có người tọa thiền, ức tưởng phân biệt, thấy tâm ấy như sợi dây xâu trong hạt ngọc trong sạch, quán sát trong người với bộ xương trắng, thấy tâm thứ lớp nối nhau sanh, có khi thấy tâm ở nôi thân, có khi thấy tâm ở nơi cảnh, như ở vô biên thức xứ, chỉ thấy thức vô lượng vô biên, để phá các chỗ hư vọng như vậy, nên Phật nói như thật biết tâm chúng sanh, tâm chúng sanh tự tướng không, nên nó là tướng vô tướng.

Lại nữa, Phật lấy năm mắt quán sát thấy tâm ấy không thể có được. Mắt thịt, mắt trời duyên sắc nên không thấy. Mắt tuệ duyên Niết-bàn nên

không thấy. Mắt pháp của kẻ sơ học, phân biệt biết các pháp lành chẳng lành, có phiền não không phiền não; mắt pháp ấy vào trong thật tướng thì không phân biệt, như trước nói, hết thảy pháp không có kẻ biết, không có kẻ thấy, thế nên không thể thấy. Mắt Phật quán sát tướng tịch diệt nên không thể thấy. Phật thấy tâm chúng sanh là như thật thấy, chứ không như người phàm phu ức tưởng phân biệt thấy.

Lại nữa, năm mắt do nhân duyên hòa hợp sanh, đều là pháp bị tạo tác, hư dối không thật. Phật không tin không dùng, thế nên không dùng năm mắt thấy.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 70

GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI TÁM (Tiếp): PHẬT MẪU

KINH: Lại nữa, Tu-bồ-đề! Phật do Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu mà như thật biết tâm số của chúng sanh ra khỏi, chìm đắm, co duỗi.

Bạch đức Thế Tôn! Làm thế nào Phật do Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu mà như thật biết tâm số của chúng sanh ra khỏi, chìm đắm, co duỗi?

Phật dạy: Tâm số của chúng sanh ra khỏi, chìm đắm, co duỗi v.v... đều nương nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức phát sanh. Tu-bồ-đề! Phật từ nơi đó biết tâm số của chúng sanh ra khỏi, chìm đắm, co duỗi, nghĩa là biết tâm số của chúng sanh chấp "Thần ngã và thế gian thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ" Kiến chấp ấy nương nôi sắc mà có; chấp "Thần ngã và thế gian vô thường, là sự thật ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp "Thần ngã và thế gian cũng thường cũng vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nôi sắc mà có; chấp "Thần ngã và thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có.

Chấp "Thần ngã và thế gian thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nôi thọ mà có; chấp "Thần ngã và thế gian vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nôi thọ mà có; chấp "Thần ngã và thế gian cũng thường cũng vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi thọ mà có; chấp "Thần ngã và thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ" , kiến chấp ấy nương nơi thọ mà có.

Chấp "Thần ngã và thế gian thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nôi tưởng mà có; chấp "Thần ngã và thế gian vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi tưởng mà có; chấp "Thần ngã thế gian cũng thường cũng vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi tưởng mà có; chấp "Thần ngã và thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi tưởng mà có.

Chấp "Thần ngã và thế gian thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ",

kiến chấp ấy nương nơi hành mà có; chấp "Thần ngã và thế gian vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nôi hành mà có; chấp "Thần ngã và thế gian cũng thường cũng vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi hành mà có; chấp "Thần ngã và thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi hành mà có.

Chấp "Thần ngã và thế gian thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi thức mà có; chấp "Thần ngã và thế gian vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nôi thức mà có; chấp "Thần ngã cũng thường cũng vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi thức mà có; chấp "Thần ngã và thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi thức mà có.

Chấp "Thế gian hữu biên là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp "Thế gian vô biên là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nôi sắc mà có; chấp "Thế gian hữu biên vô biên là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nôi sắc mà có; chấp "Thế gian chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có. Nương thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Chấp "Thần ngã chính là thân", kiến chấp ấy nương nôi sắc mà có; chấp "Thần ngã khác, thân khác", kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có. Nương nơi thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Chấp "Sau khi chết còn có như khứ là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nôi sắc mà có; chấp "Sau khi chết không còn có như khứ là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nôi sắc mà có; chấp "Sau khi chết hoặc có như khứ hoặc không có như khứ, là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp "Sau khi chết chẳng phải có như khứ chẳng phải không có như khứ là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ", kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có. Nương nơi thọ, tưởng, hành, thức, cũng như vậy.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Phật do Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu mà như thật biết tâm số chúng sanh ra khỏi, chìm đắm, co duỗi.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Phật biết tướng sắc, biết tướng sắc thế nào? Là như như chẳng hoại, không phân biệt, không có tướng, không có ức tưởng, không có hý luận, không có đắc, tướng sắc cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Phật biết tướng thọ, tưởng, hành, thức thế nào? Là như như chẳng hoại, không phân biệt, không có tướng, không có ức tưởng,

không có hý luận, không có đắc; tướng thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Phật biết tướng như của chúng sanh và tướng như của tâm số ra khỏi, chìm đắm, co duỗi. Tướng như của năm uẩn, tướng như của các hành tức là tướng như của hết thảy pháp.

Những gì là tướng như của hết thảy pháp? Đó là tướng như của sáu Ba-la-mật, tướng như của sáu Ba-la-mật tức là tướng như vua ba mươi bảy phẩm, tướng như của ba mươi bảy phẩm tức là tướng như của mười tám không, tướng như của mười tám không tức là tướng như tức là tướng như của tám bội xả, tướng như của tám bội xả tức là tướng như của chín định thứ đệ, tướng như của chín định thứ đệ tức là tướng như của mười lực Phật, tướng như của mười lực Phật tức là tướng như của bốn điều không sợ, bốn biện giải vô ngại, đại từ, đại bi cho đến tướng như của mười tám pháp không chung, tướng như của mười tám pháp không chung tức là tướng như của trí Nhất thiết chủng tướng như; trí Nhất thiết chủng tướng như của pháp thiện, pháp bất thiện, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu pháp vô lậu, tướng như của pháp hữu lậu pháp vô lậu tức là tướng như của các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, tướng như của các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại tức là tướng như của pháp hữu vi, pháp vô vi, tướng như của pháp hữu vi pháp vô vi tức là tướng như của quả vị Tu-đà-hoàn, tướng như của quả Tu-đà-hoàn tức là tướng như của quả vị Tư-đà-hàm, tướng như của quả vị Tư-đà-hàm tức là tướng như của quả vị A-na-hàm, tướng như của quả vị A-na-hàm tức là tướng như của quả vị A-la-hán, tướng như của quả vị A-la-hán tức là tướng như của đạo Bích-chi Phật, tướng như của đạo Bích-chi Phật tức là tướng như của Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, tướng như của Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề tức là tướng như của chư Phật, tướng như của chư Phật đều là tướng nhất như, chẳng hai chẳng khác, chẳng tận chẳng hoại, ấy gọi là tướng như của hết thảy các pháp. Phật do Bát-nhã Ba-la-mật biết được tướng như ấy. Do nhân duyên ấy nên Bát-nhã Ba-la-mật hay sanh ra chư Phật, hay chỉ thị tướng thế gian.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Phật biết tướng như của hết thảy pháp, không phải tướng chẳng như, tướng chẳng khác. Vì được tướng như ấy nên Phật gọi là Như lai.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Tướng như của các pháp ấy, không phải tướng chẳng như, tướng chẳng khác, rất sâu xa. Bạch đức Thế Tôn! Chư Phật dùng như ấy mà vì người nói Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Bạch đức Thế Tôn! Ai hay tin hiểu điều ấy? Chỉ có Bồ-tát đã đến địa vị bất thối và người đầy đủ chánh kiến và A-la-hán đã hết sạch các lậu hoặc. Vì sao? Vì pháp ấy rất sâu xa.

Tu-bồ-đề! Như ấy, tướng không cùng tận nên rất sâu xa.

Tu-bồ-đề thưa: Pháp gì tướng không cùng tận nên rất sâu xa? Phật dạy: Vì hết thảy pháp không cùng tận nên như vậy. Tu-bồ-đề! Phật biết được hết thảy pháp ấy rồi mới thuyết pháp cho chúng sanh.

LUẬN: Phật biết hết sở tác sở hành của tất cả chúng sanh, biết sáu mươi hai tà kiến, chín mươi tám kiết sử phiền não, thế nên nói Phật biết tâm tâm số pháp của chúng sanh ra khỏi, chìm đắm, co duỗi. Người tại gia bị các phiền não ái nhiễm nhận chìm, nên gọi là chìm, người xuất gia lìa chín mươi sáu thứ tà kiến gọi là ra khỏi. Lại thường đắm cái vui ở đời gọi là chìm, hoặc biết nó vô thường mà sợ sệt cầu đạo gọi là ra khỏi. Lại lãnh thọ chín mươi sáu tà đạo không thể cầu chánh đạo trở lại chìm vào thế gian, gọi là chìm, co là không lìa khỏi cõi Dục, duỗi là lìa khỏi cõi Dục, cõi Sắc. Lìa, không lìa cũng như vậy. Như người đứng trên ao nước trong, trông thấy cá, có con thường ở trong nước, có con tạm nhảy ra rồi trở lại lặn xuống, có con ra khỏi nhìn bốn phương, có con ra khỏi muốn lội qua gần bờ trở lại lặn xuống. Phật cũng như vậy, Ngài dùng Phật nhãn nhìn chúng sanh trong mười phương sáu đường, có kẻ thường đắm năm dục, bị phiền não che tâm, không cầu ra khỏi; có kẻ tâm tốt hay bố thí, trì giới mà vì tà kiến nghi hoặc che tâm nên trở lại chìm đắm; có kẻ ra khỏi năm dục, quán bốn chân lý vi diệu, đạt được noãn pháp, nhưng chưa đạt được thật pháp nên trở lại chìm đắm; có người lìa dục chứng được Sô thiền cho đến Vô Sở hữu xứ định, vì chẳng đặng Niết-bàn nên trở lại chìm đắm.

Thế nào là tướng ra khỏi, chìm đắm, co duỗi? Trong đây Phật nói đó là chấp thần ngã và thế gian thường. Thần ngã là người phàm phu ức tưởng phân biệt theo tâm chấp ngã thủ tướng nên chấp có thần ngã. Ngoại đạo nói thần ngã có hai thứ là thường và vô thường. Nếu người chấp thần ngã thường, thì thường tu phước đức, để sau thọ quả báo; hoặc
do hành đạo mà thần ngã được giải thoát. Nếu người chấp thần ngã vô thường thì vì danh lợi hiện đời nên có tạo tác. Chấp thường vô thường là có người cho thần ngã có hai thứ: 1. Vi tế thường trú. 2. Hiện có tạo tác. Hiện có tạo tác là thân này khi chết vô thường nhưng thần ngã vi tế là thường. Có người nói thần ngã chẳng phải thường chẳng phải vô thường, thường hay vô thường đều có lỗi. Nếu thần ngã vô thường tức không có tội phước. Vì sao? Vì nếu thường thì khổ vui không đổi khác, thí như hư không, mưa không làm ướt, gió nắng không làm khô; nếu vô thường thì

khổ vui biến đổi, thí như gió mưa, đối với da trâu thì làm cho hư nát. Vì tâm chấp ngã nên nói chắc có thần ngã, nhưng chẳng phải thường chẳng phải vô thường.

Phật nói bốn thứ tà kiến đều duyên nôi năm uẩn, chỉ vì nôi năm uẩn lầm chấp là thần ngã.

Thần ngã và thế gian là, thế gian có ba thứ:

1. Thế gian năm uẩn.
2. Thế gian chúng sanh.
3. Thế gian quốc độ.

Trong đây nói hai thứ thế gian là thế gian năm uẩn và thế gian quốc độ; thế gian chúng sanh tức là thần ngã. Đối nôi tướng thế gian cũng có bốn thứ tà kiến.

Hỏi: Thần ngã thì từ xưa lại đây không có, nên chấp là sai, còn thế gian là có, cớ sao lại đồng với tà kiến chấp có thần ngã?

Đáp: Chỉ phá cái chấp tướng thường vô thường đối với thế gian, chứ không phá thế gian, thí như người không có mắt cầm rắn mà cho là anh lạc, còn người có mắt thì cho là rắn, chẳng phải anh lạc. Phật phá cái điên đảo chấp thế gian thường, mà không phá thế gian. Vì sao? Vì hiện thấy thế gian vô thường. Nhưng cũng không được nói vô thường vì tội phước chẳng mất; vì quá khứ đã có tạo tác, nói thường hay nói vô thường, cả hai đều lỗi; còn nói chẳng phải vô thường, cũng có lỗi vì đắm trước thế gian.

Thế gian hữu biên là, có người tìm nguồn gốc thế gian, không thấy chỗ bắt đầu của nó, không có bắt đầu, thì cũng không có khoảng giữa, khoảng sau. Nếu không bắt đầu, khoảng giữa, khoảng sau thì không có thế gian; thế nên thế gian lý đáng phải có bắt đầu, tức là hữu biên. Người chứng được thiền định nhờ trí biết kiếp trước, thấy được việc trong tám vạn kiếp trước, quá nữa thì không biết; chỉ thấy thức trung ấm bắt đầu của thân này, mà tự suy nghĩ: Thức này không thể không có nhân không có duyên; chắc phải có nhân duyên. Mà trí biết kiếp trước không thể biết, chỉ ức tưởng phân biệt, có một pháp gọi là "thế tánh", chẳng phải năm thức biết được, vì nó quá vi tế. Từ trong "thế tánh" đầu tiên sanh ra "giác", giác tức là "thức trung ấm". Từ giác sanh "ngã", từ ngã sanh "năm thứ vi trần" là sắc, tiếng, mùi, vị xúc. Từ vi trần tiếng sanh "hư không đại", từ vi trần tiếng và xúc sanh ra "phong đại", từ vi trần sắc tiếng và xúc sanh ra "hỏa đại", từ vi trần sắc, tiếng, mùi, vị, xúc sanh "thủy đại", từ vi trần sắc tiếng mùi, vị, xúc sanh "địa đại". Từ không sanh nhĩ căn, từ gió sanh thân căn, từ lửa sanh nhãn căn, từ nước sanh thiệt căn, từ đất sanh tỷ căn, như vậy dần dần từ tế đến thô.

Thế tánh là, từ thế tánh đi đến thô, từ thô chuyển đến tế, trở lại thế tánh; thí như trong cục bùn có các tánh cách cái bình cái chậu v.v... Lấy bùn làm bình, phá bình làm chậu, như vậy chuyển biến mãi không mất; thế tánh cũng như vậy. Chuyển biến làm thô, thế tánh là pháp thường, không từ đâu đến, như trong kinh Tăng Khư (Samkya, Số luận) nói rộng thế tánh này.

Lại có người nói: Biên tế bắt đầu của thế gian là vi trần, là cực vi, vi trần là pháp thường hằng không thể phá, không thể đốt, không thể nát, không thể hoại, vì là rất nhỏ, chỉ đợi nhân duyên của tội phước nên hòa hợp mà có thân; hoặc thân trời hoặc thân địa ngục v.v... Vì không có cha mẹ; nhân duyên của tội phước hết thì tan rã.

Có người cho "tự nhiên" là khởi nguyên thế giới, giàu nghèo, sanh hèn, chẳng phải do mong ước, tạo tác mà được.

Có người nói: Chúa Trời là khởi nguyên thế giới, tạo tác tốt xấu hoạ phước, trời đất muôn vật, các pháp ấy khi tiêu diệt, Trời trở lại thu nhiếp lấy. Chấp các nguyên nhân tà vạy như vậy cho là biên tế thế giới.

Có người nói: Khi chúng sanh đời đời chịu khổ vui hết, tự đi đến biên tế, thí như đứng trên núi quăng cuốn chỉ, chỉ hết tự ngừng. Thọ tội thọ phước, đều qui về cùng tận. Tinh tấn hay biếng nhác không khác.

Có người nói: Thế gian quốc độ tám phương đều có bờ mé, chỉ phía trên và dưới không có bờ mé.

Có người nói: Phía dưới đến mười tám địa ngục, phía trên đến cõi trời Hữu Đảnh, trên dưới có bờ mé, còn tám phương không có bờ mé. Như vậy các thuyết về thế giới hữu biên.

Có người nói: Chúng sanh và thế giới có ngằn mé, như nói thần ngã ở trong thân thể, nhỏ như hạt cải, hoặc như trái táo, hoặc mật tấc, người lớn thì thần ngã lớn, người nhỏ thì thần ngã nhỏ, cho thần ngã là một phần pháp sắc, nên nói thần ngã có biên.

Vô biên là, có người nói: Thần ngã biến khắp hư không, không chỗ nào không có, gặp chỗ có thân thì có cảm giác khổ vui, thế nên gọi thần ngã vô biên.

Có người nói: Quốc độ thế gian vô thỉ, nếu có thỉ thì không có nhân duyên, lúc sau cũng thường thọ thân không cùng tận, thế thì phá hoại Niết-bàn. Thế gọi là vô biên.

Lại nữa, nói thế gian quốc độ, mười phương không có biên tế. Như vậy là các thuyết nói thần ngã thế gian, quốc độ thế gian vô biên.

Hữu biên vô biên là, có người nói: thần ngã thế gian vô biên, còn quốc độ thế gian hữu biên. Hoặc nói thần ngã thế gian hữu biên còn quốc

độ thế gian vô biên, vì như trên nói thần ngã là sắc pháp. Hoặc nói trên dưới hữu biên, tám phương vô biên. Tóm hai pháp trên gọi là hữu biên vô biên.

Thế gian chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên là, có người thấy thế gian hữu biên, có lỗi, vô biên cũng có lỗi, nên chẳng nói hữu biên, chẳng nói vô biên, chấp chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên là thật tánh thế gian.

Thần ngã tức là thân là, có người nói thân này tức là thần ngã. Vì sao? Vì phân tích thân này tìm thần ngã không thể có được.

Lại nữa, thọ khổ vui tốt xấu đều là thân này, thế nên nói thân tức là thần ngã.

Thân khác thần ngã khác là, có người nói thần ngã vi tế, năm thức không thể biết được, cũng không phải hàng phàm phu thấy được, người nhiếp tâm thanh tịnh, được thiền định mới có thể thấy được. Thế nên nói thân khác thần ngã khác.

Lại nữa, nếu thân tức là thần ngã, thân diệt thần ngã cũng diệt, ấy là tà kiến, còn nói thân khác thần ngã khác, thân diệt thần ngã thường trú, ấy là biên kiến.

Sau khi chết còn có như khứ là:

Hỏi: Trên kia nói thường vô thường v.v... tức đã nói đời sau hoặc có hoặc không, sao nay lại còn phân biệt như khứ thành bốn câu?

Đáp: Trên nói chung hết thảy thế gian thường vô thường, còn việc đời sau có hay không cần phải nói riêng.

Như khứ là, như người đến sanh nơi đây, đi đến đời sau cũng như thế.

Có người nói, đời trước không từ đâu đến, diệt cũng chẳng đi đâu. Có người nói, Thân và thần ngã hòa hợp làm người, sau khi chết thần ngã đi thân không đi, ấy gọi là như khứ chẳng như khứ.

Chẳng phải có như khứ chẳng phải không như khứ là, thấy đi không đi đều có lỗi, nên nói chẳng phải đi chẳng phải không đi. Người ấy không thể bỏ cái chấp có thần ngã, nhưng chấp thần ngã chẳng phải đi chẳng phải không đi.

Các phiền não tà kiến như trên, gọi là tướng tâm số ra khỏi, chìm đắm, co duỗi. Vì sao? Vì người tà kiến với nhiều đường lối cầu ra khỏi không được, nên muốn ra mà vẫn chìm. Sức tà kiến nhiều khó giải thoát, cho nên nói mười bốn việc tà kiến, là chấp thế gian thường vô thường v.v...

Ngoại đạo tuy mỗi mỗi ức tưởng phân biệt, Phật nói đều duyên nơi năm uẩn, nương tựa năm uẩn không có thần ngã, không thường hằng.

Phật biết năm uẩn trống không, không có tướng trạng, không có tạo tác, không có hý luận. Chỉ biết năm uẩn như như, không như chỗ thấy giả dối điên đảo của hàng phàm phu. Giống như năm uẩn như như, hết thảy pháp như như cũng như vậy. Vì sao? Vì hai pháp thâu nhiếp hết thảy pháp, đó là pháp hữu vi và pháp vô vi. Năm uẩn là pháp hữu vi, năm uẩn như như tức là pháp vô vi. Quán sát, trù lượng, tư duy năm uẩn có thể thực hành sáu Ba-la-mật, thế nên nói năm uẩn như tức là hết thảy pháp như; hết thảy pháp như tức là sáu Ba-la-mật như. Bồ-tát thực hành sáu Ba-la-mật cầu thật đạo, quán năm uẩn vô thường, không, phát sanh ba mươi bảy phẩm, tám bội xả, chín định thứ đệ, ấy là đạo Thanh văn, khi biết rồi đi thẳng qua, tiếp thực hành mười tám không, mười lực, các Phật pháp, đều do chánh quán sát năm uẩn, năm uẩn như, không phân biệt, nên đều là hết thảy pháp như. Thế nên nói thiện pháp như tức là bất thiện pháp như, bất thiện pháp như tức là thiện pháp như. Pháp thế gian xuất thế gian cũng như vậy. Thế nên hành giả không được đắm trước thiện pháp, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Tướng Phật như cũng như vậy, đều là tướng nhất như, không hai không khác. Vì sao? Vì tìm thật tướng của chư pháp, đi đến rốt ráo không, không còn dị biệt.

Các pháp như như cũng như vậy, Phật do Bát-nhã Ba-la-mật mà chứng được, thế nên nói Bát-nhã Ba-la-mật hay sanh ra chư Phật, hay chỉ thị tướng thế gian.

Tu-bồ-đề tán thán là chưa từng có, bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Lý như của hết thảy pháp rất sâu xa, tùy thuận chẳng trái nhau, như của ba đời mười phương chư Phật tức là như của các pháp, hiểu như của các pháp nên vì chúng sanh mỗi mỗi thuyết pháp là như thậm thâm, khó hiểu khó tin, vị Bồ-tát ở địa vị bất thối vào pháp vị, được thọ ký mới có thể tin. Người đầy đủ chánh kiến là ba bậc Đạo nhân (Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm) và A-la-hán sạch hết lậu hoặc không thọ nhận pháp gì nên có thể tin. Hạng người có lòng tin đã gần địa vị bất thối cho nên không nói riêng.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Hết thảy pháp vô tận nên "Như" ấy vô tận, "Như" vô tận, nên người được Thánh đạo có thể tin, trong pháp vô vi có sai biệt nên có các đạo Tu-đà-hoàn nghe pháp tự mình chứng được nên có thể tin, còn người phàm phu đắm vào pháp điên đảo hư dối, nên không thể tin.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Chư Phật được như của các pháp ấy nên gọi là Như Lai, gọi là bậc Nhất thiết trí, hay cứu độ chúng sanh khiến đi đến Niết-bàn.

-oOo-

GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI CHÍN: HỎI VỀ TƯỚNG

KINH: Bấy giờ Thiên tử cõi Dục, Thiên tử cõi Sắc có trong ba ngàn đại thiên thế giới, từ xa rãi hoa hương, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi đứng ở một bên, bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa được nói đến. Thế nào là tướng Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa?

Phật bảo các Thiên tử cõi Dục cõi Sắc: Này các Thiên tử! Tướng không là tướng Bát-nhã Ba-la-mật, không tướng trạng, không tạo tác, không khởi, không sanh, không diệt, không nhơ, không sạch, không có gì, tướng hư không không nương tựa, là tướng Bát-nhã Ba-la-mật. Này các Thiên tử! Các tướng như vậy là tướng Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa, Phật vì chúng sanh mà dùng pháp thế gian để nói, chứ không phải theo đệ nhất nghĩa.

Này các Thiên tử! Các tướng ấy, tất cả thế gian trời, người, A-tu-la không thể phá hoại. Vì sao? Vì tất cả thế gian trời, người, A-tu-la cũng là tướng ấy. Này các Thiên tử! Tướng không thể phá tướng, tướng không thể biết tướng, tướng không thể biết vô tướng, vô tướng không thể biết tướng. Tướng vô tướng ấy, tướng vô tướng đều không có gì của chính nó, nghĩa là biết, người biết, pháp bị biết, đều không thể có được. Vì sao? Này các Thiên tử! Vì các tướng ấy chẳng phải sắc làm ra; chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức làm ra, chẳng phải Thí Ba-la-mật làm ra; chẳng phải Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-
la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật làm ra; chẳng phải nội không làm ra; chẳng phải ngoại không làm ra; chẳng phải nội ngoại không làm ra; chẳng phải vô pháp không làm ra; chẳng phải hữu pháp không làm ra; chẳng phải vô pháp hữu pháp không làm ra; chẳng phải bốn niệm xứ làm ra; cho đến chẳng phải Nhất thiết trí làm ra.

Này các Thiên tử! Các tướng ấy chẳng phải sở hữu của người, của phi nhân, chẳng phải thế gian chẳng phải xuất thế gian, chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi.

Phật lại bảo các Thiên tử: Thí như có người hỏi thế nào là tướng hư không, người ấy hỏi có chính đáng không?

Các Thiên tử thưa: Bạch đức Thế Tôn! Câu hỏi ấy không có chính đáng. Vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Vì hư không, không có tướng trạng để có thể nói, hư không không có tác vi, không sanh khởi.

Phật bảo các Thiên tử: Dù có Phật không có Phật ra đời, tướng tánh vẫn thường trú, Phật chứng được tướng tánh như thật, nên gọi là Như Lai.

Các Thiên tử bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế Tôn chứng đắc các tướng tánh rất sâu xa, được tướng ấy nên được trí vô ngại. Trú trong thật tướng ấy, lấy Bát-nhã Ba-la-mật, tập hợp tự tướng pháp.

Các Thiên Tử thưa: Hiếm có, Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa là chỗ thường sở hành của chư Phật, hành đạo ấy chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề rồi, thông đạt hết thảy pháp tướng, hoặc sắc tướng; hoặc thọ, tưởng, hành, thức tướng, cho đến Nhất thiết trí tướng.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Các Thiên tử! Tướng não hoại là tướng của sắc, Phật được vô tướng ấy. Cảm giác là tướng của thọ, thủ tướng là tướng của tưởng, khởi làm là tướng của hành, nhận biết là tướng của thức, Phật được vô tướng ấy. Hay xả bỏ là tướng của Thí, không nhiệt não là tướng của Giới, không biến khác là tướng của Nhẫn, không thể khuất phục là tướng của Tấn, nhiếp tâm là tướng của Thiền, xả lìa là tướng của Bát-nhã; Phật được vô tướng ấy. Tâm không bị nhiễu loạn bức não là tướng của bốn thiền, bốn vô lượng tâm, bốn định vô sắc, Phật được vô tướng ấy.

Xuất thế gian là tướng của ba mươi bảy đạo phẩm, Phật được vô tướng ấy. Khổ là tướng của vô tác giải thoát môn, lìa là tướng của không giải thoát môn, tịch diệt là tướng của vô tướng giải thoát môn, Phật được vô tướng ấy. Thắng là tướng của mười lực, không sợ hãi là tướng của vô sở úy, khắp biết là tướng của trí vô ngại, các người khác không có được là tướng của mười tám pháp không chung, Phật được vô tướng ấy.

Thương nghĩ chúng sanh là tướng của đại từ đại bi, chân thật là tướng của không sai lầm, không chấp thủ là tướng của thường buông xả, hiện biết rõ ràng là tướng của trí Nhất thiết chủng, Phật được vô tướng ấy.

Như vậy, các Thiên tử, Phật chứng được hết thảy pháp vô tướng, do nhân duyên ấy, nên Phật được gọi là trí vô ngại.

LUẬN: Hỏi: Trên kia nôi nôi đã nói không, vô tướng, vô tác, không khởi, không có gì là tướng của Bát-nhã, sao nay các Thiên tử còn hỏi thế nào là tướng Bát-nhã?

Đáp: Phật tuy nôi nôi nói Bát-nhã Ba-la-mật, hoặc nói không, hoặc nói có, hoặc nói quả báo, hoặc nói tội phước, không nhất định, Vì vậy nên nay hỏi thế nào nhất định là tướng Bát-nhã.

Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật ấy như huyễn như hóa, như tuồng có thể nắm được, mà không có tướng nhất định có thể chấp thủ, chỉ chư Phật mới

biết đúng đắn cùng khắp tướng ấy, chư thiên tuy có trí lanh lợi, mà không thể liễu tri cho nên hỏi.

Lại nữa, có người nói: Các Thiên tử ấy có người đến sau, không kịp nghe nên hỏi.

Phật đáp với các Thiên tử: Không là tướng của Bát-nhã Ba-la-mật. Tướng không là trong ngoài không v.v... Nếu các pháp không tức là không có các tướng trai gái, dài ngắn, tốt xấu v.v... ấy gọi là tướng không có tướng. Nếu đã không, vô tướng thì không còn sanh tâm mong ước đắm trước thân đời sau, ấy gọi là tướng vô tác.

Ba môn giải thoát là tướng bắt đầu đi vào Bát-nhã, ba thừa chung có, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch, như hư không không nơi nương tựa v.v... là tướng sâu xa của Bát-nhã Ba-la-mật.

Vô tướng ở trong ba môn giải thoát trên kia, là không có tướng trai gái, dài ngắn, tốt xấu v.v... bên ngoài; còn tương vô tướng dưới là không có tướng hết thảy pháp. "không" tuy là một, nhưng căn tánh con người có lợi độn, nên vào Bát-nhã có sâu cạn, nên nói "không" có sai biệt, không có hý luận, rằng sanh rằng diệt v.v... như trước nói.

Phật biết các Thiên tử chắc chắn có ý nghĩ rằng: "Nếu Bát-nhã Ba-la-mật là không, không có gì, như tướng hư không, thì làm sao có thể nói, nếu nói tức là có tướng" chư Thiên tử vì thấy oai đức Phật lớn quá, không dám nạn hỏi, cho nên Phật tự nói cho họ. Phật thương chúng sanh, theo nghĩa thế đế nên nói các tướng không, chứ không theo đệ Nhất nghĩa đế. Nếu dùng đệ Nhất nghĩa đế thì nên nạn hỏi, còn nói theo thế đế thì không nên nạn hỏi.

Lại nữa, tuy nói không, không do có tâm chấp trước thủ tướng, không chỉ pháp hoặc phải hoặc trái, mà do hết thảy pháp đồng một tướng, không phân biệt, thế nên lại nói rõ ràng, nghĩa là không có gì như tướng hư không. Không có pháp nào không nhập vào tướng ấy, thế nên nói hết thảy thế gian không thể phá hoại. Vì sao? Vì hết thảy thế gian người, trời, A-tu-la chính là tướng ấy. Nếu pháp sai khác trái nhau thì có thể phá hoại, như nước hay diệt lửa, lửa không thể diệt lửa, miệng nói đúng như sự thật mà muốn phá, trọn không phá được, huống gì nói không đúng như thật, thí như người mù đạp vàng ngọc miệng nói không phải vàng ngọc, trọn không thể làm cho nó chẳng phải vàng ngọc.

Trong đây Phật còn nói: Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo không, vô tướng, nên tướng không thể phá tướng.

Lại nữa, có người nói: Tướng không thể phá tướng là, có pháp phân tán được, còn các pháp hòa hợp, trọn không bị phá, không bị mất, như búa

chẻ củi, phân tán ra từng phần, nhưng trọn không bị tiêu mất.

Lại nữa, các pháp không có tướng nhất định, như cây do rễ, cành, cọng, lá, hợp lại gọi là cây, cây không có tướng nhất định, nên không bị phá. Như vậy gọi là tướng không thể phá tướng.

Hỏi: Các pháp sắc v.v... chẳng phải có tri giác, có thể không biết nhau, còn tâm số pháp là tướng tri giác làm sao không biết?

Đáp: Trong đây nói thật tướng; nên không nói đến cái biết hư vọng của phàm phu, trí tuệ phàm phu ấy vì là pháp hữu vi, nhân duyên hòa hợp sanh, là pháp hư vọng, không thể có cái biết đúng thật, thế nên xả bỏ vào Vô dư Niết-bàn. Nếu trí tuệ biết thường vô thường cho đến không, tịch diệt v.v... thì như trên đã rộng phá. Diệt không có gì, nếu như vậy làm sao sẽ có biết. Thế nên Tướng không biết tướng.

Tướng không thể biết vô tướng là, bên trong tuy có trí tuệ, bên ngoài không không có pháp để có thể biết, bên ngoài không có cảnh duyên thì làm sao trí tuệ phát sanh? Thế nên nói tướng không thể biết vô tướng, thí như dao bén không thể cắt hư không.

Vô tướng không thể biết tướng là, có người nói: Bên trong trí tuệ không có định tướng, bên ngoài pháp sở duyên có định tướng, tâm theo duyên phát sanh, thế nên nói vô tướng không nên biết tướng, thí như không có dao, tuy có vật mà không có dao cắt.

Tướng ấy, vô tướng ấy, tướng vô tướng đều không thể có được là, tướng không vào tướng. Vì sao? Vì trước đã có tướng nên tướng không vào vô tướng. Vì sao? Vì tướng không có chỗ vào; lìa tướng vô tướng ấy, lại không có chỗ có thể vào.

Lại nữa, vì tướng và sở tướng không nhất định, nhơn sở tướng nên có tướng. Vì sao? Vì nếu trước có tướng, mà không có sở tướng thì không có tướng, vì không có sở nhân; nếu trước có sở tướng mà không có tướng, thì làm sao có sở tướng, vì không có sở nhân đối đãi (tướng như cứng, sở tướng như đất, có tướng (cứng) mới có sở tướng (đất) có sở tướng mới có tướng; nếu không có tướng thì không có sở tướng, không có sở tướng thì không có tướng - N.D).

Lại nữa, tướng vì sở tướng bất định, nên tướng có khi làm sở tướng, sở tướng có khi có là tướng. Vì tướng bất định không thật, nên sở tướng cũng không có; nếu sở tướng bất định không thật, nên tướng cũng không có. Thế nên nói tướng ấy, vô tướng ấy, tướng vô tướng ấy đều không thể có được.

Như trước nói các tướng "không" v.v... là thật. Vì sao? Vì tướng ấy chẳng phải năm uẩn làm, chẳng phải sáu Ba-la-mật cho đến chẳng phải trí

Nhất thiết chủng làm, tướng ấy vì là vô vi không có pháp có thể làm, cũng không có người hay phi nhân có thể làm. Người là Bồ-tát, chư Phật v.v... phi nhân là chư thiên v.v... Tướng ấy vì rốt ráo không, nên chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu, chẳng phải thế gian, chẳng phải xuất thế gian.

Trên tuy nói tướng vô vi, chỉ vì phá hữu vi nên nói là vô vi, vô vi cũng không có định tướng. Trong đây Phật muốn làm cho việc ấy rõ ràng nên nói thí dụ. Người nghe nghĩ rằng: Nếu không có Phật thì chẳng nghe được tướng ấy, Phật là tối thượng đối với chúng sanh, vậy nên tác thành tướng ấy. Thế nên Phật nói với chư Thiên, dầu có Phật không Phật, tướng ấy thường trú. Phật biết được tướng ấy, nên gọi là Phật.

Bấy giờ, chư Thiên hoan hỷ bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Các tướng ấy rất sâu xa, tuy không thể thủ tướng mà có thể tu hành, có thể cho người ta quả báo Vô thượng, vì Phật được tướng ấy, nên đối với các pháp được trí vô ngại, nếu phân biệt các pháp có định tướng, thì trí có ngại.

Bạch đức Thế Tôn! An trú trong thật tướng các pháp ấy, thì thông đạt vô ngại, có thể nói các tướng riêng của mỗi mỗi pháp, đó là não hoại là tướng sắc, cho đến liễu tri hiện tiền là tướng của trí Nhất thiết chủng.

Phật khen ý ấy, phân biệt các tướng cho họ, cái biết của phàm phu, mỗi tướng khác nhau, còn Phật biết đều là tướng không, tướng không tức là vô tướng, Phật được vô tướng ấy; được cái biết ấy không thể so sánh, biết cùng khắp nên gọi là được. Các pháp ấy nay đổi gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

KINH: Bấy giờ, Phật bảo Tu-bồ-đề: Bát-nhã Ba-la-mật là mẹ chư Phật, Bát-nhã Ba-la-mật hay chỉ bày tướng thế gian, thế nên Phật nương tựa pháp ấy mà trú. Cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán pháp ấy. Pháp ấy là gì? Đó là Bát-nhã Ba-la-mật. Chư Phật nương tựa Bát-nhã Ba-la-mật mà trú, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán Bát-nhã Ba-la-mật ấy. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật xuất sanh chư Phật.

Phật biết làm người, nếu có người hỏi một cách chánh đáng ai biết làm người, thì đáp một cách chánh đáng là không ai hơn Phật. Vì sao? Tu-bồ-đề! Vì Phật biết làm người. Xe pháp mà Phật cỡi đi đến và đạo mà Phật từ đó đi đến, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, Phật trở lại cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán, thọ trì thủ hộ. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Phật biết làm người.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Phật biết tất cả pháp không có tướng tạo tác, vì không có tác giả; tất cả pháp không sanh khởi, vì hình trạng không thể có được.

Tu-bồ-đề! Phật do Bát-nhã Ba-la-mật biết tất cả pháp không có

tướng tạo tác, cũng do nhân duyên ấy nên Phật biết làm người.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Phật do Bát-nhã Ba-la-mật biết được tất cả pháp chẳng sanh, vì không có sở đắc. Do nhân duyên ấy nên Bát-nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không kẻ biết, không kẻ thấy, làm sao Bát-nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Tất cả pháp thật không có kẻ biết, không có kẻ thấy. Tại sao không có kẻ biết, không có kẻ thấy? Vì tất cả pháp "không", hư dối, không kiên cố , thế nên tất cả pháp không có kẻ biết, không có kẻ thấy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Tại sao tất cả pháp không có kẻ biết, không có kẻ thấy? Vì tất cả pháp không có nương tựa, không bị ràng buộc. Vì thế nên tất cả pháp không có kẻ biết, không có kẻ thấy.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian. Vì không thấy có tướng sắc nên chỉ bày tướng thế gian; không thấy tướng thọ, tưởng, hành, thức, nên chỉ bày tướng thế gian, cho đến không thấy tướng Nhất thiết chủng, nên chỉ bày tướng thế gian. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Vì sao không thấy tướng sắc nên Bát-nhã Ba-la-mật chỉ bày tướng thế gian; không thấy tướng thọ, tưởng, hành, thức, cho đến không thấy tướng trí Nhất thiết chủng, nên chỉ bày tướng thế gian?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu không duyên sắc sanh thức, ấy gọi là không thấy tướng sắc nên chỉ bày; không duyên thọ, tưởng, hành, thức, sanh thức cho đến không duyên trí Nhất thiết chủng sanh thức, ấy gọi là không thấy tướng trí Nhất thiết chủng nên chỉ bày. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa ấy hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Làm sao Bát-nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian? Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật chỉ bày thế gian không. Chỉ bày thế gian không, thế nào? Là chỉ bày thế gian năm uẩn không, chỉ bày thế gian mười hai nhập không, chỉ bày thế gian mười tám giới không, chỉ bày thế gian mười hai nhân duyên không, chỉ bày thế gian ngã kiến làm căn bản cho sáu mươi hai kiến không, chỉ bày thế gian mười thiện đạo không, chỉ bày thế gian bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc không; chỉ bày thế gian ba mươi bảy phẩm trợ đạo không; chỉ bày thế gian sáu Ba-la-mật không, chỉ bày thế gian nội không không, chỉ bày

thế gian ngoại không không, chỉ bày thế gian nội ngoại không không, chỉ bày thế gian vô pháp không không, chỉ bày thế gian hữu pháp không không, chỉ bày thế gian vô pháp hữu pháp không không, chỉ bày thế gian hữu vi tánh không, chỉ bày thế gian vô vi tánh không, chỉ bày thế gian mười lực Phật không, chỉ bày thế gian mười tám pháp không chung không, cho đến chỉ bày thế gian trí Nhất thiết chủng không. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Phật do Bát-nhã Ba-la-mật chỉ bày thế gian không, biết thế gian không, giác thế gian không, tư duy thế gian không, phân biệt thế gian không. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật chỉ bày thế gian Phật không. Chỉ bày thế gian Phật không thế nào? Là chỉ thế gian năm uẩn không, cho đến chỉ bày thế gian trí Nhất thiết chủng không. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật chỉ bày thế gian Phật không thể nghĩ bàn. Chỉ bày thế gian không thể nghĩ bàn thế nào? Là chỉ bày thế gian năm uẩn không thể nghĩ bàn, cho đến chỉ bày thế gian trí Nhất thiết chủng không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật chỉ bày thế gian Phật lìa. Chỉ bày thế gian lìa thế nào? Là chỉ bày thế gian năm uẩn lìa, cho đến chỉ bày thế gian nhất thiết chủng lìa. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật chỉ bày thế gian Phật lìa.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật chỉ bày thế gian Phật tịch diệt. Chỉ bày thế gian tịch diệt thế nào? Là chỉ bày thế gian năm uẩn tịch diệt, cho đến chỉ bày thế gian trí Nhất thiết chủng tịch diệt.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật chỉ bày thế gian rốt ráo không. Chỉ bày thế gian rốt ráo không thế nào? Là chỉ bày thế gian năm uẩn rốt ráo không, cho đến chỉ bày thế gian trí Nhất thiết chủng rốt ráo không.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật chỉ bày thế gian Phật tánh không. Chỉ bày thế gian tánh không là thế nào? Là chỉ bày thế gian năm uẩn tánh không, cho đến chỉ bày thế gian trí Nhất thiết chủng không.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật chỉ bày thế gian Phật vô pháp không. Chỉ bày thế gian vô pháp không thế nào? Là chỉ bày thế gian năm uẩn vô pháp không, cho đến chỉ bày thế gian trí Nhất thiết chủng không.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật chỉ bày thế gian Phật vô pháp hữu pháp không. Chỉ bày thế gian vô pháp hữu pháp không thế nào? Là

chỉ bày thế gian năm uẩn vô pháp hữu pháp không, cho đến chỉ bày thế gian trí Nhất thiết chủng không.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật chỉ bày thế gian Phật độc không. Chỉ bày thế gian độc không thế nào? Là chỉ bày thế gian năm uẩn độc không, cho đến chỉ bày thế gian trí Nhất thiết chủng không. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày tướng thế gian. Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy chỉ bày tướng thế gian đó là tướng chẳng sanh đời này, đời sau, Vì cớ sao? VÌ các pháp không cần dùng tướng sanh đời này đời sau.

LUẬN: Bát-nhã Ba-la-mật là mẹ chư Phật, vì nhân duyên ấy chư Phật nương tựa Bát-nhã Ba-la-mật mà trú. trong Kinh khác nói: Phật nương tựa pháp, lấy pháp làm thầy. Trong đây Phật bảo Tu-bồ-đề: "Pháp ấy chính là Bát-nhã Ba-la-mật". Trong tất cả các pháp bất thiện, không gì hôn tà kiến, vì tà kiến nên không biết ân; tự nhiên ta phải là người biết ân, Bát-nhã là tối thượng trong các thiện pháp thế gian, hay làm cho đời này có danh tiếng tốt, đời sau có quả báo thượng diệu, thế nên, Phật tự nói: Ta là đệ nhất trong hạng người biết ân, báo ân. Ta còn biết cái ân của bố thí, trì giới huống gì Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, các Thiên tử nghĩ rằng: Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo không, không có tướng nhất định, nên hoặc có người không ham, không quý, thế nên Phật nói Ta là bậc tôn quý trong ba cõi còn cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật, huống gì người khác. Lại có người sanh nghi, Phật đối với hết thảy thế gian, không vướng mắc như hư không, cớ gì lại ham Bát-nhã Ba-la-mật ấy và tôn trọng, tán thán tợ như tham đắm. Thế nên Phật nói: Ta không có tâm tham, chỉ phân biệt cho biết các pháp tốt xấu, phải dùng sức nhiều hay ít. Biết Bát-nhã Ba-la-mật ấy, có công năng dứt hết thảy lý luận, mở ba thừa đạo, diệt sạch các khổ; có vô lượng, vô biên công đức như vậy, nên tán thán, tôn trọng, cúng dường. Ví như người đi trên đường an ổn, tránh khỏi các hoạn nạn, thường nghĩ chỉ cho người khác biết con đường ấy.

Phật biết làm người là, biết người khác có ôn với mình. Có chỗ khác nói Phật không biết làm người sợ người ta nghi, nên nói Phật biết tất cả pháp không có tướng tạo tác, biết tất cả pháp không có tướng tạo tác, nên nói không làm người, chớ chẳng vì không biết ân, nên gọi là không biết làm người. Nói biết làm người, không biết làm người, không có lỗi. Bấy giờ Tu-bồ-đề dùng nghĩa rốt ráo "không" vấn nạn: Bạch đức Thế Tôn! Nếu vì hết thảy pháp rốt ráp không, nên không có người biết, người làm, làm sao Bát-nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay chỉ bày thế gian (Quốc

độ - N.D) chư Phật? Phật chấp thuận câu hỏi ấy, và tự nói nhân duyên: Hết thảy pháp "không", hư dối không kiên cố . Ý Tu-bồ-đề: Tướng hết thảy các pháp ám độn, không thấy, không biết, làm sao riêng Bát-nhã Ba-la-mật có thể thấy, có thể biết? Ý Phật: Hết thảy pháp chẳng phải chỉ không biết, không thấy vì hết thảy pháp không, không kiên cố , không kẻ biết, không kẻ thấy, cũng không thể thủ đắc, nên không nên vấn nạn.

Lại nữa, vì hết thảy pháp không nôi nương tựa, không bị ràng buộc nên không có kẻ biết, không có kẻ thấy. Nhiều mặt phá các pháp làm cho không, hoặc phá thường, tu hành vô thường mà vào không, hoặc phá thật mà vào không, hoặc vì rốt ráo hết tận nên vào không, hoặc vì hết thảy pháp xa lìa nên vào không. Vào không như vậy nay vì hết thảy pháp không có trú xứ, không có nương tựa, không có ràng buộc; vì không nương tựa nên cũng không sanh diệt, thế nên tức là không. Không ràng buộc là thật tướng hết thảy pháp không bị ràng buộc hay ra khỏi ba cõi. Vì cớ sao? Vì ba cõi hư dối, dùng hết thảy pháp, không kẻ biết, không kẻ thấy; như vậy mà chỉ bày thế gian. Bát-nhã không thấy các pháp sắc v.v... nên chỉ bày thế gian. Các pháp sắc v.v... không nương tựa, không
bị ràng buộc, hư dối, nên không thấy. Trong đây Phật tự nói nhân duyên của không thấy đó là không sanh thức duyên sắc, cho đến không sanh thức duyên trí Nhất thiết chủng, ấy gọi là không thấy sắc pháp v.v...
Hỏi: Thức có thể không sanh, chứ sắc làm sao không sanh?

Đáp: Tướng não hoại là sắc, nhơn thức nên mới phân biệt biết, không thức thì cũng không có tướng não hoại.

Lại nữa, hết thảy pháp do nhân duyên hòa hợp nên có tướng sanh, không có tự tánh. Như có các duyên thân, thức, xúc hòa hợp nên biết tướng cứng của đất, tướng cứng ấy không lìa thân và thức mà có được. Thế nên các pháp đều do hòa hợp sanh, không có tự tánh.

Bát-nhã Ba-la-mật chỉ bày thế gian không là, thế gian gọi là năm uẩn, cho đến trí Nhất thiết chủng. Khi Bồ-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, quán pháp ấy hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc trong, hoặc ngoài, không có pháp nào chẳng "không", ấy gọi là Bát-nhã Ba-la-mật chỉ bày thế gian không.

Phật chỉ bày thế gian không là, hoặc có người nghi Phật ưa đắm pháp nên mới nói trong Bát-nhã Ba-la-mật chỉ bày tướng thế gian không, chứ chẳng phải là thật tướng thường có của các pháp ấy. Thế nên Phật nói: Ta chẳng phải ưa đắm pháp nên nói: "Phật biết tướng các pháp so lường gốc ngọn, suy nghĩ, phân biệt, không có pháp gì ra ngoài không. Ta chẳng phải chỉ tán tụng nghe theo người khác nói, mà ta do nội tâm giác tri tư duy phân biệt nên nói chỉ bày tướng thế gian "không". Một đoạn nói chỉ

bày tướng thế gian không này là như trên đã rộng nói, xa lìa sáu mươi hai chấp kiến, nay chỉ nói năm uẩn cho đến trí Nhất thiết chủng. Khi ấy chúng hội cho rằng Bát-nhã Ba-la-mật là rốt ráo không, tâm tưởng đắm lấy, thế nên Phật nói bất khả tư nghì. Bất khả tư nghì là rốt ráo không, cũng không thể thủ đắc. Rốt ráo không hoặc gọi là lìa, hoặc gọi là tịch diệt. Lìa tức là phân tán, các pháp lâu về sau không còn sót lại và tự lìa tánh nó. Biết rốt ráo không rồi, không có tâm số pháp, không có ngữ ngôn, nên gọi là tịch diệt. Nghĩa rốt ráo không v.v... như trước đã nói.

Hỏi: Thế nào là độc không?

Đáp: Mười tám "không" đều là nhân duyên đối đãi, như nội không là nhân pháp ở bên trong (trong thân - N.D) nên gọi là nội không, nếu không có pháp bên trong thì không có nội không; mười tám "không" đều như vậy. Độc không này, không có nhân duyên, không có đối đãi nên gọi là độc không.

Lại nữa, độc không là, như hư không, như như, pháp tánh, thực tế, Niết-bàn.

Chỉ bày thế gian, chẳng phải tướng đời nay, chẳng phải tướng đời sau là, có các ngoại đạo chỉ nói đời nay, không nói đời sau. Người ấy tà kiến, rơi vào đoạn diệt; có người nói đời nay, đời sau rằng thần ngã (thần hồn - N.D) đời nay nhập vào đời sau, người ấy tà kiến rơi vào chấp thường. Bát-nhã Ba-la-mật lìa hai bên đoạn thường mà nói trung đạo, tuy không mà chẳng chấp trước không, chỉ vì người nên nói có tội, có phước, tuy nói tội phước mà không sanh tà kiến chấp thường cũng đối với "không" không bị chướng ngại. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Rốt ráo không, vì sao có chấp kiến đời nay đời sau, hoặc đoạn, hoặc thường.

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật ấy vì đại sự nên sanh khởi. Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật ấy, vì bất khả tư nghì sự nên sanh khởi. Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật ấy vì bất khả xứng sự nên sanh khởi. Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật ấy vì vô lượng sự nên sanh khởi. Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật ấy vì vô đẳng đẳng sự nên sanh khởi.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật vì đại sự nên sanh khởi, vì bất tư nghì sự nên sanh khởi, vì bất khả xứng sự nên sanh khởi, vì vô lượng sự nên sanh khởi, vì vô đẳng đẳng sự nên sanh khởi.

Tu-bồ-đề! Thế nào Bát-nhã Ba-la-mật vì đại sự nên sanh khởi? Này Tu-bồ-đề! Đại sự của chư Phật là cứu độ hết thảy chúng sanh, không bỏ bất cứ chúng sanh nào.

Tu-bồ-đề! Thế nào là Bát-nhã Ba-la-mật vì sự bất tư nghì nên sanh khởi? Này Tu-bồ-đề! Bất tư nghì là pháp của Phật, pháp của Như Lai, pháp của người Tự nhiên, pháp của người Nhất thiết trí. Vì vậy nên chư Phật, Bát-nhã Ba-la-mật vì sự bất tư nghì nên sanh khởi.

Tu-bồ-đề! Thế nào Bát-nhã Ba-la-mật vì sự bất khả xứng nên sanh khởi? Này Tu-bồ-đề! Trong hết thảy chúng sanh, không ai có thể suy nghĩ, cân lường pháp Phật, pháp Như Lai, pháp của người Tự nhiên, pháp của người Nhất thiết trí nên Bát-nhã Ba-la-mật vì sự bất khả xứng nên sanh khởi.

Tu-bồ-đề! Thế nào Bát-nhã Ba-la-mật vì sự vô lượng nên sanh khởi? Này Tu-bồ-đề! Trong hết thảy chúng sanh, không ai có thể lường hết pháp Phật, pháp Như Lai, pháp của người Tự nhiên, pháp của người Nhất thiết trí. Thế nên Bát-nhã Ba-la-mật vì sự vô lượng nên sanh khởi.

Tu-bồ-đề,! Thế nào Bát-nhã Ba-la-mật vì sự vô đẳng đẳng nên sanh khởi? Này Tu-bồ-đề! Trong hết thảy chúng sanh không ai có thể ngang bằng với Phật, huống gì là hôn. Thế nên Bát-nhã Ba-la-mật vì sự vô đẳng đẳng nên sanh khởi. Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Chỉ có pháp Phật, pháp Như Lai, pháp của người Tự nhiên, pháp của người Nhất thiết trí, không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường nên sự vô đẳng đẳng sanh khởi ư?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Phật pháp, Như Lai pháp, pháp người Tự nhiên, pháp người Nhất thiết trí là không thể nghĩ bàn, không thể cân, không có lường, không chi ngang bằng. Sắc cũng không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, không thể ngang bằng; thọ, tưởng, hành, thức cũng không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, không chi ngang bằng; cho đến trí Nhất thiết chủng, pháp tánh, pháp tướng không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, không chi ngang bằng. Trong đó tâm tâm số pháp bặt dứt, không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Sắc không thể nghĩ bàn là cũng không thể có được, cho đến sắc không chi ngang bằng là cũng không thể có được; thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng không chi ngang bằng là cũng không thể có được.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Nhân duyên gì sắc không thể nghĩ bàn

... cho đến không có chi bằng là cũng không thể có được? Thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng không có chi bằng là cũng không thể có được?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Vì không thể lường về sắc, cũng không thể lường về thọ, tưởng, hành, thức cho đến không thể lường về trí Nhất thiết

chủng.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Vì nhân duyên gì không thể lường về sắc, cho đến không thể lường về trí Nhất thiết chủng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Vì sắc không thể nghĩ bàn, cho đến vì sắc không chi sánh bằng nên không thể lường cho đến vì trí Nhất thiết chủng không thể nghĩ bàn, vì trí Nhất thiết chủng không chi sánh bằng nên không thể lường.

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, không thể nghĩ bàn cho đến không chi sánh bằng liệu có thể có được chăng? Sắc, thọ, tưởng, hành thức cho đến trí Nhất thiết chủng liệu có thể có được chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Không thể có được.

Này Tu-bồ-đề! Vì thế nên hết thảy pháp không thể nghĩ bàn, cho đến không chi sánh bằng. Như vậy, Tu-bồ-đề! Pháp của chư Phật không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, không chi ngang bằng. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là pháp chư Phật không thể nghĩ bàn, cho đến không chi ngang bằng.

Tu-bồ-đề! Pháp chư Phật không thể nghĩ bàn, vì vượt quá tướng nghĩ bàn; không thể cân vì vượt quá cân lường; không thể lường vì vượt quá sự lường; không chi ngang bằng vì vượt quá ngang bằng.

Tu-bồ-đề! Vì nhân duyên ấy, hết thảy pháp cũng là tướng không thể nghĩ bàn, cho đến không chi ngang bằng.

Tu-bồ-đề! Gọi không thể nghĩ bàn là nghĩa không thể nghĩ bàn; gọi không thể cân, là nghĩa không thể cân; gọi không lường là nghĩ không thể lường, gọi không chi ngang bằng là nghĩa không thể ngang bằng.

Tu-bồ-đề! Ấy là pháp chư Phật không thể nghĩ bàn cho đến không chi ngang bằng. Không thể nghĩ bàn như hư không không thể nghĩ bàn, không thể cân như hư không không thể cân, không có suy lường như hư không có thể lường, không chi ngang bằng như hư không không chi ngang bằng. Tu-bồ-đề! Ấy cũng gọi pháp chư Phật không thể nghĩ bàn, cho đến không chi ngang bằng, Phật pháp vô lượng như vậy, hết thảy thế gian, người, trời, A-tu-la không ai có thể nghĩ bàn, trù lượng.

Trong khi nói phẩm các Phật pháp không thể nghĩ bàn, không thể cân không có lường, không chi ngang bằng, năm trăm Tỳ-kheo vì không lãnh thọ hết thảy pháp nên các lậu sạch hết, tâm giải thoát được A-la-hán. Hai mươi Tỳ-kheo ni cũng không chấp thủ hết thảy pháp nên sạch hết các lậu, được A-la-hán. Sáu vạn Ưu-bà-tắc, ba vạn Ưu-bà-di đối với các pháp xa lìa trần cấu, đối với các pháp con mắt pháp sanh khởi, hai mươi Bồ-tát ma-ha-tát được vô sanh pháp nhẫn sẽ được thọ ký trong Hiền kiếp này.

LUẬN: Tu-bồ-đề thâm hiểu tướng Bát-nhã đối với các pháp, không đắm, không ngại, tâm sanh hoan hỷ, bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật vì đại sự nên sanh khởi v.v...

Đại sự là, phá hết thảy đại khổ não cho chúng sanh, đem cho chúng sanh đại pháp vô thượng của Phật nên gọi là đại sự. Nghĩa không thể nghĩ bàn, như trước đã nói. Không thể cân là, chỉ trí tuệ, thực tướng Bát-nhã quyết định, rất sâu, rất nặng. Trí tuệ mỏng nhẹ nên không thể cân. Lại vì Bát-nhã nhiều, trí tuệ ít nên không thể cân. Lại chỗ lợi ích Bát-nhã rất rộng, khi chưa thành có thể cho quả báo thế gian, khi thành rồi cho quả báo đại pháp. Lại biết rốt ráo cùng tận gọi là cân, Bát-nhã
Ba-la-mật không thể cân biết, hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc thật, hoặc hư, hoặc có, hoặc không, như vậy là những nghĩa không thể cân. Vô lượng sự là, có người nói Cân tức là lường, có người nói chấp thủ tướng tức là lường, Bát-nhã Ba-la-mật không thể thủ tướng nên gọi là vô lường. Lại Bồ-tát lấy bốn tâm vô lượng, tu hành Bát-nhã nên gọi là vô lượng. Lại lượng là trí tuệ. Trí tuệ phàm phu, trí tuệ Nhị thừa, trí tuệ Bồ-tát, không ai có thể lường được biên giới của Bát-nhã nên gọi là vô lượng. Vô đẳng đẳng (không chi ngang bằng) là, vô đẳng chỉ Niết-bàn, hết thảy pháp hữu vi không có chi bằng Niết-bàn. Niết-bàn có ba: Niết-bàn Thanh văn; Niết-bàn Bích-chi Phật; Niết-bàn của Phật. Bát-nhã đưa đến Đại thừa Niết-bàn nên gọi là Bát-nhã vô đẳng đẳng.

Lại nữa, hết thảy chúng sanh, không thể ngang bằng Phật nên Phật là vô đẳng; Bát-nhã Ba-la-mật lợi ích chúng sanh, tương tợ như Phật nên gọi là vô đẳng đẳng.

Lại nữa, pháp chư Phật là vi diệu bậc nhất, không thể ngang bằng, không thể sánh kịp, không thể so sánh; Bát-nhã Ba-la-mật hay làm cho chúng sanh có được tâm ấy nên gọi là vô đẳng đẳng.

Lại nữa, vô đẳng là thực tướng các pháp, các quán, các hành không thể sánh kịp vì thật tướng không có hý luận, không thể phá hoại được nên gọi là vô đẳng; Bồ-tát được vô đẳng ấy vì hay khởi tâm từ bi đối với chúng sanh nên gọi là vô đẳng đẳng. Tu-bồ-đề thuộc hàng Thanh văn không có Nhất thiết trí mà có thể nói Bát-nhã không thể nghĩ bàn ấy. Phật chấp thuận lời đó. Phật tự nói năm việc: Chúng sanh vô lượng vô biên nhiều hơn vi trần trong mười phương hằng hà sa thế giới, chư Phật dùng mười trí lực, muốn cứu vớt hết nên gọi là đại sự. Lại có Bồ-tát tu lâu ngày được vô sanh pháp nhẫn, vì không bỏ chúng sanh nên không vào Vô dư Niết-bàn.

Lại nữa, lúc Bồ-tát ấy thành Phật đạo, vì chúng sanh nên chịu năm

việc:

1. Chịu các lao khổ
2. Chịu bỏ cái vui tịch tịnh
3. Chịu cộng sự với người ác
4. Chịu tiếp đối cùng người
5. Chịu vào đại chúng hội.

Phật thâm đắc cái vui ly dục mà vì chúng sanh nên cam chịu năm việc lao khổ, giống như hưởng thọ công đức, ấy là đại sự. Không thể nghĩ bàn là, chỉ cho pháp Phật, pháp Như Lai, pháp người Tự nhiên, pháp người Nhất thiết trí. Pháp Phật là, Phật gọi là giác đối với hết thảy vô minh, mê ngủ bắt đầu tỉnh giác gọi là giác. Như Lai là giống như chư Phật quá khứ, tu hành sáu Ba-la-mật được như tướng của các pháp, đi đến Phật đạo. Nay Phật cũng con đường như vậy đi đến, như chư Phật quá khứ đi đến nên gọi là Như Lai. Pháp người Tự nhiên là, hàng Thanh văn cũng có "giác" cũng có "như", nhưng nghe từ người khác ấy là pháp đệ tử, nên nói Phật là người tự nhiên, không nghe từ người khác. Pháp người Nhất thiết trí là, Bích-chi Phật cũng tự nhiên đắc quả, không nghe từ người khác nhưng không có Nhất thiết trí. Bốn thứ pháp ấy, không có ai có thể suy nghĩ, cân lường nên gọi là không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường. Lại không có pháp gì tương tợ pháp ấy nên gọi là vô đẳng đẳng.

Tu-bồ-đề sợ hàng Bồ-tát tân học chấp đắm bốn pháp ấy nên bạch Phật rằng: Chỉ có bốn pháp ấy không thể nghĩ bàn, không có chi ngang bằng chăng?

Phật đáp: Các pháp sắc v.v... cũng không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, vô đẳng đẳng. Trong đây Phật tự nói nhân duyên vì các pháp sắc v.v... không thể có được cho nên như thế.

Tu-bồ-đề! Các Phật pháp không thể nghĩ bàn là, như việc nói trên. Luận giả trước giải rộng, trong đây Phật nói lược, không thể nghĩ bàn là vượt qua tướng nghĩ bàn, vượt qua tướng đẳng đẳng. Về ý nghĩa, pháp Niết-bàn không thể nghĩ bàn, về danh tự vì thuộc Thế đế nên có thể nghĩ bàn. Như hư không, không thể nghĩ bàn là như phẩm trước nói, tướng hư không không thể nghĩ bàn, thế nên nói không thể nghĩ bàn cho đến vô đẳng đẳng như hư không, vì hư không không thể lấy chi ví dụ nên gọi là vô đẳng đẳng. Tướng Bát-nhã Ba-la-mật tức là tướng Phật pháp; không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, vô đẳng đẳng tức là tướng Phật pháp. Phật pháp ấy, hết thảy thế gian người, trời, A-tu-la, không ai có thể nghĩ bàn, cân lường được. Trong sáu đường mà trong đây chỉ nói ba đường là chúng sanh trong ba đường thiện còn không thể cân lường,

huống chi chúng sanh trong ba đường ác.

Hỏi: Trong khi nói phẩm này, cớ gì số Tỳ-kheo ni, Bồ-tát đắc đạo ít?

Đáp: Trong đây phần nhiều tán thán pháp chư Phật là không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, không chi ngang bằng. Người nghe đa số tăng thêm tín căn nên kẻ bạch y đắc đạo nhiều, người nữ tuy có lòng tin nhiều mà trí tuệ ít nên đắc đạo cũng ít. Kẻ áo trắng tham đắm thế sự, trí tuệ cạn mỏng, căn tánh ám độn, không thể sạch hết lậu hoặc.

Các Tỳ-kheo các căn tín và tuệ bằng nhau, nhất tâm cầu đạo nên người sạch hết lậu hoặc nhiều. Tỳ-kheo ni vì trí tuệ ít nên chỉ có hai mươi người sạch hết lậu hoặc, tuy nhiều người được đạo quả ban đầu số vượt hôn kẻ áo trắng, nhưng vì không sạch hết lậu hoặc nên không khác kẻ áo trắng. Trong đây không nói vào pháp vô sanh nhẫn thậm thâm khó được vào nên ít người; lại vì người đối với pháp này gieo trồng nhân duyên ít. Sẽ được thọ ký trong Hiền kiếp là, hoặc có người nói: Trong Hiền kiếp ngàn đức Phật trừ bốn đức Phật, sẽ thọ ký cho. Hoặc có người nói, đức Phật Thích-ca Văn thọ ký cho, trong Hiền kiếp làm Phật ở các thế giới khác.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 71

GIẢI THÍCH PHẨM NĂM MƯƠI: VIỆC LỚN SANH KHỞI

KINH: Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy vì việc lớn nên sanh khởi, vì việc không thể nghĩ bàn nên sanh khởi, vì việc không thể cân nên sanh khởi, vì việc không thể lường nên sanh khởi, vì việc không ngang bằng nên sanh khởi.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, vì việc lớn nên sanh khởi, cho đến vì việc Vô đẳng đẳng nên sanh khởi. Vì cớ sao? Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật ấy hàm chứa năm Ba-la-mật; trong Bát-nhã Ba-la-mật hàm chứa Nội không cho đến Vô pháp hữu pháp không; hàm chứa Bốn niệm xứ cho đến Tám thánh đạo phần, hàm chứa Mười lực Phật cho đến trí Nhất thiết chủng. Thí như vua Quán đảnh là tôn quý nhất trong nước, các việc quan đều ủy thác cho đại thần, còn quốc vương an vui vô sự. Như vậy Tu-bồ-đề! Pháp Thanh văn, Bích-chi Phật, hoặc pháp Bồ-tát, hoặc pháp Phật, hết thảy đều ở trong Bát-nhã Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, thành biện được các việc ấy. Thế nên, Bát-nhã Ba-la-mật vì việc lớn nên sanh khởi cho đến vì không ngang bằng nên sanh khởi.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Vì Bát-nhã Ba-la-mật không thủ không trước sắc, nên có thể thành biện; không thủ không trước thọ, tưởng, hành, thức nên có thể thành biện, cho đến không thủ không trước trí Nhất thiết chủng nên có thể thành biện; không thủ không trước quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-na-hàm, Bích-chi Phật đạo cho đến không thủ không trước Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên có thể thành biện.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bát-nhã Ba-la-mật không thủ không trước sắc nên có thể thành biện thế nào? Bát-nhã Ba-la-mật không thủ không

trước thọ, tưởng, hành, thức cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên có thể thành biện thế nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao, có phải thấy sắc ấy khả thủ khả đắm chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Không, Bạch đức Thế Tôn!

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, có phải thấy thọ, tưởng, hành, thức cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác khả thủ, khả đắm chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Không, Bạch đức Thế Tôn!

Phật dạy: Lành thay, lành thay ! Tu-bồ-đề! Ta cũng không thấy sắc ấy khá thủ khá đắm; vì không thấy nên không thủ, không thủ nên không đắm; ta cũng không thấy thọ, tưởng, hành, thức cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và trí Nhất thiết chủng khả thủ khả đắm; vì không thấy nên không thủ, vì không thủ nên không đắm. Ta cũng không thấy pháp Phật, pháp Như Lai, pháp người Tự nhiên, pháp ngôi Nhất thiết trí khá thủ khá đắm; vì không thấy nên không thủ, không thủ nên không đắm. Thế nên Tu-bồ-đề! Các Bồ-tát ma-ha-tát đối với sắc cũng không nên thủ cũng không nên đắm; đối với thọ, tưởng, hành, thức cho đến pháp Phật, pháp Như Lai, pháp người Tự nhiên, pháp người Nhất thiết trí cũng không nên thủ, cũng không nên đắm.

Bấy giờ, các Thiên tử ở cõi Dục, cõi Sắc bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật ấy thâm sâu, khó thấy khó hiểu, không thể tư duy, suy luận biết được, chỉ người có trí tuệ tịch diệt, vi diệu, thiện xảo có thể biết được. Người tin được Bát-nhã Ba-la-mật ấy nên biết đó là Bồ-tát đã cúng dường Phật nhiều, gieo trồng căn lành nhiều, đi theo thiện tri thức nên có thể tin hiểu Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu.

Bạch đức Thế Tôn! nếu chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới, đều làm hạng người tín hành, pháp hành, bát nhơn, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật, hoặc trí hoặc đoạn, đều chẳng bằng Bồ-tát ấy trong một ngày tu thâm sâu, hoặc tín nhẫn, ham muốn, tư duy trù lượng Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu. Vì sao? Hạng người tín hành, pháp hành, bát nhơn, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật, hoặc trí, hoặc đoạn tức là Bồ-tát ma-ha-tát Vô sanh pháp nhẫn.

Phật bảo các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc: Đúng vậy, đúng vậy! Các Thiên tử! Nếu hạng người tín hành, pháp hành, bát nhơn, Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật tức là Bồ-tát ma-ha-tát Vô sanh pháp nhẫn. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn, nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu này mà biên chép, thọ trì, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng thì

thiện nam tử, thiện nữ nhơn ấy mau được Niết-bàn hôn thiện nam tử, thiện nữ nhơn cầu Thanh văn, Bích-chi Phật thừa, mà xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu để theo các kinh khác tu hành, hoặc một kiếp, hoặc non một kiếp. Vì sao? Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy nói rộng pháp thượng diệu, hạng người tín hành, pháp hành, bát nhơn, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm,

A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật nên học, Bồ-tát ma-ha-tát cũng nên học, học rồi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi ấy, các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc đều cất tiếng thưa rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy gọi là Ma-ha Ba-la-mật, gọi là không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, vô đẳng đẳng Ba-la-mật. Hạng người tín hành, pháp hành, bát nhơn học Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy thì được thành Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật; còn học Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy được thành Bồ-tát ma-ha-tát; học Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, cũng không thêm, không bớt.

Khi ấy các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh Phật rồi đi, đi chưa bao xa, bỗng nhiên biến mất, đều trở về chỗ cũ.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát nghe Bát-nhã Ba-la-mật ấy tức thì tin hiểu. Các Bồ-tát ấy mệnh chung từ chỗ nào mà sanh đến đây?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, tức thì tin hiểu, không thối thất, không khiếp sợ, không khó khăn, không nghi ngờ, không hối hận, hoan hỷ, ưa nghe, nghe rồi nhớ rõ trọn không xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, hoặc đi, hoặc ở, hoặc ngồi, hoặc nằm, trọn không quên mất, thường theo pháp sư, ví như trâu nghé mới sanh, không lìa mẹ nó. Bồ-tát ma-ha-tát cũng nhu vậy, vì muốn nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, nên trọn không xa lìa pháp sư, cho đến khi miệng đọc, tâm hiểu, chánh kiến, thông đạt Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy. Này Tu-bồ-đề! Nên biết Bồ-tát ấy từ trong cõi người mệnh chung, trở lại sanh trong cõi người này. Vì sao ? Vì muốn cầu Phật đạo, đời trước khi nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, biên chép, thọ trì, cúng dường, tôn trọng, tán thán, cúng dường hương hoa, phan lọng. Do nhân duyên ấy khi mạng chung trong cõi người, trở lại sanh trong cõi người, nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy liền tin hiểu.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Có phải có Bồ-tát ma-ha-tát thành tựu công đức như vậy, đi đến thế giới phương khác cúng dường chư Phật, ở

thế giới đó mệnh chung, sanh trở lại cõi này, nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, liền tin hiểu viết chép, giữ gìn, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, có việc như vậy chăng?

Phật đáp: Có, Bồ-tát thành tựu công đức như vậy đi đến thế giới phương khác cúng dường chư Phật, ở thế giới đó mệnh chung, sanh đến cõi

này nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu liền tin hiểu viết chép, giữ gìn, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng. Vì sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát ấy, từ chỗ chư Phật ở phương khác nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, tin hiểu, viết chép, giữ gìn, đọc tụng giảng nói, nhớ nghĩ. Ở phương kia mệnh chung sanh đến cõi này. Nên biết người ấy thành tựu công đức như vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Có Bồ-tát từ nơi Bồ-tát ma-ha-tát Di-lặc nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, nhờ nhân duyên thiện căn đó nên sanh đến cõi này.

Tu-bồ-đề! Lại có Bồ-tát ma-ha-tát đời trước tuy nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu mà chẳng hỏi đúng nghĩa lý, nên khi sanh đến cõi người nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, tâm nghi ngờ hối hận, khó ngộ.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát như vậy nên biết đời trước tuy có nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, vì không hỏi nên đời nay tiếp tục sanh nghi ngờ khó ngộ. Nếu Bồ-tát đời trước nghe Thiền Ba-la-mật, nhưng không hỏi đúng nghĩa lý, đời nay nghe Bát-nhã Ba-la-mật, vì không hỏi nên tiếp tục sanh nghi ngờ, hối hận.

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát đời trước tuy nghe Tinh tấn Ba-la-mật nhưng không hỏi đúng nghĩa lý, đời nay nghe Bát-nhã Ba-la-mật, vì không hỏi nên lại tiếp tục nghi ngờ hối hận.

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát đời trước tuy nghe Nhẫn nhục Ba-la-mật, nhưng không hỏi đúng nghĩa lý, đời nay nghe Bát-nhã Ba-la-mật, vì không hỏi nên lại tiếp tục nghi ngờ, hối hận.

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát đời trước tuy nghe Giới Ba-la-mật, nhưng không hỏi đúng nghĩa lý, đời nay nghe Bát-nhã Ba-la-mật, vì không hỏi nên lại tiếp tục nghi ngờ, hối hận.

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát đời trước tuy nghe Bố thí Ba-la-mật, nhưng không hỏi đúng nghĩa lý, đời nay nghe Bát-nhã Ba-la-mật, vì không hỏi nên lại tiếp tục nghi ngờ hối hận.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát đời trước tuy nghe nội không, ngoại không, nội ngoại không, cho đến Vô pháp hữu pháp không, nhưng không hỏi đúng nghĩa lý, khi sanh đến cõi người, nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, vì không hỏi nên lại tiếp tục nghi ngờ, khó ngộ.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát đời trước tuy nghe Bốn niệm xứ cho đến

Tám thánh đạo phần, Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc, Năm thần thông, Mười lực Phật cho đến trí Nhất thiết chủng, nhưng không hỏi đúng nghĩa lý, khi sanh đến cõi người, nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, vì không hỏi nên lại tiếp tục nghi ngờ, khó ngộ.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát đời trước nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, hỏi đúng nghĩa lý mà không thực hành, khi mệnh chung sanh đến đây nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày tâm họ kiên cố không thể phá hoại, nhưng nếu khi lìa pháp được nghe liền bị thối thất. Vì cớ sao ? Vì đời trước khi nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, tuy có hỏi đúng nghĩa lý mà không tu hành đúng như pháp. Người ấy hoặc có khi muốn nghe, hoặc có khi không muốn nghe, tâm mỏng manh không bền chắc, chỉ rối loạn không định, thí như lông nhẹ bay theo gió.

Tu-bồ-đề! Nên biết Bồ-tát ấy phát tâm không lâu, không theo cùng thiện tri thức, cúng dường chư Phật không nhiều; đời trước không viết chép Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, không đọc tụng, không nhớ nghĩ đúng, không học Bát-nhã Ba-la-mật, không học Thiền Ba-la-mật, không học Tấn Ba-la-mật, không học Nhẫn Ba-la-mật, không học Giới Ba-la-mật, không học Thí Ba-la-mật, không học Nội không cho đến Vô pháp hữu pháp không, không học Bốn niệm xứ, cho đến Tám Thánh đạo phần, không học Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Năm thần thông, Mười lực Phật, cho đến không học trí Nhất thiết chủng.

Như vậy Tu-bồ-đề! Nên biết Bồ-tát ấy mới phát tâm Đại thừa vì ít tin, ít vui nên không thể viết chép Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, không thể thọ trì, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng.

Tu-bồ-đề! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn cầu Phật đạo, không viết chép Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, không thọ trì, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, cũng không được Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu hộ trì, cho đến không được trí Nhất thiết chủng hộ trì; người ấy cũng không tu hành đúng như Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu như đã nói, cho đến không tu hành đúng như trí Nhất thiết chủng như đã nói; thì người ấy hoặc rơi vào Nhị địa, hoặc Thanh văn địa, Bích-chi Phật địa. Vì cớ sao ? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhơn ấy không viết chép Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, không đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng; người ấy cũng không được Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu hộ trì; cũng không tu hành như đã nói. Vì thế nên thiện nam tử, thiện nữ nhơn ấy sẽ rơi vào một trong hai địa.

LUẬN: Hỏi: Từ trước lại đây, thường nói nhân duyên Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, nay vì sao nói lập lại?

Đáp: Nơi nơi nói Bát-nhã thâm sâu, thì có được lợi ích nhiều. Kẻ phàm phu không hiểu cho là nói lặp lại. Thí như vua nước lớn, chưa có đích tử, cầu đảo thần kỳ, nhiều năm không ứng. Trong lúc vua xuất hành, phu

nhân sanh con trai, khiến báo tin vua biết, phu nhân sanh con trai, vua nghe vui mừng mà không trả lời cho đến mười phen sứ giả tâu: Tôi thưa nảy giờ vua có nghe chăng? Vua đáp: Ta có nghe. Lâu lắm ta mới được mãn nguyện, trong tâm rất vui mừng, muốn nghe mãi không thôi, liền sắc cho quan hữu ty, ban cho người ấy một trăm vạn lượng vàng; cứ một câu nói mười vạn lượng vàng. Vua nghe sứ giả nói trong mỗi câu, mỗi câu đều có lợi ích chứ không nói lặp. Người không biết cho là nói lặp. Nơi nơi nói Bát-nhã thâm sâu cũng như vậy. Phật và Bồ-tát, Tu-bồ-đề biết có lợi ích lớn. Tu-bồ-đề nghe Phật nói Bát-nhã thâm sâu, không thể hiểu thấu, trở thành cảm giác thâm sâu; người nghe ở nôi nôi nghe nói thâm sâu, được lợi ích Thiền định và trí tuệ. Còn kẻ phàm phu chê là nói lặp.

Lại nữa, sâu cạn không nhất định, tùy theo chúng sanh, kẻ hiểu thì không sâu, kẻ không hiểu cho là sâu. Bát-nhã Ba-la-mật, trừ Phật không ai biết khắp được nên nói là thâm sâu. Thế nên, Phật vì chúng sanh nên nói thâm sâu, chứ không có tướng thâm sâu nhất định, nếu có thâm sâu nhất định thì không ai tu được, nên nói Bồ-tát cho Bát-nhã thâm sâu, vì không tu hành Bát-nhã Ba-la-mật. Nhân duyên của thâm sâu là vì việc lớn nên sanh khởi, cho đến vì Vô đẳng đẳng sự nên sanh khởi. Nghĩa của việc lớn v.v... như trước đã nói. Trong đây, Phật tự nói nhân duyên của việc lớn v.v... đó là Bát-nhã Ba-la-mật hàm chứa năm Ba-la-mật v.v...

Hỏi: Năm Ba-la-mật đều có tướng khác nhau, sao nói hàm chứa trong Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Ở đây nói hàm chứa trong quyển kinh Bát-nhã. Lại nữa năm Ba-la-mật v.v... vì cùng với Bát-nhã Ba-la-mật hòa hợp, phương tiện hồi hướng nên năm Ba-la-mật được đạt đến Phật đạo.

Vua Quán đảnh ví như Phật, mọi quốc sự là phép độ chúng sanh, còn đại thần là ví như Bát-nhã Ba-la-mật. Phật ủy thác Bát-nhã Ba-la-mật thành biện mỗi mỗi pháp nên Phật an ở Thiền định, khối lạc, vô sự. Lại như, muốn trừ cây cỏ, củi khô, lấy lửa ném vào thì lửa đốt cháy hết, còn người thì vô sự.

Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật vì không thủ, không đắm sắc v.v... nên gọi là hàm chứa, mới nhiễm gọi là thủ, sanh ưa thích gọi là đắm.

Tu-bồ-đề hỏi: Thế nào là Bát-nhã Ba-la-mật, vì không thủ, không đắm sắc v.v... nên gọi là hàm chứa ?

Trong bốn cách đáp, Phật dùng cách đáp phản vấn:

"Ý ông nghĩ sao, dùng mắt trí tuệ thấy sắc pháp v.v… khả thủ, khả đắm chăng?"

Ý Tu-bồ-đề nghĩ rằng: "Nếu con mắt trí tuệ thì chỉ thấy không, vô tướng, vô tác, vô lượng, tướng bất khả tư nghì chứ làm sao đáp sắc v.v... có định tướng khả thủ, khả đắm".

Phật chấp thuận lời đó, ông chưa được Nhất thiết trí, chẳng thấy sắc v.v... Ta là người Nhất thiết trí cũng chẳng thấy sắc v.v...; thế nên Ta tán thán "Lành thay". Khi ấy, các Thiên tử tán thán Bát-nhã Ba-la-mật và người tu hành Bát-nhã Ba-la-mật rằng: Nếu chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới, hoặc là hạng người tín hành, pháp hành, cho đến Bích-chi Phật hoặc trí hoặc đoạn. Trí là mười trí, đoạn có hai thứ: đoạn có dư tàn, đoạn không có dư tàn. Hàng hữu học đoạn có dư tàn, hàng vô học đoạn không có dư tàn, không bằng Bồ-tát trong một ngày tu Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu. Vì cớ sao? Vì trí và đoạn của Thánh hiền đều là Vô sanh pháp nhẫn của Bồ-tát.

Hỏi: Nếu trí và đoạn của Thánh hiền tức là Vô sanh pháp nhẫn thì cớ gì nói "chẳng bằng"?

Đáp: Người tín hành v.v... vì không có tâm đại từ bi, rời bỏ chúng sanh nên chẳng bằng. Không có sức phương tiện, thì không thể từ Niết-bàn trở lại độ sanh. Thí như muôn dòng nước dồn về sông Hằng đều vào biển cả. Khi muốn vào biển, thế nước xoáy lốc, chúng sanh ở trong đó không thể lội ngược lại, chỉ người có sức mạnh mới ra khỏi được.

Lại nữa, các Thánh hiền khác, thành tựu trí và đoạn, Bồ-tát mới được vô sanh nhẫn mà sức có thể vượt qua cho nên Bồ-tát hôn. Công đức trí và đoạn tuy thành tựu mà không sánh kịp Bồ-tát sô nhẫn. Thí như đại thần, công nghiệp tuy lớn, không sánh kịp Thái-tử.

Lại nữa, pháp noãn, đảnh, nhẫn là pháp môn ban đầu của Tiểu thừa. Pháp nhẫn của Bồ-tát là pháp môn ban đầu của Đại thừa. Thanh văn, Bích-chi Phật tuy thành đạt trọn vẹn còn không sánh kịp Bồ-tát mới vào cửa đạo huống gì thành Phật.

Hỏi: Pháp của Thanh văn, Bích-chi Phật là Tiểu thừa, Bồ-tát là Đại thừa, làm sao nói trí và đoạn của Nhị thừa tức là Vô sanh nhẫn của Bồ-tát?

Đáp: Vì sở duyên đồng, như như, pháp tánh, thực tế cũng đồng, chỉ trí tuệ lợi và độn khác nhau. Lại vì có vô lượng công đức và tâm đại bi thủ hộ nên thắng. Các cách nói khác đều là tán thán Bát-nhã Ba-la-mật.

Người hành Bát-nhã Ba-la-mật có thượng, trung, hạ. Hạ là khi nghe Bát-nhã Ba-la-mật liền lãnh thọ, tin ngay, không hỏi đúng nghĩa lý; Trung là đã nghe rồi hỏi nghĩa lý đúng mà không thực hành; Thượng là nghe hiểu và thực hành. Hạ tuy được làm thân người, nghe Bát-nhã cứ nghi ngờ, hối

hận khó ngộ, vì phước mỏng, căn độn. Trung là được thân người nghe Bát-nhã nhất tâm tin vui, hiểu biết nghĩa lý, từ một ngày đến bốn năm ngày, tâm rất kiên cố , quá ngày đó không thể tin vui; hoặc muốn nghe, hoặc không muốn nghe vì đời trước, tuy hiểu nghĩa mà không thực hành, phước mỏng, căn độn. Thượng là được thân người nghe Bát-nhã, tâm liền thâm hiểu tin, vui không bỏ, thường theo pháp sư. Hai hạng Bồ-tát trên không thể được thượng địa, sẽ rơi vào Nhị thừa, vì không được Bát-nhã thủ hộ. Vì muốn làm rõ nghĩa ấy lần nữa, nên ở phẩm sau Phật nêu thí dụ. Như ở giữa biển cả, thuyền bị vỡ, nếu được chỗ nương thì lội qua được, không được chỗ nương thì không lội qua được.

----oOo---

GIẢI THÍCH PHẨM NĂM MƯƠI MỐT: THÍ DỤ

KINH: Phật bảo Tu-bồ-đề: Thí như trong biển lớn, thuyền bị vỡ, người trong thuyền, nếu không dùng đồ vật, không dùng phao nổi, không dùng thây chết thì, nầy Tu-bồ-đề, nên biết người ấy không đến được bờ kia, mà bị chết chìm trong biển. Tu-bồ-đề! Nếu khi thuyền vỡ, người trong thuyền dùng cây, dùng đồ vật, phao nổi, thây chết, thì nên biết người ấy trọn không bị chết chìm, an ổn, vô ngại, đến được bờ kia.

Tu-bồ-đề! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn cầu Phật đạo cũng như vậy. Nếu chỉ có tâm tin ưa, mà không nương Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, không chép, không đọc tụng, không nhớ nghĩ đúng, không nương Thiền Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật, không chép, không đọc tụng, không nhớ nghĩ đúng, cho đến không nương trí Nhất thiết chủng, không chép, không đọc tụng, không nhớ nghĩ đúng thì nên biết thiện nam tử ấy, giữa đường bị suy hao, chưa đến được trí Nhất thiết chủng, chỉ thủ chứng Thanh văn, Bích-chi Phật địa.

Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhơn cầu Phật đạo vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên có tín, có nhẫn, có tịnh tâm, có thâm tâm, có ham muốn, có hiểu biết, có buông bỏ, có tinh tấn, người

ấy nương Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, giữ gìn, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng thì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên có tín, nhẫn, tịnh tâm, thâm tâm, ham muốn, hiểu biết, buông bỏ, tinh tấn, được được Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu thủ hộ cho đến được trí Nhất thiết chủng thủ hộ. VÌ được Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu thủ

hộ cho đến trí Nhất thiết chủng thủ hộ nên trọn không bị suy hao giữa đường, vượt quá Thanh văn địa, Bích-chi Phật địa, hay làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề! Thí như nam tử, nữ nhơn cầm bình đất lấy nước, nên biết bình ấy không bao lâu tan rã. Vì sao? Vì bình ấy chưa nung chín nên trở lại về với đất. Cũng như vậy, Tu-bồ-đề! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn tuy vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác có tín, có nhẫn, có tịnh tâm, có thâm tâm, có an ổn, có hiểu biết, có buông bỏ, có Tinh tấn mà không được Bát-nhã Ba-la-mật phương tiện lực thủ hộ, không được Thiền Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật thủ hộ, không được Nội không, cho đến Vô pháp hữu pháp không, Bốn niệm xứ cho đến Tám thánh đạo phần, mười lực Phật, cho đến trí Nhất thiết chủng thủ hộ thì nầy Tu-bồ-đề! Nên biết người ấy bị suy hao giữa đường, rơi vào Thanh văn, Bích-chi Phật địa.

Tu-bồ-đề! Thí như nam tử, nữ nhơn cầm chiếc bình đã nung chín lấy nước ở sông, giếng, ao, suối, nên biết chiếc bình ấy giữ nước rất an ổn. Vì sao? Vì chiếc bình ấy đã nung chín. Cũng như vậy Tu-bồ-đề! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có tín, nhẫn, tịnh tâm, thâm tâm, ham muốn, hiểu biết, buông bỏ, Tinh tấn, lại được Bát-nhã Ba-la-mật, phương tiện thủ hộ, được Thiền định, Tinh tấn, nhẫn, giới, thí, cho đến trí Nhất thiết chủng thủ hộ thì nầy Tu-bồ-đề! Nên biết người ấy không bị suy hao giữa đường, vượt quá địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật, có thể làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề! Thí như bên bờ biển lớn, thuyền chưa trang bị liền đem đồ vật chất lên trên. Nên biết thuyền ấy bị vỡ chìm giữa đường, thuyền cùng đồ vật ở chung một chỗ, đó là vì khách buôn không có lực phương tiện nên mất hết của cải. Cũng như vậy Tu-bồ-đề! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn ấy cầu Phật đạo tuy có tâm vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có tín, nhẫn, tịnh tâm, thâm tâm, dục, giải, xả, Tinh tấn, nhưng không được Bát-nhã Ba-la-mật, phương tiện lực thủ hộ, cho đến trí Nhất thiết chủng thủ hộ, thì nên biết người ấy bị suy hao giữa đường, mất hết

trân bảo lớn. Trân bảo lớn là trí Nhất thiết chủng; suy hao là rơi vào Thanh văn, Bích-chi Phật địa.

Tu-bồ-đề! Thí như có người có trí phương tiện, ở tại bờ biển trang bị thuyền lớn, sau mới đẩy xuống nước, đem tài vật chất lên mà đi. Nên biết

thuyền ấy không bị vỡ chìm giữa đường, chắc chắn được an ổn, đi đến nơi chốn. Cũng như vậy Tu-bồ-đề! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn, vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có tín, nhẫn, tịnh tâm, thâm tâm, dục, giải, xả, Tinh tấn, nhẫn nhục, giới, thí, cho đến trí Nhất thiết chủng thủ hộ thì nên biết Bồ-tát ấy đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không bị rơi vào Thanh văn, Bích-chi Phật địa.

Tu-bồ-đề! Thí như có người một trăm hai mươi tuổi, tuổi già, các căn suy yếu, lại có các bệnh gió, lạnh, nóng, hoặc tạp bệnh. Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, người ấy có thể từ giữa đường đứng dậy chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Không thể.

Phật dạy: Người ấy nếu có thể đứng dậy thì thế nào?

Tu-bồ-đề thưa: Người ấy tuy có thể đứng dậy nhưng không thể đi xa, hoặc mười dặm, hoặc hai mươi dặm, vì già bệnh.

Phật dạy: Cũng như vậy, Tu-bồ-đề! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn tuy có tâm vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có tín, nhẫn, tịnh tâm, thâm tâm, dục, giải, xả, Tinh tấn, nhưng không được Bát-nhã Ba-la-mật thủ hộ thì nên biết người ấy giữa đường rơi vào Thanh văn, Bích-chi Phật địa. Vì sao? Vì không được Bát-nhã Ba-la-mật thủ hộ.

Tu-bồ-đề! Thí như người già một trăm hai mươi tuổi trước kia, tuổi già, các căn suy yếu, lại có các bệnh gió, lạnh, nóng, hoặc tạp bệnh. Người ấy muốn đứng dậy đi, có hai người mạnh dìu hai nách nói với người già rằng: "Đừng sợ khó, muốn đi đến đâu hai người chúng tôi trọn không rời bỏ". Cũng như vậy, Tu-bồ-đề! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có tín, nhẫn, tịnh tâm, thâm tâm, dục, giải, xả, Tinh tấn, được Bát-nhã Ba-la-mật phương tiện được thủ hộ, cho đến nhờ có trí Nhất thiết chủng thủ hộ thì nên biết người ấy giữa đường không rơi vào Thanh văn, Bích-chi Phật địa, có thể đi đến nơi chốn là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Bồ-tát có hai hạng:

Hạng ngộ được thật tướng các pháp.

Hạng tuy chưa ngộ được thật tướng nhưng đối với trong Phật đạo có tín, có nhẫn, có tịnh tâm, có thâm tâm, có ham muốn, có hiểu biết, có buông bỏ, có Tinh tấn.

Tín là tin nghiệp tội phước, quả báo; tin tu sáu Ba-la-mật thì được

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Có người tuy tin Phật đạo nhưng tư duy, tù lượng tâm không thể nhẫn chịu, còn ở đây nhẫn được nên nói có

nhẫn. Có người tuy Nhẫn, nhưng vì tà kiến, nghi ngờ chưa dứt, tâm ô trược không thanh tịnh, còn ở đây thanh tịnh nên nói có tịnh. Có người tuy có tín, nhẫn, tịnh tâm, nhưng có cạn có sâu, còn ở đây sâu nên nói thâm tâm. Có đủ nhân duyên của bốn thứ trên nên nhất tâm muốn được Vô thượng đạo, không muốn việc gì khác, thế nên nói có dục. Rõ ràng quyết định, biết Vô thượng đạo là lớn, các việc thế gian là nhỏ, thế nên nói có giải. Vì có tâm dục, giải quyết định, nên buông bỏ của cải và buông bỏ các ác tâm, phiền não, xan lận, sân hận v.v... thế nên nói xả. Vì xả nên thường hay Tinh tấn. Có các công đức như vậy, nếu không được Bát-nhã Ba-la-mật, hoặc khi thân hoại mạng chung, hoặc bị ác tri thức làm trở ngại thì mất Bồ-tát đạo. Vì có công đức của thế gian nên hưởng thọ quả báo thế gian nhưng về sau rơi vào Thanh văn, Bích-chi Phật địa, không thể đạt đến Vô thượng đạo.

Trong đây Phật tự nói năm ví dụ: Chiếc thuyền là dụ thân hành giả; phao nổi v.v... là dụ Bát-nhã phương tiện; chiếc bình là dụ Bồ-tát đạo. Bát-nhã phương tiện là lửa, vì chưa cùng Bát-nhã phương tiện hòa hợp nên không thể giữ gìn nước công đức của sáu Ba-la-mật đạt đến Vô thượng đạo; không sửa sang chiếc thuyền là, Bồ-tát không có phương tiện; vật báu về các công đức tín, nhẫn v.v... là, năm chiếc thuyền thiện pháp Ba-la-mật. Thuyền và báu ở riêng rẻ là, ví trái với bốn nguyện, hoặc hưởng thọ cái vui cõi trời, cõi người, hoặc rơi vào Nhị thừa. Lợi lớn là, chỉ cho Pháp Phật bảo và Nhất thiết trí v.v... Người già bệnh là, ví Bồ-tát có các công đức tín, nhẫn v.v... nhưng không dứt sáu mươi hai tà kiến, nên gọi là già, không dứt một trăm lẻ tám phiền não nên gọi là bệnh. Từ giường đứng dậy là, ví từ giường "tam giới" đứng dậy, ta sẽ thành Phật. Vì nhân duyên tà kiến phiền não, nên không thể thành Bồ-tát đạo. Hai người mạnh là, ví Bát-nhã và phương tiện. Bát-nhã Ba-la-mật hay dứt các phiền não tà kiến, lý luận đưa đến trong rốt ráo không, còn phương tiện đưa ra khỏi rốt ráo không.

KINH: Bấy giờ, Phật nói với Tu-bồ-đề: Lành thay! Ông vì các Bồ-tát mà hỏi các việc ấy. Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhơn cầu Phật đạo, từ khi mới phát tâm lại đây, đem tâm chấp ta, và của ta, làm việc Bố thí, Trì giới, nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, trí tuệ, thì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, khi Bố thí nghĩ rằng: "Ta là thí chủ, ta thí cho người ấy, ta thí vật ấy; ta tu Trì giới, ta tu nhẫn, ta Tinh tấn, ta nhập định, ta tu trí tuệ". Thiện nam tử, thiện nữ nhơn ấy nghĩ là thí, ấy là

ta thí, cho đến ấy là trí tuệ. Vì sao? Vì trong Thí Ba-la-mật, không có sự phân biệt như vậy, xa lìa bờ này, bờ kia, đó là tướng trạng của Thí Ba-la-mật. Trong Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-

la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật không có sự phân biệt như vậy. Vì sao? Vì xa lìa bờ này, bờ kia, là tướng trạng của Bát-nhã Ba-la-mật. Người ấy không biết bờ này, không biết bờ kia; vì người ấy không được Thí Ba-la-mật cho đến trí Nhất thiết chủng thủ hộ nên rơi vào Thanh văn, Bích-chi Phật địa, không thể đạt đến Nhất thiết trí.

Này Tu-bồ-đề! Người cầu Phật đạo không có phương tiện thế nào?

Tu-bồ-đề! Người cầu Phật đạo từ khi mới phát tâm lại đây, không có phương tiện tu Bố thí, Trì giới, nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, trí tuệ; người ấy nghĩ như vầy: "Ta Bố thí cho người ấy, lấy vật ấy là thí; ta Trì giới, nhẫn nhục, Tinh tấn, nhập định, tu trí tuệ, tu trí tuệ như vậy". Người ấy nghĩ đó là Bố thí, đó là ta Bố thí, lấy việc Bố thí mà tự cao, nghĩ đó là giới, đó là ta Trì giới, lấy việc Trì giới mà tự cao; nghĩ đó là nhẫn, đó là ta nhẫn, lấy việc nhẫn nhục mà tự cao; nghĩ đó là Tinh tấn, đó là ta Tinh tấn, lấy việc ta Tinh tấn mà tự cao, nghĩ đó là Thiền định, đó là ta Thiền định, lấy việc Thiền định mà tự cao, nghĩ đó là tuệ, đó là ta có trí tuệ, lấy việc trí tuệ mà tự cao. Vì sao? Vì trong Thí Ba-la-mật không có sự phân biệt như vậy, xa lìa bờ này bờ kia, là tướng trạng của Thí Ba-la-mật; xa lìa bờ này bờ kia là tướng trạng của Giới Ba-la-mật; xa lìa bờ này bờ kia, là tướng trạng của Nhẫn Ba-la-mật. Xa lìa bờ này bờ kia là tướng trạng của Tinh tấn Ba-la-mật. Xa lìa bờ này bờ kia là tướng trạng của Thiền Ba-la-mật. Xa lìa bờ này bờ kia là tướng trạng của Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật không có sự nghĩ nhớ phân biệt như vậy. Thiện nam tử, thiện nữ nhơn cầu Phật đạo, không biết bờ này bờ kia, vì người ấy không được Thí Ba-la-mật thủ hộ, không được Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật thủ hộ, cho đến không được trí Nhất thiết chủng thủ hộ, nên rơi vào Thanh văn, Bích-chi Phật đạo, không thể đến được Nhất thiết trí. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát vì không được Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện thủ hộ, nên rơi vào Thanh văn và Bích-chi Phật đạo.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát được Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện thủ hộ nên không rơi vào Thanh văn và Bích-chi Phật đạo, mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Tu-bồ-đề! Bồ-tát từ khi mới phát tâm lại đây, do sức phương tiện, Bố thí không có tâm chấp ta và của ta mà Bố thí, cho đến không có tâm chấp ta và của ta mà tu trí tuệ; người ấy không nghĩ rằng ta có đây là thí, đây là ta thí, không lấy việc Bố thí để tự cao, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Bồ-tát ấy không nghĩ rằng ta thí, không nghĩ rằng ta thí

cho người ấy, dùng vật ấy thí, không nghĩ rằng ta Trì giới, có Trì giới ấy; không nghĩ rằng ta nhẫn nhục, có nhẫn nhục ấy; không nghĩ rằng ta Tinh tấn, có Tinh tấn ấy; không nghĩ rằng ta Thiền định, có Thiền định ấy; không nghĩ rằng ta tu trí tuệ, có trí tuệ ấy. Vì sao? Vì trong Thí Ba-la-mật, không có sự phân biệt như vậy. Xa lìa bờ này bờ kia là tướng trạng của Thí Ba-la-mật; xa lìa bờ này bờ kia là tướng trạng của Giới Ba-la-mật; xa lìa bờ này bờ kia là tướng trạng của Nhẫn nhục Ba-la-mật; xa lìa bờ này bờ kia là tướng trạng của Tinh tấn Ba-la-mật; xa lìa bờ này bờ kia là tướng trạng của Thiền Ba-la-mật; xa lìa bờ này bờ kia là tướng trạng của Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật không có sự phân biệt như vậy. Bồ-tát ấy biết bờ này, bờ kia, vì Bồ-tát ấy được Thí Ba-la-mật thủ hộ; Giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật thủ hộ cho đến được trí Nhất thiết chủng thủ hộ nên không rơi vào Thanh văn, Bích-chi Phật địa, đến được Nhất thiết trí. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát được Bát-nhã Ba-la-mật và lực phương tiện thủ hộ nên không rơi vào Thanh văn, Bích-chi Phật địa, mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Bấy giờ, Phật chấp thuận ý Tu-bồ-đề, lại nói nhân duyên làm mất kết quả tu hành. Bồ-tát tuy tu hành thiện pháp, tín, nhẫn v.v... cũng không được Vô thượng đạo, đó là vì đem tâm chấp ta, và của ta, tu sáu Ba-la-mật. Trong đây nói không phân biệt bờ này bờ kia vì tướng xa lìa là tướng của Bát-nhã Ba-la-mật mà lại phân biệt chấp trước tu hành, thế là mất.

Trên đây, tuy Phật nói nghĩa không có phương tiện nhưng không nói cái danh không có phương tiện, vì muốn khiến việc ấy rõ ràng nên bảo Tu-bồ-đề: Thế nào là có phương tiện, không phương tiện? Bên trong không có tâm chấp ta và của ta, bên ngoài quán hết thảy pháp không, không thủ tướng, Bát-nhã phương tiện cho đến trí Nhất thiết chủng thủ hộ Bồ-tát nên gọi là có phương tiện.

Thủ hộ ở phía năm Ba-la-mật được lực công đức, ở phía Bát-nhã Ba-la-mật được lực trí tuệ, do hai nhân duyên ấy nên không mất đạo.

-oOo-

GIẢI THÍCH PHẨM NĂM MƯƠI HAI: THIỆN TRI THỨC

KINH: Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Hàng Bồ-tát tân học, nên học Bát-nhã Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Trì giới Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật như thế

nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Hàng Bồ-tát tân học, nếu muốn học Bát-nhã Ba-la-mật, Thiền, Tinh tấn, Nhẫn, Giới, Thí Ba-la-mật thì trước tiên nên thân cận cúng dường thiện tri thức, người có thể thuyết giảng Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu. Người ấy dạy rằng: Thiện nam tử, ngươi có Bố thí gì thì tất cả đều hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, tất cả đều hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ngươi chớ cho sắc là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chớ cho thọ, tưởng, hành, thức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chớ cho Thí Ba-la-mật là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chớ cho Giới, Nhẫn, Tấn, Thiền, Bát-nhã Ba-la-mật là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chớ cho Nội không cho đến Vô pháp, hữu pháp không là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chớ cho Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác phần, Tám thánh đạo phần là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chớ cho Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc, Năm thần thông là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chớ cho Mười lực cho đến Mười tám pháp không chung của Phật là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì không chấp thủ sắc liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; không chấp thủ thọ, tưởng, hành, thức liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; không chấp thủ Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; không chấp thủ Nội không cho đến Vô pháp hữu pháp không, Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thiện nam tử! Khi tu Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu chớ tham sắc. Vì sao? Vì sắc chẳng phải cái có thể tham; chớ tham thọ, tưởng, hành thức. Vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là cái có thể tham. Thiện nam tử! Chớ tham Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, chớ tham Nội không cho đến Vô pháp hữu pháp không, chớ tham Bốn niệm xứ cho đến Tám Thánh đạo phần, chớ tham Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc, Năm thần thông, chớ tham Mười trí lực cho đến trí Nhất thiết chủng

của Phật. Vì sao? Vì trí Nhất thiết chủng chẳng phải là cái có thể tham. Thiện nam tử! Chớ tham quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, chớ tham Bích-chi Phật đạo, chớ tham Bồ-tát vị, chớ tham Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng phải là cái có thể tham. Vì sao? Vì các pháp tự tánh không.

LUẬN: Hỏi: Tu-bồ-đề hỏi chỗ sở hành của hàng tân học cớ sao Phật đáp việc tu hành vi diệu lâu ngày của Bồ-tát, đó là không chấp thủ hết thảy pháp, vì hết thảy pháp tánh không?

Đáp: Các pháp tánh không có hai:

Cái không của đại Bồ-tát ngộ được.

Nhu thuận Nhẫn của tiểu Bồ-tát học được vì trí tuệ mà phát tâm.

Trong đây chỉ nói về cái không của tiểu Bồ-tát học được.

Lại nữa, có khí vị của trí tuệ, Phật kể Bồ-tát, nếu không có khí vị

của trí tuệ, thì tuy tu hành các công đức lâu ngày nhưng không kể là Bồ-tát. Thí như Phật nói, tướng trạng của Đảnh pháp ở trong Thanh văn đối với Tam bảo có lòng tin chút ít, gọi là Đảnh pháp; lòng tin ấy cao hơn Noãn pháp nhờ tu Thiền định phát sanh, do tâm cõi Sắc đạt được, nó đối với vô ngại giải thoát của Phật là bé nhỏ, nhưng đối với người phàm là lớn. Như vậy, Bồ-tát mới phát tâm có được khí vị của Bát-nhã Ba-la-mật, nên có thể lãnh thọ sự giáo hóa gọi là tân học, vượt hơn công đức năm Ba-la-mật, đối với người phàm là lớn, đối với Phật là nhỏ.

Lại nữa, Phật không nói thẳng các pháp tánh không, mà trước tiên dạy cúng dường thân cận thiện tri thức, nhờ thiện tri thức nói công đức năm Ba-la-mật. Thiện tri thức tuy mỗi mỗi giáo hóa, nhưng Phật chỉ khen pháp bất hoại, đó là đối với sắc pháp v.v... không tham, không đắm, không thủ. Thí như chim cánh vàng mới sanh, từ một núi Tu-di bay đến một núi Tu-di, Bồ-tát cũng như vậy, mới học đã có thể sanh trí sâu xa như vậy, huống gì học lâu. Lại như đóm lửa nhỏ có thể đốt cháy, huống gì là lửa lớn. Bồ-tát cũng như vậy, lúc mới học có thể dùng trí tuệ, chuyển đổi pháp thế gian khiến rốt ráo không, đốt cháy các phiền não, huống gì đắc lực đầy đủ.

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Các Bồ-tát làm được việc khó làm, ở trong hết thảy pháp tánh không mà cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Tu-bồ-đề! Bồ-tát làm được việc khó, ở trong hết thảy pháp tánh không mà cầu Vô thượng Chánh đẳng

Chánh giác, muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề! Các Bồ-tát vì an ổn cho thế gian, nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì an lạc cho thế gian, vì cứu thế gian, vì làm chỗ quy hướng cho thế gian, vì làm nôi nương tựa cho thế gian, vì làm gò bãi cho thế gian, vì dẫn đạo thế gian, vì làm đạo rốt ráo cho thế gian, vì làm chỗ đi đến cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát vì an ổn thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào? Tu-bồ-đề! Khi Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đem chúng sanh ra khỏi sáu đường, đặt vào nơi bờ Niết-bàn vô úy. Tu-bồ-đề ấy là Bồ-tát vì an ổn cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát vì an lạc cho thế gian, nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào? Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đem chúng sanh ra khỏi cái u sầu, khổ não, đặt vào nơi bờ Niết-bàn vô úy. Ấy là Bồ-tát vì an lạc cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát vì cứu thế gian, nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào? Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cứu các khổ nạn trong đường sanh tử cho chúng sanh, cũng thuyết pháp để dứt các khổ ấy, chúng sanh nghe pháp, tạm dùng Tam thừa để được độ thoát. Tu-bồ-đề! Ấy là Bồ-tát vì cứu thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát vì làm chỗ quy hướng cho thế gian, nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào? Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cứu chúng sanh ra khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu bi, sầu não đem đặt vào nơi bờ Niết-bàn vô úy. Tu-bồ-đề! Ấy là Bồ-tát vì làm chỗ quy hướng cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát vì làm chỗ nương tựa cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào? Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì chúng sanh nói hết thảy pháp không có chỗ nương tựa. Tu-bồ-đề! Ấy là Bồ-tát vì làm chỗ nương tựa cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Hết thảy pháp không có chỗ nương tựa như thế nào?

Phật dạy: Sắc không tương tục tức là sắc không sanh, sắc không sanh tức là sắc không diệt, sắc không diệt tức là sắc không có chỗ nương

tựa; thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng cũng lại như vậy. Tu-bồ-đề! Ấy là vì làm chỗ nương tựa cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát vì làm đạo cứu cánh cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào? Tu-bồ-đề! Khi Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì chúng sanh nói pháp như vầy: Tướng

rốt ráo của sắc chẳng phải là sắc; tướng rốt ráo của thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng chẳng phải là trí Nhất thiết chủng. Tu-bồ-đề! Tướng cứu cánh : "Như", tướng hết thảy pháp cũng như vậy.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Nếu tướng hết thảy pháp cứu cánh "Như" thì các Bồ-tát đều nên tu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì trong tướng rốt ráo của sắc không có phân biệt; trong tướng rốt ráo của thọ, tưởng, hành thức, không có phân biệt cho đến trong tướng rốt ráo của trí Nhất thiết chủng không có phân biệt cho là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Trong tướng rốt ráo của sắc không có phân biệt, trong tướng rốt ráo của thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng không có phân biệt gọi là sắc cho đến gọi là trí Nhất thiết chủng. Tu-bồ-đề! Ấy là việc khó của Bồ-tát ma-ha-tát. Quán tướng các pháp tịch diệt như vậy, mà tâm không ẩn khuất, không sợ hãi. Vì sao? Vì Bồ-tát nghĩ rằng các pháp thâm sâu ấy ta nên biết như vậy sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Pháp vi diệu tịch diệt như vậy ta sẽ vì chúng sanh nói ra. Ấy là Bồ-tát vì làm đạo cứu cánh cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát vì làm gò bãi cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào? Tu-bồ-đề! Hoặc ở giữa sông ngòi, biển lớn, nước bốn bên ngăn cách, ấy là cồn bãi. Tu-bồ-đề! Sắc cũng như vậy, đời trước đời sau làm gián đoạn; thọ, tưởng, hành, thức đời trước đời sau gián đoạn, cho đến trí Nhất thiết chủng đời trước đời sau gián đoạn. Vì đời trước đời sau gián đoạn ấy nên hết thảy pháp cũng gián đoạn. Tu-bồ-đề! Vì hết thảy pháp đời trước đời sau gián đoạn ấy, nên tức là tịch diệt, tức là diệu bảo, nghĩa là không, không có gì thủ đắc, ái sạch hết không còn, ly dục Niết-bàn. Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đem pháp tịch diệt vi diệu, vì chúng sanh nói. Tu-bồ-đề! Ấy là Bồ-tát vì làm cồn bãi cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát vì làm dẫn dạo cho chúng sanh như thế nào? Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vì chúng sanh nói sắc

chẳng sanh chẳng diệt, chẳng nhơ, chẳng sạch; nói thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh chẳng diệt, chẳng nhơ, chẳng sạch; nói mười hai xứ, mười tám giới, bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo phần, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông chẳng sanh chẳng diệt, chẳng nhơ, chẳng sạch; nói quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, Bích-chi Phật đạo chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng nhơ, chẳng sạch, nói mười trí lực cho đến trí

Nhất thiết chủng của Phật chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng nhơ, chẳng sạch. Tu-bồ-đề! Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát vì làm dẫn đạo cho chúng sanh nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Tu-bồ-đề phát tâm hy hữu bạch Phật rằng: "Các Bồ-tát chưa dứt phiền não, chưa đủ đại bi, chưa được địa vị bất thối chuyển, biết các pháp vốn tánh không mà có thể phát tâm Vô thượng đạo, việc ấy rất khó". Phật nhận lời ấy rằng: "Đúng như vậy". Lại tán thán nhân duyên hy hữu của Bồ-tát rằng: "Bồ-tát vì an ổn cho thế gian nên phát tâm". An ổn là có thể phá hết thảy phiền não, rốt ráo không biến mất. Ví như thuốc hay chữa lành bệnh không cần hỏi ngọt đắng, chỉ cần rốt ráo trừ hết bệnh được an ổn. Phật hay làm cho chúng sanh thường an ổn, không kỳ hạn một đời, hai đời. Cái vui của thế gian là có cái tuy an ổn mà không vui, có cái đời nay khổ, đời sau vui như uống thuốc đắng trong bụng an ổn, trong miệng không ngon, thế nên nói Phật hay đem cái vui cho đời này đời sau. Sáu đường vì vô thường nên chẳng phải an ổn, thế nên nói ra khỏi sáu đường gọi là an ổn. Cái vui thế gian là nhân duyên của đắm trước nên lâu về sau, chắc chắn sanh ưu não, không gọi là vui; cái vui Niết-bàn trước sau không biến đổi, lìa hết ưu khổ gọi là vui. Cứu thế gian là như người bị giặc oán đuổi bắt, nếu có thân thích, có thế lực quan quyền thì có thể cứu. Chúng sanh cũng như vậy, vì nhân duyên của tội ác, các phiền não và bị ma dân đuổi bắt. Chỉ có Phật thuyết pháp cứu hộ cho. Thế gian quy hướng là, như người khi gặp gió dữ, mưa mạnh, chắc chắn tìm về phòng xá; các tà kiến phiền não thế gian trong ngoài thân tâm khổ não, già, bệnh, chết, ưu khổ, nên tìm về với Phật, Phật dùng các phương cách nhổ sạch ưu bi, khổ não. Nôi nương tựa là hết thảy pháp hữu vi, do nhân duyên hòa hợp sanh nên không có tự lực, không thể nương tựa. Chúng sanh bị khổ bức bách, đến nương tựa Phật, Phật vì nói cho pháp không có nương tựa. Pháp không có nương tựa là chân thật, đó là Vô dư Niết-bàn. Năm uẩn diệt, không còn tương tục, không tương tục tức là chẳng sanh, chẳng diệt; chẳng sanh chẳng diệt tức là rốt ráo không, không có nơi nương tựa.

Hỏi: Nếu không có nơi nương tựa cớ sao nói làm chỗ nương tựa?

Đáp: Nương tựa có hai: 1. Các phiền não ái kiến nương tựa pháp hữu vi. 2. Trí tuệ thanh tịnh nương tựa Niết-bàn. Vì phiền não kiến nên nói không có nương tựa. Đạo cứu cánh là thật tướng rốt ráo không của các pháp. Sắc pháp v.v... đời trước không có, đời sau không có, đời hiện tại cũng không có. Kẻ phàm phu vì thế lực của ức tưởng phân biệt, nghiệp quả báo tình thức nên điên đảo thấy có, còn Thánh nhân dùng con mắt trí tuệ

quan sát thấy điều hư vọng không thật. Như đời trước đời sau; đời chính giữa cũng như vậy. Nếu không có trước sau làm sao có giữa? Như vậy, vì chúng sanh thuyết pháp là đặt chúng sanh an ổn trong đạo rốt ráo đệ nhất. Cồn bãi thế gian là, như cồn bãi, bốn phía không có đất, sắc pháp cũng như vậy, đời trước đời sau đều không thể thủ đắc. Trung gian như trong cứu cánh đạo đã phá, vì đời trước đời sau "không" nên trung gian cũng không. Nước là ví cho các phiền não ba lậu, bốn lưu và hết thảy pháp thuộc nghiệp quả báo, rốt ráo không, không có gì để thủ đắc, đó là Niết-bàn, là cồn bãi. Chúng sanh chìm ở giữa bốn dòng nước, Phật lấy con thuyền Bát chánh đạo vớt lên đặt vào trên cồn bãi Niết-bàn. Có các nhân duyên như vậy tiếp độ chúng sanh, ấy gọi là dẫn đạo.

KINH: Bồ-tát vì làm chỗ đến cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào?

Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vì chúng sanh nói chỗ đến của sắc là "không"; nói chỗ đến của thọ, tưởng, hành, thức là "không" cho đến nói chỗ đến của trí Nhất thiết chủng là "không". Vì chúng sanh nói sắc chẳng phải chỗ đến, chẳng phải không chỗ đến. Vì sao? VÌ tướng của sắc là "không", chẳng phải chỗ đến, chẳng phải chỗ không đến; nói thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải chỗ đến, chẳng phải không chỗ đến. Vì sao? Vì tướng thọ, tưởng, hành, thức là "không", chẳng phải chỗ đến, chẳng phải không chỗ đến, cho đến trí Nhất thiết chủng "không" chẳng phải chỗ đến, chẳng phải không chỗ đến. Vì sao? Vì tướng trí nhất thiết chủng là "không" chẳng phải chỗ đến, chẳng phải chỗ không đến.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát vì làm chỗ đến cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì chỗ đến của hết thảy pháp là "không", chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì trong "không", chỗ đến, chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là "vô tướng" chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì trong "vô tướng", chỗ đến, chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là "vô tác" chỗ đến ấy không

vượt quá được. Vì sao? Vì trong vô tác, chỗ đến, chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là "không dấy khởi", chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì trong không dấy khởi, chỗ đến, chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy là "không có gì của chính nó" chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch, chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì trong chỗ đến, không có gì của chính nó, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch, chỗ đến, chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là "Như mộng", chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì trong mộng, chỗ đến, chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là "Như huyễn", như vang, như bóng, như hóa, chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì trong huyễn hóa chỗ đến, chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là "vô lượng vô biên", chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì trong vô lượng, vô biên, chỗ đến, chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là "không cho, không lấy", chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì trong không cho, không lấy, chỗ đến, chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là "không cất lên, không hạ xuống", chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì trong không cất lên, không hạ xuống, chỗ đến, chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là "không thêm, không bớt", chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì trong không thêm không bớt, chỗ đến chẳng phải chỗ không đến đều không thể thủ đắc được.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy là "không đến, không đi", chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì trong không đến không đi, chỗ đến, chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc được.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là "không vào, không ra, không hợp, không tán, không vướng, không dứt", chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì trong không vướng không đứt, chỗ đến, chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là "Ngã, chúng sanh, thọ, mệnh, người; dấy khởi, người khiến dấy khởi; làm, người khiến làm, kẻ

biết, kẻ thấy", chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì ngã cho đến kẻ biết, kẻ thấy rốt ráo không thể thủ đắc, huống gì có chỗ đến, chẳng phải chỗ đến.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là "thường", chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì thường rốt ráo không thể thủ đắc, làm sao có

chỗ đến, chẳng phải chỗ đến.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là "Lạc, tịnh, ngã", chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì lạc, tịnh, ngã rốt ráo không thể thủ đắc, làm sao có chỗ đến, chẳng phải chỗ đến.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là "vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã", chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã rốt ráo không thể thủ đắc, làm sao có chỗ đến, chẳng phải chỗ đến.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là "tham dục", chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì tham dục rốt ráo không thể thủ đắc, huống gì có chỗ đến, chẳng phải chỗ đến.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là "sân hận, si mê, tà kiến", chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì sân hận, si mê, tà kiến rốt ráo không thể thủ đắc, huống gì có chỗ đến, chẳng phải chỗ đến.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là "Như", chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì trong "Như" không có đến, không có đi.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là pháp tánh thực tế, tánh không thể nghĩ bàn, chỗ đến ấy không thể vượt quá được. Vì sao? Vì trong pháp tánh, thực tế, tánh không thể nghĩ bàn, không có đến, không có đi.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là "Bình đẳng", chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì trong bình đẳng, chỗ đến, chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là "tướng bất động", chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì trong tướng bất động, chỗ đến, chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là "sắc", chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì sắc rốt ráo không thể thủ đắc, làm sao có chỗ đến, chẳng phải chỗ đến.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là "thọ, tưởng, hành, thức", chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì thọ tưởng, hành, thức, rốt ráo không thể thủ đắc, làm sao có chỗ đến, chẳng phải chỗ đến. Mười hai xứ, mười tám giới cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là "Thí Ba-la-mật", chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì Thí Ba-la-mật rốt ráo không thể thủ đắc, làm sao có chỗ đến, chẳng phải chỗ đến.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy là Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, chỗ đến ấy không

vượt quá được. Vì sao? Vì Giới Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo không thể thủ đắc, làm sao có chỗ đến, chẳng phải chỗ đến. Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là "Nội không", chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì nội không rốt ráo không thể thủ đắc, làm sao có chỗ đến, chẳng phải chỗ đến.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là "Ngoại không, nội ngoại không, cho đến vô pháp hữu pháp không", chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì vô pháp hữu pháp không rốt ráo không thể thủ đắc, làm sao có chỗ đến, chẳng phải chỗ đến.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là Bốn niệm xứ cho đến Tám thánh đạo phần, chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì Bốn niệm xứ cho đến Tám thánh đạo phần rốt ráo không thể thủ đắc, làm sao có chỗ đến, chẳng phải chỗ đến.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là Mười trí lực cho đến trí Nhất thiết chủng của Phật, chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì trong trí Nhất thiết chủng, chỗ đến, chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là quả Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi Phật đạo, chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì trong quả Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi Phật đạo, chỗ đến, chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì trong Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chỗ đến, chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu-bồ-đề! Chỗ đến của hết thảy pháp là Tu-đà-hoàn cho đến Phật, chỗ đến ấy không vượt quá được. Vì sao? Vì trong Tu-đà-hoàn cho đến Phật, chỗ đến chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, ai tin hiểu được?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Có Bồ-tát trước tiên ở chỗ chư Phật, tu sáu Ba-la-mật lâu ngày, thiện căn thuần thục, cúng dường vô số trăm ngàn, vạn, ức Phật, thường đi theo thiện tri thức, hạng người ấy có thể tin hiểu

Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Người tin hiểu được Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy có tánh gì, tướng gì, hình mạo gì?

Phật dạy: Dứt lìa tham, sân, si là tánh, tướng, mạo. Bồ-tát ma-ha-tát

ấy có thể tin hiểu Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu.

LUẬN: Hỏi: Các việc trên chỉ lược nói, nay trong "Chỗ đến" cớ sao nói rộng?

Đáp: "Chỗ đến" là, cuối phẩm tóm tắt hết chỗ hội quy của chín việc trên cho nên nói nhiều.

Lại nữa, an lạc v.v... và chỗ đến đều đồng một nghĩa, đều cứu chúng sanh ra khỏi khổ, đưa đến Niết-bàn. Nếu mỗi việc, mỗi việc nói rộng thì không thể nói hết. Chỗ đến ở sau hết nên nói rộng, nên biết các việc khác cũng đều nên nói rộng.

Chỗ đến của sắc pháp v.v... là không, như hư không chỉ có tên gọi mà không có thực pháp, sắc pháp v.v... cũng như vậy, cuối cùng quy về nơi không, vì tướng rốt ráo của các pháp chắc chắn là không, ngoài ra những cái khác đều hư vọng. Như người lúc mới đầu tuy có lời nói lành lâu lâu mới biết tình thật. Các pháp sắc v.v... cũng như vậy, khi vào vô dư Niết-bàn thì cùng với hư không không khác; nên biết trước tiên cũng như vậy, chỉ vì người phàm phu do quả báo điên đảo cho nên thấy khác. Hết thảy pháp không có gì qua khỏi tướng không v.v... như người muốn vượt quá hư không không thể được.

Mười sáu danh từ ngã, chúng sanh, thọ mệnh v.v... đều do năm uẩn hòa hợp, giả có danh từ đó, chứ không có thực pháp, làm sao có chỗ đến, chẳng phải chỗ đến. Nếu thường, lạc, ngã, tịnh, bốn điên đảo phá hỏng bốn Thánh hạnh như bốn pháp thường, lạc, ngã, tịnh thì không thể được vì điên đảo, các pháp sắc v.v... cũng như vậy. Như thường, lạc, ngã, tịnh, không thể thủ đắc thì vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã từ thường, lạc, ngã, tịnh, phát xuất cũng không thể thủ đắc. Thế nên nói, chỗ đến của hết thảy pháp là thường, lạc, ngã, tịnh, là vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã.

Tu-bồ-đề hỏi Phật: Pháp ấy sâu xa, vi tế, ai sẽ tin hiểu được? - Phật đáp: Người có nhân duyên tu hành lâu ngày tin được.

Lại hỏi: Người tu hành lâu ngày có tướng trạng gì? - Phật đáp: Người ấy lìa tâm ba độc, cũng không thấy lìa, thâm nhập thật tướng các pháp.

Hỏi: Người ấy chưa được Vô sanh nhẫn làm sao nói dứt ba độc?

Đáp: Dứt có hai: 1. Dứt cội gốc. 2. Dứt ngành ngọn chút ít, hành giả không phân biệt được sự dứt ấy, không phân biệt ấy là dứt, ấy là phiền

não. Vì sao? Vì tướng phiền não điên đảo không nhất định, nên phiền não tức là "dứt", nên nói là ly.

--oOo----

GIẢI THÍCH PHẨM NĂM MƯƠI BA: ĐI ĐẾN NHẤT THIẾT TRÍ

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Các Bồ-tát hiểu Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy sẽ đi đến chỗ nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát hiểu Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy sẽ đi đến trí Nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề bạch Phật ràng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát đến được trí Nhất thiết chủng ấy là làm chỗ hướng về cho chúng sanh tu Bát-nhã Ba-la-mật. Tu Bát-nhã Ba-la-mật là tu hết thảy pháp. Bạch đức Thế Tôn! Không có tu gì là tu Bát-nhã Ba-la-mật. Không "thọ" tu, "hoại" tu là tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Những pháp gì hoại nên tu Bát-nhã Ba-la-mật là hoại tu?

Bạch đức Thế Tôn! Vì sắc hư hoại nên Bát-nhã Ba-la-mật là hoại tu; vì thọ, tưởng, hành, thức, mười hai xứ, mười tám giới hư hoại nên Bát-nhã Ba-la-mật là hoại tu. Ngã cho đến kẻ biết, kẻ thấy hư hoại nên Bát-nhã Ba-la-mật gọi là hoại tu. Vì Thí Ba-la-mật hư hoại, nên Bát-nhã Ba-la-mật là hoại tu; cho đến vì Bát-nhã Ba-la-mật hư hoại nên Bát-nhã Ba-la-mật là hoại tu. Vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, quả Tu-đà-hoàn cho đến trí Nhất thiết chủng hư hoại, nên Bát-nhã Ba-la-mật là hoại tu.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Tu-bồ-đề! Vì sắc hư hoại nên Bát-nhã Ba-la-mật là hoại tu; cho đến vì trí Nhất thiết chủng hư hoại nên Bát-nhã Ba-la-mật là hoại tu.

Bấy giờ, Phật bảo Tu-bồ-đề: Trong Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, Bồ-tát ở địa vị bất thối chuyển phải nên niệm biết. Nếu Bồ-tát không đắm trước ở trong Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, thì nên biết đó là địa vị bất thối chuyển; không đắm trước ở trong Thiền Ba-la-mật, cho đến Thí Ba-la-mật, không đắm trước ở trong Bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng, thì nên biết đó là địa vị bất thối chuyển.

LUẬN: Hỏi: Bát-nhã Ba-la-mật chẳng phải chỗ đến, chẳng chỗ không đến, cớ sao Tu-bồ-đề lại hỏi người tu Bát-nhã đi đến chỗ nào? Và

cớ sao Phật đáp đi đến Nhất thiết trí?

Đáp: Ngoại đạo nói: Các pháp từ nhân đi đến quả, từ đời trước đi đến đời nay, từ đời nay đi đến đời sau. Vì phá cái điên đảo chấp thường ấy nên

nói không có chỗ đến, chẳng phải không chỗ đến. Trong đây Tu-bồ-đề đem tâm vô trước mà hỏi, Phật lấy tâm vô trước mà đáp. Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo không, đối với các pháp không chướng, không ngại, được sự giải thoát không chướng, không ngại, vì không chướng, không ngại có tính nhân quả tương tợ, nên nói người hiểu Bát-nhã thâm sâu đi đến trí Nhất thiết chủng. Tu-bồ-đề thưa: Vị Bồ-tát biết Bát-nhã Ba-la-mật làm chỗ hướng về cho hết thảy chúng sanh, như đứa con bị khổ não bức bách đến nương cha mẹ.

Hỏi: Cớ sao chỉ có vị Bồ-tát hiểu Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu là chỗ hướng về cho chúng sanh?

Đáp: Vì Bồ-tát có tâm đại bi đối với chúng sanh, nên thường tu tập Bát-nhã Ba-la-mật. Vì tu Bát-nhã nên có thể hiểu hết thảy pháp, đều thu vào Bát-nhã Ba-la-mật; thế nên, tu Bát-nhã Ba-la-mật tức là tu hết thảy pháp. Vì Bát-nhã Ba-la-mật không có thật pháp nhất định có thể thủ đắc, nên trong kinh nói không có tu gì là tu Bát-nhã Ba-la-mật. Trong Bát-nhã Ba-la-mật hết thảy cách quán sát đều có lỗi nên không "thọ", ấy là không "thọ" tu. "hoại" tu là vì hết thảy pháp vô thường tán hoại nên gọi là "hoại" tu. Pháp có thể phá hoại là sắc cho đến trí Nhất thiết chủng. Phật chấp nhận lời của Tu-bồ-đề nói. Cuối phẩm trên có nói tánh, tướng, dung mạo của vị Bồ-tát bất thối chuyển, nay nên thí nghiệm biết, đối với Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu có đắm trước hay không? Nếu có đắm trước thì sai, nếu không có đắm trước thì đúng tướng nó. Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật có hai hạng: 1. Nhơn Bát-nhã Ba-la-mật, quán hết thảy pháp rốt ráo không, Bát-nhã cũng tự không. 2. Không thể quán Bát-nhã cũng không, nên trong kinh nói thí nghiệm biết có đắm trước hay không.

KINH: Nếu có Bồ-tát ở địa vị bất thối chuyển, khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, không cho lời người khác nói làm cương yếu, cũng không theo người khác chỉ dạy tu hành thì vị Bồ-tát bất thối chuyển không bị dục tâm, sân tâm, si tâm trói buộc. Nếu vị Bồ-tát bất thối chuyển thì không xa lìa sáu Ba-la-mật; nếu vị Bồ-tát bất thối chuyển khi nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, thì tâm không kinh, không mất, không sợ, không hãi, không hối hận, mà hoan hỷ ưa nghe, thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, tu hành đúng như kinh nói. Tu-bồ-đề! Nên biết Bồ-tát ấy đời trước đã nghe nghĩa lý trong Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, đã thọ trì, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy có

oai đức lớn nên nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, tâm không kinh, không mất, không sợ, không hãi, không hối hận mà hoan hỷ ưa nghe, thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, không kinh, không sợ, cho đến nhớ nghĩ đúng thì vị Bồ-tát ấy làm sao tu Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Tâm tùy thuận trí Nhất thiết chủng, Bồ-tát nên như vậy tu hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là tâm tùy thuận trí Nhất thiết chủng, Bồ-tát nên như vậy tu hành Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Tùy thuận "không" là Bồ-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu; tùy thuận vô tướng, vô tác, vô sở hữu, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, Bồ-tát nên như vậy tu hành Bát-nhã Ba-la-mật. Tùy thuận như mộng, huyễn, sóng nắng, tiếng vang, biến hóa là tu hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Phật bảo tùy thuận không, cho đến tùy thuận như mộng, như huyễn là tu hành Bát-nhã Ba-la-mật. Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát tu hành pháp gì? Hoặc sắc, hoặc thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát không tu hành sắc, không tu hành thọ, tưởng, hành, thức cho đến không tu hành trí Nhất thiết chủng. Vì sao? Vì chỗ tu hành của Bồ-tát là pháp không có tạo tác, là pháp không biến hoại, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, không chỗ trú. Pháp ấy không thể đếm, không có lường. Nếu không đếm, không lường pháp ấy không thể thủ đắc; không thể dùng sắc thủ đắc; cho đến dùng trí Nhất thiết chủng thủ đắc. Vì sao? Vì sắc tức là Nhất thiết trí, Nhất thiết trí tức là sắc cho đến trí Nhất thiết chủng tức là Nhất thiết trí; Nhất thiết trí tức là Nhất thiết chủng. Sắc "Như tướng" cho đến trí Nhất thiết chủng "Như tướng" đều là nhất như, không hai, không khác.

LUẬN: "Giải thích": Bồ-tát bất thối chuyển là, đối với lời nói của người khác, không sanh niệm cho là có thật, không thật. Vì sao? Vì người khác có hai hạng: Hạng tại gia đắm trước cái vui năm dục, hư dối, bất tịnh; hàng ngoại đạo xuất gia đắm trước tà kiến bất thật. Những điều hai hạng ấy nói đều không có thật sự nên không tin. Vì người tự chứng đắc thực tướng các pháp, nên dù có Phật thân hiện đến nói lời phá hoại thật tướng các pháp cũng chẳng tin. Vì chứng được pháp vô vi nên tâm an trụ, không còn di chuyển. Bồ-tát ấy tuy chưa được Phật đạo mà vì các phiền não tham dục v.v... đã bị chẻ mỏng nên không bị lôi kéo. Vì tâm

thường không lìa sáu Ba-la-mật, biết khí vị quả báo của thiện pháp nên tâm thường ưa vui không lìa sáu Ba-la-mật.

Có các nhân duyên như vậy, nên nghe Bát-nhã thâm sâu, không sợ, không hãi, hoan hỷ muốn nghe, đọc tụng, hỏi nghĩa, tu tập. Như sấm sét thì chim nhỏ, sợ hãi, rầu chết, còn chim lớn Khổng tước vui mừng, nhảy nhót. Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, người tà kiến nghe thấy sợ hãi, vị Bồ-tát bất thối chuyển nghe thì vui mừng, tâm không nhàm chán, không biết đủ; nên nói là vui mừng muốn nghe.

Trong đây Phật nói nhân duyên: Bồ-tát ấy ở đời quá khứ đã nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, đã chứa nhiều phước đức, trí tuệ nên có oai đức lớn. Có oai đức lớn nên không sợ hãi.

Tu-bồ-đề hỏi: Bồ-tát ấy nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu tuy không sợ hãi, nhưng Bát-nhã không có định tướng nên tu hành thế nào?

Phật dạy: Tâm tùy thuận trí Nhất thiết chủng.

Hỏi: Bồ-tát ấy chưa được trí Nhất thiết chủng, làm sao tùy thuận? Đáp: Thế nên nói tâm tùy thuận rốt ráo không, tức là tâm tùy thuận trí Nhất thiết chủng. Trí Nhất thiết chủng là tướng tịch diệt. Ở trong phẩm sau Phật dạy hết thảy tướng tịch diệt là trí Nhất thiết chủng, thế nên nói tùy thuận rốt ráo không, tức là tùy thuận trí Nhất thiết chủng. Tùy thuận vô tướng, vô tác, hư không, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, như mộng cũng như vậy.

Tu-bồ-đề hỏi: Tâm tùy thuận rốt ráo không, quán pháp gì?

Phật đáp: Không quán sắc cho đến trí Nhất thiết chủng. Vì sao? Vì trí tuệ muốn cầu sự thật, mà sắc v.v... là pháp hữu vi tạo tác đều hư dối; trí Nhất thiết chủng là thật pháp. Thật pháp nên vượt quá pháp hữu vi; vì vượt quá pháp hữu vi nên nói pháp ấy là pháp vô tác, vô tác giả, không biến hoại. Không biến hoại là pháp ấy không từ sáu Ba-la-mật đến, nên nói không từ đâu đến. Không đi vào trong Phật pháp nên nói rằng không đi đến đâu. Pháp hữu vi vì hư dối nên không trụ; trong pháp vô vi vì không có ức tưởng phân biệt nên cũng không trụ. Vì năm uẩn hòa hợp nên có số lượng sáu đường, vì hư hoại năm uẩn tương tục nên vô lượng vô số . Vì vô lượng vô số nên đường ngôn ngữ dứt, vì đường ngôn ngữ dứt nên không thể do tu hành sắc pháp v.v... mà ngộ được. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Các pháp sắc v.v... tức là Nhất thiết trí, Nhất thiết trí tức là các pháp sắc v.v... Vì sao? Vì các pháp sắc như v.v... tức là Nhất thiết trí như; Nhất thiết trí như tức là các pháp sắc như v.v... vì vậy, nên nói như ấy là không hai, không khác.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 72

GIẢI THÍCH PHẨM NĂM MƯƠI BỐN: ĐẠI NHƯ

KINH: Bấy giờ các Thiên tử cõi Dục, các Thiên tử cõi Sắc dùng hương bột Chiên-đàn cõi Trời, hoa sen xanh, hoa sen đỏ, hoa sen hồng, hoa sen trắng của cõi Trời, từ xa rải lên trên Phật, rồi đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, đứng qua một bên, bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rất sâu xa, khó thấy khó hiểu, không thể suy nghĩ biết được, chỉ có Trí vi diệu tịch tịnh mới biết được điều của tất cả thế gian không thể tin. Vì sao? Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, nói như vầy: Sắc tức là Nhất thiết trí, Nhất thiết trí tức là sắc, cho đến Nhất thiết chủng trí tức là Nhất thiết trí, Nhất thiết trí tức là Nhất thiết chủng trí. Tướng như của sắc và tướng như của Nhất thiết trí là nhất như, không hai, không khác; cho đến tướng như của Nhất thiết chủng trí và tướng như của Nhất thiết trí, là nhất như, không hai, không khác.

Phật dạy các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc: Đúng vậy, đúng vậy! Các Thiên tử, sắc tức là Nhất thiết trí, Nhất thiết trí tức là sắc; cho đến Nhất thiết chủng trí tức là Nhất thiết trí, Nhất thiết trí tức là Nhất thiết chủng trí; tướng như của sắc cho đến tướng như của Nhất thiết chủng trí là nhất như, không hai, không khác. Này các thiên tử! Vì nghĩa ấy nên khi Phật mới thành đạo, tâm ưa yên lặng không muốn thuyết pháp. Vì sao? Vì pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rất sâu xa, khó thấy, khó hiểu, không thể suy nghĩ biết được, chỉ bậc có trí vi diệu tịch diệt mới biết được điều của hết thảy thế gian không thể tin. Vì sao? Vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có người chứng đắc, không có chỗ chứng đắc. Ấy gọi là tướng thậm thâm của các pháp là không có hai pháp. Này các Thiên tử! Ví như hư không rất sâu thẳm nên pháp ấy rất sâu thẳm, vì

"Như" rất sâu thẳm nên pháp ấy rất sâu thẳm; vì tánh pháp rất sâu thẳm, thật tế rất sâu thẳm, không thể nghĩ bàn; vô biên rất sâu thẳm nên pháp ấy rất sâu thẳm; vì không đến không đi rất sâu thẳm nên pháp ấy rất sâu thẳm; vì chẳng sanh chẳng diệt, không nhơ không sạch, không trí không

đắc rất sâu thẳm nên pháp ấy rất sâu thẳm.

Này các thiên tử! Vì ngã rất sâu thẳm, cho đến kẻ biết kẻ thấy rất sâu thẳm nên pháp ấy rất sâu thẳm. Này các thiên tử. Vì sắc rất sâu thẳm; thọ, tưởng, hành, thức rất sâu thẳm, nên pháp ấy rất sâu thẳm. Vì Thí Ba-la-mật rất sâu thẳm, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu thẳm nên pháp ấy rất sâu thẳm. Vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không rất sâu thẳm, nên pháp ấy rất sâu thẳm. Vì bốn niệm xứ rất sâu thẳm, cho đến Nhất thiết chủng trí rất sâu thẳm nên pháp ấy rất sâu thẳm.

Bấy giờ các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Pháp được nói đó là pháp không thể tin nổi của tất cả thế gian.

Bạch đức Thế Tôn! Pháp rất sâu thẳm ấy, không vì lãnh thọ sắc nên nói, không vì xả bỏ sắc nên nói; không vì lãnh thọ thọ, tưởng, hành, thức nên nói, không vì xả bỏ thọ, tưởng, hành, thức nên nói; không vì lãnh thọ quả Tu-đà-hoàn nên nói, không vì xả bỏ quả Tu-đà-hoàn nên nói; cho đến không vì lãnh thọ Nhất thiết chủng trí nên nói, không vì xả bỏ Nhất thiết chủng trí nên nói. Các thế gian đều lãnh thọ chấp trước tu hành bảo: "Sắc là ta, là của ta; thọ, tưởng, hành, thức là ta, là của ta"; cho đến bảo: "Mười tám pháp không chung là ta, là của ta; quả Tu-đà-hoàn là ta, là của ta; cho đến Nhất thiết chủng trí là ta, là của ta".

Phật bảo các Thiên tử: Đúng vậy, đúng vậy! Này các Thiên tử! Pháp ấy chẳng phải vì lãnh thọ sắc nên nói, chẳng phải vì xả bỏ sắc nên nói; cho đến chẳng phải vì lãnh thọ Nhất thiết chủng trí nên nói, chẳng phải vì xả bỏ Nhất thiết chủng trí nên nói. Này các Thiên tử! Nếu có Bồ-tát vì lãnh thọ sắc nên tu hành, cho đến vì lãnh thọ Nhất thiết chủng trí nên tu hành, thì Bồ-tát ấy không thể tu Bát-nhã Ba-la-mật, không thể tu Thiền Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật cho đến không thể tu Nhất thiết chủng trí.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Pháp ấy thuận theo tất cả pháp. Vậy pháp thuận theo tất cả pháp như thế nào?

Pháp ấy thuận theo Bát-nhã Ba-la-mật cho đến thuận theo Bố thí Ba-la-mật; pháp ấy thuận theo nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không; pháp ấy thuận theo bốn niệm xứ, cho đến thuận theo Nhất thiết chủng trí. Pháp ấy vô ngại, không chướng ngại sắc, không chướng ngại thọ, tưởng, hành, thức, cho đến không chướng ngại Nhất thiết chủng trí.

Này các Thiên tử! Pháp ấy gọi là tướng vô ngại vì như hư không v.v... vì như như, pháp tánh, pháp trụ, thật tế, bất khả tư nghì tánh; vì là không, vô tướng, vô tác v.v... Pháp ấy là tướng bất sanh, vì sắc chẳng sanh, chẳng

thể nắm bắt được; thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh, chẳng thể nắm bắt được, cho đến vì Nhất thiết chủng trí chẳng sanh, chẳng thể nắm bắt được. Pháp ấy không có nơi chốn, vì nơi chốn của sắc không thể có được; nơi chốn của thọ, tưởng, hành, thức không thể có được, cho đến vì nơi chốn của Nhất thiết chủng trí không thể có được.

Khi ấy, các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Tu-bồ-đề là đệ tử Phật tùy thuận Phật sanh. Vì sao? Vì những điều Tu-bồ-đề nói đều hợp với không.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề nói với các Thiên tử: Các ông nói rằng: Tu-bồ-đề là đệ tử Phật, tùy thuận Phật sanh, thế nào là tùy thuận Phật sanh? Này các Thiên tử! Vì tướng "Như" nên Tu-bồ-đề tùy thuận Phật sanh. Vì sao? Vì tướng như của Như Lai không đến không đi, tướng như của Tu-bồ-đề cũng không đến không đi, thế nên Tu-bồ-đề tùy thuận Phật sanh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề từ xưa lại đây tùy thuận Phật sanh. Vì sao? Vì tướng của như Như Lai tức là tướng như của hết thảy pháp, tướng như của hết thảy pháp tức là tướng như của Như Lai. Trong tướng "Như" ấy cũng không có tướng "Như", thế nên Tu-bồ-đề là tùy thuận Phật sanh.

Lại nữa, như của Như Lai là, tướng thường trú, như của Tu-bồ-đề cũng là tướng thường trú; tướng như của Như Lai không hai không khác. Tướng như của Tu-bồ-đề cũng không hai không khác. Thế nên Tu-bồ-đề là tùy thuận Phật sanh. Tướng như của Như lai không có chỗ chướng ngại, tướng như của hết thảy pháp cũng không có chỗ chướng ngại.

Tướng như của Như Lai, tướng như của hết thảy pháp là nhất như, không hai, không khác. Tướng như ấy không có khởi tác, trọn chẳng có gì chẳng "Như ". Thế nên tướng như ấy không hai không khác.

Thế nên Tu-bồ-đề là tùy thuận Phật sanh. Tướng như của Như Lai ở tất cả chỗ không niệm lự, không khác biệt, Tướng như của Tu-bồ-đề cũng như vậy, ở tất cả chỗ không niệm lự, không khác biệt; tướng như của Như lai không hai không khác, không thể nắm bắt. Tướng như của Tu-bồ-đề cũng như vậy. Vì thế nên Tu-bồ-đề là tùy thuận Phật sanh. Tướng như của Như Lai không xa lìa tướng như của các pháp, tướng "Như" ấy trọn vẹn như, thế nên như của Tu-bồ-đề cũng không khác là tùy thuận Phật sanh, cũng không có chỗ tùy thuận.

Lại nữa, tướng như của Như Lai chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại. Tướng như của các pháp cũng chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại. Thế nên Tu-bồ-đề là tùy thuận Phật sanh.

Lại nữa, như của Như Lai, chẳng ở trong như của quá khứ, như quá

khứ cũng chẳng ở trong như của Như Lai như của Như lai chẳng ở trong như của vị lai. Như của vị lai cũng chẳng ở trong như của Như Lai. Như của Như Lai chẳng ở trong như hiện tại. Như của hiện tại cũng chẳng ở trong như của Như Lai. Như của quá khứ, vị lai, hiện tại, như của Như Lai là nhất như, không hai, không khác. Như của sắc, như của Như lai, như của thọ, tưởng, hành, thức, như của Như Lai như, ba như ấy là nhất như không hai, không khác. Như của ngã cho đến như của kẻ biết, kẻ thấy và như của Như Lai là nhất như, không hai không khác. Như của Thí Ba-la-mật cho đến như của Bát-nhã Ba-la-mật; như của nội không, cho đến như của vô pháp hữu pháp không, như của bốn niệm xứ như, cho đến như của Nhất thiết chủng trí và như của Như Lai là nhất như không hai, không khác. Tu-bồ-đề! Vì Bồ-tát ma-ha-tát được "Như" ấy nên gọi là Như Lai.

Trong khi nói phẩm tướng Như này, đại địa ba ngàn đại thiên thế giới chấn động sáu cách: nổi bên Đông lặn bên Tây; nổi bên Tây lặn bên Đông; nổi bên Nam lặn bên Bắc; nổi bên Bắc lặn bên Nam; nổi chính giữa lặn bốn bên; nổi bốn bên lặn chính giữa.

LUẬN: Hỏi: Bát-nhã Ba-la-mật không có gì không thậm thâm, cớ sao hoặc có khi lại tán thán thậm thâm?

Đáp: Trong Bát-nhã Ba-la-mật hoặc có khi phân biệt các pháp không, ấy là cạn; hoặc có khi nói thế gian pháp tức đồng Niết-bàn ấy là sâu. Các pháp sắc v.v.... tức là Phật pháp. Người nghe, nghe nói tâm tin lời Phật, còn trí tuệ mình không hiểu kịp nên nói là thậm thâm. Ví như nước sông có chỗ xoáy sâu, có chỗ cạn.

Hỏi: Cái pháp của chư thiên tán thán thậm thâm đó, hết thảy thế gian không thể tin được, cần gì nói ra?

Đáp: Chữ "hết thảy" có hai thứ: 1. Danh tự hết thảy; 2. Thật "hết thảy". Như trong đây nói, là danh tự hết thảy, vì nhiều người không tin nên nói hết thảy. Còn nói bậc có Trí vi diệu tịch diệt mới có thể biết, vì bậc trí chắc chắn có tin, sau mới biết.

Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật ấy chỉ Phật biết được còn chúng sanh nghe nói mà tin, điều ấy trong đây không gọi là tin, có trí tuệ biết rồi mới gọi là tin.

Hỏi: Nếu như vậy cớ sao nói bậc Trí vi diệu có thể biết được? Đáp: Hết thảy thế gian không thể biết cùng khắp, trí của chư Phật,

chỉ người có Trí tịch diệt mới biết phần ít. Như Tu-đà-hoàn đối với đạo Vô thượng được phần ít, đó là dứt ba kiết. Các đạo quả như vậy triển chuyển thêm nhiều. Nếu thế gian hoàn toàn không có người tin thì làm sao

có các đạo? Vì lẽ ấy nên nói bậc Trí tịch diệt có thể biết được. Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tức là Bát-nhã chỉ khác nhau về danh tự gọi; ở trong tâm Bồ-tát gọi là Bát-nhã, ở trong tâm Phật gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Trong đây nói sắc pháp v.v... tức là Nhất thiết trí, Nhất thiết trí tức là sắc pháp v.v... Trong đây nói như của pháp, sắc v.v... như của Nhất thiết trí không hai không khác. Phật chấp nhận ý của các Thiên tử, lại nói nhân duyên, như tướng chân thật của các pháp danh, sắc v.v... Thí như trừ bỏ cung điện và các nhà xấu xí, như đốt cháy hết Chiên-đàn và gỗ tạp, thì hư không ở các nôi đó không có khác nhau; các pháp, sắc, và Nhất thiết trí, tìm thật tướng của nó thấy đều là như. Vì nghĩa ấy nên lúc Phật mới thành đạo, tâm ưa vắng lặng, không ưa thuyết pháp, Vì biết pháp thậm thâm, kẻ phàm phu khó ngộ.

Lại nữa, pháp ấy không có hai nên thậm thâm, như hư không nên thậm thâm, vì như, pháp tánh thậm thâm nên thậm thâm.

Bấy giờ. các Thiên tử biết pháp ấy không có tướng có thể chấp thủ, bạch Phật rằng: "Pháp được nói ấy, hết thảy thế gian không thể tin, pháp ấy không vì lãnh thọ sắc v.v... nên nói". Phật chấp nhận lời đó, nếu có Bồ-tát vì lãnh thọ sắc v.v... nên hành Bồ-tát đạo, thì không thể tu các công đức Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Tướng Bát-nhã Ba-la-mật ấy thuận theo hết thảy pháp, không có gì chướng ngại. Vì sao? Vì đối với Bát-nhã Ba-la-mật cũng không chấp trước". Nói lý do không chướng ngại là vì như hư không. Ví như trong vách, trước có tướng trống không, trẻ nhỏ dùng que xoi, vì sức ít nên không vào được, người có sức lớn có thể vào. Hành giả cũng như vậy, trong các pháp sắc v.v... tự có tướng như thật, vì sức trí tuệ ít không thể khiến nó không. Bậc Đại trí thì có thể biết. Thế nên nói các pháp không chướng ngại, như hư không bình đẳng. Sắc pháp v.v... chẳng sanh cũng chẳng có thể nắm bắt được, thế nên gọi là bất sanh. Chẳng phải chỉ có sắc pháp bất sanh, nếu pháp bất sanh mà có thể nắm bắt được thì chẳng phải rốt ráo không, chẳng phải là không chướng ngại. Không nơi chốn cũng như vậy.

Bấy giờ các Thiên tử bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Tu-bồ-đề tùy thuận Phật sanh. Vì sao? Vì điều Tu-bồ-đề biết, Tu-bồ-đề nói đều hợp không".

Lại nữa, Kinh nói có ba loại con:

Con không tùy thuận sanh ra

Con tùy thuận sanh ra

Con thắng sanh.

Người đời đều ước muốn hai loại con là con tùy thuận sanh và thắng sanh. Trong Pháp Phật chỉ muốn một loại con là con tùy thuận sanh, vì không có đứa con nào hơn Phật. Con Phật có năm hạng: - đều từ miệng Phật sanh, từ pháp Phật sanh đó là: Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán và Bồ-tát đã vào chánh vị.

Bích-chi Phật tuy có nhân duyên từng gieo giống trong Pháp Phật, lúc không có Phật tự mình có thể đắc đạo, nên không được nói từ miệng Phật sanh, vì nhân duyên gieo giống xa xôi vậy.

Các người hết lậu là tùy thuận sanh. Tu-bồ-đề đối với các lậu hoặc sạch hết, thường ưa rốt ráo không, ấy là tùy thuận sanh. Vì sao? Vì pháp sở hành không thể phá hoại như hư không. Tướng Phật pháp như vậy, gọi là tùy thuận Phật sanh.

Hỏi: Vì sao không nói hàng Bồ-tát vào pháp vị là tùy thuận Phật sanh?

Đáp: Có người nói vì lậu hoặc chưa sạch hết nên không nói. Vì Tu-bồ-đề lậu hoặc đã sạch hết nên nói. Có người nói người vào Vô dư Niết-bàn là thanh tịnh đệ nhất, thân cuối cùng của bậc A-la-hán ở vào Hữu dư y Niết-bàn, gần cửa Vô dư Niết-bàn nên nói; Bồ-tát tuy có trí tuệ sâu xa, sắc bén, nhưng còn qua lại trong sanh tử, cho nên không nói. Có người nói Bát-nhã có hai: 1. Chỉ nói cho hàng Bồ-tát; 2. Nói chung cho cả ba thừa. Trong sự nói chung cho Thanh văn, Tu-bồ-đề là tùy thuận Phật sanh; chỉ trong khi nói cho hàng Bồ-tát thì không nói Tu-bồ-đề là tùy thuận Phật sanh. Vì sao? Hàng đại Bồ-tát pháp tánh sanh thân, trong ấy không có thân kiết nghiệp sanh, chỉ có thân biến hóa sanh. Dứt ba độc, ra khỏi ba cõi, giáo hóa chúng sanh, nghiêm tịnh Phật độ, nên ở trong thế gian trong đó hoàn toàn không có hạng Thanh văn. Tâm Phật đại từ bi, tâm Bồ-tát cũng như vậy ấy gọi là Bồ-tát tùy thuận sanh. Tu-bồ-đề! Chỉ thủ lấy Niết-bàn nên không nói là thuận sanh. Kinh này nói chung cho cả hai thừa. Tu-bồ-đề biết Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu thẳm, lực của Bồ-tát pháp tánh sanh thân lớn, chư thiên tuy tán thán, không nên lãnh thọ, nói với chư thiên rằng: "Tướng như của các pháp, đó là vô tướng". Vì nhân duyên ấy tùy thuận Phật sanh, vì "Như" ấy không sai khác. Như trong kinh nói: "Như tướng như của Như Lai không đến không đi, tướng như của Tu-bồ-đề cũng không đến không đi.

Lại nữa, như của Như Lai rốt ráo không, như của hết thảy pháp cũng rốt ráo không. Trong hết thảy pháp thu nhiếp như Tu-bồ-đề, thế nên Tu-bồ-đề dùng như của Như Lai, nên tùy thuận Phật sanh.

Lại nữa, như như của Như Lai không có ức tưởng phân biệt, thường trú như hư không, như của Tu-bồ-đề cũng như vậy, thế nên Tu-bồ-đề tùy thuận Phật sanh.

Lại nữa, như như của Như Lai được giải thoát vô ngại nên đối với hết thảy pháp không quái ngại, như của hết thảy pháp cũng như vậy, đối hết thảy pháp cũng không quái ngại; như của Như Lai, như của hết thảy pháp nhất như không sai khác. Như của Tu-bồ-đề cũng vào như của hết thảy pháp, do vậy nên tùy thuận Phật sanh.

Lại nữa, tướng như của các pháp là không làm, không có người làm, tướng như của Như Lai cũng như vậy; như của Tu-bồ-đề, vì thu nhiếp vào như của hết thảy pháp nên tùy thuận Phật sanh.

Lại nữa, như tướng như của Như Lai, ở hết thảy chỗ thường không có ức tưởng phân biệt. Như của Tu-bồ-đề thu nhiếp vào như của hết thảy pháp, nên tùy thuận Phật sanh.

Lại nữa, như tướng như của Như Lai, không lìa như của hết thảy pháp. Chính quán hết thảy pháp gọi là Phật. Hết thảy pháp là nhân duyên, Phật là quả báo, thế nên nói như của Như Lai không lìa như của hết thảy pháp. Như ấy rất thật nên thường như, không có lúc nào chẳng như. Như của Tu-bồ-đề cũng như vậy, vì không khác, nên thuận Phật sanh, cũng không có pháp có thể tùy thuận.

Lại nữa, tướng như của Như Lai không có ức tưởng phân biệt, vượt qua ba đời, như của hết thảy pháp cũng như vậy; như của Tu-bồ-đề cũng vượt qua ba đời, thế nên tùy thuận Phật sanh.

Lại nữa, như của Như Lai chẳng ở trong như của quá khứ như. Vì sao? Vì Như Lai không, quá khứ cũng rốt ráo không, thế nên "không" không trú ô trong không, thí như hư không không trú trong hư không. Vị lai, hiện tại cũng như vậy. Như của ba đời, như của Như Lai không hai không phân biệt; như của ba đời, không, vô tướng, Vô sanh, vô diệt, Như của Như Lai cũng như vậy. Ba đời như không chướng ngại, như đời quá khứ, không cùng không biên giới, đời vị lai cũng không cùng không biên giới, đời hiện tại cũng không cùng không biên giới. Như của Như Lai cũng như vậy. Ba đời, mười phương ấy không chướng ngại, không biên giới. Như của Tu-bồ-đề cũng như vậy. Lại nữa, như của năm uẩn cho đến như của Nhất thiết chủng trí, như của Như Lai không hai không khác. Vì sao? Vì các pháp sắc v.v... hòa hợp nên có Như Lai. Như Lai như vậy không được nói chỉ là sắc pháp, cũng không được nói lìa sắc pháp, cũng không được nói là sắc pháp ở trong Như Lai, cũng không được nói Như Lai ở

trong sắc pháp, cũng không được nói sắc pháp ... thuộc Như Lai, cũng không được nói không có Như Lai; trong năm uẩn sắc v.v... giả gọi là Như Lai. Như của Như Lai tức là như của hết thảy pháp, thế nên nói như của sắc pháp... và như của Như Lai không hai không khác. Người phàm phu thấy có hai có khác, thánh nhân quán chiếu không hai không khác, thánh nhân có thể tin điều mà người phàm phu không thấy không thể tin. Phật nói với Tu-bồ-đề ấy gọi là "Như", Phật nhơn "Như" ấy nên gọi là Như Lai. Như Lai là như thật mà đi đến trong Phật pháp. Trong khi thuyết về" Như" ấy quả đất chấn động sáu cách, như trên đã nói.

KINH: Khi ấy, các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc dùng bột hương Chiên-đàn của cõi trời rải lên trên Phật và Tu-bồ-đề, bạch Phật rằng: Chưa từng có, Thế Tôn! Tu-bồ-đề do như của Như Lai mà, tùy thuận Phật sanh. Tu-bồ-đề lại vì các Thiên tử nói rằng: Này các Thiên tử! Tu-bồ-đề không từ nôi sắc tùy thuận Phật sanh, cũng không từ nôi như của sắc tùy thuận Phật sanh, không lìa sắc tùy thuận Phật sanh, cũng không lìa như của sắc tùy thuận Phật sanh. Tu-bồ-đề không từ nơi thọ, tưởng, hành, thức tùy thuận Phật sanh, cũng không từ nơi như của thọ, tưởng, hành, thức tùy thuận Phật sanh; không lìa thọ, tưởng, hành, thức tùy thuận Phật sanh, cũng không lìa như của thọ, tưởng, hành, thức tùy thuận Phật sanh. Cho đến không từ nơi Nhất thiết chủng trí tùy thuận Phật sanh, cũng không tư như của Nhất thiết chủng trí tùy thuận Phật sanh; không lìa Nhất thiết chủng trí tùy thuận Phật sanh, cũng không lìa như của Nhất thiết chủng tùy thuận Phật sanh. Tu-bồ-đề không từ nơi vô vi tùy thuận Phật sanh, cũng không từ nôi như của vô vi tùy thuận Phật sanh, không lìa vô vi tùy thuận Phật sanh, cũng không lìa như của vô vi tùy thuận Phật sanh. Vì sao? Vì hết thảy pháp đều không có gì của chính nó, không thể nắm bắt, không có kẻ tùy sanh, cũng không có pháp tùy sanh.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! "Như" ấy thật chẳng hư dối, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị rất sâu thẳm; trong ấy sắc không thể nắm bắt, như của sắc không thể thủ đắc. Vì sao? Vì sắc còn không thể thủ đắc, huống gì như của sắc lại có thể thủ đắc; thọ, tưởng, hành, thức không thể thủ đắc, như của thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể thủ đắc. Vì sao? Vì thọ tưởng, hành, thức còn chẳng thể thủ đắc, huống gì như của thọ, tưởng, hành, thức lại có thể thủ đắc, cho đến Nhất thiết chủng trí có thể thủ đắc, như của Nhất thiết chủng trí chẳng the thủ đắc. Vì sao? Vì Nhất thiết chủng trí còn chẳng thể thủ đắc, huống gì như của Nhất thiết chủng trí lại có thể thủ đắc.

Phật bảo Xá-lợi-phất: Đúng vậy, đúng vậy! Xá-lợi-phất! "Như" ấy thật không hư dối. Pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, rất sâu thẳm, trong ấy sắc chẳng có thể thủ đắc, như của sắc chẳng thể thủ đắc. Vì sao? Sắc còn chẳng thể thủ đắc, huống gì như của sắc lại có thể thủ đắc, cho đến Nhất thiết chủng trí chẳng thể thủ đắc, như của Nhất thiết chủng trí chẳng thể thủ đắc. Vì sao? Vì Nhất thiết chủng trí còn chẳng thể thủ đắc, huống gì như của Nhất thiết chủng trí lại có thể thủ đắc.

Trong khi Xá-lợi-phất nói tướng như ấy, hai trăm Tỳ-kheo không lãnh thọ hết thảy pháp, nên lậu hoặc sạch hết, chứng quả A-la-hán; năm trăm Tỳ-kheo ni xa lìa trần cấu, được mắt pháp đối với các pháp, được sanh vào hàng thiên nhơn; năm ngàn Bồ-tát ma-ha-tát được vô sanh pháp nhẫn; sáu ngàn Bồ-tát đối với các pháp không lãnh thọ nên lậu hoặc sạch hết, tâm được giải thoát thành A-la-hán. Này Xá-lợi-phất! Sáu ngàn Bồ-tát ấy, đời trước từng gặp năm trăm đức Phật thân cận cúng dường, đối với giáo pháp của năm trăm đức Phật, thực hành Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định nhưng vì không có Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện, nên tu hành theo tướng khác biệt, nghĩ rằng: "Đây là Bố thí, là Trì giới, là Nhẫn nhục, là Tinh tấn, là Thiền định", không có Bát-nhã Ba-la-mật. Vì không có Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện, nên Bố thí, Trì giới, nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định hành theo tướng khác biệt. Vì hành theo tướng khác biệt, không được tướng không khác biệt nên không được vào Bồ-tát vị, không được vào Bồ-tát vị nên chỉ được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát tuy có đạo hoặc tu pháp không, hoặc tu pháp vô tướng, hoặc tu pháp vô tác, vì xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật, và không có sức phương tiện nên liền đối với thực tế tác chứng, chỉ thủ lấy Thanh văn thừa.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nhân duyên gì nên đồng tu pháp không, vô tướng, vô tác, mà xa lìa sức phương tiện nên đối với thực tế tác chứng, chỉ thủ lấy Thanh văn thừa? Bồ-tát ma-ha-tát cũng tu pháp không, vô tướng, vô tác, vì có sức phương tiện nên đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Có Bồ-tát xa lìa tâm Nhất thiết trí, tu pháp không, vô tướng, vô tác, vì không có sức phương tiện, nên chỉ thủ chứng Thanh văn thừa. Này Xá-lợi-phất! Lại có Bồ-tát ma-ha-tát không xa lìa tâm Nhất thiết chủng trí tu pháp không, vô tướng, vô tác, vì có sức phương tiện nên vào Bồ-tát vị, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh

giác. Này Xá-lợi-phất! Ví như có loài chim thân dài trăm do tuần, hoặc hai trăm, ba trăm do tuần mà không có cánh, từ cõi trời Ba mươi ba, tự sa xuống Diêm-phù-đề. Này Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ sao, loài chim ấy đang ở giữa đường nghĩ muốn trở lại trên cõi trời Ba mươi ba, có thể trở lại được không? Thưa không, Bạch đức Thế Tôn! Này Xá-lợi-phất! Loài chim ấy lại mong rằng khi đến Diêm-phù-đề muốn thân không bị đau, không bức não. Này Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ sao? Loài chim ấy có được thân không bị đau, không bị bức não chăng? Xá-lợi-phất thưa: Thưa không, Bạch đức Thế Tôn! Loài chim ấy khi đến đất, hoặc đau, hoặc bị bức não, hoặc chết, hoặc khổ gần chết. Vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Vì loài chim ấy lớn mà không có cánh.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát cũng như vậy, tuy trải nhiều kiếp như số cát sông Hằng, tu Bố thí, Trì giới, nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, phát khởi đại sự, sanh đại tâm, vì muốn chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lãnh thọ vô lượng thệ nguyện, nhưng Bồ-tát ấy, vì xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện nên hoặc rơi vào hàng A-la-hán, hoặc rơi vào Bích-chi Phật đạo. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy xa lìa tâm Nhất thiết trí, mà tu Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, vì không có Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện, nên rơi vào Thanh văn địa hoặc Bích-chi Phật đạo.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát tuy tưởng niệm đến việc Trì giới, Thiền định, Trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, mà chấp thủ tướng thọ trì, nên người ấy không biết, không hiểu giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của chư Phật, chỉ nghe âm thanh, danh tự, nói về không, vô tướng, vô tác, mà chấp thủ âm thanh, danh tự mà hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu Bồ-tát ma-ha-tát hồi hướng như vậy, thì chỉ trụ trong Thanh văn, Bích-chi Phật địa không thể quá hôn. Vì sao? Vì xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện, đem các thiện căn hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát từ khi mới phát tâm lại đây, không xa lìa tâm Nhất thiết trí, thực hành Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, vì không xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện, nên không chấp thủ tướng đối với giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, không chấp thủ tướng không giải thoát môn, không chấp thủ tướng vô tướng, vô tác giải thoát môn. Này Xá-lợi-phất! Nên biết Bồ-tát ma-ha-tát ấy không rơi vào Thanh văn, Bích-chi Phật đạo, mà đi thẳng đến Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát ấy từ khi mới phát tâm lại đây, thực hành Bố thí mà không thủ tướng, thực hành trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, mà không chấp thủ tướng, đối với giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, không chấp thủ tướng. Này Xá-lợi-phất! Ấy gọi là Bồ-tát có sức phương tiện, vì tâm lìa tướng mà hành Bố thí, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, cho đến vì tâm lìa tướng mà hành Nhất thiết chủng trí.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa của Phật nói, nếu Bồ-tát ma-ha-tát không xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện, thì nên biết Bồ-tát ấy đã gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát ấy từ khi mới phát tâm lại đây, không có pháp hoặc sắc, hoặc thọ, tưởng, hành, thức cho đến Nhất thiết chủng trí có thể biết. Bạch đức Thế Tôn! Có thiện nam tử, thiện nữ nhơn cầu Bồ-tát đạo mà xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện, nên hiểu người ấy đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hoặc được hoặc chẳng được. Vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn cầu Bồ-tát đạo ấy có làm việc Bố thí đều chấp thủ tướng, có Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, đều chấp thủ tướng. Vì thế nên thiện nam tử, thiện nữ nhơn ấy đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là bất định.

Bạch đức Thế Tôn! Do nhân duyên ấy, nên Bồ-tát ma-ha-tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không nên xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện. Bồ-tát ma-ha-tát an trú trong Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện, nên dùng tâm vô đắc, vô tướng, tu Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, cho đến dùng tâm vô đắc, vô tướng tu Nhất thiết chủng trí.

LUẬN: Các thiên tử vui mừng lấy bột Chiên-đàn rải lên trên Phật và Tu-bồ-đề, tán thán rằng: Hy hữu, Thế Tôn! Tu-bồ-đề do như của Như Lai tùy thuận Phật sanh. Ý các thiên tử cho rằng: Tu-bồ-đề có sức trí tuệ nên khiến cho hết thảy pháp đều như Phật pháp, thế nên nói tùy thuận Phật sanh. Tu-bồ-đề biết tâm các Thiên tử, ít quý chuộng các pháp "Như" ấy nên Tu-bồ-đề muốn dứt tâm các Thiên tử nên nói: Tướng "Như" ấy rốt ráo không, dùng bốn cấp phá tâm chấp trước "Như" là:

Tu-bồ-đề chẳng ở trong sắc; chẳng ở trong như của sắc, không do sắc, không do như của sắc; không lìa sắc, không lìa như của sắc, tùy thuận chúng sanh.

Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Pháp ấy đều không, không thể thủ đắc.

Xá-lợi-phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! "Như" ấy rất sâu thẳm, trong "Như" ấy chỉ sắc pháp còn không thể thủ đắc, huống gì như của sắc pháp lại có thể thủ đắc!

Hỏi: Thế nào là sắc pháp? Thế nào là như của sắc pháp?

Đáp: Sắc pháp là các pháp của mắt thấy v.v...; "Như" là thật tướng không hư dối của sắc pháp. Người đối với như của sắc pháp, vì mê lầm nên hoặc khởi lên nghiệp bất thiện, bị sa vào đường ác, hoặc khởi lên nghiệp thiện được sanh vào cõi người, cõi trời, cuối cùng trở về tiêu diệt, trở lại sanh ra các khổ; hoặc khởi lên nghiệp vô lậu, đáng lẽ cầu lợi ích lớn nhưng lại thủ lấy Tiểu thừa, không được tướng như rốt ráo thanh tịnh. Sắc pháp v.v... đều là pháp tạo tác, hữu vi hư vọng, từ điên đảo sanh, là nôi ức tưởng phân biệt hiện hành của kẻ phàm phu, thế nên sắc pháp v.v... hư vọng chẳng tức là "Như". Biết sắc pháp như thật v.v... nên tức là "Như", nhơn nơi sắc pháp v.v... nên được gọi là "Như", thế nên nói không lìa sắc pháp được "Như". Sắc pháp nhập vào "Như" đều nhất tướng, không hai không khác. Thế nên Tu-bồ-đề khiêm tốn nói ràng: Chẳng phải chỉ riêng tôi tùy thuận Phật sanh, hết thảy pháp cũng tướng như vậy. Xá-lợi-phất tán thán lời nói của Tu-bồ-đề. Sắc pháp cũng rốt ráo không, huống gì "Như"? Nhơn còn không, huống gì quả. Nghe tướng "Như" thậm thâm như vậy, chúng sanh đều được lợi ích của đạo.

Hỏi: Bát-nhã Ba-la-mật ấy, vì hàng Bồ-tát mà nói, cớ sao sáu ngàn người thành A-la-hán đạo?

Đáp: Phật biết chắc chắn có người vấn nạn, nên vì Xá-lợi-phất nói nhân duyên: Người ấy không có Bát-nhã Ba-la-mật, không có sức phương tiện, quá khứ làm công đức, vì không có sức phương tiện nên tà hạnh bất chánh. Người ấy vì xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật, đắm sâu thiện pháp, nay theo Phật, nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật rất nhàm chán thế gian, vì tâm từ bi mỏng, nên chỉ cầu tự lợi, không lãnh thọ hết thảy pháp, tức chỉ đắc A-la-hán, chứ đối với Bát-nhã Ba-la-mật không có lỗi. Như người cầm đồ đi đến biển múc nước, tùy theo đồ lớn nhỏ, mỗi người tự lấy vừa đủ.

Hỏi: Như kinh nói sáu ngàn Bồ-tát, vì không có Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện, nên thực hành năm Ba-la-mật, không được pháp vô phân biệt nên chỉ thành A-la-hán. Nếu hết thảy thánh nhân đều được pháp vô vi, pháp vô vi tức là vô phân biệt, cớ gì trong đây nói không được pháp vô phân biệt, chỉ thành A-la-hán?

Đáp: Chẳng phải nói lúc nghe pháp ở đời nay cho đến quá khứ năm trăm đời, không được Bát-nhã và phương tiện mà tu tập công đức năm Ba-

la-mật, vì thế nên nói không được vô phân biệt. Mất năm căn tín, tấn v.v... của Bồ-tát, vì mất năm căn tín, tấn v.v... của Bồ-tát nên tuy nghe Bát-nhã mà không được như Bồ-tát nghe, tác chứng đối với thực tế.

Hỏi: Đồng tu không, vô tướng, vô tác cớ gì một người thành Phật, một người thành A-la-hán?

Đáp: Tuy có các nhân duyên mà nhân duyên lớn thành A-la-hán là vì xa lìa tâm Nhất thiết trí mà tu hành không, vô tướng, vô tác.

Loài chim lớn là loài chim cánh vàng ở cõi trời, cũng giống như chim sẽ ở cõi người. Chim ấy không đến là vì nó ăn rồng, cánh phát ra gió độc, quạt làm cho mắt rồng mù đi. Chim ấy khi mới ra khỏi trứng, lông cánh chưa đủ, muốn bay đi liền bị rớt, giữa đường tâm hối hận: "Ta chưa nên bay, muốn trở lại cõi trời đậu trên cây Xá-ma-lê". Chim ấy thân lớn, lông cánh chưa đủ, không thể cất nổi thân. Thân chim là ví dụ thân Bồ-tát. Lớn là đời đời chứa nhóm rộng rãi công đức năm Ba-la-mật. Không có hai cánh là không có Bát-nhã Ba-la-mật, không có sức phương tiện. Núi Tu-di là ví cho ba cõi. Hư không là ví vô lượng Phật pháp. Chưa nên bay mà bay là công đức Bồ-tát ấy chưa thành tựu viên mãn, muốn thực hành ba môn giải thoát của Bồ-tát, muốn đi dạo giữa hư không Phật pháp nhưng tự bị thối mất, tâm ấy tuy ước muốn thành Phật mà không thể được.

Hoặc chết là ví A-la-hán đạo; hoặc gần như chết là ví như Bích-chi Phật đạo; hoặc đau, hoặc bị bức não là ví công đức bổn nguyện của Bồ-tát. Phật tự kết bằng câu: Cho đến nên trụ trong tâm vô đắc vô tướng, làm việc bố thí.

KINH: Bấy giờ các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thật khó được. Vì sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát ấy nên biết hết thảy các pháp rồi mới được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà pháp ấy cũng không thể thủ đắc.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Này các Thiên tử! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thật khó được, Ta cũng ngộ được nhất thiết pháp, Nhất thiết chủng trí rồi mới được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có gì được, không có cái biết, không có cái có thể biết, cũng không người biết. Vì sao? Vì các pháp rốt ráo thanh tịnh.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Như lời Phật dạy, Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề thật khó được; như con hiểu nghĩa của Phật nói, tâm con suy nghĩ, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy dễ được. Vì sao? Vì không có người được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có pháp khả đắc. Hết thảy pháp, hết thảy tướng của pháp không, không có

pháp khả đắc, không có người năng đắc. Vì sao? Vì hết thảy pháp không, cũng không có pháp khả tăng, cũng không có pháp khả giảm, nghĩa là Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, cho đến Nhất thiết chủng trí, pháp ấy đều không có cái khả đắc không có người đắc. Bạch đức Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy nên ý con cho rằng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là dễ được. Vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Sắc, tướng của sắc không; thọ, tưởng, hành, thức, tướng của... thức không, cho đến Nhất thiết chủng trí, Nhất thiết chủng trí tướng không.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Nếu hết thảy pháp "không" ví như hư không, hư không không thể khởi niệm rằng: "Ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác". Nếu Bồ-tát ma-ha-tát tin, hiểu hết thảy pháp không ví như hư không, thế là Vô thượng Chánh đẳng chánh giác dễ được, sao nay hằng hà sa Bồ-tát ma-ha-tát cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác bị thối thất? Này Tu-bồ-đề! Vì thế nên biết Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không dễ được.

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất: Ý ông nghĩ sao, sắc đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thối thất chăng?

Xá-lợi-phất thưa: - Không.

Thọ, tưởng, hành, thức, đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thối thất chăng?

Xá-lợi-phất thưa: - Không.

Cho đến Nhất thiết chủng trí đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thối thất chăng?

Xá-lợi-phất thưa: - Không.

Lìa sắc có pháp đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thối thất chăng?

Xá-lợi-phất thưa : - Không.

Lìa thọ, tưởng, hành, thức, có pháp đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thối thất chăng?

Xá-lợi-phất thưa: - Không.

Cho đến lìa Nhất thiết chủng trí, có pháp dối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thối thất chăng?

Xá-lợi-phất thưa: - Không.

Này Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ sao, tương như của sắc đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thối thất chăng?

Xá-lợi-phất thưa: Không.

Tướng như của thọ, tưởng, hành, thức cho đến tướng như của Nhất thiết chủng trí, đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thối thất chăng?

Xá-lợi-phất thưa: Không.

Lìa tướng như của sắc, có pháp đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thối thất chăng?

Xá-lợi-phất thưa: Không.

Lìa tướng như của thọ, tưởng, hành, thức, cho đến lìa tướng như của Nhất thiết chủng trí, có pháp đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thối thất chăng?

Xá-lợi-phất thưa: Không.

Này Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ sao, "Như" đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thối thất chăng?

Xá-lợi-phất thưa: Không.

- Pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, tánh bất khả tư nghì, đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thối thất chăng?

Xá-lợi-phất thưa: Không.

Này Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ sao, lìa "Như" có pháp đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thối thất chăng?

Xá-lợi-phất thưa: Không.

- Lìa pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, tánh bất khả tư nghì, có pháp đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thối thất chăng?

Xá-lợi-phất thưa: Không.

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất: Các pháp rốt ráo không thể thủ đắc, vậy những pháp gì đối với pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thối thất?

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Như lời Tu-bồ-đề nói, trong pháp nhẫn ấy không có Bồ-tát đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thối thất. Nếu không thối thất, Phật nói người cầu đạo có ba hạng: A-la-hán đạo, Bích-chi Phật đạo, Phật đạo; ba hạng ấy là không phân biệt, như Tu-bồ-đề nói chỉ có một hạng Bồ-tát cầu Phật đạo.

Khi ấy, Phú-lâu-na-di-đa-la-ni-tử nói với Xá-lợi-phất rằng: Hãy nên hỏi Tu-bồ-đề: Chỉ có một Bồ-tát thừa chăng?

Bấy giờ Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Tu-bồ-đề muốn nói có một Bồ-tát thừa chăng?

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất: Đối với trong các pháp "Như" muốn

khiến có ba hạng người là Thanh văn thừa, Bích-chi Phật thừa, Phật thừa ư?

Xá-lợi-phất nói: Không.

Này Xá-lợi-phất! Trong ba thừa phân biệt có "Như ", có thể thủ đắc chăng?

Xá-lợi-phất nói: Không.

Này Xá-lợi-phất! "Như" ấy hoặc có một tướng, hai tướng, hoặc ba tướng chăng?

Xá-lợi-phất nói: Không.

Này Xá-lợi-phất! Ngươi muốn ở trong "Như" cho đến có một Bồ-tát chăng?

Xá-lợi-phất nói: Không.

Như vậy trong bốn cách trên, người ba thừa là không thể có được. Này Xá-lợi-phất! Tại sao nghĩ rằng: Đây là người cầu Thanh văn thừa, đây là người cầu Bích-chi Phật thừa, đây là người cầu Phật thừa.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát nghe nói tướng "Như" của các pháp, tâm không kinh hãi, không thối mất, không hối hận, không nghi ngờ, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát, có thể thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ Phật tán thán Tu-bồ-đề rằng: Lành thay, lành thay! Tu-bồ-đề! Điều của ông nói đều là nhờ Phật lực. Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát nghe nói "Như" ấy không có các pháp sai biệt, tâm không kinh, không sợ, không hãi, không khó khăn, không thối mất, không hối hận, thì nên biết Bồ-tát ấy có thể thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Thành tựu Bồ-đề gì?

Phật dạy: Thành tựu Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

LUẬN: Bấy giờ các Thiên tử suy nghĩ bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác khó được. Vì sao? Vì hết thảy pháp rốt ráo không, mà Bồ-tát cầu Phật đạo, tu tập quán hạnh, thành Phật độ chúng sanh, pháp ấy cũng không thể có được". Phật chấp nhận lời ấy, tự mình làm chứng. Ta ngồi ở đạo tràng, dùng đủ mọi cách ngộ được hết thảy pháp, cũng không có tướng nhất định có thể được.

Tu-bồ-đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! theo ý con, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác dễ được, vì hết thảy pháp rốt ráo thường không, trong ấy không có người được, không có pháp có thể có được, không chướng, không ngại, không có gì tu, không có gì đoạn".

Bấy giờ Xá-lợi-phất hỏi: "Nếu Phật đạo dễ được, cớ sao hằng hà sa vô lượng Bồ-tát cầu Phật đạo mà chỉ hoặc một, hoặc hai được thành Phật, còn người khác đều thối thất". Tu-bồ-đề đáp Xá-lợi-phất: "Sắc thối thất đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng? Thọ, tưởng,

hành, thức cho đến Nhất thiết chủng trí thối thất chăng?" Đáp: "Không. Vì sao? Vì sắc pháp rốt ráo không, không có thối thất, như của sắc pháp không có hai tướng, cũng không phân biệt nên không thối thất. Lìa các pháp sắc v.v... lại có pháp thối thất chăng? Đáp: Lìa pháp sắc lại không có pháp nên nói là không. Lìa như của pháp sắc lại có pháp thối thất chăng? Đáp: "Như" phá pháp sắc rồi, "Như" cũng tự không, thế nên đáp không. Pháp tánh, pháp trụ, pháp vị cho đến tánh bất khả tư nghì cũng như vậy".

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất: "Nếu pháp không có thối thất, cớ gì nói Bồ-tát nhiều như cát sông Hằng thối thất?"

Xá-lợi-phất đáp: "Như lời Tu-bồ-đề nói, trong pháp nhẫn thì không có thối thất. Pháp nhẫn là pháp môn, pháp tu, pháp hành. Vào trong pháp môn của Tu-bồ-đề nói, thì không thối thất, ra khỏi pháp môn ấy thì có thối thất". Xá-lợi-phất tuy chấp nhận lời Tu-bồ-đề nói cũng tự dẫn Phật pháp để vấn nạn: "Nếu không ai thối thất thì sẽ đều thành Phật hết, cớ sao lại nói ba thừa?" Tu-bồ-đề dùng bốn câu "tướng như" để phá ba thừa.

Phật tán thán Tu-bồ-đề: "Lành thay, lành thay! Nếu Bồ-tát nghe trong "Như" không có ba thừa phân biệt mà không sợ hãi, Bồ-tát ấy tức có thể thành Vô thượng đạo."

Hỏi: Nếu Phật nói Bồ-tát thành Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, cớ gì Xá-lợi-phất hỏi thành tựu Bồ-đề gì?

Đáp: Mỗi mỗi đều có Vô thượng, Xá-lợi-phất nghi nên hỏi đạo gì Vô thượng. Đáp: "Đại thừa Vô thượng". Lại nữa, Tu-bồ-đề dùng trí tuệ về rốt ráo không, phá tâm chấp trước ba thừa. Phật tán thán: "Lành thay, lành thay!" Tu-bồ-đề nói: "Bồ-tát nghe điều ấy tâm không thối mất, không sợ hãi, thì có thể thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề." Xá-lợi-phất hỏi: "Bồ-đề của ba thừa không có tướng nhất định nay nói thành tựu Bồ-đề, là thành tựu Bồ-đề gì?" Phật dạy: "Thành tựu Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề." Nếu vào cửa rốt ráo không, thì hết thảy pháp đều nhất tướng, nếu ra khỏi rốt ráo không thì có ba thừa sai khác. Nay Phật phân biệt các pháp nên nói có thượng, trung, hạ thừa, chứ không vì rốt ráo "không" mà nói.

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên tu hành thế nào?

Phật dạy: Nên khởi tâm bình đẳng, cũng nói với hết thảy chúng sanh với tâm bình đẳng không có thiên lệch; khởi tâm đại từ bi đối với

hết thảy chúng sanh, cũng nói với chúng sanh với tâm đại từ; ý khiêm tốn đối với hết thảy chúng sanh, cũng nói với chúng sanh với ý khiêm tốn; nên sanh tâm an ổn đối với hết thảy chúng sanh, cũng nói với chúng sanh với tâm an ổn; nên sanh tâm vô ngại đối với hết thảy chúng sanh, cũng nói với chúng sanh với tâm vô ngại; nên tâm không bức não đối với hết thảy chúng sanh, cũng nói với chúng sanh với tâm không bức não; nên sanh tâm ái kính đối với hết thảy chúng sanh như cha, như mẹ, như anh, như em, như chị, như em gái, như con, như thân tộc, tri thức, cũng nói với chúng sanh bằng tâm ái kính.

Bồ-tát ma-ha-tát ấy, nên tự mình không sát sanh, cũng dạy người khác không sát sanh, tán thán việc không sát sanh, hoan hỷ, tán thán những người không sát sanh, cho đến tự mình hành hạnh không tà kiến, cũng dạy người khác không hành hạnh tà kiến, tán thán việc không tà kiến, hoan hỷ tán thán những người không tà kiến. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên tu hành như vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát Ma-ha-tát muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên tu Sơ thiền cũng dạy người khác tu Sơ thiền, tán thán việc tu Sô thiền, hoan hỷ, tán thán người tu Sô thiền; Nhị thiền, Tam thiền; Tứ thiền cũng như vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên tu tâm từ, cũng dạy người khác tu tâm từ, tán thán việc tu tâm từ, hoan hỷ tán thán người tu tâm từ, tâm bi, hỷ, xả cũng như vậy.

Tự mình tu hành định hư không xứ, cũng dạy người khác tu định hư không xứ, tán thán việc tu định hư không xứ, hoan hỷ tán thán người tu định hư không xứ; định thức xứ, định vô Sở hữu xứ, định phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ cũng như vậy. Tự mình đầy đủ Bố thí Ba-la-mật cũng dạy người đầy đủ Bố thí, tán thán việc đầy đủ Bố thí, hoan hỷ tán thán người đầy đủ Bố thí Ba-la-mật; Giới, Nhẫn, Tấn, Thiền, Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy.

Lại nữa, Bồ-tát ma-ha-tát muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tự mình tu hành nội không, cũng dạy người khác tu nội không, tán thán việc tu nội không, hoan hỷ tán thán người tu nội không; cho đến tu vô pháp hữu pháp không cũng như vậy. Tự mình tu Bốn niệm xứ, cũng dạy người khác tu Bốn niệm xứ, tán thán việc tu Bốn niệm xứ, hoan hỷ tán

thán người tu Bốn niệm xứ; cho đến tu Bát thánh đạo phần cũng như vậy. Tự mình tu không tam-muội, vô tướng, vô tác tam-muội,

cũng dạy người khác tu không vô tướng, vô tác tam-muội, tán thán việc tu không, vô tướng, vô tác tam-muội, hoan hỷ tán thán người tu không, vô tướng, vô tác tam-muội. Tự mình tu tám bội xả, cũng dạy người khác tu tám bội xả, tán thán việc tu tám bội xả, hoan hỷ tán thán người tu tám bội xả. Tự mình tu chín định thứ đệ, cũng dạy người khác tu chín định thứ đệ, tán thán việc tu chín định thứ đệ, hoan hỷ tán thán người tu chín định thứ đệ. Tự mình đầy đủ mười lực của Phật, cũng dạy người khác đầy đủ mười lực của Phật, hoan hỷ việc đầy đủ mười lực của Phật, hoan hỷ tán thán người đầy đủ mười lực của Phật. Tự mình tu Bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, đại từ, đại bi, cũng dạy người khác tu Bốn điều không sợ cho đến đại từ, đại bi, hoan hỷ; tán thán người tu Bốn điều không sợ cho đến đại từ đại bi. Tự mình quán nghịch quán thuận mười hai nhân duyên, cũng dạy người khác quán nghịch quán thuận mười hai nhân duyên, tán thán việc quán nghịch quán thuận mười hai nhân duyên, hoan hỷ tán thán người quán nghịch quán thuận mười hai nhân duyên. Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên tu hành như vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát muốn thành tựu Vô thượng Chánh Chánh giác tự mình nên biết khổ, dứt tập, chứng diệt, tu đạo, cũng dạy người khác biết khổ, dứt tập, chứng diệt, tu đạo, tán thán việc biết khổ, dứt tập, chứng diệt, tu đạo; hoan hỷ tán thán người biết khổ, dứt tập, chứng diệt, tu đạo. Tự mình sanh quả Tu-đà-hoàn, chứng trí mà không chứng thật tế, cũng dạy người khác đi đến quả Tu-đà-hoàn, hoan hỷ tán thán người được quả Tu-đà-hoàn; quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán cũng như vậy. Tự mình sanh Bích-chi Phật đạo, chứng biết mà không chứng Bích-chi Phật đạo, cũng dạy người khác đi đến Bích-chi Phật đạo, tán thán Bích-chi Phật đạo, hoan hỷ tán thán người được Bích-chi Phật đạo. Tự mình vào Bồ-tát vị, cũng dạy người khác vào Bồ-tát vị, tán thán việc vào Bồ-tát vị, hoan hỷ tán thán người vào Bồ-tát vị. Tự mình nghiêm tịnh Phật độ, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, cũng dạy người khác nghiêm tịnh Phật độ, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, hoan hỷ tán thán người nghiêm tịnh Phật độ, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh. Tự mình dấy khởi Bồ-tát thần thông, cũng dạy người khác dấy khởi thần thông, tán thán việc dấy khởi thần thông, hoan hỷ tán thán người dấy khởi Bồ-tát thần thông. Tự mình sanh trí Nhất thiết chủng, cũng dạy người khác sanh trí Nhất thiết chủng, tán thán việc sanh trí Nhất thiết chủng, hoan hỷ tán thán người sanh trí Nhất

thiết chủng. Tự mình dứt tập khí, tất cả kiết sử, cũng dạy người khác dứt tập khí tất cả

kiết sử, tán thán việc dứt tập khí, tất cả kiết sử, hoan hỷ tán thán người dứt tập khí, tất cả kiết sử. Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên tu hành như vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tự mình thủ đắc thọ mạng thành tựu, cũng dạy người khác thủ đắc thọ mạng thành tựu, tán thán việc thủ đắc thọ mạng thành tựu, hoan hỷ tán thán người thủ đắc thọ mạng thành tựu. Tự mình thành tựu pháp trụ, cũng dạy người khác cách thành tựu pháp trụ, tán thán việc thành tựu pháp trụ, hoan hỷ tán thán người thành tựu pháp trụ.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên tu như vậy, cũng nên như vậy học Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện. Khi Bồ-tát học như vậy, tu như vậy sẽ được sắc vô ngại, được thọ, tưởng, hành thức vô ngại; cho đến được pháp trụ vô ngại. Vì sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát ấy từ trước lại đây không lãnh thọ sắc, không lãnh thọ thọ, tưởng, hành, thức cho đến không lãnh thọ trí Nhất thiết chủng. Vì sao? Vì sắc không lãnh thọ là chẳng phải sắc, cho đến trí Nhất thiết chủng không lãnh thọ là chẳng phải trí Nhất thiết chủng.

Khi nói phẩm Bồ-tát hạnh ấy, hai ngàn Bồ-tát được vô sanh pháp nhẫn.

LUẬN: Tu-bồ-đề hỏi: "Bồ-tát muốn thành tựu Vô thượng đạo nên tu như thế nào?" Phật đáp: "Nên khởi tâm bình đẳng, đối với hết thảy chúng sanh không có thiên lệch." Năm uẩn hòa hợp, giả gọi là chúng sanh, như xe, như rừng. Hết thảy chúng sanh là chỉ chung cho cả mười phương, sáu đường không có sót chúng sanh nào. Hết thảy chúng sanh mỗi hạng chia làm ba phần: oán, thân, không oán không thân. Phật dạy Bồ-tát khởi tâm bình đẳng, đối với hết thảy chúng sanh đều có ý tưởng thân ái, chớ sanh tâm oán hận, chớ sanh tâm không thân, không oán.

Lại nữa, chúng sanh có hai loại: Thương và ghét. Phật dạy: Đối với hết thảy chúng sanh xa lìa hai tâm ấy, chớ sanh tâm thương ghét. Thương là tham dục, là tâm phiền não, không nên làm, nên thực hành tâm từ ái. Phép thế gian ái niệm vợ con, trâu ngựa v.v...; và oán ghét ác tặc. Bồ-tát chuyển đổi phép thế gian ấy nên thực hành tâm từ ái đối với hết thảy chúng sanh.

Lại nữa, tâm bình đẳng là, Bồ-tát sanh pháp lạc đối với hết thảy chúng sanh, muốn khiến họ đều đến với Phật đạo. Bồ-tát tự bỏ tâm thương ghét,

cũng không chấp trước những chúng sanh đem tâm thương ghét đối với mình. Thế gian có ba hạng người: Ác; Đại ác; Ác trung ác;

Thiện, Đại thiện, Thiện trung thiện. Ác là như người đem việc ác đến với mình, mình đáp lại bằng việc ác. Pháp của chư Phật là tâm bình đẳng đối với chúng sanh, không nên khởi lên ác niệm, huống gì khởi lên thân làm miệng nói; Đại ác là như không người xâm hại mình mà lại đem việc ác đến với họ; Ác trung ác là như người đem hảo tâm cung cấp, thương nghĩ mình nhưng mình lại đem ác tâm huỷ hại họ, gọi là ác trung ác. Thiện là như người đem việc tốt đối với mình, mình đáp lại bằng việc tốt. Đại thiện là như người đối với mình không tốt mà mình đem việc tốt lợi ích cho họ. Thiện trung thiện là như người lấy việc ác hại mình mà mình đem việc thiện cho đến đem thân mạng cúng dường họ, ấy gọi là thiện trung thiện. Bồ-tát bỏ ba việc ác và vượt trên hai thứ thiện đầu, tu tâm thứ sáu (thiện trung thiện) đối với chúng sanh.

Hỏi: Bồ-tát chưa được pháp thân làm sao có thể tu hành tâm ấy?

Đáp: Bồ-tát cầu Vô thượng đạo nên tu hành Vô thượng pháp, cam chịu khổ hạnh khó khăn như vậy mới thành Vô thượng đạo. Ví như người khách buôn, giữa đường hiểm, chịu đủ mọi thứ khổ mới được lợi lớn.

Lại nữa, Bồ-tát nghe yếu lý của Pháp Phật là rốt ráo không, không ta, không của ta, không có thấy pháp nhất định. Những điều thấy, nghe, biết đều là hư dối, như huyễn, như mộng; vì thâm tín pháp ấy nên có thể đem thân mạng cúng dường giặc oán.

Lại nữa, Bồ-tát biết thân này, từ nhân duyên của tội nghiệp phiền não, điên đảo sanh ra, những điều thấy, nghe đều là cội gốc của hư dối, tội cấu. Nếu có người đến muốn hại ta, ta nên hoan hỷ cam chịu, dùng cái thân tệ lậu này mà được cái lợi Vô thượng đạo thì vì sao không làm!

Lại nữa, Bồ-tát phát tâm rất yêu thương chúng sanh, vì muốn làm lợi ích cho họ; nên tự lấy thân mình cúng dường oán tặc, muốn khiến chúng sanh bắt chước việc làm của mình. Vì có chúng sanh, thuyết pháp dạy cho họ, không chắc họ tín thọ, nên lấy thân để giáo hóa khiến họ để tín thọ.

Lại nữa, có nhiều người phát tâm cầu Vô thượng đạo, mà thân hành không cân xứng vì thế nên Bồ-tát lấy thân giáo hóa, khiến phải kiên tâm làm việc khó làm ấy. Muốn cầu Vô thượng đạo nên tu hành điều thiện trung thiện, làm việc khó làm ấy, bấy giờ mới có thể đắc đạo. Có vô lượng nhân duyên như thế, Bồ-tát tự đem thân mình cúng dường oán tặc.

Hỏi: Đẳng tâm và từ tâm có gì sai khác?

Đáp: Đẳng tâm là bốn tâm vô lượng, từ tâm là một trong bốn tâm ấy.

Có người nói: Lúc đầu bỏ oán thân ấy là Đẳng tâm, lúc sau gia thêm niệm thương xót ấy là từ tâm.

Lại nữa, có người nói: Đẳng tâm là quán chúng sanh như như, thực tế, pháp tánh, pháp ấy đều là vô vi, vô lượng cho nên gọi là đẳng tâm; ái niệm chúng sanh ấy gọi là từ tâm. Sở dĩ không nói bi tâm vì có bi tâm, hoặc có khi lo nghĩ đến chúng sanh, tích chứa tâm ấy thì tâm bị thối thất, hoặc có chúng sanh không chịu lòng thương của Bồ-tát, nói rằng: Cớ gì ông không chịu lo thân mình mà cứ nghĩ đến người khác! Còn từ tâm thì không có việc như vậy, dễ nhiếp hóa chúng sanh, nên chỉ nói từ tâm.

Hỏi: Chúng sanh có ba hạng: Thượng, trung, hạ, Bồ-tát chứa nhóm phước đức và trí tuệ nên Bồ-tát phải là người lớn, cớ sao nói đối với hết thảy chúng sanh, khởi tâm khiêm nhường?

Đáp: Bồ-tát nghĩ rằng: Hết thảy pháp vô thường, hết thảy chúng sanh thượng, trung, hạ đều trở thành tiêu diệt, trong ấy có ai là lớn, ai là nhỏ. Người ta vì theo phép đời nên có lớn nhỏ.

Lại nữa, lớn nhỏ không nhất định, ở nước này cho là lớn, ở nước khác cho là nhỏ; ở đây là lớn, ở kia là nhỏ; như đời nay là kẻ ty tiện, đời sau là vua cõi trời. Do nghiệp nhân duyên như vậy, luân chuyển ở thế gian, sang hèn, lớn nhỏ, không nhất định; như nước lửa sang hèn tùy theo lúc dùng hoặc bỏ không nhất định.

Lại nữa, Bồ-tát tuy có công đức mà biết công đức ấy rốt ráo không, như huyễn, như mộng, không đắm trước công đức ấy, không có chi là lớn nhỏ.

Lại nữa, trong hết thảy chúng sanh, người có nhân duyên với Phật đạo, chỉ Phật biết được. Bồ-tát nghĩ rằng: Nếu ta khinh chê chúng sanh hình mạo, tài năng thấp hèn là ta khinh chê Phật vị lai, nếu khinh chê Phật thì còn ai nữa mà không khinh chê.

Lại nữa, Bồ-tát nghĩ rằng: Ta thề độ hết thảy chúng sanh, nếu chúng sanh không được gì thì ta cô phụ chúng sanh. Thí như người chủ mời khách, thì lẽ đáng cung kính khách mà tự hạ mình, nếu khách không được cúng dường thì chủ sẽ xấu hổ với khách.

Lại nữa, vì tâm tự đại tự cao thì ưa sanh sân hận, vì kiêu mạn là gốc của sân, sân là gốc của hết thảy trọng tội. Nếu Bồ-tát khởi tâm khiêm nhường đối với chúng sanh, thì chúng sanh hoặc mắng hoặc đánh cũng không sân hận. Thí như chủ nhà đánh tớ, tớ không dám sân hận. Nếu Bồ-tát tự cao mà chúng sanh khiêm nhường, chúng sanh xâm hại Bồ-tát thì tự nhiên nộ nạt sân hận, như tớ đánh chủ thì chủ sân hận nộ nạt. Tâm khiêm

nhường có các lợi ích như vậy nên Bồ-tát cần thực hành. Tâm an ổn là đưa đến cái vui rốt ráo trong đời này, đời sau, chứ chẳng phải như cha mẹ, tri thức chỉ cho cái vui đời này. Bồ-tát nếu trong khi lấy tâm bình đẳng, tâm từ, tâm khiêm nhường lợi ích chúng sanh, nếu có người không biết ôn đến bức não Bồ-tát, không tin việc Bồ-tát làm, cho là dối trá, vì cầu danh nên không có thật sự, lại vì ma xui khiến đến bức não Bồ-tát, làm việc ác trung ác, không biết ân, thì Bồ-tát tâm bình đẳng đối với các sự ấy thông suốt vô ngại; được tâm vô ngại ấy rồi chúng sanh tuy có tội lớn, lỗi lớn cũng chỉ muốn làm lợi ích cho họ, không sanh tâm ưu não. Thí như người con có hiếu yêu kính cha mẹ, như anh, như em, như chị em, như con trai, con gái không có tâm dâm dục, nhưng sanh tâm ái kính, thương tưởng. người đời chỉ có thể yêu kính người thân, Bồ-tát yêu kính tất cả. Có được hảo tâm, thanh tịnh, mềm mỏng ấy gọi là chúng sanh nhẫn, là cửa ban đầu của pháp nhẫn. Tiếp đến tu hành mười thiện đạo, mười thiện đạo thì có Phật hay không có Phật, thế gian thường có thiện pháp ấy giáo hóa. Bồ-tát trước tiên dùng bốn mươi thứ hành, tu hành mười thiện đạo. Vì sao? Vì Bồ-tát thâm niệm thiện pháp, từ tâm với chúng sanh. Pháp của kẻ phàm phu ly dục có mười hai sự cũng dùng bốn mươi tám hành. Sáu Ba-la-mật cho đến pháp trụ là khách pháp, có Phật nói thì có Bồ-tát tu hành, từ trước lại đây cựu pháp, khách pháp, gốc ngọn đầy đủ, đời nay được thiện pháp, trí tuệ vô ngại, xả sanh thân, được pháp thân vô ngại, tùy ý đi đến mười phương giáo hóa chúng sanh, đối trước mười phương Phật tu tập thiện pháp.

Khi nghe pháp ấy, hai ngàn Bồ-tát được vô sanh pháp nhẫn, là phẩm này nói pháp vi diệu sâu xa, cũng nói có hành, cửa thiện, cửa trí hai hành đầy đủ. Nếu chỉ nói "Như pháp" thì được ít lợi ích, nếu nói "hữu pháp" thì được lợi cũng ít. Nay nói đầy đủ cả hữu pháp và vô pháp, nên được vô sanh nhẫn. Thí như có hai bánh xe đầy đủ, nên có thể đi đến. Trong đây khéo nói hai đế, nên hai ngàn Bồ-tát được vô sanh nhẫn.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 73

GIẢI THÍCH PHẨM NĂM MƯƠI LĂM: CHẲNG THỐI CHUYỂN

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Do hạnh gì, tướng mạo gì, biết đó là Bồ-tát chẳng thối chuyển?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát ma-ha-tát biết được địa vị phàm phu, địa vị Thanh văn, địa vị Bích-chi Phật, địa vị Phật, các địa vị ấy, trong tướng "Như" không hai không khác, cũng chẳng niệm, cũng chẳng phân biệt. Vào trong "Như" ấy nghe việc ấy vượt thẳng qua không nghi ngờ. Vì sao? Vì trong "Như" ấy không có tướng một, tướng hai. Bồ-tát ấy cũng chẳng nói lời vô ích, chỉ nói lời tương ưng với lợi ích, không thấy người khác hay, hay dỡ. Tu-bồ-đề! Do hành, loại, tướng mạo ấy biết đó là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Lại do hành, loại, tướng, mạo gì, biết đó là Bồ-tát chẳng thối chuyển?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu hết thảy pháp không có hành, không có loại, không có tướng mạo, nên biết ấy là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp không có hành, không có loại, không có tướng mạo, thì Bồ-tát thối chuyển đối với pháp gì, gọi là chẳng thối chuyển?

Phật dạy: Nếu Bồ-tát chuyển tâm đắm nhiễm sắc, chuyển tâm đắm nhiễm đối với thọ, tưởng, hành, thức, ấy gọi là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát chuyển tâm đắm nhiễm Thí Ba-la-mật cho đến chuyển tâm đắm nhiễm Bát-nhã Ba-la-mật; chuyển tâm đắm nhiễm nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không; chuyển tâm đắm nhiễm bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung; chuyển tâm

đắm nhiễm Thanh văn, Bích-chi Phật địa cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên biết ấy là Bồ-tát chẳng thối chuyển. Vì sao? Vì tánh sắc không có, Bồ-tát ấy trụ ở đâu? Cho đến tánh Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có, Bồ-tát ấy trụ ở đâu?

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát không xem diện mạo ngôn ngữ đạo Sa-

môn, hoặc Bà-la-môn, không nghĩ rằng ngoại đạo hoặc Sa-môn hoặc Bà-la-môn ấy thực biết, thực thấy; nếu nói theo chánh kiến thì không có các việc ấy.

Lại nữa, Bồ-tát không sanh nghi ngờ, không đắm theo giới thủ, không rơi vào tà kiến, cũng không cầu việc tốt của thế tục cho là thanh tịnh, không lấy hoa hương, anh lạc, phan lọng, kỹ nhạc, lễ bái cúng dường chư thiên. Tu-bồ-đề! Do hành, loại, tướng mạo ấy, nên biết đó là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Vị Bồ-tát chẳng thối chuyển, thường không sanh vào nhà hạ tiện, cho đến không sanh vào chỗ có tám nạn, thường không thọ thân người nữ. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát thường tu mười thiện đạo, tự mình không sát sanh, không dạy người sát sanh, tán thán việc không sát sanh, hoan hỷ tán thán người không sát sanh; cho đến tự mình không tà kiến, không dạy người tà kiến, cũng không tán thán việc tà kiến, không hoan hỷ tán thán người theo tà kiến. Do các hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát cho đến trong mộng cũng không làm mười bất thiện đạo. Do các hành, loại, tướng mạo ấy, nên biết đó là Bồ-tát chẳng tối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát vì lợi ích hết thảy chúng sanh nên tu Thí Ba-la-mật cho đến vì lợi ích cho hết thảy chúng sanh nên tu Bát-nhã Ba-la-mật. Do các hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát có được các pháp như Khế kinh, cho đến luận nghị, thọ, trì, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng. Bồ-tát ấy khi pháp thí nghĩ rằng: Nhờ nhân duyên của pháp thí ấy làm mãn nguyện của hết thảy chúng sanh; đem công đức pháp thí ấy cho hết thảy chúng sanh cùng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do các hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đối với pháp thậm thâm không nghi, không hối.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát đối với pháp thậm thâm vì nhân duyên gì nên không nghi, không hối?

Phật dạy: Bồ-tát chẳng thối chuyển ấy hoàn toàn không thấy có pháp nào hoặc sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh

giác có thể sanh nghi, không thấy pháp ấy chỗ nào có thể sanh nghi, sanh hối. Do các hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát thân, khẩu, ý nhu nhuyến. Do các hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát do thành tựu thân, khẩu, ý từ ái. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát không cùng tương ưng với năm triền cái là tham dục, sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi. Do các hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát không ưa đắm tất cả nơi chỗ. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ra vào đi lại, nằm, ngồi, đi, ở thường niệm nhất tâm; ra vào đi lại, ngồi, nằm, đi, ở, dỡ chân, để chân, an ổn, thong thả, thường niệm nhất tâm ngó xuống đất mà đi. Do các hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát mặc y phục và các đồ nằm, người ta không chê nhớp, ưa sạch sẽ, ít bệnh tật. Do hành. loại, tướng mạo ấy nên đó là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Thường trong thân người, có tám vạn hộ trùng xâm thực, thân Bồ-tát chẳng thối chuyển, không có loại trùng ấy. Vì sao? Vì công đức Bồ-tát vượt quá thế gian. Công đức Bồ-tát ấy tăng ích, tùy theo công đức ấy được thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát được thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh?

Phật dạy: Bồ-tát tùy theo sự có được tăng thêm thiện căn, diệt trừ tâm quanh co tà vạy, ấy gọi là Bồ-tát thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh. Vì thân tâm thanh tịnh nên vượt quá Thanh văn, Bích-chi Phật địa mà vào Bồ-tát địa. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát không quí lợi dưỡng; tuy tu mười hai hạnh đầu đà mà không quí pháp A-lan-nhã (nơi thanh vắng), cho đến không quí việc chỉ mặc ba y. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là

Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát thường không sanh tâm xan tham, không sanh tâm phá giới, tâm sân động, tâm giải đãi, tâm tán loạn, tâm ngu si, tâm

tật đố. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát tâm an trú bất động, trí tuệ thâm nhập, nhất tâm nghe, lãnh thọ, pháp được nghe và việc thế gian đều hợp cùng Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát ấy không thấy tài sản, sự nghiệp gì chẳng vào pháp tánh, hết thảy việc đều thấy hợp cùng Bát-nhã Ba-la-mật. Vì nhân duyên ấy nên gọi đó là tướng trạng của Bồ-tát chẳng thối chuyển.

LUẬN: Hỏi: Từ trước lại đây nôi nôi đã nói tướng mạo chẳng thối chuyển, cớ sao nay còn hỏi?

Đáp: Trên kia tuy nơi nơi lược nói, nay muốn nói rộng. Trong đây phần nhiều nói về tướng mạo chẳng thối chuyển nên gọi là phẩm "Chẳng thối chuyển". Lại nữa, trên đây giải nói tướng mạo Ba-la-mật, thứ đến nói nhân duyên khiến ma phá hoại Bát-nhã. Nay nói người tín thọ Bát-nhã Ba-la-mật là chẳng thối chuyển, muốn nói tướng mạo nó nên Tu-bồ-đề hỏi.

Lại nữa, Bồ-tát từ khi mới phát tâm lại đây, vì nhân duyên tu hành, quả báo chứng đắc là chẳng thối chuyển, được thọ ký chắc chắn sẽ làm Phật. Như người nhận chức tước đã được ấn tín, tâm không còn nghi. Lại như hàng Thanh văn tu các hạnh, đều là bốn quả Sa-môn. Chẳng thối chuyển là địa vị quyết định an ổn vượt quá phàm phu, không vào Nhị thừa địa, tuy chưa thành Phật đạo có thể làm ruộng phước cho thế gian. Việc ấy vi diệu khó biết được, nên Tu-bồ-đề hỏi tướng mạo nó. Phật vốn khiến Tu-bồ-đề nói Bát-nhã Ba-la-mật nên Tu-bồ-đề hỏi Phật địa vị chẳng thối chuyển. Có hành, loại, tướng mạo gì.

Hỏi: Ba việc ấy có gì sai khác?

Đáp: Có người nói ba việc ấy cùng một nghĩa, do đó biết là chẳng thối chuyển, chẳng phải chẳng thối chuyển. Lại có người nói: HÀNH là thân, khẩu, ý, nghiệp của Bồ-tát chẳng thối chuyển khác với người khác. Do hành vi ấy biểu thị trí tuệ thậm thâm chẳng thối chuyển. Loại là phân biệt biết các Bồ-tát chẳng thối chuyển hay chẳng phải chẳng thối chuyển. Tướng mạo là trừ hành và loại, do các nhân duyên khác biết được tướng mạo chẳng thối chuyển.

Phật nói nghĩa lý, nếu Bồ-tát đầy đủ được năm Ba-la-mật, thâm nhập Bát-nhã Ba-la-mật, có lực phương tiện nên không đắm trước Bát-nhã Ba-la-mật, chỉ quán "Như nghĩa" là thật tướng các pháp. Bồ-tát

lúc bấy giờ không cho hàng địa vị phàm phu Nhị thừa là hạ tiện, không cho địa vị Phật là cao quí vì đều nhập các pháp "Như", trong các pháp như ấy không có phân biệt hai pháp. Chỉ lấy "Như" nhập vào "Như" không còn việc chi khác, cũng không phân biệt chấp thủ tướng. Vì sao? Vì

"Như" bình đẳng nên người có thể nhập như vậy tức nhập vào pháp tạng chư Phật, tâm không sanh nghi để trở lại tìm tướng quyết định của các pháp. Thế nên kinh nói: Phàm phu địa cho đến Phật địa trong tướng "Như" không hai không khác. Chứng được pháp như vậy là hành, loại, tướng mạo của chẳng thối chuyển. Lại nữa, lược nói nghĩa ấy: Bồ-tát nhân các pháp "Như", nghĩa là rốt ráo không nên xả bỏ hết thảy việc thế gian, cũng không trụ vào rốt ráo không. Vì sao? Vì thật tướng các pháp rốt ráo thanh tịnh. Nếu Bồ-tát nghe pháp không có nương tựa, thì tâm không có nghi hối, không nghĩ đến việc nương tựa.

Các việc như trên là thể tướng chính yếu của chẳng thối chuyển; từ đây trở xuống đều là hạnh quả của rốt ráo không. Vì được rốt ráo không nên tâm thuần thục tịch diệt, không nói lời vô ích. Nói ra thường là pháp, chẳng phải là phi pháp; nói ra đều là thật, chẳng phải vọng thuyết; lời nói nhu nhuyến, không thô lậu, đều đem tâm từ bi mà nói, không dùng tâm sân nhuế; nói hợp thời, đúng với cô hội, quán sát lòng người tùy theo phong tục địa phương. Nay trong đây lược nói lời lợi ích; hoặc dạy Phật đạo, hoặc dạy Nhị thừa, hoặc nhơn thiên đạo, hoặc đời nay được cái vui không tạo tội. Vì thường xa lìa bốn việc ác nơi miệng, vì đối với chúng sanh có tâm từ bi rộng lớn, lại có thể tự mình chẻ mỏng các phiền não, nên có thể dùng các nhân duyên nói những lời lợi ích.

Hỏi: Hàng Thanh văn đi thẳng tới Niết-bàn có thể không xem xét đến người khác. Còn Bồ-tát xem chúng sanh như con, thường muốn giáo hóa, cớ sao không xem xét đến việc hay dỡ của họ?

Đáp: Nếu chúng sanh không thể chiếc phục, không thể hóa độ, thì hạng như vậy chẳng cần xem xét. Vì sao? Vì nếu đem tâm tốt dạy bảo thì họ ghét mình, tâm họ như dao cắt, đã không ích gì còn thêm tội cho họ cho nên không nên xem xét hay dỡ.

Lại nữa, Bồ-tát nên nghĩ rằng: Như chư Phật đủ Nhất thiết trí, tập khí phiền não sạch hết, còn không thể độ hết chúng sanh, huống gì ta chưa được Bồ-tát thần thông, chưa được trí vô ngại làm sao có thể xem xét khắp chúng sanh. Bồ-tát chẳng thối chuyển có vị được thần thông, có vị không được. Được chẳng thối chuyển rồi, riêng tu thần thông đạo mới được. Nếu trước đã được thần thông, vì không đầy đủ nên không thể xem xét khắp.

Hỏi: Tu-bồ-đề lúc đầu hỏi hành, loại, tướng mạo, cớ sao Phật không đáp ngay là không có hành, loại, tướng mạo nay trong đây mới nói?

Đáp: Lúc đầu hỏi, vì chúng sanh chưa tham đắm tướng mạo chẳng thối chuyển, nên Phật đáp hoặc nói về không tướng, hoặc nói về hữu tướng;

nay vì chúng sanh tham đắm tướng mạo chẳng thối chuyển, muốn từ phàm phu nhập vào địa vị chẳng thối chuyển, thế nên Phật nói hết thảy không có hành, không có loại, không có tướng mạo.

Tu-bồ-đề lại hỏi: Nếu các pháp đều không, cớ gì còn hỏi đối với pháp gì chuyển tâm đắm nhiễm gọi là chẳng thối chuyển? Nên từ phàm phu địa chuyển, đối Phật địa không chuyển sao?

Phật đáp: Nếu Bồ-tát quán được sắc pháp v.v... không, không có gì của chính nó, chuyển tâm nhiễm trước sắc, cho nên ở trong Phật đạo không thối chuyển. Sắc pháp v.v... hòa hợp nhân duyên sanh, Bồ-tát biết đó là pháp hữu vi, tội lỗi, không nên trú ở trong đó. Vì các pháp không, nên có thể chuyển tâm nhiễm trước, chuyển tâm nhiễm trước nên gọi là không thối chuyển.

Lại nữa, Bồ-tát chẳng thối chuyển, nhập vào chánh vị nên tâm quyết đứng không nghi. Trong hết thảy ngoại đạo có thật trí, nếu có thật trí không gọi là ngoại đạo. Như thế là tướng mạo của chẳng thối chuyển.

Hỏi: Nay nói không sanh nghi, sau nói không nghi pháp thậm thâm.

Hai cái không nghi ấy có gì sai khác?

Đáp: Không nghi ở đây là chỉ cho kiến hoặc trong lý Tứ đế của Tu-đà-hoàn đoạn trừ; cái không nghi sau là không nghi đối với pháp sâu xa của chư Phật chứng tri. Bồ-tát có lực phước đức và trí tuệ nên tuy không làm Tu-đà-hoàn, chưa làm Phật, mà có thể không có hai cái nghi ấy. Giới thủ là giới của ngoại đạo, tu giới ngoại đạo ấy không được Niết-bàn. Còn bốn kiến: thân kiến, biên kiến, kiến thủ, tà kiến đều gọi là tà kiến. Vì thâm tín nghiệp nhân duyên và quả báo nên không cầu việc tốt, không đem hương hoa cúng dường chư thiên. Vì cầu đạo, phá cội gốc kiêu mạn, nên thường không sanh vào nhà hạ tiện. Vì có công đức, không làm chướng ngại người khác, thường làm việc khuyến trợ nên không sanh vào chỗ tám nạn. Vì chẻ mỏng dâm dục, xa lìa tâm xiểm nịnh, nên không thọ thân người nữ.

Lại nữa, các người khác tuy tu mười thiện đạo, hoặc một, hoặc hai, hoặc ba không thể đủ bốn thứ. Bồ-tát có tâm đại bi rất yêu thiện pháp nên tu đầy đủ bốn thứ. Thường tu tập mười thiện nghiệp đạo cho đến trong mộng không làm mười bất thiện đạo. Các người khác tu phước

đức chỉ vì thân mình; tiểu Bồ-tát tuy vì chúng sanh cũng tự vì mình; bậc chẳng thối chuyển có làm phước gì đều vì chúng sanh, không vì thân mình. Nếu phước đức có thể đem cho người, thời Bồ-tát đem cho hết chúng sanh, chỉ cầu sự tu tập không thể đem cho; nên Bồ-tát đem mười hai bộ kinh giáo hóa chúng sanh, cũng chỉ vì chúng sanh, không vì tự kỷ.

Lại nữa, vị Bồ-tát có năm căn tín, tấn v.v... lanh lợi nên tuy chưa làm Phật có thể tin các pháp. Trong đây Phật lại nói nhân duyên của không; Bồ-tát không thấy sắc pháp v.v... nên không có chỗ sanh nghi.

Lại nữa, Bồ-tát thường tu tâm từ bi nên ý nghiệp nhu nhuyến; ý nghiệp nhu nhuyến nên từ thân nghiệp, từ khẩu nghiệp thành tựu.

Hỏi: Tâm từ bi ngoại đạo cũng có, cớ sao lại nói đó là tướng mạo của bậc chẳng thối chuyển?

Đáp: Ngoại đạo tuy có tâm từ bi mà không sâu, không thể trùm khắp chúng sanh, cũng không thường có, vì không hòa hợp thật tướng của các pháp, còn Bồ-tát không như vậy.

Lại nữa, Bồ-tát quở trách năm dục, trừ năm triền cái, vào năm thiền chi, Sơ thiền không cùng với năm triền cái. Vì năm triền cái che tâm, làm hao mòn trí tuệ, phá Phật đạo mở đường ma. Bồ-tát biết hết thảy pháp hữu vi tạo tác, hư dối, không thật, như huyễn, như mộng; còn pháp vô vi "không", không có gì của chính nó, tướng tịch diệt nên đối với hết thảy chỗ, không có gì ưa đắm. Đối với chúng sanh cho đến Phật cũng không ưa đắm, đối với pháp cho đến Niết-bàn cũng không ưa đắm. Sân và tội thô, tiểu Bồ-tát đã dứt cũng không nói; ái sâu xa, vi tế, khó dứt nên nay nói.

Lại nữa, Bồ-tát vào sâu thiền định nên thủ hộ hết thảy chúng sanh, thủ hộ hết thảy chúng sanh nên thường nhất tâm niệm, không não hại chúng sanh. Vì không phá giới nên ra, vào, đến, đi an ổn, thong thả, nhất tâm. Dở chân, để chân, trông xuống đất mà đi là vì bảo hộ chúng sanh, vì tránh loạn tâm.

Lại nữa, Bồ-tát lâu ngày tu tập vô lượng, vô biên thiện pháp, trong thân không có tám muôn hộ trùng, cũng ít bệnh tật nên áo chăng đồ nằm thường sạch sẽ không nhơ. Vì có lực thiện căn chứng được thật tướng các pháp nên trong thân không có tám muôn hộ trùng. Vì tâm thanh tịnh nên thân, miệng cũng thanh tịnh; vì lìa hư dối, quanh co, tà vạy, hạ tiện nên tâm thanh tịnh, vì hai sự thanh tịnh nên tuy ở thế gian mà lìa khỏi các khổ não bức bách; vì tâm không nhàm chán nên vượt quá Thanh văn, Bích-chi Phật địa. Bồ-tát vì quý Phật đạo nên không quí lợi dưỡng; tuy tu

hạnh đầu đà mà không quí hạnh ấy, vì hạnh ấy chỉ là nhân duyên phần ít đối với đạo cứu cánh, chứ chẳng phải đạo cứu cánh, ấy gọi là hành, loại, tướng mạo của Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Hỏi: Bồ-tát chưa được Phật dạo, chưa dứt các phiền não làm sao thường không sanh các ác tâm xan tham v.v...?

Đáp: Bồ-tát chẳng thối chuyển, khi được Vô sanh pháp nhẫn, thì đã

dứt hết các phiền não, chỉ chưa dứt tập khí. Nếu không dứt làm sao có thể thường không sanh tâm xan tham làm chướng ngại đạo? Như kinh nói: Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán tức là Bồ-tát Vô sanh pháp nhẫn.

Lại nữa, có người nói Bồ-tát tu sáu Ba-la-mật, tu tập sâu xa các công đức nên các phiền não bị chẻ mỏng, không sanh trong tâm, nên gọi là thường không sanh.

Lại nữa, Bồ-tát trải vô lượng đời, tu Thiền Ba-la-mật nên tâm an trú bất động; chứa tập Bát-nhã, nên thâm nhập trí tuệ. Bồ-tát biết pháp vị vi diệu nên theo người khác nghe pháp, nhất tâm thọ trì, vì tâm ưa pháp sâu xa nên nghe pháp Tam thừa hoặc pháp ngoại đạo, hoặc pháp thế gian, vì tự tâm thâm diệu nên các pháp ấy đều hòa hợp với Bát-nhã, không phá pháp tướng. Thí như người mạnh khỏe không có bệnh, ăn vật gì đều tiêu hóa hết; lại như Phật được cái tướng tối thượng vị, tuy gặp món ăn đắng, cay, không ngon, ở trong miệng Phật đều thành thượng vị. Lại nữa, như nấu đường phèn sắp chín, đem vật gì bỏ vào đều thành đường phèn vi sức vi diệu của nó mạnh. Bồ-tát cũng như vậy, sức Bát-nhã Ba-la-mật mạnh nên có thể làm cho các pháp hợp thành một vị với Bát-nhã, không có lỗi.

Lại nữa, việc thế gian là, Bồ-tát khởi thân khẩu nghiệp gì đều vì thương xót hóa độ chúng sanh; tâm thương xót ấy là cửa ban đầu vào Bát-nhã Ba-la-mật. Lại nhân duyên của các việc thế gian cho đến ngồi, đứng, dậy đi, bước, ăn uống, nói năng, thường nghĩ đến sự an ổn cho chúng sanh. Việc đi, đến, v.v... đều vào pháp tánh như đã nói ở trong phẩm "Phá lai khứ" (Trung quán luận - ND). Các tài sản, sự nghiệp cũng lại như vậy, ấy gọi là chẳng thối chuyển.

KINH: Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu ác ma ở trước vị Bồ-tát chẳng thối chuyển hóa làm tám địa ngục lớn, trong mỗi địa ngục có ngàn vạn ức Bồ-tát đều bị thiêu đốt chịu các khổ não cay chua, nói với Bồ-tát rằng: "Các Bồ-tát ấy đều là bậc chẳng thối chuyển được Phật thọ ký vào địa ngục lớn, nếu ông là người được Phật thọ ký chẳng thối chuyển thì sẽ vào địa ngục lớn ấy; Phật vì ông thọ ký cảnh địa ngục như vậy mà ông không biết, trở lại bỏ tâm Bồ-tát để có thể không đọa địa ngục mà được

sanh cõi trời". Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát thấy việc ấy, nghe việc ấy mà tâm không động, không nghi, không sợ, nghĩ rằng vị Bồ-tát chẳng thối chuyển, mà đọa vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ thì trọn không có lẽ đó. Tu-bồ-đề! Do hành, loại, tướng mạo ấy biết đó là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ác ma hóa làm Tỳ-kheo mặc áo pháp đi đến chỗ Bồ-tát nói với Bồ-tát rằng: "Ông trước nghe dạy nên như vậy tịnh tu sáu

Ba-la-mật cho đến nên như vậy tịnh tu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, việc ấy ông phải hối hận bỏ gấp đi! Ông trước ở nơi chỗ chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại từ khi mới phát tâm cho đến pháp trụ, các thiện căn tạo được trong khoảng thì gian ấy, tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, việc ấy ông cũng nên buông bỏ gấp đi; nếu ông bỏ gấp ta sẽ nói cho ông chân Pháp Phật, còn những điều ông nghe trước đó đều phi Pháp Phật, phi Phật giáo, đều là văn chương trau chuốt, hợp lại tạo ra; điều ta nói mới là chân Pháp Phật". Nếu Bồ-tát nghe lời nói mà tâm sợ, nghi, hối thì nên biết Bồ-tát ấy chưa được Phật thọ ký, chưa quyết định an trú trong tánh chẳng thối chuyển. Nếu Bồ-tát tâm không động, không sợ, không nghi, không hối, tùy thuận, nương tựa pháp vô pháp vô sanh, không tin lời người khác, không làm theo người khác; khi tu sáu Ba-la-mật không theo lời người khác; cho đến khi tu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không nghe theo lời người khác, thí như vị A-la-hán sạch hết lậu hoặc, không tin lời người khác, không làm theo người khác, hiện tiền thấy được thật tướng các pháp; ác ma không thể làm lay chuyển. Như vậy, Tu-bồ-đề! Vị Bồ-tát chẳng thối chuyển cũng như thế. Người cầu Thanh văn dạo, Bích-chi Phật đạo không thể phá hoại, không thể chiết phục tâm Bồ-tát. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát ấy chắc chắn an trú trong địa vị chẳng thối chuyển, không nghe theo lời người khác, cho đến lời Phật nói cũng không tín thủ ngay, huống gì tin lời của người cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, các ác ma, ngoại đạo, Phạm chí! Trọn không có lẽ đó. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy không thấy có pháp có thể tin theo, đó là sắc hoặc thọ, tưởng, hành, thức, hoặc như của sắc cho đến như của thức, cho đến không thấy Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, huống gì như của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó gọi là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ác ma hóa làm thân Tỳ-kheo đi đến chỗ Bồ-tát nói rằng: "Pháp của người tu là pháp sanh tử chẳng phải đạo Nhất thiết trí, thân người nay chỉ lấy việc hết khổ làm chứng đắc". Khi ấy ác ma vì

Bồ-tát dùng pháp tu hành của thế gian nói đạo pháp tương tợ, đạo pháp tương tợ ấy là pháp ràng buộc trong ba cõi như Quán bất tịnh đó là quán tướng xương trắng; hoặc Sơ thiền cho đến Phi hữu tưởng Phi vô tưởng, nói với thiện nam tử rằng: "Dùng đạo ấy dùng tu hạnh ấy, sẽ được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán; ngươi tu đạo ấy đời nay hết khổ, ngươi dùng cái pháp phải chịu mọi khổ não trong đường sanh tử như vậy làm chi? Thân tứ đại ngày nay còn không cần dùng lãnh thọ được, huống gì lại thọ thân tương lai". Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nghe lời ấy mà tâm

không kinh, không nghi, không hối, nghĩ rằng: "Vị Tỳ-kheo ấy lợi ích cho ta không ít, vì ta nói đạo pháp tương tợ, tu đạo pháp tương tợ ấy, không được đến quả Tu-đà-hoàn, A-la-hán, Bích-chi Phật đạo, huống gì được đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác!" Bồ-tát ấy lại càng hoan hỷ nghĩ rằng: "Tỳ-kheo ấy lợi ích cho ta không ít, vì ta nói pháp làm chướng đạo, ta biết pháp làm chướng đạo ấy không chướng ngại học đạo ba thừa."

Khi ấy ác ma biết Bồ-tát vui mừng liền nói tiếp rằng: "Thiện nam tử! Ngươi muốn thấy Bồ-tát ấy cúng dường chư Phật số nhiều như cát sông Hằng với các đồ cần dùng nuôi sống như áo mặc, cơm ăn, đồ nằm, thuốc thang chăng? Cũng ở nơi chỗ hằng hà sa số chư Phật tu Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật chăng? Cũng thân cận hằng hà sa số chư Phật hỏi Bồ-tát đạo: "Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát làm sao an trú trong Bồ-tát thừa? Làm sao tu Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, tu bốn niệm xứ cho đến đại từ đại bi?" Bồ-tát ấy theo như Phật dạy: Trụ như vậy, hành như vậy, tu như vậy; Bồ-tát ấy dạy như vậy, học như vậy còn không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không được Nhất thiết trí, huống gì ngươi làm sao được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác". Nếu Bồ-tát nghe việc ấy, tâm không đổi khác, không kinh sợ, lại còn vui mừng, nghĩ rằng: "Tỳ-kheo ấy lợi ích cho ta không ít, vì ta nói pháp làm chướng đạo, pháp làm chướng đạo ấy khiến không được đạo Tu-đà-hoàn cho đến không được đạo A-la-hán, Bích-chi Phật, huống gì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác!"

Khi ấy ác ma biết tâm Bồ-tát ấy tâm không biến mất, không kinh sợ, liền ở tại chỗ đó hóa làm nhiều Tỳ-kheo nói với Bồ-tát rằng: "Đây đều là những Bồ-tát phát tâm cầu Vô thượng đạo, đều an trú địa vị A-la-hán, bọn ấy còn không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ngươi làm sao được?" Nếu Bồ-tát liền nghĩ rằng ác ma ấy nói đạo pháp tương tợ. Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật không nên chuyển đổi tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không nên đọa vào Thanh văn,

Bích-chi Phật đạo. Lại nghĩ rằng: Tu Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến tu trí Nhất thiết chủng không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là không có lẽ ấy. Này Tu-bồ-đề! Do hành, loại, tướng mạo ấy, nên biết ấy là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nghĩ rằng: "Nếu Bồ-tát theo đúng lời Phật dạy, tâm không xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật cho đến trí Nhất thiết chủng, thì Bồ-tát ấy trọn không thối chuyển Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; nếu Bồ-tát giác tri việc ma, thì thường không thối mất Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác". Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là tướng của

Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thối chuyển đối với pháp gì gọi là không thối chuyển?

Phật dạy: Thối chuyển đối với của sắc, thối chuyển đối với tướng của thọ, tưởng, hành, thức; thối chuyển đối với tướng mười hai nhập, tướng mười tám giới, tướng tham dục, sân nhuế, ngu si, tướng tà kiến, tướng bốn niệm xứ cho đến tướng Thanh văn, Bích-chi Phật và tướng Phật. Do vậy, gọi là tướng Bồ-tát chẳng thối chuyển. Vì sao? Vì Bồ-tát chẳng thối chuyển do pháp "tự tướng không" ấy vào Bồ-tát vị, được vô sanh pháp nhẫn; cho đến mảy may pháp cũng không thể thủ đắc, vì không thể thủ đắc nên không tác khởi, vì không tác khởi nên không sanh, ấy gọi là vô sanh pháp nhẫn. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

LUẬN: Ma biết rõ Bồ-tát ấy là vị Bồ-tát chẳng thối chuyển, không còn làm trở ngại; nếu chưa biết rõ thì dùng mọi cách thí nghiệm phá hoại, hoặc hóa làm tám địa ngục lớn, hóa làm vô số Bồ-tát bị thiêu đốt ở trong đó và nói với Bồ-tát rằng: Các Bồ-tát ấy đều là bậc chẳng thối chuyển, được Phật thọ ký. Ông nếu được Phật thọ ký là thọ ký vào ở địa ngục.

Hỏi: Ác ma vì nhân duyên gì nói người tu thiện thọ ký vào ở địa ngục?

Đáp: Ác ma vì cho vị Bồ-tát ấy muốn thay thế chúng sanh thọ khổ nên nói thọ ký ở trong địa ngục; "Ngươi nếu tu phước đức để sanh cõi trời thì đó là tự vì mình chứ không dính dự đến việc chúng sanh". Nếu Bồ-tát nghe việc ấy tâm kinh động, nghi hối, và tín thọ lời ma, thì nên biết Bồ-tát chưa được thọ ký lên bậc chẳng thối chuyển. Nếu Bồ-tát nghe việc ấy mà không nghi, không động, không kinh, thì nghĩ rằng: "Bậc chẳng thối chuyển vì ngộ được thật tướng các pháp nên không đắm trước pháp, vì không đắm trước pháp nên cho đến không sanh tội

nhỏ, huống gì tội đọa ba đường ác. Như trong lửa có nước, trong nước sanh lửa, không có lẽ đó".

Lại có ác ma hóa làm Tỳ-kheo mặc áo pháp đi đến nói với Bồ-tát rằng: "Ngươi trước theo thầy nhỏ nghe dạy tu sáu Ba-la-mật đó đều là hư dối, chứa nhóm tâm tùy hỷ công đức cũng là hư dối. Những điều ngươi nghe từ trước đều là hư dối, văn chương trau chuốt chẳng thật, chẳng phải miệng Phật nói ra; nay ta vì ngươi nói, đều là chân Phật pháp, ngươi nên bỏ mau đi". Nếu Bồ-tát nghe lời ấy mà tâm kinh động, sân hận, nghi ngờ, thì nên biết Bồ-tát ấy Phật chưa thọ ký cho. Thí như vàng giả, lấy lửa mà mài đập, hoặc đen, hoặc đỏ, hoặc trắng liền biết chẳng phải vàng thật. Nếu

Bồ-tát nghe lời ấy mà không giận, không nghi, tùy theo pháp Vô sanh, vô diệt, vô khởi, vô tác, tu sáu Ba-la-mật tự biết không nghe theo lời người khác; thì nên biết ấy là thật chẳng thối chuyển. Thí như vị A-la-hán sạch hết lậu hoặc nên ác ma đi đến không phá hoại được; vị Bồ-tát chẳng thối chuyển cũng như vậy, không ai hàng phục được. Vì hiện tiền tự biết thật tướng các pháp nên ác ma hiện làm thân Phật đi đến, nói lời khác với pháp tướng cũng không tín thọ. Thí như con chó mang lốt sư tử, các thú trông thấy tuy sợ nhưng khi nghe tiếng thì biết đó là chó, huống gì biến hóa làm thân khác. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Vì Bồ-tát thấy các pháp sắc v.v... là không thì ai sẽ nghe theo lời họ (ma)?

Lại nữa, ác ma hiện thân làm Tỳ-kheo đi đến nói với Bồ-tát rằng: "Sáu Ba-la-mật ấy đều là pháp sanh tử, vì do nhân duyên của phước đức bố thí nên thọ phước vui trong cõi Dục; do nhân duyên của Thiền Ba-la-mật nên thọ vui trong cõi Sắc; vì Bát-nhã Ba-la-mật không có tướng nhất định nên gọi là pháp hư dối, xoay vần trong năm đường, không thể tự ra khỏi đường sanh tử. Người ta dối với ngươi rằng: Đó là đạo Nhất thiết chủng trí, ta nay nói thật, ngươi thủ chứng Niết-bàn, đời nay hết khổ". Bồ-tát nếu im lặng, ma liền tiếp nói đạo pháp tương tợ: "hoặc quán ba mươi sáu thứ bất tịnh, hoặc quán bộ xương người, hoặc niệm hôi thở ra vào, nhơn đạo ấy chứng được bốn thiền, bốn định vô sắc; nhơn thiền định ấy có thể được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán. Thân này của ngươi do tội báo sanh ra; Phật không tán thán thọ thân trở lại trong một khoảnh khắc khảy móng tay, huống gì ở lâu trong sanh tử". Vị Bồ-tát chẳng thối chuyển nghe việc ấy tâm vui mừng nghĩ rằng: Tỳ-kheo ấy rất lợi ích cho ta, vì ta nói đạo pháp tương tợ, ta được đạo pháp tương tợ ấy liền biết chân đạo, như người đi đường, biết đường tà thì biết nẻo chánh, pháp làm chướng ngại đạo cũng như vậy. Bậc chẳng thối chuyển vì là người lớn, quý trọng, nên không tranh cải với Tỳ-kheo ấy.

Ác ma thấy Bồ-tát im lặng thì vui mừng nói: "Người ấy tín thọ lời ta nên nói tiếp với Bồ-tát rằng: Thiện nam tử! Có vô lượng Bồ-tát cúng dường hằng hà sa số Phật, hỏi han, khổ hạnh sáu Ba-la-mật và Bồ-tát đạo, ở trước mặt nhận lời Phật dạy, chịu thực hành hết thảy hạnh Bồ-tát còn không được Vô thượng đạo, nay đều thành A-la-hán, vậy ngươi làm sao muốn được". Bồ-tát nghe việc ấy xong im lặng. Ở ngay chỗ đó ma liền hóa vô số Tỳ-kheo A-la-hán nói với Bồ-tát rằng: "Các Tỳ-kheo ấy đều tu Vô thượng đạo đã lâu, nay đều thành A-la-hán, tại sao riêng ngươi muốn thành Phật", Bồ-tát lại vui mừng nghĩ rằng: Tỳ-kheo ấy vì ta nói pháp tợ đạo, chướng đạo. Bồ-tát thực hành sáu Ba-la-mật, được các công đức chắc chắn không thối

đọa vào Nhị thừa; như lời Phật nói tâm thường không lìa sáu Ba-la-mật mà không được Vô thượng đạo là không có lẽ ấy. Bồ-tát nếu gặp tri ma sự ấy, thì được lợi ích lớn không có mất, vì thế nên tâm Bồ-tát không động chuyển, ấy gọi là tướng chẳng thối chuyển.

Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thối chuyển đối với pháp gì gọi là không thối chuyển?

Phật dạy: Đối với tướng sắc thối chuyển. Trên lược nói, nay sẽ nói rộng. Nếu Bồ-tát đối với tướng sắc v.v... đều thối chuyển được, ấy gọi là tu hết thảy pháp tánh không, được vô sanh pháp nhẫn, vào Bồ-tát vị. Vô sanh nhẫn là, cho đến pháp vi tế không thể thủ đắc huống gì pháp lớn, ấy gọi là Vô sanh. Được pháp vô sanh ấy không khởi làm các nghiệp, ấy gọi là được Vô sanh pháp nhẫn. Bồ-tát được Vô sanh pháp nhẫn, ấy gọi là chẳng thối chuyển. Vô lượng loại, hành, tướng mạo như vậy là tướng của chẳng thối chuyển.

--oOo---

GIẢI THÍCH PHẨM NĂM MƯƠI SÁU: CHUYỂN, BẤT THỐI CHUYỂN

KINH: Lại nữa Tu-bồ-đề! Ác ma đi đến chỗ Bồ-tát, muốn phá hoại tâm Bồ-tát, nói rằng: "Nhất thiết trí với hư không, không có tướng gì; các pháp cùng với hư không, không có tướng gì. trong các pháp hư không, "không", không có tướng gì ấy, không có được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có chẳng được. Các pháp ấy đều như hư không, không có tướng gì, ngươi chịu siêng năng khổ nhọc vô ích. Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà ngươi được nghe nói đều là ma sự, chẳng phải Phật nói, ngươi nên phóng xả tâm nguyện ấy, ngươi chớ suốt ngày đêm chịu sự không an ổn, lo khổ, đọa ác đạo". Các thiện nam tử, thiện nữ nhơn ấy khi nghe lời chê trách đó nên nghĩ như vầy: "Đó là ác ma phá hoại tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của ta. Các pháp tuy như hư không, không có gì của chính nó, tự tướng không mà chúng sanh không biết, không thấy, không hiểu, ta đem nghĩa lý các pháp như hư không, không có gì của chính nó, tự tướng không với đại thệ nguyện trang nghiêm, được trí Nhất

thiết chủng, vì chúng sanh nói pháp ấy, khiến được giải thoát, được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật và Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác". Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát từ khi mới phát tâm lại đây nghe pháp như vậy nên kiên cố tâm mình, không động không chuyển. Bồ-tát đem tâm kiên cố, tâm không động không chuyển ấy tu sáu Ba-la-mật sẽ vào Bồ-tát vị.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Vì không động chuyển nên gọi là chẳng thối chuyển, động chuyển cũng gọi là chẳng thối chuyển?

Phật dạy: Không động chuyển nên gọi là chẳng thối chuyển, động chuyển nên cũng gọi là chẳng thối chuyển.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Tại sao không động chuyển nên gọi là chẳng thối chuyển, động chuyển nên cũng gọi là chẳng thối chuyển?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát đối với Thanh văn, Bích-chi Phật địa không động chuyển nên gọi chẳng động chuyển. Nếu Bồ-tát đối với Thanh văn, Bích-chi phật địa động chuyển nên cũng gọi là chẳng thối chuyển. Tu-bồ-đề do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là tướng của Bồ-tát chẳng thối chuyển. Do hành, loại tướng mạo ấy nên ác ma không thể phá hoại tâm Bồ-tát, khiến lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát chẳng thối chuyển, nếu muốn vào Sơ thiền, đệ nhị, đệ tam, đệ tứ thiền cho đến diệt thọ tưởng định liền được vào.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát chẳng thối chuyển, nếu muốn tu Bốn niệm xứ, cho đến Tám thánh đạo phần, không, vô tướng, vô tác, tam-muội cho đến năm thần thông liền tu được. Bồ-tát ấy tuy tu Bốn niệm xứ cho đến Năm thần thông, nhưng không thọ quả Bốn niệm xứ; tuy tu các thiền, không thọ quả các thiền, cho đến không thọ quả diệt thọ tưởng định, không chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến không chứng đạo Bích-chi

Phật. Bồ-tát ấy cố vì chúng sanh mà thọ thân, theo chỗ thích ứng mà làm lợi ích cho họ. Tu-bồ-đề! Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó gọi là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát chẳng thối chuyển ấy thường nhớ đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trọn không lìa tâm Nhất thiết trí nên không quí sắc, không quí tướng, không quí Thanh văn, Bích-chi Phật, không quí Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật; không quí Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc, Năm thần thông, không quí Bốn niệm xứ cho đến Tám thánh đạo phần; không quí Mười trí lực cho đến Mười tám pháp không chung của Phật, không quí sự nghiêm tịnh cõi Phật, không quí sự

thành tựu tuệ giác cho chúng sanh; không quí việc thấy Phật, không quí việc gieo trồng thiện căn. Vì sao? Vì hết thảy pháp tự tướng không, không thấy pháp gì có thể sanh tâm quí. Vì sao? Vì hết thảy pháp cùng với hư không, không có gì của chính nó, tự tướng không. Tu-bồ-đề! Bồ-tát chẳng thối chuyển thành tựu tâm ấy đối với bốn oai nghi của thân ra vào, đến đi, ngồi nằm, đi ở, nhất tâm không loạn. Này Tu-bồ-đề! Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát chẳng thối chuyển nếu ở nhà dùng sức phương tiện vì lợi ích cho chúng sanh nên thọ năm dục, Bố thí cho chúng sanh, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, áo chăn đồ nằm cho đến đồ cần để nuôi sống đều cấp cho cả. Bồ-tát ấy tự mình tu Thí Ba-la-mật, dạy người tu thí, tán thán việc tu thí, hoan hỷ tán thán người tu Thí Ba-la-mật, tu Giới Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Tu-bồ-đề! Bồ-tát chẳng thối chuyển khi ở nhà có thể đem trân bảo đầy cõi Diêm-phù-đề thí cho chúng sanh, cho đến đem trân bảo đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới thí cho chúng sanh; cũng không tự vì tu phạm hạnh, không lấn ép khảo đánh người khác khiến họ ưu não. Tu-bồ-đề! Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó gọi là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Chẳng thối chuyển là vị thần cầm kim cương thường theo dõi Bồ-tát nguyện rằng: "Bồ-tát ấy sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ta thường theo dõi", cho đến vị thần ngũ tánh cầm kim cương thường theo thủ hộ. Vì thế nên hoặc trời hoặc ma, hoặc phạm, hoặc các kẻ có sức lớn ở thế giới khác, không thể phá hoại tâm Nhất thiết trí của Bồ-tát ấy, cho đến khi Bồ-tát ấy được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Ấy gọi là tướng chẳng thối chuyển của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát thường đầy đủ năm căn là tín căn, Tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, đó gọi là tướng chẳng thối chuyển. Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát chẳng thối chuyển là bậc thượng nhơn, chẳng phải hạ nhơn.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là thượng nhơn?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát nhất tâm tu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tâm không tán loạn, đó gọi là thượng nhơn. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là tướng chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát chẳng thối chuyển nhất tâm thường niệm Phật đạo; không làm chú thuật, hòa hợp thuốc thang, không chú thuật quỷ thần khiến nhập vào trai gái để hỏi việc lành dữ, trai gái, bỗng lộc, thọ mệnh

dài ngắn. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy biết các pháp ấy tự tướng không, vì không thấy tướng các pháp nên không làm việc nuôi sống một cách tà vạy, mà làm việc nuôi sống một cách thanh tịnh. Này, Tu-bồ-đề! Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó gọi là tướng của Bồ-tát chẳng thối chuyển.

LUẬN: Lại có tướng của Bồ-tát chẳng thối chuyển, ác ma nghĩ rằng: "Nhất thiết trí với hư không bình đẳng". Nhất thiết trí có các danh tự hoặc gọi Nhất thiết trí, hoặc gọi Nhất thiết chủng trí, hoặc gọi Vô thượng đạo, hoặc gọi vô lượng Pháp Phật, hoặc gọi Bồ-đề, đều là danh tự của Nhất thiết trí. Trong đây nói Nhất thiết trí nên biết là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hết thảy Bồ-tát đều nguyện muốn được Nhất thiết trí, ma đi đến muốn phá hoại nói rằng: "Nhất thiết trí ấy trống không, không có gì của chính nó, chỉ các sư dối người vậy thôi, như hư không không có gì của chính nó, không sắc, không hình, không thể biết, Nhất thiết trí cũng như vậy. Thế nên nói cùng với hư không bình đẳng. Các pháp là các pháp trợ đạo giúp đưa đến trí Nhất thiết chủng như sáu Ba-la-mật v.v... pháp ấy cũng không. Trí Bát-nhã không, không có tướng gì của chính nó, các pháp chỉ có danh tự, không có thật sự. Ở trong đó không có người được Nhất thiết trí, không có đi đến Nhất thiết trí, không có trợ đạo. Ngươi chỉ luống chịu cay đắng. thầy ngươi thường dạy ngươi xa lìa ma sự, nhưng Nhất thiết trí chính là ma sự. Vì sao? Vì bỏ Niết-bàn mà thủ lấy sanh tử. Các kinh ngươi nghe trước đó hoặc nghĩa lý về sáu Ba-la-mật, đều chẳng phải Pháp Phật, đều do người tạo ra, nay ngươi hối hận gấp, bỏ tà tâm ấy; nếu không bỏ, suốt ngày đêm chịu khổ trong ba đường ác".

Bồ-tát chẳng thối chuyển nghe việc ấy liền giác tri ma sự, ma hủy báng Nhất thiết trí, muốn khiến ta xa lìa Vô thượng Chánh đẳng

Chánh giác. Vì sao? Vì hết thảy pháp tuy không, không có gì của chính nó nhưng vì chúng sanh phàm phu, điên đảo che tâm nên không biết, không thấy, ta sẽ lấy "tự tướng không" làm trang nghiêm được Nhất thiết trí, vì chúng sanh nói pháp. Nếu hết thảy pháp không mà ta lấy thật hữu làm trang nghiêm là không tương ứng, nếu các pháp không, trang nghiêm cũng không ấy là tương xứng; vì chúng sanh thuyết pháp cũng như vậy. Khiến chúng sanh được quả Tu-đà-hoàn; quả Tu-đà-hoàn có hai: 1. Pháp vô vi dứt ba kiết sử; 2. Quả Tu-đà-hoàn hữu vi tương ưng với không, vô tướng, vô tác tam-muội. Hai thứ ấy đều không. Trong pháp hữu vi do ba môn giải thoát nên không; trong pháp vô vi do không có tướng sanh, trụ, diệt nên không; cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng như vậy. Bồ-tát chẳng thối chuyển, từ khi mới phát tâm trở đi, nghe pháp ấy kiên cố

tâm mình không động, không chuyển. Mũi tên phiền não không vào được nên gọi là kiên cố; ngoại đạo ác ma không lay chuyển được nên gọi là không động; không thối chuyển Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên gọi là không chuyển. Bồ-tát đem ba tâm như vậy tu sáu Ba-la-mật vào Bồ-tát vị. Nghĩa chữ Bồ-tát vị như trước đã nói. Vào Bồ-tát vị gọi là chẳng thối chuyển.

Tu-bồ-đề hỏi: Không chuyển nên gọi là chẳng thối chuyển, sao chuyển cũng gọi là chẳng thối chuyển?

Phật đáp: Phật đáp bằng hai cách là dùng lấy hai đế là Thế đế và Đệ nhất nghĩa đế. Nếu Bồ-tát vào Bồ-tát vị thì chuyển tâm Thanh văn, Bích-chi Phật mà thẳng vào Bồ-tát vị, ấy gọi là chuyển; không chuyển là, vào đệ nhất nghĩa chẳng thối chuyển. Trong các pháp "Nhứt tướng", nghĩa là "vô tướng" còn không có định tướng Nhất thừa, huống gì Tam thừa thì có gì để chuyển! Vì không có gì để chuyển nên gọi là chẳng thối chuyển.

Lại nữa, chẳng thối chuyển, tuy hành theo pháp cõi Dục để độ chúng sanh mà đối với thiền định thì ra vào tự tại; vì đối với thiền định tự tại nên nếu muốn giáo hóa người khác tu Bốn niệm xứ cho đến Tám thánh đạo phần, Ba môn giải thoát, Năm thần thông đều được tự tại. Tuy vào thiền định mà tâm kia nhu nhuyến, thanh tịnh nên không hưởng thọ cái phước sống lâu ở cõi trời, chỉ ở cõi Dục để giáo hóa, nên tuy tu Bốn niệm xứ cũng không chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi Phật đạo. Bồ-tát ấy xem xét mười phương quốc độ biết chỗ nào có thể làm lợi ích chúng sanh thì thọ thân sanh ở cõi ấy; như vậy gọi là tướng chẳng thối chuyển. Bồ-tát ấy nhất tâm thâm niệm, thường không xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên chỉ quí Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác,

không quí việc khác, đó là thân kim sắc đủ Ba mươi hai tướng của Phật; vì không bỏ bản nguyện độ sanh nên không quí Thanh văn, Bích-chi Phật đạo. Người ấy vì quí pháp rốt ráo không vô sở đắc nên không quí việc Bố thí, cho đến không quí việc gieo trồng căn lành, huống gì lợi dưỡng ngũ dục của thế gian. Vì sao? Vì Bồ-tát xem xét hết thảy pháp tự tướng không, không thấy có thật pháp nhất định có thể sanh tâm quí.

Lại nữa, có người vì có chỗ tham quí nên tâm lay động không tự an, nếu được thì vui mừng, mất thì lo buồn; Bồ-tát thì không quí gì, không tham gì nên đối với được mất, tâm thanh tịnh không lay động. Thân hành, khẩu hành điều hòa không khác, nên bốn oai nghi nơi thân, nhất tâm thường nhớ không có trái lỗi.

Lại nữa, vì thâm nhập Thiền Ba-la-mật nên bốn oai nghi nơi thân

không có trái lỗi.

Hỏi: Trong kinh nói Bồ-tát chẳng thối chuyển có lực phương tiện, vì lợi ích chúng sanh nên hưởng thọ năm dục, ấy là phương tiện gì?

Đáp: Thí như lấy kềm gắp lửa, tuy gắp mà không bị cháy tay. Năm dục lạc như lửa hay đốt cháy thiện căn của người. Bồ-tát suy nghĩ ta xuất gia, chỉ có cái thân duy nhất làm sao dùng để bố thí, nhiếp hóa chúng sanh? Chúng sanh cần nhiều ăn uống, y phục mà vật chu cấp của ta lại ít. Bồ-tát vì nhiếp hóa chúng sanh nên sanh vào nhà giàu sang để bố thí cho chúng sanh tự do theo chỗ cần dùng của họ, chúng sanh xuất gia, tại gia đều được lợi ích. Thí như đại địa, nhân dân chim thú đều mong nhờ lợi nhuận. Khi ấy có bốn cách tu sáu Ba-la-mật. Nếu xuất gia tán thán việc bố thí thì hoặc có người nói: Ông chỉ có một thân không có tài sản mà chỉ dạy người bố thí thì người ta không thể tín thọ; thế nên Bồ-tát phương tiện làm người cư sĩ, đem tài sản làm sung mãn cho tất cả mà khuyên người bố thí, thì người ta tín thọ. Bồ-tát hoặc làm Chuyển luân Thánh vương, trong khi khởi tâm nghĩ đến việc bố thí thì châu báu đầy cõi Diêm-phù-đề, như vua Đảnh sinh ở trong cung điện, khởi tâm muốn châu báu thì có châu báu đến bên đầu gối; hoặc làm Đế-thích, hoặc làm Phạm vương, mưa châu báu đầy ba ngàn thế giới cúng dường chư Phật sung mãn hết thảy. Vì nhiếp hóa chúng sanh nên không tự thọ hưởng. Người hưởng thụ năm dục thì tâm sanh kiêu mạn, lấn ép người khác. Bồ-tát thường dứt tham dục, các phiền não mỏng, không sanh kiêu mạn; vì không sanh kiêu mạn, nên không lấn ép người khác, ấy là tướng chẳng thối chuyển.

Lại nữa, nếu Bồ-tát được vô sanh pháp nhẫn vào Bồ-tát vị, được thọ ký, tức thì thần kim cương theo dõi thủ hộ; khi thành Phật đạo thì hiện thân kia, khiến người trông thấy. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Hoặc người, hoặc phi nhân không thể phá hoại; người phá hoại là hoặc giết, hoặc trói, hoặc luận nghị hơn. Phi nhơn phá hoại là làm cho bệnh, cuồng, hoặc cướp mạng, hoặc hiện thân hung dữ làm cho sợ hãi, hoặc biến làm thân Phật nói tà đạo. Những việc như vậy không thể chiết phục Bồ-tát.

Hỏi: Nếu được thần kim cương thủ hộ thế là Bồ-tát tự mình không có sức sao?

Đáp: Bồ-tát tự mình cũng có sức, lại do công đức của Bồ-tát nên hay khiến thần kim cương thủ hộ; vì thần kim cương thủ hộ nên tuy chưa được pháp thân mà công đức vẫn tăng thêm. Lại khiến thiên thần thấy thần kim cương hộ vệ nên càng thêm kinh sợ. Bồ-tát đầy đủ năm căn là, nếu như người không có năm căn mắt, tai v.v... thì không khác gì cây đá; do lực

năm căn nên hay thấy, hay nghe. Trong tâm Bồ-tát không có năm căn tín, tấn, niệm, định, tuệ tức là phàm phu, không vào hàng Thánh.

Hỏi: Như kinh A-tỳ-đàm nói: Ai thành tựu năm căn là người không dứt thiện căn, cớ sao nay nói người không có năm căn tín, tấn v.v... tức là phàm phu?

Đáp: Chúng sanh không dứt thiện căn, tuy thành tựu năm căn nhưng không thể phát khởi tác dụng. Thí như trẻ nhỏ tuy có các phiền não, tham dục v.v... nhưng chưa thể phát sanh tác dụng, nên nói là không có. Năm căn, tín, tấn, niệm, định, tuệ cũng như vậy, chúng sanh tuy có mà không phát khởi tác dụng thế nên không kể. Năm căn tín, tấn, niệm, định, tuệ có hai loại: 1. Thuộc Thanh văn, Bích-chi Phật; 2. Thuộc Phật và Bồ-tát. Năm căn thuộc Thanh văn, Bích-chi Phật hay thâm tín Niết-bàn, hay dùng trí tuệ biết thế gian vô thường, không, biết được Niết-bàn tịch diệt; năm căn thuộc Bồ-tát hay sanh tâm từ bi sâu xa đối với chúng sanh oán ghét, cũng hay quán thật tướng các pháp là vô sanh, vô diệt, tuy chưa được thành Phật cũng có thể tín thọ việc Phật. Lại do năm căn của Bồ-tát nên hay thấy, hay nghe, hay biết lực thần thông của Phật, chẳng phải hàng Thanh văn, Bích-chi Phật bắt kịp. Như trong kinh Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát nói: Xá-lợi-phất, Mục liên, Tu-bồ-đề v.v... tuy ở hai bên Phật, song vì không có năm căn của Bồ-tát nên không thấy Bồ-tát đại hội và lực thần thông, cũng không nghe Phật nói lý bất khả tư nghì giải thoát. Thế nên nói, nếu Bồ-tát đầy đủ năm căn tín, tấn v.v... thì gọi là chẳng thối chuyển.

Hỏi: Trong các kinh khác nói: Người lành thì thân, khẩu, ý nghiệp không có dữ, biết ân, báo ân, hay vì chúng sanh nên từ bỏ cái vui của mình để an ổn cho chúng sanh, có làm việc lợi ích gì không cầu quả báo, như vậy là tướng của Thượng nhơn. Vì sao chỉ nói có một việc tâm không tán loạn, tu Vô thượng đạo gọi là Thượng nhơn?

Đáp: Trong đây Phật tự lược nói chỉ một việc nhất tâm không tán loạn là thu nhiếp các pháp lành. Vì sao? Vì quí trọng Phật đạo nên các phiền não bị bẻ mỏng, sanh từ tâm sâu xa đối với chúng sanh, tự đem thân mạng cấp thí huống gì không biết ân, báo ân. Thường nhất tâm niệm tưởng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, giữ giới thanh tịnh, nên không sống theo tà mạng là không làm chú thuật, hòa hợp thuốc thang. Chú thuật là, có thể giấu thân khiến người khác không thấy, có thể biến người làm súc thú. Hòa hợp thuốc thang là dùng mồi cầu Tiên giáng và hòa hợp các thứ thuốc chữa bệnh để cầu tài và cầu danh tiếng. Chú quỷ là, có người muốn biết việc vị lai, phù chú ma quỷ khiến nhập vào con trai, con gái để hỏi việc lành dữ,

sanh con trai hay con gái, thọ mạng dài ngắn giàu, vui, hơn, thua v.v... Nếu có làm là vì nhiếp hóa chúng sanh, phá tâm kiêu mạn của họ, không vì tài lợi danh vọng. Vì sao? Vì người ấy biết hết thảy pháp tự tướng không nên không thấy các pháp tướng là thân mình, vợ, con, nam nữ; vì không thấy tướng ấy nên không làm việc tà để nuôi sống.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 74

GIẢI THÍCH PHẨM NĂM MƯƠI SÁU (Tiếp): CHUYỂN, BẤT THỐI CHUYỂN

KINH: Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nay sẽ nói tiếp hành, loại, tướng mạo của Bồ-tát chẳng thối chuyển, hãy nhất tâm lắng nghe.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật thường không xa lìa tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên không nói đến năm uẩn, không nói đến mười hai nhập, không nói đến mười tám giới. Vì sao? Vì thường quán niệm tướng không của năm uẩn, của mười hai nhập, mười tám giới. Bồ-tát ấy không ưa nói việc quan. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy an trú trong tướng không của các pháp, không thấy pháp hoặc sang hoặc hèn. Không ưa nói việc giặc giả. Vì sao? Vì tự tướng các pháp là không nên không thấy hoặc được, hoặc mất. Không ưa nói việc quân binh. Vì sao? Vì tự tướng các pháp là không, nên không thấy hoặc nhiều, hoặc ít. Không ưa nói việc đấu tranh. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy an trú trong tánh như của các pháp nên không thấy pháp hoặc ghét hoặc ưa. Không ưa nói việc phụ nữ. Vì sao? Vì an trú trong tánh không của các pháp nên, không thấy hoặc đẹp hoặc xấu. Không ưa nói việc xóm làng. Vì sao? Vì tự tướng của pháp là không, nên không thấy pháp hoặc khởi, hoặc tán. Không ưa nói việc thành ấp. Vì sao? Vì an trú trong thực tế các pháp, không thấy có hơn có thua. Không ưa nói việc nước. Vì sao? Vì an trú trong thực tế, không thấy pháp có sở thuộc, không sở thuộc. Không ưa nói việc của mình. Vì sao? Vì an trú trong pháp tánh, không thấy pháp là ta, là không ta, cho đến không thấy kẻ biết kẻ thấy. Như vậy, không nói đến các việc thế gian, chỉ ưa nói Bát-nhã Ba-la-mật, không xa lìa tâm Nhất thiết trí. Nếu khi tu Thí Ba-la-mật thì chẳng làm việc xan tham; khi tu Giới Ba-la-mật thì chẳng làm việc phá giới; khi tu Nhẫn Ba-la-mật thì chẳng làm việc sân hận đấu tranh; khi tu Tấn Ba-la-mật thì chẳng làm việc giải đãi; khi tu Thiền Ba-la-mật thì chẳng làm việc tán loạn; khi tu Bát-nhã Ba-la-mật thì chẳng làm việc ngu si. Bồ-tát tuy tu hết thảy pháp không mà vui pháp, ưa pháp. Bồ-tát tuy tu pháp tánh, thường tán thán pháp bất hoại

mà vui thích thiện tri thức là chư Phật và Bồ-tát, Thanh văn, Bích-chi Phật, những vị hay giáo hóa khiến vui thích an trú Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát ấy thường nguyện muốn thấy chư Phật, nghe quốc độ nào có Phật hiện tại thì theo nguyện sanh đến đó; tâm như vậy thường hành ngày đêm, đó là tâm niệm Phật. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát chẳng thối chuyển tu Sô thiền cho đến phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, nhờ sức phương tiện, nên muốn khởi tâm cõi Dục, nếu gặp chúng sanh hay tu mười thiện đạo, và chỗ hiện tại có Phật thì sanh đến trong đó. Có hành, loại, tướng mạo như vậy, nên biết đó là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát chẳng thối chuyển khi tu Bát-nhã Ba-la-mật an trú nội không, ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không; an trú bốn niệm xứ cho đến ba môn giải thoát là không, vô tướng, vô tác; ở trong tự địa mỗi mỗi biết rõ, không nghi ta là chẳng thối chuyển hay chẳng phải chẳng thối chuyển. Vì sao? Cho đến không thấy mảy may pháp hoặc chuyển hoặc không chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thí như người được quả Tu-đà-hoàn, an trú trong Tu-đà-hoàn địa mỗi mỗi tự biết rõ, trọn không nghi, không hối; Bồ-tát chẳng thối chuyển cũng như vậy, an trú trong địa vị chẳng thối chuyển trọn không nghi. An trú trong địa vị ấy làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, các ma sự khởi lên, tức thời biết rõ không theo ma sự, mà phá hoại ma sự. Thí như người tạo tội ngũ nghịch, cái tâm tạo tội ngũ nghịch cho đến khi chết thường theo dõi không rời, tuy có tâm khác cũng không thể làm ngăn cách. Bồ-tát chẳng thối chuyển cũng như vậy, tự an trú ở địa vị mình, tâm thường bất động hết thảy thế gian người, trời, A-tu-la không thể động chuyển. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy đã vượt khỏi hết thảy thế gian, người, trời, A-tu-la mà vào trong ngôi vị chánh pháp, an trú trong địa vị tự chứng; đầy đủ các thần thông của Bồ-tát hay nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, ở chỗ mười phương Phật gieo trồng căn lành, thân cận hỏi han chư Phật. Bồ-tát an trụ như vậy, các ma sự khởi lên liền biết mà không theo; lấy lực phương tiện đặt ma sự vào trong thực tế, trong địa vị tự chứng, không nghi, không hối. Vì sao? Vì trong thực tế không có tướng nghi, nên biết thực tế ấy chẳng phải một chẳng phải hai. Vì

nhân duyên ấy nên Bồ-tát cho đến khi chuyển thân, trọn không hướng đến Thanh văn, Bích-chi Phật địa. Bồ-tát ấy đối với các pháp tự tướng không, không thấy pháp hoặc sanh, hoặc diệt, hoặc nhơ, hoặc sạch. Tu-bồ-đề! Bồ-tát ấy cho đến khi chuyển thân cũng không nghi ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hoặc chẳng được. Vì sao? Vì các pháp tự tướng không tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu-bồ-đề! Bồ-tát

ấy an trú trong địa vị tự chứng, không nghe theo lời người khác, không ai phá hoại được. Vì sao? Vì Bồ-tát chẳng thối chuyển ấy thành tựu trí tuệ bất động. Tu-bồ-đề! Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ấy nếu có ác ma hiện làm thân Phật đi đến nói với Bồ-tát rằng: "Nay ở đây người có thể thủ chứng A-la-hán đạo, chứ ngươi không có được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chưa được Vô sanh pháp nhẫn, ngươi cũng có các hành, loại, tướng mạo chẳng thối chuyển, cũng không có tướng được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác". Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nghe lời nói ấy tâm không đổi khác, không biến mất, không kinh, không sợ thì Bồ-tát ấy nên tự biết ta chắc chắn theo chư Phật được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì các Bồ-tát do các pháp ấy mà được thọ ký, ta cũng có pháp ấy được thọ ký. Này Tu-bồ-đề! Hoặc ma, hoặc kẻ bị ma sai khiến hiện làm thân Phật đi đến, thọ ký Thanh văn, Bích-chi Phật cho Bồ-tát, Bồ-tát ấy nghĩ rằng: Đó là ác ma hoặc kẻ bị ma sai khiến hiện làm thân Phật đi đến chứ chư Phật thì không lẽ nào dạy Bồ-tát xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dạy an trú vào Thanh văn, Bích-chi Phật đạo. Này Tu-bồ-đề! Do các hành, loại, tướng mạo ấy, nên biết ấy là tướng chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ác ma lại hiện làm thân Phật đi đến chỗ Bồ-tát nói rằng: "Kinh điển của ngươi học, chẳng phải do Phật nói, cũng chẳng phải do Thanh văn nói mà là ma nói". Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên biết rằng: Đó là ác ma, hoặc ma sai khiến, dạy ta xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Nên biết Bồ-tát ấy đã được Phật quá khứ thọ ký an trú địa vị chẳng thối chuyển. Vì sao? Vì các Bồ-tát kia đã có các hành, loại, tướng mạo chẳng thối chuyển. Bồ-tát này cũng có hành, loại, tướng mạo ấy, đó gọi là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát chẳng thối chuyển khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, vì hộ trì các pháp, nên không tiếc thân mạng huống gì vật khác. Bồ-tát hộ trì pháp nghĩ rằng: Ta không vì hộ trì pháp của một đức Phật, ta vì hộ trì pháp của mười phương ba đời các đức Phật. Này Tu-bồ-đề!

Thế nào là Bồ-tát hộ trì Pháp Phật, nên không tiếc thân mạng? Tu-bồ-đề! Như Phật nói hết thảy các pháp chân không, khi ấy có người ngu si phá hoại không tín thọ, nói rằng: Đó là chẳng phải pháp, chẳng phải lành, chẳng phải Thế Tôn dạy. Tu-bồ-đề! Bồ-tát vì hộ trì pháp như vậy nên không tiếc thân mạng. Bồ-tát cũng nên nghĩ rằng: Chư Phật đời vị lai, ta cũng ở trong số ấy được thọ ký, pháp ấy cũng là pháp của ta, thế nên không tiếc

thân mạng. Tu-bồ-đề! Bồ-tát thấy được sự lợi ích ấy, nên hộ trì pháp không tiếc thân mạng. Tu-bồ-đề! Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là tướng chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát chẳng thối chuyển thì nghe Phật thuyết pháp, chẳng nghi, chẳng hối, nghe xong thọ trì trọn không quên mất. Vì sao? Vì được Đà-la-ni.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Được Đà-la-ni gì mà nghe Phật thuyết kinh pháp không bị quên mất?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát ấy được Đà-la-ni văn trì nên nghe Phật nói kinh pháp, không quên, không mất, không nghi, không hối.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Chỉ có nghe Phật thuyết pháp, không quên, không mất, không nghi, không hối hay là nghe Thanh văn, Bích-chi Phật nói, nghe Thiên long, Quỷ thần, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già nói, cũng không quên, không mất, không nghi, không hối?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Có các việc nói năng gì vị Bồ-tát được Đà-la-ni nghe xong đều không quên, không mất, không nghi, không hối. Tu-bồ-đề! Thành tựu các hành, loại, tướng mạo như vậy, nên biết đó là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

LUẬN: Phật lại muốn nói kỹ càng về tướng chẳng thối chuyển, nên bảo Tu-bồ-đề nhất tâm lắng nghe. Bồ-tát thường không xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ưa tu rốt ráo không, nên không ưa phân biệt tướng quyết định của năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, lại không ưa nói việc quốc vương v.v... như các ngoại đạo, hưởng thọ người khác cúng dường, vì không có chánh đạo, hư dối, nhiễm đắm, tâm muốn giải sầu, nên luận bàn quốc sự, phân biệt cái vui thế lực của các quốc vương thời quá khứ; còn vị Bồ-tát chẳng thối chuyển không bàn luận các việc ấy, vì thấy hết thảy thế gian thường bị lửa vô thường thiêu đốt, chúng sanh đáng thương, ta chưa thành Phật đạo, ta chỉ nên nói pháp độ chúng sanh, không nên nói việc khác. Vì hết thảy pháp rốt ráo không, nên tướng lớn nhỏ không thể thủ đắc, việc giặc, việc binh cũng như vậy. Rốt ráo không tức là như như, pháp tánh, thật tế. Tu sáu Ba-la-mật,

không nói đến sáu tệ. Bồ-tát tuy an trú trong hết thảy pháp không mà vẫn vui pháp, yêu pháp. Vì sao? Vì Bồ-tát không đắm trước hết thảy pháp không ấy. Lại tu pháp thứ lớp, từ thiền định, trí tuệ v.v... vậy sau mới chứng được hết thảy pháp không; pháp không ấy không thể miệng nói mà tâm đắm trước được, thế nên trước tu pháp tu thứ lớp.

Lại nữa, trong pháp tánh không phân biệt các pháp, vì pháp tánh

chẳng phải tướng phá hoại; Bồ-tát không đắm trước pháp tánh, thương xót chúng sanh vì họ mà phân biệt pháp thiện, bất thiện, khiến họ được hiểu. Tuy vì chúng sanh nói như vậy cũng thường tán thán pháp không phá hoại, dẫn dắt chúng sanh vào trong pháp tánh.

Lại nữa, Bồ-tát chẳng thối chuyển lại không có người thân thiện, chỉ lấy chư Phật và đại Bồ-tát cùng những người hay tán thán các pháp thực tướng làm thân thiện. Công đức và trí tuệ của Bồ-tát ấy rất lớn, nên tùy ý đi đến, nếu muốn đến các cõi Phật thời tùy ý sanh đến. Bồ-tát ấy tuy lìa dục được thiền định, do sức phương tiện nên vì chúng sanh mà sanh đến cõi Dục nôi có Phật hiện tại. Sanh vào cõi Dục là vì chúng sanh mà lưu lại một phần ái và mạn, chứ không vì quả báo thiền định mà sanh cõi Sắc và cõi Vô sắc; chỉ lấy thiền định làm nhu hòa tâm mình mà không thọ quả báo thiền định.

Lại nữa, Bồ-tát ấy, an trú trong nội không v.v... an trú nghĩa là thâm nhập thông suốt, tâm không vướng mắc, nên không sanh nghi: Ta là chẳng thối chuyển hay chẳng phải chẳng thối chuyển, tự tâm thâm nhập trí tuệ, ấy gọi là tự địa chứng. Lại Bồ-tát ấy không thấy hết thảy pháp hoặc chuyển, hoặc không chuyển, thế nên không sanh nghi. Nghi là thủ tướng có sở đắc, như người đi đêm thấy cây trụi nghĩ rằng hình người ta cũng vậy, liền sanh tâm nghi, hoặc chấp hai thủ tướng ấy nên gọi là nghi. Bồ-tát tu vô tướng tam-muội nên đối với hết thảy pháp không thủ tướng, thì không có chỗ để sanh nghi. Trong đây Phật nói thí dụ: Như Tu-đà-hoàn từ vô thỉ lại chưa được trí tuệ vô lậu, do dứt ba kiết, nên liền tự mình biết được pháp vô lậu đối với tứ đế, tâm quyết định không nghi hoặc khổ hoặc vui; bậc chẳng thối chuyển cũng như vậy, từ vô thỉ lại chưa được thật tướng các pháp là địa vị chẳng thối chuyển, đến khi được cũng không sanh nghi. Các người sanh nghi là thấy việc trái ngược, không giống như điều đã được nghe; Bồ-tát đối với hết thảy pháp rốt ráo không, chẳng thấy việc không giống như pháp đã được nghe, nghi không có chỗ trú nên không nghi. Tự biết đó là đạo rốt ráo không thể bàn luận, không thể phá hoại. An trú trong địa vị ấy mà giáo hóa chúng sanh, nghiêm tịnh cõi Phật, cũng có thể dùng sức phương tiện

phá các ma sự. Pháp chẳng thối chuyển ấy thường dõi theo Bồ-tát cho đến khi thành Phật. Trong đây, Phật nói hai thí dụ: 1. Tu-đà-hoàn; 2. Năm tội nghịch. Hai tâm ấy sâu nặng nên không thể trừ bỏ: Tâm Tu-đà-hoàn thường không thể từ bỏ; tâm tạo năm tội nghịch khi tội hết mới trừ. Như người vận suy, quỷ thường theo dõi, tâm chẳng thối chuyển theo dõi Bồ-tát còn quá hơn thế. Tâm chẳng thối chuyển, không ai có thể làm chuyển

động được; các việc khổ bức bách không thể chuyển động; các sự cúng dường lợi dưỡng cũng không thể làm cho bỏ tâm ngộ thật tướng và tâm từ bi.

Từ trước lại đây nói về tướng mạo của tâm chẳng thối chuyển, nay nói việc nó làm là giáo hóa chúng sanh, là nghiêm tịnh cõi Phật, từ chỗ các đức Phật gieo trồng căn lành, từ một đức Phật hỏi han pháp thâm yếu của chư Phật và các pháp môn độ sanh, mười phương các ma sự dấy lên mà không theo, do sức phương tiện xem xét ma sự ấy; đúng như Phật pháp xem xét các thân ma như Phật không khác. Vì sao? Vì hết thảy pháp và thật tế đồng một tướng, nghĩa là vô tướng. Bồ-tát khi chuyển thân cũng không hướng đến Thanh văn, Bích-chi Phật địa. Vì sao? Vì Bồ-tát khi được địa vị chẳng thối chuyển biết hết thảy pháp thật tướng không, khi chuyển thân, tâm cũng không hướng vào Nhị địa, tâm không nghi hoặc được Vô thượng đạo, hoặc không được. Bồ-tát ấy đời đời không có ai hàng phục, phá hoại được.

Phật vì thí nghiệm Bồ-tát ấy, nên nêu thí dụ: Nếu ma hiện làm thân Phật đi đến muốn dối trá thử Bồ-tát ấy mà nói rằng: "Ngươi có thể thủ chứng A-la-hán trong đời này, chứ ngươi không có tướng chẳng thối chuyển có thể được Phật đạo; Vô sanh pháp nhẫn tức là hết thảy pháp, trong đó làm sao có thể nhẫn được". Nếu Bồ-tát nghe lời ấy tâm không thối mất, Bồ-tát ấy tự biết chắc chắn được thọ ký từ chư Phật. Vì sao? Vì ta có Vô sanh pháp nhẫn, nghe ma sự mà không sợ hãi.

Lại nữa, ác ma biết Bồ-tát ấy hoan hỷ liền thọ ký cho Thanh văn, Bích-chi Phật đạo, hoặc đời nay được quả A-la-hán, đời sau được Bích-chi Phật đạo; nếu Bồ-tát không nghe theo lời ma biến hóa thân Phật ấy, thì biết đó là ma hoặc ma sai khiến. Vì sao? Vì thân Phật mà lời nói ma, như thử tiền vàng gõ ra tiếng thì biết đó là thật hay giả. Nếu Phật thọ ký cho Bồ-tát quả vị Thanh văn, Bích-chi Phật thì trọn không có lẽ đó. Vì sao? Vì Phật dùng các phương tiện đều muốn khiến cho mọi người vào Phật đạo chứ làm sao lại dắt Bồ-tát đi đến Thanh văn!

Lại nữa, ma lại hóa làm thân Phật nói với Bồ-tát rằng: "Kinh sách của ngươi hành trì đều là ma nói". Bồ-tát ấy biết đó là ma sự, nên biết

Bồ-tát ấy đã được Phật thọ ký an trú trong tánh chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Bồ-tát chẳng thối chuyển rất ưa thích pháp, nên nghe pháp thì tâm liền mê say, toàn thân lông dựng ngược. Nghĩ đến tâm đại bi của Phật thì buồn vui rơi nước mắt, hoặc đối với pháp thậm thâm sanh tâm vui mừng, nên biết ấy là tướng của tâm chẳng thối chuyển. Thí như quân binh

lớn bị bại, thì sợ hãi sầu muộn, ngã xuống đất giống như chết, bà con trông thấy, muốn biết rõ sống chết, lấy gậy đánh vào, nếu thấy có lằn nỗi lên thì biết chắc còn sống. Bồ-tát cũng như vậy, đều mang thân xác thịt, cớ sao biết chắc chắn có thể thành Phật? Nếu nghe Phật pháp mà trong thân có tướng hiện ra, lông trên thân dựng đứng, nhan sắc khác thường, còn người khác nghe pháp không nhập tâm, thì không có tướng dị thường, giống như ngươi chết đánh không nỗi lằn. Bồ-tát rất ưa pháp nên có thể xả thân vì pháp, hoặc Phật, hoặc đệ tử Phật ở giữa đại hội nói các pháp rốt ráo không, có một người cuồng chấp lấy tướng âm thanh, danh tự, đắm trước rốt ráo không, đưa ra những điều sai quấy rằng: Nếu các pháp rốt ráo không, thì không có Phật, không có pháp, không có nghiệp tội phước, cũng không có tu hành tinh tấn đắc đạo chứng quả, như vậy đưa ra vô lượng sai quấy. Vị Bồ-tát chẳng thối chuyển quán sát, so lường biết người nào thuyết pháp có tâm không nhiễm trước, theo lời Phật thương xót chúng sanh nên nói; và biết người nào cuồng si đắm trước tướng ngôn ngữ, phá hoại rốt ráo không nên nói.

Bấy giờ Bồ-tát chẳng thối chuyển thà chết, hỗ trợ nói rằng: Đó là người cuồng, là người tà kiến, tự chìm vào tà kiến cũng dạy nhiều người rơi vào tà kiến hoại diệt Phật pháp. Ôm lòng sân hận quá sâu nên hoặc tự giết, hoặc bảo đệ tử giết. Bấy giờ Bồ-tát nếu chết đã đến bên mình, mà vì bảo trợ pháp, nên không vì sợ hãi mà hủy hoại pháp tánh. Trong đây Phật nói nhân duyên: Bồ-tát nghĩ rằng: Phật đời vị lai, ta cũng ở trong số ấy, pháp ấy cũng là pháp của ta, vì là pháp của ta nên không tiếc thân mạng để thủ hộ. Lại suy nghĩ rằng: Ta trong vô lượng đời vì phiền não tà kiến nên mất mạng nhiều vô số. Nay vì phát khởi tâm hỗ trợ pháp của chư Phật trong ba đời mười phương, hoặc có ích mà chết còn hôn vô ích mà sống. Tâm vì pháp như vậy nên không tiếc thân mạng.

Lại nữa, Bồ-tát chưa thành Phật đạo, theo Phật nghe pháp thậm thâm, lãnh thọ được hết, không mất tín lực nên có thể thọ trì, có lực văn trì Đà-la-ni nên không quên mất, có lực đoạn nghi Đà-la-ni nên không nghi.

Tu-bồ-đề hỏi: Chỉ nghe lời Phật, tin tưởng ghi nhớ không nghi, nghe lời người khác cũng như vậy chăng?

Phật dạy: Hết thảy lời ai nói đều có thể ghi nhớ, hoặc hàng Nhị thừa, trời, rồng v.v... nói có đạo lý thì có thể tin tưởng, ghi nhớ, không nghi; không có đạo lý thì ghi nhớ, không nghi mà không tin.

Lại nữa, có người nói: Tín là tà pháp, không nghi điều bất thiện là thiện. Có người nói hàng chư thiên, rồng, nhị thừa nói, đều là Phật pháp,

do tướng chẳng thối chuyển ấy nên nghe thì ghi nhớ, không nghi, không hối. Bồ-tát ấy tuy chưa làm Phật, nhưng đối với thật tướng các pháp hoàn toàn không có nghi. Do hành, loại, tướng mạo như vậy, nên đó gọi là Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Hỏi: Được việc gì từ đó trở đi gọi là chẳng thối chuyển?

Đáp: Trong luận A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa nói: Quá ba a tăng kỳ kiếp ve sau, gieo trồng nhân duyên về Ba mươi hai tướng, từ đó trở đi gọi là chẳng thối chuyển. Trong luận Tỳ-ni-a-ba-đà-na nói: Từ khi gặp Phật Nhiên Đăng, lấy năm cành hoa cúng Phật, lấy tóc trải trên đất để Phật đi qua, Phật thọ ký cho chẳng thối chuyển, bay lên giữa hư không, dùng kệ tán Phật, từ đó trở đi gọi là chẳng thối chuyển. Trong Bát-nhã Ba-la-mật này, nếu Bồ-tát đầy đủ tu sáu Ba-la-mật thì được lực trí tuệ phương tiện không đắm trước Ba-la-mật rốt ráo không, quán sát hết thảy pháp, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng thêm, chẳng bớt, chẳng nhơ, chẳng sạch, chẳng đến, chẳng đi, chẳng một, chẳng khác, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng phải có, chẳng phải không, vô lượng hai pháp đối đãi nhau như vậy, do trí tuệ quán sát phá hết thảy tướng vô thường, sanh diệt v.v... Trước tiên nhơn nôi vô thường v.v... phá điên đảo chấp thường v.v... nay cũng bỏ luôn cách quán chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng thường, chẳng đoạn v.v...; đối với chẳng sanh chẳng diệt cũng không đắm trước, cũng không rơi vào cái không, không có gì của chính nó; cũng biết đó là tướng chẳng sanh chẳng diệt, chẳng được không đắm trước, nên cũng tin dùng pháp chẳng sanh, chẳng diệt ấy, đối với trí tuệ chân thật của chư Phật có tín lực nên thông suốt vô ngại, ấy gọi là Bồ-tát được vô sanh pháp nhẫn, vào Bồ-tát vị, gọi là chẳng thối chuyển. Bồ-tát ấy tuy từ khi mới phát tâm lại đây, gọi là chẳng thối chuyển, nhưng tướng chẳng thối chuyển chưa đầy đủ nên không được Phật thọ ký cho. Vì sao? Vì ngoại đạo, Thánh nhơn, chư Thiên, tiểu Bồ-tát nghĩ rằng: Phật thấy người ấy có được những việc gì mà thọ ký cho? Người ấy chưa đủ nhân duyên an trú trong Phật đạo vì sao thọ ký cho? Thế nên Phật chưa thọ ký cho. Bồ-tát có hai hạng: 1. Mang thân xác thịt còn sanh tử. 2. Thân pháp tánh sanh. Được Vô sanh pháp nhẫn, dứt các phiền não, sau khi bỏ thân xác thịt được thân pháp tánh sanh. Bồ-tát thân xác thịt chẳng thối chuyển

cũng có hai hạng: Có hạng ở trước Phật được thọ ký; có hạng không ở trước Phật được thọ ký. Nếu gặp lúc Phật không ở đời, được Vô sanh pháp nhẫn, hạng ấy không ở trước Phật được thọ ký.

Hỏi: Nếu như vậy có người đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, tùy thuận nghĩa lý Vô sanh pháp nhẫn, người ấy chưa được thiền định, hoặc

sanh tâm nghi, hoặc bị tâm chấp trước lôi kéo, hạng người như thế là Bồ-tát gì? Là Bồ-tát chẳng thối chuyển chăng?

Đáp: Người ấy không gọi là Bồ-tát chẳng thối chuyển. Bồ-tát chẳng thối chuyển đối với Phật pháp thậm thâm còn không nghi huống gì đối với pháp môn ban đầu là Vô sanh nhẫn! Người chưa được chẳng thối chuyển có hai hạng: 1. Có lòng tin ít mà nghi ngờ nhiều. 2. Nghi ngờ ít mà lòng tin nhiều. Tin ít nghi nhiều là hơn chút ít đối với người đọc tụng Kinh; tin nhiều nghi ít là nếu được thiền định tức thì được "nhu thuận nhẫn", vì chưa dứt tâm ái trước pháp nên hoặc sanh tâm ái trước, hoặc bị lui mất. Người ấy nếu thường tu tập nhu thuận nhẫn ấy, nhu thuận nhẫn tăng trưởng nên dứt tâm ái trước pháp, được Vô sanh nhẫn, vào Bồ-tát vị. Lược nói nghĩa tướng chẳng thối chuyển đã xong.

--oOo----

GIẢI THÍCH PHẨM NĂM MƯƠI BẢY: TIM ĐÈN

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát chẳng thối chuyển ấy thành tựu công đức lớn, thành tựu vô lượng công đức, vô biên công đức.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Bồ-tát chẳng thối chuyển thành tựu công đức lớn thành tựu vô lượng vô biên công đức. Vì sao? Vị Bồ-tát chẳng thối chuyển ấy được vô lượng, vô biên trí tuệ không chung cùng với hết thảy Thanh văn, Bích-chi Phật. Vị Bồ-tát chẳng thối chuyển an trú trong trí tuệ ấy nên sanh bốn trí vô ngại, được bốn trí vô ngại ấy nên hết thảy thế gian người trời không thể biết cùng tận.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Phật luôn dùng nhiều kiếp như cát sông Hằng, tán thán các hành, loại, tướng mạo của Bồ-tát chẳng thối chuyển. Bạch đức Thế Tôn! Có chỗ thâm áo gì Bồ-tát chẳng thối chuyển an trú trong ấy mà khi tu sáu Ba-la-mật lại đầy đủ bốn niệm xứ, cho đến đầy đủ trí Nhất thiết chủng?

Phật khen Tu-bồ-đề rằng: Lành thay, lành thay! Tu-bồ-đề! Ông vì

hàng Bồ-tát chẳng thối chuyển hỏi chỗ thâm áo ấy. Này Tu-bồ-đề! Chỗ thâm áo nghĩa nó là không, vô tướng, vô tác, không khởi, không sanh, không nhiễm, xa lìa, tịch diệt, như, pháp tánh, thật tế, Niết-bàn. Những pháp như vậy là nghĩa thâm áo.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Chỉ có "không" cho

đến Niết-bàn là thâm áo, sắc cũng là thâm áo; thọ, tưởng, hành, thức cũng thâm áo; mắt cho đến ý cũng thâm áo, chẳng phải hết thảy pháp thâm áo ư?

Phật dạy: Hết thảy pháp cũng là thâm áo, sắc cũng là thâm áo, thọ, tưởng, hành, thức cũng thâm áo; mắt cho đến ý cũng thâm áo; sắc cho đến pháp, nhãn giới cho đến ý thức giới, thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, bốn niệm xứ cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng thâm áo.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là sắc thâm áo cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng thâm áo?

Phật dạy: Vì như của sắc thâm áo nên sắc thâm áo; vì như của thọ, tưởng, hành, thức cho đến như của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thâm áo nên Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thâm áo.

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là như của sắc thâm áo cho đến như của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thâm áo.

Này Tu-bồ-đề! Như của sắc chẳng phải là sắc, chẳng phải lìa sắc, cho đến như của thức chẳng phải là thức, chẳng phải là lìa thức; cho đến như của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác "như" chẳng phải là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng phải lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Hy hữu thay! Bạch đức Thế Tôn! Do lực phương tiện vi diệu nên làm cho Bồ-tát chẳng thối chuyển, lìa sắc an trú Niết-bàn, lìa thọ, tưởng, hành, thức an trú Niết-bàn, lìa hết thảy pháp, hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu mà an trú Niết-bàn.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Tu-bồ-đề, Phật do lực phương tiện vi diệu, nên làm cho Bồ-tát chẳng thối chuyển, lìa sắc an trú Niết-bàn, cho đến lìa hữu lậu, vô lậu pháp mà an trú Niết-bàn. Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát quán sát, so lường, tư duy pháp thậm thâm tương ứng với Bát-nhã Ba-la-mật như vậy mà nghĩ rằng: "Ta nên tu như vậy, như trong Bát-nhã Ba-la-mật dạy, ta nên tập như vậy như trong Bát-nhã Ba-la-mật nói". Thì nầy Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát làm được như kinh nói, học được như kinh nói, như trong Bát-nhã Ba-la-mật mà quán sát, tinh tấn đầy đủ, thì

khi một niệm sanh ra sẽ được vô lượng, vô biên, vô số phước đức, Bồ-tát ấy vượt qua vô lượng kiếp được gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; huống gì thường tu Bát-nhã Ba-la-mật ứng hợp với tâm niệm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thí như người nhiều dâm dục, ước hẹn với người nữ đoan chánh, thanh khiết, người nữ ấy bị trở ngại không đến đúng kỳ hẹn. Ý Tu-bồ-đề nghĩ sao? Tâm niệm người ấy bấy giờ để vào chỗ

nào?

- Bạch đức Thế Tôn! Tâm niệm người ấy để chỗ người nữ kia, thường nghĩ tưởng đến tương lai sẽ cùng ngồi nằm hoan lạc với người nữ.

Này Tu-bồ-đề! Người ấy trong một ngày một đêm có bao nhiêu niệm sanh khởi?

Tu-bồ-đề thưa: Người ấy trong một ngày một đêm có rất nhiều niệm sanh khởi.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát niệm Bát-nhã Ba-la-mật đúng như trong Bát-nhã Ba-la-mật nói, tu đạo ấy trong khoảng một niệm vượt quá kiếp số, cũng như số tâm niệm trong một ngày một đêm của người kia. Bồ-tát ấy tu Bát-nhã Ba-la-mật xa lìa các tội, là xa lìa các tội đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát ấy tu Bát-nhã Ba-la-mật, trong một ngày được công đức thiện căn, giả sử các công đức khác chứa đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới nhiều như cát sông Hằng vẫn cũng không giảm, đối với các công đức tàn dư trăm phần không kịp một, ngàn phần ngàn ức vạn phần cho đến tốn số, thí dụ cũng không thể kịp.

LUẬN: Tu-bồ-đề khi nghe nói tướng chẳng thối chuyển, và công đức chẳng thối chuyển tâm rất vui mừng tán thán công đức chẳng thối chuyển, nên bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Bậc chẳng thối chuyển thành tựu công đức vô lượng vô biên". Phật chấp nhận lời khen đó, lại tự nói nhân duyên của công đức lớn ấy chính là Bồ-tát chẳng thối chuyển, được vô lượng vô biên trí tuệ không đi chung với Thanh văn, Bích-chi Phật; cần phải trước biết rồi sau làm, làm xong hưởng công đức ấy. Vì thế nói nhân duyên của công đức là do nôi trí tuệ vô lượng, vô biên. Trí tuệ là Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát an trú trong Bát-nhã Ba-la-mật ấy, hay sanh ra bốn trí vô ngại: Đối với thật nghĩa hết thảy pháp, trí tuệ không chướng ngại, đã biết nghĩa vô ngại rồi, phân biệt mỗi mỗi danh tự các pháp, vì nó biểu thuyết thật nghĩa nên gọi là pháp vô ngại; danh tự ấy phải do ngôn ngữ, do ngôn ngữ nên phát xuất các danh tự ấy gọi là từ vô ngại; được pháp vô ngại và từ vô ngại nên ưa nói thật nghĩa các pháp, ấy gọi là nhạo thuyết vô ngại. Bồ-tát an trú trong bốn trí vô ngại, hết thảy chúng sanh vấn nạn không thể làm cùng kiệt, như nước biển lớn không thể khô kiệt.

Tu-bồ-đề nghe Phật dạy đầy đủ tướng chẳng thối chuyển ở trong hai phẩm trên. Nay vào phẩm này Phật mới mở cửa bốn vô ngại, lại muốn nói tướng chẳng thối chuyển. Thế nên Tu-bồ-đề tán thán Phật: Thế Tôn có trí tuệ vô lượng, vô biên, công đức chẳng thối chuyển cũng vô lượng, vô biên. Nếu Phật trải qua kiếp số như cát sông Hằng vui nói cũng không thể cùng

tận, tướng mạo chẳng thối chuyển cũng không thể cùng tận.

Bạch đức Thế Tôn! Những gì là chỗ thâm áo của bậc chẳng thối chuyển? Bồ-tát chẳng thối chuyển, an trú chỗ thâm áo ấy thì có thể đầy đủ sáu Ba-la-mật, bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng?

Phật khen Tu-bồ-đề: Ông có thể vì Bồ-tát chẳng thối chuyển hỏi nghĩa thâm áo. Này Tu-bồ-đề! "không, cho đến Niết-bàn" ấy gọi là thâm áo.

Hỏi: Có những pháp mỗi mỗi phân biệt tỉ mỉ, vì người ta không hiểu nên có thâm áo, còn "không", không có gì của chính nó, lấy gì làm thâm áo?

Đáp: Chẳng phải miệng nói thẳng danh tự nên "không", mà cốt phân biệt, giải thích các tướng "hữu", bên trong không thấy có ngã, bên ngoài không thấy thực pháp nhất định; được cái "không" ấy rồi, xem hết thảy pháp tướng đều là hư dối, có lỗi lầm, nếu diệt các tướng lại không nguyện sanh vào ba cõi thì cái "không" này là cái "không" do đắc đạo, chẳng phải miệng nói không, thế nên nói thâm áo.

Lại nữa, không lại cũng không, nếu chấp trước cái không ấy thì có lỗi lầm, chẳng gọi là thâm áo; nếu cái không phát xuất từ sự phá tà kiến chấp có, ấy là thâm áo; nếu đối với không cũng không chấp trước không, nên cũng là thâm áo. Lại nữa, quán năm uẩn sanh diệt, phá điên đảo chấp thường; quán rốt ráo không, phá chấp tướng sanh diệt. Vì sao? Vì trong "không" không có vô thường, không có sanh diệt. Không có sanh diệt có hai thứ: 1. Người tà kiến cho thế gian thường có nên không có sanh diệt; 2. Vì phá chấp tướng sanh diệt nên nói không có sanh diệt. Trong đây phá chấp tướng sanh diệt, cũng không chấp tướng chẳng sanh, chẳng diệt, nên gọi là thâm áo. Các phiền não khó trừ nên nói sự lìa dục được tịch tịnh là thâm áo, vì sai lầm dễ, chân thật khó. Như như, pháp tánh, thực tế là Niết-bàn thâm áo, vì các Phạm thiên và chín mươi sáu thứ ngoại đạo không thể hiểu kịp nên gọi là thâm áo. Lại trong Niết-bàn, hết thảy người đắc đạo nhập vào vĩnh viễn không ra, cho nên thâm áo.

Hỏi: Trong đây nói "không" v.v... là thâm áo, ấy là "không" gì?

Đáp: Có người nói ba Tam-muội không, vô tướng, vô tác, tâm số pháp gọi là "không", vì "không" nên quán các pháp "không". Có người nói: "Sắc Sở duyên bên ngoài đều "không" duyên cái ngoại không ấy nên gọi là "không Tam-muội". Trong đây Phật nói: Chẳng vì không Tam-muội nên không, cũng chẳng vì sắc sở duyên bên ngoài nên không. Vì sao? Vì nếu sắc bên ngoài chẳng thực "không", do sức Tam-muội làm cho không nên

"không", thì cái không ấy hư dối chẳng thật. Nếu duyên cái ngoại không nên sanh tam-muội thế cũng chẳng phải. Vì sao? Vì nếu sắc pháp v.v... thật là tướng "không" thì chẳng sanh không tam-muội. Nếu sanh không tam-muội thì chẳng phải là không. Trong đây nói lìa hai bên ấy mà nói trung đạo, nghĩa là các pháp nhân duyên hòa hợp sanh, pháp hòa hợp ấy không có tướng nhất định nên "không". Vì sao? Vì pháp nhân duyên sanh không có tự tánh, vì không tự tánh nên tức là rốt ráo không. Rốt ráo không ấy từ xưa đến nay vốn "không", chẳng phải Phật làm, cũng chẳng phải người khác làm; chư Phật vì chúng sanh khả độ nên nói tướng rốt ráo không. Tướng "không" là thực thể của hết thảy pháp, không nhơn bên trong, bên ngoài mà có. Tướng không có nhiều danh tự gọi là vô tướng, vô tác, tịch diệt, ly, Niết-bàn v.v...

Tu-bồ-đề biết các Bồ-tát lợi căn đắm sâu vào Niết-bàn, vì Bồ-tát ấy nên hỏi Phật: Chỉ có Niết-bàn thậm thâm còn các pháp khác không thậm thâm ư?

Phật đáp: Chân chánh quán sát sắc mà được Niết-bàn, các pháp sắc v.v... nhơn Niết-bàn nên thậm thâm, thế nên trong Kinh nói: Ví như của sắc v.v... nên thậm thâm, như của sắc v.v... tức là chính quán.

Tu-bồ-đề hỏi: Thế nào là vì như của sắc nên sắc thậm thâm?

Trong đây Phật tự nói nhân duyên của thậm thâm: Như chẳng là sắc, chẳng phải lìa sắc. Thí như lấy bùn làm bình, bùn chẳng phải là bình, chẳng lìa bùn có bình, cũng không được nói không có bình.

Tu-bồ-đề biết pháp nhân duyên ấy thậm thâm như biển cả không có đáy nên tán thán rằng: Hy hữu thay Thế Tôn! Phật dùng lực phương tiện vi diệu làm cho các Bồ-tát lìa sắc v.v... mà an trú Niết-bàn, cũng không chấp đắm Niết-bàn, cũng không ở thế gian, ấy là lực phương tiện vi diệu.

Phật chấp nhận lời ấy, khen Bồ-tát thực hành thật tướng các pháp được quả báo phước đức, bảo Tu-bồ-đề: "Quán sát, so lường pháp thậm thâm tương ứng với Bát-nhã như vậy, khi một niệm sanh khởi, liền được vô lượng, vô biên, vô số phước đức".

Hỏi: Pháp vô lậu của hàng Nhị thừa còn không có quả báo phước đức, huống gì Đại thừa do rốt ráo không mà quán pháp lại được vô lượng phước đức, mà chính phước đức ấy từ tâm đại bi thương xót chúng sanh phát khởi, như tội do não hại chúng sanh mà có?

Đáp: Trong tâm vô lậu của hàng Nhị thừa phiền não sạch hết, nên không có quả báo, phước đức, còn Bồ-tát phiền não chưa hết, nên phải có phước đức quả báo.

Lại nữa, Nhị thừa chứng đắc đối với thực tế nên đốt cháy hết các công đức; Bồ-tát chẳng chứng lại sanh trở lại để độ sanh, nên có phước đức.

Lại nữa, người ta có sai lầm đối với sự thật nên phước đức ít. Chánh tu hành thật sự nên phước đức nhiều, như thí cho súc sanh được phước gấp trăm, thí cho người ác được phước gấp ngàn, thí cho người lành được phước gấp mười vạn, thí cho người ly dục được phước gấp mười ức vạn, thí cho bậc Thánh Tu-đà-hoàn v.v... được phước vô lượng. Người phàm phu, tuy lìa dục, thực hành tâm từ bi, vì không được thực tướng của pháp nên không được làm ruộng phước vô lượng; Tu-đà-hoàn tuy chưa ly dục, vì phân biệt được thực tướng của pháp nên thành phước điền vô lượng. Ngộ được thực tướng các pháp có sâu, có cạn, thế nên Bồ-tát vì thâm nhập thật tướng nên chỉ trong một khởi niệm được phước đức vô lượng vô biên. Trong đây vì mỗi niệm, mỗi niệm phước đức rất nhiều nên nói thí dụ: Tâm chúng sanh tuy niệm niệm sanh diệt, nhưng vì tương tục sanh nên không biết diệt theo. Như người dâm dục tâm đắm sâu điều dục lạc, vì không thỏa tình nên sanh tâm nhớ nghĩ, thủ tướng, mỗi mỗi phân biệt tìm lý do vì sao không đến, hoặc vì người con gái đổi lòng mà không đến, hoặc bị người ngăn trở mà không đến. Sanh tâm giác quán nhiều như vậy, tâm ấy dễ biết, nên dùng làm ví dụ. Như vậy, là nhân duyên chỉ trong một niệm mà sự việc đã qua một kiếp; lại như người uống thuốc yếu, một năm mới lành bệnh, uống thuốc mạnh một ngày có thể lành. Bồ-tát cũng như vậy, tu năm Ba-la-mật lâu ngày mới thành Phật. Có người tu Bát-nhã Ba-la-mật mau được thành Phật.

Lại nữa, công đức của một ngày tu Bát-nhã Ba-la-mật, giả sử có hình chất đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới số như cát sông Hằng, thì đối với thực thể của chánh công đức trong một ngày còn không giảm thua, đối với phước đức ấy trăm phần không sánh kịp, cho đến tốn số , thí dụ cũng không thể kịp.

KINH: Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật mà bố thí Tam bảo, Phật bảo, Pháp bảo, Tỳ-kheo Tăng bảo trải số kiếp

như cát sông Hằng thì ý ông nghĩ sao, Bồ-tát ấy do nhân duyên ấy được phước nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều, vô lượng, vô biên, vô số .

Phật bảo Tu-bồ-đề: Chẳng bằng Bồ Bồ-tát ở trong Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm, một ngày tu hành đúng như kinh nói, được phước đức rất nhiều. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật là Bồ-tát đạo, nương đạo ấy mau được Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật mà cúng dường Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật trải số kiếp như cát sông Hằng thì ý ông nghĩ sao, Bồ-tát ấy, do nhân duyên ấy được phước nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật dạy: Chẳng bằng Bồ-tát tu hành đúng như Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm trong một ngày, được phước rất nhiều. Vì sao? Vì Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật vượt quá Thanh văn, Bích-chi Phật địa, vào Bồ-tát vị, dần dần chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật mà tu Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, trí tuệ trải số kiếp như cát sông Hằng, ý ông nghĩ sao, Bồ-tát ấy do nhơn duyên ấy được phước nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật dạy: Chẳng bằng Bồ-tát tu hành đúng như Bát-nhã Ba-la-mật dạy, một ngày tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ được phước rất nhiều; vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật là mẹ của Bồ-tát, Bát-nhã Ba-la-mật hay sanh các Bồ-tát, các Bồ-tát trú trong Bát-nhã Ba-la-mật hay đầy đủ hết thảy Phật pháp.

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật, tu pháp Thí trải số kiếp như cát sông Hằng thì ý ông nghĩ sao, Bồ-tát ấy được phước nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Rất nhiều.

Phật dạy: Chẳng bằng Bồ-tát tu hành đúng như Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm dạy, cho đến pháp Thí trong một ngày được phước rất nhiều. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy không xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật thì không xa lìa trí Nhất thiết chủng; không xa lìa trí Nhất thiết chủng thì không xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật. Vì thế Bồ-tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không nên xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật trải số kiếp như cát sông Hằng mà tu Bốn niệm xứ, cho đến Tám thánh đạo phần, nội không

cho đến trí Nhất thiết chủng thì ý ông nghĩ sao, Bồ-tát ấy được phước nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều! Phật dạy: Chẳng bằng Bồ-tát đúng như Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm dạy, trong một ngày tu Bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng, được phước rất nhiều. Vì sao? Vì nếu

Bồ-tát không xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật mà lay chuyển đối với trí Nhất thiết chủng, thì không có lẽ ấy. Nếu Bồ-tát xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật mà đối với trí Nhất thiết chủng lay chuyển, thì có lẽ ấy. Vì lẽ ấy nên Bồ-tát thường không nên xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật mà tu hành.

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật trải số kiếp như cát sông Hằng, tu tài thí, pháp thí và thiền định, có được phước đức đem hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì ý ông nghĩ sao, Bồ-tát ấy được phước nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều, rất nhiều!

Phật dạy: Chẳng bằng Bồ-tát đúng như Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm dạy, tu hành tài thí, pháp thí, thiền định trong một ngày có được phước đức đem hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được phước rất nhiều. Vì sao? Vì đây là cách hồi hướng đệ nhất, nghĩa là Bát-nhã Ba-la-mật hồi hướng; nếu xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật mà hồi hướng, thì không gọi là hồi hướng. Vì vậy, nên Bồ-tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên phương tiện học Bát-nhã Ba-la-mật hồi hướng.

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật mà hòa hợp các thiện căn có được của chư Phật và đệ tử Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, sống lâu nhiều kiếp như cát sông Hằng để tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì ý ông nghĩ sao, Bồ-tát ấy được phước nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều! Phật dạy: Chẳng bằng Bồ-tát đúng như Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm chỉ dạy mà tu hành cho đến chỉ một ngày, tùy hỷ đem thiện căn hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì được phước đức rất nhiều. Vì vậy Bồ-tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên học Bát-nhã Ba-la-mật và phương tiện hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Như lời Phật dạy: Pháp do nhân duyên sanh khởi, đều từ vọng tưởng sanh, chẳng phải thật, làm sao Bồ-tát được phước đức lớn? Bạch đức Thế Tôn! Dùng pháp nhân duyên sanh khởi lẽ đáng không thể được chánh kiến, vào pháp vị, lẽ đáng không thể được quả Tu-đà-hoàn cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Tu-bồ-đề! Dùng pháp do nhân duyên sanh khởi ấy lẽ đáng không được chánh kiến, vào pháp vị, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật biết pháp do nhân duyên sanh khởi cũng không, không bền chắc, hư dối, không thật. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy khéo học nội không, cho đến khéo học vô pháp hữu pháp không. Bồ-tát ấy an trụ mười tám không

ấy, mỗi mỗi quán sát pháp có tạo tác đều không, tức không xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật. nếu Bồ-tát như vậy dần dần không xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật, dần dần được vô lượng, vô số, vô biên phước đức.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Vô số, vô lượng, vô biên có gì khác nhau?

Tu-bồ-đề! Vô số là không rơi vào số đếm hoặc trong tánh hữu vi, hoặc trong tánh vô vi. Vô lượng là cân lường không thể được hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại. Vô biên là biên giới các pháp không thể có được.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Vả chăng sắc cũng vô số, vô lượng, vô biên? Vả chăng thọ, tưởng, hành, thức cũng vô số, vô lượng, vô biên?

Này Tu-bồ-đề! Có nhân duyên khiến sắc cũng vô số , vô lượng, vô biên; thọ, tưởng, hành, thức cũng vô số, vô lượng, vô biên.

Bạch đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì nên sắc cũng vô số , vô lượng, vô biên? Thọ, tưởng, hành, thức cũng vô số, vô lượng, vô biên?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Vì sắc không nên vô số, vô lượng, vô biên; vì thọ, tưởng, hành, thức không nên vô số, vô lượng, vô biên.

Bạch đức Thế Tôn! Chỉ sắc không, thọ, tưởng, hành, thức không; chẳng phải hết thảy pháp không ư?

Này Tu-bồ-đề! Ta chẳng từng nói hết thảy pháp không ư.

Bạch đức Thế Tôn! Nói hết thảy pháp không mà các pháp không tức là không thể cùng tận; vô số, vô lượng, vô biên. Trong "không", số đếm không thể có được, lượng không thể có được, biên không thể có được. Do vậy, nên nghĩa không thể cùng tận, vô lượng, vô số, vô biên không có khác nhau.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Pháp nghĩa ấy không có khác biệt, pháp ấy không thể nói, Phật dùng sức phương tiện nên phân biệt nói, đó là không thể cùng tận, vô lượng, vô số, vô biên vô trước; không, vô tướng, vô tác, vô khởi, vô sanh, vô diệt, vô nhiễm, Niết-bàn. Đó là Phật mỗi mỗi dùng sức phương tiện nói.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Hy hữu! Bạch đức Thế Tôn! Thật tướng các pháp không thể nói mà Phật dùng sức phương tiện để nói. Như con hiểu nghĩa của Phật nói, hết thảy pháp cũng không thể nói.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Tu-bồ-đề! Hết thảy pháp không thể nói, tướng hết thảy pháp không thể nói tức là không. Không ấy không thể nói.

Bạch đức Thế Tôn! nghĩa của không thể nói có thêm, có bớt chăng?

Phật dạy: Không, Tu-bồ-đề! Nghĩa của không thể nói không thêm, không bớt.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu nghĩa của không thể nói không thêm, không bớt, thì Thí Ba-la-mật cũng sẽ không thêm không bớt, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật cũng sẽ không thêm không bớt; Bốn niệm xứ cho đến Tám thánh đạo phần cũng sẽ không thêm không bớt; Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc, Năm thần thông, Tám bội xả, Tám thắng xứ, Chín định thứ đệ, Mười trí lực Phật, Bốn điều không sợ, Bốn trí vô ngại, Mười tám pháp không chung của Phật cũng sẽ không thêm không bớt. Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát tu sáu Ba-la-mật không thêm cho đến Mười tám pháp không chung không thêm, không bớt thì làm sao Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Tu-bồ-đề! Nghĩa của không thể nói không thêm, không bớt. Bồ-tát tập hành Bát-nhã Ba-la-mật, vì có sức phương tiện nên nghĩ rằng: Ta tăng thêm Bát-nhã Ba-la-mật cho đến tăng thêm Thí Ba-la-mật. Lại sẽ nghĩ rằng: Chỉ có danh tự nên gọi là Thí Ba-la-mật. Bồ-tát khi tu Thí Ba-la-mật, đem tâm ấy và thiện căn đúng như tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà hồi hướng; cho đến khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, đem tâm ấy và thiện căn đúng như tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hồi hướng.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật dạy: Tướng như của hết thảy pháp ấy là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là tướng như của hết thảy pháp ấy là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Tướng như của sắc, tướng như của thọ, tưởng, hành, thức, cho đến tướng như của Niết-bàn là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; tướng như ấy cũng chẳng thêm chẳng bớt. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không lìa Bát-nhã Ba-la-mật, thường quán tướng như ấy, không

thấy có thêm có bớt, vì nhân duyên ấy nên nghĩa của không thể nói không thêm không bớt, Thí Ba-la-mật cũng không thêm không bớt, cho đến mười tám pháp không chung cũng không thêm không bớt. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát vì pháp không thêm không bớt ấy, nên tu Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Lìa Bát-nhã Ba-la-mật mà cúng dường Tam bảo, trải kiếp số như cát sông Hằng, không bằng một ngày tu Bát-nhã. Lại có người sống

lâu nhiều kiếp số như cát sông Hằng cúng dường Tu-đà-hoàn v.v... cũng không bằng một ngày tu Bát-nhã. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bồ-tát tu Bát-nhã vượt quá Nhị thừa vào Bồ-tát vị, thành Vô thượng đạo. Lại xa lìa Bát-nhã, tu sáu Ba-la-mật trải kiếp số như cát sông Hằng, chẳng bằng một ngày đúng như lời dạy, an trú trong Bát-nhã, tu sáu Ba-la-mật. Trong đây nói nhân duyên vì sao hôn. Vì Bát-nhã là mẹ chư Phật, an trú trong Bát-nhã là có thể đầy đủ các pháp của chư Phật. Đó là nói về tài thí. Nếu xa lìa Bát-nhã mà thực hành pháp thí trải kiếp số như cát sông Hằng, chẳng bằng một ngày an trú trong Bát-nhã thực hành pháp thí.

Lại nữa, xa lìa Bát-nhã mà theo pháp Thanh văn, Bích-chi Phật, tu hành Tứ niệm xứ, trải kiếp số như cát sông Hằng chẳng bằng một ngày đúng như lời dạy an trú trong Bát-nhã, tu Tứ niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng. Trong đây nói lý do hơn là vì không xa lìa Bát-nhã, mà bị lay chuyển đối với Nhất thiết trí là không có lẽ ấy.

Lại nữa, Bồ-tát lìa Bát-nhã mà tài thí, pháp thí, thiền định trải qua kiếp số như cát sông Hằng có được phước đức rồi hồi hướng Vô thượng đạo, chẳng bằng một ngày ấn hợp với Bát-nhã mà tài thí, pháp thí, thiền định sanh phước đức rồi hồi hướng Vô thượng đạo. Vì sao? Vì Bát-nhã không có độc hại xen tạp, nên chính hồi hướng vậy.

Lại nữa, nếu Bồ-tát xa lìa Bát-nhã mà sống lâu nhiều kiếp số như cát sông Hằng, tùy hỷ với công đức chư Phật ba đời mười phương, hồi hướng đến Vô thượng đạo, chẳng bằng một ngày ấn hợp với Bát-nhã mà tùy hỷ hồi hướng.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề gạn hỏi Phật: "Như Phật dạy hết thảy pháp hữu vi như huyễn, hư dối không thật, không thể sanh chánh kiến, vào chánh vị, làm sao Bồ-tát phước đức tu trong một ngày mà hôn được?" Phật chấp nhận lời ấy rằng: Đúng vậy, đúng vậy! Pháp hữu vi đều hư dối, không được dùng pháp hư dối để vào chánh vị, được chánh đạo. Bồ-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, có được phước đức biết nó đều hư dối, trống không, không bền chắc, tâm không đắm trước phước đức ấy, phước đức

ấy thanh tịnh, nên hôn phước đức khác như kim cương tuy nhỏ có thể đục phá núi lớn. Trong đây Phật dạy Bồ-tát khéo học mười tám không, tuy quán không mà có thể thật hành các công đức; tuy biết Niết-bàn Vô thượng đạo mà vì thương xót chúng sanh nên tu tập phước đức; tuy biết hết thảy pháp tướng chẳng thể nói mà vì chúng sanh mỗi mỗi phương tiện thuyết pháp; tuy biết trong pháp tánh. Nhất tướng vô tướng không có phân biệt mà vì chúng sanh phân biệt thiện bất thiện, khả hành, bất khả hành, thủ, xả, lợi,

thất v.v... Nếu Bồ-tát tuy quán rốt ráo không, mà vẫn có thể làm các phước đức, ấy gọi là tu hành không lìa Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu Bồ-tát thường không xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật, thì dần dần được vô số, vô lượng, vô biên công đức. Vì sao? Vì nếu khi Bồ-tát mới học Bát-nhã sức phiền não còn mạnh, sức Bát-nhã còn yếu, dần dần được sức Bát-nhã, dứt các phiền não, diệt các hý luận. Thế nên được phước đức vô số vô lượng vô biên". Phật tự phân biệt nói vô số là không rơi vào trong tánh hữu vi, hoặc tánh vô vi; cân lường ba đời không thể có được nên gọi là vô lượng; ranh giới mười phương cũng không thể có được nên gọi là vô biên.

Tu-bồ-đề hỏi Phật: Có thể có nhân duyên mà năm uẩn cũng vô số, vô lượng, vô biên ư?

Phật đáp: Có, do năm uẩn "không" nên cũng vô số, vô lượng, vô biên.

Tu-bồ-đề thưa: Chỉ có năm uẩn "không" chứ chẳng phải hết thảy pháp không ư?

Phật đáp: Hết thảy pháp không.

Tu-bồ-đề thưa: Pháp không ấy tức không thể cùng tận, không thể cùng tận tức là vô số , vô số tức là vô lượng, vô lượng tức là vô biên; thế nên trong "không" ấy sự cùng tận không thể có được, nên gọi là vô tận; số đếm không thể có được nên gọi là vô số; sự cân lường không thể có được nên gọi là vô lượng; biên giới không thể có được nên gọi là vô biên. Bốn việc ấy danh tuy khác mà nghĩa đồng, nghĩa là đồng rốt ráo "không".

Phật chấp nhận lời ấy rằng: "Đúng như vậy". Lại tự nói nhân duyên: "Tướng pháp không ấy chẳng thể nói, nếu có thể nói thì chẳng gọi là không". Phật vì tâm đại từ bi thương xót chúng sanh nên phương tiện nói ra, miễn cưỡng nói ra danh tự, ngôn ngữ để khiến chúng sanh được hiểu. Chữ "không" hoặc nói là không thể cùng tận, vô số, vô lượng, vô biên v.v... thật tướng ấy không sanh, không tác, nên nói là không cùng tận, các bậc thánh khi ngộ được thật tướng các pháp, vào Vô dư Niết-bàn, không rơi vào trong số sáu đường; pháp thật tướng ấy cũng không rơi vào trong số các pháp hữu vi, vô vi, thế nên gọi là vô số; chữ "Lượng" là dùng trí tuệ cân lường tốt xấu, nhiều ít, lớn nhỏ, phải trái; ở trong thật tướng các pháp, vì dứt hết các tướng ấy nên gọi là vô lượng. Thật tướng các pháp không thể lường nên gọi là vô biên. Thật tướng các pháp vốn tịch diệt nên gọi là vô trước. Trong thật tướng các pháp, tướng ngã và ngã sở nhất định không thể có được nên nói là không. Vì "không" nên vô tướng, vô tướng thì không tác, không khởi. Vì pháp ấy thường trú không hoại nên vô sanh vô diệt. Vì pháp ấy dứt được ô nhiễm của ba cõi nên gọi là không nhiễm, vì pháp ấy

không dệt nên nghiệp phiền não nên gọi là Niết-bàn. Như vậy có vô lượng danh tự theo mỗi mỗi nhân duyên nói thật tướng các pháp.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: "Hy hữu thay! Thật tướng các pháp tuy không thể nói mà Phật dùng sức phương tiện để nói. Như con hiểu nghĩa Phật dạy, chẳng phải chỉ có thật tướng không thể nói mà hết thảy các pháp cũng không thể nói". Phật chấp nhận lời ấy và nói nhân duyên: "Hết thảy pháp rốt cũng trở về "không", vì trở về "không" nên không thể nói, nghĩa của không thể nói tức là không thêm, không bớt. Nếu hết thảy pháp không thêm không bớt thì sáu Ba-la-mật và các thiện pháp cũng không thêm không bớt".

- "Nếu sáu Ba-la-mật và các thiện pháp không thêm thì làm sao được Vô thượng đạo?"

Phật chấp nhận lời đó và nói nhân duyên: "Pháp tuy không thêm, bớt mà có thể được Vô thượng đạo nghĩa là vị Bồ-tát tập hành Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện, nên tuy tu các pháp trợ đạo như Thí Ba-la-mật nhưng nhờ dứt ngã, ngã sở và kiêu mạn nên không nghĩ rằng ta tăng trưởng được sáu Ba-la-mật, không chấp thủ tướng trong, tướng ngoài, tu các thiện pháp đúng như tướng Vô thượng đạo mà hồi hướng.

Tu-bồ-đề hỏi: "Thế nào là Vô thượng đạo?" Phật đáp: "Các pháp "như" là Vô thượng đạo". Tu-bồ-đề hỏi: "Những gì là hết thảy pháp?"

Phật đáp: "Sắc pháp v.v... cho đến Niết-bàn. Tướng "như" tịch diệt của các pháp ấy là tướng Vô thượng đạo. Tịch diệt là không thêm, không bớt, không cao, không hạ, diệt các phiền não, hý luận, không động, không hoại, không bị chướng ngại. Bồ-tát do Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện nên có thể làm cho bố thí đồng như tướng tịch diệt". Có các nhân duyên như vậy nói về tướng Vô thượng đạo. Nếu Bồ-tát thường nghĩ đến tướng Vô thượng đạo tịch diệt thì làm cho hết thảy

pháp đều đồng tướng tịch diệt, cũng quán sát nghĩa bất khả thuyết là tướng chẳng thêm chẳng bớt; Bồ-tát như vậy mau được Vô thượng đạo, vì không thêm không bớt, không thể thủ đắc.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 75

GIẢI THÍCH PHẨM NĂM MƯƠI BẢY (Tiếp): DỤ CÂY ĐÈN

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát dùng tâm lúc đầu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hay dùng tâm lúc sau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Bạch đức Thế Tôn! Tâm lúc đầu không đi đến tâm lúc sau, tâm lúc sau không ở nội tâm lúc đầu. Như vậy mỗi tâm tâm số pháp không cùng lúc làm sao thiện căn tăng trưởng? Nếu thiện căn không tăng trưởng làm sao sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ta sẽ nói thí dụ cho ông rõ, người trí nghe thí dụ thì đối với nghĩa dễ hiểu. Này Tu-bồ-đề! Thí như thắp đèn, dùng ngọn lửa lúc đầu đốt tim đèn hay dùng ngọn lửa lúc sau đốt cháy tim đèn?

Tu-bồ-đề thưa: Chẳng phải ngọn lửa lúc đầu đốt cháy tim đèn, cũng chẳng phải lìa ngọn lửa lúc đầu; chẳng phải ngọn lửa lúc sau đốt chảy tim đèn, cũng chẳng phải lìa ngọn lửa lúc sau.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Tim đèn cháy chăng? Bạch đức Thế Tôn! Tim đèn thật cháy.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát cũng như vậy, chẳng dùng tâm lúc đầu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng lìa tâm lúc đầu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chẳng dùng tâm lúc sau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng lìa tâm lúc sau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu-bồ-đề! Trong đây Bồ-tát từ khi mới phát tâm tu Bát-nhã Ba-la-mật đến khi đầy đủ mười địa thì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Những gì là mười địa mà Bồ-tát đầy đủ rồi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật dạy: Bồ-tát đầy đủ Càn huệ địa, Tánh địa, Bát nhân địa, Kiến địa, Bạt địa, Ly dục địa, Dĩ tác địa, Bích-chi Phật địa, Bồ-tát địa, Phật địa. Đầy đủ mười địa ấy là được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu-bồ-đề! Bồ-tát học mười địa ấy xong, chẳng phải tâm lúc đầu được Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng phải lìa tâm lúc đầu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chẳng phải tâm lúc sau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng phải lìa tâm lúc sau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Pháp nhân duyên ấy rất sâu, chẳng phải tâm lúc đầu, chẳng phải lìa tâm lúc đầu; chẳng phải tâm lúc sau, chẳng phải lìa tâm lúc sau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao, nếu tâm diệt rồi, tâm ấy có sanh lại chăng?

Thưa không, Bạch đức Thế Tôn!

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, tâm sanh là tướng diệt chăng?

Là tướng diệt, Bạch đức Thế Tôn!

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, tướng tâm diệt là diệt chăng?

-Thưa không, Bạch đức Thế Tôn!

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Cũng trụ như vậy chăng?

Cũng trụ như vậy, như "như" mà trụ.

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, nếu tâm ấy như "như" mà trụ sẽ là thực tế chăng?

Thưa không, Bạch đức Thế Tôn!

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, "như" ấy rất sâu chăng?

Rất sâu, rất sâu, Bạch đức Thế Tôn!

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Chỉ "như" là tâm chăng?

Thưa không, Bạch đức Thế Tôn!

Lìa "như" là tâm chăng?

Thưa không, Bạch đức Thế Tôn!

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, "như" thấy "như chăng".

Thưa không, Bạch đức Thế Tôn!

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, nếu Bồ-tát tu hành được như vậy là tu hành Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát tu hành được như vậy là tu hành Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm.

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Bồ-tát tu hành như vậy là ở chỗ nào tu hành?

Tu-bồ-đề thưa: Nếu Bồ-tát tu hành được như vậy là không có chỗ tu

hành. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật an trú trong "như" của các pháp, thì không khởi niệm như vậy, không có chỗ khởi niệm, không có người khởi niệm.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát tu hành như vậy là ở chỗ nào tu hành?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát tu hành như vậy là ở trong đệ nhất nghĩa tu hành, vì hai tướng không thể có được.

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu Bồ-tát ở trong đệ nhất nghĩa, không khởi niệm mà tu hành là tướng tu hành chăng?

Thưa không, Bạch đức Thế Tôn!

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Đó là tướng hư hoại của Bồ-tát chăng?

Thưa không, Bạch đức Thế Tôn!

Phật bảo Tu-bồ-đề: - Sao gọi là tướng chẳng hư hoại?

Tu-bồ-đề thưa: Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật không nghĩ rằng ta sẽ phá hoại tướng các pháp. Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát tu Bát-nhã ba-la-mật chưa đầy đủ Mười trí lực, Bốn điều không Sợ, Bốn trí vô ngại, Đại từ Đại bi, Mười tám pháp không chung của Phật, thì không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát do sức phương tiện nên đối với các pháp không chấp thủ tướng, cũng không phá hoại tướng nó. Vì sao? Vì Bồ-tát biết hết thảy pháp tự tướng không. Bồ-tát an trú trong tự tướng không ấy vì chúng sanh nên vào ba tam-muội, dùng ba tam-muội để thành tựu tuệ giác cho chúng sanh.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát vào ba tam muội mà thành tựu tuệ giác cho chúng sanh.

Phật dạy: Bồ-tát an trú ba tam-muội ấy thấy chúng sanh ở trong pháp tác khởi tu hành. Bồ-tát dùng sức phương tiện dạy khiến được pháp không tác khởi; thấy chúng sanh ở trong ngã tướng tu hành, Bồ-tát dùng sức phương tiện dạy khiến tu hành "không"; thấy chúng sanh ở trong hết thảy tướng tu hành, Bồ-tát dùng sức phương tiện dạy khiến tu hành vô tướng. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật, vào ba tam-muội, dùng ba tam-muội để thành tựu tuệ giác cho chúng sanh.

LUẬN: Tu-bồ-đề hỏi Phật: "Dùng tâm ban đầu được Vô thượng đạo hay dùng tâm sau được?"

Hỏi: Cớ gì Tu-bồ-đề nạn hỏi việc ấy?

Đáp: Ở đoạn trên kia Tu-bồ-đề nghe nói các pháp chẳng thêm, chẳng bớt, tâm sanh nghi: Nếu các pháp chẳng thêm, chẳng bớt thì làm sao được Vô thượng đạo.

Lại nữa, nếu do như thật tu hành đúng đắn được Vô thượng đạo, thì chỉ có Phật được như vậy, còn Bồ-tát chưa dứt hết phiền não, vô minh, làm sao có thể như thật tu hành đúng đắn?

Lại nữa, ở trong đây Tu-bồ-đề tự nói lý do gạn hỏi, đó là tâm lúc đầu không đến tâm lúc sau, tâm lúc sau không ở nơi tâm lúc đầu, làm sao tăng trưởng được thiện căn để được Vô thượng đạo? Vì nhân duyên như vậy nên hỏi rằng, dùng tâm lúc đầu được hay tâm lúc sau được? Phật lấy pháp nhân duyên sâu xa trả lời rằng: "Không dùng tâm lúc đầu được, cũng không lìa tâm lúc đầu được." Vì cớ sao? Nếu chỉ dùng tâm lúc đầu được, không dùng tâm lúc sau được thì khi Bồ-tát mới phát tâm, lẽ đáng liền là Phật. Nếu không có tâm lúc đầu làm sao có tâm thứ hai, thứ ba? Tâm thứ hai thứ ba lấy tâm lúc đầu làm nhân duyên căn bản. Cũng không chỉ có tâm lúc sau, cũng không lìa tâm lúc sau nghĩa là tâm lúc sau cũng không lìa tâm lúc đầu, nếu không có tâm lúc đầu thì không có tâm lúc sau. Tâm lúc đầu tập hợp vô lượng công đức, đến tâm lúc sau thì đầy đủ, vì đầy đủ nên có thể dứt hết phiền não và tập khí, được Vô thượng đạo.

Ở trong đây, Tu-bồ-đề tự nói nhân duyên gạn hỏi: Tâm tâm số pháp lúc đầu và lúc sau không hiện có cùng lúc, không hiện có cùng lúc thì tâm quá khứ đã diệt, không hòa hợp được, nếu không hòa hợp thì thiện căn không nhóm, thiện căn không nhóm, thì làm sao thành Vô thượng đạo?

Phật lấy thí dụ hiện tiền để đáp: "Như tim đèn chẳng phải riêng ngọn lửa lúc đầu đốt cháy, cũng chẳng phải lìa ngọn lửa lúc đầu; chẳng phải riêng ngọn lửa lúc sau đốt cháy, cũng chẳng lìa ngọn lửa lúc sau mà đốt cháy tim đèn." Phật nói với Tu-bồ-đề: "Mắt ông thấy tim đèn đốt cháy, chẳng phải ngọn lửa lúc đầu, chẳng phải ngọn lửa lúc sau mà tim đèn đốt cháy, Ta dùng mắt Phật thấy Bồ-tát được Vô thượng đạo chẳng do tâm lúc đầu được cũng chẳng lìa tâm lúc đầu; chẳng do tâm lúc sau được, cũng chẳng lìa tâm lúc sau mà được Vô thượng đạo." Đèn thí dụ cho Bồ-tát đạo, tim đèn thí dụ cho phiền não vô minh, ngọn lửa thí dụ cho trí tuệ tương ưng Sô địa cho đến trí tuệ tương ưng với Kim cang tam-muội, đốt cháy tim đèn vô minh phiền não. Cũng chẳng phải ngọn lửa trí tuệ của tâm lúc đầu, cũng chẳng phải ngọn lửa trí tuệ của tâm lúc sau mà tim đèn vô minh phiền não bị đốt cháy hết, được thành Vô thượng đạo. Trong đây Phật lại giải thích nhân duyên được thành Vô thượng đạo, là Bồ-tát từ khi mới phát tâm trở đi, tu Bát-nhã Ba-la-mật đầy đủ Sô địa đến Thập địa, mười địa ấy đều hỗ trợ thành Vô thượng đạo.

Mười địa:

Càn tuệ địa có hai: 1. Thanh văn. 2. Bồ-tát.

Hàng Thanh văn chỉ vì cầu Niết-bàn nên siêng năng tinh tấn, trì giới thanh tịnh, kham chịu tu hành hoặc quán Phật tam-muội, hoặc quán bất tịnh, hoặc tu từ bi, hoặc quán vô thường v.v... phân biệt nhóm các pháp thiện, bỏ pháp bất thiện, tuy có trí tuệ mà không được nước thiền định thì không thể đắc đạo nên gọi là Càn tuệ địa. Còn Bồ-tát thì từ khi mới phát tâm cho đến khi chưa được thuận nhẫn là Càn huệ địa.

Tánh địa là, hàng Thanh văn tu từ noãn pháp cho đến thế gian đệ nhất pháp; còn hàng Bồ-tát được thuận nhẫn, ưa đắm thật tướng các pháp, không sanh tà kiến, được nước thiền định.

Bát nhơn địa là, tu từ khổ pháp nhẫn cho đến đạo tỷ nhẫn (hoặc gọi đạo loại nhẫn-ND); mười lăm tâm ấy đối với hàng Bồ-tát là Vô sanh pháp nhẫn, vào Bồ-tát vị.

Kiến địa là, được thánh quả ban đầu, là quả Tu-đà-hoàn, còn đối với Bồ-tát là địa vị chẳng thối chuyển.

Bạt địa là, Tu-đà-hoàn, hoặc là Tư-đà-hàm, đoạn được sáu phần phiền não trong chín phần phiền não tư hoặc của cõi Dục; còn đối với Bồ-tát là đã vượt quá địa vị chẳng thối chuyển cho đến chưa thành Phật, dứt các phiền não và các tập khí khác.

Ly dục địa là, lìa các phiền não tham dục của cõi Dục, ấy gọi là A-na-hàm; còn đối với Bồ-tát, vì lìa nhân duyên của năm dục, nên được năm thần thông.

Dĩ tác địa là, hàng Thanh văn được tận trí, vô sanh trí, được A-la-hán; còn đối với Bồ-tát là thành tựu Phật địa.

Bích-chi Phật địa là, đời trước gieo trồng nhân duyên về Bích-chi Phật đạo, đời này được chút ít nhân duyên xuất gia cũng quán lý nhân duyên sâu xa mà thành đạo gọi là Bích-chi Phật.

Bồ-tát địa là, từ Càn tuệ địa trở đi cho đến Ly dục địa. Lại nữa, Bồ-tát địa là từ Hoan hỷ địa cho tới Pháp vân địa. Có người nói từ khi mới phát tâm trở đi cho đến Kim cang tam-muội là Bồ-tát địa.

Phật địa là, đối với các Phật pháp như trí Nhất thiết chủng v.v... Bồ-tát ở trong tự địa (là ở trong địa vị của chính mình – N.D) được đầy đủ; đối với mỗi mỗi địa quán đầy đủ, hai việc ấy đủ nên gọi là đầy đủ.

Hỏi: Cớ sao không nói Bồ-tát tương tự Bích-chi Phật địa?

Đáp: Các địa khác không nói danh tự, chỉ Bích-chi Phật địa nói danh tự là Bích-chi Phật.

Lại nữa, Bồ-tát hay phân biệt biết chúng sanh có thể dùng nhân duyên Bích-chi Phật để được độ, nên Bồ-tát dùng trí tuệ thực hành việc Bích-chi Phật. Như trong kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: Bồ-tát Văn-thù-thi-lị trải bảy mươi hai ức lần làm Bích-chi Phật. Bồ-tát cũng như vậy, đầy đủ chín địa, tu tập Phật pháp tuy chưa đầy đủ Mười trí lực, Bốn điều không sợ, nhưng do tu tập gần Phật nên gọi là đầy đủ. Vì vậy, nói mười địa đầy đủ nên được vô thượng đạo.

Các pháp ấy đều do nhân duyên hòa hợp, nên chẳng phải tâm lúc đầu, cũng chẳng lìa tâm lúc đầu; chẳng phải tâm lúc sau, cũng chẳng lìa tâm lúc sau mà được vô thượng đạo. Tu-bồ-đề tôn trọng pháp ấy nên tán thán rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Pháp nhân duyên ấy rất sâu nghĩa là tâm quá khứ không diệt, không trụ mà có thể tăng trưởng được thành vô thượng đạo. Việc ấy rất sâu xa hy hữu, khó có thể tin hiểu, tâm ấy là trụ hay là diệt?"

Phật hỏi ngược lại Tu-bồ-đề: "Ý ông nghĩ sao?"

Kinh nói: "Nếu tâm diệt rồi có sanh lại chăng?": Các pháp tuy rốt ráo không, chẳng sanh, chẳng diệt, nhưng vì chúng sanh dùng sáu căn thấy pháp có sanh có diệt nên Phật hỏi: "Tâm diệt rồi có sanh lại chăng?" Tu-bồ-đề thưa: "Thưa không, Bạch đức Thế Tôn. Vì sao? Vì tâm diệt rồi làm sao sanh trở lại. Nếu tâm diệt rồi sanh trở lại thì rơi vào chấp thường." Kinh nói: "Nếu tâm sanh là tướng diệt chăng?" Ở trên hỏi tâm quá khứ xong, nay hỏi tướng của tâm hiện tại sẽ diệt chăng. Thế nên đáp là tướng diệt. Vì sao? Vì sanh diệt là tướng đối đãi, có sanh ắt có diệt, nên trước không mà nay có, có rồi lại hoàn không.

Kinh nói: "Tướng tâm diệt là diệt chăng?": Hoặc tướng tâm diệt tức là diệt, hay còn có diệt? Đáp: Thưa không, Bạch đức Thế Tôn. Vì sao? Vì nếu tướng tâm diệt tức là diệt thì một tâm có hai lúc: Lúc sanh và lúc diệt. Nói vô thường là nói tâm tồn tại không quá một niệm, như trong kinh A-tỳ đàm nói: Có pháp sanh, có pháp chẳng sanh; có pháp sắp sanh, có pháp không sắp sanh; có pháp diệt, có pháp không diệt; có pháp sắp diệt, có pháp không sắp diệt. Pháp sanh hiện tại ở trong một tâm có hai: 1. Sanh. 2. Sắp diệt. Sanh chẳng phải tướng sắp diệt, tướng sắp diệt chẳng phải sanh; việc ấy không đúng, cho nên Tu-bồ-đề đáp, không. Kinh nói: "Sẽ trụ như vậy chăng?": Nếu tưởng diệt chẳng phải là diệt, thì có lẽ thường trụ chăng? Nếu thường trụ tức là tướng không diệt.

Phật gạn qua gạn lại như vậy, Tu-bồ-đề lý cùng nên nghĩ rằng: "Ta nếu nói tướng diệt tức là diệt, thì một tâm, rơi vào trong hai lúc; nếu nói chẳng diệt thì sự thật là tướng diệt làm sao nói rằng chẳng diệt. Vì hai lẽ

trên đều có lỗi nên Tu-bồ-đề tự đem trí tuệ đã được chứng đắc mà đáp: Bạch đức Thế Tôn! Trụ như vậy, như "như" trụ.

Kinh nói: "Nếu tâm ấy như "như" trụ, thì sẽ là thực tế chăng?": Nếu nói tâm tương đồng với "như" mà trụ, thì "như" tức là thực tế. Nếu như vậy tâm có thể tức là thực tế chăng? - Tu-bồ-đề thưa: "Thưa không, Bạch đức Thế Tôn!" Vì sao? Vì Tu-bồ-đề đã lâu tôn trọng thực tế, nhưng tâm là pháp hư dối, sức trí tuệ của hàng Tiểu thừa ít, không thể quán tâm tức là thật tế, thế nên Tu-bồ-đề đáp không.

Hỏi: Nếu Tu-bồ-đề đã nói tâm như "như", cớ sao tâm không được là thực tế?

Đáp: "Như" là thật tướng hết thảy pháp, thật tướng của tâm cũng là "như". Ý Tu-bồ-đề muốn nói những điều do sáu căn của phàm phu thấy được là hư dối, điên đảo cho nên có lỗi, nay nói tâm tướng "như" như thật không có lỗi, nên nói như như mà trụ. Lại thật tế tức là Niết-bàn, Tu-bồ-đề đã lâu quý Niết-bàn, nên không thể tức thời lấy tâm làm Niết-bàn, cho nên đáp không.

Lại nữa, vì thật tế không có tướng nên không được nói tâm tức là thật tế. Kinh nói: "Như" ấy thậm thâm chăng?": Vì Tu-bồ-đề nói tâm như "như" mà trụ, lại nói tâm không được là thật tế, nên Phật hỏi "như" ấy thậm thâm chăng. Tu-bồ-đề không thể biết khắp nên đáp thậm thâm.

Kinh nói: "Phật hỏi: Chỉ như là tâm chăng?"-Tu-bồ-đề đáp: "Thưa không, Bạch đức Thế Tôn! Vì sao? Vì "như" là một tướng, chẳng phải hai tướng. Tâm do nhân duyên ức tưởng phân biệt sanh nên là hai tướng:" "Như" không có biết gì còn tâm có biết; lại "như" rốt ráo thanh tịnh nên không có biết, còn tâm có điều giác tri. Lìa "Như", tâm cũng như vậy. Vì sao? Vì hết thảy pháp đều có "như", làm sao lìa "như" mà có tâm được.

Phật hỏi Tu-bồ-đề: "Như" có thể thấy "như" chăng?"

Đáp: "Trong như không có phân biệt là biết có thể biết, Bồ-tát không an trú như, pháp tánh, thật tế mà tu ngay Bồ-tát đạo thâm sâu." Phật hỏi Tu-bồ-đề: "Nếu tu như vậy có thể tu Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm chăng?" -Tu-bồ-đề tự quán xét hàng Tiểu thừa cạn mỏng, pháp Đại thừa sâu xa nên đáp rằng: "Tu như vậy là tu Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm."

Bấy giờ, có Bồ-tát chưa được vô sanh pháp nhẫn nghe pháp ấy thì tâm cống cao, tự cho mình ra khỏi Tiểu thừa, tiến sâu vào Đại thừa. Phật muốn phá tâm cống cao ấy nên hỏi Tu-bồ-đề: "Bồ-tát tu như vậy là ở chỗ nào tu?" Tu-bồ-đề thưa: "Tu như vậy là không có chỗ tu. Vì sao? Vì Bồ-tát an trụ trong "như" không có phân biệt." Bồ-tát nghe nói không có chỗ tu,

thì bị rơi vào chấp đoạn diệt, nên Phật lại hỏi Tu-bồ-đề: "Bồ- tát tu Bát-nhã là ở chỗ nào tu?" Tu-bồ-đề thưa: "Ở trong đệ nhất nghĩa tu." Tướng đệ nhất nghĩa là không có hai tướng.

Phật hỏi Tu-bồ-đề: "Ý ông nghĩ sao? Nếu Bồ-tát không ức niệm, tu đệ nhất nghĩa, sự tu ấy có thủ tương chăng?" - Tu-bồ-đề thưa: "Thưa không. Bạch đức Thế Tôn! Vì sao? Vì hết thảy pháp rốt ráo không, không có ức niệm tức là không có tướng tu hành."

Phật hỏi Tu-bồ-đề: "Bồ-tát ấy phá hoại tướng mà được vô tướng chăng?" Tu-bồ-đề thưa: "Thưa không, vì tướng từ trước lại đây không có, chỉ để trừ điên đảo nên không phá hoại tướng các pháp."

Phật hỏi Tu-bồ-đề: "Nếu không phá hoại tướng các pháp làm sao tu hạnh vô tướng?" Tu-bồ-đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát không nghĩ rằng ta sẽ phá tướng nên tu hành Bát-nhã. Bồ-tát chưa đầy đủ mười trí lực của Phật v.v..., do sức phương tiện nên không khởi tâm thấy có tướng, không khởi tâm thấy vô tướng." Vì sao? Vì nếu chấp thủ tướng thì tướng ấy đều là hư dối vọng ngữ, có các sai lầm; nếu phá hoại tướng thì rơi vào chấp đoạn diệt, cũng mắc nhiều sai lầm. Thế nên không chấp thủ tướng có, không chấp thủ tướng không. Thủ tướng tức là hữu pháp, không thủ tướng tức là vô pháp; do lực phương tiện xa lìa hai bên có không ấy, thực hành trung đạo.

Trong đây Phật tự nói nhân duyên là vì biết hết thảy pháp tự tánh không, nên không chấp có, không chấp không. Tự tướng không thì phá hết thảy pháp tướng, cũng tự phá tướng nó. Bồ-tát an trú trong tự tướng không, khởi lên ba tam-muội, làm lợi ích chúng sanh. Chúng sanh mỗi mỗi ước thọ thân ở trong sáu đường: Có người không nhiếp phục tâm, không thể tu phước, buông lung theo ý tạo nghiệp, hoặc đọa địa ngục, khi sắp chết gió lạnh bức thiết, thì mong muốn được lửa, bèn rơi vào ba đường ác, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; nếu được làm người thời bần cùng hạ tiện. Có người nhiếp phục tâm, bẻ gãy lòng xan tham, tu hạnh bố thí, trì giới, người ấy được sinh vào chỗ giàu vui trong cõi người, cõi trời dục giới. Có người lìa cõi dục, trừ năm triền cái, nhơn có năm căn tín, tấn, v.v... được năm thiền chi, thì sinh vào cõi sắc. Có người bỏ sắc tướng, diệt tướng đối đãi, không nghĩ đến tạp tướng, nên vào vô biên hư không xứ định v.v... Các việc làm như vậy đều là ước nguyện tà vạy. Vì sao? Vì lâu ngày đều sẽ bị phá hoại, đọa lạc. Thí như lấy dây buộc chim bay, dây hết, chim phải trở lại. Bồ-tát do vô tác tam muội, dứt các nguyện ấy cho chúng sinh.

Lại, thân này đều không, chỉ có gân, xương, năm tạng, máu chảy, da

bọc, đầy dẫy nhơ nhớp, gió theo tâm lay động, tâm ấy sinh diệt không ngừng, như huyễn, như hóa, không có thật thống nhất định. Chúng sinh thấy tướng đi lại, nói năng nên cho là có người, có ta, có của ta, khởi tâm điên đảo; chỉ vì ức tướng phân biệt nên có sự sai lầm ấy. Bồ-tát dùng Không tam-muội dứt tâm chấp ta, của ta cho chúng sinh, khiến an trú trong "không".

Lại, chúng sinh thủ lấy tướng nam nữ, sắc thanh, hương vị, tốt xấu, dài ngắn; vì thủ tướng nên sinh các phiền não, chịu các ưu khổ; Bồ-tát dùng Vô-tướng tam-muội dứt các tướng cho chúng sinh, khiến an trú Vô tướng.

Hỏi: Nếu giáo hóa chúng sinh khiến chứng được "Không" là đủ, thì cần gì đến Vô tướng, Vô tác tam-muội?

Đáp: Căn cô chúng sinh có lợi có độn. Người lợi căn nghe nói "không" liền ngộ được Vô tướng, Vô tác; người độn căn nghe nói "không" phá các pháp, liền chấp thủ tướng "không"; thế nên tiếp nói Vô tướng; nếu người tuy biết Không, Vô tướng, nhưng trí tuệ ấy lại muốn tác nghiệp thọ thân; nhưng biết thân ấy là pháp hữu vi có các hoạn nạn, thế nên không nên tác nghiệp thọ thân. Như Kinh nói: Ngoài thân Bồ-tát, các thân khác không thể có được cái vui trong giây lát huống gì lâu dài; thế nên nói Vô tác. Vì nhân duyên ấy nên cần nói đầy đủ ba tam-muội để giáo hóa chúng sinh.

---oOo-----

GIẢI THÍCH PHẨM NĂM MƯƠI TÁM: TRONG MỘNG NHẬP TAM MUỘI

KINH: Bấy giờ Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát ở trong mộng mà vào ba tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác thì có thể có ích đối với Bát-nhã Ba-la-mật chăng?

Tu-bồ-đề đáp: Nếu Bồ-tát ban ngày vào ba tam-muội có ích đối với Bát-nhã Ba-la-mật, thì ban đêm ở trong mộng cũng sẽ có ích. Vì sao? Vì ban ngày, ban đêm ở trong mộng không có khác nhau. Nếu Bồ-tát ban

ngày tu Bát-nhã Ba-la-mật có ích, Bồ-tát ấy ở trong mộng tu Bát-nhã Ba-la-mật cũng nên có ích.

Xá-lợi-phất hỏi: Bồ-tát nếu ở trong mộng tạo nghiệp, nghiệp ấy có tích tụ thành không?

Như Phật dạy, hết thảy pháp như mộng nên không tích tụ thành. Vì sao? Vì trong mộng không có pháp tích tụ thành, nếu khi thức nhớ tưởng

phân biệt lại, nên có tích tụ thành.

Tu-bồ-đề hỏi: Nếu người ở trong mộng sát sinh khi thức rồi nhớ nghĩ, phân biệt, thủ lấy tướng sát sinh, ta giết như vậy thích thú chăng? Việc ấy thế nào?

Xá-lợi-phất đáp: Không có nhân duyên thì nghiệp không sinh, không có nhân duyên thì tư duy không sinh; có nhân duyên thì nghiệp sinh, có nhân duyên thì tư duy sinh.

Tu-bồ-đề nói: Đúng vậy, đúng vậy! Không có nhân duyên nghiệp không sinh, không có nhân duyên tư duy không sinh; có nhân duyên nghiệp sinh, có nhân duyên tư duy sinh. Đối với pháp thấy, nghe, hay, biết có tâm sinh, chẳng từ trong pháp không thấy, nghe, hay, biết tâm sinh; tâm ấy có sạch có nhơ. Vì thế nên có nhân duyên nghiệp sinh, chẳng từ không có nhân duyên nghiệp sinh; có nhân duyên tư duy sinh, chẳng từ không có nhân duyên tư duy sinh.

Xá-lợi-phất hỏi: Như Phật dạy hết thảy các nghiệp, các tư duy xa lìa tự tướng, làm sao nói có nhân duyên nên nghiệp sinh, không có nhân duyên nghiệp không sinh; có nhân duyên nên tư duy sinh, không có nhân duyên tư duy không sinh?

Tu-bồ-đề đáp: Vì chấp thủ tướng nên có nhân duyên nghiệp sinh, chẳng từ không có nhân duyên nghiệp sinh. Vì chấp thủ tướng nên có nhân duyên tư duy sinh, chẳng từ không có nhân duyên tư duy sinh.

Xá-lợi-phất hỏi: Nếu Bồ-tát ở trong mộng bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, tu trí tuệ và đem phước đức thiện căn ấy hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì có thật hồi hướng chăng?

Tu-bồ-đề đáp: Bồ-tát Di-lặc đang ở trước mặt được Phật thọ ký chẳng thối chuyển sẽ làm Phật, nên hỏi Di-lặc, Di-lặc sẽ đáp.

Xá-lợi-phất hỏi Bồ-tát Di-lặc rằng: Tu-bồ-đề nói Bồ-tát Di-lặc hiện ở trước mặt được Phật thọ ký chẳng thối chuyển sẽ làm Phật, Di-lặc sẽ đáp.

Di-lặc Bồ-tát nói với Xá-lợi-phất: Sẽ lấy danh Di-lặc đáp chăng? Hoặc lấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức đáp chăng? Hoặc lấy không của sắc đáp chăng? Hoặc lấy không của thọ, tưởng, hành, thức đáp chăng?

Sắc không thể đáp; thọ, tưởng, hành, thức không thể đáp. Không của sắc không thể đáp; không của thọ, tưởng, hành, thức không thể đáp. Ta không thấy pháp ấy có thể đáp, không thấy người hay đáp; ta không thấy người được thọ ký, cũng không thấy pháp có thể thọ ký, cũng không thấy nôi thọ ký, hết thảy pháp ấy đều không hai, không khác.

Xá-lợi-phất nói với Bồ-tát Di-lặc: Như lời nhân giả nói, như thế là được pháp tác chứng chăng?

Di-lặc đáp: Như lời tôi vừa nói, như thế chẳng chứng.

Bấy giờ Xá-lợi-phất suy nghĩ: Bồ-tát Di-lặc trí tuệ rất sâu; lâu ngày tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, tu trí tuệ, vì theo nghĩa vô sở đắc nên có thể nói như vậy.

Bấy giờ Phật bảo Xá-lợi-phất: Ý ông nghĩ sao? Ông dùng pháp ấy được A-la-hán, có thấy pháp ấy chăng?

Xá-lợi-phất thưa: Không thấy.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, không nghĩ rằng tu pháp ấy sẽ được thọ ký; tu pháp ấy đã được thọ ký; tu pháp ấy sẽ được pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác Như vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật không nghi ta hoặc được hoặc chẳng được, mà tự biết thực được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Hỏi: Xá-lợi-phất vì cớ gì đem việc trong mộng gạn hỏi Bồ-tát về ba tam-muội?

Đáp: Vì việc trong mộng hư dối như cuồng như điên, chẳng phải thấy thật, còn ba tam-muội là pháp thật. Lại, các chỗ khác nói ở trong mộng cũng có ba thứ: thiện, bất thiện và vô ký. Nếu Bồ-tát lấy thiện tâm tu ba tam-muội thì được phước đức. Nhưng mộng là việc cuồng si không thể ở trong đó tu thật pháp được quả báo; nếu có thật pháp thời không gọi là mộng. Vì thế nên hỏi: Nếu Bồ-tát ở trong mộng tu ba tam-muội có tăng trưởng Bát-nhã Ba-la-mật và phước đức, nhóm các thiện căn gần Phật đạo chăng?

Ý Tu-bồ-đề là, nếu nói tăng trưởng thì mộng là hư dối, còn Bát-nhã là thật pháp, làm sao tăng trưởng được? Nếu nói không có tăng trưởng thì trong mộng có thiện, làm sao không có tăng trưởng? Không được đáp rằng, có tăng trưởng, không tăng trưởng. Thế nên Tu-bồ-đề xa lìa câu nạn vấn về hai bên ấy, nên đem thực tướng các pháp để đáp: Còn phá hành nghiệp tạo trong ban ngày huống gì tạo trong mộng rằng: Bồ-tát nếu trong ban ngày tu Bát-nhã Ba-la-mật có ích, thì trong ban đêm tu cũng nên có ích. Nhưng vì trong ban ngày tu còn không có ích, huống gì tu trong mộng? Vì sao? Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật không phân biệt có tướng ngày đêm.

Xá-lợi-phất nghe Tu-bồ-đề nói đã biết Bát-nhã không thêm, không bớt, không còn gạn hỏi gì nữa. Nay lại nhân việc khác hỏi việc trong mộng: "Nầy Tu-bồ-đề! Nếu trong mộng tạo nghiệp, nghiệp ấy có tích tụ thành, nghiệp ấy thật có tích tụ thì nghiệp ấy có thể thành quả báo chăng? Nghiệp

ấy nếu có thật, thì Phật thường nói hết thảy pháp không, như mộng, không thể tích tụ thành được. Vì sao? Vì tâm mộng vi tế, yếu ớt, không thể tích tụ thành nghiệp. Trong ban ngày tâm vi tế yếu ớt còn không thể tích tụ thành, huống gì trong mộng! Nếu khi thức phân biệt trong mộng đã sinh tâm thiện, bất thiện là đã có thể tích tụ thành.

Tu-bồ-đề hỏi: Như người trong mộng giết người, khi thức dậy phân biệt rằng ta giết, thế là khối chăng? Nghiệp ấy thế nào, có tích tụ thành chăng?

Xá-lợi-phất đáp: Hết thảy nghiệp trong ngày hoặc đêm đều từ nhân duyên sinh, không có nhân duyên thì không sinh.

Tu-bồ-đề chấp nhận lời ấy: Đúng vậy, nghiệp có nhân duyên thì sinh, không có nhân duyên thì không sinh; tư duy có nhân duyên thì sinh, không có nhân duyên thì không sinh. Nghiệp là thân nghiệp, khẩu nghiệp; tư duy là chỉ ý nghiệp. Tư là nghiệp thật, còn thân, khẩu nghiệp vì do tư nên gọi là nghiệp. Ba nghiệp ấy nhân nôi bốn thứ là, hoặc thấy hoặc nghe, hoặc hiểu hoặc biết, nhân bốn thứ ấy tâm sinh, tâm ấy theo nhân duyên sinh hoặc tịnh hoặc bất tịnh; tội nghiệp là bất tịnh, phước duyên là tịnh. Thế nên, nếu ở trong mộng thấy gì đều nhân việc thấy, nghe, hay, biết trước đó. Trong mộng tạo thiện, ác, vì sự ngủ nghỉ che tâm, không được tự tại không có thế lực nên không thể tích tụ thành quả báo. Nếu nghiệp ấy khi thức dậy đem tâm thiện ác hòa hiệp nên có thể giúp thành quả báo. Ý Tu-bồ-đề là, trong mộng tạo nghiệp thật có tích tụ thành. Vì sao? Vì có nhân duyên mới sanh khởi, nên tâm trong ban ngày với tâm trong mộng không khác nhau. Vì sao? Vì đều nhân nơi bốn thứ thấy nghe hay biết làm sinh khởi.

Xá-lợi-phất lấy "không tánh" để gạn Tu-bồ-đề: "Như Phật nói hết thảy các nghiệp xa lìa tự tướng, ông làm sao nói chắc các nghiệp nhân duyên sinh, không có nhân duyên không sinh?"

Tu-bồ-đề đáp: Các pháp tuy "không", xa lìa tự tướng, nhưng phàm phu chấp thủ tướng, có nhân duyên nên nghiệp sinh; nếu không chấp thủ tướng, không có nhân duyên thời nghiệp không sinh. Thế nên biết, hết thảy nghiệp đều từ nhân duyên chấp thủ tướng nên có, trong ban ngày và trong mộng không khác nhau.

Xá-lợi-phất lại hỏi: Nếu Bồ-tát ở trong mộng tu sáu Ba-la-mật rồi hồi hướng Vô thượng đạo là thật hồi hướng chăng? Nếu trong mộng và trong ban ngày không khác nhau, thì ở trong mộng hồi hướng sẽ phải là thật? Lại, nếu trong ban ngày có tâm chấp trước thủ tướng, thì không gọi là hồi hướng, huống gì khi ngủ nghỉ che tâm? Tu-bồ-đề cho hai vấn nạn ấy sâu xa, khó

đáp nên nói với Xá-lợi-phất nên hỏi Di-lặc.

Hỏi: Di-lặc cớ gì chỉ nói "không" mà chẳng đáp?

Đáp: Hai đại đệ tử ấy vì lợi ích cho Bồ-tát, nên phân biệt thức với mộng, hoặc đồng, hoặc khác. Vì Phật thường nói hết thảy pháp như mộng, vậy nếu trong ban ngày hành đạo thì trong mộng cũng có thể hành đạo. Di-lặc thấy hai người đều có chỗ chấp, không thể thông suốt nên Di-lặc không đáp.

Lại có người nói Di-lặc lấy "không" để đáp. Xá-lợi-phất hỏi Di-lặc: "Như "không" được nói, lấy đó làm chứng đắc chăng?" Ý Xá-lợi-phất là nếu lấy "không" làm chứng đắc tức muốn sinh nạn vấn, sao làm chứng đắc được? Nếu không chứng đắc, như vậy tự ông chẳng được, chẳng biết làm sao nói được. Ý Di-lặc là: Ông lấy Niết-bàn làm chứng đắc, ta cho Niết-bàn cũng không, vì vô sở đắc nên chẳng chứng đắc.

Có người nói: Vì Di-lặc chưa đầy đủ Phật pháp nên nói không làm chứng đắc. Pháp của Bồ-tát là nên biết không, vô tướng, vô tác, chẳng nên chứng đắc.

Bấy giờ Xá-lợi-phất nghĩ rằng: Bồ-tát Di-lặc có trí rất sâu, nói được như vậy, biết được tướng Niết-bàn mà không thủ chứng, ấy gọi là rất sâu. Trong đây Xá-lợi-phất tự nói nhân duyên: Vì Di-lặc lâu ngày tu sáu Ba-la-mật nên có trí rất sâu. Ý Xá-lợi-phất là, Di-lặc kế tiếp sẽ làm Phật, nên có thể đáp mà không đáp. Vì vậy Phật trở lại hỏi Xá-lợi-phất: Ý ông nghĩ sao? Ông thấy dùng pháp ấy được A-la-hán chăng? Xá-lợi-phất thưa: Không thấy. Vì sao? Vì pháp ấy không, vô tướng, vô tác thì làm sao thấy được? Nếu thấy được tức là có tướng, mắt thịt, mắt trời phân biệt thủ tướng nên không thể thấy; mắt tuệ không có phân biệt tướng nên cũng chẳng thấy, vì vậy đáp chẳng thấy.

Phật dạy: Bồ-tát cũng như vậy, khi được Vô sanh nhẫn, không nói rằng ta nhờ thấy pháp ấy mà được thọ ký sẽ được vô thượng đạo. Tuy không khởi lên cái thấy ấy nhưng cũng chẳng sinh nghi: Ta chẳng được Vô thượng đạo. Như ông tuy chẳng thấy pháp nhưng cũng chẳng nghi ta thành A-la-hán hay chẳng thành A-la-hán.

KINH: Phật bảo Tu-bồ-đề: Có Bồ-tát khi tu Thí Ba-la-mật, gặp người đói rét, lạnh lẽo, áo chăn rách rưới, Bồ-tát nên nguyện rằng: "Tùy theo bao nhiêu thời gian ta tu bố thí cũng như khi ta được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác khiến chúng sinh ở cõi nước ta không có những việc như vậy; trái lại áo chăn, ăn uống, dụng cụ nuôi sống sẽ như cõi trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời hóa-lạc, trời Tha hóa tự

tại.” Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát tu như vậy có thể đầy đủ Thí Ba-la-mật, có thể đến gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi tu Giới Ba-la-mật, thấy chúng sinh sát sinh cho đến tà kiến, nhiều bệnh, chết yểu, nhan sắc chẳng đẹp, không có uy đức nghèo thiếu tài vật, sinh vào nhà hạ tiện, hình thù què quặt, xấu xí, Bồ-tát nên nguyện rằng: “Tùy theo bao nhiêu thời gian ta tu Giới Ba-la-mật cũng như khi ta được thành Phật, khiến chúng sinh ở cõi nước ta không có các việc như vậy.” Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát tu như vậy có thể đầy đủ Giới Ba-la-mật, đến gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu Nhẫn Ba-la-mật, thấy chúng sinh giận dữ, mắng nhiếc lẫn nhau, dùng dao, gậy, ngói, đá tàn hại, cướp đoạt mạng sống của nhau, Bồ-tát nên nguyện rằng: “Tùy theo bao nhiêu thời gian ta tu Nhẫn Ba-la-mật cũng như khi ta được thành Phật, khiến chúng sinh ở cõi nước ta không có các việc như vậy, trái lại xem nhau như cha mẹ, như anh em, như chị em, như thiện tri thức, đều hành từ bi.” Này Tu-bồ-đề! Tu như vậy có thể đầy đủ Nhẫn Ba-la-mật, gần đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh Giác.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu Tấn Ba-la-mật, thấy chúng sinh biếng nhác, không siêng tinh tấn, xa bỏ ba thừa Thanh văn, Bích-chi Phật, Phật thừa; Bồ-tát nên nguyện rằng: “Tùy theo bao nhiêu thời gian ta tu Tấn Ba-la-mật cũng như khi ta được thành Phật, khiến chúng sinh ở cõi nước ta không có các việc như vậy, trái lại hết thảy chúng sinh đều siêng tu tinh tấn, đối với ba thừa đều được độ thoát.” Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát tu như vậy có thể đầy đủ Tấn Ba-la-mật, đến gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu Thiền Ba-la-mật, thấy chúng sinh bị năm triền cái che lấp, đó là tham dục, sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi làm mất sô thiền cho tới đệ Tứ thiền, mất từ, bi, hỷ, xả, mất hư không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, phi phi tưởng xứ, Bồ-tát nên nguyện rằng: “Tùy theo bao nhiêu thời gian ta tu Thiền Ba-la-mật cũng như khi ta được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khiến chúng sinh ở cõi nước ta không có các việc như vậy.” Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát tu như vậy có thể đầy đủ Thiền Ba-la-mật, đến gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, thấy chúng sinh ngu si, mất chánh kiến thuộc thế gian và xuất thế gian, hoặc nói không có nghiệp, không có nhân duyên của nghiệp, hoặc nói ngã là thượng, hoặc nói ngã đoạn diệt, hoặc nói không có gì, Bồ-tát nên nguyện rằng “Tùy theo bao nhiêu thời gian ta tu Bát-nhã Ba-la-mật, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành

tựu tuệ giác cho chúng sinh, cũng như khi ta được thành Phật, khiến chúng sinh ở cõi nước ta không có các việc như vậy." Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát tu như vậy có thể đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật, đến gần trí Nhất thiết chủng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu sáu Ba-la-mật, thấy chúng sinh ở vào ba nhóm: một là nhóm chánh định, hai là nhóm tà định, ba là nhóm bất định, Bồ-tát nên nguyện rằng: "Tùy theo bao nhiêu thời gian ta tu sáu Ba-la-mật, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, cũng như khi ta thành Phật, khiến chúng sinh ở cõi nước ta không có nhóm tà định cho đến không có tên ấy." Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba-la-mật, đến gần trí Nhất thiết chủng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu sáu Ba-la-mật, thấy chúng sinh ở trong địa ngục, ngã quỷ, súc sinh nên phát nguyện rằng: "Tùy theo bao nhiêu thời gian ta tu sáu Ba-la-mật làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, cũng như khi ta thành Phật, khiến trong cõi nước ta cho đến không có cái tên ba đường ác. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba-la-mật, đến gần trí Nhất thiết chủng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu sáu Ba-la-mật, thấy cõi đất trơ trụi, chông gai; núi gò, khe hố nhiều chỗ nhơ nhớp, Bồ-tát nên nguyện rằng: "Tùy theo bao nhiêu thời gian ta tu sáu Ba-la-mật làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; cũng như khi ta thành Phật, khiến trong cõi nước ta không có các việc xấu xa như vậy, trái lại cõi nước bằng phẳng như bàn tay." Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba-la-mật, đến gần trí Nhất thiết chủng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu sáu Ba-la-mật, thấy cõi nước thuần là đất không có vàng bạc, châu báu, Bồ-tát nên nguyện rằng: "Tùy theo bao nhiêu thời gian ta tu sáu Ba-la-mật, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; cũng như khi ta thành Phật, khiến trong cõi nước ta lấy cát vàng rải đất." Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Bát-nhã Ba-la-mật, đến gần trí Nhất thiết chủng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu sáu Ba-la-mật, thấy chúng sinh có điều luyến đắm, nên phát nguyện rằng: "Tùy theo bao nhiêu thời gian ta tu sáu Ba-la-mật, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, cũng như khi ta thành Phật, khiến chúng sinh trong cõi nước

ta không có điều luyến đắm." Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba-la-mật, đến gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu sáu Ba-la-mật, thấy các hạng chúng sinh Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la, nên phát nguyện rằng: "Tùy theo

bao nhiêu thời gian ta tu sáu Ba-la-mật, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, cũng như khi ta thành Phật, khiến chúng sinh trong cõi nước ta không có tên gọi về bốn giai cấp đó." Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát tu như vậy, có thể đầy đủ sáu Ba-la-mật, đến gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu sáu Ba-la-mật, thấy chúng sinh có kém, vừa, hôn; sinh vào nhà kém, vừa, hôn, nên phát nguyện rằng: "Tùy theo bao nhiêu thời gian ta tu sáu Ba-la-mật, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; cũng như khi ta thành Phật, khiến chúng sinh trong cõi nước ta không có điều hôn kém như vậy." Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba-la-mật, đến gần trí Nhất thiết chủng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu sáu Ba-la-mật, thấy sắc tướng chúng sinh mỗi mỗi sai biệt, nên phát nguyện rằng: "Tùy theo bao nhiêu thời gian ta tu sáu Ba-la-mật, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; cũng như khi ta thành Phật, khiến chúng sinh trong cõi nước ta không có sắc tướng mỗi mỗi sai biệt, trái lại hết thảy chúng sinh đều đoan chính, tinh khiết, thành tựu sắc đẹp." Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba-la-mật, đến gần trí Nhất thiết chủng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu sáu Ba-la-mật, thấy chúng sinh có chủ, nên phát nguyện rằng: "Tùy theo bao nhiêu thời gian ta tu sáu Ba-la-mật, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; cũng như khi ta thành Phật, khiến chúng sinh trong cõi nước ta không có tên gọi chủ cho đến không có hình tượng ấy, trừ Phật là đấng Pháp vương (vua pháp)." Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba-la-mật, đến gần trí Nhất thiết chủng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu sáu Ba-la-mật, thấy chúng sinh có sáu đường sai biệt, nên phát nguyện rằng: "Tùy theo bao nhiêu thời gian ta tu sáu Ba-la-mật, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; cũng như khi ta thành Phật, khiến chúng sinh trong cõi nước ta không có tên gọi sáu đường là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, thần, trời, người, trái lại hết thảy chúng sinh đều đồng một nghiệp, tu bốn niệm xứ cho đến Tám phần Thánh đạo." Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba-la-mật, chóng đến gần trí Nhất thiết chủng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu sáu Ba-la-mật, thấy chúng sinh có bốn loại sinh: noãn sinh, thai sinh, thấp sinh và hóa sinh, nên phát nguyện rằng: "Tùy theo bao nhiêu thời gian ta tu sáu Ba-la-mật làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; cũng như khi ta thành Phật,

khiến chúng sinh trong cõi nước ta không có ba loại sinh, trái lại đều bình đẳng một loại hóa sinh.” Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba-la-mật, đến gần trí Nhất thiết chủng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu sáu Ba-la-mật, thấy chúng sinh không có năm thần thông, nên phát nguyện rằng: “Tùy theo bao nhiêu thời gian ta tu sáu Ba-la-mật làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; cũng như khi ta thành Phật, khiến chúng sinh trong cõi nước ta, hết thảy đều được năm thần thông cho đến gần trí Nhất thiết chủng.”

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu sáu Ba-la-mật, thấy chúng sinh có hoạn nạn về đại tiện, tiểu tiện, nên phát nguyện rằng: “Khi ta thành Phật khiến chúng sanh trong cõi nước ta đều lấy việc vui pháp làm thức ăn, không có hoạn nạn về đại tiện tiểu tiện, cho đến gần trí Nhất thiết chủng.”

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu sáu Ba-la-mật, thấy chúng sinh không có ánh sáng, nên phát nguyện: “Khi ta thành Phật khiến chúng sinh trong cõi nước ta đều có ánh sáng, cho đến gần trí Nhất thiết chủng.”

Lại nữa, Bồ-tát khi tu sáu Ba-la-mật, thấy có sự tính đếm ngày, tháng, năm, thì tiết, nên phát nguyện rằng: “Khi ta thành Phật khiến trong cõi nước ta không có tên gọi về ngày, tháng, năm cho đến gần trí Nhất thiết chủng.”

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu sáu Ba-la-mật, thấy chúng sinh thọ mạng ngắn ngủi, nên phát nguyện rằng: “Khi ta thành Phật khiến chúng sinh trong cõi nước ta kiếp số, thọ mạng vô lượng, cho đến gần trí Nhất thiết chủng.”

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu sáu Ba-la-mật, thấy chúng sinh không có tướng tốt, nên phát nguyện rằng: “Khi ta thành Phật khiến chúng sinh trong cõi nước ta đều thành tựu ba mươi hai tướng cho đến gần trí Nhất thiết chủng.”

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu sáu Ba-la-mật, thấy chúng sinh xa lìa các thiện căn, nên phát nguyện rằng: “Khi ta thành Phật khiến chúng sinh trong cõi nước ta thành tựu các thiện căn, dùng phúc đức ấy có thể cúng dường chư Phật, cho đến gần trí Nhất thiết chủng.”

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu sáu Ba-la-mật, thấy chúng sinh

có ba độc, bốn bệnh, nên phát nguyện rằng: “Khi ta thành Phật khiến chúng sinh trong cõi nước ta không có bốn bệnh: rét, sốt, bệnh gió, ba loại tạp bệnh và ba bệnh độc, cho đến gần trí Nhất thiết chủng.”

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu sáu Ba-la-mật, thấy chúng sinh theo tam thừa, nên phát nguyện rằng: “Khi ta thành Phật khiến chúng sinh trong cõi nước ta không có tên gọi Nhị thừa, chỉ toàn Đại thừa cho đến gần trí

Nhất thiết chủng."

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu sáu Ba-la-mật, thấy chúng sanh có tăng thượng mạn, nên phát nguyện rằng: "Khi ta thành Phật khiến chúng sinh trong cõi nước ta không có tên gọi tăng thượng mạn, cho đến gần trí Nhất thiết chủng."

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu sáu Ba-la-mật cần phải phát nguyện: Nếu ta có ánh sáng, sống lâu có hạn lượng, tăng chúng có giới hạn, thì sẽ phát nguyện rằng: "Ta tu sáu Ba-la-mật làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; cũng như khi ta thành Phật, khiến ta có ánh sáng, sống lâu không có hạn lượng, tăng chúng không giới hạn, cho đến gần trí Nhất thiết chủng."

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu sáu Ba-la-mật, nên phát nguyện rằng: "Nếu cõi nước ta có hạn lượng thì sẽ phát nguyện: Tùy theo bao nhiêu thời gian ta tu sáu Ba-la-mật, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; cũng như khi ta thành Phật, khiến cõi nước ta như hằng hà sa cõi Phật." Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba-la-mật, đến gần trí Nhất thiết chủng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu sáu Ba-la-mật, nên nghĩ rằng: "Tuy trong đường dài sinh tử, chúng sinh có nhiều căn tính, bấy giờ ta nên nhớ nghĩ chân chính như vầy: Biên giới sinh tử như hư không; biên giới căn tính của chúng sinh cũng như hư không, trong đó thật tế không có sinh tử qua lại, cũng không có người giải thoát." Bồ-tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba-la-mật, đến gần trí Nhất thiết chủng.

LUẬN: Hỏi: Vì có thứ lớp gì mà nói Bồ-tát thấy chúng sinh đói khát, lạnh lẽo...?

Đáp: Bồ-tát vượt qua Thanh văn, Bích-chi Phật địa, được thọ ký Vô sinh pháp nhẫn, không còn có việc gì khác chỉ có một việc là làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh. Nay nói nhân duyên nghiêm tịnh cõi Phật là khi thấy tướng cõi nước bất tịnh, thì nguyện cõi nước ta không có các việc như vậy, nên thứ lớp nói việc ấy. Bồ-tát khi tu Thí Ba-la-mật, nếu thấy chúng sinh đói khát, áo chăn rách rưới liền nghĩ rằng: Ta chưa thành tựu phước đức và trí tuệ nên không thể cấp đủ sự cần dùng cho chúng sinh; nếu ta chỉ tu tâm từ bi thì đối với chúng sinh không có lợi ích, lúc bấy giờ ta sẽ tu hành mạnh mẽ ba thứ phước đức, trụ trong ba thứ phước đức ấy có thể làm cho chúng sinh bần cùng được sung túc, đó là phước đức được làm Chuyển luân Thánh vương, hoặc làm Thiên vương, hoặc làm Thánh nhân có thần thông, mới có thể dẫn dắt chúng sinh, phá

lòng xan tham của họ, khiến tu bố thí. Do nhân duyên chúng sinh bố thí cho đến Bồ-tát bố thí, nên sau khi thành Phật, trong cõi nước không có kẻ nghèo cùng, trái lại tâm muốn gì đều có được, như các vật có được của cõi trời thứ sáu ở cõi Dục:" Như vậy, Bồ-tát tùy lúc bấy giờ chứa nhóm công đức bố thí, nên quả báo được sung mãn hết thảy. Vì sao? Vì hết thảy pháp hữu vi đều thuộc nhân duyên sinh; nhân duyên tu thiện đầy đủ nên có thể tùy ý được quả báo.

Lại nữa, chúng sinh vì nhân duyên phá việc trì giới nên thọ mạng ngắn, nhiều bệnh, không có uy đức. Bồ-tát nguyện rằng: "Ta tự đầy đủ trì giới, cũng dạy chúng sinh trì giới. Các nguyện nhỏ nhặt khác cũng như vậy cứ theo nghĩa phân biệt." Nghĩa của lời nguyện tối hậu chẳng rõ ràng nên nay lược nói: Bồ-tát khởi nguyện như trên, sinh tâm mỏi mệt nhàm chán nghĩ rằng: Theo Phật đạo phải tu hành công đức trải vô lượng, vô biên, vô số kiếp rồi sau này mới được. Nhưng số năm của một kiếp không thể đếm được, nên Phật dùng thí dụ chỉ dạy, huống gì vô lượng vô biên vô số kiếp sống chết, chịu các khổ não. Chúng sinh cũng vô lượng vô biên, không thể dùng thí dụ, tốn số biết được; chỉ chúng sinh như số vi trần trong ba ngàn đại thiên thế giới còn khó độ, huống gì là chúng sinh như số vi trần trong mười phương vô lượng thế giới mà có thể độ được. Vì việc ấy nên tâm sinh thối chuyển; ấy gọi là nhớ nghĩ tà. Thế nên Phật dạy: Bồ-tát phải chánh ức niệm rằng, đường sinh tử tuy dài, nhưng việc ấy đều không, như hư không, như thấy trong mộng, chẳng phải thật dài, không nên sinh tâm nhàm chán. Lại, đời vị lai là cảnh sở duyên của một niệm, cũng chẳng phải dài.

Lại nữa, Bồ-tát có vô lượng lực phước đức và trí tuệ nên có thể vượt qua vô lượng kiếp. Do các nhân duyên như vậy, không nên sinh tâm nhàm chán. Trong đây Phật nói nhân duyên lớn, đó là sinh tử như hư không, chúng sinh cũng như hư không; chúng sinh tuy nhiều nhưng cũng không nhất định thật có chúng sinh, như chúng sinh vô biên, vô lượng, trí tuệ Phật cũng vô biên vô lượng nên Phật độ sinh cũng chẳng khó; thế nên Bồ-tát không nên sinh tâm mệt mỏi, nhàm chán.

-----oOo-------

GIẢI THÍCH PHẨM NĂM MƯƠI CHÍN: HẰNG GIÀ ĐỀ BÀ

KINH: Bấy giờ có một người nữ tên Hằng-già-đề-bà ngồi ở giữa hội chúng. Người nữ ấy từ chỗ ngồi đứng dậy, trệch áo vai bên hữu, gối bên hữu quỳ sát đất chấp tay bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Con sẽ tu sáu

Ba-la-mật, sẽ làm tất cả hạnh thủ đắc cõi Phật thanh tịnh như trong Bát-nhã Ba-la-mật nói.

Khi ấy người nữ lấy hoa vàng bạc và hoa sinh dưới nước, trên khô, các dụng cụ trang nghiêm để cúng dường; dệt chỉ vàng thành tấm thảm vải căng lên trên Phật. Căng lên xong, ở giữa hư không phía trên Phật, hóa thành đài báu, có bốn cây trụ nghiêm trang đẹp đẽ. Người nữ đó liền đem công đức ấy chia cho chúng sinh, cũng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh Giác.

Bấy giờ, đức Thế Tôn biết thâm tâm của người nữ ấy, tức thời mỉm cười. Như pháp của chư Phật, các thứ ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng... đều từ trong miệng Phật phát ra, chiếu khắp mười phương vô lượng vô biên cõi Phật, rồi trở lại nhiễu quanh Phật ba vòng và vào trên đỉnh đầu của Phật.

Khi ấy A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, gối bên phải quỳ sát đất, chấp tay bạch Phật rằng: Thế Tôn có nhân duyên gì mà mỉm cười? Vì pháp của chư Phật chẳng vì không có nhân duyên mà cười.

Phật bảo A-nan: Đó là vì cô Hằng-già-đề-bà trong vô số kiếp vị lai sẽ thành Phật, kiếp gọi là Tinh tú, Phật tên là Kim hoa. Này A-nan! Người nữ ấy khi bỏ thân nữ, thọ thân nam, sẽ sinh vào cõi nước A-tỳ-la-đề của Phật A-súc, ở đó tịnh tu phạm hạnh. Này A-nan! Bồ-tát ở cõi nước kia cũng có hiệu Kim hoa, Bồ-tát Kim hoa ấy sau khi mệnh chung ở nước kia lại sinh đến cõi Phật ở phương khác. Từ một cõi Phật đến một cõi Phật, không rời chư Phật; ví như Chuyển luân Thánh vương từ một nhà đến một nhà, từ sinh đến chết, chân không đạp đất. Này A-nan! Bồ-tát Kim hoa cũng như vậy, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, cho đến khi thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chưa từng không thấy Phật.

Khi ấy A-nan nghĩ rằng: Bồ-tát Kim hoa sau khi thành Phật, các hội Bồ-tát sẽ như hội Phật?

Phật biết ý A-nan nghĩ, bảo A-nan rằng: Đúng vậy, đúng vậy! Vào thời Phật Kim hoa, hội các Bồ-tát sẽ như hội Phật, Tăng chúng của Phật Kim hoa vô lượng vô biên, không thể đếm, không thể đếm bao nhiêu trăm, ngàn, vạn, ức, na-do-tha. Này A-nan! Lúc Bồ-tát Kim hoa làm Phật, cõi nước kia không có các điều xấu ác như trên nói.

A-nan bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Người nữ ấy từ chỗ nào trồng gốc đức, gieo căn lành?

Phật bảo: Người nữ ấy từ chỗ Phật Nhiên Đăng gieo căn lành, mới bắt đầu phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đem công đức ấy hồi

hương Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng lấy hoa vàng rải lên trên Phật Nhiên Đăng, cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này A-nan! Như ta lúc bấy giờ lấy năm cành hoa rải lên trên Phật Nhiên Đăng cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Phật Nhiên Đăng biết ta thành tựu thiện căn, thọ ký cho ta thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người nữ nghe ta được thọ ký, phát tâm rằng: "Đương lai tôi cũng như Bồ-tát, được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác." Này A-nan! Nên biết người nữ ấy bắt đầu phát tâm ở chỗ Phật Nhiên Đăng.

A-nan bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Người nữ ấy lâu đời tập tu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ư?

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Người nữ ấy lâu đời tập tu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Hỏi: Như vầy, cả đại chúng đều nghe nói tu hạnh làm nghiêm tịnh cõi nước, cớ gì chỉ một người nữ phát nguyện thủ đắc cõi nước thanh tịnh?

Đáp: Có nhiều người thủ đắc cõi nước thanh tịnh nhưng không nói ra. Tính người nữ khinh suất, háo thắng, vì tập khí nhiều đời nên nói ra.

Lại nữa, có người nói người nữ có được phần đắc đạo các người khác không có. Phật pháp không vậy, tùy theo duyên nghiệp của chúng sinh; thí như thuốc hay trị lành các bệnh, không chọn sang hèn. Tuy có người nữ trí cạn mà có nghiệp duyên đời trước nên được thọ ký, sinh tâm muốn nói, nên Phật cho phép nói.

Lại nữa, nếu Phật im lặng thọ ký cho thì người khác sinh nghi: Vì nhân duyên gì Phật chỉ thọ ký cho người nữ ấy? Thế nên nhân lời người nữ nói mà Phật thọ ký cho.

Hỏi: Cớ gì tên là Hằng-già-đề-bà?

Đáp: Tất cả đều có tên gọi để mà biết, cần gì tìm hiểu nó.

Có người nói người nữ ấy do cha mẹ cúng dường thần Hằng-già nên đặt tên Hằng-già-đề-bà. Hằng-già là tên sông; Đề-bà nghĩa Trời. Người nữ ấy có nhân duyên phước đức sinh vào nhà giàu, nghe giảng Phật pháp, tin vui nên dùng hoa báu, vàng bạc, chỉ vàng dệt thành áo thượng hạ và đồ anh lạc trang nghiêm nôi thân mình dùng để cúng dường Phật. Phật đáp lại bằng cách thọ ký cho và vì xem thấy sở hành đời trước của người nữ ấy nên mỉm cười. Vì nhân duyên nhỏ mà phát khởi đại sự nên Phật mỉm cười.

Hỏi: Phước đức người nữ ấy phải lâu lắm mới chuyển đổi thân nữ, cớ gì vừa ở nơi cõi Phật A-súc liền chuyển đổi thân nữ?

Đáp: Năm món dục lạc của thế gian khó dứt, chính người nữ đắm say năm dục lạc rất nhiều, nên tuy đời đời tu phước đức mà không thể được thân nam tử. Nay được thọ ký, các phiền não chẻ mỏng, nên ở nơi nước Phật A-súc liền được thân nam. Có người nói: Người nữ này trước vì bị nhiều người khinh là nữ, nên phát nguyện thọ thân nữ được thọ ký. Có các nhân duyên như vậy, không chuyển đổi thân nữ mà vẫn được thọ ký.

Lại nữa, Kinh nói: Thân người nữ có năm chướng ngại, chứ không nói không được thọ ký, thế nên không nên gạn hỏi.

nan nghe nói người nữ ấy trong vô lượng kiếp từ cõi Phật này, đến cõi Phật khác, rộng tu công đức, tương lai sẽ được cõi Phật thanh tịnh. Bồ-tát ở trong cõi ấy đều có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng vô lượng, thế nên A-nan tán thán cho là việc chưa từng có, có thể được cõi nước thanh tịnh như vậy, giống như hội Phật. Phật chấp nhận lời ấy. A-nan nghi người nữ ấy hiếm có: Nghe pháp ít mà được quả báo lớn. Thế nên A-nan hỏi người nữ ấy từ chỗ nào trồng công đức? Phật bảo: Lúc đức Phật Định Quang thọ ký cho ta, người nữ ấy cầm hoa vàng rải lên Phật và phát nguyện: Người nầy (Bồ-tát Thích-ca Văn- ND) sau khi thành Phật cũng sẽ thọ ký cho ta như vậy. Từ các thiện căn ấy mà nay được quả báo.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 76

GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI: HỌC KHÔNG, KHÔNG THỦ CHỨNG

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát muốn hành Bát-nhã Ba-la-mật, làm sao học tam-muội "không" ? Làm sao chứng nhập tam-muội "không"? Làm sao học tam-muội vô tướng, vô tác? Làm sao chứng nhập tam-muội vô tướng vô tác? Làm sao học Bốn niệm xứ? Làm sao tu Bốn niệm xứ? Cho đến làm sao học Tám thánh đạo phần? Làm sao tu Tám thánh đạo phần?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật nên quán sắc không, thọ, tưởng, hành, thức không; mười hai nhập, mười tám giới không; cho đến nên quán cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc không. Khi tu quán như thế khiến tâm không loạn. Bồ-tát ma-ha-tát nếu tâm không loạn thì không thấy pháp ấy; nếu không thấy pháp ấy thì không khởi tâm chứng đắc. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy khéo học tự tướng không, không có dư thừa, không có phân biệt, pháp chứng người chứng đều không thể thấy. Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Như lời Phật dạy:

"Bồ-tát không nên khởi tâm chứng đắc pháp không". Bạch đức Thế Tôn! Tại sao Bồ-tát trú trong pháp không mà không khởi tâm chứng đắc?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát quán "không" đầy đủ trước tiên nguyện rằng ta nay không nên khởi tâm chứng đắc pháp "không", khi ta học chẳng phải là khi ta chứng. Bồ-tát không chuyên nhiếp tâm buộc ở trong các duyên, thế nên Bồ-tát đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thối thất, cũng không thủ chứng A-la-hán lậu tận. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát như vậy là thành tựu pháp thiện diệu lớn. Vì sao? Vì trú trong "không" ấy nghĩ rằng: Khi ta tu chẳng phải là khi ta chứng. Này

Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên nghĩ như vầy, khi ta học Thí Ba-la-mật chẳng phải là khi ta chứng. Khi ta học Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, khi tu Bốn niệm xứ cho đến khi tu Tám thánh đạo phần, chẳng phải là khi ta chứng; khi tu tam muội không, tam-muội vô

tướng, vô tác chẳng phải là khi chứng. Khi tu Mười trí lực, Bốn điều không sợ, Bốn trí vô ngại, Mười tám pháp không chung, Đại từ Đại bi của Phật chẳng phải khi chứng, khi ta học trí Nhất thiết chủng, chẳng phải là khi chứng đắc quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật học quán không, trú trong không; học quán vô tướng, vô tác, trú trong vô tướng, vô tác. Tu Bốn niệm xứ, không chứng Bốn niệm xứ, cho đến tu Tám thánh đạo phần, không chứng Tám thánh đạo phần. Bồ-tát ấy, tuy học Ba mươi bảy đạo phẩm, tuy tu Ba mươi bảy đạo phẩm mà không chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến đạo Bích-chi Phật. Này Tu-bồ-đề! Thí như tráng sĩ tráng kiện dũng mãnh, giỏi binh pháp, đủ sáu mươi bốn khả năng, cầm chắc binh khí, đứng vững không lay động, giỏi các nghệ thuật, đoan chính, trong sạch, được mọi người yêu kính. Tạo ít sự nghiệp, được báo lợi nhiều, do nhân duyên ấy nên được mọi người cung kính, tôn trọng, tán thán; thấy người kính trọng lại càng vui mừng. Khi có chút nhân duyên phải đi đến xứ khác, đem theo người già yếu đi qua chỗ hiểm nạn, khủng bố; an ủi cha mẹ, hiểu dụ vợ con chớ có sợ hãi: "Tôi có thể đi qua đây, chắc chắn không có việc gì khổ nạn." Trên con đường hiểm nạn có nhiều kẻ oán tặc ẩn núp cướp hại, người kia nhờ có trí lực đầy đủ nên có thể vượt qua đường hiểm, trở về nhà, không còn gặp giặc nạn, hoan hỷ, an vui.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát cũng như vậy, có tâm từ, bi, hỷ, xả đầy đủ cùng khắp đối với hết thảy chúng sanh. Bấy giờ Bồ-tát trú Bốn tâm vô lượng, đầy đủ sáu Ba-la-mật mà không thủ chứng A-la-hán lậu tận; học trí nhất thiết chủng, tu ba môn giải thoát là không, vô tướng, vô tác; khi ấy Bồ-tát không theo tất cả tướng cũng không chứng tam-muội vô tướng; vì không chứng tam-muội vô tướng nên không rơi vào địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật. Thí như chim có hai cánh bay lượn giữa không mà không bị rơi, tuy ở trong không mà cũng không ở trong không. Bồ-tát ma-ha-tát cũng như vậy, học ba môn giải thoát không, vô tướng, vô tác, cũng không khởi tâm chứng đắc; vì không chứng đắc nên không rơi vào địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật. Chưa đầy đủ mười trí lực, đại từ đại bi, vô lượng Phật pháp, trí Nhất thiết chủng của Phật, cũng không chứng ba môn giải thoát không, vô tướng, vô tác, thí như người mạnh học các phép bắn cung, giỏi nghệ thuật bắn, ngửa mặt bắn lên không trung, lại dùng mũi tên sau bắn mũi tên trước, mỗi mũi tên bám vào nhau không để rớt xuống, tùy ý tự tại; nếu muốn để rơi liền ngưng bắn mũi tên sau, tự nhiên rơi xuống đất. Bồ-tát ma-ha-tát cũng như vậy, tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, nhờ sức phương tiện nên vì các thiện căn về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chưa đầy đủ, không

khởi tâm chứng đắc thực tế; nếu thiện căn thành tựu, bấy giờ bèn khởi tâm chứng đắc thực tế. Vì thế nên Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật phải như vậy quán các pháp tướng.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Việc làm của Bồ-tát ma-ha-tát rất khó. Vì sao? Vì tuy học các pháp tướng, học thực tế, học "như" học tự tướng không, và ba môn giải thoát mà hoàn toàn giữa đường không đọa lạc, việc ấy rất hiếm có.

Phật bảo Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát ấy vì không bỏ rơi chúng sanh nên phát thệ nguyện như vậy. Nếu Bồ-tát ma-ha-tát ấy nghĩ rằng: "Ta không nên bỏ rơi chúng sanh, chúng sanh bị chìm trong pháp không có gì của chính nó, ta nên độ thoát" thì bấy giờ liền vào ba môn giải thoát không, vô tướng, vô tác. Này Tu-bồ-đề! Nên biết Bồ-tát ấy thành tựu sức phương tiện, tuy chưa được trí Nhất thiết chủng mà tu hành ba môn giải thoát ấy cũng không giữa đường thủ chứng thực tế.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nếu muốn quán các pháp thậm thâm, đó là nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến ba môn giải thoát thì bấy giờ Bồ-tát nên sanh tâm như vầy: "Các chúng sanh từ lâu xa hành theo ngã tướng cho đến tướng kẻ biết, kẻ thấy, đắm nôi pháp sở đắc, ta vì dứt các tướng ấy cho chúng sanh, nên khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ta sẽ thuyết pháp. Bấy giờ Bồ-tát tu ba môn giải thoát không, vô tướng, vô tác cũng không thủ chứng thực tế (Niết-bàn - N.D) vì không thủ chứng nên không rơi vào quả Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi Phật. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát ấy vì tâm muốn thành tựu thiện căn ấy nên không giữa đường khởi tâm chứng đắc thực tế, không mất Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc, Bốn niệm xứ cho đến Tám thánh đạo phần, không, vô tướng, vô tác và Mười trí lực, Bốn điều không sợ, Bốn trí vô ngại, Đại từ Đại bi, Mười tám pháp không chung của Phật. Khi ấy Bồ-tát thành tựu hết thảy pháp trợ đạo cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không hao giảm. Bồ-tát ấy nhờ có sức phương tiện, thường tăng ích pháp hành, các căn thông lợi hơn căn tánh A-la-hán, Bích-chi Phật.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nghĩ rằng: "Chúng sanh từ lâu xa đắm trước bốn điên đảo là tưởng thường, tưởng vui, tưởng sạch, tưởng ta; vì chúng sanh ấy nên ta cầu Nhất thiết trí, khi ta chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì sẽ vì chúng sanh nói pháp vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã." Bồ-tát thành tựu tâm ấy do sức phương tiện tu hành Bát-nhã Ba-la-mật tuy không được tam-muội của Phật, chưa đầy đủ mười trí lực, bốn

điều không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp không chung của Phật, nhưng cũng không khởi tâm chứng đắc thực tế. Bấy giờ Bồ-tát tu môn giải thoát vô tác, tuy chưa chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không khởi tâm chứng đắc thực tế (Niết-bàn).

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nghĩ rằng: Chúng sanh từ lâu xa, đắm trước vào pháp sở đắc là ta, là chúng sanh, cho đến kẻ biết kẻ thấy, là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức; là mười hai nhập, là mười tám giới, là bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc; ta thật hành như vậy, như khi ta chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ khiến chúng sanh không có pháp sở đắc ấy. Bồ-tát thành tựu tâm ấy nhờ sức phương tiện tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, tuy chưa đầy đủ mười trí lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ, đại bi, mười tám pháp không chung của Phật, cũng không khởi tâm chứng đắc thực tế. Bấy giờ Bồ-tát tu tam-muội "không" đầy đủ.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nghĩ rằng chúng sanh từ lâu xa tập hành theo các tướng là tướng nam tướng nữ, tướng sắc tướng vô sắc; ta tập hành như vậy khi ta chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ khiến chúng sanh không có các tướng tội lỗi ấy. Tâm ấy thành tựu do sức phương tiện tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, tuy chưa đầy đủ mười trí lực cho đến mười tám pháp không chung của Phật, cũng không khởi tâm chứng đắc thực tế. Bấy giờ Bồ-tát tu vô tướng tam-muội đầy đủ.

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát học sáu Ba-la-mật, học nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; học bốn niệm xứ cho đến ba môn giải thoát không, vô tướng, vô tác; học mười trí lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp không chung của Phật. Thành tựu trí tuệ như vậy mà nếu còn đắm trước pháp tạo tác, hoặc còn ở trong ba cõi thì không có lẽ đó. Bồ-tát ấy khi học pháp trợ đạo, hành pháp trợ đạo nên thử hỏi: Bồ-tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm sao học pháp ấy, quán không nhưng không chứng thực tế? Vì không chứng nên không rơi vào quả Tu-đà-hoàn cho đến đạo Bích-chi Phật; quán vô tướng, vô tác, vô khởi, vô sanh, vô sở hữu, cũng không thủ chứng thực tế mà tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, nên hỏi như vậy. Này Tu-bồ-đề! Nếu khi Bồ-tát thử hỏi, mà Bồ-tát ấy nếu đáp như vầy: Bồ-tát chỉ nên quán "không", chỉ nên quán vô tướng, vô tác, vô khởi, vô sanh, vô sở hữu thì Bồ-tát không nên học "không" vô tướng, vô tác, vô khởi, vô sanh, vô sở hữu, không nên học pháp trợ đạo ấy.

Này Tu-bồ-đề! Nên biết Bồ-tát ấy Phật chưa thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì người ấy không thể nói, không thể chỉ bày,

không thể đáp về tướng sở học của Bồ-tát chẳng thối chuyển. Nếu Bồ-tát ấy nói được, chỉ bày được, đáp được về tướng sở học của Bồ-tát chẳng thối chuyển, thì nên biết Bồ-tát ấy đã tập học đạo Bồ-tát, bước vào Bạt địa như các Bồ-tát chẳng thối chuyển khác.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Có thể có vị Bồ-tát chưa được chẳng thối chuyển mà đáp được như vậy chăng?

Phật dạy: Có. Bồ-tát ấy hoặc nghe, hoặc không nghe sáu Ba-la-mật, đều đáp được như vậy như Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Có nhiều Bồ-tát cầu Phật đạo, mà ít có Bồ-tát đáp được như vậy, như Bồ-tát chẳng thối chuyển, như trong hàng học đạo, vô học đạo.

Phật dạy Tu-bồ-đề: Đúng vậy! Đúng vậy! Bồ-tát ấy rất ít. Vì sao? Vì ít có Bồ-tát được thọ ký tập hành địa vị chẳng thối chuyển và Càn tuệ, nếu được thọ ký thì người ấy có thể đáp như vậy, người ấy thiện căn sáng suốt, chư thiên và người đời không thể phá hoại.

LUẬN: Hỏi: học "không" chứng nhập "không" có sai khác gì?

Đáp: Đầu gọi là học "không", sau là chứng nhập "không", nhơn là học "không", quả là chứng nhập "không", phương tiện là học "không", chứng đắc là nhập "không", vô tướng, vô tác, ba mươi bảy pháp trợ đạo cũng như vậy. Ba môn giải thoát, ba mươi bảy pháp trợ đạo là con đường đi đến Niết-bàn của Thanh văn, Bích-chi Phật. Phật dạy Bồ-tát nên đi con đường ấy. Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Làm sao Bồ-tát đi theo con đường Niết-bàn ấy mà không thủ chứng Niết-bàn? Phật dạy: Bồ-tát quán hết thảy pháp sắc v.v... là không. Bồ-tát ấy do vào sâu thiền định tâm không rối loạn, được sức trí tuệ mãnh lợi nên không thấy pháp không ấy, vì không thấy nên không có gì thủ chứng; còn hành Thanh văn, Bích-chi Phật dứt ngã chấp, bỏ tâm ưa đắm, đi thẳng tới Niết-bàn. Bồ-tát khéo học tự tướng "không" đối với sắc pháp cho đến mảy bụi cũng không lưu lại phần vi tế nhất; đối với pháp vô sắc cho đến cũng không lưu lại một ý tưởng, đi thẳng vào rốt ráo không, cho đến không còn thấy pháp không ấy, để có thể chứng đắc.

Tuy Phật pháp như vậy, Tu-bồ-đề chưa hiểu ý Phật lại hỏi: Như lời Phật dạy, Bồ-tát không nên thủ chứng pháp không, nay vào trong pháp không, làm sao không thủ chứng?

Phật đáp: Vì thâm nhập nên không thủ chứng; đầy đủ tức là thâm nhập, thí như cầm cây cỏ may, cầm lỏng thời xước tay, cầm chắc thì không xước, Bồ-tát cũng như vậy, vì thâm nhập không, nên biết "không" cũng không, Niết-bàn cũng không, nên không có gì chứng đắc.

Lại nữa, Bồ-tát khi chưa vào không, suy nghĩ rằng: Ta nên quán xét khắp các pháp "không", chẳng nên không biết đầy đủ mà thủ chứng. Thế nên không chuyên tâm nhiếp niệm vào thiền, buộc nó ở trong cảnh duyên "không". Vì sao? Vì nếu chuyên tâm buộc ở trong cảnh duyên "không" thì tâm mềm yếu, không thể từ "không" tự ra được.

Hỏi: Trên nói sâu vào thiền định, không để tâm tán loạn, sao nay nói không chuyên tâm, nhiếp niệm?

Đáp: Nay nói không chuyên tâm nhiếp niệm là vì khi mới vào, không thể tự đi ra được; trên nói sâu vào là vào đã sâu, biết "không" cũng "không", không để tâm ở vào việc khác, nên nói không tán loạn. Lại nữa, Bồ-tát nên nghĩ rằng: Ta chưa đầy đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, mười trí lực, bốn điều không sợ, các Phật pháp làm sao thủ chứng Niết-bàn. Ta nay khi đang học, mỏng các phiền não, giáo hóa chúng sanh đưa vào Phật đạo, nếu ta được đầy đủ các Phật sự, khi ấy sẽ thủ chứng Niết-bàn. Thế nên Bồ-tát tuy vào ba cửa giải thoát mà không thủ chứng.

Trong đây nói thí dụ: Tráng sĩ là Bồ-tát, cha mẹ thân tộc là chúng sanh khả độ, đường hiểm là ba cõi sanh tử, giặc ác là ma dân và các phiền não; khí cụ là năm thần thông và các sức phương tiện của Bồ-tát, trở về chỗ cũ là con đường đi của Bồ-tát, đứng vững không lay động là Bồ-tát an trú rốt ráo không, dùng bốn tâm vô lượng vận chuyển chúng sanh khả độ đặt vào Niết-bàn an vui. Khi ấy, hội chúng nghi rằng: Trong "không" không có gì, làm sao đi được? Thế nên Phật nói thí dụ con chim: Như chim bay giữa hư không, không nương tựa đâu hết mà bay xa không rớt.

Lại nữa, Bồ-tát chưa đầy đủ đạo pháp, chưa đến Phật đạo, ở trung gian đó không thủ chứng, như chim chưa đến chỗ cần đến, trọn không ngừng bay giữa chừng. Học pháp không ấy để tự dứt phiền não và độ chúng sanh. Lại vì muốn rõ ràng nên nói thí dụ giỏi bắn, như người giỏi nghệ thuật bắn, cái cung là thiền định của Bồ-tát; mũi tên là trí tuệ, hư không là ba cửa giải thoát, đất bằng là Niết-bàn. Bồ-tát dùng mũi tên trí

tuệ bắn vào hư không ba cửa giải thoát, do sức phương tiện nên dùng mũi tên sau bắn vào mũi tên trước không để rớt xuống đất bằng Niết-bàn. Vì chưa đầy đủ Phật sự là mười trí lực v.v... nên trọn không thủ chứng.

Tu-bồ-đề vui mừng bạch Phật rằng: Việc làm của Bồ-tát rất khó, thật là hy hữu, đó là tu tập "không" mà không thủ chứng.

Phật dạy: Bồ-tát ấy có bản nguyện khiến các chúng sanh được lìa khổ, vì tâm đại bi bản nguyện ấy bảo trì, nên tu tập không mà không thủ chứng.

Lại nữa, nếu Bồ-tát nghĩ rằng: Hết thảy chúng sanh ở trong khổ, vì bị điên đảo trói buộc chìm ở trong chỗ không có gì, khi ấy chính là khi tập hành ba cửa giải thoát. Nên biết Bồ-tát ấy có sức phương tiện tập hành ba cửa giải thoát mà không bỏ chúng sanh. Lại nữa, Bồ-tát muốn quán pháp thậm thâm là mười tám không, ba mươi bảy pháp trợ đạo, ba cửa giải thoát trước tiên nghĩ rằng: Chúng sanh từ lâu xa chấp trước tướng ngã v.v... hành giả nếu quán thẳng pháp thậm thâm thì hoặc được đạo Thanh văn, hoặc rơi vào tà kiến, vì không có tâm từ mẫn, và không thể sâu vào tự tướng không. Vì thế Bồ-tát muốn quán pháp thậm thâm, trước tiên sanh bi tâm nghĩ rằng: Chúng sanh từ lâu xa tâm chấp tôi, ta, sinh ra các phiền não. Lâu xa có nghĩa từ vô lượng kiếp lại đây, cái ta ấy chắc chắn không thể có được, chỉ là trống không hư dối điên đảo nên chịu các ưu não. Bồ-tát thấy như vậy rồi, phát nguyện: "Ta sẽ vì chúng sanh mà thành Phật đạo, dứt cái điên đảo chấp ngã cho chúng sanh". Khi ấy chính là tập hành ba môn giải thoát mà không thủ chứng thực tế. (Niết-bàn, Chân lý - N.D). Thiện căn ấy thành tựu, Bồ-tát không thủ chứng thực tế, cũng không mất các công đức bốn thiền v.v... Bồ-tát vì sâu vào "không" nên các căn mãnh lợi hôn hàng Nhị thừa. Ý nghĩa pháp bốn điên đảo như trên nói.

Lại nữa, Bồ-tát nghĩ rằng: Chúng sanh từ lâu xa chấp trước pháp sở đắc là ta, chúng sanh, cho đến hoặc chấp trước pháp tạo tác, hoặc ở ba cõi là không có lẽ đó. Ý nghĩ đều đồng với nghĩa quán không mà không thủ chứng.

Hỏi: Làm sao biết Bồ-tát chưa đắc đạo mà có thể tập hành pháp không sâu xa ấy?

Đáp: Trong kinh này tự nói nhân duyên, Bồ-tát nên thử hỏi làm sao Bồ-tát nên học không mà không thủ chứng? Nếu Bồ-tát đáp rằng chỉ nên niệm không, nhứt tâm tập hành như Thanh văn, Bích-chi Phật đạo chứ không chỉ học biết mà thôi, cho đến học vô sanh, vô sở hữu cũng như vậy. Nên biết Bồ-tát ấy chưa được Phật thọ ký. Vì sao? Vì không nói phương tiện học biết nên quán không. Nếu Bồ-tát đáp cách khác, nên biết ấy là Bồ-tát chẳng thối chuyển, đã tập học vào Bạc địa: Tập học nghĩa là trước tập học biết không. Bạt địa là ở trong địa vị chẳng thối chuyển, các phiền não mỏng.

Tu-bồ-đề nghe tướng trạng không thối chuyển chẳng phải không thối chuyển rồi bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Có thể có Bồ-tát chưa được chẳng thối chuyển mà đáp được như vậy chăng?

Phật dạy: Có. Có Bồ-tát hoặc nghe sáu Ba-la-mật, hoặc không nghe

có thể đáp được như Bồ-tát chẳng thối chuyển. Hoặc nghe là chỉ nghe từ Phật dạy, tự mình chưa đầy đủ Bồ-tát địa; hoặc nghe là tự suy nghĩ, nhớ nghĩ đúng, tuy chưa được vô sanh nhẫn mà có thể cầu các pháp tướng, đáp được như Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Tu-bồ-đề thưa: Có nhiều người cầu Phật đạo mà ít ai đáp được như vậy, đáp như hàng Bồ-tát chẳng thối chuyển ở học địa, vô học địa. Chưa được vô sanh pháp nhẫn gọi là học địa; được vô sanh pháp nhẫn gọi là vô học địa.

Phật dạy: Ít! Vì sao ít? Có Bồ-tát theo Phật được thọ ký, đã được Phật thọ ký rồi nên đáp được như vậy. Vì sao? Vì thực tướng các pháp chỉ có Phật biết được cùng khắp, Phật biết người ấy đáp đúng như Pháp, nên huyền ký cho. Hàng Bồ-tát ấy tuy ít mà thiện căn sáng suốt, có thể rộng làm lợi ích chúng sanh, không ai phá hoại được.

-------oOo------

GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI MỐT: TRONG MỘNG KHÔNG CHỨNG

KINH: Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát cho đến trong mộng không tham địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật cũng không tham ba cõi, tuy quán các pháp như mộng, như huyễn, như tiếng vang, như sóng nắng, như hóa cũng không thủ chứng. Tu-bồ-đề! Nên biết đó là tướng trạng chẳng thối chuyển của Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ở trong mộng thấy Phật thuyết pháp cho số trăm ngàn vạn ức Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Khẩn-na-la v.v...; theo Phật nghe pháp liền hiểu đúng nghĩa, thực hành theo pháp, nên biết đó là tướng trạng chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ở trong mộng thấy Phật ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, có hào quang lớn, vọt lên giữa hư không, thuyết pháp cho đại Tỳ-kheo Tăng; hiện thần lực lớn, hóa làm hóa nhơn đi đến quốc độ Phật khác thi hành Phật sự. Nên biết đó là tướng trạng chẳng thối chuyển của Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát ở trong mộng thấy binh lính nổi lên phá làng xóm, hoặc thấy phá thành ấp hoặc thấy hỏa hoạn, hoặc thấy loài hổ lang sư tử dũng mãnh sát hại, hoặc thấy người muốn đến cắp cho cái đầu họ, hoặc thấy cha mẹ chết, anh em, chị em, và thân hữu tri thức chết,

thấy các việc sầu khổ như vậy, mà không kinh, không sợ, cũng không ưu não, từ mộng thức đậy liền suy nghĩ: "Ba cõi hư dối đều như mộng! Khi ta được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng sẽ vì chúng sanh nói ba cõi như mộng." thì này Tu-bồ-đề! nên biết đó là tướng trạng chẳng thối chuyển của Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Làm sao biết Bồ-tát chẳng thối chuyển ấy khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong nước không có ba đường ác? Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát ở trong mộng thấy cảnh địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ liền nghĩ rằng: "Ta sẽ siêng tinh tấn, khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khiến trong nước ta không có ba đường ác. Vì sao? Vì mộng ấy và các pháp không hai không khác", thì này Tu-bồ-đề! Nên biết đó là tướng trạng chẳng thối chuyển của Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ở trong mộng thấy lửa địa ngục đốt chúng sanh, liền thề rằng: Nếu ta thực là bậc chẳng thối chuyển, thời lửa ấy sẽ tắt! Lửa ấy liền tắt; nếu lửa địa ngục liền tắt thời đó là tướng trạng của Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, nếu Bồ-tát trong ban ngày thấy lửa nổi lên giữa thành quách, liền nghĩ rằng: Ta ở trong mộng, thấy hành, loại, tướng, mạo chẳng thối chuyển, nay ta thực có việc ấy, tự lập thệ rằng: Lửa ấy sẽ tắt. Nếu lửa ấy tắt thì nên biết Bồ-tát ấy đã được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, an trú địa vị chẳng thối chuyển. Nếu lửa không tắt, thì đốt một nhà, chừa một nhà, đốt một làng, chừa một làng. Này Tu-bồ-đề! Nên biết nhà bị đốt là vì nhân duyên của nghiệp phá pháp sâu dày. Vì thế nên đốt một nhà chừa một nhà, ấy là các chúng sanh đời nay chịu dư ương của nghiệp phá pháp nên bị đốt. Này Tu-bồ-đề! Do nhân duyên ấy, nên biết đó là tướng trạng chẳng thối chuyển của Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nay sẽ lại vì ông nói hành, loại, tướng, mạo của địa vị chẳng thối chuyển. Này Tu-bồ-đề! Hoặc nam tử, hoặc nữ

nhơn bị hàng phi nhơn cầm giữ, khi ấy hàng Bồ-tát nghĩ rằng: Nếu ta được chư Phật quá khứ thọ ký, tâm ta thanh tịnh cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tu hành chánh đạo thanh tịnh, xa lìa tâm cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, xa lìa niệm cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, nên sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ta chắc chắn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chứ chẳng phải không được; vô lượng chư Phật hiện tại trong mười phương quốc độ, không có điều gì không biết, không thấy, không hiểu, không chứng. Chư Phật biết thâm tâm của ta, thẩm định biết ta chắc

chắn sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do thệ nguyện chí thành ấy nên thiện nam thiện nữ kia bị hàng phi nhơn cầm giữ, não hại, thì hàng phi nhơn ấy sẽ rời bỏ đi xa. Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát thệ nguyện như vậy, hàng phi nhơn không bỏ đi, thì nên biết Bồ-tát ấy chưa được chư Phật quá khứ thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát ấy thệ nguyện như vậy, nếu hàng phi nhơn bỏ đi, thì nên biết Bồ-tát ấy đã được chư Phật quá khứ thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Do hành, loại. tướng mạo như vậy nên biết đó là tướng trạng chẳng thối chuyển của Bồ-tát chẳng thối chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát xa lìa sáu Ba-la-mật và sức phương tiện, không tu hành lâu bốn niệm xứ cho đến không, vô tướng, vô tác tam-muội, chưa vào Bồ-tát vị, bị ma quấy nhiễu, Bồ-tát thề rằng: Nếu ta thật được chư Phật thọ ký thì hàng phi nhơn ấy sẽ bỏ đi. Khi ấy ác ma liền khéo léo bảo kẻ phi nhơn bỏ đi. Ác ma có uy lực hôn hàng phi nhơn nên kẻ phi nhơn liền bỏ đi. Khi ấy Bồ-tát nghĩ rằng vì nguyện lực của ta nên kẻ phi nhơn bỏ đi.

Vì không biết đó là do sức của ác ma, mà ỷ thị vào chứng cớ ấy nên khinh động, chê bai các Bồ-tát khác nói rằng: "Ta đã được chư Phật thọ ký, còn ngươi chưa được". Dùng lời thề trống không ấy, không có sức phương tiện tu tập, nên sinh ra tăng thượng mạn. Vì việc ấy nên xa lìa Nhất thiết trí, xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Nên biết người ấy rơi vào hai địa vị hoặc Thanh văn, Bích-chi Phật, do nhân duyên của lời thề ấy nên khởi lên ma sự. Người ấy không thân cận, nương tựa thiện tri thức, không hỏi tướng trạng của chẳng thối chuyển, nên bị ma trói buộc, càng thêm bền chắc. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy không tu hành lâu sáu Ba-la-mật, không có sức phương tiện. Nên biết đó là ma sự của Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Tại sao Bồ-tát không tu hành lâu sáu Ba-la-mật cho đến chưa vào Bồ-tát vị, bị ác ma quấy nhiễu? Này Tu-bồ-đề! Ác ma

biến hóa thành nhiều thân đến nói với Bồ-tát rằng: "Ngươi ở chỗ Phật được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tên ngươi, tên cha ngươi như vậy, tên mẹ ngươi như vậy, tên anh em, chị em như vậy, tên cha mẹ bảy đời của ngươi như vậy, ngươi sanh ở nước ấy, thành ấy, xóm làng ấy". Nếu thấy Bồ-tát tánh hạnh nhu hòa liền nói tiếp với Bồ-tát rằng: Ngươi đời trước cũng nhu hòa; nếu thấy Bồ-tát tánh hạnh bạo ngược liền nói: Ngươi đời trước cũng có tánh như vậy; nếu thấy Bồ-tát tu hành tịch tịnh thì liền nói: Ngươi đời trước cũng tu hạnh tịch tịnh; nếu thấy Bồ-tát mặc áo vá đi khất thực, sau giờ ngọ không uống thức ăn lỏng, một lần ngồi ăn, một bình bát xin ăn nơi người khác, nghỉ ở giữa gò mả, ở chỗ đất trống, dưới cây,

thường ngồi không nằm, như trải tòa ngồi, chỉ dùng ba y, hoặc ít muốn, hoặc biết đủ, hoặc ở chỗ xa làng xóm, hoặc không dùng dầu xoa chân, hoặc ít nói năng, liền nói với Bồ-tát ấy rằng: Ngươi đời trước cũng có hạnh như vậy. Vì sao? Vì ngươi nay có công đức khổ hạnh ấy nên biết ngươi đời trước cũng chắc chắn có công đức ấy. Bồ-tát ấy nghe việc và tên họ đời trước của mình, nghe tán thán công đức khổ hạnh của mình, liền vui mừng sanh tâm kiêu mạn. Khi ấy ác ma nói với Bồ-tát rằng: Ngươi có công đức như vậy, có tướng mạo như vậy, thật ngươi đã được chư Phật thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Ác ma hoặc làm Tỳ-kheo mặc áo pháp, hoặc làm thân cư sĩ, hoặc làm thân cha mẹ đi đến chỗ Bồ-tát nói như vầy: Ngươi đã được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì tướng trạng công đức của bậc chẳng thối chuyển, ngươi đã có đầy đủ. Này Tu-bồ-đề! Ta đã nói Bồ-tát ấy vĩnh viễn thật không có hành, loại, tướng mạo của bậc chẳng thối chuyển. Nên biết Bồ-tát ấy bị ma cầm giữ. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy vĩnh viễn không có hành, loại, tướng mạo của bậc chẳng thối chuyển, chỉ vì nghe danh tự nên sinh tâm kiêu mạn, khinh lộng chê bai người khác, Này Tu-bồ-đề! Ấy là Bồ-tát bị ma cầm giữ, nên biết đó là ma sự của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát không tu hành lâu sáu Ba-la-mật, không biết tướng danh tự, không biết tướng sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Ác ma đi đến nói rằng: Tương lai ông sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác có tên gọi như vậy, tùy theo bổn niệm người kia mà nói lên danh hiệu của nó. Vị Bồ-tát không có trí, không có phương tiện liền nghĩ rằng: Ta đời trước cũng có danh hiệu thành Phật, người kia nói đúng như ý nghĩ của ta, lời người kia nói hợp với bản nguyện của ta, ta chắc chắn đã được Phật thọ ký. Này Tu-bồ-đề! Ta đã nói Bồ-tát ấy vĩnh viễn không có hành, loại, tướng mạo của bậc chẳng thối chuyển, chỉ vì chấp lấy danh

tự suông mà khinh lộng chê bai người khác, vì thế nên xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát ấy xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật, không có sức phương tiện, xa lìa thiện tri thức, tương đắc với ác tri thức, nên rơi vào hai địa vị Thanh văn và Bích-chi Phật. Nếu nhiều lần qua lại trong đường sanh tử, vậy sau trở lại nương tựa Bát-nhã Ba-la-mật, hoặc gặp thiện tri thức thường theo dõi, thân cận, nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người ấy ở ngay thân này, nếu không hối cải liền, thì sẽ rơi vào hai địa vị hoặc A-la-hán hoặc Bích-chi Phật.

Thí như Tỳ-kheo đối với bốn trọng giới, nếu phạm một giới tức chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Thích tử. Người ấy hiện thân không được bốn quả

Sa-môn. Này Tu-bồ-đề! Tâm của Bồ-tát đắm vào danh tự suông cũng như vậy, vì khinh lộng chê bai người khác, nên biết tội ấy nặng hôn tội phạm bốn trọng giới của Tỳ-kheo, hôn nữa còn quá hôn tội ngũ nghịch. Vì đắm vào danh tự mà sanh tâm cao ngạo, khinh lộng chê bai người khác, nếu sanh tâm như vậy, nên biết tội ấy rất nặng, các ma sự vi tế về danh tự như vậy, hàng Bồ-tát nên giác tri.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ở nôi chỗ xa vắng, không nhàn, núi đầm, ma đi đến chỗ Bồ-tát, khen ngợi việc ở xa lìa xóm làng ấy rằng: "Thiện nam tử! Việc ngươi làm đúng theo lời Phật khen ngợi". Này Tu-bồ-đề! Ta không khen ngợi xa lìa là chỉ ở chỗ trống không, nhàn tịnh, núi đầm, khống đạt xa xôi.

Tu-bồ-đề thưa: Nếu chỗ trống không, nhàn tịnh, núi đầm, khống đạt xa xôi không phải là cách xa lìa, vậy lại có cách xa lìa khác thế nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát xa lìa tâm cầu Thanh văn, Bích-chi Phật mà ở chỗ trống không, nhàn tịnh, núi đầm, khống đạt xa xôi thì đó là cách xa lìa được Phật khen ngợi. Này Tu-bồ-đề! Cách xa lìa như vậy, Bồ-tát nên phải ngày đêm thực hành các xa lìa ấy, đó gọi là Bồ-tát tu hạnh xa lìa. Này Tu-bồ-đề! Nếu ác ma nói cách xa lìa là ở chỗ trống không nhàn tịnh, núi đầm, khống đạt xa xôi, thì Bồ-tát đó tâm vẫn ở chỗ huyên náo là vì không xa lìa tâm cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, không siêng tu Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát ấy không thể đầy đủ trí Nhất thiết chủng. Bồ-tát ấy hành theo cách xa lìa của ác ma nói, nên tâm không thanh tịnh, khinh khi Bồ-tát khác ở gần thành thị mà tâm thanh tịnh, khinh khi không có sự huyên náo của Thanh văn, Bích-chi Phật, cũng không có các tâm tạp ác khác, được đầy đủ thiền định, giải thoát, trí tuệ, thần thông. Bồ-tát lìa Bát-nhã Ba-la-mật không có sức phương tiện, thì tuy ở chỗ cách xa cầm thú, quỷ thần, la sát ở, ngoài trăm ngàn do tuần, trải qua hoặc một năm, trăm ngàn vạn ức năm, hoặc quá vạn ức năm mà không biết cách xa lìa của Bồ-tát, đó là Bồ-tát dùng cách xa lìa ấy, mà thâm tâm phát nguyện được Vô thượng Chánh đẳng chánh giác, không hành hạnh tạp thì Bồ-tát ấy vẫn tu ở chỗ huyên náo nương tựa, đắm trước, cách xa lìa của người ấy, Phật không chấp thuận.

Này Tu-bồ-đề! Ta nói cách xa lìa thật là Bồ-tát không ở trong đó cũng không thấy tướng "xa lìa". Vì sao? Vì chỉ thực hành hạnh không "xa lìa". Khi ấy ma đến ở giữa hư không khen ngợi rằng: "Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Đó là cách xa lìa chân chánh của Phật nói, ngươi thực hành hạnh xa lìa ấy mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác" Bồ-tát ấy nghe như vậy, khởi niệm đắm trước hạnh xa lìa mà khinh dễ các Tỳ-kheo

thanh tịnh cầu Phật đạo cho là huyên náo, lấy huyên náo làm không huyên náo, lấy không huyên náo làm huyên náo, nên cung kính lại không cung kính, không nên cung kính lại cung kính. Bồ-tát ấy nói rằng: "Kẻ phi nhơn nghĩ đến ta mà khen ngợi ta sở hành của ta là hạnh xa lìa chân chánh, còn người ở gần thành thị thì ai đến khen ngợi!" Do nhân duyên ấy nên khinh các Bồ-tát khác. Này Tu-bồ-đề! Nên biết đó là hạng Bồ-tát Chiên-đà-la làm ô nhiễm các Bồ-tát; người ấy tương tợ Bồ-tát mà thật là giặc lớn giữa trời người, cũng là kẻ giặc trong hàng Sa-môn mặc áo pháp. Người như vậy, các người cầu Phật đạo không nên thân cận, không nên cúng dường cung kính. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì nên biết người ấy đã rơi vào tăng thượng mạn. Thế nên nếu Bồ-tát muốn không bỏ Nhất thiết trí, muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhất tâm muốn cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, muốn lợi ích chúng sanh, thì không nên thân cận, cung kính, cúng dường người ấy. Vì người ấy cho rằng: Pháp của Bồ-tát là thường nên siêng cầu tư lợi, nhàm sợ thế gian, tâm thường xa lìa ba cõi. Đối với người ấy nên khởi tâm từ, bi, hỷ, xả, ta tu Bồ-tát đạo, không nên sinh các tội lỗi như vậy, nếu sinh hãy nên diệt gấp. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên khéo giác tỉnh việc ấy, đối với việc ấy khéo tự mình ra khỏi.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát thâm tâm muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hãy nên thân cận, cung kính, cúng dường thiện tri thức.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là thiện tri thức của Bồ-tát?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Các đức Phật là thiện tri thức Bồ-tát, các Bồ-tát cũng là thiện tri thức của Bồ-tát, A-la-hán cũng là thiện tri thức của Bồ-tát, sáu Ba-la-mật cũng là thiện tri thức của Bồ-tát, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, cũng là thiện tri thức của Bồ-tát. Như như, thực tế, pháp tánh cũng là thiện tri thức của Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Sáu Ba-la-mật là Thế Tôn, sáu Ba-la-mật là đạo, sáu Ba-la-mật là ánh sáng lớn, sáu Ba-la-mật là ngọn đuốc, sáu Ba-la-mật là cứu vớt, sáu Ba-la-mật là trí, sáu Ba-la-mật là tuệ, sáu Ba-la-mật là cứu vớt, sáu Ba-la-mật là chỗ về, sáu Ba-la-mật là gò bãi, sáu Ba-la-mật là đạo rốt ráo, sáu Ba-la-mật là cha mẹ. Bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng cũng như vậy. Vì sao? Vì sáu Ba-la-mật và ba mươi bảy pháp trợ đạo cũng là cha mẹ của chư Phật quá khứ, cũng là cha mẹ của chư Phật vị lai, hiện tại. Vì sao? Vì chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều từ trong sáu Ba-la-mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo xuất sanh. Vì thế nên Bồ-tát muốn cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng

sanh, nên học sáu Ba-la-mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo và bốn nhiếp pháp mà nhiếp thủ chúng sanh.

Những gì là bốn nhiếp pháp? Đó là bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Này Tu-bồ-đề! Vì sự lợi ích ấy nên ta nói sáu Ba-la-mật và ba mươi bảy pháp trợ đạo là Thế Tôn của Bồ-tát; là đạo, là ánh sáng lớn, là ngọn đuốc, là trí, là tuệ, là cứu vớt, là chỗ về, là gò bãi, là đạo rốt ráo, là cha mẹ của Bồ-tát. Do lẽ ấy nên Bồ-tát muốn không theo lời dạy của người khác, mà an trú muốn dứt hết nghi lầm cho chúng sanh, muốn nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật nói rộng các pháp, đó là chỗ Bồ-tát nên học.

LUẬN: Hỏi: Trong phẩm "Chẳng thối chuyển" đã nói rộng tướng trạng chẳng thối chuyển, cớ sao nay nói lại?

Đáp: Nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật được nói đều là tướng trạng chẳng thối chuyển, nhưng trong phẩm "Chẳng thối chuyển" nói nhiều việc ấy; còn trong các phẩm khác cũng có nhiều chỗ nói tướng trạng chẳng thối chuyển nhưng không có thứ lớp. Có người nói: Vì chúng sanh hậu lai mà nói tướng trạng chẳng thối chuyển với lời lẽ khác. Có người nói:

Có hai thứ chẳng thối chuyển:

Đã được thọ ký

Chưa được thọ ký. Được thọ ký có hai:

Được thọ ký trong hiện tiền.

Không được thọ ký trong hiện tiền. Không được thọ ký trong hiện tiền có hai:

Đầy đủ nhân duyên thọ ký.

Chưa đầy đủ nhân duyên thọ ký.

Đầy đủ nhân duyên thọ ký là biết thực tướng các pháp, đầy đủ sáu Ba-la-mật; không đầy đủ nhân duyên thọ ký là chỉ biết thực tướng các pháp, được một phần Bát-nhã Ba-la-mật, còn các Ba-la-mật khác chưa đầy đủ. Bồ-tát ấy có thể đối đáp như Bồ-tát chẳng thối chuyển, đây là tướng trạng chẳng thối chuyển, được nói ở cuối phẩm trước. Thế nên thứ lớp nói: Trong mộng không tham hai địa Nhị thừa, nên tuy chưa đầy đủ pháp chẳng thối chuyển cũng gọi là chẳng thối chuyển, như vậy nên trong phẩm này thứ lớp nói. Bồ-tát ấy trong ban ngày, thường tu tập "không" nên ban đêm ở trong mộng cũng không tham ba cõi; người ấy thường tu hành tâm từ bi đối với chúng sanh, ưa vui Phật pháp, nên không tham Nhị thừa, hoặc khi mộng, khi thức đều quán các pháp như mộng, như huyễn. Bồ-tát ấy tuy chưa được

hiện tiền thọ ký, chưa đầy đủ các pháp khác, cũng được gọi là tướng trạng chẳng thối chuyển. Vì sao? Vì Bồ-tát thối chuyển ở hai nôi. 1. Đắm trước cái vui của thế gian nên thối chuyển. 2. Thủ chứng Nhị thừa nên thối chuyển. Còn Bồ-tát tâm kiên cố , sâu vào "không" và có tâm từ bi, nên cho đến trong mộng cũng không tham ba cõi, Nhị thừa, huống gì trong khi thức.

Lại nữa, nếu Bồ-tát trong mộng thấy Phật thuyết pháp ở giữa đại chúng trời, người, đó là nghĩa thực tướng các pháp. Bồ-tát biết nghĩa ấy tâm hợp với pháp.

Lại nữa, Pháp bí mật của chư Phật, Bồ-tát trong mộng được thấy, đó là thấy thân Phật vô lượng quá núi Tu-di, sắc vàng Diêm-phù-đề, tự trang nghiêm với ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, phóng ra vô lượng hào quang, phạm âm thuyết pháp; lại từ lỗ chân lông trên thân, biến ra vô lượng hóa Phật đi đến mười phương dùng sức phương tiện, thi hành Phật sự, độ thoát chúng sinh. Bấy giờ Bồ-tát ấy thấy sức thần thông của Phật, nên thâm tâm trong sạch, hỏi Phật pháp, biết được thực tướng các pháp, ấy gọi là chẳng thối chuyển. Bồ-tát ấy thường tập hành rốt ráo không, nên các phiền não chấp ta và của ta bị bẻ mỏng, cho đến đối với tự thân không tiếc, huống gì kẻ thân thích khác. Vì nhân duyên ấy nên nếu trong mộng thấy hoặc tự thân, hoặc cha mẹ, hoặc bị giết, hoặc chết, và làng xóm bị phá hoại cũng không ưu não sợ hãi. Khi thức dậy suy nghĩ: Như trong mộng không chết mà thấy chết, không sợ mà thấy sợ, hết thảy ba cõi đều như vậy, chứ dâu chỉ trong mộng. Khi ta thành Phật sẽ vì chúng sanh nói các pháp rốt ráo không, như mộng.

Lại nữa, có Bồ-tát khi gieo trồng nhân duyên về cõi nước thanh tịnh nguyện rằng: "Ta trong bấy nhiêu thời gian nguyện chứa nhóm công hạnh làm cõi nước thanh tịnh." Tu tập tâm ấy, nên trong mộng nếu thấy chúng sanh ba đường ác, liền được tâm này: Khi ta thành Phật khiến cõi nước ta cho đến không có danh tự ba đường ác.

Lại nữa, Bồ-tát thường tu tâm từ bi, nên trong mộng thấy lửa địa ngục đốt chúng sinh liền thề, lửa liền tắt; khi thức dậy giữ lấy tướng ấy, nếu thấy lửa thật đốt thành quách liền nghĩ rằng: Ta trong mộng có thể làm tắt lửa, thì lửa này cũng sẽ tắt. Vì cớ sao? Vì Phật nói cảnh mộng và thức không khác nhau. Do Bồ-tát ở trong vô lượng kiếp tu tập phước đức, được thật tướng các pháp nên quỷ thần, long vương giúp đỡ làm tắt lửa. Trong đó có thứ lửa không tắt mà đốt cháy một nhà chừa một nhà, đó là vì chúng sinh tội nặng, sức phước đức và trí tuệ của Bồ-tát không thể dứt tội nặng ấy vì đó là tội phá pháp. Pháp đây là Bát-nhã Ba-la-mật. Sự lợi ích của các pháp

khác không sánh kịp Bát-nhã Ba-la-mật, thế nên phá Bát-nhã Ba-la-mật mắc tội nặng. Do sức thệ nguyện của Bồ-tát nên lửa không thứ lớp đốt cháy, chỉ vì tội nặng không thể cứu, chứ không ngại gì tướng trạng chẳng thối chuyển. Bị kẻ phi nhơn cầm giữ cũng như lửa chú thuật. Có Bồ-tát chưa biết vô sinh pháp nhẫn, nghe nói đọc câu chú chẳng thối chuyển, quỷ bỏ đi, liền đọc chú. Bồ-tát ấy tự mình chưa có sức, ác ma đến khiến quỷ thần bỏ đi, lại tự ỷ thị cho là do sức của mình. Vì có lỗi lầm như vậy nên Phật dạy phải giác tỉnh.

Lại nữa, Bồ-tát chưa vào chính vị, ác ma hiện các loại hình, theo tâm niệm của Bồ-tát đi đến nói rằng: Ông dã được thọ ký, ông có tướng ấy, chỉ vì mắt thịt nên không biết. Do nhân duyên đó, nên Bồ-tát sinh tâm tăng thượng mạn, khinh miệt người khác.

Lại nữa, Bồ-tát không ngộ được thực tướng các pháp, không biết năm uẩn hòa hợp bèn có ra tướng danh tự. Ác ma đi đến thọ ký cho rằng: "Ông sẽ làm Phật, danh tự như vậy." Bồ-tát ấy suy nghĩ, ta vốn có ý nghĩ về danh tự ấy, nay ma nói đồng với sở nguyện của ta, chắc chắn chư Phật thọ ký cho ta như thế, nên sanh tâm kiêu mạn, khinh các đại Bồ-tát khác. Do nhân duyên ấy nên xa lìa đạo Vô thượng, khi chịu tội xong, lại rơi vào hàng Nhị thừa. Nếu ngay thân này biết sám hối, thì sau khi đền tội xong sẽ trở lại nương tựa Bát-nhã Ba-la-mật được làm Phật. Vì cớ sao? Nếu để qua thân khác mới sám hối thì tội càng nặng khó dứt, không được làm Phật. Tâm Bồ-tát ấy đắm trước vào danh tự suông, mắc tội nặng, nên Phật nói thí dụ về bốn trọng cấm; phá trọng cấm; phá trọng cấm ấy thì thân hiện tại không được thành bốn đạo quả. Vì sao? Vì trong bốn trọng cấm, tội đại vọng ngữ là tự xưng ta là A-la-hán; còn trong kinh này, đắm trước theo danh từ thọ ký mà tự cho mình sẽ làm Phật, nên tội nặng hơn phạm bốn trọng cấm.

Quá hơn tội ngũ nghịch là, như trong phẩm Địa ngục đã nói về tội phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật.

Ma sự vi tế: Tế là không trái ý kia, tùy theo bản nguyện của người kia giúp thành tâm niệm họ; Bồ-tát ấy chưa đắc pháp chẳng thối chuyển, bị ma dối gạt nói đã được; đó là ma sự vi tế. Hàng Bồ-tát lợi căn nên giác tỉnh trừ bỏ xa lìa.

Lại nữa, Bồ-tát ở chỗ xa lìa làng xóm, ác ma đi đến khen ngợi rằng: "Ngươi có thể xa lìa thân tộc, bạn đồng học, một mình ở giữa rừng sâu, hành Phật đạo, ấy là đạo hạnh của vị chân Bồ-tát". Bồ-tát nghe lời nói ấy sanh tâm kiêu mạn, khinh các Bồ-tát khác đang ở giữa đại chúng. Vì việc ấy nên xa lìa Phật đạo, rơi vào Nhị thừa. Phật dùng mọi cách, quở trách Bồ-

tát ấy là giặc là Chiên-đà-la v.v... như trong kinh này nói, không nên thân cận hạng người ấy. Phật nói xa lìa là tâm xa lìa Nhị thừa, ba cõi, ấy là "chân xa lìa". Như trong kinh nói rộng về các ma sự vi tế như vậy, hãy nên giác tỉnh mà xa lìa.

Lại nữa, Bồ-tát thâm tâm muốn cầu được đạo Vô thượng; thâm tâm là nhứt tâm, là tâm chuyên nhứt, tâm cẩn trọng, tâm ưa Phật đạo, vượt ra ngoài cái vui thế gian, nên thân cận thiện tri thức. Vì cớ sao? Vì có hai nhân duyên được vô thượng đạo: 1. Trong. 2. Ngoài. Trong là nhớ nghĩ, tư duy, trù lượng các pháp một cách đúng đắn; ngoài là thiện tri thức. Phật ở nhiều nơi nói về tướng mạo thiện tri thức, thế nên Tu-bồ-đề hỏi Phật: "Thế nào là thiện tri thức của Bồ-tát?" Phật đáp: "Chư Phật, đại Bồ-tát và Thanh văn là thiện tri thức của Bồ-tát; sáu Ba-la-mật cho đến trí Nhất thiết chủng, như như, pháp tánh, thực tế cũng là thiện tri thức." Vì các pháp ấy có thể làm thành tựu sự việc Bồ-tát nên nói sáu Ba-la-mật v.v... là thiện tri thức. Ba hạng Thánh nhơn lấy sáu Ba-la-mật ấy, khiến Bồ-tát phụng hành, được làm Phật. Thế nên pháp và người, chung gọi là thiện tri thức.

Hỏi: Phật và Bồ-tát, sáu Ba-la-mật có thể làm thành Bồ-tát nên là thiện tri thức, còn Tiểu thừa đạo thì khác, làm sao cùng làm thiện tri thức được?

Đáp: Có người Tiểu thừa đời trước cầu Phật đạo nên có lợi căn, tuy là Tiểu thừa mà có tâm thương xót, xem xét họ có thể thành Đại thừa nên vì họ nói pháp Đại thừa, biết báo ân Phật, khiến cho giống Phật không dứt. Như Xá-lợi-phất trong sáu mươi kiếp cầu Phật đạo, tuy thối chuyển là A-la-hán, nhưng cũng có trí tuệ lợi căn có thể vì hàng Bồ-tát nói pháp Đại thừa. Tu-bồ-đề thường tu hạnh vô tánh tam-muội, thường có tâm từ bi đối với chúng sanh nên cũng có thể giáo hóa hàng Bồ-tát về pháp Đại thừa. Như Ma-ha Ca-diếp dùng sức thần thông duy trì thân này cho đến ngày Phật Di-lặc ra đời, ở núi Cửu-túc đi ra, làm nhân duyên đắc đạo cho đại chúng. Những việc như vậy rất nhiều.

Hỏi: Sáu Ba-la-mật thu nhiếp hết các pháp, sao nay còn nói riêng ba mươi bảy pháp trợ đạo cho đến "như như, pháp tánh, thật tế"?

Đáp: Sáu Ba-la-mật là nói lược, bốn niệm xứ v.v... là nói rộng, giải thích sáu Ba-la-mật. Sáu Ba-la-mật là sô đạo của Bồ-tát, hôi xa, còn ba mươi bảy pháp trợ đạo là nhân duyên gần. Trong sáu Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật rất lớn; thí như tuy có nhiều sao sáng, mà mặt trời, mặt trăng sáng hơn. Trong hai Ba-la-mật ấy, bốn niệm xứ và mười trí lực của Phật rất thù diệu, có thể làm lợi ích lớn, hiện đời làm cho người ta

đắc đạo, còn trì giới, bố thí v.v... không sánh bằng. Nói riêng về pháp vô vi, như như, pháp tánh, thật tế, vì là chân thật không hư dối, nên có thể thành Bồ-tát sự. Tu bốn niệm xứ, ngộ được như như, pháp tánh khiến Bồ-tát ra khỏi hư dối nên gọi là thiện tri thức.

Lại nữa, sáu Ba-la-mật như Phật không khác, hiện tại Phật dùng pháp ấy độ người, nên gọi là Thế Tôn. Lời Thế Tôn nói không thể hoại, lời của sáu Ba-la-mật nói cũng không thể hoại, thế nên nói sáu Ba-la-mật là Thế Tôn. Đó là đạo, tu theo đạo ấy đi thẳng vào vô lượng Phật pháp. Những lời nói trong sáu Ba-la-mật, người biết trù lượng tư duy phân biệt thường tu hành thì được trí tuệ lớn, phá các vô minh thế gian, thế nên nói sáu Ba-la-mật là ánh sáng lớn, là đuốc lớn, là trí, là tuệ, là cứu vớt, là chỗ về, là gò bãi, là đạo rốt ráo như trên nói.

Bát-nhã Ba-la-mật là mẹ, năm Ba-la-mật kia là cha hợp lại nói sáu Ba-la-mật là cha mẹ, như sáu Ba-la-mật nói về bốn niệm xứ cũng như vậy. Trong kinh này nói nhân duyên sáu Ba-la-mật cũng là cha mẹ của chư Phật mười phương ba đời. Sáu Ba-la-mật là pháp tự lợi. người tu hành muốn lấy sáu Ba-la-mật giáo hóa chúng sanh, nghiêm tịnh cõi Phật, nên lấy bốn nhiếp pháp nhiếp thủ chúng sinh. Tự lợi, lợi tha như vậy nên Phật nói sáu Ba-la-mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo là Thế Tôn, là đạo. Thế nên Bồ-tát nếu muốn không tùy theo giáo lý khác mà muốn không tùy theo giáo lý khác thì tự biết thực tướng các pháp, cho đến gặp ma biến làm thân Phật đi đến nói khác với pháp thực tướng cũng không tin, không theo. Tự được Bồ-tát đạo, dần dần đầy đủ Phật pháp, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, được Phật đạo nên có thể dứt nghi lầm cho chúng sinh; nếu muốn được đạo ấy nên học Bát-nhã. Trong Bát-nhã Ba-la-mật nói đủ các việc thế gian, xuất thế gian, hoặc lớn hoặc nhỏ.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 77

GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI MỐT (Tiếp): TRONG MỘNG KHÔNG CHỨNG

KINH: Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là tướng Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Như tướng hư không là tướng Bát-nhã Ba-la-mật. Này Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật không có tướng gì.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Có phải có nhân duyên mà như tướng Bát-nhã Ba-la-mật, tướng các pháp cũng như vậy chăng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy! Đúng vậy! Như tướng Bát-nhã Ba-la-mật, tướng các pháp cũng như vậy. Vì sao? Vì tướng các pháp là tướng lìa, là tướng không, vì nhân duyên ấy, như tướng Bát-nhã Ba-la-mật, tướng các pháp cũng như vậy, đó là tướng lìa, tướng không.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp hết thảy pháp lìa, hết thảy pháp hết thảy pháp không, làm sao biết chúng sanh hoặc nhơ, hoặc sạch? Bạch đức Thế Tôn! Pháp tướng lìa không nhơ, không sạch; pháp tướng không, không nhơ không sạch; pháp tướng lìa, tướng không, không thể chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tướng lìa tướng không không có pháp có thể thủ đắc. Bạch đức Thế Tôn! Trong tướng lìa, tướng không không có Bồ-tát chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bạch đức Thế Tôn! Tôi làm sao hiểu được nghĩa Phật nói.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao, chúng sanh từ lâu xa hành theo tâm chấp ngã, ngã sở chăng?

Đúng vậy! Bạch Thế Tôn. Chúng sanh từ lâu xa hành theo tâm chấp ngã, ngã sở.

Ý ông nghĩ sao, tướng tâm chấp ngã, ngã sở ấy là xa lìa, là không" chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Tướng tâm chấp ngã, ngã sở ấy, là xa lìa, là không.

Ý ông nghĩ sao, do tâm chấp ngã, ngã sở mà chúng sanh qua lại trong đường sanh tử chăng?

Đúng vậy! Bạch Thế Tôn. Do tâm chấp ngã, ngã sở mà chúng sanh qua lại trong đường sanh tử.

Đúng như vậy, Tu-bồ-đề! Vì chúng sanh qua lại trong đường sanh tử nên biết có cấu uế phiền não. Nếu chúng sanh không có tâm chấp ngã, ngã sở, không có tâm nhiễm trước thì chúng sanh ấy không còn qua lại trong đường sanh tử; nếu không qua lại trong đường sanh tử, thì biết không có cấu uế phiền não. Như vậy, chúng sanh có được thanh tịnh.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát tập hành như vậy là không tập hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức; là không tập hành theo bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo phần; là không tập hành nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; là không tập hành mười trí lực cho đến trí Nhất thiết chủng của Phật. Vì sao? Vì pháp ấy không thể có được, cũng không có chỗ tập hành, cũng không có pháp tập hành. Bồ-tát tập hành như vậy, hết thảy thế gian người, trời, A-tu-la không thể hàng phục được. Bồ-tát ấy, hết thảy Thanh văn, Bích-chi Phật không thể sánh kịp. Vì sao? Vì nôi trú xứ không thể sánh kịp, đó là Bồ-tát vị. Bạch Thế Tôn! Bồ-tát ấy tập hành tâm tương ứng với Nhất thiết trí nên không có ai có thể sánh kịp. Tu-bồ-đề! Bồ-tát tập hành như vậy mau gần Nhất thiết trí.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, nếu chúng sanh trong cõi Diêm-phù-đề đều được làm thân người, được làm thân người rồi, đều được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ suốt đời cúng dường, tôn trọng, tán thán các chúng sanh ấy, rồi đem thiện căn ấy hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì thiện nam, thiện nữ ấy do nhân duyên đó được phước nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Rất nhiều, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Chẳng bằng kẻ thiện nam, người thiện nữ ở giữa đại chúng diễn nói, chỉ bày, phân biệt, khai triển Bát-nhã Ba-la-mật và nhớ nghĩ đúng đắn, thực hành ứng hợp Bát-nhã Ba-la-mật, phước đó rất nhiều. Cho đến đối với chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, chúng sanh ở trong cõi Diêm-phù-đề cùng một lúc đều được làm thân người, được làm thân người rồi, nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ dạy họ tu mười thiện đạo, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, dạy họ khiến được đạo Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật, dạy họ khiến được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi đem thiện căn ấy hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì

này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, kẻ thiện nam, người thiện nữ ấy được phước nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Rất nhiều, bạch đức Thế Tôn!

Phật dạy: Chẳng bằng kẻ thiện nam, người thiện nữ đem Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm, vì chúng sanh thuyết giảng, chỉ bày, phân biệt, soi sáng, khai triển và chẳng lìa Nhất thiết trí, được phước rất nhiều. Cho đến đối với chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới cũng lại như vậy. Bồ-tát ấy, không xa lìa tâm tương ưng với Nhất thiết trí, thì đạt đến bờ mé hết thảy phước điền. Vì sao? Vì trừ Phật ra không có pháp nào khác sánh bằng thế lực của Bồ-tát. Vì sao? Vì Bồ-tát khi tu Bát-nhã, đối với hết thảy chúng sanh khởi tâm đại từ, thấy chúng sanh đi đến chỗ chết mà khởi tâm đại bi; khi tu đạo vui vẻ sanh tâm đại hỷ, không có ý tưởng phân biệt, liền được đại xả. Tu-bồ-đề! Ấy là đại trí sáng suốt của Bồ-tát. Đại trí sáng suốt là sáu Ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Các thiện nam tử ấy, tuy chưa làm Phật mà có thể vì chúng sanh làm ruộng phước lớn, đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không thối chuyển. Được thọ nhận sự cúng dường, y phục, ăn uống, đồ nằm, giường chiếu, thuốc chữa bệnh và các thứ cần để nuôi sống, tập hành tương ưng với Bát-nhã Ba-la-mật, nhớ nghĩ tới ân thí chủ, có thể báo đáp, chóng gần Nhất thiết trí. Vì thế, nên nếu Bồ-tát muốn không hư phí của thí chủ trong quốc độ, muốn chỉ bày con đường ba thừa cho chúng sanh, muốn vì chúng sanh làm ánh sáng lớn, muốn vớt chúng sanh ra khỏi lao ngục ba cõi, muốn cho chúng sanh con mắt sáng, thì nên thường tập hành Bát-nhã Ba-la-mật. Khi tập hành Bát-nhã Ba-la-mật nếu muốn giảng nói, thì chỉ giảng nói Bát-nhã Ba-la-mật; giảng nói Bát-nhã Ba-la-mật rồi thường nhớ nghĩ Bát-nhã Ba-la-mật; thường nhớ nghĩ Bát-nhã Ba-la-mật rồi, thường thực hành Bát-nhã Ba-la-mật không để cho ý niệm khác khởi lên, ngày đêm siêng tập hành niệm tương ưng với Bát-nhã Ba-la-mật, không ngừng, không nghỉ. Thí như kẻ sĩ phu, chưa từng được ngọc ma-ni, lúc sau mới được, được rồi rất vui mừng nhảy nhót, sau đó lại mất đi, liền rất ưu sầu thương nhớ nghĩ ngọc ma-ni ấy, nghĩ rằng: "Ta vì sao bỗng chốc mất của báu lớn ấy." Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng như vậy, thường nhớ nghĩ Bát-nhã Ba-la-mật, tâm không lìa Nhất thiết trí.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Tánh của hết thảy ý niệm tự "xa lìa", tánh của hết thảy ý niệm tự "không", làm sao Bồ-tát tập hành Bát-nhã Ba-la-mật, không lìa ý niệm tương ưng với Nhất thiết trí? Trong pháp "xa lìa" và "không" ấy, không có Bồ-tát, không có ý niệm,

không có tương ưng Nhất thiết trí?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát biết tánh của hết thảy pháp tự xa lìa, tánh của hết thảy pháp tự không, chẳng phải Thanh văn, Bích-chi Phật làm, cũng chẳng phải Phật làm. Biết tướng các pháp là thường trú, pháp trụ, pháp vị, như như thật tế, ấy gọi là Bồ-tát tập hành Bát-nhã Ba-la-mật, không xa lìa tâm niệm tương ưng với Nhất thiết trí. Vì sao? Vì tánh Bát-nhã Ba-la-mật tự xa lìa, tự không, không thêm, không bớt.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu tánh Bát-nhã Ba-la-mật tự xa lìa, tự không, thì làm sao Bồ-tát cùng với Bát-nhã Ba-la-mật được Vô thượng Chánh Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát với Bát-nhã Ba-la-mật không thêm, không bớt. Vì sao? Vì như như, pháp tính, thật tế không thêm, không bớt. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật chẳng phải một, chẳng phải khác. Nếu Bồ-tát nghe nói tướng Bát-nhã Ba-la-mật như vậy mà tâm không kinh, không thối mất, không sợ, không hãi, không nghi, thì nên biết Bồ-tát ấy tập hành Bát-nhã Ba-la-mật, nên biết Bồ-tát ấy chắc chắn trú trong địa vị chẳng thối chuyển.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật không, không có gì của chính nó, tướng không kiên cố ấy là tập hành Bát-nhã Ba-la-mật chăng?

Không phải, Tu-bồ-đề!

Bạch đức Thế Tôn! Lìa "không" lại có pháp tập hành Bát-nhã Ba-la-mật chăng?

Không phải, Tu-bồ-đề!

Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật tập hành Bát-nhã Ba-la-mật chăng?

Không phải, Tu-bồ-đề!

Bạch đức Thế Tôn! Lìa Bát-nhã Ba-la-mật tập hành Bát-nhã Ba-la-mật chăng?

Không phải, Tu-bồ-đề!

Bạch đức Thế Tôn! Sắc tập hành Bát-nhã Ba-la-mật chăng?

Không phải, Tu-bồ-đề!

Bạch đức Thế Tôn! Thọ, tưởng, hành, thức, tập hành Bát-nhã Ba-la-mật chăng?

Không phải, Tu-bồ-đề!

Bạch đức Thế Tôn! Sáu Ba-la-mật tập hành Bát-nhã Ba-la-mật chăng?

Không phải, Tu-bồ-đề!

Bạch đức Thế Tôn! Bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung tập hành Bát-nhã Ba-la-mật chăng?

Không phải, Tu-bồ-đề!

Bạch đức Thế Tôn! Tướng sắc không, hư dối không thật, không có gì của chính nó, tướng không kiên cố, tướng sắc như như, pháp tánh, pháp vị, thật tế tập hành Bát-nhã Ba-la-mật chăng?

Không phải, Tu-bồ-đề!

Bạch đức Thế Tôn! Tướng thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung không, hư dối không thật, không có gì của chính nó, tướng không kiên cố, như như, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế tập hành Bát-nhã Ba-la-mật chăng?

Không phải, Tu-bồ-đề!

Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp ấy đều không tập hành Bát-nhã Ba-la-mật thì làm sao tập hành, gọi là Bồ-tát tập hành Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao, ông thấy riêng có pháp tập hành Bát-nhã Ba-la-mật chăng?

Thưa không, bạch đức Thế Tôn!

Này Tu-bồ-đề! Ông thấy chỗ khả hành Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ-tát chăng?

Thưa không, bạch đức Thế Tôn!

Này Tu-bồ-đề! Pháp mà ông không thấy, pháp ấy có thể có được chăng?

Thưa không, bạch đức Thế Tôn!

Này Tu-bồ-đề! Nếu pháp không thể có được, pháp ấy sẽ sinh ra chăng?

Thưa không, bạch đức Thế Tôn!

Này Tu-bồ-đề! ấy gọi là Bồ-tát được Vô sanh pháp nhẫn, Bồ-tát thành tựu nhẫn ấy, thì được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là trí không ngại, không sợ của chư Phật. Bồ-tát tập hành pháp ấy một cách siêng năng, tinh tấn, nếu không được trí lớn, trí Nhứt thiết chủng tức là trí Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì không có lẽ ấy. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy từ khi được Vô sanh pháp nhẫn cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không giảm, không thối.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Tướng các pháp là vô sinh, ở trong đó được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

Không phải, Tu-bồ-đề!

Bạch đức Thế Tôn! Tướng các pháp sinh, ở trong đó được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

Không phải, Tu-bồ-đề!

Bạch Thế Tôn! Tướng các pháp chẳng phải sinh, chẳng phải không sinh ở trong đó được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

Không phải, Tu-bồ-đề!

Bạch Thế Tôn! Vậy các Bồ-tát làm sao biết các pháp mà được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông thấy có pháp được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn! Con không thấy có pháp được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không thấy pháp có người được và chỗ được.

Phật dạy: Đúng vậy! Đúng vậy.

Nếu Bồ-tát khi đối với hết thảy pháp không có sở đắc gì, thì không nên nghĩ rằng ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hoặc dùng việc ấy được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy gọi là chỗ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì các Bồ-tát tập hành Bát-nhã Ba-la-mật không có các ức tưởng phân biệt. Vì sao? Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật không có các ức tưởng phân biệt.

LUẬN:

Hỏi: Trên đã nói mỗi mỗi tướng Bát-nhã, sao nay còn hỏi lại?

Đáp: Bát-nhã Ba-la-mật vi diệu đệ nhất, nghe không chán, không

có khi nào đủ, không có tướng nhất định nên không nên nạn hỏi. Như đại Bồ-tát ở ngôi thập trụ đối với Bát-nhã Ba-la-mật còn chưa đầy đủ, huống gì Tu-bồ-đề là hạng người Tiểu thừa!

Lại nữa, nghe trên kia mỗi mỗi khen ngợi Bát-nhã là cha, là mẹ v.v... thế nên hỏi lại. Phật nhân Tu-bồ-đề hỏi, nên vì các chúng sanh khác nói rộng tướng Bát-nhã Ba-la-mật. Tu-bồ-đề gọi tướng hư không là tướng Bát-nhã Ba-la-mật. Như tướng hư không không có sắc, không có tướng phi sắc; Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, không có tướng gì của chính nó. Tu-bồ-đề lại hỏi: Vả chăng có nhân duyên mà tướng các pháp như tướng Bát-nhã chăng? Phật đáp: Có, vì hết thảy pháp rốt ráo không, rốt ráo lìa tướng, nên nói như tướng Bát-nhã Ba-la-mật, hết thảy pháp cũng vậy. Tu-bồ-đề gạn hỏi: Nếu hết thảy lìa tướng, không tướng thì làm sao biết có nhơ có sạch,

làm sao Bồ-tát được đạo Vô thượng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao, chúng sinh từ lâu xa hành theo tướng ngã, ngã sở; theo nghĩa của Phật nói: Như ngã, ngã sở rốt ráo không có, vì chúng sinh điên đảo, si cuồng chấp có nên sinh các phiền não, nhân các phiền não nên có nghiệp, nhân nghiệp nên qua lại trong đường sinh tử; các việc ấy rốt ráo không. Vì sao? Vì ngã không có, nên tâm ngã sở hư dối; tâm ngã sở hư dối nên các pháp nhân quả khác, triển chuyển đều hư dối . Nếu do thật trí tuệ Bát-nhã Ba-la-mật quán năm uẩn vô thường, khổ, không, vô ngã, lìa tự tướng, tự tướng không, từ xưa nay rốt ráo không sinh. Bấy giờ tâm chấp ngã, ngã sở tiêu diệt; như mặt trời xuất hiện, các bóng tối đều mất. Vì tâm chấp ngã, ngã sở diệt nên các phiền não diệt; vì các phiền não diệt nên nghiệp duyên cũng diệt; vì nghiệp duyên diệt nên việc qua lại trong đường sinh tử chấm dứt; ấy gọi là tịnh.

Tuy tướng hết thảy pháp đều không, nhưng cũng do nhân duyên như vậy nên có sạch có nhơ. Khi ấy Tu-bồ-đề suy nghĩ, trù lượng lời Phật xong, bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát hành như vậy thật không hành sắc ... Vì sao? Vì Bồ-tát không thủ đắc tướng tập hành, chỗ tập hành, người tập hành. Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tập hành được như vậy thì hết thảy trời, người, thế gian không ai hàng phục được. Người thế gian đều chấp trước giả danh, còn hành giả thì tu hành thật pháp, cho nên không thể hàng phục. Người thế gian chấp đắm vào mọi thứ hư dối, điên đảo và quả báo hư dối, còn Bồ-tát đối với rốt ráo không, còn không chấp trước, huống gì các các pháp khác! Như vậy làm sao hàng phục được?

Trời, người, A-tu-la, thế gian là hạng người có trí tuệ trong ba đường thiện, nên nói không thể hàng phục. Lại nữa, hết thảy Thanh văn, Bích-chi Phật là không thể sánh kịp, đây là hạng ở trên ba đường thiện, là y cứ nơi người chưa đắc đạo mà nói, còn trong đây nói người đắc đạo không thể sánh kịp. Lý do không thể sánh kịp là khi Bồ-tát vào pháp vị thì hết thảy ma, kẻ ma xui khiến không thể làm não hại. Bồ-tát ấy thường tập hành tâm tương ưng Nhất thiết trí, gần với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì không chấp trước hết thảy pháp, thường chứa nhóm hết thảy pháp trợ đạo, nên Phật chấp thuận lời kia mà khen ngợi.

Phật muốn đem trí tuệ như vậy, vì người khác nói, nên trước tán thán hạnh tự lợi của Bồ-tát, nay vì lợi tha, phân biệt quả báo phước đức nên hỏi Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao, chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề đều được làm thân người như trong kinh này nói rộng, cho đến tâm tương ưng với Nhất thiết trí là vượt trên hết thảy ruộng phước. Trong đây nói nhân duyên rằng:

Nếu Bồ-tát tự tu Bát-nhã Ba-la-mật, cũng dạy người khác tu thì vị ấy đối với hết thảy ruộng phước có thể đạt đến bờ mé nó.

Ruộng phước là từ Tu-đà-hoàn cho đến Phật. Bồ-tát có thể thực hành như Bát-nhã nói, thì được làm Phật; các phước đức thiện pháp khác vì lìa Bát-nhã Ba-la-mật, nên đều cùng tận, còn Bát-nhã Ba-la-mật không thể cùng tận.

Kinh nói: Không có phước đức nào khác bằng thế lực của Bồ-tát, khi Bồ-tát tu hành Bát-nhã, được các nhẫn lực đối với các pháp bình đẳng; được bình đẳng nhẫn nên tuy tu hành "không", cũng có thể tu bốn tâm vô lượng. Trong bốn tâm vô lượng, tâm đại bi là gốc của đại thừa, thấy chúng sinh đi đến cái chết như người tù bị giết, các Bồ-tát có thể phát sinh sáu Ba-la-mật cho đến trí Nhất thiết chủng, nên tuy chưa được đạo Vô thượng, đã là ruộng phước cho hết thảy chúng sinh. Thế nên nói: Bồ-tát nếu muốn không luống uổng khi ăn của thí chủ trong nước, hãy nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Không luống uổng khi ăn là có thể báo đáp ơn thí chủ, có thể phát sinh đạo, có thể làm cho phước đức của thí chủ không cùng tận cho đến vào Niết-bàn. Nếu chỉ bày đạo ba thừa cho chúng sinh, chỉ bày Nhất thiết trí rất sáng cho chúng sinh, cũng muốn kéo chúng sinh ra khỏi bốn trói buộc trong ngục ba cõi, muốn chúng sinh được năm mắt, phải nên thường tu niệm tương ưng với Bát-nhã Ba-la-mật. Niệm tương ưng tức là tâm Bát-nhã. Nếu tập hành tâm Bát-nhã thì nếu có nói gì thì chỉ nói Bát-nhã Ba-la-mật mà thôi.

Phật sắc dạy đệ tử, nếu hòa hợp cộng trú thường nên hành hai việc: một là Hiền Thánh im lặng; hai là thuyết pháp. Hiền Thánh im lặng là tâm Bát-nhã; thuyết pháp là thuyết Bát-nhã Ba-la-mật. Người ấy từ tâm Bát-nhã phát xuất, thuyết Bát-nhã Ba-la-mật; thuyết Bát-nhã Ba-la-mật rồi trở lại vào trong Bát-nhã, không để cho tâm khác, lời khác xen vào, ngày đêm thường tu như vậy không ngừng, không nghỉ như vậy sẽ được công như trước nói. Phật muốn làm cho việc ấy rõ ràng nên nói thí dụ: Như người nghèo mất của báu có giá trị lớn, thường nhớ mãi không thôi, Bồ-tát cũng như vậy, không rời tâm Nhất thiết trí, thường tu Bát-nhã Ba-la-mật không ngừng, không nghỉ.

Bấy giờ Tu-bồ-đề nghe việc ấy liền bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy tâm niệm đều không, làm sao Bồ-tát không rời niệm Nhất thiết trí? Vì trong không, Bồ-tát không thể có được, Nhất thiết trí cũng không thể có được?

Phật đáp: Nếu Bồ-tát biết hết thảy pháp xa rời tự tánh, chẳng phải

Thanh văn, Bích-chi Phật làm ra, cũng chẳng Phật làm ra, mà từ nhân duyên xuất sinh các pháp tướng như như, thật tế thường trụ thế gian, tức là Bồ-tát không rời hạnh Bát-nhã Ba-la-mật. Phật tự nói nhân duyên, vì Bát-nhã Ba-la-mật không, xa lìa, nên không thêm không bớt.

Tu-bồ-đề nghe như vậy lại hỏi Phật: Nếu Bát-nhã Ba-la-mật tánh không, làm sao Bồ-tát hợp cùng Bát-nhã được đạo Vô thượng? Phật theo câu hỏi của Tu-bồ-đề mà nói rằng: Nếu Bồ-tát hợp cùng Bát-nhã Ba-la-mật thì không thêm không bớt; vì các pháp như như, pháp tánh, thật tế, không thêm không bớt nên Bát-nhã Ba-la-mật không thêm không bớt. Bát-nhã tức là các pháp như như, pháp tánh, thật tế; như như, pháp tánh, thật tế tức là Bát-nhã Ba-la-mật. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Như như như, pháp tánh, thực tế chẳng phải một, chẳng phải khác, Bát-nhã cũng như vậy. Pháp thế gian chẳng phải một tức là hai, chẳng khác tức là một, còn Bát-nhã Ba-la-mật không như vậy, nên Bát-nhã Ba-la-mật vô lượng vô biên. Vì không, vô tướng, vô tác nên không thêm không bớt; nếu Bồ-tát ngộ được tính Không thêm không bớt ấy, thì chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu Bồ-tát nghe việc ấy mà thông suốt, không chướng ngại vào trí tuệ Phật, nên tuy chưa làm Phật nhưng nhờ tín lực mà đối với Phật pháp cũng không nghi, không kinh, không sợ. Vì sao? Vì kẻ phàm phu tâm chấp ngã nên có sợ, Bồ-tát dứt hết ngã tưởng nên không sợ, nên biết Bồ-tát ấy an trụ địa vị chẳng thối chuyển, cũng có thể hành đúng Bát-nhã.

Tu-bồ-đề nghe nói Bồ-tát hành đúng Bát-nhã nên lại hỏi Phật: Bát-nhã Ba-la-mật quán hết thảy đều không, không bền chắc, tướng không ấy là hành Bát-nhã chăng? - Phật đáp: Không phải. Vì sao? Vì nếu pháp không, không có, làm sao hành Bát-nhã?

- Lìa pháp không ấy lại riêng có pháp hành Bát-nhã chăng?

Phật đáp: Không phải. Vì sao? Vì nếu hết thảy pháp không, vô tướng, vô tác làm sao lìa không lại có pháp khác, thế nên đáp không phải.

Tu-bồ-đề nghe nói "không" chẳng phải hành Bát-nhã; lìa "không" chẳng phải hành Bát-nhã; hết thảy pháp đều thu nhiếp ở trong Bát-nhã, nay chỉ hỏi Bát-nhã tập hành Bát-nhã chăng?

- Pháp không tự tập hành, phải do pháp khác tập hành, nên đáp "không".

Lại hỏi lìa Bát-nhã lại riêng có pháp tập hành Bát-nhã chăng? Phật đáp: Không. Vì sao? Vì hết thảy pháp thu nhiếp ở trong Bát-nhã, không thể riêng có pháp tập hành Bát-nhã. Từ trước lại đây lược hỏi người thực hành Bát-nhã, nay hỏi về lý do danh tự năm uẩn tập hành Bát-nhã chăng? Phật

đáp: Không. Vì sao? Vì năm uẩn từ nhân duyên hòa hợp hư dối, không tự tại không có tướng "tác vi", làm sao tập hành được? Tu-bồ-đề lại hỏi: Nếu Bồ-tát chỉ là danh tự giả, trống không, không thật, nên không tập hành Bát-nhã, vậy Ba-la-mật và các pháp trợ đạo tập hành Bát-nhã Ba-la-mật chăng? Phật đáp: Không. Vì sao? Vì như năm uẩn do hòa hợp mà có nên không thể tập hành, sáu Ba-la-mật cũng như vậy. Sắc pháp tướng không, không bền chắc; như như, pháp tính, pháp vị, pháp trụ, thật tế, các pháp ấy tập hành Bát-nhã chăng? Phật đáp: Pháp ấy là pháp vô vi chẳng sinh chẳng diệt, tự tính thường trú nên không tập hành.

Tu-bồ-đề lại hỏi Phật: Người là danh tự giả, nên không tập hành; các pháp cũng do nhân duyên hòa hợp sinh, không có tự tính nên cũng không tập hành, vậy ai sẽ tập hành Bát-nhã? Nếu không tập hành làm sao được đạo Vô thượng? Phật đáp bằng cách hỏi ngược lại: Ý ông nghĩ sao? Vì thấy Tu-bồ-đề gấp rút tìm biết người tập hành Bát-nhã, thế nên Phật hỏi: Ông lấy mắt tuệ xem thấy có một pháp nhất định tập hành Bát-nhã chăng? Tu-bồ-đề nhân ba cửa giải thoát được vào thật tướng các pháp, biết tướng các pháp còn không thể có được, huống gì người tập hành? Thế nên đáp rằng: Bạch Thế Tôn! Không thấy có người tập hành Bát-nhã. Phật lại hỏi: Ông thấy có chỗ Bồ-tát tập hành Bát-nhã Ba-la-mật? Tu-bồ-đề đáp: Không thấy. Vì sao? Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật, hết thảy pháp quán hoặc thường hoặc vô thường; hoặc sinh hoặc diệt đều dứt; không có một pháp có tướng nhất định gọi là Bát-nhã, làm sao nói đó là Bát-nhã Ba-la-mật!

Phật lại hỏi: Nếu ông dùng mắt tuệ không thấy pháp, vậy pháp không thấy ấy là có hay là không? Tu-bồ-đề đáp: Không. Vì sao? Vì theo Phật nói, mắt tuệ chân thật, còn mắt thịt, mắt trời hư dối, Tu-bồ-đề dùng mắt tuệ quán sát không thấy, nên đáp: Không. Phật lại hỏi: Nếu pháp không, không thể có được, pháp ấy có sinh chăng? Tu-bồ-đề đáp: Không sinh. Pháp ấy vốn tự không có, rốt ráo không, không có gì của chính nó, Hý luận về các pháp có hay không đã diệt làm sao có sinh? Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát đối với pháp ấy thông suốt vô ngại, có tín lực, tuệ lực nên có thể an trú trong pháp ấy, ấy gọi là Vô sinh nhẫn. Trong năm uẩn giả gọi là Bồ-tát, được pháp như vậy, ấy gọi là hành đúng Bát-nhã Ba-la-mật. Đây theo pháp thế tục nên nói, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa, trong đệ nhất nghĩa, các hý luận tức là vô sinh. Được vô sinh nhẫn ấy liền được thọ ký đạo Vô thượng. Phật dạy: Nếu Bồ-tát nhất tâm, siêng tinh tấn, không ngừng không nghỉ, hành theo Vô sinh nhẫn mà không được trí tuệ lớn, trí tuệ vô thượng, Nhất thiết trí, thì không có lẽ đó. Vì sao? Vì như Kinh nói: Nếu không nhân không duyên thì không có quả báo, tà nhân tà duyên cũng không có quả

báo, nhân duyên ít cũng không có quả báo. Bồ-tát được nhân duyên pháp nhẫn như vậy, khi bỏ nhục thân sinh tử liền được thân pháp tánh sinh, trú trong quả báo thần thông của Bồ-tát, trong một lúc có thể biến hóa làm vô lượng thân, nghiêm tịnh cõi Phật, độ thoát chúng sanh. Người ấy ở thân cuối cùng đầy đủ Phật pháp, ngồi đạo tràng. Đầy đủ nhân duyên chính, nếu không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì không có lẽ ấy. Vì sao? Vì người ấy được pháp vô sinh nhẫn, nhất tâm tiến thẳng, không có lùi bỏ. Bồ-tát chưa được vô sinh pháp nhẫn, còn đắm sâu pháp thế gian, các phiền não sâu dày; tuy có thiện tâm phước đức mà mỏng manh không chứa nhóm được, nên bị phiền não ngăn che, nếu được vô sinh pháp nhẫn thì không còn có việc ấy. Chưa được vô sinh pháp nhẫn thì dùng sức khó khăn, thí như đi bộ; được vô sinh pháp nhẫn rồi thì dùng sức rất dễ, thí như cỡi thuyền.

Thế nên các Bồ-tát quý vô sinh pháp nhẫn, vì quý nên Tu-bồ-đề hỏi Phật: Được pháp vô sinh nên được thọ ký chăng? Phật đáp: Không phải. Vì sao? Vì pháp vô sinh không sinh không diệt, không có tướng được, làm sao nhân được thọ ký. Tu-bồ-đề lại hỏi: Pháp sinh được thọ ký ư? Phật đáp: Không được. Vì sao? Vì pháp sinh là hư dối, các pháp là pháp vọng ngữ tạo tác, làm sao được pháp chân thật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu-bồ-đề lại hỏi: Pháp sinh và chẳng sinh được thọ ký chăng? Phật đáp: Không được. Vì sao? Vì cả hai đều có lỗi. Tu-bồ-đề lại hỏi: Nếu như vậy làm sao sẽ được thọ ký? Phật hỏi ngược lại: Ông lấy mắt tuệ quán sát thấy có pháp thọ ký cho hàng Bồ-tát chăng? Tu-bồ-đề đáp: Không thấy. Vì sao? Vì pháp ấy từ trước lại đây tướng tịch diệt, trong đó không có thấy và chẳng thấy, không có thọ ký và chẳng thọ ký, cũng không thấy Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không có pháp để đắc cũng không có người đắc. Vì Bát-nhã Ba-la-mật không có sự ức tưởng phân biệt ấy.

Hỏi: Trên đây Tu-bồ-đề hỏi Bồ-tát do được vô sinh nhẫn nên được thọ ký chăng? Phật đáp không, sao nay Phật lại lấy lý vô sinh để đáp rằng Bồ-tát khi tu Bát-nhã không có các ức tưởng phân biệt?

Đáp: Hành giả thật do Vô sinh nhẫn nên được thọ ký, nhưng Tu-bồ-đề vì hàng Bồ-tát nên lấy tâm chấp trước, tâm sở đắc để hỏi, vì vậy Phật đều đáp không. Như hết thảy pháp thật không có ngã mà Phạm-chí Bà-sa hỏi Phật có ngã chăng? Phật im lặng không đáp. Hỏi không có ngã chăng? Phật cũng im lặng không đáp. Hết thảy pháp tuy thật không có ngã, nhưng vì Phạm-chí đem tâm chấp trước hỏi, muốn hý luận vô ngã, nên Phật không đáp.

Ý Tu-bồ-đề hỏi, biết chắc chắn có việc thọ ký nhưng không biết quán pháp gì mà được thọ ký nên hỏi. Thế nên Phật đem điều sở đắc của Tu-bồ-đề hỏi lại: Ông lấy mắt tuệ thấy nhất định có pháp thọ ký chăng? Tu-bồ-đề ở trong ba cửa giải thoát, quán pháp tánh không thấy nhất định có người thọ ký, vì tánh của các pháp là vô tướng, vô lượng. Nếu không thấy có pháp thọ ký thì làm sao sẽ có người được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu-bồ-đề nghe người thọ ký ấy không, tâm nạn vấn liền dứt, tự hiểu rõ không nghi. Phật chấp nhận ý ông, nói: Đúng vậy, đúng vậy! Ông chẳng thấy pháp chẳng được pháp là thật. Vì sao? Vì tướng Bát-nhã Ba-la-mật không có phân biệt.

----oOo---

GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI HAI: CÙNG HỌC

KINH: Bấy giờ trời Đế-thích bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật không có các ức tưởng phân biệt, vì rốt ráo xa lìa tướng. Bạch đức Thế Tôn! Chúng sinh nghe Bát-nhã Ba-la-mật có thể thọ trì, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, thân cận, tu đúng như nói, cho đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không xen lẫn các tâm, tâm sở khác, việc ấy không do công đức nhỏ đưa lại.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Nghe Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm cho đến không xen lẫn các tâm sở khác, việc ấy không do công đức nhỏ đưa lại.

Này Kiều-thi-ca! Ý ông nghĩ sao? Nếu chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề thành tựu mười thiện đạo, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, lại có kẻ thiện nam, người thiện nữ thọ trì Bát-nhã thậm thâm, đọc tụng, thân cận, nhớ nghĩ đúng, tu đúng như nói, thì hôn chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề thành tựu mười thiện đạo cho đến bốn định vô sắc gấp trăm, gấp ngàn, gấp vạn ức lần, cho đến tốn số thí dụ cũng không thể sánh kịp.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo nói với trời Đế-thích rằng: Kẻ thiện nam, người thiện nữ ấy tu hành Bát-nhã Ba-la-mật được công đức nhiều hơn nhơn giả.

Trời Đế-thích nói: Kẻ thiện nam, người thiện nữ ấy chỉ phát tâm còn hơn tôi, huống chi nghe Bát-nhã Ba-la-mật rồi viết chép, giữ gìn, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, tu đúng như nói! Kẻ thiện nam, người thiện nữ ấy tu Bát-nhã Ba-la-mật chẳng phải chỉ hôn tôi mà còn hôn hết thảy thế gian, trời,

người, A-tu-la; chẳng phải chỉ hơn hết thảy trời, người, A-tu-la mà cũng hơn Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật; chẳng phải chỉ hơn Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi Phật mà cũng hơn vị Bồ-tát tu năm Ba-la-mật nhưng xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật; chẳng phải chỉ hơn vị Bồ-tát tu năm Ba-la-mật nhưng xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật mà cũng hơn vị Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật nhưng không có sức phương tiện. Bồ-tát ấy đúng như kinh nói: Tu Bát-nhã Ba-la-mật không dứt giống Phật, thường được thấy chư Phật, chóng đến đạo tràng. Bồ-tát tu như vậy vì muốn cứu vớt chúng sinh ra khỏi dòng chìm đắm. Bồ-tát học như vậy là không học Thanh văn, Bích-chi Phật. Bồ-tát học như vậy trời Tứ thiên vương đi đến chỗ Bồ-tát nói rằng: "Thiện nam tử hãy siêng học mau, khi ngồi đạo tràng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như chư Phật quá khứ được nhận bốn chiếc bát, ông cũng sẽ được, chúng tôi cũng sẽ đem đến dâng cúng". Lại các trời khác, trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-xoa, trời Đâu-suất-đà, trời hóa-lạc, trời Tha-hóa-tự-tại, trời Phạm thiên, cho đến trời Thủ-đà-hội cũng sẽ đến cúng dường. Chư Phật mười phương cũng sẽ thường nghĩ đến vị Bồ-tát ấy là người đúng như kinh nói, tu hành Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm. Vị Bồ-tát ấy vĩnh viễn không còn các việc ách nạn, khổ nhọc của thế gian. Thân vị Bồ-tát ấy không có bốn trăm lẻ bốn bệnh như thế gian, do tu hành Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm nên được công đức hiện đời như vậy.

Bấy giờ A-nan nghĩ rằng: Trời Đế-thích do tự lực nói ra hay nhờ thần lực của chư Phật nói ra? Trời Đế-thích biết ý nghĩ của A-nan, nói với A-nan rằng: Lời tôi nói ra đều do oai thần của Phật. Phật bảo A-nan: Đúng vậy, đúng vậy! Như lời trời Đế-thích đều do oai thần của Phật.

Này A-nan! Khi Bồ-tát ấy học tập Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm, ác ma trong ba ngàn đại thiên thế giới đều sinh hồ nghi: Bồ-tát ấy sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ư? Hay sẽ giữa đường thủ chứng Niết-bàn rơi vào địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật?

Lại nữa, A-nan! Nếu khi Bồ-tát không rời Bát-nhã Ba-la-mật thì ma rất sầu khổ, như mũi tên đâm vào tim. Khi ấy ma lại phóng ra ngọn gió lửa lớn dậy khắp bốn phương, muốn làm cho tâm Bồ-tát biến mất, sợ hãi, biếng nhác cho đến khởi lên một niệm loạn động đối với Nhất thiết trí.

A-nan bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Ma quấy nhiễu hết thảy Bồ-tát hay có người không bị quấy nhiễu?

Phật bảo A-nan: Có người bị quấy nhiễu, có người không bị quấy nhiễu.

A-nan bạch Phật: Hạng Bồ-tát nào bị ma quấy nhiễu.

Phật dạy: Hạng Bồ-tát đời trước nghe Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm, tâm không tin hiểu; hạng Bồ-tát ấy ma tìm được chỗ tiện lợi để quấy nhiễu.

Lại nữa, A-nan! Bồ-tát khi nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm, ý nghi ngờ Bát-nhã ấy là thật có hay là thật không có? Hạng Bồ-tát như thế ma tìm được chỗ tiện lợi để quấy nhiễu.

Lại nữa, A-nan! Có hạng Bồ-tát xa lìa thiện tri thức, bị ác tri thức nhiếp phục, nên không nghe Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm, không nghe nên không biết, không thấy, không hỏi nên làm sao tu hành Bát-nhã Ba-la-mật; nên làm sao tu Bát-nhã Ba-la-mật; hạng Bồ-tát ấy ác ma tìm được chỗ tiện lợi để quấy nhiễu.

Lại nữa, A-nan! Nếu Bồ-tát xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật, lãnh thọ pháp ác, thì Bồ-tát ấy ma tìm được chỗ tiện lợi. Nó nghĩ rằng bọn ta sẽ có bạn đảng, sẽ thỏa mãn nguyện ta. Bồ-tát ấy tự rơi vào nhị địa, cũng khiến người khác rơi vào nhị địa.

Lại nữa, A-nan! Nếu Bồ-tát khi nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm, liền nói với người khác rằng: "Bát-nhã Ba-la-mật ấy thậm thâm, ta còn không thể biết được thấu đáo, vậy người nghe làm gì, học làm gì Bát-nhã Ba-la-mật ấy" thì Bồ-tát như vậy, ma tìm được chỗ tiện lợi để quấy nhiễu.

Lại nữa, A-nan! Nếu Bồ-tát khinh các Bồ-tát khác rằng: "Ta hành Bát-nhã Ba-la-mật, hành hạnh "viễn ly không", còn ngươi không có công đức ấy", thì khi ấy ác ma rất vui mừng nhảy nhót. Nếu có Bồ-tát tự ỷ thị tên họ mình nhiều người biết đến, nên khinh các Bồ-tát hành thiện khác thì Bồ-tát ấy thật không có công đức về hành, loại, tướng mạo của chẳng thối chuyển. Vì không có công đức ấy nên sinh các phiền não, chỉ đắm trước hư danh nên khinh dễ người khác, nói rằng: Ngươi không ở trong pháp của ta có được. Bấy giờ ác ma nghĩ rằng: Nay cảnh giới cung điện của ta chẳng trống không, lại tăng thêm ba đường ác. Ác ma giúp thêm uy lực khiến người khác tín thọ lời người kia nói; vì tín thọ lời người kia nói nên tin chịu làm theo kinh sách nó, tu học như lời nó nói; khi tu học như lời nó nói, thì tăng thêm các kiết sử. Vì tâm các người ấy điên đảo nên ba nghiệp thân, miệng, ý họ làm đều chịu ác báo. Do nhân duyên ấy làm tăng thêm ba đường ác; quyến thuộc, cung điện của ma càng thêm nhiều. Này A-nan! Ma thấy các lợi đó nên rất vui mừng, nhảy nhót.

Này A-nan! Nếu người hành đạo Bồ-tát tranh đấu với người cầu đạo Thanh văn, ma liền nghĩ rằng, thế là xa lìa Nhất thiết trí. Này A-nan! Nếu

Bồ-tát tranh đấu với Bồ-tát, sân giận, mắng nhiếc, khi ấy ác ma liền rất vui mừng, nhảy nhót nói rằng: Cả hai đều xa lìa Nhất thiết trí.

Lại nữa, A-nan! Nếu Bồ-tát chưa được thọ ký, hướng tới Bồ-tát đã được thọ ký sinh ác tâm tranh đấu, mắng nhiếc, thì tùy theo số kiếp khởi niệm ác nhiều hay ít ở trong kiếp số đó, nếu không bỏ trí Nhất thiết chủng, thì sau mới được bổ túc bấy nhiêu kiếp đại trang nghiêm.

A-nan bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Ác tâm ấy trải qua bấy nhiêu số kiếp, ở giữa khoảng đó có thể được giải trừ chăng?

Phật bảo A-nan: Ta tuy nói người cầu đạo Bồ-tát và Thanh văn được xuất tội, nhưng nếu người cầu đạo Bồ-tát tranh đấu nhau, sân giận, mắng nhiếc, ôm hận không hối cải, không xả bỏ, ta không nói người đó được xuất tội, chắc chắn sẽ lại phải trải qua nhiều kiếp số nếu không bỏ trí Nhất thiết chủng thì sau mới được trang nghiêm. Nếu Bồ-tát tranh đấu, sân giận, mắng nhiếc, liền tự biết hối cải, nghĩ rằng: Ta có lỗi lớn, ta phải vì tất cả chúng sinh mà khuất mình xuống, khiến đời nay, đời sau được hòa giải; ta sẽ nhẫn chịu cho chúng sinh bước qua như cầu đò, như điếc, như câm chứ làm sao ta dùng lời ác đáp trả người! Ta không nên phá hoại tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác sẽ độ hết thảy chúng sinh khổ não, chứ làm sao ta lại khởi lên tâm sân giận!

A-nan bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Còn Bồ-tát với Bồ-tát cộng trú thì thế nào?

Phật bảo A-nan: Bồ-tát với Bồ-tát cộng trú thì nên xem nhau như Thế Tôn. Vì sao? Vì Bồ-tát nên nghĩ rằng: Đó là bạn thật của ta, đi chung một thuyền; họ học, ta học Thí Ba-la-mật cho đến trí Nhất thiết chủng. Nếu Bồ-tát kia tu hành tạp nhạp, lìa tâm Nhất thiết trí thì ta không nên học như vậy; nếu Bồ-tát kia không tu hành tạp nhạp, không lìa tâm Nhất thiết trí, ta nên học như vậy. Bồ-tát học như vậy là đồng học.

LUẬN: Trên kia trời Đế-thích nói người thiện nam viết chép, trì thọ Bát-nhã cho đến nhớ nghĩ đúng được vô lượng công đức. Nay nói về ý nghĩa ấy. Người đọc tụng Bát-nhã cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không để cho tâm tâm số pháp khác xen vào là được công đức như đã nói trên. Chỉ từ người khác nghe mà không thể thực hành, khiến các tâm khác không xen vào, thì tuy công đức nhưng không gọi là vô lượng.

Tâm tâm số pháp xen vào là, có người nói đó là xan tham, là ác tâm phá sáu Ba-la-mật. Có người nói chỉ cần không để ác tâm tăng trưởng thì thế lực ma đi đến liền bị diệt trừ. Có người nói không để cho tâm cầu Thanh văn, Bích-chi Phật được xen vào. Có người nói tâm vô ký tán loạn tuy

chẳng phải ác, song vì chướng ngăn thiện đạo, cũng không để cho xen vào. Thế nên người ấy không phải từ công đức nhỏ đưa đến. Phật chấp thuận lời đó rằng: "Đúng như vậy." Vì muốn phân biệt thế lực của hạnh thanh tịnh nên hỏi ngược lại Kiều-thi-ca rằng: Nếu hết thảy người cõi Diêm-phù-đề thành tựu mười thiện đạo như kinh nói, phước đức ấy tuy nhiều song vì lìa thật tướng các pháp nên hư dối, không bền chắc, vô thường, tận diệt, không đủ cho là nhiều, giống như cỏ tuy rất nhiều song không bằng một chút kim cương.

Hỏi: Tỳ-kheo ấy vì sao nói với trời Đế-thích rằng: Phước đức người thiện nam ấy hơn ông?

Đáp: Trời Đế-thích đã ở trong quả báo phước đức làm chủ cả trời người, tuy rất được tôn trọng, nhưng Tỳ-kheo ấy vì quý trọng chuyện khác, muốn nêu bày công đức thiện pháp nên nói hơn trời Đế-thích.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy nghe nói trời Đế-thích được đạo Thanh văn, nên nói ông tuy có phước đức mà không bằng Bồ-tát. Trời Đế-thích đắc đạo, thâm niệm Phật pháp nên nhận lời nói của Tỳ-kheo, không sinh tâm cao ngạo, nói rằng: Bồ-tát vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chỉ phát tâm là đã hơn tôi, huống gì còn tu hành như kinh nói. Vì sao? Vì phước đức của trời Đế-thích mỏng ít, còn công đức của Bồ-tát sâu dày. Lại, vì phước đức của trời Đế-thích đắm vào cái vui cõi trời, chỉ vì tự thân, còn công đức của Bồ-tát là vì hết thảy chúng sinh mà hồi hướng đến cái vui Phật đạo. Khi ấy hội chúng nghe Tỳ-kheo nói hơn trời Đế-thích, trời Đế-thích nhận lời nói đó, họ đều sinh tâm khinh trời Đế-thích. Thế nên trời Đế-thích nói: Không chỉ hơn tôi mà còn hơn cả vị Bồ-tát tập hành Bát-nhã mà không có sức phương tiện, như kinh nói tập hành Bát-nhã Ba-la-mật mà không lìa tâm tâm số pháp. Trong đây trời Đế-thích tự nói lý do hơn, đó là Bồ-tát tu hành Bát-nhã đúng như kinh nói, không dứt giống Phật, cho đến do tu hành Bát-nhã Ba-la-mật nên được công đức đời này.

Hỏi: Vì sao A-nan nghĩ rằng: Trời Đế-thích do tự lực nói ra hay nhờ Phật lực?

Đáp: A-nan biết trời Đế-thích là Thanh văn mà nói rất sâu, hơn trí Thanh văn, Bích-chi Phật, thế nên sinh nghi mà hỏi.

Hỏi: Trời Đế-thích tự có trí hay hỏi hay đáp, cớ sao nói nhờ Phật lực?

Đáp: Bát-nhã rất sâu, rất khó, vô lượng, vô biên; nếu ở chỗ khác nói còn khó, huống gì ở trước Phật, trước đại chúng nói! Thế nên nói nhờ Phật lực. Như kinh Trì Tâm nói: "Do oai thần sánh sáng nhập vào tâm kia, nên có thể đối trước Phật nói lời nạn vấn."

Phật bảo A-nan: Chấp thuận lời Đế-thích nói; lại khen ngợi vị Bồ-tát tu hành Bát-nhã thậm thâm, có uy đức lớn. Đó là A-nan, khi vị Bồ-tát tập học Bát-nhã thậm thâm, ác ma liền sinh nghi. Ác ma là giặc oán của Bồ-tát, thường tìm lúc thuận tiện để phá Bồ-tát như nói ở trong phẩm Ma. Vì Bồ-tát tu hành sâu Bát-nhã Ba-la-mật, nên ma dùng phương tiện lớn phá hoại tâm Bồ-tát. Nếu Bồ tát giải đãi thời ma rất vui mừng, nói rằng: Người ấy sẽ tự sa đọa.

Có người nói hết thảy Bồ-tát đều phải bị ma oán. Thế nên A-nan hỏi: Tất cả đều có ma oán hay có người không bị? Phật phân biệt đáp: Người có tâm thanh tịnh sâu xa, hành đạo Bồ-tát thời không có bị ma phá, người không thanh tịnh thì bị ma phá; như kinh nói rộng.

Hỏi: Như Phật nói hết thảy pháp hữu vi đều có thể chuyển đổi, có thể xả bỏ, cớ sao A-nan nghi mà hỏi Phật, tội ấy có thể hối cải chăng? Đáp: A-nan biết Bát-nhã Ba-la-mật là nhân duyên vô tận, nếu ai cúng dường sẽ được phước vô biên cho đến khi thành Phật, phước đức ấy vẫn bất tận; nếu trách mắng Bát-nhã, tội ấy cũng vô biên; thế nên hỏi Phật. Phật đáp: Ta tuy nói có thể xuất tội, nhưng nếu Bồ-tát kết hận, đấu tranh nhau không chịu bỏ thì không thể xuất tội được. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy có tâm khinh mạn quá sâu, sân giận các Bồ-tát khác. Vì tâm sân giận, kiêu mạn nên không thể hạ mình cùng sám hối, lại muốn làm công đức khác để mong dứt tội ấy. Phật dạy: Tội ấy không thể dứt được, vì tâm ôm hận nên tuy làm phước khác đều không thanh tịnh, không thanh tịnh nên không có lực, không có lực nên không thể diệt tội. Người ấy nếu muốn làm Phật, không bỏ Nhất thiết trí, hạ mình sám hối, cho đủ bấy nhiêu kiếp mới được đại trang nghiêm.

Hỏi: Trong tâm ôm hận, làm sao có thể dứt tội?

Đáp: Vì phá sân hận như kinh nói. A-nan biết chúng sinh tùy thuộc vào nghiệp duyên, không được tự tại, không ai cứu hộ, ôm tâm sợ hãi, hỏi Phật: Bồ-tát cộng trú như thế nào? Dụng tâm cung kính thế nào?

Phật đáp: Bồ-tát nên cúng dường, cung kính, xem nhau như Phật, vì đó là Phật vị lai. trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bồ-tát cộng trú nên nghĩ rằng, đây là bạn chân thật của ta, cùng đi đến Phật đạo, cùng cỡi một thuyền. Thuyền là chỉ sáu Ba-la-mật; ba cõi và ba lậu hoặc là nước; bờ kia là Phật đạo. Điều người kia học ta cũng nên học, đó là sáu Ba-la-mật, đồng giới, đồng kiến, đồng đạo. Như anh em trong hàng cư sĩ, không nên đấu nhau; ta và kia là anh em đồng pháp, không nên tranh nhau. Nếu Bồ-tát kia tu hành tạp nhạp, lìa tâm Nhất thiết trí, ta không nên học như vậy. Vì sao? Vì việc tốt nên học theo, việc xấu nên bỏ. Bồ-tát nếu học được như vậy thời

việc khinh mạn, sân hận chấm dứt; ấy gọi là Bồ-tát đồng học.

----oOo--

GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI BA: BÌNH ĐẲNG HỌC

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Những gì là pháp bình đẳng của các Bồ-tát, Bồ-tát nên học?

Này Tu-bồ-đề! Nội không là pháp bình đẳng của Bồ-tát; ngoại không cho đến tự tướng không là pháp bình đẳng của Bồ-tát. Sắc, sắc tướng không; thọ, tưởng, hành, thức, về... . . . thức tướng không cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tướng không là pháp bình đẳng của Bồ-tát. An trú pháp bình đẳng ấy được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát vì sắc tận nên học, là học Nhất thiết trí; vì sắc lìa nên học, vì sắc diệt nên học, là học Nhất thiết trí; vì sắc chẳng sinh nên học, là học Nhất thiết trí; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Tu bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung; tận, ly diệt, chẳng sinh nên học, là học Nhất thiết trí?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Như lời ông nói: Vì sắc, tận, ly, diệt, chẳng sinh nên học, là học Nhất thiết trí; vì thọ, tưởng, hành, thức, cho đến mười tám pháp không chung tận, ly, diệt, chẳng sinh nên học, là học Nhất thiết trí.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao? Sắc như như, thọ, tưởng, hành, thức như như cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như như; Phật như như; các như ấy tận, diệt, đoạn chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn!

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát như vậy học như như, là học Nhất thiết trí. Như như ấy không thủ chứng, không diệt, không đoạn. Tu-bồ-đề! Bồ-tát như vậy học như như, là học Nhất thiết trí, là học sáu Ba-la-mật, là học bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung. Nếu học sáu

Ba-la-mật cho đến mười tám pháp không chung ấy là học Nhất thiết trí. Học như vậy là tận bờ mé của sự học, học như vậy thì ma hoặc ma trời không thể phá hoại; học như vậy đi thẳng đến địa vị chẳng thối chuyển; học như vây là học đạo sở hành của Phật; học như vậy là được ủng hộ, là học đại từ đại bi, là học nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; học như vậy là học pháp luân có ba lần chuyển, mười hai hành tướng; học như vậy là học độ chúng sinh; học như vậy là học không dứt giống Phật;

học như vậy là học mở cửa cam lồ; học như vậy là học muốn chỉ bày tính vô vi. Này Tu-bồ-đề! Người hạ liệt không thể học như vậy. Người học như vậy là vì muốn kéo chúng sinh ra khỏi đắm chìm sinh tử. Bồ-tát học như vậy trọn không bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; trọn không sinh nôi biên địa; trọn không sinh nhà Chiên-đà-la; trọn không điếc, đui, ấm ớ, què quặt; các căn đầy đủ, quyến thuộc thành tựu; trọn không mồ côi cùng khổ. Bồ-tát học như vậy trọn không sát sinh cho đến trọn không tà kiến, không sống theo tà mạng, không thâu nhiếp người ác và người phá giới. Học như vậy do có sức phương tiện, nên không sinh cõi trời trường thọ.

Thế nào là sức phương tiện? -như đã nói trong phẩm Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát do sức phương tiện nên vào bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, mà không theo thiền vô lượng vô sắc định sinh ra. Tu-bồ-đề! Bồ-tát học như vậy, đối với hết thảy pháp được thanh tịnh, nghĩa là sạch tâm Thanh văn, Bích-chi Phật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Hết thảy pháp tính vốn thanh tịnh, vì sao nói Bồ-tát đối với hết thảy pháp thanh tịnh?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Hết thảy pháp tính vốn thanh tịnh, nếu Bồ-tát đối với pháp ấy tâm thông suốt, không thối mất tức là Bát-nhã Ba-la-mật. Các pháp như vậy hàng phàm phu không biết không thấy. Bồ-tát vì chúng sinh ấy nên tu Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, tu bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng. Tu-bồ-đề! Bồ-tát học như vậy, đối với hết thảy pháp được trí lực không có sợ gì; học như vậy vì liễu tri tâm chúng sinh hướng về đâu. Thí như đại địa, ít chỗ xuất sinh vàng bạc trân bảo. Chúng sinh cũng như vậy, ít người học được Bát-nhã Ba-la-mật, nhiều người rơi vào Thanh văn, Bích-chi Phật địa. Thí như ít người chịu tạo nghiệp làm Chuyển luân Thánh vương, nhiều người tạp nghiệp làm tiểu vương. Cũng như vậy, ít chúng sinh tu Bát-nhã Ba-la-mật cầu Nhất thiết trí, nhiều người tu đạo Thanh văn, Bích-chi Phật. Tu-bồ-đề! Trong các Bồ-tát phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ít có người tu hành đúng như kinh nói, nhiều người trụ vào địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật.

Có nhiều Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật vì không có sức phương tiện nên ít người trụ địa vị chẳng thối chuyển. Tu-bồ-đề! Do lẽ đó Bồ-tát muốn trụ địa vị chẳng thối chuyển, muốn ở trong số Bồ-tát chẳng thối chuyển, hãy nên học Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi Bồ-tát học Bát-nhã Ba-la-mật không sinh tâm xan tham, không sinh tâm phá giới, sân hận, giải đãi, tán loạn, ngu si; không sinh các tâm tội lỗi khác; không sinh tâm thủ tướng sắc, thủ tướng thọ,

tưởng, hành, thức; không sinh tâm thủ tướng bốn niệm xứ cho đến không sinh tâm thủ tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm, không có pháp khả đắc; vì không có pháp khả đắc nên đối với các pháp không sinh tâm thủ tướng. Tu-bồ-đề! Bồ-tát học Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm như vậy, thu nhiếp các Ba-la-mật làm cho các Ba-la-mật tăng trưởng, các Ba-la-mật đều đi theo. Vì sao? Vì các Ba-la-mật đều thu vào trong Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm; thí như trong ngã kiến thu nhiếp hết sáu mươi hai kiến. Cũng như vậy, Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm thu nhiếp hết các Ba-la-mật; thí như người chết, vì mạng căn diệt nên các căn khác đều diệt theo. Như vậy, Bồ-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm thì các Ba-la-mật kia đều đi theo. Tu-bồ-đề! Bồ-tát muốn làm cho các Ba-la-mật qua đến bờ kia, nên học Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm. Bồ-tát học Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm ấy, thì vượt lên trên hết thảy chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Chúng sinh trong một cõi Diêm-phù-đề còn nhiều, huống gì trong ba ngàn đại thiên thế giới!

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới cùng một lúc đều được làm thân người, đều được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, và nếu có Bồ-tát suốt đời cúng dường bấy nhiêu đức Phật đó y phục, thức ăn, ngọa cụ, thuốc thang, vật cần dùng nuôi sống thì này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Người ấy do nhân duyên ấy được phước đức nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Rất nhiều, rất nhiều!

Phật dạy: Không bằng kẻ thiện nam, người thiện nữ học Bát-nhã Ba-la-mật, tu đúng như kinh nói, nhớ nghĩ đúng, được phước đức nhiều hơn. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật có thế lực có thể làm cho Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế nên Bồ-tát muốn vượt lên trên hết thảy chúng sinh, nên học Bát-nhã Ba-la-mật; muốn vì chúng

sinh không có ai cứu hộ làm người cứu hộ, muốn làm chỗ nương về cho chúng sinh không có chỗ nương về, muốn làm đạo rốt ráo cho chúng sinh không có đạo rốt ráo, muốn làm mắt cho người đui, muốn được công đức Phật, muốn làm tiếng rống sư tử của Phật, muốn đánh chuông trống Phật, muốn thổi loa Phật, muốn lên tòa cao Phật thuyết pháp, muốn dứt hết nghi lầm cho chúng sinh thì nên học Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm. Tu-bồ-đề! Bồ-tát nếu học Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm thì các công đức lành

không việc gì không làm được.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Có thể còn được công đức Thanh văn, Bích-chi Phật chăng?

Phật dạy: Công đức Thanh văn, Bích-chi Phật có thể được nhưng không trụ ở trong đó, dùng trí quán sát rồi, đi thẳng qua mà vào Bồ-tát vị. Tu-bồ-đề! Bồ-tát học như vậy là gần Nhất thiết trí, mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát học như vậy là làm ruộng phước cho hết thảy thế gian trời, người, A-tu-la. Bồ-tát học như vậy là vượt qua trên ruộng phước của Thanh văn, Bích-chi Phật, chóng gần Nhất thiết trí. Bồ-tát học như vậy gọi là không bỏ, không rời Bát-nhã Ba-la-mật mà thường tu Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát học như vậy nên biết là Bồ-tát chẳng thối chuyển, chóng gần Nhất thiết trí, xa lìa Thanh văn, Bích-chi Phật, gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật nếu nghĩ rằng: "Ta do Bát-nhã Ba-la-mật mà được trí Nhất thiết chủng", thì do nghĩ như vậy không gọi là hành Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu không nghĩ rằng: "Đó là Bát-nhã Ba-la-mật, đó là người có Bát-nhã Ba-la-mật, đó là pháp Bát-nhã Ba-la-mật, đó là người hành Bát-nhã Ba-la-mật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác", thì đó gọi là hành Bát-nhã Ba-la-mật. Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nghĩ rằng: "Không có Bát-nhã Ba-la-mật, không có người Bát-nhã Ba-la-mật, không có người hành Bát-nhã Ba-la-mật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì hết thảy pháp đều như như, pháp tánh, thật tế, thường trú", thì hành như vậy gọi là Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Trên kia A-nan hỏi về đấu tranh. Phật đáp về đồng học thanh tịnh. Nay Tu-bồ-đề hỏi Phật những pháp bình đẳng về đồng tâm sâu xa là học xứ của Bồ-tát. Phật đáp: Nội không cho đến tự tướng không là pháp bình đẳng của Bồ-tát. Có hai đẳng nhẫn: Ở cuối phẩm trên nói về Chúng sinh đẳng nhẫn, ở phẩm này nói về Pháp đẳng nhẫn; như chiếc cân hai đầu đứng ngang nhau. Như vậy, nội không v.v... là bình đẳng giữa các pháp. Như pháp bên trong thân mỗi mỗi sai biệt, nếu được "nội không" thì đều bình đẳng không hai; cho đến "tự tướng không" thì hết thảy pháp tướng đều tự không, khi ấy thì tâm bình đẳng. Bồ-tát trú trong bình đẳng ấy, đều được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề hỏi: Vì sắc diệt tận hay vì học Nhất thiết trí nên quán sắc vô thường, niệm niệm diệt không an trụ; nếu tu được quán ấy thì tâm lìa sắc, tâm lìa sắc nên các phiền não diệt; phiền não diệt nên được pháp vô sinh.

Tu-bồ-đề hỏi: Học như vậy là học Nhất thiết trí chăng? - Phật hỏi ngược lại Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao? Như của sắc v.v... và như của Như Lai, như ấy bị tận, diệt, đoạn chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không. Như ấy từ trước tới nay không nhóm, không hòa hợp làm sao có tận; xưa nay chẳng sinh làm sao có diệt; Pháp ấy vốn hư dối, không có định tướng làm sao có thể đoạn. Tu-bồ-đề! Bồ-tát học "như" được như vậy là học Nhất thiết trí. Như ấy thường không thể chứng, không thể diệt, không thể đoạn; tận, ly, đoạn là vì trừ điên đảo cho nên tu hành, chẳng phải rốt ráo. Ở trong này nói việc rốt ráo được Phật khen ngợi: Học như vậy tuy không cố định vì một pháp mà học Nhất thiết trí, nếu học Nhất thiết trí tức là học sáu Ba-la-mật; nếu học được sáu Ba-la-mật là cùng tận bờ mé các pháp học. Nếu tận cùng bờ mé các pháp học, thì người ấy đầy đủ vô lượng phước đức và trí tuệ, ma hoặc ma dân không thể hàng phục. Học cách chính đáng như vậy đi thẳng đến địa vị chẳng thối chuyển. Học như vậy là học đạo sở hành của Phật; học như vậy là được mười phương chư Phật và đại Bồ-tát, chư thiên và người lành thủ hộ. Học được như vậy, người ấy không có tà kiến, tâm không vướng mắc gì, đối với chúng sinh khởi tâm đại từ đại bi; vì đại từ đại bi nên có thể giáo hóa chúng sinh; tâm chúng sinh thanh tịnh nên cõi Phật thanh tịnh; cõi Phật thanh tịnh rồi được Phật đạo, chuyển pháp luân ba lần chuyển mười hai hành tướng, dùng pháp ba thừa độ vô lượng chúng sinh. Vì dùng pháp Đại thừa độ chúng sinh nên không dứt giống Phật; không dứt giống Phật nên thường mở cửa pháp cam lồ giữa thế gian, thường chỉ bày cho chúng sinh tính vô vi. Tính vô vi là như như, pháp tánh, thật tế, Niết-bàn; cam lồ là tính vô vi; cửa là ba cửa giải thoát. Kẻ hạ liệt là kẻ biếng nhác, buông lung, không ưa Phật pháp, không nhất tâm hành đạo, làm tội phước hoan tạp. Những người như vậy không thể học pháp vô vi. Vì sao? Vì kẻ hạ liệt nghĩ rằng: Thân ta và quyến thuộc ta, ta nên bảo hộ, các chúng sinh khác can dự gì việc ta, mà ta đem đầu, mắt, tủy, não cho họ để họ được vui; hết thảy mọi người đều dùng phương tiện tìm vui, sao ta lại bỏ vui tìm khổ. Hoặc sinh tà kiến nghĩ rằng: Chúng sanh vô lượng vô biên độ không thể hết, nếu có thể độ hết, tức là có lượng có biên, một đức Phật có thể độ hết. Hoặc nghĩ rằng: Phật nói hết thảy pháp không, không sinh không diệt, vậy ta còn độ cái gì! Cầu Phật đạo hay không cầu Phật đạo đều đồng như huyễn mộng. Người hạ liệt nghĩ như vậy, do vì tà kiến tham dục nên không thể học đại pháp này. Hoặc có khi Đại nhơn xuất thế, trù lượng, suy nghĩ thực tướng các pháp là chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên, chẳng phải có, chẳng phải không. Hành đạo như vậy có thể phá tà kiến điên đảo xong, trở lại bỏ đạo ấy, đi thẳng vào

pháp tánh và thường an trú trong pháp tánh thanh tịnh ấy. Vì chúng sinh không biết việc ấy nên sinh tâm đại bi, vậy sau tu tập các công đức sáu Ba-la-mật, thần thông, trí tuệ, giải thoát vô ngại, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dùng các môn phương tiện, rộng độ chúng sinh, hạng người như vậy thật hiếm có.

Hỏi: Như trước nói chúng sinh vô lượng vô biên, lại nói chúng sinh không, vậy còn độ cái gì? Làm sao có thể độ?

Đáp: Đó là lời nói của người hạ liệt, đâu đủ lấy đó làm chứng.

Lại nữa, trước đã nói lý do vì tà kiến, tham dục nên người hạ liệt nghĩ rằng: Chúng sinh có biên, không biên, hết thảy pháp không, không có gì của chính nó, hoặc nghĩ rằng hết thảy pháp thường, thật, đó đều nhiếp thuộc vào sáu mươi hai tà kiến. Bậc đại nhơn không có ham muốn, suy nghĩ, trù lượng lìa các tội lỗi như vậy, an trú trong pháp tính, sinh tâm đại bi. Thí như người lớn chỉ đem tâm bố thí, thí tài vật cho người khác mà không lấy giá cả. Còn người tham dục tìm có lý do mới bố thí. Người tà kiến dựa vào chấp kiến có biên, không biên nên không có việc gì không có lợi mà làm. Thí như tiểu nhơn buôn bán giữa chợ, cầu có lợi mới trả cho. Lại Đại nhơn Bồ-tát không có cầu mong gì vẫn có thể đem đầu mắt thí cho chúng sanh, được quả báo gì cũng thí luôn; tâm không nương tựa vào một pháp nào mà vẫn tập hợp được các công đức. Thế nên Phật dạy: Muốn kéo chúng sinh ra khỏi dòng sinh tử chìm đắm, hãy nên học như vậy.

Lại nữa, Bồ-tát học như vậy, thường có tâm từ bi thương xót, không não hại chúng sinh, nên không đọa địa ngục, thường quán thật tướng của các pháp nhơn duyên sinh, không sinh ngu si nên không đọa súc sinh; thường tu bố thí, diệt tâm xan tham, nên không sinh vào ngạ quỷ. Đối với mười hai bộ Kinh, bốn mươi tám ngàn pháp tụ của Phật dạy, thường không lẫn tiếc, nên không sinh nôi biên địa. Thường cúng dường bậc thiện nhơn tôn trưởng, bỏ tính kiêu mạn nên không sinh vào nhà hạ tiện Chiên-đà-la. Vì thâm tâm yêu mến chúng sinh, làm đủ hạnh lợi ích nên thọ thân hoàn mỹ. Lấy thiện pháp giáo hóa chúng sanh nên quyến thuộc thành tựu, trọn không bị mồ côi nghèo cùng. Vì ưa vui sâu xa thí Ba-la-mật, nên không làm mười điều ác và sống tà mạng. Vì không có tâm chấp ngã, chỉ vì lợi ích chúng sinh, không tự vì thân mình nên không thâu nhiếp kẻ ác và người phá giới. Người ác là người có tâm ác, người phá giới là người có thân và miệng ác.

Lại ý làm ba việc chẳng lành gọi là người ác, thân và miệng làm bảy việc chẳng lành gọi là phá giới. Lại Bồ-tát nếu ở nhà, thu nhiếp người ác

gọi là người ác, xuất gia thu nhiếp người ác gọi là phá giới.

Hỏi: Bồ-tát vì độ người ác nên xuất hiện ở đời, thí như lương y chữa các bệnh tật, cớ sao không thâu nhiếp người ác?

Đáp: Người ác, người phá giới có hai hạng: Hạng có thể cải hóa, hạng không thể cải hóa, trong đây nói hạng không thể cải hóa, nếu thâu nhiếp họ ở chung, thì tự hoại đạo mình mà đối với họ vô ích. Thí như cứu kẻ bị chìm, tự mình không nổi được mà muốn cứu kẻ kia, thì cả hai đều chết, thế nên nói: Nên xa lìa người ác. Vì cõi Dục nhiều ác, sinh tâm thương xót nên sinh cõi Dục; tuy hành thiền, tâm điều hòa mềm dịu, do có sức phương tiện nên khi mệnh chung không sinh theo thiền, như trong kinh rộng nói: Tu-bồ-đề! Bồ-tát học như vậy, đối với các pháp tâm được thanh tịnh, nghĩa là sạch tâm Thanh văn, Bích-chi Phật, thanh tịnh nghĩa là lìa bỏ, rốt ráo không, không có gì.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Nếu hết thảy pháp từ trước lại đây vốn "không", vốn thanh tịnh tại sao nói Bồ-tát học như vậy được tâm thanh tịnh đối với hết thảy các pháp?

Phật chấp thuận lời Tu-bồ-đề và nói nhơn duyên rằng: Nếu Bồ-tát biết hết thảy pháp từ trước lại đây vốn "không" thanh tịnh, đối với trong đó tâm không biến mất không từ khước. Không biến mất tức là không nghi ngờ, không sinh tà kiến, thông suốt, không chống trái với "không" ấy gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Hàng phàm phu không nhiếp, không thấy pháp thanh tịnh như vậy, vì hạng người ấy nên Bồ-tát tu sáu Ba-la-mật và các pháp trợ đạo. Pháp của Bồ-tát là phải giáo hóa chúng sinh, ấy gọi là Bồ-tát được thanh tịnh đối với hết thảy pháp, nghĩa là bỏ cái điên đảo của ba cõi, vượt quá địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật, được lực trí tuệ thanh tịnh đối với hết thảy pháp. Được công đức ấy nên có thể biết khắp về nghiệp nhơn duyên và tâm tâm số pháp, biết tâm hành khởi lên của chúng sinh trong ba đời mười phương; biết rồi theo sự thích hợp với họ nói pháp khai hóa họ. Những việc lợi ích như vậy đều do học Bát-nhã nên có được, thế nên nói cùng tận bờ mé các sự học. Ít có người học được như vậy, người học như vậy khó có được. Phật muốn làm cho nghĩa ấy rõ ràng nên nói thí dụ vàng, bạc, và tạo nghiệp làm Chuyển luân Thánh vương.

Lại nữa, Bồ-tát khi học Bát-nhã, không sinh tâm xan tham. Không sinh tâm xan tham là Bồ-tát học Bát-nhã nên ức chế các phiền não, phiền não tuy chưa sạch hết, nhưng không thể làm chi được, nên nói là chẳng sinh. Bồ-tát học Bát-nhã biết tướng hết thảy pháp đều hư dối không thật, nên không chấp thủ tướng sắc cho đến tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh

giác. Vì sao? Vì không muốn bị rơi vào tà kiến chấp có, chấp không, nên đi thẳng trung đạo tập hành Bồ-tát. Trong đây Phật tự nói nhơn duyên: Bồ-tát tu Bát-nhã đối với hết thảy pháp không có sở đắc, vì không có sở đắc nên không có tướng pháp khả thủ là lành, hoặc chẳng lành. Bồ-tát nếu học như vậy là tổng nhiếp hết các Ba-la-mật. Các Ba-la-mật như Thí Ba-la-mật v.v... không lìa Bát-nhã Ba-la-mật. Vì lực của Bát-nhã Ba-la-mật khiến cho các Ba-la-mật khác lìa các tà kiến tham đắm đều được tăng trưởng. Phật muốn làm cho nghĩa ấy rõ ràng nên nói thí dụ: Như ngã kiến và mạng căn đã hết.

Hỏi: Ngã kiến và các kiến đều có tướng riêng, cớ sao các kiến lại nhiếp vào trong ngã kiến?

Đáp: Tuy có tướng riêng mà ngã kiến là gốc; người ta vì vô minh nên trong năm uẩn trống không sinh ra ngã kiến. Vì sinh ngã kiến nên nói thân này sau khi chết như đi từ đây đến kia, hoặc không như đi từ đây đến kia. Nếu như đi từ đây đến kia tức là thường kiến, nếu không như đi từ đây đến kia tức là đoạn kiến. Nếu cho là đoạn diệt mà lo thụ hưởng cái vui say sắm năm dục đời nay, lấy ác pháp cho là tối ưu, thì sinh kiến thủ. Nếu bảo thường mà xuất gia học đạo, giữ giới, khổ hạnh, thì sinh giới cấm thủ. Hoặc thấy thường, đoạn đều có lỗi bèn nói không có nhơn duyên quả báo thì sinh tà kiến. Từ trong năm kiến ấy chấp thế gian hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc hữu biên, hoặc vô biên v.v... sinh ra năm mươi bảy chấp kiến. Thế nên nói thân kiến (ngã kiến) thu nhiếp sáu mươi hai kiến, không có lỗi. Do các nhơn duyên và thí dụ như vậy nên biết Bát-nhã Ba-la-mật là tối đệ nhất trong các pháp; vì Bát-nhã Ba-la-mật tối đệ nhất trong các pháp nên Bồ-tát học Bát-nhã là người đệ nhất giữa chúng sinh. Phật muốn lấy việc ấy, thiện hóa chúng sinh nên nói thí dụ: Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới nhiều chăng? Như vậy! Cho đến Bồ-tát học Bát-nhã như vậy, nên biết đó là bậc chẳng thối chuyển, xa lìa Nhị thừa, gần gũi Phật thừa.

Lại nữa, Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát nghĩ rằng: Bát-nhã Ba-la-

mật là khai thị tướng Bát-nhã Ba-la-mật hoặc có, hoặc không v.v...; nếu thấy có Bát-nhã, được Bát-nhã là chấp trước Bát-nhã. Ta nhờ Bát-nhã Ba-la-mật được trí Nhất thiết chủng, biết năm uẩn hòa hợp giả gọi là Bồ-tát, Bồ-tát theo tên gọi giả, chấp cho là ngã, cho đó là Bát-nhã có làm; Bát-nhã là không có tướng được, không có tướng chấp trước mà người ấy bảo có tướng Bát-nhã đệ nhất nghĩa, người ấy theo tên gọi giả, mà sinh ngã tâm. Bát-nhã tướng không có làm mà người ấy muốn dùng Bát-nhã tạo tác, cho

rằng ta dùng Bát-nhã mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thế nên Phật dạy: Người nghĩ như vậy không gọi là tu Bát-nhã; nếu không nghĩ như vậy thì gọi là tu Bát-nhã.

Hỏi: Nghĩ như vậy, không nghĩ như vậy, việc đã rồi, cớ sao còn nói lần thứ ba?

Đáp: Đầu hết là chỉ tướng tà hạnh; thứ hai là ngăn tà hạnh nhưng chưa nói tướng chánh hạnh; thế nên thứ ba nói tướng chánh hạnh.

Lại nữa, đầu là tâm chấp trước thủ tướng; thứ hai là phá tướng chấp trước ấy mà không nói thế nào là tướng các pháp; thứ ba phá chấp trước tà và nói thật tướng. Bồ-tát nghĩ rằng: Nôi hết thảy chỗ không hiển bày tướng Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không sinh ngã tâm rằng, ta dùng Bát-nhã Ba-la-mật có công việc làm; chỉ biết hết thảy pháp thường trú trong như, pháp tánh, thực tế không tranh cãi. Thế nên nói lần thứ ba, không có lỗi.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 78

GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI BỐN: NGUYỆN VUI MỪNG

KINH: Bấy giờ, trời Đế-thích nghĩ rằng: Khi Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật cho đến mười tám pháp không chung là đã vượt lên trên hết thảy chúng sinh, huống gì khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các chúng sinh nghe Nhất thiết trí mà tin, còn được thiện lợi, được sống lâu hôn giữa loài người, huống gì phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, các chúng sinh khác hãy nên tùy nguyện vui mừng.

Khi ấy trời Đế-thích lấy hoa Mạn-đà-la cõi trời rải lên trên Phật, cất tiếng nói rằng: Do phước đức này, nếu có người cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì khiến người ấy đầy đủ Phật pháp, đầy đủ trí Nhất thiết chủng, đầy đủ pháp tự nhiên; nếu người cầu Thanh văn, khiến người ấy đầy đủ pháp Thanh văn. Bạch đức Thế Tôn! Nếu có Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, con trọn không bao giờ sinh một niệm làm cho họ thối chuyển, cũng không sinh một niệm làm cho họ chuyển trở lại địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật. Bạch Thế Tôn! Con nguyện các Bồ-tát càng tinh tấn gấp bội đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thấy các chúng sinh chịu khổ não trong đường sinh tử, muốn làm lợi ích an vui cho hết thảy thế gian trời, người, A-tu-la, đem tâm ấy nguyện rằng: Con đã tự độ cũng sẽ độ người chưa được độ, con đã giải thoát cũng sẽ giải thoát cho người chưa được giải thoát; con đã an ổn cũng sẽ an ổn cho người chưa được an ổn ; con đã diệt độ cũng sẽ khiến người chưa được diệt độ được diệt độ.

Bạch Thế Tôn! Kẻ thiện nam, người thiện nữ sinh tâm tùy hỷ đối với công đức của vị Bồ-tát mới phát tâm, được bao nhiêu phước đức?

Sinh tâm tùy hỷ đối với công đức của vị Bồ-tát đã phát tâm lâu ngày được bao nhiêu phước đức? Sinh tâm tùy hỷ đối với công đức của vị Bồ-tát chẳng thối chuyển, được bao nhiêu phước đức? Sinh tâm tùy hỷ đối với công đức của vị Bồ-tát còn một đời bổ xứ làm Phật, được bao nhiêu phước đức?

Phật bảo trời Đế-thích: Kiều-thi-ca! Thế giới trong bốn châu thiên hạ có thể cân lường biết được, còn phước đức của tâm tùy hỷ ấy không thể cân lường.

Này Kiều-thi-ca! Ba ngàn đại thiên thế giới đều có thể cân lường biết được, còn phước đức của tâm tùy hỷ ấy không thể cân lường.

Này Kiều-thi-ca! Trong ba ngàn đại thiên thế giới đầy nước biển, lấy một sợi tóc chẻ làm một trăm phần, lấy một phần sợi tóc chấm lấy nước biển có thể đếm biết số giọt nước bao nhiêu, còn phước đức của tâm tùy hỷ ấy không thể đếm biết được.

Trời Đế-thích bạch Phật rằng: Nếu có chúng sinh không tùy hỷ với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, họ đều là quyến thuộc của ma; các kẻ tâm không tùy hỷ ấy từ trong ma sinh đến. Vì sao? Vì các Bồ-tát phát tâm tùy hỷ sinh ra để phá cảnh giới ma, thế nên muốn ái kính Tam bảo, nên sinh tâm tùy hỷ; tùy hỷ rồi nên hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì không một, không hai tướng.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Kiều-thi-ca! Nếu có người đối với Bồ-tát tùy hỷ và hồi hướng được như vậy, thì thường được gặp Phật, trọn không thấy sắc tướng dữ, trọn không nghe âm thanh dữ, trọn không ngửi mùi hương dữ, trọn không ăn vị dữ, trọn không chạm vật dữ, trọn không theo niệm dữ, trọn không xa lìa Phật; từ một cõi Phật đi đến một cõi Phật, thân cận chư Phật, gieo trồng căn lành. Vì sao? Vì kẻ thiện nam, người thiện nữ vì tùy hỷ và hồi hướng với các thiện căn của vô lượng, vô số vị Bồ-tát mới phát tâm, vì thiện căn vô lượng, vô số vị Bồ-tát ở Nhị địa, Tam địa cho đến Thập địa và Bồ-tát còn một đời bổ xứ làm Phật mà tùy hỷ và hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nhân duyên của thiện căn ấy, nên chóng gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát ấy được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi độ vô lượng, vô biên, vô số chúng sinh.

Này Kiều-thi-ca! Do nhân duyên ấy nên kẻ thiện nam, người thiện nữ đối với thiện căn của Bồ-tát mới phát tâm, nên tùy hỷ và hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng phải tâm, chẳng phải lìa tâm; đối với thiện căn của Bồ-tát đã lâu, Bồ-tát chẳng thối chuyển, và Bồ-tát còn một đời bổ xứ làm Phật, nên tùy hỷ và hồi hướng đến Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng phải tâm, chẳng phải lìa tâm.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Tâm ấy như huyễn, làm sao có được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao? Ông thấy tâm ấy như huyễn

chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn! Con không thấy huyễn, cũng không thấy tâm như huyễn.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu không có huyễn, không có tâm như huyễn, vậy ông thấy tâm ấy chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn!

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Lìa huyễn, lìa tâm như huyễn, ông thấy lại có pháp khác được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn! Con không thấy lìa huyễn, lìa tâm như huyễn, lại có pháp khác được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Con không thấy lại có pháp có thể nói hoặc có hoặc không, vì tướng pháp ấy rốt ráo lìa, nên không rơi vào có, không rơi vào không. Nếu pháp rốt ráo lìa thì không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; không có pháp gì cả, cũng không thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh Giác. Vì sao? Vì hết thảy pháp không có gì của chính nó, trong ấy không nhơ không sạch. Vì thế nên Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo lìa; Thiền Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật rốt ráo lìa tướng, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rốt ráo lìa. Nếu pháp rốt ráo lìa thì không thể tu, không thể hoại. Tu Bát-nhã Ba-la-mật cũng không có pháp có thể thủ đắc, vì rốt ráo lìa.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bát-nhã rốt ráo lìa, làm sao nhân Bát-nhã được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng rốt ráo lìa, trong hai lìa làm sao có sở đắc?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Lành thay, lành thay!

Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo lìa, Thiền Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật rốt ráo lìa, cho đến trí Nhất thiết chủng rốt ráo lìa. Này Tu-bồ-đề! Nếu Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo lìa, cho đến trí Nhất thiết chủng rốt ráo lìa, do vậy nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Nếu Bát-nhã Ba-la-mật chẳng phải rốt ráo lìa, cho đến trí Nhất thiết chủng chẳng phải rốt ráo lìa thì như vậy không gọi là Bát-nhã Ba-la-mật, không gọi là Thiền Ba-la-mật cho đến trí Nhất thiết chủng. Này Tu-bồ-đề! Nếu Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo lìa cho đến trí Nhất thiết chủng rốt ráo lìa, do vậy nên chẳng phải nhân Bát-nhã Ba-la-mật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác;

cũng không vì lìa, được lìa mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; cũng chẳng phải nhân Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Ý nghĩa sở hành của

Bồ-tát rất sâu!

Phật dạy: Đúng vậy! Ý nghĩa sở hành của Bồ-tát rất sâu. Bồ-tát làm được việc khó làm, đó là nghĩa sở hành ấy rất sâu mà không chứng quả vị Thanh văn, Bích-chi Phật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Như ý nghĩa mà con theo Phật được nghe thì sở hành của Bồ-tát không là khó. Vì sao? Vì Bồ-tát không thể thủ chứng được nghĩa ấy, cũng không thủ chứng được Bát-nhã, cũng không có người thủ chứng. Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp không thể có được, nghĩa ấy thế nào, có thể thủ chứng? Thế nào là Bát-nhã có thể thủ chứng? Thế nào là người thủ chứng? Thủ chứng rồi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Bạch đức Thế Tôn! Ấy gọi là Bồ-tát không có sở đắc mà tu Bồ-tát hạnh, đối với hết thảy pháp đều được rõ ràng. Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát nghe pháp sâu xa, tâm không khinh, không nghi, không sợ, không hãi thì gọi là Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật không thấy ta tu Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không thấy đó là Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không thấy ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì khi Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật, không nghĩ rằng Thanh văn, Bích-chi Phật địa cách xa ta, Nhất thiết trí cách gần ta. Thí như hư không, không nghĩ rằng có vật cách xa ta hay cách gần ta. Vì sao? Vì hư không không có phân biệt.

Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát tu Bát-nhã cũng không nghĩ rằng Thanh văn, Bích-chi Phật địa cách xa ta, Nhất thiết trí cách gần ta. Vì sao? Vì trong Bát-nhã không có phân biệt. Thí như người huyễn hóa không nghĩ rằng: Vị thầy huyễn thuật cách gần ta, người xem huyễn thuật cách xa ta. Vì sao? Vì người huyễn hóa không có phân biệt. Vị Bồ-tát tu Bát-nhã không nghĩ rằng: Thanh văn, Bích-chi Phật địa cách xa ta, Nhất thiết trí cách gần ta. Thí như ảnh tượng trong gương không nghĩ rằng: Gương và tượng cách gần ta, còn cái khác cách xa ta. Vì sao? Vì ảnh tượng không có phân biệt. Vị Bồ-tát tu Bát-nhã không nghĩ rằng: Thanh văn, Bích-chi Phật địa cách xa ta, Nhất thiết trí cách gần ta. Vì sao? Vì trong Bát-nhã không có phân biệt. Vị Bồ-tát tu Bát-nhã không có yêu ghét. Vì sao? Vì tự tính Bát-nhã không thể có được. Thí như Phật không có yêu ghét, vị Bồ-tát tu Bát-nhã không có yêu ghét cũng như vậy. Vì sao? Vì trong Bát-nhã không có yêu ghét. Thí như Phật đạo dứt hết thảy ức tưởng phân biệt, vị Bồ-tát tu Bát-nhã cũng như vậy, hết thảy tưởng phân biệt dứt, rốt ráo không. Thí như người Phật biến hóa ra, không nghĩ rằng Thanh văn, Bích-chi Phật địa cách xa ta, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cách gần ta. Vì sao? Vì người

Phật biến hóa ra không có phân biệt. Vị Bồ-tát tu Bát-nhã cũng như vậy, không nghĩ rằng: Thanh văn, Bích-chi Phật địa cách xa ta, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cách gần ta. Thí như có việc phải làm nên biến hóa làm, việc biến hóa làm không có phân biệt; Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, có việc phải làm nên làm, việc ấy thành tựu, nhưng Bát-nhã Ba-la-mật không có phân biệt. Thí như người thợ hoặc đệ tử người thợ có việc phải làm nên làm ra người gỗ hoặc trai hay gái, hoặc voi, ngựa, trâu, dê; các loại ấy có thể làm mà cũng không có phân biệt. Bạch Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, có việc phải làm nên nói việc ấy thành tựu mà Bát-nhã Ba-la-mật không có phân biệt.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Chỉ Bát-nhã Ba-la-mật không có phân biệt hay Thiền Ba-la-mật cho đến Thí Ba-la-mật cũng không có phân biệt?

Tu-bồ-đề đáp Xá-lợi-phất: Thiền Ba-la-mật không có phân biệt, cho đến Thí Ba-la-mật cũng không phân biệt.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Sắc không có phân biệt, cho đến thức cũng không có phân biệt; mắt cho đến ý không có phân biệt; sắc cho đến pháp cũng không có phân biệt; mắt, thức, xúc cho đến ý, thức, xúc không có phân biệt; thọ do nhãn và xúc làm nhân duyên sinh, cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo, không, vô tướng, vô tác, mười lực Phật, bốn việc không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp không chung, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tính vô vi ... cũng không có phân biệt. Này Tu-bồ-đề! Nếu sắc không có phân biệt cho đến tính vô vi không có phân biệt, nếu hết thảy pháp không có phân biệt, thì làm sao phân biệt có sáu đường sinh tử là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người, A-tu-la, làm sao phân biệt được Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật và chư Phật?

Tu-bồ-đề đáp Xá-lợi-phất: Chúng sinh vì điên đảo nên tạo nghiệp thân, miệng, ý; theo chỗ ham muốn nghiệp báo cũ mà thọ thân trong sáu đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người, A-tu-la. Như ông nói làm sao phân biệt có Tu-đà-hoàn cho đến Phật đạo? Thưa Xá-lợi-phất, Tu-đà-hoàn chính là vì không có phân biệt nên có, quả Tu-đà-hoàn cũng là vì không có phân biệt nên có; cho đến A-la-hán, quả A-la-hán, Bích-chi

Phật, đạo Bích-chi Phật, Phật và Phật đạo cũng là vì không có phân biệt nên có. Thưa Xá-lợi-phất! Chư Phật quá khứ cũng là vì không có phân biệt, dứt phân biệt nên có. Vì thế nên biết, tướng hết thảy pháp không có phân biệt, không thể phá hoại, vì các pháp là như như, pháp tính, thật tế.

Thưa Xá-lợi-phất! Như vậy Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật không có phân biệt; tu Bát-nhã Ba-la-mật không có phân biệt rồi, liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có phân biệt.

LUẬN: Khi ấy trời Đế-thích và hội chúng đều vui mừng. Trời Đế-thích nghĩ rằng: Bồ-tát khi tu đạo Bồ-tát, công đức có được còn hôn hết thảy chúng sinh, huống gì thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác!

Chúng sinh có hai hạng: Hạng phát tâm và hạng chưa phát tâm. Hạng phát tâm Bồ-tát hôn hàng chưa phát tâm. Vì sao? Vì hạng ấy gieo trồng nhân duyên về với vô lượng Vô thượng Phật pháp, muốn độ chúng sinh khiến lìa khổ được vui, còn chúng sinh khác chỉ cầu cái vui cho mình, muốn đưa cái khổ cho người khác. Do nhân duyên ấy nên người phát tâm hơn.

Hỏi: Các A-la-hán, Bích-chi Phật và người được năm thần thông là người ly dục, còn người phát tâm hoặc chưa ly dục, chỉ mới phát tâm, làm sao hơn được?

Đáp: Việc ấy ở trong phẩm trước đã đáp rõ: A-la-hán tuy đã sạch hết lậu hoặc chẳng bằng Bồ-tát mới phát tâm. Thí như Thái tử của Chuyển luân Thánh vương tuy ở trong thai đã hơn con của người khác. Lại như thái tử của Quốc vương, tuy chưa lên ngôi đã hơn các đại thần có tước vị giàu sang. Bồ-tát phát tâm có hai hạng: Một là tu các đạo Bồ-tát Ba-la-mật; hai là chỉ âm thầm phát tâm. Trong đây nói về hàng tu Bồ-tát đạo, người ấy tuy việc chưa thành tựu đã có thể hôn hết thảy chúng sinh, huống gì khi thành tựu! Thí như chim Ca-lăng-tần-già còn ở trong trứng chưa cất tiếng kêu đã hôn các chim khác, huống gì khi ra khỏi trứng cất tiếng kêu! Bồ-tát cũng như vậy, tuy chưa thành tựu Phật, tu Bồ-tát đạo, còn phát âm thanh nói về thật tướng các pháp, khởi phá các hý luận của ngoại đạo và ma dân, huống gì khi thành Phật. Có người nói: Nếu có người một lần phát tâm nói rằng: "Ta sẽ làm Phật, diệt khổ cho chúng sinh" thì người ấy tuy chưa dứt phiền não, chưa làm việc khó làm, mà do nghiệp tâm và miệng mạnh hôn hết thảy chúng sinh. Hết thảy chúng sinh đều tự tìm vui, tự vì mình nên yêu thương thân thích. A-la-hán, Bích-chi Phật tuy không ham cái vui thế gian, nhưng chỉ tự vì diệt khổ cho mình, cầu cái vui Niết-bàn, không thể vì chúng sinh, còn Bồ-tát tâm sinh miệng nói đều vì hết thảy chúng sinh, cho nên hôn. Thí như có một vị A-la-hán đủ sáu thần thông, đem theo một Sa-di khiến mang y bát ven theo đường mà đi. Sa-di suy nghĩ: "Ta sẽ do thừa nào cầu vào Niết-bàn? Nghĩ rồi liền phát tâm rằng: Phật là Thế Tôn tối thượng, Ta sẽ do Phật thừa mà vào Niết-bàn". Vị thầy biết ý nghĩ của Sa-di, liền lấy y bát tự mang lấy, đẩy Sa-di đi phía trước. Sa-di lại suy nghĩ: "Phật đạo quá khó,

phải ở lâu trong sinh tử chịu vô lượng khổ, còn theo Tiểu thừa sớm vào Niết-bàn" vị thầy lại lấy y bát, đãy, lọc nước đưa lại Sa-di, khiến mang và bảo đi sau. Cứ như vậy đến lần thứ ba, Sa-di thưa với thầy: Tuổi thầy già cả mà sao giỡn như trẻ con, mới vừa khiến con đi trước, lại bảo con đi sau một cách mau chóng? Vị thầy đáp: Ngươi niệm đầu phát tâm làm Phật, tâm ấy quý trọng. Theo lẽ, ngươi là thầy ta, người như vậy, các Bích-chi Phật còn nên cúng dường, huống gì A-la-hán, thế nên ta đẩy ngươi đi trước. Nhưng tâm ngươi trở lại ăn năn, muốn đi theo Tiểu thừa mà chưa thể được, như vậy ngươi cách ta rất xa, thế nên ta khiến ngươi đi sau. Sa-di nghe rồi kinh hãi tỉnh ngộ: Thầy ta biết được tâm ta, Ta một lần phát tâm đã hôn A-la-hán, huống gì khi được thành tựu! Liền tự phát tâm kiên cố ở trong pháp Đại thừa.

Lại nữa, hơn là không hẳn trong mọi việc đều hơn, mà chỉ do một lần phát tâm, muốn thành Phật độ chúng sinh, việc ấy là hôn. Các thiền định, giải thoát còn chưa có được, sao lại nói hơn! Thí như lấy việc bay lượn mà nói thì chim hơn người, còn công đức sẽ được trong tương lai không luận đến. Người Tiểu thừa nói: Cho đến vị Bồ-tát còn một đời bổ xứ làm Phật còn không hôn vị Sa-di có đủ vô lượng luật nghi. Trong luận Đại thừa hoặc có người nói như vầy: Người có phát tâm Đại thừa, tuy ở trong hàng tiểu nhân xấu ác vẫn hôn người Nhị thừa được giải thoát; ấy gọi là Nhị biên, lìa Nhị biên ấy gọi là Trung đạo. Nghĩa trung đạo như trên đã nói. Vì nó có nghĩa lý thật nên phải thủ lấy. Thế nên nói khi mới phát tâm đã hơn hết thảy chúng sinh, huống gì khi thành Phật!

Nghe nói Nhất thiết trí mà tin là, được thiện lợi trong loài người. Có người nói sáu Ba-la-mật là lợi, có người nói quả báo của sáu Ba-la-mật là lợi, đó là quả báo làm Chuyển luân Thánh vương, vua trời Đế-thích, Phạm thiên, vua người, vua pháp. Có người nói: Được chẳng thối chuyển, không đọa đường ác, thường sinh chỗ giàu sang trong cõi người cõi trời. Có người nói: Bồ-tát trú nôi quả báo thần thông, dạo khắp mười phương cúng dường chư Phật, dùng mỗi mỗi phương tiện giáo hóa chúng sinh. Do nhơn duyên tín thọ, giáo hóa chúng sinh nên được các lợi lớn như vậy.

Sống lâu trong hàng sống lâu là, chúng sinh có hai mạng sống: 1.

Mạng căn; 2. Tuệ-mạng. Người được Tuệ-mạng nên nói sống lâu trong hàng sống lâu. Huống gì phát tâm, người phát tâm là người đáng kính, đáng quý. Vì sao? Vì như trước nói, người ấy có thể bỏ cái vui của riêng mình, đem cái vui đến người khác, không lo mình khổ, mà lo người khác khổ. Bấy giờ trời Đế-thích muốn hiện tướng hoan hỷ, nên lấy hoa Mạn-đà-

la trời rải lên trên Phật, như kinh đã nói rộng.

Hỏi: Tội phước không thể đem cho người, tuy muốn cho cũng không được, cớ sao trời Đế-thích muốn lấy phước đức này khiến người cầu Phật đạo đầy đủ Phật pháp?

Đáp: Tuy không thể cho người nhưng tự làm cho tâm mình tốt, lại trời Đế-thích tỏ bày không đắm trước phước ấy nên đem tâm tùy hỷ cho người cầu Phật đạo; cho người cầu Thanh văn cũng như vậy.

Trời Đế-thích bạch Phật: Tôi tuy được Thanh văn đạo cũng không sanh một niệm, khiến tâm Bồ-tát xoay trở lại hướng về Nhị thừa. Vì sao? Vì các Bồ-tát thấy chúng sanh chịu khổ trong đường sanh tử, muốn lấy lợi ích hết thảy thế gian nên phát nguyện rằng: Người chưa được độ tôi sẽ độ.

Bấy giờ trong hội chúng có người nghĩ rằng: Nếu như trên nói, tùy hỷ cũng có công đức, vậy tùy hỷ với người mới phát tâm và tùy hỷ với người phát tâm đã lâu có gì sai khác? Trời Đế-thích muốn giải cái nghi đó cho chúng nên hỏi Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Tùy hỷ với công đức của Bồ-tát mới phát tâm được bao nhiêu phước đức? Như Kinh nói rộng, phước đức ấy vô lượng, vô biên vì gieo vào vô lượng, vô biên ruộng phước, người ta không thể đếm biết được, nên nói thí dụ để giải thích như trong Kinh đã nói rộng. Phước đức của tùy hỷ tuy vô lượng, vô biên nhưng phước đức của tùy hỷ đối với người gần thành Phật đạo càng nhiều hôn. Khi ấy trời Đế-thích hoan hỷ nên bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Có người nghe công đức ấy tâm không tùy hỷ thì đó là ma dân, từ ma trời đi đến. Vì sao? Vì ở cảnh giới ma chứa nhóm ác tâm nên không tùy hỷ. Trong đây nói nhân duyên: Tâm tùy hỷ có thể phá cảnh giới ma, nên người cầu Phật đạo, muốn ái kính Tam Bảo không bỏ, hãy đem tâm tùy hỷ, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Chẳng một chẳng hai tướng là, không thấy các pháp có tướng nhất định không thuộc nhân duyên, nên nói chẳng một; không phân biệt tâm tùy hỷ với tâm hồi hướng nên nói chẳng hai, vì rốt ráo không. Phật chấp thuận ý của trời Đế-thích, lại khen ngợi công đức tùy hỷ rằng: Người ấy thường nhớ nghĩ tùy hỷ với công đức của mười phương chư Phật nên mau được thấy Phật. Lại do thâm tâm muốn khiến hết thảy chúng sinh lìa khổ được vui, nên qua lại trong đường sanh tử, sáu căn ban sô không chịu sáu trần xấu ác, về sau thường được sinh ở trước chư Phật. Vì không dứt gieo trồng hạnh thấy Phật. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Người ấy đối với vô lượng, vô số vị Bồ-tát mới phát tâm, cho đến vô lượng vị Bồ-tát còn một đời bổ xứ làm Phật, đều tùy hỷ, nên được quả báo như trên, chóng thành

Phật đạo, độ vô lượng vô số chúng sinh.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Bồ-tát ấy nhơn phước đức ấy mà hồi hướng đúng như pháp thật tướng; ở trong thật tướng, tâm không thể có được, nên nói chẳng phải tâm, cũng chẳng lìa tâm. Như trên nói ý nghĩa chẳng một, chẳng hai vì sự việc có khác nên lại nói thêm.

Tu-bồ-đề nghe xong, chấp lấy tướng tâm không, không có, để gạn hỏi Phật; tâm ấy chẳng phải tâm không, không có gì như huyễn, làm sao có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Phật hỏi ngược lại Tu-bồ-đề: Ông thấy tâm không ấy có định tướng như huyễn chăng? Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Nếu tâm không, như huyễn làm sao thấy được? Nếu thấy được thì chẳng phải không, thế nên đáp rằng: Không phải. Phật dạy: Tâm nếu không, không có gì, ông thấy trong ấy có hý luận nói hoặc có hoặc không chăng? Đáp, không. Lìa tâm không, không có gì, như huyễn ấy, ông lại thấy có pháp có thể được đạo Vô thượng chăng? Đáp: Không thấy. Không thấy, không thể có được nên đâu có pháp hoặc có hoặc không. Vì sao? Vì hết thảy pháp rốt ráo lìa tướng, rốt ráo không, nên không rơi vào có không; nếu pháp không rơi vào có không, thời pháp ấy rốt ráo không có gì của chính nó, không thể được đạo Vô thượng. Do nhân duyên ấy nên Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo lìa tướng, thấy có thấy không, cả hai đều có lỗi. Thiền Ba-la-mật cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng rốt ráo lìa tướng như vậy. Nếu pháp rốt ráo lìa tướng, thì không thể thấy được, không thể tu được, không thể chứng được. Tu pháp ấy lại không có sở đắc, vì rốt ráo lìa tướng. Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo lìa tướng, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rốt ráo lìa tướng, thì làm sao do rốt ráo lìa tướng, được rốt ráo lìa tướng? Nếu một pháp rốt ráo lìa tướng còn không thể có được, huống gì hai pháp lìa tướng. Thí như lấy ngón tay chạm hư không, vì hư không không có chạm được nên ngón tay không thể chạm, huống gì cả hai đều không có chạm, cũng như hư không, như Niết-bàn.

Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo lìa tướng, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rốt ráo lìa tướng thì làm sao dùng lìa tướng được lìa tướng? Phật biết Tu-bồ-đề nói theo thật tướng các pháp, nên chấp nhận lời ấy rằng: Lành thay! Lành thay! Liền nói nhân duyên: Này Tu-bồ-đề! Nếu Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo lìa tướng, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rốt ráo lìa tướng, thì do nhân duyên ấy nên có thể được lìa tướng. Vì sao? Vì nếu một pháp nhất định có tướng chẳng phải không thì đó là tướng pháp thường chẳng sinh, từ vị lai đến hiện tại, từ hiện tại đến quá khứ. Nếu không có tướng thật sinh thì không có tướng thật diệt; nếu không sinh diệt, thì không có Tứ đế;

nếu không có Tứ đế thì không có Pháp bảo; Pháp bảo không có nên cũng không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì Pháp bảo tức Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; nếu không có Pháp bảo, thì không có Phật bảo, nếu không có Phật pháp, thì không có Tăng bảo; nếu không có Tam bảo, thì không có hết thảy các pháp vì có các tội lỗi như vậy nên rốt ráo lìa tướng, thì thông suốt không chướng ngại. Nếu nói rốt ráo lìa tướng nên biết cũng lìa không; nếu chẳng lìa không thì chẳng gọi rốt ráo lìa tướng. Thế nên Kinh nói: Vì nói Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo lìa tướng nên có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tuy chẳng lìa Bát-nhã Ba-la-mật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng do hai lìa tướng mà được hai lìa tướng, vì rốt ráo không, không nên nạn hỏi.

Tu-bồ-đề biết Phật nói tướng thậm thâm nên bạch Phật rằng: Nếu Bồ-tát tu hành được như vậy là tu hành theo nghĩa thậm thâm. Phật chấp nhận lời ấy rằng: Bồ-tát có thể làm việc khó làm, có thể tu theo nghĩa thậm thâm như vậy mà không chứng quả Nhị thừa. Vì sao? Vì Bồ-tát nhất tâm dùng lợi trí thâm nhập vào "không" mà không chứng Niết-bàn, ấy là việc khó. Tu-bồ-đề thưa: Như con hiểu nghĩa của Phật nói, việc ấy không khó. Vì sao? Vì người ấy không nắm bắt được tướng nhất định của nghĩa thậm thâm có thể thủ chứng, không nắm bắt được tướng Bát-nhã Ba-la-mật, không nắm bắt tướng người chứng, thì ai sẽ do nghĩa thậm thâm để thủ chứng. Nếu không thủ chứng thậm thâm ấy, thì ai sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ấy gọi là Bồ-tát tu hành không có đắc gì; tu đạo ấy thì soi rõ hết thảy pháp.

Hỏi: Phật nói rằng khó, Tu-bồ-đề nói rằng không khó, nghĩa của thầy và đệ tử phải đồng nhau, cớ sao lại trái nhau?

Đáp: Phật theo nghĩa Thế đế nên nói khó; Tu-bồ-đề theo đệ nhất nghĩa nên nói không khó; Phật nói Bồ-tát được nghĩa thậm thâm; Tu-bồ-đề nói Bồ-tát không được nghĩa thậm thâm. Phật cho rằng: Tu-bồ-đề vì chúng sinh nên nói: Có người nghe việc khó thì phát tâm nên nói là khó, có người nghe việc khó mà thối thất nên nói không khó, ấy gọi là Bồ-tát hành hạnh không có đắc gì. Trú trong hạnh ấy, thông suốt hết thảy pháp không chướng ngại. Tu-bồ-đề nói: Nếu Bồ-tát nghe nói Bồ-tát rốt ráo lìa tướng như vậy, không có pháp khả chứng, không có người thủ chứng, cũng không có Bát-nhã và Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà không kinh, không nghi, thông suốt không chướng ngại, thì đó gọi là tu Bát-nhã Ba-la-mật. Người tu Bát-nhã Ba-la-mật gọi là chân hành, thâm hành. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy không thấy Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không thấy ta tu Bát-nhã Ba-la-mật,

không thấy Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không thấy do pháp ấy được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tất cả đều không có phân biệt. Bồ-tát ấy an trú trong thật tướng các pháp, nên không khởi tâm phân biệt rằng: Nhị thừa cách xa ta, Phật đạo cách gần ta. Trong đây nói thí dụ hư không là để rõ nghĩa rốt ráo không. Bát-nhã Ba-la-mật tuy không nhưng nếu có chỗ tu hành có thể thành việc ấy. Thí như người gỗ, tùy ý làm việc gì đều có thể làm được.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Chỉ Bát-nhã Ba-la-mật không có phân biệt hay các Ba-la-mật khác cũng không có phân biệt? Nếu chỉ Bát-nhã Ba-la-mật không, không có phân biệt thì các Ba-la-mật khác lẽ đáng là có tướng, vậy thì Bồ-tát đạo có chỗ khác biệt không bình đẳng, lại trong phẩm đầu nói khi tu Thí Ba-la-mật, không có người thí, người nhận, cũng không có tài vật, làm sao nói khác. Nếu cả năm Ba-la-mật đều không, thì không có phân biệt, không có sáu tên gọi khác nhau cũng không thể tu hành.

Tu-bồ-đề đáp: Năm Ba-la-mật cũng không, không có phân biệt, nhưng đối với người mới phát tâm, chưa được vô sanh pháp nhẫn thì có phân biệt. Thí như bốn sông khi chưa hội về biển cả thì có tên gọi riêng, khi đã vào biển cả thì không có sai biệt, Bồ-tát cũng như vậy, theo Tục đế thì có sai biệt, theo Đệ nhất nghĩa đế thì không có sai biệt.

Xá-lợi-phất hỏi: Sắc, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và tính vô vi cũng không có phân biệt. Nếu pháp ấy không, không có sai biệt làm sao có sáu đạo chúng sinh sai biệt, làm sao có phân biệt Tu-đà-hoàn cho đến Phật đạo?

Tu-bồ-đề đáp: Các pháp tuy rốt ráo không, không có phân biệt, mà vì tâm chúng cuồng si điên đảo khởi lên thân, khẩu, ý nghiệp, theo nghiệp thọ báo thân, chính tham dục là gốc, chỉ vì tham dục bức bách nên sanh tâm chấp trước, chứ các pháp không có định tướng. Nghiệp quả báo là sáu nẻo luân hồi. Do vậy nên biết không, không có phân biệt, ấy là gốc thật, chỉ vì điên đảo không thật, nên có sáu nẻo luân hồi sai khác. Lại các bậc Hiền Thánh Tu-đà-hoàn v.v... cũng nhơn pháp rốt ráo không, không có phân biệt mà xuất sinh, nghĩa là do dứt ba kiết sử chứng quả Tu-đà-hoàn, ba kiết sử tức là điên đảo, biết điên đảo trừ hết gọi là dứt, dứt tức là không, không có phân biệt. Theo Thế đế nên giả gọi là người, chứng được pháp ấy nên gọi là Tu-đà-hoàn. Thế nên biết, người Tu-đà-hoàn và quả Tu-đà-hoàn rốt ráo không, không có phân biệt; cho đến Phật và Phật đạo cũng như vậy. Trong đây, nói nhân duyên, chẳng phải chỉ hiện tại không có phân biệt mà chư Phật quá khứ nhiều như cát sông Hằng do hết thảy phân biệt đều dứt, nên

vào Vô dư Niết-bàn, không có một tí pháp có định tướng có thể phân biệt. Hết thảy pháp rốt ráo không, vì vào cửa như, pháp tánh, thực tế, thế nên nói pháp nhân duyên thậm thâm, vì vào ba cửa ấy. Bồ-tát nên tu Bát-nhã Ba-la-mật không có phân biệt như vậy, tu Bát-nhã Ba-la-mật không có phân biệt, nên chứng được pháp không có phân biệt đó là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

--oOo----

GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI LĂM: KHEN NGỢI

KINH: Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật là tu pháp chân thật hay là tu pháp không chân thật?

Tu-bồ-đề đáp: Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật là tu pháp không chân thật. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật không chân thật, cho đến trí Nhất thiết chủng không chân thật. Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật, pháp không chân thật còn không thể có được huống gì pháp chân thật, cho đến tu trí Nhất thiết chủng, pháp không chân thật còn không thể có được, huống gì pháp chân thật.

Bấy giờ các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc nghĩ rằng: Có các kẻ Thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như ý nghĩa được nói trong Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm, tu pháp bình đẳng không thủ chứng thực tế không rơi vào hàng Thanh văn, Bích-chi Phật địa, hãy nên kính lễ.

Tu-bồ-đề nói với các Thiên tử: Các Bồ-tát đối với các pháp bình đẳng, không thủ chứng Thanh văn, Bích-chi Phật địa, không là khó; các Bồ-tát đại trang nghiêm với thệ nguyện rằng: Ta sẽ độ vô lương, vô biên, vô số chúng sinh, biết chúng sinh rốt ráo không thể có được mà vẫn độ chúng sinh, ấy mới là khó. Này các Thiên tử! Các Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nguyện rằng: Ta sẽ độ hết thảy chúng sinh, chúng sinh thật không thể có được mà người ấy muốn độ khác nào muốn độ hư không. Vì sao? Vì hư không lìa tướng nên biết chúng sinh cũng lìa tướng; vì hư không "không", nên biết chúng sinh cũng không; vì hư không không kiên cố nên biết chúng sinh cũng không kiên cố; vì hư không hư dối nên biết chúng sanh cũng hư dối. Do nhân duyên ấy nên biết việc Bồ-tát làm là khó. Vì lợi ích cho chúng sinh không thật có gì mà đại trang nghiêm, người ấy cam kết thệ nguyện vì chúng sinh là muốn đấu tránh với hư không. Bồ-

tát cam kết thệ nguyện rồi cũng không có được chúng sinh, mà vẫn vì chúng sinh cam kết thệ nguyện. Vì sao? Vì chúng sinh lìa tướng, nên biết đại thệ nguyện cũng lìa tướng; vì chúng sinh hư dối nên biết đại thệ nguyện cũng hư dối. Nếu Bồ-tát nghe pháp ấy, tâm không kinh, không nghi, nên biết Bồ-tát ấy tu Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì sắc lìa tướng tức chúng sinh lìa tướng; thọ, tưởng, hành, thức lìa tướng tức chúng sinh lìa tướng. Sắc lìa tướng tức là sáu Ba-la-mật lìa tướng; thọ, tưởng, hành, thức lìa tướng tức là sáu Ba-la-mật lìa tưởng. Cho đến trí Nhất thiết chủng lìa tướng tức là sáu Ba-la-mật lìa tướng. Nếu Bồ-tát nghe hết thảy pháp lìa tướng, tâm không kinh, không đắm, không sợ, không hãi, nên biết Bồ-tát ấy tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nhân duyên gì Bồ-tát đối với Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm tâm không đắm.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Vì Bát-nhã Ba-la-mật không, không có gì của chính nó, nên không đắm; vì Bát-nhã Ba-la-mật lìa tướng nên không đắm, vì Bát-nhã Ba-la-mật tịch diệt nên không đắm. Do nhân duyên ấy nên Bồ-tát đối với Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm tâm không đắm. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy không thấy có đắm, không thấy có việc đắm, không thấy có chỗ đắm, vì hết thảy pháp đều không thể có được. Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát nghe pháp ấy tâm không kinh, không đắm, không sợ, không hãi, nên biết Bồ-tát ấy tu Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì người đắm, việc đắm, chỗ đắm đều không thể có được. Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật như vậy chư Thiên và trời Đế-thích vua trời Phạm-thiên và Chúa tể thế giới đều kính lễ.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Không những trời Đế-thích, Phạm thiên, Chúa tể thế giới, kính lễ vị Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật ấy, mà vượt quá cõi đó, trời Quang âm, trời Biến Tịnh, trời Quảng Quả, trời Tịnh Cư cũng đều kính lễ Bồ-tát ấy. Này Tu-bồ-đề! Vô lượng chư Phật trong mười phương hiện tại cũng nghĩ đến vị Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật ấy, nên biết vị Bồ-tát ấy như Phật. Này Tu-bồ-đề! Nếu chúng sinh trong hằng hà sa thế giới đều là ma, mỗi mỗi ma ấy lại hóa làm ma, ma nhiều như cát sông Hằng ấy cũng không có thể gây chướng nạn vị Bồ-tát tu Bát-nhã

Ba-la-mật.

LUẬN: Bấy giờ Xá-lợi-phất nghe pháp không có tướng phân biệt trên, tâm rất vui mừng, hỏi Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật là hành pháp chân thật hay hành pháp không chân thật? Chân thật là thẩm định không biến khác tức có thể chấp thủ, có thể đắm trước; nếu không chân thật tức là hư dối, vọng ngữ. Tu-bồ-đề thường ưa hành pháp "không"

sâu xa, tâm không có chướng ngại nên đáp: Hành Bát-nhã tức là hành không chân thật. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật không, không có định tướng, không có phân biệt; cho đến trí Nhất thiết chủng cũng như vậy. Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật như vậy, từ trước lại ở trong sanh tử, đối với pháp hữu vi hư dối, đã học tập, đã ưa đắm còn không thể có được huống gì về sau quán nhân duyên hư dối phát sinh trí tuệ, Bát-nhã chẳng phải là pháp ưa đắm mà có thể có được. Thế nên Bồ-tát quán hết thảy thế gian là không chân thật, cũng không đắm trước Bát-nhã Ba-la-mật ấy. Theo Thế đế nên nói chân thật, theo Đệ nhất nghĩa đế thì chân thật còn không thể có được huống gì không chân thật. Bấy giờ chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc vui mừng nói: Có vị Bồ-tát kia phát tâm, ta đều nên kính lễ. Vì Bồ-tát hay làm việc khó làm, hay tu theo nghĩa thậm thâm đệ nhất mà không thủ chứng. Nghĩa đệ nhất tức là pháp bình đẳng, chỉ tên gọi khác nhau.

Tu-bồ-đề nói với các Thiên tử: Bồ-tát đối với pháp bình đẳng không thủ chứng, không là khó; Bồ-tát muốn độ vô lượng chúng sinh mà chúng sinh thật rốt ráo không thể có được, ấy mới là khó. Vì sao? Vì muốn độ chúng sinh không khác gì muốn độ hư không. Vì hư không lìa tướng, chúng sinh cũng lìa tướng; vì hư không hư dối, không thật, chúng sinh cũng không, hư dối, không thật.

Hỏi: Đối với pháp bình đẳng mà không thủ chứng, và chúng sinh rốt ráo không mà độ chúng sinh, cả hai việc đều rốt ráo không, làm sao nói một khó, một chẳng khó?

Đáp: Vì chúng sinh chỉ là giả danh, hư dối, ấy là chỗ đắm trước; pháp bình đẳng là vô vi, nên không phải chỗ đắm trước. Chúng sinh thuộc pháp hữu vi giả danh mà sinh, pháp vô vi là Đệ nhất nghĩa. Nơi chỗ điên đảo chấp trước mà không chấp trước là khó, nôi chỗ không chấp trước mà không chấp trước không phải là khó, vì thế nên nói như vậy, vì chúng sinh "không" nên thệ nguyện đại trang nghiêm cũng "không", nếu thệ nguyện đại trang nghiêm "không", mà có thể phát tâm là khó. Bồ-tát nếu nghe nghĩa bình đẳng Đệ nhất ấy, theo đó độ chúng sinh và đại trang nghiêm đều rốt ráo "không" thì tâm không kinh, không đắm.

Thí như ngựa đã điều phục, thấy bóng không kinh sợ. Vì sao? Vì biết bóng ấy tự thân mình hiện ra. Bồ-tát cũng như vậy, biết rốt ráo không, nhơn có hữu vi hòa hợp nên có pháp hư vọng sinh. Bồ-tát nghe việc ấy, không kinh, không đắm, ấy là hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Pháp sắc v.v. . . lìa tướng nên chúng sinh cũng lìa tướng, lìa tướng gọi là không. Nếu chúng sinh không mà pháp chẳng không thì nên có sợ

hãi; nếu pháp cũng không, thì không có chỗ sinh sợ hãi. Nếu Bồ-tát nghe hết thảy pháp lìa tướng, tâm không sợ thì đó cũng gọi là Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật. Trên đây nghe nói "vì chúng sinh không" nên không sợ, nay nghe nói vì "pháp không" nên không sợ, nếu nghe hai không ấy mà không sợ, thì đó là chân thật hành Bát-nhã.

Phật hỏi Tu-bồ-đề: Vì sao tâm Bồ-tát không đắm hỏi rằng: Phật là bậc Nhất thiết trí cớ sao còn hỏi đệ tử tâm không kinh, không đắm?

Đáp: Vì chúng hội có nghi nhưng kính sợ không dám hỏi, do vậy Phật hỏi.

Lại nữa, nghĩa bình đẳng Đệ nhất ấy rất sâu, khó hiểu, chỗ rất sâu ấy lẽ đáng bị chìm đắm mà không chìm đắm, nên Phật thử hỏi Tu-bồ-đề. Lại nữa Phật cho rằng vì Tu-bồ-đề là vị chủ thuyết pháp, phép của người nghe là nên vấn nạn.

Hỏi: Phật là bậc Nhất thiết trí, cớ gì không tự làm chủ thuyết pháp mà sai Tu-bồ-đề thuyết?

Đáp: Trong chúng có người cho rằng trí tuệ Phật vô lượng vô biên còn trí lực của mình có hạn, nếu tâm có chỗ nghi ngờ, không dám thưa hỏi; vì hạng người ấy nên Phật sai Tu-bồ-đề thuyết.

Hỏi: Nếu như vậy sao không sai vị đại Bồ-tát thuyết?

Đáp: Đại Bồ-tát trí tuệ cũng lớn, không thể nghĩ bàn, uy đức trọng vọng nên người nghe cũng không dám nạn hỏi. Lại nữa, có người nói: A-la-hán, Bích-chi Phật và Phật đã vĩnh viễn dứt sạch thứ vô minh ràng buộc trong ba cõi, nên có thể như thật thuyết pháp, còn các Bồ-tát tuy chứa nhóm nhiều công đức mà lậu hoặc chưa hết, nên có thể người ta không tin. Vì vậy Phật không sai khiến.

Hỏi: Nếu như vậy, cớ sao không sai Xá-lợi-phất là bậc trí tuệ đệ nhất và các đại đệ tử khác?

Đáp: Việc ấy trước đã đáp rồi, nghĩa là Tu-bồ-đề ưa về "không" hạnh, khéo nói về không, vì Bát-nhã Ba-la-mật phần nhiều nói không, nên sai Tu-bồ-đề thuyết.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Hết thảy pháp rốt ráo không, không có gì của chính nó, vì không có gì của chính nó nên tự tướng lìa. Vì lìa tướng

nên thường tịch diệt, thường tịch diệt nên không có ức tưởng phân biệt, nên Bồ-tát không nên kinh, không nên đắm, đắm là đắm chỗ, đắm pháp đều không thể có được. Nếu Bồ-tát nghe việc ấy không kinh, không đắm thì đó là hành Bát-nhã Ba-la-mật. Tu-bồ-đề đáp rồi, bạch Phật rằng:

Hành được như vậy cũng gọi là hành Bát-nhã Ba-la-mật. Hết thảy chư Thiên, Đế-thích và Chúa tể thế giới đều kính lễ Bồ-tát; thần đất, thần hư không, bốn thiên vương, trời Đao-lợi với Đế-thích làm chủ, đều kính lễ Bồ-tát. Vua Phạm thiên là chúa tể trời Đại phạm trong Sô thiền, chúa tể thế giới là chủ các cõi trời khác ở cõi Dục mà phần nhiều chúng sinh tin là có, đều kính lễ Bồ-tát. Vì sao? Vì Bồ-tát bỏ cái vui riêng mình, lo làm lợi ích chúng sinh, còn ba hạng trời trên chỉ tự cầu vui cho mình.

Phật nói với Tu-bồ-đề: Chẳng phải chỉ ba hạng trời kính lễ mà trời Quang âm v.v... đều nhất tâm thanh tịnh kính lễ, các trời cõi Dục vì tâm ưa đắm dâm dục nhiều, nên kính lễ không đủ quý; trời Sơ thiền còn có giác quán tán loạn, nên kính lễ cũng không đủ là tuyệt điệu; các trời ở cõi trên tâm thanh tịnh vì cho Bồ-tát có công đức lớn nên kính lễ, ấy mới là khó. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nếu hành Bát-nhã như vậy, thì được vô lượng chư Phật mười phương nghĩ tới. Nhơn duyên Phật nghĩ tới như trước đã nói. Nay Phật nói: Quả báo của Bồ-tát ấy được chư Phật nghĩ tới, nghĩa là nên biết Bồ-tát ấy như Phật, vì chắc chắn sẽ đạt đến Phật đạo không thối chuyển. Vì cớ sao? Vì ma nhiều như cát sông Hằng cũng không thể phá hoại Bồ-tát ấy, như trong Kinh đã nói rộng.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 79

GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI LĂM (Tiếp): KHEN NGỢI

KINH: Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thành tựu hai pháp, ma không phá hoại được. Những gì là hai? Đó là quán hết thảy pháp không và không bỏ chúng sinh. Bồ-tát thành tựu hai pháp ấy, ma không phá hoại được.

Lại nữa, Bồ-tát còn thành tựu hai pháp ma không phá hoại được, đó là làm đúng như nói và được chư Phật hộ niệm. Bồ-tát thành tựu hai pháp ấy, ma không phá hoại được. Tu-bồ-đề! Bồ-tát tu như vậy, chư thiên đều đến chỗ Bồ-tát thân cận hỏi han, khuyến dụ, an ủi rằng: Thiện nam tử tử! Ông chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ông thường nên tu hạnh không, vô tướng, vô tác ấy. Vì sao? Vì ông tu hạnh ấy thì chúng sinh không có ai thủ hộ, ông làm thủ hộ; chúng sanh không có chỗ nương, ông làm chỗ nương; chúng sinh không có ai cứu vớt, ông cứu vớt; chúng sinh không có đạo rốt ráo, ông làm đạo rốt ráo; chúng sinh không có chỗ về, ông làm chỗ về; chúng sinh không có gò bãi, ông làm gò bãi; ông làm ánh sáng cho người tối, làm con mắt cho người mù. Vì sao? Vì Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật được vô lượng vô số chư Phật hiện tại trong mười phương, khi ở giữa đại chúng thuyết pháp, khen ngợi, xưng dương tên họ Bồ-tát ấy rằng: Bồ-tát kia đã thành tựu công đức Bát-nhã Ba-la-mật. Này Tu-bồ-đề! Như ta trong khi thuyết pháp, xưng dương Bồ-tát Bảo Tướng, Bồ-tát Thi Khí (Si bi).

Lại có các Bồ-tát ở trong thế giới Phật A-súc tu Bát-nhã Ba-la-mật, tịnh tu phạm hạnh, ta cũng xưng dương tên họ các Bồ-tát ấy. Cũng như chư Phật ở phương Đông, trong khi thuyết pháp, trong ấy có Bồ-tát tịnh tu phạm hạnh, Phật cũng hoan hỷ xưng dương, tán thán Bồ-tát ấy; Chư Phật ở phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên, dưới cũng như vậy.

Lại có Bồ-tát từ khi mới phát tâm, muốn đầy đủ Phật đạo cho đến khi được trí Nhất thiết chủng, chư Phật trong khi thuyết pháp cũng hoan hỷ xưng dương, tán thán Bồ-tát ấy. Vì sao? Vì sở hành của các Bồ-tát ấy rất khó, là tu hạnh không làm dứt giống Phật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Những Bồ-tát nào mà chư Phật trong khi thuyết pháp tán thán, xưng dương?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Vị Bồ-tát chẳng thối chuyển, chư Phật trong khi thuyết pháp tự tán thán, xưng dương.

Tu-bồ-đề thưa: Những Bồ-tát chẳng thối chuyển nào được Phật tán thán?

Phật dạy: Như Phật A-súc trong khi làm Bồ-tát có sở hành, sở học, các Bồ-tát khác cũng học như vậy. Các Bồ-tát chẳng thối chuyển ấy, chư Phật trong khi thuyết pháp hoan hỷ tán thán.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Có Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật, tin hiểu hết thảy pháp vô sinh mà chưa được pháp Vô sinh nhẫn; tin hiểu hết thảy pháp không mà chưa được pháp Vô sinh nhẫn; tin hiểu hết thảy pháp hư dối, không thật, không kiên cố mà chưa được pháp Vô sinh nhẫn.

Các Bồ-tát như vậy, chư Phật trong khi thuyết pháp hoan hỷ tán thán, xưng dương tên họ. Tu-bồ-đề! Nếu các Bồ-tát được chư Phật trong khi thuyết pháp hoan hỷ tán thán, thì Bồ-tát ấy đã dứt tâm cầu Thanh văn, Bích-chi Phật địa, sẽ được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu Bồ-tát được chư Phật trong khi thuyết pháp hoan hỷ tán thán, thì Bồ-tát ấy sẽ trú vào địa vị chẳng thối chuyển; trú địa vị ấy rồi sẽ được Nhất thiết trí.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát nghe Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm mà tâm sáng suốt, lanh lợi, không nghi, không hối, nghĩ rằng: Việc này đúng như lời Phật nói. Bồ-tát ấy cũng sẽ ở chỗ Phật A-súc và các Bồ-tát rộng nghe Bát-nhã Ba-la-mật; và cũng tin hiểu, tin hiểu rồi sẽ trú vào địa vị chẳng thối chuyển như lời Phật nói. Như vậy, chỉ nghe Bát-nhã Ba-la-mật đã được lợi ích lớn, huống gì tin hiểu, tin hiểu rồi như kinh dạy mà an trú, như kinh dạy mà tu hành; như kinh dạy mà an trú, tu hành, rồi thì an trú trong trí Nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Phật dạy Bồ-tát an trú như kinh nói, tu hành như kinh nói là an trú Nhất thiết trí, nhưng Bồ-tát không có pháp sở đắc, làm sao an trú Nhất thiết trí?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát an trú trong các pháp như như, là an trú Nhất thiết trí.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn! Ngoài như như, không pháp gì có thể có được, vậy ai an trú như như? An trú trong như như rồi sẽ được Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác? Ai an trú trong như như và sẽ thuyết pháp? Như như còn không thể có được, huống gì an trú trong như như sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Ai an trú trong như như mà

thuyết pháp? Không có lẽ đó!

Phật bảo Tu-bồ-đề: Như ông nói, ngoài như như, lại không có pháp khác, vậy ai an trú trong như như? An trú trong như như rồi sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Ai an trú trong như như rồi sẽ thuyết pháp? Như như còn không thể có được, huống gì an trú như như sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác! Ai an trú trong như như mà thuyết pháp? Không có lẽ đó. Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Tu-bồ-đề! Ngoài như như, lại không có pháp gì có thể có được, vậy ai an trú trong như như? An trú trong như như rồi sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Ai an trú trong như như rồi sẽ thuyết pháp? Như như còn không thể có được, huống gì an trú trong như như sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác! Ai an trú trong như như mà thuyết pháp. Vì sao? Vì như như ấy sanh không thể có được, diệt không thể có được; trụ, dị không thể có được. Nếu pháp sinh, diệt, trụ, dị không thể có được, vậy ai sẽ an trú trong như như? Ai sẽ an trú như như rồi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Ai sẽ an trú như như mà thuyết pháp? Không có lẽ đó.

Trời Đế-thích bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Sở hành của các Bồ-tát rất khó, là trong Bát-nhã ba-la-mật thậm thâm mà muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì không có người an trú trong như như, không có người sẽ được Vô thượng Chánh đẳng chánh giác, cũng không có người thuyết pháp. Bồ-tát đối với nghĩa ấy tâm không kinh, không biến mất, không sợ, không hãi, không nghi, không hối.

Bấy giờ Tu-bồ-đề nói với trời Đế-thích rằng: Này Kiều-thi-ca! Ông nói sở hành của Bồ-tát rất khó làm, đối với pháp thậm thâm ấy tâm không kinh, không biến, mất, không sợ, không hãi, không nghi, không hối. Này Kiều-thi-ca! Trong các pháp "không" thì ai kinh, ai biến mất, ai sợ, ai hãi, ai nghi, ai hối?

Khi ấy trời Đế-thích nói với Tu-bồ-đề: Tu-bồ-đề nói chỉ là việc "không" không có quái ngại gì; thí như ngửa mặt bắn lên không trung, mũi tên bay đi không trở ngại; Tu-bồ-đề thuyết pháp không có trở ngại cũng như vậy.

LUẬN: Hội chúng nghi Bồ-tát do nhân duyên gì có được lực như vậy, ma không phá hoại được? Phật đáp: Có hai nhân duyên ma không phá hoại được. Một là quán hết thảy pháp không; hai là không bỏ chúng sinh. Như do nhân duyên mặt trời mặt trăng nên muôn vật thấm nhuần sinh trưởng; nếu chỉ có mặt trăng, không có mặt trời thì muôn vật ẩm ướt, hư hoại; chỉ có mặt trời, không có mặt trăng thì muôn vật cháy tiêu. Mặt trời

mặt trăng hòa hợp nên muôn vật thành thục; Bồ-tát cũng như vậy, có hai đường: một là bi tâm; hai là không tâm. Bi tâm thì thương xót chúng sinh, thề nguyện cứu độ; không tâm thì diệt mất tâm thương xót. Nếu chỉ có tâm thương xót mà không có trí tuệ thì tâm chìm vào trong điên đảo không có chúng sinh mà thấy có chúng sinh; nếu chỉ có không tâm, bỏ mất tâm thương xót độ chúng sinh thời rơi vào đoạn diệt. Thế nên hai việc đều dùng, tuy quán hết thảy "không" mà không bỏ chúng sinh; tuy thương xót chúng sinh mà không bỏ hết thảy không. Quán hết thảy pháp không, không ấy cũng không, nên không đắm trước không. Vì thế, không ngại thương xót chúng sinh; quán thương xót chúng sinh, cũng không đắm trước chúng sinh, không chấp thủ tướng chúng sinh. Chỉ thương xót chúng sinh, dẫn dắt vào không, thế nên, tuy thực hành tâm thương xót mà không ngại trí tuệ quán không; tuy thực hành không, cũng không chấp thủ tướng không nên không ngại tâm thương xót; như mặt trời mặt trăng cần nhau. Các thiên thần khinh chê người nói dối, nếu Bồ-tát không làm đúng như kinh nói, thì năm thứ thần Chấp Kim-cương rời bỏ, không còn thủ hộ, bấy giờ ác quỷ dễ phá. Người ấy ưa sinh ác tâm, vì ác tâm nên sinh ác nghiệp, sinh ác nghiệp nên đọa ác đạo. Bồ-tát không được chư Phật hộ niệm thì thiện căn bị tiêu hoại; như trứng cá không được mẹ nghĩ tới thì hư hoại không sinh được. Thế nên nói làm đúng như nói cũng được Phật hộ niệm. Có được hai pháp ấy nên ma không thể phá hoại. Nếu Bồ-tát được như vậy là hành Bát-nhã một cách chân chánh, ma không phá hoại được, công đức và trí tuệ tăng thêm, chư thiên đi đến thân cận, hỏi han, an ủi, khuyến dụ rằng: Bậc thiện nam! Ông chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nhân duyên ấy nên thường tu hạnh không.

Hỏi: Chư thiên chưa được Nhất thiết trí, làm sao có thể thọ ký cho Bồ-tát?

Đáp: Chư thiên sống lâu theo chư Phật quá khứ, nghe nói tu như vậy được thọ ký, nay thấy Bồ-tát tu như vậy nên nói, vì thấy nhân mà biết có quả vậy. Chư thiên thấy Bồ-tát tu ba môn giải thoát kiêm tu tâm từ bi đối với chúng sinh, nên nói không lâu sẽ được làm Phật. Chúng sinh không ai thủ hộ, ông làm thủ hộ; không có chỗ về ông làm chỗ về... nghĩa như trước nói. Nếu Bồ-tát hành được Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm như vậy, thì vô lượng chư Phật hiện tại trong mười phương khi thuyết pháp, xưng dương, tán thán tên họ Bồ-tát ấy như ta nay xưng dương Bồ-tát Bảo Tướng, Bồ-tát Thi Khí và Bồ-tát trong thế giới Phật A-súc. Lại như mười phương Phật trong khi thuyết pháp xưng dương các Bồ-tát có diệu hạnh, Bồ-tát tương ứng được với thật tướng các pháp như đã nói, thì mười phương chư Phật

trong khi thuyết pháp cũng nêu Bồ-tát ấy ra làm ví dụ rằng: Có Bồ-tát ở phương kia, nước kia tuy chưa làm Phật mà có thể tu Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm như vậy công đức hiếm có. Thí như vua nước lớn có được đại tướng không tiếc thân mạng, có đủ phương pháp, phá giặc oán, thường được quốc vương khen ngợi. Bồ-tát cũng như vậy, quán các pháp rốt ráo không, không tiếc thân mạng, phá giặc phiền não, có phương pháp mà không thủ chứng giáo hóa chúng sinh được chư Phật tán thán. Chư Phật tuy không có tâm chấp trước, không có phân biệt thiện, bất thiện, xem các A-la-hán, ngoại đạo cũng không ghét, không thương; song vì lợi ích chúng sinh nên tán thán người thiện, xưng dương pháp thiện, chê bai bất thiện. Vì cớ sao? Vì muốn khiến chúng sinh nương dựa người tốt, tâm theo pháp thiện, được giải thoát thế gian.

Hỏi: Trong kinh nào nói hai vị Bồ-tát Bảo Tướng và Thi Khí được Phật tán thán?

Đáp: Kinh Phật Vô lượng, sau khi Phật Niết-bàn, có các vua ác tà kiến xuất hiện, đốt cháy kinh pháp, phá hoại chùa tháp, bức hại Sa-môn; sau năm trăm năm tượng pháp không thanh tịnh, khó có thể thấy được các A-la-hán, các Bồ-tát thần thông, nên các kinh sâu xa không hoàn toàn còn ở cõi Diêm-phù-đề; người tu, người thọ trì ít nên chư thiên, quỷ thần mang kinh đi nơi khác.

Hỏi: Như Bồ-tát Biến Cát, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi; Bồ-tát Di-lặc cớ sao Phật không tán thán, mà chỉ tán thán hai vị Bồ-tát?

Đáp: Vì hai vị Bồ-tát ấy chưa được pháp Vô sinh nhẫn mà có thể hành động như pháp Vô sinh nhẫn. Chắc chắn có việc ấy, hết thảy ma dân không thể phá hoại, nên Phật tán thán là hy hữu.

Lại nữa, hai vị Bồ-tát ấy có đại hạnh nguyện thanh tịnh, tâm đại từ bi sâu xa, không kỳ hẹn chóng thành Phật, vì muốn độ chúng sinh; có công đức như vậy nên Phật tán thán.

Lại nữa, Bồ-tát Biến Cát, Quán Thế Âm... có công đức rất lớn, mọi người đều biết, còn hai Bồ-tát ấy người ta chưa biết, nên Phật tán thán. Các Bồ-tát trong cõi Phật A-súc đều bắt chước Phật A-súc, từ khi mới phát tâm trở đi, tu hạnh thanh tịnh không xen tạp, các Bồ-tát sinh vào cõi kia đều bắt chước hạnh ấy, nên nói các Bồ-tát ở cõi Phật A-súc, đều được tán thán đức của họ.

Lại như mười phương chư Phật cũng xưng dương các Bồ-tát thượng diệu ở các thế giới, như đức Phật Thích-ca Văn-ni tán thán hai vị Bồ-tát.

Những vị Bồ-tát nào từ khi mới phát tâm cho đến khi chứng thập địa, Phật nói sở hành của Bồ-tát ấy rất khó, vì họ có thể không làm dứt giống Phật? Trong đây Tu-bồ-đề hỏi: Những Bồ-tát nào trong khi Phật thuyết pháp thường xưng dương, tán thán, nói lên tên họ của họ?

Hỏi: Việc ấy Phật đã nói ở trước, sao Tu-bồ-đề lại còn hỏi?

Đáp: Ở trước Phật nói về đại Bồ-tát, còn sau đây Phật nói về hết thảy Bồ-tát, từ khi mới phát tâm cho đến Thập địa, nên Tu-bồ-đề nghi hỏi Phật: Phật tán thán những Bồ-tát nào, xưng dương tên họ của họ? Phật đáp: Phật tuy ái niệm hết thảy Bồ-tát, nhưng trong đây Bồ-tát có đức hạnh hơn, Phật xưng dương, tán thán tên họ của họ. Những Bồ-tát nào được Phật tán thán -như đức Phật A-súc khi mới phát tâm, tu hạnh thanh tịnh không ngừng, không nghỉ, cho đến khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, các Bồ-tát như vậy được Phật tán thán.

Lại nữa, có Bồ-tát chưa được pháp Vô sinh nhẫn, chưa vào Bồ-tát vị mà có năng lực tu Bát-nhã Ba-la-mật, thường tư duy, trù lượng, tìm thật tướng các pháp, tin hiểu được, nhẫn được, thông suốt được tướng hết thảy pháp vô sinh, không, hư dối, không kiên cố . Các Bồ-tát có các tướng như vậy được Phật nêu tên tán thán. Hư dối không thật, không kiên cố là cửa ngõ của vô thường, khổ, vô ngã; hết thảy pháp không tức là cửa "không" của giải thoát; hết thảy pháp vô sinh tức là thật tướng các pháp, dứt các lối quán sát. Lại nữa, hư dối không thật, không kiên cố chính là cửa vô tác giải thoát; tất cả pháp không tức là cửa giải thoát không. Tất cả pháp vô sanh tức là cửa giải thoát vô tướng; ba lối như vậy sai khác. Người ấy ra khỏi "nhu thuận nhẫn" mà chưa được "vô sinh nhẫn" ra khỏi pháp phàm phu mà chưa vào pháp thánh nhưng có thể tin thọ pháp thánh, giống như người được pháp thánh, thế nên nói hy hữu. Như Phật tán thán vị Bồ-tát chẳng thối chuyển có thể dứt bỏ nhị địa là Thanh văn và Bích-chi Phật, được thọ ký; người ấy được Phật tán thán cũng như vậy. Người có các tướng như vậy, tuy chưa được vô sinh pháp nhẫn nhưng có lực trí tuệ nên được Phật nêu tên tán thán. Nay vì có lực tín căn mạnh hôn, nên Phật cũng nêu danh tán thán, là ai vậy? - Đó là vị Bồ-tát nghe Bát-nhã thậm thâm mà tâm kia sáng suốt, lanh lợi, không nghi, không hối, nghĩ rằng việc ấy đúng như Phật nói.

Hỏi: Vị Bồ-tát đã tin hiểu Bát-nhã Ba-la-mật, cớ gì còn theo hai bên Phật A-súc và các Bồ-tát để nghe?

Đáp: Người ấy nghe Phật A-súc, khi làm Bồ-tát tu hành thanh tịnh, người ấy muốn bắt chước sở hành của Phật A-súc. Thế nên Phật nói người

ấy ở nơi đó được tín lực, ở nơi đó được trí tuệ lực, sẽ an trú địa vị chẳng thối chuyển. Người ấy tuy chưa được pháp vô sinh nhẫn, nhưng vì có trí tuệ lực nên được chẳng thối chuyển, được Phật tán thán. Có người vì tín lực nên được giống như chẳng thối chuyển, cũng được Phật tán thán. Nếu chỉ nghe Bát-nhã còn được lợi ích như vậy, huống gì tín thọ, làm đúng như nói, dần dần an trú trong trí Nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề hỏi Phật: Hết thảy pháp trống không, không có gì nắm bắt được, làm sao Bồ-tát an trú được Nhất thiết trí? Phật dạy: An trú trong như như. Như tức là không, Bồ-tát an trú trong rốt ráo không ấy, gọi là an trú Nhất thiết trí. Trong đây, Tu-bồ-đề hỏi Phật: Ngoài như lại không có pháp có thể nắm bắt, vậy ai an trú trong như cho đến câu "không có lẽ ấy", như trong kinh nói rộng. Phật chấp nhận lời Tu-bồ-đề nói: Như cũng là nhân duyên của không, nghĩa là trong như, sinh, diệt, trụ, dị không thể có được, nếu pháp không có ba tướng ấy tức là pháp rốt ráo không, làm sao có thể an trú? Nếu an trú trong ấy được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà thuyết pháp, thì không có lẽ ấy. Trời Đế-thích muốn thủ định tướng Bát-nhã, nghe Phật cùng Tu-bồ-đề nói vô tướng cũng không thể có được nên bạch Phật rằng: Hy hữu thay, bạch Thế Tôn? Bát-nhã ấy rất sâu, sở hành của Bồ-tát ấy rất khó, mà muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rất khó. Vì sao? Vì như như ấy rốt ráo không. Trừ ngoài như như lại không có Bồ-tát trú trong như như ấy lại được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có định pháp gọi là Phật. Người thuyết pháp và chúng sinh được độ cũng chẳng lìa như, cũng không có kéo ra khỏi sinh tử đặt vào Niết-bàn an ổn, vì các pháp thường ở trong tướng như. Bồ-tát nghe việc ấy mà tâm không nghi hối, ấy là việc khó. Tuy tin hết thảy pháp rốt ráo không, mà lại cầu chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tinh tấn không ngừng không nghỉ thật là khó.

Tu-bồ-đề nói với trời Đế-thích: Nếu các pháp rốt ráo không, không có gì của chính nó, thì nghi từ đâu sinh? Có việc gì khó? Tâm Đế-thích vui mừng nghĩ rằng: Tu-bồ-đề thật là người ưa nói pháp không. Tu-bồ-đề có giải nói gì đều nói về không, tuy có nói các pháp sắc v.v... mà nghĩa nó cũng đều hướng về không; nếu có vấn nạn, không thể làm chướng ngại, vì không cũng không. Nếu có người vấn nạn về không, Tu-bồ-đề trước đã phá không, đối với có và không đều không có chướng ngại gì, thí như ngửa mặt bắn lên hư không; hư không tức là rốt ráo không, mũi tên là trí tuệ của Tu-bồ-đề, pháp nói ra như mũi tên ở giữa hư không không chướng ngại, khi thế hết tự rơi xuống, chứ chẳng phải vì hư không hết. Việc nhân duyên thuyết pháp của Tu-bồ-đề cũng như vậy, nói xong liền nghỉ, chứ chẳng phải

pháp hết, không còn gì để nói. Nếu có người tuy có mũi tên sắc bén mà bắn vào vách, vẫn không xuyên qua nổi, cũng như vậy, người tuy có trí lanh lợi mà tà kiến chấp có, thì chướng ngại không thông. Thế nên Tu-bồ-đề thuyết pháp không có chướng ngại.

----oOo--

GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI SÁU: CHÚC LỤY

KINH: Bấy giờ trời Đế-thích bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Con nói như vậy, đáp như vậy là thuận theo pháp chăng, là đáp đúng chăng?

Phật bảo trời Đế-thích: Này Kiều-thi-ca! Lời ông nói và đáp đều thuận theo pháp.

Trời Đế-thích thưa: Hy hữu thay! Điều Tu-bồ-đề ưa nói đều là nói về không, vô tướng, vô tác, bốn niệm xứ cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo trời Đế-thích: Tỳ-kheo Tu Bồ-đề trong khi tu hạnh "không", Thí Ba-la-mật còn không thể có được, huống gì người hành Thí Ba-la-mật, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật còn không thể có được, huống gì người hành Bát-nhã Ba-la-mật! Bốn niệm xứ không thể có được, huống gì người tu bốn niệm xứ; cho đến tám phần Thánh đạo không thể có được, huống gì người tu tám phần Thánh đạo! Thiền, giải thoát, tam-muội, định không thể có được, huống gì người tu thiền, giải thoát, tam-muội, định! Mười lực của Phật không thể có được, huống gì người tu mười lực của Phật! Bốn việc không sợ không thể có được, huống gì người được bốn việc không sợ! Bốn trí vô ngại không thể có được, huống gì người được bốn trí vô ngại! Đại từ, đại bi không thể có được, huống gì người thực hành đại từ bi! Mười tám pháp không chung không thể có được, huống gì người được mười tám pháp không chung! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thể có được, huống gì người được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác! Nhất thiết trí, Như lai không thể có được, huống gì người sẽ làm Như Lai! Pháp vô sinh không thể có được, huống gì người chứng pháp vô sinh! Ba mươi hai tướng không thể

có được, huống gì người được Ba mươi hai tướng! Tám mươi vẻ đẹp tùy hình không thể có được, huống gì người được tám mươi vẻ đẹp tùy hình! Vì cớ sao? Này Kiều-thi-ca! Vì Tỳ-kheo Tu-bồ-đề đối với hết thảy pháp tu hạnh ly tướng, đối với hết thảy pháp tu hạnh không có sở đắc, đối

với hết thảy pháp tu hạnh không, đối với hết thảy pháp tu hạnh vô tướng, đối với hết thảy pháp tu hạnh vô tác, đó là sở hành của Tỳ-kheo Tu-bồ-đề, nhưng muốn sánh với Bồ-tát tu hạnh Bát-nhã Ba-la-mật thì trăm phần không kịp một; ngàn, vạn, ức phần cho đến tốn số thí dụ không thể sánh kịp. Vì sao? Vì trừ Phật hạnh, Bồ-tát ấy hành Bát-nhã Ba-la-mật, đối với các hành của Thanh văn, Bích-chi Phật là tối tôn, tối diệu, tối thượng. Vì thế, nên Bồ-tát muốn được tối thượng đối với chúng sinh hãy nên tu hành Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì các Bồ-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật đã vượt quá Thanh văn, Bích-chi Phật mà vào Bồ-tát vị, đầy đủ được Phật pháp, được trí Nhất thiết chủng, dứt hết tập khí phiền não, thành Phật.

Trong hội chúng, trời Ba mươi ba lấy hoa trời Mạn-đà-la rải lên trên Phật và Tăng. Khi ấy tám trăm Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy lấy hoa rải lên Phật, trịch áo vai phải, chấp tay, gối phải quỳ sát đất, bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Chúng con sẽ tu hạnh Vô thượng ấy, hàng Thanh văn, Bích-chi Phật không thể tu được. Bấy giờ Phật biết tâm hạnh của các Tỳ-kheo bèn mỉm cười. Như pháp của chư Phật có các thứ ánh sáng đủ màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng thủy, từ miệng Phật phóng ra chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi trở lại vào trên đỉnh Phật.

Bấy giờ A-nan trịch áo vai bên phải, gối phải quỳ sát đất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nhân duyên gì mà Ngài mỉm cười, chư Phật chẳng vì không có nhân duyên mà cười?

Phật bảo A-nan: Tám trăm Tỳ-kheo ấy vào kiếp Tinh tú sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các Phật ấy đều có danh hiệu Tán Hoa. Chúng Tỳ-kheo Tăng, cõi nước thọ mạng đều đồng nhau, mỗi mỗi trải qua mười vạn năm, xuất gia thành Phật. Khi ấy các cõi nước thường có mưa hoa trời năm sắc. Vì thế nên Bồ-tát muốn tu hạnh tối thượng hãy nên tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật bảo A-nan: Nếu kẻ thiện nam, người thiện nữ tu được Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm, nên biết Bồ-tát ấy đã chết từ trong cõi người và sinh đến đây; hoặc chết ở cõi trời Đâu-suất lại sinh đến đây; hoặc ở trong cõi người, hoặc ở trên cõi trời Đâu-suất, khi ấy đã rộng nghe Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm. Này A-nan, ta thấy các Bồ-tát ấy tu được Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm.

Này A-nan! Nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ nghe Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm, thọ trì, đọc tụng, thân cận, nhớ nghĩ đúng, trở lại đem Bát-nhã Ba-la-mật dạy người tu đạo Bồ-tát, nên biết Bồ-tát ấy từng đối diện

trước Phật nghe Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm cho đến thân cận và gieo trồng căn lành ở chỗ Phật. Kẻ thiện nam người thiện nữ sẽ nghĩ rằng: Chúng ta chẳng phải gieo trồng căn lành đối với Thanh văn, cũng chẳng từ Thanh văn nghe Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm. Này A-nan! Nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm, đọc tụng, thân cận, tu theo nghĩa, theo pháp, thì nên biết kẻ thiện nam, người thiện nữ ấy sẽ được thấy Phật. Này A-nan! Nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ nghe Bát-nhã Ba-la-mật thâm thâm, tín tâm thanh tịnh không thể phá hoại, thì nên biết kẻ thiện nam người thiện nữ ấy từng cúng dường Phật, trồng căn lành, đắc ý với thiện tri thức.

Này A-nan! Ở nôi ruộng phước của chư Phật trồng căn lành tuy không hư dối nhưng phải được Thanh văn, Bích-chi Phật và Phật mới được giải thoát, nên phải tu hành sâu xa, rõ ràng sáu Ba-la-mật cho đến trí Nhất thiết chủng. Nếu Bồ-tát tu hành rõ ràng, sâu xa sáu Ba-la-mật cho đến trí Nhất thiết chủng, mà người ấy trụ vào Thanh văn, Bích-chi Phật đạo mà không chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì không có lẽ ấy. Thế nên A-nan! Ta đem Bát-nhã Ba-la-mật phó chúc nơi ông, nếu ông thọ trì hết thảy pháp, trừ Bát-nhã ba mật, hoặc quên, hoặc mất, lỗi ấy nhỏ nhặt không có tội lớn. Nhưng nếu ông thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm mà quên mất một câu, thì lỗi ấy rất lớn. Nếu ông thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật thâm thâm, sau trở lại quên mất, thì tội ấy rất nhiều. Thế nên A-nan! Ta phó chúc cho ông Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm ấy, ông hãy khéo thọ trì, đọc tụng cho thông suốt. Này A-nan! Nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm, thì đó là thọ trì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật, quá khứ, vị lai, hiện tại.

Này A-nan! Nếu kẻ thiện nam, người thiện nữ hiện tại, muốn cung kính, tôn trọng, tán thán, Ta và cúng dường hoa hương, anh lạc, hương bột, hương nước, y phục, phan lọng, thì hãy nên thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật, đọc tụng, thuyết giảng, thân cận, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường hoa hương cho đến phan lọng. Này A-nan! Cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật là đã cúng dường Ta và cúng dường chư Phật quá khứ, vị lại, hiện tại. Nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ, nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm, tín tâm thanh tịnh cung kính, thì người đó đã tín tâm thanh tịnh cung kính, ưa thích chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Này nan! Ông ưa thích Phật không rời bỏ, nên ưa thích Bát-nhã Ba-la-mật chớ rời bỏ. Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm cho đến một câu không nên quên mất.

Này A-nan! Ta nói nhân duyên phó chúc rất nhiều, nay chỉ lược nói:

Như Ta là Thế Tôn; Bát-nhã Ba-la-mật cũng là Thế Tôn. Thế nên có nhiều nhân duyên Ta phó chúc cho ông Bát-nhã Ba-la-mật. Này A-nan! Nay Ta ở giữa hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la mà phó chúc cho ông. Những ai muốn không bỏ Phật, không bỏ pháp, không bỏ tăng, không bỏ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại thì hãy cẩn thận chớ bỏ Bát-nhã Ba-la-mật. Đó là điều Ta giáo hóa đệ tử. Nếu kẻ thiện nam, người thiện nữ nào thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, lại vì người khác mỗi mỗi nói rộng nghĩa ấy, khai thị, diễn giảng, phân biệt làm cho dễ hiểu, thì kẻ thiện nam, người thiện nữ ấy chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chóng gần Nhất thiết trí. Vì sao? Vì từ trong Bát-nhã Ba-la-mật xuất sinh Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật. Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật quá khứ, vị lai đều từ trong Bát-nhã Ba-la-mật xuất sinh. Nay Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật hiện tại ở phương Đông, Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên, dưới cũng từ Bát-nhã Ba-la-mật xuất sinh. Thế nên các Bồ-tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hãy nên học sáu Ba-la-mật, vì sáu Ba-la-mật là mẹ của Bồ-tát, xuất sinh các Bồ-tát. Nếu có Bồ-tát học sáu Ba-la-mật thì đều sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế nên Ta một lần nữa đem sáu Ba-la-mật phó chúc cho ông. Này A-nan! Sáu Ba-la-mật ấy là pháp tạng vô tận của chư Phật. Mười phương chư Phật hiện tại thuyết pháp đều từ pháp tạng sáu Ba-la-mật xuất sinh; chư Phật quá khứ cũng từ trong sáu Ba-la-mật tu học, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chư Phật vị lai cũng từ trong sáu Ba-la-mật tu học được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đệ tử của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều từ trong sáu Ba-la-mật tu học mà diệt độ, đã được, nay được và sẽ được diệt độ.

Này A-nan! Ông là hạng Thanh văn mà thuyết pháp khiến cho chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới đều chứng được quả A-la-hán, vẫn chưa phải là việc của đệ tử Ta; nếu ông đem một câu tương ưng với Bát-nhã Ba-la-mật dạy hàng Bồ-tát, thì đó là sư làm việc của đệ tử Ta, Ta cũng hoan hỷ hơn là dạy chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, khiến chứng được quả A-la-hán.

Lại nữa, này A-nan! Chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới chẳng trước, chẳng sau, cùng trong một lúc đều chứng được quả A-la-hán. Các A-la-hán ấy tu công đức bố thí, trì giới, thiền định, công đức ấy nhiều chăng?

A-nan thưa: Rất nhiều, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Này A-nan! Chẳng bằng đệ tử đem pháp tương ưng với Bát-nhã Ba-la-mật giảng nói cho Bồ-tát cho đến chỉ một ngày, phước rất nhiều. Không kể một ngày, chỉ nữa ngày, không kể nữa ngày, chỉ khoảng một bữa ăn, chỉ trong một lát giảng nói, phước kia rất nhiều. Vì sao? Vì việc trồng căn lành của Bồ-tát hơn hết thảy Thanh văn, Bích-chi Phật. Bồ-tát tự mình muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng khai thị giáo hóa lợi ích vui mừng cho người khác khiến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này A-nan! Bồ-tát tu sáu Ba-la-mật, Bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng như vậy, tăng ích căn lành, nếu không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì không có lẽ ấy.

Khi nói phẩm Bát-nhã Ba-la-mật, Phật ở trước bốn chúng đệ tử và trời, người, rồng, quỷ, thần, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già biến hóa thần thông khiến đại chúng đều thấy Phật A-súc, với chúng Tỳ-kheo Tăng vây quanh Phật nghe thuyết pháp, đại chúng nhiều như biển cả, đều là A-la-hán sạch hết lậu hoặc, không còn phiền não, đều được tự tại, được tâm giải thoát, tuệ giải thoát; tâm kia điều hòa nhu nhuyễn như voi lớn; việc cần làm đã làm xong, chóng được lợi mình, sạch hết các thứ kiết sử ba cõi, chánh trí, được giải thoát; được tự tại đối với hết thảy tâm tâm số pháp, và thành tựu vô lượng công đức của các Bồ-tát.

Bấy giờ Phật thu nhiếp thần túc, đại chúng không còn thấy Phật A-súc, hàng Thanh văn, Bồ-tát và cõi nước kia cũng không còn đối hiện trước mắt. Vì sao? Vì Phật đã thu nhiếp thần túc.

Bấy giờ Phật bảo A-nan: Hết thảy pháp không đối hiện trước mắt, pháp pháp không thấy nhau, pháp pháp không biết nhau; như Phật A-súc, đệ tử, Bồ-tát cõi nước không đối hiện trước mắt. Như vậy, hết thảy pháp không đối hiện trước mắt, pháp pháp không thấy nhau, pháp pháp không biết nhau. Vì sao? Vì hết thảy pháp không có biết, không có thấy, không có tác, không có động, không thể nắm bắt, không thể nghĩ bàn, như người huyễn hóa, không có thọ, không có giác, không có chân thật. Bồ-tát tu như vậy là tu Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không nhiễm đắm các pháp. Bồ-tát học như vậy là học Bát-nhã Ba-la-mật. Muốn được các Ba-la-mật nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì học như vậy là đệ nhất học, tối thượng học, vi diệu học. Học như vậy sẽ lợi ích, an vui cho thế gian, làm nơi cứu hộ cho người không ai cứu hộ. Ấy là sở học của chư Phật, chư Phật ở trong học ấy có thể dùng cánh tay phải cất ba ngàn đại thiên thế giới lên, đem để lại chỗ cũ mà chúng sinh ở trong đó không ai hay biết. Vì sao? Vì chư Phật học Bát-nhã Ba-la-mật được thí vô ngại, thấy pháp quá khứ, vị lại, hiện tại. Này

A-nan! Bát-nhã Ba-la-mật là tối tôn đệ nhất, vi diệu Vô thượng giữa các môn học. Nếu có người muốn biết được bờ mé Bát-nhã Ba-la-mật là không khác gì muốn biết bờ mé hư không. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật không có hạn lượng, danh thân, cú thân, văn thân là có lượng; Bát-nhã Ba-la-mật không có hạn lượng.

nan bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật vì sao không có hạn lượng?

Phật bảo A-nan: Vì Bát-nhã Ba-la-mật không có tận, không có cùng tận nên không có hạn lượng; vì Bát-nhã Ba-la-mật lìa tướng nên không có hạn lượng. Này A-nan! Chư Phật quá khứ đều học Bát-nhã Ba-la-mật ấy mà được độ, vì Bát-nhã Ba-la-mật không cùng tận; chư Phật vị lai cũng học Bát-nhã Ba-la-mật mà được độ, vì Bát-nhã Ba-la-mật không cùng tận; mười phương chư Phật hiện tại đều học Bát-nhã Ba-la-mật mà được độ, vì Bát-nhã Ba-la-mật không cùng tận. Đã không tận, nay không tận, sẽ không tận. Này A-nan! Muốn tận Bát-nhã Ba-la-mật chẳng khác gì muốn tận hư không. Bát-nhã Ba-la-mật không thể tận, nay không tận và sẽ không tận. Thiền Ba-la-mật cho đến Thí Ba-la-mật không thể tận, nay không tận, sẽ không tận, cho đến trí Nhất thiết chủng cũng như vậy. Vì sao? Vì hết thảy pháp đều vô sinh, nếu pháp vô sinh làm sao có cùng tận!

Bấy giờ, Phật hiện tướng lưỡi rộng dài bảo A-nan: Từ ngày nay nên ở giữa bốn chúng diễn rộng, mở bày, phân biệt Bát-nhã Ba-la-mật, làm cho rõ ràng, dễ hiểu. Vì sao? Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm, nói rộng các pháp tướng. Người cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, người cầu Phật đạo đều nên học trong đó, học rồi đều được thành tựu. Này A-nan! Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm là cửa ngõ của hết thảy chữ, tu Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm có thể vào môn Đà-la-ni; các Bồ-tát học môn Đà-la-ni ấy được biện tài lạc thuyết (nghĩa là tài biện luận vui vẻ, giảng nói và làm cho người ta vui vẻ - ND). Này A-nan! Bát-nhã Ba-la-mật là diệu pháp của chư Phật ba đời, thế nên Ta vì ông mỗi mỗi nói ra rõ ràng. Nếu có người thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm, đọc tụng, thân cận, thì người ấy có thể thọ trì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật. Này A-nan! Ta nói Bát-nhã Ba-la-mật là đôi chân của người tu; ông thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật Đà-la-ni (Tổng trì) thì thọ trì được hết thảy pháp. ***LUẬN:*** Hỏi: Trời Đế-thích cớ sao nghi lời mình nói rằng: Tôi nói là thuận theo pháp và đáp đúng đắn chăng?

Đáp: Trời Đế-thích chẳng phải là người Nhất thiết trí, tuy được đạo quả ban đầu mà ba độc tham, sân, si chưa hết, nên còn có sai lầm mà tự suy lường: Ta tuy có nhân duyên phước đức làm chúa tể chư thiên, tuy được ý

vị của Thánh đạo mà chưa có Nhất thiết trí, hết thảy lậu hoặc chưa hết, nên nói ra có thể sai lầm, không tự giác tri, vì thế nên hỏi.

Lại nữa, trong chúng có nhiều vị Bồ-tát chẳng thối chuyển, vị A-la-hán sạch hết lậu hoặc và hàng chư thiên ly dục, thấy Phật và Tu-bồ-đề với trời Đế-thích cùng nhau vấn nạn tâm không khiếp nhược, liền nghĩ rằng: Trời Đế-thích lậu hoặc còn chưa hết, làm sao có thể vấn nạn đến cùng tận bờ mé các pháp. Vì việc ấy nên trời Đế-thích hỏi Phật.

Lại nữa, trời Đế-thích tự biết mình nói các pháp tướng không có sai trái, cầu Phật ấn chứng khiến người nghe tin thọ, nên Phật liền chấp thuận.

Hỏi: Cớ gì Phật chấp thuận lời trời Đế-thích nói?

Đáp: Trời Đế-thích tuy chẳng phải là người Nhất thiết trí, nhưng vì thường theo Phật nghe pháp, có sức đọc tụng mạnh nên nói ra có lý, Phật bèn chấp thuận. Phật nói có ba thứ tuệ: Văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Người có văn tuệ, tư tuệ sáng suốt nên có thể cùng người có tu tuệ vấn nạn; thí như có thuyền đi theo dòng nước, không tự dùng sức mà mau hôn đi bộ; như A-nan tuy chưa lìa dục, chưa được thiền định thâm sâu mà có thể cùng với Phật và các vị A-la-hán đã sạch hết lậu hoặc luận nghị, thuận theo pháp không trái.

Trời Đế-thích bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Tu-bồ-đề ưa nói về không, khéo nói về không, là bậc tối đệ nhất giữa hàng đệ tử Phật, có nói gì cũng đều hướng về không, vô tướng, vô tác; nghĩa là, nói pháp bốn niệm xứ cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều là nhân duyên hòa hợp rốt ráo không. Phật nói với trời Đế-thích: Tu-bồ-đề là người tu về "rốt ráo không", đời đời tu tập, chẳng phải chỉ đời nay, ông ấy do pháp môn "không giải thoát" mà vào đạo, cũng lấy pháp môn ấy giáo hóa chúng sinh. Ông ấy nếu vào pháp "không" thâm diệu, còn không thấy các pháp, huống gì thấy có người tu pháp ấy? Như kinh nói: Thí Ba-la-mật không thể có được, huống gì người tu thí cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình. Tu-bồ-đề tu hạnh "không", muốn so sánh với Bồ-tát tu hạnh "không", trăm phần chẳng kịp một.

Hỏi: Pháp Không, chúng sinh không, lại còn cái gì không cùng tận mà nói trăm phần chẳng kịp một?

Đáp: Phật dạy: Trừ Phật ra, các Thanh văn, Bích-chi Phật không có

ai bằng Bồ-tát. Thật tướng các pháp có nhiều tên gọi, hoặc gọi là không, hoặc gọi rốt ráo không, hoặc gọi Bát-nhã Ba-la-mật, hoặc gọi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, còn trong đây gọi thật tướng các pháp là Không hành. Như giữa hết thảy các đệ tử Thanh văn, Tu-bồ-đề tu "không"

hành hôn hết. Như vậy, trừ Phật, các Bồ-tát tu không hành hôn Nhị thừa. Vì sao? Vì trí tuệ có lợi độn mà thâm nhập có sâu cạn, nên tuy đều gọi là được thật tướng các pháp, nhưng người lợi căn thì được rõ ràng hôn. Thí như muốn phá bóng tối nên đốt đèn, lại có đèn lớn thì ánh sáng càng tỏ hơn. Nên biết, ngọn đèn trước tuy chiếu sáng nhưng bóng tối li ti không hết được; nếu hết được thì ngọn đèn sau trở thành vô dụng. Người tu về không hạnh cũng như vậy, tuy đều được đạo, song vì trí tuệ có lợi độn nên vô minh có diệt hết và diệt không hết, duy chỉ có trí tuệ Phật mới diệt hết các vô minh.

Lại nữa, hàng Thanh văn, Bích-chi Phật không có tâm từ bi, không có tâm độ sinh, không có ý nguyện nghiêm tịnh cõi Phật, không có vô lượng Phật pháp, không có chuyển pháp luân độ chúng sinh, cũng không vào Vô dư Niết-bàn cho đến không có tâm nguyện lưu lại giáo pháp để độ sinh; không có tâm ba đời độ sinh, là thời kỳ làm Bồ-tát, thời kỳ làm Phật và thời kỳ diệt độ, nên chẳng phải chỉ do tu Không hạnh mà bằng Bồ-tát được.

Lại nữa, hàng Nhị thừa ngộ "không" còn có phân lượng; chư Phật, Bồ-tát không có phân lượng; giống như người khát uống nước sông, chẳng qua uống vừa đủ, vậy đâu được nói đều tu Không hạnh mà không thể có sai khác! Lại, như chỗ trống của lỗ chân lông, muốn đem so với lỗ trống giữa mười phương, không có lẽ ấy. Thế nên, Thanh văn so với Phật và Bồ-tát ngàn vạn ức phần không kịp một. Phật phân biệt các lối tu Không hạnh ấy rồi bảo Đế-thích rằng: Nếu muốn tối thượng giữa hết thảy chúng sinh, nên tu Bát-nhã Ba-la-mật. Trong đây, Phật tự nói nhân duyên: Bồ-tát học Không hạnh của Bát-nhã Ba-la-mật vì không chấp thủ tướng không, nên hơn Nhị thừa, được vào pháp vô sinh nhẫn, vào Bồ-tát vị. Vì vào Bồ-tát vị nên được đầy đủ Phật pháp. Phật pháp là Bồ-tát đạo, Bồ-tát đạo đầy đủ nên được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng nên gọi là Phật, người dứt các phiền não tập khí. Các việc ấy đều lấy Không hạnh làm gốc.

Hỏi: Niết-bàn là vô lượng, cớ sao nói Niết-bàn của Nhị thừa chứng được có lượng?

Đáp: Nói trí tuệ có phân lượng chứ không nói thật tánh các pháp có phân lượng. Không nghe nói thí dụ nước lớn ư? Đồ đựng có lượng, chẳng phải nước có lượng.

Lại nữa, lượng, vô lượng đối đãi nhau, đối với người phàm là vô lượng, đối với Phật đều lượng được hết. Ngang bấy nhiêu phần cho đến ngang bấy nhiêu phần là A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát, còn lại bao nhiêu phần pháp tính rốt ráo khác là Phật.

Bấy giờ chư thiên ở trong hội chúng lấy hoa trời Mạn-đà-la rải lên Phật như trong kinh văn nói.

Hỏi: Hoa cúng dường Phật và Tăng, cớ sao tám trăm Tỳ-kheo đây chỉ lấy cúng dường Phật?

Đáp: Hoa của chư thiên rải, các Tỳ-kheo được phần hoa rơi trên áo mình, thấy sắc hương của nó rất tuyệt diệu, nhân đó phát tâm đem cúng dường Phật, bạch rằng: Con từ nay sẽ tu hạnh Vô thượng, nghĩa là tu rốt ráo không, vô tướng, vô tác, vì độ hết thảy chúng sinh, nên hàng Nhị thừa không sánh kịp như Phật đã nói.

Bấy giờ Phật mỉm cười như đã nói trong phẩm "Hằng-già-đề-bà", tám trăm Tỳ-kheo ấy là thiện tri thức của nhau, hạnh đồng, tâm đồng, đời đời cùng nhau tu tập công đức nên cùng một lúc được làm Phật, đồng một danh hiệu. Do lấy hoa trời năm sắc cúng Phật nên trong cõi nước thường mưa hoa trời Mạn-đà-la đủ năm sắc. Phật nhân việc ấy tán thán Bát-nhã rằng: Người muốn hành đạo Bồ-tát tối thượng, hãy hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Này A-nan! Nếu có kẻ thiện nam tu Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm ấy, nên biết người ấy đến từ trong nhân đạo, hoặc từ trên trời Đâu-suất. Vì sao? Vì trong ba đường ác tội khổ nhiều, không tu Bát-nhã thậm thâm được. Trời ở cõi Dục say đắm năm dục tịnh diệu tâm cuồng hoặc, không thể tu, trời cõi Sắc đắm say hương vị thiền định nên không thể tu; cõi Vô sắc không có hình tướng nên không thể tu; quỷ thần có đạo nhãn, căn lợi, vì bị phiền não che tâm nên không thể chuyên tu Bát-nhã thậm thâm; chỉ trong nhân đạo khổ ít hơn ba đường ác, vui, không bằng chư thiên; các căn mắt, tai ... ô trược nặng nề, thân phần nhiều thuộc địa đại, nên có thể chế phục ý khổ vui mà thực hành Bát-nhã. Trên trời Đâu-suất thường có vị Bồ-tát còn một đời bổ xứ làm Phật, chư thiên cõi trời kia thường nghe Bồ-tát ấy thuyết Bát-nhã nên cái vui ngũ dục tuy nhiều, mà có pháp lực mạnh hôn; thế nên nói đến từ hai nôi; hoặc đến từ cõi Phật ở phương khác hoặc đến từ cõi này, nơi có Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, A-nan! Nếu có người cầu Phật đạo, có thể hỏi, có thể tin, thọ trì, cho đến nhớ nghĩ đúng, nên biết người ấy Phật thường dùng Phật nhãn trông thấy. Người ấy nên nghĩ rằng: Chúng ta trực tiếp theo Phật thọ trì, theo Phật phát tâm, gieo trồng căn lành, chứ không từ nơi Nhị thừa. Này A-nan! Nếu có Người tín tâm thanh tịnh không thể phá hoại, nên biết người ấy từng cúng dường vô lượng chư Phật, được thiện tri thức thủ hộ, nên có thể thọ trì.

Hỏi: Phật cũng gọi là báu, cũng gọi là ruộng phước Vô thượng; nếu người theo Phật trồng căn lành, chắc chắn do pháp ba thừa mà vào Niết-bàn không hư dối; như trong kinh Pháp hoa nói: Có người hoặc lấy một cành hoa, hoặc lấy ít hương cúng dường Phật, cho đến một lần xưng "Nam mô Phật", những người như vậy đều sẽ thành Phật. Nếu như vậy có người nghĩ rằng: Chỉ cần tu năm Ba-la-mật, khi muốn làm Phật mới quán Không, cần gì thường tu Bát-nhã Ba-la-mật khó biết, khó được Không hạnh?

Đáp: Do việc ấy nên Phật tự đáp với A-nan: Nơi ruộng phước của Phật tuy không hư dối nhưng cần phải được pháp ba thừa vào Niết-bàn, phải nên rõ ràng tu sáu Ba-la-mật cho đến rõ ràng tu trí Nhất thiết chủng, mới chóng được thành Phật đạo, chịu khổ sinh tử không còn lâu. Bát-nhã có công đức, lợi ích như vậy nên cần phải học.

Này A-nan! Vì Bát-nhã có công đức, lợi ích như vậy nên ta phó chúc cho ông.

Hỏi: Phật không có tham gì, cho đến trí Nhất thiết chủng, Phật được giải thoát vô ngại, thanh tịnh vi diệu, đối với Phật pháp còn không tham, cớ gì lại đem Bát-nhã Ba-la-mật ân cần phó chúc cho A-nan, như tuồng có tham kiết?

Đáp: Chư Phật vì lợi ích chúng sinh nên xuất hiện ở đời, hiện đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, có hào quang vô lượng, biến hóa thần túc đều vì chúng sinh. Đều làm lợi ích cho chúng sinh nhất không gì hôn Bát-nhã Ba-la-mật, vì có thể dứt hết các khổ. Bát-nhã Ba-la-mật nhân nôi ngữ ngôn, văn tự, chương cú mà có thể hiểu được nghĩa nó, thế nên Phật đem quyển kinh Bát-nhã ân cần phó chúc cho A-nan.

Lại nữa, có người thấy Phật ân cần phó chúc nói rằng: Đại sự Phật đã làm xong, còn tôn trọng Bát-nhã, như vậy pháp ấy chắc chắn tôn quý mầu nhiệm; thí như trưởng giả giàu lớn, khi sắp mệnh chung đem bảo vật trao cho con, riêng ngọc báu Như ý thì ân cần phó chúc rằng: Ngươi chớ cho thứ châu báu này không có màu sắc nhất định, chất như hư không, nhiệm mầu khó biết mà không thủ hộ; nếu các vật báu khác mất có thể được, còn châu báu này không thể để mất. Vị trưởng giả giàu lớn là Phật, đem châu báu Bát-nhã Ba-la-mật phó chúc cho A-nan: Ông khéo giữ gìn, thủ hộ, đừng để mất. Ngoại trừ Bát-nhã Ba-la-mật, mười

hai bộ kinh tuy đều mất hết, lỗi ấy còn ít, nếu mất một câu Bát-nhã, lỗi ấy rất nhiều. Vì sao? Vì pháp tạng Bát-nhã thậm thâm là mẹ của ba đời mười phương chư Phật, hay khiến người mau đạt đến Phật đạo, như trong kinh này nói: Ba đời chư Phật đều từ Bát-nhã mà được, cho đến vì hàng

Thanh văn thuyết pháp, trong ấy đều là việc tán thán Bát-nhã.

Hỏi: Thuyết pháp làm cho chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới đều được thành A-la-hán, tại sao không bằng đem một câu Bát-nhã dạy cho Bồ-tát?

Đáp: Việc ấy trước đã đáp rồi, nay sẽ lược nói: Chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới tuy đều được thành A-la-hán mà chỉ tự độ mình, không nhằm làm Phật; nếu nói một câu Bát-nhã, người nghe sẽ được làm Phật. Như người trồng nhiều cây quả có nhiều quả, chẳng bằng một người trồng một cây Như ý, tùy sở nguyện của người đều được như ý.

Trong pháp nói cho hàng Thanh văn không có đại từ bi, trong pháp Đại thừa, một câu tuy ít mà có tâm đại từ bi. Trong pháp Thanh văn đều vì lợi mình, trong pháp Đại thừa rộng vì chúng sinh; trong pháp Thanh văn không có tâm muốn biết rộng các pháp, chỉ muốn mau lìa khổ già, bệnh, chết; trong pháp Đại thừa muốn mỗi mỗi rõ ràng biết hết thảy pháp; trong pháp Thanh văn công đức có hạn lượng; trong pháp Đại thừa bao gồm hết các công đức không có bỏ sót. Đại tiểu sai khác nhau như vậy; thí như kim cương tuy nhỏ song có thể hơn tất cả châu báu, chẳng được nói ít không bằng nhiều. Phước đức của các vị A-la-hán trong ba ngàn đại thiên thế giới so với đem một câu Bát-nhã dạy cho Bồ-tát trong một ngày, cho đến trong giây lát, phước kia rất nhiều. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bồ-tát tự muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng dạy người khiến được; tự tu sáu Ba-la-mật, cũng dạy người tu. Bồ-tát có hai công đức như vậy mà không thành Phật đạo, thì không có lẽ ấy.

Bấy giờ Phật muốn làm rõ việc ấy nên dẫn chứng, cũng muốn chứng hết thảy pháp không, không đắm trước hết thảy pháp không ấy, mà chỉ vì thương xót hết thảy chúng sinh nên phó chúc cho A-nan. Như Phật A-súc và đại chúng trang nghiêm không đối hiện trước mắt, hết thảy pháp không đối hiện trước mắt cũng như vậy. Pháp mà mắt thịt, mắt trời trông thấy đều là pháp tác vi hư dối không thật; còn pháp mà mắt tuệ, mắt pháp, mắt Phật trông thấy đều là pháp vô tướng, vô vi nên không thể thấy; nếu không thể thấy cũng không thể biết. Pháp không tác vi cũng như vậy. Chúng hội Phật A-súc được trông thấy đều như huyễn, như mộng. Quán các pháp được như vậy gọi là Bồ-tát tu Bát-nhã, gọi là không đắm trước. Điều Phật phó chúc cũng không đắm trước, chỉ vì tâm đại từ bi nên tán thán Bát-nhã. Tướng hết thảy pháp tuy không thể nghĩ bàn, song vì lợi ích chúng sinh nên tán thán rằng: Học như vậy là học Bát-nhã; nếu muốn được hết thảy Ba-la-mật nên học Bát-nhã Ba-la-mật như kinh đã nói rộng.

Phật dùng nghĩa vô lượng tán thán Bát-nhã, trí tuệ Phật không thể cùng tận, công đức Bát-nhã cũng không thể cùng tận. Vì sao? Vì tướng Bát-nhã Ba-la-mật không có hạn lượng; danh từ, ngôn ngữ, chương cú, quyển số có hạn lượng như các câu chữ trong các quyển kinh Tiểu phẩm Bát-nhã, Phóng quang Bát-nhã, Quang tán Bát-nhã v. v... có hạn lượng, còn nghĩa lý Bát-nhã không có hạn lượng. A-nan hỏi: Tại sao Bát-nhã không có hạn lượng? - Phật đáp: Vì Bát-nhã tự lìa tướng, lìa tướng nên từ trước lại đây không sinh không nhóm; không sinh không nhóm nên không tận không diệt. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Vô lượng vô số chư Phật và đệ tử quá khứ dùng Bát-nhã Ba-la-mật chiếu sáng mười phương, độ vô lượng chúng sinh đều vào Vô dư Niết-bàn, vì Bát-nhã ba mật nên không cùng tận; chư Phật vị lai, hiện tại cũng như vậy. Thí như có người muốn đi cùng tận hư không, hư không không thể cùng tận, công đức của Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến trí Nhất thiết chủng cũng như vậy, đã không tận, nay không tận sẽ không tận. Có người biết quá khứ không cùng tận, nhưng cho vị lai, hiện tại có cùng tận, thế nên nói ba đời không thể cùng tận. Vì sao? Vì các pháp vốn vô sinh, làm sao cùng tận! Phật biết Bát-nhã Ba-la-mật là không cùng tận nên phó chúc. Như người đem bình dầu thơm phó chúc cho đệ tử, tuy không phải vì tiếc cái bình mà chỉ vì để giữ gìn dầu thơm. Ngôn ngữ, văn tự hay giữ gìn nghĩa lý cũng như vậy; nếu mất ngôn ngữ, văn tự thì nghĩa lý chẳng còn.

Bấy giờ Phật vì người tín thọ Bát-nhã, nên hiện tướng lưỡi dài phủ lên mặt, hỏi A-nan rằng: Ta nay ở giữa bốn chúng phó chúc Bát-nhã cho ông, ông hãy vì chúng sinh giải nói, hiển bày, phân biệt, làm cho dễ hiểu.

Sở dĩ hiện tướng lưỡi rộng dài là theo tướng pháp của thế gian. Lưỡi có thể phủ lên mũi là tướng không vọng ngữ, huống gì phủ lên mặt, thế nên Phật chỉ cho chúng sinh rằng: Thân ta từ cha mẹ sinh ra đã có tướng lưỡi ấy, nay muốn đem Bát-nhã Ba-la-mật khiến ông tin hiểu, vì các ông chưa được Nhất thiết trí, không thể biết khắp, vì muốn khiến các ông tin nên hiện tướng lưỡi, chứ chẳng phải dùng thần thông hiện ra.

Phật đối với pháp thậm thâm, trí tuệ, thiền định còn không đắm trước, huống gì tám pháp thế gian (lợi, suy, hủy, dự, xưng cơ, đắc, thất - ND), Vì cái lợi cúng dường mà lại làm việc hư dối! Ở giữa hết thảy pháp như chim bay giữa hư không không bị chướng ngại. Phật chỉ vì bản nguyện độ sinh, tâm đại bi thương xót hết thảy nên đem cái lợi đệ nhất là Bát-nhã Ba-la-mật, ân cần phó chúc cho ông.

Lại nữa, A-nan! Người tu Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm có thể vào

môn Đà-la-ni Văn tự, nhân nôi một chữ mà liền chứng nhập rốt ráo không, nên gọi là Đà-la-ni Văn tự. Như các văn tự đều từ Bát-nhã Ba-la-mật mà có được; ngoài ra như Văn trì Đà-la-ni (là nghe được rồi, giữ gìn không mất - ND) cũng đều do Bát-nhã Ba-la-mật mà có được. Bồ-tát có được Pháp Đà-la-ni rồi, được môn biện tài như đã nói trước, trải vô lượng vô số kiếp nói một câu, một nghĩa mà không bao giờ hết; ấy gọi là chân pháp của chư Phật ba đời, lại không có pháp khác.

Lại nữa, A-nan! Bát-nhã là diệu pháp của ba đời mười phương chư Phật; như thành chỉ có một cửa, người bốn phương đi đến không có cửa khác đi vào. Này A-nan! Ta nay vì ông mỗi mỗi nói rõ ràng: Nếu có người thọ trì Bát-nhã, chẳng phải chỉ thọ trì pháp Ta, mà cũng thọ trì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật ba đời. Này A-nan! Nôi nôi ta đều nói Bát-nhã Ba-la-mật là đôi chân của hành giả. Vì sao? Vì Bồ-tát được Bát-nhã thì có thể hành đạo Bồ-tát. Này A-nan! Ông được Bát-nhã Đà-la-ni nên có thể giữ gìn hết thảy Phật pháp.

Hỏi: Do sức Văn trì Đà-la-ni nên có thể giữ gìn, cớ sao lại nói có được Bát-nhã nên có thể giữ gìn hết thảy Phật pháp?

Đáp: Văn trì Đa la ni có thể giữ gìn pháp có số lượng, Đà-la-ni thế gian cũng có, như Tu-thi-ma ngoại đạo cũng được Văn trì Đà-la-ni, tuy được trong ít lúc, lâu ngày quên mất, còn từ Bát-nhã được Đà-la-ni thì thọ trì rộng rãi các pháp, không bao giờ quên mất, đó là chỗ sai khác.

Hỏi: Bát-nhã là Ba-la-mật, cớ gì còn gọi là Đà-la-ni?

Đáp: Thật tướng các pháp là Bát-nhã có nhiều lợi ích, được chúng sinh ái niệm, nên có nhiều danh xưng; như Phật có mười hiệu. Văn tự Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, hay dẫn đến bờ mé hết thảy trí tuệ, nên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát tu Bát-nhã được thành Phật, đổi lại gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; như ở trong tâm Tiểu thừa thì chỉ gọi là ba mươi bảy pháp trợ đạo, ba cửa giải thoát; nếu người muốn được nghe rồi không quên, thì ở trong tâm người ấy gọi là Đà-la-ni. Thế nên Phật nói thí dụ ngọc Như ý, tùy theo màu sắc của vật ở trước nó mà thay đổi tên gọi. Phật nói mỗi mỗi công đức của Đại Bát-nhã cũng như vậy.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 80

GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI BẢY: PHƯƠNG TIỆN VÔ TẬN

KINH: Bấy giờ Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Vô thượng Chánh đẳng chánh giác của chư Phật rất sâu, ta sẽ hỏi Phật. Nghĩ rồi bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật có thể cùng tận chăng?

Phật dạy: Hư không không thể cùng tận nên Bát-nhã Ba-la-mật không thể cùng tận.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao có thể phát sinh Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Sắc không thể cùng tận nên Bát-nhã Ba-la-mật có thể phát sinh; thọ, tưởng, hành, thức không thể cùng tận nên Bát-nhã Ba-la-mật có thể phát sinh; Thí Ba-la-mật không thể cùng tận nên Bát-nhã Ba-la-mật có thể phát sinh; Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật không thể cùng tận nên Bát-nhã Ba-la-mật có thể phát sinh, cho đến trí Nhất thiết chủng không thể cùng tận nên Bát-nhã Ba-la-mật có thể phát sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Vô minh không, không thể cùng tận nên Bát-nhã Ba-la-mật Bồ-tát có thể phát sinh; hành không, không thể cùng tận nên Bát-nhã Ba-la-mật Bồ-tát có thể phát sinh; thức không, không thể cùng tận nên Bát-nhã Ba-la-mật Bồ-tát có thể phát sinh; danh sắc không, không thể cùng tận nên Bát-nhã Ba-la-mật Bồ-tát có thể phát sinh; sáu nhập không, không thể cùng tận nên Bát-nhã Ba-la-mật Bồ-tát có thể phát sinh; sáu xúc không, không thể cùng tận nên Bát-nhã Ba-la-mật Bồ-tát có thể phát sinh; thọ không, không thể cùng tận nên Bát-nhã Ba-la-mật Bồ-tát có thể phát sinh; ái không, không thể cùng tận nên Bát-nhã Ba-la-mật Bồ-tát có thể phát sinh; thủ không, không thể cùng tận nên Bát-nhã Ba-la-mật Bồ-tát có thể phát sinh; hữu không, không thể cùng

tận, nên Bát-nhã Ba-la-mật Bồ-tát có thể phát sinh; sinh không, không thể cùng tận nên Bát-nhã Ba-la-mật Bồ-tát có thể phát sinh; sinh không, không thể cùng tận nên Bát-nhã Ba-la-mật Bồ-tát có thể phát sinh; già, chết,

lo, buồn, khổ, não không, không thể cùng tận nên Bát-nhã Ba-la-mật Bồ-tát có thể phát sinh ... Như vậy, Tu-bồ-đề! Mười hai nhân duyên đây là pháp riêng của Bồ-tát hay trừ các điên đảo biên kiến. Khi ngồi đạo tràng nên quán như vậy sẽ được trí Nhất thiết chủng.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có Bồ-tát vì hư không không thể cùng tận mà tu Bát-nhã, quán mười hai nhân duyên, thì không rơi vào Nhị thừa mà an trú Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu-bồ-đề! Nếu cầu đạo Bồ-tát mà bị thối chuyển trở lại, thì đều do lìa Bát-nhã Ba-la-mật. Người ấy chẳng biết thế nào là tu Bát-nhã Ba-la-mật, do hư không không cùng tận pháp quán mười hai nhân duyên. Tu-bồ-đề! Nếu người cầu đạo Bồ-tát mà thối chuyển trở lại là vì không có sức phương tiện nên thối chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát không thối chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là đều vì có đủ sức phương tiện.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên do hư không, không thể cùng tận mà quán Bát-nhã Ba-la-mật, nên do hư không, không thể cùng tận mà phát sinh Bát-nhã Ba-la-mật. Như vậy, khi Bồ-tát quán mười hai nhân duyên, không thấy pháp nào không do nhân duyên sinh, không thấy pháp nào thường trú bất diệt, không thấy pháp nào có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, mạng giả, cho đến kẻ biết, kẻ thấy; không thấy pháp vô thường; không thấy pháp khổ; không thấy pháp vô ngã; không thấy pháp tịch diệt chẳng phải tịch diệt. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật nên quán mười hai nhân duyên như vậy. Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật được như vậy, thì khi ấy không thấy sắc hoặc thường hoặc vô thường, hoặc khổ hoặc vui, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịch diệt hoặc chẳng phải tịch diệt; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Khi ấy cũng không thấy Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không thấy do pháp ấy thấy Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy Thiền Ba-la-mật cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy Tu-bồ-đề! Vì hết thảy pháp không thể có được ấy mà nên tu Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu Bồ-tát khi tu Bát-nhã không có gì sở đắc, thì ác ma sầu não như bị mũi tên bắn vào tim, như người có cha mẹ mới chết.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Chỉ có một ma sầu muộn hay các ma trong ba ngàn đại thiên thế giới cũng sầu muộn?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ác ma trong ba ngàn đại thiên thế giới đều sầu muộn như bị mũi tên bắn vào tim, không thể ngồi yên. Tu-bồ-đề! Bồ-tát tu Bát-nhã được như vậy, khi ấy hết thảy thế gian trời, người, A-tu-la không thể tìm được thuận tiện để làm cho người kia ưu não. Vì vậy, Bồ-tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hãy nên tu Bát-nhã Ba-la-

mật.

Bồ-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật là đầy đủ tu Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, làm sao đầy đủ tu Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát bố thí gì đều hồi hướng đến Nhất thiết trí, như vậy, Bồ-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật đầy đủ tu Thí Ba-la-mật; Bồ-tát tu trì giới đều hồi hướng đến Nhất thiết trí, thế là đầy đủ Giới Ba-la-mật. Bồ-tát tu nhẫn nhục đều hồi hướng đến Nhất thiết trí, thế là đầy đủ Nhẫn Ba-la-mật. Bồ-tát tu tinh tấn đều hồi hướng Nhất thiết trí, thế là đầy đủ Tấn Ba-la-mật. Bồ-tát tu thiền định đều hồi hướng đến Nhất thiết trí, thế là đầy đủ Thiền Ba-la-mật. Bồ-tát tu Trí tuệ đều hồi hướng đến Nhất thiết trí, thế là đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật đầy đủ sáu Ba-la-mật.

LUẬN: Tu-bồ-đề theo Phật nghe nói mỗi mỗi tướng của Bát-nhã Ba-la-mật, ban đầu nghe nói tướng rốt ráo không; giữa nghe lời phú chúc thì tuồng như có; sau lại nghe nói không, đó là vì nghĩa của Bát-nhã Ba-la-mật vô lượng mà danh tự, chương cú của Bát-nhã Ba-la-mật thì có hạn lượng. Khi ấy, Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật rất sâu, ta sẽ hỏi Phật vì sao rất sâu. Phật nói cho Tu-bồ-đề một ít phần, chỉ để phá tâm điên đảo của chúng sinh nên không nói đầy đủ. Vì sao? Vì không có người lãnh thọ được. Nếu người chấp thủ tướng Như, Phật nói Như cũng không, vì không có sinh, trụ, diệt; nếu pháp không có sinh, trụ, diệt, thì tức là pháp là không có; pháp tính, thật tế cũng như vậy.

Nếu có người chấp thủ rốt ráo không, Phật cũng nói không phải. Vì sao? Vì nếu rốt ráo không là định tướng có thể thủ, thì chẳng phải rốt ráo không. Thế nên nói rất sâu. Ta sẽ lại hỏi Phật, Tu-bồ-đề nghĩ như vậy rồi, như lời Phật tự nói: Chư Phật ba đời đều dùng Bát-nhã Ba-la-mật mà đắc đạo, vì Bát-nhã Ba-la-mật không cùng tận; đã không tận, nay không tận, và sẽ không tận. Thế nên ta nay chỉ hỏi nghĩa không tận. Phật đáp: Như hư không không tận, nên Bát-nhã cũng không tận, như hư không không có thật pháp, chỉ có danh tự, Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Bát-nhã Ba-la-mật như hư không, không có gì của chính nó, nên không thể tận, làm sao Bồ-tát có thể phát sinh Bát-nhã Ba-la-mật ấy? Nếu có thể phát sinh, làm sao trong tâm Bồ-tát lại phát sinh việc tu được, chứng được? Phật đáp: Vì sắc vô tận nên Bát-nhã Ba-la-mật có thể phát sinh; như sắc lúc đầu, lúc sau, lúc

giữa sinh không thể có được, vì sắc sinh sắc, không thể có được; lìa sắc sinh sắc, không thể có được, sinh không thể có được, như đã phá tướng sinh ở trước. Vì sinh không thể có được, nên sắc cũng không thể có được, vì sắc không thể có được nên sắc sinh không thể có được; vì hai pháp không thể có được nên sắc như huyễn, như mộng, chỉ dối gạt mắt người. Nếu sắc có sinh ắt có tận, vì sắc không sinh nên cũng không có tận; sắc chân tướng tức là Bát-nhã Ba-la-mật. Thế nên nói sắc không thể tận, Bát-nhã Ba-la-mật cũng không tận, Thọ, tưởng, hành, thức, Thí Ba-la-mật cho đến trí Nhất thiết chủng cũng như vậy.

Lại nữa, Kinh nói: "Có thể sinh Bát-nhã" là vì vô minh hư không không thể cùng tận. Nếu người chỉ quán rốt ráo không, thì phần nhiều đọa vào bên đoạn diệt; nếu quán có thì phần nhiều đọa vào bên thường. Lìa hai bên ấy nên nói mười hai nhân duyên không. Vì sao? Vì nếu pháp từ nhân duyên hòa hợp sanh, pháp ấy không có định tính; nếu pháp không có định tính tức là pháp tịch diệt rốt ráo không; lìa hai bên ấy nên giả gọi là trung đạo. Thế nên nói mười hai nhân duyên như hư không, không có pháp, nên không tận. Vô minh cũng do nhân duyên hòa hợp sinh nên không có tự tướng; không có tự tướng nên rốt ráo "không", như hư không.

Lại nữa, vì nhân duyên sinh nên không thật, như kinh nói: Nhân mắt duyên sắc sinh giác xúc, giác xúc từ vô minh sinh. Giác xúc không ở trong mắt, không ở trong sắc, không ở trong thân, không ở ngoài thân, không ở chặng giữa; cũng không từ mười phương ba đời đến, định tướng của pháp ấy không thể có được. Vì sao? Vì hết thảy pháp vào Như. Nếu nắm bắt được định tướng vô minh, tức là trí tuệ, không gọi là vô minh; thế nên tướng vô minh, tướng trí tuệ không khác nhau, thật tướng của vô minh tức trí tuệ, chấp trước tướng trí tuệ tức vô minh. Thế nên, thật tướng vô minh rốt ráo thanh tịnh như hư không, không sinh, không diệt. Vì thế nói rằng: Có được quán ấy mà hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Nếu không có vô minh, cũng không có các hành v.v... làm sao nói mười hai nhân duyên?

Đáp: Nói mười hai nhân duyên có ba loại: Một là đối với phàm phu, dùng mắt thịt trông thấy, tâm điên đảo chấp ngã khởi các phiền não nghiệp, qua lại trong đường sinh tử.

Hai là đối với Hiền Thánh, dùng mắt pháp phân biệt các pháp; thấy già, bệnh, chết sinh tâm nhàm chán, muốn ra khỏi thế gian. Tìm nguyên nhân của già, chết do sinh; sinh ấy do các phiền não nghiệp. Vì sao? Vì

người không có phiền não thì không sinh, nên biết phiền não làm nhân duyên cho sinh. Làm nhân duyên cho phiền não là vô minh, vì vô minh, nên điều đáng bỏ lại lấy, đáng lấy lại bỏ. Đáng bỏ gì? Đáng bỏ già, bệnh, khổ và phiền não; nhưng vì điên đảo cho khổ là vui nên lấy. Trì giới, thiền định, trí tuệ là gốc của sự lành, là nhân duyên của cái vui Niết-bàn, việc ấy đáng lấy lại bỏ. Trong ấy không có kẻ biết, kẻ thấy, kẻ làm. Vì sao? Vi pháp ấy không có định tướng, chỉ do nhân duyên hư dối tương tục sinh ra. Hành giả biết là hư dối không thật thì không sinh hý luận, chỉ vì muốn diệt khổ vào Niết-bàn, không cứu xét cùng tận tướng các khổ.

Ba là đối với các đại Bồ-tát, là người đại trí, lợi căn nên chỉ cứu xét cùng tận tướng cội gốc của mười hai nhân duyên, không vì lo Sợ mà tự thối thất. Bấy giờ không thấy có định tướng, già và chết rốt ráo không, chỉ do hư dối, giả gọi là có. Vì sao? Vì người phân biệt tướng các pháp thì nói già, chết là pháp tâm bất tương ưng hành, tướng ấy không thể có được. Đầu bạc v.v... là tướng màu sắc, không phải tướng già; hai việc không thể có được nên không có tướng già.

Lại nữa, người đời gọi tướng già là tóc bạc; răng long, mặt nhăn, thân cong, gầy gò, sức yếu, các căn mờ ám, nhưng việc ấy không đúng. Vì sao? Vì tóc bạc chẳng phải chỉ người già; có người tuổi trẻ tóc lại bạc, người già tóc lại đen; gầy gò, thân cong, mặt nhăn ... cũng như vậy. Có người già mà các căn sáng suốt, lanh lợi; người trẻ mà mờ ám; lại uống thuốc hoàn đồng tuy già mà trẻ. Như vậy, tướng già không có định tướng, chỉ do các pháp hòa hợp giả gọi là già; lại như mượn bánh, trục, thùng, căm ... gọi là xe, đó chỉ là giả danh, chẳng phải thật.

Lại nữa, trong các pháp rốt ráo không, tướng sinh không thể có được, huống gì có già! Do các nhân duyên như vậy, tìm pháp già không thể có được. Vì không thể có được nên không có tướng, như hư không không thể tận; cũng như già cho đến vô minh cũng như vậy. Phá tướng vô minh như trên nói. Bồ-tát quán thực tướng các pháp rốt ráo không, không có gì của chính nó, không có sở đắc; cũng vì không chấp trước việc ấy nên đối với chúng sinh sanh tâm đại bi: chúng sinh vì vô minh nên đối với pháp hư dối điên đảo không thật, chịu các khổ não. Mười hai

nhân duyên nói đầu chỉ là vì người phàm phu không tìm phải trái trong đó; mười hai nhân duyên nói thứ hai là chỗ quán sát của hàng Nhị thừa và Bồ-tát chưa được vô sinh pháp nhẫn; mười hai nhân duyên nói thứ ba là chỗ quán sát của các Bồ-tát từ khi được vô sinh pháp nhẫn cho đến khi ngồi đạo tràng. Thế nên nói, vô minh hư không không thể tận cho đến

lo, buồn, khổ, não hư không không thể tận, nên Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Quán sâu về pháp nhân duyên như vậy, xa lìa các bên và điên đảo. Bên là bên thường, bên đoạn, bên có bên không, bên thật, bên hư, bên thế gian hữu biên, bên thế gian vô biên; điên đảo là nôi vô thường khởi lên phiền não chấp thường v.v... Quán mười hai nhân duyên ấy thì các bên và điên đảo dứt. Các phiền não có hai phần: Một là theo người ngoại đạo tà kiến gọi là bên; hai là theo các chúng sinh khác, phiền não gọi là điên đảo. Quán mười hai nhân duyên thì hai thứ phiền não ấy đều dứt. Đó là quán mười hai nhân duyên thứ ba rất sâu, chỉ các Bồ-tát ngồi đạo tràng mới có thể quán; trước tuy nói có thể quán nhưng chưa đầy đủ. Như trong kinh Thành Dụ, Phật nói: Khi Ta chưa đắc đạo, suy nghĩ như vầy: Chúng sinh đáng thương, đi sâu vào đường hiểm, thường thường sinh, thường thường già, thường thường chết, qua lại ba cõi không biết đường ra. Ta liền nghĩ rằng: Vì nhân duyên gì có già chết? Trong khi tìm cầu như vậy được trí tuệ chân thật, biết rằng sinh làm nhân duyên cho già, chết v.v... Thế nên, biết lối quán mười hai nhân duyên nói lần thứ ba, khi ngồi đạo tràng mới có được, như Kinh nói rộng.

Lại nữa, quán mười hai nhân duyên như vậy, vượt qua hàng Nhị thừa, được trí Nhất thiết chủng. Nếu có người thối lui đối với Phật đạo, là vì không được lối quán sâu xa ấy, nếu được lối quán ấy thì không thối lui. Vì sao? Vì đã vào sâu rốt ráo không thì không thấy Thanh văn, Bích-chi Phật địa; vì không thấy nên không trú ở trong đó.

Lại nữa, người quán nhân duyên được như vậy thì không thấy có một pháp nào chắc chắn, tự tại, không do nhân duyên sinh, hết thảy pháp không tự tại đều thuộc nhân duyên sinh, có người tuy thấy hết thảy pháp từ nhân duyên sinh, nhưng lại cho là từ tà nhân duyên sinh. Tà nhân duyên là cho rằng vi trần, thế tánh v.v... làm nhân duyên sinh các pháp. Thế nên nói, không thấy pháp nào không do nhân duyên sinh, cũng không thấy pháp nào từ thường nhân duyên như vi trần, thế tánh sinh. Như hư không thường, thường thì không có sinh; hư không cũng không làm nhân cho vật khác sinh, vì thế nên không có pháp nào từ thường nhân duyên sinh.

Lại nữa, Bồ-tát quán hết thảy pháp thuộc nhân duyên sinh như vậy không tự tại, vì không tự tại nên không có ta, cho đến không có kẻ biết, kẻ thấy. Bấy giờ Bồ-tát an trú trong mười hai nhân duyên rốt ráo không, không thấy một pháp nào hoặc có hoặc không v.v... không thấy Bát-nhã, cũng không thấy dùng pháp ấy tu Bát-nhã, cho đến Vô thượng Chánh đẳng

Chánh giác cũng như vậy; ấy gọi là Bát-nhã Ba-la-mật không có sở đắc của Bồ-tát. Được Bát-nhã Ba-la-mật không có sở đắc ấy, đối với hết thảy pháp bèn được Bát-nhã không có chướng ngại gì. Bấy giờ ác ma rất sầu khổ. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy vào sâu mười hai nhân duyên rốt ráo không, không vướng vào trong lưới ma về sáu mươi hai tà kiến chấp có, chấp không, chấp chẳng phải có, chẳng phải không v.v... Ma nghĩ, ta nay không có cách thuận tiện để phá Bồ-tát. Thí như người bắt cá, thấy một con cá lặn sâu trong dòng nước lớn, lưỡi câu không tới kịp thì tuyệt vọng ưu sầu và cũng như người mới mất cha mẹ.

Lại nữa, Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật không có sở đắc, được như vậy thì đầy đủ Thí Ba-la-mật v.v... Vì sao? Vì tu pháp ấy thì các phiền não làm chướng ngại Bát-nhã đều bị bẻ gãy; ma chúa, ma dân không tìm được thuận tiện để phá, nên các Ba-la-mật được đầy đủ; từ trước lại đây tuy tu sáu Ba-la-mật nhưng chưa thể được đầy đủ như vậy.

Tu-bồ-đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Bồ-tát làm sao tu Bát-nhã Ba-la-mật được như vậy, có thể đầy đủ Thí Ba-la-mật v.v...?

Phật đáp: Nếu Bồ-tát có bố thí gì đều hồi hướng đến Nhất thiết trí. Có hai hạng người: Độn căn và lợi căn. Người độn căn có bố thí nhiều ít đều chấp thủ tướng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; người lợi căn phá chấp thủ tướng những hý luận sai lầm về pháp "không", tín lực cạn mỏng, không dùng Nhất thiết trí, chỉ tìm thật tướng các pháp. Hai hạng người ấy đều không thể đầy đủ Thí Ba-la-mật. Một là hạng người vì tín lực nhiều, tuệ lực ít; hai là người vì tuệ lực nhiều, tín lực ít. Nay Phật nói tín lực, tuệ lực bằng nhau nên có thể hồi hướng đến Nhất thiết trí. Tưởng niệm Nhất thiết trí là tín lực; đúng như Nhất thiết trí mà hồi hướng là trí lực, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật cũng lại như vậy.

----oOo-----

GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI TÁM:

SÁU ĐỘ THU NHIẾP NHAU

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Thí Ba-la-mật mà được Giới Ba-la-mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát khi bố thí, đem công đức bố thí ấy hồi hướng đến Nhất thiết trí, đối với chúng sinh giữ thân nghiệp từ, khẩu nghiệp từ, ý nghiệp từ; ấy là trú trong Thí Ba-la-mật mà được Giới Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Thí Ba-la-mật mà được Nhẫn Ba-la-mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát khi bố thí, bị người lãnh thọ thí sân giận, nhục mạ, nói lời hung dữ, khi ấy Bồ-tát nhẫn nhục không sinh tâm giận, ấy là Bồ-tát trú trong Thí Ba-la-mật mà được Nhẫn Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Thí Ba-la-mật mà được Tấn Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát khi bố thí bị người lãnh thọ sân giận, nhục mạ, nói lời hung dữ, Bồ-tát càng bố thí thêm và tâm nghĩ rằng: Ta nên cấp thí, không nên tiếc gì, tức thời thân tinh tấn, tâm tinh tấn, ấy là Bồ-tát trú trong Thí Ba-la-mật được Tấn Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Thí Ba-la-mật được Thiền Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát khi bố thí chỉ hồi hướng đến Nhất thiết trí, không hồi hướng đến Thanh văn, Bích-chi Phật địa, chỉ nhất tâm quán niệm Nhất thiết trí; ấy là Bồ-tát trú trong Thí Ba-la-mật được Thiền Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao trú trong Thí Ba-la-mật được Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát khi bố thí biết việc bố thí là không, như huyễn, không thấy vì bố thí cho chúng sinh là hữu ích, vô ích; ấy là Bồ-tát trú trong Thí Ba-la-mật được Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Làm sao Bồ-tát trú trong Giới Ba-la-mật được Thí Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật và Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát trú trong Giới Ba-la-mật, thân, miệng, ý sinh phước đức bố thí, giúp thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; với công đức ấy không thủ chứng Thanh văn, Bích-chi Phật địa; trú trong Giới Ba-la-mật không cướp mạng sống kẻ khác, không cướp tài vật kẻ khác, không hành tà dâm, không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói lời hung dữ, không nói thêu dệt, không tham lam tật đố, không sân giận, không tà kiến. Thực hành bố thí, người đói cho ăn, người khát cho uống, cần xe cho xe, cần áo cho áo, cần hương cho hương, cần chuỗi anh lạc cho chuỗi anh lạc; hương xoa, đồ nằm, phòng nhà, đèn đuốc, các vật cần nuôi sống đều cấp cho hết. Đem công đức bố thí ấy chia sẻ cho chúng sinh cùng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng chánh giác. Hồi hướng như vậy không rơi vào Thanh văn, Bích-chi Phật địa. Tu-bồ-đề! Ấy là Bồ-tát trú trong Giới Ba-la-mật được Thí Ba-la-mật...

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Giới Ba-la-mật được Nhẫn Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát trú trong Giới Ba-la-mật, nếu có chúng sinh đi đến cắt xẻ từng mảnh thân thể Bồ-tát không sinh tâm sân giận, dù chỉ trong giây lát, tự nói rằng: "Ta được lợi lớn, chúng sinh đi đến lấy từng chi tiết thân ta để dùng, ta không một niệm sân giận", ấy là Bồ-tát trú trong Giới Ba-la-mật được Nhẫn Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Giới Ba-la-mật được Tấn Ba-la-mật?

Phật dạy: Nếu Bồ-tát thân tinh tấn, tâm tinh tấn thường không bỏ, nghĩ rằng: Hết thảy chúng sinh ở trong sinh tử, ta sẽ cứu vớt đem đặt trên đất cam lồ, ấy là Bồ-tát trú trong Giới Ba-la-mật được Tấn Ba-la-mật. Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Giới Ba-la-mật được

Thiền Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát vào Sô thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, không tham vào Thanh văn, Bích-chi Phật địa, nghĩ rằng: Ta sẽ trú trong Thiền Ba-la-mật, độ hết thảy chúng sinh khỏi sinh tử; ấy là Bồ-tát trú trong Giới Ba-la-mật được Thiền Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Giới Ba-la-mật được Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát trú trong Giới Ba-la-mật không có pháp có thể thấy, hoặc tác pháp, hoặc hữu vi pháp, hoặc số pháp, hoặc tướng pháp, hoặc có, hoặc không; chỉ thấy các pháp không ngoài tướng Như. Vì có Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện nên không đọa vào Thanh văn, Bích-chi Phật địa; ấy là Bồ-tát trú trong Giới Ba-la-mật được Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Cuối phẩm trước nói: Làm sao Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật đầy đủ sáu Ba-la-mật? Phật đã mỗi mỗi đáp. Trong phẩm này Tu-bồ-đề hỏi: Làm sao Bồ-tát tu một Ba-la-mật mà thu nhiếp năm Ba-la-mật.

Hỏi rằng: Sáu Ba-la-mật mỗi tướng khác nhau làm sao tu một Ba-la-mật mà thu nhiếp năm Ba-la-mật? Đáp rằng: Bồ-tát do sức phương tiện nên tu một Ba-la-mật có thể thu nhiếp năm Ba-la-mật.

Lại nữa, pháp hữu vi vì nhân duyên quả báo nối tiếp nhau nên tạo thành nhau; thiện pháp làm nhân duyên cho thiện pháp; các Ba-la-mật đều là thiện pháp, nên tu một thì nhiếp được năm; lấy một Ba-la-mật làm chủ, các Ba-la-mật khác làm chi phần. Có Bồ-tát tu sâu về Thí Ba-la-mật, an trú trong Thí Ba-la-mật, khi bố thí cho chúng sinh, có được tâm từ, từ tâm từ khởi lên thân nghiệp từ, khẩu nghiệp từ, khi ấy Bồ-tát liền được Giới Ba-

la-mật. Vì sao? Vì nghiệp từ là ba thiện đạo, căn bản của Giới Ba-la-mật là không tham, không sân và chánh kiến. Ba nghiệp từ ấy sinh ra ba nghiệp nơi thân, bốn nghiệp nơi miệng. Từ tức là thiện nghiệp, vì lợi ích chúng sinh nên gọi là từ.

Được Tấn Ba-la-mật là, Bồ-tát vì Nhất thiết trí nên bố thí.

Bị người lãnh thọ giận là, nếu thí chủ xướng rằng: Ta có thể bố thí hết thảy, nhưng người lãnh thọ không được vừa ý liền nói rằng: Ai bảo ông mời ta đến mà không theo ý ta? Giận là ý nghiệp ác, mắng là khẩu nghiệp ác, đánh hại là thân nghiệp ác. Giận có thượng, trung, hạ. Thượng là giết hại; trung là mắng nhiếc; hạ là tâm giận. Bấy giờ Bồ-tát không sinh ba thứ ác nghiệp, ý nghiệp là gốc nên chỉ nói ý nghiệp, nghĩ rằng: Đó là tội của ta. Ta mời người kia đến mà không thể làm vừa ý họ, do ta phước mỏng nên không thể bố thí đầy đủ. Nếu ta sân giận thì đã mất tài vật lại mất luôn phước đức, thế nên không nên giận.

Được Tấn Ba-la-mật là, nếu Bồ-tát khi bố thí bị người lãnh thọ đánh hại, tâm không thối thất, không bỏ. Vì bố thí nên thân tâm siêng năng tinh tấn, nghĩ rằng: Ta đời trước không cố gắng bố thí nên nay không thể làm vừa lòng người lãnh thọ, hãy nên siêng bố thí, không nên tính kể các việc nhỏ khác.

Được Thiền Ba-la-mật là, Bồ-tát bố thí không cầu phước lạc đời nay, không cầu làm Chuyển luân Thánh vương, vua trời, vua người đời sau; cũng không cầu cái vui thiền định thế gian, vì chúng sinh nên không cầu cái vui Niết-bàn. Chỉ thu nhiếp các ý vào trong trí Nhất thiết chủng không cho tán loạn.

Được Bát-nhã Ba-la-mật là, Bồ-tát trong khi bố thí, thường quán hết thảy pháp hữu vi tạo tác đều hư dối không kiên cố, như huyễn, như mộng. Khi bố thí cho chúng sinh, không thấy có ích, không ích, vì sao? Vì vật bố thí chẳng phải nhất định là nhân duyên của vui, hoặc có khi được ăn no bụng sình trướng mà chết; hoặc có khi được của cải mà bị

giặc hại; hoặc cũng vì được của cải nên sinh tâm xan tham mà đọa vào ngạ quỷ. Lại, tài vật là tướng hữu vi, niệm niệm sinh diệt vô thường, là nhân duyên sinh ra khổ.

Lại nữa, của cải vào trong các pháp thật tướng rốt ráo không, không phân biệt có lợi, không lợi. Thế nên, Bồ-tát đối với người lãnh thọ không cầu báo ân, đối với việc bố thí không mong quả báo. Giả sử cầu quả báo, nếu người kia không đền đáp thì sinh oán hận. Bồ-tát nghĩ rằng: Các pháp rốt ráo không, nên ta không có cho gì; nếu cầu quả báo, hãy nên cầu Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác rốt ráo không. Như tướng bố thí, nên không thấy có ích; vì rốt ráo không nên cũng không thấy có ích. Như vậy, ở nơi Thí Ba-la-mật có được năm Ba-la-mật.

Bồ-tát lấy Giới Ba-la-mật làm chủ, có thân, miệng, ý thiện nghiệp, bố thí, đa văn, tư duy, trì giới giúp thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; vì sức trì giới lớn nên tổng quát gọi là Giới Ba-la-mật. Vì sao? Vì ở trong cõi Dục, việc trì giới là trên hết, còn việc bố thí, đa văn, tư duy, tu tập trí tuệ, vì tâm ở cõi Dục tán loạn nên đắc lực mỏng manh. Như trong A-tỳ-đàm nói: Pháp để ra khỏi sự trói buộc vào cõi Dục, Sắc và Vô Sắc chính là thiền định thanh tịnh; pháp học, vô học, và Niết-bàn, Bồ-tát cho việc trì giới v.v... ấy không hướng đến Thanh văn, Bích-chi Phật địa, chỉ an trú trong Giới Ba-la-mật, không cướp mạng sống của chúng sinh cho đến không trụ trong tà kiến; đó là Giới trợ đạo, đầy đủ mười giới thiện đạo. Bồ-tát trú trong hai thứ giới ấy mà bố thí cho chúng sinh. Nếu cần ăn cho ăn v.v... như trong phẩm đầu đã nói rõ. Và đều đem phước ấy hồi hướng đến Phật đạo, không hướng đến Nhị thừa. Vì sao? Vì Bồ-tát có hai thứ phá giới: Một là làm mười bất thiện đạo; hai là hướng tới Thanh văn, Bích-chi Phật địa, trái với hai thứ ấy là hai thứ trì giới.

Được Nhẫn Ba-la-mật là, Bồ-tát ở trong Giới Ba-la-mật muốn đầy đủ Nhẫn nhục Ba-la-mật. Nếu có chúng sinh đi đến cắt xẻo thân thể từng mảnh đem đi, cho đến Bồ-tát không sinh một niệm giận, huống gì khởi lên thân, khẩu, ác nghiệp.

Hỏi: Nhẫn nhục là đối với hết thảy việc xâm hại đều nhẫn được, cớ gì chỉ nói nhẫn trước việc cắt xẻo thân thể?

Đáp: Vật được ưa đắm có trong, có ngoài. Trong là tự thân đầu, mắt, tủy, não v.v...; ngoài là vợ con, châu báu v.v... tuy đều là vật ưa đắm, nhưng vật ưa đắm bên trong sâu hôn. Có người nói tham đắm theo của cải mà chết, ấy cũng là thân. Lại, người ta phần nhiều tiếc thân, có khi tiếc của, vì tiếc của ít nên không nói. Lại, người ấy còn không tiếc thân, huống gì tiền của! Thế nên chỉ nói việc lớn là đủ nhiếp việc nhỏ.

Hỏi: Bồ-tát cho đến không sinh một niệm giận, đó là đối với thân biến hóa hay là đối với thân cha mẹ sinh? Nếu đối với thân biến hóa thì không có gì kì lạ; nếu đối với thân cha mẹ sinh thì người chưa đoạn kiết sử, làm sao không sinh một niệm giận được?

Đáp: Có người nói: Do phiền não nghiệp làm nhân duyên sinh thân, Bồ-tát trong vô lượng kiếp vì chúng sinh mà ưa tu tập tâm từ, dầu có bị cắt xẻ cũng không giận, như cha mẹ lành nuôi con dại, tuy nó đái ỉa trên thân,

vì lòng quá thương yêu mà không giận, lại thương nó không biết gì, Bồ-tát đối với chúng sinh cũng như vậy, những người chưa được Thánh đạo đều như trẻ nít, ta là Bồ-tát, nên sinh tâm từ như cha mẹ, dầu chúng sinh có gây ác đến với ta, ta không nên giận. Vì sao? Vì chúng sinh bị phiền não sai sử, không được tự tại.

Lại nữa, Bồ-tát từ vô lượng kiếp, lại đây thường tu pháp rốt ráo không, không thấy người hại, người mắng, người lành, người dữ, hết thảy đều như huyễn, như mộng; những người sân giận đều là vô minh; nếu ta đáp trả họ, thời ta với họ không khác.

Lại nữa, Bồ-tát nghĩ rằng: Chỗ đáng giận mà ta không giận thì là lợi lớn.

Được Tinh tấn Ba-la-mật là ở trong Giới Ba-la-mật phần nhiều là hạng người xuất gia, thỉnh thoảng có hạng người tại gia. Hết thảy người xuất gia đều được vô lượng giới luật nghi, đầy đủ bốn mươi thứ thiên đạo, sâu vào thật tướng các pháp, vượt qua Thanh văn, Bích-chi Phật địa. ba thứ giới ấy gọi là Giới Ba-la-mật. Người tại gia không có vô lượng giới luật nghi, thế nên không đầy đủ ở trong Giới Ba-la-mật. Bồ-tát nghĩ rằng: Ta nay bỏ cái vui thế gian mà vào đạo, không thể chỉ trú ở trì giới, vì trì giới là trú xứ của các công đức khác; nếu chỉ được trú xứ, không được các công đức khác thì được lợi rất ít; thí như người ở trong hòn đảo châu báu mà chỉ lấy được ngọc thủy tinh thì lợi rất ít. Vì thế nên, Bồ-tát muốn đủ năm Ba-la-mật nên thân tâm siêng năng tinh tấn. Thân tinh tấn là đúng như pháp làm ra của cải dùng đem bố thí; tâm tinh tấn là các ác tâm xan, tham v.v... hiện đến phá sáu Ba-la-mật, không để cho vào. Được hai thứ tinh tấn ấy rồi, nên nghĩ rằng: Hết thảy chúng sinh chìm đắm trong sinh tử, ta nên cứu vớt, đặt lên chỗ cam lồ, người Thanh văn chỉ độ một thân còn không nên giải đãi, huống gì Bồ-tát độ mình, độ chúng sinh mà giải đãi; vì lẽ ấy nên ta không nên giải đãi, phế bỏ; tuy thân khổ nhọc mà tâm không nên ngừng. Vì sao? Vì pháp Đại thừa này nếu không vận dụng thời bị bại hoại.

Được Thiền Ba-la-mật là, Bồ-tát ở trong Giới Ba-la-mật hoặc vì chưa được pháp Vô sinh nhẫn nên gió phiền não thổi động cây đại nguyện, muốn phá hoại Giới Ba-la-mật ấy. Bấy giờ nên cầu cái vui thiền định, trừ bỏ cái vui năm dục lạc; cái vui năm dục trừ, nên giới được thanh tịnh, phiền não tuy chưa dứt hết, cũng đã bị nhiếp phục nên không thể gây loạn. Thí như rắn độc, vì bị sức chú thuật nên độc không thể phun nhằm. Thiền là bốn thiền, bốn định vô sắc, bốn tâm vô lượng. Bồ-tát được thiền, tâm tuy mềm dịu song vì an trú trong Giới Ba-la-mật nên cũng không thủ lấy Thanh văn,

Bích-chi Phật địa. Bồ tát nghĩ rằng: Ta nên tu Thiền Ba-la-mật, không vì Niết-bàn Tiểu thừa, cũng không vì quả báo, chỉ vì độ chúng sinh nên nói thật tướng các pháp. Trí thật tướng ấy từ thiền định sinh, tâm ấy không bị giác quan làm lay động, cũng không bị tham dục, sân nhuế làm ô trược, buộc tâm một nơi thanh tịnh, mềm dịu, thời phát sinh thật trí. Như nước đứng lặn thì chiếu sáng phân minh. Bồ-tát ở trong Giới Ba-la-mật được thiền ấy, được thiền định nên tâm thanh tịnh; tâm thanh tịnh nên biết các pháp như thật. Pháp hữu vi do nhân duyên hòa hợp sinh, hư dối. Bồ-tát lấy mắt tuệ quán sát không thấy pháp hữu vi ấy có thật. Pháp hữu vi có nhiều tên gọi là tác pháp, hữu vi, số pháp, tướng pháp, hoặc có hoặc không, vì hữu vi nên có thể nói vô vi; tướng hữu vi còn không thể có được, huống gì vô vi.

Hỏi: Pháp hữu vi là có tướng, pháp vô vi là không tướng, nay sao trong pháp hữu vi lại nói không có tướng?

Đáp: Vô vi có hai thứ: Một là tịch diệt không có tướng, không có hý luận, như Niết-bàn; hai là đối đãi nhau, không có nhơn nơi có mà sanh. Như ở tại miếu đường không có con ngựa, có thể sinh vô tâm, vô tâm ấy là nhơn duyên sinh phiền não, làm sao là pháp vô vi được? Vì Bồ-tát không thấy pháp có không, chỉ thấy các pháp như, pháp tánh, thật tế.

Hỏi: Ông trước nói lìa "có" thì không có "không" nay sao nói thấy như, pháp tánh, thực tế?

Đáp: Không thấy pháp hữu vi hoặc thường, lạc, ngã, tịnh, pháp hư dối ấy nếu không có, tức là pháp thật. Vì thấy pháp vô sinh nên có thể xa lìa pháp hữu sinh; pháp vô sinh ấy không có định tướng có thể thủ đắc, chỉ có khả năng khiến người ta xa lìa pháp hữu sinh hư dối, nên gọi là vô sinh. Nếu có được trí tuệ như vậy, lại do sức phương tiện và bổn nguyện bi tâm nên không thủ chứng Nhị thừa mà thẳng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; ấy gọi là Bồ-tát ở trong Giới Ba-la-mật được đầy đủ năm Ba-la-mật.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 81

GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI TÁM (Tiếp): SÁU ĐỘ THU NHIẾP NHAU

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Nhẫn Ba-la-mật nhiếp thủ Thí Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, ở khoảng trung gian ấy nếu có chúng sinh đi đến, sân giận, mắng nhiếc hoặc cắt từng chi phần mà Bồ-tát vẫn nhẫn nhục, nghĩ rằng: Ta nên bố thí cho tất cả chúng sinh, chẳng nên không cho: Cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cho đến mọi vật cần dùng để nuôi sống đều cho hết. Đem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát ấy trong khi hồi hướng, không sinh hai tâm, nghĩ rằng: Ai hồi hướng? Hồi hướng đến chỗ nào? Thế là Bồ-tát trú trong Nhẫn nhục Ba-la-mật nhiếp thủ Thí Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Nhẫn nhục Ba-la-mật nhiếp thủ Giới Ba-la-mật ?

Phật dạy: Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, ở khoảng trung gian ấy trọn không cướp mạng kẻ khác, không lấy của không cho, cho đến không tà kiến, cũng không tham địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật. Đem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát ấy trong khi hồi hướng không sinh ba tâm nghĩ rằng: Ai hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Dùng pháp gì hồi hướng? Hồi hướng đến chỗ nào? Ấy là Bồ-tát trú trong Nhẫn Ba-la-mật nhiếp thủ Giới Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Nhẫn Ba-la-mật nhiếp thủ Tinh tấn Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát trú trong Nhẫn Ba-la-mật sinh tâm tinh tấn nghĩ rằng: Ta sẽ đi qua một do tuần, hoặc mười do tuần, hoặc ngàn, vạn, ức do tuần, qua một thế giới, cho đến qua trăm, ngàn, vạn, ức thế giới, giáo hóa chúng sinh, cho đến dạy một người khiến thọ trì năm giới; huống gì dạy

khiến được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, Bích-chi Phật đạo, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ấy là Bồ-tát trú trong Nhẫn Ba-la-mật nhiếp thủ Tinh tấn Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Nhẫn Ba-la-mật nhiếp thủ Thiền Ba-la-mật ?

Phật dạy: Bồ-tát trú trong Nhẫn Ba-la-mật, lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán; lìa dục sinh hỷ lạc vào sơ thiền, cho đến vào đệ tứ thiền; ở trong các thiền ấy tịnh tâm tâm số pháp đều hồi hướng về Nhất thiết trí. Trong khi hồi hướng, Bồ-tát ấy đối với các thiền và thiền chi đều không thể có được. Ấy là Bồ-tát trú trong Nhẫn Ba-la-mật nhiếp thủ Thiền Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Nhẫn Ba-la-mật nhiếp thủ Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát trú trong Nhẫn Ba-la-mật quán các pháp hoặc tướng lìa, hoặc tướng tịch diệt, hoặc tướng vô tận; không do tướng tịch diệt thủ chứng cho đến ngồi đạo tràng được trí Nhất thiết chủng; từ đạo tràng đứng dậy, chuyển bánh xe pháp. Ấy là Bồ-tát trú trong Nhẫn Ba-la-mật nhiếp thủ Bát-nhã Ba-la-mật, vì không lấy, không bỏ.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Tấn Ba-la-mật nhiếp thủ Thí Ba-la-mật ?

Phật dạy: Bồ-tát trú trong Tấn Ba-la-mật, thân tâm tinh tấn, không giải đãi, không ngừng nghỉ, nghĩ rằng: Ta chắc chắn sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không thể không được. Bồ-tát ấy vì lợi ích chúng sinh mà đi qua một do tuần, hoặc trăm, ngàn, vạn, ức do tuần; hoặc qua một thế giới; hoặc qua trăm, ngàn, vạn, ức thế giới, trú trong Tấn Ba-la-mật, hoặc không gặp được một người để giáo hóa khiến vào Phật đạo, hoặc vào Thanh-văn đạo, hoặc Bích-chi Phật đạo; hoặc gặp được một người giáo hóa khiến tu mười thiện đạo, tinh tấn không giải đãi, khiến nhiếp thủ pháp thí và tài thí. Đem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không hồi hướng đến Thanh-văn, Bích-chi Phật. Ấy là Bồ-tát trú trong Tấn Ba-la-mật nhiếp thủ Thí Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Tấn Ba-la-mật nhiếp thủ Giới Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát trú trong Tấn Ba-la-mật, từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, tự mình không sát sinh, không dạy người sát, tán

thán việc không sát sinh, hoan hỷ tán thán người không sát sinh; cho đến tự mình xa lìa tà kiến, dạy người khác xa lìa tà kiến, tán thán việc không tà kiến, hoan hỷ tán thán người không tà kiến. Bồ-tát ấy trú trong Giới Ba-la-mật, không cầu phước báo ở cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; không cầu địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật. Đem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không sinh ba tâm: Không thấy người hồi hướng, không thấy pháp hồi hướng, không thấy chỗ hồi hướng. Ấy là Bồ-tát trú trong Tấn Ba-la-mật nhiếp thủ Giới Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Tấn Ba-la-mật nhiếp thủ Nhẫn Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát trú trong Tấn Ba-la-mật, từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, ở khoảng trung gian ấy hoặc người, hoặc phi nhân đi đến cắt từng chi phần. Bồ-tát nghĩ rằng: Kẻ cắt ta là ai? Kẻ xẻo ta là ai? Kẻ cướp ta là ai? Lại nghĩ rằng: Ta dược thiện lợi lớn. Ta vì chúng sinh nên thọ thân, chúng sinh lại tự đi đến nhận lấy. Khi ấy Bồ-tát nhớ nghĩ một cách chân chánh thật tướng các pháp. Đem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không hồi hướng đến địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật. Ấy là Bồ-tát trú trong Tấn Ba-la-mật nhiếp thủ Nhẫn Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Tấn Ba-la-mật nhiếp thủ Thiền Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát trú trong Tấn Ba-la-mật, lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán; lìa dục sinh hỷ lạc vào sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền; vào từ, bi, hỷ, xả, cho đến vào Phi-hữu-tưởng, Phi-vô-tưởng xứ; không đem thiền vô lượng, định vô sắc ấy, lãnh thọ quả báo, mà sinh đến nơi làm lợi ích chúng sinh; đem sáu Ba-la-mật thành tựu chúng sinh; từ một cõi Phật đến một cõi Phật thân cận cúng dường chư Phật, gieo trồng căn lành. Ấy là Bồ-tát trú trong Tấn Ba-la-mật nhiếp thủ Thiền Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Tấn Ba-la-mật nhiếp thủ Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát trú trong Tấn Ba-la-mật, không thấy pháp Thí Ba-la-mật, không thấy tướng Thí Ba-la-mật, cho đến không thấy pháp Thiền Ba-la-mật, không thấy tướng Thiền Ba-la-mật; bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng; cũng không thấy pháp, cũng không thấy tướng;

không thấy pháp, phi pháp, phi phi pháp; đối với pháp không còn dính mắc. Bồ-tát ấy làm đúng như nói. Ấy là Bồ-tát trú trong Tấn Ba-la-mật nhiếp thủ Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Thiền Ba-la-mật nhiếp thủ Thí Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát trú trong Thiền Ba-la-mật, lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán; lìa dục sinh hỷ lạc vào sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền; vào từ, bi, hỷ, xả cho đến vào Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ; ở trong Thiền Ba-la-mật tâm không tán loạn, thực hành tài thí và pháp thí cho chúng sinh. Tự thực hành hai thí, dạy người khác thực hành hai thí, tán thán pháp hai thí, hoan hỷ tán thán người thực hành hai thí. Đem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không hồi hướng đến địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật. Ấy là Bồ-tát trú trong Thiền Ba-la-mật nhiếp thủ Thí Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Thiền Ba-la-mật nhiếp thủ Giới Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát trú trong Thiền Ba-la-mật không sinh tâm dâm dục, sân giận, ngu si; không sinh tâm não loạn người khác, chỉ tu tâm tương ưng với Nhất thiết trí. Đem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không hồi hướng đến địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật. Ấy là Bồ-tát trú trong Thiền Ba-la-mật nhiếp thủ Giới Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Thiền Ba-la-mật nhiếp thủ Nhẫn Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát trú trong Thiền Ba-la-mật, quán sắc như bọt nước; quán thọ như bóng nước; quán tưởng như sóng nắng; quán hành như cây chuối; quán thức như huyễn; trong khi quán thấy năm uẩn không bền chắc, nghĩ rằng: Kẻ cắt ta là ai? Kẻ xẻo ta là ai? Ai thọ? Ai tưởng? Ai hành? Ai thức? Ai máng? Ai chịu mắng? Ai sinh sân hận? Ấy là Bồ-tát trú trong Thiền Ba-la-mật nhiếp thủ Nhẫn Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Thiền Ba-la-mật nhiếp thủ Tấn Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát trú trong Thiền Ba-la-mật, lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán; lìa dục sinh hỷ lạc vào sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền; từ các thiền và thiền chi ấy, chấp thủ tướng, sinh các thần thông như: Đi trên nước, đi trên đất; vào đất như vào nước; có thiên nhó nghe hai thứ tiếng: Tiếng trời, tiếng người, biết tâm kẻ khác hoặc thu

nhiếp, hoặc tán loạn, cho đến tâm có thượng, tâm vô thượng; nhớ biết các đời trước; có thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt người, thấy chúng sinh cho đến thọ quả báo như nghiệp đã tạo. Bồ-tát trú trong năm thần thông ấy, từ

một cõi Phật đi đến một cõi Phật, thân cận cúng dường chư Phật, gieo trồng căn lành, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật. Đem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh cùng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ấy là Bồ-tát trú trong Thiền Ba-la-mật nhiếp thủ Tấn Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Thiền Ba-la-mật nhiếp thủ Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát trú trong Thiền Ba-la-mật không được sắc, không được thọ, tưởng, hành, thức; không được Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật; không được bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng; không được tính hữu vi, không được tính vô vi. Vì không được nên không làm, không làm nên không sinh, không sinh nên không diệt. Vì sao? Vì dù có Phật hay không có Phật thì như như, pháp tướng, pháp tính thường trú ấy vẫn chẳng sinh, chẳng diệt; thường nhất tâm tu hành tương ưng với Nhất thiết trí. Ấy là Bồ-tát trú trong Thiền Ba-la-mật nhiếp thủ Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Bát-nhã Ba-la-mật nhiếp thủ Thí Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát trú trong Bát-nhã Ba-la-mật, nội không, nội không chẳng thể có được, ngoại không, ngoại không chẳng thể có được; nội ngoại không, nội ngoại không chẳng thể có được; không không, không không chẳng thể có được, cho đến hết thảy pháp không, hết thảy pháp không chẳng thể có được. Bồ-tát trú trong mười bốn không ấy không thấy tướng sắc hoặc không, hoặc chẳng không, không thấy tướng thọ, tưởng, hành, thức hoặc không, hoặc chẳng không; không thấy tướng bốn niệm xứ hoặc không, hoặc chẳng không, cho đến không thấy tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hoặc không, hoặc chẳng không; không thấy tính hữu vi, tính vô vi hoặc không, hoặc chẳng không. Bồ-tát như vậy trú trong Bát-nhã Ba-la-mật, có bố thí gì, hoặc ăn uống, y phục, đồ nuôi sống, thì quán việc bố thí ấy là không. Không những gì? Là người bố thí, người nhận thí và vật bố thí không, không sinh tâm xan lẫn. Vì sao? Vì Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, không có vọng tưởng phân biệt. Như chư Phật khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không có tâm lẫn tiếc. Bồ-tát cũng như vậy, khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, không có tâm lẫn tiếc, cái mà Bồ-tát tôn quý, là Bát-nhã Ba-la-mật. Ấy là Bồ-tát trú trong Bát-nhã Ba-la-mật nhiếp thủ Thí Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Bát-nhã Ba-la-mật nhiếp

thủ Giới Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát trú trong Bát-nhã Ba-la-mật không sinh tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật. Vì sao? Vì Thanh-văn, Bích-chi Phật đối với Bồ-tát ấy không thể có được; tâm hướng đến Thanh-văn, Bích-chi Phật cũng không thể có được. Bồ-tát ấy từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, ở khoảng trung gian ấy, tự mình không sát sinh, không dạy người sát sinh, tán thán việc không sát sinh, hoan hỷ tán thán người không sát sinh, cho đến tự mình không tà kiến, dạy người không tà kiến, tán thán pháp không tà kiến, hoan hỷ tán thán người không tà kiến. Việc trì giới ấy không có pháp khả thủ hoặc địa vị Thanh-văn, hoặc Bích-chi Phật, huống gì pháp khác! Ấy là Bồ-tát trú trong Bát-nhã Ba-la-mật nhiếp thủ Giới Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Bát-nhã Ba-la-mật nhiếp thủ Nhẫn Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát trú trong Bát-nhã Ba-la-mật tùy thuận pháp nhẫn sinh, nghĩ rằng: Trong pháp ấy không có gì, hoặc khởi, hoặc diệt, hoặc sinh, hoặc tử, hoặc chịu lời mắng nhiếc, hoặc chịu lời nói dữ, hoặc cắt, hoặc xẻ, hoặc phá, hoặc trói, hoặc đánh, hoặc giết. Bồ-tát ấy từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, nếu chúng sinh đi đến mắng nhiếc, nói dữ; dùng dao gậy, ngói đá cắt, xẻ làm thương hại, thì tâm không lay động, nghĩ rằng: Thật quái lạ, trong đó không có cái gì chịu mắng nhiếc, nói dữ, cắt xẻ, làm thương hại, mà chúng sinh vẫn chịu các khổ não. Ấy là Bồ-tát trú trong Bát-nhã Ba-la-mật nhiếp thủ Nhẫn Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Bát-nhã Ba-la-mật nhiếp thủ Tấn Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát trú trong Bát-nhã Ba-la-mật, vì chúng sinh thuyết pháp, khiến tu Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật; dạy khiến tu bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo; dạy khiến được quả Tu-đà-hoàn cho đến đạo Bích-chi Phật; dạy khiến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không trú trong tính hữu vi, không trú trong tính vô vi. Ấy là Bồ-tát trú trong Bát-nhã Ba-la-mật nhiếp thủ Tấn Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong Bát-nhã Ba-la-mật nhiếp thủ Thiền Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát trú trong Bát-nhã Ba-la-mật, trừ tam-muội của chư Phật, vào được hết thảy tam-muội khác, hoặc của Thanh-văn, hoặc của Bích-chi Phật, hoặc của Bồ-tát; đều thực hành, đều vào được. Bồ-tát ấy trú trong các tam-muội thuận và nghịch, ra và vào tám bội xả. Những gì là tám? Bên trong có sắc tướng, bên ngoài quán sắc, đó là bội xả đầu; bên

trong không có sắc tướng, bên ngoài quán sắc, là bội xả hai; bội xả thanh tịnh, tự thân tác chứng, là bội xả ba; qua khỏi hết thảy sắc tướng, diệt tướng có đối đãi, không nghĩ đến các tướng, vào vô lượng Hư không xứ, là bội xả bốn; qua khỏi Hư không xứ, vào vô biên thức xứ, là bội xả năm; qua khỏi Thức xứ, vào Vô sở hữu xứ, là bội xả sáu; qua khỏi Vô sở hữu xứ, vào Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ, là bội xả bảy; qua khỏi Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ, vào Diệt thọ tưởng xứ, là bội xả tám. Đối với tám bội xả ấy, thuận hoặc nghịch, ra vào chín thứ đệ định. Những gì là chín? Lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán, lìa dục, sinh hỷ lạc vào sơ thiền, cho đến qua khỏi Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ, vào Diệt thọ tưởng định; ấy gọi là chín thứ lớp định, hoặc thuận hoặc nghịch, ra vào. Bồ-tát ấy nương tám bội xả, chín thứ lớp định, vào pháp tam-muội Sư tử phấn tấn. Thế nào gọi là tam-muội Sư tử phấn tấn? Đó là Bồ-tát lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán, lìa dục sinh hỷ lạc vào Sơ thiền, cho đến vào Diệt thọ tưởng định; từ Diệt thọ tưởng định khởi lên, trở lại vào Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ; từ Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ khởi lên, trở lại vào cho đến Sơ thiền. Ấy là Bồ-tát nương pháp tam-muội Sư tử phấn tấn, vào tam-muội Siêu Việt. Thế nào là tam-muội Siêu việt? Đó là Bồ-tát lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán, lìa dục sinh hỷ lạc vào Sô thiền; từ Sô thiền khởi dậy, vào cho đến Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ; từ Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ khởi dậy, vào Diệt thọ tưởng định; tử Diệt thọ tưởng định khởi dậy, trở vào Sơ thiền; từ Sơ thiền khởi dậy, vào Diệt thọ tưởng định; từ Diệt thọ tưởng định khởi dậy, vào Nhị thiền; từ Nhị thiền khởi dậy vào Diệt thọ tưởng định; từ Diệt thọ tưởng định khởi dậy, vào Tam thiền; từ Tam thiền khởi dậy, vào Diệt thọ tưởng định; từ Diệt thọ tưởng định khởi dậy, vào Tứ thiền; từ Tứ thiền khởi dậy, vào Diệt thọ tưởng định; từ Diệt thọ tưởng định khởi dậy, vào Không xứ; từ Không xứ khởi dậy, vào Diệt thọ tưởng định; từ Diệt thọ tưởng định khởi dậy, vào Thức xứ; từ Thức xứ khởi dậy, vào Diệt thọ tưởng định; từ Diệt thọ tưởng định khởi dậy, vào Vô sở hữu xứ; từ Vô sở hữu xứ khởi dậy, vào Diệt thọ tưởng định; từ Diệt thọ tưởng định khởi dậy vào phi hữu tướng Phi-vô-tưởng xứ; từ Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ khởi dậy, vào Diệt thọ tưởng định; từ Diệt thọ tưởng định khởi dậy vào trong tán tâm; từ trong tán tâm khởi dậy, vào Diệt thọ tưởng định; từ Diệt thọ tưởng định khởi dậy trở lại vào trong tán tâm; từ trong tán tâm khởi dậy vào Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ; từ Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ khởi dậy trở lại trú trong tán tâm; từ trong tán tâm khởi dậy vào Vô sở hữu xứ; từ Vô sở hữu xứ khởi dậy trú trong tán tâm; từ trong tán tâm khởi dậy, vào Thức xứ; từ Thức xứ khởi dậy trú trong tán tâm; từ trong tán

tâm khởi dậy, vào Không xứ; từ Không xứ khởi dậy trú trong tán tâm, từ trong tán tâm khởi dậy, vào đệ Tứ thiền; từ trong đệ Tứ thiền khởi dậy trú trong tán tâm; từ trong tán tâm khởi dậy, vào đệ Tam thiền; từ trong đệ Tam thiền khởi dậy trú trong tán tâm; từ trong tán tâm khởi dậy, vào đệ Nhị thiền; từ trong đệ Nhị thiền khởi dậy trú trong tán tâm; từ trong tán tâm khởi dậy, vào Sô thiền; từ trong Sô thiền khởi dậy trú trong tán tâm. Bồ-tát ấy trú trong tam-muội Siêu việt được thật tướng các pháp. Ấy là Bồ-tát trú trong Bát-nhã Ba-la-mật nhiếp thủ Thiền Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Cớ sao chỉ một Ba-la-mật làm chủ?

Đáp: Nhân duyên tu hành có thứ lớp phải vậy. Bồ-tát có hai hạng: Tại gia và xuất gia. Bồ-tát tại gia nhờ có phước đức nên giàu lớn, nhân giàu lớn nên cầu Phật đạo, tu các Ba-la-mật. Trước tiên nên tu bố thí. Vì sao? Vì đã có tài vật, lại biết tội phước, lại có tâm từ bi đối với chúng sinh nên trước tiên tu hạnh bố thí rồi, theo thứ lớp nhân duyên tu các Ba-la-mật khác. Bồ-tát xuất gia vì không có tài vật, theo thứ lớp nên tu trì giới, nhẫn nhục, thiền định, vì thích nghi nên gọi làm chủ. Trừ tài thí, các Ba-la-mật khác, người xuất gia nên thực hành. Bồ-tát lấy Nhẫn Ba-la-mật làm chủ, nguyện rằng: Nếu có người đến cắt xẻo thân thể tôi, không nên sinh tâm giận. Nay tôi tu đạo Bồ-tát, nên nhiếp thủ các Ba-la-mật. Trong các Ba-la-mật, bố thí đứng đầu. Trong việc bố thí, vật quí trọng, thương tiếc nhất không gì qua thân thể, mà có thể đem thí cho người, không tiếc, không giận. Như vậy, đầy đủ Nhẫn nhục Ba-la-mật nhiếp thủ bố thí. Bồ-tát trú trong nhẫn nhục, bố thí cho chúng sinh cơm áo, đồ vật, lại bị người nhận thí mắng ngược lại, đánh đập Bồ-tát, muốn phá sự nhẫn nhục trong khi bố thí. Bồ-tát nghĩ rằng: Ta không nên vì cái thân hư dối mà phá hủy đạo Ba-la-mật. Ta nên bố thí, không nên sinh tâm ác, không vì một chút ác nhỏ mà thối mất. Bồ-tát ấy trong khi mạng sắp hết càng tăng thêm tâm bố thí. Nếu khi mạng chung, nhờ có sức hai Ba-la-mật kia, nên liền sinh vào chỗ tốt, tiếp tục bố thí.

Nhiếp thủ Giới Ba-la-mật là:

Hỏi: Trong khi nhẫn nhục, không làm ác tức là giới, cớ gì còn nói trú trong nhẫn nhục nhiếp thủ Giới Ba-la-mật, mà nên trú giới để nhiếp thủ nhẫn thì đúng hơn?

Đáp: Trong đây nói về tướng chứ không nói về thứ lớp phát sinh. Tuy hòa hợp mà mỗi tướng có khác nhau. Nếu theo thứ lớp thì phải trước giới sau nhẫn. Giới là không cướp mạng người, nhẫn là không tiếc mạng mình; thế nên trong nhẫn nhục riêng nói tướng giới.

Lại nữa, nhẫn là tự thu nhiếp tâm mình, không khởi lên sân hận; còn

trì giới có hai: Một là không não hại chúng sinh; hai là tự mình làm, vì là cội gốc sinh ra thiền định. Có vị Bồ-tát tu nhẫn nhục mà chưa thọ trì giới pháp, chỉ do sợ tội nên nhẫn nhục, chưa thể vì thương xót chúng sinh. Người ấy hoặc theo thầy nghe, hoặc tự suy nghĩ: Trì giới là nhân duyên của Phật đạo, không nhiễu hại chúng sinh. Ta nay đã có thể nhẫn nhục, thì tu trì giới là việc dễ; ấy là nhẫn nhục có thể nhiếp thủ Giới Ba-la-mật.

Lại nữa, nhẫn nhục là tâm số pháp; trì giới là sắc pháp: Trì giới là tâm sinh, miệng nói để thọ trì, còn nhẫn nhục thì chỉ là tâm sinh, chẳng phải thọ trì.

Lại nữa, thân và miệng thanh tịnh gọi là trì giới; ý thanh tịnh gọi là nhẫn nhục.

Hỏi: Thiền và Trí Ba-la-mật cũng là tâm thanh tịnh, cớ gì chỉ nói nhẫn nhục?

Đáp: Thiền và trí sức lớn cho nên không nói. Trong khi trì giới, tâm chưa được thanh tịnh, cần phải có nhẫn nhục để giữ tâm. Trong kinh này tự nói nhân duyên: Có Bồ-tát có công đức và trí tuệ lợi căn lớn, đối trước Phật hiện tại phát tâm tu các Ba-la-mật, thế nên đời đời tăng trưởng cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không bị đọa ác xứ. Vị Bồ-tát ấy từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng không sinh tâm giận, cướp mạng chúng sinh, cũng không đắm Nhị thừa. Đó là công đức của hai Ba-la-mật, lìa ba thứ tâm, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ba tâm ấy là: Không có người, không có pháp, không có chỗ hồi hướng, không có tâm chấp ngã, tâm điên đảo.

Nhiếp thủ Tấn Ba-la-mật là: Hoặc tự mình chứa nhóm công đức, hoặc vì độ chúng sinh mà phát tâm không giải đãi, cho đến thành tựu mọi việc; nếu có nhân duyên chướng đạo thì tâm không nghi, không thối, kham chịu mọi khổ, không lấy việc khổ nhọc lâu ngày làm khó. Như trong kinh nói: Bồ-tát ấy cho đến đi qua ngàn vạn do tuần, nếu không gặp được một người để dạy tiến vào thật pháp được Niết-bàn thì khi ấy tâm cũng không sầu; nếu gặp được một người dạy khiến trì ngũ giới thì bấy giờ tâm hoan hỷ, không nghĩ rằng: Ta vượt qua vô lượng quốc độ ấy mà chỉ gặp được một người này, nên cho là sầu khổ. Vì sao?

Vì tướng một người tức là tướng hết thảy người, tướng hết thảy người là tướng một người, vì tướng các pháp không hai.

Nhiếp thủ Thiền Ba-la-mật là: Bồ-tát ấy nhờ sức nhẫn nhục nên tâm được điều hòa nhu nhuyến; tâm điều hòa nhu nhuyến nên dễ được thiền định; ở trong thiền định được tâm tâm số pháp thanh tịnh và từ, bi, hỷ, xả;

đều đem tâm không chấp trước hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nhiếp thủ Bát-nhã Ba-la-mật là: Bồ-tát trú trong chúng sinh nhẫn, nhẫn mọi điều ác của chúng sinh đưa đến, tu đại từ bi; vì thế nên được phước đức lớn. Được phước đức lớn tâm nhu nhuyến nên dễ được pháp nhẫn, nghĩa là hết thảy pháp rốt ráo vô sinh. Trú trong pháp nhẫn ấy quán hết thảy pháp tướng không, tướng lìa, tướng vô tận tịch diệt như tướng Niết-bàn; bấy giờ trở lại tăng trưởng chúng sinh nhẫn, ở trong rốt ráo không như vậy, thì ai là người mắng, ai là người bị hại? Khi ấy nhiếp thủ hai nhẫn, không thấy ba việc là pháp nhẫn, người nhẫn và chỗ nhẫn. Vì không hý luận hết thảy pháp như vậy, nên có thể thấy hết thảy pháp tướng không, tịch diệt như Niết-bàn. Vì bản nguyện cầu Phật đạo nên không đắm vào pháp rốt ráo không ấy, cho đến khi chưa ngồi đạo tràng không thủ chứng Niết-bàn. Khi đã ngồi đạo tràng, nhiếp thủ Phật pháp, được Phật đạo, chuyển Pháp luân tùy ý làm lợi ích chúng sinh. Những việc như vậy đều do sức Bát-nhã Ba-la-mật.

Trú trong Tấn Ba-la-mật nhiếp thủ Thí Ba-la-mật là: Bồ-tát ban đầu dùng cửa tinh tấn để vào trong các Ba-la-mật, siêng tu năm Ba-la-mật, thân tâm tinh tấn không ngừng nghỉ, không đổi khác. Ở trong tinh tấn ấy không sợ khổ địa ngục A-tỳ, huống gì khổ khác? Bồ-tát cũng biết hết thảy pháp rốt ráo không, từ rốt ráo không khởi xuất, vì tâm từ bi nên trở lại làm các thiện nghiệp mà không chứng Niết-bàn; ấy là sức tinh tấn. Bồ-tát ở trong tinh tấn nên nghĩ rằng: Ta lâu xa chắc sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không thể không được. Người ấy đi qua một do tuần, cho đến trăm ngàn do tuần, dùng tài và pháp thí cho chúng sinh. Cho đến đi qua trăm, ngàn, vạn, ức quốc độ, giả sử không gặp được một người dễ dạy khiến vào ba thừa, tâm Bồ-tát cũng không hối, không nghi, không nghĩ rằng: Ta trải qua bấy nhiêu Phật độ mà không gặp được một người khả độ, thì làm sao độ hết thảy người? Trải qua trăm, ngàn quốc độ, hoặc gặp được một người dạy khiến tu mười thiện, không trúng vào ba thừa, không vì một người không ngộ được thật tướng mà ôm lòng khinh thường, hối hận. Lại nghĩ rằng: Ta nay khiến người đó tu mười thiện đạo, dần dần đem đạo lý ba thừa để độ thoát cho họ. Dạy tu mười thiện rồi lại đem tài và pháp bố thí đầy đủ cho chúng sinh, rồi đem công đức ấy hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thân tâm tinh tấn trải qua vô số quốc độ vì chúng sinh thuyết pháp.

Hỏi: Tất cả việc bố thí đều do tinh tấn, cớ gì chỉ nói tài và pháp thí

do tinh tấn phát sinh?

Đáp: Tuy tất cả việc bố thí đều do tinh tấn phát sinh, nhưng nghĩa đây nói do sức tinh tấn phát sinh nhiều hôn. Như kinh này nói: Trải qua trăm, ngàn quốc độ, đem hai việc bố thí đầy đủ cho chúng sinh.

Trú trong Tấn Ba-la-mật nhiếp thủ Giới Ba-la-mật là: Bồ-tát tu đủ mười thiện đạo gọi là Giới Ba-la-mật, hoặc từ các Ba-la-mật như nhẫn nhục v.v... phát sinh. Nếu Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, bỏ mười bất thiện đạo, tu bốn mươi thiện đạo không ngừng nghỉ thì ấy gọi là sức Tinh tấn Ba-la-mật. Có người chỉ một thứ thiện đạo không thể tu được, huống gì tu cả bốn thứ thiện đạo, cũng do Giới Ba-la-mật nên không sinh vào ba cõi, không thọ quả Nhị thừa. Chúng sinh vì tâm phiền não giải đãi nên sinh vào ba cõi, vì nhàm chán sinh tử nên bỏ Phật đạo, cầu chứng Tiểu thừa, đó đều là tướng giải đãi. Thế nên nói Bồ-tát không tham ba cõi, không cầu chứng Nhị thừa.

Trú trong Tấn Ba-la-mật nhiếp thủ Nhẫn Ba-la-mật là: Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, hoặc người hoặc phi nhân đi đến cắt xẻo thân thể mang đi. Bấy giờ Bồ-tát phá tâm điên đảo chấp ngã, vì thiện nghiệp rốt ráo không, nên nghĩ rằng: Trong đây không có người cắt xẻo, việc ấy đều là phàm phu hư dối trông thấy; ta được lợi lớn. Khi ta biết thật tướng các pháp, có thể vào Niết-bàn, nhưng vì thương xót chúng sinh nên thọ thân; chúng sinh tự đi đến mang đi, ta không nên tiếc. Bấy giờ thân nhập thật tướng các pháp, trong thật tướng ấy không có định tướng; chúng sinh tự sinh sợ hãi, đem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong đây hoặc có người mắng nhiếc, đánh hại đều có thể nhẫn được; ấy gọi là nhẫn; hoan hỷ không thối chuyển, ấy gọi là tinh tấn. Hai pháp ấy hoặc từ tinh tấn sinh nhẫn nhục, hoặc từ nhẫn nhục sinh tinh tấn. Đây nói từ tinh tấn sinh nhẫn nhục.

Trú trong Tấn Ba-la-mật nhiếp thủ Thiền Ba-la-mật là: Có người tự nhiên được thiền định, như trong thời kỳ kiếp tận. Hoặc có người khi thối chuyển được, khi sinh ra được, hoặc sinh ở thượng địa đến hạ địa được; tuy được thiền định như vậy không từ tinh tấn sinh. Có người nhân đại bố thí mà phá năm triền cái là tham dục v.v... liền được thiền định. Hoặc có người trì giới thanh tịnh, tu tập nhẫn nhục, nhân có tâm nhàm chán liền được thiền định. Hoặc có người do sức trí tuệ lớn, biết cõi Dục vô thường hư dối, bất tịnh, liền được thiền định; thiền định tuy cũng hư dối nhưng vẫn hôn ở cõi Dục. Tuy có tinh tấn như vậy, lại nhân nôi pháp khác được thiền định, nên không gọi là từ tinh tấn sinh. Có người không nhân nơi năm pháp làm chủ,

chỉ ngày đêm tinh tấn, kinh hành, tọa thiền, thường tranh đấu với tâm, do năm lực, tín, tấn, niệm, định, tuệ chế ngự đến cùng năm triền cái; nếu tâm dong ruổi liền thu nhiếp trở lại, như chiến đấu với giặc, cho đến đổ mồ hôi. Những người được thiền định như vậy là từ tinh tấn sinh. Hoặc có Bồ-tát độn căn, vì tội cũ che lấp mà đắm sâu cái vui thế tục, dong ruổi khó chế phục; người như vậy phải gia sức tinh tấn mới có thể được định. Thí như người có phước đức, an cư vô sự mà phước lộc tự đến; người phước mỏng siêng năng công việc, tranh đấu nhiều mới được. Người có phước tự nhiên được, gọi là phước đức tự đi đến; do siêng năng tranh đấu mới có được gọi là do tinh tấn mà được. Như vậy, mọi nơi tuy có tinh tấn nhưng theo nơi nhiều mà gọi tên.

Trú trong Tấn Ba-la-mật nhiếp thủ Bát-nhã Ba-la-mật là: Bồ-tát do sức tinh tấn nên được Thiền Ba-la-mật; được Thiền Ba-la-mật nên phát sinh thần thông. Do hai việc ấy dùng sức thần thông đi khắp mười phương, công đức chưa đầy đủ muốn làm cho đầy đủ; lại muốn giáo hóa chúng sinh. Trừ trí tuệ sinh ra từ bốn Ba-la-mật, các trí tuệ khác phần nhiều từ tinh tấn sinh, nên lấy tinh tấn làm chủ để nhiếp thủ trí tuệ. Bát-nhã Ba-la-mật có hai: Một là quán thật tướng các pháp, trong đó không thấy tướng pháp, không thấy tướng phi pháp; hai là tu hành đúng như nói. Người có tâm giải đãi không thể làm hai việc, nhờ có sức tinh tấn mới làm hai việc đầy đủ.

Trú trong Thiền Ba-la-mật làm chủ nhiếp thủ năm Ba-la-mật là: Bồ-tát trú trong Thiền Ba-la-mật tâm điều hòa nhu nhuyến, không lay động, có thể quán sát thật tướng các pháp; thí như trong nhà kín đốt đèn, ánh sáng tỏa chiếu; ấy gọi là ở trong Thiền Ba-la-mật phát sinh trí tuệ. Bấy giờ không não hại chúng sinh, lại gia tâm thương xót; ấy gọi là trì giới thanh tịnh và nhẫn nhục. Do sức thần thông biến hóa tài vật bố thí đầy đủ, lại khiến người biến hóa ấy nói pháp. Lại, Bồ-tát từ thiền khởi dậy, do tâm thanh tịnh nhu nhuyến vì chúng sinh thuyết pháp; ấy gọi là bố thí. Nhân sức thiền định phát khởi thần thông, đi khắp mười phương dẫn đạo lợi ích tất cả mà không giải đãi; ấy gọi là tinh tấn. Lại, nhân thiền định làm cho bốn Ba-la-mật được tăng ích; ấy gọi là từ thiền định sinh tinh tấn. Các nghĩa khác như trong kinh này đã nói rộng.

Trú trong Bát-nhã Ba-la-mật làm chủ nhiếp thủ năm Ba-la-mật là, như trong kinh này Phật tự nói rộng.

Hỏi: Tuy Phật nói rộng, mà trong ấy còn có người không hiểu, nên nay sẽ hỏi: Trong mười tám không, cớ gì chẳng nói bốn không cuối cùng?

Đáp: Cái không thứ mười bốn là Nhất thiết pháp không. Nói nhất

thiết tức là trùm khắp tất cả pháp, thế nên không nói.

Hỏi: Nếu như vậy, chỉ nên nói mười bốn, cớ gì lại có mười tám không?

Đáp: Trong kia phân biệt tất cả pháp tướng không, tất cả không đều tổng nhiếp vào mười tám không. Trong này vì hành giả mà nói. Hành giả hoặc tu một không, hai không, cho đến mười bốn không, tùy theo chỗ chấp trước nhiều hay ít. Có người chấp trước tà kiến sâu nặng, thì dùng bốn không còn lại. Vì cớ sao? Vì hữu pháp, vô pháp v.v... là tà kiến ngoại đạo. Bồ-tát tu từ bi tâm nhu nhuyến nên không sinh tà kiến chấp có, chấp không như vậy. Lại nữa, Bồ-tát lấy mười bốn không huân tập tâm, nên ở trong có và không rõ ràng không sai lầm. Thế nên không nói bốn không cuối cùng.

Hỏi: Cớ sao nói Bồ-tát giống như Phật, không có tâm tham trước; câu nói ấy có nghĩa gì?

Đáp: Phật dứt các phiền não tập khí, không còn sinh khởi, còn Bồ-tát do sức Bát-nhã chế phục, làm cho không khởi. Nay muốn tán thán sức Bát-nhã, nên tuy kiết sử chưa dứt mà sức Bát-nhã nơi Bồ-tát cùng với Phật đã dứt kiết sử không khác, để khiến người ta biết quý sức Bát-nhã mà phát tâm nghĩ rằng, trong đây không có pháp hoặc sinh, hoặc diệt, hoặc chịu sự mắng nhiếc, cắt xẻ.

Hỏi: Đây tức là vô sinh nhẫn, cớ sao lại nói là nhu thuận nhẫn?

Đáp: Trong đây nói cốt phá giả danh chúng sinh, do năm uẩn hòa hợp, chứ không thể phá pháp. Thế nên kinh nói: Không có kẻ sinh, diệt; không có ai chịu mắng nhiếc. Lại, người ấy phá ngã, tuy quán pháp không mà chưa thể thâm nhập, nên vẫn còn ưa đắm pháp. Như được vô sinh pháp nhẫn mà vẫn có tâm từ bi thương xót chúng sinh; ở trong nhu thuận nhẫn cũng có niệm về pháp không. Trong hai pháp ấy: Một là ở nơi chúng sinh không thể có được nên gọi là chúng sinh nhẫn; hai là ở nơi pháp không thể có được nên gọi là pháp nhẫn. Pháp nhẫn, không trở ngại chúng sinh nhẫn; chúng sinh nhẫn, không trở ngại pháp nhẫn, chỉ có sâu cạn khác nhau.

Hỏi: Tam-muội siêu việt không được siêu hai bậc, lại không từ tán tâm mà vào Diệt tận định, cớ gì trong đây nói như vậy?

Đáp: Pháp Đại, Tiểu thừa khác nhau: Không siêu hai bậc là trong pháp Tiểu thừa nói. Còn Bồ-tát có vô lượng phước đức và trí tuệ, thâm nhập thiền định nên có thể tùy ý siêu việt. Như lực sĩ người thì nhảy không quá vài trượng, nếu lực sĩ trời thì nhảy không kể gần xa. Lại, trong A-tỳ-đàm đều vì hàng phàm phu và Thanh-văn mà nói; Bồ-tát thì không vậy. Do lực trí tuệ vào tam-muội Sư tử phấn tấn, có thể tự tại đối với các pháp; do lực

Bát-nhã có thể tùy ý thuyết pháp tự tại, thích ứng với chúng sinh. Lại, có Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật nhiều, biết thật tướng các pháp an trú bất động, hết thảy thế gian trời, người không thể cật nạn làm khuynh động được. Nếu được tài vật thì bố thí cho hai hạng, hoặc là cúng dường cho Phật, hoặc thí cho chúng sinh, vì chúng sinh không nên tâm kia bình đẳng, không quý trọng chư Phật, không khinh dễ chúng sinh. Nếu thí cho người nghèo mà khinh dễ nên phước ít, nếu cúng dường cho Phật, mà vì đắm trước nên phước không đầy đủ. Nếu đem vàng bạc, vật báu và cỏ cây để bố thí, vì pháp không nên cũng bình đẳng không khác. Dứt các vọng tưởng phân biệt các pháp một hoặc khác, vào pháp môn không hai mà bố thí; ấy gọi là tài thí. Pháp thí cũng như vậy, không tham quý người có trí biết thọ pháp thí, không khinh chê người vô trí không biết pháp. Vì sao? Vì Phật pháp vô lượng, không thể nói, không thể nghĩ bàn. Như nói pháp bố thí thiển cận, và nói mười hai nhân duyên không, vô tướng, vô tác; không, vô tướng, vô tác là pháp thậm thâm, bình đẳng, không sai khác. Vì sao? Vì pháp ấy đều vào trong tịch diệt, không hý luận. Như vậy là từ Bát-nhã sinh bố thí.

Lại nữa, Bồ-tát ấy đem công đức tùy hỷ đối với ba thứ tu hành của mười phương chư Phật và đệ tử, đều chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do lực trí tuệ nên không có việc gì không thí và chia xẻ phước đức cho chúng sinh. Lại, có Bồ-tát trong khi bố thí sinh các tâm tốt, nhổ sạch cội gốc xan tham mà thực hành bố thí. Đem tâm từ bố thí nên dứt sân giận. Thấy người lãnh thọ được vui thì hoan hỷ, nên dứt tâm tật đố. Lấy tâm cung kính mà bố thí nên phá tâm nghi và vô minh. Không nghĩ rằng người cho và người lãnh thọ có tướng nhất định, nên phá tà kiến chấp có, chấp không. Xem người lãnh thọ như Phật, xem vật bố thí như tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, xem thân mình từ xưa lại đây rốt ráo không; nếu như vậy bố thí không hư dối thì được thẳng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các tướng như vậy gọi là từ Bát-nhã Ba-la-mật sinh Bố thí Ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát thâm nhập Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh, nên chẳng phải không có chúng sinh mà có thể thọ trì mười thiện giới. Vì muốn phá tâm điên đảo sát sinh nên có giới không sát sinh, chứ không phải trong thật tướng có giới đó.

Lại nữa, có người giữ giới không sát sinh đối với chúng sinh ở trong một trăm do tuần; có người giữ giới không sát sinh đối với chúng sinh trong một cõi Diêm-phù-đề; như vậy là giữ giới đối với chúng sinh có hạn lượng. Hoặc giữ giới trong một ngày, hoặc giữ năm giới, mười giới; như vậy là

giữ giới có hạn lượng. Bồ-tát tu Bát-nhã, giữ giới đối với chúng sinh trong vô lượng quốc độ không vì một đời hay hai đời. Như: như như, hư không, pháp tính, thật tế, vì tướng rốt ráo không, nên không chấp thủ giới tướng, không ghét phá giới, không trước trì giới. Ấy là từ Bát-nhã Ba-la-mật phát sinh giới đầy đủ, không có phân biệt.

Nhẫn có hai thứ: Một là chúng sinh nhẫn; hai là pháp nhẫn. Bồ-tát thâm nhập Bát-nhã Ba-la-mật nên được pháp nhẫn. Có thể tin thọ vô lượng Phật pháp, tâm không có phân biệt thị, phi; tướng như vậy gọi là từ trong Bát-nhã sinh nhẫn nhục.

Lại có Bồ-tát do siêng năng đầy đủ năm Ba-la-mật nên tu Bát-nhã Ba-la-mật. Được thật tướng các pháp, dứt ba nghiệp, thân không tạo tác, miệng không nói năng, tâm không niệm tưởng; như người trong mộng thấy mình chìm trong biển cả, cử động tay chân mong qua khỏi; đến khi thức dậy, tâm mộng liền dứt; ấy là từ trong Bát-nhã Ba-la-mật phát sinh sức tinh tấn. Như trong kinh Trì Tâm nói: Ta có được sức tinh tấn nên ở chỗ Phật Nhiên Đăng được thọ ký.

Phật dạy: Lìa trí tuệ thì không có thiền định, phải nhờ sức trí tuệ mới được thiền định; thế nên từ trí tuệ sinh thiền định. Như Phật nói trong kinh Bích-chi Phật: Có một quốc vương thấy hai con trâu đực vì dâm dục nên đấu nhau chết. Vua tự giác ngộ rằng: Ta do tài sắc nên chinh phạt các nước khác thì có khác gì đây? Liền lìa bỏ năm dục, được thiền định, thành Bích-chi Phật. Bồ-tát cũng như vậy. Do ít nhiều nhàm chán năm dục, so sánh cái vui năm dục với cái vui thiền định, thật cách xa nhau. Ta há có thể vì chút ít cái vui năm dục mà bỏ mất cái vui thiền định sao? Cái vui thiền định là cái vui phước đức thanh tịnh, tràn khắp thân tâm. Như vậy, từ trí tuệ phân biệt phát sinh thiền định. Nghĩa chữ thiền định như trong kinh đã nói.

Lại nữa, Bồ-tát từ trong vô lượng kiếp, vì Phật đạo nên gieo trồng căn lành, lìa năm dục nên đối với các thiền định được tự tại, thâm nhập Như như, pháp tính, thật tế. Do sức tinh tấn, phương tiện, từ bi nên ra khỏi pháp thậm thâm, trở lại tu các công đức. Người ấy đã thắng phục tâm mình, trong một niệm có thể tu sáu Ba-la-mật. Nghĩa là Bồ-tát trong khi bố thí đúng như pháp xả bỏ tài vật, ấy là Thí Ba-la-mật. An trú trong mười thiện đạo mà bố thí, không hướng đến Nhị thừa, ấy là Giới Ba-la-mật. Nếu có các phiền não xan tham v.v... và ma dân đi đến, không thể làm động tâm thì đó gọi là Nhẫn Ba-la-mật. Trong khi bố thí, thân tâm tinh tấn không ngừng nghỉ, ấy gọi là Tấn Ba-la-mật. Nhiếp tâm vào việc bố thí, không tán loạn, không nghi, không hối, hướng thẳng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh

giác, ấy gọi là Thiền Ba-la-mật. Trong khi bố thí, người cho, người thọ nhận và tài vật đều không thể có được; không như những người tà kiến chấp thủ tướng, vọng thấy có tướng nhất định, như chư Phật, Hiền Thánh xem tướng tài vật, tướng người nhận, người cho và tướng chỗ hồi hướng, khi pháp thí cũng như vậy thì đó gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát thọ đủ các giới, thiện tâm khởi lên, chánh ngữ, chánh nghiệp, ba thứ luật nghi: Giới luật nghi, thiền định luật nghi và vô lậu luật nghi; ở trong giới ấy bố thí sự không sợ cho chúng sinh, ấy gọi là Thí Ba-la-mật. Các phiền não dâm dục, sân giận muốn làm phá giới, đều có thể chế phục, có thể nhẫn nhịn.

Lại nữa, bị người đến mắng nhiếc, đánh hại, vì sợ phá giới nên nhẫn nhịn không đáp trả. Lại, gặp sự đói khát, lạnh nóng, các khổ bức bách, vì giữ giới nên đều có thể nhẫn chịu; ấy gọi là Nhẫn Ba-la-mật. Phân biệt các giới tướng nặng, nhẹ, có tàn dư, hoặc không tàn dư, nhân duyên gốc, ngọn; hoặc ngăn không cho làm, đó là tâm tinh tấn; hành trì đúng như giới pháp, có phạm thời hạ ý sám trừ; ấy gọi là thân tinh tấn. Do tinh tấn trì giới ấy, nên không cầu làm vua trời, vua người, cho đến không chứng Niết-bàn Tiểu thừa, mà chỉ vì giới là trú xứ của Bồ-tát đạo, do trì giới có thể tu tập cả năm Ba-la-mật, ấy gọi là Tinh tấn Ba-la-mật. Bồ-tát nếu trì giới thanh tịnh thì không lìa thiền định. Vì sao? Vì trì giới thanh tịnh thì phá các phiền não, tâm được điều hòa, chế phục; thí như tuổi già cướp hết sức trẻ, chết đến dễ tan hoại. Hành giả vì không được thiền định nên niệm tưởng năm dục, sinh năm triền cái, xâm hại việc trì giới. Thế nên, vì trì giới được kiên cố cầu các vui thiền định. Thiền định là thu nhiếp tâm tâm số pháp hòa hợp một nơi gọi là thiền định. Hành giả trừ được nghiệp thân, miệng ác phá giới, tiếp trừ ba ác giác quán, vậy sau trừ ba giác quán vi tế; nghĩa là giác quán về quốc độ, về bà con và về bất tử. Trừ được như vậy rồi, liền được thiền định, ấy gọi là Thiền Ba-la-mật. Trong khi trì giới, biết giới có thể phát sinh quả báo công đức đời này, đời sau như vậy, ấy gọi là trí tuệ.

Lại nữa, giới, trì giới, người phá giới, ba việc đó đều không thể có được, ấy gọi là trí tuệ. Người có ba hạng: Người hạng dưới phá giới, người hạng giữ chấp trước giới, người hạng trên không chấp trước giới. Bồ-tát suy nghĩ: Nếu ta ghét phá giới và người phá giới, ưa giới và người giữ giới mà sinh tâm ưa, ghét thì trở lại chịu tội nghiệp. Thí như voi tắm xong trở lại lấy bùn đất bôi lên mình, do vậy không nên sinh tâm yêu, ghét.

Lại nữa, hết thảy pháp đều thuộc nhân duyên, không được tự tại. Các thiện pháp đều nhân ác pháp sinh; nếu nhân ác pháp sinh làm sao chấp trước

được? Ác pháp nhân thiện pháp sinh, làm sao ghét bỏ được? Suy nghĩ như vậy, đi thẳng vào thật tướng các pháp, quán việc trì giới và phá giới từ nhân duyên sinh nên không được tự tại; không được tự tại nên rốt ráo không; rốt ráo không nên không chấp trước; ấy gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát trong khi tu nhẫn nhục, nghĩ rằng: Nếu chúng sinh đi đến cắt xẻ thân ta, ta liền bố thí, không để cho chúng sinh mắc tội trộm cướp. Hoặc khi tu nhẫn nhục, nhân nhẫn nhục thuyết pháp, dùng mỗi mỗi nhân duyên phân biệt thế gian, Niết-bàn, khiến cho chúng sinh trú trong sáu Ba-la-mật, được chúng sinh nhẫn. Lấy thân bố thí gọi là tài thí. Được pháp nhẫn, thâm nhập các pháp, vì chúng sinh thuyết giảng, ấy là pháp thí. Hai thí ấy từ hai nhẫn sinh, gọi là Thí Ba-la-mật. Bồ-tát khi tu nhẫn nhục còn không tiếc thân mạng, huống gì não hại chúng sinh để mắc tội phá giới! Thế nên, nhân nhẫn mà trì giới; thương xót chúng sinh, muốn độ thoát cho họ. Trì giới là trú xứ an lập hết thảy thiện pháp; ấy gọi Giới Ba-la-mật. Bồ-tát ở trong nhẫn nhục, thân tâm siêng tu bốn Ba-la-mật; ấy gọi là tinh tấn. Ở trong nhẫn nhục, tâm điều hòa nhu nhuyến, không đắm trước năm dục, nhiếp tâm một nôi: Ta đối với chúng sinh có thể nhẫn nhục như đất, ấy gọi là Thiền Ba-la-mật. Bồ-tát biết quả báo của nhẫn nhục là được thân tướng hảo trang nghiêm. Bồ-tát tu nhẫn, hay chướng ngại các phiền não, hay nhẫn chịu sự xấu ác của chúng sinh, hay nhẫn chịu các pháp thâm diệu, về sau được thật tướng các pháp; khi ấy thân tâm hành giả được vô sinh pháp nhẫn, tức là Bát-nhã Ba-la-mật.

Bồ-tát trú trong tinh tấn sinh các Ba-la-mật là, tinh tấn là căn bản của hết thảy điều lành; lìa tinh tấn thì không có được thiện pháp. Nhưng chỉ do sức tinh tấn nhiều mà phát sinh năm Ba-la-mật, nên gọi là tinh tấn sinh. Bồ-tát thường tu ba cách bố thí chưa từng lìa bỏ; ấy gọi là Thí Ba-la-mật. Bồ-tát có chánh nghiệp về thân, miệng, hướng thẳng đến Phật đạo, không tham Nhị thừa; ấy gọi là Giới Ba-la-mật. Siêng tu tinh tấn, có người đi đến hủy báng Bồ-tát đạo, Bồ-tát có thể nhẫn chịu không lay động; ấy gọi là Nhẫn Ba-la-mật. Bồ-tát tuy tu các pháp, tâm không tán loạn, nhất tâm niệm tưởng Nhất thiết trí, ấy gọi là Thiền Ba-la-mật. Có hai cách tinh tấn: Một là động tướng, tức thân tâm siêng tu; hai là dứt hết hý luận, nên thân tâm bất động. Bồ-tát tuy siêng tu động tinh tấn, cũng không lìa bất động tinh tấn, bất động tinh tấn không lìa Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát do sức thiền định mà tâm từ bi, nên bố thí sức không sợ cho chúng sinh. Hoặc do sức thiền định nên biến làm ra bảo vật như núi Tu-di, làm đầy đủ cho tất cả; mưa các hương hoa cúng dường chư Phật và bố thí cho chúng sinh nghèo cùng áo chăn, ăn uống. Hoặc vào trong thiền định vì mười phương chúng sinh thuyết pháp; ấy gọi là Thí Ba-la-mật. Trong đây tùy theo thiền định mà hành thiện nghiệp

thân, thiện nghiệp miệng; lìa tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật, ấy gọi là Giới Ba-la-mật. Bồ-tát vào thiền định, được cái vui thanh tịnh, nhu nhuyến, có thể không đắm thiền định. Nhờ sức thiền định nên thâm nhập các pháp không, hay nhẫn chịu pháp ấy, tâm không nghi hối, ấy gọi là Nhẫn Ba-la-mật. Bồ-tát khi nhẫn nhục, muốn sinh khởi các tam-muội như tam-muội Siêu việt, tam-muội Sư tử phấn tấn v.v... và vô lượng tam-muội khác không ngừng nghỉ, ấy gọi là Tinh tấn Ba-la-mật. Nhờ sức thiền định, tâm thanh tịnh không lay động, có thể vào thật tướng các pháp, thật tướng các pháp tức là Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật, hay quán ba tướng bố thí như Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, diệt các hý luận về chẳng phải có, chẳng phải không, ấy gọi là Thí Ba-la-mật trong Bát-nhã vô lượng, vô tận, thân và khẩu nghiệp hành theo Bát-nhã; vì được Bát-nhã, nên có thể trì giới thanh tịnh, bền chắc, ấy gọi là Giới Ba-la-mật. Trú trong Bát-nhã, chúng sinh nhẫn, pháp nhẫn càng thanh tịnh sâu xa, ấy gọi là Nhẫn Ba-la-mật. Tu Bát-nhã thân tâm của Bồ-tát được thanh tịnh, được bất động tinh tấn, xem động tinh tấn như huyễn, như mộng; vì được bất động tinh tấn nên không vào Niết-bàn; ấy gọi là Tinh tấn Ba-la-mật. Bồ-tát tu tu vô ngại Bát-nhã ấy, nên tuy thường vào thiền định, nhưng vì được sức Bát-nhã Ba-la-mật nên không ra khỏi thiền định mà vẫn có thể độ thoát chúng sinh; ấy gọi là Thiền Ba-la-mật.

Như vậy, Bồ-tát nhờ trí tuệ lanh lợi, ở trong một tâm, trong một lúc có thể đầy đủ sáu Ba-la-mật.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 82

GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI CHÍN: ĐẠI PHƯƠNG TIỆN

KINH: Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ấy từ khi phát tâm trở lại đây thời gian bao lâu mà thành tựu lực phương tiện như vậy?

Phật dạy: Tu-bồ-đề! Bồ-tát ấy thành tựu lực phương tiện, từ khi phát tâm trở lại đây trải qua vô lượng vô số kiếp.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ấy cúng dường bao nhiêu đức Phật mà thành tựu lực phương tiện như vậy?

Phật dạy: Bồ-tát ấy thành tựu lực phương tiện từng cúng dường hằng hà sa số Phật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát được lực phương tiện như vậy, trồng những căn lành gì?

Phật dạy: Bồ-tát thành tựu lực Phật như vậy, là do từ khi phát tâm trở lại đây, đầy đủ Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát thành tựu lực phương tiện như vậy rất nhiều.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Bồ-tát thành tựu lực phương tiện như vậy rất nhiều. Thí như mặt trời mặt trăng chiếu khắp bốn châu thiên hạ, làm lợi ích rất nhiều, Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, chiếu năm Ba-la-mật, làm lợi ích rất nhiều. Tu-bồ-đề! Thí như Chuyển luân Thánh vương, nếu không có xe báu thì không được gọi là Chuyển luân Thánh vương; năm Ba-la-mật cũng như vậy, nếu lìa Bát-nhã Ba-la-mật thì không được gọi danh từ Ba-la-mật, không lìa Bát-nhã Ba-la-mật nên được gọi danh từ Ba-la-mật. Thí dụ như người phụ nữ không chồng, dễ bị xâm lăng; năm Ba-la-mật cũng như vậy, xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật dễ

bị ma hoặc ma trời phá hoại. Thí như người phụ nữ có chồng khó có thể xâm lăng; năm Ba-la-mật cũng như vậy, có được Bát-nhã Ba-la-mật, ma hoặc ma trời không thể phá hoại. Thí như tướng quân đầy đủ áo giáp, binh trượng, các nước lân cận, cường địch không thể phá hoại; năm Ba-la-

mật cũng như vậy, không xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật nên ma hoặc ma trời, hoặc người tăng thượng mạn, cho đến Bồ-tát Chiên-đà-la không thể phá hoại. Thí như vua nước nhỏ theo thời triều cống Chuyển luân Thánh vương; năm Ba-la-mật cũng như vậy, thuận theo Bát-nhã Ba-la-mật. Thí như trăm sông muôn dòng đều chảy vào sông Hằng rồi vào biển cả; năm Ba-la-mật cũng như vậy, được Bát-nhã Ba-la-mật thủ hộ nên tùy thuận đến Nhất thiết trí. Thí như cánh tay phải của người, làm việc tiện lợi, Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy; cánh tay trái của người, làm việc không tiện, năm Ba-la-mật cũng như vậy. Thí như muôn dòng sông hoặc lớn hoặc nhỏ đều vào biển cả hợp làm một vị, năm Ba-la-mật cũng như vậy, được Bát-nhã Ba-la-mật thủ hộ, theo Bát-nhã Ba-la-mật vào Nhất thiết trí, được gọi là Ba-la-mật. Thí như bốn binh chủng của Chuyển luân Thánh vương, xe báu dẫn đường, ý vua muốn ngừng thì xe ngừng ngay, làm cho bốn binh chủng được mãn nguyện, xe báu cũng không rời chỗ cũ; Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, dẫn đường năm Ba-la-mật đến Nhất thiết trí thường ở trong đó, không vượt quá chỗ cũ. Thí như bốn binh chủng của Chuyển luân Thánh Vương, xe báu dẫn đường, Bát-nhã Ba-la-mật cung như vậy, dẫn đường năm Ba-la-mật đến an trú Nhất thiết trí. Bát-nhã Ba-la-mật cũng không phân biệt: Thí Ba-la-mật tuỳ theo ta, Giới Ba-la-mật cho đến Thiền Ba-la-mật không tùy theo ta. Thí Ba-la-mật cũng không phân biệt: Ta tùy theo Bát-nhã Ba-la-mật, còn Giới Ba-la-mật cho đến Thiền Ba-la-mật ta không tùy theo. Giới Ba-la-mật cho đến Thiền Ba-la-mật cũng như vậy. Vì sao? Vì tính của các Ba-la-mật không có năng tác, tự tính Không, hư dối, như sóng nắng.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp tự tính Không, làm sao Bồ-tát tu sáu Ba-la-mật sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật dạy: Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu sáu Ba-la-mật nghĩ rằng, tâm thế gian đều điên đảo, ta nếu không tập sức phương tiện thì không thể độ thoát chúng sinh khỏi vòng sinh tử; ta sẽ vì chúng sinh nên thực hành Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát ấy vì chúng sinh nên xả bỏ tài vật trong ngoài, khi xả bỏ nghĩ rằng, ta không xả bỏ gì. Vì sao? Vì tài vật ấy chắc chắn sẽ hư hoại. Bồ-tát suy nghĩ như vậy nên có thể đầy đủ Thí Ba-la-mật. Vì chúng sinh nên trọn không phá giới. Vì sao? Vì Bồ-tát nghĩ rằng, ta vì chúng sinh mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu sát sinh là điều không nên, cho đến ta vì chúng sinh mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu sinh tà kiến thì hoặc tham trước Thanh-văn, Bích-chi Phật địa là điều không nên. Bồ-tát suy nghĩ như vậy là có thể đầy đủ Giới Ba-la-mật. Bồ-tát vì chúng sinh nên không sân giận, cho đến giận

trong giây lát. Bồ-tát suy nghĩ như vầy: Ta nên làm lợi ích chúng sinh, cớ sao khởi tâm sân giận? Như vậy, có thể đầy đủ Nhẫn Ba-la-mật. Bồ-tát vì chúng sinh nên cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thường không sinh tâm giải đãi; tu như vậy có thể đầy đủ Tinh tấn Ba-la-mật. Bồ-tát vì chúng sinh nên cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không sinh tâm tán loạn; tu như vậy có thể đầy đủ Thiền Ba-la-mật. Bồ-tát vì chúng sinh nên cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trọn không lìa trí tuệ. Vì sao? Vì trừ trí tuệ ra không thể có pháp gì độ thoát chúng sinh được. Tu như vậy có thể đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu các Ba-la-mật không sai biệt nhau thì làm sao Bát-nhã Ba-la-mật là đệ nhất, tối thượng, vi diệu đối với năm Ba-la-mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! các Ba-la-mật tuy không có sai khác, nếu không có Bát-nhã Ba-la-mật thì năm Ba-la-mật không được gọi là Ba-la-mật, nhân nơi Bát-nhã Ba-la-mật mà năm Ba-la-mật kia được gọi là Ba-la-mật. Thí như các loài chim đủ màu sắc đến ở bên núi Tu-di đều đồng thành một sắc; năm Ba-la-mật cũng như vậy, nhân nôi Bát-nhã Ba-la-mật đạt đến trong Nhất thiết trí thành một loại không khác, không phân biệt đây là Thí Ba-la-mật, đây là Giới Ba-la-mật cho đến đây là Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì các Ba-la-mật không có tự tính, vì do nhân duyên nên các Ba-la-mật không có sai khác.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu theo thật nghĩa không có phân biệt, làm sao Bát-nhã Ba-la-mật lại là tối thượng vi diệu đối với năm Ba-la-mật?

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Tu-bồ-đề! Tuy theo thật nghĩa không có phân biệt, chỉ theo pháp thế tục nên nói Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật. Vì muốn độ chúng sinh khỏi vòng sinh tử, mà chúng sinh ấy thật chẳng sinh chẳng tử, chẳng khởi chẳng thối lui. Này Tu-bồ-đề! Vì chúng sinh không có gì của chính nó, vậy nên biết hết thảy pháp không có gì của chính nó. Do nhân duyên ấy nên Bát-nhã Ba-la-mật tối thượng, tối diệu đối với năm Ba-la-mật. Thí như trong chúng người nữ của cõi Diêm-phù-đề, ngọc nữ báu là đệ nhất, tối thượng, tối diệu; Bát-nhã Ba-la-mật cũng vậy, là đệ nhất, tối thượng, tối diệu đối với năm Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Vì ý gì mà Phật nói Bát-nhã Ba-la-mật là tối thượng, tối diệu?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Vì Bát-nhã Ba-la-mật đưa hết thảy thiện pháp đến trong Nhất thiết trí, trú chỗ không trú.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật có thật pháp khả thủ khả xả chăng?

Phật dạy: Không. Bát-nhã Ba-la-mật không có thật pháp khả thủ, khả xả. Vì sao? Vì hết thảy pháp không thủ không xả.

Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật không thủ, không xả pháp gì?

Phật dạy: Bát-nhã Ba-la-mật không thủ, không xả sắc; không thủ, không xả thọ, tưởng, hành, thức cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao không thủ sắc cho đến không thủ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật dạy: Nếu Bồ-tát không nghĩ đến sắc cho đến không nghĩ đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì ấy gọi là không thủ sắc cho đến không thủ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Nếu không nghĩ đến sắc cho đến không nghĩ đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì làm sao được tăng ích thiện căn? Thiện căn không tăng ích thì làm sao đầy đủ các Ba-la-mật? Nếu không đầy đủ các Ba-la-mật thì làm sao được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát không nghĩ đến sắc cho đến không nghĩ đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì khi ấy thiện căn được tăng ích; thiện căn tăng ích nên đầy đủ các Ba-la-mật; các Ba-la-mật đầy đủ nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì khi không nghĩ đến sắc cho đến không nghĩ đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch đức Thế Tôn! Vì nhân duyên gì nên trong khi không nghĩ đến sắc cho đến không nghĩ đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật dạy: Vì nghĩ đến thì đắm trước cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; không nghĩ đến thì không đắm trước. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật không nên đắm trước gì.

Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật như vậy nên trú vào chỗ nào?

Phật dạy: Bồ-tát tu như vậy không trú nôi sắc cho đến không trú nơi trí Nhất thiết chủng.

Bạch đức Thế Tôn! Vì nhân duyên gì nên không trú nôi sắc cho đến không trú nơi trí Nhất thiết chủng?

Phật dạy: Không chấp trước nên không trú. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy không thấy có pháp có thể chấp trước, có thể trú. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát do không trước, không trú pháp tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nghĩ rằng, nếu hành được như vậy, tu được như vậy là tu Bát-nhã Ba-la-mật. "Ta nay hành Bát-nhã Ba-la-mật, tu Bát-nhã Ba-la-mật", nếu chấp thủ tướng như vậy thì xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật; nếu xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật thì xa lìa Thí Ba-la-mật cho đến xa lìa trí Nhất thiết chủng. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật không có chỗ trú trước, cũng không có người trú trước, vì tự tính Không. Bồ-tát nếu còn chấp thủ tướng thì thối thất đối với Bát-nhã Ba-la-mật; nếu thối thất Bát-nhã Ba-la-mật thì thối thất Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không được Phật thọ ký. Bồ-tát lại nghĩ rằng: Trú nơi Bát-nhã Ba-la-mật có thể phát sinh Thí Ba-la-mật cho đến tâm đại bi. Nếu nghĩ như vậy thì mất Bát-nhã Ba-la-mật, mất Bát-nhã Ba-la-mật thì không thể phát sinh Thí Ba-la-mật cho đến tâm đại bi. Bồ-tát nếu lại nghĩ rằng: "Chư Phật biết các pháp không có tướng lãnh thọ nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác" mà diễn thuyết, khai thị, dạy bảo như vậy thì mất Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì chư Phật đối với các pháp không có sở tri, không có sở đắc, cũng không có pháp khả thuyết, huống gì sẽ có sở đắc! Không có lẽ đó.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật làm sao không có lỗi lầm ấy?

Phật dạy: Nếu Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật nghĩ rằng: các pháp không có gì của chính nó, không thể chấp thủ thì không có sở đắc. Nếu làm được như vậy là tu Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu Bồ-tát đắm trước nơi pháp không có gì của chính nó thì xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật không có pháp chấp trước.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật ư? Thí Ba-la-mật xa lìa Thí Ba-la-mật ư? Cho đến trí Nhất thiết chủng xa lìa trí Nhất thiết chủng ư? Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bát-nhã Ba-la-mật xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật cho đến trí Nhất thiết chủng xa lìa trí Nhất thiết chủng thì làm sao Bồ-tát được Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến được trí Nhất thiết chủng?

Phật dạy: Bồ-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật không sinh ý nghĩ: Sắc là sắc, sắc gì, cho đến không sinh ý nghĩ trí Nhất thiết chủng là trí Nhất thiết chủng, trí Nhất thiết chủng của ai. Như vậy Bồ-tát có thể phát sinh Bát-nhã Ba-la-mật cho đến phát sinh trí Nhất thiết chủng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi tu Bát-nhã, không quán sắc hoặc

thường hoặc vô thường, hoặc khổ hoặc vui, hoặc ngã hoặc phi ngã, hoặc không hoặc chẳng không, hoặc lìa hoặc chẳng lìa. Vì sao? Vì tự tính Không thể sinh tự tính, cho đến trí Nhất thiết chủng cũng như vậy. Nếu Bồ-tát tu Bát-nhã quán sắc như vậy, cho đến quán trí Nhất thiết chủng như vậy thì có thể phát sinh Bát-nhã Ba-la-mật cho đến trí Nhất thiết chủng. Thí như Chuyển luân Thánh vương đi đến đâu đều có bốn binh chủng đi theo, Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, đi đến đâu đều có năm Ba-la-mật đi theo đến trú trong Nhất thiết trí. Thí như khéo điều khiển xe bốn ngựa không đi sai đường, thì tùy ý đi đến; Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, điều khiển năm Ba-la-mật không sai chánh đạo, sẽ đi đến trí Nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát đạo? Thế nào là phi đạo?

Phật dạy: Thanh văn đạo chẳng phải Bồ-tát đạo; Bích-chi Phật đạo chẳng phải Bồ-tát đạo; trí Nhất thiết chủng đạo là Bồ-tát đạo, ấy gọi là Bồ-tát đạo và phi đạo.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật của các Bồ-tát vì đại sự nên sinh khởi, nghĩa là khai thị: ấy là đạo, ấy là phi đạo.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Bát-nhã Ba-la-mật vì đại sự nên sinh khởi, nghĩa là khai thị: ấy là đạo, ấy là phi đạo. Bát-nhã Ba-la-mật ấy vì độ vô lượng chúng sinh nên sinh khởi; vì lợi ích vô số chúng sinh nên sinh khởi. Bát-nhã Ba-la-mật tuy làm việc lợi ích cũng không lãnh thọ sắc; không lãnh thọ thọ, tưởng, hành thức; không lãnh thọ địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật. Này Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật là dẫn đường của các Bồ-tát, khai thị Vô thượng chánh đẳng Chánh Giác khiến xa lìa địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật mà an trú Nhất thiết trí. Bát-nhã Ba-la-mật là các pháp thường trú, không sinh không diệt.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn! Nếu Bát-nhã Ba-la-mật không sinh không diệt, làm sao Bồ-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật nên bố thí; làm sao nên trì giới, làm sao nên tu nhẫn nhục; làm sao nên tinh tấn; làm sao nên nhập thiền định; làm sao nên tu trí tuệ?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát nhớ nghĩ đến Nhất thiết trí nên tu bố thí; nhớ nghĩ đến Nhất thiết trí nên tu trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn thiền dính,

trí tuệ. Đem công đức ấy chia sẽ cho chúng sinh cùng hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nếu hồi hướng như vậy thì đầy đủ sáu Ba-la-mật và tâm từ bi. Nếu Bồ-tát không xa lìa sáu Ba-la-mật thì không xa lìa Nhất thiết trí. Vì thế nên Bồ-tát muốn được Vô thượng chánh đẳng chánh giác hãy nên học, nên tu sáu Ba-la-mật. Bồ-tát tu sáu Ba-la-mật đầy

đủ hết thảy thiện căn sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vì thế nên Bồ-tát nên tập hành sáu Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát nên tập hành sáu Ba-la-mật?

Phật dạy: Chư Bồ-tát quán như vầy: Sắc không hợp không tán, thọ, tướng, hành, thức không hợp không tán, cho đến trí Nhất thiết chủng không hợp không tán; ấy gọi là Bồ-tát tập hành sáu Ba-la-mật.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên nghĩ rằng: Ta sẽ không trú trong sắc, không trú trong thọ, tưởng, hành, thức, cho đến không trú trong trí Nhất thiết chủng, như vậy nên tập hành sáu Ba-la-mật. Vì sao? Vì sắc ấy không chỗ trú, cho đến Nhất thiết trí không chỗ trú. Như vậy, Bồ-tát do pháp vô trú mà tập hành sáu Ba-la-mật sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thí như người muốn ăn quả Yêm-la hoặc quả Ba-la-na-bà, thì nên gieo giống nó theo thời, tưới tẩm, giữ gìn, dần dần sinh trưởng hợp với thời tiết, liền có quả để ăn. Bồ-tát cũng như vậy, muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên học sáu Ba-la-mật: Dùng bố thí để nhiếp thủ chúng sinh, dùng trì giới, tinh tấn, trí tuệ, thiền định nhiếp thủ chúng sinh, độ chúng sinh thoát vòng sinh tử. Tu như vậy sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thế nên Bồ-tát muốn không theo lời người khác, hãy nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Muốn nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, muốn ngồi đạo tràng, muốn Chuyển pháp luân, hãy nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nên như vậy học Bát-nhã Ba-la-mật ư?

Phật dạy: Bồ-tát nên như vậy học Bát-nhã Ba-la-mật. Muốn đối với các pháp được tự tại hãy nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì học Bát-nhã Ba-la-mật thì đối với các pháp được tự tại.

Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật rất lớn đối với các pháp; thí như biển cả rất lớn đối với muôn sông; Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, rất lớn đối với hết thảy pháp. Vì thế nên muốn cầu Thanh văn, Bích-chi Phật và Bồ-tát đạo, hãy nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Thí như thợ bắn cung cầm chiếc cung và mũi tên như ý thì không sợ oán địch Bồ-tát cũng như vậy tu Bát-nhã Ba-la-mật cho đến trí Nhất thiết chủng thì ma hoặc ma trời không thể phá hoại. Vì vậy nên Bồ-tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hãy nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Tu Bát-nhã Ba-la-mật được mười phương chư Phật hộ niệm.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao mười phương

chư Phật hộ niệm Bồ-tát ấy?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát khi tu bố thí, mười phương chư Phật đều hộ niệm. Khi tu Giới Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, mười phương chư Phật đều hộ niệm. Nhân hộ niệm thế nào? Bố thí không thể có được; trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ không thể có được, cho đến trí Nhất thiết chủng không thể có được. Bồ-tát không có được các pháp như vậy, chư Phật hộ niệm Bồ-tát ấy. Lại nữa, chư Phật không vì sắc nên hộ niệm; không vì thọ, tưởng, hành, thức nên hộ niệm, cho đến không vì trí Nhất thiết chủng nên hộ niệm.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát học rất nhiều mà thật không học gì hết.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy, Bồ-tát học rất nhiều mà thật không học gì hết. Vì sao? Vì các pháp của Bồ-tát học đều không thể có được.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Phật thuyết pháp hoặc nói lược, hoặc nói rộng, ở trong pháp ấy các Bồ-tát muốn cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đối với sáu Ba-la-mật hoặc lược hoặc rộng, hãy nên thọ trì, thân cận, đọc tụng; đọc tụng rồi suy nghĩ, quán sát đúng, tâm tâm số pháp không hiện hành.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Bồ-tát hoặc lược hoặc rộng học sáu Ba-la-mật, nên biết tướng hết thảy pháp lược, rộng.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát biết hết thảy pháp tướng lược, rộng?

Phật dạy: Biết sắc như tướng, biết thọ, tưởng, hành, thức cho đến biết trí Nhất thiết chủng như tướng; biết được hết thảy pháp tướng rộng, lược như vậy.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là sắc như tướng; thế nào là thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng như tướng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Sắc vô sinh vô diệt, vô trụ dị; ấy gọi là sắc như tướng; cho đến trí Nhất thiết chủng vô sinh vô diệt, vô trụ dị; ấy gọi là trí Nhất thiết chủng như tướng. Bồ-tát nên học trong ấy.

Lại nữa, Bồ-tát khi biết các pháp thật tế là biết tướng lược, tướng rộng của hết thảy pháp.

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là các pháp thật tế?

Phật dạy: Không biên tế, ấy gọi là thật tế. Bồ-tát học thật tế ấy

biết tướng lược, tướng rộng của hết thảy pháp. Nếu Bồ-tát biết pháp tính của các pháp là Bồ-tát có thể biết tướng lược, tướng rộng của hết thảy

pháp.

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là pháp tánh của các pháp?

Phật dạy: Tánh của sắc gọi là pháp tính. Tính ấy không có phân, không có chẳng phân. Bồ-tát biết pháp tính nên biết tướng lược, tướng rộng của hết thảy pháp.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao nên biết tướng lược, tướng rộng của hết thảy pháp?

Phật dạy: Nếu Bồ-tát biết hết thảy pháp không hợp không tán là biết tướng lược, tướng rộng của hết thảy pháp.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Pháp gì chẳng hợp chẳng tán?

Phật dạy: Sắc chẳng hợp chẳng tán; thọ, tưởng, hành, thức chẳng hợp chẳng tán, cho đến trí Nhất thiết chủng chẳng hợp chẳng tán; tánh hữu vi, tính vô vi chẳng hợp chẳng tán. Vì sao? Vì tự tính các pháp không có, làm sao có hợp có tán? Nếu các pháp tự tính Không có, ấy là chẳng phải pháp? Chẳng phải pháp thì chẳng hợp chẳng tán? Như vậy nên biết tướng lược tướng rộng của hết thảy pháp.

Tu-bồ-đề thưa Bạch đức Thế Tôn! Ấy là Bát-nhã Ba-la-mật tóm thâu của Bồ-tát.

Trong Bát-nhã Ba-la-mật lược nhiếp ấy, Bồ-tát mới phát tâm cần nên học, cho đến Bồ-tát ở thập địa cũng nên học. Bồ-tát học Bát-nhã Ba-la-mật tóm thâu ấy thì biết tướng lược tướng rộng của hết thảy pháp.

LUẬN: Tu-bồ-đề nghe nói tướng lợi căn của Bồ-tát, nghĩa là từ một Ba-la-mật có thể phát sinh năm Ba-la-mật. Tu một Ba-la-mật tức có thể đủ năm Ba-la-mật, như phẩm trên nói, thấy việc ấy hiếm có nên nạn hỏi Phật: Bồ-tát ấy từ khi phát tâm trở lại đây trải qua bao nhiêu thời gian có thể được phương tiện như vậy? Phật đáp: Bồ-tát ấy từ khi phát tâm trở lại đây, trừ vị đại Bồ-tát, đối với các chúng sinh khác phải trải qua vô lượng vô số kiếp. Hoặc có Bồ-tát từ khi phát tâm trở lại đây trải qua vô lượng vô số kiếp, vì có tội lớn che tâm nên không thấy Phật, không thân cận cúng dường. Thế nên hỏi: Bồ-tát ấy cúng dường bao nhiêu đức Phật? Phật đáp Bồ-tát ấy đã cúng dường hằng hà sa số Phật. Ở trên nói vô lượng vô số , nôi đây nói hằng hà sa số , có nghĩa là số nhiều đồng nhau. Có Bồ-tát phát tâm đã lâu, tuy dùng nhiều hương hoa cúng dường Phật mà chưa thể gieo trồng căn lành, nghĩ rằng: Ta chắc chắn được quả báo vì có tâm sâu xa tu sáu Ba-la-mật. Nếu dùng tâm sâu xa tu sáu Ba-la-mật là công đức để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên nói là gieo trồng căn lành. Thế nên tiếp hỏi câu thứ ba: Gieo trồng căn lành thế nào? Phật đáp: Bồ-tát ấy từ khi mới

phát tâm trở lại đây tu đủ sáu Ba-la-mật, làm tất cả phước đức, tu tập tất cả thiện pháp. Tu-bồ-đề nghe xong hoan hỷ bạch Phật rằng: Hy hữu, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ấy tu được phương tiện như vậy. Đó là chưa dứt các phiền não, chưa lìa sinh tử mà có thể hơn kẻ đã dứt phiền não, lìa sinh tử. Vô thỉ sinh tử lại đây chứa nhóm ác pháp, tâm Bồ-tát hậu lai mà có thể dùng tâm hậu lai không theo việc ác đã chứa nhóm trước đó, thế là hy hữu. Hết thảy chúng sinh không có ôn đối với Bồ-tát, mà Bồ-tát vẫn thường muốn làm lợi ích; chúng sinh muốn cướp mạng Bồ-tát, cắt xẻ thân thể, mà Bồ-tát lại muốn dùng cái vui đệ nhất của Phật là tuệ mạng đem cho chúng sinh. Như vậy thật là hy hữu. Phật hứa khả lời Tu-bồ-đề, lại muốn làm cho việc ấy được rõ ràng nên nêu thí dụ: Như mặt trời mặt trăng chiếu khắp bốn châu thiên hạ; nếu không có mặt trời mặt trăng thì trăm giống lúa, cỏ thuốc và chúng sinh không nương đâu để sinh trưởng. Mặt trăng là âm khí, mặt trời là dương khí; hai khí hòa hợp nên muôn vật trưởng thành; thế nên mặt trời mặt trăng đối với bốn châu thiên hạ có lợi ích lớn. Bồ-tát cũng như vậy, đối với bốn loài chúng sinh, đem tâm đại bi thương xót, tùy theo sở nguyện của họ mà tu hết thảy pháp lành; dùng lực đại trí tuệ phá tâm chấp trước thiện pháp của chúng sinh. Các thiện pháp, sáu Ba-la-mật tăng trưởng thành tựu như vậy, thẳng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại, chúng sinh tuy có mắt, nếu không có mặt trời mặt trăng thì không thấy gì; cũng như vậy, chúng sinh tuy có lợi trí, thiện căn thế tục, nếu không có ánh sáng Bát-nhã Ba-la-mật thì còn không được quả Nhị thừa, huống gì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại, Bồ-tát tuy tu năm Ba-la-mật, nếu không được Bát-nhã Ba-la-mật thì không được gọi là Ba-la-mật, vì không phá được tâm chấp trước. Nếu Bồ-tát có thể tự đem thân mạng mình bố thí, nếu không có Bát-nhã thì tâm kia dễ hỏng; như người đàn bà không chồng thì dễ bị xâm phạm; nếu có Bát-nhã thì không thể phá hoại. Bồ-tát tuy tu các pháp sâu xa khác nhưng nếu không có Bát-nhã thì không gọi là tu Ba-la-mật, chỉ gọi là tu pháp lành, vì có hạn lượng. Trong kinh đây nói thí dụ: Chuyển luân Thánh vương tuy có ngàn người con, có tám muôn bốn ngàn tiểu vương và sáu vật báu mà không gọi là Chuyển luân Thánh vương, vì không thể bay đi khắp bốn châu thiên hạ. Nếu vua khiến kim luân báu đi đến thì bấy giờ mới gọi là Chuyển luân Thánh vương. Bồ-tát cũng như vậy, tuy có các thiện pháp bố thí vì không có Bát-nhã Ba-la-mật nên không gọi là Bồ-tát, vì người tu sáu Ba-la-mật không thể trừ chướng ngại, hành Bồ-tát đạo.

Thí như vị tướng giỏi rành về phương pháp chiến đấu, khí cụ đầy đủ

thì không sợ oán địch; vị tướng giỏi tức là Bồ-tát, khí cụ tức là Bát-nhã.

Tăng thượng mạn nghĩa là: Chưa được Thánh đạo, mà ý nghĩ cho là đã được. Bồ-tát nói pháp rốt ráo không, mà người tăng thượng mạn vì tâm bất đồng nên phá hoại Bồ-tát; ngoại đạo, Phạm-chí và các ma dân cho đến Bồ-tát Chiên-đà-la cũng như vậy.

Bồ-tát Chiên-đà-la là: Như trong phẩm Ma đã nói. Nghe ma đi đến xưng tán danh tự của mình và thọ ký cho, liền sinh tâm khinh mạn.

Lại, vì Bát-nhã Ba-la-mật nên nói năm Ba-la-mật. Nếu người nào có thể đi thẳng vào thật tướng các pháp thì không cần vì họ nói bố thí... là cửa ban đầu vào Bát-nhã. Vì người độn căn tội nặng nên mới dùng đủ nhân duyên nói bố thí phá xan tham; trì giới bẻ gãy phiền não; nhẫn nhục mở cửa phước đức, làm được việc khó làm, tinh tấn như gió thổi lửa cháy bừng không tắt; thiền định nhiếp tâm định, quán thật tướng các pháp. Năm Ba-la-mật ấy đều hướng đến Bát-nhã Ba-la-mật. Như các tiểu vương triều cống Chuyển quân Thánh vương, như muôn sông đều đổ về biển cả; các thiện pháp bố thí cũng như vậy, được Bát-nhã Ba-la-mật thủ hộ nên được đến Nhất thiết trí.

Hỏi: Năm Ba-la-mật như các dòng sông, Bát-nhã Ba-la-mật như biển cả, cớ sao nay nói năm Ba-la-mật được Bát-nhã thủ hộ, được vào Nhất thiết trí?

Đáp: Ông không nghe ở đây nói Bát-nhã có nhiều tên gọi ư? Nhất thiết trí tức là tên gọi khác của Bát-nhã. Phước đức của năm Ba-la-mật vào trong Bát-nhã liền được thanh tịnh Bát-nhã. Bát-nhã thanh tịnh nên được Phật đạo, bấy giờ đổi lại gọi là Nhất thiết trí. Thế nên nói, vào Nhất thiết trí tức là vào Bát-nhã. Có người nghi các Ba-la-mật đều có lực, cớ gì chỉ nói công dụng của Bát-nhã là lớn? Thế nên nói, thí như cánh tay phải của người làm việc tự nhiên, thuận tiện; năm Ba-la-mật như cánh tay trái, không có được Bát-nhã thì làm việc không tiện. Lại như người mở mắt làm việc thì mọi việc đều thành; như người dẫn dường đi trước, các bè bạn theo sau; đi tới, dừng lại đều theo vị dẫn đường, không được tự tại. Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, dẫn đường năm Ba-la-mật, mọi việc tu tập đều trông chờ vào Bát-nhã. Trong kinh này, Phật tự nói thí dụ: Như xa luân báu của Chuyển luân Thánh vương dẫn đường bốn binh chủng; xe ngừng thì các vật báu khác đều ngừng. Luân báu là chỉ Bát-nhã Ba-la-mật, thường dẫn đường trước năm Ba-la-mật, năm Ba-la-mật đi theo. Như trong phẩm đầu của Kinh Bát-nhã nói: Bồ-tát muốn đầy đủ Thí Ba-la-mật thì không thấy người cho, người nhận và vật bố thí.

Trước tiên trù lượng, phân biệt dứt hết thảy chấp trước vậy sau mới bố thí. Thế là sự bố thí có Bát-nhã dẫn đường. Như xa luân báu hàng phục bốn châu thiên hạ xong, thường ở tại cung vua, giữa hư không; thánh vương là chỉ Bồ-tát; xe báu là chỉ Bát-nhã, phá các ma dân, phiền não xong thì vào trú trong cung Nhất thiết trí. Xe báu ấy không phân biệt: Ta thường ở trước, các báu khác ở sau; không có tâm thương ghét: Chỗ ấy nên đến, chỗ ấy không nên đến. Bát-nhã không có phân biệt cũng như vậy: Thí Ba-la-mật theo ta đến, còn Giới Ba-la-mật chớ đến. Nói rộng như trong kinh. Trong Kinh này, Phật tự nói nhân duyên: Hết thảy pháp tính Không có năng tác, sở tác.

Tu-bồ-đề nghe xong bạch Phật rằng: Nếu hết thảy pháp tính Không, không có gì của chính nó, làm sao Bồ-tát tu sáu Ba-la-mật có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật đáp: Bồ-tát tu Bát-nhã nghĩ rằng: Các pháp tuy rốt ráo không, nhưng vì chúng sinh điên đảo đắm trước sâu xa, không hiểu được, nếu Ta không dùng phương tiện thì không thể độ chúng sinh được. Phương tiện là thân kim sắc, Ba mươi hai tướng, Tám mươi vẻ đẹp tùy hình, vô lượng hào quang, thần thông biến hóa, có thể dùng một ngón tay làm chuyển động mười phương ba ngàn đại thiên quốc độ, dùng Phạm âm thuyết pháp, có sắc thân xem không nhàm chán, có mười trí lực, bốn điều không sợ, mười tám pháp không chung, giải thoát vô ngại, trí Nhất thiết chủng, đại từ đại bi... Đầy đủ vô lượng Phật pháp như vậy, vậy sau có thể giáo hóa chúng sinh, chúng chắc chắn tín thọ. Được lực như vậy, giả sử nói dối người còn tin theo, huống gì nói thật? Như kinh nói: Ta tuy biết thật tướng các pháp Ta có thể vào Niết-bàn, nhưng vì chúng sinh nên Ta tu Thí Ba-la-mật... như trong kinh nói rộng, cho đến không thể đem việc gì khác độ sinh.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu các Ba-la-mật rốt ráo không, không có sai khác, cớ sao Bát-nhã lại tối tôn đối với các Ba-la-mật? Phật hứa khả lời Tu-bồ-đề: Trong rốt ráo không, các Ba-la-mật thật không có sai biệt; nếu không có Bát-nhã thì ai biết được các Ba-la-mật rốt ráo không, không có phân biệt? Nếu không có Bát-nhã thì năm pháp kia làm sao được gọi là Ba-la-mật? Năm Ba-la-mật khi chưa vào Bát-nhã thì có sai khác, khi đã vào Bát-nhã thì không có sai khác. Như các vật có màu sắc khác nhau, nhưng khi đến núi Tu-di thì cùng biến thành một màu; không được nói màu của các vật đều đồng, cớ sao chỉ gọi riêng núi Tu-di là lớn. Thí Ba-la-mật... cũng như vậy, tuy không có sai khác, nhưng đều vì sức Bát-nhã nên không được nói, cớ sao chỉ xưng Bát-nhã là lớn? Tu-bồ-đề tuy

mong được Phật giải thích mà còn chưa hiểu rõ, lại đem việc khác để hỏi Phật: Nếu ở trong thật nghĩa không có sai khác, thì làm sao Bát-nhã lại tối thượng đối với năm Ba-la-mật? Trước kia nói chưa được Thánh đạo không, nay nói được Thánh đạo không, thế nên nói là đệ nhất thật nghĩa. Thánh đạo đệ nhất thật nghĩa là rất đáng tin, trong ấy cũng không có sai khác. Phật hứa khả nói rằng: Đúng vậy, đúng vậy! Ta phân biệt nói sáu Ba-la-mật đều là vì thế tục mà nói. Vì sao? Đối người đời không thể chỉ vì họ nói thật tướng các pháp. Họ nghe rồi mê muội nên sinh nghi hối. Do thế, lấy đệ nhất nghĩa làm tâm và dùng ngôn ngữ thế tục để nói; vì vậy phân biệt các Ba-la-mật giáo hóa chúng sinh. Chúng sinh thật không có pháp, đều là không, không sinh, không diệt, không thối không khởi; sắc cũng như vậy. Thế nên Bát-nhã Ba-la-mật tuy không mà có thể chỉ bày những việc như vậy; thí như ngọc nữ báu là đệ nhất tối thượng, tối diệu giữa chúng nữ nhân. Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Phật có ý gì mà thường nói Bát-nhã tối thượng, khi nghe Tu-bồ-đề mỗi mỗi nói Bát-nhã và năm Ba-la-mật không có sai khác, Phật cũng hứa khả rồi lại nói Bát-nhã là tối thượng? Phật dạy: Bát-nhã thủ hộ hết thảy thiện pháp đưa đến trú trong Nhất thiết trí. Hết thảy pháp tuy không nhưng nếu không có Bát-nhã thì hết thảy thiện pháp đều không thể đát đến Nhất thiết trí. Thiện pháp là năm Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đại từ đại bi, các pháp của Bồ-tát...

Hỏi: Nếu tu các pháp lành cũng có thể đến Nhất thiết trí, cớ gì chỉ nói nhờ Bát-nhã mới được đến?

Đáp: Tuy các thiệp pháp hòa hợp lại có thể phá phiền não, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhưng Bát-nhã ở trong ấy có công sức lớn; thí như đại quân đánh địch mà chủ tướng được công danh. Lại có người nói: Các thiện pháp không có được Bát-nhã thì không đến được Nhất thiết trí. Bát-nhã không có được các thiện pháp thì chỉ có thể đến Nhất thiết trí. Như Kinh nói: Ở nước Phật Sư tử Lôi âm có cây báu trang nghiêm, thường tuôn ra vô lượng pháp âm nói về hết thảy pháp rốt ráo không, không sinh không diệt; nhân dân nước ấy sinh ra liền nghe pháp âm ấy, nên không khởi tâm ác, được vô sinh pháp nhẫn. Người như vậy thì đâu có các công đức bố thí, trì giới...! Cũng có người cuồng, người say theo Phật nghe Tứ đế tức thời được đạo. Những người không có trí tuệ tu các pháp khác như vậy cũng đắc đạo, không có lẽ ấy.

Tu-bồ-đề hỏi Phật: Bát-nhã rốt ráo không, không lấy pháp thánh, không bỏ pháp phàm phu, cớ sao Phật nói Bát-nhã ấy có thể đưa đến trú trong Nhất thiết trí?

Phật hứa khả lời ấy và nói: Đúng vậy, đúng vậy! Bát-nhã ấy không lấy, không bỏ; tuy nói lấy Nhất thiết trí, nhưng vì không chấp thủ pháp nên lấy; nghĩa trú cũng như vậy. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Hết thảy pháp không có tướng chấp thủ. Hết thảy pháp là sắc cho đến Bồ đề; pháp ấy hư dối, từ nhân duyên sinh, không có tự tính cho nên không lấy; không lấy nên không bỏ, do không có ức niệm thủ tướng.

Tu-bồ-đề thưa: Nếu không ức niệm sắc, làm sao tăng trưởng căn lành? Căn lành không tăng trưởng, làm sao được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật đáp: Nếu Bồ-tát diệt được ức niệm đối với hết thảy pháp, tức là không, vô tướng, vô tác giải thoát; giải thoát tức là thật tướng các pháp. Tuy có căn lành mà vì tâm chấp thủ tướng điên đảo nên không tăng trưởng; thí như gieo lúa, lúa mạ tuy tốt, song vì cỏ rác nhiều nên không thể tăng trưởng. Trong đây nói nhân duyên: Vì chúng sinh ức niệm nên sinh vào chỗ thiện, bất thiện trong ba cõi; nếu không có ức niệm thì không đắm trước; không đắm trước thì không sinh. Tu-bồ-đề theo Phật, theo Phật nghe xong, suy nghĩ, trù lượng pháp ấy rốt ráo không, không có gì của chính nó; nếu hành pháp ấy, cũng có thể không có được gì, không có chỗ trú. Vì sao? Vì nhân quả giống nhau; thế nên hỏi Phật: Bồ-tát nghĩ rằng tu Bát-nhã trú chỗ nào, được cái gì?

Phật đáp: Không trú trong hết thảy pháp cho đến trong không trú cũng không trú; không thủ tướng nên không đắm trước; không đắm trước nên không trú. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bồ-tát không thấy pháp có thể chấp trước, có thể trú; không thấy người chấp trước, người trú. Trong đây vì pháp khó phá nên chỉ nói không chấp trước pháp, không trú pháp, mà không nói người trú, người chấp trước.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát trú nơi chúng sinh không, pháp không ấy nghĩ rằng: "Ta tu được như vậy" là lỗi, là lìa. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật là không chấp trước tướng, mà Bồ-tát ấy đem tâm chấp ngã, bên ngoài trước không, bên trong trước ngã, không như thật tu Bát-nhã, nên nói xa lìa Bát-nhã. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật là không trước tướng, vì tự tính Không có vậy. Ở trên, vì chấp không nên mất, nay vì phá không nên được Bát-nhã, nhưng lại chấp trước Bát-nhã không có tự tính, nên lỗi; vì lỗi nên không được thọ ký. Nếu nghĩ rằng, trú trong Bát-nhã có thể sinh Thí Ba-la-mật... cũng lại như vậy.

Hỏi: Nhân duyên cả hai đều bị lỗi như trên nói, có thể được; còn đây cớ gì bị lỗi?

Đáp: Cả hai đều bị lỗi trên vì chấp trước không, chấp trước vô tự tính, lại không thể tu Thí Ba-la-mật... mà sinh tà kiến, nên nghĩ rằng: Nếu pháp hoàn toàn không thì tu hành cái gì? Người ấy vì chẳng chấp trước không, chẳng chấp trước vô tính nên tu hành Thí Ba-la-mật... nghĩ rằng: Có thể không chấp trước không, không chấp trước vô tính mà tu công đức ấy, ấy là chân đạo, cũng là bị lỗi, vì tâm kia còn có chỗ hy vọng. Nếu mất Bát-nhã thì không thể tu Thí Ba-la-mật cho đến tâm đại bi. Vì sao? Vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là pháp chân thật: Bát-nhã Ba-la-mật tương tợ pháp ấy, các thiện pháp bố thí... không tương tợ, vì còn chấp thủ tướng. Nếu Bồ-tát tự ức tưởng phân biệt hết thảy pháp tướng không thể chấp thủ, thì chư Phật biết người ấy đã được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tướng không chấp thủ là rốt ráo không, không thể chấp thủ, vì các tướng diệt, cũng vì khai thị, diễn nói cho người khác nên mất Bát-nhã. Người ấy vì tâm cầu không, nên lỗi; cầu vô tính cũng lỗi: Ta là người phàm phu sinh tử, các phiền não chưa sạch, làm sao đạt được? Chỉ theo lời Phật dạy, tự mình không phân biệt mà định tâm, vì người khác nói, không chấp thủ hết thảy tướng là thật pháp. Mỗi mỗi nhân duyên đem việc ấy khai thị, giáo hóa, ấy cũng là lỗi. Vì sao? Vì chư Phật đối với các pháp không có sở đắc, nghĩa không có gì chấp thủ cũng như vậy. Pháp không thể thủ tướng, cho đến danh từ giả còn không thể nói, huống gì pháp có sở đắc? Các pháp tướng tịch diệt, không có hý luận, hết thảy đường ngôn ngữ dứt bặt.

Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Nếu "không" có lỗi thì trong "không không" cũng có lỗi? Trong pháp không chấp thủ cũng có lỗi, nhưng không thể không có đạo? Nên nay hỏi Phật: làm sao tu hành không có lỗi lầm ấy? Phật đáp: Nếu Bồ-tát biết các pháp rốt ráo không, không có gì của chính nó, không thể chấp thủ, pháp ấy không thể biết được; tu hành như vậy thì không lỗi. Bồ-tát nếu chấp trước rốt ráo không, chấp trước vô tính, chấp trước đạo tu hành thì Phật nói, cả ba đều có lỗi. Bồ-tát nghe xong thì bỏ tâm chấp trước, nay còn chấp trước sở hành của Phật, chưa bỏ: Như sở hành của Phật chắc chắn là chân đạo, ta chỉ theo Phật tu hành, hết thảy pháp không có gì của chính nó, không chấp thủ tướng. Thế nên là lỗi. Nay có thể như pháp sở đắc trong tâm Phật, pháp tướng như vậy Phật cũng không có tâm sở đắc, vì không có sở đắc nên không tham quý Phật, không khinh hèn kẻ khác. Tâm kia bình đẳng đối với hết thảy chúng sinh.

Đây lại hỏi: Bát-nhã thanh tịnh như vậy, không có lỗi lầm, lìa tự tướng, không chấp trước, không lìa tự tướng tức có chấp trước. Nếu lìa tự tướng, làm sao có thể tu hành?

Phật đáp: Nếu Bồ-tát đối với các pháp, chẳng sinh thì đó gọi là tu Bát-nhã. Bồ-tát ấy không nói sắc hoặc thường hoặc vô thường; không nói sắc ấy là sắc gì, sắc ấy là sắc phá, sắc gì phá người. Sắc cho đến Nhất thiết chủng cũng như vậy. Nếu pháp rốt ráo không, như vậy truy tìm không thể được; ấy là không thể sinh. Vì sao? Vì pháp có tự tính Không thể sinh pháp có tự tính; pháp không có tự tính Không thể sinh pháp không có tự tính. Phá các điên đảo được nghị luận chân thật như vậy là đều do sức Bát-nhã Ba-la-mật; các Ba-la-mật khác đi theo; thí như Chuyển luân Thánh vương đến đâu, bốn binh chủng theo nấy. Do phước của Thánh vương nên bốn binh chủng đều có thể bay; do sức Bát-nhã nên các pháp đều là thật tính, đồng đến Phật đạo.

Lại nữa, thí như khéo điều khiển xe bốn ngựa không đi sai đường. Ngựa tuy có sức kéo xe, nếu không có người điều khiển thì không thể đến được. Bố thí... tuy có công đức quả báo, nêu không có Bát-nhã điều khiển thì không thể đến Phật đạo. Mỗi mỗi thí dụ như vậy, năm Ba-la-mật vào trong Bát-nhã Ba-la-mật, tuy không có sai biệt nhưng vì việc ấy mà Bát-nhã là tối tôn tối diệu.

Tu-bồ-đề nghe Phật mỗi mỗi nhân duyên nói Bát-nhã tối đại, lại nghe nói không tu hành là tu hành Bát-nhã, thế nên hỏi Phật: Thế nào là Bồ-tát đạo, thế nào chẳng phải Bồ-tát đạo? Phật đáp: Nhị thừa chẳng phải Bồ-tát đạo, tuy có kẻ phàm phu và các phiền não, chẳng phải Bồ-tát đạo, vì thô nên không nói; còn hàng Nhị thừa đồng tu hành Không, đồng cầu Niết-bàn nên nói là chẳng phải Bồ-tát đạo. Việc thô, người ta không nghi; việc tế người ta nghi. Nhất thiết trí là Bồ-tát đạo, ấy là trong nhân nói quả. Tu-bồ-đề hoan hỷ tán thán Bát-nhã rằng: Bát-nhã Ba-la-mật vì việc lớn nên sinh khởi, như trong Kinh nói rộng, cho đến vì các pháp thường trú.

Tu-bồ-đề gạn hỏi: Nếu Bát-nhã không sinh không diệt, thì làm sao tu bố thí, trì giới...?

Phật đáp: Vì Bát-nhã không sinh không diệt tức là rốt ráo không; vì rốt ráo không nên không trở ngại tu sáu Ba-la-mật. Bồ-tát nghe mỗi mỗi nhân duyên tán thán Nhất thiết trí nên vì Nhất thiết trí mà tu pháp bố thí; vì độ chúng sinh nên hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Công đức của sáu Ba-la-mật ấy an lập trong thật tướng các pháp mà hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy, Bồ-tát đầy đủ sáu Ba-la-mật và các công đức từ bi, không điên đảo, có thiện căn chính hạnh.

Tu-bồ-đề hỏi: Bồ-tát nên làm sao tập hành sáu Ba-la-mật?

Phật đáp: Bồ-tát quán sắc pháp... không hợp không tán. Sắc pháp...

do phiền não điên đảo hòa hợp nên hợp, do chính trí quán sát nên tán; Bồ-tát do lợi trí quán sát sâu xa thì không có pháp hợp, còn phiền não điên đảo hư dối nên chẳng phải hợp; như ở trước phá ô nhiễm và người ô nhiễm đã nói rõ. Thế nên Bồ-tát biết các pháp vốn không hợp nên cũng không tán, thì không sinh tâm cao ngạo.

Lại nữa, Bồ-tát không nên nghĩ ràng: Ta do trí tuệ chân thật làm cho sắc pháp... thanh tịnh mà an trú trong đó. Vì sao? Vì sắc pháp... không có chỗ trú; như đất trú nôi nước, nước trú nôi gió, gió trú nơi không, không không có chỗ trú; vì vốn không có chỗ trú nên hết thảy đều không trú. Bồ-tát nên như vậy trú trong pháp không trú mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong kinh này nói thí dụ: Hạt giống là Bát-nhã Ba-la-mật, quả là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hãy nên gieo hạt giống Bát-nhã. Người là hành giả, nước là năm Ba-la-mật; như người khi tưới tẩm cây, tuy chưa thấy quả nhưng thì tiết đến thì sẽ được; thì tiết hòa hợp là đầy đủ các pháp. Như trong kinh Tán thán Bát-nhã: Nếu Bồ-tát muốn không làm theo kẻ khác thì nên hiểu được thật tướng các pháp; nếu người có tà kiến đi đến phá hoại, thì giác tỉnh mà không theo họ; nếu muốn nghiêm tịnh cõi Phật, ngồi đạo tràng, Chuyển pháp luân, hãy nên học Bát-nhã.

Tu-bồ-đề hỏi Phật: Như lời Phật dạy: Bồ-tát nên học Bát-nhã? Phật dạy: Ta dạy khiến học Bát-nhã.

Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Hết thảy pháp tướng bình đẳng, cớ gì chỉ dạy học Bát-nhã?

Phật đáp: Học Bát-nhã ấy, đối với hết thảy pháp được tự tại, nên Ta dạy học Bát-nhã. Bát-nhã là tối đại đối với hết thảy pháp; như Phật là tối tôn giữa hết thảy chúng sinh. Lại như muôn sông, biển cả là lớn. Lại như trong kinh này nói ví dụ người bắn cung. Nếu Bồ-tát có thể thực hành Bát-nhã tự tại, đối với các pháp như vậy thời ma hoặc ma dân không thể hơn được, huống gì người tăng thượng mạn và người tà kiến? Bồ-tát ấy được mười phương chư Phật hộ niệm. Trong kinh đây, Phật nói: Nếu Bồ-tát tu sáu Ba-la-mật, cũng không thể quán sáu Ba-la-mật rốt ráo không; người như vậy có công phu lớn, nên được chư Phật hộ niệm. Thí như dũng sĩ vào trận phá giặc mà không bị thương, được vua hộ niệm; Bồ-tát cũng như vậy, phá giặc phiền não, đầy đủ sáu Ba-la-mật mà không đắm trước sáu Ba-la-mật thì được Phật hộ niệm; không chấp thủ thọ, tưởng, hành, thức của Bồ-tát ấy, nên hộ niệm, vì sao? Vì sắc, thọ, tường, hành, thức là pháp hư dối, không thật; chư Phật, quán thân Bồ-tát ấy đúng như thật tướng nên hộ niệm. Tu-bồ-đề hoan hỷ thưa: Bồ-tát học nhiều, cũng học pháp thế tục, cũng học

đạo, cũng học Ba-la-mật, cũng học rốt ráo không, cũng học khởi, cũng học diệt. Phàm phu thì học khởi, không thể học diệt; Thanh-văn học diệt, không thể học khởi; còn Bồ-tát cũng học khởi, cũng học diệt; thế nên nói có nhiều sở học. Pháp khởi diệt ấy như huyễn, như mộng, rốt ráo không, nên thật không có học gì. Phật hứa khả lời ấy, tự nói nhân duyên: Sở học của Bồ-tát đều không có sở đắc.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Phật nói pháp hoặc lược hoặc rộng, Bồ-tát nên học; vì sao lại nói sở học đều không có sô đắc? Ý Tu-bồ-đề là: Như Phật nói tám vạn bốn ngàn pháp tu, mười hai bộ loại kinh hoặc rộng hoặc lược, là pháp sở học của ba thừa. Trong đây nói Bồ-tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên học sáu Ba-la-mật hoặc lược hoặc rộng. Học là nên thọ trì, thân cận pháp ấy; đọc tụng, suy nghĩ, quán sát đúng, cho đến vào vô tướng tam-muội, tâm tâm số pháp không hiện hành. Bồ-tát học được như vậy thì biết được tướng rộng, tướng lược của các pháp. Rộng là từ tám vạn bốn ngàn pháp tu cho đến vô lượng thật pháp; lược là cho đến tiểu phẩm kinh, một phẩm trong tiểu phẩm kinh, một đoạn trong một phẩm.

Lại nữa, lược là biết các pháp hết thảy không, vô tướng, vô tác, vô sinh, vô diệt; rộng là các pháp phân biệt mỗi mỗi tướng như trong phẩm Thiện tri thức ở sau sẽ nói.

Tu-bồ-đề hỏi: Làm sao Bồ-tát biết được tướng lược, tướng rộng của hết thảy các pháp?

Phật đáp: Nếu biết được các pháp như, như tướng; nghĩa là không sinh, không diệt, không trụ dị.

Hỏi: Nếu như là tướng một, tướng vô sinh thì làm sao Bồ-tát vì biết như ấy nên biết tướng chung, tướng riêng của các pháp: Tướng chung tức là tướng lược, tướng riêng tức là tướng rộng?

Đáp: Như là thật tướng của pháp thường trú không hoại, không theo các lối quán sát. Bồ-tát được "như" ấy tức là phá các điên đảo vô minh tà kiến; người ấy vì được thật pháp nên biết rõ ràng tướng chung, tướng riêng của hết thảy pháp thế gian. Hàng phàm phu con mắt tuệ có bệnh, vì vô minh điên đảo che lấp nên không thể biết như thật.

Hỏi: Tướng thật pháp là không, vô tướng, vô tác, các trí bặt dứt, làm sao nói được tướng như thật? Biết rõ ràng tướng chung, tướng riêng của các pháp?

Đáp: Trước ta đã đáp mà ông đối với "như" còn thủ tướng nên lại vấn nạn. Nếu ông biết "như" thì không nên vấn nạn. Như ấy rốt ráo

vô tướng nên không ngăn ngại biết tướng chung, tướng riêng các pháp, vì con mắt trí tuệ rõ ràng.

Lại nữa, thí như người tuổi đã lớn mới biết việc làm của mình khi nhỏ đều là ngu si, đáng cười. Bồ-tát cũng như vậy, từ trong thật tướng các pháp khởi lên rồi trở lại, đối với sáu căn theo quả báo điên đảo, nghĩ đến cái vui tịch diệt giải thoát mới biết những điều ưa đắm của sáu căn thế gian đều là hư dối, đáng bỏ; ấy gọi là tướng chung. Ở trong đó phân biệt bất tịnh có thượng, trung, hạ; phân biệt vô thường, khổ, không, vô ngã cũng như vậy, cho đến tám vạn bốn ngàn sai lầm.

Lại nữa, biết như như, pháp tính, thật tế nên cũng biết tướng chung, tướng riêng của các pháp. Nghĩa sai khác giữa như như, pháp tính, thật tế như trong phẩm đầu đã nói. Ở đây Phật nói chẳng phải biên tế là thật tế. Chẳng phải biên tế là không có tướng có thể chấp thủ, không có pháp nhất định có thể chấp trước, vì được pháp tính nên biết mười tám tính của sắc... đều là pháp tính. Tướng của pháp tính là Phật nói không phân, không chẳng phân. Không phân là không thể chỉ bày cái kia, cái này, không có phân biệt; không có tướng, không có lượng; không chẳng phân là không chấp trước vô tướng ấy; vô lượng là phá tướng lượng, pháp tính vì hai việc ngăn ngại nên không thấy: Một là không thấy có tướng có lượng; hai là thấy không tướng không lượng. Có tướng có lượng là thô; không tướng không lượng là tế. Thế nên nói, tướng của pháp tính Không phân, không chẳng phân. Bồ-tát vào ba môn giải thoát, trú trong ba thật pháp là như như, pháp tính, thật tế thì có thể trù lượng, biết tướng chung, tướng riêng của các pháp. Tu-bồ-đề nghe Phật đáp xong, lại muốn hỏi Phật về các phương diện khác của vô lượng Phật pháp. Phật đáp: Biết hết thảy pháp không hợp không tán thì biết tướng chung, tướng riêng của các pháp.

Hỏi: Mắt thấy hai ngón tay có hợp có tán, vì sao nói không hợp không tán?

Đáp: Trước ta đã nói, cái thấy của mắt thịt với trâu dê thấy không khác nhau, không đáng tin. Lại nữa, ba đốt da bọc thịt gọi là ngón tay; ngón tay không có pháp nhất định. Lại, giả sử có ngón tay cũng không thể hợp hết, chỉ hợp một phần, còn nhiều phần khác không hợp; vì nhiều phần không hợp nên không được nói ngón tay hợp.

Hỏi: Một ít phần hợp nên gọi là hợp?

Đáp: Một ít phần thì không gọi là ngón tay, làm sao nói ngón tay hợp? Nếu nhiều phần không hợp thì không gọi là không hợp, cớ gì vì một ít mà lại gọi là hợp? Thế nên không được nói hai ngón tay hợp.

Lại nữa, ngón tay với từng phần không khác, không một, tức là không có ngón tay; không có ngón tay nên không hợp. Ở trong môn phá một, khác, thì hoàn toàn không có hợp, như Phật nói trong đây: Hết thảy pháp, tự tính Không có; tự tính Không có nên tức là không có pháp; không có pháp thì làm sao có hợp, có tán? Tu-bồ-đề nghe Phật nói như như, pháp tính, thật tế không hợp không tán; biết tướng lược, tướng rộng, thế nên Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Ấy gọi là tóm thâu Bát-nhã Ba-la-mật. Tóm thâu là con đường an ổn nên các Bồ-tát nên học.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 83

GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI CHÍN (tiếp): ĐẠI PHƯƠNG TIỆN

KINH: Bạch đức Thế Tôn! Môn lược nhiếp Bát-nhã ấy hàng Bồ-tát lợi căn có thể ngộ nhập.

Phật dạy: Bồ-tát độn căn cũng có thể ngộ nhập, Bồ-tát trung căn, Bồ-tát tán tâm cũng có thể ngộ nhập; môn ấy vô ngại, nếu Bồ-tát nhất tâm học đều vào được. Người giải đãi thiếu tinh tấn, vọng niệm, loạn tâm không thể vào được; người tinh tấn, không giải đãi, chánh niệm nhiếp tâm có thể vào. Người muốn trú địa vị bất thối chuyển muốn mau đến trí Nhất thiết chủng có thể vào. Bồ-tát nên học như Bát-nhã Ba-la-mật đã dạy cho đến nên học như Thí Ba-la-mật đã dạy; Bồ-tát ấy sẽ được Nhất thiết trí. Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật, các ma sự muốn khởi lên liền dứt. Vì vậy nên Bồ-tát muốn được sức phương tiện hãy tu Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu Bồ-tát hành, tập, tu Bát-nhã Ba-la-mật, như vậy thì khi ấy chư Phật hiện tại trong vô lượng vô số quốc độ đều nghĩ đến vị Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật ấy. Vì sao? Vì từ trong Bát-nhã phát sinh chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì vậy nên Bồ-tát nên suy nghĩ như vầy: Pháp của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại chứng được, ta cũng sẽ được. Như vậy, Bồ-tát nên tập Bát-nhã Ba-la-mật, nếu tập Bát-nhã Ba-la-mật như vậy mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì vậy nên Bồ-tát thường nên không xa lìa Nhất thiết trí. Nếu Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật như vậy cho đến trong khoảnh khắc khảy móng tay, phước đức của Bồ-tát ấy rất nhiều. Nếu có người dạy cho chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, tự ý bố thí, trì giới, thiền định, trí tuệ, dạy khiến được giải thoát, giải thoát tri kiến, dạy khiến được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, thì cũng không bằng vị Bồ-tát ấy

tu Bát-nhã trong khoảnh khắc khảy móng tay. Vì sao? Vì từ trong Bát-nhã sinh ra bố thí, trì giới, thiền định, trí tuệ, quả Tu-đà-hoàn cho đến đạo Bích-chi Phật. Mười phương chư Phật hiện tại cũng từ trong Bát-nhã

sinh; chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai cũng từ trong Bát-nhã sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên nghĩ tới Nhất thiết trí mà tu Bát-nhã Ba-la-mật, hoặc trong giây lát hoặc nửa ngày, hoặc một ngày, hoặc một tháng, hoặc trăm ngày, hoặc một năm, hoặc trăm năm, hoặc một kiếp, trăm kiếp cho đến vô lượng vô biên vô số kiếp, thì phước đức của Bồ-tát tu Bát-nhã ấy rất nhiều, hơn dạy cho chúng sinh trong mười phương hằng hà sa số thế giới bố thí, trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến; hơn dạy khiến được quả Tu-đà-hoàn cho đến đạo Bích-chi Phật. Vì sao? Vì chư Phật từ trong Bát-nhã sinh, dạy bố thí, trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, Tu-bồ-đề quả cho đến đạo Bích-chi Phật.

Nếu có Bồ-tát an trú như Bát-nhã dạy, nên biết Bồ-tát ấy là vị bất thối chuyển, được Phật hộ niệm. Thành tựu sức phương tiện như vậy, nên biết Bồ-tát ấy thân cận cúng dường vô lượng ngàn vạn ức Phật, gieo trồng căn lành, đi theo thiện tri thức lâu ngày tu sáu Ba-la-mật, lâu ngày tu mười tám không, bốn niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo, mười lực của Phật cho đến trí Nhất thiết chủng. Nên biết Bồ-tát ấy ở địa vị làm con của đấng Pháp vương, đầy đủ thiện nguyện, thường không lìa Phật, không lìa các căn lành, từ một cõi Phật đến một cõi Phật. Nên biết Bồ-tát ấy có biện tài vô tận, đầy đủ Đà-la-ni, đầy đủ sắc thân, đầy đủ sự thọ ký, nên vì chúng sinh mà thọ thân. Nên biết Bồ-tát ấy khéo biết môn văn tự, khéo biết chẳng phải môn văn tự, khéo nói, khéo chẳng nói, khéo nói một lời, khéo nói hai lời, khéo nói nhiều lời, khéo biết người nam nói, khéo biết người nữ nói, khéo biết sắc cho đến thức, khéo biết tính thế gian, khéo biết tính Niết-bàn, khéo biết tướng pháp, khéo biết tướng hữu vi, khéo biết tướng vô vi, khéo biết pháp có, khéo biết pháp không, khéo biết tự tính, khéo biết tha tính; khéo biết pháp hợp, khéo biết pháp tán, khéo biết pháp tương ưng, khéo biết pháp không tương ưng, khéo biết như, khéo biết chẳng như, khéo biết pháp tính, khéo biết pháp vị, khéo biết duyên, khéo biết vô duyên, khéo biết ấm, khéo biết giới, khéo biết nhập, khéo biết bốn đế, khéo biết mười hai nhân duyên, khéo biết thiền, khéo biết sáu Ba-la-mật, khéo biết bốn niệm xứ cho đến khéo biết trí Nhất thiết chủng, khéo biết tính hữu vi, khéo biết tính vô vi, khéo biết tính có, khéo biết tính Không, khéo biết quán sắc, khéo biết quán thọ, tưởng, hành, thức, cho đến khéo biết quán trí Nhất thiết chủng, khéo

biết sắc, tướng sắc không, khéo biết tướng thọ, tưởng, hành, thức không, cho đến khéo biết Bồ-đề, tướng Bồ-đề không, khéo biết đạo xả bỏ, khéo biết đạo không xả bỏ, khéo biết sinh, khéo biết diệt, khéo biết trụ dị,

khéo biết dục, khéo biết sân, khéo biết si, khéo biết không dục, khéo biết không sân, khéo biết không si, khéo biết thấy, khéo biết chẳng thấy, khéo biết tà kiến, khéo biết chánh kiến, khéo biết hết thảy kiến, khéo biết danh, khéo biết sắc, khéo biết danh sắc, khéo biết nhân duyên, khéo biết tăng thượng duyên, khéo biết hành tướng, khéo biết khổ, khéo biết tập, khéo biết diệt, khéo biết đạo; khéo biết địa ngục, khéo biết ngạ quỷ, khéo biết súc sinh, khéo biết người, khéo biết trời, khéo biết cõi địa ngục, khéo biết cõi ngạ quỷ, khéo biết cõi súc sinh, khéo biết cõi người, khéo biết cõi trời, khéo biết Tu-đà-hoàn, khéo biết quả Tu-đà-hoàn, khéo biết đạo Tu-đà-hoàn, khéo biết Tư-đà-hàm, khéo biết quả Tư-đà-hàm, khéo biết đạo Tư-đà-hàm, khéo biết A-na-hàm, khéo biết quả A-na-hàm, khéo biết đạo A-na-hàm, khéo biết A-la-hán, khéo biết quả A-la-hán, khéo biết đạo A-la-hán, khéo biết Bích-chi Phật, khéo biết quả Bích-chi Phật, khéo biết đạo Bích-chi Phật, khéo biết Phật, khéo biết trí Nhất thiết, khéo biết Đạo trí Nhất thiết, khéo biết các căn, khéo biết các căn đầy đủ, khéo biết tuệ, khéo biết tuệ nhạy bén, khéo biết tuệ có lực, khéo biết tuệ lanh lợi, khéo biết tuệ xuất ly, khéo biết thông đạt, khéo biết tuệ rộng lớn, khéo biết tuệ thâm sâu, khéo biết tuệ lớn, khéo biết tuệ vô đẳng, khéo biết tuệ như thật, khéo biết đời quá khứ, khéo biết đời vị lai, khéo biết đời hiện tại, khéo biết phương tiện, khéo biết đợi chúng sinh, khéo biết tâm, khéo biết tâm sâu xa, khéo biết nghĩa, khéo biết lời nói, khéo biết phân biệt ba thừa.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, sinh Bát-nhã Ba-la-mật, tu Bát-nhã Ba-la-mật được các lợi ích như vậy.

LUẬN: Ý Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Do bốn cửa đi vào tuy an ổn, song vì rất sâu xa nên chỉ kẻ lợi căn mới vào được.

Phật đáp: Không ai không vào được. Tu-bồ-đề hiểu chỉ người có lợi căn trí tuệ vào được, còn ý Phật thì người chỉ có nhất tâm tinh tấn muốn học đều có thể vào được. Thí như lúc nóng bức gặp ao nước trong mát, người có mắt có chân đều có thể vào, còn người tuy ở gần mà không muốn vào thì không vào. Bốn cửa vào ao Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, bốn phương chúng sinh có ngăn ngại gì. Người không giải đãi là người chánh tinh tấn, người không vọng niệm là người có chánh niệm, người không loạn tâm là người có chánh định. Bốn cửa như vậy là chánh kiến, an trú trong chánh kiến... là giới hạnh; tám thánh đạo ấy có thể được Bát-nhã Ba-la-mật. Tu-bồ-đề là người Tiểu thừa trí mỏng, nên chỉ nói người lợi căn mới vào được, còn Phật Đại thừa trí lớn nên nói tuy hàng trung căn, độn căn mà tu

tập tám pháp cũng có thể vào bốn cửa ấy. Trong đây, Phật vì tâm đại bi nên nói hàng trung căn, độn căn đều có thể vào được. Nếu Bồ-tát học sáu Ba-la-mật như Bát-nhã đã nói thì không bao lâu sẽ được Nhất thiết trí. Như trong pháp Thanh-văn, không chỉ do chánh kiến đắc đạo mà còn do cả tám thánh đạo hợp thành; pháp Đại thừa cũng như vậy, không chỉ học Bát-nhã được Nhất thiết trí, mà còn phải hợp với năm Ba-la-mật kia mới được. Thế nên nói Bồ-tát đúng như Bát-nhã đã nói nên học được trí Nhất thiết.

Hỏi: Ở trên chỉ nói Bát-nhã hay đưa đến trí Nhất thiết chủng, nay cớ sao lại nói hợp cùng với năm Ba-la-mật mới được đến?

Đáp: Thường nói hợp cùng sáu Ba-la-mật nên được đến; hoặc có khi ở cõi Phật thanh tịnh, chỉ nghe thật tướng là đến được Nhất thiết trí, không cần thứ lớp tu các Ba-la-mật. Trong đây nói, Bồ-tát được Nhất thiết trí thì chỉ do công của Bát-nhã đã đủ, nên nay chỉ tán thán thế lực của người tu Bát-nhã. Như trong kinh này nói: Bồ-tát hành Bát-nhã thì ma sự có khởi lên liền dứt.

Từ trên kia, "chư Phật hộ niệm" cho đến đây đều là tán thán công đức Bồ-tát hành Bát-nhã cho đến phân biệt khéo biết ba thừa. Khéo biết môn văn tự là, như đã nói trong văn tự Đà-la-ni. Môn chẳng văn tự là: Như như, pháp tính, thật tế, trong đó không có văn tự. Nói lược là Bồ-tát có lực phước đức vô lượng nên khéo biết hai pháp, là thế gian và Niết-bàn; nếu muốn mất Niết-bàn thì trở lại nghĩ đến thế gian. Tu tập các phước đức nên khéo biết chữ, phá điên đảo đối với phước đức nên khéo biết chẳng phải có chữ. Lời nói, chẳng phải lời nói cũng như vậy. Một lời nói là do một lời nói có thể phân biệt nhiều ít, lời nói trong sạch, lời nói không trong sạch. Một lời, hai lời, nhiều lời, trai nói, gái nói, âm thanh khác nhau. Bồ-tát khéo biết việc ấy nên hàng phục các tà đạo và các kẻ hiếu thắng. Khéo biết sắc cho đến thức hai tướng hoặc thường hoặc vô thường, như trước nói. Khéo biết đạo xả bỏ là Bồ-tát từ một địa, đến một địa, xả bỏ địa dưới không ưu, được địa trên không tham; đạo chẳng xả bỏ là trú trong địa ấy không bỏ. Tà kiến tiếp thế gian chánh kiến, hết thảy kiến, các kiến học, vô học. Hành là mười sáu hành. Khéo biết Tu-đà-hoàn là khéo biết người; đạo Tu-đà-hoàn là kiến đế đạo; quả Tu-đà-hoàn là Tâm tâm số pháp thứ mười sáu và vô lậu giới... cho đến Phật cũng như vậy. Khéo biết các căn là khéo phân biệt hai mươi hai căn. Có người nói xem chúng sinh có thể độ căn có lợi, độn; người đầy đủ căn có

thể độ, người không đầy đủ căn chưa thể độ. Lại Bồ-tát cũng tự biết

căn lành đầy đủ, không đầy đủ; như chim con tự biết lông cánh đầy đủ mới có thể bay. Tuệ là tướng chung của hết thảy trí tuệ. Tật tuệ là mau biết các pháp. Có người tuy mau mà trí lực không mạnh; nhu ngựa tuy chạy mau mà sức yếu. Có người tuy mạnh mà trí lực không lanh giống như búa đùi tuy có sức mạnh mà không thể chặt cây. Tuệ ra khỏi là, ở trong các vấn nạn có thể tự ra khỏi, cũng có thể ở trong các phiền não tự ra khỏi, cũng có thể ở trong các phiền não tự ra khỏi ba cõi mà vào Niết-bàn. Tuệ thông đạt là, rốt ráo thông suốt Phật pháp, cho đến lậu hoặc dứt sạch, được Niết-bàn, phá các pháp để đi vào pháp tính. Tuệ rộng lớn là, các kinh sách, luận nghị giữa đời và đạo không có trong pháp mà có thể biết hết. Tuệ thâm sâu là, quán hết thảy pháp vô tướng không ngại, không thể nghĩ nghì. Trí tuệ sâu của thế gian là, có thể biết việc lâu xa, việc trong lợi có suy, trong suy có lợi. Tuệ lớn là, gồm thâu đủ các tuệ trên gọi là lớn; lại trong hết thảy chúng sinh, Phật là lớn; trong hết thảy pháp. Bát-nhã là lớn; biết Phật và tin pháp cùng với đại pháp hòa hợp nên gọi là lớn. Tuệ vô đẳng là, ở trong Bát-nhã mà không chấp trước Bát-nhã, vào sâu được như vậy, không còn pháp gì có thể ví dụ nên gọi là vô đẳng. Lại nữa, Bồ-tát dần dần hành đạo đạt đến tính Không thể nghĩ nghì, không có gì sánh bằng nên gọi là vô đẳng. Tuệ như thật là như ngọc như ý không có màu sắc nhất định, tùy theo vật đối hiện trước nó mà biến màu; Bát-nhã cũng như vậy, không có tướng nhất định, chỉ tùy theo các pháp hành. Lại, như ngọc như ý, tùy ước nguyện đều đạt được; Bát-nhã cũng như vậy, người thực hành Bát-nhã có thể đạt ước nguyện thành Phật, huống gì các ước nguyện khác. Quá khứ đã diệt, vị lai chưa sinh, không được nói rằng có, không được nói rằng không; hành được thật tướng trong đó, ấy gọi là khéo biết. Pháp hiện tại niệm niệm sinh diệt, không thể biết mà có thể thông đạt, ấy gọi là khéo biết đời hiện tại. Phương tiện là, muốn thành tựu công việc phải có đầy đủ nhân duyên nhiều ít thích hợp, không bị sai lạc mới được. Như Bồ-tát tuy tập hành không, mà không chứng thật tế; tuy tập hành phước đức cũng không đắm trước. Đợi chúng sinh là, như khách buôn, đại tướng, tuy cỡi ngựa nhanh, có thể mau đến nôi, song cố đợi mọi người; Bồ-tát cũng như vậy, cỡi ngựa tài trí tuệ, tuy có thể mau vào Niết-bàn, cũng đợi chúng sinh nên không vào. Khéo biết tâm thiện ác của chúng sinh. Tâm sâu xa là, hiện tại tuy ác, nhưng vốn nó là thiện. Như cha mẹ đánh con, bên ngoài ác mà bên trong thiện; như Phật độ chàng Ương-quật-ma-la, biết nó tâm hiện ra bên ngoài tuy ác mà thâm tâm thật thiện. Bồ-tát quán xét chúng sinh đủ năm thiện căn tín, tấn, niệm, định, tuệ từ trong tâm sâu xa đi đến, khi ấy có thể độ được. Nghĩa có hai:

Cũng chỉ pháp, cũng chỉ tên. Ngữ là lời nói, dùng danh từ để gọi vật. Được nghĩa vô ngại, pháp vô ngại nên gọi là khéo biết nghĩa. Được từ vô ngại, vui nói vô ngại nên gọi là khéo biết nghĩa. Bồ-tát có hai việc khéo biết ấy có thể đem pháp ba thừa độ chúng sinh, ấy gọi là khéo biết phân biệt ba thừa. Như vậy, vì khó hiểu nên nói, còn điều dễ hiểu không nói.

Hỏi: Cớ sao trước nói khéo biết sắc cho đến thức, sau mới nói khéo biết ấm, giới, nhập? Cớ sao trước nói khéo biết duyên sau mới khéo biết nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên?

Đáp: Trước nói rộng, sau nói lược. Lại có người nói: Trước nói ngũ uẩn có ba thứ: Thiện, bất thiện và vô ký. Giới uẩn, định uẩn... cũng gọi là năm uẩn. Duyên trước nói lược, sau nói rộng.

--oOo---

GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI: BA TUỆ

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát làm thế nào hành Bát-nhã Ba-la-mật sinh Bát-nhã Ba-la-mật tu Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Vì sắc tịch diệt, vì sắc không, vì sắc hư dối, vì sắc không chắc thật nên hành Bát-nhã Ba-la-mật; vì thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Như ông hỏi: Làm thế nào sinh Bát-nhã Ba-la-mật? Vì như hư không sinh nên sinh Bát-nhã Ba-la-mật. Như ông hỏi: Làm thế nào tu Bát-nhã Ba-la-mật? Tu các pháp phá hoại nên tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Hành Bát-nhã Ba-la-mật, sinh Bát-nhã Ba-la-mật, tu Bát-nhã Ba-la-mật trải qua bao nhiêu thời gian? Phật dạy: Từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng nên hành,

nên sinh, nên tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Tâm thứ lớp có thể hành Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Thường không bỏ tâm Nhất thiết trí, không để các niệm khác xen vào, là hành Bát-nhã Ba-la-mật, là sinh Bát-nhã Ba-la-mật, là tu Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu tâm tâm số pháp không hiện hành là hành Bát-nhã Ba-la-mật, là sinh Bát-nhã Ba-la-mật, là tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật sẽ được Nhất thiết trí chăng?

Phật dạy: Được.

Bạch đức Thế Tôn! Không tu Bát-nhã Ba-la-mật được Nhất thiết trí chăng?

Phật dạy: Không.

Bạch đức Thế Tôn! Tu và không tu được Nhất thiết trí chăng?

Phật dạy: Không.

Bạch đức Thế Tôn! Chẳng phải tu chẳng phải không tu được Nhất thiết trí chăng?

Phật dạy: Không.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu không như vậy thì làm sao sẽ được Nhất thiết trí?

Phật dạy: Bồ-tát được Nhất thiết trí như tướng Như.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao như tướng Như như thật tế? Làm sao như thật tế như pháp tính? Làm sao như pháp tính? Như ngã tính, chúng sinh tính, thọ mạng tính?

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là ngã tính, chúng sinh tính, thọ mạng tính?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao? Ngã, chúng sinh, thọ mạng có thể có được chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Không thể có được.

Phật dạy: Nếu ngã, chúng sinh, thọ mạng không thể có được, làm sao nói có ngã tính, chúng sinh tính, thọ mạng tính? Nếu trong Bát-nhã không nói có hết thảy pháp thì sẽ được trí Nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề thưa: Chỉ Bát-nhã là không thể nói, hay Thiền Ba-la-mật cho đến Thí Ba-la-mật cũng không thể nói?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bát-nhã không thể nói, bố thí cho đến hết thảy pháp hoặc hữu vi, hoặc vô vi, hoặc Thanh-văn, hoặc Bích-chi Phật, hoặc Bồ-tát, hoặc Phật cũng không thể nói.

Bạch Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp không thể nói, làm sao nói đó là địa ngục, là súc sinh, là ngạ quỷ, là người, là trời, là Tu-đà-hoàn, là Tư-đà-hàm, là A-na-hàm, là A-la-hán, là Bích-chi Phật, là chư Phật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao? Danh từ chúng sinh ấy thật có thể có được chăng?

Bạch đức Thế Tôn! Không thể có được.

Phật dạy: Nếu chúng sinh không thể có được, làm sao nói có địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời, Tu-đà-hoàn cho đến Phật? Như vậy,

Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật nên học hết thảy pháp không thể nói.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát khi học Bát-nhã Ba-la-mật nên học sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến nên học trí Nhất thiết chủng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát khi học Bát-nhã Ba-la-mật nên học sắc không thêm không bớt cho đến nên học trí Nhất thiết chủng không thêm không bớt.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Vì sao học sắc không thêm không bớt cho đến học trí Nhất thiết chủng không thêm không bớt?

Phật dạy: Vì không sinh không diệt nên học.

Bạch đức Thế Tôn! Sao gọi là không sinh không diệt nên học?

Phật dạy: Không khởi không làm các hành nghiệp hoặc có hoặc không.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao không khởi không làm các hành nghiệp hoặc có hoặc không?

Phật dạy: Quán các pháp tự tướng không.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao nên quán các pháp tự tướng không? Phật dạy: Nên quán sắc, sắc tướng không; nên quán thọ, tưởng,

hành, thức, . . . thức tướng không; nên quán mắt, tướng mắt không, cho đến ý, sắc cho đến pháp, nhãn thức giới cho đến ý thức giới, . . . tướng ý thức giới không; nên quán nội không, tướng nội không không, cho đến nên quán tự tướng không, tướng tự tướng không không; nên quán bốn thiền, tướng bốn thiền không, cho đến diệt thọ tưởng định, tướng diệt thọ tưởng định không; nên quán bốn niệm xứ, tướng bốn niệm xứ không, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không. Như vậy, Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật nên hành các pháp tự tướng không.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu sắc, tướng sắc không, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không, thì làm sao Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Không hành là hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao không hành là hành Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Bát-nhã Ba-la-mật không thể có được, Bồ-tát không thể có được, hành cũng không thể có được; người hành, pháp hành, chỗ hành cũng không thể có được, ấy gọi là Bồ-tát hành không hành Bát-nhã Ba-la-mật, vì hết thảy hý luận không thể có được.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu không hành là hành Bát-nhã Ba-la-mật, vậy Bồ-tát khi mới phát tâm, làm sao hành Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát từ khi mới phát tâm lại đây, nên học không, không có sở đắc. Bồ-tát ấy dùng không có sở đắc nên bố trí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, vì không có sở đắc nên tu trí tuệ; cho đến trí Nhất thiết chủng cũng như vậy.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là có sở đắc? Thế nào gọi là không có sở đắc?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Có hai là có sở đắc, không có hai là không có sở đắc.

Bạch đức Thế Tôn! Hai cái gì là có sở đắc, không hai cái gì gọi là không có sở đắc?

Phật dạy: Mắt và sắc là hai, cho đến ý và pháp là hai, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và Phật là hai, ấy gọi là hai.

Bạch đức Thế Tôn! Không có sở đắc từ trong có sở đắc hay không có sở đắc từ trong không có sở đắc?

Phật dạy: Không có sở đắc chẳng từ trong có sở đắc; không có sở đắc cũng chẳng từ trong không có sở đắc. Này Tu-bồ-đề! Có sở đắc, không có sở đắc, bình đẳng ấy gọi là không có sở đắc. Như vậy, Bồ-tát đối với có sở đắc, không có sở đắc bình đẳng ấy nên học. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát học Bát-nhã như vậy gọi là người không có sở đắc, không có lỗi lầm.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật không hành có sở đắc, không hành không có sở đắc, làm sao từ một địa đến một địa được trí Nhất thiết chủng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật không trú trong có sở đắc, từ một địa đến một địa. Vì sao? Vì trú trong có sở đắc thì không thể từ một địa đến một địa. Vì sao? Vì vô sở đắc là tướng Bát-nhã Ba-la-mật, vô sở đắc là tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vô sở đắc cũng là tướng người hành Bát-nhã Ba-la-mật. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên hành Bát-nhã Ba-la-mật như vậy.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bát-nhã không thể

có được, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không thể có được, người hành Bát-nhã cũng không thể có được, làm sao Bồ-tát phân biệt được các pháp tướng là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức cho đến là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật không thủ đắc sắc, không thủ đắc thọ, tưởng, hành, thức cho đến không thủ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, sắc không thể có được cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thể có được, thì làm sao đầy đủ Thí Ba-la-mật cho đến đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật để vào pháp vị? Vào rồi làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, được trí Nhất thiết chủng? Được trí Nhất thiết chủng rồi chuyển bánh xe pháp, làm Phật sự độ chúng sinh khỏi vòng sinh tử?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát không vì sắc mà hành Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến không vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát vì việc gì nên hành Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Không vì việc gì nên hành Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì hết thảy pháp không có làm gì, Bát-nhã Ba-la-mật cũng không có làm gì, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không có làm gì, Bồ-tát cũng không có làm gì. Như vậy, Bồ-tát nên hành Bát-nhã Ba-la-mật không có làm gì.

LUẬN: Người nghe nghe tán thán công đức Bát-nhã khéo biết hết mọi việc mà yêu quý Bát-nhã, dùng phương tiện muốn được. Tu-bồ-đề biết ý mọi người nên hỏi Phật: Làm sao hành Bát-nhã? Làm sao sinh? Làm sao tu? Có người nói: Hành là ở địa vị Càn tuệ; Sinh là ở địa vị được Vô sinh nhẫn; Tu là sau địa vị Vô sinh nhẫn, do Thiền Ba-la-mật huân tu Bát-nhã. Phật đáp: Nam uẩn là nôi tâm thế gian hiện hành, trói buộc; Niết-bàn là tướng tịch diệt. Bồ-tát do sức trí tuệ Bát-nhã thông lợi nên có thể phá năm uẩn, thông đạt làm cho không, tức là tướng Niết-bàn tịch diệt. Từ tịch diệt khởi xuất trú trong sáu căn, trở lại nghĩ tới tướng tịch diệt, biết các pháp đều không, hư dối không chắc thật; ấy gọi là Bát-nhã. Hành Bát-nhã không có định tướng nên không được nói hoặc có hoặc không, vì đường nói năng dứt bặt; "không" như hư không, thế nên nói như hư không sinh. Lại, như hư không, trong hư không không có pháp sinh, hư không cũng không thể

có sinh gì. Vì sao? Vì hư không không có pháp, không có hình, không có xúc chạm, không có tướng tạo tác, Bát-nhã cũng như vậy.

Lại có người nói: Có hư không, chỉ vì nó là pháp thường, không có tạo tác nên không sinh; ấy là định tướng của hư không. Trong Đại thừa, hư không là không có thật pháp, không được nói nó thường, không được nói nó vô thường; không được nói có, không được nói không; không được nói chẳng phải có chẳng phải không; dứt hết hí luận, không nhiễm không trước cũng không có văn tự; Bát-nhã cũng như vậy, hay quán thế gian tợ như hư không; ấy gọi là sinh Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát được Bát-nhã rồi, vào sâu thiền định, do sức Bát-nhã nên quán và duyên của thiền định đều phá hoại. Vì sao? Vì Bát-nhã xả bỏ hết thảy pháp, không trước tướng; ấy gọi là tu Bát-nhã Ba-la-mật. Người nghe nghĩ rằng: Hết thảy pháp đều có thời tiết, thế nên Tu-bồ-đề hỏi: Hành Bát-nhã phải trải qua bao nhiêu thời gian? Phật đáp: từ khi mới phát tâm tu cho đến khi ngồi đạo tràng.

Hỏi: Bồ-tát từ khi mới phát tâm nên tu mười địa, sáu Ba-la-mật, ba bảy phẩm trợ đạo, hết thảy thiện pháp, cớ sao chỉ nói hành Bát-nhã?

Đáp: Tu-bồ-đề chỉ hỏi Bát-nhã nên Phật chỉ đáp hành Bát-nhã. Lại, hết thảy pháp đều hòa hợp với Bát-nhã, vì Bát-nhã lớn nên không nói các pháp khác.

Hỏi: Bát-nhã vô lượng vô hạn, cớ gì lấy việc ngồi đạo tràng làm giới hạn?

Đáp: Trước đã đáp: Bát-nhã khi đến trong tâm Phật, chuyển lại gọi là Nhất thiết trí; lý tuy một mà danh từ đã đổi, nên nói siêng tu cho đến khi ngồi đạo tràng. Bồ-tát đến đạo tràng, từ khi phát tâm lại đây, những pháp tu được đều xả bỏ, được vô ngại giải thoát nên thông suốt cả ba đời.

Hỏi: Trong khoảnh khắc khảy móng tay gồm có sáu mươi niệm, niệm niệm sinh diệt, làm sao một tâm có thể thường niệm Nhất thiết trí không để cho niệm khác xen vào?

Đáp: Tâm có hai thứ: Một là tâm niệm niệm sinh diệt; hai là tâm thứ lớp nối nhau sinh, chung gọi là một tâm. Vì thứ lớp nối nhau sinh nên tuy có nhiều mà gọi là một tâm. Khi ấy không để cho tâm tham, giận tiếp tục xen vào. Vì sao? Vì tâm tham, giận trụ lâu thì có thể làm chướng ngại Bát-nhã; niệm ít thì không hại. Đây là vì hàng Bồ-tát mới phát tâm mà nói.

Lại có đại Bồ-tát tuy hành các thiện pháp khác mà đều hòa hợp với Bát-nhã nên có thể làm cho trong mỗi niệm các tâm khác không xen vào.

Bồ-tát phần nhiều đối với Bát-nhã khởi lên các hí luận và các tà kiến, nên Phật dạy thường nghĩ đến Nhất thiết trí, đừng để các tâm khác xen vào. Thường nghĩ đến là tâm không hướng đến chỗ khác, giả sử chết đến bên mình cũng không quên Nhất thiết trí. Tướng tu hành Bát-nhã là không hành theo tâm tâm số pháp.

Hỏi: Người phàm phu vào vô tưởng định hoặc sinh cõi trời vô tưởng.

Bậc thánh nhân trú ở Hữu dư Niết-bàn, vào Diệt tận định; hết thảy thánh nhân vào Hữu dư Niết-bàn tâm tâm số pháp đều không hiện hành; tâm tâm số pháp không hiện hành thì khi Bồ-tát hành Bát-nhã, làm sao tâm tâm số pháp không hiện hành?

Đáp: Việc ấy trong A-tỳ-đàm nói chứ không phải nghĩa của Đại Thừa. Tiểu thừa, Đại thừa sai khác như trước nói. Thế nên không nên đem A-tỳ-đàm nạn hỏi Đại thừa.

Lại nữa, trong tam-muội Vô tướng, các tướng sắc... diệt nên gọi là vô tướng, vì vô tướng nên không nên sinh tâm tâm số pháp. Đây cũng chẳng phải là vô tưởng định, diệt tận định.

Hỏi: Nghĩa vô tướng như Phật mỗi mỗi nói hoặc gọi là kiến đế đạo, hoặc tín hành, pháp hành là vô tướng, người cho là mau; hoặc nói định Vô sắc, vì tưởng vi tế khó biết nên cũng gọi là vô tướng; hoặc trong ba môn giải thoát duyên Niết-bàn nên gọi là vô tướng. Thế nên không được nói chỉ vì vô tướng nên gọi là tâm tâm số pháp không hiện hành, cho đến vì duyên Niết-bàn vô tướng, tâm tâm số pháp không diệt, huống gì duyên pháp hữu tướng?

Đáp: Trong kiến đế đạo, trong định vô sắc nói vô tướng có thể được; nếu nói duyên Niết-bàn vô tướng thì không đúng. Phật thường tán thán Niết-bàn vô tướng, vô lượng, không thể nghĩ nghì, tức là pháp vô tướng, vô duyên, ông làm sao nói duyên Niết-bàn?

Hỏi: Diệt tướng nam, tướng nữ nên gọi là vô tướng, chứ không nói không có tướng Niết-bàn? Hành giả thủ tướng Niết-bàn ấy sinh tâm tâm số pháp gọi là duyên.

Đáp: Phật nói hết thảy pháp hữu vi sinh đều là lưới ma, hư dối không thật; nếu tâm tâm số pháp duyên Niết-bàn là thật, thì mất tướng hữu vi hư vọng; nếu không thật thì không thể thấy Niết-bàn. Thế nên ông nói Niết-bàn có tướng có thể duyên, việc ấy không đúng.

Hỏi: Phật tự nói Niết-bàn có ba tướng, sao nay nói vô tướng?

Đáp: Ba tướng ấy giả danh, không thật. Vì sao? Vì phá ba tướng hữu vi nên nói không sinh, không diệt, không trụ dị, vô vi, không có tướng riêng. Lại nữa, tướng sinh trước chẳng mỗi mỗi phá rồi, tướng sinh chẳng thể có được, làm sao có vô sinh? Lìa tướng hữu vi, tướng vô vi không thể có được. Thế nên vô vi chỉ có tên gọi, không có tự tướng.

Lại nữa, Phật pháp chân thật, tịch diệt, không có hý luận; nếu Bát-nhã Ba-la-mật có tướng tức là có tướng chắc thật có thể thủ, bèn là hí luận; hý luận nên sinh ra tranh cãi; nếu tranh cãi sân giận còn không được sinh vào cõi trời cõi người, huống gì Niết-bàn! Thế nên Phật nói Niết-bàn vô tướng, vô lượng, không thể nghĩ nghì, diệt các hí luận. Tướng Niết-bàn ấy tức là Bát-nhã Ba-la-mật. Thế nên không nên có tâm tâm số pháp. Như phẩm trước nói, Bồ-tát hành Bát-nhã lìa tướng tâm và chẳng phải tâm. Nếu có tướng chẳng phải tâm thì nên nạn rằng không có tâm tướng, làm sao hành Bát-nhã? Nay lìa cả hai bên ấy nên không nên vấn nạn.

Lại nữa, vì vô minh điên đảo tà kiến đời trước nên được thân này, tâm tâm số pháp trong thân ấy tuy có thiện song vì nhân duyên sinh nên không có tự tính, hư dối không thật. Quả báo của thiện tâm ấy hưởng phước vui cõi trời cõi người đều là vô thường nên sinh khổ lớn, cũng là hư dối không thật; huống gì tâm bất thiện, vô ký! Nhân hư dối nên quả cũng hư dối; vì Bát-nhã Ba-la-mật chân thật nên tâm tâm số pháp không hiện hành.

Tu-bồ-đề nghe nói tâm tâm số pháp không hiện hành nên hỏi Phật: Tu Bát-nhã Ba-la-mật được Nhất thiết trí chăng? Phật đáp: không. Vì sao? Vì tu là thường hành chứa nhóm, đều là lực của tâm tâm số pháp, nên nói không tu. Tu còn không được, huống gì không tu! Tu và không tu là vì Bát-nhã là pháp vô vi nên không tu; vì Bát-nhã hay quán thật tướng nên nói tu; cả hai đều có lỗi, nên Phật đáp không.

Hỏi: Nếu trong cách thứ ba tu không tu có lỗi, còn trong cách thứ tư chẳng phải tu chẳng phải không tu có lỗi gì mà Phật đáp không?

Đáp: Vì Tu-bồ-đề đem tâm chấp thủ tướng mà hỏi nên Phật đáp không. Vì nhận tu không tu nên mới có việc chẳng phải tu chẳng phải không tu, thế nên Phật đáp không; nếu không đem tâm chấp tướng nói chẳng phải tu chẳng phải không tu thì không có lỗi. Bốn câu hỏi của Tu-bồ-đề Phật đều không chấp thuận nên tâm mê hoặc lại hỏi: Thế Tôn! Nay làm sao sẽ được Nhất thiết trí? Phật đáp: Như tướng như. Tu-bồ-đề cũng không hiểu như, nên Phật lại đáp: như thật tế.

Hỏi: Trong phẩm Như, Tu-bồ-đề tự khéo nói Như, sao đây còn nghi?

Đáp: Như ấy không có tướng nhất định, thế nên không thể không hỏi. Nếu Như có tướng nhất định thì đã hiểu rõ; Như ấy sâu xa vô lượng nên Tu-bồ-đề có chỗ hiểu, có chỗ không hiểu. Thí như chỗ nước lớn, có người vào sâu, có người vào cạn, đều gọi là vào nước; không được nói người vào cạn là không vào nước.

Hỏi: Vì sao không lấy Như để ví dụ thật tế mà lấy thật tế ví dụ Như? Thật tế có gì dễ hiểu nên ví dụ?

Đáp: Như và thật tế tuy là một nhưng khi quán sát có khác nhau.

Như là thể tính các pháp; thật tế là tâm hành giả thủ chứng. Phật vì Tu-bồ-đề thủ chứng thật tế nên lấy thật tế làm ví dụ.

Hỏi: Thường nói pháp tính sau Như, thật tế sau pháp tính; sao nay pháp tính lại nói ở sau?

Đáp: Nay vì muốn lấy ngã tính, chúng sinh tính nói rốt ráo không, nên đổi thứ lớp ở sau. Lại nữa, từ sau khi được thấy đế đạo, trong khi học đạo có thể quán các pháp Như; còn trong vô học đạo, vì phiền não sạch hết, suốt hết thảy tướng chung, tương riêng, gọi là pháp tính. Chỗ bản sinh của các pháp gọi là tính, thế nên lấy pháp tính ví dụ thật tế. Phật dạy: Pháp tính có phần Thanh-văn, có phần Đại Thừa. Tu-bồ-đề đối với phần Thanh-văn không nghi, đối với phần Đại thừa có nghi nên hỏi. Phật muốn lấy việc người phàm có thể hiểu làm chứng, cho nên nói như ngã tính, chúng sinh tính, thọ mạng tính. Tu-bồ-đề không còn hỏi gì nữa. Phật muốn nói câu kết thúc nên hỏi ngược lại Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao? Ngã thật có chăng? Tu-bồ-đề được đạo nên đáp không. Bậc Tu-đà-hoàn còn không thấy ngã, huống gì A-na-hàm! Phật dạy: Ông là hàng Tiểu thừa độn căn còn không thấy ngã, huống gì Phật! Phật dùng trí tuệ tìm ngã không thể có được, thời làm sao có thể nói? Như ngã không thể nói có, thì hết thảy pháp cũng như vậy. Bồ-tát hành được pháp không thể nói ấy nên được Nhất thiết trí. Không thể nói là không thể phân biệt hoặc có hoặc không.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Các pháp nếu không thể phân biệt, làm sao phân biệt nói có địa ngục, ngạ quỷ..., có các thánh đạo Tu-đà-hoàn...?

Phật đáp: Chúng sinh không có định pháp. Địa ngục chỉ có tên gọi giả, làm sao phân biệt nói có không? Chúng sinh và thánh nhân, từ nôi phân biệt chúng sinh nên có các tên thánh đạo, song chúng sinh thật không thể có được. Như thế, Bồ-tát nên học "Bát-nhã Ba-la-mật không thể nói" như

vậy.

Tu-bồ-đề hỏi: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát nên học sắc pháp, nay cớ gì nói học hết thảy pháp không thể nói?

Phật đáp: Bồ-tát tuy học sắc pháp... chỉ nên học là không thêm không bớt. Ý nghĩa không thêm không bớt như trước nói. Trong đây Phật tự nói nhân duyên học được không thêm không bớt: Nếu Bồ-tát học pháp tức là học không thêm không bớt.

Tu-bồ-đề hỏi: Làm sao học pháp không sinh không diệt?

Phật đáp: Không khởi không làm các hạnh nghiệp hoặc có hoặc không. Có là ba hữu (ba cõi): Dục sắc, Sắc hữu và Vô sắc hữu. Không là

đoạn diệt, lìa tám thanh đạo miễn cưỡng muốn cầu tịch diệt. Vì hai việc ấy mà người phàm phu tạo các hành nghiệp hoặc thiện hoặc bất thiện. Bồ-tát biết thật tướng các pháp là không sinh không diệt nên không tạo ba nghiệp, không khởi lên pháp tương ưng với nghiệp; ấy gọi là vô tác giải thoát môn; không sinh không diệt là vô tướng giải thoát môn.

Bạch đức Thế Tôn! Dùng phương tiện gì có thể không khởi không làm các hành nghiệp?

Phật đáp: Nếu Bồ-tát quán được các pháp tự tướng không; nghĩa là sắc, tự tướng sắc không, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không, bấy giờ Bồ-tát có thể làm hai việc: Một là không khởi, không làm các hành nghiệp, hai là có thể đối với hết thảy pháp tập hành tự tướng không.

Lại hỏi: Nếu pháp sắc... tự tướng không, làm sao Bồ-tát nên tập hành Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật đáp: Chẳng hành là hành Bát-nhã Ba-la-mật. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Thể của Bát-nhã Ba-la-mật không thể có được: người tập hành, pháp tập hành, chỗ tập hành không thể có được. Vì pháp không, nên Bát-nhã không thể có được, chỗ tập hành cũng không thể có được; vì chúng sinh không, nên người tập hành không thể có được. Vì hết thảy hí luận không thể có được nên Bồ-tát không tập hành, gọi là hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề hỏi: Nếu không hành là hành Bát-nhã, thì Bồ-tát mới phát tâm làm sao nên hành Bát-nhã? Ý Tu-bồ-đề muốn nói: Nếu không hành là hành thì hàng Bồ-tát mới phát tâm tâm mê muội, nếu cho hành là hành thì là điên đảo, thế nên hỏi. Phật đáp: Bồ-tát mới phát tâm nên học pháp không

có sở đắc, pháp không có sở đắc tức là không có hành. Học là dùng sức phương tiện dần dần tập hành, khi bố thí do pháp không có sở đắc nên bố thí. Trong các pháp thật tướng rốt ráo không, không có pháp có thể được, hoặc có hoặc không; Bồ-tát trú trong trí tuệ ấy nên bố thí hoặc nhiều hoặc ít. Vì xem vật bố thí, người bố thí, người nhận thí, bình đẳng, nghĩa là đều không thể có được; cho đến Nhất thiết trí cũng như vậy. Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Vì có sở đắc thì là thế gian điên đảo; không có sở đắc tức là Niết-bàn, thế nên hỏi Phật: Thế nào là có sở đắc, thế nào là không có sở đắc? Phật lược đáp: Có hai tướng là có sở đắc, không có hai tướng là không có sở đắc. Hai tướng là mắt và sắc; hai cái hòa hợp gọi là hai. Do mắt nên biết sắc; do sắc nên biết là mắt; mắt và sắc đối đãi nhau.

Hỏi: Khi không thấy sắc cũng có mắt, cớ sao mắt không lìa sắc?

Đáp: Vì thấy từng sắc nên gọi là mắt; nay tuy không thấy sắc, vì trước có thấy nên gọi là mắt. Thế nên hết thảy pháp hữu vi đều thuộc nhân duyên; nhân thuộc quả; quả thuộc duyên, không có định tướng tự tại; cho đến ý và pháp, Phật và Bồ-tát cũng như vậy. Kẻ phàm phu ngu trí mỗi mỗi phân biệt, tạo nghiệp thiện ác; kẻ trí biết hai pháp ấy đều hư dối, thuộc nhân duyên, không cho hai là hai. Tu-bồ-đề hỏi: Hai pháp ấy tức là có sở đắc, không có hai pháp tức là không có sở đắc; vậy không có sở đắc từ trong có sở đắc hay không có sở đắc từ trong không có sở đắc? Vì duyên theo các pháp thủ tướng hành đạo nên được rốt ráo không, không có sở đắc? Hay vì không duyên, không thủ tướng hành đạo nên được rốt ráo không, không có sở đắc? Nếu không có sở đắc từ trong có sở đắc, thì có sở đắc tức là điên đảo? Hành theo điên đảo làm sao được chân thật? Nếu không có sở đắc từ trong không có sở đắc, không có sở đắc tức là không có gì? Không có gì thì làm sao phát sinh không có gì?

Phật cho cả hai đều có lỗi nên không chấp thuận, có sở đắc và không có sở đắc đều bình đẳng quán sát. Bình đẳng tức là rốt ráo không, không có sở đắc; nhân không có sở đắc mà phá có sở đắc, việc hoàn thành cũng bỏ luôn, không có sở đắc. Như vậy, Bồ-tát ở nôi có sở đắc và không có sở đắc bình đẳng, trong Bát-nhã nên học. Nếu Bồ-tát học được như vậy gọi là người chân thật không có sở đắc, không có lỗi lầm. Từ một địa đến một địa, ý nghĩa cũng như vậy.

Tu-bồ-đề hỏi: Nếu Bát-nhã không thể có được, Bồ-đề không thể có được, Bồ-tát không thể có được thì làm sao Bồ-tát học Bát-nhã, phân biệt các pháp tướng? Nghĩa là tướng não hoại là sắc, tướng khổ vui là thọ...?

Nếu Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, sắc pháp không thể có được, làm sao đầy đủ được các thiện pháp bố thí...? Làm sao vào được Bồ-tát vị, như trong kinh nói rộng?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

Bồ-tát không vì thủ đắc tướng sắc mà học Bát-nhã.

Lại hỏi: Vì việc gì nên hành Bát-nhã?

Phật đáp: Vì không có sở đắc nên hành Bát-nhã. Vì sao? Vì hết

thảy pháp không, vô tướng, vô tác, vô khởi, Bát-nhã, Bồ-tát, Bồ-đề cũng vô tướng, vô tác, vô khởi, Bồ-tát vì hết thảy thật tướng các pháp nên hành Bát-nhã, chẳng phải vì tâm điên đảo. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên hành vô tác Bát-nhã như vậy, vì không tác, không khởi.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 84

GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI (tiếp): BA TUỆ

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp không có sở vi, không có sở tác thì không nên phân biệt có ba thừa Thanh-văn, Bích-chi Phật và Phật thừa.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Trong các pháp không có sở vi, không có sở tác thì không có phân biệt; trong pháp có sở vi, có sở tác thì có phân biệt. Vì sao? Vì người phàm phu không nghe được Thánh pháp, chấp trước năm thọ uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức; chấp trước Thí Ba-la-mật cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người ấy nghĩ có sắc ấy, được sắc ấy cho đến nghĩ có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy. Bồ-tát ấy nghĩ rằng, ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ta sẽ độ chúng sinh. Này Tu-bồ-đề! Ta dùng năm mắt xem xét còn không thấy được sắc cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, huống là người ngu cuồng không có mắt mà muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, độ thoát chúng sinh?

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Phật dùng năm mắt xem xét không thấy có chúng sinh có thể độ, sao nay Thế Tôn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, phân biệt chúng sinh có ba nhóm: Nhóm chánh định, nhóm tà định, và nhóm bất định?

Phật dạy: Này Tu-bồ-đề! Ta được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lúc đầu không thấy có ba nhóm chúng sinh hoặc chánh định, hoặc tà định, hoặc bất định, vì chúng sinh có ý tưởng cho rằng có pháp, không pháp, Ta muốn trừ vọng tưởng chấp trước ấy nên theo pháp thế tục mà nói có được, chứ chẳng phải theo đệ nhất nghĩa.

Bạch đức Thế Tôn! Chẳng phải trụ trong đệ nhất nghĩa được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ư?

Phật đáp: Không.

Bạch đức Thế Tôn! Trú trong điên đảo được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ư?

Phật đáp: Không.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu không trú trong đệ nhất nghĩa được, cũng không trú trong điên đảo được, vậy có phải không có Thế Tôn không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

Phật dạy: Không. Ta thật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không có chỗ trú hoặc nơi tướng hữu vi, hoặc nơi tướng vô vi. Thí như người Phật biến hóa ra không trú nơi tướng hữu vi, không trú nơi tướng vô vi mà người biến hóa cũng có đến có đi, cũng ngồi cũng đứng. Này Tu-Bồ-đề! Người biến hóa ấy hoặc hành Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, hoặc hành bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông, bốn niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo; hoặc tam-muội Không, tam-muội Vô tướng, tam-muội vô tác; hoặc hành nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; hoặc bội xả, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, đại từ đại bi, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chuyển Pháp luân. Người biến hóa ấy hóa làm vô lượng chúng sinh có ba nhóm. Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Người biến hóa ấy có hành Thí Ba-la-mật cho đến ở ba nhóm chúng sinh chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Không.

Này Tu-bồ-đề! Phật cũng như vậy, biết các pháp như biến hóa, như người biến hóa độ chúng sinh biến hóa, không thật có chúng sinh có thể độ. Như vậy, Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật giống như người Phật biến hóa hành.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp như biến hóa, vậy Phật cùng với người biến hóa có gì sai khác?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Phật cùng với người biến hóa không có sai khác.

Vì sao? Vì Phật có tạo tác, người biến hóa cũng có thể có tạo tác.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu không có Phật, thì riêng người biến hóa có thể có tạo tác chăng?

Phật dạy: Có thể có tạo tác.

Tu-bồ-đề thưa: Làm sao không có Phật mà người biến hóa có thể có tạo tác?

Này Tu-bồ-đề! Thí như quá khứ có Phật hiệu là Tu-kiến-đa, vì muốn độ Bồ-tát nên hóa làm Phật, xong liền tự diệt độ. Vị Phật biến hóa ấy trụ nửa kiếp làm Phật sự, thọ ký cho Bồ-tát hành giả xong mới diệt độ. Hết thảy chúng sinh trong thế gian cũng biết Phật thật diệt độ. Này Tu-bồ-đề! Người biến hóa ấy cũng không sinh không diệt. Như vậy, Bồ-tát hành Bát-

nhã Ba-la-mật nên tin biết các pháp như huyễn hóa.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu Phật và người Phật biến hóa ra không có sai khác, làm sao khiến bố thí thanh tịnh; như người cúng dường Phật, người ấy cho đến khi được Vô dư Niết-bàn, phước đức không cùng tận; nếu cúng dường vị hóa Phật, người ấy cho đến khi được Vô dư Niết-bàn, phước đức cũng có thể không cùng tận ư?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Phật vì thật tướng các pháp nên làm ruộng phước cho chúng sinh và trời người; hóa Phật cũng vì thật tướng các pháp nên làm ruộng phước cho chúng sinh và trời người. Này Tu-bồ-đề! Gác qua phước đức gieo trồng được nơi Phật và hóa Phật ấy, nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân chỉ đem tâm cung kính niệm Phật, do thiện căn ấy cho đến khi hết khổ, thì phước đức kia không cùng tận. Này Tu-bồ-đề! Gác qua việc tâm cung kính niệm Phật ấy, nếu người thiện nam kẻ thiện nữ chỉ dùng một cành hoa rải lên hư không và niệm Phật, cho đến khi hết khổ, thì phước kia không cùng tận. Này Tu-bồ-đề! Gác qua việc tâm cung kính niệm Phật, rải hoa niệm Phật ấy, nếu có người một lần xưng "Nam mô Phật", cho đến khi hết khổ, thì phước kia không cùng tận. Như vậy, trong ruộng phước của Phật gieo trồng, phước kia không cùng tận. Vì vậy nên biết Phật và hóa Phật không có sai khác,, vì thật tướng các pháp không có sai khác. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên như vậy hành Bát-nhã Ba-la-mật, vào trong thật tướng các pháp, thật tướng các pháp ấy không hư hoại; đó là tướng Bát-nhã Ba-la-mật cho đến tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không hư hoại.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu thật tướng các pháp không hư hoại, cớ sao Phật gọi các pháp tướng, nói rằng là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức, là nội pháp, ngoại pháp, là thiện pháp, là bất thiện pháp, là hữu lậu, vô lậu, là thế gian, xuất thế gian, là pháp có tránh, pháp không tránh, là pháp hữu vi, pháp vô vi...? Bạch đức Thế Tôn! Như vậy có phải không hoại pháp tướng chăng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Không. Vì sao? Vì tướng danh tự nên Ta chỉ bày các pháp để chúng sinh hiểu rõ, Phật không phá hoại thật tướng của pháp.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu do tướng danh tự nên Phật thuyết pháp để cho chúng sinh hiểu rõ, thì bạch Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp không có danh, không có tướng, thì làm sao dùng danh tướng để chỉ dạy cho chúng sinh được hiểu?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Theo pháp thế tục có danh có tướng, thật không có chỗ chấp trước. Thí như người phàm phu nghe nói khổ, chấp trước danh, theo tướng, còn Phật và đệ tử không chấp trước danh, không theo tướng.

Nếu đối với danh chấp danh, đối với tướng chấp tướng, thì đối với không cũng nên chấp không, đối với vô tướng cũng nên chấp vô tướng, vô tác cũng nên chấp vô tác, thật tế cũng nên chấp thật tế, pháp tính cũng nên chấp pháp tính, vô vi cũng nên chấp vô vi? Này Tu-bồ-đề! Hết thảy pháp chỉ có danh và tướng, pháp ấy không ở trong danh tướng. Như vậy, Bồ-tát chỉ ở trong danh tướng hành Bát-nhã Ba-la-mật, ở trong danh tướng ấy cũng chẳng nên chấp trước.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp hữu vi chỉ có danh tướng, vậy thì Bồ-tát vì ai nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chịu mọi sự lao khổ khi Bồ-tát hành đạo bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, hành bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo, hành không hạnh, vô tướng hạnh, vô tác hạnh, mười lực của Phật cho đến đại từ đại bi?

Phật dạy: Như lời Tu-bồ-đề nói, nếu hết thảy pháp hữu vi chỉ có danh tướng, thì Bồ-tát vì ai nên hành Bồ-tát đạo? Này Tu-bồ-đề! Nếu pháp hữu vi chỉ có danh tướng, thì danh tướng ấy gọi là tướng không của tướng; vì vậy nên Bồ-tát hành Bồ-tát đạo, được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng rồi, chuyển pháp luân; chuyển pháp luân rồi, lấy pháp ba thừa độ thoát chúng sinh. Danh tướng ấy cũng không sinh, không diệt, không trụ dị.

Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế Tôn nói trí Nhất thiết chủng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ta nói trí Nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề thưa: Phật nói Nhất thiết trí, nói Đạo chủng trí, nói trí Nhất thiết chủng, ba trí ấy có gì sai khác?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nhất thiết trí là trí của Thanh-văn, Bích-chi Phật; Đạo chủng trí là trí của Bồ-tát; trí Nhất thiết chủng là trí của Phật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Vì nhân duyên gì nên Nhất thiết trí là trí của Thanh-văn, Bích-chi Phật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nhất thiết là chỉ cho pháp trong, pháp ngoài mà Thanh-văn, Bích-chi Phật biết được, nhưng không thể dùng trí Nhất thiết đạo, Nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề thưa: Vì nhân duyên gì Đạo chủng trí là trí của Bồ-tát? Phật bảo Tu-bồ-đề: Nhất thiết đạo, hàng Bồ-tát nên biết, hoặc là

đạo Thanh-văn, Bích-chi Phật, đạo Bồ-tát phải biết đầy đủ, cũng phải biết đạo ấy độ chúng sinh mà không tác chứng thật tế.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Như Phật nói Bồ-tát nên đầy đủ các đạo, không nên do đạo ấy tác chứng thật tế ư?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát chưa nghiêm tịnh cõi Phật, chưa thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, khi ấy chưa nên tác chứng thật tế.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát trú trong đạo nên tác chứng thật tế ư?

Phật đáp: Không.

Bạch đức Thế Tôn! Trú trong chẳng phải đạo tác chứng thật tế ư? Phật đáp: Không.

Bạch đức Thế Tôn! Trú trong đạo và chẳng phải đạo tác chứng thật tế ư?

Phật đáp: Không.

Bạch đức Thế Tôn! Trú trong chẳng phải đạo chẳng phải chẳng phải đạo tác chứng thật tế ư?

Phật đáp: Không.

Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát trụ chỗ nào tác chứng thật tế?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao? Ông trú trong đạo, vì không lãnh thọ các pháp nên sạch hết lậu hoặc, tâm được giải thoát chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Không.

Ông trú trong chẳng phải đạo lậu hoặc sạch hết, tâm được giải thoát chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Ông trú trong đạo chẳng phải đạo, lậu hoặc sạch hết, tâm được giải thoát chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Ông trú trong chẳng phải đạo chẳng phải chẳng phải đạo, lậu hoặc sạch hết, tâm được giải thoát chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn. Con không có chỗ trú, không lãnh thọ các pháp, lậu hoặc sạch hết, tâm được giải thoát.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát cũng như vậy, không có chỗ trú nên tác chứng thật tế.

Tu-bồ-đề thưa: Thế nào là tướng của trí Nhất thiết chủng?

Phật dạy: Vì một tướng nên gọi là trí Nhất thiết chủng, đó là tướng các pháp tịch diệt. Lại nữa, đối với hành, loại, tướng mạo, danh tự các pháp hiển bày, thuyết giảng, Phật như thật biết, do vậy gọi là trí Nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nhất thiết trí, Đạo chủng trí, trí Nhất thiết chủng, ba trí ấy dứt kiết sử có sai khác, có cùng tận, có dư thừa chăng?

Phật dạy: Dứt phiền não không sai khác. Chư Phật đều dứt hết phiền não và tập khí, còn Thanh-văn không dứt hết phiền não và tập khí.

Bạch đức Thế Tôn! Các người ấy không được pháp vô vi, có dứt được phiền não ư?

Phật dạy: Không.

Bạch đức Thế Tôn! Trong pháp vô vi có thể có sai khác chăng? Phật dạy: Không.

Bạch đức Thế Tôn! nếu trong pháp vô vi không có sai khác, cớ sao nói người ấy phiền não tập khí dứt, người ấy phiền não tập khí không dứt?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Tập khí chẳng phải phiền não; thân và miệng của hàng Thanh-văn, Bích-chi Phật có việc tợ như tướng dâm dục, sân hận, ngu si, đó là tập khí, người phàm phu làm nó thời mắc tội. Tập khí ba độc ấy chư Phật không có.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu đạo không có, Niết-bàn cũng không có, cớ sao phân biệt nói đây là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát, Phật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đó đều là do pháp vô vi mà có phân biệt là là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát, Phật.

Bạch Thế Tôn! Thật do pháp vô vi nên phân biệt có Tu-đà-hoàn cho đến Phật ư?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Thế Tôn nói có hai việc, đó chẳng phải theo đệ nhất nghĩa; trong đệ nhất nghĩa không nói có hai việc. Vì sao? Vì trong đệ nhất nghĩa không có ngôn thuyết. Vì Thánh đạo dứt kiết sử nên nói có đời sau.

Tu-bồ-đề thưa: Trong các pháp tự tướng không, đời trước không thể có được, huống gì nói có đời sau: (tiền tế, hậu tế)?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Trong các pháp có tự tướng không, không có đời trước huống gì có đời sau. Này Tu-bồ-đề! Vì chúng sinh không biết các pháp tự tướng không nên Ta nói đời trước đời sau; trong các pháp tự tương không đời trước đời sau đều không thể có được. Như vậy, Bồ-tát nên vì pháp tự tướng không mà hành Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu Bồ-tát hành pháp tự tướng không, thì không vướng mắc gì, hoặc nội pháp, hoặc ngoại pháp, hoặc pháp hữu vi, hoặc pháp vô vi, hoặc pháp

Thanh-văn, hoặc pháp Bích-chi Phật, hoặc pháp Phật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thường nói Bát-nhã Ba-la-mật vì nghĩa gì gọi là Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Được đệ nhất độ hết thảy pháp đến bờ kia, vì nghĩa ấy nên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Lại nữa, chư Phật, Bồ-tát, Bích-chi Phật, A-la-hán dùng Bát-nhã ấy được qua bờ kia, vì nghĩa ấy nên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Lại nữa, phân biệt, trù lượng, phá hoại hết thảy pháp cho đến vi trần, trong đó không có chút nào chắc thật, vì nghĩa ấy nên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, các pháp như như, pháp tính, thật tế đều vào trong Bát-nhã, vì nghĩa ấy nên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật không có pháp hoặc hợp hoặc tán, hoặc sắc hoặc vô sắc, hoặc có thể thấy, hoặc không thể thấy, hoặc có đối, hoặc không đối, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật ấy vô sắc, vô hình, vô đối, là một tướng, nghĩa là vô tướng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật ấy hay sinh hết thảy pháp, hết thảy lạc thuyết biện tài, chiếu sáng tất cả; Bát-nhã Ba-la-mật ấy ma hoặc ma trời, Thanh-văn, Bích-chi Phật, người, và các hàng Phạm-chí, ngoại đạo; những người oán thù, hung ác không thể phá hoại vị Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì những hạng người kia đều không thể có được trong Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát ấy nên như vậy hành theo nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát muốn hành nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa nên hành nghĩa vô thường, nghĩa khổ, nghĩa không, nghĩa vô ngã, cũng nên hành nghĩa khổ trí, nghĩa tập trí, nghĩa diệt trí, nghĩa Đạo trí, nghĩa pháp trí, nghĩa loại trí, nghĩa thế trí, nghĩa tha tâm trí, nghĩa tận trí, nghĩa vô sinh trí, nghĩa như thật trí. Như vậy, Bồ-tát vì nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật nên hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Trong Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa ấy, nghĩa với phi nghĩa đều không thể có được, làm sao Bồ-tát vì nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa nên hành Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát vì nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật nên nghĩ như vầy: Tham dục là chẳng phải nghĩa, nghĩa ấy không nên hành; sân hận, ngu si là chẳng phải nghĩa, nghĩa ấy không nên hành; hết thảy tà kiến là chẳng phải nghĩa, nghĩa ấy không nên hành. Vì sao? Vì tướng ba độc "như" không có nghĩa, không có chẳng phải nghĩa; vì hết thảy tướng tà kiến "như" không

có nghĩa, không có chẳng phải nghĩa. Lại nữa, Bồ-

tát nên nghĩ rằng: Sắc chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa, cho đến thức chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa; Thí Ba-la-mật cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa. Vì sao? Vì khi Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không có pháp có thể được hoặc nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa. Có Phật, không có Phật thì các pháp tánh vẫn thường trú, không có nghĩa, không có chẳng phải nghĩa. Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật nên xa lìa nghĩa và chẳng phải nghĩa.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Cớ gì Bát-nhã Ba-la-mật chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Vì hết thảy pháp hữu vi không có tướng làm, vì vậy nên Bát-nhã Ba-la-mật chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa.

Bạch đức Thế Tôn! Hết thảy Hiền Thánh hoặc Phật hoặc đệ tử Phật đều lấy vô vi làm nghĩa, cớ sao Phật nói Bát-nhã Ba-la-mật không có nghĩa, chẳng phải nghĩa?

Phật dạy: Tuy hết thảy Hiền Thánh hoặc Phật hoặc đệ tử Phật đều lấy vô vi làm nghĩa, nhưng cũng không vì vậy tăng thêm, cũng không vì vậy giảm bớt. Thí như hư không "như" không thể tăng thêm chúng sinh, không thể giảm bớt chúng sinh. Như vậy, Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ-tát không thêm không bớt.

Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát học Bát-nhã Ba-la-mật vô vi được trí Nhất thiết chủng chăng?

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Bồ-tát học Bát-nhã Ba-la-mật vô vi ấy sẽ được trí Nhất thiết chủng, không vì hai pháp.

Bạch đức Thế Tôn! Pháp không hai có thể được pháp không hai chăng?

Phật dạy: Không.

Tu-bồ-đề thưa: Pháp hai có thể được pháp không hai chăng?

Phật dạy: Không.

Tu-bồ-đề thưa: Bồ-tát nếu không do pháp hai, không do pháp không hai, làm sao được trí Nhất thiết chủng?

Phật dạy: Không có gì được tức là được, vì thế được, không có gì được.

LUẬN: Tu-bồ-đề lại hỏi: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp không có tướng tạo tác, tướng sinh khởi, làm sao phân biệt có ba thừa? Phật chấp thuận ý ấy và nói nhân duyên: Kẻ phàm phu chưa đắc đạo chấp trước

năm uẩn, cũng chấp trước pháp không, không tạo tác, không sinh khởi cho nên sinh nghi, làm sao phân biệt có ba thừa? Còn ông

đã đắc đạo, không chấp trước năm uẩn, không chấp trước pháp không, không tạo tác, không sinh khởi, cớ sao sinh nghi? Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Ta dùng năm mắt xem còn không thấy các pháp sắc..., huống gì người cuồng không có mắt mà muốn thấy được?

Tu-bồ-đề hỏi: Nếu không có pháp, không có chúng sinh, vì sao nói có ba nhóm chúng sinh?

Phật đáp: Ta xem chúng sinh một nhóm còn không thể có được thì làm sao có ba? Chỉ vì muốn phá trừ điên đảo cho chúng sinh nên phân biệt có ba. Hạng người phá được điên đảo gọi là nhóm chánh định; hạng người chắc chắn không phá được điên đảo là hạng tà định; hạng người gặp được nhân duyên thì có thể phá, không được thì không thể phá điên đảo là thuộc nhóm bất định; đều là nói theo pháp thế tục, chẳng phải chân đệ nhất nghĩa.

Hỏi: Phật thật ở trong đệ nhất nghĩa đắc đạo, cớ gì đáp với Tu-bồ-đề rằng không?

Đáp: Phật dạy: Tu-bồ-đề vì hàng Bồ-tát mới phát tâm nên hỏi, vì thế Phật đáp không. Vì sao? Vì trong pháp điên đảo chấp có còn không thể trú, huống hồ gì trú trong đệ nhất nghĩa không có gì! Thế nên Tu-bồ-đề nghi: Nếu không trú cả hai nôi, thì sẽ không có Thế Tôn, không được thành Chánh giác? Nên Phật đáp: Thật được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chỉ không trú chỗ nào. Tính hữu vi hư dối không thật, tính vô vi không, không có gì của chính nó, cho nên không thể trú. Trong đây Phật muốn nói rõ việc ấy nên nêu ví dụ hóa Phật: Như hóa Phật không trú trong tính hữu vi, không trú trong tính vô vi mà có thể đi lại thuyết pháp.

Hỏi: Người biến hóa đi lại thuyết pháp thì có thể được, làm sao có thể hành Thí Ba-la-mật được?

Đáp: Không nói người biến hóa thực hành được, mà chỉ mắt chúng sinh thấy tợ như có thật hành. Việc biến hóa ấy như trong kinh nói, cho đến tu-phiến-đa. Ý Tu-bồ-đề đã tin chịu, mỗi mỗi nhân duyên người biến hóa và Phật thật không khác nhau, nhưng vẫn còn chút nghi nên hỏi Phật: Nếu không có phân biệt thì phước đức cúng dường Phật thật cho đến khi được Vô dư Niết-bàn không cùng tận, vậy phước đức cúng dường hóa Phật cũng không cùng tận ư? Phật đáp: Cúng dường hóa Phật, Phật thật, phước ấy không khác nhau. Vì sao? Vì Phật chứng được thật tướng các pháp nên phước đức cúng dường không cùng tận, hóa Phật cũng chẳng lìa thật tướng nên cúng dường hóa Phật, tâm không thể khác, phước kia cũng vậy.

Hỏi: hóa Phật không có công đức mười lực..., làm sao bằng Phật thật?

Đáp: Công đức mười lực... đều vào trong thật tướng, nếu mười lực xa lìa thật tướng thì chẳng phải là Phật pháp, bị rơi vào tà kiến điên đảo.

Hỏi: Nếu như vậy, Phật thật, hóa Phật chắc chắn có thật tướng, cớ sao nói đem ác tâm làm thân Phật chảy máu mắc tội nghịch?

Đáp: Trong kinh chỉ nói đem ác tâm làm thân Phật chảy máu, chứ không nói Phật thật hay hóa Phật. Nếu cúng dường hóa Phật được đầy đủ phước, thì nếu đem ác tâm hủy báng cũng phải mắc tội nghiệp; vì người ác định gọi hóa Phật là Phật thật nên đem ác tâm làm Phật chảy máu, bèn mắc tội nghịch.

Hỏi: Nếu như vậy, cớ gì trong Luật tạng nói giết hóa nhân không phạm giới sát?

Đáp: Trong Luật tạng đều vì việc thế gian, nhiếp chế chúng Tăng nên kiết giới, chứ không luận thật tướng. Vì sao? Vì theo Luật tạng có người, có chúng sinh theo giả danh mà kiết giới, vì hộ trì Phật pháp nên không xem tội đời sau nhiều ít. Lại, tội nặng đời sau trong Luật lại xem nhẹ, như đạo nhân đánh chết trâu dê, tội nặng mà giới nhẹ, còn đạo nhân tán thán người nữ thì đối với giới là nặng mà tội đời sau lại nhẹ. Giết trâu dê biến hóa thì mọi người không cô hiềm cũng không dị nghị nhưng tự mắc tội trong tâm; nếu giết trâu dê thật và trâu dê biến hóa mà tâm không cho là khác nhau thì mắc tội như nhau. Nhưng ý của Phật chế giới là vì bị mọi người cô hiềm nên là nặng, thế nên trong kinh nói ý nghiệp rất nặng, chứ không phải thân nghiệp, khẩu nghiệp. Như người làm việc bố thí lớn mà không bằng người hành từ tam muội, vì hành từ tam-muội xem chúng sinh không có sở đắc nên tự được vô lượng phước; người tà kiến dứt thiện căn, tuy không não hại chúng sinh mà bị vào địa ngục A-tỳ. Thế nên cúng dường hóa Phật, Phật thật với tâm bình đẳng thì phước cũng bình đẳng.

Lại nữa, trong đây Phật nói, gác qua việc hóa Phật đầy đủ tướng sáng, nếu có người thấy tượng đất đá mà có từ tâm niệm Phật thì người ấy cho đến khi hết khổ, phước kia không cùng tận. Lại, gác qua việc tượng đất đá, nếu người có tâm cung kính, tuy không thấy tượng Phật mà vì nghĩ đến Phật, dùng hoa rải giữa hư không để cúng dường, phước ấy cũng được dứt hết khổ. Lại gác qua việc rải hoa, chỉ một lần xưng "nam mô Phật", người ấy cũng cho đến được hết khổ, phước kia không cùng tận.

Hỏi: Tại sao chỉ xưng suông danh tự "Nam mô Phật" bèn được hết khổ, mà phước kia không cùng tận?

Đáp: Vì người ấy từng nghe công đức của Phật hay độ thoát khổ già,

bệnh, chết cho chúng sinh, nên hoặc cúng dường nhiều ít và xưng danh hiệu Phật, được vô lượng phước; cũng đến khi hết khổ, phước không cùng tận. Thế nên, vì phước điền vô lượng nên tuy tâm nhu nhuyến bố thí, phước kia cũng không cùng tận. Có các nhân duyên và thí dụ như vậy nên Phật thật, hóa Phật không khác nhau. Cúng dường nơi phước điền của Phật, phước kia vô lượng, vì thật tướng hết thảy pháp không khác biệt.

Tu-bồ-đề hỏi: Bạch đức Thế Tôn! Nếu thật tướng các pháp không phá hoại nên hai Phật không khác, nay Phật phân biệt thuyết pháp, nói ấy là sắc, ấy là thọ, tưởng, hành, thức cho đến ấy là hữu vi, ấy là vô vi há không phá hoại thật tướng các pháp ư?

Phật đáp: Này Tu-bồ-đề! Phật tuy mỗi mỗi phân biệt thuyết pháp, chỉ dùng ngôn thuyết muốn cho chúng sinh được giải thoát, mà tâm Phật không vướng mắc gì. Nếu hai Phật cùng nói với nhau không nên nói danh tự, vì chúng sinh không hiểu kịp Phật nên muốn dẫn chúng sinh hiểu biết mà nói thiện nói ác, như trong kinh Pháp Hoa nói ví dụ Nhà lửa, dùng ba xe để dụ dẫn các người con ra khỏi nhà. Chỉ dùng danh tướng thuyết pháp mà không phá hoại đệ nhất nghĩa.

Tu-bồ-đề hỏi: Tuy dùng danh tướng vì chúng sinh thuyết pháp, không có thật sự, như vậy há không hư dối ư?

Phật đáp: Thánh nhân nói theo thế tục, trong đó không có chỗ chấp trước danh tướng. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Nếu phàm phu nói khổ thì chấp danh thủ tướng, chư Phật và đệ tử miệng nói khổ mà tâm không chấp trước, nếu chấp trước thì không gọi là khổ thánh đế. Khổ đế tức là danh tướng, không có chân thật nhất định, phàm phu chấp trước cũng là danh tướng, không có chân thật nhất định, làm sao trong danh tướng "không" lại chấp trước danh tướng "không"? Nếu trong danh tướng không mà chấp trước danh tướng thì đối với Không ấy cũng nên chấp trước Không; vô tướng cũng nên chấp trước vô tướng, vô tác cũng nên chấp trước vô tác, cho đến tính vô vi cũng nên chấp trước tính vô vi. Pháp ấy đều như tướng khổ đế của phàm phu, chỉ có danh tướng, danh tướng cũng không trú trong danh tướng. Bồ-tát vào trong pháp môn danh tướng ấy trú trong danh tướng Bát-nhã ấy nên quán sát hết thảy pháp không có thật.

Tu-bồ-đề hỏi: Nếu hết thảy pháp chỉ có danh tướng, Bồ-tát làm sao phát tâm như trong kinh nói?

Phật đáp: Nếu hết thảy pháp chỉ có danh tướng, trong danh tướng, danh tướng cũng không; pháp ấy đều rốt ráo không, vào như, pháp tánh, thật tế; thế nên Bồ-tát có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác,

cho đến có thể dùng pháp tam thừa độ chúng sinh. Nếu pháp có thật tướng nhất định, chẳng phải danh tướng tức là không có sinh diệt, vì không có sinh diệt nên không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo, làm sao đem pháp Nhị thừa độ chúng sinh? Nếu các pháp chỉ là danh tự suông không có thật, cũng không sinh diệt, vì không sinh diệt nên không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo thì làm sao có thể độ? Nay Bồ-tát biết hết thảy pháp danh tướng "không" thì xa lìa điên đảo của thế gian, cũng biết danh tướng "không", cũng xa lìa danh tướng "không". Như vậy, lìa có lìa không, ở vào trung đạo có thể độ chúng sinh. Ý Phật muốn nói: Bồ-tát hành Bát-nhã trung đạo ấy được trí Nhất thiết chủng.

Bấy giờ Tu-bồ-đề muốn nạn hỏi nên trước ấn định lời Phật, mới hỏi: Thế Tôn nói trí Nhất thiết chủng ư?

Phật dạy: Ta nói trí Nhất thiết chủng.

Lại hỏi: Phật thường nói ba trí, ba trí có gì sai khác?

Phật dạy: Nhất thiết trí là trí của Thanh-văn, Bích-chi Phật. Vì sao? Vì Nhất thiết là trong sáu căn, ngoài sáu trần mười hai nhập; trí Thanh-văn, Bích-chi Phật biết được tướng chung của pháp ấy đều và vô thường, khổ, không, vô ngã. Đạo chủng trí là trí của Bồ-tát. Đạo có bốn thứ là: Đạo thọ phước lạc trong cõi nhân thiên; nghĩa là gieo trồng phước đức thọ quả báo phước lạc trong trời, người, cọng với ba thừa đạo thành bốn. Pháp của Bồ-tát là dẫn đường cho chúng sinh, đưa vào trong đại đạo. Nếu người không thể vào đại đạo thì đưa vào Nhị thừa; nếu người không thể vào Niết-bàn, thì đưa vào phước lạc cõi người cõi trời, làm nhân duyên cho Niết-bàn. Đạo phước lạc của thế gian là mười điều thiện và phước đức bố thí; ba mươi bảy phẩm trợ đạo là đạo của Nhị thừa; ba mươi bảy phẩm trợ đạo và sáu Ba-la-mật là đạo của Bồ-tát, Bồ-tát nên biết rõ ràng các đạo. Bồ-tát dùng Phật đạo để làm lợi mình, lợi người và dùng ba đạo kia chỉ vì chúng sinh; ấy gọi là Đạo chủng trí của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề hỏi: Cớ gì Đạo chủng trí là việc của Bồ-tát.

Phật đáp: Bồ-tát nên đầy đủ hết thảy đạo, cùng đạo ấy giáo hóa chúng sinh, tuy ra vào đạo ấy mà chưa giáo hóa chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật, thì không thủ chứng; khi đầy đủ việc ấy, vậy sau mới ngồi đạo tràng thủ chứng. Thế nên Đạo chủng trí là việc của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề hỏi: Bồ-tát trú ở chỗ nào thủ chứng thật tế? Ý Tu-bồ-đề

muốn hỏi: Nếu ở trong đạo thủ chứng thì việc ấy không đúng, vì có hai lỗi: Một là người còn có kiết sử không thể có chánh trí rốt ráo thanh tịnh; nếu có thì không khác gì với Phật, nếu khác mà còn phiền não tập khí

nên phải có sai lầm. Hai là hết thảy pháp hữu vi đều là hư dối, do hòa hợp nên có, giả danh không có chân thật nhất định, thế nên Phật đáp không. Bấy giờ Tu-bồ-đề hoặc nghĩ rằng: Đạo mà Phật chứng được rất sâu, không thể biết tận đáy, thế nên lại hỏi: Bồ-tát trú chỗ nào thủ chứng thật tế? Phật hỏi ngược lại Tu-bồ-đề.

Hỏi: Cớ gì Phật không đáp thẳng mà hỏi ngược lại Tu-bồ-đề?

Đáp: Tu-bồ-đề đối với đạo sở đắc rõ ràng không lầm, vì quí chuộng pháp sở chứng của Phật, đối với bốn câu hý luận như còn có tâm chấp trước, không hiểu rõ nên hỏi. Vì thế Phật lấy chỗ sở chứng của Tu-bồ-đề hỏi ngược lại: Khi ông đắc đạo là ở trong bốn câu chứng đắc ư? Đáp: Thưa không, con không có chỗ trú mà được sạch hết lậu hoặc. Phật dạy: Ông không có chỗ trú mà tâm được giải thoát, thì nên biết Bồ-tát cũng như vậy, không ở trong bốn câu mà chứng thật tế, cho nên Phật hỏi ngược lại.

Lại có người hỏi: Trong bốn cách đáp, đây là đáp bằng cách hỏi ngược lại.

Hỏi: Tu-bồ-đề ở trong Kim cang tam-muội tâm được giải thoát, cớ gì nói không trú trong đạo?

Đáp: Trú là thủ tướng pháp thật có nhất định; người ấy lại cầu thắng pháp vô vi nên không gọi là trú nôi pháp hữu vi, vì không cần dùng nên không trú trong đó. Lại có người nói: Danh tướng ấy trong pháp phàm phu còn có phân biệt là Kim cang, là giải thoát; còn chứng được pháp vô tướng thì không phân biệt gì. Phật vì pháp vô tướng nên hỏi ngược lại Tu-bồ-đề: Ông không nên lấy danh tướng mà hỏi, ông không nên lấy danh tướng mà vấn nạn.

Trí Nhất thiết chủng là trí của Phật. Trí Nhất thiết chủng là trí thông suốt không ngại đối với hết thảy pháp ba đời, biết rõ lớn nhỏ, tinh thô, không việc gì không biết. Phật tự nói nghĩa của trí Nhất thiết chủng, có hai tướng: Một là thông suốt thật tướng các pháp, là tướng tịch diệt, như nước trong biển lớn, gió không thể lay động, vì nó sâu thẳm, sóng mòi không khởi lên; trí Nhất thiết chủng cũng như vậy, gió hý luận không thể làm lay động; hai là đối hết thảy pháp có thể dùng danh tướng, văn tự, ngữ ngôn thông suốt rõ ràng vô ngại, bao nhiếp hai việc có không, nên gọi là trí Nhất thiết chủng. Có người nói: Mười trí lực, bốn việc không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không sinh đều là tướng trí tuệ hòa hợp; ấy gọi là trí Nhất thiết chủng. Lại có người nói: Từ Kim cang tam-muội, thứ lớp được vô ngại giải thoát nên hoặc lớn nhỏ, xa gần, cạn sâu, khó dễ không việc gì không biết. Có vô lượng nhân duyên như vậy nên gọi là trí Nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề nghe xong hỏi Phật: Phật phân biệt trí tuệ có cao, vừa, thấp, vậy phiền não do trí tuệ đoạn trừ có sai khác chăng?

Phật đáp: Không có sai khác. Khi đang đoạn trừ thì có sai khác, đoạn trừ xong rồi thì không có sai khác; thí như lưỡi dao có bén, lụt, nên khi chặt có chậm mau; khi chặt xong không có sai khác. Như Lai đối với phiền não và tập khí đều dứt hết, còn Thanh-văn, Bích-chi Phật chỉ dứt phiền não mà tập khí đang còn.

Tu-bồ-đề hỏi: Ba cách đoạn phiền não như Phật nói là hữu vi hay là vô vi? Phật đáp: Đều là vô vi.

Lại hỏi: Trong pháp vô vi có thể có sai khác chăng?

Phật đáp: Pháp ấy vô tướng, vô lượng, làm sao có thể có sai khác?

Lại hỏi: Nếu không có sai khác thì làm sao nói trong sự đoạn trù ấy còn sót lại hay không còn sót lại?

Phật đáp: Tập khí không gọi là phiền não thật; có người tuy dứt tất cả phiền não mà nôi thân và miệng cũng có tướng phiền não xuất hiện, phàm phu thấy nghe tướng ấy thì khởi tâm bất tịnh. Thí như A-la-hán Mật-bà-tư-tra năm trăm đời ở giữa loài khỉ, nên nay tuy được thành A-la-hán mà vẫn còn tập khí leo trèo cây cối, người ngu trông thấy liền sinh kiêu mạn nói vị Tỳ-kheo ấy giống như khỉ; vị A-la-hán ấy không có tâm phiền não nhưng còn có thói quen cũ. Lại như A-la-hán Tất-lăng-già-bà-sa năm trăm đời sinh trong nhà Bà-la-môn, tập quen tâm khinh miệt, nên khi được thành A-la-hán mà còn nói với thần sông Hằng rằng: Tiểu tỳ phải ngưng chảy để cho ta đi qua. Thần sông Hằng nổi giận, đến cáo tố với Phật. Phật dạy ông sám hối, ông còn xưng là tiểu tì. Tập khí của phiền não thân nghiệp và khẩu nghiệp như vậy, hàng Tiểu thừa chưa dứt sạch, còn Phật không có việc ấy. Như một Bà-la-môn ác khẩu, trong một lúc lấy năm trăm việc mắng Phật, Phật không có sắc giận. Tâm Bà-la-môn bèn hoan hỷ, liền trong một lúc lấy năm trăm việc hay tán thán Phật, Phật cũng không có sắc mừng. Nên biết, phiền não tập khí Phật đã sạch hết, lành và dữ không khác nhau.

Lại, Phật khi mới đắc đạo, từ trong công đức thật đã tỏa ra tiếng tăm tốt đẹp, chỉ có Phật tự biết; và việc Bà-la-môn giết người con gái Phạm-chí Tôn-đà-lị (Sondari), đem xác bỏ bên Tinh xá để vu khống Phật, tiếng dữ đồn xa, Phật đối với hai việc ấy tâm không đổi khác, cũng không lo mừng. Lại, Phật vào làng Bà-la-môn khất thực, mang bát không trở về, hoặc được hàng trời người cúng dường, hoặc trong ba tháng phải ăn cơm bằng lúa nuôi ngựa, hoặc trời Đế thích dùng món ăn trời để cúng dường, hoặc Phật ở lại trong rừng A-la-bà-già bị chông gai, gió rét, hoặc ở trong vườn Hoan

hỷ, ở trên tảng đá trắng báu lớn của Chư thiên mềm dịu, trơn láng; hoặc nằm trên tọa cụ của Chư thiên... đối với những việc tốt xấu, lành dữ như vậy, tâm Phật không lo mừng. Lại như Đề-bà-đạt-đa đem sân tâm lăn đá đến Phật, hoặc La-hầu-la đem tâm cung kính chấp tay lễ Phật, đối với hai người ấy, tâm Phật bình đẳng thương yêu như yêu đôi mắt mình. Có những điều gây loạn như vậy, Phật không có tư tường dối khác. Thí như vàng thật, đốt, mài, giũa, sắc nó không biến đổi. Phật trải qua các việc ấy, tâm không có thêm bớt, nên có thể biết các tập khí phiền não yêu ghét, Phật đều dứt sạch.

Tu-bồ-đề thưa: Nếu trong thật tướng các pháp hoặc đạo, hoặc Niết-bàn, không có gì của chính nó, nếu không có gì của chính nó thì cớ sao phân biệt đây là Tu-đà-hoàn, đây là Bích-chi Phật chưa dứt hết tập khí, còn Phật đã dứt hết tập khí?

Phật dạy: Ba thừa của bậc thánh đều do pháp vô vi mà có sai khác. Tuy nhân nơi vô vi mà có sai khác, song đối với pháp vô vi có thể nói được. Tu-bồ-đề muốn ấn định lời Phật nên hỏi: Thật do pháp vô vi nên có sai khác ư?

Phật đáp: Theo danh tướng ngữ ngôn của thế tục nên có thể phân biệt sai khác, còn trong đệ nhất nghĩa không có phân biệt. Vì sao? Vì trong đệ nhất nghĩa, hết thảy đường ngôn ngữ dứt, hết thảy chỗ tâm hành dứt, chỉ vì các bậc Thánh đã dứt kiết sử nên nói có đời sau; đời sau là Vô dư Niết-bàn.

Tu-bồ-đề hỏi: Các pháp tự tướng không, nên đời trước không thể có được, huống gì đời sau? Vì sao? Vì nhân đời trước nên có đời sau?

Phật hứa khả lời ấy: Vì chúng sinh không biết các pháp tự tướng không, nên Phật nói đời trước đời sau, chứ trong các pháp tự tướng không, đời trước đời sau không thể có được. Vì sao? Vì trước có sinh thì sau có già chết! Nếu lìa già chết có sinh thì không chết mà sinh? Cái sinh ấy không có nhân duyên? Nếu trước có già chết sau có sinh, không sinh làm sao có già chết? Trước và sau đã không thể có được thì cùng một lúc cũng không thể có được? Vì thế nên nói trong pháp tự tướng không, không có đời trước đời sau. Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên do pháp không tự tướng mà hành Bát-nhã, nội ngoại pháp cho đến Phật pháp đều không vướng mắc.

Hỏi: Từ trước lại đây thường nói tướng Bát-nhã, cớ gì nay còn hỏi? Đáp: Không chỉ hỏi tướng mà còn hỏi Phật thường nói Bát-nhã Ba-

la-mật, lấy nghĩa gì nên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Vì sự đệ nhất độ hết thảy pháp qua đến bờ kia, gọi là Bát-

nhã Ba-la-mật. Đệ nhất độ là hàng Thanh-văn dùng trí thấp độ mà qua; hàng Bích-chi Phật dùng trung trí mà qua, còn đối với hàng Bồ-tát dùng thượng trí mà qua, nên gọi là đệ nhất độ.

Lại nữa, phiền não có chín: Thượng, trung, hạ mỗi bậc có ba; trí tuệ cũng có chín bậc: Trí tuệ hạ hạ, là trí từ độn căn Tu-đà-hoàn, cho đến trí thượng hạ là trí của đệ nhất Thanh-văn Xá-lợi-phất; bậc trí thượng trung là trí Bích-chi Phật; bậc trí thượng thượng là Bồ-tát. Dùng thượng thượng trí độ thoát nên gọi là đệ nhất độ. Đối với Thanh-văn, Bích-chi Phật chỉ tướng chung độ thoát, nôi tướng riêng có phần ít. Còn Bồ-tát đối với hết thảy pháp tướng chung, tướng riêng đều biết rõ ràng, nên gọi là đệ nhất độ.

Lại nữa, khi Bồ-tát độ thoát, trí tuệ biết khắp pháp có thể biết, còn hàng Nhị thừa đối với pháp có thể biết, trí không biến khắp được, nên gọi là đệ nhất độ.

Lại nữa, đệ nhất độ là hàng Đại thừa phước đức, trí tuệ, sáu Ba-la-mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo đầy đủ nên an ổn đi qua.

Lại nữa, chư Phật, đại Bồ-tát và chư thiên đều đến giúp đỡ, an ổn được độ; như người cỡi thuyền bảy báu, sửa sang dụng cụ đi đường đầy đủ, chắc chắn; trên thuyền đủ thứ đồ ăn ngon, có người dẫn đường tốt, lại gặp gió thuận, thì có thể vượt qua tốt đẹp. Nếu người cỡi chiếc bè cỏ đi qua chỗ ghê sợ thì không gọi là vượt qua tốt.

Lại nữa, Phật nói người ba thừa do Bát-nhã Ba-la-mật mà vượt đến bờ bên kia Niết-bàn, dứt mọi ưu khổ; vì nghĩa ấy nên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, trong Bát-nhã Ba-la-mật, hết thảy pháp trong ngoài, lớn nhỏ, tư duy, trù lượng, phân biệt, truy tìm cho đến nhỏ như mảy bụi, không có cái gì bền chắc. Khi đến tướng vi trần thì không thể phân chia; tâm tâm số pháp trong một niệm cũng không thể phân chia; trong Bát-nhã Ba-la-mật ấy tâm và sắc đều phá hoại, truy tìm không thể có được chắc thật; vì nghĩa ấy nên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, Bát-nhã là tuệ, Ba-la-mật là đến bờ kia. Bờ kia là cùng tận bờ mé của hết thảy trí tuệ. Trí tuệ là tướng không thể phá hoại, tướng không thể phá hoại tức là Như, thật tế, pháp tính, vì nó thật nên không thể phá hoại; ba việc đó nhiếp vào trong Bát-nhã nên gọi là Bát-nhã

Ba-la-mật.

Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật không có pháp với pháp hoặc hợp, hoặc tán, vì rốt ráo không. Bát-nhã Ba-la-mật ấy không sắc, không hình, không đối, chỉ một tướng đó là không có tướng. Nghĩa ấy như trước đã nói. Có

các nhân duyên như vậy nên gọi là nghĩa Bát-nhã.

Nay sẽ nói nghĩa Bát-nhã. Nghĩa là Bát-nhã có thể sinh ra tất cả trí tuệ, thiền định, lạc thuyết biện tài. Do lực Bát-nhã nên diễn thuyết một câu mỗi mỗi làm trang nghiêm cùng kiếp không hết. Chỗ mặt trời mặt trăng, sao không thể chiếu đến, Bát-nhã Ba-la-mật chiếu được. Bát-nhã phá bóng tối vô minh tà kiến. Ma hoặc ma dân hoặc người cầu Thanh-văn, Bích-chi Phật, ngoại đạo, người ác không thể phá hoại. Vì sao? Vì Bồ-tát hành Bát-nhã, các người ấy đều không thể có được ở trong Bát-nhã.

Lại nữa, nếu hành giả nhất tâm tín thọ, đọc tụng thì các người ác không thể tìm được chỗ thuận tiện, huống gì hành giả nhớ nghĩ đúng, làm đúng như nói. Như vậy, Bồ-tát nên hành nghĩa Bát-nhã ấy. Nghĩa Bát-nhã là nghĩa vô thường, nghĩa khổ, không, vô ngã, trí bốn đế, trí tận, trí vô sinh, trí pháp, trí loại, trí thế, trí tha tâm, trí như thật nên hành Bát-nhã. Bát-nhã ấy như biển cả có các báu vật hoặc lớn hoặc nhỏ, duy nhất là ngọc như ý. Bát-nhã cũng có các châu báu trí tuệ, đó là: Bốn thánh hạnh vô thường, khổ, không, vô ngã, mười trí, duy nhất có như thật trí giống như ngọc như ý.

Hỏi: Như phẩm trước nói, hành theo thường hoặc vô thường không gọi là hành Bát-nhã Ba-la-mật, nay cớ sao nói: Hành nghĩa vô thường... nên hành Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Tôi đã đáp như trước: Vô thường có hai thứ: Nếu tâm chấp trước hý luận và hý luận vô thường thì không gọi là hành Bát-nhã; nếu không có tâm chấp trước, không hý luận vô thường là phá điên đảo chấp thường. Lại không tự sinh tâm chấp trước, ấy gọi là hành Bát-nhã.

Hỏi: Trong Tam tạng chỉ có mười trí, sao trong đây có thêm trí như thật?

Đáp: Thế nên gọi là Đại thừa. Đại pháp hay hàm thọ tiểu pháp, tiểu pháp không hàm thọ được đại pháp.

Hỏi: Mười trí có thể tướng riêng, còn trí như thật có tướng gì?

Đáp: Có người nói: Biết được thật tướng các pháp là như như, pháp tính, thật tế, gọi là tướng như thật trí. Trong đây Phật nói trí như thật là chỉ cho trí Phật có được. Vì sao? Vì người nào chưa sạch, còn có vô minh thì không thể biết như thật. Hàng Nhị thừa và Đại Bồ-tát tập khí chưa sạch nên không thể biết khắp hết thảy pháp, hết thảy chủng, không gọi là trí như thật, chỉ có Phật đối với hết thảy vô minh dứt sạch, không còn thừa nên có thể biết như thật.

Hỏi: Nếu ngoài Phật lại không có người nào có trí như thật, thì hàng

Nhị thừa làm sao được Niết-bàn, hàng Bồ-tát làm sao được vô sinh nhẫn?

Đáp: Trí như thật có hai: Một là biến khắp, đầy đủ, hai là chưa đầy đủ. Đầy đủ là Phật, chưa đầy đủ là Nhị thừa và đại Bồ-tát. Thí như trong nhà tối, vì cần việc nên đốt đèn; việc làm xong sau lại đốt đèn, ánh sáng càng tỏ thêm. Nhà tối có hai phần, một phần ngọn đèn trước đã trừ, phần thứ hai ngọn đèn sau trừ. Bóng tối phần thứ hai hợp với ánh sáng ngọn đèn đầu, nếu không như vậy thì ngọn đèn thứ hai vô dụng. Như vậy, trí tuệ của hàng Nhị thừa và đại Bồ-tát tuy đã phá vô minh, song phần vô minh, mà trí tuệ Phật trừ được các người trên không thể trừ; không được nói ngọn đèn đầu không chiếu sáng. Như vậy, không được nói trí tuệ của hàng Nhị thừa, Bồ-tát là biết khắp như thật. Trí biết khắp như thật là trí Phật, còn trí như thật là trí chung của Nhị thừa và Bồ-tát.

Tu-bồ-đề hỏi: Bạch đức Thế Tôn! Nếu trong Bát-nhã thâm sâu, nghĩa và phi nghĩa đều không thể có được, làm sao nói Bồ-tát vì nghĩa Bát-nhã thâm sâu nên hành Bát-nhã?

Phật đáp: Các phiền não tham dục là phi nghĩa không nên hành. Các pháp có ba phần: Các phiền não tham dục là phi nghĩa; các thiện pháp sáu Ba-la-mật... là nghĩa; sắc pháp vô ký nên chẳng phải nghĩa chẳng phải phi nghĩa. Nếu có người đối với phiền não và người gây phiền não sinh tâm oán ghét, thì đối với các thiện pháp sáu Ba-la-mật và người hành thiện pháp sinh tâm thương yêu, còn đối với sắc pháp vô ký và người hành pháp vô ký sinh tâm ngu si thì như trong kinh nói: Phàm phu khi thọ vui sinh tâm tham, khi thọ khổ sinh tâm giận, khi thọ không vui không khổ sinh tâm si. Thế nên nói Bồ-tát nên nghĩ rằng tham dục... là phi nghĩa, không nên nghĩ cho đó là phi, như kinh nói rộng. Trong đây Phật tự nói nhân duyên; pháp lành, pháp dữ, pháp vô ký chỉ một tướng Như, không có nghĩa và phi nghĩa, vì tướng Như không có hai, không có phân biệt.

Lại nữa, khi Phật đắc đạo không thấy một pháp hoặc nghĩa hoặc phi nghĩa. Thật tướng các pháp dù có Phật hay không có Phật vẫn thường trú, không khởi lên nghĩa và chẳng phải nghĩa. Nếu biết như vậy tức là nghĩa, chỉ vì phá trừ tâm phân biệt nên nói không nên hành theo nghĩa và phi nghĩa. Như vậy, Bồ-tát nên hành Bát-nhã Ba-la-mật lìa nghĩa và phi nghĩa.

Tu-bồ-đề lại hỏi: Cớ gì Bát-nhã Ba-la-mật chẳng phải nghĩa chẳng phải phi nghĩa?

Phật dạy: Hết thảy pháp không có tướng tác khởi, không có tướng năng tác, sở tác, làm sao Bát-nhã lại khởi lên nghĩa và chẳng phải nghĩa?

Tu-bồ-đề lại hỏi: Nếu hết thảy chư Phật và đệ tử đều lấy vô vi pháp

làm nghĩa, cớ sao Phật nói Bát-nhã Ba-la-mật không thể khởi tác nghĩa và chẳng phải nghĩa.

Phật đáp: Hết thảy thánh nhân tuy lấy pháp vô vi làm nghĩa mà không thêm không bớt. Trong kinh này nói thí dụ: Như hư không Như, không thể thêm chúng sinh, không thể bớt chúng sinh, vì hư không, không có pháp nên không có nghĩa và chẳng phải nghĩa, huống gì hư không Như! Hư không tuy không có pháp song hết thảy nhân gian nhân nơi hư không mà có được sự tạo tác; Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, tuy vô tướng vô vi, mà nhân nơi Bát-nhã có thể tu các Phật đạo, năm Ba-la-mật. Vì tâm chấp trước nên nói Bát-nhã không có nghĩa và chẳng phải nghĩa; không có tâm chấp trước nên nói thật nghĩa đệ nhất. Vì theo thế tục đế nên nói nghĩa, còn trong đệ nhất nghĩa đế không có nghĩa.

Lại nữa, Bát-nhã có hai: Một là hữu vi, hai và vô vi. Học hữu vi Bát-nhã có thể đầy đủ sáu Ba-la-mật, trú trong mười địa; học vô vi Bát-nhã, dứt sạch hết thảy phiền não và tập khí, thành Phật đạo. Nay Tu-bồ-đề hỏi Phật: Bồ-tát học vô vi Bát-nhã được Nhất thiết trí, làm sao nói không có nghĩa?

Phật đáp: Tuy được Nhất thiết trí, chẳng vì hai pháp nên được. Phân biệt thủ tướng gọi là hai pháp.

Lại hỏi: Pháp không hai có thể được pháp không hai ư?

Phật đáp: Không. Vì sao? Vì pháp không hai tức là vô vi. Vô vi không có tướng đắc và không đắc, vì pháp vô vi không thể hành.

Lại hỏi: Nếu do pháp không hai không được, thì có thể do pháp hai được pháp không hai chăng?

Phật đáp: Không. Vì sao? Vì pháp hai hư dối, không thật, làm sao hành pháp không thật được pháp thật?

Lại hỏi: Nếu chẳng do pháp hai, chẳng do pháp không hai, làm sao được trí Nhất thiết chủng?

Phật đáp: Không có sở đắc tức là đắc. Trong đây hai và không hai tức là không có phân biệt, đều không có sở đắc. Không có sở đắc ấy không do có sở đắc mà hành. Tuy hành pháp hữu vi, không có sở đắc ấy, vì tâm không thủ tướng nên không có sở đắc. Vì sao? Vì hành hợp với không, vô tướng, vô tác vậy.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 85

GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI MỐT: ĐẠO THỌ

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật ấy rất sâu, các Bồ-tát không thấy có chúng sinh, mà vì chúng sinh nên cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, việc ấy rất khó. Thí như người muốn trồng cây giữa hư không. Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát cũng như vậy. Vì chúng sinh nên cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà chúng sinh cũng không thể có được.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Việc làm của các Bồ-tát rất khó. Vì chúng sinh mà cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, độ chúng sinh điên đảo chấp ngã. Thí như người trồng cây không biết gốc, cành, nhánh, lá, hoa, quả của cây sẽ thế nào, mà ưa săn sóc, tưới tẩm, dần dần cây lớn, hoa, lá, quả thành tựu đều dùng được. Như vậy, các Bồ-tát vì chúng sinh nên cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dần dần hành sáu Ba-la-mật, được trí Nhất thiết chủng, thành cây Phật, dùng lá, hoa, quả làm lợi ích chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là dùng lá lợi ích chúng sinh? Là nhân nơi Bồ-tát mà được lìa ba ác đạo, ấy là lá lợi ích chúng sinh.

Thế nào là hoa lợi ích chúng sinh? Là nhân nơi Bồ-tát được sinh dòng Sát đế lợi, sinh dòng Bà-la-môn, đại gia cư sĩ, chỗ bốn thiên vương, cho đến Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ, vô tưởng, ấy là hoa lợi ích chúng sinh.

Thế nào là quả lợi ích chúng sinh? Ấy là nhân Bồ-tát được trí Nhất thiết chủng, làm cho chúng sinh được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư đà hoàn, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật và Phật đạo; chúng sinh ấy dần dần dùng pháp ba thừa thủ chứng Vô dư Niết-bàn; ấy là quả lợi ích chúng sinh. Bồ-tát ấy không thấy có chúng sinh thật mà độ chúng

sinh, khiến xa lìa điên đảo chấp ngã, nghĩ rằng: Trong hết thảy pháp không có chúng sinh. Ta vì chúng sinh, cầu trí Nhất thiết chủng, mà chúng sinh ấy thật không thể có được.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nên biết Bồ-tát ấy như

Phật. Vì sao? Vì nhân Bồ-tát ấy mà dứt hết thảy giống địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ dứt; dứt hết các nạn, dứt con đường nghèo cùng hạ tiện; dứt hết cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Tu-bồ-đề! Nên biết Bồ-tát ấy như Phật. Nếu Bồ-tát không phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì thế gian không có Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, cũng không có Bích-chi Phật, A-la-hán, A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn; ba đường ác và ba cõi cũng không có khi nào dứt. Này Tu-bồ-đề! Ông nói Bồ-tát ấy như Phật? Đúng như vậy! Nên biết Bồ-tát ấy thật như Phật. Vì sao? Vì Như nên nói là Như Lai, vì Như nên nói là Bích-chi Phật, A-la-hán, hết thảy Hiền Thánh, vì Như nên nói sắc cho đến thức, vì Như nên nói hết thảy pháp, cho đến tính hữu vi, tính vô vi. Các Như ấy như thật không khác, vì thế nên gọi là Như. Bồ-tát học Như ấy được trí Nhất thiết chủng, được gọi là Như Lai. Vì nhân duyên ấy nên nói Bồ-tát như Phật, vì tướng "Như" vậy. Như vậy, Bồ-tát nên học Như Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát học Như Bát-nhã Ba-la-mật thì học được hết thảy pháp Như; học hết thảy pháp Như thì được đầy đủ hết thảy pháp Như; đầy đủ hết thảy pháp Như rồi, đối với hết thảy pháp Như được tự tại; đối với hết thảy pháp Như được tự tại rồi, khéo biết căn cô của chúng sinh; khéo biết căn cơ của chúng sinh rồi, biết chúng sinh có căn đầy đủ, biết chúng sinh có nghiệp nhân duyên; biết chúng sinh có nghiệp nhân duyên rồi được đầy đủ nguyện trí; đầy đủ nguyện trí rồi được thanh tịnh trí tuệ ba đời; thanh tịnh trí tuệ ba đời rồi lợi ích hết thảy chúng sinh; lợi ích hết thảy chúng sinh rồi nghiêm tịnh cõi Phật; nghiêm tịnh cõi Phật rồi được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng rồi chuyển pháp luân; chuyển pháp luân rồi, an lập chúng sinh nôi ba thừa, khiến vào Vô dư Niết-bàn. Như vậy, Bồ-tát muốn được hết thảy công đức lợi mình, lợi người, nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Các Bồ-tát hành được Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa đúng như kinh nói, thì hết thảy thế gian người, trời, A-tu-la hãy nên kính lễ.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy. Bồ-tát ấy hành được Bát-nhã như kinh nói, thì hết thảy thế gian người, trời, A-tu-la hãy nên kính lễ.

Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát mới phát tâm vì chúng sinh nên cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được bao nhiêu phước đức?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu chúng sinh trong một ngàn thế giới đều phát tâm cầu Thanh-văn, Bích-chi Phật, ý ông nghĩ sao, phước ấy nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Rất nhiều, vô lượng.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Phước ấy không bằng Bồ-tát mới phát tâm trăm lần, ngàn lần, ngàn vạn ức lần cho đến tốn số thí dụ không thể sánh kịp. Vì sao? Vì người phát tâm cầu Thanh-văn, Bích-chi Phật đều nhân nơi Bồ-tát mà ra, chứ Bồ-tát trọn không nhân nôi Thanh-văn, Bích-chi Phật mà ra. Chúng sinh trong hai ngàn thế giới, thế giới đại thiên ba ngàn cũng như vậy. Gác qua việc hàng Thanh-văn, Bích-chi Phật trong thế giới đại thiên ba ngàn, nếu chúng sinh trong thế giới đại thiên ba ngàn đều trú địa vị Càn tuệ, phước ấy nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Rất nhiều, vô lượng.

Phật dạy: Chẳng bằng Bồ-tát mới phát tâm trăm lần, ngàn lần, ngàn vạn ức lần cho đến tốn số thí dụ không thể sánh kịp. Gác qua việc chúng sinh trú địa vị Càn tuệ, nếu chúng sinh trong thế giới đại thiên ba ngàn đều trú ở Tính địa, Bát nhân địa, Kiến địa, Bạ địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa, Bích-chi Phật địa, hết thảy phước đức ấy muốn sánh với Bồ-tát mới phát tâm gấp trăm, thì dù gấp ngàn, ngàn ức vạn lần cho đến tốn số thí dụ cũng không thể sánh kịp. Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát mới phát tâm trong thế giới đại thiên ba ngàn không bằng Bồ-tát vào pháp vị gấp trăm, ngàn, vạn, ngàn ức vạn lần cho đến tốn số thí dụ không thể sánh kịp. Nếu Bồ-tát vào Pháp vị trong thế giới đại thiên ba ngàn không bằng Bồ-tát hướng đến Phật đạo gấp trăm, ngàn, vạn, ngàn ức vạn lần cho đến tốn số thí dụ không thể sánh kịp. Nếu Bồ-tát hướng đến Phật đạo trong thế giới đại thiên ba ngàn không bằng công đức của Phật gấp trăm, ngàn, vạn, ngàn ức vạn lần cho đến tốn số thí dụ không thể sánh kịp.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát mới phát tâm nên niệm đến pháp nào?

Phật dạy: Nên niệm trí Nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề thưa: Thế nào là trí Nhất thiết chủng? Trí Nhất thiết chủng duyên thế nào, tăng thượng thế nào, hành thế nào, tướng thế nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Trí Nhất thiết chủng không có gì của chính nó; không niệm, không sinh, không chỉ bày, Tu-bồ-đề hỏi: Trí Nhất thiết chủng duyên thế nào, tăng thượng thế nào, hành thế nào, tướng thế nào? Này Tu-bồ-đề! Trí Nhất thiết chủng không có pháp duyên; niệm là tăng

thượng, tịch diệt là hành, vô tướng là tướng; ấy gọi là duyên, tăng thượng, hành, tướng của trí Nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Chỉ trí Nhất thiết chủng không có pháp, hay sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không có pháp; pháp trong ngoài cũng không có pháp; bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô

sắc, bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo, tam-muội Không, tam-muội Vô tướng, tam-muội Vô tác, tám bội xả, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, đại hỷ đại xả, thần thông đầu, thần thông thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu; tướng hữu vi, tướng vô vi v.v... cũng là không có pháp chăng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Sắc cũng không có pháp, cho đến tướng hữu vi, tướng vô vi cũng không có pháp.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà trí Nhất thiết chủng không có pháp, sắc không có pháp, cho đến tướng hữu vi, tướng vô vi cũng không có pháp?

Phật dạy: Trí Nhất thiết chủng tự tính Không có, nếu pháp tự tính Không có, ấy gọi là không có pháp. Sắc cho đến tướng hữu vi, tướng vô vi cũng như vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà các pháp tự tính Không có?

Phật dạy: Trong các pháp nhân duyên hòa hợp sinh, không có tự

tính. Nếu không có tự tính, ấy là không có pháp. Vì vậy, Bồ-tát nên biết hết thảy pháp không có tính. Vì sao? Vì hết thảy tính pháp không, nên biết hết thay pháp không có tính.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp không có tính, thì Bồ-tát mới phát tâm dùng sức phương tiện gì có thể tu Thí Ba-la-mật, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, có thể tu Giới Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, tu Sô thiền cho đến Tứ thiền, tu tâm từ cho đến tâm xả, tu định Không xứ cho đến định Phi-hữu-tưởng Phi vô tưởng xứ, tu ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không, tu bốn niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo, tu tam-muội Không, tam-muội Vô tướng, tam-muội Vô tác, tám bội xả, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, trí Nhất thiết chủng, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát có thể học các pháp không có tự tính, cũng có thể nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh. Biết thế giới và chúng sinh không có tự tính, tức là sức phương tiện. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát tu Thí Ba-la-mật, ấy là tu học Phật đạo; tu Giới Ba-la-mật, ấy là tu học Phật đạo, cho đến tu trí Nhất thiết chủng, ấy là tu học Phật đạo; cũng biết Phật đạo không có tự tính. Bồ-tát ấy tu sáu Ba-la-mật, ấy là tu học Phật đạo cho đến khi chưa thành tựu mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn

trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, trí Nhất thiết chủng, thì ấy là tu học Phật đạo. Đầy đủ được nhân duyên về Phật đạo rồi, dùng một niệm tương ưng với tuệ được trí Nhất thiết chủng. Bấy giờ hết thảy phiền não tập khí vĩnh viễn đứt sạch, không sinh lại nữa. Khi ấy dùng mắt Phật xem thấy đại thiên ba ngàn thế giới pháp vô còn không thể có được, huống gì hữu pháp, như vậy, Bồ-tát nên hành Bát-nhã Ba-la-mật tự tính Không vô. Này Tu-bồ-đề! Ấy gọi là sức phương tiện của Bồ-tát. Vô pháp còn không thể có được, huống gì hữu pháp, Bồ-tát ấy trong khi bố thí, bố thí vô pháp còn không biết, huống gì là hữu pháp. Người thọ thí và tâm Bồ-tát, vô pháp còn không biết, huống gì là hữu pháp, cho đến trí Nhất thiết chủng, người được thí, pháp được, chỗ được là vô pháp còn không biết, huống gì là hữu pháp. Vì sao? Vì bản tính của hết thảy pháp là như vậy, chẳng phải Phật làm, chẳng phải Thanh-văn, Bích-chi Phật làm, cũng chẳng phải người khác làm, vì hết thảy pháp không có người làm.

Bạch đức Thế Tôn! Các pháp, tính các pháp xa lìa chăng?

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Các pháp, tính các pháp xa lìa.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp, tính các pháp xa lìa, thì làm sao pháp xa lìa có thể biết pháp xa lìa hoặc có hoặc không. Vì sao? Vì vô pháp chẳng thể biết vô pháp, hữu pháp chẳng thể biết hữu pháp; vô pháp chẳng thể biết hữu pháp, hữu pháp chẳng thể biết vô pháp. Như vậy, hết thảy pháp không có tướng gì của chính nó, làm sao Bồ-tát khởi tâm phân biệt pháp ấy hoặc có, hoặc không?

Phật dạy: Bồ-tát vì theo nghĩa thế tục đế chỉ bày cho chúng sinh hoặc có, hoặc không, chứ chẳng phải theo đệ nhất nghĩa.

Bạch đức Thế Tôn! Thế tục đế và đệ nhất nghĩa đế có khác nhau chăng?

Này Tu-bồ-đề! Thế tục đế và đệ nhất nghĩa đế không khác nhau. Vì sao? Vì thế tục đế Như tức là đệ nhất nghĩa đế Như. Do chúng sinh không thấy không biết tính Như ấy, nên Bồ-tát dùng thế tục đế để chỉ bày hoặc có, hoặc không.

Lại nữa, chúng sinh đối với năm thọ uẩn vì có tâm chấp trước tướng nên không biết nó không có sở hữu. Bồ-tát vì chúng sinh ấy nên chỉ bày hoặc có hoặc không, khiến biết năm uẩn thanh tịnh, không có gì của chính nó. Như vậy, Bồ-tát nên hành Bát-nhã Ba-la-mật như vậy.

LUẬN: Tu-bồ-đề theo Phật nghe nói không có gì được tức là được, liền tán thán chưa từng có, bạch Phật rằng: Bát-nhã ấy rất sâu, như trong kinh đã nói rộng. Nêu cây làm ví dụ: Lá, hoa, quả tự cạn dần đến sâu; như

bóng râm của lá cây, lúc nóng bức, che mát rất vui. Chúng sinh nhân bóng râm của cây Bồ-tát đạo, được xa lìa sự khổ nóng bức trong ba đường ác. Vì sao? Vì ngăn ngừa được tội ác. Như hoa sắc đẹp, hương nhu nhuyến, chúng sinh nhân Bồ-tát đem việc bố thí, trì giới giáo hóa cho, nên được hưởng phước lạc cõi người, cõi trời. Như trái cây có màu sắc, hương thơm, vị ngon, chúng sinh nhân nơi Bồ-tát nên được các quả thánh đạo Tu-đà-hoàn v.v... Tu-bồ-đề nghe liền hoan hỉ, nói rằng: Bồ-tát ấy như Phật không khác. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Nhân nôi Bồ-tát nên dứt các đường ác địa ngục, súc sinh v.v... Phật chấp thuận ý ấy, lại nói nhân duyên: Bồ-tát không phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì không có khi nào dứt ba cõi.

Lại nữa, vì được "các pháp tính Như" nên gọi là Như Lai, cho đến gọi là Tu-đà-hoàn; vì tính Như nên nói sắc cho đến tính vô vi, các pháp tính Như ấy đều là một, không khác. Bồ-tát học tính Như ấy, chắc chắn được Nhất thiết trí, nên nói là như Phật không khác, không phải vì tâm ta ưa quý Bồ-tát mà nói là như Phật, song vì được tính Như nên nói như Phật. Tính như ấy ở nôi Phật, cũng ở nôi Bồ-tát, vì là một tướng, nên gọi Bồ-tát như Phật; lìa tính Như, lại không có pháp gì không vào tính Như.

Hỏi: Nếu vì đồng tính như mà nói Bồ-tát như Phật, thế thì cho đến trong súc sinh cũng có tính như ấy, cớ sao không nói như Phật?

Đáp: Súc sinh tuy cũng có tính như, song vì nhân duyên chưa phát khởi, không thể làm lợi ích chúng sinh nên không thể hành tính như, cho đến Nhất thiết trí. Như vậy, Bồ-tát nên học tính như của Bát-nhã ấy. Bồ-tát học tính như của Bát-nhã ấy thì được đầy đủ tính như của hết thảy pháp. Đầy đủ tức là được thật tướng các pháp, có thể dùng mỗi mỗi pháp môn làm cho chúng sinh được hiểu. Vì được đầy đủ nên đối với hết thảy pháp Như được tự tại. Được tự tại rồi, khéo biết căn tính của chúng sinh, biết các căn tính của chúng sinh đầy đủ. Các căn là năm căn lành: Tín, tấn, niệm, định, tuệ; hàng ba thừa đều có, có thể phân biệt người ấy có, người ấy không có; người ấy được lực, người ấy không được lực. Đầy đủ là các thiện căn: Tín, tấn, niệm, định, tuệ đầy đủ; người như vậy có thể ra khỏi thế gian. Tín căn được lực thì quyết định thọ trì, không nghi ngờ; vì sức tinh tấn nên tuy chưa thấy pháp mà nhất tâm cầu đạo, không tiếc thân mạng, không ngừng nghỉ; vì sức ghi nhớ nên thường nhớ lời dạy của Phật, thiện pháp đến cho vào, ác pháp đến không cho vào, như người giữ cửa; vì sức định nên nhiếp tâm một chỗ, không lay động, để giúp cho trí tuệ; vì sức trí tuệ nên có thể như thật quán các pháp tướng. Được căn có hai hạng: Một là ở trong thân

người có tâm lớn thì thành căn Bồ-tát; hai là ở trong thân người có tâm mỏng thì thành căn Tiểu thừa. Được đầy đủ căn ấy thì có thể độ. Hoặc có Bồ-tát thấy người tuy được năm căn mà không thể độ, vì do tội nghiệp ác đời trước nặng; thế nên nói biết nghiệp nhân duyên của hết thảy chúng sinh. Muốn biết nghiệp nhân duyên trong vô số kiếp phải có được túc mạng thông; đã biết rồi, vì chúng sinh mà nói đến tội nghiệp nhân duyên quá khứ; chúng sinh do tội quá khứ ấy cho nên không sợ. Vì thế nên cầu nguyện được trí tuệ muốn biết việc ba đời. Đã biết rồi, vì chúng sinh chỉ rõ tội nghiệp nhân duyên đời vị lai sẽ đọa địa ngục. Chúng sinh nghe rồi thì tâm sợ hãi, sợ hãi rồi tâm điều phục dễ độ. Chúng sinh nếu muốn biết nhân duyên phước báo đời vị lai thì vì họ nói, họ hoan hỷ, có thể độ. Vì thế mà nói biết nghiệp nhân duyên rồi, nguyện trí đầy đủ nên được trí tuệ thanh tịnh biết ba đời, thông suốt vô ngại; biết nghiệp thiện, ác quá khứ; biết quả báo thiện ác vị lai; biết chúng sinh hiện tại các căn lợi, độn đó nói pháp giáo hóa, được nhiều lợi ích, không hư dối. Vì làm lợi ích lớn cho chúng sinh nên có thề nghiêm tịnh cõi Phật; nghiêm tịnh cõi Phật rồi được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng nên chuyển pháp luân; chuyển pháp luân rồi; đem pháp ba thừa an lập chúng sinh vào Vô dư Niết-bàn. Các lợi ích như vậy đều do học Như đưa đến. Vì thế nên Phật nói Bồ-tát muốn được hết thảy công đức lợi mình, lợi người, nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề nghe công đức của Bồ-tát ấy rất nhiều, bạch Phật rằng: Bồ-tát có thể hành Bát-nhã Ba-la-mật như kinh nói, tất cả thế gian hãy nên kính lễ, như trong kinh nói rộng, phân biệt công đức của Bồ-tát mới phát tâm.

Bấy giờ Tu-bồ-đề biết Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu, không có ức tưởng, chẳng phải hàng mới học biết được, thế nên hỏi Phật: Bồ-tát mới phát tâm nên niệm pháp gì? Phật đáp: Nên niệm trí Nhất thiết chủng. Trí Nhất thiết chủng tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; Nhất thiết trí, pháp Phật, Phật đạo đều là tên khác của trí Nhất thiết chủng.

Hỏi: Cớ gì Phật đáp nên niệm trí Nhất thiết chủng?

Đáp: Vì Bồ-tát mới phát tâm chưa được trí tuệ sâu xa, nên chưa bỏ cái vui ngũ dục của thế gian. Vì vậy nên Phật dạy buộc tâm, niệm tưởng Nhất thiết trí, nên nghĩ rằng: Nếu bỏ được cái vui nhỏ nhặt uế tạp sẽ được cái vui thanh tịnh lớn lao; bỏ cái vui điên đảo hư dối sẽ được cái vui chân thật, bỏ cái vui trong vòng trói buộc sẽ được cái vui giải thoát; bỏ cái vui lành của riêng mình sẽ được cái vui lành chung của cả chúng sinh. Vì được lợi ích như vậy, nên Phật dạy hàng mới phát tâm thường niệm đến Nhất

thiết trí.

Tu-bồ-đề hỏi: Trí Nhất thiết chủng ấy là hữu pháp hay là vô pháp?

Thế nào duyên, thế nào tăng thượng, thế nào hành, thế nào tướng?

Phật đáp: Trí Nhất thiết chủng không có gì của chính nó; không có gì của chính nó ấy là chẳng phải pháp, không sinh, không diệt. Như thật duyên các pháp, cũng không có gì của chính nó; niệm là tăng thượng; tịch diệt là hành; vô tướng là tướng.

Hỏi: Đều là rốt ráo không, cớ sao chỉ nói niệm là tăng thượng? Đáp: Các pháp đều có sức, trí tuệ Phật là rốt ráo không, như như, pháp tính, thật tế, vô tướng, nghĩa là tướng tịch diệt. Phật được trí tuệ Nhất thiết chủng, không còn suy nghĩ, không còn khó dễ, gần xa, niệm gì cũng đều được, nên nói niệm là tăng thượng.

Tu-bồ-đề hỏi: Chỉ trí Nhất thiết chủng không có pháp; hay sắc pháp v.v... cũng không có pháp?

Phật đáp: Hết thảy sắc pháp v.v... cũng không có pháp. Phật tự nói nhân duyên: Nếu pháp từ nhân duyên hòa hợp sinh thì không có tự tính; nếu pháp không có tự tính tức là không, không có pháp. Vì nhân duyên ấy nên biết tính của hết thảy pháp không có gì của chính nó.

Tu-bồ-đề hỏi: Bồ-tát mới phát tâm lấy phương tiện gì hành Thí Ba-la-mật cho đến trí Nhất thiết chủng, nghiêm tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh?

Phật đáp: Học trong pháp tính Không có gì của chính nó vào định quán sát, cũng có thể chứa nhóm công đức, giáo hóa chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật; đó tức là sức phương tiện, vì hai pháp có và không, có thể hành trong một lúc. Nghĩa là rốt ráo không và chứa nhóm phước đức. Người ấy khi tu sáu Ba-la-mật, cũng tu tập Phật đạo; như tâm Phật vì pháp rốt ráo không, không có gì của chính nó, mà tu sáu Ba-la-mật cho đến trí Nhất thiết chủng. Bồ-tát hành đạo ấy có thể đầy đủ mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi. Khi hành Bồ-tát đạo, đầy đủ pháp ấy; đến lúc ngồi đạo tràng, dùng một niệm tương ưng với tuệ mà được trí Nhất thiết chủng. Như người ban đêm mất châu báu, điện chớp tạm hiện lên, liền trở lại được, phiền não và tập khí vĩnh viễn dứt sạch, không còn sinh trở lại. Được thành Phật rồi, xem mười phương thế giới, hết thảy vật còn chẳng thấy không, huống gì thấy có! Pháp rốt ráo không, phá trừ được điên đảo, làm cho Bồ-tát được thành Phật, việc ấy còn không thể có được, huống gì pháp phàm phu điên đảo chấp có? Vì thế, nên biết hết thảy pháp không có tướng gì của chính nó, ấy là phương

tiện của Bồ-tát. Không, còn không thể có được, huống gì có.

Bồ-tát nên hành Bát-nhã Ba-la-mật không có sở hữu. Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật không có sở hữu ấy, hoặc trong khi bố thí liền biết vật bố thí không, không có gì của chính nó; người nhận thí và tâm Bồ-tát cũng không có gì của chính nó, cho đến trí Nhất thiết chủng, người được, pháp được, chỗ được, vô pháp còn không thể biết, huống gì là hữu pháp. Người được là Bồ-tát, pháp được la Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; pháp dùng để được là đạo Bồ-tát, đều biết pháp ấy không có gì của chính nó. Vì sao? Vì hết thảy pháp bản tính như vậy, không vì trí tuệ nên đổi khác; chẳng phải phàm phu làm, chẳng phải thánh hiền làm; hết thảy pháp không làm, không người làm. Ý của Tu-bồ-đề là, nếu các pháp hoàn toàn là tướng không có gì của chính nó, thì ai biết là không có gì của chính nó? Thế nên hỏi Phật: Các pháp, tính các pháp xa lìa, làm sao tính xa lìa biết được các pháp xa lìa hoặc có, hoặc không. Vì sao? Vì vô pháp không thể biết vô pháp, hữu pháp không thể biết hữu pháp; vô pháp không thể biết hữu pháp, hữu pháp không thể biết vô pháp. Bạch đức Thế Tôn! Như vậy, hết thảy pháp không có tướng gì của chinh nó, làm thế nào Bồ-tát phân biệt pháp ấy hoặc có, hoặc không?

Phật đáp: Bồ-tát theo nghĩa thế tục mà vì chúng sinh nói hoặc có, hoặc không, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa. Nếu có là thật có, thì không có cũng nên thật có; nếu có không thật có, thì không có làm sao lại có thật?

Tu-bồ-đề hỏi: Thế tục và đệ nhất nghĩa có khác nhau chăng? Nếu khác thì là phá hoại pháp tính nên nói không khác? Thế tục tính như tức là đệ nhất nghĩa tính Như. Chúng sinh không biết tính Như ấy, nên theo nghĩa thế tục nói hoặc có, hoặc không.

Lại nữa, chúng sinh có chỗ chấp trước đối với năm thọ ấm, vì muốn chúng sinh ấy xa lìa sở hữu, được vô sở hữu, nên Bồ-tát nói vô sở hữu; theo pháp thế tục phân biệt các pháp, muốn làm cho chúng sinh biết tính cách vô sở hữu ấy. Như vậy, Bồ-tát nên học Bát-nhã Ba-la-mật vô sở hữu.

--oOo-

GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI HAI: HẠNH BỒ-TÁT

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế Tôn nói hạnh Bồ-tát, thế nào là hạnh Bồ-tát?

Phật dạy: Hạnh Bồ-tát là hạnh Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là hành hạnh Vô thượng Chánh đẳng

Chánh giác của Bồ-tát?

Phật dạy: Nếu Bồ-tát hành sắc không và hành thọ, tưởng, hành, thức không; hành nhãn không cho đến ý; hành sắc không cho đến pháp; hành nhãn giới không cho đến ý thức giới; hành Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật; hành nội không, ngoại không, nội ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không; hành Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền; hành từ, bi, hỉ, xả; hành Vô biên hư không xứ, Vô biên thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ; hành bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần Thánh đạo; hành tam-muội Không, tam-muội Vô tướng, tam-muội Vô tác; hành tám bội xả, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, đại từ, đại bi, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, các vô ngại biện tài, hành văn tự vào vô văn tự, hành các môn Đà-la-ni, hành tính hữu vi, tính vô vi; giống như Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không thấy hai pháp. Như vậy, Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật gọi là hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; ấy là hạnh Bồ-tát.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế Tôn nói Phật, Phật có nghĩa là gì?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Biết nghĩa thật của các pháp nên gọi là Phật. Lại nữa, chứng được thật tướng các pháp, nên gọi là Phật; thông suốt nghĩa thật của các pháp, nên gọi là Phật. Lại nữa, như thật biết hết thảy pháp, nên gọi là Phật.

Tu-bồ-đề thưa: Bồ-đề nghĩa là gì?

Phật dạy: Nghĩa Không là nghĩa Bồ-đề; nghĩa Như, nghĩa pháp tính, nghĩa thật tế là nghĩa Bồ-đề. Lại nữa, danh tướng ngôn thuyết là nghĩa Bồ-đề. Thật nghĩa Bồ-đề không thể hoại, không thể phân biệt là nghĩa Bồ-đề. Lại nữa, thật tướng các pháp không dối, không khác là nghĩa Bồ-đề. Vì vậy nên gọi là Bồ-đề. Lại nữa, Bồ-đề ấy, chư Phật có được, gọi là Bồ-đề. Lại nữa, trí biết chân chánh cùng khắp của chư Phật, gọi là Bồ-đề.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát vì Bồ-đề ấy mà hành sáu Ba-la-mật cho đến hành trí Nhất thiết chủng, thì đối với các pháp có gì được, gì mất, gì thêm, gì bớt, gì sinh, gì diệt, gì cấu, gì tịnh?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát hành sáu Ba-la-mật cho đến hành trí Nhất thiết chủng, thì đối với các pháp đều không được, không mất, không thêm, không bớt, không cấu, không tịnh. Vì sao? Vì Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật không vì sự được mất, thêm, bớt, sinh, diệt, cấu, tịnh.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát hành Bát-

nhã Ba-la-mật, không vì sự được, mất, cho đến không vì cấu, tịnh, thì làm thế nào Bồ-tát hành Bát-nhã, có thể nhiếp thủ được Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, làm sao hành nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, làm sao hành thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo, làm sao hành Không, Vô tướng, Vô tác giải thoát môn, làm sao hành mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, làm sao hành mười địa của Bồ-tát, làm sao vượt quá Thanh-văn, Bích-chi Phật mà vào Bồ-tát vị?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, không do hai pháp hành Thí Ba-la-mật, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, không do hai pháp hành nội không, cho đến trí Nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát không do hai pháp hành Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, không do hai pháp hành nội không cho đến trí Nhất thiết chủng, vậy thì Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến tâm sau cùng, làm sao tăng trưởng căn thiện?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu hành hai pháp thì căn thiện không được tăng trưởng. Vì sao? Vì hết thảy phàm phu đều nương vào hai pháp, nên không được tăng trưởng căn thiện. Bồ-tát hành pháp không hai, nên từ khi mới phát tâm cho đến tâm sau cùng, ở khoảng trung gian ấy được tăng trưởng căn thiện. Vì thế nên đối với Bồ-tát, hết thảy thế gian trời, người, A-tu-la không thể chiết phục, không thể phá hoại thiện căn ấy, làm cho đọa vào địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật và các pháp ác không thiện không thể chế ngăn Bồ-tát, làm cho không thể hành Thí Ba-la-mật, tăng trưởng căn thiện; cho đến hành Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên hành Bát-nhã Ba-la-mật như vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát vì căn thiện nên hành Bát-nhã Ba-la-mật chăng?

Phật đáp: Không. Bồ-tát cũng không vì căn thiện nên hành Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì theo pháp của Bồ-tát nếu chưa cúng dường chư Phật, chưa đầy đủ căn thiện, chưa được chân tri thức thì không thể được trí Nhất thiết chủng.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát từ khi mới phát tâm, cúng dường chư Phật, mười hai bộ loại kinh của Phật là khế kinh cho đến luận nghị, Bồ-tát nghe rồi thọ trì, đọc tụng thông lợi, tâm quán sát thấu suốt. Thấu suốt rồi nên được Đà-la-ni, được Đà-la-ni nên có thể khởi lên trí vô ngại, khởi lên trí vô ngại nên từ chỗ sinh ra cho đến Nhất thiết trí trọn không quên mất; cũng

đối với chỗ chư Phật gieo trồng căn lành, được căn lành thủ hộ, trọn không đọa vào ác đạo và các nạn. Do nhân duyên căn thiện nên được thân tâm thanh tịnh, được thân tâm thanh tịnh nên có thể nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh. Được thiện căn thủ hộ nên thường không rời chân tri thức, là không rời chư Phật, các Bồ-tát, các Thanh-văn và những người tán thán Phật, Pháp, Tăng. Như vậy, Bồ-tát nên cúng dường chư Phật, gieo trồng căn lành, thân cận thiện tri thức.

LUẬN: Trong phẩm trên, Tu-bồ-đề hỏi Phật: Kinh thường nói Bát-nhã Ba-la-mật, sao gọi là Bát-nhã Ba-la-mật? Phật dùng mỗi mỗi nhân duyên đáp. Nhân việc ấy nên trong phẩm này lại hỏi Phật: Kinh thường nói Bồ-tát tu hành, vậy thế nào là hạnh Bồ-tát? Thế nên Tu-bồ-đề hỏi Bồ-tát hạnh.

Hỏi: Nếu trong Bát-nhã thu nhiếp hết thảy pháp, lại Bát-nhã tức là hạnh Bồ-tát, cớ sao còn hỏi?

Đáp: Hết thảy đạo Bồ-tát gọi là hạnh Bồ-tát. Trí tuệ biết khắp thật tướng các pháp gọi là Bát-nhã Ba-la-mật, ấy là chỗ sai khác. Nếu kinh Bát-nhã và hạnh Bồ-tát nhiếp vào nhau thì không khác.

Lại nữa, có người nói: Hạnh Bồ-tát là nghiệp thân, nghiệp khẩu, nghiệp ý của Bồ-tát, các việc của Bồ-tát làm gọi là hạnh Bồ-tát. Vì việc ấy nên Tu-bồ-đề chỉ muốn phân biệt chánh hạnh của Bồ-tát, nên hỏi. Vì vậy Phật đáp: Hạnh Bồ-tát là làm các hạnh lành, vì cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; ấy là chánh hạnh của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát làm việc bất thiện, vô kí và làm việc thiện mà tâm chấp trước thì chẳng phải là Bồ-tát hạnh; chỉ đem tâm từ bi và trí tuệ về không tính, vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà làm, ấy gọi là hạnh Bồ-tát. Thế nào là hạnh thanh tịnh? Nghĩa là hành sắc không và hành thọ, tưởng, hành, thức không, cho đến hành tính hữu vi, tính vô vi không. Đối với các pháp ấy không phân biệt là không, là thật, là hữu vi, là vô vi. Cũng như Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, diệt hết hí luận không có hai tướng, ấy gọi là hạnh Bồ-tát; không ai có thể phá hoại, cũng không có lỗi lầm. Tu-bồ-đề nghe hạnh Bồ-tát rồi, hoan hỉ hỏi: Quả báo của hạnh Bồ-tát là được làm Phật. Kinh thường nói Phật, vậy Phật có nghĩa là gì?

Phật đáp: Biết thật nghĩa của các pháp nên gọi là Phật. Hỏi: Nếu như vậy, A-la-hán, Bích-chi Phật và đại Bồ-tát cũng biết thật nghĩa các pháp, cớ sao không gọi là Phật? Phật đáp: Trên đã nói ví dụ Phật đốt đèn, đối với phàm phu là thật, đối với Phật không thật. Vì phàm phu bị phiền não, tập khí che lấp nên không cho là thật, không thể được trí Nhất thiết chủng,

không dứt hết nghi hối đối với hết thảy pháp, nên không gọi là chánh trí thật nghĩa, như trên đã phân biệt.

Hỏi: Biết thật nghĩa các pháp, được thật tướng các pháp, thông suốt thật nghĩa và như thật biết hết thảy pháp, bốn việc ấy có gì khác nhau?

Đáp: Có người nói: Nghĩa không khác nhưng danh tự có khác. Có người nói: Nghĩa là thật tướng các pháp chẳng sinh chẳng diệt, pháp tướng thường trú như Niết-bàn; vì hiểu được nghĩa ấy nên gọi là Phật; đối với nghĩa ấy, thường giác ngộ không sai lầm, dùng các danh tướng nói cho chúng sinh hiểu thật nghĩa đệ nhất. Thế nên, trong bốn vô ngại nói riêng nghĩa vô ngại và pháp vô ngại, nên có sai khác. Có người tuy đạt được thật nghĩa các pháp mà không thể thông suốt, vì hai nhân duyên: Một là phiền não chưa hết. Hai là chưa được Nhất thiết trí. Như Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm chưa dứt phiền não nên không thể thông suốt. A-la-hán, Bích-chi Phật, đại Bồ-tát đã dứt hết phiền não, vì chưa được trí Nhất thiết chủng nên không thể thông suốt. Thế nên nói thông suốt thật nghĩa gọi là Phật. Câu "như thật biết hết thảy pháp" là tóm hết ba điều trên, cũng nghĩa cũng pháp và hết thảy pháp hoặc có, hoặc không, mỗi mỗi hiểu rõ như đã nói trong nghĩa trí Nhất thiết chủng; cũng biết tướng tịch diệt, cũng biết tướng hữu vi.

Lại nữa, Bồ-tát là trí, Phật là người trí, vì được trí ấy nên gọi là người trí.

Tu-bồ-đề hỏi: Bạch đức Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-đề?

Phật đáp: Không, như như, pháp tính, thật tế gọi là Bồ-đề. Trí tuệ thật tướng tương ưng với tam-muội Không; duyên như, pháp tính, thật tế, nên Bồ-đề gọi là trí tuệ thật tướng. Hạng người còn ở trong ba học đạo (Kiến đạo, tu đạo và vô học đạo. ND), chưa dứt phiền não, tuy có trí tuệ mà không gọi là Bồ-đề. Ba hạng người vô học dứt hết vô minh không còn cho nên trí tuệ gọi là Bồ-đề. Hai hạng người vô học, không được Nhất thiết trí chân chánh biết khắp các pháp, nên không được gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, duy chỉ trí tuệ Phật mới gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, danh tướng, ngôn ngữ, văn tự gọi là Bồ-đề. Thật nghĩa Bồ-đề thì không thể phân biệt, phá hoại.

Lại nữa, Bồ-đề là Như không sai khác, thường không hư dối. Vì sao? Vì trí tuệ của chúng sinh triển chuyển cao hôn cho đến Phật, không ai hôn nữa; các pháp cũng triển chuyển cao hôn, trước là hư vọng, sau là chân thật, cho đến không còn pháp nào thật hơn Bồ-đề; thế nên Bồ-đề gọi là thật.

Lại nữa, Như vì được Bồ-đề nên gọi là Phật, nay vì Phật đạt được nên gọi là Bồ-đề.

Lại có người nói: Tận trí biết sự sinh đã tận, ấy gọi là Bồ-đề. Có người nói: Tận trí, vô sinh trí gọi là Bồ-đề. Có người nói: Vô ngại giải thoát gọi là Bồ-đề. Vì sao? Vì được giải thoát ấy là đối với hết thảy pháp đều thông suốt. Có người nói: Bốn trí vô ngại là Bồ-đề. Vì sao? Vì Phật biết thật tướng các pháp, ấy là nghĩa vô ngại; biết phân biệt danh tướng của các pháp, ấy là pháp vô ngại; phân biệt mỗi mỗi ngữ ngôn, khiến chúng sinh được hiểu, ấy là từ vô ngại; thuyết pháp giáo hóa không cùng tận, ấy là lạc thuyết vô ngại. Vì bốn vô ngại đầy đủ, lợi ích chúng sinh nên gọi là Bồ-đề. Có người nói: Mười lực của Phật, bốn điều không sợ, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, trí Nhất thiết chủng, vô lượng pháp Phật như vậy đều gọi là Bồ-đề. Vì sao? Vì trí tuệ lớn nên các pháp đều gọi là Bồ-đề. Có người nói: Chân Bồ-đề là Phật, Mười trí vô lậu tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức, nghiệp thân, nghiệp khẩu và tâm không tương ưng các hành đều gọi là Bồ-đề. Cùng duyên cùng sinh, cùng giúp nhau nên đều gọi là Bồ-đề. Lại có người nói: Nghĩa Bồ-đề thì vô lượng vô biên, chỉ có Phật mới có thể biết khắp, người khác biết được phần ít. Thí như các châu báu trong kho tàng của Chuyển Luân Thánh Vương không ai có thể phân biệt biết được giá trị của nó; Thánh vương xuất châu báu cho người, người được mới có thể biết được chính xác. Trong đây Tu-bồ-đề hỏi Phật về tướng Bồ-đề xong, lại hỏi: Nếu tướng Bồ-đề là rốt ráo không, không thể phá hoại, Bồ-tát hành sáu Ba-la-mật, tăng trưởng căn thiện gì?

Phật đáp: Nếu Bồ-tát hành thật tướng Bồ-đề, đối với hết thảy pháp không có tăng trưởng gì, huống gì thiện căn. Vì sao? Vì Bát-nhã không, vì được mất cho đến nhơ sạch mà xuất hiện, bởi vì rốt ráo thanh tịnh. Phật hứa khả ý ấy mà Tu-bồ-đề lại hỏi: Nếu không thêm bớt, làm sao Bồ-tát hành Bát-nhã mà nhiếp thủ các hạnh Bồ-tát khác?

Phật đáp: Bồ-tát khi hành pháp ấy chẳng vì hai pháp nên hành, mà cùng hành hòa hợp với rốt ráo không; thế nên không nên vấn nạn.

Tu-bồ-đề lại hỏi: Nếu Bồ-tát không hành hai pháp, thì làm sao từ khi mới phát tâm cho đến tâm sau cùng tăng trưởng thiện căn? Phật đáp: Nếu người hành hai pháp tức là điên đảo, không thể tăng trường căn thiện. Thí như người nằm mộng, tuy được của lớn, rốt cuộc không có được gì, trong khi thức có được nhiều ít mới thật là được. Phật bảo Tu-bồ-đề: Hết thảy người phàm đều đắm vào hai pháp nên không thể tăng trưởng căn thiện. Bồ-tát hành theo thật tướng các pháp, đó là pháp không hai, nên từ khi mới

phát tâm, cho đến khi tâm sau cùng, tăng trưởng thiện căn, không có sai lầm. Vì thế nên đối với Bồ-tát ấy, hết thảy trời, người, A-tu-la không thể phá hoại thiện căn kia, khiến phải đọa vào Nhị thừa; những điều ác khác cũng không thể phá hoại. Những điều ác khác là các phiền não xan, tham, v.v... phá hoại Thí Ba-la-mật...

Lại hỏi: Bồ-tát vì căn thiện nên hành Bát-nhã chăng?

Phật đáp: Không vì thiện, không vì bất thiện mà hành Bát-nhã.

Hỏi: Không vì căn bất thiện mà hành Bát-nhã có thể được, cớ sao lại không vì thiện căn nên hành?

Phật đáp: Vì quý Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên tuy hành các thiện căn, mà vì thành tựu việc chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chứ không vì quý thiện căn. Như trong kinh ví dụ chiếc bè nói: Thiện pháp còn nên bỏ, huống gì pháp bất thiện! Thiện căn là giúp cho Phật đạo, như người không phải vì chiếc bè nên qua sông, mà vì đến bờ kia. Trong đây Phật vì nói nhân duyên: Bồ-tát chưa cúng dường chư Phật, chưa được chân thiện tri thức thì không thể được trí Nhất thiết chủng; thế nên tuy gieo trồng căn thiện nhưng không cho là quý, mà chỉ quý vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề thưa: Làm sao Bồ-tát tuy không vì thiện căn mà có thể cúng dường chư Phật, cho đến được trí Nhất thiết chủng?

Phật đáp: Bồ-tát từ khi mới phát tâm lại đây cúng dường chư Phật như trong kinh nói. Vì cúng dường Phật là lớn, nên chỉ nói Phật, nhưng nên biết đã cúng dường Bích-chi Phật cho đến Bồ-tát trú địa vị Càn tuệ. Người phàm phu vì nghe pháp nên theo Bồ-tát nghe giảng mười hai loại bộ kinh văn, vì không thể thường được có thầy luôn bên mình, nên đều phải thọ trì. Vì hay quên nên đọc tụng làm cho thông lợi. Tâm quán sát là thường buộc tâm vào quyển kinh, thứ lớp nhớ nghĩ, trước do ngôn ngữ, tuyên giảng nghĩa lý, sau được thấu rõ, tức được Đà-la-ni. Đà-la-ni có hai: Một là Đà-la-ni Văn trì, hai là Đà-la-ni thật tướng các pháp. Đọc tụng, tu tập, thường nhớ nghĩ nên được Đà-la-ni Văn trì; thông suốt nghĩa lý nên được Đà-la-ni thật tướng. Ở trong hai Đà-la-ni ấy có thể sinh trí vô ngăn ngại; vì chúng sinh thuyết pháp nên đầy đủ bốn trí vô ngại.

Tu-bồ-đề hỏi: Nếu Bồ-tát có trí vô ngăn ngại, thì khác gì với Phật? Phật đáp: Vô ngăn ngại có hai: 1. Thật vô ngại; 2. Danh từ vô ngăn ngại. Trong đây, trừ Phật vô ngăn ngại, các người khác theo Bồ-tát được vô ngăn ngại. Do Bồ-tát tụng kinh nên từ chỗ sinh ra cho đến khi được Nhất thiết trí, trọn không quên mất. Vì sao? Vì vào sâu, đọc tụng kinh pháp nên phiền

não bị chẻ mỏng, được căn thiện hộ trì nên không đọa vào ác đạo và các nạn. Thí như người mù được người sáng mắt giúp đỡ, trọn không bị sa hầm ỉa hố. Nhờ phước căn thiện nên được thâm tâm thanh tịnh. Thâm tâm thanh tịnh là thương yêu hết thảy chúng sinh, tuy đối với kẻ giặc oán cũng không gia ác, nghĩa là không cướp mạng sống. Lại nhờ trí tuệ và phước đức lớn nên phiền não nhỏ ít, không thể che lấp thiện tâm của Bồ-tát. Lại, tâm sâu xa là đối với chúng sinh có được tâm từ bi, tâm không xả bỏ, tâm cứu độ và tâm đối với các pháp biết được vô thường, khổ, không, vô ngã, rốt ráo không, cho đến đối với Phật không sinh tưởng Phật, tưởng Niết-bàn; ấy gọi là thâm tâm thanh tịnh. Vì thanh tịnh thâm tâm nên có thể giáo hóa chúng sinh. Vì sao? Vì phiền não mỏng nên không khởi tâm cống cao, tâm chấp ngã, tâm sân giận, nên chúng sinh ưa mến, tín thọ lời dạy bảo. Vì giáo hóa chúng sinh nên nghiêm tịnh cõi Phật như trong phẩm Phật quốc của kinh Tỳ-ma-la-cật nói: Vì chúng sinh tịnh nên cõi nước tịnh. Vì được căn thiện hộ trì nên trọn không lìa thiện tri thức. Thiện tri thức là chư Phật, đại Bồ-tát, A-la-hán. Lược nói tướng thiện tri thức, nghĩa là người có thể tán thán Tam bảo. Như vậy, Bồ-tát nên cúng dường chư Phật, gieo trồng căn lành, gần gũi thiện tri thức. Vì sao? Vì như người bệnh nên tìm thầy thuốc hay và cỏ thuốc. Phật là thầy thuốc hay, các thiện căn là cỏ thuốc, người chăm sóc bệnh là thiện tri thức; người bệnh có đủ ba việc ấy nên bệnh được lành. Bồ-tát cũng như vậy, có đủ ba việc ấy nên dứt các phiền não, làm lợi ích chúng sinh.

---oOo-

GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI BA: GIEO TRỒNG CĂN THIỆN

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát nếu không cúng dường Phật, thì không đầy đủ căn thiện, không được chân tri thức, có được Nhất thiết trí chăng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn, được chân tri thức mà được Nhất thiết trí còn khó, huống gì không cúng dường Phật, không gieo trồng căn thiện, không được chân tri thức!

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát cúng dường chư Phật, gieo trồng căn thiện, được chân tri thức, vì sao khó được trí Nhất thiết chủng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Vì Bồ-tát xa lìa sức phương tiện, không theo Phật

nghe nói sức phương tiện, gieo trồng căn thiện không đầy đủ, không thường theo lời dạy của thiện tri thức.

-Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là sức phương tiện, để Bồ-tát hành sức phương tiện ấy được trí Nhất thiết chủng?

Phật dạy: Bồ-tát từ khi mới phát tâm hành Thí Ba-la-mật, niệm tương ưng với Nhất thiết trí mà bố thí cho Phật, hoặc Bích-chi Phật, hoặc Thanh-văn, hoặc người, hoặc chẳng phải người, khi ấy không sinh ý tưởng bố thí, ý tưởng người nhận thí. Vì sao? Vì quán xem tự tướng không hết thảy pháp, không sinh, không có tướng chắc thật, không có chuyển đổi, vào trong thật tướng các pháp; nghĩa là tướng không làm, không khởi của hết thảy các pháp. Bồ-tát do sức phương tiện ấy nên tăng tưởng thiện căn; tăng trưởng thiện căn nên hành Thí Ba-la-mật, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; bố thí mà không lãnh thọ quả báo thế gian, chỉ vì muốn cứu độ chúng sinh nên bố thí.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát từ khi mới phát tâm tu trì giới, niệm tương ưng với Nhất thiết trí; trong khi trì giới không rơi vào dâm, nộ, si, cũng không rơi vào các phiền não trói buộc và các pháp không thiện phá đạo, hoặc xan tham phá giới, sân giận, giải đãi, loạn ý, ngu si, kiêu mạn, đại mạn, mạn mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, bất như mạn, tà mạn; hoặc không rơi vào tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy quán thấy tự tướng hết thảy pháp không, không sinh, không có tướng chắc thật, không có chuyển đổi, vào thật tướng các pháp; nghĩa là tướng của hết thảy pháp không làm, không khởi. Bồ-tát thành tựu sức phương tiện ấy nên tăng trưởng căn thiện; tăng trưởng căn thiện nên tu Giới Ba-la-mật, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; trì giới mà không thọ quả báo của thế gian, chỉ vì muốn cứu chúng sinh nên tu trì giới.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát từ khi mới phát tâm tu Nhẫn nhục Ba-la-mật, niệm tương ưng với Nhất thiết trí, thành tựu sức phương tiện nên tu kiến đế đạo, tư duy đạo và cũng không thủ chứng quả Tu-đà-hoàn,

Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy biết tự tướng của các pháp không, không sinh, không có tướng chắc thật, không có chuyển đổi; khi tu pháp trợ đạo mà vượt quá địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là pháp vô sinh nhẫn.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát từ khi mới phát tâm tu Nhẫn nhục Ba-la-mật, vào Sô thiền cho đến đệ Tứ thiền, vào bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, tuy ra vào các thiền mà không thọ quả báo. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy thành tựu sức phương tiện ấy, nên biết tự tướng các thiền định là không, không

sinh, không có tướng chắc thật, không có chuyển đổi, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh. Tinh tấn mà không thọ quả báo thế gian, chỉ vì muốn cứu độ chúng sinh nên tu tinh tấn.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát từ khi mới phát tâm tu Thiền Ba-la-mật, niệm tương ưng với Nhất thiết trí, vào tám bội xả, định chín thứ lớp, cũng không thủ chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy biết tự tướng các pháp là không, không sinh, không có tướng chắc thật, không có chuyển đổi.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát từ khi mới phát tâm tu Bát-nhã Ba-la-mật, học mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi cho đến chưa được trí Nhất thiết trí, chưa nghiêm tịnh cõi Phật, chưa thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, thì ở khoảng trung gian ấy nên tu hành như vậy. Vì sao? Vì Bồ-tát biết tự tướng các pháp là không, không sinh, không có tướng chắc thật, không có chuyển đổi. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên hành Bát-nhã Ba-la-mật như vậy mà không thọ quả báo.

LUẬN: Hỏi: Cớ gì Tu-bồ-đề hỏi câu thô thiển rằng: Không cúng dường chư Phật, thì không đầy đủ căn thiện, không được chân trí thức, có được Nhất thiết trí chăng?

Đáp: Có người nói: Như tính hết thảy pháp rốt ráo không, không có gì của chính nó, trong rốt ráo không, gieo trồng căn thiện và không gieo trồng căn thiện không khác nhau. Nếu như vậy có thể không cúng dường chư Phật, không gieo trồng căn thiện, không được chân tri thức, cũng đạt được Nhất thiết trí chăng? Lại có người nghi rằng: Có nhiều cách đạt được Nhất thiết trí, có thể không cần gieo trồng căn thiện; vì vậy nên hỏi Phật. Phật đáp: Nếu cúng dường chư Phật, gieo trồng căn thiện thì được chân tri thức còn khó được, huống gì không cúng dường!

Tu-bồ-đề hỏi: Vì trong rốt ráo không, không có phước và chẳng phải không có phước, cớ gì nói chỉ do phước đức nên được? Phật đáp: Ở trong thế đế, có phước nên được. Tu-bồ-đề vì thấy chúng sinh đắm trước điều không có gì của chính nó, nên hỏi. Phật lấy việc không đắm trước nơi pháp mà đáp. Nghĩa là tinh tấn tu phước còn không thể được, huống gì không tu phước! Như người hành đạo đi khất thực đến một xóm làng, từ một nhà đến một nhà khất thực không được, thấy một con chó đói nằm liệt, lấy gậy đánh nó nói rằng: Đồ súc sinh vô trí, ta dùng mọi cách đến từng nhà xin ăn còn không được, huống gì mày nằm đó mà mong được? Tu-bồ-đề hỏi: Có nhân duyên cúng dường chư Phật ấy, cớ sao không được quả báo? Phật

đáp: Vì xa lìa sức phương tiện. Sức phương tiện là Bát-nhã Ba-la-mật. Tuy thấy sắc thân Phật mà không lấy mắt trí thấy pháp thân; tuy gieo trồng chút ít thiện căn mà không đầy đủ; tuy được thiện tri thức mà không gần gũi hỏi han, lãnh thọ. Lại Phật tự nói nhân duyên: Bồ-tát từ khi mới phát tâm, vì hữu tâm và vô tâm nên tu Thí Ba-la-mật. Hữu tâm là tâm tương ưng với Nhất thiết trí mà bố thí, niệm đến vô lượng công đức của chư Phật, thương xót chúng sinh nên bố thí. Vô tâm là nếu bố thí cho Phật, cho đến kẻ phàm phu mà không sinh ra ba tưởng là tưởng người thí, người nhận thí và vật bố thí. Vì sao? Vì tất cả pháp tự tướng là không, từ xưa lại đây thường chẳng sinh, không có tướng cố định hoặc là một, hoặc khác, hoặc thường, hoặc vô thường v.v... Vì pháp ấy tự tướng là không, nên không thể chuyển đổi, an trú trong Như. Quán sát như vậy tức vào thật tướng các pháp, nghĩa là tướng không làm, không khởi. Hết thảy pháp không có năng tác, sở tác, không sinh tâm cao ngạo, không có hy vọng gì. Vì sức phương tiện như vậy nên có thể tăng trưởng căn thiện, xa lìa căn bất thiện, giáo hóa chúng sinh nghiêm tịnh cõi Phật. Bố thí hoặc nhiều, hoặc ít, không thọ quả báo thế gian, chỉ muốn cứu độ chúng sinh. Bồ-tát bố thí cho chúng sinh có hạn, có lượng, nghĩ rằng: Ta đời trước không làm phước đức sâu dày nên đời nay không thể bố thí rộng rãi cho chúng sinh, ta nay nên hành bố thí thật nhiều, thật sâu xa; được quả báo ấy rồi có thể làm lợi ích đầy đủ, bố thí rộng rãi cho vô lượng chúng sinh, hoặc được lợi đời nay, hoặc được lợi về sau, lợi về đạo đức. Không có sức phương tiện như vậy, Bồ-tát tuy cúng dường Phật, gieo trồng căn lành, được chân trí thức mà còn không được Nhất thiết trí, huống gì không cúng dường! Năm Ba-la-mật kia cũng như vậy.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 86

GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI BỐN: HỌC KHẮP

KINH: Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát thành tựu đại trí tuệ hành pháp sâu xa ấy cũng không thọ quả báo.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Đại trí tuệ của Bồ-tát thành tựu hạnh Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa ấy, cũng không thọ quả báo. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy đối với các pháp chẳng động.

Bạch đức Thế Tôn! Đối với các pháp gì chẳng động?

Phật dạy: Đối với tính Không có sở hữu bất động.

Lại nữa, Bồ-tát đối với tính sắc bất động, đối với tính thọ, tưởng, hành, thức bất động, đối với tính Thí Ba-la-mật cho đến tính Bát-nhã Ba-la-mật bất động; đối với tính bốn thiền bất động, tính bốn tâm vô lượng bất động, tính bốn định vô sắc bất động, tính bốn niệm xứ bất động cho đến tính tám phần thánh đạo bất động, đối với tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác cho đến tính đại từ đại bi bất động. Vì sao? Vì tính các pháp ấy chính là không có sở hữu, vì pháp không có sở hữu thì không thể được pháp sở hữu.

Tu-bồ-đề thưa: Pháp có sở hữu có thể được pháp sở hữu chăng?

Phật dạy: Không.

Bạch đức Thế Tôn! Pháp có sở hữu có thể được pháp không sở hữu chăng?

Phật dạy: Không.

Bạch đức Thế Tôn! Pháp không có sở hữu có thể được pháp không có sở hữu chăng?

Phật dạy: Không.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu không có sở hữu, không thể được pháp có sở hữu, pháp có sở hữu không thể được pháp không có sở hữu, pháp có sở hữu không thể được pháp không có sở hữu, pháp không có sở hữu không thể được pháp không có sở hữu, vậy sẽ không có Thế Tôn, không được đạo

chăng?

Phật dạy: Có được, nhưng không do bốn câu được. Bạch Thế Tôn! Thế nào là được?

Phật dạy: Chẳng phải có sở hữu, chẳng phải không có sở hữu, không có các hí luận ấy, ấy gọi là đắc đạo.

Bạch đức Thế Tôn! Những gì là pháp hí luận của Bồ-tát?

Phật dạy: Bồ-tát quán sắc hoặc thường hoặc vô thường, ấy là hí luận; quán thọ, tưởng, hành thức hoặc thường hoặc vô thường, ấy là hí luận; quán sắc hoặc khổ hoặc vui, thọ, tưởng, hành, thức hoặc khổ hoặc vui, ấy là hí luận; quán sắc hoặc ngã hoặc phi ngã, thọ, tưởng, hành, thức hoặc ngã hoặc phi ngã; sắc hoặc tịch diệt hoặc chẳng tịch diệt, thọ, tưởng, hành, thức hoặc tịch diệt hoặc chẳng tịch diệt, ấy là hí luận. Quán khổ Thánh đế ta nên thấy, tập thánh đế ta nên đoạn, diệt thánh đế ta nên chứng, đạo thánh đế ta nên tu, ấy là hí luận; ta nên tu bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, ấy là hí luận; ta nên tu bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo, ấy là hí luận; ta nên tu môn giải thoát không, môn giải thoát vô tướng, môn giải thoát vô tác, ấy là hí luận; ta nên tu tám bội xả, định chín thứ lớp, ấy là hí luận; ta nên vượt qua quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, ấy là hí luận; ta nên đầy đủ mười địa của Bồ-tát, ấy là hí luận; ta nên vào Bồ-tát vị, ấy là hí luận; ta nên nghiêm tịnh cõi Phật, ấy là hí luận; ta nên thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, ấy là hí luận; ta nên sinh mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, ấy là hí luận; ta nên được trí Nhất thiết chủng, ấy là hí luận; ta nên dứt hết thảy phiền não tập khí, ấy là hí luận. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, sắc hoặc thường hoặc vô thường không thể hí luận cho nên không nên hí luận; thọ, tưởng, hành thức, hoặc thường hoặc vô thường không thể hí luận cho nên không nên hí luận, cho đến trí Nhất thiết chủng không thể hí luận cho nên không nên hí luận. Vì sao? Vì tính Không thể hí luận là tính, vô tính Không thể hí luận là vô tính; tính lìa, tính Không có, lại không có pháp có thể nắm bắt được. Hí luận là hí luận pháp, hí luận chỗ, vì thế nên sắc không có hí luận, thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng không có hí luận. Như vậy, Bồ-tát nên hành Bát-nhã Ba-la-mật không có hí luận.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Vì sao sắc không thể hí luận cho đến trí Nhất thiết chủng không thể hí luận?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Vì tính sắc không có cho đến tính trí Nhất thiết

chủng không có, như tính pháp không có tức là không có hí luận, vì thế nên sắc không thể hí luận. Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát hành Bát-nhã không hí luận được như thế, thì khi ấy được vào Bồ-tát vị.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu tính các pháp không có, thì Bồ-tát hành đạo gì được vào Bồ-tát vị? Hành đạo Thanh-văn, hành đạo Bích-chi Phật hay hành Phật đạo?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Không do đạo Thanh-văn, không do đạo Bích-chi Phật, không do Phật đạo được vào Bồ-tát vị mà Bồ-tát học khắp các đạo được vào Bồ-tát vị. Thí như hàng Bát nhân trước học các đạo sau đó mới vào chính vị, chưa được quả mà trước đã sinh đạo quả; Bồ-tát cũng như vậy, trước học khắp các đạo tiếp sau vào Bồ-tát vị, cũng chưa được trí Nhất thiết chủng mà trước được sinh tam-muội Kim cang, bấy giờ do một niệm tương ưng với trí tuệ, được trí Nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát học khắp các đạo mà vào Bồ-tát vị, thì hạng người Bát nhân hướng đến Tu-đà-hoàn, được Tu-đà-hoàn, hướng đến Tư-đà-hàm, được Tư-đà-hàm, hướng đến A-na-hàm, được A-na-hàm, hướng đến A-la-hán, được A-la-hán, Bích-chi Phật đạo, Phật đạo, mà các đạo ấy mỗi mỗi khác nhau? Nếu Bồ-tát học khắp các đạo ấy sau vào Bồ-tát vị thì Bồ-tát ấy nếu sinh Bát đạo thì nên làm hạng Bát nhân, nếu phát sinh Kiến đạo thì làm Tu-đà-hoàn, nếu phát sinh Tư duy đạo thì nên làm Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán; nếu phát sinh Bích-chi Phật đạo thì làm Bích-chi Phật? Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát làm hạng Bát nhân sau đó mới vào Bồ-tát vị, thì lẽ ấy không thể có. Không vào Bồ-tát vị mà được trí Nhất thiết chủng cũng không thể có. Làm Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi Phật, vậy sau mới vào Bồ-tát vị cũng không có lẽ ấy. Không vào Bồ-tát vị mà được trí Nhất thiết chủng cũng không có lẽ ấy. Bạch đức Thế Tôn! Con làm sao biết Bồ-tát học khắp các đạo được vào Bồ-tát vị?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Nếu Bồ-tát làm hạng Bát nhân được quả Tu-đà-hoàn cho đến được quả A-la-hán, được đạo Bích-chi Phật, sau đó vào Bồ-tát vị, thì không thể có lẽ ấy, không vào Bồ-tát vị mà được trí Nhất thiết chủng, thì không có lẽ ấy. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát từ khi mới phát tâm, tu sáu Ba-la-mật, nhờ trí quán sát mà vượt qua tám địa là Càn tuệ địa, Tánh địa, Bát nhân địa, Kiến địa, Bạt địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa, Bích-chi Phật địa, nương Đạo chủng trí mà vào Bồ-tát

vị. Vào Bồ-tát vị rồi nhờ trí Nhất thiết chủng mà dứt hết thảy phiền não và tập khí. Ở Bát nhân địa hoặc trí, hoặc đoạn là Bồ-tát vô sinh pháp

nhẫn; ở Tu-đà-hoàn hoặc trí (trí biết khổ đế - ND) hoặc đoạn (đoạn trừ tập đế - ND); Tư-đà-hàm hoặc trí hoặc đoạn, A-na-hàm hoặc trí hoặc đoạn, A-la-hán hoặc trí hoặc đoạn, Bích-chi Phật hoặc trí hoặc đoạn đều là Bồ-tát nhẫn, Bồ-tát học Thanh-văn, Bích-chi Phật. Như vậy, nương Đạo chủng trí mà vào Bồ-tát vị; vào Bồ-tát vị rồi nương trí Nhất thiết chủng mà dứt hết thảy phiền não và tập khí, được Phật đạo. Như vậy, Bồ-tát học khắp các đạo đầy đủ nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi đem kết quả lợi ích chúng sinh.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế Tôn nói đạo: Đạo Thanh-văn, đạo Bích-chi Phật, Phật đạo, thế nào là Đạo chủng trí của Bồ-tát?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát nên sinh trí thanh tịnh về hết thảy đạo chủng. Thế nào là trí thanh tịnh về hết thảy đạo chủng? Đó là, nếu các pháp có tướng mạo có thể hiển bày, thì Bồ-tát nên biết đúng đắn; biết đúng đắn rồi, vì người khác diễn nói, khai thị khiến được hiểu rõ. Bồ-tát nên hiểu hết thảy âm thanh, ngôn ngữ; dùng âm thanh, ngôn ngữ ấy thuyết pháp lan khắp thế giới đại thiên ba ngàn như tiếng vang. Vì thế nên Bồ-tát nên trước hết nên học đầy đủ hết thảy đạo. Đạo trí đầy đủ rồi thì nên phân biệt tâm sâu xa của chúng sinh: Đó là chúng sinh địa ngục, đường địa ngục, nhân địa ngục, quả địa ngục, nên biết, nên ngăn trừ; phân biệt biết súc sinh, nhân súc sinh, quả súc sinh, nhân ngạ quỉ, quả ngạ quỷ, đường ngạ quỉ, nên biết, nên ngăn trừ; các rồng, quỷ thần, Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân và quả A-tu-la đạo nên biết, nên ngăn trừ; nhân và quả của nhân đạo nên biết; nhân và quả của tiên đạo nên biết; nhân và quả của trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm thiên, trời Quang Âm, trời Biến tịnh, trời Quảng quả, trời Vô tưởng, trời A-bà-la-ha, trời Vô nhiệt, trời Dị kiến, trời Hỷ kiến, trời A-ca-nị-sắc nên biết; nhân và quả của Vô biên hư không xứ, Vô biên thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi-hữu-tưởng Phi vô tưởng xứ đạo nên biết; nhân và quả của bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo nên biết; nhân và quả của môn Không giải thoát, môn Vô tướng, Vô tác giải thoát, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi nên biết. Bồ-tát do các đạo ấy khiến chúng sinh vào đạo Tu-đà-hoàn cho đến đạo Bích-

chi Phật, đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ấy gọi là Đạo chủng trí thanh tịnh của Bồ-tát. Bồ-tát học Đạo chủng trí ấy rồi vào tâm sâu xa của chúng sinh; vào rồi theo tâm sâu xa của chúng sinh mà thuyết pháp

thích hợp, lời nói không hư dối. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy khéo biết căn tính của chúng sinh, biết tâm và tâm số pháp của chúng sinh trong đường sinh tử. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên hành đạo Bát-nhã Ba-la-mật như vậy. Vì sao? Vì hết thảy thiện pháp trợ đạo đều vào trong Bát-nhã. Các Bồ-tát, Thanh-văn, Bích-chi Phật nên thực hành.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu bốn niệm xứ cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là hết thảy pháp đều không hợp không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ là một tướng tức vô tướng, thì làm sao do pháp trợ đạo ấy có thể thủ chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Bạch đức Thế Tôn! Pháp một tướng, không tướng, không hợp, không tán, không sắc, không hình, không đối ấy không có gì lấy, không gì bỏ, như hư không không lấy không bỏ.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Các pháp tự tính là không, không có gì lấy, không có gì bỏ; vì chúng sinh không biết tự tính các pháp là không, nên vì họ mà khai thị pháp trợ đạo, có thể thủ chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, sắc, thọ, tưởng, hành, thức, Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, nội không, ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không, sơ thiền cho đến Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ, bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo, ba môn giải thoát, tám bội xả, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, trí Nhất thiết chủng, các pháp ấy ở trong Thánh pháp đều không hợp, không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ là một tướng tức vô tướng. Vì theo pháp thế tục nên vì chúng sinh giảng nói, làm cho hiểu rõ, chứ chẳng phải theo đệ nhất nghĩa. Này Tu-bồ-đề! Đối với hết thảy pháp ấy, Bồ-tát nên dùng trí thấy pháp như thật mà học; học xong phân biệt các pháp nên dùng hay không nên dùng.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát phân biệt những pháp gì rồi nên dùng, hay không nên dùng?

Phật dạy: Pháp Thanh-văn, Bích-chi Phật phân biệt biết không nên dùng, trí Nhất thiết chủng phân biệt biết nên dùng. Như vậy, Bồ-tát đối với Thánh pháp nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là Thánh pháp, Thánh pháp gồm những gì?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Pháp Thanh-văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát và Phật

với tham dục, sân giận, ngu si không hợp, không tán, dục nhiễm, sân giận không hợp, không tán; sắc nhiễm, vô sắc nhiễm, trạo cử, kiêu mạn, vô

minh không hợp, không tán; Sô thiền cho đến đệ Tứ thiền không hợp, không tán, từ bi hỷ xả, hư không xứ cho đến Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ không hợp, không tán; bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo không hợp, không tán; nội không cho đến đại bi, tánh hữu vi, tánh vô vi không hợp, không tán. Vì sao? Vì hết thảy pháp đều là không sắc, không hình, không đối, vì là một tướng tức vô tướng. Pháp không sắc với pháp không sắc không hợp không tán; pháp không hình với pháp không hình không hợp không tán; pháp không đối với pháp không đối, không hợp không tán; pháp một tướng với pháp một tướng không hợp, không tán; pháp vô tướng với pháp vô tướng không hợp, không tán. Này Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật nhất tướng vô tướng, không sắc, không hình, không đối ấy, các Bồ-tát nên học; học rồi không thủ đắc các pháp tướng.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát không học tướng sắc chăng? Không học tướng thọ, tưởng, hành, thức chăng? Không học tướng mắt cho đến tướng ý? Không học tướng sắc cho đến tướng pháp? Không học tướng địa chủng cho đến tướng thức chủng? Không học Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật? Không học tướng nội không cho đến tướng vô pháp hữu pháp không? Không học tướng Sô thiền cho đến tướng đệ Tứ thiền? Không học tướng từ bi hỷ xả? Không học tướng vô biên không, cho đến tướng Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng? Không học tướng bốn niệm xứ, cho đến tướng tám phần thánh đạo? Không học tướng tam-muội Không, tam-muội Vô tướng, Vô tác? Không học tướng tám bội xả, định chín thứ lớp? Không học tướng mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi? Không học tướng Khổ thánh đế, Tập, Diệt, Đạo thánh đế? Không học tướng thuận quán, nghịch quán mười hai nhân duyên? Không học tướng hữu vi tính, vô vi tính? Bạch đức Thế Tôn! Nếu không học tướng các pháp ấy, thì Bồ-tát làm sao học tướng các pháp hoặc hữu vi hoặc vô vi để khi học xong vượt qua địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật? Nếu không học qua địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật thì làm sao vào địa vị Bồ-tát? Nếu không vào địa vị Bồ-tát, thì làm sao được trí Nhất thiết chủng? Nếu không được trí Nhất thiết chủng thì làm sao Chuyển pháp luân? Nếu không Chuyển pháp luân, thì làm sao đem đạo ba thừa độ chúng sinh? Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu tướng các pháp thật có thì Bồ-tát nên học tướng ấy; song vì tướng các pháp thật không, không sắc, không hình, không đối, chỉ là một tướng tức vô tướng; vì thế nên Bồ-tát không học tướng, không học vô tướng. Vì sao? Vì có Phật hay không có Phật, một tướng của các pháp, tính vẫn thường trú.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy các pháp

chẳng có tướng chẳng phải không có tướng thì Bồ-tát làm sao tu Bát-nhã Ba-la-mật? Nếu không tu Bồ-tát thì không thể vượt qua địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật? Nếu không vượt qua địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật thì không thể vào địa vị Bồ-tát? Nếu không vào địa vị Bồ-tát thì không được vô sinh pháp nhẫn? Nếu không được vô sinh pháp nhẫn thì không thể được Bồ-tát thần thông. Nếu không được Bồ-tát thần thông thì không thể nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh. Nếu không nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh thì không thể được trí Nhất thiết chủng. Nếu không được trí Nhất thiết chủng thì không thể chuyển pháp luân? Nếu không chuyển pháp luân thì không thể làm cho chúng sinh được Tu-đà-hoàn quả cho đến đạo Bích-chi Phật, Bồ-tát; cũng không thể làm cho chúng sinh được phước bố thí, được phước trì giới, tu định?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Các pháp vô tướng chẳng phải một tướng, chẳng phải hai tướng, nếu tu vô tướng là tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch: Làm sao tu vô tướng là tu Bát-nhã Ba-la-mật? Phật dạy: Tu các pháp hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao tu các pháp hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Tu sắc hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật, tu thọ, tưởng, hành, thức hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu nhãn, nhó, tỷ, thiệt, thân, ý hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu quán bất tịnh hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu Sĩ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu từ bi hỷ xả hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu bốn định vô sắc hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí xả, niệm thiên, niệm diệt, niệm hôi thở hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã, tướng không, tướng tập, tướng nhân, tướng sinh, tướng duyên, tướng đóng, tướng diệt, tướng diệu, tướng xuất, tướng đạo, tướng trắng, tướng dấu tích, tướng lìa hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu mười hai nhân duyên hư hoại, tướng ngã, tướng chúng sinh, thọ giả, cho đến tướng kẻ biết kẻ thấy hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu tướng thường, tướng vui, tướng tịnh, tướng ngã hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu Không, Vô tác, Vô tướng tam-muội là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu tám bội xả, định chín thứ lớp hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu tam-muội có giác có quán, tam-muội không giác có quán, tam-muội

không giác không quán hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu Khổ thánh đế, Tập thánh đế, Diệt thánh đế, Đạo thánh đế hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu khổ trí, tập trí, diệt trí, Đạo trí hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu tận trí, vô sinh trí hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu pháp trí, tỷ trí, thế trí, tha tâm trí hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cảnh không, vô thỉ không, tán không, tánh không, chư pháp không, tự tướng không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu Nhất thiết trí hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu dứt hết thảy phiền não tập khí hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Sao gọi là tu sắc hư hoại cho đến tu đoạn hết thảy phiền não tập khí hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật không nghĩ đến có sắc pháp, ấy là tu Bát-nhã Ba-la-mật; không nghĩ đến có thọ, tưởng, hành, thức cho đến không nghĩ đến có dứt hết thảy phiền não tập khí, ấy là tu Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì có pháp để nghĩ tới, là không tu Bát-nhã Ba-la-mật. Này Tu-bồ-đề! Có pháp để nghĩ tới là không tu Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì người ấy chấp trước vào pháp, không hành Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật. Chấp trước như vậy là không có giải thoát, không có đạo, không có Niết-bàn; có pháp để nghĩ tới là không tu bốn niệm xứ, cho đến tám phần thánh đạo, không tu tam-muội Không cho đến trí Nhất thiết chủng. Vì sao? Vì người ấy chấp trước vào pháp.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

Thế nào là có pháp? Thế nào là không có pháp?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Hai là có pháp, chẳng hai là không có pháp.

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là hai?

Phật dạy: Tướng sắc là hai, tướng thọ, tưởng, hành, thức là hai,

tướng mắt cho đến tướng ý là hai; tướng sắc cho đến tướng pháp là hai, tướng Thí Ba-la-mật cho đến tướng Phật, tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tướng hữu vi, vô vi là hai. Này Tu-bồ-đề! Hết thảy tướng đều

là hai, hết thảy hai đều là có pháp; thích ứng với có pháp là có sinh tử, thích ứng với có sinh tử là không được xa lìa sinh già bệnh chết ưu bi khổ não. Vì nhân duyên ấy nên biết người chấp hai tướng thì không có Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật; không có đạo, không có quả, cho đến không có thuận nhẫn, huống gì thấy tướng sắc cho đến thấy tướng trí Nhất thiết chủng! Nếu không tu đạo làm sao được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và dứt hết thảy phiền não tập khí?

LUẬN: Phật nói Bồ-tát hành sáu Bát-nhã Ba-la-mật, không thọ quả báo thế gian, Tu-bồ-đề tán thán việc ấy chưa từng có, bạch Phật rằng: Bồ-tát ấy thành tựu đại trí tuệ, tu hành pháp sâu xa, tạo tác nhân mà không thọ quả. Bồ-tát ấy vì làm lợi lớn cho chúng sinh nên không thọ quả báo nhỏ. Phật chấp thuận ý ấy, lại tự nói nhân duyên: Bồ-tát đối với các pháp tính Không lay động. Tính các pháp là không có sở hữu, rốt ráo không, Như, pháp tính, thật tế, Bồ-tát định tâm an trú trong ấy, không lay động.

Tu-bồ-đề hỏi: Đối với những tính gì không lay động?

Phật đáp: Đối với tính sắc không lay động, cho đến đối với tính đại từ đại bi... Vì sao? Vì tính các pháp là do nhân duyên sinh, không tự tại, không có định tướng; không có định tướng nên không có sở hữu. Các pháp là sắc pháp... nhân sắc pháp ấy nên nói vô vi. Thế nên pháp vô vi cũng không có sở hữu. Vì sao? Vì không thể dùng pháp không có sở hữu mà thủ đắc pháp sở hữu.

Tu-bồ-đề thưa: Nếu không có sở hữu, không thể thủ đắc pháp sở hữu, vậy há có thể dùng pháp có sở hữu thủ đắc pháp có sở hữu ư?

Phật đáp: Không. Vì sao? Vì pháp không có sở hữu được hết thảy thánh nhân xưng tán, an trú, còn không thể có sở đắc, huống gì pháp có sở hữu!

Tu-bồ-đề thưa: Pháp có sở hữu thủ đắc pháp không có sở hữu chăng?

Phật đáp: Không. Vì sao? Vì có sở hữu, không có sở hữu đều có lỗi, cho nên Phật đáp là không.

Tu-bồ-đề thưa: Có thể dùng pháp không có sở hữu thủ đắc pháp không có sở hữu chăng? Phật đáp: Không. Vì sao? Vì pháp có sở hữu có tướng sinh, tướng trụ là pháp hư dối, còn không có sở đắc, huống gì pháp không có sở hữu từ xưa lại đây rốt ráo không mà lại có sở đắc!

Tu-bồ-đề lại hỏi: Nếu dùng cả bốn câu đều không có sở đắc, thì sẽ không có đạo, không đắc quả ư?

Phật đáp: Thật có đắc đạo, nhưng chỉ là không dùng bốn câu ấy. Vì

sao? Vì bốn câu đều có lỗi như trên; nếu lìa bốn câu hí luận thì ấy tức là đạo.

Lại hỏi: Thế nào là tướng Bồ-tát hí luận?

Phật đáp: Sắc hoặc thường hoặc vô thường... là Bồ-tát hí luận. Vì sao? Vì nếu thường thì chẳng sinh chẳng diệt, không có tội phước, tốt xấu; nếu vô thường thì cũng không đúng. Vì sao? Vì nhân thường mà nói vô thường. Thường đã không thể có được, huống gì vô thường!

Lại nữa, nếu vô thường chắc chắn là định tướng của sắc, thì không thể có nghiệp nhân duyên quả báo. Vì sao? Vì sắc pháp... niệm niệm diệt mất. Nếu nghiệp nhân duyên và quả báo diệt mất thì không gọi là tướng vô thường? Các nhân duyên như vậy nên vô thường chẳng phải là thật tướng của sắc pháp... như đã phá ở trong phẩm Vô thường trước. Cho đến nghĩ rằng: Ta sẽ dứt hết thảy phiền não tập khí, cũng là hí luận. Sắc pháp... không thể hí luận, mà phàm phu hí luận các pháp, còn Bồ-tát đối với pháp thì không thể hí luận, tùy theo pháp không hí luận. Vì sao? Vì tự tính Không thể hí luận tự tính. Vì sao? Vì tính do nhân duyên sinh, chỉ có giả danh, làm sao có thể hí luận? Nếu có tính mà còn không thể hí luận, huống gì là vô tính? Lìa tính và vô tính, lại không có pháp thứ ba có thể hí luận? Hí luận là: Hí luận pháp, hí luận nôi chỗ, pháp ấy đều không thể có được. Này Tu-bồ-đề! Sắc pháp... là tướng không thể hí luận. Như vậy, Bồ-tát nên tu Bát-nhã Ba-la-mật không hí luận.

Lại nữa, Phật tự nói nhân duyên không thể hí luận: sắc pháp... vô tự tính, nếu pháp vô tự tính tức là không thể hí luận. Nếu Bồ-tát tu được Bát-nhã không thể hí luận ấy, liền được vào địa vị Bồ-tát.

Ý Tu-bồ-đề: Không có hí luận là đạo của ba thừa, vậy Bồ-tát dùng đạo gì để vào địa vị Bồ-tát không có hí luận? Phật đều đáp là không. Vì sao? Vì hàng Bồ-tát Đại thừa không nên dùng pháp Nhị thừa, vì sáu Ba-la-mật chưa đầy đủ, không thể dùng Phật đạo. Trong đây Phật tự nói nhân duyên; Bồ-tát nên tu học khắp các đạo mới được vào địa vị Bồ-tát; thí như hàng Bát nhân trong hàng Kiến đế đạo, trước tiên học khắp các đạo, được vào chính vị mà chưa được quả Tu-đà-hoàn, Bồ-tát cũng như vậy; trước tiên học khắp các đạo, được vào địa vị Bồ-tát mà chưa được quả Nhất thiết chủng. Nếu Bồ-tát trú trong Kim cang tam-muội, dùng một niệm tương ưng với tuệ thì được quả Nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề hỏi: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát học khắp các đạo vậy sau mới vào địa vị Bồ-tát, các đạo ấy khác nhau; nếu Bồ-tát học khắp các đạo ấy, hoặc sinh vào tám đạo, tức là hàng Bát nhân; nếu sinh vào Bích-chi

Phật đạo, tức là Bích-chi Phật; nếu Bồ-tát làm kẻ Bát nhân cho đến làm Bích-chi Phật, vậy sau mới vào địa vị Bồ-tát, thì không có lẽ ấy. Nếu không vào địa vị Bồ-tát mà được trí Nhất thiết chủng, cũng không có lẽ ấy. Con sẽ làm sao biết được Bồ-tát học các đạo, vào địa vị Bồ-tát?

Phật chấp thuận ý ấy và tự nói nhân duyên: Bồ-tát từ khi mới phát tâm hành sáu Ba-la-mật, do trí quán thấy Bát địa rồi mà thẳng qua, như người có thân bị giam trong lao ngục, đi vào xem thấy nhưng cũng không cùng mang gông cùm; Bồ-tát muốn đầy đủ Đạo chủng trí nên vào địa vị Bồ-tát, xem khắp các dạo, vào địa vị Bồ-tát; vào địa vị Bồ-tát rồi được trí Nhất thiết chủng, dứt hết phiền não tập khí. Phật khai thị cho Tu-bồ-đề rằng: Hàng Nhị thừa được phần ít trí tuệ của chư Phật và Bồ-tát, thế nên hàng Bát nhân hoặc trí hoặc đoạn, cho đến Bích-chi Phật hoặc trí hoặc đoạn đều là vô sinh pháp nhẫn của Bồ-tát.

Trí là tám trí của hàng học nhân và chín hoặc mười trí của hàng vô học.

Đoạn là dứt mười kiết sử, tức là năm thượng phần kiết, năm hạ phần kiết.

Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm nói lược là dứt ba kiết, nói rộng là dứt tám mươi tám kiết. A-na-hàm nói lược là dứt năm hạ phần kiết, nói rộng là dứt chín mươi hai kiết. A-la-hán nói lược là dứt ba lậu hoặc: Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu; nói rộng là dứt hết thảy phiền não. Ấy gọi là trí và đoạn; trí và đoạn đều là vô sinh pháp nhẫn của Bồ-tát.

Hàng Thanh-văn do bốn thánh đế được đạo, hàng Bồ-tát do một thánh đế vào đạo. Phật nói bốn thánh đế đều là một thánh đế, vì phân biệt nên có bốn. Bốn đế ấy là trí và đoạn của Nhị thừa đều ở trong một đế. Bồ-tát trước tiên trú trong nhu thuận nhẫn, học vô sinh vô diệt, cũng chẳng phải vô sinh, chẳng phải vô diệt; lìa hữu kiến, vô kiến, hữu vô kiến, chẳng phải hữu chẳng phải vô kiến... dứt hết các hí luận, được vô sinh nhẫn.

Vô sinh nhẫn là trong phẩm sau Phật tự nói: Cho đến khi làm Phật thường không sinh ác tâm, ấy gọi là vô sinh nhẫn. Luận giải nói: Được nhẫn ấy, quán hết thảy pháp rốt ráo không; tâm và tâm số pháp dứt các duyên, không sinh, ấy gọi là vô sinh nhẫn.

Lại nói có thể vượt qua trí tuệ của Thanh-văn, Bích-chi Phật, gọi là vô sinh nhẫn. Trí tuệ Thanh-văn, Bích-chi Phật quán năm uẩn sinh diệt nên sinh tâm nhàm chán, lìa dục mà được giải thoát. Bồ-tát do trí tuệ và phước đức lớn nên trong khi quán năm uẩn sinh diệt, tâm không sợ hãi như Tiểu Thừa; Bồ-tát dùng mắt tuệ tìm định tướng của pháp sinh diệt không thể có

được, như đã nói trong phẩm Phá sinh ở trước. Chỉ dùng mắt thịt và tâm thô thiển thì thấy có vô thường sinh diệt; hàng phàm phu đối với các pháp thấy thường, mà khi pháp chấp trước ấy trở về vô thường, thì chúng sinh lo buồn, khổ não. Thế nên Phật nói muốn lìa ưu khổ chớ quán tướng thường. Nói vô thường ấy là vì phá điên đảo chấp thường, chứ không vì chấp đắm vô thường mà nói, thế nên Bồ-tát bỏ quán sinh diệt, vào trong vô sinh vô diệt.

Lại hỏi: Nếu vào vô sinh vô diệt tức là thường, thì làm sao xa lìa được điên đảo chấp thường?

Phật đáp: Như vô thường có hai: Một là phá điên đảo chấp thường mà không chấp vô thường; hai là chấp vô thường sinh hí luận; vô sinh nhẫn cũng như vậy; Một là tuy phá sinh diệt mà không chấp vô sinh vô diệt nên không đọa vào điên đảo chấp thường; hai là chấp không sinh diệt nên đọa vào điên đảo chấp thường.

Chân thật vô sinh là dứt các quán, đường ngôn ngữ bặt, quán hết thảy pháp như tướng Niết-bàn, từ xưa lại đây thường tự không sinh; được vô sinh vô diệt, rốt ráo thanh tịnh ấy thì quán vô thường còn không chấp thủ, huống gì sinh diệt? Các tướng như vậy gọi là vô sinh pháp nhẫn. Được vô sinh nhẫn ấy liền vào địa vị Bồ-tát; vào địa vị Bồ-tát rồi do trí Nhất thiết chủng dứt các phiền não và tập khí, dùng mọi nhân duyên độ thoát chúng sinh; như cây có trái ngon làm lợi ích nhiều.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Đạo chủng trí của Bồ-tát?

Phật đáp: Bồ-tát trú trong vô sinh pháp nhẫn được thật tướng các pháp. Từ thật tướng khởi lên, lấy danh tướng, ngôn ngữ các pháp tự mình hiểu rõ; tự mình hiểu rõ rồi lại vì chúng sinh diễn nói, khiến được khai ngộ. Bồ-tát nhờ nhân duyên phước đức nên hiểu âm thanh, ngôn ngữ của chúng sinh, dùng âm thanh biến khắp ba ngàn đại thiên thế giới, cũng không chấp trước âm thanh ấy, vì biết nó như tiếng vang. Âm thanh ấy tức là tướng Phạm âm, vì thế Bồ-tát nên biết hết thảy đạo, xem khắp tâm chúng sinh, biết gốc ngọn của họ rồi đem thiện pháp làm lợi ích, ngăn ngừa pháp bất thiện, như trong kinh nói rộng: Bồ-tát trước hết biết thật tướng các pháp, nên đối với đạo Nhị thừa ra vào tự tại; quán sát rồi đi thẳng qua mà vào địa vị Bồ-tát. Lại vì độ chúng sinh nên khởi đạo tuệ; muốn vì chúng sinh thuyết pháp, hiểu rõ âm thanh, ngôn ngữ của chúng sinh rồi dùng Phạm âm thuyết pháp, ngăn ngừa đường ác, mở đường thiện. Đường ác là ba ác đạo: Địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Đường thiện là ba thiện đạo: Người, trời, A-tu-la.

Dùng mọi nhân duyên chê trách ác đạo, tán thán thiện đạo. Ngăn đường ác là ngăn đường địa ngục, nhân địa ngục, quả địa ngục. Địa ngục đạo là ba đạo bất thiện. Nhân của địa ngục là ba độc: Tham dục tăng trưởng khởi lên đường bất thiện tham lam, tật đố; sân nhuế khởi lên đường bất thiện giận dữ, não hại; ngu si tăng trưởng khởi lên đường bất thiện tà kiến. Ba độc là nhân của ba đường bất thiện, ba đường bất thiện là nhân của bảy đường bất thiện. Quả của địa ngục là do nhân ấy nên chịu thân địa ngục, tâm chịu các khổ não, đó là quả. Bồ-tát nên xem quả địa ngục của chúng sinh, vậy sau vì họ thuyết pháp, khiến dứt nhân quả và đường địa ngục. Mười đường bất thiện có thượng, trung, hạ. Thượng là địa ngục; trung là súc sinh, hạ là ngạ quỷ. Mười đường thiện cũng có thượng, trung, hạ. Thượng là trời, trung là người; hạ là quỷ thần. Ở mười đường thiện có thể lìa dục, sinh lên cõi Sắc; lìa cõi Sắc, sinh lên cõi Vô sắc. Ở trong ba đường ác thường chịu khổ, nên nói cần nên biết, cần nên ngăn trừ. Ở trong loài người, loài trời có nhân duyên đắc đạo là Niết-bàn nên hoặc có khi bị ngăn; vì bất định, không nói các pháp trợ đạo khác, vì không nên nói ngăn trừ, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát phân biệt được như vậy rồi biết chúng sinh nên dùng pháp Tiểu thừa để độ thì dùng pháp Tiểu thừa độ, nên dùng pháp Đại thừa để độ thì dùng pháp Đại thừa độ. Bồ-tát biết tâm sâu xa của chúng sinh và nghiệp nhân duyên đời trước; lại biết nhân duyên quả báo đời sau; lại biết thời tiết và nơi chốn của chúng sinh có thể hóa độ; các nhân duyên có thể hóa độ khác đều biết đầy đủ, thế nên lời nói không hư dối. Trí tuệ biết về đạo chủng và các pháp trợ đạo như vậy đều nhiếp vào trong Bát-nhã; thế nên Bồ-tát nên hành Bát-nhã đạo tuệ.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Nếu pháp trợ đạo, Bồ-đề là pháp không hợp, không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ là một tướng tức vô tướng, thì pháp trợ đạo ấy đều không, làm sao có thể chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Pháp không, không có sở hữu, thì lẽ đáng không lấy, không bỏ; thí như hư không, không có pháp nên không lấy, không bỏ?

Tu-bồ-đề nói với tâm chân thật không chấp trước, nên Phật hứa khả rằng: Đúng vậy, đúng vậy! Và nói nhân duyên: Có chúng sinh không biết các pháp tự tướng là không như vậy, nên vì chúng sinh ấy phân biệt pháp trợ đạo mà có thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Chẳng phải chỉ ba mươi bảy phẩm trợ đạo là Không, không hợp, không tán, mà sắc pháp cho đến trí Nhất thiết chủng ở trong thánh pháp, cũng tự tướng là không, không hợp, không tán. Không hợp, không tán là nghĩa rốt ráo không; như trong đây nói nhất tướng, đó là vô tướng. Pháp ấy tuy không, mà vì theo thế đế nên vì chúng sinh nói: Muốn làm cho được

vào thánh pháp, chứ chẳng phải là đệ nhất nghĩa. Trong đây Bồ-tát đều nên biết, thấy, học pháp ấy. Mới biết gọi là biết; về sau vào sâu, gọi là thấy. Biết là chưa rõ ràng, thấy là đã rõ ràng.

Hỏi: Biết và thấy có gì sai khác?

Đáp: Có người nói: Có cái biết chẳng phải thấy, có cái thấy chẳng phải biết, có cái cũng biết cũng thấy, có cái chẳng phải biết chẳng phải thấy.

Có cái biết chẳng phải thấy là chỉ cho trí tận và trí vô sinh, trừ thế gian chánh kiến và năm ác kiến, các tuệ khác đều gọi là biết; ấy là tuệ biết, chẳng phải thấy.

Có cái thấy chẳng phải biết là năm ác kiến và thế gian chánh kiến và nhẫn ở trong kiến đế đạo; ấy là thấy, chẳng phải biết. Các tuệ vô lậu khác cũng gọi là biết, cũng gọi là thấy; lìa thấy và biết ấy, các pháp khác chẳng phải thấy, chẳng phải biết.

Lại nữa, có người nói: Định tâm gọi là thấy, Định và chưa định đều thông suốt gọi là biết; như trong kinh Chuyển Pháp Luân nói: Khổ đế biết rồi nên thấy; biết rồi phân biệt biết, pháp ấy nên thấy, ấy là Khổ đế; pháp ấy nên đoạn, ấy là Tập đế; pháp ấy nên chứng, ấy là Diệt đế; pháp ấy nên tu, ấy là Đạo đế. Hoặc biết phiền não dứt gọi là thấy; như biết chín phẩm Hoặc đoạn trừ.

Tu-bồ-đề nghe nói danh từ khác của Bát-nhã gọi là thánh pháp, nên hỏi: Những gì là thánh pháp?

Phật đáp: Trong thánh pháp, các Hiền Thánh hoặc Phật, hoặc Bích-chi Phật, hoặc Thanh-văn, cho là các pháp tham dục.. không hợp, không tán. Không hợp là hết thảy phiền não gọi là điên đảo; điên đảo tức là không có sở hữu. Nếu không có sở hữu, thì làm sao có thể hợp? Nếu không hợp làm sao có tán? Vì không hợp nên không khinh phàm phu; vì không tán nên không tự cao; đối với chúng sinh không thương không ghét. Trong đây Phật tự nói nhân duyên không hợp, không tán, đó là: Các pháp đều không sắc, không hình, không đối, chỉ là một tướng tức vô tướng. Pháp không có sắc với pháp không có sắc không hợp, không tán, cho đến pháp không có tướng với pháp không có tướng không hợp,

không tán. Vì sao? Vì pháp ấy đều là một tính, tự tính Không hợp với tự tính, ấy gọi là nhất tướng vô tướng của Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát nên học. Học rồi không có tướng pháp có thể được.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bồ-tát không học tướng sắc chăng? Cho đến không học tướng hữu vi vô vi chăng? Nếu không học các pháp tướng ấy, tại sao trong kinh nói Bồ-tát trước tiên học các pháp tướng, sau vượt

qua Thanh-văn, Bích-chi Phật địa? Nếu không vượt qua Thanh-văn, Bích-chi Phật, làm sao vào địa vị Bồ-tát như trong kinh đây rộng nói?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu các pháp thật có tướng thì nên học tướng ấy. Này Tu-bồ-đề! Nhưng các pháp thật không có tướng, thế nên Bồ-tát không nên học tướng; không có tướng cũng không nên học, vì học là chấp thủ tướng. Việc phá tướng như trong phẩm Vấn tướng đã nói. Có Phật hay không có Phật, thì các pháp vẫn thường trú, nhất tướng vô tướng.

Tu-bồ-đề theo Phật nghe nói hết thảy pháp là vô tướng, nay lại hỏi Phật: Nếu hết thảy pháp chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng, thì làm sao Bồ-tát tu Bát-nhã? Nếu có vô tướng thì nhân nôi vô tướng có thể tu Bát-nhã? Nay tướng và vô tướng đều không, vậy nhân việc gì được tu Bát-nhã? Nếu không tu Bát-nhã thì không thể vượt qua địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật, cho đến không thể an lập nơi ba phước điền?

Phật hứa khả lời ấy rằng: Đúng vậy, đúng vậy! Và nói nhân duyên tu Bát-nhã; Bồ-tát không vì tu tướng nên là tu Bát-nhã; tu vô tướng nên là tu Bát-nhã.

Bạch Thế Tôn! Làm sao tu vô tướng là tu Bát-nhã? Nếu vô tướng, thì làm sao có thể tu?

Phật dạy: Tu các pháp hư hoại là tu Bát-nhã, vì các pháp hư hoại nên tướng vô tướng cũng hư hoại; thí như chiếc xe hư hoại nên tướng bánh xe cũng diệt; như vậy cho đến vi trần.

Bạch Thế Tôn! Những pháp gì có thể phá hoại?

Phật đáp: Tu sắc pháp phá hoại tức là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu dứt hết thảy phiền não tập khí tức là tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Làm sao tu pháp sắc phá hoại cho đến tu dứt hết thảy phiền não tập khí phá hoại là tu Bát-nhã?

Phật đáp: Bồ-tát nhất tâm niệm đến Nhất thiết trí, thương xót chúng sinh, muốn được chánh hạnh Bát-nhã Ba-la-mật, không nghĩ đến sắc là hữu pháp; tu như vậy là tu Bát-nhã, vì cho sắc là định tướng có thật, thì mắc lỗi hữu tướng. Vì cớ sao? Vì trong đây Phật tự nói nhân duyên: Hữu tướng là không tu Bát-nhã, vì trong Bát-nhã vô pháp còn không có, huống gì hữu pháp! Người ấy không tu Bát-nhã, cũng không tu năm Ba-

la-mật; người ấy chấp trước hí luận pháp hữu, không tu bố thí... Người chấp trước như vậy không có giải thoát, không có đạo, không có Niết-bàn. Không có ba môn giải thoát gọi là không có giải thoát; không có pháp không của Thánh nhân gọi là không có đạo; không có đạo nên không có Niết-bàn.

Hỏi: Vì cớ sao không có đạo?

Đáp: Vì người ấy hí luận pháp, không nhàm chán già bệnh chết, chấp trước vào pháp nên sinh tà kiến; vì tà kiến nên không thể như thật quán sát thân bất tịnh...; không thể quán thân nên không thể tu thân niệm xứ; không tu thân niệm xứ nên không thể tu thọ, tâm, pháp niệm xứ; không tu bốn niệm xứ nên không thể tu tam-muội Không cho đến trí Nhất thiết chủng. Vì sao? Vì chấp trước pháp hữu.

Bạch đức Thế Tôn! Những gì là pháp hữu, những gì là pháp vô? Phàm phu hoặc đối với pháp hữu sinh vô tưởng, đối với pháp vô sinh tưởng hữu? Muốn phân biệt việc ấy nên hỏi Phật.

Phật đáp: Hai tướng là pháp hữu, chẳng phải hai tướng là pháp vô. Tu-bồ-đề hỏi: Những gì là hai pháp?

Phật đáp: Chấp thủ sắc tướng tức là hai, như trong phẩm trước nói. Lìa sắc không có mắt, lìa mắt không có sắc, cho đến tính hữu vi, vô vi. Vì sao? Vì lìa hữu vi không được nói vô vi; lìa vô vi không được nói thật tướng hữu vi; thế nên hai pháp ấy không được lìa nhau mà phàm phu cho đó là hai, thế nên điên đảo. Phật lược nói hai tướng, đối với hết thảy pháp chấp thủ tướng đều là hai, hết thảy hai đều là hữu, thích ứng với hữu bèn có sinh tử. Vì sao? Vì đối với hữu mà sinh tâm chấp trước, nhân tâm chấp trước mà sinh các phiền não, vì phiền não mà qua lại sinh tử, vì sinh tử mà ưu bi khổ não; thế nên nói thích ứng với pháp hữu bèn có sinh tử, có sinh tử thì không tránh được khỏi già, bệnh, ưu, khổ. Này Tu-bồ-đề! Vì vậy nên biết người chấp hai tướng, không có Thí Ba-la-mật cho đến không có thuận nhẫn, huống gì thấy được thật tướng của sắc, cho đến thấy được thật tướng của trí Nhất thiết trí. Người ấy nếu không thấy được thật tướng của sắc... thì không có tu đạo, làm sao có quả Tu-đà-hoàn cho đến dứt hết thảy phiền não tập khí?

Sáu Ba-la-mật có hai: Thế gian và xuất thế gian. Người ấy không có sáu Ba-la-mật xuất thế gian, thế nên nói người chấp tướng hữu ấy không có sáu Ba-la-mật. Nếu có là chỉ có Ba-la-mật thế gian, nhưng trong đây không nói Ba-la-mật thế gian. Đạo quả Thanh-văn còn không có, huống gì có Phật đạo?

Hỏi: Thuận nhẫn là thuận nhẫn nào?

Đáp: Đó là thuận nhẫn của Tiểu thừa. Thuận nhẫn của Tiểu thừa còn không có, huống gì của Đại thừa!

Hỏi: Địa vị đảnh pháp đã không bị thối chuyển, cớ gì còn nói cho đến địa vị nhẫn pháp?

Đáp: Trong pháp Thanh-văn cũng nói đảnh đọa, trong pháp Đại thừa cũng nói đảnh đọa, cớ gì nói đảnh pháp không đọa? Có người nói: Tuy ở đảnh pháp không thối đọa, nhưng không bền chắc, không nhất định nên không nói. Nhẫn là an trú lâu, đã vào chánh định, tuy chưa được vô lậu mà đồng với vô lậu. Vì tùy thuận với khổ pháp nhẫn nên gọi là nhẫn; vì chưa từng thấy pháp ấy, hễ thấy liền nhẫn được nên gọi là nhẫn. Người ấy với Phật Thánh là nhỏ mà với phàm phu là lớn.

Thấy sắc có hai: Một là thấy thật tướng sắc rõ ràng, hai là dứt phiền não ràng buộc theo các sắc, nên gọi là thấy. Giống như sắc cho đến trí Nhất thiết chủng, và việc dứt hết thảy phiền não tập khí cũng như vậy. Nếu người thấy sắc thì tu đạo còn không có được, huống gì tu được quả Tu-đà-hoàn cho đến dứt phiền não tập khí!

--oOo--

GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI LĂM: THỨ LỚP HỌC

KINH: Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu theo tướng pháp hữu thì còn không được thuận nhẫn, huống gì được đạo? Nếu theo tướng pháp vô, thì sẽ được thuận nhẫn chăng? Hoặc được Càn tuệ địa, hoặc Tánh địa, Bát nhân địa, Kiến địa, Bạt địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa, Bích-chi Phật địa, Bồ-tát địa hoặc Phật địa, hoặc tu đạo, và nhân tu đạo sẽ dứt phiền não chăng? Vì phiền não ấy nên không vượt quá được Thanh-văn, Bích-chi Phật mà vào địa vị Bồ-tát? Nếu không vào địa vị Bồ-tát thì không được trí Nhất thiết chủng; không được trí Nhất thiết chủng thì không được dứt hết thảy phiền não và tập khí. Bạch đức Thế Tôn! Nếu không có tướng hữu pháp thì pháp ấy chẳng sinh? Nếu chẳng sinh pháp ấy thì không thể được trí Nhất thiết chủng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Nếu không có pháp hữu thì có thuận nhẫn cho đến dứt hết thảy phiền não và tập khí.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, có tướng pháp chăng? Nghĩa là có tướng sắc cho đến tướng thức, tướng mắt cho đến tướng ý, tướng sắc cho đến tướng pháp, tướng nhãn giới cho đến tướng ý thức giới, tướng bốn niệm xứ, cho đến

tướng trí Nhất thiết chủng; hoặc tướng sắc, hoặc tướng sắc dứt cho đến tướng thức, tướng thức dứt; tướng mười hai nhập, mười tám giới cũng như vậy; hoặc tướng vô minh, hoặc tướng vô minh dứt, cho đến tướng ưu,

bi, khổ, não, tướng ưu, bi, khổ, não dứt; hoặc tướng dục, hoặc tướng dục dứt, hoặc tướng sinh cho đến tướng sinh dứt; hoặc tướng si, hoặc tướng si dứt; hoặc tướng khổ, hoặc tướng khổ dứt; hoặc tướng tập, hoặc tướng tập dứt; hoặc tướng diệt, hoặc tướng diệt dứt; hoặc tướng đạo, hoặc tướng đạo dứt, cho đến tướng trí Nhất thiết chủng, tướng dứt hết thảy phiền não và tập khí?

Phật dạy: Không. Bồ-tát khi tu Bát-nhã không có tướng pháp, tướng phi pháp, tức là Bồ-tát thuận nhẫn. Nếu không có tướng pháp, tướng phi pháp tức là tu đạo, cũng là đạo quả. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát, hữu pháp là Bồ-tát đạo, vô pháp là Bồ-tát quả; vì nhân duyên ấy nên biết hết thảy pháp, không có tính sở hữu.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp, không có tính sở hữu, thì làm sao Phật biết hết thảy pháp, không có tính sở hữu nên được thành Phật, đối với hết thảy pháp được sức tự tại?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Hết thảy pháp, không có tính sở hữu. Ta xưa hành đạo Bồ-tát, tu sáu Ba-la-mật, lìa các dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán, lìa dục sinh hỷ lạc vào sô thiền, cho đến vào đệ tứ thiền, đối với các thiền ấy và các thiền chi không nghĩ co các thiền ấy, không thọ thiền vị, không được thiền ấy, không nhiễm, thanh tịnh hành bốn thiền, Ta không thọ quả báo đối với các thiền ấy. Y trú nơi bốn thiền phát khởi năm thần thông là thần túc thông, thiên nhó thông, tha tâm thông, túc mạng thông, thiên nhó thông. Đối với các thần thông, không chấp thủ tướng, không nghĩ rằng có thần thông ấy, không thọ mùi vị của thần thông ấy, không thủ đắc thần thông ấy, Ta không phân biệt hành theo năm thần thông ấy. Này Tu-bồ-đề! Ta lúc bấy giờ dùng một niệm tương ưng với tuệ, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nghĩa là ngộ được ấy là khổ thánh đế, ấy là tập, là diệt, là đạo thánh đế, thành tựu mười lực, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, được thành Phật; phân biệt ba nhóm chúng sinh là nhóm chánh định, tà định và bất định.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Làm sao Thế Tôn đối với pháp không có tính sở hữu mà sinh khởi bốn thiền, sáu thần thông và cũng không có chúng sinh mà Phật phân biệt ba nhóm chúng sinh?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu các dục và các pháp ác bất thiện có tính, hoặc tự tính, hoặc tha tính, thì ta xưa khi tu hạnh Bồ-tát, đã không thể quán các dục, pháp ác bất thiện không có tính sở hữu để vào sơ thiền, song vì các dục, pháp ác bất thiện không có tính, hoặc tự tính, hoặc tha tính đều là tính

Không có sở hữu. Nên ta xưa khi hành Bồ-tát đạo mới lìa các dục, pháp ác bất thiện để vào sơ thiền cho đến vào đệ tứ thiền. Này Tu-bồ-đề! Nếu các thần thông có tính, hoặc tự tính, hoặc tha tính thì Ta không thể biết thần thông ấy không có tính sở hữu, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Vì thần thông là không có tính, hoặc tự tính, hoặc tha tính đều không có tính sở hữu, chư Phật đối với thần thông biết là không có tính sở hữu mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Hỏi: Các pháp Không có cùng một nghĩa, cớ gì Tu-bồ-đề dùng mỗi mỗi nhân duyên hỏi lại. Trong đây lại hỏi: Có tướng pháp thì không thể được thuận nhẫn, cho đến nếu các pháp ấy không sinh thì không thể được trí Nhất thiết chủng?

Đáp: Nghĩa rốt ráo không của các pháp ấy rất sâu xa, khó hiểu, người nói còn khó, huống gì người lãnh thọ, người tu hành? Thế nên Tu-bồ-đề vì Bát-nhã mà thưa hỏi, sợ người nhiều nghi, nhiều hoặc, nên dùng mỗi mỗi nhân duyên hỏi lại.

Lại nữa, nghĩa được hỏi tuy là một mà chỗ nguyên nhân có khác nhau. Hoặc hỏi, nếu hết thảy pháp là không, thì làm sao phân biệt có năm đường? Hoặc hỏi, nếu hết thảy pháp là không có tướng sở hữu, thì làm sao phân biệt có ba thừa? Hoặc hỏi, có tướng thì cho đến không được thuận nhẫn, làm sao quán sát Bát địa mà vào địa vị Bồ-tát? Những câu hỏi như vậy, vì câu hỏi có khác nên nghĩa có sai khác, vì Bát-nhã không có tướng nhất định. Phật hứa khả lời Tu-bồ-đề rằng: Đúng vậy, đúng vậy! Ông trước hỏi thuận nhẫn, đó là thuận nhẫn của Tiểu thừa. Nay hỏi, đó là thuận nhẫn của Bồ-tát. Bồ-tát khi hành Bát-nhã, có tướng pháp chăng? Phật đáp: Bồ-tát khi hành Bát-nhã không có pháp sinh tướng hoặc có hoặc không ấy. Vì sao? Vì thấy có và thấy không đều có lỗi; ấy là Bồ-tát thuận nhẫn; đối với hết thảy pháp mà không sinh tâm thấy tướng có, tức là tu đạo. Này Tu-bồ-đề! Hữu pháp là Bồ-tát đạo, vô pháp là quả. Hữu pháp gọi là hữu vi, vô pháp là vô vi. Hành tám thánh đạo hữu vi thì dứt các phiền não, được quả vô vi.

Lại nữa, có người nói năm Ba-la-mật gọi là hữu pháp, là Bồ-tát đạo; Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo không nên là vô pháp, là Bồ-tát quả. Có người nói: Bát-nhã là tướng trí tuệ, pháp hữu vi là đạo; Như, pháp tính, thật tế không từ nhân duyên sinh, thường có, nên gọi là quả. Có như vậy không có sai khác. Vì nhân duyên ấy nên biết hết thảy pháp đều là không có tính sở hữu, gọi là vô pháp.

Lại hỏi: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp là không có tính sở hữu, thì làm sao Phật đối với không có tính sở hữu được chánh trí, chứng

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đối với các pháp được tự tại? Phật hứa khả lời ấy. Bồ-tát dùng trí không có sở hữu hợp tu hết thảy pháp, có thể dứt hết thảy chấp trước nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong đây Phật tự dẫn chứng: Ta xưa khi làm Bồ-tát tu sáu Ba-la-mật lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán, lìa dục sinh hỷ lạc mà vào sơ thiền.

Lìa dục là lìa năm dục; lìa pháp ác bất thiện là lìa năm triền cái. Đưa người vào đường ác nên gọi là ác; chướng ngại thiện pháp nên gọi là bất thiện. Có giác có quán là giác quán lành, thuộc sô thiền; lìa dục sinh hỷ lạc là lìa bỏ năm dục sinh hỷ lạc. Hỷ lạc là trong cõi Sắc có hai thứ lạc: Một là vui có mừng, hai là chỉ có vui không có mừng. Vui và mừng thuộc Sơ thiền, Nhị thiền; chỉ có vui, không mừng thuộc Tam thiền.

Hỏi: Sơ thiền, Nhị thiền đều có vui mừng, có gì sai khác?

Đáp: Thứ vui mừng trong Sơ thiền là do lìa năm dục phát sinh; thứ vui mừng trong Nhị thiền là từ định phát sinh nên gọi là định sinh. Lại nữa, tướng phiền não cõi Dục bất thiện nên chướng ngại Sô thiền. Hành giả muốn lìa chướng ngại lớn nên nói ly sinh, còn phiền não ở cõi Sắc thuộc vô ký, bị các nạn mềm yếu lo, do nhân duyên giác quán nên mất thiền, thế nên Phật nói diệt các giác quán, bên trong tâm thanh tịnh nên được Nhị thiền; Tam thiền, Tứ thiền như trước đã nói. Ta đối với các thiền chi thủ tướng được rồi mà không nghĩ đến có thiền ấy. Khi ban đầu tập thiền, thủ tướng cho đến khi được; được rồi sợ đắm nhiễm nên quán vô thường, không nghĩ đến có thiền ấy, không thủ đắc định tướng của thiền ấy, cũng không thọ mùi vị của thiền ấy; tâm không nhiễm trước tu bốn thiền, khác với ngoại đạo. Theo đó tu các thiền mà không thọ quả báo thiền. Y trú bốn thiền, sinh khởi năm thần thông. Vì túc mạng thông nên biết nhân duyên nghiệp cũ của chúng sinh sinh đến nôi đây. Do sức thiên nhãn thông nên thấy chỗ sinh đến trong tương lai của chúng sinh, theo hành nghiệp của chúng. Biết gốc ngọn của chúng sinh rồi sinh tâm đại bi, nghĩ làm sao dứt sự khổ sinh tử tương tục cho chúng sinh. Bấy giờ tâm hồi hướng vào lậu tận thông, tức thì do một niệm tương ưng với tuệ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nghĩa là ngộ đó là tướng khổ, nhân của khổ là ái dục; ái dứt thì khổ diệt; đường đi đến khổ diệt là đạo; thông đạt bốn đế nên được mười lực, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, và phân biệt chúng sinh làm ba nhóm. Dùng ba thần thông độ chúng sinh ấy là dùng thiên nhĩ, tha tâm, thần túc thông; vì chúng sinh thuyết pháp khiến thoát sinh tử.

Tu-bồ-đề lại hỏi: Nếu các pháp là không có sở hữu, thì làm sao lúc

Phật làm Bồ-tát khởi sinh bốn thiền, sáu thần thông? Nếu không có chúng sinh, thì làm sao Phật phân biệt chúng sinh làm ba nhóm?

Phật đáp: Các dục, các pháp ác bất thiện nếu có tính, hoặc tự tính, hoặc tha tính, thì Ta khi xưa làm Bồ-tát không thể quán các dục, các pháp ác bất thiện không có tính sở hữu mà vào Sơ thiền. Ý Phật là nếu các dục, pháp ác bất thiện là pháp có định tính hoặc nhiều hoặc ít tự tướng thì trong thân có tính tịnh, tính thường... Tính có hai: hoặc tự tính, hoặc tha tính. Tự tính là tính bất tịnh trong tự thân; tha tính là chỉ cho y phục, đồ trang sức thân; các thứ đó đều vô thường hư dối, làm nhân duyên cho khổ não. Năm dục bên trong bên ngoại không có thường lạc ngã tịnh chân thật, nếu có thì Ta xưa khi tu Bồ-tát đạo, không thể quán năm dục là không, không có tính sở hữu mà vào Sô thiền, vì các dục và pháp ác bất thiện không có thật tính, hoặc tự tính, hoặc tha tính, nên Ta khi làm Bồ-tát lìa năm dục, pháp ác bất thiện mà vào Sơ thiền cho đến vào đệ Tứ thiền. Nếu các thần thông có tính, hoặc tự tính hoặc tha tính, thì Ta khi xưa tu Bồ-tát đạo không thể biết thần thông là không có sở hữu, nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề hỏi: Nếu các pháp nhất định là không, không có tính sở hữu, thì làm sao Phật đối với các pháp được sức tự tại?

Phật dạy: Ta do bốn thiền đối với các phiền não được giải thoát, do sáu thần thông đối với các pháp được tự tại độ sinh. Ý Tu-bồ-đề là vì bốn thiền, bốn thần thông là có, làm sao Phật đối với Không mà được sức tự tại?

Phật khai thị: Ta quán năm dục là không, vì hư dối không có định tướng nên không chấp trước các thiền mà khởi lên thần thông. Các thiền vì có tướng có hạn lượng nên có thể xả, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lúc mới lìa dục, vì lấy không có tính sở hữu làm nhân nên được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có sở hữu. Nếu các thiền nhất định là Không, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng Không thì có thể có vấn nạn ấy. Nhưng vì nay cả hai đều là không, nên không nên vấn nạn.

*

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 87

GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI LĂM (Tiếp): THỨ LỚP HỌC

KINH: Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát biết các pháp là không có tính sở hữu, nhân bốn thiền, năm thần thông được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì bạch đức Thế Tôn, hàng Bồ-tát mới học làm sao đối với các pháp không có tính sở hữu mà lại thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp hướng dẫn để từ thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp hướng dẫn ấy chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát hoặc mới đầu theo Phật được nghe, hoặc theo vị Bồ-tát đã cúng dường nhiều đức Phật được nghe, hoặc theo A-la-hán, A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn được nghe là vì ngộ được lý không có sở hữu nên là Phật? Vì ngộ được lý không có sở hữu nên là A-la-hán, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, Tu-đà-hoàn; hết thảy Hiền Thánh đều vì ngộ được lý không có sở hữu nên có danh xưng. Hết thảy pháp hữu vi tạo tác không có tính sở hữu cho đến không có mảy may sở hữu như mảy lông. Bồ-tát ấy nghe như vậy rồi nghĩ rằng: Nếu hết thảy pháp là không có tính sở hữu, và vì ngộ được lý không có sở hữu nên là Phật, cho đến vì ngộ được lý không có sở hữu nên là Tu-đà-hoàn thì con sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu không được hết thảy pháp thường không có tự tính thì cớ sao con không phát tâm được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, hết thảy chúng sinh hành theo tướng có, con sẽ khiến họ an trú trong tính Không có sở hữu? Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát suy nghĩ như vậy rồi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì độ hết thảy chúng sinh nên Bồ-tát hành theo thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp hướng dẫn, như quá khứ các Bồ-tát hành đạo được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hàng Bồ-tát mới học nên học sáu Ba-la-mật, đó là Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát ấy nếu khi hành Thí Ba-la-mật, tự hành bố thí, cũng dạy người bố thí, tán thán công đức bố thí, hoan hỷ tán thán người hành bố thí; do nhân duyên bố thí ấy cho nên được tài sản giàu có. Bồ-tát ấy xa lìa xan lẫn, bố thí cho chúng sinh uống ăn, y phục, hương

hoa, anh lạc, phòng xá, đồ nằm, đèn đuốc, mọi thứ cần dùng để nuôi sống. Bồ-tát hành trì giới bố thí ấy sinh vào cõi trời cõi người được tôn quý lớn; do trì giới bố thí ấy nên được thiền định uẩn; do bố thí, trì giới, thiền định ấy nên được trí tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn. Bồ-tát ấy nhân bố thí, trì giới, thiền uẩn, trí tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn nên vượt quá địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật mà vào địa vị Bồ-tát; vào địa vị Bồ-tát rồi được nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng rồi Chuyển pháp luân; Chuyển pháp luân rồi lấy pháp ba thừa độ thoát chúng sinh. Như vậy, Bồ-tát do bố thí ấy thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp hướng dẫn đều là không thể có được. Vì sao? Vì tự tính Không có sở hữu.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát từ khi mới phát tâm tự hành trì giới, dạy người trì giới, tán thán công đức trì giới, hoan hỷ tán thán người trì giới. Do trì giới nên sinh vào cõi trời cõi người, được tôn quý lớn; thấy kẻ nghèo cùng thí cho tài vật; thấy người không trì giới dạy khiến trì giới; thấy người loạn ý dạy khiến thiền định; thấy người ngu si dạy khiến trí tuệ; thấy người không giải thoát dạy khiến giải thoát; thấy người không có giải thoát tri kiến, dạy khiến giải thoát tri kiến. Do trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến ấy nên vượt qua địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật, vào địa vị Bồ-tát; vào địa vị Bồ-tát rồi được nghiêm tịnh cõi Phật; nghiêm tịnh cõi Phật rồi thành tựu tuệ giác cho chúng sinh rồi được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng rồi Chuyển pháp luân; Chuyển pháp luân rồi lấy pháp ba thừa độ thoát chúng sinh. Như vậy, Bồ-tát do trì giới ấy thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp hướng dẫn; các việc ấy đều không thể có được. Vì sao? Vì hết thảy pháp tự tính Không có sở hữu.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát từ khi phát tâm lại đây tự hành Nhẫn Ba-la-mật, dạy người hành nhẫn, tán thán công đức nhẫn, hoan hỷ tán thán người hành nhẫn; khi hành Nhẫn Ba-la-mật bố thí cho chúng sinh đầy đủ mọi thứ; dạy khiến trì giới, dạy khiến thiền định cho đến giải thoát tri kiến. Do nhân duyên bố thí trì giới, thiền định, trí tuệ ấy nên vượt qua địa vị A-la-hán, Bích-chi Phật mà vào địa vị Bồ-tát; vào địa vị Bồ-tát rồi được nghiêm tịnh cõi Phật; nghiêm tịnh cõi Phật rồi thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh rồi được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng rồi Chuyển pháp luân; Chuyển pháp luân rồi lấy pháp ba thừa độ thoát chúng sinh. Như vậy, Bồ-tát do Nhẫn Ba-la-mật thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp hướng dẫn; các việc ấy đều không thể có được. Vì sao? Vì hết thảy pháp tự tính Không có sở hữu.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát từ khi mới phát tâm lại đây tự hành tinh tấn, dạy người hành tinh tấn, tán thán công đức hành tinh tấn, hoan hỷ tán thán người hành tinh tấn, cho đến các việc ấy đều không thể có được, vì tự tính Không có sở hữu.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát từ khi mới phát tâm lại đây, tự vào thiền, vào bốn tâm vô lượng, vào định vô sắc; cũng dạy người vào thiền, vào tâm vô lượng, vào định vô sắc; tán thán công đức vào thiền, vào tâm vô lượng, vào định vô sắc; hoan hỷ tán thán người hành thiền, tâm vô lượng, định vô sắc. Bồ-tát ấy trú ở các thiền, định, tâm vô lượng, bố thí cho chúng sinh mỗi mỗi được đầy đủ, dạy khiến thiền định, trí tuệ. Do nhân duyên bố thí, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến ấy nên vượt qua địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật mà vào địa vị Bồ-tát; vào địa vị Bồ-tát rồi nghiêm tịnh cõi Phật, nghiêm tịnh cõi Phật rồi thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; thành tựu tuệ giác cho chúng sinh rồi được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng rồi Chuyển pháp luân; Chuyển pháp luân rồi lấy pháp ba thừa độ thoát chúng sinh, cho đến các việc ấy đều không thể có được, vì tự tính Không có sở hữu.

Lại nữa, Bồ-tát từ khi mới phát tâm trở lại đây hành Bát-nhã Ba-la-mật, bố thí cho chúng sinh mỗi mỗi đầy đủ, dạy khiến trì giới, thiền định, giải thoát, giải thoát tri kiến. Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, tự hành sáu Ba-la-mật, cũng dạy người khiến hành sáu Ba-la-mật, tán thán công đức sáu Ba-la-mật, hoan hỷ tán thán người hành sáu Ba-la-mật. Bồ-tát ấy do nhân duyên Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật ấy vào sức phương tiện nên vượt qua địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật mà vào địa vị Bồ-tát; cho đến các việc ấy đều không thể có được, vì tự tính Không có sở hữu. Ấy gọi là Bồ-tát mới phát tâm thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp hướng dẫn.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp hướng dẫn. Bồ-tát từ khi mới phát tâm trở lại đây, do tâm tương ưng với trí Nhất thiết chủng, tin các pháp không có tính sở hữu, tu sáu niệm là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả và niệm thiên.

Thế nào là Bồ-tát tu niệm Phật? Bồ-tát niệm Phật không niệm qua sắc, không niệm qua thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì tự tính sắc không có; tự tính thọ, tưởng, hành thức không có; nếu pháp không có tự tính thì là không có sở hữu. Vì sao? Vì không có nhớ nghĩ gì; ấy là niệm Phật. Lại, Bồ-tát niệm Phật không niệm qua ba mươi hai tướng, cũng không niệm qua thân kim sắc, không niệm qua hào quang một trượng, không niệm qua tám

mươi vẻ đẹp tùy hình. Vì sao? Vì thân Phật tự tính Không có; nếu pháp không có tự tính thì không có sở hữu. Vì sao? Vì

không có nhớ nghĩ gì; ấy là niệm Phật.

Lại, không nên do giới uẩn mà niệm Phật; không nên do định uẩn, trí tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn mà niệm Phật. Vì sao? Vì các uẩn ấy không có tự tính; nếu pháp không có tự tính thì là chẳng phải pháp; không có niệm gì ấy là niệm Phật.

Lại, không nên do mười trí lực mà niệm Phật, không nên do bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung mà niệm Phật; không nên do đại từ đại bi mà niệm Phật. Vì sao? Vì các pháp ấy không có tự tính; nếu pháp không có tự tính thì chẳng phải pháp; không có niệm gì ấy là niệm Phật.

Lại, không nên do mười hai nhân duyên mà niệm Phật. Vì sao? Vì tự tính nhân duyên không có; nếu pháp không có tự tính thì chẳng phải pháp; không có niệm gì, ấy là niệm Phật.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật nên niệm Phật, ấy là Bồ-tát từ khi mới phát tâm thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp hướng dẫn. Bồ-tát ấy trú trong thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp hướng dẫn có thể đầy đủ bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo, tu hành tam-muội Không, tam muội Vô tướng, Vô tác cho đến trí Nhất thiết chủng. Vì chứng các pháp không có sở hữu nên Bồ-tát ấy biết tính các pháp không có sở hữu, trong ấy không có tính có, không có tính Không.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Bồ-tát nên tu niệm pháp? Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật không niệm pháp lành, không niệm pháp chẳng lành, không niệm pháp ký, không niệm pháp vô ký; không niệm pháp thế gian, không niệm pháp xuất thế gian, không niệm pháp tịnh, không niệm pháp bất tịnh, không niệm pháp thánh, không niệm pháp phàm phu, không niệm pháp hữu lậu, không niệm pháp vô lậu, không niệm pháp ràng buộc cõi Dục, pháp ràng buộc cõi Sắc, pháp ràng buộc ở cõi Vô sắc, không niệm pháp hữu vi, pháp vô vi. Vì sao? Vì tự tính các pháp ấy không có; nếu pháp không có tự tính thì chẳng phải pháp; không có

niệm gì, ấy là niệm pháp; ở trong niệm Pháp học tính Không có sở hữu cho đến được trí Nhất thiết chủng. Bồ-tát ấy khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được pháp không có tính sở hữu, đối với tính Không có sở hữu ấy chẳng phải có tướng, chẳng phải không có tướng. Như vậy, Bồ-tát nên tu niệm Pháp, đối với pháp ấy cho đến không có mảy may

niệm, huống gì niệm Pháp!

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Bồ-tát nên tu niệm Tăng? Bồ-tát niệm Tăng là vì pháp vô vi nên phân biệt có chúng đệ tử Phật, trong pháp ấy cho đến không có mảy may niệm, huống gì niệm Tăng! Như vậy, Bồ-tát nên niệm Tăng.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Bồ-tát nên tu niệm giới? Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát từ khi mới phát tâm trở lại đây nên niệm Thánh giới, giới không khuyết, giới không lủng, giới không tỳ vết, giới không trược uế, giới không đắm trước, giới tự tại, giới được người trí khen, giới đầy đủ, giới đi theo định; nên niệm giới ấy không có tính sở hữu cho đến không có mảy may niệm, huống gì niệm Giới!

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Bồ-tát nên tu niệm xả? Bồ-tát từ khi mới phát tâm trở lại đây nên niệm xả, hoặc tự mình niệm xả, hoặc niệm người khác xả, hoặc xả tài, hoặc xả pháp, hoặc xả phiền não; quán các xả ấy đều không thể có được, huống gì niệm xả! Như vậy, Bồ-tát nên niệm xả.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Bồ-tát nên niệm thiên? Bồ-tát nghĩ rằng các vị trời ở cõi Tứ thiên vương có tín, có giới, thí, văn, tuệ nên chết ở cõi này được sinh lên cõi trời kia. Ta cũng có tín, giới, thí, văn, tuệ ấy; cho đến trời Tha hóa tự tại có tín, giới, văn, tuệ, nên chết ở cõi này sinh lên cõi trời kia; ta cũng có tín, giới, văn, tuệ ấy. Như vậy, Bồ-tát nên niệm thiên. Các trời ấy không có tính sở hữu, còn không có mảy may niệm, huống gì niệm thiên!

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát tu sáu niệm ấy, ấy gọi là thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp hướng dẫn.

Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp là không có tính sở hữu, thì niệm sắc cho đến thức, nhãn cho đến ý, sắc cho đến pháp đều không có tính sở hữu; nhãn giới cho đến ý thức giới đều không có tính sở hữu; Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ, cho đến tám phần thánh đạo, mười lực của Phật cho đến trí Nhất thiết chủng đều không có tính sở hữu. Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp là không có tính sở hữu thì là không có đạo, không có trí, không có quả?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông thấy tính sắc ấy thật có chăng, cho đến trí Nhất thiết chủng thật có chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Con không thấy.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu ông không thấy các pháp thật có, vì sao hỏi câu ấy?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Con đối với pháp ấy không dám có nghi, chỉ vì các Tỳ-kheo cầu Thanh-văn, Bích-chi Phật đạo, Bồ-tát đạo đời sau, các người ấy sẽ nói như vầy: Nếu hết thảy pháp là không có tính sở hữu, vậy thì ai nhơ, ai sạch, ai trói, ai mở...? Vì không biết không hiểu mà phá giới, phá chánh kiến, phá oai nghi, phá đời sống thanh tịnh. Người ấy phá các việc ấy nên sẽ đọa vào ba đường ác. Bạch đức Thế Tôn! Con sợ đời sau có các việc như vậy, cho nên hỏi Phật. Bạch đức Thế Tôn! Còn con đối với các pháp này rất tin, không nghi, không hối.

LUẬN: Tu-bồ-đề tin thọ lời Phật: Hết thảy pháp tuy là không mà có thể khởi lên bốn thiền, năm thần thông là những điều mà vị đại Bồ-tát gần thành Phật có thể làm được; nay vì chưa biết hàng mới phát tâm làm sao hành cho nên hỏi Phật: Bồ-tát mới học làm sao đối với các pháp vốn không có tính sở hữu mà thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp hướng dẫn và nhờ thứ lớp hành ấy mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Vì thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp hướng dẫn nên biết Bồ-tát mới học tuy trải qua vô lượng kiếp phát tâm xong, nhưng vì chưa ngộ được thật tướng các pháp, nên đều gọi là mới học.

Hỏi: Nếu người mới học chỉ nên dạy họ tu bố thí, trì giới... cớ gì Phật dạy họ khiến đối với pháp rốt ráo không, không có sở hữu tu hành?

Đáp: Nay nói rõ: Vì mới vào pháp rốt ráo không, không có sở hữu nên khiến tu hành theo pháp không có sở hữu. Bồ-tát ấy do rốt ráo không, không có sở hữu mà hòa hợp tu bố thí, trì giới; thí như trẻ con uống thuốc, cần có đường mật mới uống được; thế nên tuy mới phát tâm cũng quán được nghĩa của "tính Không" sâu xa, không có lỗi. Phật đáp Tu-bồ-đề: Bồ-tát hoặc mới đầu theo Phật nghe, hoặc theo các vị Bồ-tát đã cúng dường nhiều đức Phật được nghe.

Các đức Phật là, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại; cúng dường nhiều đức Phật là, Bồ-tát Biến cát, Quán thế âm, Đắc đại thế chí, Văn thù sư lợi, Di lặc... Bốn hạng Thánh nhân Thanh-văn nghĩa như trước đã nói. Các đức Phật, Thánh nhân đều nhân nơi không có sở hữu nên có phân biệt. Thánh nhân tuy có các công đức thiền định... đều vì Niết-bàn, Niết-bàn tức là tướng tịch diệt, không có sở hữu; thế nên nói các thánh nhân đều nhân nơi Niết-bàn mà có sai khác. Hết thảy pháp hữu vi tạo tác vì do nhân duyên hòa hợp sinh, không có thật tính nhất định, cho đến không có sở hữu như mảy lông.

Hữu vi có hai: Một là sắc, hai là vô sắc. Sắc pháp phá hoại, phân tán cho đến vi trần không có thật tính nhất định. Vô sắc pháp cho đến không

có thật tính nhất định trong một khoảnh khắc. Nghĩa phá như trước đã nói. Bồ-tát theo Phật, Thánh nhân nghe pháp ấy, những người khác phần nhiều đem tâm chấp trước thuyết pháp, các bậc thánh đem tâm không chấp trước thuyết pháp; thế nên nói chỉ theo thánh nhân nghe. Bấy giờ Bồ-tát thứ lớp học nghe pháp ấy, lấy trí so sánh, quyết định biết các pháp rốt ráo chắc chắn không, đều nhập vào thật tướng sở đắc của Phật, đó là tướng tịch diệt không hý luận. Tôi nếu được làm Phật hoặc không được làm, bình đẳng không sai khác. Vì sao? Vì thật tướng các pháp không thêm không bớt, lại không có pháp mới có thể được; pháp cũng không mất. Nếu độ chúng sinh, chúng sinh rốt ráo không; gốc ngọn không thể có được; công đức tôi nghe, tôi làm đến khi thành Phật có lực thần thông đều như mộng như huyễn, không có thật tướng nhất định, rốt ráo không. Được và không được tuy đồng, cớ sao tôi không phát tâm làm Phật?

Hỏi: Nếu biết các pháp rốt ráo không, không có sở hữu, cớ sao lại nói: Vì sao tôi không phát tâm làm Phật?

Đáp: Rốt ráo không, không có sở hữu, không chướng ngại gì, đâu ngăn ngại phát tâm? Lại nữa, nếu nói rốt ráo không, dứt các hí luận, thì làm sao chướng ngại phát tâm? Nếu chướng ngại tức là có tự tính, cớ sao nói là không có tính sở hữu?

Hỏi: Nếu không chướng ngại phát tâm, thì cũng nên chẳng chướng ngại không phát tâm, Bồ-tát sao không an trú mà phát tâm chịu các việc khổ nhọc?

Đáp: Có người nói: Bồ-tát ấy có các nhân duyên nên phát tâm, hoặc vì thấy nhiều thân thuộc tri thức, không nghe, không biết, không được thật tướng các pháp; thế nên đời nay đời sau chịu các khổ não. Ta may mắn có lực, có thể khiến các người ấy được lìa khổ; thí như người gặp được thuốc hay, bà con tri thức chịu bệnh khổ, làm sao không đem cho? Thế nên Bồ-tát tuy biết pháp tính Không có sở hữu, nhưng vì bà con cho nên phát tâm, làm lợi ích chúng sinh. Bồ-tát lại nghĩ rằng: Ta tuy nghe thật tướng các pháp mà tâm chưa thâm nhập, chưa có thiền định, trí tuệ chưa thuần thục, chịu các khổ não, thế nên phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhóm các công đức, vì không có pháp sở hữu thủ chứng, tự vì mình, cũng vì người khác. Bồ-tát ấy lại nghe nghĩa Đại thừa sâu xa, trú trong nghĩa chúng sinh bình đẳng, pháp bình đẳng, không có tâm sai khác có thể được làm Phật. Tuy đối với người bình thường và người oán hận mà đều như nhau không có tâm sai khác. Vì sao? Vì Bồ-tát dùng tâm rốt ráo không làm cho phiền não yếu mỏng, người oán kẻ thân bình đẳng, nghĩ rằng: oán thân

không có nhất định, vì nhân duyên nên thân thành oán, oán thành thân. Do nhân duyên lớn ấy đầy đủ Nhẫn Ba-la-mật, nên được làm Phật. Do gì mà được? Do nhẫn nhịn oán ghét. Vì vậy Bồ-tát ấy xem kẻ oán như người thân. Thí như muốn đi qua đường hiểm nên phải kính trong người dẫn đường; lại như thầy thuốc hay, tuy nghèo hèn mà vì quý hiếm nên trọng vọng. Như vậy, suy nghĩ, trù lượng, phân biệt người bình thường, người oán hận tuy đối với ta vô dụng, nhưng vì nhân duyên Phật đạo, thế nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ấy là một cách thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo; vì thế nên lấy sở hành của Bồ-tát quá khứ làm chứng.

Hỏi: Thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo có gì sai khác?

Đáp: Có người hỏi: Không có sai khác, hoặc hành, hoặc học, hoặc đạo thì nghĩa một mà từ ngữ khác nhau. Có người nói: Mới đầu là hành, chính giữa là học, cuối cùng là đạo. Hành là bố thí, học là trì giới, đạo là trí tuệ. Lại, hành là trì giới, học là thiền định, đạo là trí tuệ.

Lại, hành là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng; học là chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định; đạo là chánh kiến, chánh tư duy. Tám việc ấy tuy gọi là đạo, nhưng phân biệt có ba phần: Chánh kiến là thể của đạo, phát khởi đạo ấy là chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng; giúp ích cho chánh kiến nên gọi là hành; chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định có thể thành tựu chánh kiến, làm cho kiên cố , ấy gọi là học. Lại có người nói: Thí Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật gọi là hành, vì môi vào đạo; Giới Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật gọi là học, tâm người thường theo năm dục khó cấm chế, không giây phút nào dừng nghỉ, dần dần dùng Giới Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật chế phục tâm ấy nên gọi là học; Nhẫn Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật gọi là đạo. Vì sao? Vì nhẫn là hành, Bát-nhã là trí tuệ; hành và trí tuệ đầy đủ gọi là đạo; thí như người có mắt có chân tùy ý đi lại. Như vậy có ba việc sai khác.

Hỏi: Sao gọi là thứ lớp?

Đáp: Vì ý Tu-bồ-đề: Nếu hết thảy pháp là không có sở hữu thì Bồ-tát mới phát tâm đối với pháp không ấy làm sao có thể lần lữa thứ lớp học? Vì thế nên nói thứ lớp. Các pháp tuy Không, khó hiểu, song vì thứ lớp mà được sức hành nên có thể được thành tựu; thí như leo thang, từ bậc một lần lên chỗ cao tuy khó mà cũng có thể đến được. Thứ lớp hành là bốn cách hành sáu Ba-la-mật, như trong kinh này nói: Tự mình hành bố thí, dạy người hành bố thí, tán thán công đức hành bố thí, hoan hỷ tán thán người hành bố thí. Khéo nhổ gốc xan tham, ưa thích Thí Ba-la-mật, từ bi đối với chúng sinh, thông suốt thật tướng các pháp, do nhân duyên ấy nên có thể

hành bốn cách bố thí. Hoặc có người tự mình hành bố thí, chẳng thể dạy người khác bố thí, hoặc sợ người khác giận, hoặc sợ vì mình dạy bố thí cho là có ân; vì các nhân duyên như vậy nên không thể dạy người bố thí. Hoặc có người dạy người ta bố thí mà tự mình không thể bố thí, hoặc có người tán thán công đức bố thí, khuyên người khác bố thí mà tự mình không thể bố thí; hoặc có người tự mình bố thí, cũng dạy người bố thí, tán thán công đức bố thí, nhưng thấy người khác bố thí thì không thể hoan hỷ. Vì sao? Vì hoặc thấy người phá giới, người ác hành bố thí mà không ưa thấy; có người ưa thấy thí chủ mà không tán thán. Vì tà kiến ấy nên không biết được quả bố thí. Như vậy, mỗi mỗi không thể đầy đủ. Bồ-tát vì tâm đại bi, rất ưa pháp lành nên có thể hành bốn việc như vừa nói. Bồ-tát nếu chỉ tự mình bố thí, không dạy người bố thí thì người được thí chỉ có thể được chút lợi ích đời nay. Chúng sinh ấy tùy nghiệp nhân duyên đọa vào chỗ nghèo cùng, thế nên Bồ-tát dạy chúng sinh rằng: Ta không tiếc tài vật, tuy ta thí cho ngươi nhiều, ngươi cũng không được đem theo đến đời sau; ngươi nay hãy tự thực hành thì đời sau mới tự mình được lợi ích. Đem công đức thật của bố thí mỗi mỗi dạy chúng sinh thực hành bố thí, thấy người hành bố thí tuy họ là kẻ phá giới, người ác, nhưng chỉ nghĩ đến công đức do tâm tốt bố thí của họ mà không nghĩ đến cái ác của họ, thế nên hoan hỷ tán thán.

Lại nữa, thấy Tam bảo có ruộng phước vô tận, bố thí vào trong đó nên phước đức không cùng tận, cho đến khi thành Phật đạo, xem thấy công đức vô tận trong đời vị lai kia cho nên hoan hỷ. Thực hành bốn cách bố thí ấy thì đời đời được giàu có tài sản, Bồ-tát ấy tuy không vì giàu có tài vật mà bố thí, chưa đầy đủ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và sáu Ba-la-mật, nhưng ở khoảng trung gian ấy giàu có tài sản tự đến; thí như người vì lúa nên gieo lúa, rơm rạ tự đến. Bồ-tát khi được quả báo có tài vật, lìa tâm xan tham, theo ý chúng sinh mà bố thí, cần ăn thì cho ăn...

Hỏi: Bồ-tát khi bố thí, trước tiên thí cho người nào?

Đáp: Bồ-tát tuy vì chúng sinh khởi tâm đại bi, song Bồ-tát bố thí trước tiên cúng dường Phật, Bồ-tát, A-la-hán và các Thánh nhân; nếu không có Thánh nhân thì thứ lớp bố thí cho người trì giới, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, ly dục; nếu không có các người này thì thí cho các đệ tử xuất gia của Phật; nếu không có người này thì bố thí cho người thọ trì ngũ giới, tu mười thiện đạo và thọ trì tam quy giới một ngày; nếu không có người này thì thí cho hạng người bình thường chẳng phải chánh, chẳng phải tà; nếu không có người này thì bố thí cho người ác tạo tội ngũ nghịch và súc sinh, không thể không cho. Bồ-tát lấy việc bố thí nhiếp thủ hết thảy chúng sinh. Có

người nói: Nên trước tiên bố thí cho người tạo tội ngũ nghịch dứt thiện căn, người nghèo cùng, già bệnh, hạ tiện, hành khất, cho đến súc sinh; thí như người mẹ hiền có nhiều con, trước tiên nghĩ đến đứa ố m yếu, bệnh hoạn, cấp cho sự cần dùng; lại như Bồ-tát vì thấy cọp đói muốn ăn con mình nên đem thân bố thí.

Hỏi: Vì sao nên trước hết bố thí cho các hạng như vậy?

Đáp: Vì hết thảy chúng sinh đều là ruộng phước của Bồ-tát. Vì sinh tâm đại bi, Bồ-tát thường muốn đem Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thí cho chúng sinh, huống gì cơm áo mà còn có phân biệt! Lại, Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn bình đẳng không sai khác, người chưa được Vô sinh nhẫn hoặc tâm từ bi nhiều, hoặc tâm phân biệt nhiều, hai tâm ấy không thể đồng hành. Người có tâm từ bi nhiều trước tiên bố thí cho người nghèo cùng, hung ác, nghĩ rằng: Gieo vào ruộng phước được quả báo tuy lớn, song vì lòng thương xót chúng sinh nên trước tiên làm lợi ích cho người nghèo cùng. Như vậy, thửa ruộng tuy không tốt, nhưng do lòng từ bi nên được quả báo lớn. Người có tâm phân biệt nhiều nghĩ rằng: Chư Phật có vô lượng công đức nên trước tiên cúng dường Phật, vì phân biệt các pháp, chấp trước thân Phật nên tâm nhỏ. Tâm tuy nhỏ mà ruộng phước lớn nên công đức cũng lớn. Nếu hiểu được thật tướng các pháp, vào trong sức phương tiện của Bát-nhã Ba-la-mật thì tâm được tự tại, cả hai việc cùng làm, thương xót chúng sinh và xem chúng sinh như Phật. Như vậy, Bồ-tát tùy theo nhân duyên mà hành bố thí.

Hỏi: Vì sao kinh không nói cho cơm cho áo mà nói cần ăn thì cho ăn?

Đáp: Có người cần ăn lại cho uống, cần uống lại cho áo, vì không vừa ý người lãnh thọ nên phước đức ít. Vì thế nói cần ăn thì cho ăn.

Hỏi: Có người hoặc hổ thẹn hoặc sợ, tuy có cần dùng mà không thể nói ra, làm sao biết họ cần gì?

Đáp: Bồ-tát xem tướng mạo họ, theo lúc cần dùng và theo chỗ nghi; hoặc có tâm biết tâm người khác cần gì, theo ý họ đem cho. Nhân bố thí ấy được thành tựu giới uẩn. Lại nghĩ rằng, ta thương xót chúng sinh, đem áo và thức ăn bố thí lợi ích rất ít, chẳng bằng trì giới, thường đem sự không não hại, không sợ hãi thí cho chúng sinh. Bồ-tát trú trong việc trì giới ấy, vì thủ hộ giới nên sinh định uẩn, vì tâm thanh tịnh không tán loạn nên sinh tuệ uẩn; không hí luận, bỏ tâm chấp trước tướng tuệ ấy, do tuệ ấy phá sự trói buộc của các phiền não, được giải thoát uẩn; thấy biết rõ ràng, đã chứng giải thoát nên gọi là giải thoát tri kiến uẩn. Người ấy do nhân duyên trước tiên hành bố thí và thành tựu năm uẩn nên vượt qua địa vị Thanh-văn, Bích-

chi Phật mà vào địa vị Bồ-tát.

Hỏi: Bồ-tát nên hành sáu Ba-la-mật vào địa vị Bồ-tát, cớ sao trong đây nói năm uẩn?

Đáp: Pháp tuy một mà vì danh từ khác nhau nên nói năm uẩn, không lỗi. Người ấy từ một Ba-la-mật muốn phát khởi các Ba-la-mật khác, lấy bố thí làm chủ như đã nói. Giới uẩn là Thí Ba-la-mật, Định uẩn, Giải thoát uẩn là Bát-nhã Ba-la-mật. Khi hành các Ba-la-mật có thể nhẫn các việc khác, gọi là Nhẫn Ba-la-mật; có thể phát khởi các Ba-la-mật không ngừng nghỉ, ấy gọi là Tấn Ba-la-mật.

Hỏi: Nếu như vậy, cớ sao không chỉ nói tên các Ba-la-mật mà nói năm uẩn?

Đáp: Người ấy muốn vào địa vị Bồ-tát không chỉ do trì giới, thiền định được hòa hợp chúng giới, thanh tịnh giới, vô tận giới. Nói tóm lại là thu nhiếp hết thảy giới gọi là giới uẩn; có thể phá phiền não, vượt qua Nhị thừa, vào địa vị Bồ-tát. Thí như một người, hai người không gọi là đội quân; hòa hợp nhiều người mới thành đội quân, có thể phá tan oán địch; các uẩn cũng như vậy. Bồ-tát tự được định uẩn... cũng khiến chúng sinh được; ấy gọi là Bồ-tát giáo hóa chúng sinh. Giáo hóa chúng sinh rồi, đem công đức của mình và của chúng sinh đều hồi hướng, làm nghiêm tịnh cõi Phật; đủ hai pháp ấy tức được trí Nhất thiết chủng, Chuyển pháp luân, đem pháp ba thừa độ chúng sinh; ấy gọi là Bồ-tát thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp hướng dẫn. Trước thô sau tế, trước dễ sau khó, dần dần tập học gọi là thứ lớp. Năm Ba-la-mật kia cũng nên theo nghĩa phân biệt. Các pháp tính tuy không có sở hữu mà tùy theo thế tục đế thi hành, vì phá điên đảo vậy.

Lại nữa, sáu niệm là niệm Phật... ấy là ban đầu thứ lớp hành, do dễ hành dễ được.

Hỏi: Trong sáu niệm cũng nói không do sắc niệm Phật, cớ sao nói rằng dễ?

Đáp: Có pháp cùng hành nên gọi là dễ; ví như uống thuốc đắng, nhờ có mật thì uống dễ. Nghĩa sáu niệm như trong phẩm đầu đã nói rộng. Sáu Ba-la-mật, sáu niệm... nhu nhuyến dễ hành, không sinh tà kiến; Bồ-tát thứ lớp học. Còn ba môn giải thoát... phải suy nghĩ, trù lượng; suy nghĩ, trù lượng hoặc có khi sinh tà kiến nên không nói.

Trong đây Tu-bồ-đề nạn hỏi: Bạch đức Thế Tôn! Nếu thật không có sở hữu, thì làm sao có thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp hướng dẫn? Phật hỏi ngược lại Tu-bồ-đề: Ông dùng trí tuệ Thanh-văn thấy sắc có thật pháp nhất định chăng? Đáp: Con không thấy sắc... chỉ từ nhân duyên hòa hợp

mà giả có tên sắc, chứ không có thật tướng nhất định, làm sao nói có? Phật nói với Tu-bồ-đề: Nếu ông không thấy thật có nhất định, thì vì sao đem thứ lớp nạn hỏi về Không, mà pháp thứ lớp không hề lìa nơi Không? Bấy giờ Tu-bồ-đề mới hiểu rõ ràng, nên nói: Con không nghi gì, chỉ vì người cầu ba thừa trong tương lai nghe Phật nói Không, không có tính sở hữu; do tội nặng, trí độn nên chấp thủ tướng. Không bèn nghi ai nhơ, ai sạch. Kẻ ác phàm phu cớ sao gọi là nhơ? Người xuất gia đắc đạo gọi là sạch? Người ấy không hiểu nghĩa sâu của Phật nói, vì việc gì mà nói? Chấp trước cái Không ấy nên nói cần gì, trì giới làm chi? Do nhân duyên ấy liền sinh tà kiến, phá chánh kiến; vì phá chánh kiến nên vì chút nhân duyên mà phá giới, phá oai nghi, không chút kiên sợ. Người xuất gia sống nhờ hàng bạch y bèn vọng ngữ cầu lợi dưỡng cơm áo, phá chánh mạng. Gieo các tội ấy nên đọa vào ba đường ác nặng hơn kẻ bạch y. Thấy có sự lỗi ấy nên hỏi Phật: Con đã đắc đạo, đối với các pháp không lãnh thọ gì, lại thường nghe Phật nói về pháp Không, làm sao con hí luận sinh nghi? Lại con thường tu Vô tránh tam-muội, vì thương xót chúng sinh cho nên hỏi Phật.

--oOo--

GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI SÁU: MỘT NIỆM ĐỦ MUÔN HẠNH

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu tính của hết thảy pháp là không có sở hữu, vậy thì Bồ-tát thấy lợi ích gì mà vì chúng sinh cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Vì hết thảy pháp tính vốn không có sở hữu nên Bồ-tát vì chúng sinh mà cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì có thủ đắc có chấp trước thì khó có thể giải thoát. Những người thủ đắc tướng là không có đạo, không có quả, không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Người không có thủ đắc tướng thì có đạo, có quả, có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

Phật dạy: Không có sở đắc tức là đạo, tức là quả, tức là Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác, vì pháp tính Không hư hoại. Nếu pháp không có sở đắc mà muốn đắc đạo, muốn đắc quả, muốn đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là muốn phá hoại pháp tính.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu pháp không có sở

đắc tức là đạo, tức là quả, tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì cớ sao lại có Bồ-tát từ sô địa cho đến địa thứ mười? Cớ sao có vô sinh pháp nhẫn? Cớ sao có quả báo được thần thông? Cớ sao có quả báo được bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ và ở trong quả báo ấy có thể thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật và cúng dường chư Phật y phục, uống ăn, hương hoa, anh lạc, phòng xá, đồ nằm, đèn đuốc, các thứ cần dùng nuôi sống cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà phước đức ấy không dứt; cho đến sau khi vào Niết-bàn, xá lợi được các đệ tử cúng dường? Như vậy bèn diệt tận hết?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Vì các pháp không có tướng sở đắc nên Bồ-tát được từ sô địa cho đến địa thứ mười, có quả báo được năm thần thông, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật; cũng vì nhân duyên thiện căn nên có thể làm lợi ích chúng sinh cho đến xá lợi sau khi vào Niết-bàn và được các đệ tử Phật cúng dường.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp không có tướng sở đắc, vậy các việc bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ và các thần thông có gì sai khác?

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi hành Bát-nhã không thủ đắc tướng bố thí, người bố thí và người thọ thí đều không thể có được mà hành bố thí, không thể có được giới mà trì giới, không thể có được nhẫn mà hành nhẫn, không thể có được tinh tấn mà hành tinh tấn, không thể có được thiền mà hành thiền, không thể có được trí tuệ mà hành trí tuệ, không thể có được thần thông mà hành thần thông, không thể có được bốn niệm xứ mà hành bốn niệm xứ, cho đến không thể có được tám phần thánh đạo mà hành tám phần thánh đạo, không thể có được tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác, không thể có được chúng sinh mà thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, không thể có được quốc độ Phật mà nghiêm tịnh quốc độ Phật, không thể có được các Phật pháp mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên hành Bát-nhã không có sở đắc như vậy. Bồ-tát khi hành Bát-nhã không có sở đắc như vậy, thì ma hoặc ma trời không thể phá hoại.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát khi hành Bát-nhã trong một niệm đầy đủ hành sáu Ba-la-mật, bốn thiền, bốn

tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo, ba môn giải thoát, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy

hình?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát có bố thí gì đều không xa lìa Bát-nhã; có tu trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định đều không xa lìa Bát-nhã; tu bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình đều không xa lìa Bát-nhã.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát không xa lìa Bát-nhã mà trong một niệm đầy đủ hành sáu Ba-la-mật cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình?

Phật dạy; Bồ-tát khi hành Bát-nhã có bố thí gì thì không xa lìa Bát-nhã, không có hai tướng; khi trì giới cũng không có hai tướng; tu nhẫn nhục, tinh tấn, vào thiền định cũng không có hai tương cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình cũng không có hai tướng.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát khi bố thí không có hai tướng cho đến tu tám mươi vẻ đẹp tùy hình cũng không có hai tướng?

Phật dạy: Bồ-tát khi hành Bát-nhã, muốn đầy đủ Thí Ba-la-mật, trong Thí Ba-la-mật thu nhiếp các Ba-la-mật khác và bốn niệm xứ, cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát khi bố thí mà thu nhiếp các pháp vô lậu?

Phật dạy: Nếu Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật trú ở tâm vô lậu mà bố thí, ở trong tâm vô lậu không thấy tướng ai thí, ai nhận thí, thí vật gì. Vì tâm vô tướng, vô lậu dứt ái, dứt xan tham ấy là bố thí. Khi ấy không thấy bố thí cho đến không thấy Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát ấy do tâm vô tướng, tâm vô lậu mà trì giới, không thấy giới ấy cho đến không thấy hết thảy Phật pháp; do tâm vô tướng, tâm vô lậu mà tinh tấn, không thấy tinh tấn ấy cho đến không thấy hết thảy Phật pháp. Do tâm vô tướng, tâm vô lậu mà vào thiền định, không thấy thiền định ấy cho đến không thấy hết thảy Phật pháp. Do tâm vô tướng, tâm vô lậu mà tu tập trí tuệ, không thấy trí tuệ ấy cho đến không thấy hết thảy Phật pháp. Do tâm vô tướng, tâm vô lậu mà tu bốn niệm xứ, không thấy bốn niệm xứ ấy cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp là vô tướng, vô tác, thì làm sao đầy đủ Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật? Làm sao đầy đủ bốn

niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo? Làm sao đầy đủ tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi? Làm sao đầy đủ ba

mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật do tâm vô tướng, tâm vô lậu mà bố thí; cần ăn thì cho ăn, cho đến các thứ cần dùng hoặc trong hoặc ngoài, hoặc cắt xẻ thân mình, hoặc quốc thành thê tử bố thí cho chúng sinh. Nếu có người đến nói với Bồ-tát rằng: Cần gì phải bố thí? Không có ích gì. Vị Bồ-tát thực hành Bát-nhã nghĩ rằng: Người ấy đi đến trách mắng ta bố thí, ta trọn không hối hận, ta sẽ siêng hành bố thí, không nên không cho. Bố thí rồi chia sẻ cho chúng sinh cùng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không thấy tướng, cũng không thấy tướng ai thí, ai nhận, thí vật gì, ai hồi hướng, thế nào là hồi hướng, hồi hướng đến chỗ nào. Nghĩa là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tướng ấy đều không thể thấy. Vì sao? Vì hết thảy pháp do nội không nên không, ngoại không nên không, nội ngoại không nên không, không không, hữu vi không, vô vi không, vô thỉ không, tán không, chứng không, hết thảy pháp không, tự tướng không nên không. Quán như vậy và nghĩ rằng: Ai hồi hướng, hồi hướng về chỗ nào, dùng pháp gì hồi hướng? Ấy gọi là chính hồi hướng. Bấy giờ Bồ-tát có thể thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật, đầy đủ Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến ba mươi bảy phẩm trợ đạo, tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác cho đến mười tám pháp không chung. Bồ-tát đầy đủ Thí Ba-la-mật như vậy mà không lãnh thọ quả báo thế gian; thí như trời Tha hóa tự tại, tùy ý cần dùng mà mọi sự liền được. Bồ-tát cũng như vậy, theo tâm nguyện tùy ý liền được. Bồ-tát ấy đem quả báo bố thí ấy cúng dường chư Phật và làm đầy đủ cho chúng sinh trời, người và A-tu-la. Bồ-tát ấy do Thí Ba-la-mật nhiếp thủ chúng sinh, dùng sức phương tiện lấy pháp ba thừa độ thoát chúng sinh. Như vậy, Bồ-tát đối với pháp vô tướng, vô đắc, vô tác đầy đủ Thí Ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát làm sao đối với pháp vô tướng, vô đắc, vô tác đầy đủ Giới Ba-la-mật? Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi hành Giới Ba-la-mật, trì các giới, đó là thánh giới vô lậu trong tám phần thánh đạo, giới tự nhiên, giới do quả báo được, giới do lãnh thọ được, giới do tâm sinh... Các giới như vậy không khuyết, không phá, không nhiễm trược, không trước, giới tự tại, giới được người trí khen ngợi. Dùng giới ấy không có gì để thủ, hoặc sắc, thọ, tưởng, hành, thức, hoặc ba mươi hai tướng, hoặc tám mươi vẻ đẹp tùy hình, hoặc dòng lớn Sát lợi, hoặc dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ, trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng, trời Quang Âm, trời Biến tịnh, trời Quảng quả, trời Vô tưởng, trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Diệu kiến,

trời Hỷ kiến, trời A-ca-nị-sắc, trời Không xứ, trời Thức xứ, trời Vô sở hữu xứ, trời Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ, hoặc quả Tu-đà-hoàn, hoặc quả Tư-đà-hàm, hoặc quả A-na-hàm, hoặc quả A-la-hán hoặc đạo Bích-chi Phật, hoặc Chuyển luân Thánh vương, hoặc Thiên vương mà cốt vì chung với chúng sinh hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do vô tướng, vô đắc không có hai hồi hướng, chỉ vì theo pháp thế tục mà nói, chứ chẳng phải là đệ nhất nghĩa. Bồ-tát ấy đầy đủ Giới Ba-la-mật do sức phương tiện phát khởi bốn thiền, không mê đắm bốn thiền nên được năm thần thông. Nhân bốn thiền được thiên nhãn, Bồ-tát có trong hai thứ thiên nhãn là tu đắc và báo đắc. Được thiên nhãn rồi thấy chư Phật hiện tại ở phương Đông cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà đúng như việc được thấy không mất. Thấy chư Phật hiện tại ở phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc trên dưới cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vẫn như điều đã thấy không mất. Bồ-tát ấy dùng thiên nhó thanh tịnh hôn tai người, nghe chư Phật mười phương thuyết pháp như điều đã được nghe không mất, có thể tự mình lợi ích, cũng lợi ích người khác. Bồ-tát ấy do trí biết tâm người khác mà biết tâm mười phương chư Phật và biết tâm hết thảy chúng sinh, cũng có thể làm lợi ích hết thảy chúng sinh. Bồ-tát ấy dùng trí túc mạng biết các nghiệp duyên đời trước, các nghiệp duyên ấy không mất nên chúng sinh ấy sinh chỗ nào, nơi nào đều biết rõ. Bồ-tát ấy dùng trí lậu tận làm cho chúng sinh được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, bất cứ ở nôi nào đều có thể khiến chúng sinh vào trong thiện pháp. Như vậy, Bồ-tát đối với các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác đầy đủ Giới Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao các pháp vô tướng, vô tác, vô đắc mà Bồ-tát có thể đầy đủ Nhẫn Ba-la-mật?

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát từ khi mới phát tâm trở lại đây cho đến khi ngồi nôi đạo tràng, ở khoảng trung gian ấy nếu có chúng sinh đi đến dùng ngói đá, dao gậy gia hại Bồ-tát, thì khi ấy Bồ-tát không khởi tâm giận cho đến không sinh một niệm. Bấy giờ Bồ-tát tu hai thứ nhẫn: Một là nếu chúng sinh ác khẩu mắng nhiếc hoặc dùng dao gậy ngói đá gia hại, thì không khởi tâm giận; hai là hết thảy pháp không sinh, Bồ-tát nhẫn được pháp ấy, nếu có người đến dùng lời ác mắng nhiếc, hoặc dùng ngói đá, dao gậy gia hại, thì Bồ-tát suy nghĩ như vầy: Mắng ta là ai? Chê trách ta là ai? Đánh đập ta là ai? Ai là người chịu? Khi ấy Bồ-tát nên suy nghĩ thực tính của các pháp là rốt ráo không, không có pháp, không có chúng sinh. Pháp còn không thể có được, huống gì chúng sinh! Khi quán các pháp tướng như vậy, không thấy người mắng, không thấy người cắt xẻ. Khi Bồ-tát quán các pháp tướng

như vậy liền được Vô sinh pháp nhẫn.

Thế nào gọi là Vô sinh pháp nhẫn? Biết các pháp tướng thường không sinh, các phiền não từ xưa lại đây cũng thường không sinh. Bồ-tát trú nôi hai nhẫn ấy có thể đầy đủ bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ, cho đến tám phần thánh đạo, ba môn giải thoát, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi. Bồ-tát trú trong thánh pháp xuất thế gian vô lậu ấy không chung với Thanh-văn, Bích-chi Phật đầy đủ thần thông của bậc Thánh. Có thần thông của bậc Thánh rồi dùng thiên nhãn thấy chư Phật ở phương Đông, người ấy được niệm Phật tam-muội cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trọn không dứt mất; thấy chư Phật ở phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc trên dưới cũng như vậy. Bồ-tát dùng thiên nhĩ nghe chư Phật mười phương thuyết pháp đúng như điều được nghe, vì chúng sinh mà nói lại. Bồ-tát ấy cũng biết tâm chư Phật mười phương và biết tâm niệm của hết thảy chúng sinh, biết rồi theo tâm họ mà thuyết pháp. Bồ-tát ấy dùng trí túc mạng biết thiện căn đời trước của chúng sinh, vì chúng sinh mà thuyết pháp, khiến họ được hoan hỷ. Bồ-tát ấy do lậu tận thông giáo hóa chúng sinh khiến được ba thừa. Bồ-tát ấy hành Bát-nhã Ba-la-mật, do sức phương tiện thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, đầy đủ trí Nhất thiết chủng, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Chuyển pháp luân. Như vậy, Bồ-tát đối với pháp vô tướng, vô đắc, vô tác đầy đủ Nhẫn Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát đối với các pháp vô tướng, vô tác, vô đắc mà có thể đầy đủ Tấn Ba-la-mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát khi hành Bát-nhã thành tựu thân tinh tấn, tâm tinh tấn, vào sô thiền cho đến thiền thứ tư được các sức thần thông, có thể phân một thân làm nhiều thân, cho đến có thể lấy tay sờ mặt trăng, mặt trời. Thành tựu thân tinh tấn ấy nên bay đến phương Đông quá vô lượng trăm ngàn vạn ức thế giới Phật, cúng dường chư Phật đồ uống ăn, y phục, thuốc men, đồ nằm, hương hoa, anh lạc và các thứ cần dùng cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà quả báo phước đức trọn không tiêu hết. Bồ-tát ấy khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hết thảy thế gian trời người siêng năng thiết bày cúng dường y phục, uống ăn cho đến khi lưu lại xá lợi, sau khi vào Niết-bàn và được đệ tử cúng dường. Cũng do sức thần thông ấy nên đi đến chỗ Phật nghe, lãnh thọ giáo pháp cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trọn không trái mất. Bồ-tát khi ấy tu trí Nhất thiết chủng, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh. Như vậy, Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật thành tựu thân tinh tấn,

có thể làm đầy đủ Tấn Ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Làm sao thành tựu tâm tinh tấn mà có thể đầy đủ Nhẫn Ba-la-mật? Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát tâm tinh tấn, do tâm ấy tinh tấn tu thánh pháp vô lậu, vào chánh tinh tấn trong tám phần thánh đạo, không để thân, khẩu nghiệp bất thiện được xen vào; cũng không chấp thủ các pháp tướng hoặc thường hoặc vô thường, hoặc khổ hoặc vui, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc hữu vi hoặc vô vi, hoặc cõi Dục, hoặc cõi Sắc, hoặc cõi Vô sắc, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc Sô thiền cho đến đệ Tứ thiền, hoặc từ bi hỷ xả, hoặc Vô biên hư không xứ, cho đến Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ, hoặc bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo, hoặc không, vô tướng, vô tác, hoặc mười lực của Phật cho đến mười tám pháp không chung, đều không chấp thủ tướng; hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc khổ hoặc vui, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, đạo Bồ-tát, quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; hoặc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán; hoặc Bích-chi Phật, Bồ-tát, Phật đều không chấp thủ tướng. Chúng sinh ấy dứt ba kiết sử phần dưới nên được Tu-đà-hoàn; chúng sinh ấy ba độc mỏng nên được Tư-đà-hàm; chúng sinh ấy dứt trọn năm phần kiết sử phần dưới nên được A-na-hàm; chúng sinh ấy dứt trọn năm kiết sử phần trên nên được A-la-hán; chúng sinh ấy do đạo Bích-chi Phật nên làm Bích-chi Phật; chúng sinh ấy hành Đạo chủng trí nên gọi là Bồ-tát, cũng không chấp thủ các tướng ấy. Vì sao? Vì không thể do tính chấp thủ tướng, vì tính ấy không có. Bồ-tát do tâm tinh tấn ấy nên làm lợi ích rộng lớn cho chúng sinh, cũng không thủ đắc tướng chúng sinh. Như vậy là Bồ-tát đầy đủ Tấn Ba-la-mật. Đầy đủ các Phật pháp, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, vì không thể có được.

Bồ-tát ấy thân tinh tấn, tâm tinh tấn thành tựu nên nhiếp thủ hết thảy thiện pháp; pháp ấy cũng không chấp trước nên từ một cõi Phật đi đến một cõi Phật, vì lợi ích chúng sinh, làm các thần thông tùy ý không ngại; hoặc mưa hoa, mưa danh hương; hoặc làm kỹ nhạc, hoặc làm chấn động đại địa, hoặc phóng hào quang, hoặc chỉ bày quốc độ bảy báu trang nghiêm; hoặc hiện các thân, hoặc phóng ánh sáng đại trí khiến biết thánh đạo, khiến xa lìa sát sinh cho đến tà kiến; hoặc lấy việc bố thí lợi ích chúng sinh, hoặc vì trì giới, hoặc cắt xẻ thân thể, hoặc đem vợ con, hoặc đem thân mình cấp thí, tùy theo phương tiện có được để làm lợi ích cho chúng sinh. Như vậy, Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, đối với các pháp vô tướng, vô tác, vô đắc, dùng thân tâm tinh tấn có thể đầy đủ Tấn Ba-la-mật.

Phật dạy: Bồ-tát trừ thiền định của chư Phật, tất cả thiền định tam-muội khác đều có thể đầy đủ. Bồ-tát ấy lìa các dục, các pháp ác bất thiện; lìa dục sinh hỷ lạc, có giác có quán vào Sơ thiền cho đến vào đệ Tứ thiền, lấy tâm từ bi hỷ xả trải khắp một phương cho đến mười phương, hết thảy thế gian. Bồ-tát ấy vượt qua hết thảy Sắc giới, diệt tướng hữu đối, không nghĩ đến tướng khác biệt nên vào Vô biên Không xứ định cho đến vào Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ. Bồ-tát ấy trú trong Thiền Ba-la-mật nghịch và thuận, vào tám bội xả, định chín thứ lớp, tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác hoặc vào tam-muội Như điển chớp, hoặc có khi vào tam-muội Thánh chánh, hoặc có khi vào tam-muội Như kim ca. Bồ-tát ấy trú trong thiền định tu ba mươi bảy pháp trợ đạo, dùng Đạo chủng trí vào hết thảy thiền định vượt qua Càn tuệ địa, Tánh địa, Bát nhân địa, Kiến địa, Bạt địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa, Bích-chi Phật địa mà vào Bồ-tát vị. Vào Bồ-tát vị rồi đầy đủ Phật địa. Ở trong các địa ấy tu cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không ở giữa đường thủ chứng đạo quả, Bồ-tát ấy trú trong Thiền Ba-la-mật, từ một cõi Phật đến một cõi Phật cúng dường chư Phật, ở chỗ chư Phật gieo trồng căn lành, nghiêm tịnh cõi Phật, từ một cõi Phật đến một cõi Phật làm lợi ích chúng sinh: Lấy việc bố thí nhiếp thủ chúng sinh, lấy việc trì giới hoặc lấy tam-muội, hoặc lấy trí tuệ, hoặc lấy giải thoát, hoặc lấy giải thoát tri kiến nhiếp thủ chúng sinh, dạy chúng sinh khiến được quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật; những thiện pháp có thể làm cho chúng sinh đắc đạo đều giáo hóa khiến đắc. Bồ-tát ấy trú trong Thiền Ba-la-mật có thể phát sinh hết thảy môn Đà-la-ni, được bốn trí không ngại, thần thông do quả báo đạt được. Bồ-tát ấy trọn không vào thai mẹ, không chịu năm dục, không sinh, chẳng sinh, tuy sinh mà không bị sự sinh làm ô nhiễm. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy thấy tất cả pháp tạo tác đều như huyễn mà lợi ích chúng sinh, cũng không thủ đắc tướng chúng sinh và hết thảy pháp; mà dạy chúng sinh khiến được chỗ không có sở đắc. Đây là theo nghĩa thế tục mà nói chứ chẳng phải theo nghĩa đệ nhất. Bồ-tát trú trong Thiền Ba-la-mật, tất cả hành thiền, định, giải thoát, tam-muội cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trọn không lìa Thiền Ba-la-mật. Bồ-tát ấy khi hành Đạo chủng trí như vậy được trí Nhất thiết chủng, dứt hết thảy phiền não và tập khí; dứt rồi tự lợi ích cho mình, cũng lợi ích người khác; ích mình ích người rồi, vì hết thảy thế gian người, trời, A-tu-la làm ruộng phước. Như vậy, Bồ-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật đầy đủ Thiền Ba-la-mật vô tướng.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật trú trong pháp vô tướng, vô pháp, vô đắc mà có thể tu đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, đối với các pháp không

thấy tướng thật có nhất định. Bồ-tát ấy thấy sắc không nhất định, chẳng phải thật tướng, cho đến thấy thức không nhất định, chẳng phải thật tướng; chẳng thấy sắc sinh cho đến chẳng thấy thức sinh; nếu không thấy sắc sinh cho đến không thấy thức sinh thì hết thảy pháp hoặc hữu lậu hoặc vô lậu không thấy chỗ đến, không thấy chỗ đi, không thấy chỗ tích chứa. Khi quán như vậy không thủ đắc tính sắc cho đến tính thức, cũng không thủ đắc tính hữu lậu, vô lậu pháp. Bồ-tát khi hành Bát-nhã, tin hiểu hết thảy pháp không có tướng sở hữu. Tin hiểu như vậy rồi hành nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, đối với pháp không đắm trước gì, hoặc sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát ấy hành Bát-nhã không có sở hữu, có thể đầy đủ Bồ-tát đạo, tức là sáu Ba-la-mật cho đến ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình. Bồ-tát ấy trú trong Phật đạo sâu xa tức là sáu Ba-la-mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo, thần thông do quả báo đạt được, đem các pháp ấy lợi ích cho chúng sinh; cần lấy bố thí nhiếp thủ dạy khiến bố thí, cần lấy trì giới nhiếp thủ dạy khiến trì giới; cần lấy thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến nhiếp thủ dạy tu thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến; cần lấy các đạo khác dạy thì dạy khiến được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật; cần lấy Phật đạo giáo hóa thì dạy khiến được Bồ-tát đạo đầy đủ Phật đạo. Như vậy, tùy theo đạo pháp và cấp bậc thích hợp mà giáo hóa khiến đều có chỗ được. Bồ-tát ấy khi hiện sức thần thông, vượt qua vô lượng hằng hà sa quốc độ độ thoát chúng sinh, theo chỗ nhu cầu của họ đều giáo hóa, cung cấp khiến được đầy đủ, từ một cõi nước đến một cõi nước, thấy cõi nước tịnh diệu, theo đó tự trang nghiêm cõi Phật của mình; thí như ở cõi trời Tha hóa tự tại, vật cần dùng nuôi sống đều tùy ý đi đến; cũng như các cõi Phật thanh tịnh lìa sự tham muốn, người ấy do quả báo được Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, do quả báo được năm thần thông hành Đạo chủng trí của Bồ-tát, thành tựu hết thảy công đức, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát ấy bấy giờ không lãnh thọ sắc pháp cho đến thức, không lãnh thọ hết thảy pháp hoặc thiện hoặc bất thiện, hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc hữu vi hoặc vô vi; hết thảy pháp như vậy đều không lãnh thọ. Bồ-tát ấy khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì những vật nuôi sống có được trong quốc độ đều không có chủ. Vì sao? Vì Bồ-tát tu hạnh không lãnh thọ hết thảy pháp, vì không thể có được. Như vậy, Bồ-tát ở trong pháp vô tướng có thể đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Người hỏi người đáp đều nói không có sở hữu, vậy làm

sao phân biệt đó là hỏi, đó là đáp?

Đáp: Pháp nói ra tuy một mà tâm có sai khác. Người hỏi đem tâm chấp trước mà hỏi, người đáp lấy tâm không chấp trước mà đáp. Ý Tu-bồ-đề muốn nói: Trong chỗ không có sở hữu không thể phát tâm. Tu-bồ-đề vì người nghe có tâm chấp trước nên mới hỏi. Trong các pháp Không không thấy Bồ-tát phát tâm, không thấy chúng sinh có thể lợi ích, không thấy Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thế nên, đối với pháp không có sở hữu mà sinh ra vấn nạn: Nếu hết thảy pháp không có tính sở hữu vậy thì thấy lợi gì nên phát tâm? Tu-bồ-đề đối với Bồ-tát, chúng sinh, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không nghi, mà chỉ hỏi pháp không có sở hữu. Phật đáp rằng: Chính vì pháp Không không có sở hữu nên mới phát tâm. Nếu Không, không có sở hữu, thì Bồ-tát, chúng sinh, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng đều Không, không có sở hữu, thì làm sao còn khởi lên vấn nạn? Nếu chúng sinh, Bồ-tát và Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác lìa Không, không có sở hữu mới có thể nạn như vậy. Như trước nói: Rốt ráo không, đối với các pháp không có chướng ngại gì, thì đâu có chướng ngại việc phát tâm? Phật lại do Không, không có sở hữu mà phá câu hỏi của Tu-bồ-đề, cũng lại tự nói nhân duyên: Người có tâm chấp trước thì khó được giải thoát. Người ấy từ vô thỉ sinh tử lại đây do phiền não nên nhiễm đắm các pháp, nghe có cũng nhiễm đắm, nghe không cũng nhiễm đắm; được hay mất cũng nhiễm đắm; chúng sinh như vậy khó được ra khỏi. Thế nên Bồ-tát phát tâm vô thượng đạo, tự lấy tướng trang nghiêm thân, được tâm thanh tịnh, được đại oai đức, biết cội gốc tâm ba đời của chúng sinh, dùng sức thần thông và nhân duyên, thí dụ vì họ nói pháp không có sở hữu, nói không giải thoát môn để dẫn dắt tâm họ. Chúng sinh thấy việc hiếm có như vậy tức thì tâm kia nhu nhuyến, tin Phật, thọ pháp. Thế nên kinh nói: Người nhiễm trước vào có thì khó được giải thoát, người có sở đắc thì không có đạo, không có quả, không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề hỏi: Nếu người có sở đắc thì không có đạo, không có quả, không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vậy người không có sở đắc thì có đạo, có quả chăng?

Phật đáp: Không có sở hữu tức là đạo, tức là quả, tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu người không phân biệt là có sở đắc, là không có sở đắc mà vào trong thật tướng rốt ráo không thì cũng không có sở đắc, tức là đạo, tức là quả, tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì không phá hoại thật tướng các pháp. Pháp tính tức là thật tướng các pháp.

Tu-bồ-đề hỏi: Pháp tính, chánh hạnh, tà hạnh thường không thể phá

hoại, cớ gì Phật nói pháp tính Không phá hoại là đạo, là quả?

Phật đáp: Pháp tính tuy không phá hoại, song vì chúng sinh tà hạnh nên gọi là phá hoại; như hư không bị mây mù, bụi bặm tuy không thể làm bẩn nhơ cũng gọi là hư không bất tịnh; như người thật muốn làm nhơ bẩn hư không, thế là người ấy muốn làm nhơ bẩn pháp tính, không thể có việc ấy. Phật nói ví dụ: Như muốn phá hoại pháp tính, người ấy muốn đối với pháp không có sở hữu mà được đạo, được quả, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Nếu không có sở hữu tức là đạo, làm sao có các pháp của Bồ-tát trong mười địa như kinh nói rộng?

Hỏi: Việc ấy Phật đã đáp trước rồi, nghĩa là nếu pháp không thì Bồ-tát ấy lợi gì nên phát tâm? Còn nay nói: Nếu pháp không thì làm sao có từ Sơ địa đến đệ Thập địa? Phật đều lấy Không để đáp, nay Tu-bồ-đề cớ gì còn hỏi?

Đáp: Tu-bồ-đề vì chúng sinh còn tâm chấp trước nên hỏi. Trong chúng ấy có hàng Bồ-tát mới phát tâm nghe các pháp thật tướng Không liền sinh tâm chấp trước Không. Phật phá tâm chấp trước ấy, họ lại đắm trước vào pháp bị phá; vì hạng người ấy nên Tu-bồ-đề lại hỏi. Phật đáp rằng: Do không có sở đắc nên có Sô địa cho đến có xá lợi, đại chúng cúng dường sau khi vào Niết-bàn. Trong pháp có chấp trước thì không thể nói có sô địa và các công đức, lại cũng do không có sở đắc nên từ bố thí cho đến các thần thông không có sai khác; không có sai khác cho nên không nên vấn nạn.

Tu-bồ-đề lại hỏi: Làm sao không có sở đắc mà bố thí cho đến các thần thông không có sai khác?

Phật đáp: Bồ-tát từ khi mới phát tâm trở lại đây tương tợ như tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tịch diệt, tướng bố thí rốt ráo không, nghĩa là không thủ đắc tướng người thí, người nhận thí và tài vật mà hành bố thí. Bố thí như vậy không có phân biệt, cho đến không thủ đắc Bồ-đề mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng như vậy; ấy gọi là Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật không có sở đắc. Hành Bát-nhã Ba-la-mật không có sở đắc ấy thì ma hoặc ma trời không thể phá hoại.

Trong một niệm hành sáu Ba-la-mật là:

Hỏi: Cớ gì Tu-bồ-đề hỏi công đức trong một niệm hành sáu Ba-la-mật?

Đáp: Tu-bồ-đề theo Phật nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật không có tướng sở hữu, nôi các pháp không có tướng chướng ngại, nếu như vậy thì không có việc gì không thể, không có việc gì không làm, thì làm sao Bồ-tát trong

một niệm có thể thu nhiếp sáu Ba-la-mật cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình? Khi mới phát tâm, vì tâm nhiễm trước, có và không nặng, nên dần dần thứ lớp hành, nay tâm chấp trước vào có và không đều xả bỏ có, không, cho nên không có gì không làm được; thế nên hỏi.

Phật đáp: Bồ-tát không lìa Bát-nhã Ba-la-mật, hành các công đức bố thí không có chướng ngại nên có thể trong một niệm tu hành đầy đủ; nếu xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật thì phải dần dần thứ lớp hành.

Tu-bồ-đề hỏi: Thế nào gọi là không xa lìa?

Phật đáp: Bồ-tát không do hai tướng tu hành bố thí. Lại hỏi: Làm sao không do hai tướng?

Phật đáp: Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, muốn đầy đủ Thí Ba-la-mật, trong một niệm bố thí thu nhiếp hết thảy thiện pháp, như trước đã nói.

Thế nào là một niệm? Đó là Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn, dứt hết thảy phiền não, trừ mọi ức tưởng phân biệt, an trú tâm vô lậu mà bố thí hết thảy. Tâm vô lậu là tướng Vô tướng, Bồ-tát an trú tâm ấy nên không thấy ai thí, ai nhận và vật gì. Tâm lìa hết thảy tướng mà bố thí, không thấy có một pháp, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác còn không thấy, huống gì pháp khác; ấy gọi là không hai tướng. Cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình cũng như vậy.

Tu-bồ-đề lại lấy việc khác để hỏi về nghĩa này rằng: Bạch đức Thế Tôn! Các pháp vô tướng, vô tác, vô khởi, thì làm sao có thể đầy đủ Thí Ba-la-mật cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình?

Phật đáp: Bồ-tát đối với pháp Vô tướng, Vô tác vì không thủ tướng, tâm không chướng ngại mà bố thí; cần ăn thì cho ăn như trong kinh đã nói rõ.

Vô lậu, vô tướng, sáu Ba-la-mật có hai: Một là sở hành của Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn; hai là sở hành của Bồ-tát chưa được Vô sinh pháp nhẫn. Sở hành của Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn như trong đây nói. Vì sao? Vì trú trong tâm vô tướng, vô lậu mà hành bố thí.

Hỏi: Sinh thân Bồ-tát vì tham tiếc chưa trừ, bị cắt xẻ thì rất đau khổ, việc ấy là khó; còn Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn giống như người biến hóa làm ra, dù bị cắt xẻ cũng không đau khổ, vậy đâu có ân nghĩa gì!

Đáp: Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn hành sáu Ba-la-mật là khó, vì cớ sao? Vì được Vô sinh pháp nhẫn thì tâm tịch tịnh, lẽ đáng thọ cái vui Niết-bàn, song bỏ cái vui Niết-bàn tịch diệt ấy trở lại vào trong chúng sinh chịu các thân hình; hoặc làm người hèn, hoặc làm súc sinh, việc ấy mới là

khó. Sinh thân Bồ-tát vì tham ái chưa trừ, đắm trước thân Phật nên dùng thân bố thí, ấy là có hi vọng, chẳng phải thanh tịnh bố thí, cho nên không bằng.

Lại nữa, thực hành sáu Ba-la-mật vô lậu vô tướng, thì có thể đầy đủ, còn hữu lậu, hữu tướng, thì không thể đầy đủ; thế nên, người ấy có thể đầy đủ thì có ân đức lớn.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 88

GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI BẢY: SÁU DỤ

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao vô tướng không thể phân biệt tự tướng không, trong các pháp tu đầy đủ sáu Ba-la-mật? Làm sao trong pháp không sai khác mà phân biệt nói tướng sai khác? Làm sao Bát-nhã lại thu nhiếp thí, giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định? Làm sao hành pháp tướng sai khác lại do đạo nhất tướng mà được thành quả?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát trú trong năm uẩn như mộng, như vang, như ảnh, như sóng nắng, như huyễn, như hóa mà hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Biết năm uẩn ấy thật như mộng, như vang, như ảnh, như sóng nắng, như huyễn, như hóa; năm uẩn vô tướng, như mộng cho đến vô tướng, như hóa. Vì sao? Vì mộng không có tự tính; tiếng vang, ảnh, sóng nắng, huyễn, hóa đều không có tự tính. Nếu pháp không có tự tính thì pháp vô tướng; nếu pháp vô tướng thì pháp một tướng tức là vô tướng. Do nhân duyên ấy, nên biết, Bồ-tát bố thí vô tướng, người nhận thí vô tướng. Biết bố thí được như vậy là có thể đầy đủ Thí Ba-la-mật, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật; có thể đầy đủ bốn niệm xứ, cho đến tám phần thánh đạo; có thể đầy đủ nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; có thể đầy đủ tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác; có thể đầy đủ tám bội xả, định chín thứ lớp, năm thần thông, năm trăm môn Đà-la-ni; có thể đầy đủ mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung. Bồ-tát ấy, trú trong pháp vô lậu do quả báo mà được ấy, bay đến vô lượng quốc độ ở phương Đông, cúng dường chư Phật y phục, đồ uống ăn và vật cần dùng; cũng làm lợi ích chúng sinh. Đáng dùng bố thí để nhiếp thủ thì bố thí; đáng dùng trì giới để nhiếp thủ thì dạy khiến trì giới; đáng dùng nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ để nhiếp thủ thì dạy khiến nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ mà nhiếp thủ; cho đến đáng dùng các thiện pháp để nhiếp thủ, thì đem các thiện pháp mà nhiếp thủ. Bồ-tát ấy thành tựu tất cả thiện pháp, thọ thân ở thế gian mà không bị thế gian sinh tử làm

ô trược. Vì chúng sinh nên ở cõi trời và cõi người thọ cái vui giàu có tôn quý, đem cái vui giàu có tôn quý ấy nhiếp thủ chúng sinh. Bồ-tát ấy biết hết thảy pháp là vô tướng, nên biết quả Tu-đà-hoàn mà không trú trong đó; biết quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, mà cũng không trú trong đó. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy dùng trí Nhất thiết chủng biết hết thảy pháp rồi, hãy được trí Nhất thiết chủng, không chung cùng với Thanh-văn, Bích-chi Phật. Như vậy, Bồ-tát biết hết thảy pháp vô tướng rồi, biết sáu pháp Ba-la-mật vô tướng, cho đến biết hết thảy Phật pháp vô tướng.

Lại nữa, Bồ-tát trú trong năm uẩn như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như sóng nắng, như huyễn, như hóa có thể đầy đủ Giới Ba-la-mật vô tướng. Giới ấy không khuyết, không phá, không tạo, không trước. Giới vô lậu, được Thánh nhân khen ngợi, vào trong tám phần thánh đạo. Trú trong giới ấy giữ được hết thảy giới, đó là giới danh tự, giới tự nhiên, giới luật nghi, giới tác, giới vô tác, giới oai nghi, giới chẳng oai nghi. Bồ-tát ấy thành tựu các giới, không nghĩ rằng, ta do giới ấy nên được sinh dòng lớn Sát lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ hoặc nhà Tiểu vương, hoặc nhà Chuyển luân Thánh vương, hoặc cõi trời Tứ thiên vương, hoặc trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời hóa lạc, trời Tha hóa tự tại; không nguyện rằng: Ta nhân trì giới nên sẽ được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật. Vì sao? Vì hết thảy pháp vô tướng tức là một tướng; pháp vô tướng không thể được pháp vô tướng, pháp hữu tướng không thể được pháp hữu tướng, pháp vô tướng không thể được pháp hữu tướng, pháp hữu tướng không thể được pháp vô tướng. Như vậy, Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật có thể đầy đủ Giới Ba-la-mật vô tướng mà vào địa vị Bồ-tát; vào địa vị Bồ-tát rồi được Vô sinh pháp nhẫn, hành Đạo chủng trí, được năm thần thông do quả báo; trú trong năm trăm môn Đà-la-ni, được bốn trí không ngại, từ một cõi Phật đến một cõi Phật cúng dường chư Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật, tuy vào trong năm đường mà nghiệp báo sinh tử không thể làm ô nhiễm. Này Tu-bồ-đề! Thí như vị Chuyển luân Thánh vương biến hóa, tuy nằm ngồi đi đứng mà không thấy chỗ đến, không thấy chỗ đi, không thấy chỗ ở, chỗ ngồi, chỗ nằm mà vẫn có thể làm lợi ích chúng sinh, cũng không thủ đắc tướng chúng sinh; Bồ-tát cũng như vậy. Lại ví như Phật Tu Phiến Đa được Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác, vì hàng ba thừa Chuyển pháp luân, không có ai được thọ ký Bồ-tát. Nên hóa làm Phật rồi, xả thọ mạng mà vào Vô dư Niết-bàn. Bồ-tát cũng như vậy, khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, có thể đầy đủ Giới Ba-la-mật; đầy đủ Giới Ba-la-mật rồi, thu nhiếp hết thảy thiện pháp.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi hành Bát-nhã trú trong năm uẩn như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như sóng nắng, như huyễn, như hóa mà đầy đủ Nhẫn Ba-la-mật vô tướng.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát trú trong hai nhẫn có thể đầy đủ Nhẫn Ba-la-mật. Hai nhẫn là sinh nhẫn và pháp nhẫn. Từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi nôi đạo tràng, ở khoảng trung gian ấy, nếu có chúng sinh đi đến mắng nhiếc, dùng lời thô ác, hoặc lấy ngói đá, dao gậy gia hại Bồ-tát thì Bồ-tát vì muốn đầy đủ Nhẫn Ba-la-mật nên cho đến không sinh một niệm ác. Bồ-tát ấy suy nghĩ như vầy: Kẻ mắng ta là ai? Kẻ cắt xẻ ta là ai? Lấy lời ác gia hại ta, lấy ngói đá, dao gậy đánh đập ta là ai? Vì sao? Vì Bồ-tát ấy đối với hết thảy pháp được nhẫn vô tướng, tại sao lại nghĩ rằng người ấy mắng ta, hại ta? Nếu Bồ-tát hành như vậy thì có thể đầy đủ Nhẫn Ba-la-mật, do Nhẫn Ba-la-mật đầy đủ nên được Vô sinh pháp nhẫn.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Vô sinh pháp nhẫn? Nhẫn ấy dứt cái gì, biết cái gì?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Được pháp nhẫn cho đến không sinh chút ít pháp bất thiện, ấy gọi là Vô sinh nhẫn. Hết thảy Bồ-tát dứt hết phiền não gọi là dứt; dùng trí tuệ biết hết thảy pháp không sinh gọi là biết.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Vô sinh pháp nhẫn của hàng Thanh-văn, Bích-chi Phật với Vô sinh pháp nhẫn Bồ-tát có gì sai khác?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Hàng Tu-đà-hoàn hoặc trí hoặc đoạn, ấy là Bồ-tát nhẫn; Tư-đà-hàm hoặc trí hoặc đoạn, ấy là Bồ-tát nhẫn; A-na-hàm hoặc trí hoặc đoạn, ấy là Bồ-tát nhẫn; A-la-hán hoặc trí hoặc đoạn, ấy là Bồ-tát nhẫn; Bích-chi Phật hoặc trí hoặc đoạn, ấy là Bồ-tát nhẫn. Thế là có sai khác. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thành tựu nhẫn ấy vượt hơn Thanh-văn, Bích-chi Phật.

Trú trong Vô sinh nhẫn do quả báo ấy hành đạo Bồ-tát có thể đầy đủ Đạo chủng trí, đầy đủ Đạo chủng trí nên thường không lìa ba mươi bảy pháp trợ đạo và tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác và thường không lìa năm thần thông; vì không lìa năm thần thông nên có thể thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật; thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật rồi sẽ được trí Nhất thiết chủng. Như vậy, Bồ-tát đầy đủ Nhẫn Ba-la-mật vô tướng.

Lại nữa, trú trong năm uẩn vô tướng như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như sóng nắng, như huyễn, như hóa, hành thân tinh tấn, tâm tinh tấn; do thân tinh tấn nên khởi lên thần thông; khởi lên thần thông nên đi đến

mười phương cõi nước cúng dường chư Phật, lợi ích chúng sinh; do sức thân tinh tấn mà giáo hóa chúng sinh khiến an trú trong ba thừa. Như vậy, Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật có thể đầy đủ Tinh tấn Ba-la-mật vô tướng. Bồ-tát ấy do tâm tinh tấn, thánh vô lậu tinh tấn mà vào trong tám phần thánh đạo, có thể đầy đủ Tinh tấn Ba-la-mật; Tinh tấn Ba-la-mật ấy thu nhiếp hết thảy thiện pháp là bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, tám giải thoát, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung. Bồ-tát hành pháp ấy nên đầy đủ trí Nhất thiết chủng; đầy đủ trí Nhất thiết chủng rồi dứt hết thảy phiền não và tập khí, đầy đủ ba mươi hai tướng, thân phóng hào quang vô lượng, vô đẳng; phóng hào quang rồi Chuyển pháp luân, ba lần chuyển, mười hai hành tướng; Chuyển pháp luân nên ba ngàn đại thiên thế giới chấn động sáu cách; hào quang chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới; chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới nghe tiếng thuyết pháp, đều nhờ pháp ba thừa mà được độ thoát. Như vậy, Bồ-tát trú trong Tinh tấn Ba-la-mật làm lợi ích lớn và có thể đầy đủ trí Nhất thiết chủng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát trú trong năm uẩn vô tướng như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như sóng nắng, như huyễn, như hóa, có thể đầy đủ Thiền Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát trú trong năm uẩn như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như sóng nắng, như huyễn, như hóa có thể đầy đủ Thiền Ba-la-mật?

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát vào Sơ thiền cho đến đệ Tứ thiền, vào tâm vô lượng từ, bi, hỉ, xả; vào Vô biên hư không xứ cho đến Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ; vào tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác, vào tam-muội Như điện chớp, vào tam-muội Như kim ca, vào tam-muội Thánh chính; trừ tam-muội của chư Phật, các tam-muội khác hoặc chung với Thanh-văn, Bích-chi Phật đều vào, đều chứng và cũng không thọ mùi vị tam-muội, cũng không thọ quả báo tam-muội. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy biết tam-muội Vô tướng, không có tính sở hữu, làm sao đối với pháp vô tướng lại lãnh thọ mùi vị pháp vô tướng; pháp không có sở hữu lại lãnh thọ mùi

vị pháp không có sở hữu? Nếu không có lãnh thọ mùi vị, thì không thọ sinh theo sức thiền định, hoặc ở cõi Sắc, hoặc ở cõi Vô sắc. Vì sao? Vì Bồ-tát không thấy ba cõi ấy, cũng không thấy các thiền ấy, cũng không thấy người vào thiền, cũng không thấy người dùng pháp vào thiền. Nếu không có được pháp ấy thì có thể đầy đủ Thiền Ba-la-mật vô tướng. Bồ-tát dùng

Thiền Ba-la-mật ấy vượt quá địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát đầy đủ Thiền Ba-la-mật vô tướng mà có thể vượt qua địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát khéo học nội không, khéo học ngoại không, cho đến khéo học vô pháp hữu pháp không, đối với các không ấy không có pháp có thể trú được; hoặc quả Tu-đà-hoàn, hoặc quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán cho đến trí Nhất thiết chủng, các không ấy cũng không. Bồ-tát hành các không như vậy có thể vào địa vị Bồ-tát.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát vị, thế nào là chẳng phải vị?

Này Tu-bồ-đề! Hết thảy có sở đắc là chẳng phải địa vị Bồ-tát; hết thảy không có sở đắc là địa vị Bồ-tát.

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là có sở đắc, thế nào là không có sở đắc?

Này Tu-bồ-đề! Sắc là có sở đắc; thọ, tưởng, hành, thức là có sở

đắc; mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý cho đến trí Nhất thiết chủng có sở đắc, là chẳng phải địa vị Bồ-tát. Này Tu-bồ-đề! Địa vị Bồ-tát là các pháp không thể chỉ bày, không thể nói. Pháp gì không thể chỉ bày, không thể nói? Sắc cho đến trí Nhất thiết chủng. Vì sao? Vì tính sắc không thể chỉ bày, không thể nói cho đến trí Nhất thiết chủng không thể chỉ bày, không thể nói. Như vậy gọi là địa vị Bồ-tát. Vào địa vị Bồ-tát ấy, hết thảy thiền định, tam-muội được đầy đủ còn không theo sức thiền định, tam-muội thọ sinh, huống gì ở trong dâm, nộ, si khởi lên tội nghiệp mà thọ sinh! Bồ-tát chỉ trú trong pháp như huyễn làm lợi ích chúng sinh, cũng không thủ đắc chúng sinh và pháp như huyễn. Nếu không có sở đắc, thì khi ấy có thể thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật. Như vậy gọi là Bồ-tát đầy đủ Thiền Ba-la-mật vô tướng, cho đến Chuyển pháp luân. Nghĩa là pháp luân không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật biết hết thảy pháp là như mộng, như tiếng vang, như sóng nắng, như ảnh, như huyễn, như hóa.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát làm sao biết hết thảy pháp là như mộng, như tiếng vang, như sóng nắng, như ảnh, như huyễn, như hóa?

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy mộng, không thấy kẻ nằm mộng, không thấy tiếng vang, không thấy kẻ nghe tiếng vang, không thấy ảnh, không thấy kẻ thấy ảnh, không thấy sóng nắng, không thấy kẻ thấy sóng nắng, không thấy huyễn, không thấy kẻ thấy

huyễn; không thấy hóa, không thấy kẻ thấy hóa. Vì sao? Vì mộng, tiếng vang, ảnh, sóng nắng, huyễn, hóa ấy đều là pháp điên đảo của người phàm phu ngu si. A-la-hán không thấy mộng, không thấy kẻ thấy mộng, cho đến không thấy hóa, không thấy kẻ thấy hóa; Bích-chi Phật, đại Bồ-tát, chư Phật cũng không thấy mộng, không thấy kẻ thấy mộng, cho đến không thấy hóa, không thấy kẻ thấy hóa. Vì sao? Vì hết thảy pháp là không có tính sở hữu, không sinh, không nhất định.

Nếu pháp là không có tính sở hữu, không sinh, không nhất định, thì Bồ-tát làm sao tu Bát-nhã Ba-la-mật? Trong đây thủ tướng sinh ra tướng nhất định, lẽ ấy không đúng. Vì sao? Vì nếu các pháp ít nhiều có tính, có sinh, có định, thì không gọi là tu Bát-nhã Ba-la-mật. Như vậy, Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật không tham trước vào sắc cho đến không tham trước thức, không tham trước cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, không tham trước các thiền, giải thoát, tam-muội, không tham trước bốn niệm xứ, cho đến tám phần thánh đạo, không tham trước tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác, không tham trước Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật; vì không tham trước nên có thể đầy đủ Bồ-tát Sô địa, đối với Sô địa cũng không sinh tâm tham trước. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy không thủ đắc địa ấy, làm sao sinh tâm tham trước? Cho đến mười địa cũng như vậy. Bồ-tát ấy hành Bát-nhã Ba-la-mật cũng không thủ đắc Bát-nhã Ba-la-mật; nếu khi hành Bát-nhã Ba-la-mật không thủ đắc Bát-nhã Ba-la-mật, thì khi ấy thấy hết thảy pháp đều vào trong Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không thủ đắc pháp ấy. Vì sao? Vì các pháp với Bát-nhã Ba-la-mật không hai không khác. Vì sao? Vì các pháp vào Như, pháp tính, thật tế nên không phân biệt.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp vô tướng không có phân biệt, thì làm sao nói đó là thiện, đó là bất thiện, đó là hữu lậu, đó là vô lậu, đó là thế gian, đó là xuất thế gian, đó là hữu vi, đó là vô vi?

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Trong thật tướng các pháp có pháp có thể nói đó là thiện, là bất thiện cho đến là hữu vi, là vô vi, là quả Tu-đà-hoàn cho đến là A-la-hán, Bích-chi Phật, là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

Bạch đức Thế Tôn! Không thể nói.

Này Tu-bồ-đề! Vì nhân duyên ấy nên biết hết thảy pháp là vô tướng, không có phân biệt, không sinh, không nhất định, không thể chỉ bày. Ta khi xưa hành Bồ-tát đạo, cũng không có pháp, có tính có thể thủ đắc, hoặc sắc, hoặc thọ, tưởng, hành, thức, cho đến hoặc hữu vi, hoặc vô vi, hoặc quả Tu-

đà-hoàn cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy, Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, từ khi mới phát tâm cho đến khi đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên khéo học các pháp tính; khéo học các pháp tính nên gọi là đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hành đạo ấy có thể đầy đủ sáu Ba-la-mật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật; trú trong pháp ấy được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đem pháp ba thừa độ thoát chúng sinh, cũng không tham trước ba thừa. Như vậy, Bồ-tát do pháp vô tướng nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Tu-bồ-đề hỏi Phật: Nếu các pháp là vô tướng không có phân biệt, thì làm sao nói sáu Ba-la-mật sai khác? Phật lại đáp: : Bồ-tát trú trong năm uẩn như mộng có thể đầy đủ sáu Ba-la-mật. Tu-bồ-đề lại lấy nghĩa Không ra hỏi, Phật lại lấy nghĩa Không để đáp. Hỏi đáp như vậy làm sao có sai khác?

Đáp: Tu-bồ-đề hỏi: Nếu các pháp là không, thì sao nay thấy Bồ-tát hành sáu Ba-la-mật được thành Phật? Phật đáp: Kẻ phàm phu xa lìa trí tuệ chân thật, chấp thủ tướng nên thấy Bồ-tát hành sáu Ba-la-mật được làm Phật, tham trước pháp Không ấy nên vấn nạn. Bồ-tát tuy ở trong năm uẩn như huyễn, như mộng, cũng do tâm Không mà hành bố thí; nên tuy hành các pháp, đầy đủ Ba-la-mật mà không chướng ngại nôi Không; thí như mây mù ở xa thì thấy, ở gần thì không trông thấy. Phàm phu cũng như vậy, vì xa lìa thật tướng nên thấy chư Phật và Bồ-tát, vì gần thật tướng nên thấy đều Không; thế nên không chướng ngại. Vì không chướng ngại nên có thể ở trong một niệm tu Thí Ba-la-mật mà có thể đầy đủ tu các thiện pháp. Người ấy thường tu Ba-la-mật vô lậu thanh tịnh nên khi chuyển đổi thân, trở lại được quả báo thân Ba-la-mật vô lậu. Được quả báo là không còn tu hành, tự nhiên có được; thí như do quả báo được nhãn căn, tự nhiên có thể thấy sắc. Được quả báo đắc Ba-la-mật vô lậu ấy rồi có thể biến một thân thành vô lượng vô số thân, ở chỗ mười phương chư Phật, nghe Phật thuyết pháp sâu xa đầy đủ, độ thoát hết thảy chúng sinh, dần dần nghiêm tịnh cõi Phật, tùy theo nguyện làm Phật sự.

Hỏi: Nếu các pháp là Không, Vô tướng thì làm sao phân biệt, làm sao biết được hành Thí Ba-la-mật có thể đầy đủ các Ba-la-mật khác?

Đáp: Hành giả tuy không tự phân biệt biết, mà chư Phật, Bồ-tát nói người đó hành thí, hành giới, có thể đầy đủ các hạnh. Như người Thanh-văn vào kiến đế vô lậu, vô tướng, vô phân biệt, các Thánh nhân khác cũng biết pháp họ được đắc. Biết thật tướng các pháp là vô tướng, ấy gọi là chánh kiến. Chánh kiến đắc lực gọi là chánh hạnh. Khi ấy không não hại chúng

sinh, không làm việc ác; ấy gọi là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Khi ấy tuy không nói gì, cũng không làm gì mà vẫn gọi là chánh ngữ, chánh nghiệp. Vì sao? Vì rốt ráo không não hại chúng sinh nên gọi đó là chánh ngữ, chánh nghiệp của thân diệu. Từ trong đó phát tâm, tạo tác gọi là chánh tinh tấn; buộc niệm vào duyên gọi là chánh niệm; nhiếp tâm một chỗ gọi là chánh định. Thấy thật tướng của thân, thọ, tâm, pháp, ấy gọi là bốn niệm xứ, cho đến bảy giác ý cũng như vậy. Ở trong bốn niệm xứ cũng như ở trong tám phần thánh đạo, các thánh nhân đều biết; Bồ-tát cũng như vậy, hành Thí Ba-la-mật vô tướng ấy có thể đầy đủ Giới Ba-la-mật v.v... Giống như Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật thu nhiếp các thiện pháp cũng như vậy.

Hỏi: Ở phẩm trên do một Ba-la-mật đầy đủ các Ba-la-mật và với ở đây, Ba-la-mật vô tướng nhiếp hết thảy pháp có gì sai khác?

Đáp: Trên kia ở trong một niệm có thể đầy đủ các Ba-la-mật, còn đây nói các pháp tuy Không, Vô tướng mà vẫn có thể đầy đủ các Ba-la-mật, đó là sai khác.

------oOo------

GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI TÁM: BỐN NHIẾP

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như sóng nắng, như huyễn, như hóa, không có thật sự, không có tính sở hữu, tự tướng không, thì làm sao phân biệt ấy là pháp lành, là pháp chẳng lành, là pháp thế gian, là pháp xuất thế gian, là pháp hữu lậu, là pháp vô lậu, là pháp hữu vi, là pháp vô vi, là pháp có thể được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, là pháp có thể được đạo Bích-chi Phật, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Người phàm phu ngu si mộng, thì thấy có người mộng, cho đến hóa, thấy có người hóa mà khởi lên nghiệp thân, miệng, ý, thiện, bất thiện, vô ký; khởi lên phước nghiệp, tội nghiệp, bất động nghiệp. Bồ-tát ấy hành Bát-nhã Ba-la-mật trú trong hai không là rốt ráo không và vô thỉ không, vì chúng sinh thuyết pháp rằng: Này các chúng sinh! Sắc ấy không, không có sở hữu; thọ, tưởng, hành, thức ấy không, không có sở hữu; mười hai nhập, mười tám giới là mộng. Sắc là tiếng vang, là ảnh, là sóng nắng, là huyễn, là hóa; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Mười hai nhập, mười tám giới là mộng, là tiếng vang, là ảnh, là sóng nắng, là huyễn, là hóa; trong ấy không có năm uẩn, mười hai nhập, mười tám

giới, không có mộng, cũng không có người thấy mộng, không tiếng vang, cũng không có người nghe tiếng vang; không có ảnh , cũng không có người thấy ảnh; không có sóng nắng, cũng không có người thấy sóng nắng; không có huyễn, cũng không có người thấy huyễn; không có hóa, cũng không có người thấy hóa. Hết thảy pháp là không có cội gốc, thật tính Không có sở hữu. Các người ở trong chỗ không có năm uẩn thấy năm uẩn, không có mười hai nhập thấy mười hai nhập, không có mười tám giới thấy mười tám giới; các pháp ấy đều do nhân duyên hòa hợp sinh, vì khởi tâm điên đảo, nó thuộc quả báo của nghiệp, các người cớ gì đối với các pháp không, không có cội gốc mà chấp thủ tướng cội gốc? Khi ấy Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật dùng sức phương tiện đối với sự xan tham, kéo chúng sinh ra khỏi bằng cách dạy họ hành bố thí Ba-la-mật, do công đức bố thí ấy được quả báo lớn; từ phước báo lớn được ra khỏi, rồi dạy họ khiến trì giới, do công đức trì giới được sinh cõi trời tôn quý; lại kéo ra khỏi khiến trú vào Sơ thiền, do công đức Sơ thiền được sinh cõi Phạm thiên; Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, Vô biên không xứ, Vô biên thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ cũng như vậy. Đối với chúng sinh hành bố thí và quả báo bố thí ấy, trì giới và quả báo trì giới ấy, thiền định, và quả báo thiền định ấy dùng mỗi mỗi nhân duyên kéo ra khỏi mà an trí nôi Vô dư Niết-bàn và ở trong đạo Niết-bàn, đó là bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo, Không, Vô tướng, Vô tác, giải thoát môn, tám bội xả, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, mà an ổn chúng sinh, khiến ở vào thánh pháp vô lậu, vô sắc, vô hình, vô đối. Thấy người có thể được quả Tu-đà-hoàn cho đến đạo Bích-chi Phật thì khiến an trú quả Tu-đà-hoàn cho đến đạo Bích-chi Phật; thấy người có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì an ổn giáo hóa khiến trú trong Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Các Bồ-tát rất hiếm có, khó sánh kịp, các vị ấy có thể hành Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa, đối với các pháp không có tính sở hữu, rốt ráo không, vô thỉ không, mà phân biệt các pháp là thiện, là bất thiện, là hữu lậu, là vô lậu cho đến là hữu vi, là vô vi.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Các Bồ-tát rất hiếm có, khó bì kịp, các vị ấy có thể hành Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa, đối với các pháp không có tính sở hữu, rốt ráo không, vô thỉ không mà phân biệt các pháp. Này Tu-bồ-đề! Các ông nếu biết pháp hiếm có, khó bì của Bồ-tát ấy, thì biết hết thảy Thanh-văn, Bích-chi Phật còn không thể có được, huống gì người khác!

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Những gì là pháp hiếm có, khó bì kịp của Bồ-tát? Các Thanh-văn, Bích-chi Phật không có được?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Phải nhất tâm lắng nghe. Có Bồ-tát hành Ba-la-mật, trú trong sáu Ba-la-mật do quả báo mà được và trú trong năm thần thông do quả báo mà được, ba mươi bảy pháp trợ đạo; trú trong các Đà-la-ni, các trí không ngại, đi đến mười phương thế giới; đối với người có thể do bố thí nhiếp độ, thì dùng bố thí nhiếp độ; đối với người có thể do trì giới nhiếp độ, thì lấy trì giới nhiếp độ; đối với người do nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, thì tùy sự thích ứng mà nhiếp độ; đối với người có thể do Sô thiền nhiếp độ, thì lấy Sô thiền nhiếp độ; đối với người có thể do Nhị thiền, Tam thiền, cho đến Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ nhiếp độ, thì tùy theo chỗ thích ứng mà nhiếp độ; đối với người có thể do tâm từ, bi, hỉ, xả nhiếp độ, thì lấy tâm từ, bi, hỉ, xả nhiếp độ; đối với người có thể do bốn niệm xứ, cho đến tám phần thánh đạo, do tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác nhiếp độ, thì tùy chỗ thích ứng mà nhiếp độ.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát lấy bố thí lợi ích chúng sinh?

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, bố thí tùy theo chỗ cần dùng hoặc ăn uống, y phục, xe ngựa, hương hoa, anh lạc đều cấp thí cho, như cúng dường Phật, Bích-chi Phật, A-la-hán, A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn ngang nhau không khác. hoặc thí cho người tu tám phần thánh đạo và người phàm, cho đến cầm thú đều không có phân biệt, bình đẳng mà bố thí. Vì sao? Vì hết thảy pháp là không khác, không phân biệt. Bồ-tát ấy bố thí không khác, không phân biệt rồi sẽ được quả báo không có phân biệt, đó là trí Nhất thiết chủng. Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát thấy người hành khất hoặc sinh tâm như vầy: "Phật là ruộng phước, ta nên cúng dường; cầm thú chẳng phải phước điền, không nên

cúng dường", thì như vậy chẳng phải pháp Bồ-tát. Vì sao? Vì Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không nghĩ rằng đối với chúng sinh này nên bố thí làm lợi ích, đối với chúng sinh kia không nên bố thí, vì bố thí cho chúng sinh ấy nên được sinh dòng lớn Sát lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ, cho đến do nhân duyên bố thí ấy lấy pháp ba thừa độ cho khiến vào Vô dư Niết-bàn. Nếu chúng sinh đi theo Bồ-tát xin, cũng không sinh tâm phân biệt sai khác: Nên cho hay không nên cho. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy là vì chúng sinh nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu phân biệt lựa chọn thì rơi vào chỗ bị quở trách của chư Phật, Bồ-tát, Bích-chi Phật, học nhân, vô học nhân và trời, người rằng: Ai cầu ông phát tâm cứu chúng sinh, làm nhà cho chúng sinh, là chỗ thủ hộ cho chúng sinh,

làm chỗ nương cho chúng sinh, mà ông phân biệt, lựa chọn nên cho hay không nên cho? Lại, nếu Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, hoặc người, chẳng phải người đi đến muốn xin Bồ-tát thân thể, tay chân, thì khi ấy không nên sinh hai tâm là hoặc cho hoặc không cho. Vì sao? Vì Bồ-tát đã vì chúng sinh nên thọ thân, nay chúng sinh đi đến xin lấy, sao có thể không cho? Ta vì lợi ích chúng sinh nên thọ thân này, chúng sinh không xin, tự mình nên đem cho, huống gì chúng sinh đến xin mà không cho! Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật nên học như vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát thấy người đến xin nên nghĩ rằng: Trong đây ai cho, ai nhận, cho vật gì? Vì hết thảy pháp là tự tính đều không thể có được, đều rốt ráo không. Pháp không tướng không có cho, không có cướp đoạt. Vì sao? Vì rốt ráo không, nội không, ngoại không, nội ngoại không, đại không, đệ nhất nghĩa không, tự tướng không. Trú trong rốt ráo không ấy mà bố thí, thì khi ấy đầy đủ Thí Ba-la-mật. Đầy đủ Thí Ba-la-mật, nếu khi bị dứt pháp bên trong thân, pháp bên ngoài thân, liền nghĩ rằng: Cắt ta là ai? Xẻ ta là ai?

Lại nữa, Ta dùng mắt Phật thấy các Bồ-tát ở phương Đông nhiều như cát sông Hằng, vào địa ngục lớn để làm tắt lửa, làm nước sôi nguội; dùng ba việc giáo hóa: Một là thần túc thông, hai là tha tâm thông, ba là thuyết pháp. Bồ-tát do sức thần thông làm cho lửa địa ngục lớn tắt, nước sôi nguội; do tha tâm thông đem tâm từ, bi, hỉ, xả tùy ý thuyết pháp. Chúng sinh ấy đối với Bồ-tát sinh tâm thanh tịnh, nên từ địa ngục được thoát khỏi, dần dần lấy pháp ba thừa dứt hết khổ não. Phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên, dưới cũng như vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ta dùng mắt Phật xem mười phương thế giới thấy các Bồ-tát trong quốc độ nhiều như cát sông Hằng, làm thị giả cho chư Phật, cúng dường chư Phật, tùy ý hoan hỉ, cúng kính; nếu chư Phật

thuyết pháp, thì đều có thể thọ trì cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trọn không quên mất.

Lại nữa, Ta dùng mắt Phật xem thấy Bồ-tát trong mười phương các cõi nước nhiều như cát sông Hằng, vì súc sinh nên xả bỏ đời sống kia, cắt xẻ thân thể, phân tán đi các phương. Có các chúng sinh ăn thịt các Bồ-tát ấy, đều ưa kính Bồ-tát. Vì tâm ưa kính ấy nên liền được lìa khỏi đường súc sinh, gặp chư Phật, nghe Phật thuyết pháp như thuyết tu hành, dần dần nhờ pháp ba thừa mà vào Vô dư Niết-bàn. Như vậy, các Bồ-tát làm lợi ích rất nhiều, giáo hóa chúng sinh khiến phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như thuyết tu hành, cho đến khi vào Vô dư Niết-bàn. Lại nữa, Tu-bồ-

đề! Ta dùng mắt Phật xem thấy Bồ-tát trong mười phương các cõi nước nhiều như cát sông Hằng, trừ cái khổ đói khát của ngạ quỷ, các ngạ quỷ ấy đều ái kính Bồ-tát. Do tâm ái kính nên được lìa khỏi đường ngạ quỷ, gặp chư Phật, nghe Phật thuyết pháp như thuyết tu hành, dần dần do pháp ba thừa mà vào Vô dư Niết-bàn. Như vậy, Bồ-tát vì độ chúng sinh mà hành tâm đại bi.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ta dùng mắt Phật thấy Bồ-tát ở trên cõi trời Tứ thiên vương thuyết pháp; ở trên cõi trời Ba mươi ba, cõi trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời hóa lạc, trời Tha hóa tự tại thuyết pháp. Các trời nghe Bồ-tát thuyết pháp, dần dần nhờ pháp ba thừa mà được diệt độ. Trong chúng chư Thiên ấy, có người tham trước năm dục, thì Bồ-tát ấy thị hiện lửa cháy đốt cung điện họ mà vì họ thuyết pháp, nói rằng: Này chư Thiên! Hết thảy pháp hữu vi đều vô thường, đâu được an ổn!

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ta dùng mắt Phật xem thấy Bồ-tát trong mười phương các cõi nước, thấy các Phạm thiên ở trong các cõi nước nhiều như cát sông Hằng tham trước tà kiến. Các Bồ-tát dạy khiến xa lìa tà kiến, nói rằng: Các ông làm sao ở trong các pháp tướng không, hư vọng mà sinh tâm tà kiến? Như vậy, Bồ-tát trú trong tâm đại từ vì chúng sinh mà thuyết pháp. Đó là pháp hiếm có khó bì kịp của các Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ta dùng mắt Phật xem thấy các Bồ-tát trong mười phương các cõi nước nhiều như cát sông Hằng, lấy bốn việc nhiếp thủ chúng sinh. Bốn việc là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

Bồ-tát lấy việc bố thí nhiếp thủ chúng sinh như thế nào? Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát do hai cách bố thí nhiếp thủ chúng sinh, là tài thí và pháp thí. Tài thí nhiếp thủ chúng sinh là thế nào? Đó là Bồ-tát lấy vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, trân châu, mã não, san hô, các vật báu; hoặc đồ ăn uống, y phục, đồ nằm, phòng xá, đèn đuốc, hoa hương, anh lạc, hoặc trai, hoặc gái, hoặc trâu dê, voi ngựa, xe cộ, hoặc thân mình cấp thí cho chúng sinh, nói với chúng sinh rằng: Các ngươi nếu có cần gì hãy đến lấy như lấy vật của mình, đừng nghi ngại, khó khăn. Bồ-tát thí rồi, dạy ba Quy y là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Hoặc dạy thọ năm giới; hoặc dạy thọ giới trong một ngày; hoặc dạy các thiền định, Sô thiền cho đến Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ định; hoặc dạy từ, bi, hỉ, xả; hoặc dạy niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả, niệm thiên; hoặc dạy quán bất tịnh, quán hơi thở ra vào, hoặc tưởng, hoặc xúc; hoặc dạy bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo; hoặc dạy tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác, tám bội xả, cho đến mười tám pháp không chung, hoặc dạy đại từ đại bi, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ

đẹp tùy hình; hoặc dạy quả Tu-đà-hoàn cho đến đạo Bích-chi Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy, Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật, do sức phương tiện dạy chúng sinh tài thí rồi, lại dạy khiến được Niết-bàn vô thượng an ổn. Này Tu-bồ-đề! Ấy gọi là pháp hiếm có khó bì kịp của Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát dùng pháp thí nhiếp thủ chúng sinh là thế nào? Này Tu-bồ-đề! Pháp thí có hai là thế gian và xuất thế gian. Pháp thí thế gian là thế nào? Đó là diễn giải, chỉ bày pháp thế gian, như quán bất tịnh, quán hơi thở ra vào, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc. Pháp thế gian như vậy là pháp tu chung với phàm phu; ấy gọi là pháp thí theo thế gian. Bồ-tát pháp thí theo thế gian như vậy rồi, dùng mỗi mỗi nhân duyên giáo hóa, khiến xa lìa pháp thế gian. Xa lìa pháp thế gian rồi, dùng sức phương tiện khiến được thánh pháp vô lậu và thánh quả vô lậu. Thế nào là thánh pháp và thánh quả vô lậu? Thánh pháp vô lậu là ba mươi bảy pháp trợ đạo, ba môn giải thoát. Thánh quả vô lậu là quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật và Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Thánh pháp vô lậu của Bồ-tát là trí tuệ đối với quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán; trí tuệ đối với đạo Bích-chi Phật; trí tuệ đối với ba mươi bảy pháp trợ đạo, sáu Ba-la-mật cho đến đại từ đại bi; trí tuệ hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi. Đối với các pháp như vậy là trí Nhất thiết chủng, ấy gọi là thánh pháp vô lậu của Bồ-tát.

Thế nào là thánh quả vô lậu? Đó là dứt hết thảy phiền não và tập khí, gọi là thánh quả vô lậu.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát được trí Nhất thiết chủng chăng?

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Bồ-tát được trí Nhất thiết chủng. Tu-bồ-đề thưa: Bồ-tát với Phật có gì sai khác?

Phật dạy: Có khác. Bồ-tát được trí Nhất thiết chủng gọi là Phật. Vì sao? Vì tâm Bồ-tát với tâm Phật không có sai khác. Bồ-tát trú trong trí Nhất thiết chủng đối với hết thảy pháp không có điều gì không hiểu rõ; ấy gọi là Bồ-tát pháp thí theo thế gian. Bồ-tát nhân pháp thí theo thế gian mà đầy đủ pháp thí theo xuất thế gian. Như vậy, Bồ-tát dạy chúng sinh, khiến được pháp thế gian, do sức phương tiện dạy khiến được pháp xuất thế gian.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là pháp xuất thế gian? Đó là pháp không chung cùng với pháp phàm phu, như bốn niệm xứ, bốn chánh cần, cho đến tám phần thánh đạo; ba môn giải thoát, tám bội xả, cho đến mười tám pháp

không chung, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, năm trăm môn Đà-la-ni; ấy gọi là pháp xuất thế gian.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Bốn niệm xứ? Bồ-tát quán nội thân trên thân, quán ngoại thân trên thân, quán nội ngoại thân trên thân, siêng tinh tấn nhất tâm trí tuệ quán thân, quán nhân duyên tập khởi của thân, quán sự hoại diệt của thân, quán sự tập khởi của sanh diệt. Hành đạo ấy không nương tựa gì, đối với thế gian không có ái nhiễm; quán thọ, tâm, pháp, niệm xứ cũng như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Bốn chánh cần? Đó là đối với pháp ác bất thiện chưa sinh, vì làm cho đừng sinh nên siêng sinh tâm tinh tấn. Đối với pháp ác bất thiện đã sinh, vì làm cho đoạn dứt nên siêng sinh tâm tinh tấn. Đối với thiện pháp chưa sinh, vì làm cho phát sinh nên siêng sinh tâm tinh tấn. Đối với pháp thiện đã sinh, vì làm cho tăng trưởng đầy đủ nên siêng tâm tinh tấn; ấy gọi là bốn chánh cần.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Bốn như ý túc? Đó là tu dục tam-muội, đoạn phiền não thành tựu, là như ý túc đầu; tu tinh tấn tam-muội, tâm tam-muội, tư duy tam-muội, đoạn phiền não thành tựu, là như ý túc thứ hai, ba, tư.

Thế nào là Năm căn? Đó là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và huệ căn.

Thế nào là Năm lực? Đó là tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực và huệ lực.

Thế nào là Bảy giác phần? Đó là niệm giác phần, trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, trừ giác phần (tức khinh an giác phần - ND), định giác phần và xả giác phần.

Thế nào là Tám phần thánh đạo? Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

Thế nào là Ba môn tam-muội? Đó là môn tam-muội Không, môn tam-muội Vô tướng, Vô tác.

Thế nào là tam-muội Không? Lấy hạnh Không, vô ngã để nhiếp tâm, ấy gọi là tam-muội Không.

Thế nào là tam-muội Vô tướng? Lấy hạnh tịch diệt, hạnh viễn ly nhiếp tâm, ấy là Vô tướng tam-muội.

Thế nào là Vô tác tam-muội? Lấy hạnh vô thường, hạnh khổ nhiếp tâm, ấy là Vô tác tam-muội.

Thế nào là Tám bội xả? Bên trong có sắc tướng bên ngoài quán sắc, là bội xả đầu; bên trong không có sắc tướng bên ngoài quán sắc là bội xả hai; tịnh bội xả, là bội xả ba; vượt qua hết thảy sắc tướng, diệt tướng hữu đối, không nghĩ đến hết thảy tướng sai khác, quán hư không vô biên, vào vô biên không xứ cho đến vượt qua hết thảy Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ vào diệt thọ tưởng bội xả; ấy gọi là tám bội xả.

Thế nào là Định chín thứ lớp? Đó là hành giả lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán, lìa dục sinh hỷ lạc vào Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, cho đến vượt qua Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ, vào định Diệt thọ tưởng; ấy gọi là định chín thứ lớp.

Thế nào là Mười lực của Phật? Đó là trí biết như thật: phải đạo lý, không phải đạo lý; trí biết các nghiệp, các pháp thọ báo; biết chỗ tạo nghiệp; biết nhân duyên; biết quả báo của chúng sinh quá khứ, vị lai, hiện tại; trí biết như thật các thiền định, giải thoát, tam-muội định, phân biệt tướng nhơ, sạch; biết các căn cao thấp sai khác của chúng sinh; biết các tính dục, kiến giải sai khác của chúng sinh; biết các tính của thế gian; biết chỗ đi đến của hết thảy; biết đời trước từ một đời cho đến vô lượng kiếp; biết như thật thiên nhãn thấy chúng sinh, sinh đường lành, đường dữ; như thật biết lậu hoặc đã hết nên được tâm vô lậu giải thoát; ấy là mười lực của Phật.

Thế nào là bốn điều không sợ? Đó là Phật nói lời thành thật rằng: Ta là bậc Nhất thiết trí. Hoặc có Sa môn, Bà-la-môn, trời, ma, Phạm và chúng sinh khác nói rằng: Pháp ấy Ta không biết, thì Ta cũng không thấy có chút mảy may sợ hãi. Vì thế Ta được an ổn, được điều không sợ, an trú chỗ thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng rống sư tử, chuyển bánh xe pháp mà các Sa môn, Bà-la-môn, hoặc trời, ma, Phạm, hoặc các chúng sinh khác thật không thể chuyển được; đó là điều không sợ thứ nhất.

Phật nói lời thành thật rằng: Ta sạch hết các lậu hoặc, nếu có Sa môn, Bà-la-môn, hoặc trời, ma, Phạm và các chúng sinh khác nói rằng:

Hành đạo ấy không thể đưa ra khỏi thế gian, không thể hết khổ, thì Ta cũng không thấy có chút mảy may sợ hãi. Vì thế Ta được an ổn, được điều không sợ, an trú chỗ thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng rống sư tử, chuyển bánh xe pháp, các Sa môn, Bà-la-môn, hoặc trời, ma, phạm, hoặc các chúng sinh khác thật không thể chuyển được; đó là điều không sợ thứ tư.

Thế nào là bốn trí không ngại? Đó là: 1. Trí biết nghĩa, thông suốt không ngại; 2. Trí biết pháp, thông suốt không ngại; 3. Trí biết từ ngữ, thông suốt không ngại; 4. Trí biết vui nói, thông suốt không ngại.

Thế nào là trí biết nghĩa thông suốt không ngại? Đó là trí biết duyên theo nghĩa lý; ấy là Trí biết nghĩa thông suốt không ngại.

Thế nào là trí biết pháp, thông suốt không ngại? Là trí tuệ duyên theo giáo pháp, là Trí biết pháp thông suốt không ngại.

Thế nào là trí biết từ ngữ, thông suốt không ngại?

Là trí duyên theo từ ngữ, là Trí biết từ ngữ thông suốt không ngại.

Thế nào là trí biết vui nói, thông suốt không ngại?

Là trí tuệ duyên theo sự vui nói, ấy là Trí biết vui nói thông suốt không ngại.

Thế nào là mười tám pháp không chung?

Thân Phật không có lỗi

Miệng Phật không lỗi

Tâm niệm Phật không lỗi

Phật không có dị tưởng

Phật không có tâm bất định

Phật không có tâm không biết mà xả bỏ

Sự ham muốn không giảm sút

Tinh tấn không giảm sút

Niệm không giảm sút

Tuệ không giảm sút

Giải thoát không giảm sút

Giải thoát tri kiến không giảm sút

Hết thảy thân nghiệp hành theo trí tuệ

Hết thảy khẩu nghiệp hành theo trí tuệ

Hết thảy ý nghiệp hành theo trí tuệ

Trí tuệ biết đời quá khứ không ngại

Trí tuệ biết đời vị lai không ngại

Trí tuệ biết đời hiện tại không ngại.

Thế nào là ba mươi hai tướng?

Lòng bàn chân bằng phẳng

Lòng bàn chân có tướng bánh xe đủ ngàn tăm

Ngón tay thon dài

Gót chân rộng và bằng

Ngón tay, ngón chân có lưới lụa xòe như của chim nhạn

Tay chân mềm mại
Mu bàn chân cao và đầy
Bắp đùi như nai chúa Y-nê-diên
Khi đứng thẳng, ngón tay sờ đến đầu gối
Tướng âm tàng như trâu chúa
Thân cao và rộng cân đối như cây Ni câu loại
Lông trên thân mọc xoay hướng lên
Mỗi lỗ chân lông có một sợi lông
Thân sắc vàng như màu hoàng kim
Có ánh sáng một trượng
Da mỏng, mịn
Bảy chỗ trên thân đều đặn
Dưới hai nách đầy đặn
Phần thân trên như Sư tử
Thân to lớn và thẳng
Vai tròn và đẹp
Có bốn mươi cái răng
Răng đều đặn
Răng trắng trong
Hai má như Sư tử
Được thượng vị trong các vị
Lưỡi rộng, dài
Có âm thanh như của Trời Phạm thiên
Mắt xanh biếc
Lông mi như trâu chúa
Nhục kế ở trên đầu
Tướng lông trắng giữa hai chân mày.

Thân Phật thành tựu ba mươi hai tướng, phóng hào quang chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nếu muốn chiếu rộng thì khắp mười phương vô lượng vô số thế giới, vì chúng sinh nên thọ nhận hào quang một trượng ấy. Nếu phóng vô lượng ánh sáng thì không có số ngày tháng, thời tiết, năm. Âm thanh của Phật biến khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nếu muốn âm thanh lớn thì biến khắp mười phương vô lượng vô số thế giới, tùy theo chúng sinh nhiều ít mà âm thanh đến khắp.

LUẬN: Hỏi: Từ trước lại đây, nôi nôi đều nói các pháp tính Không, làm sao phân biệt thế nào là có thiện, bất thiện; từ sau đó trở đi, trong mỗi phẩm nói nghĩa không khác, cớ gì Tu-bồ-đề cứ mỗi mỗi hỏi lại?

Đáp: Việc ấy trên đã đáp rồi. Lại nữa, chúng sinh từ vô thỉ sinh tử lại đây vì tâm nhiễm trước sâu nặng, khó hiểu nên Tu-bồ-đề cứ hỏi lại. Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật muốn nói yếu nghĩa của tính Không ấy nên thường hỏi. Lại nữa, khi Phật ở đời, chúng sinh lợi căn dễ ngộ; sau Phật diệt độ khoảng năm trăm năm, chúng sinh trong đời Tượng pháp ưa đắm Phật pháp, rơi vào chỗ đắm pháp, hoặc nói các pháp đều Không, như mộng, như huyễn, cớ gì lại có thiện, bất thiện? Vì thế nên Tu-bồ-đề thương xót chúng sinh vị lai độn căn không hiểu, nên hỏi lại rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp đều Không, cớ sao phân biệt có thiện, bất thiện? Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Vì tâm phàm phu điên đảo, đối với các pháp đều khởi lên dị kiến điên đảo, cho đến không thấy một pháp nào thật. Phàm phu đối với mộng thì đắm mộng, đối với người nằm mộng thì đắm việc người thấy mộng, cũng đắm việc trông thấy trong mộng. Hạng người ấy nếu không tin tội phước thì khởi lên ba nghiệp bất thiện, nếu tin tội phước thì khởi lên ba nghiệp thiện.

Nghiệp thiện, bất thiện, bất động. Nghiệp thiện là nghiệp ở trong cõi Dục, có quả báo vui thích; nghiệp bất thiện là nghiệp có quả báo ưu cầu, khổ não; nghiệp bất động là nghiệp có quả báo sinh vào cõi Sắc, cõi Vô sắc. Bồ-tát biết ba thứ nghiệp ấy đều là hư dối, không thật; ở trong hai Không, vì chúng sinh thuyết pháp, lấy rốt ráo không, phá chấp pháp; lấy vô thỉ không, phá chấp tướng chúng sinh. Ở vào trung đạo vì chúng sinh thuyết pháp, đó là năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới đều là Không, như mộng, như huyễn cho đến như hóa, ở trong ấy không có mộng cũng không có người thấy mộng. Bồ-tát nói với chúng sinh rằng: Các người đối với pháp Không, vì tâm điên đảo nên sinh chấp trước. Bồ-tát do sức phương tiện nên từ trong điên đảo kéo chúng sinh ra khỏi; thí như xan tham là điên đảo, lấy bố thí phá xan tham mà chúng sinh lại đắm theo bố thí ấy nên lại nói quả báo bố thí vô thường, không thật, từ bố thí kéo chúng sinh ra khỏi khiến trì giới. Từ trong trì giới và quả báo trì giới, kéo chúng sinh ra khỏi, nói với chúng sinh rằng: Phước cõi trời hưởng hết thì vô thường khổ não, kéo chúng sinh ra khỏi, trì giới khiến lìa dục, tu thiền định; lại nói thiền định và quả báo thiền định hư dối không thật, hay làm cho chúng sinh đọa vào điên đảo. Dùng mỗi mỗi nhân duyên nói tội lỗi vô thường của việc bố thí, trì giới, thiền định để khiến chúng sinh an trú Niết-bàn. Phương tiện được Niết-bàn là bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung. Nếu

bố thí, trì giới, thiền định là pháp thật, thì không nên dạy khiến xa lìa; như lấy bố thí, trì giới... phá pháp phàm phu, ấy là nhân điên đảo phát sinh, tuy lợi ích chúng sinh thời gian ngắn, nhưng lâu dài thì biến khác, sinh ra khổ não, nên cũng dạy khiến lìa bỏ. Bồ-tát dùng sức phương tiện, trước dạy chúng sinh bỏ tội, tán thán phước đức bố thí, trì giới, tiếp đến nói việc bố thí, trì giới; cũng chưa thoát khỏi khổ não vô thường, nên lại nói các pháp Không, chỉ xưng tán thật pháp, đó là Vô dư Niết-bàn. Khi ấy Tu-bồ-đề hoan hỉ cho là rất hy hữu. Bồ-tát có thể biết thật tướng các pháp như vậy. Nghĩa là biết rốt ráo không, mà vì chúng sinh thuyết pháp, khiến đạt đến Vô dư Niết-bàn. Phật dạy đó là một việc hy hữu. Hỏi lại là muốn biết pháp hy hữu của Bồ-tát. Hết thảy Thanh-văn, Bích-chi Phật không thể đáp pháp hy hữu của Bồ-tát ấy, huống gì là người khác!

Tu-bồ-đề hỏi: Thế nào là lại có pháp hy hữu? Phật đáp như trong Kinh đây nói.

Hỏi: Trong kinh này trước dạy khiến bố thí, trì giới, thiền định, nay lại nói lại, có gì sai khác?

Đáp: Trước nói về sinh thân Bồ-tát, nay nói về hóa thân; trước nói về một cõi nước, nay nói về vô lượng thế giới, có các sai khác như vậy. Hỏi: Nếu Bồ-tát biết Phật là phước điền, chúng sinh chẳng phải phước điền, ấy là chẳng phải pháp Bồ-tát, vậy Bồ-tát dùng sức gì có thể làm cho Phật với súc sinh bình đẳng?

Đáp: Bồ-tát dùng sức Bát-nhã, đối với hết thảy pháp tu tâm rốt ráo không; thế nên đối với hết thảy pháp không hề có phân biệt. Như súc sinh do năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới hòa hợp sinh, gọi là súc sinh. Phật cũng như vậy, do các pháp lành hòa hợp, giả gọi là Phật. Nếu người thương xót chúng sinh được vô lượng phước đức thì đối với Phật sinh tâm chấp trước, khởi lên các ác sẽ mắc vô lượng tội. Thế nên biết vì hết thảy pháp rốt ráo Không cho nên không khinh chúng sinh, không tâm ái trước, quý trọng Phật.

Lại nữa, thật tướng các pháp là vô tướng, trong vô tướng ấy không phân biệt là Phật, là chúng sinh; nếu phân biệt tức là chấp thủ tướng, thế nên xem bình đẳng.

Lại nữa, Bồ-tát có hai pháp môn: Một là pháp môn rốt ráo không, hai là pháp môn phân biệt tốt xấu. Vào pháp môn không thì được quán bình đẳng; vào pháp môn phân biệt thì các A-la-hán, Bích-chi Phật còn không bằng Phật, huống gì súc sinh! Vì người kia khinh chúng sinh, không thương xót bố thí, nên dạy khiến không phân biệt.

Hỏi: Thân Bồ-tát chẳng phải cây, đá, cớ sao chúng sinh đến cắt xẻ mà không sinh tâm khác?

Đáp: Có người nói: Bồ-tát lâu ngày tu nhẫn Ba-la-mật cho nên có thể không sầu não; như tiên nhân nhẫn nhục, bị người cắt tay chân mà huyết đều biến làm sữa. Có người nói: Bồ-tát từ vô lượng kiếp lại đây tu sâu tâm đại từ bi, nên tuy có bị cắt xẻ mà cũng không ưu sầu, thí như cây cỏ không có tâm giận. Có người nói: Bồ-tát tu sâu Bát-nhã Ba-la-mật, chuyển đổi thân được quả báo Bát-nhã tâm không, nên không biết rõ ràng. Khi bị cắt thân thể tâm cũng bất động, như vật bên ngoài bất động, bên trong cũng như vậy, vì được quả báo Bát-nhã nên đối với các pháp không hề phân biệt gì. Có người nói: Thân Bồ-tát ấy không phải ở trong vòng sinh tử, mà là pháp tính sinh thân ngoài ba cõi, trú trong quả báo thánh tâm vô lậu, nên thân như cây đá mà có thể thương kẻ đến cắt xẻ. Bồ-tát ấy sinh tâm được như vậy nên khi bị cắt xẻ, cướp giựt vật bên trong, bên ngoài, tâm vẫn không lay động; ấy là pháp hy hữu của Bồ-tát.

Lại nữa, pháp hy hữu là như trong Kinh đây nói: Ta dùng mắt Phật xem thấy Bồ-tát trong mười phương thế giới nhiều như cát sông Hằng vào trong địa ngục làm lửa tắt, nước sôi nguội; lấy ba việc giáo hóa chúng sinh như trong Kinh này nói.

Hỏi: Nếu như vậy, không nên có ba đường ác?

Đáp: Chúng sinh trong ba đường ác vô biên vô lượng, Bồ-tát tuy vô lượng vô biên mà số chúng sinh nhiều gấp vô lượng. Bồ-tát tùy theo chúng sinh có nhân duyên có thể độ, nếu ở trong ba đường ác mà có các công đức thì Bồ-tát độ, còn kẻ tội trọng thì không thấy Bồ-tát. Trong tâm Bồ-tát chỉ là một tướng, không có phân biệt, nên không mỗi mỗi tìm kiếm chúng sinh. Thí như việc đại xá, kẻ tội gần mãn hạn thì được ra khỏi, kẻ không gần mãn hạn thì không mong ra.

Hỏi: Nếu chúng sinh cắt xẻ Bồ-tát, hoặc ăn thịt Bồ-tát, thì phải có tội, làm sao được độ?

Đáp: Bồ-tát có bản nguyện: Nếu có chúng sinh ăn thịt Ta, Ta sẽ làm cho được độ, như trong Kinh đây nói: Chúng sinh ăn thịt Bồ-tát thì sinh lòng từ; thí như có sắc, thanh, hương, vị, xúc, có người nghe thấy thì mừng, lại có người nghe thấy thì nổi giận, mùi vị cũng như vậy, có người nổi giận, có người sinh lòng từ. Như trong kinh Tỳ-ma-la-cật nói: Ăn cơm cõi Hương Tích mà có người bảy ngày được đạo, có người không được. Chẳng phải vì ăn thịt nên được độ, mà vì khởi phát lòng từ nên được ra khỏi súc sinh, mà sinh vào thiện xứ, gặp Phật, được độ. Có

Bồ-tát trải qua vô lượng vô số kiếp hành sâu lòng từ, lấy vật bên ngoài cấp thí cho chúng sinh, ý chưa thỏa mãn, lại tự đem thân bố thí mới làm đầy đủ. Như trong kinh Pháp Hoa, Bồ-tát Dược Vương lấy vật châu báu bên ngoài cúng dường Phật, ý chưa thỏa mãn, lại lấy thân làm đèn cúng dường Phật, bấy giờ mới thỏa mãn.

Lại nữa, người có được vật bên ngoài tuy nhiều mà không cho là có ơn. Vì sao? Vì không phải là vật quý trọng đáng ưa. Khi được thân thể kia mới cảm kích, kính trọng; thế nên lấy thân bố thí. Bồ-tát lại vì hàng chư Thiên thuyết pháp như trong Kinh đây nói rộng.

Lấy bốn việc nhiếp thủ chúng sinh là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự. Bố thí có hai như trong Kinh đây nói rộng.

Hỏi: Cớ gì lược nói bốn đạo khác, mà nói rộng việc của nhân đạo?

Đáp: Trong ba ác đạo, vì khổ nhiều nên chúng sinh ít nghi; nếu thấy việc thần thông hy hữu của Bồ-tát thì tin liền, ưa đắm, nên được độ. Chư thiên vì có mắt trời, tự thấy nhân duyên quả báo tội phước, Bồ-tát hiện chút ít thần túc thì liền hiểu. Người vì mắt thịt, không thấy quả báo tội phước, lại phần nhiều đắm theo thầy tà ngoại đạo và kinh sách tà kiến. Các phiền não có hai phần: một là thuộc kiến, hai là thuộc ái. Nếu chỉ có một phần thì không thể thành tội lớn. Người có ba độc, lại có sức tà kiến thì có thể làm đủ việc ác nặng; người tà kiến lại có tham dục, sân giận thì có thể làm việc tội nặng. Như Tu-đà-hoàn tuy còn có ba độc, song vì không có tà kiến nên không gây tội nặng, rơi vào ba đường ác. Thế nên trong loài người, nhiều người có ba độc tà kiến, mắt không thấy nhân duyên tội phước cho nên khó độ, vì khó độ nên Phật nói nhiều.

Hỏi: Nếu như vậy, thì đối với bốn việc, cớ gì nói nhiều về bố thí nói ít về ba việc kia?

Đáp: Trong bố thí nhiếp đủ ba việc nên lấy tài thí, pháp thí giáo hóa chúng sinh thì không việc gì không nhiếp. Lại nữa, trong bốn việc trước tiên, mở rộng bố thí thì biết ba việc khác cũng như vậy.

Hỏi: Nếu như vậy, cớ gì nói lược về bố thí mà nói rộng về pháp thí?

Đáp: Tài thí ít, pháp phí rộng rãi. Vì cớ sao? Vì tài thí được quả báo có hạn lượng, pháp thí được quả báo không có hạn lượng. Tài thí ràng buộc vào cõi Dục, thọ quả báo ở cõi Dục; pháp thí cũng ràng buộc và thọ quả báo trong ba cõi và cũng là quả báo ra ngoài ba cõi. Tài thí hay cho cái vui giàu sang trong ba cõi, pháp thí hay cho cái vui thường hằng của Niết-bàn.

Lại, tài thí từ pháp thí sinh. Nhờ nghe pháp mà làm bố thí. Lại nữa,

quả báo của tài thí chỉ được giàu vui không có các thứ khác; quả báo của pháp thí cũng có giàu vui, cũng có các thứ khác, cho đến được quả báo Phật đạo, Niết-bàn. Do nhân duyên ấy nên nói nhiều về pháp thí.

Hỏi: Trong kinh này cớ gì Tu-bồ-đề hỏi: Bồ-tát được trí Nhất thiết chủng chăng?

Đáp: Ý Tu-bồ-đề là: Nếu khi Bồ-tát được trí Nhất thiết chủng thì không còn gọi là Bồ-tát, làm sao chưa được thành Phật mà có thể được trí Nhất thiết chủng? Được trí Nhất thiết chủng mới gọi là Phật; nếu trước đã là Phật thì cần gì đến trí Nhất thiết chủng? Phật đáp: Nay được trí Nhất thiết chủng gọi là Bồ-tát; đã được trí Nhất thiết chủng thì gọi là Phật. Nói một cách chân thật: Bồ-tát không được, Phật cũng không được. Vì sao? Vì Bồ-tát thì chưa được còn Phật đã được rồi không còn được lại! Theo pháp thế tục nên nói Bồ-tát nay được, Phật đã được rồi; theo đệ nhất nghĩa thì không có hết thảy pháp, huống gì có Phật và Bồ-tát! Lại trong Kinh đây nói: Tâm Phật không khác Bồ-tát, Bồ-tát không khác tâm Phật; thứ lớp nối nhau không dứt. Lại hai tâm đều Như, vì không có khác, không có phân biệt.

Hỏi: Định chín thứ lớp, ba mươi hai tướng, tam mươi vẻ đẹp tùy hình là pháp thế gian chung có, cớ gì gọi là pháp không chung của xuất thế gian?

Đáp: Bốn thiền, bốn định vô sắc, định diệt thọ tưởng gọi là định chín thứ lớp. Đối với định diệt thọ tưởng chỉ Thánh nhân có được, còn bốn thiền, bốn định vô sắc từ Sô thiền khởi lên không xen lẫn tâm khác mà vào Nhị thiền, từ Nhị thiền cho đến vào Diệt tận định, trong mỗi mỗi niệm thọ nhận không xen tâm khác nên gọi là thứ lớp. Phàm phu là người tội, độn căn, làm sao có thể được ba mươi hai tướng? Như Chuyển luân Thánh vương, Đề-bà-đạt-đa, Nan-đà được tướng ấy, tên gọi tuy đồng mà về đầy đủ uy đức, trong sạch đúng chỗ thì không đồng với Phật. Như trước đã phân biệt tướng của Chuyển luân Thánh vương và tướng của Phật khác nhau. Lại, tướng ấy là quả báo của thánh pháp vô lậu, quả tự tại theo ý, vô lượng vô biên, còn tướng của Chuyển luân Thánh vương là do nghiệp phước đức, không được tự tại, có hạn có lượng.

Lại nữa, Đề-bà-đạt-đa, Nan-đà chỉ có ba mươi tướng, không phải có ba mươi hai tướng; Chuyển luân Thánh vương tuy có ba mươi hai tướng mà không có uy đức, không đầy đủ, không đúng chỗ, đi kèm với tham ái, phiền não v.v... Tám mươi vẻ đẹp tùy hình đầy đủ chỉ Phật và Bồ-tát có được, những người khác có thể có số ít, hoặc ngón tay thon dài, hoặc bụng nhỏ mà không có uy đức tốt đẹp nên không nói đến. Thế nên nói, pháp xuất thế gian không chung với phàm phu, không có lỗi.

Hỏi: Từ trước lại đây nôi nôi đều nói về các pháp năm uẩn cho đến trí Nhất thiết chủng mà không nói ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình ấy, nay Kinh này sắp hết, cớ gì trong mỗi phẩm lại nói?

Đáp: Phật có hai thân là sinh thân và pháp thân; trong hai thân ấy, pháp thân là lớn. Pháp thân lớn nên sự lợi ích nhiều, như từ trước lại đã nói rộng. Nay gần hết kinh, về nghĩa sinh thân cần nên nói, cho nên nay nói.

Lại nữa, sinh thân tướng đẹp trang nghiêm là quả báo của thánh pháp vô lậu, nay thứ lớp nói, còn trên kia nói xen lẫn với các Ba-la-mật. Nghĩa của bốn niệm xứ v.v... như trước nói. Nghĩa của mười lực của Phật là sâu xa, nay sẽ lược nói.

Hỏi: Mười lực của Phật là, nếu theo tướng chung mà nói thì chỉ là một lực, đó là lực của trí Nhất thiết chủng; nếu theo tướng riêng mà nói thì có ngàn, vạn, ức lực, theo mỗi pháp để gọi tên; nay cớ gì chỉ nói mười lực?

Đáp: Phật thật có vô lượng trí lực, song chỉ vì chúng sinh không thể có được, không thể hành được, nên không nói. Mười lực ấy đối với chúng sinh có thể độ vừa đủ dùng để độ. Vì sao? Vì Phật dùng trí lực thị xứ, phi xứ quyết định biết lẽ nhân quả trong hết thảy pháp. Nghĩa là tạo nghiệp ác thì đọa vào đường ác, là có lẽ ấy (thị xứ), tạo nghiệp ác mà sinh lên cõi trời là không có lẽ ấy (phi xứ); làm nghiệp thiện cũng như vậy. Không lìa năm triền cái, không tu bảy giác chi mà được đạo, thì không có lẽ ấy (phi xứ); lìa năm triền cái, tu bảy giác chi mà được đạo, có lẽ ấy (thị xứ). Chín trí lực kia đều vào trong trí lực này. Phật dùng trí lực này trù lượng chúng sinh trong mười phương sáu đường, kẻ có thể độ, kẻ không thể độ; kẻ có thể độ thì dùng mỗi mỗi nhân duyên thần thông biến hóa để độ thoát; kẻ không thể độ thì đối với người ấy tu tâm xả. Thí như thầy thuốc hay xem tướng trạng của bệnh mà thẩm định biết có thể sống thì chữa trị, không thể sống thì rời bỏ. Phương tiện độ chúng sinh của nghiệp lực kia, người do nghiệp mà thọ thân, bị ràng buộc trong thế gian, do lực thiền định nên được giải thoát. Hành giả tất phải tìm hiểu khổ từ đâu sinh, do đâu diệt, thế nên dùng hai lực. Nghiệp lực có hai phần: Một là nghiệp sạch có thể dứt nghiệp ác, hai là nghiệp nhơ. Nghiệp sạch là thiền, định, giải thoát, các tam-muội; nghiệp không sạch là nghiệp làm cho thọ thân trong ba cõi. Người có hai hạng: Hạng độn căn vì thọ thân nên tạo nghiệp, hạng lợi căn vì diệt thân nên tạo nghiệp.

Hỏi: Nếu như vậy, cớ gì không đều dạy khiến làm nghiệp sạch?

Đáp: Vì chúng sinh căn có lợi, độn.

Hỏi: Chúng sinh vì sao có lợi, độn.

Đáp: Vì lực mạnh của dục, chúng sinh có tâm ác dục, thường vào chỗ ác, nên độn. Dục là tham muốn. Tham muốn việc tội sinh nghiệp ác, nên độn. Người ham muốn thiện thì vui đạo, tu các pháp trợ đạo nên lợi.

Hỏi: Chúng sinh vì sao không đều ham muốn thiện.

Đáp: Vì thế mà Phật nói thế gian có mỗi mỗi tính: Tính thiện, tính ác... Người tính ác ham muốn điều ác, ham muốn ác nên căn độn; như tính lửa nóng, tính nước ướt, không nên trách vì sao.

Hỏi: Ham muốn ác tức là tính ác, có gì sai khác mà làm thành hai lực?

Đáp: Có tính trước, vì muốn được nên phát sinh; thí như trước có ghẻ, vì chạm đến nên ra máu. Tính ở trong, ham muốn ở ngoài; tính nặng, ham muốn nhẹ; tính khó trừ, ham muốn dễ bỏ; tính sâu, ham muốn cạn. Dùng tính tạo nghiệp chắc sẽ thọ báo, dùng ham muốn tạo nghiệp không chắc thọ báo; có sai khác như vậy.

Lại, có người nói: Tập thường ham muốn tăng trưởng bèn thành tính. Tính cũng có thể phát sinh ham muốn. Người ấy nếu đời này hoặc đời sau thường tập ham muốn thì trở thành tính. Từ tính ấy mà làm ác, làm thiện; nếu ở tính thiện thì có thể độ, nếu ở tính ác thì không thể độ. Phật đã biết hai tính của chúng sinh rồi, lại biết quả báo kia theo đường thiện, đường ác khác nhau. Tính ác thì đọa vào ba đường ác, tính thiện thì thành bốn đường: Người, trời, A-tu-la và Niết-bàn.

Hỏi: Trí lực biết chỗ đến của hết thảy với lực thiên nhãn, có gì sai khác?

Đáp: Lực thiên nhãn chỉ thấy được khi sinh, khi chết, còn đây là biết được khi chưa chết. Thiên nhãn thấy nhân biết quả, còn đây thấy quả báo tội phước hiện tiền, đó là trí lực biết chỗ đến của hết thảy (chí xứ đạo lực).

Hỏi: Thanh-văn, Bích-chi Phật cũng được Niết-bàn, cũng có thể giáo hóa chúng sinh, cớ sao không có lực ấy?

Đáp: Vì thế mà nói ba lực sau biết việc chúng sinh trong ba đời thông suốt cùng khắp. Dùng lực biết mạng sống đời trước, biết khắp việc gốc, ngọn quá khứ của hết thảy chúng sinh. Do lực thiên nhãn sinh tử, biết khắp vô lượng việc trong đời vị lai của chúng sinh. Biết như vậy rồi, biết chúng sinh trong hiện tại, người có thể độ thì vì họ nói pháp dứt hết lậu hoặc. Vì thế nên chỉ có Phật mới có lực ấy, hàng Nhị thừa không có.

Như có một người ngay trong một ngày có thể được A-la-hán mà Xá-lợi-phất nói trong một ngày không thể có nhân duyên được đạo, bèn bỏ đi mà không chịu độ. Lúc xế chiều, Phật dùng thần thông túc mạng, thấy

người ấy trải qua hôn tám vạn kiếp trước, có nhân duyên được độ nay đã thành tựu, nên Phật thuyết pháp cho, liền được đạo quả A-la-hán.

Lại nữa, Phật dùng trí lực đầu, biết tướng chúng sinh có thể độ hay không thể độ. Dùng lực thứ hai, biết chúng sinh bị hai chướng ngăn che. Người không bị ngăn che thì dùng lực thứ ba, biết chúng sinh, người có thiền định, giải thoát, tịnh, bất tịnh. Dùng lực thứ tư, biết căn tính chúng sinh có lợi, có độn, có thể thông hiểu pháp tính, không thông hiểu pháp tính. Dùng lực thứ năm, biết nhân duyên căn lợi, độn và ham muốn thiện, ác của chúng sinh. Dùng lực thứ sáu, biết mỗi mỗi tính của hai dục. Dùng lực thứ bảy, biết căn lợi, độn và bảy chỗ quả báo thiện, ác của chúng sinh. Dùng lực thứ tám, biết nghiệp thiện, ác đời trước của chúng sinh chướng ngại hay không chướng ngại. Dùng lực thứ chín, biết chúng sinh đời nay chưa thể độ, sinh đời sau có thể độ. Dùng lực thứ mười biết chúng sinh do cửa giải thoát Không mà vào Niết-bàn, hoặc do cửa Vô tướng, Vô tác mà vào Niết-bàn, biết chúng sinh đối với kiến đế đạo, tư duy đạo trong mỗi niệm dứt được bao nhiêu kiết sử. Do mười trí lực ấy, trù lượng nhân duyên của chúng sinh có thể độ mà vì họ thuyết pháp. Do thế mà thuyết pháp không uổng lời.

Hỏi: Trí tuệ của Phật vô lượng, thân tướng Phật cũng vô lượng. Lại thân Phật hôn các Thiên vương, cớ gì Phật đồng với Chuyển luân Thánh vương, có ba mươi hai tướng?

Đáp: Ba mươi hai tướng không nhiều không ít, nghĩa lý như trước đã nói. Lại nữa, có người nói: Tướng của Phật và Bồ-tát không hiện nhất định như trong đây nói. Tùy theo chỗ chúng sinh ưa thích có thể dẫn dắt tâm họ mà hiện tướng.

Lại, hoặc như có chúng sinh không quý vàng mà quý các sắc khác, như lưu ly, pha lê, kim cương. Nếu người thế gian như vậy thì Phật không hiện sắc vàng mà hiện các sắc đáng ưa khác.

Lại, hoặc có chúng sinh không quý ngón tay thon, dài và có màng lưới, vì ngón tay dài, có móng sắt là tướng quỷ La-sát; vì màng lưới là tướng chim Nhạn, làm việc không tiện, như mặc áo v.v.., thì cần dùng làm gì? Hoặc như ở nước Kế-tân, Bồ-tát Di-đế-lệ-thi-lị tay có màng lưới, người cha ghét cho là quái dị, lấy dao cắt đi, nói rằng sao con ta giống như chim. Hoặc có người không ưa vai tròn lớn, cho là giống như bứu; hoặc cho bụng không hiện bày như tướng đói; hoặc cũng có người cho mắt xanh là không đẹp, chỉ ưa mắt trắng, đen, phân minh v.v... Thế nên biết, Phật tùy chỗ ưa thích của chúng sinh mà hiện tướng. Như vậy, thường không do nhất định.

Có người nói: Ba mươi hai tướng ấy là thật có nhất định, do sức thần thông biến hóa thân, theo chỗ ưa thích của chúng sinh mà hiện tướng.

Có người nói: Phật có khi thần thông biến hóa, có khi theo chỗ sinh ở thế gian, sẽ sinh đến, không được nói do thần thông biến hóa.

Lại, trong ba ngàn đại thiên thế giới theo chỗ chúng sinh sinh mà hiện tướng, như trong kinh Mật Tích nói, hoặc hiện thân sắc vàng, hoặc hiện thân sắc bạc, hoặc hiện sắc mặt trắng, mặt trời, tinh tú; hoặc cao hoặc thấp, tùy theo chúng sinh có thể dắt dẫn mà hiện tướng. Ở đây, tùy theo người nước Thiên Trúc trong cõi Diêm-phù-đề ưa thích thì Phật hiện ba mươi hai tướng. Người nước Thiên Trúc đến nay cố sửa bắp vai cho dày, lớn, trên đầu đều có bện tóc cho là đẹp. Theo như tướng người nói, tướng năm chỗ dài là đẹp: Tướng mắt, mũi, lưỡi, cánh tay, ngón tay, đùi, tay, chân; hoặc có bánh xe, hoặc như hoa sen, hoặc màu trắng ố c, hoặc như mặt trời mặt trăng; thế nên bàn tay, bàn chân Phật có tướng bánh xe ngàn tăm, ngón tay thon, dài; mũi cao, đẹp; lưỡi rộng, dài và mỏng. Những tướng như vậy đều hơn các tướng được quý như trước, nên khởi tâm cung kính. Có cõi nước Phật hiện ra ngàn vạn tướng, hoặc vô lượng vô số tướng, hoặc năm, sáu, ba, bốn tướng; ở đây vì theo chỗ ưa thích của người Thiên Trúc nên Phật hiện ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 89

GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI TÁM (Tiếp): BỐN NHIẾP

KINH: Thế nào là tám mươi vẻ đẹp tùy hình?
Đỉnh đầu không thể thấy
Mũi thẳng, cao, đẹp, lỗ mũi kín
Mí mắt như trăng mới mọc, có màu xanh lưu ly
Vành tai mọc thòng xuống
Thân chắc thật như lực sĩ trời Na la diên
Khớp xương như móc câu
Mỗi lần thân xoay như voi chúa
Khi đi chân cách đất bốn tấc, có dấu ấn hiện trên đất
Móng tay màu đồng đỏ, mỏng và mướt
Xương đầu gối cứng, tròn, đẹp
Thân sạch sẽ
Thân mềm mại
Thân không cong
Ngón tay tròn, thon
Ngón tay đẹp
Mạch sâu
Mắt cá kín
Thân mịn màng
Thân vững chắc, đi không xiên xẹo
Thân đầy đặn
Thức đầy đủ
Dung nghi đầy đặn
Chỗ ở yên ổn không thể động
Uy đức chấn động hết thảy

Mọi người đều ưa xem
Mặt không lớn dài
Dung mạo đoan chính, không pha tạp
Mặt đầy đủ
Môi đỏ như màu trái Tần bà
Âm vang sâu lắng
Rốn sâu, tròn, đẹp
Lông trên thân xoay về phía hữu
Tay đầy đủ
Tay chân vừa ý
Chỉ tay rõ ràng, ngay thẳng
Chỉ tay dài
Chỉ tay không dứt
Chúng sinh ác tâm trong thấy hòa vui
Mặt rộng, đẹp
Mặt đầy đặn, trong sáng như trăng
Theo ý chúng sinh vui vẻ cùng nói
Lỗ chân lông tỏa mùi thơm
Miệng tỏa mùi thơm
Nghi dung như sư tử
Đi đứng như voi chúa
Cách đi như ngỗng chúa
Đầu như quả Ma la đà
Âm thanh rõ ràng
Răng bén
Sắc lưỡi màu hồng
Lưỡi mỏng
Lông màu hồng
Lông trong sạch
Mắt rộng, dài
Tướng các khiếu (lỗ) đầy đủ
Tay chân trắng thuần như hoa sen
Rốn không bày

Bụng không bày
Bụng nhỏ
Thân không khuynh động
Thân chắc nịch
Phần thân lớn
Thân cao ráo
Tay chân sạch, mềm mại
Hào quang thân dài một trượng
Thân chiếu sáng khi đi
Xem chúng sinh bình đẳng
Không khinh khi chúng sinh
Theo âm thanh của chúng sinh không quá, không giảm
Thuyết pháp không sai khác
Tùy theo ngôn ngữ của chúng sinh mà thuyết pháp
Phát âm trả lời thuận theo âm thanh của chúng
Có nhân duyên theo thứ lớp thuyết pháp
Có tướng hết thảy chúng sinh không thể xem hết được
Người xem không nhàm chán
Tóc dài, đẹp
Tóc không rối
Tóc xoáy tròn, đẹp
Màu tóc như ngọc xanh
Tay chân có đức tướng.

Này Tu-bồ-đề! Ấy là tám mươi vẻ đẹp tùy hình thành tựu nơi thân Phật. Như vậy, Bồ-tát do hai thí nhiếp thủ chúng sinh, đó là tài thí và pháp thí. Ấy là việc hy hữu khó bì kịp của Bồ-tát.

Làm sao Bồ-tát dùng ái ngữ nhiếp thủ chúng sinh? Bồ-tát lấy Ba-la-mật vì chúng sinh thuyết pháp, nói rằng: Các ngươi tu sáu Ba-la-mật, thu nhiếp được hết thảy thiện pháp.

Làm sao Bồ-tát lấy lợi hành nhiếp thủ chúng sinh? Đó là Bồ-tát thường dạy chúng sinh, khiến tu sáu Ba-la-mật.

Làm sao Bồ-tát lấy đồng sự nhiếp thủ chúng sinh? Đó là Bồ-tát dùng sức năm thần thông, các cách biến hóa đi vào trong năm đường cùng sự việc với chúng sinh. Đó là lấy bốn việc nhiếp thủ chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, giáo hóa chúng sinh rằng: Này thiện nam tử! Nên khéo học, phân biệt các mẫu chữ và nên khéo biết một mẫu chữ cho đến bốn mươi hai mẫu chữ; khéo biết hết thảy ngôn ngữ đều từ trong mẫu chữ thứ hai cho đến mẫu chữ thứ bốn mươi hai, hết thảy ngôn ngữ đều vào trong ấy. Một mẫu chữ đều vào trong bốn mươi hai mẫu chữ, bốn mươi hai mẫu chữ cũng vào trong một mẫu chữ. Chúng sinh ấy nên khéo học bốn mươi hai mẫu chữ như vậy.

Khéo học bốn mươi hai mẫu chữ rồi, có thể khéo biết phép tắc của mẫu chữ; khéo biết phép tắc của mẫu chữ rồi khéo biết phép tắc không có mẫu chữ này. Này Tu-bồ-đề! Như Phật khéo biết phép tắc mẫu chữ, khéo biết mẫu chữ, khéo biết không có mẫu chữ, vì phép tắc không có mẫu chữ nên nói phép tắc mẫu chữ. Vì sao? Vì vượt qua hết thảy danh tự, gọi là Phật pháp.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu chúng sinh rốt ráo không thể có được, pháp cũng rốt ráo không thể có được, pháp tính cũng rốt ráo không thể có được, vì rốt ráo không, vô thỉ không, vậy thì Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật cho đến Thí Ba-la-mật, khi hành bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười tám không tam-muội, Vô tướng, Vô tác, tám bội xả, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, làm sao trú trong năm thần thông do quả báo được mà vì chúng sinh thuyết pháp? Chúng sinh thật không thể có được, vì chúng sinh không có được nên sắc không thể có được, cho đến thức cũng không thể có được; vì năm uẩn không thể có được, nên sáu Ba-la-mật cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình đều không thể có được. Trong không thể có được, không có chúng sinh, không có sắc cho đến không có tám mươi vẻ đẹp tùy hình, vậy làm sao Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật có thể vì chúng sinh thuyết pháp? Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát còn không thể có được, huống gì có pháp Bồ-tát?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Như lời ông nói! Vì chúng sinh không thể có được, nên biết nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cảnh không, vô thỉ không, tán không, các pháp không, tự tướng không, tính Không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không. Vì chúng sinh không thể có được nên biết năm uẩn không, mười hai nhập không, mười tám giới không, mười hai nhân duyên không,

bốn đế không, ngã không, thọ giả, mạng giả, kẻ sinh, kẻ nuôi, kẻ dưỡng, chúng số, người, người làm, người khiến làm, khởi dậy, người khiến khởi dậy, lãnh thọ, người khiến lãnh thọ, kẻ biết, kẻ thấy đều không. Vì chúng sinh không thể có được nên biết bốn thiền không, bốn tâm vô lượng không, cho đến tám phần thánh đạo không, không không, vô tướng không, vô tác không, tám bội xả không, định chín thứ lớp không. Vì chúng sinh không thể có được nên biết mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung không, nên biết quả Tu-đà-hoàn không cho đến đạo Bích-chi Phật không, Bồ-tát địa không, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thấy hết thảy pháp không như vậy, vì chúng sinh thuyết pháp, không mất các tướng không. Bồ-tát khi quán như vậy, biết hết thảy pháp thông suốt không ngại, biết hết thảy pháp không ngại rồi, không phá hoại các pháp tướng, không hai, không phân biệt, chỉ vì chúng sinh mà như thật nói pháp. Thí như người của Phật biến hóa, người biến hóa lại hóa làm vô lượng ngàn vạn ức người, có người dạy khiến bố thí, có người dạy trì giới, có người dạy nhẫn nhục, có người dạy tinh tấn, có người dạy thiền định, có người dạy trí tuệ, có người dạy bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, ý ông nghĩ sao? Người của Phật biến hóa ấy có phá hoại pháp tính chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn! Các người biến hóa ấy không có tâm, không có tâm và tâm số pháp, làm sao phân biệt phá hoại các pháp?

Này Tu-bồ-đề! Thế nên biết, Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, vì chúng sinh đúng chỗ thích hợp thuyết pháp; kéo chúng sinh ra khỏi điên đảo, khiến được ở vào chỗ nên ở, vì pháp không trói không mở. Vì sao? Vì sắc không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức không trói không mở; sắc không trói không mở thì không phải là sắc; thọ, tưởng, hành, thức không trói không mở thì không phải là . . . thức. Vì sao? Vì sắc rốt ráo thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức cho đến hết thảy pháp, hoặc hữu vi, hoặc vô vi cũng rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, Bồ-tát vì chúng sinh thuyết pháp cũng không thủ đắc tướng chúng sinh và hết thảy pháp. Hết thảy pháp không thể có được nên Bồ-tát không trú pháp nên trú trong pháp tướng, đó là sắc không cho đến hữu vi, vô vi pháp không. Vì sao? Vì từ sắc cho đến hữu vi, vô vi pháp tự tính Không thể có được, không chỗ trú. Pháp không có sở hữu, không trú ở pháp không có sở hữu; tự tính pháp không trú trong tự tính pháp, tha tính pháp không trú trong tha tính pháp. Vì sao? Vì hết thảy pháp đều không thể có được. Pháp không thể có được thì trú vào đâu? Như vậy, Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, do các không ấy có thể nói pháp như vậy,

hành Bát-nhã Ba-la-mật như vậy, đối với chư Phật và Thanh-văn, Bích-chi Phật không có lỗi. Vì sao? Vì chư Phật, Bồ-tát, Bích-chi Phật, A-la-hán được pháp ấy rồi, vì chúng sinh thuyết pháp cũng không chuyển đổi thật tướng các pháp. Vì sao? Vì Như, pháp tính, thật tế không thể chuyển đổi. Sao vậy? Vì tính các pháp không có.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu pháp tính, như,

thật tế không chuyển đổi, vậy thì sắc với pháp tính khác nhau chăng? Sắc với như, thật tế khác nhau chăng? Thọ, tưởng, hành, thức cho đến pháp hữu vi, vô vi, thế gian, xuất thế gian, hữu lậu, vô lậu khác nhau chăng?

Phật dạy: Không khác. Sắc không khác, pháp tính Không khác; như không khác, thật tế không khác; thọ, tưởng, hành, thức cho đến pháp hữu lậu, vô lậu cũng không khác.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Nếu sắc không khác, pháp tính Không khác; như không khác, thật tế không khác; thọ, tưởng, hành, thức cho đến hữu lậu, vô lậu không khác, thì làm sao phân biệt hắc nghiệp có hắc báo, là quả báo địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ; bạch nghiệp có bạch báo, là quả báo sinh cõi trời, cõi người; hắc bạch nghiệp có hắc bạch báo, nghiệp chẳng hắc chẳng bạch có quả báo chẳng hắc chẳng bạch, đó là quả Tu-đà-hoàn cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Theo thế đế nên phân biệt nói có quả báo, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa. Trong đệ nhất nghĩa đế không thể nói nhân duyên quả báo. Vì sao? Vì đệ nhất nghĩa đế thật không có tướng, không có phân biệt, cũng không có ngôn thuyết, gọi là sắc cho đến pháp hữu lậu, vô lậu; tướng chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng nhơ, chẳng sạch, vì rốt ráo không, vô thỉ không.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Nếu vì theo thế đế nên phân biệt nói có quả báo, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa đế, thì hết thảy phàm phu lẽ đáng có quả Tu-đà-hoàn cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao, người phàm phu có biết đó là thế đế, đó là đệ nhất nghĩa đế chăng? Nếu biết, thì người phàm phu ấy lẽ đáng là quả Tu-đà-hoàn cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Vì người phàm phu thật không biết thế đế, không biết đệ nhất nghĩa đế, không biết đạo, không biết phân biệt đạo quả, làm sao họ có các quả được? Này Tu-bồ-đề! Thánh nhân biết thế đế, biết đệ nhất nghĩa đế, có đạo, có tu đạo, vì thế nên thánh nhân có các quả sai khác.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Tu đạo được quả chăng?

Phật dạy: Không được. Tu đạo không được quả, không tu đạo cũng không được quả, cũng không lìa đạo được quả, cũng không trú ở trong đạo được quả. Như vậy, Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, vì chúng sinh nên phân biệt quả và cũng không phân biệt đó là tính hữu vi, tính vô vi.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu không phân biệt tính hữu vi, tính vô vi mà được các quả, thì vì sao Thế Tôn nói dứt hết ba kiết gọi là Tu-đà-hoàn; dâm nộ si mỏng gọi là Tư-đà-hàm; dứt hết năm hạ phần kiết gọi là A-na-hàm; dứt hết năm thượng phần kiết gọi là A-la-hán? Biết pháp có tập hợp đều có tướng tán diệt gọi là đạo Bích-chi Phật, dứt hết thảy phiền não và tập khí gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Bạch đức Thế Tôn! Con làm sao biết là không phân biệt tính hữu vi, tính vô vi mà được các đạo quả?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông cho quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, các quả ấy là hữu vi, là vô vi chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Đều là vô vi.

Này Tu-bồ-đề! Trong pháp vô vi có phân biệt chăng? Thưa không, bạch Thế Tôn!

Này Tu-bồ-đề! Nếu người thiện nam, kẻ thiện nữ thông suốt hết thảy pháp hoặc hữu vi, hoặc vô vi đều là một tướng, tức là vô tướng, khi ấy còn có phân biệt hoặc hữu vi, hoặc vô vi chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn!

Này Tu-bồ-đề! Đúng vậy! Bồ-tát vì chúng sinh thuyết pháp, không phân biệt các pháp, vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không. Bồ-tát ấy tự mình được pháp không có chấp trước, cũng dạy người khiến được pháp không có chấp trước, hoặc Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, hoặc Sô thiền cho đến đệ Tứ thiền, hoặc từ, bi, hỉ, xả cho đến Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ, hoặc Bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng. Bồ-tát ấy tự mình không chấp trước, cũng dạy người không chấp trước, vì không chấp trước nên không chướng ngại gì. Thí như người của Phật biến hóa làm việc bố thí, cũng không lãnh thọ quả báo bố thí, chỉ vì chúng sinh cho đến tu trí Nhất thiết chủng cũng không lãnh thọ quả báo của trí Nhất thiết chủng. Bồ-tát cũng như vậy, hành sáu Ba-la-mật cho đến hết thảy pháp mà không trú pháp hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, cũng không thọ báo, mà chỉ vì độ chúng sinh. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy khéo thông đạt thật tướng các pháp.

LUẬN: Hỏi: Tám mươi vẻ đẹp tùy hình là pháp trang nghiêm thân, cớ sao ở trong thai "thức biết đầy đủ" lại là một ở trong các vẻ đẹp tùy

hình?

Đáp: Thức ấy là thức do quả báo sinh, đối với thế gian tốt hay xấu tự nhiên biết được. Còn thức của người phàm phu không đầy đủ, nên phải học theo cách người khác mới biết được. Phật ở trong thai một năm

đầy đủ, sung mãn mới sinh, nên thân và thức đều đầy đủ. Những người khác hoặc tám tháng, hoặc chín tháng ở trong thai, nói chung là mười tháng. Bồ-tát ở trong thai mười tháng nói chung là được một năm thì thân căn đầy đủ; thức do quả báo sinh cũng đầy đủ.

Hỏi: Chỗ chân đứng yên với chỗ ở yên có sai khác thế nào?

Đáp: Chỗ ở yên là, như kẻ dũng sĩ tại gia cầm thật chặt gậy gộc, ở yên một chỗ, không thể lay động. Lại khi xuất gia, ma dân, ác quỷ không thể làm chuyển động khiến lùi bỏ.

Nghĩa của bốn mươi hai mẫu chữ như trong Đại thừa có nói. Một mẫu chữ vào hết trong các mẫu chữ; thí như hai số một hợp lại làm hai, ba số một hợp lại làm ba; bốn số một hợp lại làm bốn; như vậy cho đến ngàn, vạn. Lại như chữ A là định; A biến thành La, cũng biến thành Ba; như vậy đều vào trong bốn mươi hai mẫu chữ, bốn mươi hai mẫu chữ vào trong một mẫu chữ là, bốn mươi hai mẫu chữ đều có phần chữ A, phần chữ A lại vào trong chữ A. Khéo biết chữ nên khéo biết tên các pháp; khéo biết tên các pháp nên khéo biết nghĩa các pháp. Không có mẫu chữ tức là nghĩa thật tướng của các pháp. Vì sao? Vì trong nghĩa của các pháp, các pháp không có danh tự.

Tu-bồ-đề hỏi: Nếu các pháp rốt ráo không, không có danh tự, làm sao Bồ-tát trú trong sáu thần thông do quả báo sinh mà vì chúng sinh thuyết pháp? Nếu rốt ráo không có chúng sinh thì không có pháp? Phật chấp thuận lời Tu-bồ-đề nói: Đúng vậy, đúng vậy! Vì mười tám không, nên hết thảy pháp không thể có được. Ngã và chúng sinh, cho đến kẻ biết kẻ thấy, cho đến nên biết Phật, Bồ-tát cũng đều không. Biết như vậy rồi mà vì chúng sinh thuyết về pháp không ấy. Nếu chúng sinh là thật có mà vì họ thuyết không thì không thể được; vì chúng sinh không, nhưng do điên đảo thành có. Thế nên Bồ-tát không bỏ mất không mà vì chúng sinh thuyết pháp. Không bỏ mất tức là không làm cho các pháp đều không, còn pháp được nói chẳng không. Nếu cho pháp được nói chẳng không thì làm mất tướng không. Nếu miệng nói không mà tâm là có, cũng là bỏ mất không. Trong đây Phật tự nói: Tướng pháp không hai, không hư hoại. Muốn rõ ràng việc ấy nên Phật nêu thí dụ: Như người do Phật biến hóa, biến làm nhiều người, vì chúng sinh thuyết pháp, hoặc thuyết về công đức trì giới, bố thí. Phương

tiện thuyết pháp như vậy không có lỗi, mà có thể kéo chúng sinh ra khỏi điên đảo, vì pháp không trói không mở. Trong Đệ nhất nghĩa đế không trói không mở, trong thế đế có trói có mở. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Sắc không trói không mở. Vì sao? Vì trong không trói không mở ấy không có sắc tướng, cho đến thức cũng như vậy. Bồ-tát dùng pháp chẳng trú như vậy nên trú trong không pháp, vì chúng sinh thuyết pháp. Chúng sinh không thể có được, vì chúng sinh và hết thảy pháp không thể có được. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Pháp không có sở hữu, không trú trong pháp không có sở hữu, thí như hư không, không trú nôi hư không; tự tính pháp, không trú nơi tự tính pháp; thí như lửa không trú nơi lửa, pháp tha tính Không trú nôi pháp tha tính; thí như trong tính nước không có tính lửa; lại vì tha tính bất định. Nếu thanh tịnh thuyết pháp được như vậy thì Bồ-tát ấy đối với chư Phật, Thánh Hiền không có lỗi. Vì sao? Vì chư Phật, Thánh Hiền không nhiễm trước pháp, người thí pháp cũng không nhiễm trước pháp; chư Phật, thánh hiền vì rốt ráo không, lấy tướng tịch diệt làm sở hành của tâm, người thuyết pháp cũng như vậy. Chư Phật, Thánh Hiền vào ba môn giải thoát, được thật tính các pháp, đó là Vô dư Niết-bàn, người thuyết pháp theo pháp ấy nên không có lỗi. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Chư Phật, Hiền Thánh được pháp ấy rồi, vì chúng sinh thuyết pháp, không làm chuyển đổi pháp tính, vì pháp tính Không, vô tướng.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Nếu không chuyển đổi pháp tính, thì sắc cùng với pháp tính khác nhau chăng?

Phật dạy: Không. Vì sao? Vì thật tướng của sắc tức là pháp tính. Ý Phật muốn nói, khi Bồ-tát thuyết pháp cũng không phá hoại pháp tính.

Tu-bồ-đề hỏi: Sắc v.v... cùng với pháp tính Không khác, cớ gì chỉ quý pháp tính? Vì Phật đáp sắc không khác pháp tính nên Tu-bồ-đề nạn hỏi: Nếu không khác thì làm sao phân biệt có thiện, ác, trắng, đen, quả Tu-đà-hoàn v.v..?

Phật dạy: Sắc v.v... tuy không lìa pháp tính, song vì theo thế đế nên có phân biệt, còn ở trong đệ nhất nghĩa đế không có phân biệt. Vì sao? Vì thánh nhân được đệ nhất nghĩa đế, không có phân biệt gì, nghe nói có sở đắc không mừng, nghe không có sở đắc không lo, vì chứng được pháp vô tướng, nên cho đến mảy may pháp còn không thủ tướng, huống gì phân biệt có thiện, ác. Người chưa chứng đắc thật tướng, vì muốn đệ nhất nghĩa đế nên có chỗ phân biệt. Trong đây tự nói nhân duyên: Pháp ấy không có ngôn thuyết, cũng không sinh diệt, nhơ sạch; nghĩa là rốt ráo không, vô thỉ không.

Hỏi: Cớ gì trong đây chỉ nói hai Không gọi là pháp?

Đáp: Hết thảy có, hoặc pháp, hoặc chúng sinh, nếu nói rốt ráo không thì là phá pháp; nếu nói vô thỉ không thì phá chúng sinh. Phá hai pháp ấy rồi thì phá hết tất cả pháp. Trong đây Bồ-tát vì chúng sinh thuyết pháp cho nên dùng hai Không để phá pháp và phá chúng sinh; tuy còn có các Không khác nhưng không sâu sắc, rốt ráo bằng rốt ráo không. Các không khác như lửa đốt cây, còn lại than tro; rốt ráo không thì không có tro, không có than. Có người nói: Hoặc nói đủ mười tám Không, không có lỗi, vì lược nói nên nói hai Không.

Tu-bồ-đề thưa: Nếu theo thế đế nên phân biệt có thiện ác, trắng đen và các quả báo, còn theo đệ nhất nghĩa đế thì người phàm phu lẽ đáng có thánh quả Tu-đà-hoàn v.v... Vì sao? Vì nếu trong thế đế hư vọng phân biệt có các Hiền Thánh, còn trong đệ nhất nghĩa đế lý đáng phàm phu làm Hiền Thánh. Tu-bồ-đề phân biệt thật tướng nói phàm phu khác, còn Phật nói đệ nhất nghĩa nhất tướng, nên Tu-bồ-đề nói lý đáng phàm phu là bậc thánh.

Phật đáp: Nếu phàm phu phân biệt, biết đó là đệ nhất nghĩa đế, đó là thế đế, thì lẽ đáng phàm phu có các quả Thánh. Vì phàm phu thật không biết đạo, không biết phân biệt đạo, không biết hành đạo, tu đạo, huống gì được đạo quả! Phật nói bậc Thánh có thể phân biệt nên nói bậc Thánh có Thánh quả.

Bấy giờ Tu-bồ-đề tự biết có lỗi, nên nói: Trong tính vô lượng, vô tướng, vô động, làm sao thủ tướng, muốn lường pháp vô lượng; làm sao cưỡng cho phàm phu là Thánh quả? Nên lãnh thọ lời Phật. Biết người hành đạo mới đắc quả, người không hành đạo không đắc quả; thế nên hỏi Phật: Tu đạo đắc quả chăng? Phật đáp không.

Lại hỏi: Trên kia Phật phân biệt nói tu đạo đắc quả, sao nay nói không? Phật đáp: Trên kia nói chẳng phải tâm chấp trước, nay vì Tu-bồ-đề đem tâm chấp trước mà hỏi, muốn từ đạo phát xuất quả, như từ mè ép ra dầu; nếu như vậy đạo với quả đồng hư dối. Thế nên Phật đều đáp là không. Người nghe sinh tâm nghĩ rằng: Nếu tu không được, vậy thì không tu lý đáng được?

Phật dạy: Tu còn không được, huống hồ không tu! Thí như hai người muốn đi đến, một người đứng yên không đi, một người lạc đường, cả hai đều không thể đến. Nếu không tu đạo còn không có được chút ít cái vui nhiếp tâm, huống gì đạo quả! Nếu tâm thủ tướng mà tu đạo, tuy có cái vui nhiếp tâm thiền định mà không có đạo quả. Nếu tâm không thủ tướng tu đạo thì có đạo quả. Thế nên Phật nói: Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật không phân biệt tính hữu vi, vô vi, nên có đạo quả sai khác.

Tu-bồ-đề hỏi: Nếu như vậy, cớ gì Phật nói dứt ba kiết sử được Tu-đà-hoàn, có các phân biệt như vậy?

Phật hỏi ngược lại rằng: Ý ông nghĩ sao, ông cho quả Tu-đà-hoàn là hữu vi, là vô vi chăng?

Tu-bồ-đề đáp: Là vô vi.

Phật dạy: Nếu như vậy, trong vô vi có sai khác chăng? Tu-bồ-đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Nếu không có phân biệt, cớ gì ông nạn hỏi? Phật lại hỏi Tu-bồ-đề: Nếu người thiện nam, kẻ thiện nữ thông suốt hết thảy pháp là một tướng, tức là vô tướng, ở trong ba môn giải thoát, khi chứng Niết-bàn, thì khi ấy có pháp để phân biệt hoặc hữu vi, hoặc vô vi chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Không!

Ý Phật là, chỉ tâm khi ấy là chân thật, khi khác đều hư dối, cớ sao ông vấn nạn? Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật không phân biệt hết thảy pháp, ở trong các pháp không, nội không v.v... rất thanh tịnh, tự mình không chấp trước, cũng dạy chúng sinh không chấp trước; nghĩa là dạy bố thí cho đến trí Nhất thiết chủng, trong đạo Bồ-tát đều dạy người khiến không chấp trước. Thí như người của Phật biến hóa làm việc bố thí, cũng không phân biệt bố thí, không lãnh thọ quả báo bố thí, chỉ vì độ chúng sinh. Tâm Bồ-tát cũng như vậy. Vì sao? Vì khéo thông suốt các pháp tính. Khéo thông suốt là không thủ tướng pháp tính, cũng không trú trong pháp tính, ở trong pháp tính Không nghi, không hối mà thuyết pháp, không ngăn, không trở, không ngại, thế là thông suốt pháp tính.

---oOo----

GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI CHÍN: KHÉO THÔNG SUỐT

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát khéo thông suốt các pháp tướng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Thí như người biến hóa không làm dâm, nộ, si; không làm sắc cho đến không làm pháp trong, pháp ngoài, không làm các kiết sử phiền não, không làm pháp hữu lậu, vô lậu, không làm pháp thế gian, xuất thế gian, không làm pháp hữu vi, vô vi, cũng không có thánh quả. Bồ-tát cũng như vậy, không có các việc ấy cũng không phân biệt pháp ấy, ấy gọi là khéo thông suốt các pháp tướng.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Người biến hóa làm sao tu đạo?

Phật dạy: hóa nhân tu đạo không nhơ không sạch, cũng không ở trong

năm đường sinh tử. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, người của Phật biến hóa thật sự có căn bản, có nhơ có sạch chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Thưa không. Người của Phật biến hóa không có căn bản thật sự, cũng không có nhơ có sạch, cũng không ở trong năm đường sinh tử.

Phật dạy: Đúng vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khéo thông suốt các pháp tính cũng như vậy.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Hết thảy sắc như hóa chăng, hết thảy thọ, tưởng, hành, thức như hóa chăng?

Phật dạy: Hết thảy sắc như hóa, hết thảy thọ, tưởng, hành, thức như hóa.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy sắc như hóa, hết thảy thọ, tưởng, hành, thức như hóa, hết thảy pháp như hóa, thì người biến hóa không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không có nhơ sạch, không có năm đường sinh tử, cũng không có chỗ giải thoát, vậy Bồ-tát có công dụng gì?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao, Bồ-tát khi xưa tu Bồ-tát đạo thấy có chúng sinh từ trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời được giải thoát chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Không, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Bồ-tát không thấy chúng sinh từ ba cõi được giải thoát. Vì sao? Vì Bồ-tát thấy, biết hết thảy pháp như huyễn, như hóa.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ấy biết hết thảy pháp như huyễn như hóa, vậy thì vì việc gì nên Bồ-tát hành sáu Ba-la-mật, bốn thiền cho đến đại từ đại bi, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu chúng sinh tự biết các pháp như huyễn như hóa thì Bồ-tát không bao giờ trải qua vô số kiếp vì chúng sinh mà hành Bồ-tát đạo. Song vì chúng sinh tự mình không biết các pháp như huyễn như hóa, thế nên Bồ-tát trải qua vô lượng vô số kiếp hành sáu Ba-la-mật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật và được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như sóng nắng, như huyễn, như hóa, thì chúng sinh ở chỗ nào mà Bồ-tát hành sáu Ba-la-mật để kéo chúng sinh ra?

Phật dạy: Chúng sinh chỉ ở trong ức tưởng phân biệt danh tướng hư vọng, thế nên Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, từ trong danh tướng hư vọng

kéo chúng sinh ra.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Sao gọi là danh, sao gọi là tướng?

Phật dạy: Vì danh ấy chỉ là miễn cưỡng thi thiết, giả dối gọi đây là sắc thọ, tưởng, hành, thức; đây là trai, gái, lớn, nhỏ, địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, người, trời, hữu vi, vô vi, quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, đây là Phật. Này Tu-bồ-đề! Hết thảy pháp hòa hợp đều là giả đặt tên, do tên mà thủ lấy tướng pháp nên gọi là tên. Hết thảy pháp hữu vi chỉ có danh và tướng. Phàm phu ngu si đối với danh tướng sinh tâm chấp trước, Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật do sức phương tiện nên dạy chúng sinh khiến xa lìa danh tự, nói rằng: Các chúng sinh, tên ấy chỉ có tên suông, chỉ hiện ra trong ức tưởng phân biệt hư vọng, các ngươi chớ đắm trước ức tưởng hư vọng, việc ấy gốc ngọn đều không có, vì tự tính Không, nên người trí không chấp trước. Như vậy, Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật, do sức phương tiện mà vì chúng sinh thuyết pháp, ấy gọi là danh.

Thế nào là tướng? Này Tu-bồ-đề! Có hai tướng, là chỗ chấp trước của kẻ phàm phu. Hai tướng ấy là tướng sắc và tướng vô sắc.

Thế nào gọi là tướng sắc? Đó là các sắc hoặc thô, hoặc tế, hoặc tốt, hoặc xấu, đều là không, đối với pháp không ấy tâm ức tưởng phân biệt chấp trước, ấy gọi là tướng sắc.

Thế nào là tướng vô sắc? Là đối các pháp vô sắc, ức tưởng phân biệt, vì tâm thủ tướng chấp trước nên sinh ra phiền não, ấy gọi là tướng vô sắc. Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật do sức phương tiện nên dạy chúng sinh xa lìa tướng ấy, đưa vào pháp vô tướng, khiến không rơi vào hai pháp là tướng và vô tướng. Như vậy, Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật dạy chúng sinh xa lìa tướng, khiến an trú trong tính vô tướng.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp chỉ có danh và tướng, làm sao Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật có thể tự mình lợi ích, cũng dạy người khiến được lợi ích? Làm sao Bồ-tát đầy đủ các địa vị, từ một địa đến một địa và giáo hóa chúng sinh khiến được ba thừa?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu pháp căn bản chắc chắn có, chẳng phải chỉ danh tướng, thì Bồ-tát khi tu Bát-nhã không thể tự mình làm ích lợi, cũng không thể làm ích lợi người khác. Nhưng vì các pháp không có căn bản thật sự mà chỉ có danh tướng, thế nên Bồ-tát khi hành Bát-nhã có thể đầy đủ Thiền Ba-la-mật, vì vô tướng, cho đến Thí Ba-la-mật, vì vô tướng. Đầy đủ bốn Thiền Ba-la-mật vì vô tướng, cho đến bốn định vô sắc, vì vô tướng.

Đầy đủ bốn niệm xứ Ba-la-mật cho đến tám phần thánh đạo Ba-la-mật, vì vô tướng. Đầy đủ nội không Ba-la-mật cho đến vô pháp hữu pháp không Ba-la-mật, vì vô tướng. Đầy đủ tám bội xả cho đến mười tám pháp không chung Ba-la-mật, vì vô tướng. Bồ-tát ấy vì vô tướng nên tự đầy đủ các thiện pháp, cũng dạy người khác khiến đầy đủ thiện pháp, vì vô tướng.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu các pháp tướng mảy may thật có thì Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật không thể biết các pháp vô tướng, không có ức niệm để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và giáo hóa chúng sinh khiến được pháp vô lậu. Vì sao? Vì hết thảy pháp vô lậu, vô tướng không có ức niệm. Như vậy, Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật do pháp vô lậu làm lợi ích chúng sinh.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp vô tướng không có ức niệm, làm sao kể đó là pháp Thanh văn, là pháp Bích-chi Phật, là pháp Bồ-tát, là pháp Phật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao? Pháp vô tướng với pháp Thanh văn khác nhau chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn!

Pháp vô tướng với pháp Bích-chi Phật, pháp Bồ-tát, Phật pháp khác nhau chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn!

Phật bảo Tu-bồ-đề: Pháp Vô tướng tức là quả Tu-đà-hoàn cho đến tức là pháp Bồ-tát, Phật pháp.

Tu-bồ-đề thưa: Đúng vậy, bạch Thế Tôn!

Này Tu-bồ-đề! Do nhân duyên ấy nên biết hết thảy pháp đều là vô tướng. Bồ-tát học hết thảy pháp vô tướng ấy được tăng ích thiện pháp, là sáu Ba-la-mật, bốn thiền cho đến mười tám pháp không chung. Vì sao? Vì Bồ-tát không cho pháp khác là cốt yếu như ba môn giải thoát. Vì sao? Vì hết thảy thiện pháp đều vào trong ba môn giải thoát. Vì sao? Vì hết thảy pháp tự tướng là không, là môn giải thoát; hết thảy pháp vô tướng, là môn Vô tướng giải thoát; hết thảy pháp không có tướng khởi tác là môn Vô tác giải thoát. Nếu Bồ-tát học ba môn giải thoát, khi ấy có thể học tướng năm uẩn, tướng mười hai nhập, tướng mười tám giới, bốn thánh đế, mười hai nhân duyên; có thể học nội không, ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không; có thể học sáu Ba-la-mật, bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo; có thể học mười lực của Phật cho đến mười tám pháp không chung.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát hành Bát-nhã mà có thể học tướng năm thọ uẩn?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát hành Bát-nhã biết tướng sắc, biết sự sanh diệt của sắc, biết như của sắc. Làm sao biết tướng sắc? Là biết sắc

rốt ráo không, bên trong từng phần khác nhau, hư dối không thật. Thí như bọt nước không kiên cố, ấy là biết tướng sắc.

Thế nào là biết sự sinh diệt của sắc? Khi sắc sinh không từ đâu đến, khi diệt không đi đến đâu. Nếu không đến không đi, ấy là biết tướng sinh diệt của sắc.

Thế nào là biết như của sắc? Biết như của sắc không sinh, không diệt, không đến, không đi, không thêm, không bớt, không nhơ, không sạch; ấy là biết như của sắc. Này Tu-bồ-đề! Như, là như thật không hư dối; như trước, sau, ở giữa cũng vậy, thường không đổi khác, ấy là biết như của sắc.

Thế nào là biết tướng của thọ? Thế nào là biết sự sinh diệt của thọ? Thế nào là biết như của thọ? Bồ-tát biết các thọ như bong bóng nước, khởi lên liền diệt, ấy là biết tướng thọ. Biết thọ sinh diệt là thọ ấy không từ đâu đến, đi không đi đến đâu; ấy là biết sự sinh diệt của thọ. Biết như của thọ là như ấy không sinh, không diệt, không đến, không đi, không thêm, không bớt, không nhơ, không sạch; ấy là biết như của thọ.

Thế nào là biết tướng của tưởng? Thế nào là biết sự sinh diệt của tưởng? Thế nào là biết như của tưởng? Biết tướng của tưởng là tưởng ấy như sóng nước, tướng sóng nước ấy không thể có được, mà vọng sinh tướng nước, ấy là biết tưởng. Biết sự sinh diệt của tưởng là, tưởng ấy không từ đâu đến, không đi đến đâu; ấy là biết sự sinh diệt của tưởng. Biết như của tưởng là các như của tưởng không sinh, không diệt, không đến, không đi, không thêm, không bớt, không nhơ, không sạch, không chuyển đổi đối với thật tướng.

Thế nào là biết tướng của hành? Thế nào là biết sự sinh diệt của hành? Thế nào là biết như của hành? Biết tướng của hành là, hành như cây chuối, trừ bỏ mỗi bẹ không tìm thấy lõi cứng, ấy là biết tướng hành. Biết hành sinh diệt là các hành sinh không từ đâu đến, không đi về đâu, ấy là biết hành sinh diệt. Biết hành như là các hành không sinh, không diệt, không đến, không đi, không thêm, không bớt, không nhơ, không sạch; ấy là biết hành như.

Thế nào là biết tướng của thức? Thế nào là biết sự sinh diệt của thức? Thế nào là biết như của thức? Biết tướng thức là, như huyễn sư huyễn làm ra bốn thứ binh, không có thật; thức cũng như vậy. Biết sự sinh diệt của thức là, khi thức sinh ra không từ đâu đến, khi thức diệt không đi về đâu; ấy là biết sự sinh diệt của thức. Biết như của thức là biết thức không sinh,

không diệt, không đến, không đi, không thêm, không bớt, không nhơ, không sạch; ấy là biết như của thức.

Thế nào là biết các nhập? Biết mắt, tính mắt không, cho đến ý, tính ý không; sắc, tính sắc không, cho đến pháp, tính pháp không.

Thế nào là biết mười tám giới? Là biết mắt, giới hạn mắt không; sắc, giới hạn sắc không; nhãn thức, giới hạn nhãn thức không, cho đến giới hạn ý thức cũng như vậy.

Thế nào là biết bốn thánh đế? Khi biết Khổ thánh đế, xa lìa hai pháp, biết Khổ đế không hai không khác, ấy gọi là Khổ thánh đế; Tập, Diệt, Đạo thánh đế cũng như vậy.

Thế nào là biết như của khổ? Khổ thánh đế tức là như, như tức là Khổ thánh đế, Tập, Diệt, Đạo thánh đế cũng như vậy.

Thế nào là biết mười hai nhân duyên? Biết tướng mười hai nhân duyên chẳng sinh, ấy gọi là biết mười hai nhân duyên.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, mỗi mỗi phân biệt biết các pháp, như vậy há không lấy tính sắc phá hoại tính pháp, cho đến lấy tính trí Nhất thiết chủng phá hoại tính pháp ư?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu ngoài pháp tính còn có pháp thì có thể hoại pháp tính, nhưng ngoài pháp tính Không có pháp gì có thể có được, thế nên không phá hoại. Vì sao? Vì Phật và đệ tử Phật biết ngoài pháp tính Không có pháp có thể có được, nên không nói ngoài pháp tính có pháp. Như vậy Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật nên học pháp tính.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát nếu học pháp tính là không có học gì chăng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát học pháp tính thì học hết thảy pháp. Vì sao? Vì hết thảy pháp tức là pháp tính!

Bạch đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì nên hết thảy pháp tức là pháp tính?

Phật dạy: Hết thảy pháp đều vào trong tính vô tướng, vô vi. Vì nhân duyên ấy nên học pháp tính thì học hết thảy pháp.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp tức là pháp tính, cớ gì Bồ-tát còn học Bát-nhã Ba-la-mật cho đến Thí Ba-la-mật? Cớ gì Bồ-tát còn học Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền; còn học từ bi hỉ xả; còn học Không-vô-biên xứ, cho đến Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ; còn học bốn niệm xứ, cho đến tám phần thánh đạo; còn học môn Không, Vô tướng, Vô

tác giải thoát; còn học tám bội xả, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, cho đến mười tám pháp không chung; còn học sáu thần thông; còn học ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình; còn học sinh vào dòng lớn Sát-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ; còn học sinh vào cõi trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba cho đến trời Tha hóa tự tại; còn học sinh vào cõi trời Phạm thiên vương, cõi trời Quang âm, trời Biến tịnh, trời Quảng quả, trời Vô tưởng, trời Tịnh cư; còn học sinh Vô biên xứ cho đến sinh Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ; còn học địa sơ phát tâm, đệ nhị, đệ tam, đệ tứ, đệ ngũ, đệ lục, đệ thất, đệ bát, đệ cửu, đệ thập địa, còn học Thanh văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát pháp vị; còn học thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật, còn học các môn Đà-la-ni; còn học vì vui thuyết pháp; còn học Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; học rồi được trí Nhất thiết chủng biết hết thảy pháp? Bạch đức Thế Tôn! Trong pháp tính của các pháp không có các phân biệt ấy? Bạch đức Thế Tôn! Há không có Bồ-tát đọa trong phi đạo? Vì sao? Vì trong pháp tính Không có phân biệt như vậy! Trong pháp tính, không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức; pháp tính cũng không xa lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức: Sắc tức là pháp tính, pháp tính tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức, cũng như vậy; hết thảy pháp cũng như vậy?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Như lời ông nói! Sắc tức là pháp tính; thọ, tưởng, hành, thức tức là pháp tính. Bồ-tát khi tu Bát-nhã, nếu ngoài pháp tính thấy có pháp, thế là không cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát khi hành Bát-nhã, biết hết thảy pháp tính tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì thế nên Bồ-tát khi hành Bát-nhã biết hết thảy pháp tức là pháp tính rồi, đem pháp không có danh tướng, dùng danh tướng để nói, đó là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến đó là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; thí như huyễn sư hoặc đệ tử huyễn sư, đứng ở chỗ nhiều người huyễn làm ra các hình sắc trai gái, voi ngựa, vườn rừng trang nghiêm và các quán xá, suối chảy, ao tắm, y phục, đồ nằm, hương hoa, anh lạc, uống ăn; làm các kỹ nhạc để làm vui cho mọi người. Lại huyễn làm ra người dạy khiến bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, tu trí tuệ. Lại huyễn làm ra dòng lớn Sát-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ, cõi trời Tứ thiên vương, núi Tu-di, cõi trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời hóa lạc, trời Tha hóa tự tại để chỉ cho người xem. Lại huyễn làm trời Phạm chúng cho đến trời Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng. Lại huyễn làm ra Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi Phật, huyễn làm ra Bồ-tát, từ khi mới phát tâm tu bố thí, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, hành sô địa cho đến hành đệ thập địa, vào địa vị Bồ-tát, thần thông dạo chơi, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật; dạo qua các thiền, giải thoát, tam-muội;

tu mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi; đầy đủ thân Phật ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình để chỉ cho mọi người thấy. Đối với các hình sắc ấy, người vô trí xem khen chưa từng có, cho người ấy đa năng, khéo làm ra đủ mọi việc để làm vui cho mọi người. Nhưng người có trí xem thấy, suy nghĩ rằng chưa từng có việc đó, việc đó không có thật mà đem các vật không có sở hữu để làm vui cho mọi người, hiện ra có hình tướng, không có sự mà hiện ra sự tướng, không có mà hiện ra tướng có. Như vậy, Bồ-tát không thấy lìa ngoài pháp tính có pháp hành Bát-nhã, dùng sức phương tiện, nên tuy chúng sinh không thể có được mà tự mình bố thí, cũng dạy người bố thí, tán thán pháp bố thí, hoan hỉ tán thán người hành bố thí; tự mình trì giới cũng dạy người trì giới; tự mình nhẫn nhục, cũng dạy người nhẫn nhục; tự mình tinh tấn, cũng dạy người tinh tấn; tự mình hành thiền, cũng dạy người hành thiền; tự mình tu trí tuệ, cũng dạy người tu trí tuệ, tán thán pháp trí tuệ, hoan hỉ tán thán người tu trí tuệ; tự mình tu mười thiện, cũng dạy người tu mười thiện, tán thán pháp tu mười thiện, hoan hỉ tán thán người tu mười thiện; tự mình tu năm giới, cũng dạy người tu năm giới, tán thán pháp năm giới, hoan hỉ tán thán người thọ trì năm giới; tự mình thọ tám trai giới cũng dạy người thọ tám trai giới, tán thán pháp thọ tám trai giới, hoan hỉ tán thán người thọ tám trai giới; tự mình tu Sô thiền cho đến đệ Tứ thiền, tự mình tu từ, bi, hỉ, xả, tự mình tu Không vô biên xứ cho đến Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ, cũng dạy người khác tu; tự mình tu bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo, ba môn giải thoát, mười lực của Phật cho đến mười tám pháp không chung, cũng dạy người tu mười tám pháp không chung, tán thán mười tám pháp không chung, hoan hỉ tán thán người tu mười tám pháp không chung. Này Tu-Bồ-đề! Nếu pháp tính trước, sau, giữa có sai khác, thì Bồ-tát ấy không thể dùng sức phương tiện chỉ bày pháp tính, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh. Vì pháp tính trước, sau, giữa không khác biệt nên Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, vì lợi ích chúng sinh mà hành đạo Bồ-tát.

LUẬN: Hỏi: Trong mỗi phẩm Phật đã dạy thông suốt các pháp tướng, sao nay Tu-bồ-đề còn hỏi lại?

Đáp: Vì Bát-nhã không có tướng nhất định, không có ngôn thuyết, tuy hỏi mãi vẫn chưa đủ, thế nên còn hỏi. Thí như trâu nghé tuy lớn mà vẫn bú sữa ngon của mẹ hiền không ngưng; Phật đại từ bi giống như mẹ hiền, Bát-nhã như sữa ngon, Tu-bồ-đề như trâu nghé, tuy thường nghe các pháp tướng mà vẫn chưa nhàm đủ.

Lại nữa, chỉ có Nhất thiết trí của Phật mới có thể thông suốt thật tướng

các pháp, những người khác tuy thông mà không thể rốt ráo, thế nên hỏi: Các Bồ-tát chưa làm Phật, làm sao có thể thông suốt?

Phật lấy ví dụ đáp: Thí như người huyễn hóa không có ba độc và các phiền não kiết sử, không có tâm tâm số pháp, không nhiếp thuộc vào pháp trong, pháp ngoài, hữu lậu, vô lậu; không rơi vào pháp phàm phu, cũng không ở vào thánh quả thì không được nói đó là Tu-đà-hoàn v.v... Nhưng người biến hóa ấy làm phát sinh tâm thiện ác của người khác, những việc biến hóa đều làm thành tựu. Người biến hóa ấy thật không nhơ không sạch, không nhiếp vào sáu đường, thân Bồ-tát cũng như vậy, không có các phiền não, ba độc, biết tâm tâm số pháp ấy đều là do nhân duyên hư vọng điên đảo sinh ra, nên không tin, không đi theo. Hành được như vậy, ấy là khéo thông suốt thật tướng các pháp.

Khi ấy Tu-bồ-đề tuy khéo biết về Không, vì quý kính, tôn trọng Phật pháp, không thể hạn lượng được pháp Phật, nên hỏi Phật: Hết thảy sắc pháp đều không, như biến hóa chăng?

Phật đáp: Hết thảy sắc pháp đều như biến hóa. Ông vì quý trọng Phật nên không dám nói là không, Ta vì Nhất thiết trí nên có thể nói các pháp là không. Như những người khác quý sức sư tử, còn chính tự sư tử không quý sức mình.

Bấy giờ Tu-bồ-đề thưa: Nếu hết thảy pháp rốt ráo không, đều như huyễn hóa, cớ gì Phật mỗi mỗi tán thán công đức Bồ-tát? Nhân nôi Bồ-tát mà dứt ba đường ác, có thể kéo chúng sinh ra khỏi để khiến được Niết-bàn?

Phật hỏi ngược lại Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao, Bồ-tát khi xưa tu Bồ-tát đạo, thấy chắc chắn có chúng sinh từ trong năm đường kéo ra chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Không.

Phật hứa khả ý ấy rằng: Đúng vậy, đúng vậy! Vì sao? Vì khi Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn thì biết, thấy hết thảy pháp như huyễn như hóa.

Tu-bồ-đề thưa: Nếu như vậy, Bồ-tát vì việc gì nên tu sáu Ba-la-mật?

Phật dạy: Nếu Bồ-tát tự biết các pháp là không, như huyễn như mộng, thì Bồ-tát không dụng công phu.

Lại, nếu các pháp chắc chắn là tướng không thì Bồ-tát cũng không dụng công phu. Nhưng nay các pháp chẳng phải thật, chẳng phải không, vượt qua đường ngôn ngữ, tướng rốt ráo tịch diệt. Vì chúng sinh không biết việc ấy nên sinh tâm chấp tôi, ta, khởi lên nghiệp tội ác chịu vô lượng khổ. Thế nên Bồ-tát biết thật tướng các pháp, sinh tâm đại bi. Như người trưởng giả có con mù mắt, sợ uống nhầm thuốc độc, người trưởng

giả biết nó chắc chắn chết, dùng mọi phương tiện ngăn khiến đừng uống. Bồ-tát cũng như vậy, thấy chúng sinh vì vô minh điên đảo tối mù uống nhằm ba độc nên Bồ-tát sinh tâm đại bi, trải qua vô lượng vô số kiếp tu sáu Ba-la-mật, nghiêm tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh. Tu-bồ-đề nghe xong lại bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp là không, không có căn bản, như mộng như huyễn, vậy chúng sinh ở chỗ nào mà Bồ-tát kéo ra? Ý Tu-bồ-đề muốn hỏi: Như người chìm trong bùn sâu mà được kéo ra.

Phật đáp: Chúng sinh chỉ ở trong ức tưởng phân biệt theo danh tướng hư vọng. Ý Phật muốn nói, trong hết thảy pháp không có thật tướng quyết định, chỉ vì chúng sinh phân biệt hư dối nên chấp trước; như người ở trong chỗ tối, thấy vật giống người cho là người thật, sinh tâm sợ hãi. Lại như chó dữ trông xuống giếng tự sủa bóng mình, trong nước không có chó, chỉ có tướng nó mà sinh tâm dữ, bị sa xuống giếng mà chết. Chúng sinh cũng như vậy bốn đại hòa hợp gọi là thân, nhân duyên sinh ra thức; thức tâm hòa hợp linh động thành ngôn ngữ, phàm phu nơi đó khởi lên tướng người rồi sinh ưa, sinh ghét, khởi lên tội nghiệp, bị đọa vào ba đường ác. Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, thương xót chúng sinh, dùng mỗi mỗi nhân duyên giáo hóa, khiến biết pháp là không mà kéo ra khỏi. Nói rằng: Pháp ấy rốt ráo không, không có sở hữu, vì chúng sinh điên đảo hư vọng nên thấy in tuồng như có, như hóa, như huyễn, như thành Càn-thát-bà, không có sự thật chỉ dối gạt mắt người.

Lại, hết thảy pháp chỉ do danh tự hòa hợp bèn có các tên gọi khác như: Đầu, chân, bụng, lưng hòa hợp nên giả gọi là thân; như tóc, mắt, tai mũi, miệng, da, xương hòa hợp nên giả gọi là đầu. Các lông hòa hợp nên giả gọi là tóc; từng phần hòa hợp nên giả gọi là lông; các vi trần hòa hợp nên giả gọi là phần lông; các phần hòa hợp nên giả gọi là vi trần.

Hỏi: Vi trần là vật nhỏ nhất không thể phân chia cho nên không có hòa hợp; đó là pháp cố định. Thế nên không được nói hết thảy đều không, không có định pháp?

Đáp: Nếu vi trần là sắc thì phải có phần lượng. Vì sao? Vì hết thảy sắc đều ở trong hư không, đều có mười phương hướng? Nếu vi trần là sắc thì có mười phần; nếu có mười phần thì sao gọi là rất nhỏ? Nếu như ông nói vi trần không có phần lượng, thì nó không phải sắc. Vì sao? Vì nó ra ngoài tướng sắc!

Lại, sắc là thứ năm căn biết được; nếu vi trần không phải do năm căn biết được, thì làm sao biết đó là sắc? Thế nên vi trần chỉ có tên suông, sắc

thô của mắt thấy còn có thể phá làm cho không, huống gì vi

trần không thể thấy, không thể chạm!

Hỏi: Vì vi trần rất nhỏ nên năm căn không thể thấy được; Thánh nhân được thiên nhãn thì thấy?

Đáp: Thiên nhãn tuy thấy nhỏ mà nó cũng là sắc tướng nên có thì phải có phần lượng; nếu không có phần lượng thì chẳng phải sắc? Chẳng phải sắc thì thiên nhãn không thấy! Vì thế nên thiên nhãn cũng thấy một cách hư vọng; thế nên thánh nhân dùng tuệ nhãn quán thế gian thì đắc đạo. Vi trần như trước nói, chỉ có danh, không có thật; vì vi trần không có, nên các pháp giả danh hòa hợp, lại có tên giả, không có thật tướng nhất định. Nhưng chúng sinh vọng sinh tham trước, vì tham dục, sân giận nên khởi lên ác nghiệp, trải qua vô lượng vô số kiếp chịu khổ trong ba đường ác. Nếu các pháp thật có định tướng cũng còn không nên khởi tham dục, sân giận, huống gì các pháp hư dối không thật. Nếu bỏ được danh tướng hư dối, không tham trước pháp Không, thì thọ Niết-bàn thường vui.

Hỏi: Danh và tướng có gì sai khác?

Đáp: Danh là danh từ chỉ các vật, như danh từ chỉ vật nóng gọi là lửa. Tướng là như thấy khói biết là tướng lửa; nóng là thể của lửa.

Lại như năm uẩn hòa hợp có trai, gái, đó là danh; có thân hình, dung mạo có thể phân biệt trai, gái, đó là tướng; vì thấy tướng ấy nên gọi tên ấy là trai, là gái.

Hỏi: Nếu như vậy, danh và tướng không khác nhau. Vì sao? Vì thấy tướng nên biết danh; biết danh nên biết tướng?

Đáp: Ông không hiểu lời tôi nói ư? Trước thấy tướng trai, gái, vậy sau mới gọi là trai, gái. Tướng là gốc, danh là ngọn.

Lại như người mắt thấy sắc, riêng lấy tướng đẹp sinh ra tham đắm; đối với người khác thì không vậy, vì người kia sinh tâm nhiễm đắm; ấy gọi là tướng.

Lại nữa, trong đây Phật tự phân biệt danh tướng: Danh là giả danh, do danh thủ lấy pháp, như trong Kinh này nói rộng.

Tu-bồ-đề hỏi: Nếu hết thảy pháp chỉ có danh và tướng thì làm sao Bồ-tát lợi mình lợi người?

Phật dạy: Nếu các pháp chắc chắn có căn bản thì Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật không thể lợi mình lợi người. Vì sao? Vì nếu các pháp thật có tính nhất định tức là không sinh. Vì sao? Vì tính nó trước đã chắc chắn có rồi. Nếu pháp từ nhân duyên hòa hợp sinh tức là không có tính nhất định!

Nếu tính chắc chắn có thì không cần nhân duyên hòa hợp; nếu như vậy thì không sinh; không sinh nên không diệt; không diệt nên không có tội phước! Vì biết các pháp vô thường nên mới bỏ tội, tu phước; nếu thường thì không trói, không mở, không có thế gian, không có Niết-bàn. Thế nên Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu pháp chắc chắn có, chẳng phải chỉ danh tướng, thì Bồ-tát không hành Bát-nhã lợi mình lợi người, không hành thiền định lợi mình, lợi người, vì vô tướng. Bồ-tát tự mình đầy đủ thiện pháp, cũng lấy thiện pháp làm lợi ích chúng sinh, bởi vì vô tướng. Này Tu-bồ-đề! Nếu các pháp thật có như mảy lông, thì Bồ-tát khi ngồi đạo tràng không thể quán hết thảy pháp không, vô tướng, không có sở hữu thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không thể đem pháp ấy làm lợi ích chúng sinh. Vì sao? Vì khi Bồ-tát ngồi đạo tràng, quán hết thảy pháp đệ nhất chân thật; nếu còn tí sai lầm thì không thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không thể vì chúng sinh nói pháp ấy là không, không có tự tướng. Vì sao? Vì nếu pháp chắc chắn có, cớ sao Phật lại dối chúng sinh nói rằng, hết thảy pháp vô lậu không có tướng, không có nhớ nghĩ?

Hỏi: Trong bốn đế, ba đế đều có tướng là khổ đế thì có tướng khổ, tập đế thì có tướng tập, đạo đế thì có tướng đạo, chỉ diệt đế là không có tướng, song cũng có nhớ nghĩ, đó là Niết-bàn vô tướng? Vậy cớ sao Phật nói hết thảy pháp vô lậu, không có tướng?

Đáp: Pháp Đại thừa và pháp Thanh văn khác nhau. Trong pháp Đại thừa nói hết thảy pháp vô lậu không có tướng, không có nhớ nghĩ. Lại nữa, có tướng, có nhớ nghĩ đều là hư dối không thật; nếu hư dối không thật, tức là phiền não, lậu hoặc, làm sao là vô lậu được?

Lại nữa, ba đế ấy đều theo diệt đế, thấy khổ liền bỏ, thấy tập liền dứt, không nói thật chắc chắn có; thấy đạo vì đi đến diệt nên cũng không trú trong đạo; diệt tận là trú, pháp diệt tận ấy không có tướng, không có duyên, làm sao có nhớ nghĩ? Nhớ nghĩ đều là duyên theo tướng mà chấp trước pháp; thế nên pháp vô lậu đều không có tướng, không có nhớ nghĩ.

Ý Tu-bồ-đề, nếu pháp vô lậu là đệ nhất chân thật, không có tướng, không có nhớ nghĩ, thì hết thảy pháp tính cũng nên không có tướng, không có nhớ nghĩ? Chỉ vì phàm phu nhớ nghĩ nên không có tướng, không có nhớ nghĩ; thế nên hỏi Phật: Nếu hết thảy pháp không có tướng, không có nhớ nghĩ, làm sao kể đó là pháp Thanh văn, đó là pháp Bích-chi Phật, đó là pháp Bồ-tát, đó là pháp Phật?

Phật hỏi ngược lại Tu-bồ-đề: Pháp ba thừa với pháp vô tướng khác nhau chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Các phiền não diệt tức là đoạn; đoạn tức là pháp vô vi và biết đạo diệt đế tức là vô lậu vô tướng; thế nên nói pháp ba thừa không khác với pháp vô tướng.

Phật lại hỏi: Tu-đà-hoàn cho đến Phật tức là pháp vô tướng ư?

Đáp: Thưa, phải. Vì nhân duyên ấy nên biết hết thảy pháp đều là vô tướng.

Phật bảo: Nếu vô tướng, làm sao ông nạn hỏi có các đạo quả? Chính vì vô tướng nên có đạo ba thừa. Nếu Bồ-tát học được pháp vô tướng như vậy thì có thể tăng ích các thiện pháp, đó là sáu Ba-la-mật cho đến mười tám pháp không chung. Trong đây Phật tự nói các nhân duyên: Bồ-tát chỉ trú trong ba môn giải thoát, không cho các pháp làm chủ yếu, vì ba môn giải thoát là pháp thật, còn các pháp bốn niệm xứ v.v… tuy thật mà đều là phương tiện nói. Ba môn giải thoát gần với Niết-bàn, cũng có thể thu nhiếp hết thảy thiện pháp thật. Thế nên Phật bảo các Bồ-tát nên học.

Hỏi: Nếu Bồ-tát học ba môn giải thoát ấy tức là học năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới. Ba môn giải thoát đều không, không có tướng, không có phân biệt; còn năm uẩn ấy đều có tướng, có phân biệt, làm sao Bồ-tát học ba môn giải thoát nên học đủ các pháp khác?

Đáp: Bồ-tát học ba môn giải thoát ấy thì ra khỏi ba cõi, dứt hết ba lậu, nên đối với các pháp được trí tuệ chân thật, không có điều gì không thông suốt. Đối với năm uẩn từ trước lại đây đều hành theo hư vọng, tà vạy, nay được ba môn giải thoát này nên thông suốt đúng đắn. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Khi Bồ-tát hành ba môn giải thoát vô tướng ấy, biết sắc sinh, biết sắc diệt, biết sắc như, cho đến biết thức cũng như vậy, như trong Kinh đây nói rộng.

Tu-bồ-đề hỏi: Như lời Phật dạy, Bồ-tát biết các tướng sắc: Biết sự sinh của sắc, biết sự diệt của sắc, biết như của sắc v.v... Nếu phân biệt như vậy, há đem tính vô sắc phá hoại pháp tính ư?

Phật dạy: Nếu có pháp ra ngoài pháp tính thì sắc tính có thể hoại pháp tính. Nhưng hết thảy thật tướng các pháp gọi là sắc tính; thế nên hết thảy tính đều vào trong pháp tính, thật tướng của sắc tính tức là pháp tính, đồng một tính, làm sao sắc tính có thể phá hoại pháp tính? Phật lại nói nhân duyên: Chư Phật, Hiền Thánh không thấy ra ngoài pháp tính còn có pháp, vì không thể được nên không nói. Chư Phật, Hiền Thánh rất đáng tin, nên Bồ-tát nên học pháp tính như vậy.

Tu-bồ-đề hỏi: Nếu Bồ-tát học pháp tính là không có học gì. Vì sao?

Vì pháp tính Không có tính?

Phật đáp: Pháp tính Không có tính, nếu Bồ-tát học pháp tính là học hết thảy pháp. Nếu pháp tính riêng có tính, nếu không có tính là tính, thì chỉ nên học pháp tính, không học hết thảy pháp! Nhưng nay pháp tính thật không có, tính riêng cũng không có tính, vì không có tính nên học khắp hết thảy pháp. Thật tướng các pháp là pháp tính, thế nên học được thật tướng tức là học khắp hết thảy pháp một cách đúng đắn.

Tu-bồ-đề thưa: Nếu hết thảy pháp tức là pháp tính, Bồ-tát cớ gì học sáu Ba-la-mật cho đến các môn Đà-la-ni. Vì sao? Vì thật tướng các pháp tức là tính; nếu hết thảy pháp tức là pháp tính, thì Bồ-tát còn cầu học cái gì? Lại nữa, trong pháp tính Không có phân biệt đây là sáu Ba-la-mật cho đến đây là môn Đà-la-ni. Nay Bồ-tát phân biệt tu các pháp ấy há không phải rơi vào trong điên đảo ư?

Phật hứa khả lời Tu-bồ-đề và đáp: Nếu Bồ-tát thấy ngoài pháp tính ấy có pháp, thì không thể cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì ngoài pháp tính riêng có pháp, thế là điên đảo chấp thường, vô minh không thể chuyển đổi làm thật được, làm sao dứt hết vô minh đối với các pháp để được thành Phật? Bồ-tát biết hết thảy tức là rốt ráo không, tướng thường tịch diệt, không có hý luận, không có danh tự, vì thương xót chúng sinh mà dùng sức phương tiện nên nói danh, nói tướng: Đó là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như trong kinh nêu ví dụ như huyễn: Huyễn sư tức là Bồ-tát, pháp huyễn tức là sáu Ba-la-mật v.v...; tuy hành các pháp ấy mà không có tâm nhiễm trước, cũng như huyễn sư tuy huyễn làm ra các vật mà biết nó không thật nên không nhiễm trước. Người trí là chỉ Phật và đại Bồ-tát, người vô trí là chỉ phàm phu, hàng mới phát tâm, nên rất hoan hỉ khen là việc chưa từng có. Bồ-tát hành Bồ-tát đạo, tuy ra ngoài pháp tính, không còn thấy có pháp, cũng không thấy có chúng sinh nhất định, mà vẫn làm lợi ích lớn cho mình và cho chúng sinh. Như trong kinh nói: Bồ-tát ấy tự hành bố thí, cũng dạy người khác hành, tán thán pháp bố thí, hoan hỉ tán thán người hành bố thí, cho đến tự mình hành mười tám pháp không chung, cũng như vậy. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Nếu pháp tính trước không mà sau có thì Bồ-tát không thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không thể dùng phương tiện thuyết pháp. Vì sao? Vì nếu pháp tính trước không mà sau có là từ nhân duyên sinh, thì cùng với pháp phàm phu không khác. Nếu pháp tính trước có mà sau không, thì chúng sinh và các pháp đều rơi vào đoạn diệt. Vì pháp tính trước không, giữa, sau cũng không, chứ không phải do sức trí tuệ mà làm cho không. Chúng sinh và các pháp không phải khi

vào Vô dư Niết-bàn mới không, mà từ xưa lại đây thường không; Bồ-tát dạy chúng sinh: Cớ gì không quán thật tính ấy mà lại nhiễm trước điên đảo? Nếu quán các pháp tính rốt ráo không, thì biết từ trước lại đây thường không, nay quán không cũng không có lỗi. Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật như vậy thì có thể lợi lạc chúng sinh.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 90

GIẢI THÍCH PHẨM TÁM MƯƠI: THẬT TẾ

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Nếu chúng sinh rốt ráo không thể có được, thì Bồ-tát vì ai nên hành Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát vì thật tế nên hành Bát-nhã Ba-la-mật. Này Tu-bồ-đề! Thật tế với chúng sinh tế khác nhau thì Bồ-tát không hành Bát-nhã Ba-la-mật. Vì thật tế và chúng sinh tế không khác nhau nên Bồ-tát vì lợi ích chúng sinh hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật không phá hoại thật tế mà kiến lập chúng sinh trong thật tế.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu thật tế tức là chúng sinh tế thì Bồ-tát kiến lập thật tế nơi thật tế, nếu kiến lập thật tế nôi thật tế thì là kiến lập tự tính nôi tự tính. Bạch đức Thế Tôn! Kiến lập tự tính nôi tự tính Không thể được, làm sao Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, kiến lập chúng sinh nơi thật tế?

Phật bảo Tu-Bồ-đề: Thật tế không thể kiến lập nơi thật tế, tự tính Không thể kiến lập nôi tự tính. Nay Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, do sức phương tiện nên kiến lập chúng sinh nôi thật tế. Thật tế cũng chẳng khác chúng sinh tế, thật tế và chúng sinh tế không hai không khác.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là sức phương tiện của Bồ-tát? Dùng sức phương tiện ấy, Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật kiến lập chúng sinh nơi thật tế, cũng không phá hoại tướng thật tế?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, dùng sức phương tiện kiến lập chúng sinh nôi bố thí thì khi kiến lập rồi, nói bố

thí tiền tế (đời trước), hậu tế (đời sau) đều không, nói rằng: Bố thí như vậy tiền tế không, hậu tế không, trung tế cũng không, người bố thí cũng không, quả báo bố thí cũng không, người nhận thí cũng không. Này các thiện nam tử! Hết thảy pháp trong thật tế đều không thể có được, các ông chớ nghĩ rằng: Bố thí khác, người bố thí khác, quả báo bố thí khác, người

nhận thí khác. Nếu các ông không nghĩ rằng bố thí khác, người bố thí khác, quả báo bố thí khác, người nhận thí khác, thì khi ấy bố thí mới nhận được vị cam lồ, được quả của vị cam lồ. Này thiện nam tử! Vì bố thí như vậy nên chớ tham trước sắc, chớ tham trước thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì bố thí, tướng bố thí ấy không; người thí, người thí không; quả báo bố thí, quả báo bố thí không; người nhận thí, người nhận thí không; trong không, sự bố thí không thể có được; người thí không thể có được, quả báo thí không thể có được, người nhận thí không thể có được. Vì sao? Vì các pháp ấy tự tính rốt ráo không.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi hành Bát-nhã, do sức phương tiện dạy chúng sinh trì giới, nói rằng: Này thiện nam tử! Trừ bỏ việc sát sinh cho đến trừ bỏ tà kiến. Vì sao? Vì pháp của các ngươi phân biệt biết, pháp ấy không có tính như vậy. Các thiện nam tử nên suy nghĩ kỹ thế nào là chúng sinh mà muốn cướp mạng sống? Dùng vật gì để cướp mạng, cho đến thế nào là tà kiến cũng như vậy. Bồ-tát dùng sức phương tiện như vậy thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, vì chúng sinh nói quả báo bố thí, trì giới và quả báo bố thí, trì giới ấy tự tính là không; biết quả báo bố thí, trì giới tự tính là không rồi thì không tham trước trong đó, vì không tham trước nên tâm không tán loạn, có thể phát sinh trí tuệ, do trí tuệ ấy dứt hết thảy kiết sử phiền não, vào Vô dư Niết-bàn. Đây là nói theo pháp thế tục, chẳng phải thật đệ nhất nghĩa. Vì sao? Vì trong tính Không không có diệt, cũng không có người khiến diệt. Các pháp rốt ráo không, tức là Niết-bàn.

Lại nữa, Bồ-tát thấy chúng sinh sinh tâm sân hận não hại, dạy rằng: Các ngươi đến đây tu hạnh nhẫn nhục, làm người nhẫn nhục sẽ được vui nhẫn nhục. Cái giận của ngươi tự tính là không. Các ngươi hãy đến đây suy nghĩ như vầy: Ta giận đối với cái gì? Ai là người giận? Giận ai? Vì pháp ấy đều không. Pháp tự tính là không, không lúc nào chẳng không. Tính Không ấy chẳng phải Phật làm, chẳng phải Bích-chi Phật làm, chẳng phải Thanh văn làm, chẳng phải Bồ-tát làm, chẳng phải trời, quỷ, thần, long vương, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Bốn thiên vương cho đến trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng, trời Tịnh cư cho đến trời Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ làm ra. Các ngươi nên suy nghĩ như vầy:

Giận ai? Ai là người giận? Giận việc gì? Tất cả thứ ấy đều là tính Không; tính Không thì không có gì giận. Như vậy Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, do nhân duyên ấy kiến lập chúng sinh nôi tính Không rồi lần lượt cứu vớt chỉ dạy, làm lợi ích vui mừng khiến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây là nói theo pháp thế tục, chẳng phải thật nghĩa đệ

nhất. Vì sao? Vì trong tính Không, không có người đắc, không có pháp đắc, không có chỗ đắc. Này Tu-bồ-đề! Ấy gọi là thật tế tính Không, Bồ-tát vì chúng sinh nên thực hành pháp ấy. Chúng sinh cũng không thể có đủ được. Vì sao? Vì hết thảy pháp lìa tướng chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, do sức phương tiện thấy chúng sinh giải đãi, dạy khiến thân tinh tấn, tâm tinh tấn, nói rằng: Này thiện nam tử, trong các pháp tự tính là không, không có giải đãi không có người giải đãi, không có việc giải đãi; hết thảy pháp tự tính đều không, không có cái gì vượt qua tính Không. Các ngươi thân tinh tấn, tâm tinh tấn, vì phát sinh thiện pháp nên chớ giải đãi. Thiện pháp là hoặc bố thí, hoặc trì giới, hoặc nhẫn nhục, hoặc tinh tấn, hoặc thiền định, hoặc trí tuệ, hoặc các thiền, các định, giải thoát, tam-muội, bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo hoặc không, vô tướng, vô tác giải thoát môn cho đến mười tám pháp không chung, chớ giải đãi. Này thiện nam tử! Trong hết thảy pháp tự tính là không, nên biết không có chướng ngại, trong không chướng ngại, không có người giải đãi, không có việc giải đãi.

Như vậy, Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật dạy chúng sinh an trú nơi tính Không, không rơi vào trong hai pháp. Vì sao? Vì tính Không, không hai không khác nên không có hai pháp, không có chỗ để có thể tham trước.

Lại nữa, Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật tính Không, dạy chúng sinh khiến tinh tấn nói rằng: Này thiện nam tử! Siêng tinh tấn hoặc bố thí, hoặc trì giới, hoặc nhẫn nhục, hoặc tinh tấn, hoặc thiền định, hoặc trí tuệ, hoặc các thiền, các định, giải thoát, tam-muội, bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo, hoặc môn không, vô tướng, vô tác giải thoát, hoặc mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi. Các pháp ấy các ông chớ nghĩ là có hai tướng, chớ nghĩ không hai tướng. Vì sao? Vì pháp ấy tự tính đều không; tự tính Không, nên không nên dùng hai tướng để nghĩ, không nên dùng chẳng phải hai tướng để nghĩ tới. Như vậy Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, dùng sức phương tiện thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, thành tựu chúng rồi thứ lớp dạy khiến được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, vào địa vị Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, thấy chúng sinh loạn tâm, dùng sức phương tiện vì lợi ích chúng sinh nên nói rằng: Này thiện nam tử! Nên tu thiền định, các ngươi chớ sinh loạn tưởng, hãy sinh nhất tâm. Vì sao? Vì pháp tự tính đều không, trong tính Không không

có pháp nào có thể được, hoặc loạn tâm hoặc nhất tâm. Các ngươi an trú nôi tam-muội ấy, có tạo nghiệp gì hoặc thân, hoặc miệng, hoặc ý, hoặc bố thí, hoặc trì giới, hoặc nhẫn nhục, hoặc tinh tấn, hoặc tu thiền định, hoặc tu trí tuệ, hoặc tu bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo, các môn giải thoát, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, hoặc đạo Thanh văn, hoặc đạo Bích-chi Phật, hoặc Bồ-tát đạo, hoặc Phật đạo, hoặc Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi Phật đạo, hoặc trí Nhất thiết chủng, hoặc thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật, thì các ông đều có thể theo sở nguyện mà được, vì thực hành theo pháp không. Như vậy, nếu Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, dùng sức phương tiện vì lợi ích chúng sinh, nên từ khi mới phát tâm trọn không giải đãi phế bỏ, thường cầu thiện pháp lợi ích chúng sinh, từ một cõi Phật đến một cõi Phật cúng dường chư Phật, theo Phật nghe pháp, xả thân thọ thân cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trọn không quên mất. Bồ-tát ấy thường được các môn Đà-la-ni, các căn đầy đủ là thân căn, ngữ căn, ý căn. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy thường tu trí Nhất thiết chủng, tu trí Nhất thiết chủng nên hết thảy các đạo đều tu: Hoặc đạo Thanh văn, đạo Bích-chi Phật, đạo thần thông của Bồ-tát. Hành Bồ-tát đạo thần thông, thường lợi ích chúng sinh trọn không quên mất. Bồ-tát ấy ở trong thần thông do quả báo được làm lợi ích chúng sinh, vào trong năm đường sinh tử trọn không sút giảm. Như vậy, Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật trú trong tính Không, do thiền định làm lợi ích chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, trú trong tính Không, do sức phương tiện nên lợi ích chúng sinh, nói rằng: Này thiện nam tử! Nên quán hết thảy pháp tính Không, các ngươi sẽ tạo các nghiệp, hoặc thân nghiệp, hoặc khẩu nghiệp, hoặc ý nghiệp mà nhận thấy vị cam lồ, được quả cam lồ, không có sự thối chuyển. Vì sao? Vì tính Không, trong tính Không không có thối chuyển, cũng không có người thối chuyển. Vì sao? Vì tính Không chẳng phải là pháp, chẳng phải là phi pháp, ở trong pháp không có sở hữu làm sao có thối chuyển? Bồ-tát khi hành Bát-nhã như vậy dạy chúng sinh thường không giải đãi phế bỏ. Bồ-tát tự hành mười thiện, cũng dạy người khác hành mười thiện; dạy năm giới, tám giới cũng như vậy. Tự mình hành Sơ thiền, cũng dạy người khác hành Sơ thiền, cho đến đệ Tứ thiền cũng như vậy. Tự mình hành từ tâm, cũng dạy người khác hành từ tâm cho đến hành xả tâm cũng như vậy. Tự mình hành vô biên không xứ, cũng dạy người khác hành vô biên không xứ, cho đến Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ cũng như vậy. Tự mình hành bốn niệm xứ, cũng dạy người khác hành

bốn niệm xứ, cho đến tám phần thánh đạo, mười lực của Phật cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình cũng như vậy. Tự mình đối với quả Tu-đà-hoàn sinh trí tuệ và không trú trong ấy, cũng dạy người khiến được quả Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán cũng như vậy. Tự mình đối với Bích-chi Phật đạo sinh trí tuệ và không trú trong ấy, cũng dạy người khiến được Bích-chi Phật đạo. Tự mình được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng dạy người khiến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy, Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật, dùng sức phương tiện nên trọn không giải đãi.

Tu-Bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp tính thường không, trong thường không, chúng sinh không thể có được. Pháp và chẳng phải pháp cũng không thể có được, vậy làm sao Bồ-tát cầu trí Nhất thiết chủng.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Như lời ông nói, các pháp tính đều không; trong tính Không, chúng sinh không thể có được; pháp và chẳng phải pháp cũng không thể có được. Này Tu-bồ-đề! Nếu hết thảy pháp tính chẳng không thì Bồ-tát không nương tính Không mà thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì chúng sinh thuyết về tính Không. Này Tu-bồ-đề! Vì sắc tính Không, thọ, tưởng, hành, thức tính Không nên Bồ-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, thuyết pháp năm uẩn tính Không, thuyết pháp mười hai nhập, mười tám giới tính Không, thuyết bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo tính Không; thuyết ba môn giải thoát, định chín thứ lớp, mười lực của Phật cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình tính Không; thuyết quả Tu-đà-hoàn cho đến đạo Bích-chi Phật, trí Nhất thiết chủng dứt phiền não tập khí tính Không. Này Tu-bồ-đề! Nếu tính nội không chẳng không, tính ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không chẳng không, thì là phá hoại không tính. Không tính ấy chẳng thường chẳng đoạn. Vì sao? Vì tính Không, không có trú xứ, cũng không từ đâu lại, cũng không đi về đâu; ấy gọi là tướng pháp trụ, trong ấy không có pháp không tụ, không tán, không thêm, không bớt, không sinh, không diệt, không nhơ, không sạch; ấy là tính các pháp. Bồ-tát trú trong ấy phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không thấy pháp có chỗ phát sinh, không phát, không trụ; ấy gọi là tướng pháp trụ. Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật thấy hết thảy pháp tính Không, không thối chuyển Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì Bồ-tát không thấy có pháp làm chướng ngại thì vì chỗ nào mà sinh nghi? Ấy gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tính Không. Không thể có chúng sinh, không thể có ngã, có nhân, có thọ giả, có mạng căn, cho đến không thể có được kẻ biết kẻ thấy; trong tính Không, sắc không thể có được, thọ, tưởng, hành, thức không thể

có được, cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình không thể có được. Thí như Phật hóa làm bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ư-bà-tắc, Ưu-bà-di, thường vì bốn chúng thuyết pháp trải qua ngàn vạn ức kiếp không dứt.

Này Tu-Bồ-đề! Các chúng biến hóa ấy sẽ được thọ ký quả Tu-đà-hoàn cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Thưa không, Bạch đức Thế Tôn. Vì sao? Vì các chúng biến hóa ấy không có căn bản thật sự. Hết thảy pháp tính Không cũng không có căn bản thật sự, làm sao chúng sinh ấy được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng như vậy, vì chúng sinh thuyết tính Không, chúng sinh ấy thật không thể có được, chỉ vì chúng sinh bị đọa vào điên đảo nên kéo chúng sinh khiến an trú chỗ không điên đảo. Điên đảo tức là không điên đảo, điên đảo và không điên đảo tuy một tướng mà có nhiều người điên đảo, ít người không điên đảo. Trong chỗ không có điên đảo thì không có ta, không có chúng sinh, cho đến kẻ biết, kẻ thấy; trong chỗ không điên đảo cũng không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không có mười hai nhập, cho đến không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; ấy là các pháp tính Không. Bồ-tát trú trong ấy, khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, đối với chúng sinh điên đảo kéo họ ra, đó là không có chúng sinh, mà có tướng chúng sinh kéo họ ra, cho đến từ trong tướng có kẻ biết, có kẻ thấy họ kéo ra. Nôi không có sắc mà chấp có tướng sắc, nơi không có thọ, tưởng, hành, thức, mà chấp có tướng của thọ, tưởng, hành, thức, kéo chúng sinh ra; mười hai nhập, mười tám giới cho đến pháp hữu lậu cũng như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Cũng có các pháp vô lậu là bốn niệm xứ, cho đến tám phần thánh đạo. Các pháp ấy tuy vô lậu mà cũng không bằng đệ nhất nghĩa. Tướng đệ nhất nghĩa là vô tác, vô vi, vô sinh, vô tướng, vô thuyết... Đệ nhất nghĩa cũng gọi là tính Không, cũng gọi là Phật đạo, trong ấy không thể có được chúng sinh cho đến không thể có được kẻ

biết kẻ thấy, không có được sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến không thể có được Tám mươi vẻ đẹp tùy hình. Vì sao? Vì Bồ-tát chẳng phải vì đạo pháp nên cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà chính vì pháp thật tướng tính Không nên cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tính Không ấy tiền tế, hậu tế, trung tế cũng là tính Không, thường tính Không, không có lúc nào chẳng phải là tính Không. Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật tính Không, vì chúng sinh tham đắm tướng chúng sinh mà muốn kéo ra nên cầu Đạo chủng trí. Khi cầu Đạo chủng trí tu khắp hết thảy đạo, hoặc đạo Thanh văn, hoặc đạo Bích-chi Phật, hoặc đạo Bồ-tát. Bồ-tát đầy

đủ hết thảy đạo, kéo chúng sinh ra khỏi tà tưởng chấp trước, nghiêm tịnh cõi Phật xong, tùy theo thọ mạng của họ đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Quá khứ mười phương Phật đạo tính Không, vị lai, hiện tại mười phương Phật đạo cũng tính Không; lìa tính Không thì thế gian không có đạo, không có đạo quả, cần phải thân cận theo Phật, nghe các pháp tính Không, thực hành pháp ấy thì không mất Nhất thiết trí.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Rất sâu sắc, hiếm có! Các Bồ-tát hành tính Không ấy cũng không phá hoại tính Không; nghĩa là sắc khác với tính Không; thọ, tưởng, hành, thức khác với tính Không, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác khác với tính Không. Nhưng sắc tức là tính Không, tính Không tức là sắc, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tức là tính Không, tính Không tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Nếu sắc khác với tính Không, thọ, tưởng, hành, thức khác với tính Không, thì Bồ-tát không thể được trí Nhất thiết chủng, song đây sắc không khác tính Không, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không khác tính Không, nên Bồ-tát biết hết thảy pháp tính Không, mà phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì trong ấy không có pháp hoặc thật hoặc thường, chỉ có phàm phu tham trước vào sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Phàm phu thủ lấy tướng sắc, thủ lấy tướng thọ, tưởng, hành, thức, có ngã tâm chấp trước vật trong ngoài nên thọ thân sau; vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức thế nên không thể giải thoát sinh già bệnh chết, sầu ưu khổ não, qua lại năm đường. Vì việc ấy nên Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật tính Không, không phá hoại sắc pháp hoặc không, hoặc chẳng không. Vì sao? Vì tướng sắc tính Không, không phá hoại sắc, nghĩa là cho ấy là sắc, ấy là không; thí như hư không không phá hoại hư không; hư không bên trong không phá hoại hư không bên ngoài, hư không bên ngoài không phá hoại

hư không bên trong. Như vậy, sắc không phá hoại tính sắc không, tính sắc không không phá hoại sắc. Vì sao? Vì hai pháp ấy không có tự tính có thể phá hoại. Nghĩa là cho đó là không, đó là chẳng phải không, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng như vậy.

Tu-Bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp là không, không có phân biệt, thì làm sao Bồ-tát từ khi mới phát tâm lại đây nguyện rằng: Ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu hết thảy pháp không có phân biệt, làm sao Bồ-tát phát tâm rằng ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu phân biệt các pháp thì không thể được

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Nếu Bồ-tát hành hai tướng thì không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu phân biệt làm hai phần thì không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu không hai không phân biệt các pháp thì đó là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-đề là trống không không hai, không phá hoại. Bồ-đề ấy không hành trong sắc, không hành trong thọ, tưởng, hành, thức, cho đến cũng không hành trong Bồ-đề. Vì sao? Vì sắc tức là Bồ-đề, Bồ-đề tức là sắc không hai, không phân biệt, cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy. Bồ-đề ấy chẳng phải thủ nên hành, chẳng phải xả nên hành.

Tu-bồ-dề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-đề của Bồ-tát vì chẳng phải thủ nên hành, chẳng phải xả nên hành, vậy thì Bồ-đề của Bồ-tát hành chỗ nào?

Phật bảo Tu-Bồ-đề: Ý ông nghĩ sao? Như người của Phật biến hóa hành ở chỗ nào? Hành trong thủ hay hành trong xả?

Tu-Bồ-đề thưa: Chẳng phải hành trong thủ, chẳng phải hành trong xả.

Phật dạy: Bồ-đề của Bồ-tát cũng như vậy, chẳng phải hành trong thủ, chẳng phải hành trong xả. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? A-la-hán ở trong mộng, Bồ-đề hành chỗ nào? Hành ở trong thủ hay hành ở trong xả?

Thưa không, bạch Thế Tôn! Chẳng phải hành trong thủ, chẳng phải hành trong xả, vì A-la-hán không bao giờ ngủ, làm sao có Bồ-đề trong mộng hoặc hành trong thủ, hoặc hành trong xả!

Này Tu-bồ-đề! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Bồ-tát cũng như vậy, chẳng phải hành trong thủ, chẳng phải hành trong xả; nghĩa là hành trong sắc cho đến hành trong trí Nhất thiết chủng.

Bạch đức Thế Tôn! Phải chăng không có Bồ-tát không hành mười địa, không hành sáu Ba-la-mật, không hành ba mươi bảy pháp trợ đạo, không hành mười bốn không, không hành các thiền định, giải thoát, tam-muội, không hành mười lực của Phật cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình mà an trú trong năm thần thông, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Như lời ông nói, Bồ-tát không có chỗ hành. Nếu không đầy đủ mười địa, sáu Ba-la-mật, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo, môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô tác, mười lực của Phật cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình, thường hành pháp xả, pháp không sai lầm; không

đầy đủ các pháp ấy thì trọn không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát ấy trú trong tướng sắc, trú trong tướng thọ, tưởng, hành, thức, trú trong tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có thể đầy đủ mười địa cho đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tướng ấy thường tịch diệt, không có pháp có thể tăng có thể giảm có thể sinh diệt, có thể nhơ sạch, có thể đắc đạo, có thể đắc quả, vì theo pháp thế đế nên Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa đế. Vì sao? Vì trong đệ nhất nghĩa đế không có sắc cho đến không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có người hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hết thảy pháp ấy đều theo thế đế nên nói chẳng phải đệ nhất nghĩa đế. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát từ khi mới phát tâm lại đây hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bồ-đề cũng không thêm, chúng sinh cũng không bớt, Bồ-tát cũng không có thêm bớt.

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu người khi mới đắc đạo trú trong tam-muội vô gián được căn vô lậu thành tựu quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán thì theo ông, lúc bấy giờ người ấy có được gì, hoặc mộng, hoặc tâm, hoặc đạo, hoặc đạo quả chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn!

Phật bảo Tu-bồ-đề: Làm sao biết được đạo A-la-hán?

Bạch đức Thế Tôn! Vì theo thế đế nên phân biệt gọi là đạo A-la-hán.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Vì theo pháp thế đế nên nói là Bồ-tát, nói là sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng. Trong Bồ-đề ấy không có pháp có thể được, hoặc thêm hoặc bớt, vì các pháp tính Không. Các pháp tính Không còn không thể được, huống gì được tâm sô địa cho đến tâm đệ thập địa, sáu Ba-la-mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo, tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác cho đến hết thảy Phật pháp lại có thể có được? Không có lẽ ấy. Như vậy, Bồ-tát hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác lợi ích chúng sinh.

LUẬN: Phẩm trên Tu-bồ-đề mỗi mỗi nhân duyên đều vấn nạn: Nếu các pháp là tính Không thì làm sao có năm đường sinh tử, pháp thiện và bất thiện? Nay ở đây vấn nạn về chúng sinh rằng: Nếu chúng sinh rốt ráo không thể có được, thì Bồ-tát vì ai nên hành Bát-nhã Ba-la-mật? Trước là vấn vạn pháp vì chúng sinh, nay vấn nạn chúng sinh vì pháp. Phật đáp: Vì thật tế nên Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật. Còn ý Tu-bồ-đề muốn nói: Vì độ chúng sinh nên Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật. Ý Phật trả lời: Chúng sinh giả danh hư dối, rốt ráo không thể có được; Bồ-tát chỉ vì hết thảy thật pháp nên hành Bát-nhã Ba-la-mật, thật pháp tức là thật tế.

Hỏi: Hết thảy Bồ-tát thấy chúng sinh khổ não, vì độ chúng sinh nên phát tâm đại bi, nay có gì nói vì thật tế?

Đáp: Bồ-tát mới phát tâm chỉ vì diệt khổ cho chúng sinh nên phát tâm đại bi. Khổ đó là già, bệnh, chết và thân tâm suy não, làm sao diệt khổ ấy? Tìm nhân duyên của khổ là do sinh, như Phật nói trong mười hai nhân duyên: Vì nhân duyên gì nên có già bệnh chết? Là vì có sinh.

Hỏi: Hết thảy chúng sinh cũng đều biết sinh làm nhân duyên cho khổ, vậy Bồ-tát có gì đặc biệt?

Đáp: Chúng sinh không biết do sinh có khổ. Nếu khi gặp khổ chỉ oán hận người khác, còn tự mình có điều không ưa thích, không bao giờ sinh oán mình; vì thế mà tăng trưởng kiết sử nên càng làm tăng trưởng việc sinh, không biết nguyên nhân thật của khổ. Có người không có các sầu não về roi gậy, đao binh, mà chỉ có sự chết khổ, sự chết khổ ấy từ đâu đến? Chính là từ sinh đưa đến.

Lại nữa, roi gậy, đao binh, sầu não đều do sinh nên có; các việc khác hoặc có khổ, hoặc không khổ, còn việc sinh chắc chắn có khổ. Chính ngay người đại trí và chư thiên, hễ có sinh chắc có chết, có chết chắc có khổ. Thế nên biết, sinh chắc chắn là gốc của khổ; như cỏ cây có sinh nên chắc chắn có thể đốt cháy, nếu không sinh thì tuy có lửa dữ, gió mạnh mà cũng không đốt cháy hủy hoại được. Bồ-tát đã biết được nhân duyên của khổ, lại suy đến là do sinh; sinh làm nhân duyên cho hữu: Hữu đây là Dục hữu, Sắc hữu và Vô sắc hữu. Tham đắm ba hữu ấy khởi các nghiệp thiện ác, đó là nhân của sinh. Nhân của hữu là bốn thủ. Nhân duyên của thủ là các phiền não tham, ái... Khi còn bé chưa thể tạo nghiệp, nên gọi là ái; khi khôn lớn, có thể tạo nghiệp nên gọi là thủ. Dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ; vì thủ trước bốn việc ấy nên có thể khởi tạo các nghiệp. Nhân duyên của ái là ba thọ; nhân duyên của thọ là sáu căn và xúc thọ. Xúc là các tâm số pháp thọ...; căn, trần, thức, ba việc ấy hòa hợp nên trong tâm sinh ra tâm số thọ... Căn bản tuy có ba việc hòa hợp lại mà sinh xúc, làm chỗ nương dựa của sáu căn nên chỉ nói sáu nhập. Nhân duyên của sáu nhập là danh sắc; sáu nhập tuy chính là phần danh sắc, thành tựu gọi là sáu nhập, chưa thành tựu gọi là danh sắc; sắc thành tựu gọi là năm nhập; danh thành tựu gọi là một nhập. Khi ở trong bào thai, do nhân duyên thứ lớp gọi là danh sắc. Nhân duyên của danh sắc là thức, nếu thức không vào thai ngay lúc đầu thì quái thai lúc đầu bị tan rã. Thức là năm uẩn của thân trung ấm, vì năm uẩn đó vi tế nên chỉ gọi là thức. Nếu thức không vào mà thai thành tựu, thì như khi mọi việc khác hòa hợp, đều có thể thành thai cả hay sao?

Hỏi: Do nhân duyên gì mà thức vào thai?

Đáp: Vì nhân duyên của hành. Hành tức là ba nghiệp quá khứ. Nghiệp dẫn thức vào thai, như gió thổi đốm lửa bay đi giữa không, đốm lửa ấy nương nơi gió; đời trước khi làm thân người, vì sáu thức nên khi mệnh chung, nghiệp dẫn thức vào thai.

Hỏi: Nghiệp nói trên kia sao gọi là hữu? Nghiệp nói ở đây sao gọi là hành?

Đáp: Nghiệp trên kia là nghiệp đời nay, vì nó có vị lai nên gọi là hữu. Nghiệp nôi đây là nghiệp đời quá khứ đã diệt rồi, chỉ có tên nên gọi là hành. Nhân duyên của hành ấy do vô minh, hết thảy phiền não tuy là nghiệp duyên quá khứ, nhưng vô minh là căn bản nên chỉ gọi là vô minh. Đời nay chấp trước ái và thủ nhiều nên lấy tên ái và thủ, còn trong quá khứ là chỗ sinh nghi, và tà kiến nhiều, nên chỉ gọi là vô minh. Nay đây cái làm căn bản cho hết thảy khổ não, đó là vô minh.

Hỏi: Sinh tử vô thỉ triển chuyển rất nhiều, cớ sao chỉ giới hạn ngang vô minh?

Đáp: Việc ấy trước đã đáp rồi. Bồ-tát suy nghĩ: Vì người ta từ chỗ khổ được thoát nên tìm nguyên nhân của khổ. Cái khổ già chết quá khứ và hiện tại của chúng sinh không có thể trừ được, chỉ trừ được cái khổ già chết trong đời vị lai, nên dứt sự tương tục, không để cho sinh trở lại. Như vị thầy thuốc giỏi không thể trị bệnh quá khứ, bệnh hiện tại cũng không thể trị, uống thuốc chỉ có thể trị bệnh sắp phát sinh, phá sự nóng lạnh, không cho phát sinh trở lại. Lại như nhà bị lửa cháy, không phải vì ngọn lửa đã qua nên cố gắng diệt, cũng không vì ngọn lửa hiện tại nên cố gắng diệt, chỉ vì ngọn lửa sắp đến, không để cho nó cháy tiếp nên cố gắng diệt. Thầy thuốc giỏi, người chữa lửa siêng dùng phương tiện không hư phí, Bồ-tát diệt khổ não cho chúng sinh cũng như vậy. Sự khổ quá khứ đã diệt không còn gì để diệt, sự khổ hiện tại do nhân duyên đời trước đã thành tựu nên cũng không thể diệt, chỉ phá nhân duyên các khổ già, chết trong đời tương lai, nên phá sự sinh ấy thì khổ già chết tự nhiên chấm dứt. Thế nên Bồ-tát muốn diệt sự sinh, là nhân duyên của khổ già chết trong đời vị lai. Bồ-tát muốn diệt nhân duyên sinh, nên diệt hữu trong đời hiện tại. Hữu trong đời hiện tại có tám nhân duyên: 1. Nghiệp hữu lậu; 2. Các phiền não hiện tại, đó là bốn hữu và một ái; hai thứ phiền não ấy từ hai tâm số pháp phát sinh, đó là thọ và xúc. Xúc sinh tất cả tâm số pháp, vì xúc sinh trước thọ nên được gọi xúc là nhân duyên của thọ. Thọ tuy sinh ba độc mà đối với chúng sinh ái là phiền não cũ. Nhân duyên của xúc là sáu nhập bên trong, như trước nói. Tuy có sáu

nhập bên ngoài, nhưng nếu không có sáu nhập bên trong, thì xúc tâm sở... không sinh được. Thế nên sáu nhập bên trong được gọi tên sáu nhập. Danh và sắc là nhân duyên của sáu nhập như trong đây nói, thức mới vào thai là nhân duyên của danh sắc, thức và danh sắc ở trong thai, nơi đây tuy có sáu nhập, vì chưa thành tựu, chưa thể có tác dụng nên chưa được gọi danh tự sáu nhập mà chỉ gọi là danh sắc. Khi đã sinh hài nhi, chưa thể có tạo nghiệp, chỉ có sáu nhập; dần dần khôn lớn, có sáu xúc, như tiểu nhi đạp lửa, đi trên băng, chỉ có xúc chứ chưa biết khổ vui; dần khôn lớn, thọ khổ vui nhưng chưa ưa đắm sâu, như tiểu nhi tuy giận nhưng chưa thể khởi ác nghiệp sát, tuy mừng nhưng chưa thể khởi nghiệp thiện bố thí... Tuổi thành người gặp khổ sinh giận, gặp vui sinh ưa tức là ái; tìm các thứ vui nên có bốn thủ là dục thủ...; khi thủ thì hay khởi lên các nghiệp thiện ác; nếu biết nghiệp duyên nôi vô minh của một đời trước thì có thể nhớ biết muôn đời. Thí như hiện tại lửa nóng, lửa quá khứ vị lai cũng như vậy. Nếu lại tìm gốc ngọn nhân duyên của vô minh thì vô cùng, tức rơi vào biên kiến, mất đạo Niết-bàn, thế nên không nên tìm. Nếu lại tìm thì đọa vào hý luận, chẳng phải Phật pháp. Bồ-tát vì muốn dứt vô minh nên tìm thể tướng vô minh; khi tìm liền vào rốt ráo không. Vì sao? Vì kinh Phật nói tướng vô minh: Là không biết pháp trong, không biết pháp ngoài, không biết pháp trong ngoài. Bồ-tát do nội không mà quán pháp trong, pháp trong liền không; do ngoại không mà quán pháp ngoài, pháp ngoài liền không; do nội ngoại không mà quán pháp trong ngoài, pháp trong ngoài liền không. Như vậy, hết thảy đều là tướng vô minh, như phẩm trước trong kinh Đức Nữ phá vô minh đã nói rộng.

Lại nữa, Bồ-tát tìm thể tướng vô minh tức là minh; nghĩa là thật tướng các pháp gọi là thật tế. Quán các pháp như huyễn như hóa, chúng sinh vì điên đảo nên khởi các phiền não, gây nghiệp tội ác, luân chuyển năm đường, chịu khổ sinh tử; thí như tằm nhả tô tự trói mình, vào trong nước sôi lửa cháy; chúng sinh phàm phu cũng như vậy, khi mới sinh ra chưa có các phiền não, về sau tự sinh các phiền não tham dục, sân giận, nhân phiền não ấy nên che lấp chân trí, chuyển đổi thân, thọ lửa cháy, nước sôi trong địa ngục. Bồ-tát biết pháp ấy gốc ngọn đều không, chỉ chúng sinh vì điên đảo sai lầm nên thọ khổ như vậy. Bồ-tát đối với chúng sinh ấy khởi tâm từ bi, muốn phá điên đảo ấy nên tìm thật pháp, hành Bát-nhã Ba-la-mật, thông suốt thật tế; dùng mỗi mỗi nhân duyên giáo hóa chúng sinh khiến an trú trong thật tế. Thế nên an trú thật tế, không có lỗi.

Lại nữa, trong kinh nói, nếu chúng sinh tế với thật tế khác nhau thì Bồ-tát không thể hành Bát-nhã Ba-la-mật. Khác là, thật tế rốt ráo không,

còn chúng sinh tế quyết định có; nếu như vậy thì nên vấn nạn: Nếu tướng các pháp thật tế là không, làm sao Bồ-tát vì chúng sinh nên tu thật tế ấy? Còn nếu chúng sinh rốt ráo không mà thật tế nhất định có, như vậy không có chúng sinh thì không có lợi ích gì, Bồ-tát vì ai nên hành thật tế? Song nay, chúng sinh tế thật sự không khác với thật tế nên hành Bát-nhã Ba-la-mật; muốn giác ngộ chúng sinh cuồng hoặc, điên đảo nên hành Bát-nhã Ba-la-mật, khiến chúng sinh an trú trong thật tế mà không phá hoại thật tế.

Khi ấy, Tu-bồ-đề lại hỏi: Nếu chúng sinh tế và thật tế không khác nhau, làm sao lấy thật tế để vào thật tế? Tự tính Không thể ở trong tự tính, như đầu ngón tay không thể tự chạm đầu ngón tay? Phật chấp thuận ý ấy rằng: Bồ-tát do sức phương tiện nên kiến lập chúng sinh nơi thật tế, mà chúng sinh và thật tế không khác nhau; chúng sinh và thật tế là một cũng không thể có được. Nếu là một thì phá hoại tướng thật tế. Vì sao? Vì đó là một tính. Bồ-tát biết hai pháp ấy chẳng một chẳng hai, cũng không chẳng một, cũng không chẳng hai, rốt ráo tịch diệt không có tướng hý luân. Bồ-tát sinh tâm đại bi, chỉ muốn kéo chúng sinh ra khỏi điên đảo nên giáo hóa chúng sinh.

Tu-bồ-đề hỏi: Sao gọi là phương tiện?

Phật dạy: Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, do sức phương tiện nên kiến lập chúng sinh trong Thí Ba-la-mật, nói rằng bố thí ấy tiền tế, hậu tế không, trung tế cũng không, như trong Kinh đây nói rộng. Bồ-tát biết thật tế là đạt đến biên tế chúng sinh, như trong phẩm Bố thí trước đã nói. Chúng sinh nghe rồi phát tâm, chẻ mỏng phiền não, rất ưa bố thí. Bồ-tát thương xót chúng sinh: Ta đã từ trong chỗ xan tham kéo họ ra, sao nay lại đắm vào bố thí! Chúng sinh nếu thọ hết phước bố thí trở lại thọ các khổ não; lại vì hưởng thọ phước đức giàu sang, gây ra tội lớn thì đọa địa ngục. Thế nên thương chúng sinh ấy được vui trong chốc lát mà thọ khổ lâu dài. Do vậy, Bồ-tát vì chúng sinh nói thật tướng của bố thí là rốt ráo không, nói rằng: Sự bố thí quá khứ đã dứt, không thể thấy, không thể nắm bắt được, không thể dùng, chỉ có thể nhớ nghĩ, như nhớ nghĩ việc thấy trong mộng không khác nhau; việc bố thí vị lai chưa sinh nên cũng không có gì, rốt ráo không. Bố thí tiền tế, hậu tế không có như vậy nên trung tế cũng không có, như trong phẩm Phá sáu trần, Phá sắc pháp nói: Việc bố thí hiện tại tuy mắt thấy nhưng phân tích từng phần cho đến vi trần không thể có được. Bố thí trong ba đời không, người thí, người thọ và quả báo cũng như vậy. Bồ-tát nói với người bố thí rằng: Pháp bố thí là cửa ban đầu vào Phật pháp, trong thật tế, tướng thật tế cũng không có, huống gì bố thí! Ngươi chớ nghĩ, chớ đắm

trước vào pháp bố thí; nếu không nghĩ, không đắm trước thể tướng bố thí, thì người bố thí như vậy mới được vị cam lồ, quả cam lồ.

Vị cam lồ là tám phần thánh đạo; quả cam lồ là Niết-bàn. Bồ-tát tuy trú trong thật tế mà do sức phương tiện đem môn bố thí độ chúng sinh. Các Ba-la-mật khác cũng như vậy.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Nếu hết thảy pháp tính Không, mà trong tính Không có pháp và phi pháp, cũng không có chúng sinh thì Bồ-tát làm sao trú trong tính Không cầu trí Nhất thiết chủng?

Phật dạy: Bồ-tát vì an lập trong tính Không cho nên có thể hành bố thí...

Tu-bồ-đề hỏi: Tính Không phá hết thảy pháp, sạch hết không còn thừa, làm sao Bồ-tát trú trong tính Không mà có thể hành bố thí...

Phật chấp thuận ý Tu-bồ-đề và nói nhân duyên: Bồ-tát biết thật tướng các pháp và trú trong ấy nên có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thật tướng các pháp tức là tính Không. Nếu các pháp là tính chẳng không thì Bồ-tát không thể trú trong tính Không ấy được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và vì chúng sinh thuyết pháp tính Không, là thuyết sắc tính Không, thọ, tưởng, hành, thức tính Không, cho đến trí Nhất thiết chủng và sự dứt phiền não tập khí cũng tính Không.

Lại nữa, nếu tính mười tám Không chẳng Không, thì ấy là phá hoại thể không. Vì sao? Vì mười tám Không, có thể làm cho hết thảy pháp Không, nếu tự mình chẳng Không thì là hư dối. Nếu tự mình chẳng Không thì đọa vào bên chấp thường, sinh ra phiền não. Tính Không, không có trú xứ thật, không từ đâu đến, không đi đến đâu; ấy gọi là pháp tướng thường trú. Pháp tướng thường trú là tên khác của tính Không, cũng gọi là thật tướng các pháp; trong thật tướng ấy không có sinh diệt, tính Không thêm bớt, tính Không nhơ sạch. Bồ-tát trú trong ấy thấy hết pháp là tính Không, đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không nghi, không hối. Vì sao? Vì không thấy pháp có thể làm chướng ngại; do sức phương tiện nên độ thoát chúng sinh. Sức phương tiện là rốt ráo không có pháp, cũng không có chúng sinh mà vẫn độ chúng sinh.

Hỏi: Nếu chúng sinh và pháp từ trước lại đây không có vậy thì vì ai mà Bồ-tát dùng sức phương tiện, vì ai độ thoát?

Đáp: Tính Không là tính Không cũng không có, ông vì cớ gì thủ lấy tướng của tính Không ấy để vấn nạn? Nếu có tướng của tính Không thì mới nên vấn nạn!

Lại nữa, người biết được thật tướng các pháp là biết tính Không ấy.

Người ấy biết các pháp tính Không không có pháp, không có chúng sinh; phàm phu chưa biết được thật tướng nên mỗi mỗi ức tưởng phân biệt; thí như người cuồng vọng chấp chỗ thấy biết, cho là thật có. Vì cứu độ người phàm phu cuồng si nên vì chúng sinh nói ở trong si cuồng có phân biệt các pháp ấy, còn trong thật pháp thì không có. Bồ-tát muốn đầy đủ bản nguyện mà không đắm trước tính Không cho nên có thể độ chúng sinh; thì việc ấy không nên vấn nạn.

Lại nữa, trong Kinh này Phật tự nói nhân duyên: Trong tính Không, chúng sinh không thể có được, kẻ biết kẻ thấy cũng không thể có được, cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình cũng như vậy. Song Bồ-tát kiến lập pháp ấy vì chúng sinh thuyết giảng, đây là theo thế đế, chẳng phải thật nghĩa. Trong Kinh đây Phật nêu ví dụ: Như người của Phật biến hóa, người biến hóa ấy hóa làm bốn bộ chúng mà vì họ thuyết pháp, thì có thể có người đắc đạo chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không. Vì sao? Vì thật không có căn bản, làm sao có người đắc Tu-đà-hoàn cho đến Phật quả? Bồ-tát thuyết pháp độ chúng sinh cũng như vậy. Chúng sinh không có thật tướng nhất định, chỉ muốn kéo chúng sinh ra khỏi điên đảo, đặt vào chỗ không điên đảo. Không điên đảo cũng không có xứ sở, trong ấy không có chúng sinh, cho đến không có kẻ biết kẻ thấy. Tuy tính Không là một tướng mà kẻ điên đảo nhiều, kẻ không điên đảo ít; thế nên quý tính Không, không điên đảo ấy. Bồ-tát trú trong ấy chỉ phá vọng tưởng của chúng sinh, chứ không phá chúng sinh. Lại, pháp vô lậu cho đến tám phần thánh đạo, tuy là vô lậu, nhưng vì sinh diệt nên không như đệ nhất nghĩa đế. Này Tu-bồ-đề! Tính Không ấy chư Phật chỉ có đạo ấy, không có đạo gì khác. Vì sao? Vì chư Phật đều cầu thật trí, cầu pháp không hoại không khác; tuy có mười lực, bốn điều không sợ khác nhau mà không gọi là một đạo. Vì sao? Vì các pháp ấy đều là pháp hữu vi, vô thường, chuyển biến; trong tính Không ấy không có chúng sinh, cũng không có sắc pháp... Bồ-tát không vì Bồ-tát đạo, mà chỉ vì tính Không cho nên cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hỏi: Thế nào là tính Không, thế nào là Bồ-tát đạo?

Đáp: Trong đệ nhất nghĩa không có phân biệt, trong thế đế có phân biệt. Thật tướng các pháp là tính Không; bố thí... cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình là đạo Bồ-tát. Tuy hành đạo ấy mà không vì đạo ấy, chỉ vì cầu tính Không; thế nên nói không vì Bồ-tát đạo nên hành tính Không. Trước cũng tính Không, giữa cũng tính Không, sau cũng tính Không; từ trước lại đây thường Không, không có người làm, chẳng phải vì sức phước đức nên làm cho không, cũng chẳng phải vì sức trí tuệ nên làm cho Không, chỉ vì tính

nó tự như vậy. Chư Phật, Hiền Thánh do sức phước đức lớn, trí tuệ, phương tiện nên phá điên đảo trong tâm chúng sinh khiến biết tính Không; thí như hư không tính thường thanh tịnh, không dính bụi mờ; hoặc khi gió mây che mờ, người đời liền nói hư không không sạch, lại khi gió mạnh thổi sạch mây mờ liền nói hư không trong sạch, mà hư không thật không nhơ không sạch; Phật cũng như vậy. Vì ngọn gió thuyết pháp mạnh thổi hết mây mù điên đảo khiến được trong sạch, nhưng pháp tính thường tự không nhơ không sạch. Bồ-tát vì biết hết thảy pháp là tính Không, cho nên có thể hành các đạo độ chúng sinh. Đầy đủ hết thảy đạo, nghiêm tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh, khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tùy ý sống lâu. Tùy ý sống lâu là Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn. Vào Bồ-tát đạo như huyễn, có thể một lúc biến hóa làm ngàn vạn ức thân, ở khắp mười phương tu đầy đủ các Bồ-tát đạo; ở trong mỗi cõi nước tùy thọ mạng của chúng sinh dài ngắn mà thọ thân hình; như đức Thích-Ca Văn Mâu Ni Phật ở cõi nước này sống lâu trăm tuổi còn ở cõi Phật Trang Nghiêm sống lâu vô số kiếp. Phật pháp là đệ nhất, bất khả tư nghì trong năm việc bất khả tư nghì.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Hết thảy pháp tính Không là nhân pháp của chư Phật, nếu ngộ được pháp ấy thì gọi là Phật, nếu thuyết pháp ấy gọi là vì độ chúng sinh. Ba đời các đức Phật đều như vậy. Lìa tính Không ấy thì không có đạo, không có quả. Đạo là tám phần thánh đạo; quả là bảy bậc quả. Vì sao? Vì nếu lìa tính Không mà riêng có pháp nhất định thì sinh tâm chấp thủ tướng; chấp thủ tướng nên không thể lìa dục; không lìa dục thì không có đạo, không có quả. Nếu lìa tính Không thì tuy hành bố thí, trì giới, từ bi hỷ xả, tuy không đọa ác đạo được sinh lên cõi trời, mà khi phước hết thì trở lại đọa vào ác như cũ. Còn hành tính Không cũng không chấp trước tính Không, tức là Niết-bàn. Hành các pháp khác, sinh tâm chấp trước nên có thối thất. Nếu hành tính Không này thì không có thối thất.

Tu-bồ-đề vui mừng bạch Phật rằng: Rất hy hữu! Bồ-tát hành tính Không ấy cũng không phá hoại tướng của tính Không.

Phật dạy: Nếu sắc pháp... với tính Không khác nhau, thì Bồ-tát không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì có pháp nhất định thì không thể xa lìa. Nay sắc pháp... tính thật Không, Bồ-tát biết pháp ấy rồi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì trong ấy không có một pháp nhất định thường, chỉ phàm phu vì sinh tâm chấp ngã, đắm trước pháp trong, pháp ngoài, không được giải thoát sinh già bệnh chết; thế nên Bồ-tát hành tính Không ấy, hòa hợp với sáu Ba-la-mật, không phá hoại tướng các pháp sắc... nghĩa là không nói sắc... hoặc không, hoặc chẳng

không, hoặc không chẳng không, hoặc chẳng phải không chẳng phải chẳng không; không nói, không chỉ bày các pháp tướng như vậy, ấy gọi là không phá hoại. Vì sao? Vì thật tướng của sắc tức là tính Không, tính Không thì làm sao tự phá hoại tính Không? Cho đến tính Bồ-đề cũng như vậy. Trong Kinh đây Phật nói thí dụ: Hư không bên trong không phá hoại hư không bên ngoài, vì đồng thể.

Tu-bồ-đề hỏi: Nếu các pháp là tính Không, không có sai khác, thì Bồ-tát ở chỗ nào được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Phật chấp thuận ý ấy rằng: Đúng vậy. Nếu phân biệt có hai tướng thì không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là thật trí tuệ, không hành ở trong sắc pháp; nghĩa là không đắm, không nhiễm sắc pháp... Vì sao? Vì trí tuệ ấy không thủ sắc cho nên hành; thế nên không hành trong sắc.

Tu-bồ-đề lại hỏi: Nếu Bồ-đề không hành trong chấp thủ, không hành trong xả, vậy sẽ hành chỗ nào? Thủ là thật pháp; xả bỏ là không pháp. Thủ gọi là chấp trước hành; xả bỏ gọi là không chấp trước hành. Thủ gọi là hai hành; xả bỏ gọi là không hai hành; phân biệt như vậy.

Phật hỏi ngược lại Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao? Người của Phật biến hóa ra hành ở chỗ nào? Tu-bồ-đề thưa: Người biến hóa ấy không có chỗ hành, vì người biến hóa không có tâm tâm số pháp; Bồ-đề cũng như vậy. Phật lại hỏi: Ý ông nghĩ sao? Bồ-đề của A-la-hán ở trong mộng, hành ở chỗ nào?

Tu-bồ-đề thưa: A-la-hán còn không ngủ, huống gì Bồ-đề ở trong mộng mà có chỗ hành!

Hỏi: Bồ-đề có ba thứ: A-la-hán Bồ-đề, Bích-chi Phật Bồ-đề và Phật Bồ-đề. A-la-hán không hành trong tâm hữu lậu, không hành trong tâm vô ký, chỉ hành trong tâm vô lậu, cớ gì Phật hỏi Bồ-đề của A-la-hán trong mộng là hành ở chỗ nào?

Đáp: A-la-hán là thánh nhân sạch hết lậu hoặc nên không có mộng. Phật vì chắc chắn không có chỗ hành nên hỏi để muốn làm rõ nghĩa chắc chắn không hành.

Hỏi: Tu-bồ-đề hỏi: Cho đến Phật còn có ngủ, làm sao biết? Vì Phật thường bảo A-nan: Ông hãy xếp y Uất-đa-la-tăng làm bốn, ta muốn ngủ chút ít. ông hãy thay Ta vì hàng Tỳ-kheo thuyết pháp. Lại, Tác-giá Ni-kiền-tử hỏi Phật: Phật tự nhớ ban ngày có ngủ chăng? Phật đáp: Cuối mùa Xuân, đầu mùa Hạ, vì lúc ấy trời nóng nên Ta ngủ nghỉ chút ít để trừ bệnh hoạn vì ăn. Tác-giá Ni-kiền-tử hỏi Phật: Có các người khác nói: Ngủ ban ngày

là tướng si? Phật đáp: Ngươi để đấy. Ngươi không phân biệt được tướng si. Các lậu hoặc làm tương tục sinh thân sau không dứt, ấy gọi là tướng si; tuy thường không ngủ cũng là si; nếu các lậu hoặc ấy diệt trừ vĩnh viễn, không còn sót lại thì tuy ngủ mà không gọi là si. Những điều như vậy trong Kinh nhiều nơi nói đến. Tu-bồ-đề cớ gì nói A-la-hán còn không ngủ?

Đáp: Ngủ có hai cách: Một là ngủ có mộng; hai là ngủ không có mộng. A-la-hán không phải vì ham đắm an ổn nên ngủ, mà chỉ vì thọ thân tứ đại nên phải có ăn, có nghỉ, có ngủ, có thức; vì thế trong thời gian chốc lát nghỉ gọi là ngủ, không phải ngủ có mộng. Tu-bồ-đề nói A-la-hán còn không ngủ, có người nói: Người lìa dục được thiền định, bốn đại sắc giới vào trong thân, thân tâm hoan lạc thì không có ngủ. Bậc A-la-hán được tuệ giải thoát, bốn đại sắc giới không vào trong thân nên có ngủ. Thế nên Tu-bồ-đề nói A-la-hán còn không ngủ; vì vậy A-la-hán hoặc có ngủ, không ngủ. Phật do sức phương tiện vì độ chúng sinh, hiện làm thân người nên hiện có ngủ.

Tu-bồ-đề lại hỏi: Nếu không hành thì làm sao Bồ-tát từ sơ địa đến đệ thập địa cho đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Phật chấp thuận ý ấy rằng, Bồ-đề tuy không có chỗ hành, chưa đầy đủ sáu Ba-la-mật, thì trọn không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát ấy trú trong sắc tướng cho đến trú trong tướng Bồ-đề được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không bỏ sắc pháp, cũng không trước tướng Bồ-đề; biết sắc pháp tức là Bồ-đề, thường tịch diệt không có pháp hoặc tăng hoặc giảm, hoặc nhơ hoặc sạch, hoặc đắc đạo, hoặc đắc quả. Đây chỉ là theo thế đế nên nói. Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong đệ nhất nghĩa không có sắc cho đến không có Bồ-đề. Phật muốn làm rõ nghĩa ấy nên hỏi ngược lại Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao? Khi ông dứt phiền não mà đắc đạo, có đắc gì chăng? Nghĩa là như thân năm uẩn trong mộng quả chắc chắn có một pháp hoặc đạo hoặc quả chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Không được. Vì sao? Ý Tu-bồ-đề muốn nói: Trú trong môn Vô tướng mà vào đạo thì làm sao thủ tướng? Ý Phật nói: Nếu ông cho đến không thủ đắc mảy may pháp, thì làm sao gọi ông là A-la-hán? Tu-bồ-đề thưa: Theo thế đế nên nói là A-la-hán; trong pháp điên đảo của phàm phu có được, có mất, có chúng sinh, có pháp.

Phật dạy: Bồ-đề cũng như vậy, theo pháp thế đế nên nói có Bồ-tát, nói có sắc pháp cho đến nói có Bồ-đề; trong Bồ-đề không có pháp nhất định, cũng không có chúng sinh, cũng không có Bồ-đề. Bồ-tát quán pháp Bồ-đề ấy không có tăng giảm. Vì sao? Vì pháp tính tự nó như vậy. Bồ-tát

cũng không được pháp tính ấy, huống gì có kẻ từ sô tâm cho đến đệ thập địa và sáu Ba-la-mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo cho đến mười tám pháp không chung, lại có thể có được? Không có lẽ ấy. Vì sao? Vì các pháp tính là căn bản của hết thảy pháp còn không thể có được, huống gì sáu Ba-la-mật là pháp có tạo tác lại có thật tướng nhất định? Như vậy, Bồ-tát hành pháp tính ấy khi được thành Phật có thể làm lợi ích lớn cho chúng sinh.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 91

GIẢI THÍCH PHẨM TÁM MƯƠI MỐT: CHIẾU SÁNG

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát tu sáu Ba-la-mật, mười tám không, ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, không đầy đủ Bồ-tát đạo thì không thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vậy Bồ-tát làm thế nào đầy đủ Bồ-tát đạo, có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, do sức phương tiện nên hành Thí Ba-la-mật, không thấy có bố thí, không thấy có người thí, không thấy có người nhận thí, cũng không xa lìa pháp ấy mà hành bố thí thì chiếu sáng đạo Bồ-tát. Như vậy, Bồ-tát do sức phương tiện nên đầy đủ đạo Bồ-tát; đầy đủ rồi có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cho đến mười tám pháp không chung, cũng như vậy.

Xá-lợi-phất bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát làm thế nào tập hành Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Như Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, dùng sức phương tiện không hoại sắc, không theo sắc. Vì sao? Vì sắc ấy tính Không có nên không theo, không hoại; cho đến thức cũng như vậy. Này Xá-lợi-phất, Bồ-tát hành Bát-nhã, do sức phương tiện nên bố thí không hoại, không theo. Vì sao? Vì bố thí tính Không có; cho đến mười tám pháp không chung, cũng như vậy.

Xá-lợi-phất bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp không có tự tính có thể hoại, có thể theo, thì Bồ-tát làm thế nào có thể tập hành Bát-nhã Ba-la-mật và chỗ sở học của các Bồ-tát. Vì sao? Vì Bồ-tát không học Bát-nhã Ba-la-mật thì không thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Như lời ông nói, Bồ-tát không học Bát-nhã Ba-la-mật thì không thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì không thể lìa sức phương tiện mà có thể được. Nếu Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật

hoặc thấy có một pháp có được thì nên thủ lấy, nếu không có thể được thì thủ lấy cái gì? Nghĩa là cho đây là Bát-nhã Ba-la-mật, cho đây là Thiền Ba-la-mật, cho đến đây là Thí Ba-la-mật; đây là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến đây là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Xá-lợi-phất! Bát-nhã Ba-la-mật không thể thủ tướng, cho đến hết thảy Phật pháp không thể thủ tướng; ấy gọi là Bát-nhã không thủ tướng, cho đến Phật pháp không thể thủ tướng, là chỗ Bồ-tát nên học. Bồ-tát khi học ở trong ấy, tướng học cũng không thể có được, huống gì Bát-nhã Ba-la-mật, pháp Phật, pháp Bồ-tát, pháp Bích-chi Phật, pháp Thanh-văn, pháp người phàm phu. Vì sao? Vì không có một pháp nào có tự tính. Pháp không có tự tính như vậy thì cái gì là người phàm phu, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát và Phật? Nếu không có các Hiền Thánh ấy thì làm thế nào có pháp? Vì biết pháp ấy nên phân biệt nói đây là người phàm phu, đây là Tu-đà-hoàn cho đến là Bồ-tát, là Phật.

Xá-lợi-phất bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Nếu pháp không có tự tính, không thật, không có căn bản thì làm thế nào biết đó là người phàm phu cho đến biết đó là Phật?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Chỗ người phàm phu đắm trước là sắc có tự tính có thật chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn! Chỉ do tâm điên đảo mà thấy có; thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung, cũng như vậy.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát khi hành Bát-nhã, do sức phương tiện nên thấy các pháp không có tự tính, không có căn bản nên có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Xá-lợi-phất bạch Phật: Bồ-tát làm thế nào khi hành Bát-nhã Ba-la-mật do sức phương tiện nên thấy các pháp không có tính, không có căn bản nên có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy căn bản các pháp nên ở trong ấy sinh tâm giải đãi thối thất. Này Xá-lợi-phất! Căn bản các pháp thật không có ngã, không có sở hữu, tính thường không, chỉ vì ngu si điên đảo nên chúng sinh chấp trước năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới. Bồ-tát khi thấy các pháp không có tính sở hữu, tính thường không, tự tính Không mà hành Bát-nhã Ba-la-mật thì

tự an lập như huyễn sư, vì chúng sinh mà thuyết pháp: Dạy bố thí cho người tham, dạy trì giới cho người phá giới, dạy nhẫn nhục cho người sân hận, dạy tinh tấn cho người giải đãi, dạy thiền định cho người loạn tưởng, dạy trí tuệ cho người ngu si, khiến chúng sinh trú trong bố thí cho đến trí

tuệ, vậy sau mới nói thánh pháp có thể giải thoát khổ; dùng pháp ấy nên được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Xá-lợi-phất bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát thấy chúng sinh ấy không có sở hữu nên dạy khiến bố thí, trì giới cho đến trí tuệ, vậy sau nói thánh pháp có thể giải thoát khổ, do pháp ấy nên được quả Tu-đà-hoàn cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, không có tội lỗi có thể có được. Vì sao? Vì Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy có chúng sinh, chỉ vì "pháp không" tương tục nên gọi là chúng sinh. Bồ-tát dùng hai đế vì chúng sinh thuyết pháp, là thế đế và đệ nhất nghĩa đế. Trong hai đế ấy, chúng sinh tuy không thể có được, song vì Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, dùng sức phương tiện nên vì chúng sinh thuyết pháp. Chúng sinh nghe pháp ấy biết ta, tôi đời nay còn không thể có được, huống gì pháp được dùng và người được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác! Như vậy, Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, do sức phương tiện nên vì chúng sinh thuyết pháp.

Xá-lợi-phất bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Tâm Bồ-tát rộng lớn, không có pháp có thể có được, hoặc một tướng, hoặc khác tướng, hoặc dị tướng mà có thể trang nghiêm lớn như vậy. Vì trang nghiêm ấy nên không sinh cõi Dục, không sinh cõi Sắc, không sinh cõi Vô sắc; không thấy pháp hữu vi, không thấy pháp vô vi mà ở trong ba cõi độ thoát chúng sinh, cũng không thấy có tướng chúng sinh. Vì sao? Vì chúng sinh không trói không mở; vì chúng sinh không trói không mở nên không nhơ không sạch; vì không nhơ không sạch nên không có phân biệt sáu đường; vì không có phân biệt sáu đường nên không có nghiệp, không có phiền não; vì không có nghiệp, không có phiền não nên cũng không có quả báo; và vì có quả báo ấy mà sinh trong ba cõi.

Phật bảo Xá-lợi-phất: Đúng vậy, đúng vậy! Như lời ông nói, nếu chúng sinh trước có mà sau không thì chư Phật, Bồ-tát có tội lỗi. Các pháp sáu đường sinh tử cũng như vậy, nếu trước có mà sau không thì chư Phật, Bồ-tát có tội lỗi. Này Xá-lợi-phất! Có Phật hay không có Phật thì tướng các pháp vẫn thường trú không khác; trong pháp tướng ấy còn không có ngã, không có chúng sinh, không có thọ mạng, cho đến không có kẻ biết, kẻ thấy, huống gì có sắc, thọ, tưởng, hành, thức! Nếu không có pháp ấy, làm thế nào có qua lại sáu đường mà kéo chúng sinh ra khỏi? Này Xá-lợi-phất! Các pháp tính ấy thường không, vì thế nên Bồ-tát từ chỗ chư Phật quá khứ

nghe pháp tướng ấy mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong đó không có pháp mà ta sẽ được, cũng không có chỗ chúng sinh đắm trước chắc chắn không thể kéo ra; chỉ vì chúng sinh điên đảo nên đắm trước. Vì thế nên Bồ-tát phát tâm đại trang nghiêm, thường không thối chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát không nghi rằng: Ta sẽ không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hay ta sẽ chắc chắn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, dùng thật pháp làm lợi ích chúng sinh, khiến ra khỏi điên đảo. Thí như vị thầy huyễn thuật hóa hiện ra trăm ngàn vạn ức người, đem đồ ăn uống bố thí khiến cho được no đủ, hoan hỷ xướng lên rằng: Ta được phước lớn, ta được phước lớn! Ý ông nghĩ sao, trong đây thật có người ăn uống đầy đủ chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Đúng vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát từ khi mới phát tâm lại đây, hành sáu Ba-la-mật, bốn thiền cho đến mười tám pháp không chung, đầy đủ đạo Bồ-tát, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật mà không có chúng sinh có thể độ.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát đạo? Bồ-tát hành đạo ấy có thể thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát từ khi mới phát tâm lại đây có hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cho đến mười tám pháp không chung, mà thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật.

Tu-bồ-đề thưa: Bồ-tát làm thế nào hành bố thí có thể thành tựu tuệ giác cho chúng sinh?

Phật dạy: Bồ-tát khi hành bố thí, tự mình bố thí, cũng dạy chúng sinh bố thí, nói rằng: Các thiện nam tử! Các ông chớ đắm trước bố thí. Các ông vì đắm trước bố thí nên lại phải thọ thân; vì lại phải thọ thân nên chịu nhiều khổ não. Này các thiện nam tử! Trong các pháp tướng không có bố thí, không có người thí, không có người nhận thí, ba pháp ấy tự tính đều không. Pháp tính Không ấy không thể thủ, và tướng không thể thủ là tính Không. Như vậy, Bồ-tát khi hành bố thí, bố thí cho chúng sinh, trong ấy không thấy có bố thí, người bố thí, người nhận thí. Vì sao? Vì bố thí không thể có được; ấy gọi là Bố thí Ba-la-mật. Bồ-tát không thấy có ba pháp ấy nên có thể giáo hóa chúng sinh khiến được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát khi hành bố thí thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, tự mình hành bố thí, cũng dạy

người hành bố thí, tán thán pháp bố thí, hoan hỷ tán thán người hành bố thí. Bồ-tát bố thí như vậy được sinh vào dòng lớn Sát lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ, hoặc làm Tiểu vương, hoặc làm Chuyển luân Thánh vương; khi ấy đem bốn việc nhiếp thủ chúng sinh. Bốn việc đó là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự. Lấy bốn việc ấy nhiếp thủ chúng sinh rồi, chúng sinh dần dần trú ở trong giới, ở trong bốn thiền cho đến tám phần thánh đạo, tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác, vào chính vị mà được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán hoặc đạo Bích-chi Phật; hoặc dạy khiến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nói rằng: Này các thiện nam tử! Các ông hãy phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác dễ được. Vì sao? Vì không có pháp nhất định. Những điều chúng sinh đắm trước chỉ vì do điên đảo nên sinh đắm trước. Thế nên các ông tự xa lìa sinh tử, cũng dạy người khác xa lìa sinh tử; các ông hãy phát tâm tự mình làm lợi ích, cũng làm lợi ích người khác. Bồ-tát nên tu bố thí như vậy. Do nhân duyên bố thí ấy, từ khi mới phát tâm lại đây trọn không đọa đường ác, thường làm Chuyển luân Thánh vương. Vì sao? Vì theo giống đã gieo mà được quả báo lớn. Bồ-tát khi làm Chuyển luân Thánh vương thấy có người đến xin, nghĩ rằng: Ta không vì việc khác nên thọ quả báo Chuyển luân Thánh vương, mà chỉ vì lợi ích chúng sinh. Khi ấy nói rằng: Đây là vật của các ông, các ông tự lấy mà dùng, chớ có e ngại, ta không lẫn tiếc gì. Ta vì chúng sinh nên chịu thân sinh tử, thương xót các ông nên đầy đủ tâm đại bi; thực hành tâm đại bi ấy để lợi ích chúng sinh, cũng không có tướng nhất định. Vì chúng sinh quả là không, chỉ có giả danh nên có thể nói ấy là chúng sinh; danh từ chúng sinh ấy cũng không, như tiếng vang, thật là tướng không thể nói.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên hành bố thí như vậy đối với chúng sinh không nên tiếc gì, cho đến không tiếc da thịt của tự thân, huống hồ là vật bên ngoài. Vì pháp ấy nên có thể kéo chúng sinh ra khỏi sinh tử. Vì những pháp gì? Đó là vì bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, cho đến mười tám pháp không chung, làm cho chúng sinh từ trong sinh tử được ra khỏi.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát trú trong Thí Ba-la-mật, bố thí rồi, nói rằng: Này các thiện nam tử! Các ông đến đây trì giới, ta sẽ cung cấp cho các ông khiến không thiếu hụt cơm áo, đồ nằm, cho đến vật cần nuôi

sống ta đều cung cấp hết. Các ông vì thiếu thốn nên phá giới, ta sẽ cung cấp đồ cần dùng khiến không thiếu thốn, hoặc đồ uống ăn cho đến bảy báu. Các ông ở trong giới luật nghi ấy dần dần sẽ dứt hết khổ, cưỡi xe

pháp ba thừa mà được giải thoát: Hoặc Thanh văn thừa, hoặc Bích-chi Phật thừa, hoặc Phật thừa.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát trú trong Thí Ba-la-mật, nếu thấy chúng sinh sân não, liền nói rằng: Này các thiện nam tử! Các ông vì nhân duyên gì mà sân não, ta sẽ cho các ông những thứ cần dùng. Các ông muốn gì hãy theo ta mà lấy không có thiếu gì: Hoặc đồ ăn uống, hoặc y phục, cho đến vật cần dùng để nuôi sống.

Bồ-tát trú trong Thí Ba-la-mật dạy chúng sinh nhẫn nhục, nói rằng: Hết thảy pháp không có chắc thật; điều mà các ông sân giận là nhân duyên không, không có chắc thật, đều từ hư vọng ức tưởng sinh ra, không có căn bản. Các ông chớ nổi tâm sân giận, não hại, miệng ác mắng nhiếc, dao gậy gia hại cho đến mất mạng; các ông chớ vì những điều hư vọng ấy mà nổi sân giận để phải đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và các đường ác, chịu vô lượng khổ. Các ông chớ vì những điều hư vọng không thật ấy mà gây tội nghiệp để vì tội nghiệp ấy còn không được làm thân người, huống gì được sinh ra đời gặp Phật. Này các thiện nam tử! Sinh ra đời có Phật khó gặp, thân người khó được, các ông chớ bỏ mất thì giờ quý báu; nếu bỏ mất thời giờ quý báu thì không thể cứu được. Bồ-tát như vậy giáo hóa chúng sinh, tự mình hành nhẫn nhục, cũng dạy người khác hành nhẫn nhục, tán thán pháp nhẫn nhục, hoan hỷ tán thán người hành nhẫn nhục. Bồ-tát khiến chúng sinh trú trong nhẫn nhục dần dần do pháp ba thừa được dứt hết khổ. Như vậy, Bồ-tát trú trong Thí Ba-la-mật khiến chúng sinh an trú trong nhẫn nhục.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát làm thế nào trú trong Thí Ba-la-mật khiến chúng sinh tinh tấn? Bồ-tát thấy chúng sinh giải đãi, nói rằng: Các ông vì sao giải đãi? Chúng sinh đáp: Vì thiếu nhân duyên. Bồ-tát khi hành bố thí, nói với các chúng sinh rằng: Ta sẽ làm cho các ông đầy đủ nhân duyên, hoặc bố thí, hoặc trì giới hoặc nhẫn nhục. Chúng sinh ấy được nhân duyên lợi ích nên thân tinh tấn, miệng tinh tấn, tâm tinh tấn. Thân tinh tấn, tâm tinh tấn nên hết thảy thiện pháp đầy đủ, tu thánh pháp vô lậu; tu thánh pháp vô lậu nên được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, Bích-chi Phật đạo hoặc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy, Bồ-tát khi hành bố thí trú trong Tinh tấn Ba-la-mật nhiếp thủ chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát làm thế nào khi hành bố thí, giáo hóa chúng sinh khiến tu thiền định?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát thấy chúng sinh loạn tâm, nói rằng: Các ông có thể tu thiền định. Chúng sinh đáp: Chúng tôi thiếu nhân duyên. Bồ-

tát nói: Ta sẽ làm cho các ông đủ nhân duyên. Nhờ nhân duyên ấy khiến tâm các ông không chạy theo giác quán, tâm không tán loạn. Chúng sinh do nhân duyên ấy nên dứt giác quán vào Sô thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, tu tâm từ, bi, hỷ, xả. Chúng sinh do nhân duyên thiền định và tâm vô lượng ấy nên có thể tu bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo. Khi tu ba mươi bảy pháp trợ đạo dần dần vào ba thừa mà được Niết-bàn, trọn không mất đạo. Như vậy, Bồ-tát khi hành bố thí, lấy thiền định nhiếp thủ chúng sinh khiến hành Thiền Ba-la-mật.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát làm thế nào hành bố thí Ba-la-mật mà dùng Bát-nhã Ba-la-mật nhiếp thủ chúng sinh? Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thấy chúng sinh ngu si không có trí tuệ, nói rằng: Các ông cớ gì không tu trí tuệ? Chúng sinh đáp: Vì thiếu nhân duyên. Bồ-tát nói rằng: Các ông cần được đầy đủ trí tuệ, hãy theo ta mà lấy; nghĩa là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định. Nhân duyên ấy đầy đủ rồi, các ông suy nghĩ như vầy: Khi tư duy Bát-nhã Ba-la-mật có pháp có thể được chăng? Hoặc ta, hoặc chúng sinh, hoặc thọ mạng cho đến kẻ biết, kẻ thấy có thể được chăng? Hoặc sắc, thọ, tưởng, hành, thức, hoặc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, hoặc sáu Ba-la-mật, hoặc ba mươi bảy pháp trợ đạo, hoặc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật, hoặc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác có thể được chăng? Khi chúng sinh suy nghĩ như vậy thì đối với Bát-nhã Ba-la-mật không có pháp có thể được, có thể đắm trước; nếu không đắm trước vào pháp, thì khi ấy không thấy pháp có sinh có diệt, có nhơ có sạch; không phân biệt ấy là địa ngục, là súc sinh, là ngạ quỷ, là chúng A-tu-la, là trời, là người, là trì giới, là phá giới, là Tu-đà-hoàn, là Tư-đà-hàm, là A-na-hàm, là A-la-hán, là Bích-chi Phật, là Phật. Như vậy, Bồ-tát khi hành bố thí do Bát-nhã Ba-la-mật nhiếp thủ chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát làm thế nào trú trong bố thí Ba-la-mật mà dùng Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến do ba mươi bảy pháp trợ đạo nhiếp thủ chúng sinh? Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát trú trong bố thí lấy cúng dường làm lợi ích chúng sinh. Do nhân duyên của sự lợi ích ấy nên chúng sinh có thể tu bốn niệm xứ, bốn chánh cần cho đến tám phần thánh đạo; chúng sinh tu ba mươi bảy pháp trợ đạo ấy được giải thoát sinh tử. Như vậy, Bồ-tát do thánh pháp vô lậu nhiếp thủ chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi giáo hóa chúng sinh, nói như vầy: Này các thiện nam tử! Các ông hãy theo ta lấy vật cần dùng: Hoặc đồ ăn uống, hoặc y phục, đồ nằm, hương hoa cho đến bảy báu, các thứ cần dùng để nuôi sống. Các ông nên lấy việc ấy nhiếp thủ chúng sinh. Các ông mãi mãi được

lợi ích an vui, chớ nghĩ rằng vật ấy chẳng phải sở hữu của ta, ta trải qua thời gian lâu dài vì chúng sinh chứa nhóm các vật ấy. Các ông hãy lấy các vật ấy như vật của mình không khác. Giáo hóa chúng sinh khiến hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, cho đến khiến được ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười lực của Phật cho đến mười tám pháp không chung, cũng khiến được thánh pháp vô lậu, đó là Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy, Bồ-tát khi hành bố thí nên giáo hóa chúng sinh như vậy, khiến được xa lìa ba đường ác, cho đến xa lìa hết thảy khổ qua lại trong sinh tử.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát trú trong Giới Ba-la-mật giáo hóa chúng sinh, nói rằng: Này chúng sinh! Các ngươi thiếu nhân duyên gì mà phá giới? Ta sẽ cho các ông đầy đủ nhân duyên: Hoặc bố thí cho đến trí tuệ và các vật cần dùng để nuôi sống. Bồ-tát trú trong Trì giới Ba-la-mật làm lợi ích chúng sinh khiến tu mười thiện đạo, xa lìa mười đạo bất thiện. Chúng sinh ấy trì giới, không phá giới, không khuyết giới, không ô trược giới, không tạp giới, không thủ giới, dần dần do pháp ba thừa mà dứt hết khổ. Lấy việc trì giới làm đầu giống như bố thí, nói bốn Ba-la-mật khác cũng như vậy.

LUẬN: Hỏi: Trước nói Bồ-tát tu sáu Ba-la-mật và các pháp trợ đạo không đầy đủ Bồ-tát đạo thì không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nay Tu-bồ-đề nên tự biết tu sáu Ba-la-mật đầy đủ đạo Bồ-tát mới được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cớ gì còn hỏi?

Đáp: Tu-bồ-đề không nghi làm sao được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nay chỉ hỏi làm sao đầy đủ đạo Bồ-tát, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật đáp: Nếu Bồ-tát tu sáu Ba-la-mật... do hòa hợp với sức phương tiện nên có thể tu hành, khi ấy đầy đủ đạo Bồ-tát. Sức phương tiện là không chắc chắn có được ba việc về bố thí, cũng không xa lìa ba việc ấy mà hành bố thí, khi ấy chiếu rõ Bồ-tát đạo. Chiếu rõ và đầy đủ cùng một nghĩa. Nếu Bồ-tát chắc chắn thấy có ba việc về bố thí thì rơi vào điên đảo chấp thường, bị lỗi thủ tướng chấp trước vào pháp; nếu không thấy có ba việc ấy thì rơi vào điên đảo chấp đoạn, chấp trước Không, trở lại khởi lên các phiền não tà kiến, liền xa lìa đạo Bồ-tát. Nếu Bồ-tát lìa hai bên ấy, nhân nơi Không mà xả bỏ pháp bố thí giả danh hư vọng ấy, nhân nôi thật tướng mà xa lìa chấp Không, không có người thí, không có người nhận, như tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, quán bố thí cũng như vậy không khác thì Bồ-tát hành như vậy gọi là đầy đủ, cho đến mười tám pháp không chung

cũng như vậy.

Xá-lợi-phất ở giữa hội chúng nghe Phật cùng với Tu-bồ-đề nói về quả báo sâu xa của Bát-nhã rất có lợi ích, nghĩ là tuy có lợi ích mà không có tính chắc chắn thì làm sao có thể tập hành?

Phật đáp: Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật không hoại sắc, không theo sắc, như vậy gọi là tập hành Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát khi mới phát tâm, vì biết thật pháp nên thường hành Bát-nhã Ba-la-mật, thứ lớp tùy chỗ thích hợp hành bố thí... thế nên thường nói Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật là hành pháp bố thí...

Không hoại sắc là không nói sắc ấy vô thường, không nói sắc ấy không, không có sở hữu, ấy gọi là không hoại sắc.

Không theo sắc là không như mắt thấy sắc thủ tướng sinh ra chấp trước. Lại, không nói sắc ấy hoặc thường hoặc vô thường, hoặc khổ hoặc vui... ấy gọi là không theo sắc, vì thấy thường, vô thường đều chẳng phải là thật tướng của sắc.

Lại nữa, không nói sắc ấy căn bản là từ trong thế tính mà lại, hoặc từ trong vi trần mà lại, hoặc từ trong cõi trời Đại tự tại mà lại, hoặc từ trong thời gian mà lại, hoặc từ trong tự nhiên sinh ra, hoặc không nói không nhân không duyên, miễn cưỡng sinh ra. Như vậy gọi là không theo sắc, không hoại sắc. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Sắc ấy tính Không có, nên không theo, không hoại.

Tính Không có là sắc ấy từ bốn đại hòa hợp, giả gọi là sắc, mà trong ấy không có một pháp nhất định gọi là sắc, như trong phẩm Phá sắc ở trước đã nói. Sắc ấy từ nhân duyên hòa hợp sinh ra nên không có tự tính; nếu không có tự tính tức là tính Không. Nếu nắm được sắc tướng tính Không ấy tức là tập hành Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến mười tám pháp không chung, cũng như vậy.

Lại hỏi: Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp không có tự tính có thể hoại, có thể theo thì Bồ-tát làm thế nào tập hành Bát-nhã Ba-la-mật? Không học Bát-nhã thì không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật chấp thuận ý Xá-lợi-phất và tự nói nhân duyên: Nếu Bồ-tát dùng sức phương tiện tu sáu Ba-la-mật thì tuy biết các pháp tính Không mà có thể khởi lên Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu Bồ-tát tìm hết thảy pháp mảy may có tính nhất định có thể được, thì có thể thủ, có thể chấp trước. Nhưng nay Bồ-tát thật tìm hết thảy pháp không có được tính nhất định gọi là Bát-nhã Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật cho đến mười tám pháp không chung. Các pháp ấy đều không thể có được, nếu không thể có được thì thủ cái gì? Ấy gọi là

Bồ-tát đối với Bát-nhã Ba-la-mật không thủ. Bồ-tát nên học Bát-nhã Ba-la-mật không có chấp thủ ấy. Không có chấp thủ còn không thể có được, huống gì chấp thủ Bát-nhã Ba-la-mật và các pháp, vì hết thảy pháp không có tự tính?

Xá-lợi-phất lại hỏi: Nếu hết thảy pháp không có tự tính, làm thế nào biết đó là phàm phu, đó là Phật?

Phật dạy: Hết thảy pháp tuy không có tướng căn bản nhất định, nhưng vì phàm phu điên đảo nên chấp trước. Bồ-tát tuy hành Bát-nhã Ba-la-mật nhưng do sức phương tiện nên thấy hết thảy pháp không có căn bản mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát ấy hành sâu vào tính Không cho nên không thấy hết thảy pháp có căn bản, vì không thấy nên không giải đãi, thối mất; biết rõ ràng hết thảy pháp vô ngã, không có tính sở hữu, tính thường không, chỉ vì chúng sinh ngu si điên đảo nên chấp trước đó là năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới. Khi ấy Bồ-tát suy nghĩ, trù lượng tướng tịch diệt sâu xa của các pháp mà chúng sinh đắm trước một cách hư vọng điên đảo. Bồ-tát tự ví mình như vị thầy huyễn thuật, dùng thần thông biến hóa thuyết pháp độ người. Việc làm như huyễn, tâm bình đẳng thuyết pháp không thương, không ghét; đối với người xan tham dạy sáu Ba-la-mật bố thí...; lại dạy pháp thù thắng hơn khiến ra khỏi sinh tử, được quả Tu-đà-hoàn cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hỏi: Ngoài sáu Ba-la-mật còn có pháp gì hôn chăng, nên vì sao đây lại nói là pháp hơn?

Đáp: Trong đây không nói Ba-la-mật mà chỉ dạy bố thí cho người, cho đến dạy trí tuệ cho người ngu si. Pháp của chư Phật, Bồ-tát có đầu có sau. Pháp đầu là bố thí, trì giới, thọ giới, quả báo bố thí, được phước lạc sinh cõi trời dạy cho biết vị ngọt của năm dục lợi ích ít mà hại nhiều, phải thọ thân ở thế gian, chỉ bị suy khổ; tán thán pháp dứt ái xa lìa thế gian, vậy sau mới dạy Bốn đế khiến được quả Tu-đà-hoàn. Trong đây Bồ-tát chỉ muốn dạy khiến chúng sinh được Phật đạo nên trước tiên dạy khiến tu sáu pháp đầu. Trong đây trí tuệ lành không nhiếp thuộc ba môn giải thoát. Trí tuệ lành ấy có thể phát sinh thiện pháp bố thí, có thể dứt xan tham, sân hận, các ác pháp, có thể khiến chúng sinh được sinh cõi trời, vì sao biết lại có pháp hôn? Vì pháp hôn là pháp bốn thánh đế: Pháp xuất, pháp sở hành của các bậc Thánh gọi là thánh pháp; pháp làm cho ra khỏi sinh tử của ba cõi gọi là pháp xuất. Lấy bốn đế thuyết pháp nên tùy căn cơ của chúng sinh khiến được quả Tu-đà-hoàn cho đến được trí Nhất thiết chủng. Trong dây tuy không nói sáu pháp đầu; nói bố thí... nên biết đã thu nhiếp vào trong

ấy.

Lại nữa, Bồ-tát vì Phật đạo nên thuyết sáu pháp ấy, chỉ vì tâm chúng sinh hèn kém, tự thủ lấy Tiểu thừa, thế nên không nói sáu pháp đầu là bố thí, trì giới, quả báo sinh cõi trời...

Xá-lợi-phất bạch Phật: Trước nói Bồ-tát là rốt ráo không thể có được, nay vì chúng sinh không có sở hữu mà thuyết pháp, khiến được pháp không có sở hữu là quả Tu-đà-hoàn cho đến trí Nhất thiết chủng. Bạch Thế Tôn! Bồ-tát vì được pháp không có sở hữu nên có thể làm cho chúng sinh được pháp không có sở hữu, không có sở đắc ấy là có sở đắc ư?

Phật dạy: Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật không có lỗi về có sở đắc. Vì sao? Vì Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật không thấy chúng sinh và pháp, chỉ thấy nhân duyên hòa hợp giả gọi là chúng sinh. Bồ-tát trú trong hai đế vì chúng sinh thuyết pháp, không chỉ thuyết Không, không chỉ thuyết Hữu; vì chúng sinh ái trước nên đắm trước Không; vì chúng sinh thủ tướng chấp trước Không nên thuyết Hữu, giữa hai chỗ có và không, không nhiễm trước. Do sức phương tiện như vậy mà vì chúng sinh thuyết pháp. Thân ta và ta của chúng sinh hiện tại còn không thể có được, huống gì sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Xá-lợi-phất hoan hỷ bạch Phật: Tâm rộng lớn là Bồ-tát. Tâm rộng lớn là không có pháp nào có thể được, hoặc nhất tướng, hoặc dị tướng. Như người bán giữa chợ thì cần có trao đổi; người có tâm lớn thì không như vậy, không có nương tựa vào đâu mà có thể phát tâm trang nghiêm lớn; vì trang nghiêm lớn nên không sinh vào ba cõi, cũng kéo chúng sinh ra khỏi ba cõi, song chúng sinh không thể có được, vì chúng sinh không trói không mở, nên hết thảy pháp là không. Từ lâu xa lại đây vì phiền não điên đảo hư dối không thật, thế nên gọi là không trói; vì không trói nên cũng không mở. Trói tức là nhơ, mở tức là sạch; vì không nhơ không sạch nên không có phân biệt sáu đường; vì không phân biệt sáu đường nên không có nghiệp tội phước; vì nghiệp tội phước không có nên không có phiền não khởi lên nghiệp tội phước; không khởi nghiệp tội phước thì không thể có quả báo. Như vậy, trong các pháp rốt ráo không mà trang nghiêm lớn, việc ấy thật là hy hữu; thí như người trồng cây giữa hư không mà cây lá hoa quả làm lợi ích nhiều.

Phật hứa khả ý Xá-lợi-phất rằng, Xá-lợi-phất vì vấn nạn về không ấy nên Phật cũng đáp, cũng hứa khả; vì Xá-lợi-phất nói không, nên Phật hứa khả, vì Xá-lợi-phất vấn nạn không, nên Phật đáp. nghĩa là nếu chúng sinh và các pháp trước có nay không, thì chư Phật Thánh Hiền có tội lỗi. Tội lỗi

là làm cho chúng sinh vào Vô dư Niết-bàn, vĩnh viễn diệt hết thảy pháp, vào trong không đều không có sở hữu; làm đoạn diệt hết thảy pháp như vậy nên có tội lỗi. Này Xá-lợi-phất! Chúng sinh và hết thảy pháp từ trước lại đây không có; hoặc có Phật, hoặc không có Phật thì pháp ấy vẫn thường trú không khác, đó là thật tướng các pháp; thế nên không có sáu đường sinh tử, cũng không có chúng sinh để có thể kéo ra. Này Xá-lợi-phất! Hết thảy pháp trước là không, vì vậy mà Bồ-tát ở chỗ Phật nghe tướng ấy của các pháp nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nghĩ rằng: Trong Bồ-đề cũng không có pháp có thể được, cũng không có pháp chân thật nhất định khiến chúng sinh đắm trước mà không thể độ; chỉ vì chúng sinh si cuồng điên đảo nên đắm trước vào pháp hư dối; thế nên Bồ-tát phát tâm trang nghiêm lớn, không thối chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nghĩ rằng: Ta chắc chắn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng phải chẳng được; được rồi dùng thật pháp làm lợi ích chúng sinh; vì lợi ích chúng sinh nên chúng sinh được ra khỏi điên đảo. Muốn làm rõ việc này nên trong Kinh đây nói ví dụ như vị thầy huyễn thuật. Thầy huyễn thuật tức là chỉ cho Bồ-tát. Thầy huyễn thuật tạo dựng vườn rừng, quán xá, tức là sáu pháp Ba-la-mật độ chúng sinh; tạo ra voi ngựa, trai gái, tức là chúng sinh được Bồ-tát độ. Như vị thầy huyễn thuật một thân, vì sức huyễn, huyễn làm ra các chúng sinh, vườn rừng, quán xá để làm vui mọi người; nếu thầy huyễn thuật cho các việc huyễn làm ra ấy là thật, thì đối với người huyễn tìm ân huệ tức là người cuồng; Bồ-tát cũng như vậy. Theo Phật nghe dạy hết thảy pháp tính Không, như huyễn mà dùng việc bố thí lợi ích chúng sinh; lại muốn cầu phước đức ân huệ tức là điên đảo.

Hỏi: Pháp huyễn, chú thuật thật có, còn các vật huyễn làm ra có thể hư dối; như chúng sinh không, nên Bồ-tát cũng không; Bồ-tát không hóa làm ra chúng sinh, đâu được nêu làm ví dụ?

Đáp: Trong thật tướng các pháp, pháp còn không có, huống gì chúng sinh! Tên khác của chúng sinh gọi là vị thầy huyễn thuật. Vị thầy huyễn thuật thật không có, cớ gì nói vị thầy huyễn thuật có mà các việc huyễn làm ra không có? Như ông cho vị thầy huyễn thuật thật có, còn các việc huyễn làm ra không có, còn Thánh nhân xem vị thầy huyễn thuật và các việc huyễn làm ra không khác nhau. Vì làm rõ việc ấy nên nói ví dụ, mà chỉ lấy phần ít giống nhau làm ví dụ, cớ gì nêu ra toàn phần để vấn nạn? Như sư tử ví dụ cho vua, vì sư tử không hề sợ hãi giữa các loài thú. Vua cũng như vậy, tự tại, không chướng ngại giữa thần dân nên lấy làm ví dụ, đâu có thể trách rằng sư tử có bốn chân, có lông mao là khác ư? Phật nói tính Không là các pháp đều không mà còn có chúng sinh; thế nên nêu vị thầy huyễn

thuật làm ví dụ. Nay tôi nói ví dụ để phá chúng sinh, cớ sao ông lại đem chúng sinh ra vấn nạn?

Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật?

Tu-bồ-đề tuy biết Bồ-tát đạo, song vì trong đây nói tính Không sâu xa nên người nghe sinh nghi; vì vậy nên Tu-bồ-đề hỏi.

Phật dạy: Bồ-tát từ khi mới phát tâm hành sáu Ba-la-mật cho đến mười tám pháp không chung, ấy là đạo Bồ-tát; hành đạo ấy là thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật.

Tu-bồ-đề lại hỏi: Làm sao hành pháp ấy là thành tựu tuệ giác cho chúng sinh?

Ý Tu-bồ-đề muốn nói: Nếu pháp tự tính Không, chúng sinh cũng tự tính Không, làm thế nào có thể được thành tựu?

Phật dạy: Bồ-tát do sức phương tiện nên lấy pháp bố thí giáo hóa chúng sinh, không dạy chúng sinh chấp trước bố thí cho là chân thật.

Sức phương tiện là Bồ-tát nói với chúng sinh rằng: Này các thiện nam tử! Hãy đến đây bố thí, chớ chấp trước bố thí ấy, như trong Kinh đây nói rộng. Chúng sinh do bố thí được sinh chỗ giàu sang, vì được sinh chỗ giàu sang nên sinh tâm ngã mạn, kiêu mạn; vì ngã mạn kiêu mạn tăng trưởng nên phá thiện pháp; vì phá thiện pháp nên đọa vào ba đường ác. Thế nên Bồ-tát trước tiên dạy rằng: Chớ đắm trước bố thí, chỉ nhân nơi các thiện pháp bố thí tu trì giới v.v. . . mà hồi hướng đến Niết-bàn. Vì sao? Vì thật tướng các pháp là tính Không, không thể thủ tướng. Như vậy, Bồ-tát do sức phương tiện giáo hóa chúng sinh khiến được quả Tu-đà-hoàn cho đến Phật đạo. Bồ-tát ấy tự mình hành bố thí, cũng dạy chúng sinh bố thí. Nếu không tự mình bố thí, thì có người nói: Nếu bố thí là pháp hay, cớ sao ông không tự hành? Thế nên Bồ-tát trước tiên tự mình bố thí.

Lại nữa, Bồ-tát rất ưa thích thiện pháp, mà bố thí là cửa ban đầu, thế nên hành bố thí. Lại, Bồ-tát rất từ bi, thương xót chúng sinh; vì tâm từ bi tuy lớn song không thể làm đầy đủ cho chúng sinh, thế nên trước tiên bố thí để làm cho tâm họ được nhu nhuyến, có thể do nhân duyên bố thí được sinh vào bốn dòng tộc và làm Chuyển luân Thánh vương; rồi dùng bốn nhiếp pháp nhiếp thủ chúng sinh, dần dần đem pháp ba thừa dạy bảo khiến cho được Niết-bàn. Dạy người khác bố thí, tán thán pháp bố thí, hoan hỷ tán thán người bố thí; ấy là rất ưa bố thí. Thế nên thấy người khác cùng hành mà hoan hỷ tán thán.

Lại nữa, tâm Bồ-tát thương xót chúng sinh, nếu thấy họ tu phước thì

hoan hỷ; như cha lành thấy con làm việc tốt thì tâm hoan hỷ. Người ấy theo bốn cách hành bố thí được sinh vào dòng quý Sát lợi, Bà-la-môn...; lấy bố thí nhiếp thủ chúng sinh rồi dần dần dạy họ khiến trì giới, thiền định cho đến được đạo Bích-chi Phật. Hoặc thấy chúng sinh người nào có tâm lớn và có chút ít tâm từ bi, người ấy sợ hãi sinh tử lâu xa, nên giải đãi thối mất, thì Bồ-tát dùng sức phương tiện nói với chúng sinh ấy rằng: Lạ thay, các chúng sinh kia! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác dễ được, cớ sao các ông cho là khó? Chỗ chúng sinh chấp đắm, trong đó không có pháp chân thật nhất định có thể ngăn trở, khó hiểu, các ông nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đã tự mình được độ, còn độ thoát chúng sinh.

Độ thoát chúng sinh là Bồ-tát tự cưỡi xe Đại thừa được độ, dùng xe ba thừa tùy theo chỗ thích hợp của chúng sinh có thể độ mà độ. Đã tự lợi ích mình, cũng lợi ích người khác.

Lợi ích người khác là tự mình đã thành Phật, cũng đem pháp ba thừa độ chúng sinh. Nếu Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật được như vậy thì từ khi mới phát tâm về sau trọn không đọa vào ba đường ác.

Thường làm Chuyển luân Thánh vương là Bồ-tát phần nhiều sinh vào cõi Dục. Vì sao? Vì trong cõi Vô sắc không có hình tướng nên không thể giáo hóa; trong cõi Sắc phần nhiều ưa đắm cái vui thiền định, không có tâm nhàm chán nên cũng khó hóa giáo; lại cũng không sinh cõi trời Dục giới. Vì sao? Vì đắm cái vui năm dục nên khó giáo hóa. Còn ở trong nhân đạo đời đời lấy bốn việc nhiếp, nhiếp thủ chúng sinh, nên làm Chuyển luân Thánh vương. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Tùy theo chỗ gieo nhân mà được quả báo lớn, như trong Kinh nói tướng bố thí. Lại có Bồ-tát khi hành Thí Ba-la-mật, thấy chúng sinh phá giới liền nghĩ rằng: Các ông vì nhân duyên không đầy đủ nên phá giới, ta sẽ cấp cho vật cần dùng để khỏi bị thiếu thốn.

Người phá giới có hai hạng: Một là nhân duyên trì giới không đầy đủ nên phá, như người nghèo cùng vì đói khát cấp bách nên trộm cắp. Hai là nhân duyên trì giới tuy đầy đủ nhưng vì tâm tập theo thói ác, ưa làm việc ác mà phá giới. Người nghèo cùng phá giới thì Bồ-tát nói với họ: Ông hãy trì giới, ta sẽ cung cấp cho đầy đủ. Các ông trì giới rồi dần dần nhờ pháp ba thừa mà được độ thoát; ấy gọi là nhân bố thí sinh trì giới.

Chúng sinh vì việc không như ý nên nổi giận là như vì tìm vật không được như ý nên nổi giận, gặp người không xứng ý nên nổi giận. Bồ-tát tu bố thí tùy theo ý họ mà cung cấp cho đầy đủ.

Hỏi: Như người nghèo túng thì cấp thí cho để không nổi giận thì có

thể được, còn người không xứng ý bị làm xúc não khiến nổi giận thì lại làm sao?

Đáp: Lấy ngọc như ý thí cho thì người ta đều vừa ý, vì uy đức của ngọc nên người không nổi giận; như hành giả vào tam-muội từ tâm nên người không nổi giận. Thế nên nói vì thiếu nhân duyên gì nên nổi giận, ta sẽ làm cho ngươi được đầy đủ.

Lại nữa, hết thảy pháp là tính Không, không có sở hữu, lý do việc ông giận cũng đều hư dối không nhất định, tại sao ông vì việc hư dối mà nổi giận mắng nhiếc, gia hại cho đến cướp mạng? Vì tạo tội nặng ấy nên đọa vào ba đường ác chịu vô lượng khổ. Các ông chớ vì việc hư dối không thật mà chịu tội lớn. Như trong núi có một bức họa đồ vẽ hình Phật, trong đó có một phòng riêng, trong có một con quỷ đi đến khủng bố, xúc não vị đạo nhân nên các đạo nhân đều bỏ phòng mà đi. Có một khách Tăng đi đến, vị Duy-na phân xử chia cho ở phòng ấy, nói với vị khách Tăng rằng: Trong phòng ấy có một con quỷ ưa xúc não người, ông có thể ở được thì ở. Vị khách Tăng tự cầm dao trì giới, đa văn mà nói với tiểu quỷ: Ngươi có khả năng gì ta cũng sẽ hàng phục, liền vào phòng ở. Đêm xuống lại có một khách Tăng khác đi đến tìm chỗ ở, vị Duy-na cũng chỉ cho ở phòng ấy và nói: Trong phòng có tiểu quỷ hay xúc não người. Vị khách Tăng kia cũng nói: Tiểu quỷ có khả năng gì, tôi cũng sẽ hàng phục. Vị khách Tăng vào trước đóng cửa lại, ngồi ngay thẳng chờ quỷ; vị khách Tăng đến sau trong đêm tối xô cửa bước vào. Vị khách Tăng trước cho đó là quỷ, không chịu mở cửa; vị khách Tăng sau dùng hết sức đập cửa. Vị khách Tăng ở trong lấy dao chắn lại; vị khách Tăng ở ngoài hôn, xô cửa đi vào. Vị khách Tăng ở trong đánh; vị khách Tăng ở ngoài cũng cực lực đánh lại nhừ tử. Đến khi trời sáng, nhân thấy rõ mọi việc mới biết là kẻ đồng học cũ, nên cùng nhau hổ thẹn mà xin lỗi. Mọi người kéo đến nực cười, cho là quái gỡ. Chúng sinh cũng như vậy, năm uẩn hòa hợp không có ngã, không có nhân mà chấp thủ tướng suông để tranh đấu nhau. Nếu bị cắt xẻ từng mảnh ném xuống đất thì chỉ có xương thịt mà không có người, không có ta. Thế nên Bồ-tát nói với chúng sinh rằng: Các ông chớ ở nôi căn bản Không, mà tranh đấu, gây tội, vì tội tranh đấu nên thân người còn không thể có được, huống gì được gặp Phật! Nên biết thân người khó được, Phật ra đời khó gặp, thì giờ quý báu dễ qua, một phen rơi vào chỗ hoạn nạn thì vĩnh viễn không thể sửa trị. Nếu đọa vào địa ngục, bị thiêu đốt, cắt xẻ thì làm sao giáo hóa được? Nếu rơi vào súc sinh, tàn hại lẫn nhau, cũng không thể giáo hóa! Nếu rơi vào ngạ quỷ, đói khát bức não thì cũng không thể giáo hóa! Nếu sinh vào cõi trời sống lâu, thì dù ngàn vạn đức Phật qua đi mà vì đắm trước thiền vị

nên cũng không hề hay biết! Nếu như sinh vào các nước biên địa, tuy đều là thân người mà ngu si, không thể giáo hóa! Tuy được sinh vào trung tâm cõi nước mà hoặc tay chân không hoàn toàn; hoặc mù, điếc, câm, ngọng; hoặc không biết nghĩa lý; hoặc tuy sáu căn không đầy đủ mà Lại không thông lợi, hay đắm sâu tà kiến nói rằng không có tội phước, thì cũng không thể giáo hóa! Thế nên vì họ nói thì giờ quý báu, chớ để luống qua mà bị đọa vào các chỗ khổ nạn, không thể độ được. Các Ba-la-mật khác như trong kinh này nói rộng, nên ở đây không giải thích.

Hỏi: Ở trong Thí Ba-la-mật mà hành năm Ba-la-mật xong, sao còn nói lại sáu Ba-la-mật?

Đáp: Trên kia nói tu một độ thứ lớp đầy đủ năm độ, còn ở đây nói chung cả năm độ cùng tu một lần.

Lại, trước chỉ nói sáu Ba-la-mật, nay ở đây nói luôn cả ba mươi bảy pháp trợ đạo và các đạo quả.

Hỏi: Ba mươi bảy pháp trợ đạo từ tâm xuất ra, làm sao do nhân duyên giúp được?

Đáp: Bồ-tát cung cấp cho người tọa thiền y phục, đồ uống ăn, thuốc thang, gậy pháp, thiền sàng, thiền trấn, làm cho gặp được thầy tốt dạy bảo, được đệ tử tốt thọ giáo; đưa cho bộ xương người khiến quán, cho thiền kinh khiến người dạy thiền pháp. Như vậy, là nhân duyên của ba mươi bảy pháp trợ đạo. Lại khiến người giảng cho pháp Đại thừa rằng: Các ông cần y phục, đồ uống ăn hãy đều đến đây nhận lấy như vật của mình, chớ nghi ngại. Các ông được vật ấy rồi tự mình hành sáu Ba-la-mật, cũng dạy người khác hành sáu Ba-la-mật. Việc bố thí ấy là tính Không, các ông chớ đắm trước vào việc bố thí và quả báo bố thí. Chúng sinh ngộ được tính Không ấy, dần dần được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vào Vô dư Niết-bàn.

Như lấy pháp bố thí làm đầu sinh ra năm Ba-la-mật khác; nghĩa các Ba-la-mật khác cũng như vậy.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 92

GIẢI THÍCH PHẨM TÁM MƯƠI HAI: LÀM THANH TỊNH CÕI PHẬT

KINH: Bấy giờ Tu-bồ-đề suy nghĩ: Thế nào là đạo Bồ-tát? Bồ-tát trú trong đạo ấy như vậy có thể phát đại thệ nguyện trang nghiêm?

Phật biết ý nghĩ của Tu-bồ-đề, bảo Tu-bồ-đề: Sáu Ba-la-mật là đạo Bồ-tát; ba mươi bảy pháp trợ đạo là đạo Bồ-tát; mười tám không là đạo Bồ-tát; tám bội xả, định chín thứ lớp, mười lực của Phật cho đến mười tám pháp không chung là đạo Bồ-tát. Hết thảy pháp cũng là đạo Bồ-tát. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, có pháp Bồ-tát nào không học mà có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng? Này Tu-bồ-đề! Không có pháp nào mà Bồ-tát không nên học. Vì sao? Vì Bồ-tát không học hết thảy pháp thì không được trí Nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp đều không, thì vì sao nói Bồ-tát học hết thảy pháp? Như vậy há ở trong chỗ không có Thế Tôn, không có hý luận mà thành ra có hý luận chăng? Nghĩ rằng hý luận cho là đây, là kia, là pháp thế gian, là pháp xuất thế gian, là pháp hữu lậu, là pháp vô lậu, là pháp hữu vi, là pháp vô vi, là pháp phàm phu, là pháp A-la-hán, là pháp Bích-chi Phật, là pháp Phật. Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Hết thảy pháp thật không; nếu hết thảy pháp chẳng không, thì Bồ-tát không thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay hết thảy pháp thật không, nên Bồ-tát có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Như lời ông nói, nếu hết thảy pháp không, há không phải ở trong chỗ không có hý luận, Thế Tôn khởi lên hý luận phân biệt có kia có đây, có pháp thế gian, pháp xuất thế gian cho đến pháp Phật. Này Tu-bồ-đề! Nếu chúng sinh biết hết thảy pháp không, thì Bồ-tát không học hết thảy pháp mà được trí Nhất thiết chủng. Nay chúng sinh thật không biết hết thảy pháp không, vì thế nên Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, phân biệt các pháp, vì chúng sinh mà giảng nói. Này Tu-bồ-đề! Ở trong đạo Bồ-tát ấy, từ khi mới phát tâm lại đây, đối

với tính nhất định của hết thảy pháp là không thể có được, chỉ vì nhân duyên hòa hợp khởi lên nên có danh từ các pháp. Ta nên suy nghĩ như vầy: Các pháp thật tính Không dính mắc gì, như tính sáu Ba-la-mật hoặc ba mươi bảy pháp trợ đạo, hoặc quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì hết thảy pháp, hết thảy pháp tính Không, không chẳng dính mắc không, không cũng không thể có được, huống gì trong không mà có dính mắc? Bồ-tát suy nghĩ như vậy nên không chấp trước hết thảy pháp mà học hết thảy pháp, ở trong sự học ấy quán tâm hành của chúng sinh, biết tâm ấy hành ở chỗ nào. Biết chúng sinh hành ở trong hư vọng không thật, khi ấy Bồ-tát nghĩ rằng: Chúng sinh ấy chấp trước pháp hư vọng không thật nên dễ độ thoát. Bồ-tát trụ trong Bát-nhã Ba-la-mật, dùng sức phương tiện giáo hóa như vầy: Chúng sinh các ngươi nên hành bố thí, có thể được giàu của cải, cũng chớ ỷ thị quả báo bố thí mà tự cao. Vì sao? Vì trong đó không có pháp gì chắc thật; trì giới, thiền định, trí tuệ cũng như vậy. Chúng sinh hành pháp ấy có thể được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, Phật đạo; chớ nghĩ rằng có pháp ấy giáo hóa như vậy hành đạo Bồ-tát mà không vướng mắc gì, vì trong ấy không có gì chắc thật. Nếu giáo hóa được như vậy thì gọi là hành đạo Bồ-tát, vì đối với các pháp không dính mắc gì. Vì sao? Tướng các pháp không dính mắc, vì tự tính Không có, vì tính Không. Này Tu-bồ-đề! Khi hành đạo Bồ-tát như vậy không trú chỗ nào. Bồ-tát vì không trú pháp nên cũng không trú trong ấy mà hành Giới Ba-la-mật, cho đến cũng không trú trong ấy mà hành Bát-nhã Ba-la-mật; hành Sơ thiền cũng không trú trong ấy. Vì sao? Vì Sơ thiền ấy, tướng Sơ thiền không, người hành thiền cũng không, pháp dùng để hành thiền cũng không; đệ Nhị, đệ Tam, đệ Tứ thiền cũng như vậy; từ, bi, hỷ, xả cho đến định chín thứ lớp cũng như vậy. Được quả Tu-đà-hoàn cũng không trú trong ấy, cho đến được đạo Bích-chi Phật cũng không trú trong ấy.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì nên không trú trong ấy?

Phật dạy: Có hai nhân duyên nên không trú trong ấy. Những gì là hai? Một là các đạo quả tính Không, không có chỗ trú, cũng không có pháp sở dụng, cũng không có người trú; hai là không cho chút ít việc là

đủ nên không trú, nghĩ rằng: Ta không nên không được quả Tu-đà-hoàn, ta chắc chắn nên được quả Tu-đà-hoàn, chỉ vì ta không nên trú trong ấy; cho đến đạo Bích-chi Phật ta chẳng nên không được, ta chắc chắn nên sẽ được, chỉ vì ta không nên trú trong ấy, cho đến được Vô thượng Chánh

đẳng Chánh giác cũng không nên trú. Vì sao? Vì từ khi ta mới phát tâm lại đây không có tâm gì khác, chỉ nhất tâm hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát nhất tâm hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, xa lìa các tâm khác; gây nghiệp thân, miệng, ý đều nên hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát trú vào nhất tâm ấy có thể phát sinh đạo giác ngộ.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp chẳng sinh, làm sao Bồ-tát có thể phát sinh đạo giác ngộ?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Hết thảy pháp không sinh. Vì sao không sinh? Vì không có gì làm, không có gì khởi, vì hết thảy pháp chẳng sinh.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Có Phật hay không có Phật thì thật tướng các pháp vẫn thường trú ư?

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Thật tướng các pháp thường trú, vì chúng sinh chẳng biết thật tướng các pháp thường trú nên Bồ-tát vì chúng sinh mà phát sinh đạo giác ngộ, dùng đạo ấy kéo chúng sinh ra khỏi sinh tử.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Dùng đạo sinh được giác ngộ ư?

Phật dạy: Không được.

Bạch đức Thế Tôn! Dùng đạo không sinh được giác ngộ ư? Phật dạy: Không được.

Bạch đức Thế Tôn! Dùng đạo không sinh chẳng phải không sinh được giác ngộ chăng?

Phật dạy: Không được.

Bạch đức Thế Tôn! Làm thế nào được giác ngộ?

Phật dạy: Chẳng phải dùng đạo được giác ngộ, cũng chẳng phải dùng chẳng phải đạo được giác ngộ, vì tính giác ngộ tức là đạo, đạo tức là giác ngộ.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Nếu giác ngộ tức là đạo, đạo tức là giác ngộ, nay ở đây Bồ-tát khi chưa làm Phật lẽ ra đáng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cớ sao nói các đấng Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, mười lực, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao, Phật được giác ngộ chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn! Phật không được giác ngộ.

Vì sao? Vì Phật tức là giác ngộ, giác ngộ tức là Phật.

Như lời Tu-bồ-đề hỏi, khi còn Bồ-tát không nên được giác ngộ. Bồ-tát ấy đầy đủ sáu Ba-la-mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, tam-muội Kim Cang, một niệm tương ưng với tuệ mới được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khi ấy gọi là Phật, được tự tại đối với hết thảy pháp.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát nghiêm tịnh cõi Phật?

Phật dạy: Bồ-tát từ khi mới phát tâm trở lại đây tự trừ nghiệp thô nôi thân, tự trừ nghiệp thô nôi miệng, tự trừ nghiệp thô nôi ý, cũng làm thanh tịnh nghiệp thô nơi thân, miệng, ý của người khác.

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là nghiệp thô nơi thân, miệng, ý của Bồ-tát?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nghiệp bất thiện: Hoặc sát sinh cho đến tà kiến là nghiệp thô nơi thân, miệng, ý của Bồ-tát.

Lại nữa, tâm xan tham, tâm phá giới, tâm sân hận, tâm giải đãi, tâm tán loạn, tâm ngu si là nghiệp thô nơi ý của Bồ-tát.

Lại nữa, giới không thanh tịnh là nghiệp thô nơi thân, miệng của Bồ-tát.

Lại nữa, nếu Bồ-tát xa lìa bốn niệm xứ mà tu hành, gọi là nghiệp thô của Bồ-tát; xa lìa bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo, tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác cũng là nghiệp thô của Bồ-tát.

Lại nữa, Bồ-tát tham chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến tham chứng quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật là nghiệp thô của Bồ-tát.

LUẬN: Từ trước lại đây Tu-bồ-đề thường hỏi về pháp Không. Bấy giờ trong hội chúng nghi: Tu-bồ-đề đã thể ngộ pháp tịch tịnh không hý luận, cớ sao còn hỏi nhiều? Vì thế nên không hỏi mà chỉ tâm niệm.

Lại nữa, có những Bồ-tát và chư Thiên vào sâu thiền định, không ưa ngôn ngữ mà chỉ muốn được ích lợi của pháp, thế nên Tu-bồ-đề không phát ngôn mà chỉ tâm niệm.

Hỏi: Vì sao Tu-bồ-đề tuy không nói mà Thế Tôn vẫn dùng lời đáp?

Đáp: Sắc thân của Phật trông thấy không nhàm chán; thấy sắc không nhàm chán, nghe âm thanh cũng như vậy, nên tuy nói mà không chướng ngại hạnh thiền định vi tế; thế nên Phật dùng lời để đáp.

Lại nữa, Phật an lập nôi tướng tịch diệt, trú trong Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không phân biệt hết thảy pháp hoặc thiện hoặc bất thiện. Chúng sinh có nghi mà hỏi, Phật theo chỗ hỏi, chỗ suy nghĩ mà đáp, vì thế nên không giống với Tu-bồ-đề. Tu-bồ-đề nghe sáu Ba-la-mật nghĩa lý rất sâu, không thể nắm bắt được bờ mé của nó, nên hỏi: Thế nào là đạo Bồ-tát mà hành đạo ấy được thanh tịnh, không có chỗ đắm trước các thiện pháp, sáu Ba-la-mật trang nghiêm? Phật biết ý Tu-bồ-đề nghĩ nên đối với Tu-bồ-đề tuy lợi ích ít mà vì lợi ích cho các Bồ-tát nên đáp: Sáu Ba-la-mật là đạo Bồ-tát. Sáu Ba-la-mật là đạo của Bồ-tát mới phát tâm; tiếp đến hành bốn thiền, tám bội xả, định chín thứ lớp và ba mươi bảy pháp trợ đạo, chỉ cầu Niết-bàn; hành mười tám không, mười lực của Phật, là các thiện pháp vi tế, chỉ vì cầu Phật đạo. Sáu đạo Ba-la-mật phần nhiều vì chúng sinh mà nói; ba mươi bảy pháp trợ đạo chỉ vì cầu Niết-bàn; mười tám không, từ Niết-bàn xuất ra, là đạo vượt quá địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật mà vào vị Bồ-tát. Ba đạo ấy đều là sở hành của sinh thân Bồ-tát; vì không thấy các pháp có tốt xấu mà an lập tướng bình đẳng của các pháp. Trong Kinh này Phật tự nói nhân duyên: Bồ-tát nên học hết thảy, nếu có một pháp không học thì không thể được trí Nhất thiết chủng. Học hết thảy pháp là dùng hết thảy pháp môn, suy nghĩ, trù lượng, tu quán mà được thông suốt.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Nếu hết thảy pháp một tướng đó là không tướng thì Bồ-tát làm thế nào học hết thảy pháp mà ở trong chỗ Không có hý luận lại khởi lên hý luận? Nghĩa là cho rằng có pháp này pháp kia! Lược nói tướng hý luận là đây Đông kia Tây, đây trên kia dưới, là thường là vô thường, là thật là không, là thế gian là xuất thế gian, cho đến là pháp nhị thừa, là pháp Phật.

Phật hứa khả lời Tu-bồ-đề rằng: Hết thảy pháp tướng là không; nếu pháp thật có định tướng chẳng không tức là không sinh không diệt; không diệt nên không có bốn đế; không có bốn đế nên không có Phật, Pháp, Tăng bảo; như vậy, Tam bảo đều bị phá hoại. Nay các pháp thật không có, cho đến tướng không cũng không có, chỉ do chúng sinh ngu si điên đảo nên chấp trước. Thế nên đối với chúng sinh, Bồ-tát khởi tâm thương xót, muốn kéo ra khỏi chấp trước nên cầu sức thân Phật; muốn làm cho chúng sinh tin chịu lời kia để bỏ điên đảo, ngộ vào thật tướng. Thế nên Bồ-tát tuy biết các pháp là không, mà vì lợi ích chúng sinh nên phân biệt nói. Nếu chúng sinh tự biết các pháp là không, thì Bồ-tát chỉ tự trú trong tướng không ấy, không cần học phân biệt hết thảy pháp.

Bồ-tát khi hành đạo Bồ-tát, từ khi mới phát tâm trở lại đây suy nghĩ

như vầy: Hết thảy pháp không hề có tính nhất định, chỉ do nhân duyên hòa hợp nên sinh khởi; các nhân duyên ấy cũng mỗi mỗi do hòa hợp sinh cho đến rốt ráo không. Rốt ráo không chỉ là một pháp thật, ngoài ra đều không có tự tính nên đều hư dối. Ta từ vô thỉ lại đây chấp đắm pháp hư dối ấy chán việc thọ khổ não trong sáu đường. Ta nay là con của chư Phật trong mười phương ba đời, Bát-nhã là mẹ ta, nay ta không nên trở lại đeo đuổi pháp hư vọng. Do vậy, Bồ-tát cho đến đối với rốt ráo không cũng không hề dính mắc, huống gì các pháp khác như Thí Ba-la-mật...

Bấy giờ Bồ-tát đầy đủ đạo Bồ-tát, tâm kia an ổn, tự nghĩ rằng: Ta chỉ dứt tâm chấp trước, còn đạo tự nhiên đến. Biết pháp ấy rồi nghĩ đến chúng sinh đang nhiễm trước thế gian mà rốt ráo không cũng không, không có tự tính, không có chỗ ở, nên chúng sinh ấy khó có thể tin chịu. Vì khiến chúng sinh tin chịu pháp ấy nên học hết thảy pháp, tu hành pháp phương tiện độ chúng sinh, quán tâm hành của chúng sinh đi về đâu, biết nó ưa pháp gì, nghĩ việc gì, có chí nguyện gì. Khi quán sát biết chỗ chấp trước của chúng sinh đều là hư vọng điên đảo, do ức tưởng phân biệt nên chấp trước chứ không có căn bản chắc thật. Bấy giờ Bồ-tát rất hoan hỷ, nghĩ rằng: Chúng sinh dễ độ. Vì sao? Vì chỗ đắm trước của chúng sinh đều là hư dối không thật, thí như người có một đứa con ưa giỡn chơi trong chỗ bất tịnh, nhóm đất làm lúa, lấy cây cỏ làm chim thú mà sinh ra ưa đắm; bị có người giựt lấy liền nổi giận khóc la. Cha nó biết vậy rồi, nghĩ rằng: Đứa con ấy nay tuy ưa đắm nhưng việc ấy dễ bỏ, đến khi khôn lớn nó tự bỏ. Vì sao? Vì vật ấy không chân thật. Bồ-tát cũng như vậy, xem thấy chúng sinh ưa đắm thân bất tịnh hôi hám, và năm dục là pháp vô thường, nguyên nhân của các khổ; biết chúng sinh ấy tuy có được năm thiện căn tín, tấn, niệm, định, tuệ thành tựu liền có thể xả bỏ. Nếu trẻ nhỏ đắm trước vào vật cho là thật thì tuy lớn đến trăm tuổi, mà lòng tham đắm càng sâu không thể xả bỏ. Nếu chúng sinh chấp trước vào vật cho là thật có nhất định thì tuy có được năm thiện căn song lòng chấp trước vẫn càng sâu nặng, cũng không thể xa lìa. Vì các pháp là tính Không, hư dối không thật, nên khi được mắt tuệ vô lậu thanh tịnh, xa lìa pháp chấp trước, lớn lên tự biết hổ thẹn. Thí như người bị bệnh cuồng làm điều sai trái, sau khi tỉnh ngộ thấy mất mặt xấu hổ.

Bồ-tát đã biết chúng sinh dễ độ nên an trú trong Bát-nhã, dùng sức phương tiện giáo hóa chúng sinh rằng: Các ông hãy nên bố thí, sẽ được của nhiều, chớ ỷ thị quả báo bố thí mà tự cao ngạo. Trong đây không có

gì chắc thật, đều sẽ bị phá hoại, với khi chưa bố thí không khác nhau. Trì giới, nhẫn nhục cho đến mười tám pháp không chung, cũng như vậy.

Các pháp ấy tuy thanh tịnh, có ích rất lớn, nhưng đều là pháp hữu vi, do nhân duyên sinh, không có tự tính, các ông nếu đắm trước pháp ấy thì sinh ra khổ não; thí như thỏi vàng nóng bỏng, tuy là vật báu mà nắm đến thì cháy tay. Như vậy, Bồ-tát giáo hóa chúng sinh, hành đạo Bồ-tát, tự mình không chấp trước gì, cũng dạy chúng sinh không chấp trước; vì tâm không chấp trước hành bố thí nên không trú trong bố thí. Không trú là khi bố thí không chấp thủ ba tướng, cũng không chấp trước quả báo mà tự cao, sinh ra nghiệp tội, khi quả báo diệt hoại cũng không sinh ưu não. Giới Ba-la-mật cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng như vậy. Trong đây Phật tự nói nhân duyên không trú: Một là Bồ-tát vào sâu tính Không, không thấy các pháp có tự tính nên không trú; hai là không cho việc nhỏ là đủ không nên trú. Bồ-tát không có tâm khác, chỉ một mặt hướng đến việc phát sinh đạo giác ngộ.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Nếu hết thảy pháp không sinh thì Bồ-tát làm thế nào có thể phát sinh đạo giác ngộ?

Phật hứa khả ý Tu-bồ-đề và nói: Hết thảy pháp không sinh, Ta thật đã nhiều nôi nói pháp không sinh, chẳng phải vì hàng phàm phu nói, mà chỉ vì hàng được vô tác giải thoát, không khởi ba nghiệp mà nói.

Hỏi: Phật tự nói có Phật hay không có Phật thì tính của các pháp vẫn thường trú; như pháp tướng không của các bậc Thánh, phàm phu cũng như vậy?

Đáp: Phật hứa khả lời nói ấy rằng: Thật tướng các pháp thường trú, vì chúng sinh không hiểu không biết nên khởi lên đạo giác ngộ, chỉ vì trừ điên đảo cho phàm phu nên gọi là đạo. Nếu chắc chắn có đạo có thể chấp trước thì trở lại là điên đảo. Đạo và chẳng phải đạo bình đẳng tức là đạo; thế nên không nên vấn nạn.

Tu-bồ-đề hỏi: Làm sao có thể được giác ngộ? Dùng đạo sinh được ư?

Phật dạy: Không được. Vì sao? Vì nhân đạo sinh là Bồ-tát quán đó

là pháp hữu vi sinh diệt nên cho rằng thật, thế nên đáp không; như trước nói thí dụ thỏi vàng cháy đỏ. Còn pháp không sinh (tức đạo không sinh) tức là vô vi, vì pháp vô vi nên cũng không thể dùng để được giác ngộ.

Đạo sinh và đạo không sinh cả hai đều có lỗi, vậy đạo chẳng phải sinh chẳng phải không sinh được giác ngộ chăng? - Đáp: Không được.

Hỏi: Nếu đạo sinh và đạo không sinh đều có lỗi , vậy đạo chẳng phải sinh chẳng phải không sinh không nên có lỗi, cớ sao nói không

được?

Đáp: Nếu phân biệt chẳng phải sinh chẳng phải không sinh là tốt, là xấu, đó là vì thủ tướng sinh chấp trước, nên nói có lỗi; nếu không chấp trước thì là đạo giác ngộ.

Tu-bồ-đề hỏi: Nếu không do bốn cú được giác ngộ, vậy làm sao được đạo?

Phật dạy: Chẳng phải đạo không do chẳng phải đạo được giác ngộ. Vì sao? Vì giác ngộ tức là đạo, đạo tức là giác ngộ; mà giác ngộ tức là thật tướng các pháp, là thật tướng của chư Phật chứng ngộ, không có đổi khác. Hết thảy pháp đều vào trong giác ngộ, là tướng tịch diệt, như hết thảy nước vào trong biển cả đều cùng làm một vị. Thế nên Phật nói tính giác ngộ tức là tính đạo. Nếu tính giác ngộ và tính đạo khác nhau thì không gọi là giác ngộ, vì tướng tịch diệt, không có hí luận; thế nên nói giác ngộ tức là đạo, đạo tức là giác ngộ.

Lại nữa, nếu hai pháp ấy khác nhau thì hành đạo không thể đến giác ngộ, vì nhân quả chẳng phải một chẳng phải khác.

Tu-bồ-đề hỏi: Nếu như vậy thì Bồ-tát hành đạo lẽ ra đáng là Phật. Vì sao? Vì đạo tức là giác ngộ! Lại, Phật lẽ đáng là Bồ-tát. Vì sao? Vì giác ngộ tức là đạo! Nay cớ gì nói có sai khác: Phật có mười lực, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình?

Tu-bồ-đề vì hàng Bồ-tát mới học nên phân biệt nạn hỏi Phật rằng: Bồ-tát lý đáng tức là Phật, Phật đáp bằng cách hỏi ngược lại rằng: Phật được giác ngộ chăng?

Tu-bồ-đề đáp: Không được. Vì sao? Vì giác ngộ không lìa Phật, Phật không lìa giác ngộ; hai pháp hòa hợp nên gọi là Phật, là giác ngộ. Thế nên không nên nạn rằng Bồ-tát tức là Phật. Đây là đáp về tướng chung vậy.

Hỏi: Phật thuộc chúng sinh hữu tình, giác ngộ thuộc pháp, cớ sao nói Phật tức là giác ngộ?

Đáp: Trước tiên có ba mươi hai tướng trang nghiêm thân và công đức sáu Ba-la-mật trang nghiêm tâm, nhưng không gọi là Phật, mà vì được giác ngộ nên mới gọi là Phật; thế nên nói Phật với giác ngộ không khác. Năm uẩn thanh tịnh vi diệu hòa hợp giả gọi là Phật; pháp tức là năm uẩn, năm uẩn không lìa giả danh. Giác ngộ tức là thật tướng năm uẩn; hết thảy pháp đều vào trong giác ngộ; thế nên Phật tức là giác ngộ, giác ngộ tức là Phật, chỉ vì trong tâm phàm phu phân biệt nên có sai khác.

Hỏi: Ông trước luận nghị nói giác ngộ với đạo chẳng một chẳng khác, còn trong kinh nói đạo tức là giác ngộ, giác ngộ tức là đạo; Phật tức là giác ngộ, giác ngộ tức là Phật?

Đáp: Một và khác tuy đều chẳng thật, nhưng phần nhiều dùng một, thế nên trong đây nói: Giác ngộ tức là đạo, đạo tức là giác ngộ, không có gì lỗi. Như hai bên thường và vô thường, vì thường phần nhiều sinh phiền não nên ít nhắc đến; vô thường có thể phá phiền não nên nói đến nhiều, mà khi việc thành tựu thì vô thường cũng xả bỏ. Trong đây cũng như vậy, nếu quán các pháp sai khác dễ sinh tâm chấp trước, nếu quán các pháp một tướng hoặc vô thường, khổ, không.. thì phiền não không sinh. Vì tâm chấp trước ít, thế nên phần nhiều dùng một tướng, còn ở trong thật nghĩa thì một tướng cũng vô dụng. Nếu chấp trước một tướng tức lại là tai họa.

Lại nữa, vì sai khác không có nên một tướng cũng không thể có được, vì là tướng đối đãi nhau. Chỉ đem tâm chấp trước, không chấp thủ một tướng nên nói, không có gì lỗi; song vì một tướng không thật nên Bồ-tát không được là Phật.

Lại nữa, nay Phật lại đáp với Tu-bồ-đề và tự nói nhân duyên: Giác ngộ tuy là tướng tịch diệt, nhưng Bồ-tát có thể đầy đủ các công đức Ba-la-mật, trú trong tam-muội kim ca, do một niệm tương ưng với tuệ mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, bấy giờ đối với hết thảy pháp được tự tại, được gọi là Phật. Bồ-tát tuy biết được đạo và giác ngộ chẳng khác nhau, nhưng chưa đầy đủ công đức nên không gọi là Phật; và Phật đã đầy đủ hạnh nguyện, mọi việc đã rốt ráo nên không gọi là Bồ-tát. Người được là Phật, pháp được là giác ngộ, người cầu giác ngộ là Bồ-tát.

Tu-bồ-đề theo Phật nghe nói tướng giác ngộ, tướng đạo, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh rồi, nay hỏi Phật về việc nghiêm tịnh cõi Phật. Các A-la-hán, Bích-chi Phật không có năng lực biết việc nghiêm tịnh cõi Phật cho nên hỏi: Thế nào là cõi Phật thanh tịnh?

Phật đáp: Cõi Phật là trăm ức mặt trời mặt trăng, trăm ức núi Tu-di, trăm ức trời Bốn thiên vương; ấy gọi là thế giới ba ngàn đại thiên. Vô lượng vô biên thế giới ba ngàn đại thiên như vậy gọi là một cõi Phật. Phật ở trong đó khi làm Phật sự, thường thường ngày ba thời đêm ba thời dùng Phật nhãn nhìn khắp chúng sinh xem ai có thể gieo trồng căn lành, ai căn lành đã thành thục nên làm cho tăng trưởng, ai căn lành đã thành thục nên đáng được độ. Thấy rồi dùng sức thần thông theo chỗ thấy mà giáo hóa. Tâm chúng sinh rong ruổi theo cảnh bên ngoài: Nếu được việc hợp ý thì không sinh tâm sân não; nếu được nhân duyên bất tịnh, vô thường thì không sinh phiền não tham dục; nếu được nhân duyên pháp không, không có sở hữu thì không sinh phiền não ngu si. Thế nên Bồ-tát trang nghiêm cõi Phật là vì làm cho chúng sinh dễ độ, trong cõi nước không có thiếu thốn gì, vì tâm

không có ngã thì không sinh xan tham, sân giận. Có cõi nước Phật, hết thảy cây cối thường phát ra pháp âm thật tướng là không sinh, không diệt, không khởi, không làm. Chúng sinh chỉ nghe diệu âm ấy, không nghe âm thanh khác, vì chúng sinh lợi căn nên liền ngộ được thật tướng các pháp. Như vậy, cõi Phật trang nghiêm gọi là cõi Phật thanh tịnh, như trong Kinh A-di-đà nói.

Bồ-tát từ khi mới phát tâm lại đây tự thanh tịnh nghiệp thô nôi thân, miệng, ý, cũng dạy người khác thanh tịnh nghiệp thô nơi thân, miệng, ý.

Hỏi: Nếu Bồ-tát nghiêm tịnh cõi Phật là Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn, trú trong Thần thông Ba-la-mật, vậy sau có thể nghiêm tịnh cõi Phật, nay cớ gì nói từ khi mới phát tâm lại đây làm thanh tịnh nghiệp thô nơi thân, miệng, ý là có thể nghiêm tịnh cõi Phật?

Đáp: Ba nghiệp thanh tịnh chẳng phải chỉ là nghiêm tịnh cõi Phật, mà hết thảy đạo Bồ-tát đều được thanh tịnh. Ở đây, trước hết làm thanh tịnh ba nghiệp vậy rồi sau làm nghiêm tịnh cõi Phật: Tự làm thanh tịnh thân mình, cũng làm thanh tịnh người khác. Vì sao? Vì chẳng phải một người sinh ra ở trong cõi nước, mà đều do nhân duyên nhiều người hợp lại sinh ra.

Nhân duyên hợp lại của pháp trong, pháp ngoài, hoặc thiện, hoặc bất thiện là vì nghiệp ác khẩu nhiều nên đất sinh ra gai góc; vì tâm dua nịnh quanh co nhiều nên đất sinh ra không bằng phẳng; vì xan tham nhiều nên nước không điều hòa, đất sinh cát sạn; vì không gây các ác nói trên nên đất được bằng phẳng, có nhiều trân bảo. Như lúc đức Phật Di lặc ra đời, mọi người đều tu mười thiện nên đất có nhiều trân bảo.

Hỏi: Nếu nhờ các thiện pháp bố thí... được quả báo cõi Phật thanh tịnh, cớ gì chỉ nói thanh tịnh ba nghiệp?

Đáp: Tuy biết các pháp thiện ác là nhân duyên của khổ vui nhưng trong hết thảy tâm tâm số pháp, khi được đạo thì tâm sở trí tuệ là lớn; trong khi nhiếp tâm thì tâm sở định là lớn; trong khi tạo nghiệp thì tâm sở tư là lớn; có nghiệp của tâm sở tư ấy rồi thì khởi lên nghiệp của thân và miệng. Tu bố thí, thiền định... lấy tâm sở tư làm đầu; thí như may áo lấy kim dẫn đường; khi thọ quả báo đời sau thì sức của nghiệp là lớn; thế nên nói ba nghiệp thu nhiếp tất cả nghiệp. Hết thảy tâm số pháp đều thu nhiếp vào trong ý nghiệp; hết thảy sắc pháp đều thu nhiếp vào trong nghiệp của thân và miệng. Hành nghiệp của thân có ba thứ, mỗi khi phước đức đầy đủ thì cõi nước thanh tịnh. Bên trong thân thanh tịnh nên cảnh giới bên ngoài cũng thanh tịnh; thí như mắt sạch nên bóng trong gương cũng sạch, như trong kinh Tỳ-ma-la-cật nói: Vì không sát sinh nên được làm người sống lâu...

Hỏi: Nghiệp thô của thân, miệng, ý là việc dễ biết, cớ sao Tu-bồ-đề còn hỏi?

Đáp: Thô hay tế đều không nhất định; như đối với người cầu đạo, việc bố thí là điều kiện thô, còn đối với kẻ bạch y, việc bố thí là điều kiện tế; như đối với Tiểu thừa, nghiệp bất thiện là thô, nghiệp thiện là tế, còn đối với Đại thừa, từ chấp thủ tướng thiện pháp cho đến chấp thủ tướng Niết-bàn đều là thô. Vì thô tế không nhất định cho nên hỏi. Phật thứ lớp nói về tướng thô tế: Từ việc cướp mạng sống cho đến tà kiến; ba nghiệp của thân, bốn nghiệp của miệng, ba nghiệp của ý đều là thô. Lại, phá sáu Ba-la-mật thì tâm xan tham... đều là thô.

Hỏi: Trước kia nói mười đạo bất thiện đã thu nhiếp xan tham... cớ gì lại còn nói riêng?

Đáp: Sáu pháp ấy không nhiếp vào trong mười đạo bất thiện. Mười đạo bất thiện đều là pháp bức não chúng sinh, còn sáu pháp ấy chỉ không bức não chúng sinh; như tâm xan tham chỉ tự mình tiếc của mà không não hại chúng sinh. Tâm tham có hai: 1. Chỉ tham của người khác mà chưa bức não chúng sinh; 2. Tâm tham càng mạnh, tìm cầu không được thì muốn não hại; ấy gọi là nghiệp đạo, vì hay khởi nghiệp; sân giận cũng như vậy. Sân giận ít không gọi là nghiệp đạo, vì nó có thể đưa đến ác xứ nên gọi là đạo; thế nên nói riêng sáu pháp, không có gì lỗi.

Hỏi: Trong sáu Ba-la-mật đã nói có giới, nay cớ gì lại nói giới bất tịnh?

Đáp: Phá giới là tội thô nặng, như sát sinh... còn giới bất tịnh là tội vi tế, không não hại chúng sinh; như uống rượu không nhiếp vào mười đạo bất thiện.

Lại nữa, phá năm tụ giới gọi là phá giới; không phá giới được thọ. Thường vì ba độc che tâm, không nhớ nghĩ giới, hồi hướng đến phước báo sinh cõi trời mà tà kiến giữ giới; như vậy gọi là giới bất tịnh.

Lại nữa, nếu tâm Bồ-tát xa lìa ba mươi bảy pháp trợ đạo, ba môn giải thoát, ấy gọi là nghiệp thô. Vì sao? Vì trong đây tâm đều quán thật pháp, theo Niết-bàn, không theo thế gian; nếu ra ngoài bốn niệm xứ... thì tâm tán loạn; thí như rắn bò, bản tính thường ưa quanh co, nếu vào trong ống tre thì phải đi thẳng, ra khỏi ống lại quanh co.

Lại nữa, nếu Bồ-tát tham chứng quả Tu-đà-hoàn, ấy là nghiệp thô; như người nghe Phật nói quả Tu-đà-hoàn không đọa vào ba đường ác, sạch hết vô lượng khổ; như ao nước rộng năm mươi do tuần, ngoài ra chỉ như một giọt hai giọt thì sinh tâm tham. Vì tâm kia không bền chắc, vốn cầu

làm Phật, vì chúng sinh mà nay vì tự thân lại muốn thủ chứng quả Tu-đà-hoàn; như thế là dối Phật, mang tội với chúng sinh. Thế nên tham chứng quả Tu-đà-hoàn gọi là thô; thí như người mời khách, muốn thiết đãi ăn uống mà rốt cuộc không cho gì thì mắc tội nói dối với khách. Bồ-tát cũng như vậy, từ khi mới phát tâm lại đây phát nguyện; ta sẽ làm Phật độ hết thảy chúng sinh, mà lại tham quả vị Tu-đà-hoàn, như thế là mang tội với chúng sinh. Như tham chứng của Tu-đà-hoàn cho đến tham đạo Bích-chi Phật cũng như vậy.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 93

GIẢI THÍCH PHẨM TÁM MƯƠI HAI (Tiếp): LÀM THANH TỊNH CÕI PHẬT

KINH: Tu-bồ-đề! Bồ-tát thủ tướng sắc, thọ, tưởng, hành, thức; tướng mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; tướng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, tướng nam, tướng nữ, tướng cõi Dục, tướng cõi Sắc, tướng cõi Vô sắc, tướng pháp thiện, tướng pháp bất thiện, tướng pháp hữu vi, tướng pháp vô vi, ấy gọi là nghiệp thô của Bồ-tát. Bồ-tát đều xa lìa nghiệp thô như vậy; tự mình bố thí, cũng dạy người bố thí; cần ăn cho ăn, cần áo cho áo, cho đến các vật cần dùng để nuôi sống. Dạy người mỗi mỗi bố thí như vậy, đem phước đức bố thí ấy chia sẻ cho chúng sinh cùng hồi hướng đến cõi nước Thanh tịnh của Phật; tự mình trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cũng như vậy. Bồ-tát hoặc đem châu báu đầy cõi nước ba ngàn đại thiên cúng dường Tam bảo, phát nguyện rằng: Nhờ thiện căn này mà khiến cõi nước tôi đều do bảy báu tạo thành. Lại nữa, lấy nhạc trời làm vui nôi Phật và Pháp, phát nguyện rằng: Nhờ thiện căn này mà khiến trong cõi nước tôi thường nghe nhạc trời. Lại nữa, lấy hương trời đầy cõi nước ba ngàn đại thiên cúng dường Phật và Pháp, phát nguyện rằng: Nhờ thiện căn này mà khiến trong cõi nước tôi thường có hương thơm cõi trời. Lại nữa, lấy thức ăn trăm vị cúng dường Phật và chúng Tăng, phát nguyện rằng: Nhờ thiện căn này mà khiến chúng sinh trong cõi nước tôi hưởng hương thơm cõi trời nhỏ mịn.

Lại nữa, lấy năm dục theo ý muốn mà cúng dường Phật và Tăng, cùng thí cho hết thảy chúng sinh, phát nguyện rằng: Nhờ thiện căn này mà khiến đệ tử và chúng sinh trong cõi nước tôi đều được năm dục theo ý muốn. Bồ-tát ấy đem năm dục theo ý muốn, cùng chia cho chúng sinh, hồi hướng đến cõi nước thanh tịnh của Phật, phát nguyện rằng: Khi tôi thành Phật, trong cõi nước tôi có năm dục như cõi trời ứng theo lòng ước nguyện mà đến.

Lại nữa, phát nguyện rằng: Tôi sẽ tự mình vào thiền thứ nhất, cũng dạy chúng sinh vào thiền thứ nhất; vào thiền thứ hai, thứ ba, thứ tư; vào tâm từ, bi, hỷ, xả cho đến ba mươi bảy pháp trợ đạo cũng như vậy. Khi tôi

được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, làm cho hết thảy chúng sinh không xa lìa bốn thiền cho đến không xa lìa ba mươi bảy pháp trợ đạo. Như vậy, Bồ-tát có thể nghiêm tịnh cõi Phật. Bồ-tát tùy theo bấy nhiêu thời gian hành đạo Bồ-tát, đầy đủ các ước nguyện; Bồ-tát tự thành tựu hết thảy thiện pháp, cũng thành tựu thiện pháp cho chúng sinh. Bồ-tát thọ thân tướng đẹp đẽ, chúng sinh được giáo hóa cũng được thân tướng đẹp đẽ. Vì sao? Vì phước đức sâu dày. Này Tu-bồ-đề! Nên như vậy nghiêm tịnh cõi Phật. Trong cõi nước ấy cho đến danh từ ba ác đạo cũng không có, cũng không có danh từ ba độc, tà kiến, nhị thừa, Thanh-văn, Bích-chi Phật. Tai không nghe có âm thanh về vô thường, khổ, không, cũng không có sở hữu, cho đến không có danh từ kiết sử phiền não, cũng không có danh từ phân biệt các đạo quả; gió thổi cây bảy báu theo chỗ đáng độ thoát mà tuôn ra âm thanh nói về thật tướng Không, Vô tướng, Vô tác; có Phật hay không có Phật thì hết thảy pháp, hết thảy pháp tướng vẫn không, trong không, không có tướng, không có tướng thì không có tạo tác. Xuất ra pháp âm như vậy thì hoặc ngày hoặc đêm, hoặc ngồi hoặc nằm, hoặc đứng hoặc đi vẫn thường nghe pháp âm ấy. Bồ-tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chư Phật trong mười phương các cõi nước đều tán thán; chúng sinh nghe danh hiệu Phật ấy chắc chắn đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát ấy khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác bèn thuyết pháp, chúng sinh nghe được không có ai không tin, không ai sinh nghi, mà nói rằng là pháp, là phi pháp. Vì sao? Vì trong thật tướng các pháp đều là pháp, không có phi pháp. Những người phước mỏng đối với Phật và các đệ tử không gieo trồng căn lành, không theo thiện tri thức, chìm trong ngã kiến cho đến chìm trong hết thảy kiến chấp, rơi vào biên kiến, hoặc chấp đoạn chấp thường... Những người như vậy vì tà kiến nên chẳng phải Phật nói là Phật, Phật nói là chẳng phải Phật; phi Pháp nói là Pháp, Pháp nói là phi Pháp. Người như vậy vì phá pháp nên khi thân hoại mạng chung đọa vào đường ác địa ngục; khi chư Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thấy chúng sinh ấy qua lại trong năm đường dạy khiến xa lìa nhóm tà định, an lập trong nhóm chính định, lại không đọa vào đường ác. Như vậy, chúng sinh trong cõi nước Phật thanh tịnh của Bồ-tát không có tâm tạp uế: hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi hoặc vô vi; cho đến chúng sinh trong cõi nước ấy đều rốt ráo ở trong Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Ấy là Bồ-tát nghiêm tịnh cõi Phật.

LUẬN: Lại có nghiệp thô là đối với các pháp rốt ráo không, lại thủ tướng mà sinh tâm chấp trước là thủ tướng sắc, thủ tướng thọ, tưởng, hành, thức; thủ tướng mắt cho đến tướng ý; thủ tướng sắc cho đến tướng pháp;

thủ tướng nam nữ, tướng ba cõi, tướng thiện, bất thiện, hữu vi vô vi.

Hỏi: Tướng nam nữ có thể là hư vọng không thật, còn các tướng sắc, tướng pháp thiện, pháp bất thiện, hoặc không thủ tướng thì làm sao có thể nhàm chán sắc để thành tựu pháp thiện?

Đáp: Trong Phật pháp có hai thứ Không: Một là chúng sinh Không, hai là pháp Không. Chúng sinh không thì phá tướng chúng sinh, là tướng nam, tướng nữ... Lấy pháp Không phá tướng hư vọng trong sắc pháp, như trong phẩm "phá hết thảy pháp không" đã nói. Quán sắc, thọ... các thiện pháp như huyễn như hóa, không thủ tướng nhất định có thật, thì tâm nhàm chán, bỏ hí luận thường, vô thường; ấy không gọi là thủ tướng. Lại, sắc... và các pháp thiện đều hòa hợp tính Không mà tu hành nên không sinh phiền não.

Hỏi: Hết thảy pháp hữu vi giả danh hòa hợp cho nên không nên thủ tướng, còn pháp vô vi là pháp chân thật, đó là như, pháp tính, thật tế, cớ sao không thủ?

Đáp: Vì không thủ tướng là pháp vô vi vô tướng, gọi là pháp môn vô vi; nếu thủ tướng thì là hữu vi. Như vậy, tất cả thủ tướng đều hư vọng, không thật.

Xa lìa nghiệp thô nơi thân, miệng, ý là Bồ-tát muốn hành đạo, nghiêm tịnh cõi Phật, xa lìa nghiệp thô nôi thân, miệng, ý như vậy, tự mình hành sáu Ba-la-mật, cũng dạy người khác hành, do nhân duyên cùng thanh tịnh nên cõi nước Phật được thanh tịnh. Trên là nói tướng chung, dưới là nói tướng riêng. Bồ-tát đem bảy báu đầy thế giới ba ngàn đại thiên cúng Phật và Tăng, phát nguyện rằng: Nhờ bố thí này mà khiến cho cõi nước tôi đều do bảy báu trang nghiêm.

Hỏi: Nếu châu báu đầy thế giới ba ngàn đại thiên, thì từ chỗ nào có được? Lại, chư Phật, Hiền Thánh đều ít muốn, biết đủ, ai là người thọ hưởng? Nếu người phàm không biết nhàm đủ thì làm sao có thể thọ hưởng vật trong ba ngàn thế giới?

Đáp: Thân Bồ-tát là thân do pháp tính sinh, đầy đủ thần thông Ba-la-mật. Vì cúng dường mười phương Phật nên đem châu báu đầy thế giới ba ngàn đại thiên để cúng dường. Lại, bảo vật ấy do sức thần thông làm ra, nhỏ nhẹ, không chướng ngại; như cõi trời Biến tịnh trong thiền thứ ba, sáu mươi người ngồi trên đầu một cây kim mà nghe pháp, không chướng ngại nhau, huống gì đại Bồ-tát vào sâu trong thần thông tạo ra vật báu. Hoặc có Bồ-tát biến hóa thân như núi Tu-di, khắp trước mười phương Phật để làm tim đèn cúng dường Phật hoặc pháp Phật, phát nguyện rằng: Khiến cõi

nước tôi thường có ánh sáng, không cần mặt trời, mặt trăng, đèn đuốc. Hoặc có Bồ-tát mưa các hương hoa, phan lọng, anh lạc để cúng dường, phát nguyện rằng: Khiến chúng sinh trong cõi nước tôi đẹp đẽ như hoa, thân tướng sạch sẽ không có xấu xí. Như vậy là nhân duyên của các sắc tướng đẹp.

Lại có Bồ-tát đem kỹ nhạc trời làm vui nơi Phật hoặc pháp Phật. Bồ-tát ấy hoặc có khi dùng sức thần thông làm ra âm nhạc trời, hoặc làm ra âm nhạc của vua trời, âm nhạc của Chuyển luân Thánh vương, hoặc làm ra âm nhạc của A-tu-la, của vua rồng để cúng dường, nguyện rằng: Trong nước tôi thường nghe âm thanh tốt đẹp.

Hỏi: Chư Phật, Hiền Thánh là người lìa dục, không cần âm thanh ca múa, cớ sao đem âm nhạc cúng dường?

Đáp: Chư Phật tuy đối với hết thảy pháp, tâm không dính mắc, đối với pháp thế gian không cần dùng gì, song chư Phật vì thương chúng sinh mà ra đời nên tùy theo người cúng dường, khiến cho họ được phước theo ước nguyện. Như lấy hoa hương cúng dường, cũng không phải là vật mà Phật cần dùng, vì thân Phật thường có hương thơm vi diệu, chư thiên không thể sánh kịp; song vì lợi ích chúng sinh mà Phật thọ nhận. Bồ-tát vì muốn nghiêm tịnh cõi Phật nên cầu âm thanh tốt, muốn khiến chúng sinh trong cõi nước mình nghe âm thanh tốt nên tâm nhu nhuyến, tâm nhu nhuyến nên dễ có thể chịu sự giáo hóa; thế nên dùng âm thanh để cúng dường Phật.

Lại có Bồ-tát đem hương thơm đầy khắp thế giới ba ngàn đại thiên cúng dường chư Phật và pháp Phật: Hoặc hương rễ, hương cành, hương lá, hương bột; hoặc hương trời; hoặc hương do biến hóa làm ra, hoặc hương từ quả báo sinh, phát nguyện rằng: Khiến trong cõi nước tôi thường có hương thơm mà không có người làm ra.

Hoặc có Bồ-tát dùng thức ăn trăm vị cúng dường chư Phật và Tăng là có người nói rằng, lấy trăm thứ canh cúng dường, gọi là trăm vị. Có người nói rằng, Một thứ bánh mà đến đủ số trăm nên vị nó có một trăm, gọi là trăm vị. Có người nói rằng, trăm thứ cỏ thuốc, trái thuốc làm thành

hòn hoan hỷ, gọi là trăm vị. Có người nói rằng, thức ăn, uống, canh, bánh tổng hợp làm thành trăm vị. Có người nói rằng, thức uống ăn mỗi mỗi đầy đủ nên gọi là trăm vị. Thức uống ăn của người có trăm vị; thức uống ăn của trời thì có trăm ngàn vị.

Thức uống ăn của Bồ-tát do quả báo phước đức sinh là do sức thần thông biến hóa thì có vô lượng vị, có thể chuyển đổi lòng người khiến lìa dục được thanh tịnh. Bốn thứ uống ăn ấy Bồ-tát tùy theo nhân duyên cúng

dường Phật và Tăng nên trong cõi nước tự nhiên có thức uống ăn trăm vị.

Hoặc có Bồ-tát dùng hương xoa của trời là vì ở Ấn Độ nóng; và vì thân có mùi hôi nên dùng hương xoa thân để cúng dường Phật và Tăng. Do nhân duyên ấy khiến chúng sinh trong cõi nước tôi được thứ hương trời nhỏ mịn.

Hỏi: Giới Sa-di cho đến giới thọ trì trong một ngày đêm còn không cho dùng hương xoa thân, cớ sao đem hương cúng dường Phật và Tăng?

Đáp: Bồ-tát lấy vật mà thân cần thiết và quý giá tùy theo lúc cần dùng để cúng dường. Hoặc đem phết trên đất, trên vách và chỗ đi, ngồi. Lại lấy năm dục theo ý muốn cúng dường Phật, Tăng và các chúng sinh. Bồ-tát dùng xe ngựa tốt, vợ con, âm nhạc, phan lọng, vàng bạc, y phục, châu báu là những thứ người xuất gia không thọ dụng mà cấp thí cho chúng sinh, phát nguyện rằng: Khiến chúng sinh trong cõi nước tôi thường được năm dục theo ý muốn.

Hỏi: Năm dục ấy Phật ví nó như lửa, như hầm, như mụt nhọt, như ngục, như oán, như giặc, hay cướp căn lành của người, cớ sao Bồ-tát nguyện cho chúng sinh được năm dục? Lại, Phật nói đệ tử Phật nên mặc áo vá, xin ăn, ngồi dưới cây rừng, cớ sao Bồ-tát vì chúng sinh mà cầu được năm dục?

Đáp: Năm dục trong cõi trời, cõi người là quả báo của phước đức. Nếu đời nay hoặc đời sau người phước mỏng nghèo cùng không thể tự mình nuôi sống thì làm những việc trộm cắp; hoặc vì bị chủ tài sản bức hại, vì của cải mà giết kẻ khác; hoặc bị cật vấn, nói dối là không làm. Như vậy, lần lượt làm mười điều bất thiện đều do nghèo cùng; nếu người có năm dục đầy đủ thì theo ý muốn liền có được nên không làm mười điều bất thiện. Chúng sinh trong cõi nước của Bồ-tát giàu vui thỏa thích, không bị thiếu thốn thì không có các việc ác, chỉ có các kiết sử ái và mạn... nếu nghe Phật thuyết pháp, hoặc nghe đệ tử Phật thuyết, do có tâm nhu nhuyến nên nghe pháp có thể dễ đắc đạo. Tuy có tâm chấp

trước nhiều mà vì lợi căn nên nghe nói vô thường, khổ, không liền được đạo; thí như chiếc áo nhơ bẩn thì dùng tro, bùn để ngâm cách đêm, dùng nước giặt một lúc sạch hết. Bồ-tát không muốn khiến chúng sinh tham đắm nên lấy năm dục bố thí, chỉ muốn khiến trong một lúc xả bỏ nên đem cho. Như ông trước nói, Phật dạy đệ tử mặc áo vá khất thực, vì tội đời trước mà phải sinh ở đời ác nên tâm nhiễm trước nhiều; nếu được áo đẹp, thức ăn ngon thì tâm nhiễm trước càng sâu; lại vì cầu áo đẹp, thức ăn ngon nên trở ngại việc hành đạo. Chúng sinh trong cõi Phật thanh tịnh của Bồ-tát

thành tựu vô lượng phước đức, năm dục bằng nhau nên không còn tham đắm, cũng không còn tìm cầu nên không có gì ngăn ngại.

Lại, nếu hành giả xa lìa năm dục, tu khổ hạnh thì tăng trưởng sân giận. Lại, nếu nhớ nghĩ năm dục thì sinh phiền não, bấy giờ không hướng về đâu; do vậy mà Phật nói xả khổ, xả vui, dùng trí tuệ ở vào trung đạo. Thế nên ở cõi Phật nghiêm tịnh mà đem năm dục bố thí không có gì chướng ngại.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong Luật cớ gì Tỳ-kheo A-lê-tra nói: "Theo tôi biết nghĩa Phật dạy: Hưởng thọ năm dục không chướng đạo". Tỳ-kheo ấy bị quở trách, đến ba lần không bỏ, nên bị tẩn xuất?

Đáp: Phật pháp có hai là Tiểu thừa và Đại thừa. Trong Tiểu thừa, người phước mỏng ba độc nhiều; như trong kinh Bà-sa Phật dạy: "Hàng đệ tử bạch y của ta chẳng phải một, hai cho đến quá năm trăm người lấy hương Chiên đàn đỏ và hương của hoa thơm xoa thân, nằm chung với vợ con, sai nô tì... mà dứt ba kiết sử, được quả Tu-đà-hoàn, hết khổ ba đời, ba độc mỏng, được quả Tư-đà-hàm". Tỳ-kheo A-lê-tra ấy nghe vậy liền nói: "Mặc dù hưởng thọ năm dục mà không chướng đạo", chứ không biết việc ấy Phật vì ai mà nói. Phật chỉ vì hàng bạch y mà nói, còn Tỳ-kheo này lại đối với pháp xuất gia mà nói. Các vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm ấy không có phát nguyện rằng: Ta suốt đời không phạm dâm dục, vì còn có ba độc nên thường hay quên đạo mà khởi tâm dâm dục; còn người xuất gia ở giữa chúng Tăng miệng tự thề rằng: Ta suốt đời không phạm dâm dục. Vì thế nên Phật dạy, nếu người xuất gia phạm vào dâm dục thì bỏ. Tỳ-kheo A-lê-tra tự thề suốt đời không phạm mà phạm, đó là một tội; biết Phật chế mà cố tình trái phạm, đó là hai tội. Tỳ-kheo ấy vì thọ năm dục, thấy kẻ bạch y đắc đạo mà cho mình với họ đồng nhau, thế nên mắc tội.

Có hai hạng chúng sinh trong cõi Phật nghiêm tịnh: Hoặc xuất gia, hoặc tại gia. Tại gia tuy hưởng thọ năm dục mà không có tội, cũng không chướng ngại đạo; như trời Đâu suất, như người ở châu Uất đơn việt, tuy thọ năm dục mà không gây tội nặng, còn hạng chúng sinh xuất gia theo Phật cho phép thọ năm dục cũng không có tội lỗi (đây là nói ô cõi thanh tịnh, chứ không phải ở đời ác năm trược). Trong pháp Tiểu thừa, vì Tỳ-kheo A-lê-tra nói người phước mỏng tội nặng, tâm có nhiều hối hận.

Nghiêm tịnh cõi Phật là đời đời tập hành sáu Ba-la-mật, ba môn giải thoát, tuy thọ năm dục cũng không nhiễm trước, như trong Kinh nói: Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật nghĩ rằng: Ta sẽ tự mình vào thiền thứ nhất, cũng dạy chúng sinh vào thiền thứ nhất, cho đến vào thiền thứ tư, bốn tâm

vô lượng, ba mươi bảy pháp trợ đạo cũng như vậy. Bồ-tát nguyện rằng: Khi ta làm Phật, do hành đủ bốn thiền cho đến ba mươi bảy pháp trợ đạo; vì phước đức như vậy nên chúng sinh tuy thọ năm dục mà không làm chướng ngại. Bồ-tát phát ra vô lượng vô số nguyện, theo bấy nhiêu thời gian hành đạo mà đầy đủ các nghiệp thiện. Bồ-tát thành tựu hết thảy pháp thiện và thành tựu được chúng sinh. Vì thành tựu hết thảy thiện pháp nên thân tướng đẹp đẽ, mọi người trông thấy không nhàm chán; cũng thành tựu chúng sinh, khiến được thân tướng đẹp đẽ. Bồ-tát nghiêm tịnh cõi Phật như vậy.

Lại nữa, nghiêm tịnh cõi Phật là cho đến ở đó không có danh từ ba ác, huống gì có ba đường ác.

Hỏi: Chư Phật vì lòng thương xót lớn thấy chúng sinh khổ não nên ra đời, nếu không có ba đường ác thì Phật thương xót gì?

Đáp: Phật ra đời vì độ chúng sinh, mà chúng sinh trong ba đường ác không thể độ, chỉ có thể dạy khiến trồng căn lành mà thôi. Thế nên Phật có danh hiệu là bậc thầy của trời và người. Nếu không có trời và người, chỉ có ba đường ác thì có thể nên nạn, nên hỏi.

Hỏi: Nói Phật thương xót chúng sinh, cớ sao trong cõi Thanh tịnh của Phật không có chúng sinh trong ba đường ác?

Đáp: Phật thương xót hết thảy chúng sinh bình đẳng không sai khác. Nhưng trong đây nói, vì nghiệp duyên thanh tịnh nên trong cõi nước ấy không có ba đường ác.

Lại, Phật chẳng phải chỉ nói một cõi nước, mà nói có số cõi nước trong mười phương nhiều như cát sông Hằng. Có cõi nước thanh tịnh, có cõi nước tạp uế. Ở cõi nước tạp uế thì có đủ năm đường; ở cõi nước thanh tịnh của Phật thì hoặc có người, có trời sai khác, hoặc không có người, trời sai khác. Như về quá khứ ở cõi Phật Thiên vương, chỉ có đức Phật Thế Tôn là bậc Pháp vương, vì thế mà gọi là Phật Thiên vương. Lại có cõi nước không có ba độc tà kiến.

Hỏi: Chư Phật chỉ vì trừ phiền não cho chúng sinh nên ra đời; tà kiến, ba độc tức là phiền não, nếu không có phiền não thì Phật ra đời làm gì?

Đáp: Có người nói rằng, trong cõi ấy vì nhân duyên phước đức lớn mà ba độc tà kiến không hiện bày, nên nói là không có. Lại có người nói rằng, trong cõi ấy các Bồ-tát đều được Vô sinh pháp nhẫn, thường tu các công đức sáu Ba-la-mật, thường dạo qua mười phương độ thoát chúng sinh, ở chỗ chư Phật tu tập các tam-muội còn hơn giáo hóa vô số Thanh-văn, Bích-chi Phật, cũng hơn giáo hóa Bồ-tát bất thối chuyển, thành tựu chúng sinh.

Cõi Phật thanh tịnh của Bồ-tát là vì Bồ-tát gần Phật đạo nên lợi ích càng lớn, ở cõi nước ấy không có danh từ Nhị thừa.

Hỏi: Các đức Phật khác có giáo hóa ba thừa, đâu riêng ở cõi-Ta-bà?

Đáp: Phật xuất hiện ở đời ác năm trược, từ trong một đạo mà chia làm ba thừa.

Hỏi: Nếu như vậy, Phật A-di-đà, Phật A-súc không sinh ở đời ác năm trược, cớ sao lại có ba thừa?

Đáp: Chư Phật khi xưa mới phát tâm, thấy chư Phật dùng pháp ba thừa độ chúng sinh nên tự phát nguyện rằng: Ta cũng sẽ dùng pháp ba thừa độ chúng sinh.

Không có danh từ vô thường, khổ, vô ngã là vì chúng sinh đã vào sâu trong điên đảo chấp trước thường, lạc... nên vì họ nói vô thường, khổ..., để giải cứu, còn trong cõi ấy không có điên đảo chấp thường, chấp lạc nên không cần nói vô thường, khổ... vì nếu không có bệnh thì không cần thuốc. Cũng không có ngã sở hữu cho đến không có kiết sử cũng như vậy. Vì không có nhị thừa nên cũng không có các quả Tu-đà-hoàn..., chỉ một mặt vào thật tướng các pháp.

Được Vô sinh pháp nhẫn là được các tam-muội, các môn Đà-la-ni, dần dần tăng ích không dứt các địa vị.

Gió thổi cây bảy báu theo chỗ đáng độ mà phát ra âm thanh là Bồ-tát muốn chúng sinh dễ nghe pháp nên cây bảy báu phát ra tiếng pháp âm, vì cây bảy báu cùng khắp cõi nước nên chúng sinh sinh ra đều nghe pháp, không khởi các tâm khác, chỉ sinh tâm nghe pháp.

Hỏi: Phật có vô lượng bất khả tư nghì lực thần thông, cớ gì không biến hóa làm vô lượng thân thuyết pháp độ chúng sinh, cần gì đến âm thanh, cây bảy báu?

Đáp: Chúng sinh rất nhiều, nếu Phật nôi nôi đều hiện thân thì chúng sinh không tin, cho đó là huyễn hóa, tâm không kính trọng. Có chúng sinh theo người nghe pháp mà tâm không khai ngộ, nếu theo súc sinh nghe pháp thì liền tin chịu. Như trong kinh Bổn Sinh nói: Bồ-tát thọ thân súc sinh vì người thuyết pháp, người cho là hy hữu nên ai nấy đều tin chịu. Lại bảo tâm súc sinh ngay thẳng, không dối. Có người bảo súc sinh là loài hữu tình, đều có dối trá, còn cây bảy báu vô tâm mà có âm thanh thì đều tin chịu. Không, Vô tướng, Vô tác dù có Phật hay không có Phật, hết thảy pháp thường không, vì không nên vô tướng, vì vô tướng nên vô tác, vô khởi. Các pháp như vậy đêm ngày thường phát ra. Ở các quốc độ khác thì dùng sức thần thông, sức miệng mỗi mỗi biến hóa, còn trong đây thường phát ra âm

thanh tự nhiên. Ở cõi Phật nghiêm tịnh, Phật thường được chư Phật tán thán, vì tạo công đức lớn nên được cõi nước thanh tịnh như vậy; nếu nghe tên đức Phật ở cõi nước thanh tịnh thì chắc chắn được làm Phật.

Hỏi: Các đức Phật khác siêng năng, khổ nhọc thuyết pháp, chúng sinh còn không đắc đạo, còn đây vì sao chỉ nghe danh hiệu Phật bèn đắc đạo?

Đáp: Các nôi khác đức Phật thuyết pháp, chúng sinh hoặc được căn lành trọn không thuyết về tính Không, nếu nghe danh hiệu Phật ấy chắc chắn đến địa vị bất thối chuyển chứ không nói được thành Phật ngay.

Hỏi: Đối với hết thảy đức Phật, nếu người có tâm tốt nghe danh hiệu đều sẽ đi đến Phật, như trong kinh Pháp Hoa nói: Người có phước đức hoặc lớn hoặc nhỏ đều sẽ làm Phật, cớ gì trong đây riêng nói Phật ở cõi nước thanh tịnh.

Đáp: Người nghe danh hiệu các đức Phật khác cho rằng Phật thọ sinh giống như người không khác, chỉ có được đạo Nhất thiết trí là khác; vì tâm không kính trọng nên tuy gieo trồng căn lành mà cũng không thể sâu bền. Trong đây là nói về thân do pháp tính sinh. Thân Phật vô lượng vô biên, ánh sáng và âm thanh thuyết pháp biến khắp mười phương các cõi nước. Chúng sinh trong cõi nước ấy đều là những người gần đến Phật đạo, đối với chúng ở trong vô lượng vô số do tuần thuyết pháp là hôn. Vô lượng vô số ánh sáng như mặt trời mặt trăng thường từ trong thân phát ra, nếu Phật cho chúng sinh thấy thì được thấy, nếu không cho thấy thì không thấy. Bên trên thân Phật, mỗi lỗ chân lông thường phóng ra vô lượng vô biên vô số Phật, mỗi mỗi đức Phật không khác nhau, nôi mỗi vị hóa Phật ấy lại triển chuyển phóng ra, tùy theo chúng sinh đáng được độ mà cho thấy Phật có hôn có kém, còn căn gốc của vị Phật thật thì không có phân biệt hơn kém. Như thế, hoặc thấy hoặc nghe danh hiệu, hoặc nghe công đức như vậy mà có lòng tin và kính trọng sâu xa; kính trọng nên gieo trồng căn lành, thì làm sao không chắc chắn được thành Phật?

Lại nữa, khi Phật thuyết pháp không có người nghi, cho đến không có một người nói rằng pháp ấy chẳng phải miệng Phật nói ra, mà đều là pháp do Phật nói.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao người theo Phật Thích ca nghe pháp sinh nghi nhiều?

Đáp: Trong kinh đây Phật tự nói nhân duyên: Có người phước mỏng, không gieo trồng căn lành, không gặp được thiện tri thức nên sinh nghi; chấp đắm ngã kiến, biên kiến, tà kiến, các phiền não che lấp tâm thì chẳng phải Phật nói là Phật, Phật nói là chẳng phải Phật. Không gieo trồng căn

lành sâu bền, không thuận theo thiện hữu tri thức, ba độc tà kiến một lần khởi lên, không có chỗ nương tựa, tự ý buông lung thì hoặc thấy việc tà kiến thuận với ý mình bèn cho đó là cái thấy của Nhất thiết trí; chư Phật nói rốt ráo không, không thuận với ý mình thì bèn cho đó là chẳng phải Phật; chẳng phải pháp nói là pháp, pháp nói là chẳng phải pháp. Người như vậy ở nơi chỗ Phật sinh nghi nhiều, vì sinh nghi nhiều nên tâm hối hận; trong cõi nước thanh tịnh của Phật không có hạng tội nhân ấy nên không sinh nghi. Phật nói hạng người có tội như vậy vì phá thật tướng các pháp nên chết đọa vào đường ác địa ngục. Các Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thấy người tội qua lại trong sinh tử thì dùng sức thần thông của Phật mà kéo chúng sinh ra khỏi, đặt vào trong nhóm chánh định, không còn bị đọa vào trong ba đường ác; ấy gọi là nghiêm tịnh cõi Phật. Trong cõi Phật ấy không có các lỗi như vậy, đầy đủ hết thảy; đối với thế gian, xuất thế gian, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi không có chướng ngại; đó là cõi nước bảy báu. Thân chúng sinh đẹp đẽ, tướng tốt trang nghiêm, có vô lượng ánh sáng, thường nghe âm thanh giáo pháp, thường không xa lìa sáu Ba-la-mật cho đến mười tám pháp không chung; chúng sinh trong ấy đều chắc chắn đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hỏi: Ở trên nói là nghe danh hiệu Phật chắc chắn đạt đến quả Phật, nơi đây nói đối với các pháp không có chướng ngại thì chắc chắn được thành Phật, có gì sai khác?

Đáp: Chúng sinh ở đây thường thấy Phật, thường nghe pháp, gieo trồng căn lành sâu bền, chứa nhóm Phật pháp nhiều nên mau được làm Phật.

Nghe danh hiệu là tuy chắc chắn mà công đức ít không bằng. Như vậy gọi là tướng cõi nước thanh tịnh của Phật; như ở trong mười địa nói trang nghiêm cây Bồ-đề.

-----oOo-------

GIẢI THÍCH PHẨM TÁM MƯƠI BA: CHẮC CHẮN

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ấy chắc chắn hay là không chắc chắn?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát ấy chắc chắn, chẳng phải không chắc chắn.

Bạch đức Thế Tôn! Ở chỗ nào chắc chắn? Ở trong đạo Thanh-văn, ở trong đạo Bích-chi Phật hay ở trong Phật đạo?

Phật dạy: Bồ-tát ấy chẳng phải ở trong đạo Thanh-văn, đạo Bích-chi Phật chắc chắn, mà ở trong Phật đạo chắc chắn.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Đó là Bồ-tát mới phát tâm chắc chắn ư? Hay là Bồ-tát thân sau cùng chắc chắn?

Phật dạy: Bồ-tát mới phát tâm cũng chắc chắn, Bồ-tát không thối chuyển cũng chắc chắn, Bồ-tát thân sau cùng cũng chắc chắn.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát chắc chắn sinh trong ác đạo chăng?

Phật dạy: Không. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, hoặc hàng Bát nhân, hoặc hàng Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật sinh trong ác đạo chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Như vậy, Bồ-tát từ khi mới phát tâm lại đây bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ dứt tất cả nghiệp bất thiện, mà hoặc bị đọa ác đạo, hoặc sinh cõi trời sống lâu, hoặc không được ở chỗ tu thiện pháp, hoặc sinh nơi biên địa, hoặc sinh vào nhà tà kiến ác, nhà tà kiến không làm, là các nơi không có danh từ Phật, danh từ Pháp và danh từ Tăng, là không có lẽ ấy. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát mới phát tâm đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà lại đem tâm sâu xa hành mười đạo bất thiện, là không có lẽ ấy.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát thành tựu các công đức căn lành như vậy, như Phật tự nói: Nếu đời trước thọ quả báo bất thiện thì khi ấy thiện căn ở chỗ nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát vì lợi ích chúng sinh nên tùy chỗ thọ thân, đem thân ấy làm lợi ích chúng sinh. Khi Bồ-tát làm súc sinh có sức phương tiện lớn, nếu giặc oán muốn đến giết hại, vì tâm nhẫn nhục không gì cao hơn, tâm từ bi không có gì cao hơn nên Bồ-tát xả thân mà không não hại giặc oán, còn hàng Thanh-văn, Bích-chi Phật không có sức như vậy. Vì thế nên biết Bồ-tát muốn đầy đủ tâm từ bi lớn, vì thương xót mà làm lợi ích chúng sinh nên thọ thân súc sinh.

Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát trú ở trong căn lành nào mà thọ các thân như vậy?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, trong khoảng thời gian ấy không có căn lành nào không đầy đủ, đầy đủ rồi sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế nên Bồ-tát khi mới phát tâm hãy nên học hết thảy căn lành; học căn lành rồi sẽ được trí Nhất thiết chủng, sẽ dứt hết thảy phiền não và tập khí.

Bạch đức Thế Tôn! Tại sao Bồ-tát thành tựu pháp vô lậu trắng sạch như vậy mà lại sinh trong các đường ác súc sinh?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao, Phật thành tựu pháp vô lậu trắng sạch chăng?

Nếu Phật tự biến làm thân súc sinh để làm Phật sự, độ chúng sinh, thì đó thật là súc sinh chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Bồ-tát cũng như vậy, thành tựu pháp vô lậu trắng sạch, vì độ chúng sinh nên thọ thân súc sinh, cũng dùng thân ấy giáo hóa chúng sinh.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Như A-la-hán thân làm biến hóa có thể khiến chúng sinh hoan hỷ chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Có thể.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Bồ-tát dùng pháp vô lậu trắng sạch ấy, tùy theo chúng sinh đáng được độ mà thọ thân; dùng thân ấy làm lợi ích chúng sinh, cũng không chịu sự thống khổ. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Vị thầy huyễn thuật huyễn làm các hình dạng: Hoặc voi ngựa, trâu dê, nam nữ để chỉ cho mọi người thấy, mà voi ngựa, trâu dê, nam nữ ấy có thật chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Không thật, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Như vậy, Bồ-tát thành tựu pháp vô lậu trắng sạch, hiện ra mỗi mỗi thân để chỉ bày cho chúng sinh; dùng thân ấy làm lợi ích tất cả, cũng không chịu các thống khổ.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát có sức phương tiện lớn, được trí tuệ vô lậu bậc Thánh, tùy theo thân chúng sinh đáng được độ mà hiện mỗi mỗi thân hình để độ chúng sinh.

LUẬN. Hỏi: Trong phẩm Tướng Thối Chuyển ở trên nói: Tướng như vậy là tướng mạo chẳng thối chuyển, tướng như vậy là tướng mạo chẳng phải chẳng thối chuyển. Chẳng thối chuyển tức là chắc chắn, nay cớ sao Tu-bồ-đề lại hỏi?

Đáp: Bát-nhã Ba-la-mật có nhiều môn, có nhiều đạo. Chẳng thối chuyển là nói về môn một tướng, nay hỏi chắc chắn là hỏi về môn hai tướng.

Lại nữa, ở trong tâm Phật, hết thảy chúng sinh và hết thảy pháp đều chắc chắn, vì trí người không sánh kịp nên nói là không chắc chắn. Phật tuy biết vô lượng vô số kiếp chứa nhóm công đức lớn, chắc chắn thối chuyển làm hàng Tiểu thừa, cũng biết côn trùng vi tế, tuy chưa có tâm từ

nhưng trải qua bấy nhiêu kiếp phát tâm sau sẽ được làm Phật. Chắc chắn biết hết thảy pháp đều như vậy, từ nhân ấy được quả ấy. Thế nên nói Phật đối với hết thảy pháp không còn chướng ngại, vì Phật biết chắc chắn.

Lại nữa, vì Tu-bồ-đề nghe trong kinh Pháp Hoa nói ở chỗ Phật làm chút ít công đức: Hoặc giỡn cười mà xưng một tiếng Nam mô Phật, dần dần chắc chắn sẽ làm Phật. Lại vì nghe trong phẩm Chẳng Thối Chuyển nói, có thối chuyển và không thoát chuyển. Lại vì nghe nói hàng Thanh-văn đều sẽ làm Phật; nếu như vậy thì không nên có thối chuyển? Như trong kinh Pháp Hoa nói chắc chắn, còn các kinh khác nói không chắc chắn, hoặc có thối chuyển, hoặc không có thối chuyển; thế nên nay hỏi là chắc chắn hay không chắc chắn. Như vậy, do các nhân duyên ấy nên hỏi chắc chắn hay không chắc chắn.

Phật dạy: Bồ-tát là chắc chắn.

Tâm Tu-bồ-đề vì cầu vào Niết-bàn là chắc chắn, thế nên hỏi: Ở trong đạo nào chắc chắn?

Phật dạy: Chẳng phải chắc chắn trong Nhị thừa, chỉ chắc chắn trong Đại thừa.

Vì người cầu Phật đạo có cao, vừa, thấp, thế nên hỏi: Hoặc Bồ-tát mới phát tâm chắc chắn hay Bồ-tát không thối chuyển chắc chắn, hay Bồ-tát thân sau cùng chắc chắn? Ý của Tu-bồ-đề là từ địa vị chẳng thối chuyển trở lên chắc chắn an lập trong Phật đạo chăng?

Phật đáp: Ba hạng Bồ-tát nói trên đều chắc chắn, chắc chắn là chắc chắn sẽ làm Phật.

Hỏi: Phật dùng mắt Phật thấy Bồ-tát trong mười phương, người cầu Phật đạo nhiều như cát sông Hằng, người chẳng thối chuyển hoặc một hoặc hai, nay cớ gì nói ba hạng Bồ-tát trên đều chắc chắn thành Phật?

Đáp: Trước tôi đã nói: Bát-nhã sâu xa có vô lượng môn. Có nôi nói Bồ-tát thối chuyển mà không chắc chắn, có nơi nói Bồ-tát chắc chắn không thối chuyển. Như trong phẩm Chẳng Thối Chuyển, Tu-bồ-đề hỏi Phật: Bồ-tát thối chuyển là thối chuyển ở trong pháp nào? Là từ sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung, vì rốt ráo không, nên các pháp đều không thối chuyển. Trong đây Phật vì sao lại nói không thối chuyển?

Hỏi: Hai nghĩa ấy, nghĩa nào thật?

Đáp: Hai việc đều thật, từ miệng Phật nói ra đều là thật. Như Phật hoặc nói các pháp Không, không có sở hữu: Hoặc nói bố thí, trì giới... là hữu vi. Đối người mới phát tâm thì nói các pháp hữu vi, với người học đạo lâu ưa đắm thiện pháp thì nói các pháp Không, không có sở hữu, còn người

giải đãi đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tâm không bền chắc, những người như vậy nên theo Thanh-văn đạo được độ mà không cầu Thanh-văn, phải ở trong sinh tử lâu dài chịu khổ. Thế nên nói người phát tâm nhiều như cát sông Hằng mà người được chẳng thối chuyển thì hoặc một hoặc hai. Chúng sinh nghe việc ấy rồi có thể kham chịu mọi khổ, chắc chắn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; nếu không thể kham chịu thì thủ chứng đạo Thanh-văn, Bích-chi Phật. Có người có thể được làm Phật mà vì tâm đại bi mỏng, tự ưa thân mình nặng, người ấy nghe việc làm Phật khó được thì phần nhiều thối chuyển, nghĩ rằng: Ta không thể được làm Phật, chẳng bằng sớm thủ chứng Niết-bàn, cần gì phải đời đời siêng khổ! Phật vì hạng người ấy nên nói hết thảy Bồ-tát cho đến Bồ-tát mới phát tâm, đều chắc chắn sẽ làm Phật, như trong kinh Pháp Hoa nói.

Hỏi: Nếu hết thảy Bồ-tát đều chắc chắn, cớ gì Phật mỗi mỗi quở trách hàng Nhị thừa mà không cho Bồ-tát thủ chứng Nhị thừa?

Đáp: Người cầu Phật đạo nên biết khắp pháp tính, song người ấy vì sợ già bệnh chết nên ở trong pháp tính thủ chứng phần ít, bèn ngưng nghỉ, bỏ Phật đạo, không độ chúng sinh, bị chư Phật, Bồ-tát quở trách rằng, ông muốn bỏ đi, hội hợp không được xa lìa. Khi được chứng A-la-hán thì không còn cầu tam-muội sâu xa của Bồ-tát, lại không rộng độ chúng sinh, thì bị quanh co, đối với Phật đạo thì trở ngại.

Hỏi: A-la-hán do nhân duyên đời trước được thọ thân, chắc chắn phải diệt, vậy ở chỗ nào mà đầy đủ Phật đạo?

Đáp: Khi được thành A-la-hán, nhân duyên các lậu hoặc trong ba cõi dứt hết, không còn trở lại sinh trong ba cõi. Có cõi nước thanh tịnh của Phật ra ngoài ba cõi, không có danh từ phiền não, ở chỗ Phật nôi cõi nước ấy nghe kinh Pháp Hoa thì đầy đủ Phật đạo. Như kinh Pháp Hoa nói: Có A-la-hán hoặc không nghe kinh Pháp Hoa mà tự mình được diệt độ; tôi ở nước khác vì họ nói việc ấy rằng: Ông đều sẽ làm Phật.

Hỏi: Nếu A-la-hán đi đến cõi nước thanh tịnh của Phật thọ thân pháp tính, như vậy nên chóng được làm Phật, cớ sao nói quanh co, trở ngại?

Đáp: Người ấy vì nhân duyên tham đắm Tiểu thừa mà bỏ chúng sinh, bỏ Phật đạo, lại dối nói được đạo. Vì nhân duyên ấy nên tuy không thọ khổ não sinh tử, mà vẫn ở địa vị Bồ-tát độn căn, không thể chóng thành Phật đạo, không như vị Bồ-tát tu hành đi thẳng.

Lại nữa, Phật pháp là điều thứ nhất trong năm điều không thể nghĩ bàn. Nay nói vị A-la-hán lậu hoặc sạch hết, trở lại làm Phật, điều đó chỉ có Phật biết được. Người luận nghị chính có thể luận việc ấy mà không thể

lường biết, thế nên không nên hí luận. Nếu khi cầu được làm Phật thì mới có thể hiểu rõ, còn những người khác có thể tin mà chưa thể biết.

Chắc chắn Bồ-tát đọa trong ba đường ác chăng là Tu-bồ-đề khi nghe Phật nói vô lượng nhân duyên đời trước: Hoặc thọ thân voi, nai, rùa, bồ câu, công, oanh vũ chịu các khổ, thế nên hỏi Phật: Nếu Bồ-tát chịu làm thân súc sinh như vậy thì vì sao nói hết thảy Bồ-tát chắc chắn? Chắc chắn tức là chẳng thối chuyển, chẳng thối chuyển là không đọa trong ba đường ác.

Phật hỏi ngược lại Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao, các bậc Thánh trong hàng Bát nhân... đọa vào ba đường ác chăng?

Tu-bồ-đề suy nghĩ: Các Thánh nhân ấy đã vào thánh đạo nên không có nhân duyên đọa vào ba đường ác. Suy nghĩ rồi đáp rằng: Thưa không.

Phật dạy: Bồ-tát cũng như vậy, nhân duyên đọa vào ba đường ác đã hết thì làm sao Bồ-tát đọa vào ba đường ác? Nhân duyên đọa vào ba đường ác là các pháp bất thiện. Bồ-tát từ khi mới phát tâm lại đây tu tập các pháp thiện bố thí, trì giới... dứt mười pháp bất thiện là giết hại, trộm cắp... nhưng nếu còn đọa vào ba đường ác thì không có lẽ ấy. Vì sao? Vì đã dứt hết pháp ác, tăng ích pháp lành. Pháp bất thiện có nặng, vừa và nhẹ. Nặng thì đọa địa ngục, vừa thì đọa súc sinh, nhẹ thì đọa ngạ quỷ. Ba độc bất thiện ấy Bồ-tát đã dứt hết, tâm thương xót sâu xa nghĩ đến chúng sinh, thế nên không đọa.

Hỏi: Nếu như thế thì có thể không sinh trong ba đường ác. Vậy là phước đức của Bồ-tát ấy nhiều, cớ sao không sinh trong cõi trời sống lâu?

Đáp: Bồ-tát vì thương xót chúng sinh mà hành sáu Ba-la-mật, tuy có thể vào thiền định, hòa hợp với tâm từ bi tu hành, song không đắm thiền vị, nên khi mạng sắp hết, nghĩ đến cõi Dục nên thối mất thiền đạo, vì trong cõi trời sống lâu không có khổ não, đắm sâu thiền vị thì khó có thể được độ, nên không sinh vào trong ấy.

Sinh ở biên địa thì bị chướng ngại, không thể tu pháp thiện nên không sinh đến đó. Vì sao? Vì Bồ-tát đã nhổ sạch cội gốc tâm lẫn tiếc giáo pháp; vì lẫn tiếc giáo pháp nên mới sinh ở biên địa, là chỗ không biết pháp.

Lại nữa, Bồ-tát thường ưa trung đạo, lìa bỏ hai bên nên không sinh chốn biên địa. Chốn biên địa không có danh từ Tam bảo, không biết đến bảy chúng, chỉ quý việc hiện tại, không quý phước đức đạo pháp, thế nên gọi là chốn biên địa, chứ không riêng chỉ sinh chốn biên địa thì gọi là chốn biên địa. Nếu biết Tam bảo, biết nhân duyên tội phước tương tục, biết thật tướng các pháp thì người ấy dù sinh bên ngoài cõi Diêm-phù-đề cũng không gọi là chốn biên địa, huống gì sinh giữa cõi Diêm-phù-đề. Do Bồ-tát thường

ưa thích vì chúng sinh thuyết pháp, cũng rất ưa thích thiện pháp, cho nên gặp được chúng sinh hiền lành, vừa ý cùng sinh một nôi, gọi là trung tâm của cõi nước; ở trung tâm cõi nước lại không sinh vào nhà tà kiến. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy đời đời thường tự mình hành chánh kiến, cũng dạy người hành chánh kiến, tán thán pháp chánh kiến, hoan hỷ tán thán người hành chánh kiến; thế nên không sinh vào

nhà ác tà kiến.

Hỏi: Bồ-tát ấy có sức phước đức và trí tuệ lớn thì nên sinh vào chốn biên địa, nhà tà kiến để giáo hóa người khác, cớ sao lại sợ mà không sinh?

Đáp: Bồ-tát có hai hạng:

Bồ-tát đã thành tựu đại nguyện

Bồ-tát mới có nhân duyên phát tâm.

Bồ-tát đã thành tựu đại nguyện có sức lớn nên tùy theo nơi chúng sinh có thể độ mà thọ thân , không tránh chốn biên địa, nhà tà kiến, còn Bồ-tát mới phát tâm nếu sinh vào các nơi ấy thì đã không thể độ người mà lại còn tự hủy hoại mình, thế nên không sinh. Thí như vàng thật ở trong bùn trọn không bị hủy hoại, mà đồng thiết thì bị hủy hoại.

Tà kiến là tà kiến không làm. Tuy sáu mươi hai thứ đều là tà kiến nhưng tà kiến không làm là nặng nhất. Vì sao? Vì không làm mà nói rằng, không nên làm công đức hay cầu Niết-bàn. Như nói trời làm hoặc nói thế giới có đầu, tuy cùng là tà kiến mà các tà kiến khác không chướng ngại làm việc phước đức, còn tà kiến không làm rất ác, nên không sinh nơi đó.

Lại nữa, Bồ-tát mới phát tâm mà có tâm nhiễm ác hành đạo bất thiện thì không có lẽ ấy. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy nhất tâm hồi hướng, quý trọng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chứ không quý trọng pháp thế gian. Bồ-tát ấy do chưa lìa dục nên tuy khởi lên các phiền não mà trọn không có tâm ô nhiễm làm việc ác, tuy có dùng roi gậy gây khổ mà trọn không cướp mạng sống, không lấy của người khác làm họ mất mạng. Bồ-tát ấy dứt hết thảy pháp bất thiện, tu tập hết thảy pháp thiện nên không sinh vào chỗ có tám nạn, thường sinh vào chỗ có tám điều tốt.

Tu-bồ-đề hỏi: Nếu Bồ-tát thành tựu các căn lành như vậy, cớ gì nhân duyên đời trước lại làm thân nai, ngựa...?

Phật đáp: Bồ-tát thật có thành tựu thiện căn phước đức, song vì lợi lạc chúng sinh nên thọ thân súc sinh, cũng không có tội súc sinh. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bồ-tát ở trong súc sinh mà biết thương xót giặc oán, là điều mà A-la-hán, Bích-chi Phật không có được. A-la-hán, Bích-chi Phật khi giặc oán đến hại, tuy không đáp trả nhưng không thể thương xót,

nhớ nghĩ, cúng dường, cung cấp. Như tiền thân Bồ-tát làm voi trắng sáu ngà, có một người thợ săn dùng tên độc bắn vào ngực. Bấy giờ voi trắng, tiền thân Bồ-tát lấy vòi bao che cho thợ săn, không để các voi khác làm hại, nói với voi cái rằng: Em là vợ của Bồ-tát, cớ gì sinh ác tâm? Đó là tội phiền não. Thí như người bị quỷ ám, vị thầy chú thuật đến chỉ trị quỷ mà không giận người; thế nên chớ tìm tội người ấy. Rồi từ từ hỏi thợ săn: Vì sao ông bắn ta? Thợ săn đáp: Ta cần cặp ngà của ngươi. Voi liền đến hốc đá bẻ ngà trao cho, máu thịt tuôn ra mà không cho là thống khổ; lại còn cung cấp lương thực, chỉ đường cho đi. Những việc từ bi như vậy hàng Thanh-văn, Bích-chi Phật không thể có được. Có tâm tốt như vậy thì làm sao thọ thân súc sinh được? Nên biết đây là biến hóa để độ chúng sinh.

Hỏi: Vì cớ gì không làm thân người vì họ thuyết pháp mà lại làm thân thú?

Đáp: Có khi chúng sinh thấy thân người thuyết pháp thì không tin chịu, thấy thân súc sinh thuyết pháp thì tin vui, nhận lãnh lời giáo hóa. Lại, Bồ-tát muốn đầy đủ lòng từ bi lớn nên muốn thi hành việc ấy. Chúng sinh trông thấy vừa sợ vừa mừng mà đều được vào đạo.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 94

GIẢI THÍCH PHẨM TÁM MƯƠI BA (Tiếp): CHẮC CHẮN

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát trú ở pháp trắng sạch gì có thể làm các phương tiện như vậy mà không bị ô nhiễm?

Phật dạy: Bồ-tát dùng Bát-nhã Ba-la-mật làm các phương tiện như vậy, hiện thân trong mười phương cõi nước nhiều như cát sông Hằng làm lợi ích chúng sinh, cũng không tham đắm thân ấy. Vì sao? Vì người tham đắm, pháp tham đắm và chỗ đắm đều không thể có được, vì tự tính Không, tính Không không tham đắm tính Không, trong tính Không, không có người tham đắm cũng không có chỗ tham đắm. Vì sao? Vì trong không, tướng không không thể có được; ấy gọi là bất khả đắc không. Bồ-tát trú trong ấy có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát chỉ trú trong Bát-nhã Ba-la-mật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà không trú trong các pháp ư?

Này Tu-bồ-đề! Phải chăng có pháp không vào trong Bát-nhã Ba-la-mật?

Tu-bồ-đề thưa: Nếu Bát-nhã Ba-la-mật là tự tính Không, thì vì sao hết thảy pháp đều vào trong Bát-nhã Ba-la-mật, trong không, không có pháp hoặc vào hoặc không vào?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Hết thảy pháp, hết thảy pháp tướng là không chăng?

Này Tu-bồ-đề! Nếu hết thảy pháp, hết thảy pháp tướng không, cớ sao nói hết thảy pháp không vào trong không?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát làm thế nào khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, trú trong hết thảy pháp không, mà có thể khởi lên thần thông Bát-nhã Ba-la-mật rồi trú trong Thần thông Ba-la-mật ấy đi đến mười phương các cõi nước nhiều như cát sông Hằng cúng dường chư Phật hiện tại, nghe Phật thuyết pháp, ở chỗ Phật gieo trồng căn lành?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, quán mười phương các cõi nước nhiều như cát sông Hằng ấy đều là tính Không, trong

các cõi nước ấy chư Phật cũng là tính Không, chỉ có tên giả, nên tên giả về chư Phật hiện thân cũng tính Không. Nếu mười phương các cõi nước và chư Phật tính chẳng không, thì tính Không ấy có thiên lệch. Vì tính Không không hề thiên lệch nên hết thảy pháp, hết thảy pháp tướng là không. Thế nên Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, dùng sức phương tiện phát sinh thần thông Ba-la-mật, trú trong thần thông Ba-la-mật ấy khởi lên thiên nhãn, thiên nhó, như ý túc, trí biết tâm người khác, trí biết đời trước, trí biết sinh tử của chúng sinh. Nếu Bồ-tát xa lìa thần thông Ba-la-mật thì không thể làm lợi ích chúng sinh, cũng không thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thần thông Ba-la-mật là đạo làm lợi ích của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì dùng thiên nhãn thì tự mình thấy được các pháp lành, cũng dạy người được các pháp lành, đối với các pháp lành cũng không đắm trước, vì các pháp lành tự tính là Không. Tự tính Không, không đắm trước gì, nếu đắm trước thì đắm vị, trong không không có vị. Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật có thể phát sinh thiên nhãn như vậy, dùng thiên nhãn ấy quán hết thảy pháp không, thấy pháp không ấy không thủ tướng, không tạo nghiệp, cũng vì người khác nói pháp ấy, cũng không thấy có tướng chúng sinh, không thấy có danh từ chúng sinh.

Như vậy, Bồ-tát dùng pháp không có sở đắc nên khởi lên thần thông Ba-la-mật, dùng thần thông Ba-la-mật ấy, việc đáng làm nên làm. Bồ-tát dùng thiên nhãn sáng suốt hơn mắt người thấy mười phương các cõi nước; thấy rồi bay đến mười phương làm lợi ích chúng sinh: Hoặc lấy việc bo thí, hoặc lấy việc trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, hoặc lấy trí tuệ, hoặc lấy ba mươi bảy pháp trợ đạo; hoặc lấy các thần thông, giải thoát, tam-muội, pháp Thanh-văn, pháp Bích-chi Phật hoặc pháp Phật làm lợi ích chúng sinh.

Vì hạng người xan tham mà nói như vầy: Này các chúng sinh! Các ngươi nên bố thí; nghèo cùng là khổ não. Người nghèo cùng còn không làm lợi ích mình được, huống nữa làm lợi ích người khác! Vì thế nên các ngươi nên siêng bố thí để tự mình được vui, cũng làm cho người khác được vui; chớ vì nghèo cùng mà ăn nuốt lẫn nhau, không lìa khỏi ba đường ác.

Vì hạng người phá giới mà thuyết pháp rằng: Này các chúng sinh! Việc phá giới rất khổ não, người phá giới còn không làm lợi ích mình được, huống nữa làm lợi ích người khác! Việc phá giới thọ quả báo khổ: Hoặc ở địa ngục, hoặc ở ngạ quỷ, hoặc ở súc sinh. Các ông đọa trong ba đường ác tự mình còn không cứu được, làm sao cứu người khác? Thế nên các ông không nên theo tâm phá giới để đến khi chết hối hận.

Nếu gặp người sân giận tranh đấu lẫn nhau, nói pháp như vầy: Này các chúng sinh! Chớ sân giận tranh đấu lẫn nhau. Người sân giận loạn tâm không thuận theo pháp lành, các ngươi đem tâm rối loạn sân giận lẫn nhau thì hoặc đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào ngạ quỷ, hoặc đọa vào súc sinh; thế nên các ngươi không nên sinh một niệm sân giận, huống nữa là nhiều.

Vì hạng chúng sinh giải đãi mà thuyết pháp khiến được tinh tấn, vì hạng chúng sinh tán loạn khiến được thiền định, vì hạng chúng sinh ngu si khiến được trí tuệ cũng như vậy. Đối với người hành dâm dục khiến quán bất tịnh; đối với người sân giận khiến quán lòng từ; đối với người ngu si khiến quán mười hai nhân duyên; đối với chúng sinh hành phi đạo khiến vào chánh đạo là đạo Thanh-văn, đạo Bích-chi Phật và Phật đạo. Vì các chúng sinh ấy mà thuyết pháp như vầy: Điều các ông chấp trước là pháp tính Không; trong pháp tính Không thể chấp trước được; tướng không chấp trước cũng là tướng không. Như vậy, Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật trú trong Thần thông Ba-la-mật, làm lợi ích chúng sinh. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nếu xa lìa thần thông thì không thể theo ý chúng sinh thuyết pháp lành cho họ. Vì thế, Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật nên khởi lên thần thông. Thí như chim không có cánh thì không thể bay cao; Bồ-tát không có thần thông thì không thể tùy ý giáo hóa chúng sinh. Do vậy, Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật nên khởi lên các thần thông, khởi lên các thần thông rồi nếu muốn làm lợi ích chúng sinh thì tùy ý lợi ích được.

Bồ-tát dùng thiên nhãn thấy mười phương các cõi nước nhiều như cát sông Hằng và chúng sinh trong các cõi nước ấy, thấy rồi dùng thần thông qua đến chỗ đó, biết tâm của chúng sinh, theo điều thích ứng với họ mà nói pháp: Hoặc nói về bố thí, nói về trì giới, nói về thiền định, cho đến nói về Niết-bàn.

Bồ-tát dùng thiên nhó nghe hai thứ âm thanh: Hoặc của người, hoặc chẳng phải của người; nghe mười phương chư Phật thuyết pháp và đều có thể nắm giữ, đúng như pháp đã được nghe mà vì chúng sinh nói pháp: Hoặc nói về bố thí cho đến hoặc nói về Niết-bàn.

Bồ-tát được trí thanh tịnh biết tâm người khác, dùng trí biết tâm người khác mà biết tâm của chúng sinh, theo điều thích ứng của họ mà nói pháp, hoặc nói về bố thí cho đến hoặc nói về Niết-bàn.

Bồ-tát được trí biết mạng sống đời trước, nhớ biết nơi nguồn gốc sinh ra, cũng tự nhớ biết đời trước của mình và nhớ biết đời trước của người khác. Dùng trí nhớ biết mạng sống đời trước ấy, nhớ quá khứ ở chỗ nào, nôi nào; biết danh tự của chư Phật và chúng đệ tử. Gặp chúng sinh tin ưa

việc của mạng sống đời trước thì hiện việc đời trước mà nói pháp: Hoặc nói về bố thí cho đến hoặc nói về Niết-bàn.

Dùng sức thần thông như ý, đi đến vô lượng cõi nước của chư Phật cúng dường chư Phật, theo chư Phật gieo trồng căn lành rồi trở lại cõi nước của mình.

Bồ-tát chứng được trí sạch hết các lậu, dùng trí sạch hết các lậu ấy vì chúng sinh mà nói pháp: Hoặc nói về bố thí cho đến hoặc nói về Niết-bàn.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật nên khởi lên thần thông như vậy. Bồ-tát dùng việc tu thần thông ấy mà tùy ý thọ thân, khổ vui không nhiễm đắm; thí như người của Phật biến hóa, hóa làm ra mọi việc, khổ vui không nhiễm đắm. Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật nên dùng thần thông như ý như vậy, có thể làm nghiêm tịnh cõi Phật và thành tựu tuệ giác cho chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát không nghiêm tịnh cõi Phật, không thành tựu tuệ giác cho chúng sinh thì không thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì nhân duyên không đầy đủ, không thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát làm thế nào đầy đủ nhân duyên rồi được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Hết thảy pháp lành là nhân duyên của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Những pháp lành nào mà do pháp lành ấy nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát từ khi mới phát tâm lại đây, Thí Ba-la-mật là nhân duyên của pháp lành, nơi đó không có phân biệt người thí, người nhận thí, vì tính Không. Do Thí Ba-la-mật ấy có thể tự mình làm lợi ích, cũng có thể làm lợi ích cho chúng sinh, từ trong sinh tử kéo ra, khiến được Niết-bàn. Các pháp lành ấy đều là nhân duyên của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, của đại Bồ-tát. Nhờ hành độ ấy mà các Bồ-tát quá khứ, vị lai, hiện tại được thoát qua khỏi sinh tử; đã qua khỏi, nay qua khỏi và sẽ qua khỏi. Do Giới Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo, mười tám không, tám bội xả, định chín thứ lớp, các môn Đà-la-ni, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, các công đức như vậy đều là đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; ấy gọi là pháp lành. Bồ-tát đầy đủ pháp lành ấy rồi, sẽ được trí Nhất thiết chủng. Được rồi sẽ chuyển pháp luân; chuyển pháp luân rồi sẽ độ chúng

sinh.

LUẬN: Bấy giờ Tu-bồ-đề hỏi: Trú vào căn lành nào nên có thể thọ thân này?

Phật đáp: Bồ-tát đầy đủ hết thảy pháp ,rú vào thánh pháp vô lậu nào có thể thọ thân này mà không nhiễm trước? Theo thân ấy, thí như vị thầy huyễn thuật, cũng như việc biến hóa? Trú ở pháp trắng sạch nào mà có thể làm các phương tiện như vậy?

Phật đáp: Bồ-tát do sức Bát-nhã Ba-la-mật nên có thể thành tựu phương tiện như vậy, hiện mỗi mỗi thân làm lợi ích cho chúng sinh trong mười phương các cõi nước và cũng không tham đắm thân ấy. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bồ-tát có ba pháp không thể có được: Một là thân Bồ-tát; hai là nai ngựa được làm ra, ba là pháp được dùng. Vì sao? Vì pháp ấy đều là tính Không; tính Không cũng không tham trước tính Không; trong tính Không cũng không có người tham trước; vì pháp không có nên chúng sinh không có; chúng sinh không có nên pháp cũng không có. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Trong tính Không, tính Không thể có được; vì không thể có được thì Bồ-tát làm sao tham trước trí tuệ ấy? Ấy gọi là không, không có sở đắc.

Bồ-tát trú trong Bát-nhã Ba-la-mật có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì không chướng ngại nên dễ được.

Tu-bồ-đề hỏi: Bồ-tát trú ở sáu Ba-la-mật cho đến mười tám pháp không chung, nay cớ sao chỉ nói trú trong Bát-nhã Ba-la-mật không có sở đắc, được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật dạy: Này Tu-bồ-đề, pháp gì không vào trong Ba-la-mật? Tất cả pháp đều vào trong Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu trú trong Bát-nhã Ba-la-mật tức là trú trong hết thảy pháp.

Lại hỏi: Nếu Bát-nhã Ba-la-mật là tính Không, làm sao hết thảy pháp đều vào trong đó? Trong đây Tu-bồ-đề tự nói nhân duyên: Trong hết thảy pháp là tính Không thì không có pháp ra, không có pháp vào.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Hết thảy pháp, hết thảy pháp tướng không chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn!

Này Tu-bồ-đề! Nếu hết thảy pháp, hết thảy pháp tướng không, vậy thì hết thảy pháp đều vào trong không, cớ sao ông nói trong không không có pháp ra vào?

Bấy giờ Tu-bồ-đề hiểu rõ nên tâm phục mà lãnh thọ. Nghe việc Bồ-tát hóa thân độ chúng sinh, nên hỏi: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát làm thế nào

trú trong hết thảy pháp tính Không mà có thể khởi lên thần thông Ba-la-mật, đi đến mười phương các cõi nước nhiều như cát sông Hằng cúng dường Phật, nghe pháp, gieo trồng căn lành sâu dày?

Căn lành là các môn Đà-la-ni, các môn tam-muội, là căn bản của giải thoát không ngại. Ý của Tu-bồ-đề là nếu Bát-nhã Ba-la-mật là tính Không, thì làm sao Bồ-tát an trú trong Bát-nhã Ba-la-mật lại có thể hành thần thông là pháp có?

Phật dạy: Vì tính là Không cho nên có thể hành. Vì cớ sao? Vì khi Bồ-tát hành Bát-nhã, quán mười phương các cõi nước đều không, chư Phật trong các cõi nước ấy cũng không.

Hỏi: Nếu cõi nước là không thì Phật cũng phải không, cớ gì nói riêng?

Đáp: Phật do vô lượng vô số công đức chân thật mà được thân ấy, có thể lấy một ngón chân làm chấn động mười phương các cõi nước nhiều như cát sông Hằng. Lại, Bồ-tát đời đời lại đây vì lòng yêu thích, kính trọng Phật sâu xa, không thể quán sát Phật chóng làm cho không, thế nên không hợp chung với cõi nước để nói. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Nếu mười phương các cõi nước và chư Phật chẳng không, thì là tính Không có thiên lệch, có thiên lệch thì gọi là có chỗ không và chẳng không. Nay thật sự không có thiên lệch nên hết thảy pháp, hết thảy pháp tướng là không. Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, đối với hết thảy pháp không ngăn ngại, song vì mắt thịt thấy sắc không thông: Thấy trên thì không thấy dưới, thấy trước thì không thấy sau, chỗ rỗng suốt thì thấy, chỗ chướng ngại thì không thấy, ban ngày thì thấy, ban đêm thì không thấy; biết sức mắt thịt kém như vậy nên vì sức phương tiện mà lại cầu mắt trời.

Sức phương tiện là khiến bốn đại ở thế giới khác đến trú trong thân. Nghĩa là dùng thiên nhãn như trước đã nói. Thiên nhĩ, như ý túc, trí biết tâm người khác, trí biết đời trước, trí biết chúng sinh, sinh về đâu, chết về đâu. Bồ-tát nếu không có thần thông thì không thể làm lợi ích chúng sinh. Vì sao? Vì nếu không có thần thông thì làm sao có thể khiến nhiều người phát tâm? Bồ-tát có thần thông mà còn không thể khiến tất cả chúng sinh phát tâm, huống nữa là không có! Thế nên thần thông Ba-la-mật là chỗ hành đạo sở hành của Bồ-tát. Bồ-tát tự thấy pháp lành, cũng dạy người khác được pháp lành mà không tham đắm pháp lành ấy. Vì sao? Vì pháp ấy tính đều không.

Hỏi: Thiên nhãn chỉ có thể thấy sắc, làm sao thấy pháp lành mà lại nói hết thảy pháp tính là Không?

Đáp: Đây là trong nhân nói quả. Do thiên nhãn ấy tự thấy thân mình,

lại thấy mười phương chúng sinh, vậy sau dùng trí biết tâm người khác, trí biết mạng sống đời trước, tìm căn lành đời nay đời sau, thấy căn lành và quả báo lâu ngày đều tiêu diệt, tiêu diệt nên thấy nó không. Căn lành ấy đều là pháp hữu vi nên không có tự tính, không có tự tính nên không; vì không nên không thể tham trước, cũng không thể thọ khí vị, không thể thọ khí vị nên không tham trước; thí như ruồi không chỗ nào không đậu, chỉ trừ không đậu trong lửa. Chúng sinh ái trước cũng như vậy, đối với pháp lành, pháp chẳng lành đều ái trước, cho đến ái trước Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng nên không thể vào Niết-bàn, chỉ trừ không thể ái trước lửa Bát-nhã Ba-la-mật tính Không. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật, tướng Bát-nhã Ba-la-mật là không; nếu Bát-nhã Ba-la-mật chẳng không tức là có khí vị, là chỗ có thể ái trước. Bồ-tát trú trong trí tuệ ấy không khởi nghiệp hữu lậu, chỉ vì chúng sinh mà thuyết pháp, cũng biết chúng sinh là giả danh, không thể có được. An trú trong Bát-nhã không có sở đắc ấy mà có thể đầy đủ các việc thần thông. Nếu Bồ-tát không được Bát-nhã vô ngại ấy thì không thể được thần thông vô ngại. Bồ-tát được thần thông vô ngại nên có thể bay đến mười phương các cõi nước làm lợi ích chúng sinh, như trong Kinh nói rộng: Hoặc nói về bố thí, hoặc nói về trì giới...; đối với người xan tham thì dạy bố thí... như trong đây nói ví dụ: Ví như chim không có cánh thì không thể bay cao; Bồ-tát cũng như vậy, không có Thần thông Ba-la-mật thì không thể giáo hóa chúng sinh. Bồ-tát dùng thiên nhãn thấy mười phương các cõi nước của chư Phật cùng hết thảy chúng sinh, dùng thiên nhĩ theo chư Phật nghe pháp, dùng thần thông như ý phóng hào quang lớn, hoặc biến hóa hiện ra các thứ nước lửa, các việc kỳ lạ khiến chúng sinh phát tâm cho là việc hy hữu mà tôn trọng. Dùng trí biết tâm người khác, biết tâm tâm số của người khác tham đắm gì, chán gì, có thể độ hay không thể độ, là lợi căn hay là độn căn, đã thành tựu căn lành hay chưa thành tựu. Biết tâm của chúng sinh khác như vậy thì nhiếp thủ những ai đã thành tựu căn lành. Gặp người có thể độ thì dùng trí biết mạng sống đời trước, trí biết sinh tử quán nguồn gốc của người kia từ đâu đến, gieo trồng căn lành gì, và ưa làm hạnh gì; từ đây mệnh chung sẽ sinh chỗ nào, lúc nào sẽ được giải thoát. Trù lượng suy nghĩ như vậy biết nghiệp duyên quá khứ và biết quả báo vị lai của người có thể độ.

Lại dùng thần thông biết người ấy cần vì sợ hãi mà được độ, thì đem việc địa ngục chỉ bày rằng: Ông sẽ sinh vào trong ấy; biết người cần vì hoan hỉ mà được độ, thì chỉ bày thiên đường, mắt thấy việc ấy tâm sinh ra sợ hãi, vui mừng, nhàm chán thế gian. Bấy giờ đem trí thông suốt vô lậu nói pháp dứt hết lậu, chúng sinh nghe pháp ấy phá bỏ tâm tham trước, lại dùng pháp

ba thừa mà được Niết-bàn; thí như chim nhạn trắng khi muốn bắt cá thì trù lượng tới lui, không để mất cơ hội; biết có thể bắt được liền bắt, không để lỡ qua. Bồ-tát cũng như vậy, dùng sức thần thông quán nguồn gốc của chúng sinh, thấy nhân duyên có thể độ: Hoặc thấy cõi nước thì biết; biết các căn tín, tấn... của các chúng sinh ấy mãnh lợi, các nhân duyên đầy đủ nên vì họ thuyết pháp, không để lỡ uổng. Thế nên nói: Bồ-tát lìa thần thông thì không thể lợi ích chúng sinh, như chim không có cánh. Các thần lực khác như Phật tự nói: Dùng thiên nhãn thấy việc sống chết của mười phương chúng sinh, cũng biết tâm chúng sinh, tùy ý thuyết pháp, cho đến khéo tu sức thần thông, vì chúng sinh mà thọ thân, không bị khổ vui làm ô nhiễm. Bồ-tát đối với chúng sinh hoặc làm cha, hoặc làm con, hoặc làm thầy, hoặc làm đệ tử, làm chủ, làm tớ, làm voi ngựa, hoặc làm người cỡi voi ngựa, có khi giàu sang thế lực, có khi nghèo hèn; đối với các việc ấy cũng không bị ô nhiễm; thí như người của Phật biến hóa, hóa làm các việc mà không bị ô nhiễm bởi khổ vui. hóa làm các việc là như trước đây: hóa làm vô lượng vô số thân để độ chúng sinh. Khổ vui không nhiễm trước là đối với vui không sinh tâm ái, đối với khổ không sinh tâm sân, không như chúng sinh tùy theo chỗ mà khởi phiền não. Bồ-tát nên đem thần thông du hí như vậy mà thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật.

Hỏi: Sức thần thông của Bồ-tát có sở tác, cớ sao gọi là du hý? Đáp: Hý là như huyễn sư huyễn làm ra các việc, thần thông của Bồ-tát cũng hóa hiện các việc nên gọi là hý.

Lại nữa, trong Phật pháp có ba tam-muội: Không tam-muội là thượng hành. Vì sao? Vì giống như Niết-bàn không bị dính mắc, không có sở đắc. Các hành pháp khác đều gọi là hạ hành, như trẻ nhỏ. Thế nên nói sức thần thông gọi là du hý; đối với việc thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật là rất cần yếu. Thành tựu tuệ giác cho chúng sinh như trong đây nói: Cùng nhau tu căn lành ở cõi Phật thanh tịnh.

Hỏi: Vì sao phải cần dùng việc thành tựu tuệ giác cho chúng sinh và nghiêm tịnh cõi Phật?

Đáp: Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Không thành tựu tuệ giác cho chúng sinh và nghiêm tịnh cõi Phật thì không được đạo vô thượng. Vì sao? Vì nhân duyên không đầy đủ thì không được đạo vô thượng. Nhân duyên là hết thảy pháp lành; từ khi mới phát tâm tu thí Ba-la-mật cho đến mười tám pháp không chung; đối với pháp tu hành ấy không có ức tưởng phân biệt là người thí, là vật bố thí, là người nhận thí, cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy. Nếu Bồ-tát tâm không dính mắc, không

phân biệt gì mà hành sáu Ba-la-mật cho đến mười tám pháp không chung; ấy là nhân duyên của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; do đạo ấy được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng có thể tự độ, lại có thể độ chúng sinh.

Hỏi: Nếu Bồ-tát đem tâm chấp trước bố thí thì có lỗi gì mà không gọi là đầy đủ; đem tâm chấp trước bố thí thì người nhận thí mang ôn nặng?

Đáp: Tuy có lợi nhỏ mà lỗi lớn; như đồ ăn ngon có lẫn chất độc, tuy có ngon mà tự làm mất mạng.

Hỏi: Lỗi ấy là những gì?

Đáp: Nếu đem tâm chấp trước mà bố thí, hoặc gặp việc không vừa ý thì sinh sân nộ, hoặc người nhận thí không cám ôn liền thành oán hiềm. Nếu đem tâm chấp trước cúng dường người lành, hoặc khi gặp chút suy tổn thì oán hiềm việc đã bố thí cho người không xứng đáng, hối tiếc việc đã thí. Nếu bố thí mà tâm hối hận thì thọ quả báo không thanh tịnh.

Lại nữa, người đem tâm chấp trước bố thí, trong thâm tâm ham trước tài vật, nếu gặp kẻ xâm đoạt liền gia hại, nghĩ rằng: Ta vì phước đức muốn làm việc tốt nên chứa của, cớ sao ngươi xâm đoạt? Trước tham tài vật là việc đời nay, có thể bố thí là việc đời sau. Tâm thương tiếc càng sâu, vì ái trước sâu nên nếu gặp bị xâm đoạt thì hay gây tội nặng; nhân tội nặng nên thọ khổ trong ba đường ác.

Lại nữa, vì lòng tham trước nên sinh sân hận; vì sân hận nên dùng dao gậy sát hại, chịu các khổ não.

Lại nữa, người tạo nghiệp ngu si thật là không được yên ổn; làm việc dối trá không thật ấy, nên lâu chắc chắn bị hoạn lớn. Mười phương chư Phật đều dạy môn giải thoát vô tướng. Tướng vô tướng của các pháp là thật, nếu người chấp thủ tướng tài vật hư dối không thật ấy, thì sau sinh tâm chấp trước, vì tâm chấp trước nên mong cầu quả báo lớn mà bố thí; thí như người muốn thu hoạch nhiều nên dùng hạt giống nhiều. Như vậy, tam chấp trước bố thí được quả báo ít mà không thanh tịnh, chung quy đi về diệt tận, chịu các ưu não, không thể kể hết, đều do chấp thủ tướng nên có các lỗi như vậy. Nếu đúng như thật tướng mà hành bố thí, thì không có lỗi như vậy, trải qua vô lượng vô số kiếp thọ các phước lạc cũng không cùng tận, cho đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, như người đem tâm chấp trước hành pháp lành, người ấy nếu nghe nói các pháp rốt ráo không, tức thì bỏ pháp tu hành, đắm trước thủ tướng pháp Không ấy, cho đó là thật, trước kia là hư dối. Người ấy mất cả hai thứ, mất pháp lành trước kia và rơi vào tà kiến. Người có tâm chấp

trước có lỗi như vậy; thí như người mang bệnh nặng, tuy có các thứ thuốc chữa mà không giảm bớt, thuốc trở lại thành bệnh. Đem tâm chấp trước tu các công đức có tội lỗi như vậy. Bồ-tát bỏ tâm chấp trước, chẳng thủ tướng Không, như: Như, pháp tính, thật tế, đối với pháp bố thí cũng thấy đúng như vậy, vì hết thảy chúng sinh mà hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, khi Bồ-tát bố thí, nghĩ rằng: Như trí rốt ráo thanh tịnh của mười phương chư Phật trong ba đời biết thật tướng các pháp, cũng biết tướng bố thí, ta nay cũng nên vì tính ấy mà hồi hướng.

Lại nữa, Bồ-tát ấy là không dùng, không hành năm căn và tâm tâm số pháp, vì nó không thể biết thật tướng các pháp, là pháp ấy đều do nhân duyên sinh, hư dối, không có tự tính. Ta nay muốn biết thật tướng các pháp để hồi hướng, các pháp hư dối ấy vào trong thật tướng đều không có sai khác. Ta nay vì chưa được trí tuệ thanh tịnh chân thật, nên còn có chỗ phân biệt là hư, là thật. Dùng trí tuệ thanh tịnh để biết, thì đều thành đệ nhất nghĩa đế, vào trong đệ nhất nghĩa đế đều là thanh tịnh, không có sai biệt. Bố thí như vậy mà hồi hướng, thẳng đến Phật đạo; thế nên nói tâm không phân biệt, có thể hành bố thí, ấy gọi là chân đạo Bồ-tát.

-----oOo-------

GIẢI THÍCH PHẨM TÁM MƯƠI BỐN: BỐN ĐẾ

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp ấy là pháp Bồ-tát, thì thế nào là pháp Phật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Như lời ông hỏi, các pháp ấy là pháp Bồ-tát, vậy thế nào là pháp Phật? Này Tu-bồ-đề! Pháp Bồ-tát cũng là pháp Phật. Nếu biết hết thảy chủng là được trí Nhất thiết chủng, dứt hết thảy phiền não tập khí, Bồ-tát sẽ được pháp ấy. Phật do một niệm tương ưng với tuệ, biết hết thảy pháp rồi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; ấy là sai khác giữa Bồ-tát và Phật. Thí như người đắc quả và người hướng đạo khác nhau, hai người ấy đều là Thánh nhân mà có đắc có hướng sai khác. Như vậy, Bồ-tát hành trong đạo vô ngại gọi là đại Bồ-tát, hành trong đạo giải thoát không có hết thảy hắc ám che lấp, gọi là Phật.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp tự tướng là không, thì trong pháp tự tướng là không vì sao có sai khác là địa ngục, là ngạ quỷ, súc sinh, người, trời? Là người Tánh địa, là người Bát địa, là

người Tu-bồ-đề cho đến là Bồ-tát? Là Như lai, Ứng cúng, Chánh biến tri? Bạch đức Thế Tôn! Những người như vậy không thể có được, nghiệp nhân duyên của những người ấy cũng không thể có được, quả báo của các người ấy cũng không thể có được.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Như lời ông nói, trong pháp tự tướng là không, không có chúng sinh, không có nghiệp nhân duyên, không có quả báo. Chúng sinh không biết các pháp tự tướng là không ấy, nên nghiệp nhân duyên hoặc lành hoặc dữ, hoặc nghiệp bất động; vì nhân duyên tội nghiệp nên đọa trong ba đường ác, vì nhân duyên phước nghiệp nên sinh cõi trời, cõi người; vì nhân duyên nghiệp bất động nên sinh cõi Sắc, cõi Vô sắc. Bồ-tát khi hành Thí Ba-la-mật cho đến mười tám pháp không chung là nhận hành tất cả pháp trợ đạo. Như tam-muội kim ca được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; được rồi lợi ích chúng sinh, cái lợi ấy thường không mất nên không đọa vào sáu đường sinh tử.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi có bị sáu đường sinh tử chăng?

Phật dạy: Không bị.

Bạch đức Thế Tôn! Phật có nghiệp hoặc đen hoặc trắng, hoặc đen trắng, hoặc chẳng đen chẳng trắng chăng?

Phật dạy: Không.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu không có thì vì sao Phật nói đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời, Tu-đà-hoàn cho đến Bồ-tát, chư Phật?

Này Tu-bồ-đề! Nếu chúng sinh biết các pháp tự tính là Không, thì Bồ-tát không cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không cứu chúng sinh ra khỏi ba đường ác, cho đến không qua lại trong sáu đường sinh tử. Song vì chúng sinh thật không biết các pháp tự tính là Không, nên không được thoát khỏi sáu đường sinh tử. Vì vậy nên Bồ-tát theo Phật nghe pháp tự tính là Không, phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Các pháp không như vậy không như chỗ phàm phu chấp trước, chúng sinh đối với pháp không có sở hữu, mà điên đảo vọng tưởng phân biệt thủ đắc pháp, không có chúng sinh lại tưởng có chúng sinh, không có sắc lại tưởng có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức lại tưởng có thọ, tưởng, hành, thức, cho đến hết thảy pháp hữu vi không có sở hữu lại dùng tâm điên đảo vọng tưởng khởi lên nghiệp thân, miệng, ý, nên phải qua lại sáu đường sinh tử không được thoát khỏi. Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, hết thảy pháp lành đều vào trong Bát-nhã nên hành đạo Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; được Vô thượng Chánh đẳng Chánh

giác rồi vì chúng sinh thuyết Bốn Thánh đế: Khổ, khổ tập, khổ diệt và khổ diệt đạo. Hết thảy pháp lành trợ đạo khai thị phân biệt đều vào trong Bốn Thánh đế; dùng pháp lành trợ đạo ấy phân biệt có Tam bảo là Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo; vì trái nghịch không tin Tam bảo nên không được lìa khỏi sáu đường sinh tử.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Dùng khổ thánh đế được qua khỏi hay dùng khổ trí được qua khỏi? Do tập thánh đế được qua khỏi hay do tập trí được qua khỏi? Do diệt thánh đế được qua khỏi hay do diệt trí được qua khỏi? Do đạo thánh đế được qua khỏi hay do Đạo trí được qua khỏi?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Chẳng phải do khổ thánh đế được qua khỏi, cũng chẳng phải do khổ trí được qua khỏi, cho đến chẳng phải do đạo thánh đế được qua khỏi, cũng chẳng phải do Đạo trí được qua khỏi. Vì Bốn Thánh đế ấy bình đẳng nên Ta nói tức là Niết-bàn, không do khổ thánh đế, không do tập, diệt, đạo thánh đế; cũng không do khổ trí, không do tập, diệt, Đạo trí được Niết-bàn.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là tướng bốn thánh đế bình đẳng?

Này Tu-bồ-đề! Nếu không có khổ, không có khổ trí, không có tập, không có tập trí, không có diệt, không có diệt trí, không có đạo, không có Đạo trí, ấy gọi là Bốn Thánh đế bình đẳng.

Lại nữa, Bốn Thánh đế ấy là như, chẳng khác; là pháp tướng, pháp tính, pháp trụ, pháp vị, thật tế dù có Phật hay không có Phật thì pháp tính vẫn thường trú, vì không dối không mất. Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật do thông đạt thật đế nên hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát do thông đạt thật đế nên khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, như thông đạt thật đế, chứ không đọa vào địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật mà thẳng vào địa vị Bồ-tát?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát như thật thấy các pháp, thấy rồi ngộ được pháp không có sở hữu, ngộ được pháp không có sở hữu rồi thấy hết thảy pháp không, pháp nhiếp thuộc vào Bốn Thánh đế, pháp không nhiếp thuộc vào Bốn Thánh đế đều không. Nếu quán như vậy liền vào Bồ-tát vị; ấy là Bồ-tát trú trong Tánh địa không từ đảnh địa bị thối đọa. Vì đảnh địa bị thối đọa nên đọa vào địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật. Bồ-tát trú trong Tánh địa có thể phát sinh bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc. Bồ-tát trú trong địa của định ban đầu ấy phân biệt hết thảy pháp mà thông

đạt Bốn Thánh đế: Biết khổ không sinh tâm duyên khổ, cho đến biết đạo không sinh tâm điên đảo, chỉ thuận theo tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà quán tướng như thật của các pháp.

Bạch đức Thế Tôn! Làm thế nào quán tướng như thật của các pháp?

Phật dạy: Quán các pháp là tính Không. Bạch đức Thế Tôn! Các pháp không nào?

Phật dạy: Đó là tự tướng không. Bồ-tát dùng trí tuệ như pháp quán hết thảy pháp không, không có tính có thể thấy. Trú trong tính ấy được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì tướng vô tính là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng phải chư Phật làm, chẳng phải Bích-chi Phật làm, cũng chẳng A-la-hán làm, cũng chẳng phải người đắc quả làm, cũng chẳng phải Bồ-tát làm, chỉ vì chúng sinh không thấy không biết tướng như thật của các pháp nên Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, dùng sức phương tiện vì chúng sinh ấy mà thuyết pháp.

LUẬN: Hỏi: Pháp Phật và pháp Bồ-tát rất có sai khác. Phật là bậc Nhất thiết trí, Bồ-tát chưa phải là bậc Nhất thiết trí, Tu-bồ-đề vì cớ gì sinh nghi mà hỏi Phật: Thế nào là pháp Bồ-tát, thế nào là pháp Phật?

Trong đây Phật dạy chỗ hành của Bồ-tát như Phật là hành sáu Ba-la-mật như vậy, cho đến trí Nhất thiết chủng. Thế nên Tu-bồ-đề hỏi: Nếu hành như Phật thì với Phật khác gì? Phật hứa khả ý ấy nên nói như vầy: Chỗ hành của sắc pháp là đồng nhưng trí tuệ lợi độn có khác nhau. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bồ-tát tuy như thật hành sáu Ba-la-mật mà chưa thể cùng khắp, chưa thể vào tất cả các môn, thế nên không gọi là Phật. Nếu Bồ-tát đã vào trong hết thảy môn, vào trong thật tướng các pháp, do một niệm tương ưng với trí tuệ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dứt hết thảy phiền não tập khí, được tự tại đối với các pháp, lúc bấy giờ gọi là Phật. Như mặt trăng ngày 14 và ngày rằm, tuy đồng là trăng, nhưng ngày 14 không thể làm cho nước biển dâng lớn. Bồ-tát cũng như vậy, tuy có trí tuệ thanh tịnh thật, song vì chưa đầy đủ Phật pháp nên không thể làm chấn động mười phương chúng sinh. Ánh sáng của trăng ngày rằm sung mãn, có thể làm cho nước biển dâng lớn. Khi Bồ-tát thành Phật cũng như vậy, phóng hào quang lớn, làm chấn động mười phương các cõi nước chúng sinh. Trong đây Phật tự nói: Như người hướng đạo và người đắc quả, tuy đồng là bậc Thánh mà có sai khác. Bồ-tát cũng như vậy, hành giả gọi là Bồ-tát, là từ khi mới phát tâm cho đến khi được tam-muội Kim cang; còn Phật đã được quả, dứt hết nghi hoặc, đối với các pháp không có pháp gì không rõ, nên gọi là Phật.

Tu-bồ-đề hỏi: Trong pháp tự tướng là không, sự sai biệt không thể có được, rằng đó là địa ngục cho đến trời, đó là Tánh nhân, Bát nhân, Tu-đà-hoàn cho đến Phật. Bạch đức Thế Tôn! Như chúng sinh địa ngục... không thể có được, nghiệp nhân duyên cũng phải không thể có được. Vì sao? Vì người tạo nghiệp không thể có được. Nghiệp đã không thể có được thì quả báo cũng không thể có được, cớ sao Phật nói Phật với Bồ-tát có sai khác?

Phật hứa khả ý Tu-bồ-đề lại dùng câu hỏi mà đáp lại Tu-bồ-đề: Vì chúng sinh không biết tự tính là Không cho nên khởi lên nghiệp lành dữ, như trong Kinh đây nói rộng. Chúng sinh là kẻ phàm phu chưa vào chính vị, người ấy có tâm điên đảo chấp ngã, nhân phiền não mà khởi lên các nghiệp.

Nghiệp có ba thứ là thân, miệng và ý. Ba nghiệp ấy có hai là hoặc lành, hoặc dữ, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu. Vì nghiệp dữ nên đọa vào ba đường ác; vì nghiệp lành nên sinh vào cõi người cõi trời. Nghiệp lành lại có hai: Một là ràng buộc vào cõi Dục, hai là ràng buộc vào cõi Sắc và cõi Vô sắc. Nghiệp ràng buộc sinh vào cõi Sắc và cõi Vô sắc gọi là nghiệp bất động; vì nghiệp bất động nên sinh vào cõi Sắc, cõi Vô sắc. Như chúng sinh tự biết các pháp tính là Không thì không sinh tâm chấp trước; tâm chấp trước không sinh nên không khởi nghiệp, cho đến không sinh vào cõi Sắc, cõi Vô sắc. Song vì thật không biết cho nên sinh, do việc ấy mà Bồ-tát suốt đời hành bố thí cho đến mười tám pháp không chung không mất không thiếu, cho đến dùng tam-muội như kim ca mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, làm lợi ích chúng sinh. Chúng sinh được lợi ích ấy nên không còn qua lại trong năm đường sinh tử.

Tu-bồ-đề hỏi: Khi Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thật có được sáu đường ấy chăng?

Phật dạy: Không được.

Hỏi: Trước Phật nói vì lợi ích lớn nên không đọa vào sáu đường, sao nay nói không được?

Đáp: Vì tà kiến quyết định thủ tướng nên rơi vào tà kiến, chứ sáu nẻo sinh tử không có được, chỉ vì người phàm phu do điên đảo mà khởi nghiệp nên giả danh có sáu đường sinh tử, chứ kỳ thật như huyễn, như mộng.

Hỏi: Phật có được bốn thứ nghiệp là đen, trắng, đen trắng và chẳng đen chẳng trắng chăng?

Đáp: Chẳng được. Nghiệp đen là nghiệp chẳng lành, quả báo của nó là đọa địa ngục, nôi chịu khổ não; chúng sinh trong ấy vì khổ não làm mê muội cùng cực nên gọi là đen. Chỗ thọ quả báo của nghiệp lành là cõi trời,

vì thọ vui theo ý tự tại sáng suốt, nên gọi là nghiệp trắng; nghiệp ấy là nghiệp của các cõi trời trong ba cõi. Chỗ thọ quả báo của nghiệp lành và chẳng lành là cõi người, cõi A-tu-la... nôi đó cũng thọ vui, cũng thọ khổ nên gọi là nghiệp trắng đen. Nghiệp vô lậu có thể phá nghiệp hữu lậu chẳng lành, có thể cứu chúng sinh ra khỏi quả báo lành, dữ nên gọi là nghiệp chẳng phải trắng chẳng phải đen.

Hỏi: Nghiệp vô lậu cớ sao chẳng phải trắng chẳng phải đen?

Đáp: Pháp vô lậu tuy trong sạch không nhơ bẩn, song vì là Không, Vô tướng, Vô tác nên không có phân biệt; không có phân biệt nên không được nói là trắng. Vì đen đối đãi với trắng, mà trong đây không có tướng đen đối đãi nên không được nói trắng.

Lại nữa, nghiệp vô lậu có thể dứt hết các quán niệm. Trong quán niệm vì phân biệt cho nên có đen trắng, trong vô lậu nghiệp không có quán niệm nên không có đen trắng.

Tu-bồ-đề hỏi: Nếu không có được bốn nghiệp ấy thì vì sao phân biệt đây là địa ngục cho đến đây là A-la-hán? Nếu không có nghiệp đen thì vì sao nói đây là địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ? Nếu không có nghiệp trắng thì vì sao nói đây là trời, là người? Nếu không có nghiệp đen trắng thì vì sao nói đây là A-tu-la? Nếu không có nghiệp chẳng đen chẳng trắng thì vì sao nói đây là Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán?

Phật dạy: Nếu hết thảy chúng sinh tự biết các pháp tự tính là Không, thì Bồ-tát không cần phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không ở trong sáu đường kéo chúng sinh ra. Vì sao? Vì chúng sinh tự biết các pháp là tính Không thì không có gì phải độ; thí như không có bệnh thì không cần thuốc, không có bóng tối thì không cần đèn sáng. Nay vì chúng sinh thật sự không biết pháp tự tính là Không, cứ theo tâm sinh mà chấp trước thủ tướng. Vì chấp trước nên ô nhiễm; vì ô nhiễm nên theo năm dục; vì theo năm dục nên bị lòng tham che lấp; vì lòng tham nên xan lẫn, hư dối, ganh ghét, sân giận, đấu tranh; vì sân giận nên khởi các nghiệp tội mà không hay biết. Thế nên khi mệnh chung theo nghiệp duyên mà sinh vào chỗ dữ, tiếp tục tạo nghiệp sinh tử, thường qua lại trong sáu đường không biết lúc nào cùng. Do vậy mà Bồ-tát ở chỗ chư Phật và đệ tử nghe nói các pháp tính Không, vì thương xót chúng sinh, thấy chúng sinh do ngu cuồng điên đảo mà sinh tâm chấp trước, nên nguyện rằng: Ta sẽ làm Phật phá điên đảo cho chúng sinh, khiến được hiểu rõ các pháp tính Không. Vì sao? Vì các pháp không như chỗ phàm phu chấp trước vậy. Chúng sinh chắc chắn không có thật, chỉ từ trong chỗ không có sở hữu ức tưởng phân biệt mà vọng có sở

đắc. Trong chỗ không có chúng sinh khởi lên tưởng chúng sinh; trong chỗ không có sắc khởi lên tưởng sắc; trong chỗ không có thọ, tưởng, hành, thức, khởi lên tưởng . . . thức, song vì si cuồng điên đảo nên khởi lên nghiệp thân, miệng, ý, phải qua lại sáu đường sinh tử, không thể thoát khỏi. Nếu chỉ khởi lên tưởng chúng sinh thì kiết phược còn nhẹ, có thể dễ độ. Nếu khởi lên tham dục, sân giận, tạo các nghiệp nặng, đó là kiết phược nặng, chịu quả báo của nghiệp ấy thì khó có thể độ được; thí như nhóm vi trần làm thành núi, khó có thể di động. Bồ-tát vì chúng sinh ấy nên muốn phá nghiệp nhân duyên quả báo cho chúng sinh mà đối với Bát-nhã Ba-la-mật tuy biết hết thảy thiện pháp, hành Bồ-tát đạo, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì chúng sinh nên nói Bốn Thánh đế là khổ, khổ tập, khổ diệt, khổ diệt đạo, dùng mỗi mỗi nhân duyên chỉ bày diễn nói.

Hỏi: Phật từ vô lượng vô số kiếp lại đây thực hành pháp vi diệu là mười tám pháp không chung cho đến vô ngã, giải thoát, đủ các nghiệp sâu xa, cớ sao chỉ nói cho chúng sinh khổ, tập, diệt, đạo?

Đáp: Điều chúng sinh sợ hãi cấp bách không gì hơn thống khổ. Vì thế nên trước trừ khổ rồi sau mới chỉ bày Phật đạo; như có người bị bệnh nặng, trước phải lấy việc trị bệnh làm gấp vậy sau mới lấy báu vật, y phục trang nghiêm thân họ.

Khổ là thọ thân năm thọ uẩn, là gốc của hết thảy khổ, vì tính của nó chính là khổ. Khổ ấy nói lược là sinh, già, bệnh chết... như trong các Kinh nói rộng.

Khổ tập là các phiền não tham ái... Ái là pháp cũ ở trong tâm, vì vậy mà Phật nói ái có thể làm sinh ra thân sau, nên nói ái là nguyên nhân của khổ. Nhân của khổ là tập. Nếu người muốn bỏ khổ thì trước tiên phải dứt ái. Ái dứt thì khổ dứt; dứt ái tức là dứt khổ, mà khổ diệt tức là đạo. Quán mỗi mỗi nhân duyên của năm uẩn thấy tội lỗi của khổ và khổ tập là vô thường, khổ, không và vô ngã; như bệnh, như ung, như oán, như giặc, đây là chánh kiến ở trong tám phần thánh đạo; bảy thánh đạo khác giúp phát khởi thành chánh kiến, có thể dứt ái đối với hết thảy pháp; như dùng rượu dẫn thuốc. Người ấy đối với hết thảy thế gian không còn tham, được lìa khỏi lửa khổ vậy rồi sau mới chỉ bày cho họ diệu pháp.

Lại nữa, trong đây Phật tự nói nhân duyên: Trong Bốn Thánh đế đã thu nhiếp hết thảy pháp lành. Vì có người nói rằng, cớ gì Phật chỉ nói Bốn Thánh đế? Thế nên Phật nói hết thảy pháp lành trợ đạo đều thu nhiếp vào trong Bốn Thánh đế. Do nhân duyên của pháp lành trợ đạo nên phân biệt có ba ngôi báu, chỉ vì chúng sinh không tin Tam bảo nên không được lìa

khỏi sáu đường sinh tử.

Hỏi: Cớ gì Tu-bồ-đề hỏi một cách thô thiển rằng: Do khổ thánh đế diệt hay do khổ trí diệt; do tập thánh đế diệt hay do tập trí diệt?

Đáp: Đây chẳng phải là câu hỏi thô, mà ý hỏi rằng: Do thấy thể tính Bốn Thánh đế mà diệt hay do trí diệt được? Vì các phiền não ái... diệt nên gọi là hữu vi Niết-bàn. Nếu do khổ thánh đế được đạo thì hết thảy chúng sinh như trâu, ngựa cũng lẽ đáng được đạo? Nếu do khổ trí được đạo thì lìa khổ không có trí; mà trí lìa khổ thì không gọi là khổ đế, chỉ gọi là khổ? Do khổ trí, khổ đế hòa hợp phát sinh nên không được nói chỉ do khổ đế diệt hay chỉ do trí diệt; cho đến đạo đế cũng như vậy.

Phật đáp: Không do khổ đế diệt, cũng không do khổ trí diệt, cho đến không do đạo đế diệt, cũng không do Đạo trí diệt cũng như vậy. Ta nói Bốn đế ấy bình đẳng tức là diệt, không do khổ đế diệt cho đến đạo đế diệt. Vì sao? Vì khổ, tập... đều từ nhân duyên sinh, hư dối không thật, không có tự tính nên không gọi là thật. Vì không thật nên làm sao có thể diệt?

Hỏi: Hai đế khổ và tập thuộc pháp hữu lậu, là pháp của phàm phu hành nên có thể là hư dối không thật, còn đạo đế là pháp vô lậu, không có dính mắc, tuy từ nhân duyên hòa hợp sinh mà không hư dối? Lại, diệt đế là pháp vô vi, vô lậu, không từ nhân duyên mà có, làm sao nói bốn đế đều là hư dối?

Đáp: Người mới đắc đạo biết hai đế là hư dối; sắp vào Vô dư Niết bàn cũng biết đạo đế hư dối, vì không. Không tam-muội lìa bỏ đạo đế; như bỏ chiếc bè. Diệt đế cũng không có pháp nhất định, như trong Kinh đây nói: Lìa pháp hữu vi không có pháp vô vi; nhân pháp hữu vi nên nói pháp vô vi; khổ diệt như đèn tắt, không nên hý luận tìm chỗ đèn tắt ở đâu. Thế nên Phật nói không do khổ đế cho đến không do đạo đế diệt được.

Tu-bồ-đề hỏi: Thế nào là Bốn Thánh đế bình đẳng?

Phật dạy: Như không có tám pháp và Bốn đế và trí biết Bốn đế thì là bình đẳng.

Lại nữa, Bốn đế như thật không dối, không khác. Như như, pháp tính, pháp tướng, pháp vị, thật tế hoặc có Phật hay không có Phật thì pháp tính vẫn thường trú, không do tâm tâm số pháp và các quán niệm, chỉ vì không dối chúng sinh nên thường trụ. Còn hết thảy pháp khác đều điên đảo, hư vọng, do chấp trước quả báo điên đảo mà phát sinh nên tuy có thể cùng với người vui mừng lớn mà lâu ngày đều đổi khác, hư dối. Chỉ có một pháp đó là thật tướng các pháp, vì không hư dối nên thường trú bất diệt.

Như vậy, Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật thông đạt thật đế của các

pháp.

Tu-bồ-đề hỏi: Bồ-tát làm thế nào thông đạt được thật đế, vượt qua địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật mà vào địa vị Bồ-tát?

Phật dạy: Nếu Bồ-tát tư duy, trù lượng, suy tìm các pháp thì không có một pháp nào có thể có được định tướng, mà thấy hết thảy pháp hoặc ở trong Bốn đế, hoặc không ở trong bốn đe, đều là không. Pháp không ở trong Bốn đế là hư không, và phi trạch diệt vô vi, ngoài ra đều ở trong Bốn đế. Nếu quán pháp không như vậy, liền vào Bồ-tát vị.

Hỏi: Cớ gì không nói không cũng không quán không, vào địa vị Bồ-tát?

Đáp: Không cần nói. Vì sao? Vì nếu nói các pháp không tức là không, không cũng không; nếu không ấy chẳng không thì không gọi là hết thảy không; vì thế nên hành trong ấy được vào địa vị Bồ-tát. Bồ-tát trú trong Tánh địa không đọa vào Đảnh địa. Tánh địa là pháp vị của Bồ-tát. Như trong pháp Thanh-văn, noãn pháp, đảnh pháp, nhẫn pháp, thế đệ nhất pháp gọi là Tánh địa; vì pháp ấy tùy thuận đạo vô lậu nên gọi là tánh, trú ở trong ấy hy vọng chắc chắn được đạo. Bồ-tát cũng như vậy, trú trong Tánh địa hy vọng chắc chắn được làm Phật, có thể phát sinh bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc. Bồ-tát nhiếp tâm ở trong thiền định, phân biệt, tư duy, trù lượng mà phân biệt các pháp, thông đạt bốn đế. Nghĩa là thấy biết khổ cũng chẳng phải duyên khổ sinh tâm; biết khổ là biết thọ thân của phàm phu, do chấp trước vào khổ nên chịu các ưu não. Người ấy đều như giặc, như oán, vô thường, không. Thấy được như vậy rồi khi ấy liền xả bỏ, không chấp thủ tướng khổ, cũng không duyên khổ đế; do sức pháp vị của Bồ-tát, cho đến đạo đế cũng như vậy, chỉ nhất tâm hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Biết Bốn đế ấy như thuốc và bệnh đối đãi nhau, nên cũng không chấp trước Bốn đế ấy, chỉ quán tướng như thật của các pháp, không khởi bốn thứ quán phân biệt.

Tu-bồ-đề hỏi: Làm thế nào như thật quán các pháp?

Phật dạy: Quán Không. Nếu Bồ-tát quán hết thảy pháp hoặc lớn hoặc nhỏ đều Không, ấy gọi là như thật quán.

Lại hỏi: Dùng Không gì? Phật dạy: Dùng tự tướng Không. Hỏi: Trong mười tám Không cớ gì chỉ dùng tự tướng Không?

Đáp: Vì đó là Không trung đạo. Nội không, ngoại không... là tiểu Không; rốt ráo không, vô sở đắc không là Không sâu xa; tự tướng Không là Không bậc trung, vì tự tướng có lý phá mà tâm không thối mất, thì có thể vào trong Không sâu xa. Bồ-tát được pháp như vậy thì quán hết thảy

pháp đều Không, cho đến không thấy một pháp có tính, có thể trú trong đó mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Quán các pháp như Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tự tính cũng không; chẳng phải Phật làm, chẳng phải Bồ-tát làm; chẳng phải Bồ-tát, A-la-hán, Bích-chi Phật làm; tướng nó thường vắng lặng, không có ngôn ngữ hý luận. Do chúng sinh không thấy biết tướng như thật ấy nên Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, dùng sức phương tiện vì chúng sinh mà thuyết pháp. Sức phương tiện là Bồ-tát biết pháp Vô sinh nhẫn, vào địa vị Bồ-tát, thông đạt đệ nhất nghĩa đế. Quán tướng đạo ấy rất sâu xa, vi diệu, không được, không bỏ, thì dùng trí tuệ vi diệu còn không thể biết được huống gì miệng có thể nói!

Tâm đại bi thương xót chúng sinh là vì "việc không" nên đọa vào ba đường ác, chịu khổ cực lớn. Nếu ta chỉ nói thẳng về pháp Không ấy, thì chúng sinh không tin, không chịu, mắc tội phá pháp mà đọa vào địa ngục. Ta nay sẽ thành tựu hết thảy pháp lành, trang nghiêm thân với ba mươi hai tướng mà dẫn đường cho chúng sinh, khởi lên vô lượng vô số thần thông, được thành Phật đạo, làm chủ giữa hết thảy hội chúng, tự tại đối với hết thảy pháp. Nếu tán thán pháp ác, chúng sinh còn lãnh thọ huống nữa là nói pháp thật! Vì thế Bồ-tát hành theo tư duy như sở nguyện mà vì chúng sinh thuyết pháp khiến đều được độ thoát.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 95

GIẢI THÍCH PHẨM TÁM MƯƠI LĂM: BẢY THÍ DỤ

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp tự tính Không có sở hữu, chẳng phải Phật làm, chẳng phải Bích-chi Phật làm, chẳng phải A-la-hán làm, chẳng phải A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn làm, chẳng phải người hướng đạo làm, chẳng phải người đắc quả làm, chẳng phải các Bồ-tát làm, như vậy làm sao phân biệt có các pháp khác nhau là địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, là người, là trời Bốn thiên vương cho đến trời Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng? Vì nhân duyên của nghiệp nên biết có kẻ sinh địa ngục, kẻ sinh súc sinh, kẻ sinh ngạ quỷ; vì nhân duyên của nghiệp nên biết có kẻ sinh cõi người, sinh cõi trời cho đến sinh cõi trời Phi-hữu-tưởng Phi vô tưởng; do nhân duyên nghiệp nên biết có người được Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật; do nhân duyên nghiệp nên biết có các vị A-la-hán; do nhân duyên nghiệp nên biết có Như Lai, Ứng cúng, Chánh Biến tri. Bạch đức Thế Tôn! Trong pháp không có tự tính thì không có nghiệp dụng; vì nhân duyên tạo nghiệp nên hoặc đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; hoặc sinh vào cõi người cõi trời cho đến trời Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng; do nhân duyên tạo nghiệp nên được Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật; Bồ-tát hành đạo Bồ-tát nên được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng nên có thể cứu vớt chúng sinh ra khỏi sinh tử?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Trong pháp không có tự tính thì không có nghiệp, không có quả báo. Người phàm phu vì không vào thánh pháp, không biết các pháp tướng không có tự tính, điên đảo ngu si nên khởi tạo các nghiệp nhân duyên. Các chúng sinh ấy theo

nghiệp thọ thân: Hoặc thân địa ngục, thân súc sinh, thân ngạ quỷ, thân người thân trời cho đến thân trời Phi hữu tưởng Phi vô tưởng. Pháp không có tự tính thường không có nghiệp, không có quả báo; pháp không có tự tính thường là không có tự tính. Như lời Tu-bồ-đề nói: Nếu hết thảy pháp không có tự tính thì làm sao phân biệt đó là Tu-đà-hoàn cho đến chư

Phật được trí Nhất thiết chủng. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, đạo không có tự tính chăng? Tu-đà-hoàn quả cho đến trí Nhất thiết chủng của chư Phật là không có tự tính chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Đạo không có tự tính; quả Tu-đà-hoàn cũng không có tự tính, cho đến trí Nhất thiết chủng của chư Phật cũng không có tự tính.

Này Tu-bồ-đề! Pháp không có tự tính có thể được pháp không có tự tính chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn!

Phật bảo Tu-bồ-đề: Pháp có tự tính có thể được pháp có tự tính chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn!

Này Tu-bồ-đề! Pháp không có tự tính và đạo đều không hợp, không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ là một tướng tức vô tướng. Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, dùng sức phương tiện thấy chúng sinh có điên đảo nên đắm trước năm uẩn; trong vô thường tưởng thường, trong khổ tưởng vui, trong không tịnh tưởng tịnh, trong vô ngã tưởng ngã nên đắm trước vào chỗ không có sở hữu. Bồ-tát nhờ dùng sức phương tiện nên ở trong chỗ không có sở hữu mà kéo chúng sinh ra khỏi.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Chỗ phàm phu đắm trước phải chăng có thật chẳng khác? Chỉ vì đắm trước nên tạo nghiệp, do nhân duyên của nghiệp nên không thoát khỏi năm đường sinh tử?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Chỗ phàm phu đắm trước, khởi nghiệp thật sự không có mảy may như lông tóc, mà chỉ do điên đảo nên thấy có. Nay Ta vì ông nói ví dụ, người trí do ví dụ mà được hiểu. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, như trong mộng thấy người hưởng thọ cái vui năm dục, thật có nơi chốn chăng?

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Mộng còn hư dối, không thể có được, huống nữa là ở trong mộng hưởng vui năm dục!

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, các pháp hoặc hữu lậu, vô lậu, hoặc hữu vi, vô vi, phải chăng có pháp nào không như mộng?

Bạch đức Thế Tôn! Các pháp hoặc hữu lậu, vô lậu, hoặc hữu vi, vô vi, không có pháp nào không như mộng.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao, trong mộng có qua lại năm đường sinh tử chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn!

Ý ông nghĩ sao, trong mộng có tu đạo, dùng tu đạo ấy hoặc vướng nhơ, hoặc được sạch chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì mộng không có thật sự, không thể nói nhơ sạch.

Ý ông nghĩ sao, tượng trong gương thật sự có khởi tạo nghiệp nhân duyên, và do nhân duyên của nghiệp ấy mà đọa vào địa ngục, ngạ quỉ,

, súc sinh, hoặc làm người, trời Bốn thiên vương cho đến trời Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ chăng?

Tu-bồ-đề đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn! Tượng ấy không có thật sự, chỉ dối trẻ nít thì việc ấy làm sao có nghiệp duyên, do nghiệp duyên ấy sẽ đọa vào địa ngục cho đến sinh vào cõi trời Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng được!

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, tượng trong gương có tu đạo, dùng tu đạo ấy hoặc vướng nhơ, hoặc được sạch chăng?

Tu-bồ-đề đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì tượng trong gương là không, không có thật sự, không thể nói là nhơ, sạch.

Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như trong hang sâu có tiếng vang, tiếng vang ấy có nhân duyên tạo nghiệp, do nghiệp duyên ấy hoặc đọa địa ngục cho đến sinh cõi trời Phi-hữu-tưởng, Phi-vô-tưởng chăng?

Tu-bồ-đề đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn! Việc ấy là không, không thật có âm thanh, làm sao có nghiệp duyên, do nghiệp duyên ấy đọa địa ngục cho đến sinh vào cõi trời Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng?

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, tiếng vang ấy vả chăng có tu đạo, dùng tu đạo ấy hoặc vướng nhơ, hoặc được sạch chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn! Việc ấy không thật, không thể có nhơ, sạch.

Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao, sóng nắng chẳng phải tướng nước, chẳng phải tướng sông; sóng nắng ấy vả chăng có nhân duyên tạo nghiệp, do nghiệp duyên ấy mà đọa vào địa ngục cho đến sinh vào cõi trời Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng?

Thưa không, bạch Thế Tôn! Nước trong sóng nắng ấy rốt ráo không thể có được, chỉ dối hoặc mắt người vô trí thì làm sao có nghiệp nhân duyên, do nghiệp ấy đọa địa ngục cho đến sinh cõi trời Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng?

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, sóng nắng ấy có tu đạo, do tu đạo ấy hoặc vấy nhơ hoặc được sạch chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn! Sóng nắng ấy không có thật sự, không thể nói là nhơ sạch.

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, thành Càn-thát-bà, như khi mặt trời mọc có thành Càn-thát-bà; đối với người vô trí nôi chỗ không có thành tưởng có thành, nôi chỗ không có quán xá tưởng có quán xá, nôi chỗ không có vườn tưởng có vườn; thành Càn-thát-bà ấy vả chăng có tạo nghiệp nhân duyên, do nghiệp ấy nên đọa địa ngục cho đến sinh cõi trời Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn! Thành Càn-thát-bà ấy rốt ráo không thể có được, chỉ dối hoặc mắt người ngu, thì làm sao có tạo nghiệp nhân duyên, do nghiệp ấy đọa địa ngục cho đến sinh cõi trời Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng!

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, thành Càn-thát-bà ấy có tu đạo, do tu đạo ấy hoặc vấy nhơ, hoặc được sạch chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn! Thành Càn-thát-bà ấy không có thật sự nên không thể nói là có nhơ sạch.

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, vị thầy huyễn thuật huyễn làm ra các vật hoặc là voi ngựa, trâu dê, trai gái v.v... Ý ông nghĩ sao, các vật huyễn ấy có tạo nghiệp nhân duyên, do nghiệp ấy mà đọa địa ngục cho đến sinh cõi trời Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn! Vật huyễn hóa ấy không có thật sự thì làm sao có tạo nghiệp nhân duyên, do nghiệp ấy nên đọa địa ngục cho đến sinh cõi trời Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng!

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, các vật huyễn ấy có tu đạo, do tu đạo ấy hoặc vấy nhơ hoặc được sạch chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn! Vật huyễn ấy không có thật sự, nên không thể nói là nhơ sạch.

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, như người của Phật biến hóa, người biến hóa ấy có tạo nghiệp nhân duyên, do nghiệp ấy mà đọa địa ngục cho đến sinh cõi trời Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn! Người biến hóa ấy không có thật sự thì làm sao có tạo nghiệp nhân duyên, do nghiệp ấy mà đọa địa ngục cho đến sinh cõi trời Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng.

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, người biến hóa ấy có tu đạo, do tu đạo ấy hoặc vấy nhơ hoặc được sạch chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn! Việc ấy không có thật nên không thể nói

là nhơ, sạch.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao, ở trong tướng không ấy có kẻ nhơ, người sạch chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn! Trong ấy không có sở hữu, không có người vấy nhơ, không có người được sạch.

Này Tu-bồ-đề! Nếu không có kẻ vấy nhơ, không có người được sạch, và vì nhân duyên ấy nên cũng không có nhơ, sạch là vì sao? Vì chúng sinh do chấp ngã và ngã sở nên có nhơ, có sạch, chứ người thật thấy thì không nhơ, không sạch. Người thật thấy không nhơ, không sạch như vậy cũng không có nhơ, sạch.

LUẬN: Hỏi: Ở nhiều nôi Phật đã đáp việc ấy, nay cớ sao Tu-bồ-đề còn hỏi:

Đáp: Nghĩa tuy một mà chỗ nhân duyên có sai khác. Nghĩa là hết thảy pháp, hoặc có Phật hay không có Phật thì thật tính của các pháp vẫn thường trú: Không, không có sở hữu, chẳng phải Hiền Thánh làm ra. Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa vi diệu, khó lường khó hiểu, không thể lấy hữu lường mà biết được. Chư Phật, Hiền Thánh vì thương xót chúng sinh nên dùng mỗi mỗi ngôn ngữ, danh từ, thí dụ để nói cho họ hiểu. Người lợi căn thì hiểu ý Thánh nhân còn người độn căn thì mỗi mỗi sinh ra chấp trước. Chấp trước nôi ngôn ngữ, văn tự nên hoặc nghe nói không thì chấp trước không, nghe nói không cũng không thì sinh ra chấp trước; hoặc nghe nói pháp tịch diệt bặt dứt đường ngôn ngữ thì cũng lại chấp trước. Vì tự tâm không thanh tịnh nên nghe pháp của thánh nhân cho là không thanh tịnh; như người mắt lòa nhìn ngọc trong suốt, thấy bóng con mắt lòa của mình trong ấy liền cho rằng ngọc không sạch. Phật dùng mỗi mỗi nhân duyên thuyết pháp, chúng sinh thấy có lỗi nên sinh nghi, nói rằng: Nếu hết thảy pháp không, không cũng không, thì làm sao phân biệt có sáu đường? Vì thường sinh nghi nạn như vậy nên Tu-bồ-đề do thấy thời giảng kinh sắp hết, vì thương chúng sinh nên mỗi mỗi hỏi về việc ấy. Vì thế lập đi lập lại hỏi nhiều lần. Phật hứa khả ý của Tu-bồ-đề.

Hỏi: Tu-bồ-đề lấy có mà nạn không, cớ sao Phật hứa khả ý ấy?

Đáp: Phật chỉ hứa khả Tu-bồ-đề nói "Các pháp không, thường trú dù có Phật hay không có Phật vẫn không sai khác", chứ không hứa khả Tu-bồ-đề về vấn nạn: "Làm sao phân biệt có sáu đường". Vì sao? Vì ông ấy vấn nạn để muốn phá tính Không vậy. Trong đây Phật giải chỗ nạn vấn của Tu-bồ-đề rằng: Người phàm phu không vào thánh pháp, chưa được thánh đạo, không biết tự tính Không có sở hữu, không khéo tu tập Không tam-

muội nên phân biệt có sáu đường.

Điên đảo là có bốn điên đảo.

Ngu si là vô minh ràng buộc vào ba cõi.

Tuy không nói các phiền não khác nhưng hai pháp điên đảo và ngu si đều là hư dối không thật. Điên đảo tức là vọng ngữ hư dối, như nghiệp và quả báo từ điên đảo mà sinh ra. Vì căn gốc không có thật nên chúng sinh tuy nhiễm trước mà cũng chắc chắn không có thật; vì thế nên năm đạo đều không, chỉ có giả danh.

Lại, ông nạn các Hiền Thánh. Các Hiền Thánh vì dứt điên đảo sai biệt nên có tên gọi khác nhau, vì điên đảo không có thật nên không có gì dứt. Lại, diệt mất không có sở hữu nên gọi là dứt. Nếu có thật pháp có thể dứt mà còn không có cách gì dứt được, huống nữa là điên đảo! Thế nên tất cả quả vị của Hiền Thánh đều không có sở hữu. Dứt điên đảo là quả Hiền Thánh, nên quả tức là dứt. Vì quả của tu đạo cũng đồng không có sở hữu, thế nên khi tu đạo, chắc chắn dùng Không, Vô tướng, Vô tác, vì đạo và quả phân biệt mà có Hiền và Thánh sai khác. Nay ở đây pháp không có sở hữu thật sự không thể có được; không có sở hữu thì làm sao có sai khác? Thế nên không nên vấn nạn.

Ý Tu-bồ-đề muốn nói: Nếu chỉ vì điên đảo nên có thế gian, nếu đã có điên đảo thì cũng nên có sự thật, vì hư và thật đối đãi nhau! Thế nên hỏi: Chỗ phàm phu đắm trước phải chăng thật có sinh ra chấp trước, tạo nghiệp, và do nghiệp duyên ấy nên không giải thoát khỏi sáu đường sinh tử?

Phật đáp: Không. Vì sao? Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Chỉ vì điên đảo nên sinh ra chấp trước; nếu không có điên đảo thì làm sao có thật pháp đối đãi nhau, cho đến thật sự mảy may không có, vì rốt ráo không có.

Hỏi: Đây là thật nghĩa sở hành của chư Phật, tức là rốt ráo không, vậy rốt ráo không ấy chẳng phải thật ư?

Đáp: Đây là đệ nhất nghĩa Không, cũng vì phàm phu điên đảo mà nói. Nếu không có điên đảo, cũng không có đệ nhất nghĩa; nếu cho rằng điên đảo của phàm phu ít nhiều có thật thì đệ nhất nghĩa cũng nên có thật!

Hỏi: Nếu cả hai đều không thật thì làm thế nào được giải thoát?

Như người tay nhơ lại rửa nước nhơ, làm sao sạch được?

Đáp: Thật tướng các pháp rốt ráo không, đó là thật sự thanh tịnh bậc nhất. Vì có pháp điên đảo không thanh tịnh của phàm phu nên có pháp thanh tịnh này; không thể phá hoại, không thể đổi khác. Vì người đối với thật tướng các pháp sinh ra chấp trước, muốn sinh phiền não, nên nói pháp

tính ấy Không, không có sở hữu, do không có sở hữu nên không thật. Tuy hai pháp đều không thật mà trong sự không thật có sai khác; như mười điều thiện và mười điều bất thiện, hai việc đều là pháp hữu vi nên hư dối không thật. Nhưng thiện và bất thiện có sai khác: Bất thiện là sát sinh v.v... nên đọa ác đạo; thiện là không sát sinh v.v... nên sinh cõi trời. Như bố thí và trộm cắp là hai việc, tuy đều là tâm chấp thủ tướng, hư dối không thật, mà cũng có sai khác. Như chúng sinh cho đến kẻ biết, kẻ thấy, không có sở hữu, mà bức não đối với chúng sinh thì có tội lớn và từ bi với chúng sinh thì có phước lớn. Như từ bi phá sân hận, bố thí phá xan tham, tuy hai việc đều không thật mà có thể phá nhau. Thế nên Phật nói các pháp không có sở hữu căn bản chắc thật như mảy lông. Để chứng minh việc ấy nên Phật ví dụ: Như ở trong mộng mà hưởng thọ cái vui năm dục.

Ý Tu-bồ-đề muốn nói: Nếu hết thảy pháp là rốt ráo không, không có tính sở hữu, cớ sao nay hiện có mắt thấy, tai nghe pháp? Vì thế mà Phật nói ví dụ như mộng: Như người do sức mộng nên tuy việc không thật mà mỗi mỗi có nghe, thấy; chỗ giận, chỗ mừng v.v... người thức ở một bên thì cũng không thấy gì. Như vậy, phàm phu do sức vô minh điên đảo nên vọng thấy có, còn Thánh nhân giác ngộ thì không thấy gì. Hết thảy pháp hoặc hữu lậu vô lậu, hoặc hữu vi, vô vi đều không thật; vì hư dối nên có nghe, thấy. Lại như trong mộng thấy qua lại sáu đường sinh tử, thấy Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, trong mộng không thật có các việc ấy mà mộng vẫn thấy; trong mộng không thật có sạch nhơ, nghiệp quả báo sáu đường cũng như vậy. Vì nhân duyên điên đảo nên tạo nghiệp; nghiệp và quả báo cũng không, chỉ vì trừ điên đảo mà gọi là đạo. Điên đảo không thật nên đạo cũng không thật. Tượng trong gương, tiếng vang, sóng nắng cho đến như huyễn hóa cũng vậy. Phật hỏi ngược lại Tu-bồ-đề: Trong pháp ấy có kẻ nhơ kẻ sạch chăng? Ý Tu-bồ-đề nói: Hết thảy pháp vô ngã thì làm sao có kẻ nhơ, kẻ sạch; thế cho nên trả lời là không. Phật dạy: Nếu không có người chịu nhơ, sạch, vậy nên nhơ sạch cũng không có!

Hỏi: Nếu phân biệt các pháp theo như trong A-tỳ-đàm nói thì có nhơ có sạch, chỉ người chịu nhơ chịu sạch không có: Phiền não ba độc là nhơ; ba môn giải thoát, các pháp trợ đạo là sạch?

Đáp: Tuy có nói như vậy mà việc ấy không đúng. Vì nếu không có chúng sinh thì pháp nhơ, sạch thuộc về cái gì? Cũng không có người làm? Nếu không có người làm, cũng không có pháp làm, nên không trói không mở? Như người sợ bị lửa đốt mà tránh xa, chứ chẳng phải lửa tránh lửa. Chúng sinh cũng như vậy, sợ khổ năm uẩn nên lìa bỏ, chẳng phải khổ lìa

khổ. Nếu không có người nhơ, người sạch thì giải thoát cũng không có.

Lại nữa, trong đây Phật tự nói nhân duyên: Vì ở trong ngã và ngã sở mà chúng sinh chịu nhơ chịu sạch; vì ngã rốt ráo không có nên nhơ sạch không có chỗ trú; chỗ trú không có nên không nhơ, không sạch.

Hỏi: Ngã tuy không có mà ngã kiến thật có, phàm phu ở nôi đó khởi lên các phiền não?

Đáp: Nếu không có ngã thì ngã kiến không có chỗ duyên; không có chỗ duyên thì làm sao phát sinh ngã kiến?

Hỏi: Tuy không có ngã, song đối với năm uẩn có tà hạnh cho là có ngã nên sinh ngã kiến, và năm uẩn là ngã, ngã sở?

Đáp: Nếu cho năm uẩn chắc chắn là nhân duyên sinh ra ngã kiến, vậy đối với năm uẩn của thân người khác cớ sao không sinh ra ngã kiến? Nếu đối với thân người khác sinh ngã kiến thì là rối loạn lớn! Thế nên ngã kiến không có nơi chốn nhất định, chỉ vì điên đảo mà phát sinh.

Hỏi: Nếu vì điên đảo mà phát sinh, thì cớ sao chỉ đối với thân mình sinh ra ngã kiến?

Đáp: Vì điên đảo cuồng quấy nên không tìm sự thật của nó. Lại, từ sinh tử vô thỉ lại đây tự mình đối với thân năm uẩn tương tục mà sinh ra chấp trước, thế nên Phật nói chúng sinh tâm trụ vào chấp ngã nên chịu nhơ, sạch. Lại, thật thấy là không có nhơ, không có sạch. Nếu ngã chắc chắn thấy thật có thì nên có nhơ sạch, còn như thật mà thấy thì không nhơ không sạch. Vì nhân duyên ấy nên không nhơ không sạch, thấy không nhơ không sạch là thấy thật tướng các pháp. Lại vì đối với thật tướng các pháp không có chấp trước, thế nên không nhơ; thật tướng các pháp không có tướng có thể chấp thủ, nên cũng không sạch.

Lại nữa, đối với tám phần thánh đạo v.v... không mà chấp trước, ấy gọi là không sạch; trừ các phiền não như chấp trước điên đảo v.v..., ấy gọi là không nhơ.

----oOo------

GIẢI THÍCH PHẨM TÁM MƯƠI SÁU: BÌNH ĐẲNG

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Thấy như thật là không có nhơ, không có sạch, thấy không như thật cũng không có nhơ, không có sạch. Vì sao? Vì hết thảy pháp tính Không có sở hữu. Bạch đức Thế Tôn! Trong pháp không có sở hữu không có nhơ, không có sạch; trong pháp có sở hữu cũng không có nhơ, không có sạch; trong pháp không có

sở hữu, có sở hữu cũng không có nhơ, không có sạch. Bạch đức Thế Tôn! Vì sao nói như thật là không nhơ, không sạch, nói không như thật cũng không nhơ, không sạch?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Vì các pháp ấy là tướng bình đẳng nên Ta nói sạch. Thế nào là các pháp bình đẳng? Đó là như như, không khác, không cuống, pháp tướng, pháp tính, pháp trụ, pháp vị, thật tế, dù có Phật hay không có Phật thì pháp tính ấy vẫn thường trú; ấy gọi là sạch, vì đây là theo thế đế nên nói, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa thì vượt qua hết thảy ngôn ngữ, âm thanh, luận nghị.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp là không, không thể nói, như mộng, như tiếng vang, như sóng nắng, như ảnh, như huyễn, như hóa thì Bồ-tát làm thế nào dùng pháp như mộng, như tiếng vang, như sóng nắng, như ảnh, như huyễn, như hóa ấy? Căn gốc chắc thật không có thì làm sao phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nguyện rằng ta sẽ đầy đủ Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật; ta sẽ đầy đủ thần thông Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo; ta sẽ đầy đủ ba môn giải thoát, tám bội xả cho đến mười tám pháp không chung; ta sẽ đầy đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, các môn Đà-la-ni, các môn tam-muội; ta sẽ phóng hào quang lớn chiếu khắp mười phương, biết tâm các chúng sinh theo điều thích ứng thuyết pháp?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao, các pháp ông nói đó như mộng, như tiếng vang, như sóng nắng, như ảnh chăng? Năm thần thông, bốn niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo như huyễn như hóa chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Đúng vậy, bạch Thế Tôn!

Nếu hết thảy pháp như mộng cho đến như hóa, thì Bồ-tát làm thế nào hành Bát-nhã Ba-la-mật, vì mộng cho đến như hóa đều hư vọng, không thật? Bạch đức Thế Tôn! Không nên dùng pháp hư vọng không thật, mà có thể đầy đủ sáu Ba-la-mật cho đến mười tám pháp không chung?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Pháp hư vọng không thật thì không thể đầy đủ Thí Ba-la-mật cho đến mười tám pháp không chung; hành pháp hư vọng không thật ấy thì không thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Hết thảy pháp đều do ức tưởng, suy nghĩ, tạo tác, dùng pháp tạo tác và suy nghĩ ức tưởng ấy không thể được trí Nhất thiết chủng. Này Tu-bồ-đề! Hết thảy pháp có thể làm trợ đạo, không thể tăng ích quả vị kia; nghĩa là các pháp ấy không sinh, không xuất, không tướng. Bồ-tát từ khi mới phát tâm lại đây làm các nghiệp lành: Hoặc bố thí,

cho đến trí Nhất thiết chủng. Vì sao? Vì biết các pháp đều như mộng cho đến như hóa. Các pháp như vậy không đầy đủ Thí Ba-la-mật cho đến trí Nhất thiết chủng; không thể thành tựu được tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát làm các nghiệp lành như Thí Ba-la-mật cho đến trí Nhất thiết chủng, biết như mộng cho đến như hóa, cũng biết chúng sinh như đi trong mộng cho đến biết như đi trong hóa. Bồ-tát không chấp thủ Bát-nhã Ba-la-mật là pháp có, dùng không chấp thủ ấy nên được trí Nhất thiết chủng; biết các pháp như mộng, không có chỗ chấp thủ, cho đến các pháp như hóa, không có chỗ chấp thủ. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật là tướng không thể chấp thủ; Thiền Ba-la-mật cho đến mười tám pháp không chung là tướng không thể chấp thủ. Bồ-tát biết hết thảy pháp là tướng không thể chấp thủ rồi phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì hết thảy pháp tướng không thể chấp thủ, không có căn bản chắc thật nên như mộng cho đến như hóa. Dùng pháp tướng không thể chấp thủ không thể được pháp tướng không thể chấp thủ, chỉ vì chúng sinh không biết không thấy các pháp tướng như vậy, nên Bồ-tát cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát từ khi mới phát tâm lại đây có bố thí gì đều vì hết thảy chúng sinh, cho đến có tu tập trí tuệ đều vì hết thảy chúng sinh, không vì thân mình. Bồ-tát không vì việc gì khác nên cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà chỉ vì chúng sinh. Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật thấy chúng sinh không có chúng sinh, trú trong tướng chúng sinh, cho đến không có kẻ biết kẻ thấy, trú trong tướng biết thấy, khiến chúng sinh xa lìa điên đảo, xa lìa rồi an trú trong tính cam lồ; an trú trong ấy không có vọng tưởng; cho rằng đó là tướng chúng sinh cho đến tướng kẻ biết kẻ thấy. Khi ấy Bồ-tát đều xả hết tâm động, tâm nhớ nghĩ, tâm hý luận; thường hành tâm không động, tâm không nhớ nghĩ, tâm không hý luận. Nhờ sức Phật ấy nên Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật tự mình không có dính mắc, cũng dạy hết thảy chúng sinh khiến không được dính mắc. Ở đây là nói theo nghĩa thế đế, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Khi Thế Tôn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được các Phật pháp, do thế đế nên được hay do đệ nhất nghĩa nên được?

Phật dạy: Do thế đế mà nói Phật được pháp ấy, chứ trong pháp ấy không có pháp có thể được và không có người ấy được pháp ấy. Vì sao? Có người ấy được pháp ấy thì là có sở đắc lớn; dùng hai sở đắc ấy thì không có đạo, không có quả.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hành hai pháp ấy không có đạo, không có quả thì hành không hai pháp có đạo, có quả chăng?

Phật dạy: Hành hai pháp không có đạo không có quả, hành không hai pháp cũng không có đạo không có quả. Nếu không có hai pháp và không có không hai pháp tức là đạo, tức là quả. Vì sao? Vì dùng pháp như vậy được đạo, được quả, hay dùng pháp như vậy không được đạo, không được quả, đều là hý luận. Trong các pháp bình đẳng không có hý luận, tướng không có hý luận là tướng bình đẳng của các pháp.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp không có tính sở hữu thì trong ấy cái gì là bình đẳng?

Phật dạy: Nếu không có pháp có, không có pháp không, cũng không nói tướng các pháp bình đẳng, trừ bình đẳng lại không có pháp khác, lìa ngoài tướng bình đẳng của hết thảy pháp. Bình đẳng là hoặc phàm phu, hoặc Thánh nhân không thể hành, không thể đến.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Cho đến Phật cũng không thể hành, không thể đến ư?

Phật dạy: Các pháp ấy bình đẳng. Hết thảy Thánh nhân đều không thể hành, cũng không thể đến; đó là các Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật, các Bồ-tát và Phật.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Phật là bậc có sức tự tại hành đối với tất cả pháp, vì sao nói Phật không thể hành, không thể đến?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu chư Phật đối với pháp bình đẳng có khác nhau thì ông nên hỏi như vậy. Nay người phàm phu bình đẳng, các Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật, các Bồ-tát, chư Phật và thánh pháp đều bình đẳng, một bình đẳng không có hai. Nghĩa là người phàm phu và Tu-đà-hoàn cho đến Phật, hết thảy pháp ấy trọn đều không thể có được.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Nếu trong các pháp bình đẳng đều không thể có được đây là phàm phu cho đến đây là Phật, như vậy thì người phàm phu, Tu-đà-hoàn cho đến Phật không có phân biệt. Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Trong các pháp bình đẳng, không có phân biệt đây là phàm phu, là Tu-đà-hoàn cho đến Phật.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu không có phân biệt những người phàm phu, Tu-đà-hoàn, Bích-chi Phật v.v... thì vì sao phân biệt có Tam bảo xuất hiện ở thế gian là Phật bảo, Pháp bảo, và Tăng bảo?

Phật dạy: Ý ông nghĩ sao, Tam bảo và các pháp bình đẳng có khác nhau chăng?

Tu-bồ-đề đáp: Như con theo Phật được nghe Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo cùng với các pháp bình đẳng không có sai khác. Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo là bình đẳng, pháp ấy đều không hợp, không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ một tướng tức là vô tướng. Phật có lực ấy nên có thể phân biệt xứ sở các pháp vô tướng: Đây là phàm phu, đây là Tu-đà-hoàn cho đến đây là Bích-chi Phật, đây là Bồ-tát, đây là chư Phật.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Chư Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không phân biệt các pháp nên biết đây là địa ngục, đây là ngạ quỷ, súc sinh, người, trời, trời Bốn thiên vương cho đến trời Tha hóa tự tại, trời Phạm thiên cho đến trời Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng; là bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo, là nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, là mười lực của Phật cho đến mười tám pháp không chung chăng?

Tu-bồ-đề đáp: Không biết, bạch Thế Tôn!

Vì thế, Này Tu-bồ-đề! Nên biết Phật có ân lớn, Phật đối với các pháp bình đẳng, không lay động, mà phân biệt các pháp.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Như Phật đối với các pháp bình đẳng không lay động, người phàm phu đối với các pháp bình đẳng không lay động; Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi Phật cũng đối với các pháp bình đẳng không lay động; nếu tướng các pháp bình đẳng tức là tướng phàm phu, tức là tướng Tu-đà-hoàn cho đến chư Phật, tức là tướng bình đẳng, nhưng nay các pháp mỗi mỗi tướng có sai khác: tướng sắc khác; tướng thọ, tưởng, hành thức khác; mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý khác; tướng đất khác; tướng nước, lửa, gió, không, thức khác; tướng tham dục khác; tướng sân nhuế, ngu si, tà kiến khác; tướng thiền khác; tướng tâm vô lượng khác, tướng định vô sắc khác, tướng bốn niệm xứ khác, cho đến tướng tám phần thánh đạo khác; tướng Thí Ba-la-mật khác, cho đến tướng Bát-nhã Ba-la-mật khác; tướng ba môn giải thoát, mười tám không, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, tính pháp hữu vi, tính pháp vô vi tướng khác; tướng phàm phu khác, cho đến tướng Phật khác. Các pháp có mỗi mỗi tướng khác, thì làm thế nào Bồ-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, phân biệt đối với tướng các pháp khác mà không khởi phân biệt? Nếu không khởi, thì không thể hành Bát-nhã Ba-la-mật? Nếu không hành Bát-nhã Ba-la-mật thì không thể từ một địa đến một địa? Nếu không thể từ một địa đến một địa thì không thể vào địa vị Bồ-tát? Nếu không vào địa vị Bồ-tát thì không thể vượt qua địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật? Vì không thể vượt qua địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật nên không

thể đầy đủ thần thông Ba-la-mật? Không thể đầy đủ thần thông Ba-la-mật nên không thể đầy đủ Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, từ một cõi Phật đến một cõi Phật cúng dường chư Phật, ở chỗ chư Phật gieo trồng căn lành, dùng căn lành ấy có thể thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Như lời ông hỏi, tướng các pháp ấy cũng là tướng phàm phu, cũng là tướng Tu-đà-hoàn cho đến Phật.

Bạch đức Thế Tôn! Các pháp ấy mỗi mỗi tướng khác nhau, nghĩa là tướng sắc khác cho đến tướng pháp hữu vi, vô vi khác, làm thế nào Bồ-tát quán một tướng mà không khởi phân biệt?

Phật dạy: Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, tướng sắc là không chăng?

Cho đến tướng Phật là không chăng?

Thật không, bạch Thế Tôn!

Này Tu-bồ-đề! Trong không, tướng mỗi mỗi pháp có thể có được chăng? Nghĩa là có thể có được tướng sắc cho đến tướng chư Phật?

Tu-bồ-đề thưa: Không có thể được.

Phật dạy: Vì nhân duyên ấy nên biết trong các pháp bình đẳng, chẳng phải phàm phu, cũng chẳng phải lìa phàm phu, cho đến chẳng phải Phật cũng chẳng phải lìa Phật.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bình đẳng ấy là pháp hữu vi hay pháp vô vi? Phật dạy: Chẳng phải hữu vi, cũng chẳng phải pháp vô vi. Vì sao?

Vì lìa pháp hữu vi thì pháp vô vi không thể có được; lìa pháp vô vi thì pháp hữu vi không thể có được. Này Tu-bồ-đề! Tính hữu vi, vô vi, hai pháp ấy không hợp không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ một tướng tức là vô tướng. Phật do thế đế nên nói, chẳng phải do đệ nhất nghĩa đế, vì trong đệ nhất nghĩa không có thân hành, không có miệng hành, không có ý hành; cũng chẳng lìa thân, miệng, ý hành mà được đệ nhất nghĩa. Các pháp hữu vi, vô vi ấy là tướng bình đẳng, tức là đệ nhất nghĩa.

Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, đối với đệ nhất nghĩa không lay động mà hành việc của Bồ-tát, lợi ích chúng sinh.

LUẬN: Tu-bồ-đề suy nghĩ: Phật đáp người thật thấy và người vọng thấy không khác nhau, vì nhơ hay sạch đều thấy không có. Suy nghĩ rồi hỏi Phật rằng: Người thấy thật không nhơ không sạch; người thấy không thật cũng không nhơ không sạch, vì hết thảy pháp tính Không có sở hữu. Trong không có sở hữu, không nhơ, không sạch, trong có sở hữu cũng không nhơ, không sạch. Vì trong không có sở hữu là đoạn diệt kiến cho nên chẳng nên

có nhơ sạch, trong sở hữu là thường kiến thì chẳng nên có nhơ sạch. Nếu trong sở hữu chắc chắn là có, thì không từ nhân duyên mà sinh. Vì không từ nhân duyên mà sinh nên thường, vì thường cho nên không có nhơ, sạch.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thật thấy và không thật thấy, nghĩa ấy thế nào?

Phật dạy: Nhơ và sạch tuy không có tướng riêng có thể nói, song vì

các pháp bình đẳng nên gọi là sạch; nếu phân biệt nói tướng nhơ sạch thì việc ấy không đúng. Vì hết thảy pháp bình đẳng nên ta nói là sạch.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Thật tướng các pháp là như như, pháp tính, pháp trụ, pháp vị, thật tế là bình đẳng. Bồ-tát vào trong bình đẳng ấy thì tâm không thương ghét. Pháp ấy dù có Phật hay không có Phật vẫn thường trú. Các pháp tạo tác đều là hư vọng, thế nên nói pháp không có tạo tác dù có Phật hay không có Phật vẫn thường trú. Người nghe tâm liền sinh ra chấp thủ tướng, chấp trước các bình đẳng ấy; như người lấy tay chỉ mặt trăng, kẻ không biết chỉ xem ngón tay mà cho là xem mặt trăng. Thế nên Phật nói tướng các pháp bình đẳng cũng như vậy, đều là theo thế đế mà nói. Thế đế chẳng thật, chỉ vì muốn được việc nên nói; thí như lấy vàng đổi cỏ, người không biết nói vì sao lấy quý đổi hèn? Đáp rằng: Vì tôi cần dùng nó. Nghĩa bình đẳng ấy không thể nói; hết thảy ngôn ngữ, danh từ, âm thanh đều dứt. Vì sao? Vì các pháp bình đẳng, là tướng tịch diệt, không có hý luận, chỉ ở trong tâm tán loạn giác quán, vì có ngữ ngôn nên có nói. Tu-bồ-đề theo Phật nghe nói tướng các pháp bình đẳng, hiểu được ý chỉ nên vì các hàng Bồ-tát mới phát tâm mà hỏi rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp là không, không thể nói, như mộng cho đến như hóa, thì Bồ-tát làm thế nào ở trong pháp không có căn bản ấy mà sinh tâm nguyện rằng: Tôi sẽ đầy đủ Thí Ba-la-mật cho đến sẽ vì chúng sinh như điều họ mong muốn mà thuyết pháp?

Phật đáp bằng cách hỏi ngược lại Tu-bồ-đề rằng: Bố thí, cho đến môn Đà-la-ni nói là bình đẳng, thì các pháp ấy chẳng phải như huyễn, như mộng chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Thật vậy. Các pháp ấy tuy lợi ích mà không ra khỏi như mộng.

Lại hỏi: Bạch đức Thế Tôn! Mộng đều hư dối không thật, Bồ-tát vì cầu thật pháp nên hành Bát-nhã được Phật đạo, cớ sao lại hành pháp không thật; vì pháp không thật không thể hành Thí Ba-la-mật?

Phật chấp nhận lời Tu-bồ-đề nói: Đúng vậy, đúng vậy! Pháp bố thí v.v... đều là do suy nghĩ ức tưởng phân biệt mà sinh khởi, thành pháp có tạo tác, không được trú trong pháp như vậy mà thành trí Nhất thiết chủng.

Tức thì thính chúng tâm sinh ra giải đãi. Thế nên Phật lại nói: Hết thảy pháp ấy đều là nhân duyên trợ đạo; đối với pháp tà hạnh sai quấy, thì gọi là không thật; nếu chánh hành không sai quấy, thì đó là pháp trợ đạo. Pháp ấy là trợ đạo, không phải là đạo quả... là pháp hữu vi, đạo cũng là hữu vi, đồng tướng nên giúp ích nhau.

Đạo quả là các pháp thật; không xuất, không sinh, một tướng là vô tướng, tịch diệt Niết-bàn; thế nên đối với Niết-bàn, pháp ấy không có giúp ích; như mưa đúng thời giúp ích cây cỏ, không giúp ích hư không. Do vậy Bồ-tát biết pháp trợ đạo và đạo quả ấy, từ khi mới phát tâm lại đây tu các pháp lành bố thí v.v.. biết đều là rốt ráo không, như mộng cho đến như hóa.

Hỏi: Nếu Bồ-tát biết thật tướng các pháp thì cần gì tu bố thí?

Đáp: Trong đây Phật tự nói: Bố thí v.v.. không đầy đủ thì không thể thành tựu tuệ giác cho chúng sinh. Bồ-tát trang nghiêm thân và dùng âm thanh ngôn ngữ, được sức thần thông của Phật, dùng các sức phương tiện mới có thể dẫn dắt chúng sinh. Thế nên Bồ-tát vì thành tựu tuệ giác cho chúng sinh nên hành Thí Ba-la-mật, cũng không thủ tướng Thí Ba-la-mật hoặc có hoặc không có tướng, cũng không hý luận các pháp như mộng, chánh hành cho đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật không thể thủ tướng, cho đến mười tám pháp không chung cũng không thể thủ tướng. Vì biết hết thảy pháp là không thể thủ tướng cho nên phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nghĩ rằng: Hết thảy không có căn gốc không thể thủ tướng như mộng cho đến như hóa. Vì pháp không thể thủ tướng, không thể được pháp không thể thủ tướng, chỉ do chúng sinh không biết pháp ấy nên ta vì chúng sinh ấy cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát ấy từ khi mới phát tâm lại đây, có bố thí gì đều vì chúng sinh, nghĩa là làm pháp lành bố thí vì hết thảy chúng sinh nên tu, chứ không vì thân mình.

Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Không vì các việc khác mà cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà chỉ vì chúng sinh. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát xa lìa tâm thương xót chúng sinh, chỉ hành Bát-nhã Ba-la-mật mà cầu thật tướng các pháp, thì hoặc bị rơi vào tà kiến, người ấy chưa được Nhất thiết trí mà cầu việc Nhất thiết trí, tâm chưa nhu nhuyến nên bị rơi vào hai bên, khó được thật tướng các pháp. Thế nên Phật nói: Bồ-tát từ khi mới phát tâm, vì thương xót chúng sinh nên tâm chấp trước dần dần mỏng, không hý luận về rốt ráo không; nếu như bảo không thì có lỗi này, nếu chẳng không thì có lỗi kia.

Hỏi: Như các chỗ khác nói Bồ-tát tự mình làm lợi ích, cũng làm lợi

ích chúng sinh, cớ gì trong đây chỉ nói lợi ích chúng sinh, không nói lợi ích mình; vậy làm lợi ích mình, lợi ích người có lỗi gì?

Đáp: Bồ-tát hành các pháp lành đều vì hết thảy chúng sinh, điều ấy là thật. Các nơi khác nói tự mình làm lợi ích, cũng lợi chúng sinh là vì đối với người phàm phu nên nói lời ấy, sau đó họ mới có thể dạy hành đạo Bồ-tát. Người vào đạo có ba bậc hạ, trung và thượng. Bậc hạ chỉ vì tự độ nên hành pháp lành; bậc trung vì mình cũng vì người; bậc thượng chỉ vì người khác nên hành pháp lành.

Hỏi: Việc ấy không đúng. Bậc hạ chỉ tự vì mình; bậc trung chỉ vì chúng sinh; bậc thượng vì lợi mình và lợi người; nếu chỉ làm lợi người, không thể tự làm lợi mình thì sao nói là bậc thượng?

Đáp: Không phải vậy. Pháp của thế gian như vầy: Tự cúng dường mình không có phước đức và tự hại thân mình cũng không mắc tội; vì lẽ ấy nên tự làm lợi mình mà hành đạo gọi là bậc hạ. Tất cả người đời chỉ vì tự lợi thân mình, không thể lợi người. Nếu tự vì thân mình mà hành đạo thì là sút giảm, vì tự ưa đắm mình. Nếu có thể tự xả cái vui của mình, chỉ vì chúng sinh nên hành pháp lành thì đó mới là người bậc thượng, vì khác với chúng sinh vậy. Nếu chỉ vì chúng sinh nên hành pháp lành mà chúng sinh chưa được thuần thục, thì cũng là đầy đủ tự lợi. Nếu lợi ích mình, lại cũng vì chúng sinh, thì ấy là hành tạp hành.

Người cầu Phật đạo có ba hạng: Một là chỉ ưa niệm Phật, tự cầu lợi mình, được thành Phật; hai là vì thân mình, cũng vì chúng sinh; ba là chỉ vì chúng sinh, người ấy thanh tịnh hành đạo, phá được điên đảo chấp ngã. Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật không thấy có chúng sinh cho đến không có kẻ biết kẻ thấy, an trú trong ấy kéo chúng sinh đưa đến trú trong tính cam lồ. Tính cam lồ là hết thảy pháp trợ đạo. Vì sao? Vì hành pháp ấy được đến Niết-bàn, Niết-bàn gọi là tính cam lồ. Trong tính cam lồ ấy các vọng tưởng chấp ngã v.v... không còn sinh trở lại. Bồ-tát tự mình được không dính mắc, cũng khiến chúng sinh được không dính mắc, ấy gọi là lợi ích chúng sinh bậc nhất.

Hỏi: Ở trên chỉ nói lợi ích chúng sinh nên hành đạo, đây cớ gì nói tự mình được không dính mắc và khiến chúng sinh được không dính mắc? Đáp: Vì bất đắc dĩ. Nếu tự mình không có trí tuệ thì làm sao làm lợi người? Thế nên trước phải tự mình được có trí tuệ không dính mắc rồi sau mới dạy người. Nếu công đức có thể đem cho người khác như của cải v.v.. thì chư Phật Bồ-tát đã đem công đức cho chúng sinh cho đến những người oán tặc như Đề-bà-đạt-đa v.v.. vậy sau mới tự mình tu tập công đức. Nhưng việc

ấy không thể làm được; không thể mình làm mà người khác được công đức. Đây cũng là nói theo thế tục đế, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa, vì trong đệ nhất nghĩa không có chúng sinh, không có một, không có khác, không có phân biệt các pháp tướng. Trong đây nói không có chỗ dính mắc.

Lại nữa, như trước đã nói, tướng không thể nói là đệ nhất nghĩa. Ở đây tướng có thể nói là thế tục.

Tu-bồ-đề hỏi: Phật ở đạo tràng được pháp là dùng thế đế mà được hay dùng đệ nhất nghĩa đế được? Ý Tu-bồ-đề là: Nếu dùng thế đế được thì hư dối không thật; nếu dùng đệ nhất nghĩa đế được thì trong đệ nhất nghĩa không có được, không có người được, nên không thể nói, không thể lãnh thọ?

Phật dạy: Vì theo ngôn ngữ thế tục nên nói Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong ấy không có người được, không có pháp được. Vì sao? Vì nếu người ấy được pháp ấy tức là có hai pháp, mà trong hai pháp thì không có đạo, không có quả! Hai pháp là Bồ-tát và được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hai pháp như vậy đều nói theo thế đế. Nếu là hai thì Phật pháp đâu được không hư dối? Nếu có người không được đệ nhất nghĩa mà chỉ do hai pháp phân biệt, thì đó là hư vọng. Chư Phật, Bồ-tát do được đệ nhất nghĩa nên vì độ chúng sinh mà khiến được đệ nhất, tuy phân biệt các pháp mà chẳng phải hư vọng.

Tu-bồ-đề hỏi: Nếu dùng pháp hai thì không có đạo, không có quả; nay dùng pháp không hai nên có đạo, có quả chăng?

Phật dạy: Pháp hai không có đạo không có quả; pháp không hai cũng không có đạo không có quả.

Hỏi: Chỗ khác nói, pháp hai là pháp phàm phu, pháp không hai là pháp Hiền Thánh, như phẩm pháp môn Vào không hai nói ở kinh Tỳ-ma-la-cật?

Đáp: Pháp không hai là pháp chân thật của bậc Thánh. Hoặc có Bồ-tát mới phát tâm chưa ngộ được thật tướng các pháp, nghe pháp không hai ấy liền thủ tướng sinh ra chấp trước, nên hoặc khen ngợi, hoặc chê bai pháp không hai.

Lại, Phật ngăn chặn hai bên mà nói trung đạo; nghĩa là chẳng phải hai, chẳng phải không hai. Pháp hai gọi là mỗi mỗi tướng sai khác, pháp không hai gọi là một tướng không. Vì một tướng không ấy phá mỗi mỗi tướng sai khác, phá xong lại bỏ luôn tướng không hai; ấy tức là đạo, là quả. Vì sao? Vì các Hiền Thánh tuy tán thán pháp không hai, song không chấp trước rằng dùng pháp ấy mà được đạo được quả, hay dùng pháp ấy không

có đạo không có quả, tức là hí luận; mà không hí luận là pháp bình đẳng.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Nếu các pháp không có tính sở hữu thì làm thế nào bình đẳng?

Phật dạy: Như lìa hữu tính và vô tính nên giả gọi là bình đẳng. Nếu Bồ-tát không nói hết thảy pháp có, không nói hết thảy pháp tính, không nói hết thảy pháp tướng, để chỉ bày cho chúng sinh; cũng không nói không có pháp, không có pháp tính, không có pháp tướng, để chỉ bày cho chúng sinh; cũng không nói lìa hai bên ấy lại có tướng bình đẳng. Đối với hết thảy chỗ không thủ tướng bình đẳng cũng không lo buồn nói rằng không có bình đẳng mà không ngại tu các pháp thiện; ấy gọi là các pháp bình đẳng.

Lại nữa, các pháp bình đẳng là vượt qua hết thảy pháp.

Hỏi: Trước đây mọi nơi đều nói các pháp tức là tướng bình đẳng, bình đẳng tức là thật tướng các pháp, tên khác mà nghĩa đồng; như sắc như như, chẳng phải sắc chẳng phải lìa sắc, nay cớ sao nói bình đẳng vượt qua hết thảy pháp?

Đáp: Hết thảy pháp có hai thứ: Một là thể của sắc pháp v.v..., hai là hành trong sắc pháp; Thánh nhân hành chân chánh, phàm phu hành tà vạy. Trong đây nói bình đẳng là nói vượt ra ngoài phàm phu chứ không nói ra ngoài sắc pháp v.v... Lại, bình đẳng không thể hành, không thể đến.

Bấy giờ Tu-bồ-đề kinh ngạc hỏi: Phật cũng không thể hành, không thể đến ư? Ý Tu-bồ-đề là pháp ấy tuy sâu xa, vi diệu, khó hành, song việc đó Phật có thể hành được?

Phật đáp: Từ Tu-đà-hoàn cho đến Phật đều không thể hành, không thể đến. Ý Phật là, ba đời mười phương Phật không thể hành, không thể đến, huống nữa là một đức Phật, vì tính bình đẳng tự nó như vậy!

Tu-bồ-đề hỏi: Phật có sức tự tại hành đối với hết thảy pháp và có trí tuệ không ngại, không chỗ nào không đến, cớ sao nói Phật không thể hành, không thể đến?

Phật đáp: Nếu Phật với bình đẳng khác nhau thì nên có vấn nạn cớ sao không thể hành, không thể đến. Nay phàm phu bình đẳng, Tu-đà-hoàn bình đẳng, Phật bình đẳng, đều là một bình đẳng, không hai, không phân biệt. Phàm phu cho đến Phật, tự tính Không thể hành trong tự tính, không thể đến trong tự tính, mà tự tính nên hành trong tha tính. Thế nên Phật nói: Nếu Phật với bình đẳng sai khác, thì Phật nên hành bình đẳng. Nhưng vì Phật tức là bình đẳng nên không hành, không đến chẳng phải vì trí tuệ ít.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Nếu bình đẳng, thì phàm phu cho đến Phật không thể được khác nhau, nên nay phàm phu và Thánh nhân không thể có

sai khác? Phật hứa khả câu của Tu-bồ-đề hỏi: Trong bình đẳng không có sai khác, mà vì theo thế đế nên đối với phàm phu có sai khác.

Tu-bồ-đề hỏi: Nếu phàm phu cho đến Phật không có sai khác, thì vì sao hiện có Tam bảo khác nhau ở giữa thế gian làm lợi ích cho chúng sinh?

Phật đáp: Bình đẳng tức là Pháp bảo; mà Pháp bảo tức là Phật bảo và Tăng bảo. Vì sao? Vì khi chưa được pháp bình đẳng thì không gọi là Phật; khi được pháp bình đẳng rồi nên gọi là Phật. Và vì được pháp bình đẳng ấy nên phân biệt có Tu-đà-hoàn v.v... sai khác.

Tu-bồ-đề lãnh thọ lời Phật dạy: Pháp ấy đều không hợp, không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ một tướng là vô tướng. Duy chỉ có Phật mới có lực đối với Không, Vô tướng mà phân biệt đây là phàm phu, đây là Thánh nhân.

Này Tu-bồ-đề! Nếu chư Phật không phân biệt có pháp ấy, thì làm sao biết địa ngục cho đến mười tám pháp không chung!

Hỏi: Như mặt trời mọc không thể làm cho chỗ cao thành thấp, chỗ thấp thành cao, mà chỉ có thể chiếu sáng vạn vật khiến người có mắt thấy biết. Chư Phật cũng như vậy, không thể chuyển tướng các pháp thế này ra thế khác, chỉ dùng Nhất thiết trí chiếu rõ, vì người diễn nói cho họ biết; cớ sao ông nói nếu không phân biệt các pháp thì làm sao biết có địa ngục cho đến mười tám pháp không chung? Như nay mắt hiện thấy có súc sinh v.v.. người đều biết rõ, cần gì Phật nói?

Đáp: Phật tuy không làm ra các việc xấu, tốt mà diễn nói việc tốt xấu để chỉ bày cho người. Song hiểu biết có hai: Một là người phàm phu hiểu biết một cách hư vọng; hai là hiểu biết một cách như thật. Tướng súc sinh v.v... là phàm phu hiểu biết hư vọng; Phật vì hiểu biết thật tướng nên nói Phật không phân biệt các pháp, cớ sao biết có địa ngục v.v...!

Lại nữa, pháp của chư Phật, tướng thường tịch diệt, không có hý luận. Trong đây nếu phân biệt có tướng địa ngục v.v... thì không gọi là tướng tịch diệt, không hai, không có hý luận. Nên biết, tuy Phật biết tướng tịch diệt, không hai, cũng có thể từ trong tướng tịch diệt phân biệt các pháp mà không rơi vào hý luận. Lìa thật tướng các pháp thì tuy mắt thấy súc sinh v.v.. cũng không thể như thật biết tướng đó. Như trâu, sừng, chân, đuôi, các phần ấy hòa hợp có tướng trâu sinh ra là một, các phần kia là nhiều. Trâu là một, một không thể làm nhiều, nhiều không thể làm một!

Có người nói: Nói vậy là sai, vì trừ các phần ra nên còn có trâu, có sức cử động, có thể thấy được. Các phần của trâu hòa hợp sinh ra, mà trâu không khác với các phần ấy. Vì sao? Vì thấy các phần ấy hợp lại gọi là thấy

trâu, chứ không thấy vật khác mà gọi là thấy trâu. Khác là phá một, một là phá khác, chẳng một chẳng khác là phá một, khác. Nếu không có một, khác thì làm sao có chẳng một, chẳng khác? Nếu vào trong các pháp bình đẳng thì bấy giờ mới như thật biết được các pháp, không nói hai đế, thì làm sao khéo nói tướng súc sinh v.v...? Nghĩa là đối với pháp bình đẳng bất động mà phân biệt các pháp.

Bất động là khi phân biệt các pháp không chấp trước tướng một, tướng khác.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Như Phật đối với các pháp bình đẳng bất động, Bích-chi Phật đối với các pháp bình đẳng cũng bất động. Vì sao? Vì tướng chư Phật bình đẳng cho đến tướng phàm phu cũng bình đẳng? Bạch đức Thế Tôn! Nếu như vậy thì Phật làm thế nào phân biệt các pháp: Sắc khác, tính sắc khác; tính thọ khác, cho đến tính hữu vi, vô vi khác; nếu không phân biệt các pháp khác, thì Bồ-tát khi hành Bát-nhã, không được từ một địa đến một địa, cho đến làm nghiêm tịnh cõi Phật?

Phật dạy: Ý ông nghĩ sao, suy tìm tướng sắc là không chăng?

Bạch đức Thế Tôn! Thật không.

Trong không có pháp khác chăng?

Thưa không. Vì sao? Vì rốt ráo không. Vì trí tuệ vô tướng có thể hiểu được thì trong ấy làm sao có tướng khác?

Này Tu-bồ-đề! Nếu trong không, không có tướng khác, không là thật thì ông vì sao đối với không, phân biệt tướng các pháp mà vấn nạn? Trong rốt ráo không, không cũng không thể có được, mỗi mỗi tướng cũng không thể có được, cớ sao ông đem các không mỗi mỗi tướng mà vấn nạn? Do nhân duyên ấy, nên biết, trong các pháp bình đẳng vì không có phân biệt nên không có người phàm phu, chỉ vì người phàm phu không phải là thật tướng, cũng không lìa thật tướng, mà thật tướng phàm phu tức là tướng Thánh nhân. Thế nên nói không chỉ phàm phu không lìa phàm phu, cho đến Phật cũng như vậy.

Tu-bồ-đề vì tướng bình đẳng mà có lợi ích lớn nên muốn biết tướng nhất định của bình đẳng mà hỏi Phật: Tướng bình đẳng ấy là hữu vi hay vô vi?

Phật dạy: Chẳng phải hữu vi, cũng chẳng phải vô vi. Vì sao? Vì nếu là hữu vi thì đều là pháp tạo tác hư vọng; nếu là vô vi thì pháp vô vi không có sinh, trụ, diệt, cho nên không có pháp! Vì không có pháp nên không được gọi là vô vi, mà nhân hữu vi nên có vô vi! Như trong Kinh đây nói: Lìa hữu vi, thì vô vi không thể có được, như lìa dài không có ngắn; đó là

nghĩa đối đãi.

Hỏi: Pháp hữu vi là vô thường, pháp vô vi là thường, cớ sao nói lìa hữu vi thì vô vi không thể có được?

Đáp: Vì pháp vô vi không có phân biệt nên không có tướng. Nếu nói tướng thường thì không được nói là không có tướng! Phá pháp hữu vi nên gọi là vô vi, chứ không phải là có pháp vô vi riêng biệt. Như người bị nhốt trong lao ngục nên đục vách thoát ra. Chỗ vách đục trống là trống không, chứ không có trống không nào khác. Chỗ trống không ấy cũng chẳng từ nhân duyên mà sinh; pháp vô vi cũng như vậy. Trong pháp hữu vi trước có tính hữu vi, mà phá hữu vi tức là vô vi! Thế nên nói, lìa hữu vi thì vô vi không thể có được. Tính hữu vi, vô vi ấy đều không hợp, không tán, chỉ một tướng tức là vô tướng. Phật theo nghĩa thế đế nên nói việc ấy, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa. Vì sao? Vì Phật tự nói nhân duyên: Trong đệ nhất nghĩa không có thân hành, miệng hành, ý hành. Pháp hữu vi, vô vi bình đẳng ấy, cũng không chấp trước tướng một, nên Bồ-tát đối với đệ nhất nghĩa bất động mà làm lợi ích chúng sinh, vì sức phương tiện nên dùng mỗi mỗi nhân duyên vì chúng sinh thuyết pháp.

**